

ẤN BẢN LẦN THỨ HAI

# ĐẠO ĐỨC CƠ ĐỐC

ROBERTSON McQUILKIN

Dịch Giả: Ban Dịch Thuật Bless Vietnam Initiative (20120

PHIÊN BẢN HIỆU CHÍNH VÀ CẬP NHẬT

LỜI TRI ÂN

ROBERTSON McQUILKIN  
CHỦ TỊCH TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ EMERITUS COLUMBIA

*Đến*

MURIEL

*người mà trong những lời*

*của quyển sách này đã trở nên thực tế quý giá đến lợi ích đời đời của tôi*

# NỘI DUNG

Giới thiệu / 1

## **Phần I:**

### **Những sự xem xét nền tảng**

#### CHƯƠNG 1

##### TÌNH YÊU THƯƠNG/ 10

*Định nghĩa Kinh Thánh về tình yêu...*

*Những đối tượng sự yêu thương theo Kinh Thánh...*

*Xung đột của các loại tình yêu...*

*Tâm quan trọng của sự yêu thương*

#### CHƯƠNG 2

##### LUẬT PHÁP/ 35

*Định nghĩa về luật pháp...*

*Mục đích của luật pháp...*

*Nguồn của sự hiểu biết luật pháp...*

*Chủ nghĩa luật pháp...*

*Luật pháp và ân điển...*

*Luật pháp và đức tin...*

*Luật pháp và tình yêu*

#### CHƯƠNG 3

##### TỘI LỖI/ 74

*Định nghĩa tội lỗi...*

*Căn nguyên của tội lỗi...*

*Hậu quả của tội lỗi...*

*Một tội gốc rễ?*

*Sự đa dạng của tội lỗi*

#### CHƯƠNG 4

##### NHỮNG TỘI CĂN NGUYÊN VÀ ĐỨC HẠNH/ 93

*Mê tham và sự tự chủ...*

*Sự tham lam và sự thỏa lòng...*

*Sự kiêu ngạo và sự khiêm nhường...*

*Sự sợ hãi và quả cảm*

## CHƯƠNG 5

### ĐẠO ĐỨC VÀ HOÀN CẢNH/ 130

*Định nghĩa và gốc rễ lịch sử...*

*Những khía cạnh tích cực...*

*Sai lầm của đạo đức học hoàn cảnh...*

*Những đòi hỏi đạo đức đối lập*

## PHẦN II

### **Áp dụng Kinh Thánh vào cuộc sống**

## CHƯƠNG 6

### ĐỨC CHÚA TRỜI TRÊN HẾT/ 150

*Có các thần khác...*

*Làm nên và thờ những hình tượng...*

*Lạm dụng danh Chúa...*

*Giữ Ngày Nghỉ Thánh*

## CHƯƠNG 7

### GIỚI TÍNH, HÔN NHÂN, VÀ GIA ĐÌNH/ 174

*Những xem xét cơ bản về vấn đề tình dục...*

*Mục đích của hôn nhân...*

*Bàn thêm ngoài lề: Ba yếu tố của mục đích trọn vẹn...*

*Những vi phạm mục đích của Đức Chúa Trời trong vòng hôn nhân*

## CHƯƠNG 8

### NHỮNG VẤN ĐỀ TRONG CUỘC SỐNG/ 281

*Những hình thức giết người...*

*Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc...*

*Sự phá thai và tục giết trẻ sơ sinh...*

*Tự tử và an tử...*

*Chiến tranh...*

*Tội phạm và hình phạt...*

*Đạo đức y học...*

*Những vấn đề linh tinh khác trong cuộc sống*

## CHƯƠNG 9

SỰ LIÊM CHÍNH: TÀI SẢN VÀ SỰ THẬT/ 367

*Người lao động và người quản lý...*

*Làm việc và sự nhàn rỗi...*

*Hệ thống kinh tế...*

*Sự liêm chính cá nhân...*

*Trách nhiệm xã hội...*

*Trộm cướp phi tài sản...*

*Sự thật và sự lừa dối*

## CHƯƠNG 10

CƠ ĐỐC NHÂN VÀ XÃ HỘI/ 432

*Hội thánh và nhà nước...*

*Vai trò của chính quyền...*

*Sự chống đối chính phủ...*

*Trường học...*

*Các phương tiện thông tin đại chúng*

## CHƯƠNG 11

NHỮNG SỰ LỰA CHỌN CÓ THỂ SAI LẦM/ 494

*Những câu hỏi đạo đức mà các Cơ Đốc nhân có câu trả lời khác nhau...*

*Nhận biết ý muốn của Đức Chúa Trời trong những vấn đề không được mặc khải trong Kinh Thánh*

## Lời mở đầu

Đạo đức có thể được xem là một hệ thống những giá trị và trách nhiệm về luân lý. Đạo đức có liên quan đến phẩm tính lý tưởng của con người, những hành động và những giới hạn. Điều gì con người phải làm hoặc không nên làm? Thái độ và cung cách cư xử nào được xem là tốt? Và tại sao chúng được đánh giá là tốt? Đây là điều tốt nhất, là “giới hạn của con người,” là mục đích sự tồn tại của con người? Đây là những câu hỏi mà lãnh vực nghiên cứu về đạo đức đang tìm kiếm câu trả lời.

Có rất nhiều lối tiếp cận để tìm ra câu trả lời cho những câu hỏi này, nhưng cách tiếp cận của sách này là dựa vào lời Kinh Thánh và xem xét tất cả bản văn nhằm bàn luận về mỗi câu hỏi liên quan đến đạo đức. Chúng tôi chọn lựa cách tiếp cận này bởi sự tin quyết rằng Kinh Thánh là sự mạc khải bởi Đức Chúa Trời về ý muốn của Ngài về lối đối nhân xử thế của con người, cũng như vì tin rằng đây là lối tiếp cận hoàn toàn đáng tin cậy. Mặc dù chúng tôi có thể sử dụng những nguồn khác để hỗ trợ nhằm hiểu biết và áp dụng lẽ thật Kinh Thánh, nhưng chúng tôi vẫn xem Kinh Thánh là thẩm quyền tối thượng. Chúng tôi sẽ tìm kiếm việc áp dụng nguyên tắc Kinh Thánh cũng như những mạng lệnh trực tiếp, chúng tôi sẽ nỗ lực chỉ đi xa trong phạm vi chính Kinh Thánh nói đến và giữ nguyên sự nhấn mạnh của chính Kinh Thánh. Vậy nên chúng tôi coi xét sự nghiên cứu của chúng tôi *Đạo Đức Theo Kinh Thánh*.

“Lời Giới Thiệu,” như là một phần của đề tài này, ngụ ý rằng sự nghiên cứu bất cứ vấn đề đạo đức được đưa ra sẽ không bàn hết mọi khía cạnh. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ nỗ lực để hiểu thấu đáo qua hai cách. Trước nhất, chúng tôi sẽ ghi chú chính xác tất cả những yếu tố chính yếu ngõ hầu học viên có thể mở rộng sự hiểu biết của mình qua việc nghiên cứu thêm với tin quyết rằng nền tảng giới thiệu của mình là đáng tin cậy. Nguồn tham khảo chọn lọc và chú thích được đề xuất với những vấn đề chính yếu. Thứ hai, chúng tôi sẽ cố gắng khảo sát tất cả những vấn đề đạo đức thiết yếu, cổ điển và hiện đại, cá nhân và xã hội. Dù một số người tách rời đạo đức cá nhân với đạo đức xã hội, chúng tôi sẽ tìm kiếm nhằm kết hợp chúng trong sự tin quyết rằng một số vấn đề mang cá nhân và những vấn đề xã hội đó sẽ chỉ được giải quyết bởi những cá thể hành động có trách nhiệm.

Trước khi giải thích phương pháp luận của chúng tôi. Có thể cần thiết phải dừng lại và lý giải thế nào đạo đức liên hệ với những phạm trù khác—triết học, tâm lý học, xã hội học, khoa học chính trị, và tôn giáo- và những cách tiếp cận chính yếu với đạo đức được đã được biết đến.

Một khi triết học tìm kiếm ý nghĩa của mọi thứ, theo truyền thống thì đạo đức học được xem là một phần của triết học. Thế thì, Đạo đức Cơ đốc sẽ được là một phần của triết học Cơ đốc, mà chúng ta gọi thần học hệ thống.

Khi một vấn đề đạo đức mới nảy sinh trong xã hội, chẳng hạn như can thiệp vào những người mắc bệnh nan y bằng cái chết nhẹ nhàng hay đồng tính luyến ái, những phóng viên nhật báo thường xuyên bàn luận với một giáo sư địa phương về *tâm lý học*. Điều này có vẻ ý nghĩa hơn- nếu không được thế - thì bàn luận với người phục vụ pha chế địa phương. Tâm lý học mang tính miêu tả và chỉ có thể cho chúng ta biết những gì một người trung bình làm và kết quả thế nào nếu xét theo mức trung bình, với độ chính xác lớn hơn hay nhỏ hơn. Nó thiếu thẩm quyền để nói cách cư xử cần có của con người là gì. Mà khi thiếu thẩm quyền, và khi nó đi đến kết luận thiếu dứt khoát, rõ ràng tâm lý học chỉ mang tính tương đối luận trong cách tiếp cận. Tuy nhiên, nhiều nhà tâm lý học áp đặt tính tương đối bên ngoài lĩnh vực phạm vi về đạo đức và khước từ tất cả những quy phạm. Chẳng hạn, tâm lý học có thể giúp chúng ta hiểu nguyên nhân tạo ra xung đột, nhưng chúng ta hoặc có thể dùng những thông tin này để tạo nên xung đột hoặc làm dịu sự xung đột xuống sẽ tùy thuộc vào giá trị của chúng ta. Vấn đề mang tính dữ kiện lịch sử quan trọng, một số người đã sử dụng sự hiểu biết tâm lý để tạo ra xung đột. Và đây chính là vấn đề đạo đức, chứ không phải là vấn đề tâm lý. Tâm lý giúp con người hiểu tại sao con người làm những gì họ làm và cách họ có thể thay đổi, và đạo đức học cho họ biết điều gì họ cần phải làm.

Những lãnh vực khoa học hành vi khác, chẳng hạn như xã hội học và nhân loại học văn hóa, có sự tương đồng với tâm lý học. Nếu những môn học này kết hợp với khoa học miêu tả và cho chúng ta biết chức năng của xã hội và văn hóa có thể có hệ quả nào từ lối cư xử đặc biệt hay những sự định đoạn xã hội, thì những môn học này rất hữu dụng cho các chính trị gia và những công dân bình thường trong việc hiểu biết chính họ và cách họ có thể chứng tỏ sự thành công hơn trong việc thay đổi nhanh cách thi hành. Các lãnh vực khoa học này đã càng trở nên những quy tắc hơn, áp đặt tính tương đối về đạo đức (văn hóa) hay gần đây nhất, một số giá trị nhân văn học. Đương nhiên, nhà khoa học hành vi có quyền để lựa chọn và bào chữa những giá trị chính mình. Nhưng họ thiếu nguồn có thẩm quyền từ sự kỷ luật của mình để bàn về những vấn đề đạo đức.

Nói một cách khác, khoa học chính trị, nên kết hợp nhiều môn học, bao gồm những hiểu biết về khoa học hành vi và trên hết là đạo đức. Thế giới khổ đau vì nhiều chính trị gia đã lựa chọn những mục tiêu – và phương cách thực dụng để đạt đến những mục tiêu này mà không chịu sự kiểm soát mang tính đạo đức. Trên hết, người lãnh đạo nên là chuyên gia trong lãnh vực đạo đức. Câu hỏi đầu tiên nên được hỏi, tôi có quyền gì và không có quyền gì? Điều

tôi quan tâm nhất và không quan tâm nhất là gì? Hoặc những áp lực hiện tại từ cử tri của tôi là gì? Hoặc điều gì khả thi? Phương cách thực dụng là phạm vi ảnh hưởng thích đáng của chính trị gia, và khoa học hành vi sẽ chắc chắn giúp họ trả lời những câu hỏi về cách tốt nhất đạt được mục tiêu đặt ra. Nhưng sự kiểm soát để lựa chọn mục tiêu nào đạt đến phải hợp với luân lý đạo đức.

Cuối cùng, Cách đạo đức liên hệ thế nào với tôn giáo? Điều này có thể tùy thuộc vào định nghĩa của chúng ta về tôn giáo? Phải chăng tôn giáo bàn về vấn đề siêu nhiên, niềm tin và phục vụ một thần nào đó? Nếu vậy, đạo Khổng Tử cổ điển khó có thể được xem là một tôn giáo mà đúng hơn chỉ là một hệ thống đạo đức. Nói một cách khác, liệu đạo đức có phải là một phần thiết yếu của tôn giáo? Nếu vậy, đạo Thần Nhật Bản sẽ không đạt chuẩn, khi mà đạo thần là kiểu phi luân lý về lễ nghi. Các học giả và nhà làm luật thường thoái thác khi định nghĩa về tôn giáo. Nhưng với con người bình thường, tôn giáo phải là sự quan tâm đầu tiên với những phẩm cách đạo đức, với việc thiết lập quy tắc cư xử. Nếu nhận thức trực quan chung này là đúng, thì tôn giáo cũng phải bàn về những vấn đề đạo đức dù tôn giáo bao gồm về triết lý, lễ nghi và những yếu tố khác. Hầu hết mọi người, ít nhất, xem tôn giáo của chính mình mang tính đạo đức cao, có uy quyền trả lời những câu hỏi nền tảng về con người phải thế nào, làm gì và tại sao con người tồn tại. Nếu có bất cứ nền tảng chung nào giữa các tôn giáo, thì đó chính là lĩnh vực đạo đức.

Chúng ta sẽ không phân tích những hệ thống đạo đức chính yếu, nhưng sẽ đưa ra một tổng quan nhằm giúp người nào muốn nhận biết cách tiếp cận của chúng tôi trong sự liên hệ với các hệ thống khác. Về mặt truyền thống, đạo đức đã được chia thành đạo đức tự nhiên và trừu tượng.

Đạo đức tự nhiên, loại trừ bất cứ lãnh vực tâm linh hay tính ngưỡng, đã được phân chia thành hướng nhân học và hướng vị kỷ học (chủ nghĩa cá nhân). Đạo đức nhân văn có niềm tin vào giá trị tối cao và khả năng tự hoàn thiện tính cách con người, đạo đức tốt là tìm kiếm sự hưng thịnh của loài người. Một số nhà nhân văn học có những tập hợp các chuẩn mực đạo đức do chính họ tạo nên, nhưng trong khi người khác khước từ bất cứ chuẩn mực thuần túy về tư cách đạo đức con người. Một hướng khác mang tính tự nhiên về đạo đức, hướng vị kỷ học hay đạo đức cá nhân, không suy nghĩ theo tất cả nhân loại và sự hưng thịnh của nhân loại, nhưng dựa trên những quyết định mang tính đạo đức về lợi ích cá nhân. Đạo đức cá nhân của người Hy-lạp lịch sử phân chia thành triết học khắc kỷ và chủ nghĩa khoái lạc. Chủ nghĩa khắc kỷ sẵn sàng tuân phục với những luật lệ tự nhiên và tất cả sự kiện, ngược lại chủ nghĩa khoái lạc xem lạc thú là độc hữu hay lợi ích chính yếu trong đời sống. Bản phận đạo đức được hoàn tất bởi sự vừa lòng.



Đạo đức trừu tượng thường được phân chia giữa một bên là người theo duy tâm triết học như Immanuel Kant, William James và Ralph Waldo Emerson, và bên khác là những nhà đạo đức thần học. Cả hai quả quyết tính ưu việt lãnh vực tâm linh hay siêu phàm chống lại khuynh hướng vật chất và kinh nghiệm trong việc hòa giải những vấn đề đạo đức. Hệ thống đạo đức của hầu hết các tôn giáo được gọi là “đạo đức thần học.”

Có nhiều cách tiếp cận trong lĩnh vực cụ thể là đạo đức thần học Cơ đốc, nhưng để bày tỏ luận điểm của chính chúng tôi, chúng tôi sẽ mạo hiểm đơn giản hóa nó qua việc gom tóm lại thành hai loại: người chống đạo lý (nghĩa gốc là “chống lại luật lệ”) và người theo chính thể chuyên chế.

Những ai chống lại luật lệ, họ làm như vậy nhằm thay đổi lẽ phải và ở những mức độ khác nhau. Chẳng hạn, đạo đức hoàn cảnh là của những người chống đạo lý, trong một nghĩa nào đó họ khước từ tất cả các luật lệ ngoại trừ luật về tình yêu. Nhiều người theo đạo đức tự do và các hệ phái Tin Lành cánh tả đã chịu tác động rất nhiều bởi lối phê bình Kinh Thánh triệt để và về sau, tác động bởi những giả thuyết khoa học hành vi rằng thẩm quyền Kinh Thánh không còn chế ngự tư tưởng đạo đức. Một số đã khước từ tất cả thẩm quyền đạo đức trong Lời Kinh Thánh, dùng Kinh Thánh như là nhật ký ghi lại những kinh nghiệm tôn giáo thời trước. Không chỉ thế, trong khi những người khác lựa chọn việc công nhận một số những chuẩn mực Kinh Thánh như là quy chuẩn chung. Cả hai có khuynh hướng theo hướng “tuyệt đối” hay chính xác hơn nữa, thuyết tương đối “tương quan”.

Cuối cùng, có những người theo lối bảo thủ thiên mệnh lại khước từ tất cả các luật lệ xem là đòi hỏi cho tín hữu Cơ đốc. Hình thức cực đoan về thiên mệnh được tuân giữ bởi một số ít và rất ít những luật sư bào chữa – dù về nguyên tắc công nhận thẩm quyền lời Kinh Thánh- chính xác được xem là người chống đạo lý bởi vì, thích ủng hộ “ân điển tuyệt đối,” họ khước từ tất cả các luật lệ và xem tiêu chuẩn Kinh Thánh chỉ là giáo huấn hữu dụng, chứ không trói buộc lương tâm.

Giữa vòng những người theo chủ nghĩa chuyên chế có những *người theo chủ nghĩa chuyên chế đối lập* và *người theo chủ nghĩa chuyên chế phi đối lập*. Cả hai tán thành rằng luật lệ chung của Kinh Thánh là tuyệt đối mà mọi người trong mọi thời đại phải vâng phục. Vấn đề là có những hoàn cảnh mà dường như một người phải vi phạm luật này để tuân giữ luật lệ khác. Chẳng hạn như, một đứa con được cha và mẹ cùng đưa ra đòi hỏi trái ngược nhau. Vậy thì đứa con này sẽ vâng theo ai? Người theo chủ nghĩa chuyên chế đối lập sẽ nói rằng những tình huống như vậy nói về sự lựa chọn luân lý bi kịch, và những tín hữu trung tín phải lựa chọn điều gì ít tội lỗi hơn và cầu xin Đức Chúa Trời tha thứ cho tội lỗi mình. Mặt khác, người theo chủ nghĩa chuyên chế phi đối lập nói rằng không hề có sự xung khắc

trong ý định của Đức Chúa Trời và có thể dường như có sự lựa chọn giữa hai điều sai trật, nhưng khi hiểu rõ ràng quan điểm Kinh Thánh thì đó không phải là sự chọn lựa. Sự lựa chọn chỉ có thể là giữa điều đúng và sai, và tín hữu có quyền để lựa chọn điều nào mà trong những hoàn cảnh khác có thể là sai trật. Chẳng hạn, các môn đồ, trong việc lựa chọn thà vâng lời Đức Chúa Trời còn hơn là vâng lời người ta (Công vụ 5), họ đã không lựa chọn điều ác, nhưng lựa chọn làm vừa lòng Đức Chúa Trời.

Dù rằng chúng ta sẽ giữ vững khuôn mẫu Kinh Thánh về chủ nghĩa hiện thực thực tiễn hơn là tranh luận những giả thuyết đạo đức khác mang tính phi thực tế, điều này có thể chúng tôi tín hữu dụng để nói từ đầu quan điểm của bài viết này. Cách tiếp cận của chúng tôi đó là những chuẩn mực Kinh Thánh phổ quát là tuyệt đối và những chuẩn mực tuyệt đối này phải được hiểu rõ ràng rằng sẽ không có sự xung khắc lẫn nhau. Vậy nên, chính thức tuyên bố, luận điểm của sách này là theo chủ nghĩa chuyên chính phi đối lập, tiên nghiệm, đạo đức thần học. Dù chúng tôi sẽ không phân tích hệ thống thần học khác nhau, thì luận điểm của chúng tôi sẽ được trình bày khi sự khác biệt trong quan điểm dẫn đến xung khắc trong việc quyết định một vấn đề đạo đức.

Chúng tôi sẽ lấy Kinh Thánh làm nền tảng tìm kiếm chuẩn mực hơn là áp đặt một hệ thống suy luận hợp lý về đạo đức dựa vào dữ kiện Kinh Thánh. Vậy chúng ta sẽ bắt đầu với những gì Lời Kinh Thánh soi sáng như là nền tảng của tất cả đạo đức: tình yêu thương. Kế đến chúng tôi sẽ phân tích những tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời cho lối cư xử của con người - luật lệ - và sau đó là những chủ đề chính của Kinh Thánh giải quyết rất chi tiết về sự vi phạm các luật lệ - tội lỗi. Sau khi chúng tôi thiết lập những tín lý Kinh Thánh nền tảng, chúng tôi sẽ dừng lại để xem xét sự lựa chọn đương đại phổ biến nhất – đạo đức hoàn cảnh. Sau đó, phần chính yếu của bài viết này sẽ dành để nghiên cứu những chuẩn mực đạo đức cụ thể của Kinh Thánh trong phạm trù – Mười Điều Răn. Kế đến sẽ xem xét về ba vấn đề mà không dễ phù hợp trong Mười Điều Răn: Cơ đốc nhân và xã hội, một cách tiếp cận để luận giải những vấn đề đạo đức mà có sự khác nhau giữa các Cơ đốc nhân, và tìm ra ý muốn của Đức Chúa Trời trong những vấn đề phi đạo đức.

Nền tảng căn bản trong việc giải nghĩa Kinh Thánh là duy chỉ Kinh Thánh là thẩm quyền tối thượng về những vấn đề đạo đức và chính mỗi sự dạy dỗ về đạo đức của Kinh Thánh là chuẩn mực cho chúng ta trừ phi chính Kinh Thánh giới hạn đối tượng khán giả so với đối tượng khác, hay chính Kinh Thánh giảm bớt sự dạy dỗ. Điều này có nghĩa, trong một số điều lập luận được tán thành ở đây, so với những quan điểm của Tin Lành đương đại, nó sẽ giảm bớt tính khắt khe hơn song trong những quan điểm khác, nó sẽ càng khắt khe hơn. Những

hình thức văn hóa cổ đại sẽ được dùng nhằm làm rõ ý nghĩa của trước giả Kinh Thánh nhưng sẽ không dùng nhằm thay đổi hay giảm bớt sự dạy dỗ. Những phân đoạn mang tính lịch sử có thể được dùng nhằm nhấn mạnh sự dạy dỗ của Kinh Thánh, nhưng kỹ thuật về sự kiện mà không có sự phê bình Kinh Thánh mang yếu tố đạo đức mà sự kiện đó sẽ không dùng nhằm thiết lập những tiêu chuẩn cho việc cư xử. Trường hợp ngoại lệ đối với nguyên tắc chung của việc luận giải các phân đoạn mang tính lịch sử là đó là bất cứ hành động nào biểu trưng về thuộc tính Đức Chúa Trời hay Đức Chúa Con đều được xem như là bằng chứng có thẩm quyền và hành động đó mang tính đạo đức. Tôi đã bàn luận chi tiết những điều này và những nguyên tắc khác về sự giải nghĩa được dùng trong sự nghiên cứu của chúng tôi về đạo đức trong bản văn *Hiểu biết và áp dụng Kinh Thánh* (Chicago, Moody Press, rev.ed., 1992). Tôi đã ủng hộ cách chi tiết hơn những sự phỏng đoán trước mang tính cốt yếu hơn liên hệ đến việc dùng văn hóa để giải nghĩa một số bài viết: “Những giới hạn của giải nghĩa văn hóa” (Journal of the Evangelical Theological Society, June 1980); Những vấn đề về quy chuẩn trong Kinh Thánh: Tính Văn hóa chống lại tính vĩnh cửu (Chương 4 trong Hermeneutics, Inerrancy and the Bible [Grand Rapids: Zondervan, 1984]).

Nhằm làm nổi bật giá trị của cách lý giải trong phần giới thiệu này, dành cho những ai mong muốn tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, một bản danh sách tham khảo được lựa chọn (và thi thoảng được chú giải) được đưa ra nằm ở cuối của mỗi chương, về toàn bộ chủ đề đạo đức Kinh Thánh ở cuối của sách này. Chúng tôi không đề cập đến tài liệu xuất bản định kỳ, nhưng bất cứ sự nghiên cứu quan trọng nào về một chủ đề, đặc biệt những chủ đề đang tranh luận, không thể không quan tâm đến nguồn rất thiết yếu về sự đóng góp đó.

Kết luận, ở những phần sách tham khảo không nói hết quan điểm về mọi điều mà sách bàn đến. Dù không hạn chế, những vấn đề ưu tiên những sách giải quyết với những bản văn Kinh Thánh, mang quan điểm Tin Lành, và đó là điều rất thời sự và dễ tiếp cận đối với độc giả nói chung.

Những phần sách tham khảo tái bản và mở rộng trong cuốn sách tái bản này là công sức của người đồng nghiệp tôi, Bradford Mullen, giáo sư thần học và đạo đức tại Trường Kinh Thánh Columbia, phân khoa của Đại Học Quốc Tế Columbia. Những nghiên cứu về học vị tiến sĩ của ông được hoàn tất tại Đại Học Boston. Tiến Sĩ Mullen cũng đóng góp rất nhiều trong việc chỉnh sửa cho lần tái bản này.

Những sự nghiên cứu nào quan trọng hơn đối với Cơ đốc nhân cho bằng ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho đời sống của mình? Giờ đây chúng ta cùng bước vào phần nghiên cứu thú vị về tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời trong lối cư xử Cơ đốc giáo. Phần nghiên cứu này sẽ không nói đến cách chúng ta phải vâng giữ những chuẩn mực như thế nào, chúng ta

tăng trưởng trong việc giống Đấng Christ ra làm sao. Đó là một chủ đề khác, tín lý về sự nên thánh. Đạo đức học không trả lời những câu hỏi về cách nào. Nhưng trước khi bàn đến cách Cơ đốc nhân am hiểu về đạo đức Kinh Thánh và hay mục tiêu dành cho Cơ đốc nhân là gì, thì đó hoàn toàn là ảnh tượng của Đức Chúa Trời được khôi phục lại. Giờ chúng ta hãy xem xét cẩn thận khuôn mẫu con người nào nằm trong suy xét và cách cư xử của chúng ta khi chúng ta càng ngày càng trở giống Chúa.

# **PHẦN 1**

## **NHỮNG XEM XÉT NỀN TẢNG**



## CHƯƠNG 1 TÌNH YÊU THƯƠNG

Những thi sĩ, những người đang yêu – và một số nhà thần học cho chúng biết rằng tình yêu thương là điều vĩ đại nhất. Nhưng yêu là gì? Ngôn ngữ loài người dường như không thể nào nắm bắt được niềm say mê mà họ cho là đốt cháy sự tưởng tượng, vượt xa những ngôn từ, một chuẩn mực làm ray rứt lương tâm vượt quá sự chịu đựng. Tình yêu thật quá khó để định nghĩa đến nỗi những diễn nghĩa của Kinh Thánh về tình yêu không thể tìm thấy trong từ vựng của bất ngôn ngữ nào thậm chí với tiếng Hy-lạp cổ đại, tình yêu được dùng để truyền thông sự mặc khải của Đức Chúa Trời về lẽ thật.

Hy-lạp cổ đại có bốn từ khác nhau nói về tình yêu, nhưng thậm chí kết hợp những từ đó lại, chúng ta cũng không thể phô bày được ý nghĩa về tình yêu theo Kinh Thánh. Những học giả Do thái dịch Kinh Thánh Cựu Ước bằng tiếng Hê-bơ-rơ sang tiếng Hy-lạp (Bản dịch được biết đến đó là Bản Bảy Mươi-Septuagint) đã dùng từ *agape* để diễn đạt từ “yêu” trong Hy văn, *ahab*, có lẽ vì từ này có yếu tố lý trí hay “lựa chọn” mà từ khác trong Hy văn không có được. Nhưng *agape* là một khái niệm lạnh nhạt, lý trí của những mối liên hệ, ít dùng trong Hy văn kinh điển. Chính Kinh Thánh làm cho ý nghĩa trở nên sâu sắc hơn.

Tiếng Anh cũng có vấn đề về nghĩa của từ này. Những dịch giả của bản dịch Kinh Thánh King James loại bỏ từ đơn giản trong tiếng Anglo-saxon là từ *love* (*yêu*) và chọn từ dựa theo ngôn ngữ Latin *charity* (*lòng khoan dung*.) Và hãy xem điều gì diễn ra với từ này! Thậm chí sau hàng thế kỷ ảnh hưởng bởi việc sử dụng rộng rãi của Kinh Thánh, thì Tiếng Anh của chúng ta vẫn không thỏa đáng:

“Tôi yêu xúc xích nóng kẹp bánh mì.”(I love hot dogs and milkshakes)

“Yêu em, thì hãy yêu con chó của em”.( Love me, love my dog)

“Tình yêu rớm máu”.( Raw love)

“John yêu Mary.” (Jonh loves Mary)

“Vi Đức Chúa Trời yêu thương thế gian.” (For God so loved the world)

Cho dù giữa Kpelle của Liberia hay Siriono, chôn giấu trong những khu rừng rậm của Amazon, những dịch giả đã phải nỗ lực hết sức làm sao dịch chữ *agape*. Có lẽ ý nghĩa Kinh Thánh về tình yêu quá khó để diễn tả bởi vì từ này thật không thể bày tỏ qua lối sống và vì vậy không bao giờ có tên gọi chính xác. Khi những dịch giả tìm từ ngữ trong tiếng Siriono “Hỡi kẻ rất yêu dấu, nếu Đức Chúa Trời đã yêu chúng ta dường ấy, thì chúng ta cũng phải yêu nhau.” (I Giăng 4:11). Những dịch giả đã phát hiện gốc rễ của vấn đề phổ biến của loài người.

Echobe, người cung cấp thông tin là cơ đốc nhân đã nói “Tiếng Siriono sẽ không bao giờ nói như thế.”

“Không thể được, tự chính bạn không thể yêu được. Nhưng Đức Chúa Trời là Đấng thôi thúc chúng ta yêu nhau.”

Echoble trả lời, “Chúng tôi người Siriono nói , ‘đó là cách thể hiện của chúng tôi’, cứ tiếp tục quấy rầy, tranh chiến và phốt lờ lời Đức Chúa Trời. Thậm chí giá như Đức Chúa Trời vừa giúp chúng tôi, thì cũng không chắc rằng chúng tôi sẽ yêu nhau.” Nên không mấy ngạc nhiên khi từ này không có trong mọi ngôn ngữ.

Tuy nhiên , ý muốn của Đức Chúa Trời để con người hớn đến để trở nên và cần làm cho nhau nằm ở tại mạng lệnh. “Các người hãy yêu nhau.” Vậy Đức Chúa Trời mong đợi điều gì ở chúng ta?

## **ĐỊNH NGHĨA KINH THÁNH VỀ TÌNH YÊU?**

Có cả yếu tố nội tại và ngoại tại trong khái niệm Kinh Thánh về *tình yêu*. *Tình yêu* là một danh từ mà có thể ngụ ý về một loại cảm xúc đặc biệt, nhưng đồng thời là động từ nhấn mạnh đến cung cách chúng ta nên cư xử thế nào. Khía cạnh nội tại tập chú vào tình cảm, tính tình, động cơ. Mặt ngoại tại thì tập chú vào ý muốn, sự lựa chọn, hành động và lối sống.

### **MẶT NỘI TẠI CỦA TÌNH YÊU**

Trong Cựu Ước, tình yêu nói đến một cảm xúc tự phát thúc đẩy tính quên mình (hy sinh).<sup>1</sup> Điều này đúng cả về Đức Chúa Trời và con người. Khi một người “yêu” Đức Chúa Trời, có nghĩa là có sự vui thích nơi Đức Chúa Trời, sốt sắng cố gắng theo Ngài, tìm kiếm Đức Chúa Trời vì có danh Ngài. Từ phương diện của Đức Chúa Trời, cảm xúc nồng nhiệt và mạnh mẽ về cảm giác yêu mến tỏ bày một mối liên hệ cha-con lành mạnh được xem như là một bức tranh về cách Đức Chúa Trời là Đức Chúa Cha liên hệ với dân Y-sơ-ra-ên là con của Ngài. Tình yêu là nền tảng trong mối quan hệ giao ước đó. Nếu khía cạnh hợp pháp, giao ước về mối quan hệ này bền vững, hình ảnh cha-con, thì sự ân cần yêu thương tha thiết về một cuộc hôn nhân bền vững trong hình ảnh Đức Chúa Trời- người chồng và dân Y-sơ-ra-ên- người vợ. Sự mặc khải đỉnh điểm về mối quan hệ yêu thương được tìm thấy trong cuộc đời của tiên tri Ô-suê và người vợ tà dâm được yêu thương hết mực. Cũng một hình ảnh về cha-con, nàng dâu-chàng rể được tiếp diễn trong Tân ước, tập chú đến sự yêu mến và giao kết bền chặt giữa hai người yêu nhau thật sâu đậm.

---

<sup>1</sup> “Agapao,” In *Theological Dictionary of the New Testament* (TDNT), vol. 1, ed. Gerhard Kittel, trans. Geoffrey W. Bromiley (Grand Rapids: Eerdmans, 1964), 45.



Những khái niệm nội tại của tình yêu là cảm xúc còn hơn thế. Đó là một phẩm tính của đời sống, một tâm tính. Những học giả Cựu Ước dường như gặp phải nan đề trong việc dịch một từ Hê-bơ-rơ khác *chesded*. Một số bản dịch nói về *lòng nhân từ* (KJV), một số bản dịch khác nói về *tình yêu bền vững* (ASV, RSV), một số bản dịch khác nói về *tình yêu bất biến* (TEV, Today's English Version). Thật sự, tình yêu của Đức Chúa Trời là bền vững, không phai tàn- một sự yêu mến căn bản không bao giờ đổi thay chi phối tất cả mọi việc Ngài làm. Điều này phải thực hiện bởi cam kết. Loại tình yêu của Đức Chúa Trời không phải là điều gì trước đây, không quả quyết và thỉnh thoảng, mà là tình yêu không phai nhạt. Tình yêu mang tính giao ước thành tín trải qua mọi hoàn cảnh, thậm chí bị từ khước. Tình yêu theo Kinh Thánh, một tâm tính, một mối quan hệ trong sự kết ước lâu dài đối với hạnh phúc của nhau.

Tuy nhiên có một yếu tố khác trong khía cạnh nội tại về tình yêu theo Kinh Thánh: Cảm giác yêu thương thôi thúc. Thật sự, không quá mức khi nói tình yêu là động lực duy nhất. Cốt lõi của mọi lựa chọn, mọi hành động lựa chọn cốt bởi tình yêu. Nó có thể chỉ là xuất phát từ tình yêu bản thân mà một người có hành động, hay có thể là tình yêu khác. Nhưng tình yêu luôn là động lực thúc đẩy, là chất xúc tác biến ý nghĩ thành hành động. Một số nói về sự vinh hiển của Đức Chúa Trời như là động lực. Nhưng nói một cách nghiêm túc, sự vinh hiển không phải là động lực. Chẳng hạn, nếu tôi tìm kiếm sự vinh hiển của vợ mình, hóa ra động cơ của tôi là chỉ là vinh hiển của chính mình. Nếu cô ấy càng được nghĩ đến với đầy sự tôn trọng, tôi sẽ càng đáng được ca ngợi hơn vì đã tán tỉnh và có được cô ấy. Dĩ nhiên, tôi sẽ nỗ lực để chứng tỏ cô ấy thật tỏa sáng trước bao nhiêu người khác vì tôi yêu cô ấy, chứ không yêu tôi. Nhưng *động cơ* không phải là sự vinh hiển của *cô ấy*. Cách này hay cách khác thì động cơ phải là tình yêu *của tôi*. Cũng một thể ấy, nhiều người cho rằng Đại Mạng Lệnh là một động lực. Nhưng có thể tôi vâng giữ mạng lệnh Đức Chúa Trời bởi vì tôi yêu tôi- vì đây là điều khôn ngoan để làm. Một mục sư có thể làm việc cật lực để xây dựng danh tiếng chính mình hay làm việc hết sức vì thiên đàng. Tôi có thể dâng hiến rộng rãi để tạo ấn tượng với người khác hay làm chứng vì sợ phải lãnh hậu quả nếu không làm thế. Theo cách đó, tôi có thể tìm kiếm sự vinh hiển của chính mình vì tôi yêu chính mình. Hay tôi có thể hoàn toàn hờ hững với cách người ta nghĩ về mình. Tôi có thể yêu thích sự khoái lạc hay tiền bạc. Nhưng tiền bạc, sự khoái lạc, thanh danh không phải là động lực; chúng chỉ là phương tiện mà tôi có thể tìm kiếm về hoàn thiện chính mình. Cũng một thể ấy trong việc tìm kiếm sự hoàn thành của Đức Chúa Trời, hay của người lân cận. Định hướng căn bản, nguyên nhân chính, động cơ của tất cả mọi hành động con người là tình yêu thương.

Phần sau chúng ta sẽ xem xét cách Kinh Thánh bàn về lòng tự ái và kiểu tình yêu khác, và cách giải quyết sự xung khắc giữa chúng thế nào. Nhưng ở điểm này thì rất quan trọng để nhận biết thế nào tình yêu theo Kinh Thánh là một cảm xúc, là một tâm tính và là một động lực.

Và trọng tâm của chúng tôi vào khía cạnh nội tại của tình yêu lập tức chuyển sang khía cạnh ngoại tại qua cụm từ *động lực*. Tạo động lực để làm gì? Để hành động. Giờ đây chúng ta chuyển từ tình yêu như là đáp ứng bên trong sang tình yêu như một sự mô tả về cách một người cư xử được thúc đẩy bởi tình yêu.

### KHÓA CẠNH NGOẠI TẠI CỦA TÌNH YÊU

Kinh Thánh nhấn mạnh đến hành động tình yêu nhiều hơn là cảm xúc tình yêu. Nên chẳng nghi ngờ lý do các dịch giả dịch tiếng Hê-bơ-rơ sang tiếng Hy-lạp đã chọn từ rất nhạt nhẽo *agape* trên cả từ sôi nổi, mạnh mẽ *eros* và nồng ấm, triều mến *philia*. *Agape* có ý nghĩa: Nó nhấn mạnh sự lựa chọn, hành động. Những từ khác thì không có được ý nghĩa này. *Eros* (Không hạn chế với những định nghĩa đương thời về cảm xúc yêu mến tình ái hay cảm xúc theo dục vọng) quá say đắm, khi so sánh với tình trạng say sưa. Không hề có sự lựa chọn, không có ý chí, không có tự do cho người bị kiểm giữ bởi sự sức mạnh vô hạn hung tàn của *eros*.<sup>2</sup> Nhưng *agape* liên hệ đến hành động tự do và dứt khoát được xác định bởi chính chủ thể, chứ không cốt tại khả năng cuốn hút của khách thể, như trong trường hợp của *eros*-say đắm, như *philia*- ràng buộc.

Trong Tân ước, cũng như trong Cựu ước, tình yêu thường kết nối qua việc vâng giữ-đáp ứng bên ngoài của một trạng thái nội tại của tình yêu. Chúng ta được *truyền lệnh* phải yêu. “Người hãy yêu Chúa là Đức Chúa Trời người...Người hãy yêu người lân cận như mình” (Lê-vi ký 19:18; Phục truyền luật lệ ký 6:5; Ma-thi-ơ 22:37-39). “Nếu các người yêu mến ta, thì giữ gìn các điều răn ta” (Giăng 14:15). “Vì này là sự yêu mến Đức Chúa Trời, tức là chúng ta vâng giữ điều răn Ngài” (1 Giăng 5:3; 2 Giăng 6). Câu hỏi đầu tiên mà Kinh Thánh nói đến không phải là, bạn nghĩ gì về con người này? Nhưng là, bạn phải lựa chọn những điều gì liên quan đến con người này?

Đương nhiên, con người là một tổng thể, không thể phân chia ra thành tri thức, ý chí và tình cảm. Tuy nhiên, vì lẽ con người là một tổng thể thể hiện chức năng cả ý chí lẫn tình cảm, nên đây là điều đúng cho chúng ta khi nói rằng ý chí “kiểm soát” một hành động và tình cảm “kiểm soát” những hành động khác. Một người có thể dùng ý chí để hành động

---

<sup>2</sup> Ibid.

ngược lại với sự thôi thúc của tình cảm người ấy. Chúa Jesus đã thể hiện như vậy khi tấm lòng Ngài (tình cảm) kêu lên, “Lạy Cha, xin cất chén này khỏi con.” Tuy nhiên Ngài đã chọn lựa ý muốn của Đức Chúa Cha, ngược lại với những gì Ngài mong muốn, hay cách Ngài cảm nhận. Từ quan điểm của Thánh Kinh, sự lựa chọn để hành động cách có suy xét, chứ không phải sự mãnh liệt về cảm xúc, là sự thử nghiệm và sự kiểm chứng cuối cùng của tình yêu. Khái niệm về tình yêu ý chí quan trọng hơn tình yêu cảm xúc, là khái niệm vô cùng quan trọng, vì một người có thể không kiểm soát đáp ứng về tình cảm. Nhưng bởi ân điển của Đức Chúa Trời con người có thể lựa chọn để hành động cách yêu thương, cho dù người ấy cảm thấy thế nào đi nữa.

Một số tranh cãi rằng đây là sự thiếu thành thật. Người ta nói rằng, một người phải hành động phù hợp với cảm xúc người đó, nếu không thì người ấy đang cố gắng lừa dối người khác trong việc suy nghĩ cách mà người đó không hề nghĩ. Nhưng cách lập luận này làm yếu nhược con người, cắt bỏ đi tất cả những chức năng ngoại trừ một chức năng. Không chỉ tôi là người với những xúc cảm, nhưng đồng thời tôi cũng là một người của sự lựa chọn- không đề cập đến sự thông minh, những kết ước và nhiều khía cạnh của toàn bộ chính con người tôi. Để thành thật với chính mình thì tôi phải thành thật với toàn bộ con người tôi; tôi phải lựa chọn để hành động theo sự hòa hợp của toàn bộ con người tôi. Trên tất cả mọi điều tôi phải thành thật với Đức Chúa Trời, hành động phù hợp ý muốn Ngài và kết ước của tôi với Ngài. Đây thật sự là lẽ thật giải phóng – tôi có thể lựa chọn hành động vì ích lợi người khác cho dù tôi có nghĩ gì về người đó hay về hành động mà Đức Chúa Trời mong muốn nơi tôi đi chẳng nữa. Chẳng hạn, sự thành thật không yêu cầu một người con trai nói với cha mình về sự phản nghịch của mình- hay về bất cứ cảm xúc đê tiện nào khác. Và tình yêu không cho phép thế. Sự vâng lời đầy yêu thương với Đức Chúa Trời sẽ dung thứ cho người cha cho tới khi ân điển của Đức Chúa Trời chữa lành tâm linh đáng ghét. Sự vâng lời đầy yêu thương sẽ tác động nhiều hơn nữa, sẽ chọn lựa để hành động cách kiên định theo những cách đầy yêu thương. Hành động đầy yêu thương không thể cắt bỏ mặc cảm tội lỗi về những cảm xúc không đáng yêu, nhưng đó là sự khởi đầu trong hướng đi đúng.

Nói rằng hành động đầy yêu thương chiếm giữ quyền ưu tiên trên khía cạnh cảm xúc của tình yêu, không có nghĩa là tình yêu theo Kinh Thánh bị chuyển đổi hết qua hành động yêu thương. Không có cảm xúc, tình yêu có thể bền chắc nhưng không trọn vẹn. Nếu chúng ta hành động trong tình yêu, lẽ thường cảm xúc yêu mến sẽ theo sau. Cho nên một người có thể yêu theo ý nghĩa Kinh Thánh, ý nghĩa năng động mà không ưa thích. Thật ra, điều này đòi hỏi chúng ta hành động cách yêu thương dù chúng ta cảm thấy thế nào đi chẳng nữa.

Tình yêu trong hành động vừa có khía cạnh tiêu cực và cả về tích cực. Được gọi là Nguyên tắc Bạc nói về tự kiểm chế khỏi việc làm tổn thương- đó là đừng làm tổn thương, hay “Đừng làm cho người khác những gì bạn không muốn người khác làm cho mình.” Người thầy vĩ đại Trung Hoa, Không tử và người thầy vĩ đại Do thái đã dạy dỗ điều này. Dĩ nhiên, điều này đúng- đây là cách cư xử của tình yêu. Nhưng đây chỉ là cái bóng mờ nhạt của Nguyên tắc Vàng, đó là chúng ta nên làm cho người khác những gì chúng ta mong người khác làm cho mình (Ma-thi-ơ 7:12).

Tình yêu theo Kinh Thánh là tích cực và năng động- liên tục thiết lập và hành động vì có lợi ích của người khác. Nhằm kiểm chế giết kẻ thù của ai đó là một điều đáng yêu, nhưng ban sự sống của mình cho kẻ thù là hành động tối thượng của tình yêu (Giăng 15:13).

Thật ra, Nguyên tắc Vàng có thể dễ dàng trở thành rất trái ngược với tình yêu theo Kinh Thánh. Điều này được nổi bật trong một nền văn hóa mà ở đó Nguyên tắc Vàng có ảnh hưởng lớn. Một triết gia Nhật, Kitamori, nói với chúng tôi rằng Nguyên tắc là nền tảng trong phẩm tính mạnh mẽ của Người Nhật: sự giải thoát. Nhằm kiểm chế khỏi việc làm tổn hại đến người khác đạt được cách tốt nhất qua việc thoát khỏi người đó. Cho nên, nét đặc trưng của người Nhật là thừa nhận trách nhiệm lạ thường với những người có liên hệ chắc chắn (gia đình, công việc) nhưng giữ sự xa lánh cứng rắn, giải thoát khỏi trách nhiệm khác. Nhưng tình yêu tự can dự vào cách có chủ tâm. Tình yêu theo Kinh Thánh làm bất kể giá gì đi chăng nữa.

Thế thì, một định nghĩa nổi bật về tình yêu đó là cảm giác yêu thích, một khát khao vì ích lợi cho người khác mà điều này được thúc đẩy dẫn đến việc việc kết ước hành động thay cho người khác. Thông thường, đây là cách mà tình yêu được thôi thúc, từ thái độ đến hành động. Nhưng khi những khía cạnh nội tại không có, một người có thể bắt đầu bằng hành động yêu thương, khía cạnh ngoại tại, và hãy để cảm xúc theo sau. Và đây không phải là sự sai lạc, một phương kế cuối cùng không mong muốn. Không, *hành động yêu thương không có cảm xúc yêu thương có thể là hành động về chính bản chất của tình yêu theo Kinh Thánh-* mà là duyên cớ giúp đứng lên chống lại với sự tương phản tình người thông thường. Chúng ta gọi đó là tình yêu hy sinh. Cho nên tình yêu có thể bắt nguồn theo hướng- hoặc vui mừng từ cảm xúc yêu thương đến hành động, hoặc đau đớn bắt ngang chiếc cầu của thập tự giá- dù tôi mong đợi điều gì đi chăng nữa, “tuy nhiên”, điều đó “không theo ý tôi mà bằng là ý Cha được nên.”

Nếu những khía cạnh nội tại (tình yêu như cảm xúc yêu thương và động lực) dẫn đến một tâm tính mà thái độ yêu thương liên tục tạo nên nét tiêu biểu, thì những khía cạnh ngoại tại (tình yêu là sự lựa chọn và hành động) sẽ dẫn đến cách sống yêu thương. Nhưng theo định nghĩa,

cách sống này không thể diễn tả một cách riêng biệt. Tình yêu đòi hỏi đối tượng thứ hai. Như thế chúng ta đã tập trung vào đối tượng yêu thương hơn là đối tượng được yêu. Làm thế nào cả hai có sự liên hệ? Đương nhiên, cách lý tưởng tình yêu là mối quan hệ hai chiều. Cảm xúc yêu thương gặp gỡ cảm xúc yêu thương; những hành động yêu thương được đáp lại.

## TÌNH YÊU THƯƠNG LÃN NHAU VÀ TÌNH YÊU THƯƠNG MỘT CHIỀU

Một số người xem thường tình yêu hai chiều, gọi là “tình yêu-nhu cần” hay thậm chí là “tình yêu-trao đổi.” Họ nói rằng đó là điều không đáng để mong đợi hay thậm chí mong đợi sự đáp trả khi dành tình yêu của ai đó cho một người khác. Nhưng thật dễ dàng trở nên “thuộc linh” hơn Kinh Thánh. C.S Lewis nói như thế này:

*Chúng ta phải cẩn thận khi gọi tình yêu-Nhu cần là “sự ích kỷ đơn thuần.” “Đơn thuần” luôn là từ nguy hiểm. Giống như tất cả sự thôi thúc của chúng ta, không nghi ngờ gì tình yêu-Nhu cần có thể tự thỏa mãn cách ích kỷ. Một đòi hỏi bạo ngược và tham lam để có được sự yêu mến có thể là điều kinh khủng. Nhưng trong cuộc sống đời thường không ai gọi đứa trẻ thật ích kỷ bởi vì điều này với mẹ đứa trẻ là điều dễ chịu thôi. Mỗi Cơ đốc nhân sẽ đồng ý rằng đời sống thuộc linh của một người tương xứng cách chính xác so với tình yêu người đó dành cho Đức Chúa Trời. Nhưng tình yêu của một người dành cho Đức Chúa Trời, từ chính bản chất trong trường hợp này, phải luôn là một tình yêu-Nhu cần rất lớn và thường là trọn vẹn. Điều này rõ ràng khi chúng ta khẩn xin sự tha thứ cho tội lỗi chúng ta hay sự giúp đỡ trong khi chúng ta gặp hoạn nạn...Điều này có thể là tạo vật can đảm và ngớ ngẩn khi ra trước mắt Đấng tạo hóa mình với sự cao ngạo, “Tôi không phải là người ăn mày. Tôi yêu Ngài tình yêu bất vụ lợi.”<sup>3</sup>*

Thật sự, chính Đức Chúa Trời mong muốn “sự đáp trả về khoản bỏ ra.” Ngài mong đợi và ước muốn được yêu lại (Ô-suê; Ma-thi-ơ 22:37; Giăng 4:23; Khải huyền 3:20). Nhưng sự khác biệt là ở chỗ này: Ngài không đòi hỏi điều này. Ngài không đòi hỏi sự đáp trả tình yêu là điều kiện để Ngài ban cho tình yêu (Rô-ma 5:6-8). Và đối với con người thì chúng ta luôn làm thế. Eros đối với người Hy-lạp cổ, và cũng đối với con người hiện đại là tình yêu nồng thắm mà khao khát người khác có được tình yêu đó. Chúng ta tiếp tục ban cho chừng nào chúng ta nhận được- hay chừng nào chúng ta hy vọng nhận được. Nhưng loại tình yêu

---

<sup>3</sup> C.S Lewis, *The Four Loves* (London, Collins-Fontana, 1960), 8-9.

của Đức Chúa Trời là không chiếm giữ trước bằng câu hỏi, Tôi được yêu nhiều như thế nào? Nhưng là Tôi yêu nhiều như thế nào?

Cho nên sự tập trung về tình yêu theo Kinh Thánh là hướng đến phẩm chất của chủ thể, phẩm tính yêu thương của người chủ thể yêu, chứ không tại phẩm chất của khách thể; giá trị của tình yêu, nỗi khát khao, tính đáng yêu. Chúa Jesus đã diễn giải rất chi tiết bằng nhiều những gương mẫu (Lu-ca 6:27-35). Ngài dạy rằng nếu yêu người yêu chúng ta thì chẳng có giá trị gì lớn. Điều giá trị là ở chỗ chúng ta chọn cách có chủ tâm để yêu những người không đáng yêu và điều đó phản ảnh tình yêu Thiên thượng.

Tuy nhiên sự lý tưởng là tình yêu tương hỗ, người này nhận thấy ở người khác lý do chính đáng để cảm kích, được gần gũi, được chìm ngập trong khát khao để ban cho. Chúng ta ban cho bởi vì chúng ta muốn chứ không tại chúng ta phải cho- chúng ta thỏa vui với đối tượng được yêu. Khi khách thể không đáng yêu, hay cảm xúc không hiện hữu, thì lúc đó phẩm tính của người yêu ban cho sẽ chiếu sáng trong sự lộng lẫy nhất.

Thế thì, tình yêu theo Kinh Thánh là một tâm tính trù mền, nó thôi thúc người yêu liên tục hành động vì có ích lợi của người khác, cho dù người đó có đáng được yêu hay không, và có đền đáp lại hay không.

Chúng ta đã cố định nghĩa tình yêu. Nhưng chiều dài và rộng, chiều sâu và chiều cao của tình yêu (Ê-phê-sô 3:18-19) vượt xa hơn những gì chúng ta biết. Chúng ta sẽ làm gì? Thông thường, để hiểu ý tưởng trừu tượng hay khái niệm bao quát, điều cần thiết để định nghĩa là qua sự mô tả hay minh họa. Thật tốt thay Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta cả hai.

## ĐỊNH NGHĨA TÌNH YÊU QUA SỰ MIÊU TẢ

Sự miêu tả nổi tiếng nhất về tình yêu được viết ra bởi Phao lô (I Cô-rinh-tô 13). Hãy chú ý ông đã đưa ra những gương mẫu về tình yêu nội tại và đồng thời cũng có ngoại tại; thái độ và tâm tính của tình yêu, nhưng đồng thời cũng nói đến hành động của tình yêu. Một mặt, tình yêu không lên mình kiêu ngạo, không tự cao hay kiếm tư lợi, không làm điều trái phép, không vui về điều dữ nhưng vui trong lẽ thật, tình yêu luôn tin cậy và hy vọng. Mặt khác, tình yêu cần hành động: Đó là sự nhịn nhục và nhơn từ, chẳng thô lỗ và nóng giận, tình yêu luôn che chở và luôn nhẫn nại.

Kinh Thánh cũng miêu tả rất nhiều về tình yêu. Tình yêu không giả hình (Rô-ma 12:9, II Cô-rinh-tô 6:6; I Phi-e-rơ 1:22), không làm hại người khác (Rô-ma 13:10), sẽ phó sự sống mình vì người khác (Giăng 15:13), mang lấy tinh thần tôi tớ (Ga-la-ti 5:13), tình yêu là huynh đệ (Rô-ma 12:16; I Tê-sa-lô-ni-ca 4:9; Hê-bơ-rơ 13:1).

Dù những sự miêu tả trực tiếp về tình yêu là rất nhiều để học biết cả đời, nhưng những sự miêu tả gián tiếp có vẻ là vô tận. Hãy xem xét sự giảng dạy về những điều được gọi là “những động từ tương quan” trong Tân ước. Chúng ta không chỉ được dạy bảo hãy yêu nhau đến mười ba lần (Giăng 13:34-35; 15:12,17; Rô-ma 13:8; Ga-la-ti 5:13; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:12; 4:9; I Phi-e-rơ 1:22; I Giăng 3:11, 23; 4:7, 11-12; 2 Giăng 5), chúng ta được lệnh phải coi sóc nhau (I Cô-rinh-tô 12:25), hãy chấp nhận nhau (Rô-ma 15:7), hãy triu mến nhau (Rô-ma 12:10), hãy chào nhau bằng cái hôn thánh (Rô-ma 16:16; II Cô-rinh-tô 16:20; II Cô-rinh-tô 13:12; I Phi-e-rơ 5:14), hãy chờ đợi nhau (I Cô-rinh-tô 11:33), hãy hiền hoà với nhau (Ê-phê-sô 4:32); hãy thương mến nhau (Rô-ma 12:10), hãy nhường nhịn nhau trong tình yêu (Ê-phê-sô 4:2; Cô-lô-se 3:13), hãy tha thứ nhau (Ê-phê-sô 4:32, Cô-lô-se 3:13). Hơn nữa, chúng ta không được xét đoán ai (Rô-ma 14:13), không nói hành ai (Gia-cơ 4:11), chớ nói dối nhau (Cô-lô-se 3:9), chớ “cắn nuốt” nhau (Ga-la-ti 5:15), chớ treo chọc nhau (Ga-la-ti 5:26), chớ oán trách nhau (Gia-cơ 5:9).

Nhưng đây chỉ là một phần của tình yêu. Tình yêu cũng sẽ thuận phục nhau (Ê-phê-sô 4:21, II Phi-e-rơ 5:5); thật sự mọi người là phần chi thể của nhau (Rô-ma 12:5; Ê-phê-sô 4:25); chúng ta phải sống hiền hoà với nhau (Rô-ma 12:16; 15:5); chúng ta phải gây dựng nhau (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:11), khuyên bảo nhau (Hê-bơ-rơ 3:13; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:11), động viên nhau (Rô-ma 15:14; Cô-lô-se 3:16), hãy hát đối đáp cùng nhau (Ê-phê-sô 5:19; Cô-lô-se 3:16), hãy khích lệ nhau (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:18; 5:11), xưng tội cùng nhau (Gia-cơ 5:16), hãy phục vụ nhau (Ga-la-ti 5:13); I Phi-e-rơ 5:10, hãy rửa chân cho nhau (Giăng 13:14), hãy tiếp đãi nhau (I Phi-e-rơ 4:9, hãy coi sóc nhau để khuyên giục nhau về lòng yêu thương và việc tốt lành (Hê-bơ-rơ 10:24), hãy cầu nguyện cho nhau (Gia-cơ 5:16), và hãy mang lấy gánh nặng cho nhau (Ga-la-ti 6:2).

Có lẽ đây là sự liệt kê thật tuyệt, đây chỉ là một trong phần nhiều sự dạy dỗ trong Kinh Thánh mô tả những thái độ và cách cư xử của tình yêu. Có lẽ sự miêu tả rộng nhất về tình yêu là những mạng lệnh Kinh Thánh. Chương tiếp theo sẽ bàn luận rộng hơn về mối liên hệ giữa luật pháp và tình yêu, nhưng tại điểm này chúng ta cùng thống nhất là những mạng lệnh Kinh Thánh bày tỏ ý muốn của Đức Chúa Trời, đó là chúng ta sẽ trở nên giống như Ngài về phẩm tính đạo đức. Vì “Đức Chúa Trời là sự yêu thương” nên không chút ngạc nhiên trong suốt cả Cựu ước sự bày tỏ về ý muốn của Đức Chúa Trời xoay quanh luật về tình yêu (Ma-thi-ơ 22:37-40). Sau khi công bố nguyên tắc Vàng, Chúa Jesus kết luận, “vì ấy là (bản chất của) luật pháp và lời tiên tri” (Ma-thi-ơ 7:12). Phao lô đã nhắc lại quan điểm này: “Vì cả luật pháp chỉ tóm lại trong một lời này: Người hãy yêu kẻ lân cận như mình” (Ga-la-ti 5:14). Một lần nữa Phao lô bày tỏ luật về tình yêu tóm tắt Mười Điều Răn (Rô-ma 13:8-9). Đây là

cơ sở lập luận căn bản về mối quan hệ của tình yêu với những mạng lệnh Kinh Thánh, điều này có nghĩa mỗi mạng lệnh xứng hợp cho Cơ đốc nhân là một sự miêu tả về cách mà tình yêu thể hiện. Nói cách khác, những lời chỉ dẫn Kinh Thánh đưa ra những căn bản và xác định luật căn bản của tình yêu.

Tuy nhiên một sự miêu tả có thể là một quy tắc tẻ nhạt về đạo đức, một lời công bố kinh hãi như đè lên đôi tay nặng trĩu về sự định tội trên tôi, bối rối vì sự tính phức tạp, chết cứng bởi những mạng lệnh bất khả thi, mơ hồ bởi nhận thức của tôi bởi sự xa vời từ những kinh nghiệm chính mình. Đức Chúa Trời biết chúng ta cần một tấm gương. Chúng ta cần một tình yêu được bày tỏ, và chính vì điều này thì chính Ngài đã gánh trả một giá rất đắt.

### ĐỊNH NGHĨA TÌNH YÊU ĐƯỢC BÀY TỎ

Giăng đã nói “Đức Chúa Trời là tình yêu,” (I Giăng 4:8,16). Đây là sự khác biệt cơ bản giữa khái niệm Kinh Thánh về sự yêu thương và khái niệm của chúng ta về tình yêu. Kinh Thánh định nghĩa tình yêu qua bản chất của Đức Chúa Trời. Chúng ta có khuynh hướng định nghĩa tình yêu qua bản chất của con người.

Nói Đức Chúa Trời là tình yêu thương không có nghĩa là Đức Chúa Trời đồng đẳng với tình yêu. Tình yêu không thể mô tả Đức Chúa Trời cách thấu đáo. Đức Chúa Trời có những phẩm tính khác nữa, như sự khôn ngoan và sức lực, nhưng điều này không có nghĩa những phẩm tính này trong bản chất của Đức Chúa Trời trái ngược với tình yêu. Đức Chúa Trời luôn hành động đầy yêu thương, ngay khi trong sự phán xét.

Một lần nữa, “Đức Chúa Trời là sự yêu thương” không có nghĩa tình yêu đồng đẳng với Đức Chúa Trời, tình yêu không phải là một thực thể, tồn tại như một khách thể, tự tình có được tính cách. Nói tình yêu và Đức Chúa Trời tương đồng nhau sẽ có thể tôn sùng tình yêu và làm cho tình yêu là khái niệm tuyệt đối mà bởi khái niệm này chính Đức Chúa Trời là chủ thể và Ngài có thể bị phán xét. Cả đạo đức hoàn cảnh và Khoa Học Cơ đốc đi theo khuynh hướng này. Đúng hơn, tình yêu đạt đến bất cứ tầm mức nào nó có được bởi vì Đức Chúa Trời là thể. Ngài thiết lập khái niệm bởi bản chất của Ngài. Ngài là nguồn cội của tất cả mọi tình yêu chân thật (I Giăng 4:7, 19). Vì chính Đức Chúa Trời định nghĩa tình yêu, tình yêu thật của loài người là sự tin kính (I Giăng 4:16).

Đức Chúa Trời không buộc phải yêu bởi một số “điều phải” ngoại tại. Yêu là cách Ngài thể hiện. Đây chính là một trong những chứng cứ vĩ đại nhất về giáo lý Ba ngôi. Đức Chúa Cha yêu Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Linh từ vĩnh cửu. Đức Chúa Con yêu Đức Chúa Cha và Đức Chúa Thánh Linh, và Đức Thánh Linh yêu Đức Chúa Con và Đức Chúa Cha. Vậy nên, Ba ngôi Đức Chúa Trời ràng buộc bởi tình yêu, và chỉ bởi tình yêu dành cho



người khác thì sự hiệp nhất đó bị phá vỡ tại Thập Tự Giá khi Đức Chúa Con mang lấy tội chúng ta bởi quyền năng Đức Thánh Linh, và Đức Chúa Cha đã xây khối qua sự khước từ hợp pháp là một phần trong chính bản thể Ngài.

Bản chất yêu thương của Đức Chúa Trời là căn bản trong công việc sáng tạo và giải cứu của Ngài. Ngài tạo dựng con người bởi vì Đức Chúa Trời là sự yêu thương và mong ước loài thọ tạo được thiết tạo theo khuôn mẫu của chính Ngài để Ngài có thể yêu tạo vật đó và được đáp lại bằng tình yêu tự nguyện. Khi loài người khước từ tình yêu này của Đức Chúa Trời, thì mối liên hệ bị gãy đổ, Đức Chúa Trời vẫn cứ tiếp tục yêu thương bởi vì theo bản chất Đức Chúa Trời là sự yêu thương. Vì thế chúng ta có câu chuyện về sự giải cứu. Tình yêu trở thành hiện thân. Cho nên mọi đời sống tìm thấy ý nghĩa khi được Đức Chúa Trời yêu và yêu Ngài.

Qua sự sống mình, Chúa Jesus bày tỏ một cách toàn hảo về cách tình yêu thiên thượng thể hiện, và qua sự chết mình, Ngài bày tỏ bằng chứng căn bản nhất về tình yêu. Ngài chính là khuôn mẫu của chúng ta—giờ đây chúng ta có thể *thấy* cách chúng ta phải “bước đi trong sự yêu thương, cũng như Đấng Christ đã yêu thương anh em, và vì chúng ta phó chính mình Ngài cho Đức Chúa Trời làm của dâng và của tế lễ, như một thức hương có mùi thơm” (Ê-phê-sô 5:1-3). Chúng ta có thể *thấy* ý nghĩa về một tâm tình như chính Ngài đã có, là Đấng “Ngài vốn có hình Đức Chúa Trời, song chẳng coi sự bình đẳng mình với Đức Chúa Trời là sự nên nắm giữ; chính Ngài đã tự bỏ mình đi, lấy hình tôi tớ và trở nên giống như loài người; Ngài đã hiện ra như một người, tự hạ mình xuống, vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự” (Phi líp 2:6-8). “Bởi đó chúng ta nhận biết lòng yêu thương, ấy là Chúa đã vì chúng ta bỏ sự sống; chúng ta cũng nên bỏ sự sống vì anh em mình vậy” (I Giăng 3:16). Xuyên suốt Tân ước tình yêu Đấng Christ được bày tỏ là khuôn mẫu cho chúng ta: “Điều răn của ta đây này: Các ngươi hãy yêu nhau, cũng như ta đã yêu các ngươi” (Giăng 15:12). Tất cả sự sống của Đấng Christ mô tả về phẩm tính yêu thương của Đức Chúa Trời, nhưng Thập tự giá của Đấng Christ tỏ ra tình yêu của Đức Chúa Trời rõ ràng hơn bất cứ điều gì của bất cứ con người nào trong cả dòng lịch sử.

Chính Đấng Christ là khuôn mẫu toàn hảo, khuôn mẫu sống về phẩm tính của Đức Chúa Trời; nhưng Đức Chúa Trời bởi ân điển đang tái tạo phẩm tính này trong con người, lần lượt bày tỏ tình yêu thật. Thật ra, “Nếu các ngươi yêu nhau, thì ấy là tại điều đó mà thiên hạ sẽ nhận biết các ngươi là môn đồ ta” (Giăng 13:35).

Mục sư Son là...người hoà nhĩ và nhỏ bé—chiều cao thấp hơn 1m52—là một người có được niềm vui lớn 1 trong cuộc sống khi có hai con trai, Tong-in và Tong Sin. Trong chiến tranh Tong In giống như cha mình đã từ chối thờ lạy tại đền Shinto và bị người Nhật đuổi khỏi trường học. Sau chiến tranh, khi vào tuổi 24, anh ta mới

trở lại trường trung học....Vào tháng 10 năm 1948, một người nổi loạn những cộng sản man rợ càn qua khu vực mình tại Nam Hàn và những thanh niên Cộng sản bao vây trường học trong thế lục khùng bố. Một người cộng sản mười chín tuổi chia súng lục vào Tong-In và ra lệnh anh phải từ bỏ niềm tin cơ đốc của mình. Nhưng Tong-In chỉ khuyên nài chính anh hãy trở thành Cơ đốc nhân và hãy thử thử tình yêu Cơ đốc. Tong-Sin, người em trai chạy đến để cứu anh trai mình. “Hãy bắn tôi đi” anh la lên, “hãy để cho anh tôi được sống.” “Không được” Tong-in gào lên, “Tôi là anh trai cả. Tôi phải là người nên chết. Hãy bắn tôi đi.” Người Cộng sản bắn cả hai...Hai ngày sau, cuộc nổi loạn được dẹp tan và kẻ giết người đã bị bắt và đưa ra tòa. Mục sư Son tìm thấy kẻ giết người đã bị trói hai tay phía sau, sắp đưa ra để xử án tử hình. Mục sư đã tới gặp chỉ huy quân đội. Ông nói “Không có bất cứ hình phạt nào có thể mang lại sự sống cho hai con trai tôi đâu.” “Vậy điều ích lợi trong lúc này là gì? Hãy cho phép tôi nhận cậu trai này và giúp anh ấy trở thành Cơ đốc nhân để rồi cậu này có thể làm những việc trong thế giới mà Tong-In và Tong-Sin chưa làm xong. Lúc đầu chính quyền sẽ sợ bởi lời kiến nghị này, nhưng chính quyền cũng miễn cưỡng tuyên án giao người thanh niên này cho người cha có hai con trai bị giết để trông nom, và Mục sư Son đã đem người thanh niên này về nhà mình.”<sup>4</sup>

Đức Chúa Trời bởi ân điển Ngài đã bày tỏ phẩm tính yêu thương Ngài không chỉ qua Con độc sanh của Ngài nhưng cũng bày tỏ qua những con trai và con gái khác ở mọi vùng đất, mọi thời đại.

Tóm lại, sự yêu thương là một cảm giác yêu mến nồng ấm, tràn ngập thiên hướng chỉ tập chú vào người khác dù họ xứng đáng nhận món quà tình yêu hay không. Liệu điều đó có quá phi thực tế không? Vậy thì hãy xem xét thái độ và những việc mà Kinh Thánh miêu tả là sự ngoan đạo và những mạng lệnh bày tỏ ý muốn của Đức Chúa Trời – những điều này mô tả một lối sống yêu thương. Liệu tình yêu này có quá vượt trội, có thể khó hiểu bởi chính sự phức tạp đa phương diện? Thế thì hãy nhìn xem Chúa Jesus. Ngài chính là sự bày tỏ trọn vẹn, sự nhập thể đầy đủ về tình yêu. Nhưng có lẽ bạn cần ai đó mà bạn có thể cảm nhận và rờ đụng chẳng? Thế thì hãy chọn lấy một Cơ đốc nhân nhiệt thành và dõi theo anh ta. Đương nhiên, không quá nghiêm trọng, hay luôn nhớ một ai đó cũng đang dõi theo bạn. Hãy xem xét điều này và bạn sẽ khám phá loại tình yêu của Đức Chúa Trời hành động vượt trên cảm xúc để khởi sự và hành động nhằm hướng đến ích lợi của người khác.

## **NHỮNG ĐỐI TƯỢNG YÊU THƯƠNG THEO KINH THÁNH**

Tất cả mọi trạng thái khác nhau vô hạn về những tình yêu tiềm tàng có thể được phân chia thành bốn nhóm: Tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, tình yêu dành cho người khác, tình yêu dành cho chính mình và tình yêu dành cho vật chất. Hoàn toàn có thể khi yêu nhiều người và thậm chí nhiều điều ngay lập tức mà không cần bất cứ nhận thức về sự cạnh tranh hay xung

---

<sup>4</sup> Samuel Mffett, *The Christians of Korea* (New York: Friendship, 1960), 120-121.

khắc. Nhưng thường thì có những xung khắc giữa “những tình yêu này,” và chẳng có điều gì có thể đau đớn và hủy phá hơn những xung đột giữa những tình yêu. Trước tiên chúng ta nhận ra những đối tượng của tình yêu và kế đến giải quyết xung khắc này theo cách của Kinh Thánh.

## TÌNH YÊU DÀNH CHO ĐỨC CHÚA TRỜI

Đấng Christ cho chúng ta biết rằng đây chính là đối tượng cao nhất: “Người hãy hết lòng, hết linh hồn, hết ý mà yêu mến Chúa, là Đức Chúa Trời người” (Ma-thi-ơ 22:37). Đây là điều răn đầu tiên, đầu tiên về tầm quan trọng, và là điều răn lớn nhất, trên tất cả mọi điều như là thẩm quyền kiểm soát sự sống. Vậy nên các thầy dạy luật Y-sơ-ra-ên nhận thấy điều răn trong Cựu ước (Phục truyền luật lệ ký 6:5) là tóm tắt tối hậu, toàn diện về ý muốn của Đức Chúa Trời cho con người và được xác quyết bởi Chúa Jesus Đấng Mê-sia và được xem là điều răn lớn nhất của mọi điều răn.

Làm sao loài người nhỏ bé có thể yêu Đức Chúa Trời vô hạn? Bởi sự chúc tán yêu thương trong sự thờ phượng, bởi không ngừng tạ ơn, bởi một đời sống vâng lời không dao động, bởi việc chia sẻ tình bạn hữu và hôn hờ trong sự dư dật bất tận về những món quà của Ngài. Đây chính là mục tiêu của sự sáng tạo và giải cứu: để yêu Đức Chúa Trời. Không cốt ở việc tìm kiếm sự thỏa mãn chính tôi, nhưng tìm kiếm sự vui thích của Ngài, nhằm dâng lên Ngài sự vui mừng, nhằm tìm kiếm mục đích của Ngài, nhằm làm theo ý muốn Ngài.

Thật vậy, hãy kính mến Đức Chúa Trời là điều răn trước nhất và lớn nhất, những đây không phải là điều răn duy nhất. “luật pháp và lời tiên tri” không chỉ dựa vào một điều này. Có một điều răn khác nữa. Và thật vậy, một người không thể vâng giữ điều răn thứ nhất nếu không vâng giữ điều răn thứ hai (Ma-thi-ơ 22:34-40; I Giăng 3:11-18; 4:19-5:1).

## TÌNH YÊU DÀNH CHO NGƯỜI KHÁC

Chúa Jesus miêu tả hai điều răn mà tất cả mọi điều khác phải dựa vào đó, và Ngài phán điều răn thứ hai, rất giống như điều răn thứ nhất: “Hãy yêu kẻ lân cận như mình” (Ma-thi-ơ 2:39; xin xem Lê-vi ký 19:18). Cả chính Chúa Jesus và Giăng, người được yêu, đã nỗ lực để giải thích rõ ràng một cách chi tiết rằng yêu người khác là bằng chứng không thể thiếu về tình yêu dành cho Đức Chúa Trời. Nhưng những mạng lệnh về yêu người khác không giống như nhau cho tất cả mọi người. Hãy xem xét những mức độ khác nhau về trách nhiệm.

Khi Đức Chúa Trời tạo dựng nên người nam, Ngài thấy rằng người nam chưa trọn vẹn. Người nam có sự tương giao với Đức Chúa Trời mỗi ngày, tuy nhiên Đức Chúa Trời đã phán, “Loài người ở một mình thì không tốt;” (Sáng thế ký 1:18, vậy Đức Chúa Trời đã tạo

dựng nên bạn để bổ sung cho người nam. Theo cách đó, chiều ngang quan trọng hay mối quan hệ yêu thương con người là ý tưởng tuyệt vời của Đức Chúa Trời giữa người nam và người nữ được kết làm một trong hôn nhân. Mối quan hệ này rất quan trọng đến mức người chồng được dạy phải yêu tới mức cao nhất của tình yêu: giống như Đấng Christ yêu Hội thánh và phó chính mình Ngài vì Hội thánh (Ê-phê-sô 5:25). Cũng thế, người vợ phải yêu chồng mình (Tít 2:4).

Kế đến là tình yêu dành cho chính những người thân trong gia đình: cha mẹ, con cái, anh chị em, Mối quan hệ này quan trọng đến mức một người mà không coi sóc chính gia đình của mình thì còn xấu xa hơn một người không tin (I Ti-mô-thê 5:4,8).

Nhưng có một tình anh em vượt xa hơn một gia đình thế tục. Sự tập trung trách nhiệm trong Cựu ước là vào tình yêu dành cho người đồng hương, và nguyên tắc hướng dẫn của sứ đồ là phải yêu anh em mình. Chẳng hạn, trong lối cư xử đầu tiên về chủ đề tình yêu trong Kinh Thánh (I Giăng 3-5), Giăng kiên định nói về tình yêu dành cho *anh em*. Sứ đồ Phao lô bày tỏ sự tán thành: “hãy làm điều thiện cho mọi người,” đúng thế “nhứt là cho anh em chúng ta trong đức tin” (Ga-la-ti 6:10). Đây chính là khuôn mẫu Tân ước (Giăng 15:12, 17; I Phi-e-rơ 1:22; 2:17; 3:8). Khuôn mẫu này kéo mọi người lại tạo thành bức tranh về một nhóm người- Hội thánh- đây là một gia đình thật sự được ràng buộc bởi dòng huyết gần gũi hơn mối quan hệ huyết thống con người, dòng huyết trên đồi Gô-gô-tha. Đây là bức tranh về một người được buộc chặt bởi tình yêu trong trách nhiệm tương thân tương ái dành cho nhau trong mọi lãnh vực đời sống: thuộc linh, thuộc thể, tình cảm, vật chất. Đây là “tình yêu anh em”<sup>5</sup> là điều mà Tân ước nói đến. Tình yêu theo Kinh Thánh không dừng lại ở đây.

Chủ đề của Cựu ước về “yêu người lân cận” không bao giờ cấm đoán trong Kinh Thánh dành cho người những người đồng hương Y-sơ-ra-ên. Bao gồm cả dân ngoại (Dân số ký 19:33). Nhưng người Do thái, là con người, đã muốn giới hạn việc áp dụng những lệnh yêu thương bao quát. Vậy người thầy luật, chứng tỏ rằng ông biết đủ rõ ràng điều răn tóm tắt về tình yêu, muốn xét công bình về lối cư xử không yêu thương khi hỏi: “Vậy ai là người lân cận tôi?” (Lu-ca 10:29. Chúa Jesus đã chuyển đổi vấn đề (lật ngược vấn đề) bằng câu chuyện về người ngoại lai Sa-ma-ri là người hiểu tình yêu rõ hơn những lãnh đạo tôn giáo và trở thành người lân cận với người cần đến mình. Vậy nên sự yêu người lân cận vượt xa hơn tình yêu anh em dành cho hầu như tất cả mọi người khi có cần. Hầu như. *Người lân cận* không thật sự có nghĩa “bất kể người nào” hay “mọi người.” Thật dễ dàng để yêu mọi người nói chung và phớt lờ hay thậm chí coi khinh một người gần bên.

---

<sup>5</sup> R.E.O White, *Christian Ethics* (Atlanta: John Knox, 1980), 18-25.

Tình yêu không đơn thuần là lòng khoan dung, một cảm xúc nồng ấm cho mọi người “ngoài kia” hay thậm chí là sự phẫn nộ đặc biệt cho người bị áp bức ở một vài nơi xa xăm. Tình yêu phải dành cho người lân cận mình- người nằm trong tầm với đến của mình. Bất cứ người nào trong tầm tay vươn tới, quả đúng là thế. Nhưng tình yêu bằng hành động phải dành cho người mà cần gì tôi có và tôi có thể ban cho (Ga-la-ti 6:10). Sự yêu thương lân cận mở rộng với một vòng tròn lớn hơn tình yêu anh em, giống như tình yêu anh em vượt xa hơn tình yêu gia đình vậy. Và tình yêu này không bị hạn chế với những người lân cận đáng kính. Tình yêu này thậm chí dành cho kẻ thù mình.

Tình yêu dành cho kẻ thù mình được dạy dỗ trong luật lệ Do thái (Xuất Ê-díp-tô ký 23:5; Gióp 31:29-30; Châm ngôn 24:17; 25-21), nhưng không một ai xem trong luật này. Thật sự, Chúa Jesus nói rằng truyền thống cho phép để ghét kẻ thù mình (Ma-thi-ơ 5:43). Nhưng Ngài dạy yêu kẻ thù bằng sự ép buộc và sự kiên định làm hoảng hốt dân Do thái. Ngài làm hoảng hốt cả đến thế giới về luật lệ La-mã và cả đến triết học Hy-lạp. Đây là sự độc nhất vô nhị: Hãy yêu kẻ thù mình. Giả như bạn không *cảm nhận* sự nồng ấm đó về kẻ thù mình, bạn có thể *lựa chọn* hành động cách yêu thương: cầu nguyện cho anh ta, làm điều tốt cho anh ta, hay nói tốt về anh ta nữa (Ma-thi-ơ 5:43-48; Lu-ca 6:27-38). Nhưng sứ điệp làm kinh động thế giới không phải chỉ là những gì Ngài dạy dỗ về cách sống này-quả là không thể tin được-mà đó chính là việc Ngài yêu kẻ thù nghịch mình theo cách Ngài dạy: “Nhưng Đức Chúa Trời tỏ lòng yêu thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là người có tội, thì Đấng Christ vì chúng ta chịu chết” (Rô-ma 5:8). Và chúng ta được dạy hãy yêu kẻ thù nghịch mình theo cách đó.

Hai điều răn này là hai mạng lệnh mà tất cả mọi điều khác phải dựa vào. Yêu Đức Chúa Trời. Vâng, thì cũng hãy yêu người lân cận mình. Không phải là ba, mà chỉ hai thôi. Một số dám chắc rằng có điều thứ ba, rằng chúng ta được lệnh yêu chính mình. Nhưng cấu trúc câu sẽ không chứa đựng lối giải thích này. Yêu chính mình được thừa nhận, nhưng không là mạng lệnh, trong cả Ma-thi-ơ 22:39 và Ê-phê-sô 5:28-29. Nếu được thừa nhận, thì tình yêu này không bị chỉ trích, vậy chúng ta hãy xem xét tình yêu chính mình.

## YÊU CHÍNH MÌNH

Paul Vitz, một giáo sư tại Đại Học New York, đã dẫn chứng bằng tài liệu về một cử chỉ thuyết phục rằng bởi việc tìm kiếm nhằm làm cho con đầy đủ, tâm lý học đương thời đã cam kết trong việc “tự sùng bái.”<sup>6</sup> Nhìn bên ngoài, trong sự thích nghi với bầu không khí đang

---

<sup>6</sup> Paul Vitz, *Psychology as Religion: The Cult of Self-Worship* (Grand Rapids: Eerdmans, 1977).

thâm nhập khắp này, có một làn thủy triều khuyến khích Cơ đốc về sự yêu chính mình như là tiêu chuẩn Kinh Thánh, để rồi việc tự khám phá, tự nhận thức bản thân, tự khẳng định, tự hoàn nguyện, tự thể hiện, tự đánh giá, lòng tự trọng, tự đề cao tất cả được ủng hộ như là những mục tiêu đáng giá cho Cơ đốc nhân. Thật ra, chúng ta được dạy chúng ta không thể trọn vẹn mà thiếu vắng điều này. Làm thế nào điều này thích hợp với lời giáo huấn Kinh Thánh về sự hy sinh, tự đóng đinh- quả thực với mạng lệnh phải ghét bỏ chính mình? (Xem Lu-ca 14:26) Một phần trong vấn đề này là định nghĩa về sự “yêu chính mình,” và một phần là một sự khác biệt ý thức hệ cơ bản.

Cụm từ *yêu chính mình* có thể được dùng với nghĩa “tự cho mình là trung tâm” hay “tự nhận,” như John R. Stott đã chỉ ra trong bài phê bình đầy sắc bén của mình về sự mê hoặc đương thời với tình yêu bản thân được xem như là nền tảng của mọi loại tình yêu khác.<sup>7</sup> Nếu như chúng ta có tâm trí về sự tự thừa nhận, thì không một Cơ đốc nhân nào có thể bào chữa cho điều đó, nếu như chúng ta có tâm trí về sự tự thừa nhận, thì sẽ có một vài điều để bàn đến. Khi mà cụm từ này là mang nhiều nghĩa, Stott đề nghị chúng ta cần tránh điều này. Nhưng vấn đề không chỉ cốt về khía cạnh ngữ nghĩa học. Có một sự khác biệt cơ bản mang tính ý thức hệ mà Giáo sư John Piper đã chỉ ra một cách rõ ràng:

Người đề xướng về lối giải nghĩa này đã kết hợp hai giả định lại với nhau như thế này: nhiệm vụ đầu tiên của một người trong việc vâng phục Chúa Jesus là cần phải phát triển lòng tự trọng để rồi người ấy có thể hoàn thành phần thứ hai của mạng lệnh, yêu người khác giống như người ấy đang yêu chính mình vậy.

Sau khi lý luận một cách rất thấu đáo về phân đoạn Kinh Thánh và luận về những vấn đề, Piper kết luận:

Theo tôi thấy, ý nghĩa của mạng lệnh “Người hãy yêu kẻ lân cận như mình” được hiểu thế này: Chúa của chúng ta nhằm mục đích kêu gọi trở thành người nam và người nữ đầy yêu thương, đầy lòng trắc ẩn, khoan dung là người có tấm lòng nhiệt thành biến những điều này thành hành động khi có những nỗi đau giữa vòng những người trong tâm với của họ. Và với mục đích đó, Ngài truyền lệnh rằng họ liên tục tự hỏi mình câu hỏi: Tôi có đang khao khát và tìm kiếm những điều tốt trong đời sống hiện tại và vĩnh cửu cho người lân cận mình với cùng một nhiệt huyết, sự khôn khéo và sự bền chí như tôi tìm kiếm cho chính mình chăng?<sup>8</sup>

Không, chúng ta không được truyền lệnh yêu chính mình- chúng ta được gây dựng theo cách đó. Tuy nhiên, một số người rất mạnh mẽ trong sự hy sinh quên mình mà họ xem yêu chính mình là điều sai trật. Há có phải yêu chính mình không phải dấu hiệu về sự suy đồi

---

<sup>7</sup> John Stott, “Must I really Love Myself?” *Christian Today*, 5 May 1978, 34-35.

<sup>8</sup> John Piper, “IS Self-love Biblical?” *Christian Today*, 12 August 1977, 8-9.

hoàn toàn trong ngày sau rốt sao (II Ti-mô-thê 3:2)? Há có phải chính Chúa Jesus phán rằng một người cần ghét bỏ chính mình sao? Tuy nhiên, cũng một phân đoạn này nói rằng chúng ta phải ghét cha mẹ mình (Lu-ca 14:26).

Chúng ta giải quyết ở đây về cách dùng đặc biệt trong Hy-văn về những từ *yêu* và *ghét*. Quan niệm về cảm xúc không có ý định ở đây. Đức Chúa Trời không hề có cảm xúc oán hận một cách dữ dội rằng Ngài ghét Ê-sau. Không hề, một quyết định công tâm là điều nói đến- Ngài chọn lựa khước từ Ê-sau và chọn xác nhận Gia-cóp làm dòng dõi mà qua đó Đấng Mê-sia sẽ đến. “Ghét” trong nghĩa này này là khước từ, “yêu” là chấp nhận, xác định. Người ta cũng thường nói như thế này, vì có chúng ta, Đức Chúa Cha đã “ghét” Đức Chúa Con—mang lấy địa vị hợp pháp về sự từ khước, định tội Ngài. Khi thời điểm đến về tình yêu dành cho cha mẹ và tình yêu dành cho Đức Chúa Trời trở nên xung đột, chúng ta phải lựa chọn cách này hoặc cách kia. Cũng một thế ấy, chúng ta được kêu gọi phải tự bỏ chính mình hay có ý chủ ý lựa chọn từ bỏ tư lợi, vì có Đức Chúa Trời hay thậm chí vì ích lợi của những người khác. Người nào “yêu” chính sự sống mình (chính bản thân mình) là người khẳng định quyền chính mình và tư lợi mình bằng bất cứ giá nào. Làm như vậy, người ấy khước từ lời công bố của Đức Chúa Trời. Đồng thời, trong sự phân tích cuối, người ấy đã mất chính sự sống mình—chính điều mà người ấy đang cố níu giữ.

Ý niệm đương đại đó là sự đầy trọn bắt nguồn từ sự tự nhận thức về bản thân và kết thúc bằng sự tự hoàn thành ước nguyện. Trong khi Lời Kinh Thánh dạy rằng sự đầy trọn bắt nguồn từ sự từ khước bản thân và kết thúc là việc Đức Chúa Trời làm cho đầy trọn. Nếu một người khởi đầu bằng sự tự nhận thức bản thân và mục tiêu hàng đầu của mình là sự tự hoàn thành ước nguyện của cuộc sống, thì chính mình người đó cũng như Đức Chúa Trời sẽ không nhận thấy thỏa nguyện trong cuộc đời người đó. Nhưng nếu người ấy xem hoàn tất mục đích của Đức Chúa Trời trong thế giới này làm mục tiêu của mình, Đức Chúa Trời sẽ lấy làm hài lòng và được vinh hiển, và kết quả người ấy sẽ tìm thấy sự thỏa nguyện về mục đích mà Đức Chúa Trời đã tạo dựng và giải cứu mình. Đây chính là sự tự hoàn nguyện thật.

Nếu một người thật sự ghét bỏ chính mình về góc độ tình cảm, không ưa thích chính mình, người ấy là người dị thường. Và sự bất công nhận chính mình thật sự là một vấn đề lớn. Nhiều nhà tâm lý học đã tìm kiếm giải quyết vấn đề này qua việc thuyết phục một người rằng người ấy thật sự giá trị hay rằng người ấy không bị định tội. Sự thất bại của người ấy là lỗi lầm của môi trường hay là do phẩm tính mà người ấy thừa hưởng, vì thế người ấy không hề có trách nhiệm gì. Tâm lý học tự xem giá trị mình chi phối học thuyết và thực tiễn có vấn Phúc Âm, như nhà tâm lý học Jay Adams chứng minh bằng những tài liệu rất tỉ mỉ qua đề tài

*Quan Điểm Kinh Thánh về sự Tự Trọng, Tự Ái, Tự Nhận thức bản Thân.*<sup>9</sup> Cách tiếp cận qua sự tự xem mình giá trị đã chỉ ra nguồn gốc không theo Kinh Thánh về những vấn đề nhân loại, ngoại tại đối với chính những sự lựa chọn đạo đức của một người. Theo quan điểm này, những người khác đã lợi dụng một quan điểm tầm thường về bản thân của một người và theo cách đó đã hạ bót tiềm lực người ấy, và có thể làm lụn bại người ấy. Một khi ma vấn đề cốt yếu được nhận diện thiếu chính xác, thì đồng thời cũng theo cùng một giải pháp sai. Xây dựng một quan điểm đề cao về chính mình chưa bao giờ được nói đến trong lời Kinh Thánh như là giải pháp cho bất kỳ vấn đề gì. “Giải pháp” như thế chỉ làm vấn đề tồi tệ thêm, sớm muộn gì người làm tổn hại người khác sẽ nhận ra rằng người ấy thật sự chẳng quan trọng gì trong cái nhìn của người khác và thật sự người ấy bị định tội.

Giải pháp theo Kinh Thánh cho vấn đề này rất khác. Đây chính là sự đảm bảo rằng Đức Chúa Trời tha thứ và chấp nhận chúng ta. Chúng ta chịu trách nhiệm với những gì mình làm và về chính mình, chúng ta thật có tội. Nhưng tội lỗi đã bị quăng xa rồi. Và nếu Đức Chúa Trời chấp nhận chúng ta, thì chúng ta chắc chắn sẽ chấp nhận chính mình. Hơn thế, Kinh Thánh dạy rằng chúng ta được tạo dựng theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời và vậy chúng ta được tạo dựng và được cứu cách *có mục đích*. Dù chúng ta có thể không quan trọng hay cao trọng với người khác, những với Đức Chúa Trời chúng ta được quý trọng. Quả hẳn về bản thân: được tạo dựng giống như Đức Chúa Trời, được giải cứu bằng giá rất cao, và được Ngài đặt để một mục đích duy nhất trong đời sống!

Điều tự khám phá quá lớn lao này về con người chính tôi trong Đấng Christ đã giải phóng tôi và làm cho tôi mạnh mẽ để ghét bỏ và tiêu hủy điều ác trong chính mình và hy sinh (từ bỏ chính mình) quyền chính mình và thập chí ích lợi mình vì người khác. Giờ đây tôi có thể chấp nhận con người thật của mình với lòng biết ơn—và con người mà tôi sẽ trở thành như là những món quà yêu thương của Đức Chúa Trời.

Từ góc nhìn này đi đến quan điểm Kinh Thánh về sự nhận thức chính mình. Một nhận thức bản thân “mạnh mẽ” là sự nhận thức về chính mình là thật, và gần như đây là chuỗi các sự thật, gồm tất cả những yếu điểm và sự đòi trụ thuộc về tôi theo bản chất, và tất cả mọi vinh hiển thuộc về tôi bởi ân điển.

Thế thì, sự tự ái có thể định nghĩa cách chính xác là, được sự thừa nhận bởi lời Kinh Thánh theo cách mà Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên chúng ta. Hãy đối xử với bản ngã theo cách này là phù hợp với thức tế và vậy nên thúc đẩy sự trọn vẹn.

---

<sup>9</sup> Jay Adams, *The Biblical View of Self-Esteem, Self-Love, Self-Image* (Eugene, Oreg.: Harvest House, 1986).



Có những loại tình yêu khác không? Tôi tin Kinh Thánh có những chỗ trống-chỉ nhỏ thôi- dành cho thực tế khác: tình yêu dành cho vật chất.

## YÊU ĐỒ VẬT

Có tính khả thi lắm về một sự cảm kích dành cho vài đối tượng quá mãnh liệt có thể được xem là “tình yêu.” Điều này có thể hoặc là bị mê hoặc, như sự tham lam, hay mang tính hợp pháp, khi trở nên ngưỡng mộ điều gì đó đẹp đẽ. Tình yêu này có thể thấy hầu như rõ nhất trong tình yêu dành cho một ý tưởng lớn hay một chính nghĩa. Kinh Thánh không trực tiếp nói đến vấn đề tình yêu dành cho những đối tượng vô tri vô giác, nhưng Kinh Thánh hơn là lên án những niềm đam mê như thế khi biến nó trở thành thần tượng. Nhưng Kinh Thánh nói về lòng tử tế dành cho súc vật (Luật Môi-se; Chăn ngôn 12:10), và chắc chắn con người kinh nghiệm rất nhiều với những ví dụ về tình yêu dành cho thú nuôi, vật nuôi.

Đức Chúa Trời, người khác, chính mình, vật chất: một người có thể yêu tất cả miễn là những điều này không tạo sự xung khắc. Nhưng nếu như tình yêu dành cho người khác xung đột với tình yêu dành cho Đức Chúa Trời thì sao? Liệu những sở thích yêu thích nhất của tôi trái ngược với người lân cận không thể dung hòa được thì sao? Làm thế nào chúng ta có thể xử lý những xung đột của tình yêu?

## XUNG ĐỘT CỦA CÁC LOẠI TÌNH YÊU

Hầu hết mọi người đều lựa chọn và hành động xuất phát từ động cơ của sự tự lợi. Sự trung thành cao thượng nhất dành cho một người chưa được cứu là dành cho bản thân. Thậm chí ngay trong tư tưởng bác ái về đạo đức mang tính nhân văn, ưu tiên hàng đầu vẫn là con người, không phải là Đức Chúa Trời. Nhưng tình yêu thương theo Kinh Thánh, tình yêu tốt bụng và chi phối, yếu tố hòa hợp của cuộc sống, mối quan hệ then chốt, đó chính là tình yêu dành cho Đức Chúa Trời. Tôi có thể nói gì nếu tôi yêu Đức Chúa Trời vô cùng?

Thật vô ích để cố gắng quyết định liệu chúng ta đang có tình yêu nồng thắm cho Đức Chúa Trời như chúng ta đang dành cho cha mẹ hay con cái mình, vợ hoặc chồng mình, nhưng có một cách để nói lên tình yêu nào đang vượt trội. Tình yêu mang tính chi phối trở nên khá rõ ràng khi một sự đương đầu xuất hiện. Khi sự quan tâm nhất dành cho người khác hay chính mình chúng ta và sự quan tâm nhất cho Đức Chúa Trời bắt đầu xung khắc, tình yêu phải đưa ra sự chọn lựa.

Tình yêu con người dành cho nhau thường chỉ ở mức độ nào đó. Nhưng khi cái giá của hành động yêu thương trở nên càng cao, lối cư xử yêu thương sẽ dừng lại. Tình yêu của Đức Chúa Trời thì khác hẳn. Làm sao tôi có thể yêu người lân cận mình như Đấng Christ

muốn tôi yêu? Hãy hỏi câu hỏi này: Phải chăng tình yêu dành cho chính tôi hạn chế sự biểu lộ tình yêu của tôi dành cho người khác, hay có phải tình yêu của tôi dành cho người khác hạn chế sự biểu lộ tình yêu của tôi dành cho chính mình? Tình yêu được đo lường, không phải bởi sức mạnh của cảm xúc, nhưng bằng là sự hy sinh mà tình yêu dám công hiến.

Chúa Jesus ngụ ý điều này khi Ngài phán, “Chẳng có sự yêu thương nào lớn hơn là vì bạn hữu mà phó sự sống mình.” (Giăng 15:13). Thông thường tình yêu hiện hữu dù không có sự hy sinh, nhưng chừng nào ích lợi còn được đền đáp lại, thì chẳng có *bằng chứng* chứng tỏ rằng đó thật là tình yêu dành cho người khác hơn là tình yêu chính mình. Cho dù đáp ứng tình cảm của chúng ta là gì đi nữa, nếu chúng ta lựa chọn hy sinh những gì chúng ta có được vì có ích lợi cho người khác, chúng ta đã yêu như Đức Chúa Trời đã yêu chúng ta. Sự hy sinh. Đây chính là cách mà Đức Chúa Trời yêu. Và thế gian không thể nào hiểu thấu được.

Bản chất con người thông thường không muốn can dự vào vì có ích lợi người khác. Trên hết mọi điều, người ấy không muốn chịu đau khổ mất mát vì có người khác. Khi Kitty Genovese bị đâm chết cách dã man ngay trước căn hộ của cô ở New York vào tháng 3 năm 1964, ba mươi tám người đã xem thấy từ những cảnh cửa sổ tối. Không một ai làm gì để giúp cô ấy, dù cô ấy đã kêu cứu trong ba mươi phút. Tại sao? Cảnh sát điều tra cho biết, “Từ mà chúng tôi không muốn nghe từ các nhân chứng sau này là *liên lụy*. Nhiều người cho chúng tôi biết rằng họ không muốn liên lụy. Họ không muốn bị tra vấn hay phải dự tòa.” Vụ án của cô ấy đã nổi tiếng vì tin tức được lan truyền cả nước, nhưng chuyện như thế vẫn diễn ra hàng ngày. Không một ai muốn liên lụy. Nhưng tình yêu thiên thượng thì hoàn toàn ngược lại. Tình yêu đó chọn lựa để được liên lụy, dù giá phải trả thế nào đi chăng nữa.

Tuy nhiên, những sự hy sinh mà chúng ta lưỡng lự thường không phải là đe dọa sự sống: sự hy sinh của người cha mẹ cho phép phép đưa con là trẻ thơ khi nó còn bé nhỏ và để cho nó tự do hơn khi nó trưởng thành, sự hy sinh của một người làm con cho phép bố mẹ mình “chăm sóc như mẹ và trẻ thơ,” sự hy sinh của người phối ngẫu quyền của mình là đúng- tất cả mọi cấu ghét nhỏ nhất của thói quen thường nhật. Vì sự xung đột về những lợi ích được giải quyết, khi ai đó phải bị hy sinh. Người đó sẽ là ai? Liệu tôi sẽ vác cây thập tự của mình hay đóng đinh người ấy trên cây thập tự? Điều đó còn tùy vào người nào mình yêu nhiều hơn.

Shirai là một người vợ trẻ người Nhật mà chồng cô ấy là người thích theo truyền thống của gia đình. Khi cô ấy tin nhận Đấng Christ, chồng cô giận dữ lắm. Chồng cô cảnh cáo rằng, nếu cô ấy còn dám đi đến buổi nhóm lại một lần nữa, cô ấy sẽ bị khóa cửa không cho vào nhà. Một tối Chúa nhật Shirai về nhà đã tối mịt và cửa đã bị khóa. Cô phải ngủ ngoài cửa nhà cho đến sáng, và khi chồng cô mở cửa nhà, cô đã mỉm cười cách ngọt ngào và

vội vàng chuẩn bị bữa điểm tâm ngon nhất gồm súp đậu, cơm và cá tươi. Mọi ngày Chúa nhật và thứ Tư đều xảy ra như thế. Khi mùa đông đến cùng với cái lạnh và mưa. Shirai đã co cụm người trong bóng tối khi chiếc áo cotton ước dầm đã đóng băng trên người cô. Tuần này sang tuần nọ trong vòng sáu tháng cô đã nhẹ nhàng tha thứ cách hoàn toàn. Không hề có sự tỏ cáo, không giận oán gì. Tình yêu đã trả giá—cô ấy đã mang lấy tội chồng mình. Nhưng rồi người chồng tội nghiệp của cô cuối cùng không thể chịu đựng nổi nữa. Rớt lại thì tình yêu đã chiến thắng. Khi tôi gặp anh ấy, thì anh ấy đã là cột trụ của Hội thánh, học biết bước đi trên con đường chông gai của tình yêu hy sinh. Tấm gương của Shirai đã đập vỡ tính tự mãn với một bức tranh sắc bén, rõ ràng ý nghĩa thế nào về sự tự bỏ chính mình, vác thập tự giá mình mỗi ngày và theo Chúa Jesus.

“Một người mà luôn luôn sẵn sàng để tha thứ, người ấy sẽ được gọi là sự biến đổi ấn tượng nhất của Chúa Jesus về đạo đức.”<sup>10</sup> Có lẽ một trong những sự hy sinh đau đớn nhất mà tình yêu mang lại chính là sự tha thứ. Để tha thứ cần phải trả giá, vì một ai đó phải trả một giá về điều sai trật. Nếu như tôi lựa chọn để đối xử với một người mà người đó như thể người đó đã chưa làm điều sai trái (tha thứ), thì tôi có thể phải trả một cái giá cho điều này. Đó không chỉ là sự hy sinh lòng tự trọng – mà dường như điều này quả đau đớn. Nhưng nếu tôi tha thứ - thật lòng tha thứ, thì tôi phải trả giá cho điều đó. Và tôi không thể buộc bên phạm tội trả giá trong mỗi lần tạo ra qua lời nói ám chỉ vụn vặt.

Khi Chủ tịch Ford tha thứ cho Richard Nixon, ông đã trả giá cho điều đó, họ đã nói cho chúng ta trong lần bầu cử kế tiếp. Ngay khi mối quan hệ theo nguyên tắc đó là điều cần thiết, cũng như giữa cha mẹ và con cái, tha thứ có nghĩa là sự phục hồi trọn vẹn mà không có bóng ma rình rập của sự gợi nhắc tinh tế nào. Và đôi khi đó không thể là sự tha thứ nào cả—chỉ là một giả định chung về lỗi lầm khi cần đến. Trong một số trường hợp, “Anh xin lỗi vì tôi qua về nhà trong say khướt” có thể kêu gọi người vợ tin Chúa đáp lại, “Xin tha thứ cho em đã làm cuộc sống trở nên quá khôn khổ.” Một người công bình “anh tha thứ em” tại điểm đó sẽ có thể là cái đinh khác đóng vào thập tự giá của anh ta, chứ không phải cô ấy.

Nói một cách khác, một số người đã mất mát trong việc bào chữa qua chiêu bài về những từ ngữ hối lỗi. Tôi có thể nói, “tôi xin lỗi đã quá ngu ngốc khi nói thế và chọc tức bạn. Xin tha thứ cho tôi.” Một hàm ý không che dấu: “Tôi quên cách bạn quá nhạy cảm cách vô lý. Thật tệ hại bạn đã lại phạm lỗi lần nữa bằng cái lưỡi vô tình.” Kết cục cuối cùng của kiểu “xin lỗi” như thế là một vết thương nhân đôi, một vết thương cho sự tệ hại của bạn và cái kia là dành cho sự ngay thơ được ám chỉ của chính tôi. Một đáp ứng thành thật có thể là, “tôi tự

---

<sup>10</sup> L.H. Mashall, quoted by Carl D.H. Henry, *Christian Personal Ethics* (Grand Rapids: Eerdmans, 1957), 483.

hỏi liệu bạn biết cách bạn lắng nghe không?” hay tốt hơn, “Ồ đây chúng ta đã truyền thông sai. Chúng ta nên làm gì kế tiếp?” Dĩ nhiên đáp ứng tốt nhất có thể là yên lặng và một cái lắc đầu tươi cười với chủ đề tiếp theo hay việc cần làm tiếp. Thật đau đớn, Điều này phải chăng không thôi thúc để đi đến sự xác minh? Có đấy, cách đau đớn của thập tự giá, sự tha thứ thật chấp nhận cái giá được mang lấy bởi tội người khác.

Tôi có phải tha thứ nếu người khác không ăn năn, không xin lỗi không? Chúa Jesus đã phán, “Nếu anh em người đã phạm tội hãy quở trách họ; và nếu họ ăn năn, thì hãy tha thứ.” (Lu-ca 17:3). Vậy nên chúng ta phải tha thứ cho người mà tỏ ra ân hận vì phạm tội với chúng ta. Đó là lúc Đức Chúa Trời tha thứ. Nhưng cả Đấng Christ và Ê-tiên cả hai đã cầu nguyện Đức Chúa Trời không kể tội những người đã phạm tội nghịch cùng họ, ngay cả khi kẻ giết người đã không cầu xin tha thứ. Cho nên tha thứ là điều cần có cho dù thế nào. Và khi mà chúng ta không thể hiểu suy nghĩ của người khác, cho nên tha thứ là điều tốt nhất dù thế nào đi nữa. Thông thường thì người khác không nhìn hoàn cảnh theo nhãn quan của tôi và không nhận thức nhu cầu để ăn năn hay xin sự tha thứ. Trong bất kể sự việc nào, một nỗ lực để phục hòa luôn là trách nhiệm của tôi, cho dù người phạm tội đó là ai. Bên cạnh đó, sự không tha thứ là căn bệnh ung thư và căn bệnh này có thể ăn mòn tinh thần và nhiệt huyết của người thất bại trong sự tha thứ, cho nên có giá trị chữa bệnh khi tha thứ trở thành lối sống, dù người phạm lỗi cư xử thế nào đi chăng nữa.<sup>11</sup>

## TÂM QUAN TRONG CỦA SỰ YÊU THƯƠNG

### ĐẶC TÍNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Tình yêu Agape được xem là “trọng tâm của Cơ đốc giáo, là chủ đề nền tảng Cơ đốc *thượng hạp*.”<sup>12</sup> Phải chăng lời công bố này hơi quá về tình yêu? Tôi tin Augustine gần với lẽ thật hơn khi ông nói rằng điều tốt quan trọng nhất thì chẳng có điều gì khác hơn là chính Đức Chúa Trời. Chắc chắn rằng trọng tâm của Cơ đốc giáo là chính Đấng Christ. Như chúng ta nhìn thấy, Đức Chúa Trời là Đấng yêu thương. Quả thực, Đức Chúa Trời là sự yêu thương. Tâm quan trọng bậc nhất về tình yêu được nhìn nhận như vậy: tình yêu thương là cách bày tỏ Đức Chúa Trời là ai.

Thật vĩ đại và rõ ràng về luận điểm liệu sự công bình hay yêu thương là có ý nghĩa lớn nhất trong phẩm tính của Đức Chúa Trời. Và làm thế nào sự công bình và thánh khiết của Ngài phản nộ với tội lỗi lại hài hợp với tình yêu Ngài? Một số tin rằng sự bình là sự mở

<sup>11</sup> For an extended biblical analysis of forgiveness, see series of articles by the author in Moody, November 1994.

<sup>12</sup> Anders Nygren, *Agape and Eros*, trans. Philip S. Watson (Philiadelphia: Westminster, 1953), 48.

tả toàn diện và tình yêu là một yếu tố của những gì là đúng hay chân lý. Những người khác tin rằng tình yêu là sự phạm trù toàn diện và sự công bình là một khía cạnh của tình yêu. Có lẽ chúng ta sẽ chẳng thể bày tỏ tốt hơn tác giả thi thiên rằng “Sự thương xót và sự chân thật đã gặp nhau; Sự công bình và sự bình an đã hôn nhau” (Thi thiên 85:10). Tất cả mọi điều này đã xảy ra tại Gô-gô-tha khi sự công bình của Đức Chúa Trời chống nghịch tội lỗi đều chất trên Con độc sanh của chính Ngài bởi vì tình yêu cho bạn và tôi. Chắc chắn đúng là, phần công chính của Đức Chúa Trời không thể tồn tại mà không có tình yêu, và phần nào về tình yêu của Đức Chúa Trời không thể tồn tại mà không có sự công chính. Tình yêu mang tầm quan trọng bậc nhất bởi vì đây là cách bày tỏ Đức Chúa Trời là ai.

### ẢNH TƯỢNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI TRONG CON NGƯỜI

Tình yêu không chỉ phẩm tính chủ yếu của Đức Chúa Trời; tình yêu còn là ảnh hưởng sâu sắc về ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong con người, nét đặc trưng gia cảnh không thể thiếu mà không ai không có khi đã tuyên bố rằng mình là thành của gia đình Đức Chúa Trời (1 Giăng 4:7-8). Tình yêu hợp nhất Ba ngôi Đức Chúa Trời là một, và từ sự tuôn đổ tình yêu đó từ buổi sáng thế của con người không phải là “động vật cao nhất” nhưng là “kém hơn Đức Chúa Trời một chút” (Thi thiên 8:5), có thể làm bạn và hiệp nhất yêu thương với chính Đức Chúa Trời. Không chỉ là sự hiệp nhất yêu thương này là lẽ thật trọng tâm về Đức Chúa Trời và mục đích tạo dựng, đồng thời sự hiệp nhất yêu thương còn là mục đích của sự cứu chuộc trong sự phục hòa ảnh tượng mà con người đã bị bại hoại. Ngài không phục hòa con người đơn thuần chỉ để chứng tỏ quyền năng của Ngài và đánh bại Sa-tan. Ngài đã hoàn tất mục đích ban đầu- một sự liên hiệp yêu thương trọn vẹn với chính Ngài.

Tình yêu thật quá sâu đậm, quá bao la, quá cao quý đến nỗi vượt quá sự hiểu biết (Ê-phê-sô 3:18-19). Nói tóm lại, tình yêu thật có sự liên bằng cách nào đó với “mọi sự dư dật của Đức Chúa Trời” 9c.19). Nhưng nếu quả thật Đấng Christ sống trong chúng qua đức tin, chúng ta có thể được xác lập trong sự trải nghiệm về tình yêu mà *chúng ta* có năng quyền để hiểu rõ điều lớn nhất của mọi điều (c.17-18).

### CỘI NGUỒN VÀ TÓM LƯỢC VỀ TẤT CẢ MỌI ĐỨC HẠNH

Không chỉ tình yêu rất quan trọng bởi vì là phẩm tính về Đức Chúa Trời và lan truyền ra từ khởi nguyên và số phận của con người; tình yêu là nền tảng của mọi luân thường đạo lý, sự mặc khải của Đức Chúa Trời về ý định của Ngài cho chúng ta hướng đến và điều chúng ta sẽ làm. Augustine đã thấy rõ điều này cách rõ ràng:

Đạo đức của Augustine trọng tâm hoàn toàn dựa trên tình yêu này. Những đức hạnh cốt yếu đã được gom tóm dưới chân tình yêu. Đức hạnh bao gồm không điều gì khác hơn bằng yêu mến những điều gì đáng yêu; đó là sự khôn ngoan để chọn lựa điều này, dũng cảm cam chịu không xoay chuyển dù trở lực, tinh thần ôn hòa không chịu cảm dỗ dù sự quyền rũ thế nào, công bằng không lệch hướng dù bất cứ giá nào.<sup>13</sup>

## KẾT QUẢ VÔ SONG CỦA TÌNH YÊU

Cuối cùng, những kết quả về thái độ và lối cư xử yêu thương nhấn mạnh tầm quan trọng bậc nhất về chủ đề của chúng tôi. Tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho chúng ta đã cung ứng sự sống, sự cứu rỗi, và giờ đây cung ứng tất cả mọi điều chúng ta cần. “Ai sẽ phân rẽ chúng ta khỏi sự yêu thương của Đấng Christ? ....<sup>38</sup> Vì tôi chắc rằng bất kỳ sự chết, sự sống, các thiên sứ, các kẻ cầm quyền, việc bây giờ, việc hầu đến, quyền phép,<sup>39</sup> bề cao, hay là bề sâu, hoặc một vật nào, chẳng có thể phân rẽ chúng ta khỏi sự yêu thương mà Đức Chúa Trời đã chứng cho chúng ta trong Đức Chúa Jêsus Christ, là Chúa chúng ta” (Rô-ma 8:35-39). Quả là thành quả lớn lao về tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho chúng ta! Thế nhưng tình yêu của chúng ta dành cho Đức Chúa Trời là gì?

Khi chúng ta yêu Đức Chúa Trời với tất cả sự yêu mến chúng ta (tấm lòng), với mọi sự lựa chọn (linh hồn) và với mọi sự chú tâm về tất cả sức mạnh tinh thần của chúng ta (tâm trí) (Ma-thi-ơ 22:37), chúng ta không chỉ chứng tỏ mình thuộc Ngài và làm đẹp lòng Ngài, nhưng còn là công nhận giá trị tất cả mọi loại tình yêu khác nữa. Tình yêu Đức Chúa Trời làm cho tình yêu dành cho người khác và ngay cả dành cho chính chúng ta trở nên hiệu quả ở chiều mức Ngài đã thiết lập. Nếu tôi thất bại trong việc yêu mến Đức Chúa Trời làm nền tảng, tôi có thể làm nhiều điều gây tổn hại trong tình yêu dành cho người khác hay suy giảm giá trị của một người tôi có được trong Đấng Christ. Tôi thậm chí làm cho những loại tình yêu khác mất đi hiệu lực. Ví dụ, khi cha mẹ đặt để một đứa con trên ngai cao nhất của tình yêu và hy sinh những trách nhiệm với Đức Chúa Trời và sự vâng theo ý muốn Ngài cho đứa trẻ đó, thì mối quan hệ với chính đứa trẻ đó sẽ trở nên lệch lạc và ló bịch.

Tôi đã yêu thích sự viếng thăm gia đình Nakamuras. Đức Chúa Trời đã giải cứu họ khỏi cuộc đời khốn khổ trên bờ vực của sự li dị và đưa họ bước vào gia đình con dân của Đức Chúa Trời. Con trai sáu tuổi của họ, Hideyaki, và con trai út chúng tôi thích cùng chơi đùa cùng nhau. Một ngày nọ tôi hỏi họ xem có hình nào về cháu không. Họ trả lời có! Bộ ảnh thứ nhất làm tôi ngạc nhiên, lần lược tôi đã xem những hình ảnh của cháu sáu tháng đầu đời của Hideyaki- nhiều trang đầu chứa đầy hình ảnh khi cháu sinh ra, những trang khác về “ngày đầy tháng” và kể đến là rất nhiều trang trong ngày tròn một trăm ngày tuổi. Cả căn

---

<sup>13</sup> George W. Forell, *History of Christian Ethics*, vol. 1 (Minneapolis: Augsburg, 1979), 167.

phòng nhỏ chứa đầy các album ảnh hầu như chỉ dành cho Hideyaki. Quả là tình yêu hết mực dành cho đứa con duy nhất! Dần dần tình yêu đó chiếm mất vị trí Đức Chúa Trời và chắc hẳn bắt đầu xóa mòn tình yêu của cặp vợ chồng này dành cho nhau.

Nhưng có lẽ ít nhất Hideyaki sẽ thừa hưởng chăng? Điều cuối cùng tôi nghe được, cậu ấy đã làm tan nát trái tim của cha mẹ đáng kính này, họ càng ngày càng lún sâu vào cuộc sống nghiện ngập ma túy và tội phạm. Tình yêu tôn thờ của họ không chỉ hủy phá mối quan hệ với Đức Chúa Trời và những người khác, tình yêu đó cũng trong việc hủy hoại chính đối tượng mà họ hết mực yêu thương.

Nhưng tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, một khi được đặt trên ngai và trên tất cả mọi loại tình yêu khác, thì tình yêu đó có sức mạnh để giữ chặt các loại tình yêu khác, chỉ ra hướng đi và thêm sức lực cho chúng, mang đầy ý nghĩa cho tình yêu đó, thử rèn chúng và đưa chúng lên vị trí cao nhất và tốt nhất mà tình yêu mong đợi.

Trên tất cả những thành quả khác, một người sống trong tình yêu thật sự là người sống trong Đức Chúa Trời (I Giăng 4:16), mục tiêu tối hậu của tất cả mọi sự hiện hữu của chúng ta.

## CHƯƠNG 2 LUẬT PHÁP

Tại sao luật pháp đối với một số người là nỗi lo sợ của những điều ác hiện thân bị trừ khử khỏi cuộc sống, trong khi đó với người khác luật pháp là hy vọng duy nhất về sự cứu rỗi? Mục đích của luật pháp là gì và làm thế nào luật pháp được biết đến?

Một luật pháp là bất cứ phép tắc hay mệnh lệnh buộc phải tuân giữ. Trong tôn giáo, những phép tắc này thông thường đòi hỏi những yêu cầu về nghi thức hay lễ nghi và yêu cầu về mặt đạo đức hay luân lý. Thật ra, những luật này rất nổi bật trong hầu hết các tôn giáo và được xem là nền tảng vững chắc của những tôn giáo đó. Điều này thật đúng cho những lãnh đạo tôn giáo Do thái thời Chúa Jesus, và ngày nay càng đúng hơn nhiều qua lễ rửa tội. Liệu đây có phải là quan điểm đúng theo Kinh Thánh chăng? Chắc chắn rằng có rất nhiều luật pháp trong Kinh Thánh – có hơn sáu trăm mạng lệnh của Môi-se và hơn sáu trăm mạng lệnh trong Tân Ước. Những luật pháp này phải được vâng giữ chăng? Liệu chúng có được vâng giữ không? Nếu không, luật pháp này đưa ra nhằm mục đích gì? Trước khi những câu hỏi này và nhiều câu hỏi sống động khác có thể được trả lời, thật là quan trọng để xem xét chính Kinh Thánh định nghĩa cụm từ này.

### ĐỊNH NGHĨA VỀ LUẬT PHÁP

Kinh Thánh dùng từ *luật pháp* theo nhiều cách, và thường thì ý nghĩa của cụm từ này không hoàn toàn khác nhau. Trong một số phân đoạn của Tân ước ý nghĩa rành mạch hơn được nhận thấy rõ ràng. Một số cho rằng có nhiều hơn mười hai cách dùng riêng biệt về cụm từ này.<sup>1</sup> Sau đây một số trong những cách dùng này:

### LUẬT PHÁP LÀ Ý MUỐN ĐỨC CHÚA TRỜI ĐƯỢC BÀY TỎ ĐỂ CON NGƯỜI TRỞ NÊN GIỐNG NHƯ NGÀI VỀ PHƯƠNG DIỆN ĐẠO ĐỨC

Đức Chúa Trời tạo dựng con người theo ảnh tượng của Ngài về phương diện đạo đức. Không nghi ngờ gì, có các yếu tố khác trong ảnh tượng giống Đức Chúa Trời của con người, nhưng phẩm tính đúng về phương diện đạo đức mang tính chính yếu. Đây chính là nền tảng của tình yêu và sự thông công chia sẻ; đây chính là phần không thể thiếu nhằm chứng tỏ trong đời sống loài người về sự vinh hiển (phẩm tính vinh hiển) của Đức Chúa Trời. Nhân loại đã từng từ khước ảnh tượng Đức Chúa Trời này và tự nỗ lực để đạt đến việc giống như Đức Chúa Trời trong thuộc tính về sự hiểu biết và sức mạnh. Sa-tan đã cám dỗ Ê-va theo cách này:

---

<sup>1</sup>Roberson C. McQuilkin, *God's Law and God's Grace* (Grand Rapids: Eerdmans, 1958), 13-17



“Người sẽ trở nên giống như Đức Chúa Trời.” Bằng cách nào? Ê-va đã giống như Đức Chúa Trời trong bản tính đạo đức của Ngài. Ê-va đã từ khước nét tương đồng này nhằm đạt đến sự vô hạn của Đức Chúa Trời và từ đó đã đánh mất cả hai. Tất cả dòng dõi người, ngoại trừ một người, đã đi theo bước chân của Ê-va. Những mục đích của Đức Chúa Trời vẫn không đổi: Ngài mong muốn dân sự Ngài giống như chính Ngài.

Đây chính là mục đích của Chúa toàn năng, truyền lệnh qua Môi-se từ khởi đầu của Giao ước Cũ và qua Chúa Jesus Christ từ khi khởi đầu của Giao ước Mới: Người phải nên thánh *như Cha các người ở trên trời là thánh* (Lê-vi ký 19:2; I Phi-e-rơ 1:16), Người phải trọn vẹn *như Cha các người ở trên trời là trọn vẹn* (Ma-thi-ơ 5:48). Đây không phải là sự lựa chọn. Một khi đây là sự bắt buộc, chúng ta có thể gọi đây là *luật* về ý muốn của Đức Chúa Trời.

Quá là sai trái khi không trở nên giống Đức Chúa Trời về đạo đức. Sự sai lầm không chỉ là sự yếu đuối hay không may lệch hướng khỏi tiêu chuẩn. Kinh Thánh gọi đó là tội lỗi. Trở nên thánh khiết phải phân cách khỏi tội lỗi; trở nên công chính là trở nên hòa hợp với phẩm tính Đức Chúa Trời. Đây chính là sự thánh khiết đòi hỏi tất cả nhân loại. Đây là trách nhiệm, không chỉ là lời chỉ giáo hay khuyên răn. Không có điều này con người sẽ không thể thấy Đức Chúa Trời (Hê-bơ-rơ 12:14). Như Calvin đã nói, “Luật pháp không chỉ dạy, nhưng đồng thời luật pháp còn buộc tuân giữ.”<sup>2</sup>

Cách dùng quan trọng nhất của từ *luật pháp* thường được gọi là “luật đạo đức,” ý muốn bày tỏ của Đức Chúa Trời liên quan đến những điều gì trở nên giống như Đức Chúa Trời. Có phải Tân Ước cũng dùng từ theo cách này?

Khi Phao lô nói về việc làm của luật pháp được khắc ghi trong lòng của những người chưa có luật thành văn (Rô-ma 2:14-15), Phao lô đang nói về luật đạo đức của Đức Chúa Trời. Khi nói, “vì luật pháp cho người ta biết tội lỗi” (Rô-ma 3:20), Phao lô liên hệ đến luật đạo đức, hay những mạng lệnh của Đức Chúa Trời bàn đến lối sống con người. (cũng xem Rô-ma 4:15; 7:2,5,7-9,12,16,22; 8:3-4,7; 13:8-10; I Cô-rinh-tô 7:19; Ga-la-ti 3:13; 5:14; 6:2; và I Ti-mô-thê 1:8. Tác giả của thư tín gửi cho người Hê-bơ-rơ đôi khi dùng cụm từ *luật pháp* cũng theo cách này: “Ta sẽ để luật pháp ta trong trí họ và ghi tạc vào lòng” (Hê-bơ-rơ 8:10 tt; 10:16). Điều có ý nghĩa rất đặc biệt khi mà thư tín gửi cho người Hê-bơ-rơ thường dùng cụm từ *luật pháp* có ý nghĩa về hệ thống nghi lễ. Dĩ nhiên một người sẽ mong rằng Gia cơ dùng *luật pháp* nói đến cách cư xử đúng mà Đức Chúa Trời truyền bảo cho dân Ngài, và Gia cơ đã ám chỉ điều này (Gia cơ 1:25; 4:11).

---

<sup>2</sup> John Calvin, *Institutes of the Christian Religion*, trans. John Allen, vol. 1 (London: James Clark, 1949), 310.

Thế nên, đây chính là cụm từ phổ biến về khái niệm luật pháp trong Tân Ước cũng như trong Cựu Ước: là ý muốn tỏ ra của Đức Chúa Trời rằng chúng ta nên giống như Ngài, thường được gọi là “luật đạo đức”

## LUẬT PHÁP NHƯ HỆ THỐNG LUẬT MÔI-SE

Cách dùng chủ yếu thứ hai của cụm từ *luật pháp* trong Tân Ước, đặc biệt trong các tác phẩm của Phao lô, bàn đến toàn bộ hệ thống các quy định được Đức Chúa Trời ban cho dân Y-sơ-ra-ên bắt đầu từ thời kỳ Môi-se và kết thúc với Đấng Christ, là Đấng đến để làm trọn luật pháp. Giảng cũng dùng từ này theo cách ông diễn đạt, “Vì luật pháp đã ban cho bởi Môi-se, còn ơn và lễ thật bởi Đức Chúa Jê-sus Christ mà đến” (Giăng 1:17). Những câu tuyên bố “trước khi chưa có luật pháp, tội lỗi đã có trong thế gian, song chưa có luật pháp” (Rô-ma 5:13) và “luật pháp đã xen vào, hầu cho tội lỗi gia thêm” (Rô-ma 5:20) đây là cách diễn hình mà Phao lô dùng để ám chỉ về hệ thống luật pháp Môi-se. Khi Phao lô viết thư cho người Ga-la-ti, ông thường dùng từ *luật pháp* có ý muốn nói đến toàn bộ hệ thống của “giao ước cũ” mà bởi đó Đấng Christ đã buông tha chúng ta, để rồi Cơ đốc nhân không buộc phải sống dưới mọi mệnh lệnh của hệ thống mà dân Y-sơ-ra-ên đã sống (xem Ga-la-ti 3:17,19,21). John Murray đã nhận thấy ý nghĩa này trong một số trường hợp qua lối diễn đạt “dưới luật” (I Cô-rinh-tô 9:20; Ga-la-ti 3:23; 4:4-5,21).<sup>3</sup>

## LUẬT PHÁP NHƯ LÀ SỰ VÂNG GIỮ ĐỐI VỚI LUẬT LỆ

Đôi khi từ *luật pháp* được dùng mang tính ẩn dụ nói đến sự đáp ứng vâng giữ luật pháp của một người. Khi Phao lô nói, “vì nếu bởi luật pháp mà được sự công bình” (Ga-la-ti 2:21), rõ ràng ông không nói đến chính những mệnh lệnh, nhưng bèn là tư tưởng mà một người có thể đạt được sự chấp thuận là công bình qua việc vâng giữ luật pháp. Cũng một ý này khi ông liên hệ đến “công việc của luật pháp” (Rô-ma 3:20) và sự dạy dỗ luôn được nhắc lại rằng “chẳng hề có ai cậy luật pháp mà được xưng công bình trước mặt Đức Chúa Trời” (Ga-la-ti 3:11). Ông muốn nói rằng không một ai được xưng công bình qua việc vâng giữ luật pháp cả. Tư tưởng này là mục tiêu chính yếu mà Phao lô bị công kích. Đây chính là sự sai lệch mà người Pha-ri-si tin rằng một người có thể đạt đến sự chấp nhận của Đức Chúa Trời qua việc vâng giữ luật, và đây cũng chính là sai lệch mà người Giu-đa trong thời Hội thánh đầu tiên đối diện, ít nhất là một phần nào đó. Vì Phao lô luôn lý giải *luật pháp* bất cứ lúc nào ông dùng đến nó, một số nhà giải nghĩa đã bối rối với cách dùng về *luật pháp* liên quan đến hệ

<sup>3</sup> J.Murray, “Law,” *In New Bible Dictionary*, ed. J.D. Douglas et al., rev.2d ed. (Wheaton, Ill.: Tundale House, 1982, 687).

thống luật Môi-se và *luật pháp* liên quan đến những tư tưởng sai mà sự công bình có thể đạt đến bởi việc vâng giữ luật đó. Phao lô rõ ràng khi nói không ai “dưới luật Môi-se” hay “trong Đấng Christ” có thể từng được xưng công bình qua những nỗ lực riêng của mình để vâng giữ luật pháp. “Chẳng có ai được xưng công bình bởi các việc luật pháp” (Ga-la-ti 2:16; cũng xem Rô-ma 4:14; 6:4,15; Ga-la-ti 3:2,5,10,18; Phi-líp 3:9).

Có những ý nghĩa khác biệt nữa về *luật pháp* trong Tân ước, nhưng ba ý nghĩa đầu tiên này là quan trọng nhất, và không hoàn toàn là vì chúng luôn là đề tài được tranh luận về thần học trong những thời kỳ Kinh Thánh. Với bất cứ ai muốn biết và làm theo ý muốn Đức Chúa Trời, thì đây là điều rất cực kỳ quan trọng để khám phá ý muốn đó là gì. Vì lẽ, cả Chúa Jesus Christ và các sứ đồ đều dạy rằng một số thay đổi đã xảy ra trong mối quan hệ giữa dân sự Đức Chúa Trời với “luật pháp,” chúng ta phải cẩn thận để nhận ra chính xác luật pháp là gì và những thay đổi gì.

Tất cả đều có thể đồng ý rằng một thay đổi quá là chậm từ ý nghĩ nguy hại rằng một người có thể qua sự tự nỗ lực cố gắng nhằm đạt tới sự chấp nhận của Đức Chúa Trời. Ít nhất có một số yếu tố cũ hệ thống luật pháp Môi-se mà không cần đến sự chết hy sinh của Đấng Christ và chức năng của Hội thánh. Nhưng ở đây thỏa hiệp đi đến kết luận. Một số tin rằng Phao lô không có đưa ra sự khác biệt giữa vòng các luật pháp và rằng Cơ đốc nhân không bị buộc với bất kỳ luật nào của Môi-se, cả về luật đạo đức.

[những lời Kinh Thánh Tân ước] cả hai thừa nhận và trực tiếp dạy rằng luật pháp bị gạt bỏ, do đó, luật này không có hiệu lực trong thời kỳ hiện tại trong bất cứ ý nghĩa nào...Hệ thống luật pháp Cựu ước đã hoàn toàn được thay thế bởi hệ thống mới dưới thời kỳ ân điển. Cơ đốc nhân không ở dưới luật pháp hoặc để được xưng công bình hay được nên thánh.<sup>4</sup>

Chúng ta sẽ xem xét sau về luận điểm này cách cẩn thận hơn, nhưng ở điểm này đây là điều quan trọng nhằm nhấn mạnh rằng Tân ước dùng cụm từ *luật pháp* bàn đến những đòi hỏi đạo đức của Đức Chúa Trời, hệ thống luật pháp Môi-se về những quy tắc, và cách dùng ẩn dụ về *luật pháp* liên hệ đến việc vâng giữ nó.

## LUẬT PHÁP VỚI CỰU ƯỚC

Khi Môi-se, một nhà làm luật vĩ đại, ký thuật lại luật lệ trong các tác phẩm của mình, những Sách Ngũ kinh (năm sách đầu tiên của Kinh Thánh) thường được gọi là những sách “luật pháp” (Ga-la-ti 4:21). Kinh Thánh tiếng Hê-bơ-rơ được phân chia thành ba phần, thường

---

<sup>4</sup>Levis Sperry Chafer, *Grace* (Grand Rapids: Zondervan, 1922), 25, 239.

được gọi là sách luật pháp, sách Tiên tri và sách Văn thơ (hay phần đầu trong phần này được gọi là Thi thiên). Theo cách đó Đấng Christ nói về “Ấy đó là điều mà khi ta còn ở với các người, ta bảo các người rằng mọi sự đã chép về ta trong luật pháp Môi-se, các sách tiên tri, cùng các thi thiên phải được ứng nghiệm” (Lu-ca 24:44). Ở đây là “luật pháp Môi-se” rõ ràng đề cập đến phần đầu của Kinh Thánh trong tiếng Hê-bơ-rơ, những sách Ngũ Kinh.

Đôi khi Cựu Ước đơn giản chỉ đề cập đến hai phần thôi, sách Luật pháp và sách Tiên tri (Ma-thi-ơ 11:13; Lu-ca 16:16; Rô-ma 3:21).

Một lần nữa, khi “luật pháp” là phần đầu tiên của Cựu Ước, thì luật pháp thường được dùng như toàn bộ Cựu Ước. Điều này có thể nhận thấy khi những sự trích dẫn từ những “sách Tiên Tri” hay từ “sách Thi thiên” được quy cho “luật pháp” (xem Rô-ma 3:19; 1 Cô-rinh-tô 14:21; cũng xem Ma-thi-ơ 5:18; Lu-ca 16:17; Giăng 8:17; 10:34; 15-25). Như vậy, “luật pháp” thường liên hệ đến toàn bộ Cựu Ước hay một số phần của Cựu Ước.

#### LUẬT PHÁP VỚI NHỮNG LUẬT CỤ THỂ

Đôi khi cụm từ *luật pháp* thật sự liên hệ đến những mạng lệnh cụ thể chẳng hạn Mười Điều Răn (Rô-ma 2:20 tt; 7:7; 13;8tt.). “Chúng tôi có luật” (Giăng 19:7) là một ví dụ khác về một luật cụ thể in trí. Khi Phao lô bàn về việc làm trọn luật pháp của Đấng Christ trong Ga-la-ti 6:2 và khi Gia-cơ bàn về giữ cho trọn vẹn luật pháp (Gia-cơ 2:8); điều này liên hệ đến một luật cụ thể về tình yêu thương. Một lần nữa, khi Gia-cơ bàn về giữ cho trọn vẹn toàn bộ luật pháp (Gia-cơ 2:10), ông đang bàn đến những luật cụ thể, có thể là Mười Điều Răn.

#### LUẬT PHÁP NHƯ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG

Đôi khi Tân Ước dùng từ *luật pháp* trong ý nghĩa về một nguyên tắc nhiều như khi chúng ta nói về “luật vạn vật hấp dẫn.” “luật trong tâm trí” và “luật của tội lỗi” (Rô-ma 7:23,25), “Luật của Thánh Linh sự sống” (Rô-ma 8:2), và “luật pháp của đức tin” (Rô-ma 3:27) là tất cả mọi ví dụ về cách dùng của cụm từ *luật pháp* được dùng đến đồng nghĩa như từ “nguyên tắc.”

Bởi có *luật pháp* được dùng trong rất nhiều cách khác nhau và thường có một số ý nghĩa trùng khớp với nhau, vậy rất quan trọng để đảm bảo từ ngữ văn về ý nghĩa nào mà tác giả muốn nói đến. Nếu không chúng ta sẽ áp dụng một sự dạy dỗ liên quan đến luật mà không thật sự nói đến. Chẳng hạn nếu chúng ta nói về được tự do khỏi luật pháp và sử dụng luật này liên hệ đến luật đạo đức của Đức Chúa Trời khi mà thật sự Kinh Thánh nói đến sự định tội là kết quả của luật pháp (Rô-ma 8:1-2) hay hệ thống Cựu Ước về những sự hy sinh, thì chúng ta đang phạm lỗi lầm lớn. Trong lúc này, chúng ta sẽ dùng từ *luật pháp* trong ý nghĩa chủ yếu:

luật pháp như là sự ý muốn của Đức Chúa Trời được bày tỏ mà con người trở nên giống Ngài về mặt đạo đức.

Tiêu chuẩn tối thượng dành cho Cơ đốc nhân này không chỉ là tập hợp các chuẩn mực đạo đức hay hệ thống tín lý hay một cảm giác chủ quan về điều gì đúng. Tiêu chuẩn dành cho Cơ đốc nhân này là chính Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 5:48; Rô-ma 8:29; II Cô-rinh-tô 3:18; Ê-phê-sô 4:13; Cô-lô-se 3:10; I Phi-e-rơ 1:15-16).

Đây là điều thú vị. Có nghĩa rằng nền tảng của chuẩn mực đạo đức chúng ta không phải con người, sự khôn ngoan của con người, bản chất sa ngã của con người, dục vọng của con người, những giá trị của con người, những truyền thống và văn hóa của con người. Những chuẩn mực này có thể là nền tảng của luật pháp do con người làm ra, nhưng không phải là nền tảng của chuẩn mực cuộc sống Cơ đốc nhân. Vì lẽ rằng chính Đức Chúa Trời là chuẩn mực của chúng ta, cho nên chuẩn mực của chúng ta không liên quan đến sự thay đổi với mỗi thời đại hay xã hội. *Luật pháp* của Đức Chúa Trời là *tuyệt đối*, hoàn hảo, bất biến và bất diệt.

Vì lẽ rằng chính Đức Chúa Trời là chuẩn mực của chúng ta, cho nên chuẩn mực này *dành cho tất cả mọi người trên thế giới*. Phẩm tính đạo đức của Đức Chúa Trời như là một tiêu chuẩn áp dụng cho mọi người của mọi thời đại.

Tiêu chuẩn này là *mang tính cá nhân*, sống động và thấy được hơn là hệ thống đạo đức hết hiệu lực. Tiêu chuẩn này không phải điều gì đó mà Đức Chúa Trời áp đặt trên chúng ta cách chuyên quyền. Tiêu chuẩn này xuất phát từ chính bản chất của Ngài.

Lẽ thật này cũng có nghĩa rằng phẩm tính của Đức Chúa Trời không bắt nguồn từ cơ cấu đạo đức của vạn vật. Một số người tin rằng Đức Chúa Trời cư xử đúng đắn và đầy yêu thương bởi vì Ngài buộc phải làm như vậy bởi luật “tự nhiên” cơ bản. Đúng hơn, chúng ta nói rằng sự công bình và tình yêu là tốt lành bởi vì đây là cách bày tỏ Đức Chúa Trời là ai. Như một số nhà thần học, chúng ta không nhận được chuẩn mực đạo đức của chúng ta từ bản chất, tạo ra cái vòng đạo đức vũ trụ mà Đức Chúa Trời nhảy qua đó. Đúng hơn, chúng ta nhận thấy những tiêu chuẩn này tuôn chảy ra từ bản chất của Đức Chúa Trời vô hạn, tối thượng, và rất riêng.

Như vậy, ý muốn Đức Chúa Trời dành cho con người là chúng ta trở nên giống như Ngài. Chúng ta được tạo dựng giống như Ngài về đạo đức, phản ánh sự vinh hiển về bản chất của Ngài. Mục đích của Ngài trong sự giải cứu là phục hồi ảnh tượng đã bị hư hại. Nhưng tại sao Đức Chúa Trời muốn chúng ta trở nên giống như Ngài?

## **MỤC ĐÍCH CỦA LUẬT PHÁP**

Luật pháp của Đức Chúa Trời thường được ví sánh trong Kinh Thánh như là ánh sáng (e.g., Thi thiên 119:105). Giống như hệ thống đèn đường, luật pháp của Đức Chúa Trời ngăn trở điều ác (1 Ti-mô-thê 1:9-10). Luật pháp Đức Chúa Trời không kiểm soát kẻ gian ác, nhưng bên là một ảnh hưởng ngăn chặn trì hoãn đối với những thế lực gian ác trong thế gian. Một số người gọi luật này là mục đích *chính trị* của luật pháp. Bởi những chuẩn mực đạo đức một xã hội cùng nhau được giữ vững. Khi những chuẩn mực đạo đức bị lỏng lẻo, một cộng đồng hay một dân tộc bắt đầu chia lìa.

Giống như ánh sáng trong phòng rửa mặt, luật pháp Đức Chúa Trời phô bày sự nhuốc nhơ về đạo đức của con người (Rô-ma 3:20; 7:7). Bởi luật pháp mà nhận biết tội lỗi. Nếu tôi không tin rằng mình dơ bẩn, tôi sẽ không tìm cách để làm cho sạch. Nếu tôi không nghĩ rằng mình hư mất, tôi sẽ không chào đón vị cứu tinh. Nhưng nếu chúng ta nhận ra mình sa đọa và không thể làm được điều mình mong ước để làm, tôi sẽ tìm Đấng Cứu thế và chào đón Ngài. Đây chính là công việc “người coi sóc” của luật pháp nhằm kéo chúng ta đến với Đấng Christ (Ga-la-ti 3:24). Nói đúng ra, ở đây luật pháp trong ý nghĩa của Phao lô không phải là giáo viên (“thầy giáo”). Đúng hơn, luật pháp dành cho tội nhân, tài xế xe buýt trường học hay thậm chí là người giám thị nhằm đưa tội nhân đến với Đấng Christ. Vì với tội nhân, luật pháp làm cho tội lỗi rất rõ ràng, “tội lỗi trở nên cực ác” (Rô-ma 7:13). Vì thế luật pháp kinh khiếp định tội và làm cho con người tìm con đường để thoát khỏi. Đây chính là mục đích *truyền giáo* của luật pháp. Nếu một người không chạy đến Thập Tự Giá, thì luật pháp trở thành cơ sở cho sự phán xét người ấy trong ngày sau rốt, và luật pháp sẽ thất bại trong mục đích truyền giáo (Rô-ma 3:19).

Đối với Cơ đốc nhân, luật pháp có một vai trò hoàn toàn khác biệt. Giống như đèn pha của xe ô tô, luật pháp cho Cơ đốc nhân bày tỏ con đường người ấy phải đi nếu người ấy muốn đến đích là trở nên giống như Chúa Jesus.

Đức Chúa Trời là sự sáng, trong Ngài chẳng có sự tối tăm đâu. <sup>6</sup> Ví bằng chúng ta nói mình được giao thông với Ngài, mà còn đi trong sự tối tăm, ấy là chúng ta nói dối và không làm theo lẽ thật. <sup>7</sup> Nhưng, nếu chúng ta đi trong sự sáng cũng như chính mình Ngài ở trong sự sáng, thì chúng ta giao thông cùng nhau; và huyết của Đức Chúa Jesus, Con Ngài, làm sạch mọi tội chúng ta. (1 Giăng 1:5-7)

Chuẩn mực này là mục tiêu của đời sống Cơ đốc nhân. Chuẩn mực này được gọi là mục đích *thuộc linh* của luật pháp, hay được gọi là mục đích *giáo thị* (giáo huấn) của luật pháp.

Vì thế đích của Đức Chúa Trời trong việc ban luật pháp là vì sự tốt lành cho chúng ta, cho sự hoàn thiện của chúng ta, dù chúng ta đã được cứu hay chưa được cứu. Vậy, hỏi Y-sơ-ra-ên, bây giờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời người đòi người điều chi? há chẳng phải đòi người kính sợ Giê-hô-va, Đức Chúa Trời người, đi theo các đạo Ngài, hết lòng hết ý kính mến và phục sự Giê-hô-va, Đức Chúa Trời người, <sup>13</sup> giữ các điều răn và luật lệ của Đức Giê-hô-va, mà ta truyền cho người ngày nay, để người được phước? (Phục truyền luật lệ ký 10:12-13)

Những kẻ tuân giữ luật pháp muốn làm lệch lạc luật pháp và tái tạo con người vì có luật pháp, trong khi Chúa Jesus khẳng định rằng luật pháp (của ngày Sa-bát) được lập lên vì có con người và không phải vì có luật pháp (Mác 2:27). “người nào hết lòng giữ theo phép tắc nó, thì kẻ đó sẽ tìm được phước trong sự mình vâng lời” (Gia cơ 1:25, Phillips).

Ích lợi, hạnh phúc và sự hoàn thiện của con người luôn là mục đích của một Đức Chúa Trời yêu thương. Chúng ta càng trở nên giống như Ngài, thì chúng ta càng được hoàn thiện. Đây là con đường của sự tự do, không phải là giới hạn và sự bó buộc. Gia cơ gọi điều này là “luật pháp tự do” (Gia cơ 2:12). Bi kịch của người không có luật pháp là người đó mãi mãi bị chệch hướng khỏi con đường lẽ thật và ngay thẳng. Sự công bình là hòa hiệp với lẽ thật và người nào không ở trong lẽ thật cuối cùng sẽ tự hủy hoại chính mình. Nhưng làm điều chân thật và đúng đắn, trong sự hòa hợp với lẽ thật tối thượng, sẽ mang lại sự tự do cho con người và hoàn thành mục đích mà người đó tồn tại.

Người nào tuân giữ luật chơi của trò chơi là người sẽ vui thích trò chơi đó và chỉ những người nào có khả năng để thắng. Người chủ sở hữu nào tuân theo sách hướng dẫn của nhà sản xuất thì người đó mới tìm thấy sự thỏa mãn với sản phẩm mình mua về. Và với luật giao thông hay luật hành sự cũng thế- mỗi luật là vì có điều tốt cho chúng ta. Không chỉ đơn thuần rằng Đức Chúa Trời ban thưởng cho mọi hành vi tốt của chúng ta và hình phạt những lỗi cư xử xấu xa, cả hai đều đúng cả. Tội lỗi tạo nên chính hình phạt của nó, sự công bình chính là phần thưởng: “Kẻ hung dữ sẽ bị gian ác mình bắt phải, Và bị dây tội lỗi mình vắn buộc lấy” (Châm ngôn 5:22).

Chủ đề phổ biến này của Kinh Thánh (Dân số ký 32:23; Thi thiên 7:15; 9:15; 40:12; Châm ngôn 1:31; 11:1-31) không chỉ có nghĩa rõ ràng, rằng kẻ say rượu sẽ bị thương tổn, sẽ gặp chứng bệnh dạ dày, và hủy hoại cuộc sống chính mình như bao những người khác. Thậm chí điều này còn sâu xa hơn lẽ thật rằng “Người ta sẽ đong cho các người bằng lường các người đã đong cho” (Mác 4:24). Chính tội lỗi bao trùm và cuối cùng là hủy hoại con người. Sự tham lam ăn nuốt giống như bệnh ung thư, lấy mất đi sự bình an và niềm vui, cột trói và hạ thấp tinh thần-thậm chí nếu nó không đưa đến những cách cư xử thô thiển khác nữa. Trong tội ngoại tình một người phạm tội với chính mình, lấy đi chính của anh ta những điều mang lại giá trị cuộc sống: tình yêu, sự an ninh, những gì thuộc về, lòng trung thành, sự bình an,

tính thanh liêm, niềm hạnh phúc của sự đầy trọn. Thật vậy, có sự hình phạt cố hữu trong tội lỗi (II Phi-e-rơ 2:13).

Nói một cách khác, “Phạm kẻ nào yêu mến luật pháp Chúa được bình yên lớn; Chẳng có sự gì gây cho họ sa ngã (Thi thiên 119:165). “Tôi cũng sẽ bước đi thong dong, Vì đã tìm kiếm các giềng mối Chúa” (c.45). “hành động trong ranh giới của luật pháp, song nhận thấy chúng không bị gò bó” không chỉ là kinh nghiệm của Chúa Jesus.<sup>5</sup> Luật pháp là quyền trưởng nam cho tất cả ai thuộc về nó. Không ngạc nhiên khi đoạn Kinh Thánh dài nhất trong Kinh Thánh được dành để tán dương điều kỳ diệu tuyệt vời của luật pháp Đức Chúa Trời (Thi thiên 119).

Hãy chú ý cẩn thận rằng mục đích của luật pháp Đức Chúa Trời khác biệt với mục đích của những quy tắc hay luật lệ trong các tôn giáo khác. Luật pháp không bao giờ có ý định khiến chúng ta công chính. Có những phân đoạn trong Cựu Ước mà dường như luật pháp nhằm đến mục đích này, và cũng có một vài phân đoạn trong Tân Ước. (Hãy xem Lê-vi ký 18:5; Ma-thi-ơ 19:17; Lu-ca 10:28). Nhưng Phao lô luôn nhấn mạnh rằng không một ai dưới Giao ước Cũ hay Giao ước mới- đã từng hay sẽ được xưng công bình bởi việc vâng giữ luật pháp: “vì chẳng có một người nào bởi việc làm theo luật pháp mà sẽ được xưng công bình trước mặt Ngài” (Rô-ma 3:20; Ga-la-ti 2:16). Phao lô khẳng định chủ đề này đã được dạy trong Cựu Ước, ngay từ thời của Áp-ra-ham (Rô-ma 4:1-3) cho đến Đa-vít (c.4-8) đến thời kỳ các nhà tiên tri (Ga-la-ti 3:11). Chính Chúa Jesus đã dạy rõ ràng rằng không một ai là tốt cả (Ma-thi-ơ 19:17), và ngay cả những người tốt nhất giữa chúng ta phải được sanh từ trên (Giăng 3:1-7) và được cứu do ân điển bởi đức tin (c.14-16). Đây không phải những ai vâng giữ luật pháp, mà Ngài dạy dỗ, nhưng tội nhân ăn năn được xưng công bình (Lu-ca 18:14).

Chủ đề Kinh Thánh về sự bất lực của con người trong việc tự cứu chính mình này được củng cố bởi chủ đề khác- tình trạng tội lỗi và hoàn toàn thất bại của con người. Khởi đầu trong những tác phẩm sớm nhất, con người được xem như là người gian ác (Sáng thế ký 6:5,12; Gióp 9:20; 25:4). Nhiều thế kỷ sau đó Đa-vít đã kêu lên, “Chẳng có ai làm điều lành, dầu một người cũng không” (Thi Thiên 14:3; 53:1-3) và “Vì trước mặt Chúa chẳng người sống nào được xưng là công bình” (Thi thiên 143:2). Con trai của Đa-vít vua Sa-lô-môn tiếp lời với chủ đề này: “Ai có thể nói: Ta đã luyện sạch lòng mình, Ta đã trong sạch tội ta rồi?” (Châm ngôn 20:9). “Thật, chẳng có người công bình ở trên đất làm điều thiện, mà không hề phạm tội” (Truyền đạo 7:20). Các nhà tiên tri cũng đồng thuận với lời chứng này: “Chúng ta thấy đều như chiên đi lạc, ai theo đường nấy” (Ê-sai 53:6).

---

<sup>5</sup>Patrick Fairbairn, *The Revelation of Law in Scripture* (New York: Carter, 1869), 245.



Đương nhiên, lẽ thật về sự đỗi bại của con người không có nghĩa rằng mọi người đều gian ác kinh khủng, rằng không có ai từng làm điều thiện nào. Lời chứng không thay đổi của Kinh Thánh đó là ảnh tượng của Đức Chúa Trời đã bị hoãn ố, không hoàn toàn xóa bỏ. Đức Chúa Trời chú ý đến những việc thiện của Cột-nây, phản chiếu đức tin của ông (Công vụ 10:1-2). Đức Chúa Trời luôn công nhận và hoan nghênh sự vâng lời, sự tốt lành. Nhưng mọi người phạm tội và thiếu mất phẩm tính vinh hiển của Đức Chúa Trời (Rô-ma 3:23). Không một ai đủ tốt để xứng đáng được Đức Chúa Trời chấp nhận. Không một ai thánh khiết đủ để được liên hiệp với Đức Chúa Trời. Giống như chiếc cầu bắc ngang qua vực thẳm chỉ được nửa đường, những việc làm của một người tốt tất cả chỉ càng sâu thẳm trong sự hoàn toàn bất lực để cứu chính mình.

Luật pháp không bao giờ nhắm đến việc nhằm xung công bình cho chúng ta. Luật pháp đơn giản chỉ tỏ cho chúng ta những gì chúng ta cần phải hướng đến. Với những tội nhân hư mất thì đây là Tin Lành, vì sẽ đưa người đến với Đấng Cứu Thế. Với tội nhân đã được cứu thì đây là Tin Lành, vì luật pháp mô tả rõ ràng điều gì người ấy đang tăng trưởng, điều gì người ấy ước ao nhằm làm hài lòng Cứu Chúa mình: trở nên giống Chúa Jesus Christ. Với mục đích tuyệt vời như thế, tâm trí và tâm lòng của chúng ta cảm động để vâng giữ món quà tuyệt vời về ân điển này, luật pháp. Nhưng Đức Chúa Trời bày tỏ ý muốn Ngài với chúng ta như thế nào?

## **NGUỒN CỦA SỰ HIỂU BIẾT LUẬT PHÁP**

Đức Chúa Trời bày tỏ ý muốn của Ngài theo nhiều cách: qua lương tâm, lời chỉ dẫn, những mạng lệnh, những nguyên tắc, và minh họa sống động.

Lẽ thật và sự tốt lành được định nghĩa bởi, và bắt nguồn từ bản chất của Đức Chúa Trời. Không hề có một điều gì “là sự vật” nền tảng mà có thể đoán định Đức Chúa Trời. Không hề có “bản chất của sự vật” mà Đức Chúa Trời phải tuân theo để Ngài trở nên Đấng tốt lành. Không, Ngài cất nghĩa lẽ thật và sự tốt lành qua việc trở đấng nhân lành và là Đấng chân thật. Quả là chân lý rằng Đức Chúa Trời bày tỏ sự hiện hữu của Ngài và quyền năng Ngài qua sự sáng tạo (Rô-ma 1:18-20). Nhưng chỉ duy lời chỉ dẫn chắc chắn về lẽ thật và sự tốt lành là sự mặc khải siêu nhiên về Lời Đức Chúa Trời qua các tiên tri và các sứ đồ.

Giáo hội Công Giáo La-ma, đi theo thần học của Thomas Aquinas (1224-1274), đã nương dựa rất nhiều vào “luật tự nhiên” hơn những người theo Tin Lành. Tuy nhiên, cả hai đều công nhận rằng một số kiến thức về đúng và sai, dù mập mờ và bị bóp méo, ngoài Kinh Thánh, được ẩn chứng trong lương tâm của con người theo cách nào đó. Điều này Phao lô đã dạy rất rõ (Rô-ma 2:14-15).

## SỰ PHÁN XÉT ĐẠO ĐỨC BẨM SINH

Dù Cựu Ước không dùng cụm từ *luong tâm*, nhưng ý nghĩa thì có xuất hiện (I Sa-mu-ên 24:5; 2 Sa-mu-ên 24:10; Giê-rê-mi 31:33), và được dạy dỗ cách rõ ràng trong Tân ước (Công vụ 24:16; Rô-ma 2:14-15; 2 Cô-rinh-tô 1:12; I Ti-mô-thê 1:5; II Ti-mô-thê 1:3; Hê-bơ-rơ 10:2;22).

Luong tâm đã chết và sự suy xét về lãnh vực đạo đức không ít hơn. Đương nhiên, giống như tất cả mọi sự ý kiến của chúng ta, cách nhìn này được quy định bởi những gì chúng ta học được từ cha mẹ và xã hội. Tuy nhiên, Kinh Thánh dạy rằng sự nhận thức về đạo đức là bẩm sinh-mọi người biết rằng có điều đúng và điều sai, dù rằng không phải tất cả đều đồng ý một cách rõ ràng điều gì. Sự đánh giá về mặt đạo đức bị bóp méo bởi môi trường văn hóa và vì thế nó không phải là một quan niệm đạo đức thích hợp để đi theo.

Không chỉ điều kiện môi trường tác động đến cái nhìn của chúng ta, nhìn nhận của con người có thể sai lầm, bị mập mờ do sự giới hạn về sự hiểu biết và khôn ngoan đáng kể. Người ấy không có tất cả những thông tin cần để đưa ra nhận xét đúng, không có đủ sự khôn ngoan để lượng giá những thông tin mà mình có được. Hơn nữa, lương tri đạo đức bị che khuất bởi sự phân cách của con người với Đức Chúa Trời, Ngài là nguồn của ánh sáng luân lý. Do tội lỗi, tâm trí của con người có khuynh hướng ngăn trở những hiểu biết về điều đúng, bóp méo những sự soi dẫn đạo đức mà con người có được.

Vì vậy, tâm trí con người như một chiếc máy vi tính có cấu hình không tương thích, được lập trình với những thông tin sai lạc và bị chập mạch. Hậu quả, “hãy để cho lương tâm hướng dẫn” có thể là danh ngôn nguy hiểm. Tuy nhiên, nói điều này, có “Sự sáng .... là sự sáng thật, khi đến thế gian soi sáng mọi người.” (Giăng 1:9). Thế giới này sẽ tệt hại thế nào nếu như Đức Chúa Trời không ghi khắc trong con người về sự giống nhau về đạo đức, song bị giới hạn và hoãn mờ bởi tội lỗi.

Lương tri đạo đức của một người không đáng tin cậy, nhưng lương tri có thể được đổi mới và trở nên càng đáng tin cậy. Sự làm nên mới tâm trí này cũng được các sứ đồ nói đến cách quả quyết liên quan chặt chẽ trong ý tưởng về lương tâm hay lương tri đạo đức. Tâm trí được đổi mới sẽ trở nên càng đáng tin cậy khi được nắn đúc bởi sự học biết lời Đức Chúa Trời, vâng lời và nhạy bén với Đức Thánh Linh, và liên tục cầu xin sự soi dẫn.

Tiến trình suy nghĩ của Cơ đốc nhân là phương tiên qua đó Đức Chúa Trời biến đổi trở nên giống như Con Ngài. Thường trong các sách của Phao lô, khi chúng ta dùng từ *tâm lòng* Phao lô dùng *tâm trí*, và khi chúng ta dùng từ *yêu mến* thì Phao lô dùng từ *hiểu biết*. Đương nhiên, đây chính là sự hiểu biết trong nhận thức của người Hê-bơ-rơ, vậy đây không

chỉ sự am hiểu trí năng về lẽ thật, nhưng còn là sự trải nghiệm và kết ước cá nhân. Tuy nhiên, đó là *tâm trí* mà Đức Chúa Trời ở sau, tâm trí mang dấu ấn về ảnh tượng Ngài, tâm trí này phải được đổi mới để lương tri đạo đức đó sẽ trở nên càng đáng tin cậy. Tâm trí ngay cả với kinh nghiệm lớn lao của tấm lòng và sự thành tựu tội bực về đạo đức, tình yêu, phải can dự với tâm trí. Trong việc trích dẫn luật Cựu Ước về tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, Đấng Christ đã có chủ ý thêm những gì không được Môi-se nói đến (Phục truyền luật lệ ký 6:5), đó là chúng ta nên yêu Ngài bằng cả *tâm trí* (Ma-thi-ơ 22:37). Chương trình đổi mới tâm trí vĩ đại của Đức Chúa Trời tái lập trình lương tri đạo đức của chúng ta cho càng ngày càng trở nên đáng tin cậy.

Tuy nhiên, ngoài những ý muốn thành văn và mặc khải của Đức Chúa Trời, thậm chí lương tâm được dựng nên và nhạy bén với Thánh Linh hoàn toàn không đáng tin cậy. Sự mặc khải là điều cần thiết.

Trong Kinh Thánh Đức Chúa Trời bày tỏ ý muốn Ngài lời giáo huấn trong suy nghĩ và cách cư xử đúng, thông qua những mạng lệnh trực tiếp, qua những phép tắc, và qua những tấm gương về lối sống tốt đẹp và xấu xa. Những lời dạy dỗ dường như là phương cách chủ yếu trước thời kỳ Môi-se và trong Tân Ước, trong khi đó những mạng lệnh có lẽ là phương cách nổi bật trong thời đại “luật pháp.” Những gương mẫu về đạo đức tốt đẹp và xấu xa đầy dẫy trong thời Cựu Ước, nhưng tấm gương tối thượng được tìm thấy trong Chúa Jesus Christ. Những phép tắc được dùng xuyên suốt Kinh Thánh hoặc được công bố theo cách thông thường hay bắt nguồn từ những gương mẫu và sự giáo huấn.<sup>6</sup>

## LỜI GIÁO HUẤN TRONG TIÊU CHUẨN ĐỨC CHÚA TRỜI.

Vào chính buổi ban đầu, một số ý muốn của Đức Chúa Trời cho con người được bày tỏ: Con người nên sanh con cái và dự phần với Đấng Tạo Hóa trong việc quản trị những tạo vật (Sáng thế ký 1:28). Những mạng lệnh này có thể hoặc không mang tính tuyệt đối phổ quát, nhưng A-đam cũng không được phép ăn một số loại trái cây (Sáng thế ký 2:7). Liệu đây có phải là vấn đề đạo đức chăng? Chúng ta sẽ tiếp tục tái tạo và nỗ lực để quản trị một phần của sự sáng tạo mà chúng ta dự phần, nhưng ai có thể nhận ra được một vài loại trái cấm? Cho đến lúc ấy thì đây là vấn đề đạo đức; cả A-đam và Ê-va nắm vững điều này cách rõ ràng. Vấn đề đạo đức là sự vâng lời. Bài thử nghiệm được đặt ra điều gì đó cách thềm muốn có giới hạn.

Chúng ta không có mạng lệnh về của tế lễ động vật được ký thuật trong các chương đầu của Sáng thế ký, nhưng từ khi bắt đầu phạm tội, nhân loại đã nhận biết Đức Chúa Trời

---

<sup>6</sup> For Guidelines on how to derive principles from Scripture, see Robertson McQuilkin, *Understanding and Applying the Bible* (Chicago: Moody Press, 1983), chapters 18 and 19.

mong đợi một sự chuộc tội lỗi. A-đam và Ê-va biết rằng của lễ bằng động vật thì một cách nào đó làm nguôi cơn thịnh nộ nghịch cùng tội lỗi. Và đương nhiên tội lỗi được biết đến. Bằng cách nào khác hơn việc tội lỗi “rình đợi trước cửa” giống như một số con thú hoang sẵn sàng vồ nuốt (Sáng thế ký 4:7)? Mạng lệnh dành cho Áp-ra-ham là đủ rõ: “Hãy trọn vẹn” (Sáng thế ký 17:2). Nhưng vấn đề đạo đức của phép cắt bì là gì? Điều này trở nên vấn đề đạo đức khi Đức Chúa Trời truyền lệnh như là một dấu hiệu của giao ước. Mười Điều Răn là vấn đề đạo đức, tất cả đều đồng ý, nhưng mạng lệnh không được ăn thịt lợn thì sao? Yêu kẻ thù nghịch là tiêu chuẩn đạo đức cao mà một người cần phải có, nhưng bằng cách nào thì lễ báp-tem được xem là một vấn đề đạo đức nếu như Đấng Christ đã không truyền lệnh?

Từ ban đầu Đức Chúa Trời đã ban những lời chỉ dạy về ý muốn của Ngài dành cho con loài người, nhưng *luật đạo đức* là gì, bày tỏ phẩm tính của Đức Chúa Trời mà chúng ta cũng cần có, và cái gì *đã trở thành vấn đề đạo đức* duy chỉ Đức Chúa Trời đã yêu cầu, có vẻ dường như được xen lẫn cùng nhau. Cơ đốc nhân tự do phạm phải nhiều những luật Cựu ước (chẳng hạn chúng ta ăn thịt lợn và cua sò) và cẩn thận giữ những điều khác, nhưng trên nền tảng căn bản nào chúng ta phân biệt đâu là ý muốn chắc chắn của Đức Chúa Trời dành cho chúng ta ngày nay với những gì chúng ta có thể chắc chắn cần làm?

Một số cho rằng chỉ những đòi hỏi nằm trong gốc rễ trong bản chất của Đức Chúa Trời nên được xem là sự ràng buộc. Nhưng ai là người quyết định những sự dạy dỗ nào đủ tiêu chuẩn? Há người đó sẽ không trở thành có thẩm quyền đúng đắn hơn lời Kinh Thánh? Ở nguyên tắc này rút ra từ đâu trong Kinh Thánh? Người khác thì nói rằng chỉ những gì được nhắc lại trong Tân Ước hay chỉ những gì được lặp lại trong các thư tín là điều bắt buộc cho Cơ đốc nhân. Nhưng dường như Chúa Jesus và các sứ đồ đã không biết đến nguyên tắc như thế. Chúa Jesus và các sứ đồ chỉ trích dẫn cách phù hợp Lời Kinh Thánh như là thẩm quyền tối hậu, và Cựu Ước là tất cả mọi lời Kinh Thánh mà họ có được. Hơn nữa, trong những tác phẩm của các sứ đồ sự giảng dạy của Đấng Christ được xem là thẩm quyền tối hậu. Điều này chắc chắn sẽ mang lại sự ngạc nhiên cho họ nếu như có sự biệt riêng những trích dẫn của họ. Nếu như Kinh Thánh phải là thẩm quyền tối hậu, đứng vào vị trí xem xét và đánh giá mọi quan điểm con người, không phải lệ thuộc vào sự đánh giá và ủng hộ bởi một vài học giả đương đại, bất cứ sự dạy dỗ nào đã được Đức Chúa Trời mặc khải trước đây phải không được loại ra ngoại trừ sự mặc khải thánh theo sau đó được ký thuật trong Thánh Kinh.<sup>7</sup> Nếu nguyên tắc này được chấp nhận, sự giáo huấn Kinh Thánh nào liên quan đến ý muốn của Đức Chúa

---

<sup>7</sup>J. R. McQuilkin, “Problems of Normativeness in Scripture: Cultural versus Permanent,” In *Hermeneutics, Inerrancy, and the Bible*, ed. Earl D. Radmacher and Robert D. Preus (Grand Rapids: Zondervan, 1984), 219.

Trời cho sự vâng lời của con người vẫn còn hiệu lực và sự giáo huấn nào về sau được liệt sang một bên?

Trong suốt thời kỳ dài từ khi con người Sa ngã đến thời điểm trên núi Si-nai, không có nhiều mạng lệnh cụ thể nào được ký thuật lại. Tuy nhiên, đây là bằng chứng rằng xuyên suốt những sự ký thuật mà Đức Chúa Trời bày tỏ rõ ràng những đòi hỏi đạo đức của Ngài. Con người là tội lỗi, chủ tâm phạm tội, và biết tội lỗi là gì bao gồm: nói dối, lừa phỉnh, trộm cắp, giết người, phạm tội tà dâm, thờ hình tượng. Từ đó, từ trong sâu thẳm của mọi sự băng hoại này, Bởi “sự lựa chọn của ân điển” Đức Chúa Trời đã chọn một người nam và dòng dõi người và ban cho người một lời hứa và một mạng lệnh: “Hãy trọn vẹn” (Sáng thế ký 17:1). Các trường chi phái biết giao ước này- cả về lời hứa và cũng như trách nhiệm của họ. Vì lẽ chỉ một vài những đòi hỏi của Đức Chúa Trời được khớp trong những mạng lệnh rõ ràng được ký thuật trong Sáng thế ký, một ít những sự tranh luận đã phân rẽ Cơ đốc nhân về những gì mang tính áp dụng ngày nay.

Kế đến là Môi-se- nhà làm luật, và luật pháp ông đưa ra bởi từ Đức Chúa Trời kết hợp luật đạo đức và luật lễ nghi, những nguyên tắc sức khỏe và những giáo nghi bản địa dành cho dân Y-sơ-ra-ên. Luật nào dành cho chúng ta và luật nào là không dành cho chúng ta? Hầu hết tin rằng chỉ những luật đạo đức có thẩm quyền tiếp diễn như là một nguyên tắc cuộc sống đương đại. Nhưng Môi-se không hề có ý phân biệt như thế. Chúng có thể phân biệt thế nào? Thậm chí khi chúng ta có thẩm quyền để làm thế đi nữa, đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng. Phạm tội tà dâm là một vấn đề đạo đức (Phục truyền luật lệ ký 22:22), tất cả sẽ đồng ý và thất bại trong việc giúp đỡ những người có cần (c.11 tt). Thậm chí, khi chúng ta đặt ra một rào cản để bảo vệ mình khỏi té ngã thì cũng không đủ bày tỏ tính đạo đức (c.8). Thế còn người nữ mặc đồ của người nam thì sao? Chắc chắn nguyên tắc đó không phải là bản địa, vệ sinh hay thậm chí là lễ nghi. Có mang tính đạo đức không? Nếu vậy, thế còn gieo hai loại giống trên cùng mảnh đất (c.9) hay kết tua nơi bốn biên áo choàng (c12) thì sao? Môi-se đã không đặt những luật lệ của Đức Chúa Trời trong sự phân loại rõ ràng: “phần sau đây chỉ dành cho kỹ nguyên này” hay, “Đây là những luật đạo đức có thẩm quyền vĩnh viễn.” Vậy nên, *tất cả* những đòi hỏi về luật pháp dưới thời Môi-se đã được thêm vào trong những yêu cầu và lời hứa giao ước ban cho Áp-ra-ham, và tất cả đã trở nên không thay đổi đối với tất cả dân sự Đức Chúa Trời. Kế đến là Đấng Mê-sia đã hứa. Há Ngài có thể đổi hệ thống này? Há Ngài có loại bỏ luật nào không? Há Ngài có bỏ tất cả mọi luật đó không?

Ý MUỐN ĐỨC CHÚA TRỜI ĐƯỢC MẶC KHẢI QUA CHÚA JESUS CHRIST

Câu hỏi xem Chúa Jesus nghĩ gì về luật pháp thật không dễ để trả lời, vì dường như Ngài vừa nói có và vừa nói không đối với câu hỏi trên? “Các người đừng tưởng ta đến để phá luật pháp hay là lời tiên tri;” Ngài đã phán “ta đến, không phải để phá, song để làm cho trọn.” (Ma-thi-ơ 5:17). Nói một cách khác, “Các người có nghe lời phán rằng: Mắt đền mắt, răng đền răng. <sup>39</sup> Song ta bảo các người...” (c.38). Thật ra, họ đã nghe rất nhiều lần lặp đi lặp lại: trong Xuất Ê-díp-tô ký (21:24), Lê-vi ký (24:20), và trong Phục truyền luật lệ ký (19:21)! Và đây không phải là luật lễ nghi hay chỉ là luật bản địa. Đây là luật mang tính đạo đức.

Thế thì trong ý nghĩa nào khi Ngài đến để làm trọn luật pháp, và trong ý nghĩa nào thì Ngài đã loại bỏ nó? *Làm trọn* dịch ra từ một từ rất phong phú, được dùng chỉ về việc ứng nghiệm lời tiên đoán, được dùng chỉ về việc hoàn thành hay mang đến sự trưởng thành hay trọn vẹn, và được dùng chỉ về sự vâng giữ.

1. *Chúa Jesus đã làm trọn luật đạo đức bởi sự vâng giữ.* Ngài chắc chắn đã vâng giữ những đòi hỏi đạo đức về luật pháp (Lu-ca 23:41; II Cô-rinh-tô 5:21). Vì thế, Ngài đã trở thành gương mẫu sống động chuẩn cho cách cư xử của Cơ đốc nhân.

Ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho con người vẫn luôn là trở nên giống như chính Ngài. Nhưng Ngài là Đấng như thế nào? Nhiều thế kỷ Đức Chúa Trời đã sai các đấng tiên tri phán với chúng ta. Nhưng cuối cùng, chính Ngài đã đến để tỏ cho chúng ta qua tấm gương sống động. “Ai đã thấy ta, tức là đã thấy Cha” (Giăng 14:9tt). Chúng ta thật có phước dường bao trong thời kỳ ân điển này- Chúng ta có thể thấy Đức Chúa Trời qua Chúa Jesus. Điều này không có nghĩa chúng ta có thể trở nên ngay thẳng với Đức Chúa Trời qua việc bắt chước Con Ngài. Không, sự cứu rỗi là món quà nhưng không về sự công bình của Ngài thế chỗ vào sự sai trái của tôi. Chúng ta được xưng công bình chỉ bởi đức tin nơi Đấng Christ. Nhưng chúng ta đã “được dựng nên trong Đức Chúa Jêsus Christ để làm việc lành” (Ê-phê-sô 2:10). Đúng thế, chúng ta không noi theo Ngài qua sự vâng giữ những truyền thống tôn giáo luật Môi-se mà chính Ngài đã hủy bỏ ngay, chúng ta cũng không nói theo Ngài trong chức vụ độc nhất trong cương vị là Con Đức Chúa Trời và là Đấng Cứu Thế. Nhưng trong sự sinh sôi nảy nở cách thành tín của Ngài về bản tính của Đức Chúa Cha, Ngài là tấm gương chắc chắn và đáng tin cậy.

2. *Chúa Jesus làm trọn luật pháp qua sự những lời tiên tri chứa trong luật pháp.* Sự giáng sinh, sự sống và chức vụ của Ngài đã được dự ngôn trước đó rất chi tiết, và những lời tiên tri này Ngài đã hoàn tất. Giữa tất cả những lời tiên tri, sự kiện trọng tâm lớn trong lịch sử là sự chết của Ngài, và qua đó Ngài đã vừa đưa luật pháp tới sự trọn vẹn và vừa hủy phá luật pháp. Ngài đã đưa luật pháp tới sự trọn vẹn bởi việc trở nên chiên con tế lễ nhằm thỏa mãn những đòi hỏi của luật pháp một lần đủ cả. Ngài “phá bỏ” luật pháp qua sự hủy phá quyền

định tội của luật pháp. Bởi ban hành một thực tại mang tính hình bốn biểu trưng về những luật lễ nghi, Ngài đã đem những luật này đến sự kết thúc (Hê-bơ-rơ 7:26-28; 9:1, 9-10, 23-27).

Chúa Jesus Christ làm trọn toàn bộ hệ thống luật lễ nghi và vì thế Ngài loại ra. Sự giải thích này về ý nghĩa của sự chết Đấng Christ sau khi Ngài đã hoàn tất phù hợp cách hoàn hảo với gương mẫu về đời sống và sự dạy dỗ của Ngài. Ngài đã xác quyết thẩm quyền của ‘luật pháp,’ nhưng sự dạy dỗ của Ngài bao giờ cũng tập trung trong luật đạo đức.<sup>8</sup> Thật ra, đôi khi Ngài cũng làm những việc ngược lại. Chẳng hạn, Ngài “công bố mọi thức ăn đều sạch” (Mác 7:19) ngay cả trước khi lên Thập giá, vì thế Ngài đã hủy bỏ mọi những quy định về ăn uống. Nhưng sự chết của Ngài còn hơn cả sự làm trọn luật pháp trong ý nghĩa trả thay hình phạt đòi hỏi bởi luật pháp. Đó cũng là tấm gương cho chúng ta về sự tin kính quan trọng nhất. Tóm lại, Ngài đã mặc lấy sự bày tỏ hình thể cao nhất của tình yêu- của lễ hy sinh trọn vẹn chính mình, thậm chí cho kẻ thù nữa (Rô-ma 5:8). Thế gian chưa từng hình dung tình yêu như thế cả. Và điều đó trở thành nền tảng cho cách cư xử Cơ đốc nhân cũng như là cội nguồn của đời sống Cơ đốc. Sự giảng dạy về Đấng Christ và về Ngài đã hy sinh là nền tảng vĩnh cửu đáng giá nhất cho đạo đức vững chãi. “vì Đức Chúa Trời,” Phao lô khẳng định, “chẳng gọi chúng ta đến sự ô uế đâu, bèn là sự nên thánh vậy” (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:7). “lại Ngài đã chết vì mọi người,” Phao lô nhắc lại, “hầu cho những kẻ còn sống không vì chính mình mà sống nữa, nhưng sống vì Đấng đã chết và sống lại cho mình” (II Cô-rinh-tô 5:15). Qua lẽ thật này Phao lô tìm thấy động cơ cho đời sống thánh khiết. Đó là duyên cớ vì sao Phao lô không bao giờ nãn lòng liên hệ trách nhiệm về đạo đức với lẽ thật rằng Đấng Christ đã chết vì chúng ta. Có phải đó chỉ là vấn đề liên quan đến mối quan hệ trong gia đình? “Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình, như Đấng Christ đã yêu Hội thánh, phó chính mình vì Hội thánh” (Ê-phê-sô 5:25). Có phải đây là vấn đề liên quan đến anh em yếu đuối hơn? “nhân thức ăn làm hư mất người mà Đấng Christ đã chịu chết cho” (Rô-ma 14:15). Đó có phải là vấn đề cạnh tranh đầy tham vọng?

Hãy có đồng một tâm tình như Đấng Christ đã có, <sup>6</sup> Ngài vốn có hình Đức Chúa Trời, song chẳng coi sự bình đẳng mình với Đức Chúa Trời là sự nên nắm giữ; <sup>7</sup> chính Ngài đã tự bỏ mình đi, lấy hình tôi tớ và trở nên giống như loài người; <sup>8</sup> Ngài đã hiện ra như một người, tự hạ mình xuống, vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự (Phi-líp 2:5-8)

---

<sup>8</sup> “Nomos,” In TDNT, vol. 4, 1062.

Há có phải là vấn đề cuộc đời hằng ngày? “hãy bước đi trong sự yêu thương, cũng như Đấng Christ đã yêu thương anh em, và vì chúng ta phó chính mình Ngài cho Đức Chúa Trời làm của dâng và của tế lễ, như một thức hương có mùi thơm” (Ê-phê-sô 5:2). Đây có phải vấn đề về phạm tội ngoại tình? “Anh em há chẳng biết rằng thân thể mình là đền thờ của Đức Thánh Linh ...? anh em chẳng phải thuộc về chính mình sao? <sup>20</sup> Vì chúng anh em đã được chuộc bằng giá cao rồi. Vậy, hãy lấy thân thể mình làm sáng danh Đức Chúa Trời” (I Cô-rinh-tô 6:19-20). Những tác giả Tân Ước trước sau như một cuốn hút với công việc ở Đồi Gô-gô-tha- một sự giải cứu được hoàn tất- như là nguyên cơ và động cơ của đời sống thánh khiết.<sup>9</sup>

Đấng Christ đã làm trọn luật pháp bởi việc làm ứng nghiệm lời tiên tri khác. Ngài đã sai Đức Thánh Linh đến như được báo trước bởi tiên tri Giô-ên(Công vụ 2:17tt). Ngày lễ Ngũ Tuần đánh dấu sự ra đời của một dân sự mới của Đức Chúa Trời- Hội thánh. Điều này có vẻ đã được dự báo trước, theo Phao lô (Rô-ma.9-11), dù rằng đây không rõ ràng như những khuynh hướng khác của lời tiên tri. Trong mọi sự kiện, trong việc thiết lập Hội thánh (Ma-thi-ơ 16:18) ở đây Chúa Jesus đã thiết lập cách quản trị mới đối với dân sự Đức Chúa Trời trên đất. Hệ thống mới về thẩm quyền còn liên quan đến quyền lực chính trị hay quân đội. Thật ra, vương quốc Ngài không “thuộc về thế gian này” (Giăng 18:16). Trong việc sự tạo lập Hội thánh, Chúa Jesus đã hủy bỏ vai trò lãnh đạo những ý định thông qua dân tộc Y-sơ-ra-ên. Và bởi sự hủy bỏ này, tất cả mọi quy tắc với vương quốc thế tục trở nên vô hiệu lực.

Đấng Christ làm trọn luật pháp bởi sự vâng giữ luật pháp và bởi việc làm ứng nghiệm lời tiên tri Cựu Ước, đưa những nhân tố tạm thời đến sự trọn vẹn và hủy bỏ chúng.

3. *Chúa Jesus làm trọn luật pháp bởi sự xác quyết và diễn giả luật pháp.* Ngài làm trọn luật pháp bởi sự ‘hoàn thánh luật pháp’ trong ý nghĩa đưa luật pháp đến sự trọn vẹn, ý nghĩa tối thượng: giết người là sai trái, chắc chắn thế, lòng căm ghét cũng xem là giết người (Ma-thi-ơ 5:21tt). Tội ngoại tình là tội lỗi, nhưng lòng thèm khát dục vọng cũng đã phạm tội ngoại tình (c.27). Ngài đã đưa ra cốt lõi của luật pháp và ý nghĩa sâu kín của luật pháp; Ngài đã cải tiến nó, đưa luật pháp đạt tới sự cao cả nhất. Ngài đã ban sự kích thích tích cực về tình yêu cũng như những sự ngăn cấm tiêu cực. Trong suốt chức vụ của Ngài, Ngài luôn khẳng định Cựu Ước là Lời Đức Chúa Trời có thẩm quyền (Chẳng hạn, 5:17-19; 23:23). Hơn nữa, Ngài đã dùng thẩm quyền của Lời Kinh Thánh để làm mạnh mẽ sự dạy dỗ của chính Ngài. Sự phê bình của Ngài về luật pháp là luôn là điều chính yếu khi giải nghĩa về luật pháp cho người Pha-ri-si (chẳng hạn Ma-thi-ơ 5:20,38) và những truyền thống được thêm vào trong

---

<sup>9</sup>Stuart Barton Babbage, “The Preacher’s Task Today,” *the Presbyterian Journal*, 2 September 1964,7.



luật pháp (Ma-thi-ơ 15:1-9,23). Sự khước từ của Chúa Jesus đối với truyền thống của phe Pha-ri-si rất sắc bén và rõ ràng như hiểu biết của Ngài với luật pháp và những tiên tri.<sup>10</sup>

Kể đến, Chúa Jesus nắm bắt mọi lẽ thật đời đời về phẩm tính của Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài dành cho loài người được mặc khải trong Cựu Ước và làm sáng tỏ ra, mở rộng ra, đào sâu ra. Bài giảng trên Núi (Ma-thi-ơ (5-7) là minh chứng tập trung trong việc diễn giải luật pháp, nhưng cách tiếp cận này thấm nhuần trong tất cả sự dạy dỗ của Ngài. Luật pháp trở nên sự dạy dỗ của Ngài (“Ta nói cùng các ngươi...”), mà lần lượt trở thành chuẩn mực cho cách cư xử Cơ đốc. Thật ra, trong việc chuyển giao mọi mạng lệnh của Đức Chúa Cha, Chúa Jesus cảnh báo chúng ta cách liên tục và rõ ràng rằng chúng ta sẽ bị phán xét bởi tiêu chuẩn đó (chẳng hạn Giảng 12:47-50).

Hơn thế, đây chính là tất cả, toàn bộ sự dạy dỗ- tất cả những gì Ngài đã truyền dạy- đó là chúng ta phải môn đồ hóa muôn dân (Ma-thi-ơ 28:18-20). Chỉ những luật lệ cụ thể nào của Cựu Ước hay những phân loại về luật (ăn uống, lễ nghi, bản địa) mà Ngài đã hủy bỏ thì chúng ta có thể hủy bỏ theo thẩm quyền của Ngài.

4. *Ngài đã làm trọn luật pháp qua sự trở nên thực thể thật sự về điều mà luật pháp chỉ là hình bóng.* Ngài đã hoàn tất mọi điều luật pháp đã hứa; Ngài trở nên của lễ thực thi mọi điều mà của lễ con thú không thể hoàn thành được. Bởi điều này Ngài thiết lập giá trị hiệu lực của luật lễ nghi, trở nên những gì hướng đến trong tương lai, nhưng Ngài cũng đã thiết lập giá trị hiệu lực của luật đạo đức. Ngài bày tỏ Đức Chúa Trời thánh khiết là dường nào, tội lỗi thật đáng kinh khiếp trước mặt Đức Chúa Trời là dường bao. Thập tự giá của Đấng Christ quả thật là sự hoàn tất cao nhất về những mạng lệnh của luật pháp. Và bởi điều này Ngài vừa chứng tỏ sự công bình của Đức Chúa Trời, đồng thời là Đấng đã từ lâu mong muốn tha thứ tội lỗi trước khi của lễ được thực thi (Rô-ma 3:21-31). Thật vậy, Chúa Jesus Đấng Mê-sia đã đến để làm trọn luật pháp!

## Ý MUỐN ĐỨC CHÚA TRỜI ĐƯỢC BÀY TỎ QUA CÁC SỨ ĐỒ

Các sứ đồ luôn đề cập đến đời sống và sự giảng dạy của Chúa Jesus như là thẩm quyền cao nhất. Sứ mạng của Đấng Christ là rõ ràng: Hãy đi, môn đồ hóa muôn dân và dạy họ hết cả mọi điều mà Ta đã phán truyền (Ma-thi-ơ 28:20). Không ngạc nhiên khi các sứ đồ đã xem sự dạy dỗ này là tiêu chuẩn của lẽ thật. Chẳng hạn, Phao lô khích lệ Ti-mô-thê,

Vì thử có người dạy dỗ đạo khác, không theo lời có ích của Đức Chúa Jê-sus Christ chúng ta và đạo lý theo sự tin kính, <sup>4</sup> thì người đó là lên mình kiêu ngạo, không biết chi hết,... (I Ti-mô-thê 6:3-4)

---

<sup>10</sup>“Nomos,” In TDNT, 1064.

Kể đó với thẩm quyền sứ đồ họ đã thêm vào những sự dạy dỗ chính họ đã nhận được từ Đức Chúa Trời. Sự dạy dỗ này nằm trong khuôn khổ của những mạng lệnh—hàng trăm mạng lệnh—và trong những sự miêu tả và diễn giải về cách thức Cơ đốc nhân nên suy nghĩ và sống. Chẳng hạn, sự miêu tả về tình yêu trong II Cô-rinh-tô 13 hay sự miêu tả về trái của Thánh Linh trong Ga-la-ti 5 đưa ra một tiêu chuẩn về sự cao trọng rất cảm động về lối cư xử Cơ đốc. Sự miêu tả tiêu cực cũng nói đến rất nhiều, khi Phao lô miêu tả về những công việc của xác thịt—“Áy là gian dâm, ô uế, luông tuông,<sup>20</sup> thờ hình tượng, phù phép, thù oán, tranh đấu, ghen ghét, buồn giận, cãi lẫy, bất bình, bè đảng,<sup>21</sup> ganh gổ, say sưa, mê ăn uống, cùng các sự khác giống như vậy”. Có phải Phao lô dự định những điều này như sự cố vấn nhân đức hay như là luật đạo đức? Phao lô không hề nghi ngờ gì: “Tôi nói trước cho anh em, .....: “Hễ ai phạm những việc thể ấy thì không được hưởng nước Đức Chúa Trời!” (Ga-la-ti 5:19-21). Thật sung sướng thay, tất cả mọi sắc thái về quan điểm thần học khẳng định rằng sự dạy dỗ của các sứ đồ trong thư tín hoàn toàn có thẩm quyền như là tiêu chuẩn cho đời sống Cơ đốc. Nhưng luật pháp được bày tỏ trong Cựu Ước thì sao? Phải chăng các sứ đồ noi theo Chúa Jesus trong việc xác nhận rằng luật pháp này có thẩm quyền trong thời kỳ Hội thánh? Như trong trường hợp của Chúa Jesus, câu trả lời của các sứ đồ dường như vừa là có và vừa là không (xem I Cô-rinh-tô 9:19-23).

Chúng ta có ở dưới luật pháp chăng? Có, các sứ đồ đã nói thế: Rô-ma 7:12, 25; 8:7; 13:8-10; Ga-la-ti 5:13-14; Ê-phê-sô 6:1-3; Cô-lô-se 3:5-8; Gia-cơ 2:8; I Phi-e-rơ 1:16; 1 Giăng 2:4-5; 3:7-8; 5:2-3; 2 Giăng 5-6.

Chúng ta có ở dưới luật pháp không? Không, các sứ đồ đã nói thế, đặc biệt Phao lô: Rô-ma 6:14; 7:4, 6; 8:3-4; 10:4; I Cô-rinh-tô 3:11; Ga-la-ti 3:19-25; 4:1-6; Ê-phê-sô 2:14-17; Cô-lô-se 3:14-23.

Những từ các sứ đồ dùng dường như rất rõ ràng: “Kẻ nào nói: Ta biết Ngài, mà không giữ điều răn Ngài, là người nói dối, lẽ thật quyết không ở trong người.” (1 Giăng 2:4-5). “Áy vậy, luật pháp là thánh, điều răn cũng là thánh, công bình và tốt lành” (Rô-ma 7:12). “bởi anh em chẳng thuộc dưới luật pháp, mà thuộc dưới ân điển” (Rô-ma 6:14). “Nhưng bây giờ chúng ta đã chết về luật pháp” (Rô-ma 7:6).

Làm sao những sự dạy dỗ này có thể dung hòa với nhau? Chỉ rất ít các học giả Kinh Thánh từng khước từ luật pháp Cựu Ước và sự dạy dỗ của Đức Chúa Trời trước lời dạy của Ngài tại phòng cao (Giăng 13-17) được dành cho những Cơ đốc nhân. Đúng hơn, phần lớn các nhà thần học trong suốt lịch sử Hội thánh đã tìm ra giải pháp của những trái ngược rõ ràng này bởi đưa ra sự phân biệt rõ ràng giữa những cách dùng khác nhau của cụm từ *luật pháp* và trên nền tảng này, tin rằng luật đạo đức là vĩnh viễn và luật lễ nghi đã hoàn tất và

không còn hiệu lực. Những đây là điều không dễ để làm. Môi-se và các nhà tiên tri không hề có sự phân biệt này, và cũng không luôn luôn rõ luật đạo đức là gì và cái gì chỉ là luật lễ nghi. Hơn nữa, dù Chúa Jesus dường như có sự phân biệt hai loại này qua cách cư xử và những gì Ngài nhấn mạnh, Ngài cũng chẳng hề có sự phân biệt này cách rõ ràng. Những vấn đề nghiêm trọng nhất với lối giải thích này là chính Phao lô đã dường như không đưa ra sự phân biệt. Phao lô dường như gộp mọi thứ lại với nhau trong hệ thống Môi-se như là “luật pháp” và thường dạy rằng trong Đấng Christ chúng ta đã hoàn tất mọi sự đó rồi. Với Phao lô không có sự phân biệt giữa Mười điều răn và những phần còn lại của luật pháp. Luật pháp chỉ là một sự bày tỏ ý muốn của Đức Chúa Trời.<sup>11</sup>

Theo cách đó hệ thống luật Môi-se dường như phải bị loại ra. Tuy nhiên luật Môi-se rõ ràng có thẩm quyền không chút nghi ngờ, là lời thánh, là quan tòa cuối cùng về tranh luận với Đấng Christ và các sứ đồ.<sup>12</sup> Những mạng lệnh Cựu Ước những lời hứa, và những nguyên tắc cư xử bày tỏ phẩm tính Đức Chúa Trời và ý muốn Ngài cho con người. Những lời giáo huấn này, được lọc dần bởi cái sàng của sự mặc khải về sau (sự giảng dạy của Đức Chúa Trời và các sứ đồ, là sự hướng dẫn có thẩm quyền cho đức tin và đời sống. Nhưng phần nào thì bỏ ra đây? Rõ ràng là toàn bộ hệ thống lễ nghi đã được làm trọn trong Đấng Christ, và hệ thống luật pháp cai trị một dân tộc đã được thay thế bằng hệ thống khác, là Hội thánh. Tất cả sẽ đồng ý với điều này. Nhưng luật “đạo đức” thì sao?

Trong việc giải quyết vấn đề tiến thoái lưỡng nan này về tầm quan trọng của chiến lược, có lẽ sự khôn ngoan chung sẽ dẫn dắt chúng ta đến giải pháp tốt nhất.

Xuyên suốt lịch sử Hội thánh Mười Điều răn đã được xem như là mẫu mực về lễ thật đạo đức, một sự tóm lược về những gì Đức Chúa Trời mong đợi nơi con người.

Mười Điều Răn có vẻ tóm lược những gì mà con cháu của thời Tộc Trưởng đã hiểu được. Liệu họ có hiểu chỉ vì luật pháp đã được in sâu trong ý thức đạo đức của họ, hay liệu những luật lệ này có được truyền thông theo cách khác mà chúng ta không biết đến?

Khi bảng Mười Điều Răn được ban xuống, có lẽ đây là sự trọng tâm của sự chú ý. Đây là phần đầu của luật pháp Đức Chúa Trời ban; duy chỉ Mười Điều Răn được ghi khắc trong đá bằng chính ngón tay Ngài. Và không chỉ một lần, nhưng hai lần. Hơn nữa, đây là luật lệ thánh- không phải những cuộn của toàn bộ Torah- mà được đặt trong nơi chí thánh, trong hàm giao ước. Nói cách khác, Mười “Lời Răn” này như đã được gọi, có lẽ sẽ là điều căn bản của giao ước Môi-se- không được ban cho một dân tộc để tỏ cho họ biết cách làm thế

---

<sup>11</sup> “Nomos,” in TDNT, 1069.

<sup>12</sup> “More than ninety times Jesus and New Testament writers affirm ‘It is written,’ citing the Old Testament as the authority for their teaching [as in] Matthew 4:4, 7,10.” Norman L. Geisler, *The Christian Ethic of Love* (Grand Rapids: Zondervan, 1973),46.

nào trở nên công chính với Đức Chúa Trời, nhưng được ban cho dân tộc đã từ lâu được Đức Chúa Trời lựa chọn nhằm hướng dẫn họ cách không phá vỡ giao ước và không bị loại ra khỏi vòng tròn ân điển.

Khi chúng ta đến với Tân Ước, thì Tân Ước đối với Mười Điều Răn và đối với những phần của Mười Điều Răn thì cả Chúa Jesus và các Sứ Đồ liên tục thừa nhận như là thẩm quyền với những điều Đức Chúa Trời mong đợi nơi dân sự Ngài.

Trong ánh sáng của sự tập chú rõ ràng này vào Mười Điều Răn, được kết hợp với sự nhập nhằng của lời chứng Tân Ước đối với những yếu tố khác của luật Cựu Ước, điều gần nhất mà chúng ta có thể đi đến một giải pháp cho điều này: hệ thống luật Môi-se thật sự đã không hiệu lực bởi sự nhập thể của Con Đức Chúa Trời (Giăng 1:17; Lu-ca 16:16), Nhưng Mười Điều Răn là một tiêu chuẩn để nhận thức, giữa tất cả những luật Cựu Ước được ký thuật về đủ mọi loại, cái nào là ý muốn lâu dài của Đức Chúa Trời dành cho con người của mọi thời đại. Những luật này hay những sự dạy dỗ khác xuất phát từ, giải thích, hay làm cho mạnh mẽ một trong mười điều răn nên được công nhận như thẩm quyền vĩnh viễn.

Hãy chú ý cẩn thận rằng phần lựa chọn này từ giữa những luật pháp của Cựu Ước thì không dựa vào những căn bản về những gì được nhắc đến trong Tân Ước. Điều này sẽ có thể là sự lạm dụng sự về bình Kinh Thánh của người diễn giải. Sự lựa chọn được dự trên căn bản của sự mặc khải theo sau- chính Kinh Thánh- đã đưa sự mặc khải trước sang một bên. Những yếu tố lễ nghi và dân tộc của luật pháp, cùng với một số luật đạo đức, rõ ràng đã được loại ra. Thực ra, toàn bộ hệ thống luật có vẻ đã bị Phao lô bác bỏ khi có thẩm quyền ràng buộc trên lương tâm Cơ đốc nhân. Nhưng Mười Điều Răn và luật đạo đức được xem là luật thì luôn được tái khẳng định. Trên nền tảng này chúng ta áp dụng sự dạy dỗ Cựu Ước đối với đời sống Cơ đốc nhân và tín lý.

Theo đó ý muốn Đức Chúa Trời cho chúng ta được bày tỏ qua ý thức đạo đức bẩm sinh, qua sự chỉ dẫn thành văn, qua Chúa Jesus Christ và qua lời dạy dỗ của các sứ đồ. Có một cách khác mà là một phần của những cách này đã được đề cập: ví dụ.

### Ý MUỐN ĐỨC CHÚA TRỜI ĐƯỢC BÀY TỎ QUA DÂN SỰ

Một ví dụ rõ ràng nhất chúng ta đã xem xét: Chính Chúa Jesus là tấm gương vâng phục hoàn hảo ý muốn Đức Chúa Trời. Tấm gương quan trọng tiếp theo có thể là Phao lô, không phải vì chúng ta biết nhiều về ông hơn những người khác, nhưng có đến sáu lần chúng ta được dạy noi gương ông (I Cô-rinh-tô 4:6; 11:1; Phi-líp 3:17; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:6; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:7,9). Điều này không có nghĩa tấm gương của Phao lô là hoàn hảo; ông cũng là tội nhân

như chúng ta. Nhưng cuộc đời mẫu mực của ông, ngay cả khi cuộc đời ông không vô ngộ như những lời dạy dỗ của ông.

Tuy nhiên, vượt xa hơn những gương mẫu cao quý này, lời Kinh Thánh chứa đầy những gương về đạo đức và thái độ, vừa tốt có và xấu cũng có, bày tỏ ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho chúng ta. Đương nhiên, chúng ta không thể xem những tấm gương về những con người trong Kinh Thánh là chuẩn mực của chúng ta, trừ khi chính Kinh Thánh đề cao tư cách đạo đức này là tốt, hay lên án đó là điều xấu xa. Nhưng khi Kinh Thánh đề cập đến điều này, thì nó trở nên những phương tiện khác trong việc biết về ý muốn Đức Chúa Trời.

Theo những cách này, bởi ân điển yêu thương Ngài đã bày tỏ rõ ràng những gì Ngài muốn chúng ta trở nên và làm gì. Tuy nhiên, những mục đích của Đức Chúa Trời trong việc ban luật pháp sẽ được làm trọn chỉ khi luật pháp được dùng đúng đắn. Nếu dùng sai trật, chúng sẽ trở nên càng kinh khiếp hơn, không hề giống như con Ngài. Đấng Christ và Phao lô cả hai đều nói có và không với luật pháp; họ nói không với những cách áp dụng sai trật của luật pháp và có với cách áp dụng đúng đắn của luật pháp. Một sự áp dụng sai trật của luật pháp được gọi là “chủ nghĩa luật pháp.”

## CHỦ NGHĨA LUẬT PHÁP

Luật pháp là tốt (Rô-ma 7:12), luật pháp là thiêng liêng (v.14), luật pháp vẫn cứ tiếp tục có hiệu lực (Ma-thi-ơ 5:17-19), nhưng luật pháp chỉ tốt khi chúng được áp dụng hợp lý, như thể đã định (I Ti-mô-thê 1:8). Làm sao có thể lạm dụng luật pháp? Làm sao luật pháp có thể áp dụng cách bất hợp pháp hay không hợp lý?

## CHỦ NGHĨA LUẬT PHÁP- KINH THÁNH CHỐNG ĐỐI

**Sự vâng phục như là cách của sự cứu rỗi.** Dựa vào sự vâng phục đối với luật đạo đức hay sự vâng giữ các luật lễ nghi để được cứu (Rô-ma 3:20,28; Ga-la-ti 2:16; 3:11,21) đã từng mang ý nghĩa thần học lịch sử của chủ nghĩa luật pháp. Rất nhiều điều Phao lô viết cho các Hội thánh ở Rô-ma và Ga-la-ti là để chống lại dị giáo nguy hại này. Đó không phải là một sự cách tân của những người Pha-ri-si là người thông qua luật pháp để giết Đấng Christ cũng không phải của phe Giu-đa là người theo sát dấu chân của Phao lô. Đây đã từng là phương thức của con người để đạt tới sự cứu rỗi.

Đây chính là ý nghĩa chính về *chủ nghĩa luật pháp*- dựa vào sự vâng giữ luật pháp để được Đức Chúa Trời chấp thuận. Nhưng còn có những hình thức khác về chủ nghĩa luật pháp hay, nguyên ngữ gọi chủ nghĩa vâng giữ luật pháp.

**Vâng lời vì sự vinh hiển bản thân.** Điều hoàn toàn khả thi để dạy rằng sự cứu rỗi do ân điển bởi đức tin mà thôi và vậy mà trở thành chủ nghĩa luật pháp, lạm dụng luật pháp bởi sự tìm kiếm “cứu rỗi” chính mình qua sự vâng giữ luật pháp. Khi chúng ta để sự sáng của mình chiếu ra trước con người để rồi họ sẽ thấy những việc thiện của chúng ta và tôn cao *chúng ta*, chúng ta lấy mất sự vinh hiển vốn thuộc về Đức Chúa Trời. Điều này có thể được nhìn thấy khi một Cơ đốc nhân đo lường sự chấp nhận chính mình với Đức Chúa Trời hay khả năng chấp nhận của những Cơ đốc nhân khác với chính mình dựa trên những căn bản về sự phô diễn bên ngoài. Một bằng chứng khác về chủ nghĩa luật pháp nữa là về cảm giác tốt song hành với sự vâng giữ luật pháp cách thành công làm cho tôn cái tôi mình lên hơn là được đổ đầy những sự kinh ngạc và tạ ơn lên Đức Thánh Linh giàu ân điển, giúp sức, Đức Chúa Trời ghét điều này. Tư tưởng như thế là sẽ không nhận được phần thưởng đâu (Ma-thi-ơ 6:1-18). Quan điểm này trái ngược với phương cách đức tin: “Làm sao các người tin được một khi các người chỉ thích nhận vinh quang của nhau thay vì tìm kiếm vinh quang từ Đức Chúa Trời duy nhất?” (Giăng 5:44).

**Sự vâng phục qua sự tự nỗ lực.** Có sự liên hệ gần gũi với động cơ của sự vâng lời vì sự vinh hiển bản thân là sự vâng lời qua nỗ lực riêng của một người. Khi chúng ta cố gắng vâng giữ luật pháp mà không nương dựa nơi sức lực của Đức Thánh Linh, dù được cứu bởi ân điển, thì chúng ta đang “cứu” chính mình bằng việc làm.

Chủ nghĩa luật pháp luôn luôn là kiểu tội tệ nhất của sự đòi truy; hay nói cách khác, tình trạng tệ hại nhất của con người đó chính là người hoàn toàn tự tin vào chính bản thân mình. Vì tình trạng tâm trí này cấu thành nguồn gốc của mọi sự lừa dối, vì đây là sự phủ nhận về bằng chứng sự Tốt Lành luôn là Món Quà của Đức Chúa Trời...rằng con người không thể sống bằng chính những nguồn lực của mình...<sup>13</sup>

**Tội lỗi không khoan thứ.** Cách khác để khước từ về sự dư dật trong sự chu cấp của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ là mang lấy gánh nặng tội lỗi mà Đức Chúa Trời đã gánh thay. Đức Chúa Trời “là thành tín và công bằng,” không chỉ khoan dung và tử tế (I Giăng 1:9). Nếu Đức Chúa Cha không tha thứ tội chúng ta, thì Ngài sẽ là Đấng thất tín và bất công, vì Ngài đòi hỏi nơi chúng ta phải trả lần thứ hai với những gì đã được trả xong. Ngài sẽ phá bỏ cam kết với Đức Chúa Con. Nhưng Đức Chúa Trời thành tín và công bằng ở đâu, chúng ta thường thất tín và bất công, tự nhận thấy chính mình về tội lỗi như thể chính chúng ta không thể chuộc lỗi được bởi sự ăn năn xứng đáng hay cách cư xử tốt thêm vào, như thể công việc của

---

<sup>13</sup>Emil Brunner, *The Divine Imperative*, trans. Olive Wyon (London: Lutterworth, 1937), 71.

Đấng Christ trong sự cứu chuộc là không trọn vẹn. Đây là chủ nghĩa luật pháp về một kiểu kinh khủng.

**Sự vâng lời từ động cơ sợ hãi.** Dù sự vâng lời ít hơn động hơn thì không nhất thiết là tối lỗi và vì thế, cũng một thể ấy không phải là chủ nghĩa luật pháp, tuy nhiên nó phản chiếu một sự non nớt trong những mối quan hệ. Nếu chúng ta vâng giữ luật pháp vì sợ hãi về hậu quả, thay vì, vì tình yêu dành cho Đấng ban luật pháp, một lần nữa chúng ta vẫn thuộc dưới sự định tội của luật pháp. Để đảm bảo, vâng giữ cách hợp pháp thì tốt hơn là không vâng giữ bất hợp pháp. Và Đức Chúa Trời đòi hỏi con cái Ngài vâng giữ cả từ việc hy vọng về một phần thưởng và cả về sự sợ hãi về sự đánh mất (Ê-xê-chi-ên 3:17-21; Đa-ni-ên 12:3; I Cô-rinh-tô 3:10-15). Nhưng động cơ cao nhất là lòng yêu thương. Sự vâng lời do lòng biết ơn về tất cả những món quà của ân điển là kháng sinh tốt nhất chống lại vi-rút của chủ nghĩa luật pháp.

Những hình thức này là sự lạm dụng về luật pháp mà Kinh Thánh đã khuyến cáo chống lại. Nhưng từ *chủ nghĩa luật pháp* được áp dụng bởi hầu hết những người về những thái độ và hành vi mà hoàn toàn mang nền tảng Kinh Thánh hay ít nhất hợp pháp.

## CHỦ NGHĨA LUẬT PHÁP- KINH THÁNH KHÔNG CHỐNG ĐỐI

**Chủ nghĩa luật pháp không có nghĩa “xác nhận luật pháp như là một tiêu chuẩn của cuộc sống.”** hầu hết những nhà đạo đức học có tiếng tăm và một vài nhà tôn giáo chống đối luật pháp như là luật pháp; họ không có chỗ cho bất cứ đòi hỏi áp đặt ngoại tại. “Chúng ta không ở dưới luật pháp” có nghĩa rằng chúng ta không thuộc dưới trách nhiệm với bất cứ tiêu chuẩn luật lệ nào về cách đối xử. Vì luận điểm này, tình yêu dành cho luật pháp là mang khuynh hướng luật pháp. “Ồ, Tôi yêu mến luật lệ Ngài dường bao” là bằng chứng chắc chắn của tác giả thi thiên về chủ nghĩa luật pháp. Chúng ta nỗ lực để chỉ ra chỗ của luật pháp trong đời sống con người từ một góc nhìn của Kinh Thánh, nhưng quan điểm đặc biệt này về luật pháp sẽ được bàn đến sau cách cặn kẽ hơn (phần về “luật pháp và ân điển” và “đạo đức địa vị”) vì lẽ đây là điều quan trọng và mang tính ảnh hưởng rộng khắp.

**Chủ nghĩa luật pháp không có nghĩa “Sự nô lệ về trách nhiệm tương phản với sự tự do.”** Trong Kinh Thánh sự tự do không phải là giấy phép để làm bất cứ điều gì chúng muốn, nhưng là năng quyền để làm những gì chúng ta cần phải làm. Và điều chúng ta cần phải làm là vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Ý muốn đó được bày tỏ, giữa những cách khác, bởi luật pháp của Đức Chúa Trời. Quan điểm đương thời rằng cơ bản con người là tốt lành và sự giới hạn làm cho con người xấu xa đã ảnh hưởng đến đến suy nghĩ của Cơ đốc nhân để rồi

luật pháp và sự tự do trở nên đối nghịch. Nhưng đây không phải là quan điểm Kinh Thánh. Theo Kinh Thánh, để bắt đầu với sự tự do trong bất cứ nhận thức cơ bản là một ảo tưởng. Tất cả chúng ta thật sự đã được ban tặng trong sự hiện hữu con người là sự lựa chọn về người chủ: Tội lỗi hay sự công chính, Satan hay Đức Chúa Trời.

Quyền tự do của Đức Chúa Trời là Đấng ban cho tạo vật Ngài sự tự do là sự chống lại sự nô lệ của người mà cắt bỏ trục hệ chính mình từ nguồn gốc mà người ấy gọi nó là của mình và yêu mến nó...nếu người ấy nói rằng, “ít nhất tôi có nó theo cách riêng của mình!” Tôi trả lời, bạn không biết cái gì là theo cách của bạn và cái gì là không theo. Bạn chẳng biết gì về nguồn gốc sự thôi thúc của mình, lòng khát khao của mình, khuynh hướng của mình, sự ưa thích của mình đến từ đâu. Trong hoàn cảnh đó chúng có thể bắt nguồn từ một vài cơ hội, từ những giây thần kinh đã mất, trong hoàn cảnh đó có thể xuất phát từ một vài tiếng gầm của một con ác quỷ lang thang; trong hoàn cảnh đó có thể xuất phát từ lòng căm thù bẩm sinh trong lòng bạn; trong hoàn cảnh đó có thể xuất phát từ sự tham lam không có luật pháp của một vài tổ tiên mà bạn thấy xấu hổ nếu như bạn đã biết người ấy; hay điều đó có thể trong hoàn cảnh xuất phát từ một vài âm thanh thánh thốt xa xa từ một bản giao hưởng thiên đàng: ngay lúc xuất hiện trong nhận thức của bạn, bạn gọi đó là theo cách của bạn, và tự hào về điều đó.<sup>14</sup>

Không chỉ sự tự do căn bản là một ảo tưởng, trong một ý nghĩa nào đó thì luật pháp thật sự cung cấp sự tự do thật có những gì. Đầu máy xe lửa dường như cảm thấy tự do khi làm trọn mục đích của chính nó khi nó được chạy trên đường ray cố định, khi nó loại bỏ đường ray vì có những đồng cỏ trải dài bên kia qua hàng rào thì dường như được xem như trong cảnh lệ thuộc và thất bại để đi đến đích cuối. Vậy nên, con người hầu như tự do khi được chạy trên đường ray của ý muốn Đức Chúa Trời được tỏ ra, hầu hết chắc chắn đã đánh mất mục đích của con người khi họ từ bỏ những đường ray đó bởi vì “sự tự do” theo cách của họ. Đây là một sự áp dụng sai trật về cụm từ *chủ nghĩa luật pháp* để đặt luật pháp chống lại sự tự do. Mặt đối ngược của sự tự do là sự nô lệ. Và sự nô lệ cốt yếu là sự nô lệ với tội lỗi, chứ không phải với luật pháp.

**Chủ nghĩa luật pháp không có nghĩa “Đưa ra những quy tắc cụ thể.”** Có lẽ sự áp dụng sai phổ biến nhất về từ ngữ *luật pháp* là có ý nói về việc tạo ra những quy tắc, đặc biệt là rất nhiều quy tắc, đặc biệt là rất nhiều quy tắc tiêu cực hơn, và đặc biệt là hầu như những quy tắc thứ yếu, hay như thường được nói, “những quy tắc nhỏ mang tính lựa chọn.” Thông thường con người- và một số học giả- nói Kinh Thánh không phải là danh sách mua hàng về những việc nên và không nên.

---

<sup>14</sup>George Macdonald: *An Anthology*, ed. C.S. Lewis (New York: Macmillna, 1947), 87.



Một số người nhìn Kinh Thánh vì muốn có một, hai, ba những nguyên tắc. Chúng ta không tìm kiếm những loại tư liệu đó từ Kinh Thánh. Những điều chúng ta thật muốn tìm kiếm là sự hướng dẫn vô tận nhằm hướng dẫn và đưa chúng ta đến sự tự do trong Chúa.<sup>15</sup>

Tôi không biết một trước giả đọc gì từ Kinh Thánh. Môi-se không chỉ là người duy nhất đưa ra một danh sách những điều không nên làm. Phao lô đã đưa nhiều danh sách những điều không nên và bao gồm cả những “nguyên tắc nhỏ mang tính lựa chọn” có những điều liên hệ đến kiểu tóc và ăn mặc, giữa những điều khác.

Sự tồn tại của một bộ những nguyên tắc và những quy tắc hay một bộ luật không tạo thành chủ nghĩa luật pháp (Ga-la-ti 6:2; I Ti-mô-thê 3:2; Rô-ma 8:2). Nếu trên căn bản những phước hạnh tâm linh của đời sống chúng ta trong Đấng Christ, chúng ta phải bước đi cách xứng đáng theo sự kêu gọi và vâng theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời, khi đó một khát khao vâng lời Đức Chúa Trời không tạo thành chủ nghĩa luật pháp (Ê-phê-sô 1:3; 4:1; 5:8; Phi-líp 1:27). Phải làm điều gì đó không phải theo khuynh hướng luật pháp (I Ti-mô-thê 3:2; Ê-phê-sô 5:28; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:3; Rô-ma 15:27).

Có một danh sách những điều không nên làm không có nghĩa là chủ nghĩa luật pháp (Rô-ma 12:2; Cô-lô-se 3:9; Ga-la-ti 6:9; Ê-phê-sô 4:25-5:18; 1 Giăng 2:13).<sup>16</sup>

Thật không đúng khi gọi một xã hội theo “chủ nghĩa luật pháp” đơn giản chỉ vì xã hội có nhiều luật lệ. Nếu vậy, Kinh Thánh thật sự là một cuốn sách có nhiều luật lệ nhất trong tất cả những cuốn sách.

**Chủ nghĩa luật pháp không có nghĩa “Nhấn mạnh vào ngữ nghĩa luật pháp hơn là Thánh Linh.”** Một trong những sự hiểu lầm phổ biến nhất về chủ nghĩa luật pháp là nhấn mạnh vào ngữ nghĩa luật pháp (“chủ nghĩa luật pháp”) chống lại tinh thần của luật pháp (“sự tự do”). Trong quan điểm này, sự tuân giữ luật pháp về nhận thức với những mạng lệnh rõ ràng của Kinh Thánh được tin là theo khuynh hướng luật pháp. “Sự tuân giữ luật pháp như là điều cốt yếu của đạo đức Cơ đốc” được đưa ra như là một định nghĩa về chủ nghĩa luật pháp, vì thế lập trường tuyệt đối được nêu ra như là sự nô lệ tẻ nhạt bởi sự vâng giữ đều đặn cách chính xác những gì Kinh Thánh dạy. Nhưng liệu đây có phải là sự hiểu biết theo Kinh Thánh về chủ nghĩa luật pháp? Thường những người nói rằng “vâng giữ từng lời” là theo khuynh hướng luật pháp có nghĩa là chấp nhận được khi phớt lờ luật pháp miễn là chừng nào bạn hiểu rõ nghĩa, chừng nào bạn yêu mến luật pháp bằng tâm linh mình. Đây là đúng là khuynh

---

<sup>15</sup>Robert L. Maddox, *Adult Bible Study* (Nashville: Baptist Sunday School Board, July 1981),12.

<sup>16</sup>Paul Wright, Class notes on “Legalism” (Columbia, S.C.: Columbia Bible Seminary and Graduate School of Missions).

hướng theo tình huống, và những ai xem trọng thẩm quyền Kinh Thánh cách nghiêm túc có thể không tin theo quan điểm này.

Phao lô ý muốn nói khi dùng từ tương phản “văn tự” so với “Thánh Linh”? Phao lô ý muốn nói chính xác với những gì ông luôn ám chỉ khi chống lại chủ nghĩa luật pháp: sự cứu rỗi bởi việc làm. Phao lô cương quyết chống lại một vài loại quy tắc: những người đưa ra một sự thay thế hay là bổ sung thêm vào công cuộc cứu rỗi của Đấng Christ trên thập tự giá.

Hai phân đoạn trong Tân Ước tương phản về văn tự và thánh linh (Rô-ma 7:6; II Cô-rinh-tô 3:6, NIV). “vì chữ làm cho chết, song Thánh Linh làm cho sống.” Trong cả hai trường hợp Phao lô dùng “văn tự” là một từ đồng nghĩa chỉ về luật pháp – luật pháp giam giữ chúng ta trong sự định tội- và “Thánh Linh,” Đức Thánh Linh Ban sự sống. Trong cả hai trường hợp Phao lô đưa ra sự dạy dỗ giống nhau chống lại sự lệ thuộc mang tính hợp pháp về nỗ lực bản thân để đạt được sự cứu rỗi.

Hơn nữa, Kinh Thánh rõ ràng lên án việc giữ theo những chữ nghĩa luật pháp (“văn tự”) như là một cái vỏ cho sự chống nghịch ý định hay tinh thần của luật pháp. Người Pha-ri-si đã văn tự luật lệ để phá đổ ý định của luật pháp trong khi thừa nhận sự trung thành hết mực với luật pháp. Họ dạy rằng nếu mười người đã thề ước bên bàn thờ, thay vì bên của lễ dâng nơi bàn thờ thì lời thề không bị ràng buộc. Nếu một người lập một giao kết nhơn danh đền thờ, thay vì nhơn danh vàng của đền thờ, thì lời giao kết đó có thể phá vỡ. Nếu một tài sản giá trị “dâng cho Đức Chúa Trời” bằng lời nói, thì người đó không cần dùng nó để giúp đỡ cha mẹ mình khi cần (Ma-thi-ơ 23:17-18).

Người Pha-ri-si đã nhấn mạnh đến việc vâng giữ “văn tự” ít hơn, dễ dàng hơn, thấy được, ngoại tại trong khi phớt lờ “tinh thần” cốt yếu, điều quan trọng hơn của luật pháp. Động cơ của họ là được người khác nhìn thấy (Ma-thi-ơ 23:5). Họ ước ao có được sự công nhận về một mức độ tốt lành mà không hề có thật. Họ cố gắng để mua một thanh danh tốt với cái giá khuyến mãi, và họ đã thành công. “Pha-ri-si” có nghĩa là “người thánh,” và họ không được gọi như vậy trong sự nhạo cười. Người khác phải xem họ là đối tượng cao nhất và tốt nhất về sự liêm chính đạo đức. Nhưng Chúa Jesus đã lên án điều này

Khốn cho các người, thầy thông giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả hình! Vì các người nộp một phần mười bạc hà, hồi hương, và rau cần, mà bỏ đi điều hệ trọng hơn hết trong luật pháp, là sự công bình, thương xót và trung tín; đó là những điều các người phải làm, mà cũng không nên bỏ sót những điều kia. <sup>24</sup> Hỡi kẻ mù dẫn đường, các người lọc con ruồi nhỏ mà nuốt con lạc đà! (Ma-thi-ơ 23:23-24)

Nói đúng ra, vấn đề của họ không phải là khuynh hướng luật pháp nhưng là giả hình. Họ là kẻ giả dối. “Vì họ nói mà không làm” (Ma-thi-ơ 23:3).

Người ta tường thuật lại rằng một vài đoàn quân Đức Quốc Xã Tin Lành đã không nhảy múa hay uống thức uống có cồn, vậy mà họ đã hành quyết hàng ngàn người Do-thái. Người trẻ tuổi “tin Kinh Thánh” được biết đến là không đi đến rạp chiếu phim và nhảy múa để được Hội thánh phê chuẩn, nhưng sau đó “trình diễn” trong ghế sau của xe hơi. Nhiều Cơ Đốc nhân dâng phần mười cách đều đặn nhưng họ là người hết sức sống theo khuynh hướng vật chất. Có bao nhiêu những Cơ Đốc nhân sốt sắng là người hăng hái ra đi sau khi quyết định dâng mình cho Đấng Christ nhưng đời sống hằng ngày của họ không làm chứng về Ngài, bèn là cho chính họ, cho những suy nghĩ bản thân mình?

Không, câu trả lời của Đấng Christ là rõ ràng: “đó là những điều các ngươi phải làm, mà cũng không nên bỏ sót những điều kia” (Ma-thi-ơ 23:12:23). “hãy làm và giữ theo mọi điều họ đã bảo các ngươi; nhưng đừng bắt chước việc làm của họ, vì họ nói mà không làm” (Ma-thi-ơ 23:3). Họ không lập nên những văn tự nghịch lại với tinh thần. Đấng Christ phán rằng văn tự là quan trọng, nhưng trên hết là tinh thần của luật pháp là quan trọng. Văn tự về luật lệ sẽ không bao giờ chống lại nguyên tắc của luật pháp, trên hết mọi sự chúng ta phải gìn giữ nguyên tắc này.

### **Chủ nghĩa luật pháp là không “vâng giữ luật pháp do con người lập ra.”**

Một số người tin rằng sự vâng giữ các luật lệ Đức Chúa Trời lập nên thì là Cơ Đốc nhân thật, nhưng buộc vâng giữ những quy tắc do con người lập ra là mang tính chủ nghĩa luật pháp. Nhưng lời Kinh Thánh căn cứ dứt khoát trên khía cạnh thẩm quyền của con người. Thật ra, những thẩm quyền của con người đều do Đức Chúa Trời truyền ban. Sự vâng lời với thẩm quyền con người không phải là sự lựa chọn, Nói cách khác, không có thẩm quyền con người nào là tuyệt đối, vì mọi thẩm quyền con người đều ở dưới sự phán xét của Đức Chúa Trời, và mỗi người cuối cùng phải khai trình về bổn phận căn bản của mình với Đấng uy quyền trên tất cả mọi thẩm quyền.

1. Hôn Nhân: “Hỡi kẻ làm vợ, phải vâng phục chồng mình như vâng phục Chúa” (Ê-phê-sô 5:22).
2. Gia đình: “Hỡi kẻ làm con cái, hãy vâng phục cha mẹ mình trong Chúa, vì điều đó là phải lắm” (Ê-phê-sô 6:1).

3. Bậc cầm quyền: “Mọi người phải vâng phục các đấng cầm quyền trên mình; vì chẳng có quyền nào mà không đến bởi Đức Chúa Trời, các quyền đều bởi Đức Chúa Trời chỉ định” (Rô ma 13:1).
4. Trong công việc: “Hỡi kẻ làm tôi tớ, hãy .....vâng phục kẻ làm chủ mình theo phần xác, như vâng phục Đấng Christ” (Ê-phê-sô 6:5).
5. Hội thánh: “Hãy vâng lời kẻ dắt dẫn anh em và chịu phục các người ấy, - bởi các người ấy tinh thức về linh hồn anh em, dường như phải khai trình” (Hê-bơ-rơ 13:17).

Sự chân thật của một người vâng lời Đức Chúa Trời thường được kiểm nghiệm ở góc độ thẩm quyền con người. Thẩm quyền con người không chỉ được Đức Chúa Trời ban để thực thi Mười Điều Răn hay ban ra lời khuyên nhơn đức. Mỗi người thuộc dưới thẩm quyền hợp pháp phải vâng phục thẩm quyền đó trừ phi sự vâng phục đó đi ngược lại ý muốn mặc khải của Đức Chúa Trời (Công vụ 5;29).

Thẩm quyền con người nên được thi hành trong sự công bằng, khôn ngoan và tình yêu thương. Thẩm quyền đó nên được vâng giữ cách hơn hở. Tuy nhiên, khi thẩm quyền con người không công chính hay không khôn ngoan hay không yêu thương, người ở dưới quyền đó không vì thế mà được miễn khỏi trách nhiệm vâng phục (I Phi-e-rơ 2:18). Đây là điều khá hợp lý cho người đó tìm kiếm sự thay đổi theo những cách mang nền tảng Kinh Thánh, nhưng nếu người ấy phản nộ và chống nghịch lại thẩm quyền, mối quan hệ đó sẽ mang tính hủy phá. Một số mối quan hệ con người có thể được tan rã, những mối quan hệ khác thì không thể. Trong xã hội của chúng ta một đứa trẻ cuối cùng sẽ rời xa gia đình, một công dân có thể đi đến một quốc gia khác, một nhân viên có thể xin nghỉ và tìm công việc khác, một thuộc viên Hội thánh này chuyển sang Hội thánh khác. Nhưng vợ thì không thể rời bỏ chồng; đứa trẻ không thể rời xa khi chưa đến tuổi. Chắc chắn rằng không phải luôn luôn là ý muốn Đức Chúa Trời cho những công dân, những người làm công, hay thuộc viên Hội thánh chạy trốn hoàn cảnh khó khăn, nhưng thường điều này nằm trong ý muốn của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, chừng nào mối quan hệ vẫn được nuôi dưỡng, thẩm quyền đều thuộc về Đức Chúa Trời được giao phó cho những bậc cầm quyền con người. Rõ ràng Đức Chúa Trời biết rằng thật tốt để có bậc cầm quyền con người không xứng hợp còn hơn chẳng có bậc cầm quyền nào cả.

**Chủ nghĩa luật pháp không phải là “luật pháp” chống nghịch với “sự yêu thương.”** Một vài người tin rằng đây sẽ mang tính luật pháp khi giữ khuynh hướng luật pháp, vì theo định nghĩa điều đó có ý người này không theo khuynh hướng con người. Cách làm luật này đối lập lại với tình yêu càng lan rộng và rất ảnh hưởng, chúng tôi sẽ dành phần cuối của chương này

với chủ đề “Luật pháp và Tình yêu.” Như chúng ta đã xem xét trong chương trước về “tình yêu,” tình yêu thật sự là sự làm trọn của luật pháp. Cho đến giờ này khi bị chống đối, trong một ý nghĩa nào đó Kinh Thánh coi cả hai đều như nhau.

## LUẬT PHÁP VÀ ÂN ĐIỂN

Há có từ nào ngọt ngào hơn và xuất sắc hơn từ *ân điển*! Khi một Đức Chúa Trời công bình nhìn xuống chúng ta ngày nay, Ngài không nhìn thấy ảnh tượng chính mình bị biến dạng và bị sa đọa cách vô vọng. Ngài không nhìn thấy như người vô chủ yếu đuối, đạo đức suy đồi. Ngài nhìn thấy chúng ta như trong sạch và vô tội, công bình và mạnh mẽ như Chúa Jesus Christ. Bởi vì Ngài nhìn chúng ta thông qua Thập tự giá, chúng ta đã được sạch.

Ân điển không chỉ là đặc ân cho ai đó không đáng có được. Ân điển là đặc ân yêu thương dành cho người đáng phải nhận cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Sự giải hòa với Đức Chúa Trời và sự sống đời đời không thể nỗ lực để đạt đến. Tất cả mọi điều tốt đẹp tôi có đó là món quà nhưng không của Đức Chúa Trời (Rô-ma 3:21-31; Ê-phê-sô 2:1-8).

Nhưng đây không phải là điều mới. Con người luôn được cứu chỉ bởi ân điển của Đức Chúa Trời. Thế còn từ đáng sợ *luật pháp* thì sao? Từ này có tương phản với từ ân điển? Liệu luật pháp có phé bỏ trong Đấng Christ?

Tất cả sẽ đồng tình rằng không có luật pháp thì ân điển không có ý nghĩa gì. Không có luật pháp sẽ có thể không có tội lỗi (Rô-ma 7:7). Không có tội lỗi sẽ có thể không cần sự tha thứ. Thập tự giá của Chúa Jesus không chỉ mang lại sự tha thứ bởi ân điển, thập tự giá còn chứng minh cái có thực và ý nghĩa của luật pháp. Phá vỡ luật pháp là điều quá kinh khiếp đến nỗi Đức Chúa Trời sẽ phải ban chính cơn một Ngài để thỏa mãn mọi đòi hỏi của luật pháp và hủy bỏ mọi sự phán xét dành cho dòng dõi A-đam. Đây chính là điều thực tế và mạnh mẽ biết dường nào của luật pháp. Nhưng khi mục đích của luật pháp được làm trọn, liệu luật pháp có bị phé bỏ không?

Không hề, như chúng ta đã thấy, luật pháp vẫn thánh khiết, công bằng và tốt lành. Luật pháp không còn chống nghịch lại tôi trong sự phán xét. Luật pháp tỏa sáng rực rỡ và sáng tỏ trên lối đi tới sự vinh quang của tôi. Luật pháp chiếu sáng rực đích đến của tôi—là phẩm tính vinh hiển của chính Đức Chúa Trời. Và ai có thể thể chống nghịch điều đó được? chủ yếu có hai nhóm người:

Nhóm thứ nhất và ảnh hưởng nhất trong Hội thánh là quan điểm chống đạo lý (chống lại luật pháp) của những nhà thần học đương đại. Khi họ ứng dụng tiêu chuẩn căn bản của họ với đạo đức, thì nó được gọi là đạo đức hoàn cảnh.

[những gì] Rodolf Bultmann bày tỏ vào đầu năm 1930 nói chung đã được chấp nhận, cụ thể là bất kể đạo đức hy vọng trả lời câu hỏi, “Tôi phải làm gì?” được dựa trên một suy nghĩ sai lầm về hoàn cảnh nhân loại. Bàn thảo “Điều răn lớn,” ông khẳng định rằng yêu người lân cận mình không nói cho bạn biết bạn làm gì, nhưng chỉ nói cách bạn làm như thế nào. Sự quan sát của Bultmann trở thành một lời nói sáo rỗng trong đạo đức Cơ đốc. Những Cơ đốc nhân được cho là biết bằng trực giác điều gì phải làm nên như họ núp mình trong năng quyền tình yêu... cũng như thế, Joshep Fletch đã nói “Không có luật pháp hay nguyên tắc hay giá trị nào tốt như thế- không có sự sống hay lẽ thật hay lòng trong sạch hay thuộc tính hay hôn nhân hay bất cứ điều gì tốt ngoài tình yêu. Chỉ một điều được cho là tốt, cụ thể chính là tình yêu: Chẳng có điều gì khác cả.”<sup>17</sup>

Quan điểm này có rất nhiều người tin và có ảnh hưởng, thậm chí trong những nhóm Tin Lành trước đây, mà chúng tôi sẽ dành nguyên một chương sau cho chủ đề này. Nhưng ở điểm này, quan điểm này không nhất thiết để thảo luận sự từ khước của họ về luật pháp bởi quan điểm trước hết không dựa lời Kinh Thánh. Thảm quyền Kinh Thánh đã không nhắc đến trong phần thảo luận ngoại trừ như là một nguồn cho những ý niệm mà có thể làm mạnh quan điểm triết lý đã lĩnh hội vì những lý do không theo Kinh Thánh. Nhiều người trong những người ảnh hưởng nhất của phong trào này, như Joseph Fletcher, thậm chí không tin vào một Đức Chúa Trời cách cá nhân.

Nhưng cũng có trường phái mà được giữ vững cách chắn chắn giữa vòng trào lưu Tin Lành về sự kết ước với sự mặc khải uy quyền trong Kinh Thánh. Nhiều những nhà lãnh đạo quyền tôn giáo đứng đầu của thời kỳ nửa cuối của thế kỷ hai mươi đã rời bỏ khỏi luận điểm về nhà hệ thống hóa lưu loát nhất của phong trào, Lewia Sperry Chafer, nhưng rất người nổi tiếng trời giới truyền thông đồng tình với Chafe trong sự nhìn nhận rằng không có chỗ cho luật pháp- không chỉ luật pháp Môi-se, nhưng cả lời dạy dỗ của Chúa Jesus.

Đây là bằng chứng rằng luật pháp không bao giờ được truyền cho bất cứ ai bên ngoài dân tộc Y-sơ-ra-ên, và hơn nữa, khi sự chết của Đấng Christ, không người Do thái, Dân ngoại, hay Cơ đốc nhân giờ đây còn ở dưới luật pháp hoặc vì sự xung công bình, hay là như một nguyên tắc sống.<sup>18</sup>

Có một quan điểm phổ biến nguy hiểm và hoàn toàn vô căn cứ cho rằng mỗi lời dạy của Đấng Christ phải là điều bắt buộc trong suốt thời đại hay đơn giản bởi vì Đấng Christ đã phán truyền.<sup>19</sup>

Từ khi luật pháp và ân điển trái ngược nhau ở mọi khía cạnh, thì điều này không khả thi để luật pháp và ân điển cùng tồn tại, hoặc như là nền tảng của sự chấp nhận trước Đức Chúa Trời hay như là nguyên tắc sống. Cho nên,

---

<sup>17</sup> George W. Forell, *History of Christian Ethics, vol.1* (Minneapolis: Augsburg, 1979), 21

<sup>18</sup> Chafer, *Grace*, 99

<sup>19</sup> *Ibid*, 179

nền tảng cần thiết là Kinh Thánh Tân Ước trình bày những bằng chứng và chiều kích của ân điển, cả hai đều thừa nhận và dạy trực tiếp rằng luật pháp đã hoàn tất. Bởi vậy, Luật pháp không còn hiệu lực trong thời đại hiện tại trong bất kể ý nghĩa gì. Điều này nói lên sự phế bỏ của luật pháp áp dụng không chỉ đối với toàn bộ luật lệ trong hệ thống luật Môi-se và luật lệ Vương quốc, nhưng còn đối với mọi sự áp dụng có thể về nguyên tắc của luật pháp.<sup>20</sup>

Với Chafer, thật rõ ràng rằng luật trong vai trò luật pháp đã hoàn thành xong. Bảng mười điều răn, Bài giảng trên Núi, thậm chí những lời giáo huấn trong các thơ tín sứ đồ không phải là luật pháp dành cho Cơ đốc nhân trong ý nghĩa về một nguyên tắc sống hay là những trách nhiệm bắt buộc phải vâng giữ. Những nhưng nhà thần học nói gì?

Augustine: luật pháp được ban cho rằng ân điển có thể được tìm thấy; ân điển được ban cho hầu cho luật pháp có thể được trọn vẹn.

Westminster Confession (Trường Lão): Luật đạo đức mãi mãi bắt buộc tất cả phải vâng giữ, cho những người đã được xưng công bình cũng như những người khác... như một nguyên tắc sống cho họ biết ý muốn của Đức Chúa Trời và trách nhiệm của họ, luật pháp hướng và bắt buộc họ cư xử đúng đắn.<sup>21</sup>

Những bài báo về tôn giáo (Hội thánh Anh Quốc): Cựu Ước không trái ngược với Tân Ước; vì cả trong Cựu Ước và Tân Ước sự sống đời đời được ban tặng cho Loài Người bởi Đấng Christ, là Đấng Trung Bảo giữa Đức Chúa Trời và Loài người, Ngài vừa là Đức Chúa Trời và vừa Con Người... Dù rằng luật pháp được Đức Chúa Trời ban cho qua Môi-se, về những nghi thức và lễ nghi, không bắt buộc Cơ Đốc nhân, cũng không bắt buộc lời giáo huấn không theo nghi thức tôn giáo cần thiết phải được đón nhận được trong bất kể khối cộng đồng nào; nhưng tuy nhiên không một Cơ đốc nhân nào được miễn trừ khỏi sự vâng giữ Mười Điều Răn mà được gọi là nền tảng Đạo Đức.<sup>22</sup>

Formula of Concord (Lutheran): Luật pháp là quy tắc và chuẩn mực chắc chắn để đạt đến một đời sống tin kính và lối cư xử hòa hợp với ý muốn đời, bất biến của Đức Chúa Trời.<sup>23</sup>

*Học viện Tôn Giáo Cơ Đốc*, John Calvin: Không có những nguyên tắc sống rõ ràng nào, nhưng một nguyên tắc bất biến và bất di bất dịch, bởi vậy, khi Đa-vít mô tả sự công bình bằng cách dành trọn đời mình suy gẫm Luật pháp (Thi Thiên 1:2) Chúng ta không phải hạn chế chỉ ở thời đại nào, một việc làm nào mà thích hợp nhất cho mọi thời đại, thậm chí đến ngày tận thế vẫn thế.<sup>24</sup>

---

<sup>20</sup> Ibid, 215

<sup>21</sup> Westminster Confession, Chap XIX.

<sup>22</sup> Articles on Religion, VII.

<sup>23</sup> Formula of Concord, 4. See also Luther's *Large Catechism*, I, 311.9.

<sup>24</sup> Calvin, *Institutes*, book II, Chap. VIII, 13.

Carl F. H. Henry, một nhà thần học báp tít và Tin Lành hàng đầu: không hề có sự xem nhẹ về luật pháp, cũng không có sự xem nhẹ về tính tiếp diễn cần thiết về những khía cạnh đạo đức Cựu Ước và Tân Ước trong quan điểm của Augustine, Aquinas, Luther, Calvin, và Wesley.<sup>25</sup>

Nhiều nhà diễn giả và tín hữu tiếp tục đi theo quan điểm của Chafer về luật pháp và thậm chí đi xa hơn ông về sự giảng dạy chống đạo lý, nhưng có một vài những nhà thần học hàng đầu về phong trào giáo quy đồng hành với quan điểm ban đầu. Càng ngày, những nhà thần học giáo quy chuyển hướng đến sự dạy dỗ Cơ đốc chủ đạo trong việc xác nhận luật đạo đức như là đòi hỏi của Đức Chúa Trời đối với Cơ đốc nhân: chẳng hạn, Charles Ryrie, một diễn giả hàng đầu đã viết:

Bài Giảng trên Núi không bày tỏ con đường của sự cứu rỗi nhưng là con đường của đời sống công bình dành cho những ai là thành viên của gia đình Đức Chúa Trời...Nó còn là một bản soạn thảo kỹ lưỡng về tinh thần của luật pháp. Nó là sự mặc khải chi tiết về sự công bình của Đức Chúa Trời dành cho tất cả chúng ta, và những nguyên tắc của nó mang tính áp dụng cho con cái Đức Chúa Trời ngày nay.<sup>26</sup>

Tác giả không nói rằng chính những mạng lệnh mang tính ràng buộc, nhưng ông khẳng định rõ ràng rằng tinh thần và những nguyên tắc của luật pháp có uy quyền cho tín hữu ngày nay.

Với sự nhất trí đồng lòng, rất nhiều những tư tưởng thần học chính thống đã tin rằng luật pháp dành cho tín hữu. Tuy nhiên quả thật rằng sự nhấn mạnh của Cựu Ước và Tân Ước là khác nhau. Điều này mang tính vốn có trong chuỗi những sự kiện mang tính lịch sử cần thiết. Ân điển yêu thương của Đức Chúa Trời bày tỏ sự tuyệt mỹ đầy trọn trong cuộc đời Đấng Christ không thể được tỏ ra đầy trọn trước khi Con Đức Chúa Trời xuất hiện trong bản chất của hoàn cảnh. Không chỉ là sự kiện mang tính lịch sử về sự cần thiết của sự Nhập thể, điều đó cũng cần thiết rằng con người chuẩn bị qua việc hiểu biết về một Đức Chúa Trời thánh khiết và công bình. Nếu không, họ thậm chí không ước ao một Đấng Cứu Thế. Trong một ý nghĩa nào đó, mọi người đến với Đức Chúa Trời trải qua một chuỗi về sự mặc khải thánh về khuôn mẫu của Lời Kinh Thánh. Vì một người sẽ không tìm kiếm sự cứu rỗi cho đến khi con người hiểu được đòi hỏi công bằng về luật pháp. Khi nào không có nan đề, thì khi đó con người không quan tâm đến một giải pháp. Một người không thật sự muốn nghe về những lời đẹp đẽ ân điển về thập tự giá cho đến khi những tấm lòng được mở ra bởi cơn sấm sét ở tại Si-nai.

---

<sup>25</sup> Carl F. H. Henry, *Christian Personal Ethics* (Grand Rapids: Eerdmans, 1957),259.

<sup>26</sup> *The Ryrie Study Bible* (Chicago: Moody Press, 1976),12



Vậy nên luật pháp và ân điển là hai mặt của đồng tiền về sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Không có ân điển, luật pháp là kẻ hủy diệt kinh khiếp. Không luật pháp, ân điển trở nên vô nghĩa. Mỗi điều là chân thật khi điều kia được hiểu đúng. Như Chúa Jesus đã phán, hễ ai bỏ qua điều nhỏ nhất về luật pháp Đức Chúa Trời thì người thật sự là nhỏ nhất trong nước thiên đàng (Ma-thi-ơ 5:18-19).

*Luôn vâng giữ luật pháp truyền dạy (work, work the law demands)*

*Nhưng chỉ là trống rỗng, phù du (But give us neither feet nor hands)*

*Rồi cái ngày Phúc Âm truyền đến (As sweeter sound the gospel brings)*

*Ta như được chấp cánh bay cao (It bids us fly and give us wings)*

Nếu luật pháp và ân điển không đối kháng nhau, thì luật pháp và đức tin có ý nghĩa?

## LUẬT PHÁP VÀ ĐỨC TIN

Có phải Phao lô đã bôi nhọ luật pháp khi nói rằng, “luật pháp vốn không phải đồng một thứ với đức tin”? (Ga-la-ti 3:12). “Chẳng hề như vậy.” Luật pháp và đức tin hoàn toàn khác về phẩm tính. So sánh hai điều này chẳng khác gì là so sánh những quả táo với những quả cam. Luật pháp là một chuẩn mực, đức tin là một thiên hướng hay một thái độ. Phao lô nói “Đừng yêu cầu luật pháp làm những điều chỉ có đức tin mới có thể làm.” Nhưng điều đó không cất bỏ đi luật pháp. Cả hai kết hợp với nhau cách tuyệt mỹ trong mục đích của Đức Chúa Trời dành cho đời sống Cơ đốc nhân.

Đức tin là cách duy nhất đáp ứng lại với ân điển. Khi Đức Chúa Trời phán với tôi trong ân điển, Ngài không nói với tôi “làm vì có ta,” nhưng bằng là, “Ta đã làm vì con.” Tôi không thể nỗ lực để có được ân điển. Đây chính là khía cạnh đức tin. Toàn bộ đời sống Cơ Đốc Nhân đều mô tả bằng đức tin. “Phạm làm điều chi không bởi đức tin thì điều đó là tội lỗi” (Rô-ma 14:23). Đức tin là nhận lấy những gì Đức Chúa Trời ban cho- nhưng nhận lấy điều đó theo điều kiện của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không đòi hỏi tôi đơn giản chỉ đồng ý với Ngài rằng ân điển là chân thật, hiệu quả, và tuyệt vời. Ngài truyền lệnh cho tôi phải sống trong ánh sáng về những hàm ý triệt để của ân điển. Ngài gọi tôi phải được biến đổi, thay đổi cam kết với tội lỗi và bản ngã bằng cam kết với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ. Chỉ đơn sơ công bố có đức tin là điều dễ dàng nhưng vô ích. Tuy nhiên kết ước với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ bằng đức tin chính là sự sống. Đức tin thật, Đức tin nền tảng Kinh Thánh, việc làm (Gia-cơ 2:17-18). Đây là đức tin kiên trì mà không lựa chọn khi nào

theo Chúa (một sự từ khước trên thực tế Đấng Christ là Chúa). Niềm tin nền tảng Kinh Thánh bao hàm sự môn đệ hóa cách vâng phục.

Trước khi Phao lô nói, “luật pháp vốn không phải đồng một thứ với đức tin” (Ga-la-ti 3:12), ông nói, “chẳng hề có ai cậy luật pháp mà được xưng công bình trước mặt Đức Chúa Trời” (3:11). Cựu Ước và Tân Ước đều đều có chung một tiếng nói rằng, “người công bình sẽ sống bởi đức tin” (Ha-ba-cúc 2:4). Luật pháp là một tiêu chuẩn bởi chính luật pháp tuyên bố một lời nguyên rủa. Luật pháp được ban cho để nhằm vâng giữ, không chỉ để nhận thức (chẳng hạn “đã tin”). Chúng ta đã vi phạm luật pháp và chúng ta có tội. Không hề có đức tin nhiều hơn vào sự toàn hảo của luật pháp hay sự đúng đắn về sự lượng giá của luật pháp có thể cất bỏ đi sự rủa sả. Cũng một thể ấy, không hề có sự vâng phục nhiều hơn có thể thay đổi sự bất tuân ngày trước. Ở đây khi ân điển của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ được tỏ bày ra. Phao lô đã tiếp lời, “Đấng Christ đã chuộc chúng ta khỏi sự rủa sả của luật pháp” (3:13). Ngài vâng giữ luật pháp cách trọn vẹn hầu cho Ngài có thể chịu định tội theo luật pháp thế chỗ cho tôi. Đức Chúa Trời đã ban Đấng Christ cho chúng ta hầu cho luật pháp sẽ không định tội chúng ta cách hợp pháp, chứ không phải để luật pháp không cần mô tả chúng ta về lối cư xử. Vì Phao lô đã tiếp lời trong câu tiếp theo nhằm đưa ra mục đích để giải cứu chúng ta khỏi sự rủa sả của luật pháp- “hầu cho phước lành ban cho Áp-ra-ham nhờ Đức Chúa Jê-sus Christ mà được rải khắp trên dân ngoại, lại hầu cho chúng ta cậy đức tin mà nhận lãnh Đức Thánh Linh đã hứa cho” (3:14).

Bởi đức tin Thánh Linh hiện diện trong đời sống tín hữu, nhưng đi đến kết quả gì? Chúng ta bước đi bởi Thánh Linh hay được Thánh Linh dẫn dắt để sản sinh bông trái của Thánh Linh (Ga-la-ti 5:16,18,22-23). Trái của Thánh Linh, một chuỗi chín phẩm tính tin kính, hoàn toàn thỏa mãn Đức Chúa Trời và chúng ta. Tại sao? Phao lô đã nói, “không có luật pháp nào cấm các sự đó” (5:23). Phao lô không nói không có luật pháp nào. Ông không nói rằng luật pháp không còn có hiệu lực nữa. Lời tuyên bố của Phao lô ở đây sẽ vô nghĩa nếu như phạm trù luật pháp vẫn không áp dụng cho Cơ Đốc Nhân.

Phao lô nói rằng Cơ Đốc Nhân do Đức Thánh Linh dẫn dắt làm trọn luật pháp như là mục tiêu cứu rỗi theo địa vị mới được Thánh Linh ngự giữa của mình. Đức Chúa Trời vô hiệu hóa cách dứt khoát sự rủa sả của luật pháp qua của lễ hy sinh của Đấng Christ và giờ đây ban năng lực cho tôi để làm trọn mọi yêu cầu của luật pháp bởi sự ngự giữa của Đức Thánh Linh.

Vậy, dầu luật pháp không đồng một thứ với đức tin (luật pháp phải được vâng giữ và ân điển phải được tin giữ), tín hữu tin (như tín hữu nên tin) những gì Đức Chúa Trời đã phán dạy về luật pháp (rằng chúng ta được tự do khỏi sự rủa sả của luật pháp để làm trọn luật pháp

trong Thánh Linh). Do đó Cơ Đốc Nhân được tự do bởi đức tin để vâng giữ luật pháp. Sự vâng lời là chiều kích về đức tin thật theo Kinh Thánh. Đức tin và luật pháp không chống nghịch nhau nếu như con người không sử dụng luật pháp cách hợp pháp. Khi được biến đổi, Áp-ra-ham (Sáng thế ký 15:6), tổ phụ của đức tin, dâng Y-sác trong sự vâng lời y theo mạng lệnh của Đức Chúa Trời. Kinh Thánh nói rằng, “ngươi thấy đức tin đồng công với việc làm, và nhờ việc làm mà đức tin được trọn vẹn” (Gia-cơ 2:22).

## LUẬT PHÁP VÀ TÌNH YÊU

Những người thiện tâm tuyên bố tin Kinh Thánh kết nạp với những người thiện ý là những người khước từ thẩm quyền Kinh Thánh, loại bỏ bóng tối bên ngoài của bất kể luật gì không ưa thích hay tất cả mọi luật pháp giữ luật yêu thương. Có vẻ dường như một người phải lựa chọn giữa đức hạnh gian khó của sự công bình với sự thánh khiết hay đức hạnh tối thượng của tình yêu.

Tuy nhiên nếu tình yêu gồm tóm ý muốn Đức Chúa Trời dành cho nhân loại, và sự công bình được miêu tả như là điều tốt hay lẽ thật trong lĩnh vực đạo đức, dù rằng cả hai không mang tính đồng nghĩa, chắc chắn mỗi điều là một yếu tố cần thiết trong ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho chúng ta.

Nếu phẩm tính công bình và ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại được bày tỏ, giữa những cách khác nhau, bằng luật pháp, giữ gìn những luật lệ đó là sự nỗ lực nhiều hơn hay sự bày tỏ thực tiễn của tình yêu, được nắm bắt hoặc như là một sự tóm tắt gồm tóm mọi những luật lệ khác hoặc như là động cơ. Tách khỏi việc vâng phục yêu thương này đối với luật pháp chúng ta không biết Đức Chúa Trời, và sự xung nhận là Cơ đốc nhân của chúng ta là một sự đối trá (Ma-thi-ơ 28:20; Giăng 14:15, 23,31; 15:10,14; Ro-ma 13:10; Gia cơ 2:8; I Giăng 2:4-6; 3:24; 4:8; 5:3; II Giăng 6)

Cơ đốc nhân đôi khi phải đối diện với một vấn đề nan giải sai trật; nan đề đó là hoặc là tình yêu của luật pháp hay luật pháp của tình yêu, chúng ta đã nghe thế. Hoặc là một người quan tâm bằng tình yêu của trách nhiệm hay trách nhiệm của tình yêu. Điều này mang âm điệu thơ ca hơn là khía cạnh đạo đức... Những luật lệ định nghĩa trách nhiệm của tình yêu ở mỗi phạm vi trách nhiệm.... Thật là lạ khi trao cho một người bản tóm tắt một câu chuyện mà anh ta chưa từng đọc và sau đó yêu cầu người ấy viết lại toàn bộ câu chuyện.... Thực tế có nhiều những mạng lệnh là tiêu cực theo thể thức, điều đó không có nghĩa chúng tiêu cực trong mục đích. Thật dễ dàng để hơn nhiều để kể ra vài điều không có thích thú hơn nhiều những điều khác... luật pháp là sự yêu thương được đặt vào văn tự.<sup>27</sup>

---

<sup>27</sup>Geisler, *The Christian Ethic of Love*, 43,51-52

Vậy chẳng những không có bất đồng hay đơn thuần mang tính xung khắc, tình yêu là cốt lõi về luật pháp của Đức Chúa Trời, và những luật lệ khác là sự nhấn mạnh hơn của luật tình yêu. Như người xưa đã có những câu nói như, “tình yêu là mẹ của mọi đức hạnh.” Nói như thế có nghĩa tình yêu tóm lược luật pháp, cả Đấng Christ, Giảng, Phao lô cũng như Gia cơ không hề có ý nói rằng tình yêu là đối tượng thay thế cho luật pháp.

Nếu tình yêu không thể thay thế cho bất cứ mạng lệnh nào khác, thì luật pháp của tình yêu cũng không giảm bớt những yêu cầu của luật pháp. Đúng hơn, tình yêu phát huy ảnh hưởng của luật lệ. Tình yêu biểu lộ sắc thái cấp tiến luật pháp, bày tỏ mục đích thực và ý nghĩa nội tại của những mạng lệnh cụ thể (và, vì thế có giới hạn) và ngoại tại.

Nếu tình yêu không thể thay thế cũng không làm giảm bớt những đòi hỏi của luật pháp, tình yêu cũng không yếu hơn luật pháp. Nếu quan niệm như là động cơ, tình yêu không có ý nghĩa đầy trọn về “luật pháp của tình yêu.” Chính là luật pháp vượt xa hơn động cơ hay cảm xúc, thực vậy, đôi khi đi vòng vo né tránh tình yêu như là cảm xúc.

Tôi buộc phải làm điều này không?

Có.

Tôi buộc phải làm điều này dù tôi có muốn hay không muốn không?

Có.

Tôi buộc phải làm cho dù động cơ của tôi là gì đi nữa không?

Có. Đó chính là ý nghĩa của luật pháp tâm linh, mười điều răn của Đức Chúa Trời không còn là một nỗi sầu khổ (I Giảng 5:3). Lúc đó tôi sẽ khao khát để vâng giữ luật pháp như là vinh dự cao quý của tôi. Thế thì, tình yêu chẳng những không phải là làm kẻ thù hay thậm chí như kẻ là đối với luật pháp, thực ra tình yêu được xem vừa tạo động cơ để vâng giữ luật pháp (tình yêu như là một danh từ miêu tả cảm xúc) và vừa tóm tắt những đòi hỏi của luật pháp (tình yêu như là động từ miêu tả lối cư xử công chính).

Tóm lại, những kẻ thù của luật pháp được chia làm ba loại:

1. Những ai là “bạn” của luật pháp, là người nhìn nhận luật pháp mang vai trò mà luật pháp không bao giờ nhằm mục đích để cam chịu: một cách đạt đến sự phục hòa với Đức Chúa Trời.
2. Những bạn-thù là những người thừa nhận luật pháp, những chỉ một số luật: luật như là nguyên tắc, hay luật của tình yêu, hay chỉ những luật do Đức Chúa Trời phán truyền, và
3. Những kẻ thù- những người chống đối luật pháp thuần túy là những người loại bỏ luật pháp cho vào quá khứ( và có lẽ tương lai), là người thay thế luật pháp bằng sự tự do, hay thay thế luật pháp bằng công việc của Thánh Linh.

Nhưng như chúng ta đã xem xét, chẳng có quan điểm nào được xem là mang tính nền tảng Kinh Thánh. Luật pháp có giới hạn: luật pháp không thể tạo ra sự công bình cho tội nhân hay thánh nhân; luật pháp không thể ban sự sống hay thắng được tội lỗi. Và tội nhân không phải là người bạn thật của luật pháp là người coi luật pháp với bản chất đúng của nó. Những luật pháp có một vị trí rõ ràng. Luật pháp là món quà của ân điển, không phải là kẻ thù của ân điển. Ân điển không thể thay thế chỗ luật pháp. Luật pháp đưa dắt chúng ta đến với ân điển, và ân điển đến lượt mình ban năng lực để chúng ta vâng giữ luật pháp. Và luật pháp không phải là kẻ thù với sự tự do. Sự tự do thật được tìm thấy chỉ trong sự giải thoát của tấm lòng trọn vẹn đầu phục ý muốn Đức Chúa Trời, phần nhiều ý muốn Đức Chúa Trời được bày tỏ trong luật pháp. Đức Thánh Linh được tôn kính cũng không thay thế cho luật pháp. Một sự lệ thuộc có chủ đích vào sự thúc đẩy nội tại của một người đã không bao giờ là ý định của Đức Chúa Trời như là một sự thay thế đối với sự mặc khải thành văn về ý muốn Đức Chúa Trời. Ngài là tác giả của luật pháp, và Ngài là Đấng ban năng lực để vâng giữ luật pháp.

Nếu luật pháp theo cách nhìn như thế có thể không được hủy bỏ. Một khía cạnh của luật pháp cũng không thể thay thế cho toàn bộ. Những nguyên tắc thật ra có tầm quan trọng trong sự mặc khải về ý muốn Đức Chúa Trời; thật sự những nguyên tắc đó là luật pháp. Những nguyên tắc này không bao giờ nhằm mục đích thay thế những loại luật pháp khác. Nguyên tắc này là một kiểu luật pháp, nhưng những nguyên tắc này sẽ không bao giờ giải thoát khỏi những trách nhiệm của luật khác, những mạng lệnh cụ thể. Những nguyên tắc chỉ mở rộng những mạng lệnh và giúp áp dụng những mạng lệnh đối với những tình huống đương đại. Những luật pháp do Đức Chúa Trời truyền dạy cũng không thể là tiêu chuẩn duy nhất về lối cư xử đúng theo Kinh Thánh. Đức Chúa Trời đã thiết lập thẩm quyền của con người như là phần về những đòi hỏi do Đức Chúa Trời ban hành.

Cuối cùng, luật duy nhất của tình yêu không thể thay thế cho tất cả những luật khác. Luật của tình yêu tóm lược tất cả luật còn lại, truy tìm gốc tích, soi sáng mục đích, sáng tỏ động cơ, nhưng không phải là sự thay thế cho tất cả “con cháu” của mọi luật.

Phải chăng đúng là “luật pháp là sự nô lệ”? “và Tôi cũng sẽ bước đi thông dong, Vì đã tìm kiếm các giềng mối Chúa” (Thi Thiên 119:45).

Phải chăng đúng như Joshep Fletcher nói rằng, “Không một con người nào trong thế kỷ hai mươi có trình độ thậm chí trung bình sẽ quay lưng lại với bằng chứng nhân học và tâm lý học về đạo đức... không hề có ‘luật toàn cầu’ được mọi người khắp nơi tin trong mọi thời đại...không còn những bảng đá luật pháp?”<sup>28</sup> Kinh Thánh phán rằng, “Sự tổng cộng lời của

---

<sup>28</sup>Joseph Fletcher, *Situation Ethics: The New Morality* (Philadelphia: Westminster, 1966), 76,50.

Chúa là chân thật, Các mạng lệnh công bình của Chúa còn đời đời.” (Thi Thiên 119:160).

Phải chăng đúng là “mỗi người tín hữu nên tìm kiếm sự soi sáng của Đức Thánh Linh hơn là tuân theo những quy tắc cứng nhắc mà không quan tâm đến yếu tố cá nhân của mình.”<sup>29</sup> “Nhưng tôi chỉ bởi luật pháp mà biết tội lỗi” (Rô-ma 7:7). “Người trẻ tuổi phải làm sao cho đường lối mình được trong sạch? Phải cẩn thận theo lời Chúa” (Thi thiên 119:19). “Lời Chúa là ngọn đèn cho chân tôi và ánh sáng cho đường lối tôi” (c.105).

Phải chăng đúng là “luật pháp và ân điển chống nghịch nhau ở mọi phương diện?... Hậu quả, [luật pháp] không còn hiệu lực trong thời đại đương thời trong bất cứ ý nghĩa gì. Sự vô hiệu luật pháp đương đại không chỉ áp dụng đối với bộ luật pháp lý của hệ thống luật Môi-se và luật của vương quốc [sự dạy dỗ của Đấng Christ], nhưng còn đối với mọi sự áp dụng khả thi với nguyên tắc của luật pháp”<sup>30</sup>

“Vây, ai hủy một điều cực nhỏ nào trong những điều răn này, và dạy người ta làm như vậy, thì sẽ bị xưng là cực nhỏ trong nước thiên đàng; còn như ai giữ những điều răn ấy, và dạy người ta nữa, thì sẽ được xưng là lớn trong nước thiên đàng” (Ma-thi-ơ 5:19). “Nếu các ngươi yêu mến ta, thì giữ gìn các điều răn ta” (Giăng 14:15). “Này tại sao chúng ta biết mình đã biết Ngài, ấy là tại chúng ta giữ các điều răn của Ngài. Kẻ nào nói: Ta biết Ngài, mà không giữ điều răn Ngài, là người nói dối, lẽ thật quyết không ở trong người.” (1 Giăng 2:3-4).

Phải chăng Thánh linh của Đấng Christ thật sự đại diện cho sinh viên thần học năm cuối mà đã công khai làm chứng, và với lòng hăng hái mạnh mẽ, “Tôi không thể *đứng* với bất cứ hệ thống luật pháp nào”? “Tôi yêu mến luật pháp Chúa biết bao! Trọn ngày tôi suy gẫm luật pháp ấy” (Thi thiên 119:97). “Lời Chúa ngọt hòng tôi dường bao! Thật ngọt hơn mật ong trong miệng tôi!” (c.102). “Chúng có Chúa là cơ nghiệp tôi đến đời đời; Vì ấy là sự mừng rỡ của lòng tôi” (c.111). “Canh đêm chưa khuya, mắt tôi mở tỉnh ra, Đấng suy gẫm lời Chúa” (c.148). “Luật pháp của miệng Chúa phán là quý cho tôi hơn hăng ngàn đồng vàng và bạc” (c.72). “Các luật lệ Chúa làm bài hát tôi. Tại nhà tôi ở làm khách lạ” (c.54).

---

<sup>29</sup> Carol A.Usher, “One Kind: Conformity of Liberty,” Christian Today, 28 March 1975), 76,50

<sup>30</sup> Chafer, Grace, 215.

## CHƯƠNG 3

### TỘI LỖI

Tội lỗi là một từ không phổ biến, nhưng là hoạt động rất phổ biến. Một thoáng suy nghĩ về con người đang sống động trên đất, thì tội lỗi được xem điều nặng nề nhất trong tất cả mọi thứ trên thiên đàng, mà ở đó cái giá của nó đã được gánh lấy.

Tại Mỹ vào thế kỷ mười chín, những ý tưởng về bản chất con người và những giải pháp cho những vấn đề nhân loại nói chung đã được đưa ra bàn thảo bởi Kinh Thánh và được định nghĩa như là tội lỗi. Dưới sự dạy dỗ của khoa học xã hội, đặc biệt tâm lý học, khái niệm về điều gì sai trật với con người đã được chuyển hóa từ tội lỗi đến căn bệnh rồi đến lỗi lầm rồi đến sự tổn thương để rồi càng xa cảm giác tội lỗi, cảm giác nổi trội đó là một ai đó có những nan đề là nạn nhân của tính ác ý, tính tham lam, hay sự ngu xuẩn của người khác. Vậy nên bản chất của tội lỗi ít được hiểu đến, căn nguyên của tội lỗi ít được biết đến, và hậu quả của tội lỗi được xem xét chỉ quá muộn. Tuy nhiên tội lỗi là chủ đề chính yếu của Kinh Thánh, và không am hiểu về tội lỗi thì những chủ đề lớn hơn về sự công bình và sự cứu chuộc không bao giờ được hiểu đúng cả. Nào, chúng ta cùng xem xét những gì Lời Đức Chúa Trời dạy dỗ liên hệ đến bản chất tội lỗi, nguồn gốc của tội lỗi và hậu quả của tội lỗi.

#### ĐỊNH NGHĨA TỘI LỖI.

Tội lỗi là hành động sai trật về đạo đức. Có quá nhiều điều sai trật trong thế giới không mang tính đạo đức. Rỉ sắt trên cái cân sốc ô tô của tôi là điều xấu, sự thất bại của một ngân hàng, sự yếu đuối của tuổi già, hay một trận động đất phá hủy một thành phố cũng thế. Điều xấu xa, thật ra chúng ta không kết tội bất cứ ai dựa trên sự phát xét kém cỏi, dựa vào những rắc rối và sự đau khổ của điều kiện loài người, hay dựa vào những thảm họa thiên nhiên. Khi một con sư tử vồ lấy một con linh dương, ít ra con linh dương xem điều đó là điều gian ác. Nhưng chúng ta không nói con sư tử đã phạm tội. Tại sao không? Bởi vì không như “điều sai trật,” “điều xấu xa” “điều tồi tệ,” hay thậm chí “tội ác,” tội lỗi nói lên tư tưởng của *Đức Chúa Trời*. Từ điển của trường *Webster* hoàn toàn đúng khi chỉ đưa ra những định nghĩa tôn giáo về tội lỗi. Tội lỗi phải liên can đến những điều kiện đạo đức và lối cư xử liên hệ đến bản tính công bình của Đức Chúa Trời và ý muốn Ngài cho những tạo vật được dựng nên theo ảnh tượng đạo đức của Ngài.

Kinh Thánh nhìn nhận tội lỗi vừa mang tính chủ động và ý chí và cũng vừa mang yếu tố tâm tính.

## TỘI LỖI NHƯ LÀ SỰ VI PHẠM

Tội lỗi là sự vi phạm nghịch cùng luật pháp. Thực tế, nơi nào không có luật pháp thì nơi đó chẳng có tội lỗi (Rô-ma 7:7). Tội lỗi có thể là sự lựa chọn mang tính ý chí, một sự chọn có chủ tâm—thường tội lỗi là thế. Sự nổi loạn có chủ đích vi phạm luật pháp. Tội nhận biết làm điều làm phải lẽ, nhưng không làm điều đó. Đó là tội lỗi (Gia-cơ 4:17).

Nhưng tội không phải là sự vi phạm bất cứ luật nào—những luật về lý trí, luật của Cha mẹ, những luật nhà nước. Tội lỗi là chống nghịch lại luật của Đức Chúa Trời. Thực tế, vi phạm luật của Đức Chúa Trời là vi phạm nghịch lại Đức Chúa Trời. Vấn đề lớn là bắt nguồn từ chiều đứng trong mỗi liên hệ, và từ mỗi liên hệ chiều đứng sai trật đưa đến những sai trật trong mỗi liên hệ chiều ngang (Sáng thế ký 39:9; Thi thiên 51:4, I Tê-sa-lô-ni-ca 4:8). Khi Đa-vít nói “Tôi đã phạm tội cùng Chúa, chỉ cùng một mình Chúa thôi,” Ông không có ý nói rằng ông đã không phạm tội trước đó với U-rơ và Bát-sê-ba, và thật ra là cả nước. Điều Đa-vít muốn nói đó là những trách nhiệm này đối với người đồng quốc trở nên mờ nhạt vô nghĩa so sánh với tội lỗi kinh khiếp chống nghịch lại Đức Chúa Trời và luật lệ Ngài. Khái niệm Kinh Thánh về tội lỗi “thừa nhận sự tồn tại của một Đức Chúa Trời cá nhân về sự toàn hảo vô hạn, và... thừa nhận trách nhiệm của con người.”<sup>1</sup>

Một số người nói rằng sự vi phạm có chủ tâm với ý muốn được biết đến của Đức Chúa Trời chỉ là thái độ hay hành vi chúng ta có thể xếp vào “tội lỗi”.

Tội lỗi là sự bất tuân có chủ tâm với Đức Chúa Trời—biết sự vi phạm luật lệ Ngài, sự khước từ có ý thức (có hiệu lực) về sự tể trị tuyệt tối của Ngài trong vũ trụ.<sup>2</sup>

Quan điểm phủ nhận Nguyên tội về tội lỗi mà bị khước từ bởi mọi hệ phái của Hội thánh Tin Lành, là: 1) rằng luật pháp có thể truyền lệnh chỉ những ý chí. 2) rằng những trạng thái của linh hồn có thể được truyền lệnh chỉ trong chừng mực khi những trạng thái tác động trực tiếp của những ý chí trước đó. 3) Do đó tội lỗi gồm chỉ ở những hành động của ý chí. 4) Rằng bất cứ điều gì con người không có khả năng tuyệt đối để làm người ấy không có nghĩa vụ phải làm. 5) Vậy nên không có những điều như thế được xem là đòi bại bẩm sinh hay nguyên tội.<sup>3</sup>

Wesley (trong “Meth. Doc. Tracts,” 294-312) phân biệt giữa “tội lỗi chính xác được gọi như vậy chẳng hạn, hành vi cố ý vi phạm về luật pháp đã được biết, và tội không đúng khi gọi như vậy, chẳng hạn hành vi phạm tội vô tình về luật lệ biết hay không biết,” và công bố rằng “tôi tin không có sự toàn hảo như thế trong cuộc đời này như không hề có sự vi phạm vô tình, mà tôi nắm rõ là hậu quả tự nhiên dựa trên sự thiếu hiểu biết hay lỗi lầm không thể tách rời khỏi đạo đức.”<sup>4</sup>

<sup>1</sup> Charles Hodge, *Systematic Theology*, vol.2 (New York: Scribner’s, 1871), 130.

<sup>2</sup> Calvin Linton, “Sin,” in *Baker’s Dictionary of Christian Ethics*, ed. Carl F. H. Henry (Grand Rapids: Baker, 1973), 622.

<sup>3</sup> A. A. Hodge, *Outlines of Theology* (New York: Hodder and Stoughton, 1878), 320.

<sup>4</sup> *Ibid*, 321



Phải chăng Kinh Thánh hạn chế về những định nghĩa về tội lỗi để bàn thảo kỹ về sự vi phạm ý muốn đã biết đến của Đức Chúa Trời?

### TỘI LỖI NHƯ LÀ SỰ HỤT MÁT (THIỆU)

Từ chính yếu được dùng trong Cựu Ước chỉ về tội lỗi (*chata*) có nghĩa là nhỡ mất một điểm hay nhỡ mất chuẩn mực. Nó được dùng chỉ về việc nhỡ mất mục tiêu hay lạc đường, cũng như ý nghĩa đạo đức về đánh mất tiêu chuẩn về cách cư xử hay lạc lối về tâm linh. Những dịch giả Cựu ước đã chọn một từ trong Hy văn mà có ý nghĩa căn bản giống nhau (*hamartano*). Trải qua nhiều năm kết quả cuối cùng của tiến trình này, là các tác giả Tân Ước đã biến thành hình thức khác của từ (*hamartia*) thành ý tưởng về tội lỗi như tâm tính của bản chất con người, Tội lỗi trong số ít, mô tả một trạng thái tâm lý về sự xa cách khỏi Đức Chúa Trời, đã chiếm ưu thế đối với ý tưởng về tội lỗi, hay sự vi phạm cụ thể với những luật lệ khác nhau. Tội lỗi chống nghịch luật pháp hơn là tội lỗi chống nghịch các luật lệ đã trở thành sự quan tâm chú ý.

Tư tưởng Cơ đốc về tội lỗi đã trái ngược rõ ràng với tư tưởng Hy Lạp về con người về đạo đức, làm nặng trĩu bởi một cơ thể vô tội, ở dưới quyền sự sai phạm do thiếu hiểu biết. Với những người Hy Lạp nan đề không mang tính đạo đức, nhược điểm không mang lại cảm giác tội lỗi, những vị thần không bị xúc phạm. Nhưng quan điểm Kinh Thánh dạy rằng con người về đạo đức cơ bản là xấu xa trong bản chất và rằng kết quả con người là tội lỗi trước mặt Đức Chúa Trời. Như là trạng thái nội tại mà một người có trách nhiệm. Khái niệm Kinh Thánh về tội lỗi được nhìn nhận theo ba sự dạy dỗ cơ bản về tội lỗi: bản chất tội lỗi, tư tưởng tội lỗi và những tội về sự chênh mảng.

**Bản chất tội lỗi.** Hầu hết nhiều người tin một người trở thành tội nhân nếu như và khi người ấy phạm hành động tội lỗi. Kinh Thánh nhìn nhận theo chiều hướng khác. Kinh Thánh dạy rằng con người là tội nhân theo bản chất (Ê-phê-sô 2:3) và rằng con người phạm tội vì con người là một tội nhân. Theo Kinh Thánh, vấn đề cốt yếu không phải hoàn cảnh nghèo thiếu và càng chắc chắn không phải là trách nhiệm của người khác chẳng hạn như cha mẹ (Ê-xê-chi-ên 18). Từ khi sinh ra, tâm lòng con người có khuynh hướng với điều xấu xa. Điều này không có nghĩa là một người không có khả năng làm điều gì tốt (Rô-ma 2:1-4). Nó không có nghĩa rằng mọi thứ một người chưa tái sinh làm là sai trật (Công vụ 10:31). Điều đó đơn giản có nghĩa rằng con người sa ngã và làm những điều sai trật chắc chắn bởi vì đó là bản chất của con người làm điều sai quấy. Vì thế trước khi một người lựa chọn có chủ tâm vi phạm một mạng lệnh cụ thể nào, thì người ấy đã “nhỡ mất tiêu chuẩn,” tình trạng thiếu mất trong bản

chất con người mình. Nó xuất phát từ một dòng suối bị ô nhiễm này chảy ra nhiều dòng suối về lối cư xử bị nhiễm bẩn. Đó là sự thiếu mất sự vâng lời đối với bản chất thánh khiết của Đức Chúa Trời mà đó là tội lỗi tội bực.

Kinh Thánh nói về một tấm lòng gian ác (Hê-bơ-rơ 3:12) mà đối trá trên hết mọi thứ và rất xấu xa (Giê-rê-mi 17:9). Phao lô, trong bản phân tích tỉ mỉ nhất về tội lỗi, căn nguyên của tội lỗi, hậu quả và sự rửa sạch (Rô-ma 1-8) đã bày tỏ nan đề cốt lõi là tấm lòng sai trật. Như một nhà thần học Báp-tít A.H Strong đã nói, “Sự trình bày này về tội như là một nguyên tắc hay trạng thái của linh hồn không phù hợp với định nghĩa của nó như chỉ một hành động.”<sup>5</sup>

**Suy nghĩ tội lỗi.** Nhiều người tin rằng một người phạm tội chỉ với điều kiện người ấy vi phạm hành động tội lỗi, nhưng Kinh Thánh dạy rằng những ý nghĩ nội tại cũng là tội lỗi (Ma-thi-ơ 5:28 tt; 15:18-19). Ghen ghét không chỉ là điều sai trật bởi vì sự ghen ghét có thể đưa đến hành động bạo lực. Chính hành động ghen ghét là tội. Luận điểm cơ bản của đạo đức Cơ đốc là mọi sự thiếu vâng lời với Đức Chúa Trời là tội lỗi và gian ác. Điều này bao gồm cả sự thiếu vâng lời trong hành động và trong động cơ và sự yêu mến.<sup>6</sup>

**Những tội về sự chệnh mảng.** Chúng ta cũng phạm tội bởi sự thất bại làm điều gì đó chúng ta phải làm. Chắc chắn rằng mọi người đều phạm tội, nhưng đồng thời tất cả tiếp tục thiếu mất về phẩm tính vinh hiển của Đức Chúa Trời (Rô-ma 3:23). “kẻ biết làm điều lành mà chẳng làm, thì phạm tội” (Gia-cơ 4:17). “phạm làm điều chi không bởi đức tin thì điều đó là tội lỗi” (Rô-ma 17:23). Ở đây Phao lô không bàn đến một sự chọn lựa tích cực để suy nghĩ hay làm điều ác, nhưng dạy rõ ràng rằng thất bại so với điều đúng là tội lỗi. Ghen ghét người lân cận mình điều đó không chỉ tội lỗi, đó là tội lỗi khi thất bại trong việc yêu người lân cận như tôi phải nên. Tôi được truyền dạy hãy yêu như Đức Chúa Trời đã yêu; khi tôi không yêu, tôi đã không đơn thuần bày tỏ một sự yếu đuối trong phẩm tính trung lập mang tính đạo đức, mà tôi đã phạm tội.

Của lễ chuộc tội cho những tội về sự thiếu hiểu biết (Lê-vi ký 5:14-15), của lễ chuộc tội cho những tội về sự chệnh mảng (Lê-vi ký 5:5-6), và của lễ thiêu để chuộc tội chung chung (Lê-vi ký 1:3; cũng xem Lu-ca 2:22-24) mọi điều làm chúng rằng tội lỗi không hạn chế chỉ với hành động.<sup>7</sup>

---

<sup>5</sup> A. H. Strong, *Systematic Theology*, vol.3 (Philadelphia: Judson, 1907),553.

<sup>6</sup>Carl F.H. Henry, *Christian Personal Ethics* (Grand Rapids: Eedmans, 1957), 184.

<sup>7</sup>Strong, *Systematic Theology*, vol.3,554

Quả là ý nghĩa khi Westminster tiết lộ, trong việc trả lời câu hỏi vấn đáp “Tội lỗi là gì” đã bắt đầu với những tội chệnh mảng, thờ ơ thay vì những tội về sự vi phạm: “tội lỗi là bất cứ sự thiếu vâng lời hay vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời.”

Thế thì, tội lỗi theo Kinh Thánh không chỉ là tội chống nghịch con người nhưng tội chống nghịch Đức Chúa Trời; không chỉ là lỗi cư xử tội lỗi nhưng là bản chất tội lỗi, không chỉ hành vi tội lỗi nhưng ý nghĩ tội lỗi; không chỉ những tội vi phạm nhưng những tội về sự chệnh mảng, thờ ơ hụt mất ảnh tượng với Đức Chúa Trời.

Ai có thể đứng nổi trước một chuẩn mực như thế? Chúng ta kêu gào như Phao lô “Khôn nạn cho tôi!” Sự miêu tả của Phao lô về sự tranh chiến lớn lao với tội lỗi (Rô-ma 7) chắc chắn không phải là cuộc chiến nhằm kiềm chế sự trộm cắp và giết người. Không, đó là cuộc tranh chiến bên trong, sự bất lực toàn bộ của Phao lô để đạt đến tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời, “hãy trọn vẹn, như Cha các người ở trên trời là trọn vẹn” (Ma-thi-ơ 5:48). Phao lô đã chịu bị định tội và được kể là có tội, dù ông chứng rằng mình giữ trọn vẹn luật pháp (Phi-líp 3:6).

## TỘI VÀ TỘI LỖI

Tội và tội lỗi trong Kinh Thánh hầu như không phân biệt được. Không bao giờ có sự phân biệt rõ ràng trong tiếng Hê-bơ-rơ giữa tội và tội lỗi.<sup>8</sup> Một người phạm tội vi phạm những tiêu chuẩn Đức Chúa Trời thì người ấy có thể thậm chí không biết về nó. Sự bào chữa về sự thiếu hiểu biết không thể viện dẫn. Sự thiếu kém đạo đức vô tình, không nhận thức của tâm tính con người gây ra tội lỗi.

Có hai yếu tố về tội lỗi: đáng trách và trách nhiệm cam chịu hình phạt. Đấng Christ đã gánh lấy trách nhiệm của chúng ta chịu lấy hình phạt và vì thế xóa sạch mọi tội lỗi chúng ta. Nhưng Ngài không bao giờ đáng phải gánh chịu tội lỗi. Thực ra, sự vô tội của Ngài chính là điều cần thiết để Ngài có thể đứng vào chỗ tội lỗi. Kết quả, những ai đã được cứu thì sẽ không bao giờ trả thay án phạt cho tội lỗi (trở nên vô tội trong ý nghĩa hợp pháp), nhưng tuy nhiên chỉ có tội trong ý nghĩa đáng phải nhận lỗi. Đó chính là sự vinh hiển về ân điển của Đức Chúa Trời rằng chúng ta đáng phải chịu tội, những tội nhân có tội nhưng giờ đây được kể là vô tội. Ngày nay Đức Chúa Trời không nhìn chúng ta như là tội nhân yếu đuối, sa ngã và có tội, nhưng như là đứa con tinh sạch, vô tội và thánh khiết như Đấng đã gánh thay cho chúng ta. Nhưng để am hiểu sự vinh hiển của ân điển, trước tiên chúng ta phải hiểu bề sâu gian ác về tội lỗi mà làm băng hoại bản chất mà ân điển Đức Chúa Trời được tỏ ra. Hơn bao

---

<sup>8</sup>“Amartano,” in TDNT, vol 1,277.

giờ hết chúng ta ngày nay có tội biết là dường nào—chúng ta đã phạm tội và xứng đáng chịu tội. Nhưng ngày nay chúng ta vô tội, được tự do khỏi mọi trách nhiệm gì buộc chúng ta phải trả cho tội lỗi mình. Chúa Jesus đã trả xong tất cả. Hay suy nghĩ bài làm chứng này của một người đã hiểu quan điểm Đức Chúa Trời về tội lỗi:

Thường thường.... tôi đã từng có những quan điểm rất cảm động về tình trạng tội lỗi và sự đỗi bại của chính mình, rất thường xuyên đến mức độ như giữ tôi trong trạng thái khóc lên thật to, đôi khi trong khoảng thời gian đáng kể cùng nhau, đến nỗi tôi được nhiều người biết ơn nếu không nói đến nữa. Tôi đã từng có suy nghĩ rất hết sức tận tòng về chính điều gian ác của mình và điều xấu xa của lòng tôi như chưa từng có trước khi tôi tin nhận Chúa. Điều này thường xuất hiện trong tôi như thể Đức Chúa Trời đánh dấu tội lỗi chống nghịch lại tôi, tôi xuất hiện như là người tội tệ nhất trong toàn thể nhân loại, tất cả mọi người kể từ khi khởi đầu của thế giới cho tới hiện tại, và tôi đáng phải phải ở tầng thấp nhất của địa ngục. Rồi khi những người khác đến nói với tôi về sự lo lắng của linh hồn họ bày tỏ ra trong ý nghĩ vì có cơ sự gian ác của mình, khi nói như thể dường như với họ quả thật là xấu như chính ma quỷ vậy; tôi nghĩ sự diễn giải của họ có vẻ nói lên sự gian ác của tôi thật kinh tởm và mong manh quá.

Tội này thuộc loại nào để khi thành thật dành cho bài làm chứng như thế? Không ai khác hơn chính là thánh Jonathan Edwards mà A. H. Strong đã nói về:

Jonathan Edwards không phải là một người không tin kính, bằng là vị thánh nhất trong thời đại của ông. Ông không phải là người sốt sắng, bằng là người sắc sảo, tâm trí triết lý. Ông không phải là người thích hưởng thụ bằng những câu tuyên bố cường điệu hay tùy tiện, vì với quyền của mình về sự xem xét nội tâm và phân tích ông đã kết hợp một tài năng và thói quen về sự diễn giải chính xác không vượt trội hơn giữa các con trai của loài người.<sup>9</sup>

Với một người như thế, chúng ta hãy tiếp tục nghe những điều ông nói:

Khi tôi là chính mình thì sự gian ác của tôi đã xuất hiện trong tôi từ lâu lắm cách hoàn hảo không sao tả được và nuốt chửng tất cả mọi ý nghĩ và sự tưởng tượng—như một con đại hồng thủy, hay những dãy núi bao trùm trên đầu tôi. Tôi không biết cách nào để diễn tả tốt hơn những gì tội lỗi hiện ra trong tôi là thế nào, hơn cả việc chất cao cái vô tận trên cái vô tận và nhân cấp cái vô cùng với cái vô cùng. Rất thường trong nhiều năm thế này, sự diễn tả như vậy cứ ở trong tâm trí tôi và trong miệng tôi: “Vô cùng trên cả vô cùng- vô tận trên cả vô tận!” Khi tôi nhìn vào tấm lòng của mình và xem xét sự gian ác mình, nó giống như một vực thẳm vô tận sâu hơn cả địa ngục. Và nó xuất hiện trong tôi như thể không thể nào dành cho được ân điển nhưng không, được đưa lên địa vị cao và kéo lên cao tận cùng của mọi sự đầy trọn và vinh hiển của Đức Giê-hô-va vĩ đại, và bàn tay về quyền năng Ngài và ân điển dang rộng trong mọi sự oai nghi của quyền năng Ngài và trong mọi sự vinh hiển về quyền tể trị Ngài, tôi dường như đắm chìm trong tội lỗi mình dưới chính địa ngục, xa thâm thẳm hơn mọi cái nhìn của

---

<sup>9</sup>Strong, *Systematic Theology*, vol. 3, 556

mọi vật nhưng con mắt của ân điển tối cao có thể xuyên thấu ngay vào vực thẳm như thế. Vậy mà dường như với tôi sự thuyết phục của mình về tội lỗi chỉ quá nhỏ bé và mờ nhạt; đã đủ để làm tôi ngạc nhiên rằng tôi không còn ý thức về tội lỗi của mình.

Quả là một đáp ứng của người đã hiểu ra quan điểm Kinh Thánh về tội lỗi. Căn bệnh đạo đức tai hại này từ đâu đến?

### **CĂN NGUYÊN CỦA TỘI LỖI.**

Kinh Thánh dạy rõ ràng và nhiều lần rằng từ buổi ban đầu được Đức Chúa Trời tạo dựng, tội lỗi không có phần gì trong loài người, tội lỗi đó bước vào thế giới con người từ bên ngoài, và kẻ đó chính là Sa-tan. Nhưng tại sao là gian ác về đạo đức thì không được bày tỏ cách rõ ràng. Giữa vòng truyền thống Cơ đốc một số người tin vào tính song diện của người Hy-lạp về sự tồn tại- vừa thiện vừa ác, Đức Chúa Trời và kẻ chống lại Đức Chúa Trời (Sa-tan) là không ngừng. Nhưng giả thuyết này dựa trên sự suy đoán, không phải dựa trên dự liệu Kinh Thánh, và đã bị từ khước bởi tất cả những hệ phái chính yếu của Hội thánh. Từ dữ liệu hiếm hoi trong Kinh Thánh về chủ đề nguồn gốc Sa-tan, cùng với rất nhiều dữ kiện về sự suy luận lô-gic từ nguồn liệu Kinh Thánh, những nhà thần học Cơ đốc tin rằng Sa-tan là loại thọ tạo, từ ban đầu Sa-tan là tội tở cấp cao và công bình của Đức Chúa Trời, đã lựa chọn chống nghịch Đức Chúa Trời vì sự kiêu ngạo và tính tư lợi. Tuy nhiên một cách chính xác lời tuyên bố ngắn gọn này về căn nguyên của lỗi phản ánh thức tể (nhưng không được mặt khải) quan trọng trong lịch sử, nguồn gốc của tội lỗi trong thế giới loài người là rất rõ ràng trong Kinh Thánh. Bởi tác động của Sa-tan với A-đam và Ê-va đã chọn lựa bất tuân Đức Chúa Trời và vì thế trở nên tội lỗi (Sáng thế ký 3, II Cô-rinh-tô 11:3; I Ti-mô-thê 2:14).

Sa-tan thuyết phục Ê-va nghi ngờ ít nhất hai điều: đó là sự cai trị của Đức Chúa Trời nằm trong sự quan tâm tốt nhất của bà và ý muốn Đức Chúa Trời mang tính ràng buộc không điều kiện. Sa-tan đã cung cấp “khóa huấn luyện quyết đoán” thứ nhất và Ê-va đã bắt tay vào sự “tìm kiếm sự hoàn thiện cá nhân” đầu tiên. A-đam người chịu trách nhiệm chính của gia đình đã chọn theo đề xuất của Ê-va trên cả mạng lệnh của Đức Chúa Trời, và như thế tội lỗi đã làm ô nhiễm dòng suối trong trẻo của sự vô tội loài người. Đây là căn nguyên của tội lỗi rõ ràng xảy ra với hai người đầu tiên. Nhưng làm sao điều này tác động đến những dòng dõi của A-đam? Thực tế nhiều những nhà thần học Kinh Thánh và các Hội thánh khắp nơi tin rằng tất cả những dòng dõi của A-đam trở nên tội lỗi bởi sự sa ngã về đạo đức của A-đam, nhưng theo lời của Charles Hodge, “bản chất và phạm vi của sự xấu xa về mặt đạo đức như thế dòng dõi A-đam đã kế thừa, nguyên có hay lý do trong việc dòng dõi A-đam can dự vào hậu quả

đạo đức xấu xa vì sự vi phạm của A-đam, đã từng trở thành vấn đề sự đa dạng và tranh luận rất nhiều”<sup>10</sup>

Những người Tin Lành nói chung đã tin rằng tội lỗi đã bị đổ tội, hay được kể đến cách hợp pháp chống lại tất cả dòng dõi của A-đam dựa trên mối liên hệ giao ước của A-đam đã có với Đức Chúa Trời. Những người khác tin rằng thân phận tội lỗi này được truyền lại cho dòng dõi sinh sản tự nhiên như những phẩm tính khác của loài người được truyền lại từ cha mẹ đến với con cái.

Có nhiều những giả thiết khác nữa, tìm kiếm để giải thích theo nền tảng Kinh Thánh hay những thuật ngữ lô-gic cách khuynh hướng tự nhiên vào tội lỗi này là một phần chung của bản chất con người. Nhưng tất cả đã đồng ý rằng Kinh Thánh dạy tất cả con người là tội lỗi theo bản chất. Kinh Thánh nhắc đi nhắc lại điều này, thừa nhận cách quả quyết, và tranh luận rõ ràng như là nền tảng của tất cả mọi sự dạy dỗ liên quan đến Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi (II Các vua 8:46; Thi thiên 130:3; 143:2; Truyền đạo 7:20; Ê-sai 53:6; 64:6; Rô-ma 3:23; Ga-la-ti 3:22; I Giăng 1;8,10; 5:19).

Mỗi người đã thừa hưởng một tâm tính để suy nghĩ và hành động theo sự xui khiến của tính tự lợi dù điều này có hay không làm tổn hại người khác. Mỗi người được sinh ra bị phân cách với Đức Chúa Trời và kháng cự lại với sự trị vì của Đức Chúa Trời. Tất cả mọi người đều có một khuynh hướng không chữa được đối với suy nghĩ và cư xử sai trật về đạo đức. Dựa trên Kinh Thánh và lịch sử ký thuật lại đã nhất trí như vậy.

Không chỉ chúng ta được sinh trong số phận như vậy, chúng ta còn kiên quyết lựa chọn để phạm tội và như thế chúng ta đã thừa kế sự pha trộn với số phận xấu xa. Hậu quả từ số phận tội tệt này là gì?

## **HẬU QUẢ CỦA TỘI LỖI**

### **SỰ ĐÒI BẠI**

Số phận về tình trạng tội lỗi này được các nhà thần học gọi là “sự đòi bại hoàn toàn.” Tuyên Ngôn Đức Tin của Westminster nói về sự suy đồi ban đầu này như thể làm cho tất cả loài người “hoàn toàn bị miễn cưỡng, không có khả năng và trở nên đối lập với tất cả mọi sự tốt đẹp, và hoàn toàn hướng theo mọi điều xấu xa.”

“Tất cả mọi người là gian ác như nhau; cũng không bất cứ ai hoàn toàn đòi bại như thể người ấy có thể trở thành; tất cả mọi người cũng không có mọi phẩm hạnh đạo đức. Kinh Thánh công nhận sự thật, mà cảm thấy sự thừa nhận rõ ràng con người thành thật trong lối cư xử, tử tế trong cảm xúc, và từ tâm về hạnh kiểm của họ từ

---

<sup>10</sup>Hodge, *Systematic Theology*, vol.2,192.

mức độ vĩ đại hơn hay mức độ ít hơn. Thậm chí với dân ngoại, Sứ đồ dạy chúng ta, làm theo những điều tự nhiên của luật.”<sup>11</sup>

Hoàn toàn đòi bại có nghĩa rằng chiều hướng đi xuống không thể thay đổi được bởi nỗ lực con người và rằng mỗi người đã bị tiêm nhiễm trong mọi chiều kích cuộc đời người đó—suy nghĩ con người, cảm xúc yêu thương của con người, thân thể, những mối liên hệ của con người, và trên hết mọi điều ý chí của con người. Con người không thể lựa chọn điều phải lẽ trước sau như một.

## SỰ PHÁN XÉT

**Sự phân cách.** Đức Chúa Trời phán xét tội lỗi bởi vì bản chất của chính Ngài. Vậy nên, theo bản chất Ngài không thể làm bất cứ điều gì không đúng về khía cạnh đạo đức. Hai điều không thể cùng tồn tại. Đây là ý nghĩa về sự thánh khiết: Đức Chúa Trời không dính dáng với tội lỗi. Vì thế sự phán xét tội lỗi là kết quả tất yếu theo như bản chất của Đức Chúa Trời và bản chất tội lỗi- là sự phân cách. A-đam và Ê-va kinh nghiệm sự phán xét này như là hệ quả lập tức bởi sự lựa chọn ban đầu và tai hại khi khước từ phương cách của Đức Chúa Trời. Họ không chỉ bị đuổi khỏi Vườn, mà mối thông công mật thiết với Đức Chúa Trời cũng đã bị gãy đổ. Sự độc lập mà họ muốn có giờ đã được tọa nguyện mà chính điều đó là sự phán xét—bị phân cách với Đức Chúa Trời. Hầu hết con người sẽ không coi điều này như là sự phán xét kinh khủng, không bao giờ biết sự thông công với Đức Chúa Trời. Nhưng phân cách với Đức Chúa Trời, nguồn của sự sống, nghĩa là phân cách với những món quà Đức Chúa Trời dành ban, bao gồm điều cao quý nhất: sự sống. “Tiền công của tội lỗi là sự chết” (Rô-ma 6:23).

Cái chết này tác động không sao cản được đến mọi mặt của cuộc sống con người. Đức Chúa Trời bởi ân điển Ngài ban cho con người thời gian hưởng án treo (cuộc đời con người) để hủy bỏ sự lựa chọn của Ê-va và trong suốt thời gian đó, ban cho dư dật những món quà. Sự tốt lành của Đức Chúa Trời được phát họa để dẫn đến sự ăn năn (Rô-ma 2:4). Nhưng nếu sự khước từ ân điển Đức Chúa Trời sẽ tiếp tục với cái chết vật lý, sự phán xét—sự phân cách khỏi Đức Chúa Trời—là đầy trọn. Đây chính là phẩm tính cốt yếu về địa ngục. Tội lỗi theo định nghĩa là sự vi phạm với luật pháp của Đức Chúa Trời, sự khước từ ý muốn của Đức Chúa Trời và vì thế sự phán xét dành cho tội lỗi—sự phân cách—thực sự được tội nhân chọn lấy. Con người lựa chọn xa cách khỏi Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời cho phép con người làm thế. Đây chính là kết cục kinh khiếp của tội lỗi.

---

<sup>11</sup>Ibid, 233

Tác giả thi thiên bày tỏ thế nào sự phán xét bị phân cách là sự chọn lựa của tội nhân. “Nhưng dân sự ta không khứng nghe tiếng ta, Y-sơ-ra-ên không muốn vâng theo ta.<sup>12</sup> Vì vậy, ta buông chúng nó đi theo sự cứng lòng chúng nó. Để chúng nó đi theo mưu kế riêng chúng nó” (Thi thiên 91:11-12).

Phao lô lặp lại lẽ thật này trong sự lên án kinh khiếp kỹ thuật trong Rô-ma 1: “Đức Chúa Trời từ bỏ họ.... Đức Chúa Trời từ bỏ họ.... Đức Chúa Trời từ bỏ họ.”

**Tội không thể tha thứ:** Cả Chúa Jesus và Giăng đã nói về tội không thể tha thứ được:

các tội lỗi và lời phạm thượng của người ta đều sẽ được tha; song lời phạm thượng đến Đức Thánh Linh thì sẽ chẳng được tha đâu.<sup>32</sup> Nếu ai nói phạm đến Con người, thì sẽ được tha; song nếu ai nói phạm đến Đức Thánh Linh, thì dầu đời này hay đời sau cũng sẽ chẳng được tha. (Ma-thi-ơ 12:31-32). Cũng có tội đến nỗi chết; ấy chẳng phải vì tội đó mà ta nói nên cầu xin.<sup>17</sup> Mọi sự không công bình đều là tội; mà cũng có tội không đến nỗi chết (1 Giăng 5:16-17).

Tội không được tha là tội gì? Các nhà thần học đã không tán đồng bởi vì Đấng Christ cũng như Giăng đã không giải thích lời tuyên bố của mình. Lời tuyên bố của Giăng thì ít rõ ràng hơn bởi vì dường như ông đang nói đến cái chết thuộc thể, và trong bất kể sự việc nào đi nữa sự chỉ trích cuối cùng không thể được chứng minh qua lời cảnh báo của ông. Mặc khác, Lời cảnh báo của Đấng Christ dường như rõ báo trước sự trừng phạt đời đời và lời cảnh báo vì câu nói bằng lời ngoại lệ. Điều này đặc biệt khó vì con người quá sợ hãi bởi lời cảnh báo như thể để cảm biết nỗi buồn khó cưỡng vì sự ép buộc mang tính tâm lý để nói lên những lời cảm đoán. Những Cơ đốc nhân nhiệt thành đã đến với tôi chỉ với câu hỏi này về chính họ. Nhưng nếu sự cứu rỗi không thể có được bởi lời tuyên bố một công thức đặc biệt mà không miêu tả tình cảnh tâm can, làm sao lời cảnh báo là quá chắc chắn? Vì lý do này, Hội thánh luôn luôn suy xét cẩn thận chỉ lời tuyên bố để xem xét tình cảnh tấm lòng sẽ có thể là không thể tha thứ được.

Trong văn cảnh, người Pha-ri-si đã quy công việc của Đấng Christ là do quyền lực của ma quỷ, khước từ tính chất xác thực về đời sống và lời dạy của Ngài. Do vậy một số người tin rằng tội không thể tha là cuối cùng khước từ công việc của Đức Thánh Linh-trong thân vị của Đức Chúa Con, trong lời của Đức Chúa Trời được Đức Thánh Linh soi dẫn, và trong công tác cáo trách của Đức Thánh Linh với tấm lòng của tội nhân. Như vậy nếu một người có mặt trên đời này khước từ sự kêu gọi của Đức Thánh Linh, khước từ Chúa Jesus Christ và Kinh Thánh là lời Đức Chúa Trời, không còn có hy vọng nào cho người đó. Người ấy sẽ không bao giờ được tha thứ.



Tuy nhiên cho đến ngày phát xét cuối cùng, người nào thật sự ăn năn về bất cứ tội gì thì sẽ được tha. Vì đây là sự dạy dỗ rõ ràng về sự cứu rỗi xuyên suốt Kinh Thánh, hầu hết các học giả đều tin rằng chỉ tội không thể nào tha thứ là là sự khước từ cuối cùng của Đức Chúa Trời. Nghiên cứu phân đoạn này thật khó vì vậy cần được giải thích trong ánh sáng rộng hơn của nhiều phân đoạn Kinh Thánh khác.

Nhưng liệu như thế có thỏa đáp ngữ cảnh? Nhiều người tin rằng điều này không thỏa đáp, vì có một sự phân biệt rõ ràng *trong cuộc sống này* giữa nhiều tội nhân mà có thể được chọn cho sự cứu rỗi và một số người khác thì không thể được chọn. Dù chúng ta không thể đưa vào tín lý về bản chất cụ thể của tội lỗi, những chắc chắn tội chống nghịch lại Đức Thánh Linh, và chắc chắn hậu quả trong trình trạng phân cách mãi mãi khỏi Đức Chúa Trời. Có lẽ chỉ có thể tuyên bố với sự đảm bảo đó là có tình trạng tự cảm của tâm trí, tâm linh mà khước từ công việc cáo trách của Đức Chúa Trời đến điều đó không thể nào nhận được sự cứu rỗi nữa. Phải chăng điều này có nghĩa Đức Chúa Trời từ bỏ những người như thế, hay người đó chính mình quá cứng lòng như kẻ cam điếc đối với tiếng gọi ân cần liên tục của Thánh Linh? Hậu quả cũng như thế và lời cảnh báo rất nghiêm trọng. Có thể phạm tội đánh mất ngày của ân điển.

“Tôi có phạm tội như thế không?” Tiếng kêu của những tâm hồn đang đau khổ. Đòi khi là không. Bất cứ tâm hồn nào đang đau khổ, bất kể ai kêu cầu với Đức Chúa Trời để xin sự tha thứ, thì sẽ được nhậm. Bằng chứng chắc chắn người ấy đã không phạm tội không thể tha thứ mà người ấy muốn được tha. Nhưng kẻ khước từ Đức Chúa Trời là người không hề có sự ăn năn, là người đang ở trạng tình trạng nguy hiểm về đạo đức và những ai nên tìm kiếm một tấm lòng ăn năn cho chính mình trước khi mãi mãi quá trễ.

**Hình phạt vốn có.** Tội lỗi thường đi cùng với hình phạt của chính nó. “Kẻ ác bị công việc tay mình làm trở vắn lầy” (Thi thiên 9:16). “Kẻ hung dữ sẽ bị gian ác mình bắt phải, Và bị dây tội lỗi mình vắn buộc lầy” (Chăm ngôn 5:22). “Chớ hề dối mình; Đức Chúa Trời không chịu khinh dễ đâu; vì ai gieo giống chi, lại gặt giống ấy” (Ga-la-ti 6:7). “chúng nó cũng như con vật không biết chi, sanh ra chỉ làm thú vật để bị bắt mà làm thịt, hay chệ bai điều mình không biết, rồi chết đi như con vật, dường ấy chúng nó lãnh lấy tiền công về tội ác mình” (2 Phi-e-rơ 2:12-13, cũng xem Thi thiên 7:16; 34:21; Giê-rê-mi 2:19).

Dù rằng tâm tính sẽ che đậy tội lỗi hầu cho tính khí xuất hiện trong dáng vẻ đẹp đẽ, trong chính tâm tính có những sự hình phạt dành riêng. Một tinh thần cay đắng và chỉ trích làm cho thân chủ nó sầu khổ, đời sống bất an. Người không có lời thương xót hiếm khi kinh nghiệm sự khoan dung, người đề tự cao tự đại, khóa mình trong phòng kín cô đơn của sự

giam giữ hẹp hòi của chính mình. Chính tội lỗi giết chết tội nhân ở mức độ nào đó. Tiền công của tội lỗi là sự chết.

### TÔN HẠI TỚI NGƯỜI KHÁC

Tội lỗi cũng gây nên hậu quả là sự thiệt hại cho những người khác. Điều này rõ ràng ở hầu hết các tội lỗi: giết người, trộm cắp, lái xe khi say rượu. Nhưng một vài tội được xem là cá nhân, thì chỉ gây tổn hại cho chính tội nhân. Tuy nhiên chúng ta có thể tự hỏi liệu tội nào thật sự là cá nhân. Ít nhất, tội “cá nhân” giúp hình thành tính cách của tội nhân. Với tội đó, người đó ảnh hưởng với mọi người quen biết tiếp xúc. Người cha phạm những tội cá nhân về sự tham lam sẽ không làm gương sự mãn nguyện hào phóng cho con mình.

Hơn nữa, tội lỗi ngăn trở con người trở thành người mình đáng phải có và vì thế không thể yêu thương và phục vụ như người đó nên có. Một lần nữa, sự mất mát không chỉ chính người đó.

### TÔN THƯƠNG ĐỨC CHÚA TRỜI

Trên hết mọi điều, tội lỗi làm tổn thương Đức Chúa Trời. Giá như không vì tội lỗi thì không cần Thập tự giá. Và ai có thể đo lường bề sâu của nỗi đau trong Đức Chúa Cha và trong Đức Chúa Con khi Con Ngài đồng cảm với tất cả là điều trái ngược với Ngài—tội lỗi và sự băng hoại của chúng ta. Hậu quả không tránh khỏi là sự phân cách—kế hoạch tuyệt vời của Đức Chúa Trời rằng Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con chịu đau đớn vì hình phạt chúng ta, sự phân cách của chúng ta với Đức Chúa Trời thánh khiết. Cho đến khi hậu quả của tội lỗi được cảm biết rõ ràng nhất, gian ác của tội lỗi, tội kinh tởm nhất, nỗi kinh hoàng gớm ghiết của tội lỗi, lúc đó mới có thể hiểu lờ mờ. Nhiều năm trôi qua sau khi tôi biết rằng tội lỗi mình đã được tha thứ trước khi tôi đổ vài giọt nước mắt vì có tội lỗi mình. Hậu quả của tội lỗi trong chính đời mình là nỗi âu phiền, hậu quả của tội lỗi tôi cho những cuộc đời tôi đã yêu là sự sâu khổ, nhưng cho đến khi tôi bắt đầu cảm biết tội tôi đã được Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con bôi xóa, thì lòng tôi tan vỡ trong sự ăn năn sâu sắc.

Đức Chúa Trời đã chết! Nếu điều này không làm chúng ta sững sốt, thì sẽ là điều gì? Hội thánh phải gìn giữ điều ngạc nhiên này sống động... thực tế con người không còn kinh ngạc bởi dòng tin tức “Con Đức Chúa Trời đã chết trên thập tự giá” quá là nỗi buồn nhất... Điều khác đánh động tôi khi đọc Hê-bơ-rơ 2:10: “Đáng mà muôn vật hướng về Ngài và bởi Ngài, vì muốn đem nhiều con đến sự vinh hiển, thì đã khiến Đáng làm cội rễ sự cứu rỗi của những con ấy, nhờ sự đau đớn mà nên trọn lành, là phải lắm” Từ *eprepen* như tiếng sấm sét trong tai tôi như thể nó làm rung chuyển cả hoàn vũ... Với Đức Chúa Trời tội sẽ không bao giờ tha thứ được. “Tội lỗi là

cái chết của Đức Chúa Trời. Tội lỗi phải chết, nếu không thì Đức Chúa Trời.” Và chính lúc ấy Đức Chúa Trời tha thứ tội lỗi!<sup>12</sup>

Tội lỗi không chỉ phê ngòi Đức Chúa Trời, nhưng còn làm cho Ngài từ bỏ chính mình. Nếu như tội nhân có thể làm gì đó cho tội lỗi mình, Đức Chúa Trời sẽ không còn là Đức Chúa Trời nữa... Augustin đã nói “Hỡi con người! Hãy suy xét tội lỗi mình to lớn dường bao, bởi một giá quá lớn đã được đền trả cho tội lỗi.”<sup>13</sup>

Tội lỗi hủy hoại tội nhân, tổn hại người khác và treo Con Đức Chúa Trời ở trong đau đớn và hổ nhục trong bóng tối của sự khước từ Đức Chúa Trời. Hậu quả của tội lỗi thật kinh tởm.

## MỘT TỘI GỐC RỄ?

Nhiều nhà thần học tin rằng có một tội gốc từ đó tất cả các tội khác nảy nở hay một tội tổng hợp mà hàm chứa tất cả các tội khác như là những diện mạo của tội lỗi. Tuy nhiên, tội cơ bản này có thể là gì là một vấn đề với nhiều bất đồng lớn. Vì lẽ điều răn lớn là hãy yêu, một số người tin rằng sự vi phạm điều răn này hay điều trái ngược của tình yêu phải là tội gốc. Nhưng điều trái ngược của tình yêu là gì? Đó có phải là sự ghen ghét hay liệu chỉ đơn giản là sự dửng dưng? Tình yêu lạc hướng là một lời đúc kết mà có thể thỏa mãn như là tội gốc rễ, nhưng nó quá chung chung đến mức chỉ truyền đạt chút ít đúng ý nghĩa.

Nhiều người tin quả quyết rằng trái ngược của tình yêu là sự tính vị kỷ và điều này là nguồn gốc kéo theo mọi điều xấu xa gian ác khác.

Bởi sự ích kỷ chúng ta không chỉ muốn nói tính tự ái bị phóng đại sẽ cấu thành sự đối lập của lòng rộng lượng, nhưng sự lựa chọn đó về bản ngã như là mục đích cao nhất sẽ cấu thành sự đối kháng với tình yêu cao nhất với Đức Chúa Trời. Tình yêu với Đức Chúa Trời là điều cốt yếu của mọi đức hạnh. Điều trái ngược với điều này, là sự lựa chọn theo bản ngã như là mục đích cao nhất, vì thế phải được xem là điều cốt yếu của tội lỗi.<sup>14</sup>

Charles Hodge phản đối mạnh mẽ đối với quan điểm này:

Đương nhiên không từ chối rằng sự ích kỷ trong một số hình thức bao gồm một nhóm tầm cỡ về những tội mà con người có tội. Điều bị phản đối là cho sự ích kỷ là cốt yếu của mọi tội, hay sự nỗ lực nhằm làm giảm mọi sự biểu lộ về hành vi đạo đức xấu xa đến một nguyên tắc này. Điều này không thể thực hiện được. Có tội không vị lợi cũng như lòng rộng lượng bất vị lợi. Một người như thế thật sự và vừa từ bỏ chính mình có chủ ý để phạm tội vừa làm điều tốt. Nhiều bậc cha mẹ đã vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời, không phải ích lợi của chính họ, nhưng vì ích lợi cho con cái họ... Không hề có sự ích kỷ trong ác ý đó, cũng không chống nghịch với Đức Chúa

<sup>12</sup> Kazoh Kitamori, *Theology of the Pain of God* (Louisville: Jphn Knox, 1958), 26, 119-20.

<sup>13</sup> Thomas Watson, *A Body of Devinity* (London: Banner of Truth, 1965), 134.

<sup>14</sup> Strong, *Systematic Theology*, vol.3, 567

Trời. Đây là những hình thức quá cao vời về hành vi xấu xa hơn là chỉ sự ích kỷ. Bản chất thật của tội lỗi là sự xa cách khỏi Đức Chúa Trời và trái ngược với đặc tính và ý muốn Ngài. Đó là sự trái ngược với sự thánh khiết.<sup>15</sup>

Vì lẽ sự kiêu ngạo là sự thờ hình tượng mà đưa bản ngã lên ngai lòng chiếm chỗ của Đức Chúa Trời, nhiều người như Augustine và Thomas Quinas tin rằng sự kiêu ngạo là gốc rễ chính của tội lỗi. Há không phải tội kiêu ngạo mà Lu-ci-phe bị đuổi xuống?

Nói cách khác, khi mối quan hệ phải lẽ với Đức Chúa Trời được gồm tóm trong khái niệm Kinh Thánh vĩ đại về đức tin, nên chẳng mấy ngạc nhiên khi Nhà cải chánh Luther và Calvin tin gốc rễ của mọi tội khác chính là sự vô tín.

Có lẽ sự thờ hình tượng, khước từ để Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời trong vương quốc của cuộc đời con người. Sự thờ hình tượng có thể được xem là tội lỗi mà tội đó gồm tóm những tội lỗi khác. Chẳng hạn, sự không tin kính là thất bại xưng nhận và tin cậy Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời. Sự ích kỷ chiếm lấy chỗ Đức Chúa Trời bằng bản ngã, và sự kiêu ngạo cũng như thế. Lần nữa, trước hết thất bại trong tình yêu là thất bại trong mối quan hệ đúng với Đức Chúa Trời.

Hay có lẽ chúng ta nên kết luận rằng tội lỗi là điều xấu xa quá khó tả và phức tạp quá lớn bịch đến nỗi chúng ta sẽ không bao giờ giải quyết tất cả vòng xoáy và vòng xoay che giấu của tội lỗi. Có lẽ chính bất đồng của chúng ta nhằm để nhấn mạnh bản chất kinh khiếp, không hiểu thấu của tội lỗi.

Tội lỗi quá ghê tởm và hủy diệt mọi sức mạnh trong cuộc đời chúng ta và trong xã hội của chúng ta, tội lỗi đáng nhận sự căm ghét hết mực của chúng ta. Chúng ta có thể căm ghét nó trong sự biểu hiện mục đích trắng trợn của nó. Chúng ta có thể căm ghét hậu quả khi những hậu quả thật đau đớn hay khó chịu. Chúng ta chắc sẽ căm ghét nó theo những cách khác. Nhưng chúng ta đã không tự nhiên căm ghét nó trong hình thể khởi đầu, đầy cuốn hút. Và ngay cả, chúng ta không bao giờ tìm cách chữa trị nó cho đến lúc chúng ta xem xét tội lỗi theo quan điểm của vị Thầy Thuốc Vĩ Đại và ghê tởm tội lỗi.

## **SỰ ĐA DẠNG CỦA TỘI LỖI**

### **DANH SÁCH CÁC TỘI**

Hội thánh thời trung cổ đã nhận diện bảy tội nguy hiểm: kiêu ngạo, tham lam, tà dâm, giận dữ, thói tham ăn, ghen tị và sự lười biếng. Trả lời vấn đề này, Hội thánh cũng đã phát triển bảy đức hạnh cốt yếu (chính). Với bốn đức hạnh của Plato là sự khôn ngoan, quả cảm, thái độ

---

<sup>15</sup> Hodge, *Systematic Theology*, vol. 2, 149

ôn hòa, và sự công chính, Hội thánh đã thêm vào những phẩm tính theo Kinh Thánh về đức tin, hy vọng và tình yêu thương. Không nơi nào trong Kinh Thánh đưa ra tất cả danh sách này, và không chỗ nào chúng ta cho phép xem danh sách về những đức hạnh và điều xấu xa hoặc thuộc những loại thấu đáo hay toàn bộ mà gồm tóm tất cả tội khác hay đức hạnh. Nhưng chúng thật sự nổi bật trong việc dạy dỗ Kinh Thánh thì điều này vượt xa hơn cuộc tranh luận. Carl F. H. Henry đề cập đến sự đa dạng của tội lỗi từ góc nhìn khác:

Sứ đồ Phao lô trình bày danh sách tám điều gồm ghiéc (Rô-ma 1:29tt; I Cô-rinh-tô 5:11; 6:9; 2 Cô-rinh-tô 12:20; Ga-la-ti 5:19tt; Ê-phê-sô 4:31; 5:3 và Cô-lô-se 3:5ff). Linday Dewar đã nhận thấy rằng tội gian dâm chiếm vị trí nổi bật nhất trong danh sách năm tội được liệt kê, xuất hiện đầu tiên trong nhiều sự kiện... tội về tình dục bao gồm gian dâm, tà dâm, sự bản thủ, khiêu dâm, và sự ẻo lả. Đứng thứ hai trong danh sách nổi bật là tội tham lam hay ham danh lợi. “thờ hình tượng” trong phân đoạn của sách Cô-lô-se có lẽ liên hệ đến tội này. Tội tống tiền có thể được xem là phần mở rộng của tội này. Điều xấu xa hiếm có do tội này gây ra được nhắc đến xuất hiện trong thứ năm trong những danh sách... Đồng thời phô trương là tội về tâm tính xấu, đôi khi nhận lấy con thành nô. Xuất hiện ở vị trí thứ tư trong danh sách nói đến ảnh hưởng tổn hại đến tâm hồn về những cơn giận thiếu kiểm chế về bạo lực. Liên hệ đến tội ác này là sự giận dữ, đam mê, cay đắng, giễu cợt, rủa sả, hận thù, và giết người. Danh sách của Phao lô cũng bao gồm những tội về cái lưỡi như là chửi rủa, lời đôn đai, nói hành, xác láo, khoe khoang, nói lời xấu hổ, lời tục tĩu, nói lời ngu xuẩn, đùa giỡn, la lối, và lừa gạt. Có những tội về gây gổ như xung đột, ghen tị, bè phái, chia rẽ, dị giáo, và náo động... Trong danh sách mà Phao lô liệt kê, điều đáng chú ý mà Chúa Jesus cũng lên án là gian dâm, khiêu dâm, tham lam, giễu cợt, la lối, và lừa gạt.<sup>16</sup>

Có cách khác để gộp tất cả tội lỗi lại với nhau thành nhóm hay cụm “mối quan hệ.” Kinh Thánh có vẻ nói đến một vài tội cơ bản về tâm linh mà kéo theo những tội khác.

## NHỮNG TỘI CƠ BẢN

Mỗi một tội này là sự méo mó trong ý định tốt đẹp mà Đức Chúa Trời đặt để giữa vòng chúng ta. Chúng ta được tạo dựng với mong muốn để vui hưởng mọi sự, khát khao có mọi thứ và khát khao làm trọn mọi sự. Khi chúng ta làm trọn những mong ước này theo cách làm Đức Chúa Trời đẹp lòng, chúng ta sẽ thỏa mãn và Đức Chúa Trời hài lòng. Tuy nhiên, khi chúng ta làm trọn điều này theo cách sai trật, thì chúng trở nên tội lỗi, tội lỗi mà Đức Chúa Trời phân loại như mê tham (mê tham của xác thịt), tham lam (mê tham của mắt), sự kiêu ngạo (sự kiêu ngạo của đời).

---

<sup>16</sup>Henry, *Personal Ethics*, 183.

Khi nào những mong muốn này trở nên tội lỗi xấu xa? Hãy nhớ rằng cảm dỗ không phải là tội. Cảm dỗ làm điều sai trật là điều không tránh khỏi được trong môi trường bị ô nhiễm về mặt đạo đức mà chúng ta đang sống. Chính Đấng Christ đã bị cảm dỗ trong mọi cách mà chúng ta có thể bị cảm dỗ (Hê-bơ-rơ 4:15) Chúng ta không nên cảm giác có tội bởi vì chúng ta bị cảm dỗ về sự mê tham, tham lam hay trở nên kiêu ngạo. Tuy nhiên, đầu phục với ý nghĩ cảm dỗ là phạm tội. Chẳng hạn như, để nuôi dưỡng những ý nghĩ dục vọng, là “chiều theo xác thịt” và điều đó là sai trật.

Lần nữa, phá vỡ những luật lệ Đức Chúa Trời để thỏa mãn mong ước chính đáng là sai trật. Chẳng hạn, nói dối để thành công hay gian lận để chiếm đoạt là tội lỗi.

Lần nữa, để thỏa mãn mong muốn chính đáng theo một cách sai trật, đi xa hơn ý định của Đức Chúa Trời là phạm tội. Trở thành béo phì cực độ là một sự bày tỏ rằng một người đã ăn quá nhiều hơn dự tính của Đức Chúa Trời trừ phi đó là gen bẩm sinh. Người đó đã nộp mình cho tội mê tham và trở thành người tham ăn. Thường thức món ăn không phải là tội, nhưng làm trọn mong ước chính đáng vượt xa hơn ý định Đức Chúa Trời là tội lỗi.

Hơn nữa, khi ước muốn kiểm soát chúng ta, trở nên như là thói nghiện, trong một ý nghĩa nào đó thì ước muốn đã trở thành thân tượng của chúng ta. Dĩ nhiên điều này là tội lỗi.

Một số người tìm giải pháp cho sự cảm dỗ qua việc khước từ những ước muốn do Đức Chúa Trời ban. Ước muốn vui hưởng mọi điều đã bị từ khước bởi khuynh hướng tu khổ hạnh và sống độc thân. Ước muốn có mọi điều bị chi phối bởi những lời thề nguyện sống bần hàn. Ước muốn đạt đến hay “trở thành điều gì đó” bị chi phối bởi lối sống tu hành. Tuy nhiên, đây không phải là những phương cách đúng theo Kinh Thánh trong việc kiểm soát những ước muốn Đức Chúa Trời ban cho chúng ta. Giáo hội Công giáo La mã, Phật Giáo, và thuyết nhị nguyên Hy-lạp đã tin rằng sự khuynh hướng tu khổ hạnh là cách cao quý nhất và tốt nhất. Những ước muốn con người của chúng ta là xấu xa và phải được quy phục hay loại bỏ. Nhưng tin mừng lớn của Cơ đốc giáo là Chúa Jesus đã đến ăn và uống, dạy dỗ những triết lý vững chắc trong đời sống. Những ước muốn cơ bản của con người là do Đức Chúa Trời ban cho và tốt lành. Những ước muốn này không phải để kiềm cấm hay từ khước mà để tận hưởng.

Tuy nhiên nói như vậy, chúng ta phải đưa ra lẽ thật Kinh Thánh mà những ước muốn này đôi khi nên bị từ khước nhằm bày tỏ tình yêu của chúng ta đối với Đức Chúa Trời và tình yêu của chúng ta dành cho người khác. Đây là lý do tại sao sự dạy dỗ tự bỏ chính mình trong Kinh Thánh rất rõ ràng và mạnh mẽ. Không phải tu khổ hạnh vì lợi ích chính nó những vì muốn tự bỏ chính mình, khi cần thiết để hành động trong tình yêu dành cho Đức Chúa Trời hay những người khác, là phương cách theo Kinh Thánh. Tự bỏ chính mình không phải là ý

tưởng phổ biến trong thời đại của chúng ta, thật ra trong bất cứ thời đại nào. Nhưng con đường Thập Tự Giá vẫn là con đường của tình yêu. Hơn nữa, theo dòng chảy tự nhiên của cuộc sống, những khuynh hướng này được Đức Chúa Trời tạo dựng để được làm trọn. Chúng trở nên tội lỗi khi bị lạm dụng hay dùng sai mục đích. Và khi tội này được lặp lại, điều đó có thể trở thành thói quen trong tính cách.

Khi một người theo thói quen nộp mình trong cảm dỗ mê tham nhục dục, người ấy bước vào một gương mẫu cuộc sống của sự cuộc sống nhục dục. Khi sự tham lam trở thành một cách sống, người đó sẽ trở thành người theo chủ nghĩa duy vật. Khi sự kiêu ngạo chế ngự khó cưỡng, trở thành người có tính tự cao tự đại.

Bởi những tội căn bản này là rất quan trọng để hiểu rõ phạm vi trọn vẹn của tội lỗi và đặc trưng tội lỗi cách mỹ mãn, chúng ta sẽ xem xét mỗi tội cách chi tiết trong chương tiếp theo. Tuy nhiên trước khi chúng ta để tâm đến điều đó, hãy xem xét một vấn đề như sau: Phải chăng tất cả mọi tội đều sai trái như nhau?

## CẤP BẬC CỦA TỘI LỖI

Một số người tin rằng trước mặt Đức Chúa Trời không hề có sự khác biệt nào giữa các tội. Tất cả mọi tội đều gồm ghiếc như nhau và không có cấp bậc hợp lý về mức độ tội giữa những tội phạm. Khái niệm kỳ dị này có thể khởi nguồn từ việc hiểu sai về ý nghĩa của Chúa Jesus Christ về Bài Giảng trên Núi. Ngài đã dạy rằng không chỉ tội giết người là sai, nhưng con giận dữ cũng sai trật, dù nó có đưa đến tội giết người không; nó cũng được liệt vào cùng loại về hành vi xấu xa, trong cùng họ hàng của những tội lỗi. Đấng Christ không bao giờ có ý dạy rằng sự khởi đầu trước nhất của ý nghĩ tội lỗi và sự thể hiện chín mùi của tội lỗi bằng hành động là ghê tởm như nhau. Khái niệm này thật khiếp sợ. Nó nhằm làm nghiêm trọng mức độ tội của hành vi phạm tội, nhưng thực tế ra điều đó có những tác dụng ngược lại. Nếu dụng vọng hướng về một phụ nữ và dùng vũ lực có được phụ nữ đều sai như nhau, thì tại sao không dùng vũ lực? Bạn không còn cảm thấy có tội. Cả nhân loại còn lại sẽ khẩn xin từ người tin giữ vào tín lý như thế: nếu bạn tham muốn tài sản của tôi, xin đừng lại ở mức tham muốn đó và đừng lấy nó đi; nếu bạn ghét tôi hay không yêu tôi như Đấng Christ dạy bảo, xin chỉ đừng lại ở mức ghét hay không yêu nhưng đừng ám sát hay giết tôi.

Có một cấp bậc theo Kinh Thánh cả về đức hạnh và tội lỗi. Tình yêu dành cho Đức Chúa Trời chiếm phần ưu tiên hơn tình yêu dành cho người lân cận. Người nào phạm tội mà không hiểu biết phải chịu hình phạt trong ngày phán xét ít khắc nghiệt hơn người hiểu biết mà phạm tội (Lu-ca 12:47-48). Trong Cựu Ước những hình phạt cụ thể được Đức Chúa Trời ban bố, có một mức độ từ hình phạt liên quan đến sinh mạng xuống mức phạt nhẹ. Có

“những mạng lệnh nhỏ nhất” (Ma-thi-ơ 5:19) và “những vấn đề nghiêm trọng hơn (Ma-thi-ơ 23:23). Chẳng hạn một số hành động lãng mạ tệ hại hơn những điều khác và nói lời phẫn nộ thì tệ hại hơn chỉ cảm nhận nó (Ma-thi-ơ 5:22).

Để tin rằng tất cả mọi tội đều nghiêm trọng như nhau trong nhãn quang của Đức Chúa Trời thì nhận thấy không có sự xác quyết cả trong Cựu Ước hay trong Tân Ước. Đúng là một người vi phạm điều răn nhỏ nhất có tội như thể người đã phạm cả luật pháp (Gia-cơ 2:20). Người ấy không còn là người vô tội nữa. Điều này cũng đúng rằng tội nhỏ nhất thì cũng phân cách với Đức Chúa Trời thánh khiết. Theo cách này, có thể nói rằng mọi tội đều như nhau cả. Nhưng dựa trên lý lẽ Kinh Thánh thì không thể nào nói rằng mọi tội đều bằng như nhau được.

Không phải mọi tội nhân đều sẽ nhận hình phạt giống nhau. Chẳng hạn, người đã cố ý phạm tội cả đời chống lại sự soi dẫn lớn của Thượng đế chắc chắn người ấy sẽ nhận sự đoán phạt lớn lao gấp bội phần với kẻ chưa nhận ánh sáng Phúc Âm và đã chết khi còn bé nhỏ. Karl Marx và Adolf Hitler sẽ phải khai trình việc khước từ lẽ thật Kinh Thánh vì họ đã học biết rất rõ lúc thiếu thời.

Khái niệm rằng mọi tội đều là tội như nhau không có khuynh hướng nhằm làm có tội trở nên nặng nề hơn về những tội tâm linh, giống như sự ích kỷ, cũng nhiều như thể có khuynh hướng nhằm làm giảm nhẹ với những sự vi phạm cực kỳ gian ác. Luật tội phạm và kỷ luật Hội thánh phải dựa trên quan điểm Kinh Thánh rằng có sự khác biệt lớn giữa những tội phạm và rằng chúng nên chịu hình phạt cách phù hợp.

Nói rằng có sự khác biệt lớn trong mức độ nặng nhẹ của những tội khác nhau không có nghĩa là quan điểm của chúng tôi về sự khác nhau đó là xác đáng. Trong bản chất của chủ thể —tội—chúng ta hầu như thừa nhận trước rằng sự định lượng về con người sa ngã sẽ lạc lối. Chẳng hạn trong nhãn quang của Đức Chúa Trời, tội nào sẽ là tội nghiêm trọng hơn: một đứa trẻ trong khu ổ chuộc ăn cắp một ổ bánh mì để nuôi người mẹ tàn tật, hay một giáo sư đại học say mê trong việc phá hoại niềm tin của hàng trăm sinh viên năm thứ nhất? Vậy mà hình phạt nào sẽ được thi hành tại những tòa án của xứ sở chúng ta nếu có tội bởi hành vi như thế? Những tội chống lại Đức Chúa Trời được nhìn nhận nhẹ nhàng hơn ngay cả đối với Cơ đốc nhân, nhưng từ quan điểm của Đức Chúa Trời chúng xứng đáng chịu sự phán xét nhất. Vì thế chỉ duy Đức Chúa Trời có thể lượng định mức độ phạm tội. Nhưng không đời nào có chuyên phán xét dành cho Anne Frank và Adolf Hitler có cùng cung hình phạt giống nhau được.

Tuy đã nói tất cả điều này, chúng ta hãy nhớ rằng hụt mất phẩm tính vinh hiển của Đức Chúa Trời dù nhỏ bé cũng mang lại sự phân cách với Đức Chúa Trời, sự đau đớn, sự chết và địa ngục. Chúng ta hãy nhớ rằng điều nhỏ nhất của tất cả tội lỗi tôi đã đóng đinh



Chúa Jesus trên thập tự giá như cái giá của tình yêu để đem cho tội sự tự do. Tương phản với sự giết người, điều gì quá kinh khiếp khi ăn miếng trái cây? Và tuy thế cũng đủ đến cướp mắt thiên đàng vinh hiển và toàn thể nhân loại phải chịu sa ngã.

Khi chúng ta xem xét những gì Kinh Thánh nói đến bản chất và hậu quả của tội lỗi, tội lỗi từ đâu mà có và điều gì dẫn đến phạm tội, chúng ta cảm thấy dường như chúng ta đang báo hiệu vực thẳm về một số nơi ô uế bao la và vô đáy. Chúng ta đang thăm dò những tình trạng nguy khốn về một số nỗi kinh hoàng về màn đêm dày đặc. Và tại sao Thánh Kinh lời của Đức Chúa Trời chứa đầy lẽ thật về chủ đề gớm ghê này? Để biết Đức Chúa Trời và trở nên giống như Ngài, yêu sự công bình điều đó vẫn chưa đủ. Chúng ta phải ghét tội lỗi. Để minh chứng sự căm ghét này, Đức Chúa Trời cất bỏ tội lỗi của mọi những võ bọ bên ngoài và bày tỏ đầy trọn thực tế ghê tởm của tội lỗi. Nhưng có một lý do trước tiên cho sự mặc khải không lay chuyển này- chống lại tình cảnh đen tối này sự huy hoàng của ân điển chói sáng của Ngài đã được tỏ ra. Chỉ khi nào sự ố nhiễm gớm ghê về bản chất băng hoại của chúng ta được phô bày để tìm kiếm để được tinh sạch. Và chỉ khi với thức tế này đè nặng trên chúng ta, thì chúng ta sẽ sẵn sàng xưng nhận tình trạng hoàn toàn vô vọng và tuyệt vọng của chúng ta và chạy đến tìm kiếm nơi trú ẩn của Đấng Cứu Thế toàn năng.

## CHƯƠNG 4

### NHỮNG TỘI CĂN NGUYÊN VÀ NHỮNG ĐỨC HẠNH

Kinh Thánh bày tỏ hàng trăm tội, và với sự áp dụng những nguyên tắc Kinh Thánh, danh sách này có thể mở rộng đến hàng ngàn. Điều này có thể là nhiệm vụ kinh khủng chỉ lập danh mục những tội này, không nói đến việc ghi nhớ những tội vì sự công kích tâm linh trong một nỗ lực nhằm trừ diệt chúng khỏi đời sống con người. Cuộc chiến chống lại cám dỗ dẫn đến phạm tội có thể hỗ trợ rất nhiều nếu một số tội nhận biết dễ dàng là nguyên nhân dẫn đến tất cả mọi tội còn lại.

Hơn nữa, Nếu như có những tội căn nguyên được chôn chặt bên trong—thậm chí dưới mức nhận thức—thật quan trọng dường nào khi nhận biết cái gốc rễ để xử lý bông trái (những hành vi tội lỗi bên ngoài). Chẳng hạn, một người có thể được thuyết phục là kẻ thù đối với một người khác hay thực sự đang tìm kiếm sự gây hại. Người ấy có thể cầu xin Đức Chúa Trời giải cứu khỏi thái độ và hành vi tội lỗi này, và người ấy nên như thế. Nhưng vì sự thu phục dứt khoát, liệu rằng điều này không ích lợi chẳng khi hiểu *nguyên cớ* tại sao anh ta ghét người đó? Có thể rằng vì người đó đã công kích anh ta và lòng kiêu hãnh của anh ta bị thương tổn. Nhưng có thể là vì người đó có cái gì đó anh ta muốn. Phải giải quyết cái căn nguyên gốc rễ nếu không bông trái chắc chắn sẽ nảy nở lần nữa. Vậy nên thật ích lợi, nếu không cần thiết mang tính chiến lược, để hiểu liệu thực sự có những tội căn nguyên hoặc tội nhánh nhóm không, và liệu có như vậy, thì những tội đó là gì.

Mê tham nhục dục, tham lam và kiêu ngạo là ba lãnh vực cám dỗ mà Sa-tan dùng quyền rũ thành công Ê-va và đồng thời cũng dùng cách đó để cám dỗ Chúa Jesus nhưng thất bại.

Bông trái trong Địa đàng có vẻ tốt để ăn (mê tham), nó lấy làm đẹp mắt (tham lam) và thực sự mong muốn trở thành khôn ngoan giống như Đức Chúa Trời (kiêu ngạo), và Ê-va đã chọn khước từ cách Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 3:5-6). Sa-tan đã cám dỗ Chúa Jesus bởi việc bảo Ngài hóa bánh khi Ngài đói (mê tham), nhằm phô trương quyền năng vì cơ sự vinh hiển chính mình (kiêu ngạo), và có được cả thế giới (tham lam) qua sự thỏa hiệp, nhưng Chúa Jesus chống lại (Ma-thi-ơ 4; Mác 1; Lu-ca 4). Ngài đã cắt bỏ cách cư xử tội lỗi tại căn nguyên gốc rễ, trong khi tổ phụ ban đầu loài người đã cho phép hạt giống cám dỗ của kẻ thù bén rễ và sanh bông trái của sự hủy hoại đời sống, sự lựa chọn và hành động tội lỗi gây tiêm nhiễm loài người.

Nhưng phải chăng không có những tội khác xuất phát từ căn nguyên gốc rễ khác? Thế sự vô tính thì sao? Chắc chắn trong trường hợp của Ê-va bà đã phạm tội vì nghi ngờ Đức Chúa Trời—Đáng biết điều tốt nhất và luôn quan phòng cho bà—và nghi ngờ lời Đức Chúa Trời, rằng Đức Chúa Trời sẽ hình phạt bà như lời Ngài phán. Nói cách khác, Chúa Jesus chống trả lời nịnh hót cách hoàn toàn vì Ngài đã tin Đức Chúa Trời và Lời của Ngài. Phải chăng sự vô tính dẫn đến mê tham nhục dục, tham lam và kiêu ngạo trong lòng Ê-va, hay chính những tội này đưa đến sự vô tính? Tuy nhiên những căn nguyên gốc rễ này quán quện với nhau trong trường hợp của Ê-va, điều này có vẻ có khả năng phạm tội vì sự sợ hãi và vô tính mà không cần phải mê tham, tham lam hay kiêu ngạo. Ước muốn vì sự gìn giữ chính bản ngã (một đặc tính do Đức Chúa Trời ban) có thể bị bóp méo bằng sự nghi ngờ và vô tính. Thế thì chúng ta hãy xem xét bốn loại căn nguyên của tội lỗi và những đức hạnh mà trái ngược với: Mê tham, tham lam, kiêu ngạo và sự sợ hãi.

#### MÊ THAM VÀ SỰ TỰ CHỦ (TIẾT ĐỘ)

Trong tiếng Hê-bơ-rơ của Cựu Ước và tiếng Hy-lạp của Tân Ước, một số từ được dùng để diễn đạt mong muốn rất mạnh mẽ. Những từ được dùng để diễn tả mong muốn về những điều tốt đẹp cũng như những điều xấu xa, dù trong Tân Ước những từ chính đã được dùng chủ yếu với mong muốn sai trật. Ý nghĩa cốt yếu trong từ *epithumia* (từ chính yếu trong Tân Ước nói về “mê tham”) nói về mong muốn như được thôi thúc, như một đề nghị của ý chí. Thật sự điều này là sự mê tham vì ý nghĩa về sự thỏa mãn đem lại sự thích thú và ý nghĩ không được thỏa mãn đem lại sự đau đớn.<sup>1</sup>

Dù có một sự chòng chéo trong cách dùng với những từ diễn tả mong muốn về đáp ứng thèm khát vật lý và những từ này diễn tả mong muốn có được vật chất, một số từ được dùng chủ yếu diễn tả mong muốn về sự khoái lạc, mà có thể là mê tham nhục dục, và những từ khác để diễn tả mong muốn cho bản thân mà có thể biến thành tham lam. Chúng ta xem xét những từ này riêng lẻ vì những ý tưởng là riêng biệt và các trước giả Kinh Thánh nhìn nhận như vậy thậm chí trong khi thi thoảng sử dụng những từ này theo ý từ đồng nghĩa.

Mê tham nhục dục trong Tân Ước thường liên hệ với từ *xác thục*. Trong Kinh Thánh, những sự thèm muốn thể xác tự nhiên có thể trở thành những cám dỗ dẫn đến lạm dụng gồm có thèm muốn nhục dục, thức ăn, thức uống và nghỉ ngơi. Khi được thỏa đáp hay thỏa mãn theo những cách sai trật, thì chúng trở thành tội lỗi về sự bất khiết, thói tham ăn, Say sưa và biếng nhác.

---

<sup>1</sup>“Epithumia,” In TDNT, vol.3, 171

## SỰ BÁT KHIẾT

Mặc dù những “tội khác về xác thịt” bị nghiêm cấm trong Kinh Thánh, nhưng có sự nhấn mạnh nhiều về tội tình dục. Trong Cựu Ước, tội ngoại tình và những tội liên quan được liệt vào mức hai sau tội thờ hình tượng. Trong Tân Ước, cụm từ *mê tham nhục dục* đã được dùng trong các Thư tín hầu như chỉ nói đến mong muốn nhục dục trái lẽ, và ngay cả sự tham lam thường thường liên hệ với tình dục. Với sự nhấn mạnh rất lớn và sự dạy dỗ rất cẩn thận này, nên chúng sẽ xem xét tội mê tham đặc biệt này cách chi tiết hơn trong chương 7, “tình dục, hôn nhân và gia đình.”

## THÓI THAM ĂN

Ăn quá nhiều được xem là tội cả trong Cựu Ước (Phục truyền 21:20; Châm ngôn 23:21) và Tân Ước (Lu-ca 21:34). Tuy nhiên không có sự dạy dỗ nhiều về chủ đề này, để rồi người ta tự hỏi tại sao tội này không được đưa vào trong Hội thánh thời xưa như là một trong bảy tội nghiêm trọng (gây chết). Những lý do đưa ra là thỏa đáng bằng không thì quá mạnh. Thói tham ăn và say sưa đi cùng với nhau trong Kinh Thánh và thường thấy trong cuộc sống, vì lẽ đó Hội thánh ban đầu xếp vào loại say sưa dưới một tội riêng lẻ tội tham ăn, và Kinh Thánh không bàn rất nhiều về sự say sưa. Cả hai là những tội về thu nhận (ăn) quá mức. Có thể có một lý do căn bản hơn. Thậm chí người xưa đã không có những bằng chứng khoa học như thời nay về tác hại tiêu cực về béo phì, họ quan tâm rằng thân thể là đền thờ của Đức Thánh Linh và rằng thân thể không thuộc về chính Cơ đốc nhân, để lạm dụng nó thì là tội chống nghịch với Đấng Chủ Tể và Đấng Ngự Trị.

Phao lô nói về những ai mà xem bụng mình là chúa mình (Phi-líp 3:19), một sự miêu tả thích hợp về số đông dân chúng trong xã hội thịnh vượng của chúng ta ngày nay. Lý do thêm nữa vào nguyên tắc tại bàn ăn là thực tế trong thế giới của chúng ta hàng trăm triệu người thật sự không có đủ thức ăn, họ đang chết đói trong khi hàng triệu Cơ đốc nhân khác ăn uống thừa thãi. Đương nhiên một số sẽ có thể béo phì vì sự bất cân bằng di truyền, chứ không phải vì ăn quá nhiều, và một số người có thể phạm tội bởi thói tham ăn dù không có bằng chứng bên ngoài, nhưng đã ăn uống quá chừng mực là vi phạm ý muốn được bày tỏ của Đức Chúa Trời.

## SAY SƯA

Say sưa bị lên án xuyên suốt Kinh Thánh (Phục truyền luật lệ ký 21:20; 29:19; I Sa-mu-ên 1:14; Châm ngôn 23:20, 29-35; Ê-sai 5:11-12, 22; 28:1-8; 56:12; Ô-suê 4:11; 7:5; Giô-ên 1:5;

A-mốt 6:6; Ha-ba-cúc 2:15-16; Lu-ca 21:34; Rô-ma 13:13; Ga-la-ti 5:20; Ê-phê-sô 5:18; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:7-8); sự phán xét của tội say sưa là khốc liệt. Kỷ luật nghiêm khắc của Hội thánh về dứt phép thông công được thực thi danh cho kẻ say sưa (I Cô-rinh-tô 5:11), và Đức Chúa Trời dành một sự phán xét thậm chí lớn hơn: kẻ say sưa sẽ không thể hưởng được nước Đức Chúa Trời (I Cô-rinh-tô 6:9).

Thời nay chúng ta nói về tác hại của rượu như là một chứng bệnh mà nạn nhân của căn bệnh là bất hạnh, nhưng điều này không phải là thuật từ theo Kinh Thánh. Đúng là rượu gây ra nhiều chứng bệnh và nghiện rượu là một thói quen đi cùng với sự cuốn hút khó cưỡng. Sự lệ thuộc vào rượu hoặc mang tính hoàn toàn tâm lý hoặc một phần liên quan đến vật lý—một sự yếu đuối di truyền theo hướng nghiện ngập—những chuyên khoa có thể tranh luận; nhưng điều đó Kinh Thánh gọi là tội vượt quá khả năng tranh luận. Sự khởi đầu của chứng bệnh được gọi như thế chắc chắn là sự lựa chọn có chủ đích, và cách chữa trị tốt nhất là làm mới lại tâm linh. Ăn năn không phải là một đáp ứng thích hợp cho tội lỗi, nhưng nếu không ăn năn tội thì kẻ say sưa sẽ không bao giờ được giải cứu. Thật ra, Theo các chuyên gia thể tuc, sự xung nhận tình trạng của con người và bày tỏ ước muốn được giúp đỡ và giải cứu (“ăn năn”) được xem là bước đầu tiên không thể thiếu cho sự phục hồi. Những gì được nói đến trong Kinh Thánh về sự lạm dụng chất có cồn có thể được xem là tác nhân như nhau liên quan đến sự lạm dụng ma túy, sự bày tỏ hiện thời về cùng một vấn đề.

Không chỉ Kinh Thánh lên án mạnh mẽ kẻ say sưa, mà Kinh Thánh còn chống lại việc dùng rượu như thức uống giải khát: “Rượu khiến người ta nhạo báng, đồ uống say làm cho hỗn hào; Phàm ai dùng nó quá độ, chẳng phải là khôn ngoan” (Chăm ngôn 20:1). “Hỡi Lê-mu-ên, chẳng xứng hiệp cho các vua, Chẳng xứng hiệp cho các vua uống rượu, Hay là cho các quan trưởng nói rằng: Vật uống say ở đâu? <sup>5</sup> E chúng uống, quên luật pháp, Và làm hư sự xét đoán của người khôn khổ chẳng” (Chăm ngôn 31:4-5).

Tuy nhiên, nói đến điều này rõ ràng Kinh Thánh không dạy sự kiêng cử hoàn toàn như là đòi hỏi của Đức Chúa Trời cho tất cả mọi người. Sự kiêng cử là yêu cầu dành cho thầy tế lễ (Lê-vi ký 10:8-10), người Na-si-rê (Dân số ký 6:3-4), và Giảng Báp-tít (Lu-ca 1:15). Nhưng Đấng Christ đã ăn uống (Ma-thi-ơ 11:19; Lu-ca 7:34), và không chỗ nào trong Kinh Thánh nghiêm cấm dứt khoát uống những thức uống có cồn cả.

Thế thì tại sao nhiều Cơ Đốc Nhân nhấn mạnh về sự kiêng cử hoàn toàn? Phải chăng đây là điều được cho phép theo nền tảng Kinh Thánh? Tôi tin rằng kiêng cử hoàn toàn là quan điểm mang nền tảng Kinh Thánh nhất tại Mỹ trong thế kỷ hai mươi. Nguyên tắc này là một trong sự từ bỏ quyền của tôi vì có hạnh phúc của những người khác (Rô-ma 14; I Cô-rinh-tô 8,10) trong một tình huống mà hoàn toàn khác trong thời Kinh Thánh. Trong văn hóa

Thánh Kinh thời đó nước rất khan hiếm và thường bị ô nhiễm, rượu là cách đơn giản nhất để làm thanh khiết nước uống và rượu là thức uống mỗi ngày trong bữa ăn. Rượu được pha trộn với nước, mỗi hai trăm phần nước thì một phần rượu. Thật ra, uống rượu pha trộn nửa phần rượu và nửa phần nước được xem là điều man rợ.<sup>2</sup> Ngày nay, vì có sử dụng phổ biến những loại thức uống chứa lượng cồn cao, nên chúng ta có những vấn đề mà những người trong thời Kinh Thánh không thể hình tượng được. Tại Mỹ nữa dân số người Mỹ là uống rượu, và mười phần trăm dân số là nghiện rượu.

Hậu quả? Hơn 22.000 người đã mất mạng trong những tai nạn giao thông liên quan đến rượu vào năm 1989.<sup>3</sup> Bởi vì con số tỉ lệ thiếu cân đối của những người này là còn trẻ, số người tử vong những năm đó là 900.000 người. Trên cả nước, rượu còn là tác nhân chiếm 57,6% bạo lực gia đình, 41,3 % tình trạng quấy rối trẻ em, 59,6 % nguyên nhân giết người, 53,9 % nguyên nhân hãm hiếp, và 45,9 % nguyên nhân về trộm cắp.<sup>4</sup> Một cuộc nghiên cứu đã cho thấy 46 % tuổi vị thành niên tự tử đã uống rượu trước khi làm điều đó.<sup>5</sup> Bộ Lao Động Mỹ cho biết 47% tai nạn công nghiệp có liên hệ đến việc lạm dụng chất cồn.<sup>6</sup> Một sự công bố của Bộ Y Tế và Cung Ứng Nhân Lực đã cho biết rằng toàn bộ chi phí về kinh tế cho việc lạm dụng chất cồn và chứng nghiện rượu sẽ là 85,8 tỉ đô la.<sup>7</sup> Đó là một chi phí trung bình khoảng 340 đô-la cho một công dân trên một năm. Nhưng sự mất mát về con người đối với những gia đình và chính kẻ nghiện—ai có thể thông kê được?

Cách duy nhất chắc chắn nhằm tránh rượu- hay lối suy nghĩ, nói đến và lối cư xử bị ảnh hưởng bởi ma túy và tránh trở nên nghiện ngập là không đụng đến rượu bia hay thử liều lượng ma túy dù đó là lần đầu. Cho dù nhiều người khác không thể đi đến một kết luận giống nhau từ những tư liệu này, tôi có thể kết luận rằng sản phẩm, buôn bán và sử dụng thức uống có chất cồn và gây nghiện hay loại thuốc kích thích không được kê toa của bác sĩ là không phù hợp với những nguyên tắc Thánh Kinh.

## SỰ BIỀNG NHÁC

---

<sup>2</sup>Robert H. Stein, "Wine Drinking In New Testament Times," Christianity Today, 20 June 1975,9

<sup>3</sup>U.S. Department of Health and Human Services, Public Health Service, *Prevention Resource Guide: Impaired Driving* (Washington, D.C., October 1991),1

<sup>4</sup>Fact Sheet published by the South Carolina ommission on Alcohol and Drug Abuse.

<sup>5</sup>Referered to in the pamphlet *Youth and Alcohol:A Deadly Mix*, Christopher News Notes (1990).

<sup>6</sup>U.S Department of Labor, *Workers at Risk: Drugs and Alcohol on the Job* (1990)

<sup>7</sup> U.S. Department of Health and Human Services, The National Institute on Alcohol and Alcoholism, *alcohol Research: Promise for the Decade*, by Enoch Gordis (Washington, D.C., August 1991),3.

Đức Chúa Trời không chỉ ban cho điều thích thú về tình dục, thức ăn ngon và thức uống để thỏa thích sự ham muốn thuộc thể của chúng ta, Ngài còn làm cho cơ thể của chúng ta cần được nghỉ ngơi. Nhưng ngay cả phước hạnh về ngủ nghỉ và có thể bị lạm dụng. “Đạo đức làm việc Tin Lành” đã không khởi đầu với những người Tin Lành. Sa-lô-môn là người lên án mạnh mẽ nhất về sự lười nhác và ủng hộ sự siêng năng, để chắc chắn, Phao lô đã nhấn mạnh điều này bằng cách trích dẫn lời giáo huấn của Sa-lô-môn ít nhất là trong sáu thư tín của ông. Hãy xem xét những gương mẫu sau:

Hỡi kẻ biếng nhác, hãy đi đến loài kiến; Khá xem xét cách ăn ở nó mà học khôn ngoan...<sup>10</sup> Ngủ một chút, chợp mắt một chút, Khoanh tay nằm một chút,<sup>11</sup> Thì sự nghèo khổ của ngươi sẽ đến như kẻ đi rảo, Và sự thiếu thốn của ngươi tới như người cầm binh khí (Chăm ngôn 6:6-11).

Chớ ưa ngủ, e cho người trở nên nghèo khổ chẳng;... Còn ai lấy tay thâu góp sẽ được thêm của nhiều lên... Mọi việc tay ngươi làm được, hãy làm hết sức mình (Chăm ngôn 20:13; 13:11; Truyền đạo 9:10)

Hễ làm việc gì, hãy hết lòng mà làm, như làm cho Chúa, chớ không phải làm cho người ta,<sup>24</sup> vì biết rằng anh em sẽ bởi Chúa mà được cơ nghiệp làm phần thưởng. Hãy hầu việc Đấng Christ, tức là Chúa (Cô-lô-se 3:23-24).

Chúng tôi ...đã rao bảo cho anh em rằng: nếu ai không khứng làm việc, thì cũng không nên ăn nữa.... Chúng tôi nhân danh Đức Chúa Jêsus Christ, bảo và khuyên những kẻ đó phải yên lặng mà làm việc, hầu cho ăn bánh của mình làm ra (II Tê-sa-lô-ni-ca 3;10-12)

Kinh Thánh nói rõ ràng rằng sự biếng nhác thật sự là tội lỗi và làm việc siêng năng làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Hãy chú ý rằng công việc đó là ích lợi, theo Sa-lô-môn sự biếng nhác chẳng ích lợi gì, nhưng Phao lô thêm vào những chiều kích khác: Làm việc là hầu việc Đức Chúa Trời (Rô-ma 12:11; Ê-phê-sô 6:6tt.; Cô-lô-se 3:22tt.); làm cho mình không thiếu thốn chi hết (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:12; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:12), giúp cho người đó chu cấp cho gia đình mình (I Ti-mô-thê 5:8), là lời chứng tốt cho người khác (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:12), và giúp cho người đó ban cho cách rộng rãi (Ê-phê-sô 4:28). Đối với sự dạy dỗ của Phao lô về công việc áp ủ một tình thần nhiệt thành và vui mừng. Làm việc không phải là một sự rửa sả để né tránh nhưng một phần trong kế hoạch ban đầu của Đức Chúa Trời vì có ích lợi cho con người (Sáng thế ký 1:28tt.), một phần trong ảnh tượng mà con người có được từ Đức Chúa Trời, Đấng Làm Việc gương mẫu.

## SỰ TỰ CHỦ

Cụm từ *tự chủ* được dùng bốn lần trong Tân Ước bản Hy văn, và trong tất cả các trường hợp đều nói những đức hạnh mà không phản chiếu nhiều sự sáng tỏ trong ý nghĩa của nó (Công vụ 24:25; Ga-la-ti 5:23; Tít 1:8; II Phi-e-rơ 1:6). Từ này có nghĩa kiểm soát về sự thèm khát của con người. Từ này có thể không phổ biến, nhưng sự dạy dỗ của nó thì có. Gióp đã thành công trong việc giữ mắt mình khỏi việc chăm chú mắt nhìn một nữ đồng trinh (Gióp 3:1), trong khi đó Đa-vít đã phạm tội nghiêm trọng qua việc thất bại đả thân thể mình cách nghiêm khắc (I Cô-rinh-tô 9:27). Đa-ni-ên đã định trong lòng mình rằng sẽ không ô uế bởi thức ăn của vua (Đa-ni-ên 1:8). Người nào cai trị lòng mình thắng hơn kẻ chiếm lấy thành (Chăm ngôn 16:32). Chúng ta không chăm non về xác thịt (Rô-ma 3:14) và cắt bỏ những quan thể nào xuôi khiến chúng ta lạc lối (Ma-thi-ơ 5:30). Từ bỏ chính mình không phải là trường hợp lựa chọn của đời sống, từ bỏ chính mình là lối sống tốt nhất (Ma-thi-ơ 16:24-26).

Cái riu cho cái rế của mê tham nhục dục là sự tự chủ. Sự thèm muốn thuộc thể phải được thỏa đáp theo những cách tôn vinh Đức Chúa Trời. Và những cách đó được giải thích rõ ràng trong Kinh Thánh. Tình dục ngoài hôn nhân, ăn quá mức, say sưa, biếng nhác, hay phung phí thời gian rảnh rỗi vào thú vui bản thân tất cả phải bị từ khước bởi sự kiểm soát có ý thức về những tham muốn của con người. Chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể kiểm soát những khuynh hướng định sẵn, kiên cố này. Bởi việc nương cậy nơi Ngài, ngay những con người yếu đuối có thể có sự tự chủ. Và lối sống được kiểm soát này không phải là chủ nghĩa khắc kỷ không niềm vui. Nhưng đúng hơn lối sống này như là một dòng chảy của ảnh hưởng cuộc sống đến sự đầy trọn khả thi lớn nhất

## SỰ THAM LAM VÀ SỰ THỎA LÒNG

Sự tham lam là một phẩm tính kỳ lạ của loài người. Đức Chúa Trời coi phẩm tính này như một sự gian ác kinh khiếp; con người xin nhận sự tham lam như là con đường của tất cả mọi thứ, của việc đạt đến sự toạ nguyện cá nhân. Đức Chúa Trời đã đưa điều này vào trong Mười Điều Răn và đề cập nó trong Tân Ước đi cùng với tội thờ hình tượng, phạm tội ngoại tình, quan hệ đồng tính và sự trộm cắp; con người coi tội này là điều nhỏ nhất trong những nhược điểm con người. Tại sao Đức Chúa Trời nhìn tội tham lam quá trầm trọng như thế?

## ĐỊNH NGHĨA VỀ SỰ THAM LAM

Tham lam là tìm kiếm điều gì đó, ai đó, một số địa vị, một số sự thừa nhận, hay một số sự thỏa mãn không theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Hãy lưu ý rằng tôi dùng từ *tìm kiếm* thay vì *mong muốn*. Tham lam không chỉ là ước muốn nhiều hơn, nhưng còn đeo đuổi điều đó, thêm



muốn có nó, và nỗ lực để nắm chặt lấy nó. Dù rằng những cụm từ này được dùng trong Kinh Thánh chỉ về thái độ tham lam nói đến ước muốn mạnh mẽ về bất cứ điều gì đó đã được chú giải, cách dùng chủ yếu của từ này, đặc biệt trong các thư tín của Phao lô, liên quan đến đến sự mong mỏi và “đeo đuổi” những điều về vật chất. Dù rằng mong muốn nhỏ bé nhất để có được điều gì đó mà Đức Chúa Trời không muốn thì đáng được xem là tội lỗi, những từ gốc này rất nhấn mạnh: ham muốn, hám lợi, tham lam vô độ.

Trong Kinh Thánh sự tham lam quá kinh khiếp đến nỗi tội mà đã phân cách con khỏi khỏi Đức Chúa Trời (Rô-ma 1:29,32), phá hủy cộng đồng (Gia-cơ 4:1-4), phá vỡ mối thông công trong Hội thánh (II Phi-e-rơ 2:14tt.), làm cho con thành nô của Đức Chúa Trời đổ xuống nhân loại trong thời đại này (I Cô-rinh-tô 5:10-11), và làm cho con thành nô của Đức Chúa Trời đổ trên người tham lam trong cõi đời đời (I Cô-rinh-tô 6:9-10). Tham lam là cám dỗ đặc biệt cho những người hầu việc Chúa và ngăn trở người ấy trong sự phục vụ (II Cô-rinh-tô 7:2; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:5; I Ti-mô-thê 3:3). Đây là một kiểu mẫu thờ hình tượng, hình thức của những thứ thay thế Đức Chúa Trời hằng sống.

Ước muốn đạt đến điều gì tự nó không phải là xấu xa. Đây là tình trạng méo mó về mong muốn do Đức Chúa Trời ban, nhắm đến những gì không theo ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho con người, đây quả là một tội khinh khiếp và mang tính hủy phá. Theo Kinh Thánh, một tâm trí tham lam sẽ trở nên rõ rệt với những người trộm cắp, phỉ báng người khác, mê tham nhục dục, tranh đấu với một anh em Cơ Đốc để giành lại những sự mát mát vật chất, mưu đồ và âm mưu chiếm đoạt những điều bất công, đeo đuổi sự thừa nhận, không thỏa lòng, ban cho cách ít ỏi hay miễn cưỡng.

Thật quả ngạc nhiên khi Kinh Thánh coi sự tham lam rất nhấn tâm. Và chúng tôi Cơ Đốc nhân người Mỹ khai hóa tội này như vật nuôi trong nhà. Tới mức mà những lời ký thuật của Chúa Jesus bày tỏ, Ngài đã nói nhiều về mối quan hệ của con người với tài vật hơn là nói về thiên đàng và địa ngục. Tại sao vấn đề này quá quan trọng? Vì bốn lý do:

1. Tham lam là một tội gốc rễ (I Ti-mô-thê 6:10) dẫn đến trộm cắp, tà dâm, giết người – hầu như bất cứ tội nào khác.
2. Tội tham lam là một hình thức đặc biệt kinh tởm về sự thờ hình tượng. Phao lô nói về phẩm tính ghê tởm của tội lỗi, đánh đổi ngai vị của Đức Chúa Trời bằng những vật thọ tạo (Rô-ma 1:23).
3. Nếu điều răn lớn và thứ nhất nói đến tình yêu thương, sự tham lam chống nghịch lại điều răn này. Tham lam là yêu thích việc chiếm giữ, còn yêu thương là yêu thích sự ban cho.

4. Sự tham lam là một tội nghịch lại với người tham lam. Tội này bày tỏ nguyên tắc cơ bản rằng luật pháp Đức Chúa Trời là vì có ích lợi cho chúng ta. Một người có lòng tham sẽ xây dựng một tình trạng căng thẳng nội tâm. Thật ra, sự tham lam thường đưa đến những căn bệnh về tình cảm. Chủ nghĩa vật chất là một cách sống cực kỳ dễ bực dọc vì con người có thể không bao giờ được thỏa mãn. Bạn càng nhận được nhiều, bạn càng muốn có nhiều. John D. Rockefeller khi được hỏi có bao nhiêu tiền sẽ làm con người thỏa mãn. Câu trả lời của một trong người giàu có nhất thế giới là, “chỉ một ít thôi!” Trong tất cả những hành động khờ khạo và gây thất vọng, đi tìm kiếm để lấp đầy khoản trống về tâm linh con người với những vật chất phải là điều thứ yếu trong mức độ cần thiết.

## CƠ ĐỐC NHÂN VÀ VẬT CHẤT

Điều hoàn toàn có thể khi không những tham lam những điều thuộc về người khác nhưng còn thèm muốn những gì thuộc về Đức Chúa Trời. Điều này có khả năng đặc biệt với những phần tài sản của Ngài mà tôi đang cất giữ. Thực ra, Kinh Thánh dường như bày rõ rằng mối quan hệ của tôi với của cải vật chất là chìa khóa trong việc hiểu rõ mối quan hệ của tôi với Đức Chúa Trời. Chồng nghịch lại sự tham lam là những phẩm tính do Đức Thánh Linh ban, một bị động, một chủ động: thỏa lòng và rộng lượng. Trước tiên hãy xem xét phẩm tính chủ động, một khuôn mẫu Kinh Thánh về sự ban cho. Tôi đề xuất sáu mức độ của sự ban cho: trẻ ấu thơ, thời niên thiếu, thanh niên, thành nhân, trưởng thành và khả năng đặc biệt do Đức Chúa Trời ban cho.

**Trẻ ấu thơ (infant): không ban cho.** Mức độ ban cho của trẻ ấu thơ là không ban cho. Bạn có bao giờ nhìn thấy một em bé sơ sinh rộng lượng chưa? Trẻ ấu thơ đang trong giai đoạn đón nhận và lĩnh hội. Như nhiều người trong Hội thánh, em bé nhỏ cần được cho ăn uống, vui đùa và vệ sinh sạch sẽ. Trẻ ấu thơ sẽ khóc khi không có được điều mình muốn. Thực sự, những Cơ đốc nhân như thế cư xử như người thể gian điển hình (ICô-rinh-tô 3:3).

Mức độ sự không tăng trưởng thuộc linh này cũng có thể được thấy trong đa phần những tín lý thịnh vượng—“Tôi là con của Vua, vì thế tôi sẽ đi hạng nhất.” “Hãy tin nơi Chúa Jesus và bạn sẽ thịnh vượng về vật chất.” Tân Ước không bàn điều gì nhiều bằng sự dạy dỗ về Cơ đốc nhân và tiền bạc. Nhưng trong một xã hội giàu có, tín lý này có một sự cuốn hút lớn. Một bằng chứng khác được nhìn thấy ở những người khăng khăng trở nên giàu có dựa vào Phúc Âm. Hệ thống phân loại sao Tin Lành, đã được phóng đại trong sách báo và truyền hình, có nghĩa là những nhà biểu diễn âm nhạc nổi tiếng, những diễn giả nổi tiếng, và

những tác giả bán sách chạy nhất có thể và thường đòi hỏi khoản chi phí lớn và sống như hoàng tộc. Đông đảo quần chúng nhận thấy thật khó để phân biệt bất cứ sự tương đồng nào với những người không có mái nhà để gối đầu. Họ rất giống với Si-môn, người nghĩ rằng Phúc Âm là cách để kiếm tiền (Công vụ 8:18tt.). Đức Chúa Trời công bố rằng sự phán xét lớn cho những ai xem tôn giáo như là cách để kiếm sống (I Ti-mô-thê 6:5tt.).

**Thời niên thiếu (Childhood): Ban cho ngẫu hứng.** Những người chuyên xa hơn thời ấu thơ, cách sống theo hướng cái tôi đáp ứng với sự ngẫu hứng hào phóng. Những Cơ đốc nhân như thế có thể dâng hiến rất khoa trương, nhưng chỉ khi có sự thôi thúc mạnh mẽ của cảm xúc. Một sự trình bày đặc biệt tài giỏi về nhu cầu của con người có thể kêu gọi sự dâng hiến như thế. Viễn cảnh nhìn thấy một tên của ai đó trong báo chí hay trên một số tòa nhà sẽ là một động cơ không to tác nhưng thường mang lại đáp ứng dâng hiến hào phóng. Sự phấn khích hay triển vọng trong nhóm cứ tiếp diễn và những người đang dâng hiến cách rời rạc, thì một người như thế sẽ có thể cảm động để dự phần. Sự dâng hiến ngẫu hứng không nhất thiết là xấu. Nhưng người mà chỉ dâng theo cách đó cần tăng trưởng xa hơn mức độ thời niên thiếu ngẫu hứng về việc dâng hiến nhất thời thỉnh thoảng đi đến sự dâng hiến như một lối sống.

**Thanh niên (Youth): Dâng hiến mang tính tuân giữ luật lệ.** Khi một người tăng trưởng trong sự hiểu biết về Lời Chúa và vâng giữ lời ấy, người đó sẽ khám phá rằng nguyên tắc Cựu Ước về sự dâng hiến là 10 phần trăm về khoản thu nhập lên cho Đức Chúa Trời và điều này được Chúa Jesus Christ xác nhận trong Tân Ước. Một số người tin rằng đây là sự dâng hiến mang tính tuân giữ luật lệ. Và có thể là thế. Dâng hiến mang tính tuân giữ luật lệ thì tốt hơn rất nhiều khi không dâng gì (Ma-thi-ơ 23:23; Lu-ca 11:42). Thật ra, Cơ đốc nhân tăng trưởng khám phá ra rằng mình có nên dành một phần mười dâng cho chính mình, thì Đức Chúa Trời xem người ấy là kẻ trộm (Ma-la-chi 3:8tt). Nhiều người đã bước vào trong sự vâng giữ điều này với tâm trạng run sợ, sợ những hậu quả, chỉ khám phá rằng Đức Chúa Trời chứng tỏ lời hứa của Ngài—Ngài bảo đảm điều tốt đẹp cho con cái Ngài và ban thưởng cho họ đúng thời điểm và trong cõi đời đời.

**Thành Nhân (Adult): Sự quản trị.** Khi Cơ đốc nhân khởi sự vâng lời Đức Chúa Trời cách nghiêm túc, người ấy khám phá ra rằng một phần mười chỉ là biểu hiện về một lẽ thật rằng con cái Đức Chúa Trời không phải là người chủ, nhưng là một người quản gia đơn thuần về những tài vật của Đấng. Sự dạy dỗ này rất rõ ràng trong Cựu Ước, nhưng càng rõ ràng hơn

trong Tân Ước. Lu-ca 16 là phân đoạn then chốt về sự dạy căn bản của Kinh Thánh về sự quản trị. Các môn đồ Đấng Christ thật dại dột bởi vì họ đã không có kế hoạch cho tương lai qua việc sử dụng tiền để chưa chấp kho báu trên trời (c.8). Họ dại dột vì họ nhìn tiền bạc từ quan điểm của thế gian.

Hãy lưu ý có năm sự tương phản trong thái độ với tiền bạc được dạy trong câu chuyện ngụ ngôn về “người quản gia không công bình” hay Người Quản Lý Lừa Lọc.

1. Ít....nhiều (c.10). Cho dù một người giàu có tiền bạc trên đất bao nhiêu đi nữa, thì điều đó cũng quá ít ỏi so với kho báu trên trời. Vậy nên chỉ có kẻ dại mới sống vì điều “ít ỏi” trong cuộc đời này. Hơn nữa, một người không cần phải bỏ nhiều khoản tiền giàu có của mình vào vựa lẫm trên trời. Tất cả điều người ấy cần là trung tín với những ít ỏi mình có. Cũng một thể ấy, một người có thể lừa phỉnh với điều rất nhỏ, sử dụng những gì người ấy có vì có ích lợi cho chính mình thay vì lợi ích cho người Chủ thật.
2. Giả....thật (c.11). Thế gian xem tiền bạc trên đất là giá trị thật, nhưng Cơ đốc nhân dại dột mới nghĩ như vậy. Tiền bạc, theo nghĩa gốc, “kẻ dối trá,” “kẻ giả mạo.” Chỉ người ngu dại sẽ sống để tích lũy cho sự giả mạo, đùa giỡn với tiền của thế gian này trong khi người ấy có thể đầu tư nó trong sự giàu có thật ở hành trình cuối cùng của mình.
3. Quản gia...Người chủ (c.12). Đây chính là trọng tâm của sự dạy dỗ. Chúng ta hoàn toàn không phải là người chủ. Đức Chúa Trời là chủ, và chúng ta được ban cho vai trò quản gia, một sự ủy thác, công việc của người quản lý là dùng một phần nào đó trong tài sản Đức Chúa Trời để mở rộng chương trình của Ngài trên thế giới. Có bao nhiêu “người quản lý” xác chứng là người tham ô, sử dụng tài sản cho chính mình!
4. Tiền bạc.... Đức Chúa Trời (c.13). Có những người có gắng quản lý mọi thứ nhằm mang lại lợi tức cả cho Người Chủ và người quản lý—nhằm xây dựng cùng một lúc vương quốc Đức Chúa Trời và vương quốc chính mình. Nhưng Chúa Jesus phán, “Không có đầy tớ nào làm tôi hai chủ được; vì sẽ ghét chủ này mà yêu chủ kia, hay là hiệp với chủ này mà khinh despise chủ kia. Các ngươi không có thể đã làm tôi Đức Chúa Trời, lại làm tôi Ma-môn nữa.”

Những sự dạy dỗ này có vẻ dại dột với người Pha-ri-si, những người tin rằng sự sung mãn của họ là bằng chứng trực tiếp rằng Đức Chúa Trời rất đẹp lòng với họ (c.14). Họ là những thành viên đặc quyền của nhóm “tà giáo thịnh vượng.” Họ phi báng lời dạy của Chúa Jesus về tiền bạc. Họ tin tiền bạc là chân chính, quan trọng và của chính mình. Vì thế Đấng Christ phán rằng điều này tỏ bản chất thật của lòng họ và rằng sẽ

có một giá nặng nề dành cho họ để có thể vào được vương quốc của Ngài (c.15-16). Nhưng nếu họ không làm thế, cái giá cuối cùng sẽ hoàn toàn lớn hơn.

5. Thiên đàng... địa ngục (c.19-31). Chúng ta thường dùng câu chuyện người giàu và La-xa-rơ và mục đích truyền giáo. Nhưng mục đích chính không dạy nhiều về địa ngục nhưng dạy nhiều về việc sử dụng tiền bạc chuẩn bị cho thiên đàng. Câu chuyện được dạy các môn đệ cách họ nên liên hệ với vật chất. Chúng ta nghe nói về một người nghèo yêu mến Đức Chúa Trời và người giàu có sống vì sự giàu. Và bạn thấy cuối cùng của những sự lựa chọn: thiên đàng và địa ngục.

Rằng Cơ đốc nhân quả đúng là người quản gia được dạy xuyên suốt Tân Ước, không chỉ trong Lu-ca 16 (Ma-thi-ơ 6:19-34; 19:16-29; Mác 12:41-44; Lu-ca 12:13; 17:7-10; 19:21-26; Công vụ 2:44-45; 4:32-37; 20:35; Rô-ma 14:8; I Cô-rinh-tô 6:19-20; II Cô-rinh-tô 8 và 9; Ga-la-ti 6:6-10; I Ti-mô-thê 6:5-10, 17-19; Hê-bơ-rơ 10:34; 13:5).

Sự quản gia là vị trí mà cách sống của con người bắt đầu biến đổi. Những người quản gia sống đơn giản hơn nhiều với người chủ trong thế giới này. Thật khó để sống đơn giản hơn Chúa Jesus, Người Chủ, đúng không nào! Và lúc này, môn đồ thì hơn thầy mình phải không nào?

Sự quản gia là mức mà những sự lựa chọn phải được thực hiện. Cho đến giờ này, người dâng một phần mười đơn giản chọn vâng lời Chúa và dùng một phần số học nhỏ nhoi để trung thực “trả nợ.” Bây giờ người dâng phần mười phải nhìn vào công trình của Đức Chúa Trời trên thế gian này và đưa ra những quyết định khó khăn về nơi nào để đầu tư cách khôn ngoan nhất nhằm hoàn tất những mục đích của Đức Chúa Trời và người ấy có thể thành thật nên đầu tư bao nhiêu cho những “chi phí đi lại” của chính mình trên con đường về ngôi nhà đời đời của mình. Những có một mức độ cao hơn trong sự dâng hiến.

**Trưởng thành: Dâng hiến hy sinh.** Sự trưởng thành thuộc linh được thúc đẩy bởi động cơ cao nhất: tình yêu, ít nhất là một phần nào đó. Đa-vít đã từ chối dâng một của dâng mà chẳng tốn kém (II Sa-mu-ên 24:24). Về sau Đa-vít đã dâng những của dâng chắc chắn lớn nhất trong lịch sử loài người, bông trái của hai mươi năm lập kế hoạch và một đời nỗ lực làm việc lớn. Người đàn gó nghèo đã dâng từ những thu nhập ít ỏi của mình “dâng tất cả những gì bà có” (Lu-ca 21;1-4). Có ai hỏi động cơ của Đa-vít hay người đàn bà gó? Họ đã bày tỏ hình ảnh hoàn toàn trái ngược với một thế giới của những kẻ thèm muốn chỉ biết nhận lãnh và dâng hiến cách miễn cưỡng.

Chúng ta cảm thấy có một sự lựa chọn về sự hy sinh? Phải chăng mức dâng này dành cho kẻ giàu có? Đấng Christ dạy rằng bước đầu tiên của sự môn đồ hóa là phải hoàn toàn sắp xếp lại cách sống của mình: “Hãy bán gia tài mình mà bố thí.... Vì của báu các ngươi ở đâu, thì lòng cũng ở đó!” (Lu-ca 12:33-34, Phi-líp). Nguyên tắc này cũng hiệu quả ở góc độ khác: Tình yêu của lòng của anh em ở đâu, thì ở đó anh em sẽ đầu tư cách hy sinh hết mình. Có ai thật sự đang sống theo cách đó không? Những Cơ đốc nhân tại Ma-xê-đoan đã làm thế, ngay cả khi những Cơ đốc nhân giàu có tại Cô-rinh-tô đã không làm được.

Hỡi anh em, chúng tôi muốn anh em biết ơn Đức Chúa Trời đã làm cho các Hội thánh ở xứ Ma-xê-đoan: <sup>2</sup> Đang khi họ chịu nhiều hoạn nạn thử thách, thì lòng quá vui mừng, và con rất nghèo khó của họ đã rải rộng ra sự dư dật của lòng rộng rãi mình. <sup>3</sup> Vì tôi làm chứng cho họ rằng họ đã tự ý quyên tiền theo sức mình, hoặc cũng quá sức nữa, <sup>4</sup> và nài xin chúng tôi làm ơn cho họ có phần vào sự giúp đỡ các thánh đồ. <sup>5</sup> Họ lại làm quá lòng trông cậy của chúng tôi, vì trước hết đã dâng chính mình cho Chúa, và sau lại cho chúng tôi, theo ý muốn Đức Chúa Trời. <sup>6</sup> Vậy nên chúng tôi đã khuyên Tit đi đến nơi anh em để làm trọn việc nhân đức này, như người đã khởi sự làm. (II Cô-rinh-tô 8:1-4)

Trong II Cô-rinh-tô 8 và 9 Phao lô đã dạy dỗ thấu đáo nhất về sự dâng hiến của Cơ đốc nhân trong Kinh Thánh. Sự tập trung là vào nhóm tín hữu mà dâng hiến hết mình xuất phát từ tình yêu sâu đậm dành cho Đức Chúa Trời và anh em của họ (8:7-8, 24). Tôi đọc Kinh Thánh nhưng không tìm thấy rằng Đức Chúa Trời yêu người thấu giữ thành công hay kẻ giữ của cẩn thận. Tôi chỉ thấy rằng Đức Chúa Trời yêu kẻ dâng hiến cách vui lòng (9:7). gương mẫu của tình yêu hy sinh chúng ta phải kể đến là Chúa Jesus, Ngài vốn giàu, tự bỏ để trở nên nghèo, hầu cho bởi sự nghèo của Ngài, chúng ta được nên giàu (8:9).

**Ân điển đặc biệt: Đức Tin** Hãy lưu ý các mức độ của sự dâng hiến không phải loại trừ lẫn nhau. Chẳng hạn, một người nghèo chỉ cần thực hành đức tin và hy sinh dâng hiến mười phần trăm. Nhưng nói chung, những mức cao hơn về sự trưởng thành thuộc linh được phản ánh qua sự dâng hiến của một người. Mức cuối cùng—đức tin—tiêu biểu cho mọi sự dâng hiến. Trên thực tế, sự dâng hiến nhiều nhất là sự dâng hiến “tâm nhìn”—nhìn vào những gì sẵn có và bàn thảo kế hoạch về cơ sở nào mà một người nên dâng, hoặc là một người dâng phần mười thành thật, một quản gia khôn ngoan, hay một người hy sinh đầy tình yêu. Đức tin hành động vượt xa hơn điều này để tin Đức Chúa Trời chu cấp những gì không thể dâng được, ngay cả với sự hy sinh. Đức tin này là một đức hạnh có thể đạt được bởi tất cả mọi người. Tuy nhiên Kinh Thánh nói đến *ân tứ* của đức tin (I Cô-rinh-tô 12:9), làm sáng tỏ rằng một số người được ban cho khả năng đặc biệt để tin Đức Chúa Trời trong những cách mà người khác

không thể có được. Những ai có ân tứ đức tin trong lãnh vực tài chính thì đi xa mức độ quản gia khôn ngoan và dâng hiến cách hy sinh. Họ tin Đức Chúa Trời với gì mình không có và không thể nhận được để hoàn toàn tất một số công việc cho Ngài.

Những kết quả của một đời sống dâng hiến rộng rãi là gì? Khi chúng ta quản lý tiền bạc và những điều khác cách đúng đắn, hãy coi những điều này là sự ủy thác từ Người Chủ thật, và với lòng biết ơn và tình yêu thương tìm kiếm để đầu tư cách hy sinh những tài sản một cách càng khôn ngoan nếu có thể cho vương quốc Ngài, hai lời hứa tuyệt vời dành cho chúng ta. Trước nhất, người quản gia trung tín sẽ có sự đảm bảo rằng mọi nhu cầu có cần sẽ được chu cấp cách đầy trọn (Ma-thi-ơ 6:19-34; II Cô-rinh-tô 9:8; Phi-líp 4:19;). Chắc chắn điều này là một sự đảm bảo tuyệt vời và đơn giản mọi lãnh vực cuộc sống.

Thứ hai, Đức Chúa Trời hứa sẽ ban thưởng cho người đó (Lu-ca 9:12-13, 16-26; 18:18-30; II Cô-rinh-tô 9:6; Ga-la-ti 6:6-10). Ngài đối xử chúng ta như thể tài sản này là của chính chúng ta và chúng ta đang làm điều đáng khen trong việc đầu tư theo những mục đích của Ngài trong thế gian này.

Chúng ta đã xem xét một số chi tiết về mặt trái của sự tham lam—sự rộng lượng với những tài sản của con người. Nhưng có thể lắm để tham lam những điều gì đó phi vật chất, không thỏa lòng với những lãnh vực khác của cuộc sống và vì thế vi phạm điều răn thứ mười, “ngươi chớ tham lam.”

## THAM LAM NHỮNG ĐIỀU PHI VẬT CHẤT

Khi chúng ta mong muốn bất cứ điều gì không phải của chúng ta theo ý muốn Đức Chúa Trời, thì chúng ta đang tham lam. Rất có thể tham lam những khả năng hay địa vị của người khác. Chúng ta gọi những tội này là “ghen tị,” một hình thức đặc biệt nguy hại và mang tính tàn phá về sự tham lam.

Một dạng tham lam như chúng ta đã thấy là thèm muốn của cải của chính mình, trong khi thực sự đó không phải là tài sản của chúng ta, nhưng là của Đức Chúa Trời. Một tài sản khác thậm chí quý giá hơn nhiều thường được xem là của chính chúng ta đó là thời gian. Nhưng thời gian cũng thuộc về Đức Chúa Trời. Có thể lắm để tham lam thời gian mà Đức Chúa Trời không ban cho hay sử dụng thời gian được ủy thác cho chúng ta theo những cách mà Đức Chúa Trời không đẹp lòng.

Vì nhiều Cơ đốc nhân “tham lam thời gian” là một cám dỗ lớn nhất, không thỏa lòng với phân chia thời gian của mình, một tội mang tính hủy phá và gây thất vọng.

**Tham lam thời gian.** Hãy xem xét hai giả thuyết cơ bản với việc giải quyết thành công vấn đề tham lam thời gian. Trước nhất là sự tin chắc rằng Đức Chúa Trời có một kế hoạch cho mỗi cuộc đời đối với Ngài (xin xem chương 10) và rằng Ngài có thời gian cần thiết để hoàn tất mọi điều Ngài mong đợi tôi thực hiện theo kế hoạch của Ngài.

Giả thuyết thứ hai đó là nếu 168 giờ mỗi một tuần có vẻ không đủ, thì hoặc là tôi đã lỡ mất ý muốn của Đức Chúa Trời cho cuộc đời mình (tôi đang làm điều gì đó những không hề có dự tính), hoặc tôi đang làm vô ích. Có một phân đoạn Kinh Thánh rất hay liên quan đến giả thiết cơ bản này: “Mắt Chúa đã thấy thể chất vô hình của tôi; Số các ngày định cho tôi, Đã biên vào sổ Chúa trước khi chưa có một ngày trong các ngày ấy” (Thi thiên 139:16).

Những sách Phúc Âm thường nói đến “giờ” chưa có đến. “Giờ ta chưa đến.” Chúng ta có thể nói trong tiếng ngôn ngữ hiện đại, “Chưa đúng thời điểm” hay “chưa phải lúc”

Diễn giả của sách Truyền Đạo nói đến nguyên tắc này: “Phàm sự gì có thì tiết; mọi việc dưới trời có kỳ định: <sup>2</sup> Có kỳ sanh ra, và có kỳ chết; có kỳ trồng, và có kỳ nhổ vật đã trồng.” Và phân đoạn đợm chất thơ ca này kết thúc với một từ rất tuyệt vời: “Phàm vật Đức Chúa Trời đã làm nên đều là tốt lành trong thì nó” (Truyền đạo 3:11). Mọi thứ đều tốt đẹp khi nó đi theo kế hoạch của nó. Đức Chúa Trời đã thiết lập kế hoạch mọi thứ và đi theo kế hoạch của Đức Chúa Trời, thật sự mọi thứ là tốt đẹp.

Nhưng có một vấn đề được nói đến trong cùng một câu: “Lại, Ngài khiến cho sự đời đời ở nơi lòng loài người.” Đây chính là cốt lõi của vấn đề. Quả là điều đẹp đẽ để hoàn thành mục đích của Đức Chúa Trời mỗi giây phút, mỗi ngày trôi qua. Nhưng chúng ta có tính đời đời trong lòng mình. Chúng ta muốn làm nhiều điều hơn nữa—sự vô tận của muôn vật. Nhưng chúng ta được truyền dạy không lo lắng ngay cả về ngày mai. Hơn nữa, Đấng Christ phán dạy chúng ta rằng thật là khờ dại để lo lắng bởi vì “Có ai trong vòng các người lo lắng mà làm cho đời mình được dài thêm một khắc không?” (Ma-thi-ơ 6:27). Có ai trong anh em, bởi sự cố gắng điên cuồng, bởi sự lo lắng và bận tâm, có thể thêm một giờ cho 168 giờ mà đã được phân định cho tuần này chăng?

Giải pháp là gì? Có những đề nghị thực tiễn có thể giúp ích, nhưng trước nhất, chúng ta phải hiểu rằng chúng ta sẽ không bao giờ giải quyết vấn đề này nếu chúng ta không có đức tin “ai tin cậy sẽ không hốt hoảng” (Ê-sai 28:16). Vậy nên đây là vấn đề của đức tin. Chúng ta phải có sự tin cậy nơi Đức Chúa Trời rằng Ngài có một chương trình, rằng Ngài sẽ làm trọn chương trình đó, và rằng Ngài sẽ ban cho chúng ta tất cả mọi nguồn cần thiết để làm trọn kế hoạch đó, bao gồm có nguồn thời gian tương ứng.

Thường có vẻ dường như không có đủ thời gian. Tôi phải làm điều gì đó mà Ngài không hoạch định trước cho tôi làm hay tôi phải làm điều đó theo cách sai trật. Xin được đưa ra ba



bước thực tiễn giúp một người chọn theo tiêu chuẩn Đức Chúa Trời và cách để đạt đến điều đó: thiết lập những sự ưu tiên, suy xét tính thiếu hiệu quả, bắt đầu từ dưới lên và cắt bỏ.

Trong việc liệt kê những sự ưu tiên, có một vài trách nhiệm mà Kinh Thánh đòi hỏi chúng ta, chẳng hạn: sự tương giao với Đức Chúa Trời (cá nhân và nhóm), duy trì đời sống thể chất, chăm sóc những người phụ thuộc cá nhân, chức vụ Hội thánh, và những trách nhiệm hướng nghiệp. Dù thật cần thiết chúng ta có thể dành nhiều thời gian hơn để làm trọn bổn phận của chúng ta trong mọi lãnh vực này, những điều thiết yếu này đòi hỏi chúng ta nỗ lực chúng ta có thể trong cậy nơi Đức Chúa Trời để Ngài giúp sức để chúng ta thực thi điều này trong vòng hai mươi bốn giờ mỗi ngày. Trong việc liệt kê mọi điều chúng ta *phải* làm, mọi điều chúng ta *muốn* làm, và mọi điều *người khác* yêu cầu chúng ta làm, chúng ta cần sắp xếp chúng theo thứ tự ưu tiên y theo mạng lệnh Kinh Thánh.

Bước kế tiếp là xem xét tính không hiệu quả. Chẳng hạn, chúng ta có thể kết hợp những trách nhiệm này thành một hành vi đơn lẻ không? Người dành thời gian quan trọng cho sự giải trí chính mình và sau đó tìm kiếm thêm thời gian dành cho vợ mình có thể xem là kết hợp cả hai. Hay thời gian tập thể dục và thời gian dành cho con cái có thể kết hợp, sở thích người ấy với chức vụ trong Hội thánh. Đương nhiên, người ấy có thể cần thay đổi với việc tập thể dục giải trí hay sở thích, nhưng có vẻ điều đó là nan đề nếu người ấy nghiêm túc tập chú nguồn thời gian giới hạn của mình và những trách nhiệm quan trọng nhất. Mọi hành vi nên được suy xét với những cách nhằm tiết kiệm về thời gian và vẫn làm tròn công việc. Vợ tôi tâm đắc câu châm ngôn, “nếu đó là điều đáng phải làm, thì cũng đáng để làm thật tốt.” Cô ấy đã nhấn mạnh và hoàn thành những điều quan trọng trong cuộc đời mình rằng hai hay ba những bài học thông thường có thể hy vọng thực hiện.

Sau khi xem xét và sắp xếp về mức độ hiệu quả nếu có thể, nếu như tôi vẫn muốn rút ngắn hơn, tôi phải bắt đầu từ dưới lên trong danh sách ưu tiên và cắt bỏ. Trước nhất, hãy xem xét mỗi hành vi đòi hỏi để đảm bảo rằng tôi không dành nhiều thời gian cho nó hơn mức Đức Chúa Trời đòi hỏi: giải trí, công việc, Hội thánh. Chẳng hạn, liệu những thời gian dài cho công việc là điều cần thiết để làm xong những trách nhiệm của tôi cách thành công và cung cấp những điều cần yếu cơ bản, hay phải chăng tôi làm việc lâu hơn điều tôi nên để có một mức sống cao hơn hay đạt đến những tham vọng mà Đức Chúa Trời không bao giờ hoạch tính?

Sau khi cắt bớt những gì tôi *phải* làm theo ý muốn Đức Chúa Trời, nguồn duy nhất bây giờ là bắt đầu từ dưới lên trong danh sách ưu tiên của tôi và cắt bớt cho đến khi tôi không còn tham lam thời gian mà Đức Chúa Trời không bao giờ ban cho.

Chúng ta phải xem xét chi tiết ở những vấn đề thời gian tương ứng bởi vì điều này có vẻ là lý do của những căng thẳng bất thường của nhiều cuộc đời. Dù thực tế rằng xã hội của chúng ta đã cung cấp nhiều thời gian rỗi so với trước đây trong lịch sử, chúng ta bị cám dỗ không thỏa lòng, sự vi phạm rõ ràng về điều răn thứ mười. Giờ đây chúng ta hãy xem xét phương thuốc cho sự tham lam: sự thỏa lòng.

## SỰ THỎA LÒNG

Vì tôi đã tập hề gặp cảnh ngộ nào, cũng thỏa lòng ở vậy. Tôi biết chịu nghèo hèn, cũng biết được dư dật. Trong mọi sự và mọi nơi, tôi đã tập cả, dầu no hay đói, dầu dư hay thiếu cũng được. Tôi làm được mọi sự nhờ Đấng ban thêm sức cho tôi. (Phi-líp 4:11-13).

Và, sự tin kính cùng sự thỏa lòng, ấy là một lợi lớn. Vì chúng ta ra đời chẳng hề đem gì theo, chúng ta qua đời cũng chẳng đem gì đi được. Như vậy, miễn là đủ ăn đủ mặc thì phải thỏa lòng; còn như kẻ muốn nên giàu có, ắt sa vào sự cám dỗ, mắc bẫy dò, ngã trong nhiều sự tham muốn vô lý thiệt hại kia, là sự làm đắm người ta vào sự hủy diệt hư mất. Bởi chưng sự tham tiền bạc là cội rễ mọi điều ác, có kẻ vì đeo đuổi nó mà bội đạo, chuốc lấy nhiều điều đau đớn (1 Ti-mô-thê 6:6-10).

Chớ tham tiền; hãy lấy điều mình có làm đủ rồi, vì chính Đức Chúa Trời có phán rằng: “Ta sẽ chẳng lia người đâu, chẳng bỏ người đâu” (Hê-bơ-rơ 13:5).

Đừng vì sự sống mình mà lo đồ ăn uống; cũng đừng vì thân thể mình mà lo đồ mặc... Vì mọi điều đó, các dân ngoại vẫn thường tìm, và Cha các người ở trên trời vốn biết các người cần dùng những điều đó rồi. Nhưng trước hết, hãy tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài, thì Ngài sẽ cho thêm các người mọi điều ấy nữa. Vậy, chớ lo lắng chi về ngày mai; vì ngày mai sẽ lo về việc ngày mai. Sự khó nhọc ngày nào đủ cho ngày ấy (Ma-thi-ơ 6:24-35).

Thật quan trọng để nhận biết sự khác biệt giữa việc bất mãn với việc không hài lòng. Bất mãn là bày tỏ sự vô tín và vô ơn, đây là một trọng tội mang tính hủy phá nhất của mọi tội (Rô-ma 1:21). Sự thỏa lòng là điều kiện tuyệt vời và hữu ích. Nói cách khác, người tin kính không bao giờ thỏa mãn với nguyên trạng trong ý nghĩa nào đó. Chừng nào chúng ta hụt mất tất cả sự đầy trọn của Đức Chúa Trời, thì chúng ta sẽ đấu tranh vì mục tiêu. Ngay cả với những điều vật chất, Cơ đốc nhân có thể làm việc hết mình để chứng tỏ chỗ đứng của mình, nhưng phải luôn bằng thỏa lòng với điều đó.

Sự tham lam là căn bệnh ung thư hủy diệt kẻ tham lam. Chưa kiểm chứng, nhưng tham lam cũng hủy hoại người khác nữa. Phương thuốc là thái độ biết ơn và sự tin cậy. Có một phòng nhỏ cho sự tham lam trong tấm lòng mà tuôn ra với lòng biết ơn về mọi điều Đức Chúa Trời ban cho và trong sự tin cậy rằng Đức Chúa Trời giữ lời Ngài hứa. Sự tin cậy như

thể không phải là nỗi lo sợ rằng những nguồn lực của cuộc sống sẽ chứng minh sự không thỏa đáng, nhưng là sự tin rằng Đức Chúa Trời không hề lừa dối và rằng Ngài sẽ làm trọn những lời hứa của Ngài để đáp ứng mọi nhu cầu.

## SỰ KIÊU NGẠO VÀ SỰ KHIÊM NHƯỜNG

Theo phân loại chính sự kiêu ngạo như là tội gốc rễ. Hoặc nhà tiên tri đã nói chỉ cho vị vua gian ác Ba-bi-lôn hay ông cũng nói muốn nói đến kẻ thù người có quyền kiểm soát vị vua đó, sự miêu tả về bản chất và kết cục của sự kiêu ngạo là điều không thể so sánh trong văn chương loài người.

Hỡi sao mai, con trai của sáng sớm kia, sao ngươi từ trời sa xuống! Hỡi kẻ giày đạp các nước kia, ngươi bị chặt xuống đất là thế nào! Ngươi vẫn bụng bảo dạ rằng: Ta sẽ lên trời, sẽ nhắc ngài ta lên trên các ngôi sao Đức Chúa Trời. Ta sẽ ngồi trên núi hội về cuối cùng phương bắc. Ta sẽ lên trên cao những đám mây, làm ra mình bằng Đấng Rất Cao. Nhưng ngươi phải xuống nơi Âm phủ, sa vào nơi vực thẳm! (Ê-sai 14:12-15)

Hãy lưu ý rằng bản chất của sự kiêu ngạo là một quan điểm bị bóp méo về cái tôi, dẫn đến sự tự tin tùy tiện, lần lượt, đưa bản thể lệ thuộc đến một nỗ lực tai hại ở sự độc lập.

## SỰ KIÊU NGẠO LÀ GÌ?

Có phải là tội không, khi kiêu hãnh về quốc gia mình hay gia đình mình? Có phải là tội không, khi hãnh diện về Đức Chúa Trời của mình? Điều gì của bản thân khiến có những phản ứng về sự tủi thẹn khi một người không đạt đến những tiêu chuẩn do mình đặt ra?

Một trong mười từ gốc khác biệt trong tiếng Hê-bơ-rơ của khái niệm về sự kiêu ngạo, hầu như tất cả đều có ý chỉ về chiều cao, đề cao, nhận thức cao, cao thượng, trong khi đó phần nhiều của mười hai từ gốc chỉ về sự khiêm nhường và hai mươi từ gốc chỉ về sự làm nhục có ý cơ bản chỉ về vũng nước bẩn, cúi xuống, hạ xuống, làm nhục, đánh bại. Một nghĩa gốc khác về một sự từ chỉ về sự kiêu ngạo là tự mãn, tự đắc, vênh váo; những nghĩa khác nữa là nói rộng, làm cho rộng. Cựu Ước không chỉ dùng những từ vựng phong phú một cách kinh ngạc, Cựu ước còn có hàng trăm từ liên quan về nghĩa gốc nói về sự kiêu ngạo và sự khiêm nhường vì thế hai khái niệm này là dễ hiểu.

Trong Tân Ước, những khái niệm về sự kiêu ngạo và khiêm nhường bắt nguồn từ những khái niệm Cựu Ước, chứ không bắt nguồn từ quan điểm Hy-lạp đương thời mà đề cao tính tự mãn, tầng lớp quý tộc quyền quý và coi khinh người khiêm nhường. Trong việc sử dụng những từ Hy-lạp, tác giả Tân Ước đã thêm vào những từ miêu tả để làm rõ nghĩa hơn. Họ không chỉ nói đến tâm hồn cao thượng nhưng còn nói về hào quang rỗng tuếch hay trống

rõng; xuất hiện như thể cao trọng hơn người khác; suy nghĩ nhiều về cái tôi một cách tự mãn hay không mục đích; tự cao tự đại.

Ý nghĩa cơ bản thật rõ ràng: Sự kiêu ngạo rất xấu xa giống như chất cồn hay ma túy—tác nhân tiềm ẩn có quan điểm bị bóp méo về thực tại. Người cố gắng tạo ấn tượng với người khác bằng sự nhìn nhận bị thổi phồng, và thậm chí còn nguy hại hơn, chính người ấy bắt đầu tin vào điều đó (Ga-la-ti 6:3). Khi sự tự tin được gia tăng, và một người tự nhận mình độc lập và cần phải tự lập. Người ấy khởi sự hành động như thể mình có thể có toàn quyền quyết định đặc thù cuộc sống (I Giăng 2:15-17) hay quyết định chính tương lai của mình (Gia-cơ 4:15-16). Kinh Thánh dạy rằng sự tự tin là sự sai lầm tai hại trong sự bất khiết (Thi thiên 52:1; 74:4; 94:3). Không mấy ngạc nhiên khi sự kiêu ngạo đi trước sự sa ngã và tánh tự cao đưa tới sự hủy phá (Chăm ngôn 16:18). Không mấy ngạc nhiên khi Kinh Thánh nói nhiều về sự định tội đối với kẻ kiêu ngạo và ca ngợi sự khiêm nhường và nương cậy nơi Đức Chúa Trời.

Tóm lại sự kiêu ngạo là đề cao giá trị của cái tôi lớn hơn cái tôi vốn có. Thương gia là người dựa vào đồn lũy vững chắc về sự giàu có của mình, giáo sư đại học là người tin vào những lý luận độc lập của mình, nhà khoa học là người cao ngạo gạt bỏ mọi thức tế vượt xa tự quy luật tự nhiên, nữ hoàng sắc đẹp là người coi vẻ đẹp của mình là nhất, vận động viên tán tụng chính mình về sức mạnh và kỹ năng thể chất—tất cả đang nương dựa vào những thứ chỉ toàn ảo ảnh. Những diễn giả là người tin vào sự ca tụng, sự tán phục của mình chông chát trên chính mình hay những vị thánh coi mình hoàn toàn thánh khiết.

Nếu bản chất của sự kiêu ngạo xấu xa bị bóp méo, là sự dối trá, lúc đó cảm giác thích thú về một số sự ưu tú thật có thể không phải là sự kiêu ngạo tội lỗi. Chắc chắn tự hào về Đức Chúa Trời đơn giản là cách khác để bày tỏ lòng biết ơn và sự chúc tụng. Một người cũng có vui vẻ trong thực tại phước hạnh khác, giống như con cái hay cha mẹ mình (Chăm ngôn 16:31; 17:6). Phao lô thương khoe khoan về nhiều điều, nhưng tất cả đều bởi ân điển của Đức Chúa Trời (I Cô-rinh-tô 3:5tt.; 4:7; 15:10; Ga-la-ti 6:13).

## NHỮNG LÃNH VỰC CỦA SỰ KIÊU NGẠO

Sự kiêu ngạo có thể là sự tự tin hoàn toàn vào bản ngã—mọi khía cạnh của chính con người luôn hài lòng cho người ấy. Nhưng thường thì đối tượng của sự kiêu ngạo tập trung vào một số lĩnh vực cụ thể.

**Kiêu ngạo về địa vị.** Người Pha-ri-si yêu thích những địa vị nổi trội và những chức danh đích thực (Ma-thi-ơ 23:6tt). Sự tranh dành vị trí nổi trội, kiểm soát quyền hạn, thậm chí tranh

dành cách đáng khinh những chức danh là điều vô cùng giới hạn với những “người đóng kịch” tôn giáo cổ xưa. Và cảm dỗ với người coi sóc bầy của Đức Chúa Trời là sự kiêu ngạo về địa vị, mà lãnh đạo Hội thánh phải liên tục bỏ khỏi suy nghĩ mình (I Phi-e-rơ 5:3).

**Kiêu ngạo về khả năng và thành tích.** Phao lô nói đến sự tranh cãi về khả năng mà một số người phải nói tốt trước công chúng (I Cô-rinh-tô 2:1-3), khả năng rõ ràng mình thiếu kém. Thật dễ cảm dỗ để nhận mọi vinh danh vì mọi khả năng có được, ngay cả với khả năng để cầu nguyện cách hùng hồn! Tuy nhiên, chúng ta có gì nếu chúng ta đã không nhận? (I Cô-rinh-tô 4:7).

**Sự kiêu ngạo về những tài sản.** Điều này thật ngu xuẩn bởi vì có được điều tài sản chỉ là những điều nhỏ bé nhất của những thành tựu loài người và quá nhỏ để có thể lấp đầy tâm lòng con người, không nói đến nguồn kiêu ngạo ấy quá ngắn ngủi và không đáng tin cậy là đường nào (Giê-rê-mi 48:7). Những tài sản cho chúng ta biết rằng đây là kiêu ngạo hơn cả sự tính tham lam đã lèo lái những người Mỹ tìm kiếm không mệt mỏi của cải vật chất. “Hãy răn bảo kẻ giàu ở thế gian này đừng kiêu ngạo” (1 Ti-mô-thê 6:17).

**Kiêu ngạo về sự hiểu biết.** Đây là điều đã đánh gục tổ phụ đầu tiên của chúng ta. Có lẽ hơn bất cứ điều gì khác, kiến thức “sanh kiêu căng” (I Cô-rinh-tô 8:1). “Chớ ai tự dối mình: Nếu có ai trong vòng anh em tưởng mình khôn ngoan theo cách đời này, hãy trở nên dại dột, để được nên khôn ngoan” (I Cô-rinh-tô 3:18). Đây đã vấn đề lớn đầu tiên tại Hội thánh Cô-rinh-tô, và Phao lô đã dành ba chương đầu trong bức thư đầu tiên của mình để bàn về chủ đề này gửi cho họ.

Charles Malik một trong những nhà tư tưởng lớn của thế kỷ hai mươi, trong lời phê bình tiêu cực về tính khí hiện đại đã vạch ra vấn đề cơ bản này:

Càng nghiêm trọng hơn về những gì xảy ra với chính nhà khoa học... Trước nhất điều tôi gọi là sự kiêu ngạo về trí hiểu và quyền lực. Đây là khuyết điểm tinh tế nhất. Bởi vì nhà khoa học kiểm soát chủ đề của mình, họ như tự cảm nhận rằng mình là một vị thần. Con người nói về sự khiêm nhường của các nhà khoa học; thực vậy tôi tìm thấy rất ít tính khiêm nhường giữa vòng các nhà khoa học. Thật ra, họ có hiểu biết nhưng những gì họ không biết không chỉ là vấn đề lớn nhưng còn quan trọng hơn cả những gì họ học biết. Những nhà khoa học không nổi tiếng vì sự yêu thương hay hy sinh vì người khác... Họ lừng danh với những sự tranh đua và lòng ghen tị mình, và nổi tiếng với việc đảm bảo rằng những ý tưởng và khám phá của họ không bị người khác ăn cắp nhưng độc

quyền chỉ thuộc về họ... Nếu chúng ta phải mô tả tinh thần của cộng đồng khoa học, chúng ta sẽ nói rằng trong bản phân tích cuối cùng đó là sự đam mê về sự hiểu biết với ý định trở nên quyền lực.<sup>8</sup>

Đáp lại thái độ này, Đức Chúa Trời phán rằng:

Sự khôn ngoan thông biết của người đã phỉnh dỗ người, và người tự nói trong lòng rằng: “Ta đây, ngoài ta chẳng còn ai.” (Ê-sai 47:10)

Người khôn chớ khoe sự khôn mình; người mạnh chớ khoe sự mạnh mình; người giàu chớ khoe sự giàu mình; Nhưng kẻ nào khoe, hãy khoe về trí khôn mình biết ta là Đức Giê-hô-va, là Đấng làm ra sự thương xót, chánh trực, và công bình trên đất. (Giê-rê-mi 9:23-24)

**Sự kiêu ngạo về tri thức thuộc linh.** Bởi vì thật nguy hại để phán xét chính người xứng đáng ca ngợi về sự tin kính, những ý kiến như thế phải chôn giấu. Đặc biệt khi so sánh với người khác, những cảm nhận rằng chúng ta đạt được thường được che đậy ngay cả với chính mình. Nhưng nó được lồng vào lời chứng cách khéo léo những mảnh khóe để bày tỏ cho người khác chúng ta thánh thiện thế nào, thậm chí chúng ta khiêm nhường ra sao. Ngay cả những lời cầu nguyện phần nhiều vì có ích lợi cho những người đang hiệp lòng hơn là cho chính Đức Chúa Trời mà chúng ta hướng tới. Sự phán xét khắc khe và sự phê bình bằng lời với người khác về thuộc linh có thể lộ ra bản tự đánh giá rỗng tếch: “Chúng ta đưa vấn đề này để cầu nguyện— anh và tôi vượt trên những thất bại như thế -- hầu cho người chị em của chúng ta có thể thấy sai lầm trong những cách cô ấy.”

Những lãnh vực cảm dỗ về sự kiêu ngạo có vẻ không hồi kết: kiêu ngạo về tương mạo, kiêu ngạo về hạng người hay dòng giống, kiêu ngạo về xuất thân gia đình. Nhưng bất kể đối tượng của sự kiêu ngạo là gì, Đức Chúa Trời đáp rằng, “lòng kiêu ngạo là tội lỗi.”

## NHỮNG HÌNH THỂ CỦA SỰ KIÊU NGẠO

Một vài hình thể của sự kiêu ngạo rất dễ dàng thấy, những hình thể khác thì quá tinh vi như hoàn toàn không thể phát hiện. Hãy xem xét những mức độ thấy được trong hình thể mà sự kiêu ngạo phô bày.

**Khoe khoang.** bằng chứng rõ ràng nhất về sự kiêu ngạo là sự khoe khoang cách lộ liễu. Người khoe khoang khoác lác bị lên án trong Kinh Thánh đến nỗi một số Cơ đốc nhân thành thật bị mất cảm về sự khoe khoang.

---

<sup>8</sup>Charles Malik, *A Christian Critique of the University* (Downers Grove, Ill.: Inter Varsity Press, 1982), 42,50.

**Tìm kiếm sự khen ngợi.** Mỗi chúng ta theo bản chất tự nhiên có khuynh hướng làm việc chăm chỉ ở những “môi quan hệ công chúng” hầu cho thời tuổi thơ “hãy xem tôi!” phải nhường bộ với những cách tạo sự quan tâm chú ý một cách văn minh và tinh vi hơn. Chúng ta có thể từ khước không để quý danh của mình công bố trên những món quà có lời ghi chú mình, nhưng không dễ làm như Đấng Christ đã dạy và tặng cách hoàn toàn thâm lặng.

Một cách khác để tìm kiếm sự công nhận về sự nổi trội của chính mình là so sánh mình hay cách thể hiện cá nhân mình với với người khác, với ý nghĩ rằng điều này sẽ làm cho tôi trở nên tỏa sáng hơn. Tôi sẽ lộ ra nhiều điều tốt hơn khi so sánh mình với Chúa Jesus! Những Đức Chúa Trời phán rằng đây là điều dại dột:

Thật chúng tôi không dám bằng vai hoặc sánh mình với những người kia, là kẻ hay tự phô mình. Nhưng lấy mình đo mình, lấy mình so sánh với mình, thì họ tỏ ra ít trí khôn.. Vì ấy chẳng phải là kẻ tự phô mình đáng được ung chịu, bèn là kẻ mà Chúa gọi găm (II Cô-rinh-tô 10:12,18).

**Đón nhận sự tôn kính.** Hải lòng với lời khen tặng xứng đáng có thể không chứng tỏ tính kiêu ngạo, nhưng cho phép những người khác quảng bá những sự ưu việc của một người có thể là một sự bộc lộ của sự kiêu ngạo. Trong thời kỳ của quảng bá và những người nổi tiếng từ thành quả của quan hệ quần chúng or lăng-xê (PR), thật khó để đón nhận danh hiệu từ người khác một cách ân cần mà không quảng bá một hình ảnh về sự ưu việc có thể không làm lu mờ sự tôn kính xứng đáng dành Đấng Cứu Thế. Khước từ sự tôn kính từ người khác dành tặng phải được thực hiện trong một cách mà không từ chối họ. Ân cần đón nhận những cử chỉ giao tiếp nhưng đừng bao giờ cho phép người có thể kiểm soát để liên tục quảng bá sự cao trọng của một người nào.

**Tự tin.** Một bằng chứng ít thấy của sự kiêu ngạo là sự tự tin và kết quả của tinh thần độc lập. Tại sao lại qua khó để xin lỗi, để tìm sự tha thứ? Tại sao chúng ta ương ngạnh, khăng khăng theo cách của riêng mình? Tại sao quá giáo điều? tự vệ? Tại sao con người chọn cách riêng mình thay vì cách của Đức Chúa Trời? Tất cả mọi đáp ứng này là bằng chứng lộ chân tướng của một tấm lòng tự cao, cứng cỏi và dễ cáu, vẫn nương dựa vào nguồn năng lực chính mình, không sẵn sàng để tuyên bố sự khánh kiệt và liên tục đón nhận sự lượng định của Đức Chúa Trời và luôn nương nhờ nguồn năng lực của Ngài.

**Sự kiêu ngạo vô hình.** Những hình dạng khác về sự kiêu ngạo có thể không giống như sự kiêu ngạo. Coi thường người khác thường là cách nỗ lực để tự đề cao chính mình bởi sự so

sánh. Một thái độ gây tranh cãi hay thiện ý để tự ái bị xúc phạm thường là căn nguyên của sự kiêu ngạo. “Tại sao tôi đã không được mời (hay bầu chọn, hay công nhận)? Chắc chắn rằng tôi cũng tốt như *người* đó (mà *đã* được mời, bầu chọn, công nhận).”

**Sự kiêu ngạo trá hình bằng sự khiêm nhường.** Một người với nhận thức bản thân khiêm tốn coi nhẹ chính mình chắc chắn tâm hồn nhút nhát là một người “khiêm nhường” đích thực. Không phổ biến. Sợ để cố gắng làm điều gì đó có thể là nguyên nhân xuất phát từ sự kiêu ngạo—không sẵn sàng để người khác thấy yếu điểm mình, sợ bị xem là thất bại. Sợ chính mình bị coi thường có thể cố gắng hạ gục người khác. Điều đó có thể làm nhẹ đòn đánh hay thậm chí có thể bòn mót sự nổi tiếng từ người khác. Sự tự thân thường xuất phát từ kiêu ngạo, đau lòng vì người khác đã không nhìn mình vì thật sự mình là người thế nào.

Samuel Shoemaker đã diễn đạt theo cách này: “Bạn có thể sẽ không bao giờ có sự khiêm nhường đích thực trong khi bạn lo lắng với chính mình, và phức cảm tự ti (*inferiority complex*) là tình trạng tự cho mình là trung tâm rõ nhất của tâm trí trong thế giới này.”<sup>9</sup> Thế thì, làm thế nào vấn đề về tự nhận thức bản thân liên hệ với sự kiêu ngạo và khiêm nhường?

## TỰ NHẬN THỨC BẢN THÂN

Hai con đường để đạt đến thành công trong đời sống Cơ đốc nhân được phát họa bởi người phát ngôn dẫn đầu—hai con đường có vẻ chạy theo hướng trái ngược nhau. Những tiếng nói chủ đạo nửa cuối thế kỷ hai mươi nói cho chúng ta: “Sự tự nhận thức bản thân mạnh mẽ không thể thiếu của đời sống Cơ đốc thành công; sự tự nhận thức bản thân nghèo nàn là nguyên do lớn nhất của sự thất bại giữa vòng các Cơ đốc nhân.” Một lối nghĩ khác chi phối trong những năm trước, nhưng ngày nay có thể hiểu được lời tuyên ngôn hay danh sách bán chạy nhất: “Tôi đã bị đóng đinh vào thập tự giá với Đấng Christ ...tôi sống không phải tôi sống nữa...tôi chẳng ra gì...nếu ai không ghét bỏ chính mình, thì người ấy không phải là môn đồ của Đấng Christ.” Làm thế nào chúng ta dung hòa sự nhấn mạnh hiện thời về cảm nghĩ giá trị và quan trọng với lời những sự dạy dỗ về sự khiêm nhường theo Kinh Thánh?

Tôi đang ngồi trong phòng của bệnh viện, chờ đợi vợ tôi đang được phẫu thuật trong phòng. Đó là buổi sáng Chúa Nhật, và tôi bấm tìm lời khích lệ trên ti-vi. “giải pháp là không nhìn vào nan đề,” vị diễn giả nổi tiếng đã giảng như thế, nhưng “hãy nhìn vào...” Vị diễn giả dừng lại và đưa tay và hướng mắt lên trời và kết luận, “những triển vọng!” tôi đã nghĩ về những hy vọng mà chuyên viên gây mê có thể đã mắc phải. Vị diễn giả tiếp tục khích lệ tôi:

---

<sup>9</sup>Samuel Shoemaker, “The Nature of Humility,” *Christian Today*, 6 December 1963,14.



“điều tôi muốn giúp bạn để vượt qua là cần có đức tin nơi...chính bạn!” tôi thật sự đã không tìm thấy sự an ủi nhiều với ý nghĩ đó trong khoảng một giờ rưỡi phẫu thuật của vợ mình giờ đây dài như ba tiếng đồng hồ. Tuy nhiên, tôi phải thừa nhận sự cuốn hút uy lực và sự mê hoặc mạnh mẽ với những gì tôi đã học về “suy nghĩ tích cực.” Nhiều người đang nỗ lực tìm kiếm những công việc hơn bất cứ lúc nào từ sau Thời Kỳ Suy Thoái Kinh Tế Toàn Cầu (Great Depression). Vậy “Thời kỳ cùng khổ không kéo dài mãi, nhưng người không chịu khuất phục thì luôn có mãi” là một giai điệu không dứt xuất hiện vào buổi sáng đó. “Hãy tin thì bạn sẽ đạt được điều mình tin!” Thật ra, “chẳng có gì là không thể trừ phi...” Tôi đang đợi chờ một câu trích dẫn Kinh Thánh, nhưng vị diễn giả kết luận, “trừ phi bạn có những ý nghĩ tiêu cực.” Có những câu khẩu hiệu khác nhằm mục đích xây dựng một nhận thức tốt về bản thân: “Cần quyết tâm sẽ quăng xa những lối mòn.” “Tôi nghĩ mình thế nào tôi sẽ là người thế ấy.”<sup>10</sup> Tôi chắc rằng điều này sẽ có thể là liệu pháp trị liệu vật lý quan trọng ở dưới những hoàn cảnh khác, nhưng không phải trong phòng bệnh viện, đợi chờ với nỗi lo lắng gia tăng. Liệu tôi có thể nhận sự giúp đỡ lớn hơn từ những thông điệp xa xưa hơn?

Đây là sự hiểu biết cao quý nhất và ích lợi nhất, chính sự hiểu biết và khinh miệt bản thân con người. Vì con người chẳng khai trình gì với chính mình nhưng luôn suy nghĩ tốt và coi trọng người khác là sự khôn ngoan và sự hoàn thiện tuyệt hảo.<sup>11</sup>

Trong ánh sáng của Đức Chúa Trời, sự khiêm nhường thật có được khi chúng ta nhìn chính mình chẳng ra gì, đồng một lòng và quăng xa bản ngã, hãy để Đức Chúa Trời là tất cả. Tâm hồn nào làm thế, thì có thể nói rằng, “Vây đã tự bỏ mình khi tìm gặp Ngài,” không còn so sánh cái tôi với người khác. Tôi đã từ bỏ mãi mãi mọi ý nghĩ về cái tôi trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời; sẽ gặp những bạn hữu là người chẳng là gì, và chẳng tìm điều gì cho bản ngã; người đó là tôi tớ của Đức Chúa Trời và vì cố Ngài là tôi tớ của tất cả.<sup>12</sup>

Sự kiêu ngạo sai trật là suy nghĩ về cái tôi cao quý hơn điều tôi phải nghĩ (Rô-ma 12:3). Phao lô đã chỉ cho chúng ta cách nghĩ chính mình: một cách sáng suốt, khách quan, thành thật. “Đừng coi trọng những ý nghĩ cường điệu về chính mình hay tầm quan trọng của mình, nhưng hãy cố đánh giá đúng khả năng của mình” (Philips). Vậy một “nhận thức tốt về bản thân” là một nhận thức thật về bản thân, một ý niệm dựa trên thực tại. Một sự đánh giá đúng là những gì sự khiêm nhường thật đòi hỏi. “Mỗi người phải thử xét việc làm của mình, thì sự khoe mình chỉ tại mình thôi, chớ chẳng phải tại kẻ khác” (Ga-la-ti 6:4).

Nếu như tôi là tay dương cầm xuất sắc nhất trong hội chúng, thì một phần của sự khiêm nhường tin kính không phải tỏ ra như thể tôi không phải là tay dương cầm giỏi. Thực

<sup>10</sup>Robert Schuller, *Hour of Power* broadcast, 17 October 1982.

<sup>11</sup>Thomas à Kempis, *The Imitation of Christ* (New York: Dotton, 1910), 4.

<sup>12</sup>Andrew Murray, *Humility* (London: Nisbet, n.d.), 47.

tế mà sự khiêm nhường đòi hỏi không thể thánh hóa một sự lừa phỉnh có chủ đích, hoặc với cái tôi hay người khác. Nói một cách khác, khăng khăng đạt đến điều mình đáng phải có, khăng khăng nhận lấy “điều mình đáng được” có thể là nguy hiểm.

Mức độ sâu xa hơn về việc đánh giá cách chính xác những kỹ năng hay thành quả của một người là một sự lượng định cơ bản về bản ngã, “cái tôi” cần thiết. Tôi là ai? Giá trị của tôi là gì? Kinh Thánh đưa ra hai bằng chứng cơ bản cần phải giữ ở mức quân bình, hoặc nhấn mạnh cái này hay cái kia, chúng ta rơi vào một quan điểm bị bóp méo về cái tôi và cuộc sống và sống như thế nào. Tôi tin rằng nhiều nhà diễn thuyết cho quan điểm cũ xưa về bản ngã và một số cho quan điểm tân tiến hơn đã mắc phải lỗi lầm theo cách này—tập chú vào một lẽ thật và sao lãng lẽ thật bổ sung, chúng có thể làm cho chúng ta chệch hướng.

Cả hai thái cực là một sự bóp méo về thực tế và như thế cả hai đều tiêu cực. Một nhà tâm lý học hay một cuộc vận động chớp nhoáng truyền thông đại chúng cách mạnh mẽ có thể thuyết phục tôi rằng tôi quan trọng, có khả năng, cũng tài giỏi như người kế cạnh. Nhưng khi tôi rời văn phòng, lớp học, hay Ti-vi và đối diện với thực tế hoàn cảnh của tôi và những quan điểm về người khác, điều gì xảy ra khi họ không tương xứng với nhận thực mới đang tỏa sáng của tôi về bản thân? Nói cách khác, nếu tôi đọc xong cuốn sách hay sau buổi thờ phượng thuyết phục rằng tôi thật sự là con số không to tướng và càng sớm nhận biết và sống như thế, thì tôi càng trở nên tốt hơn, Đức Chúa Trời nhận được điều gì khi Ngài hành động trong tôi? Nói cách khác lẽ thật Kinh Thánh ban sức mạnh, sức mạnh của một nhận thức đúng về bản thân.

Phải chăng tác giả Thi thiên có một quan điểm đúng khi ông gọi chính mình là con trùng (Thi thiên 22:6)? Lời dạy dỗ kiên định của Đức Chúa Trời thích hợp như thế nào với chúng ta rằng chúng ta phải từ bỏ chính mình, thậm chí là ghét bỏ chính mình, nếu chúng ta là môn đồ của Ngài. Theo lời Kinh Thánh chúng ta được xem là tội nhân vô vọng và tuyệt vọng, không thể nỗ lực để đạt đến sự chấp nhận của một Đức Chúa Trời thánh khiết. Chúng ta quá bị hạn chế về thời gian và không gian, có một ích kiến thức tầm thường, mà tất cả nhân loại hợp lại không thể quy tụ đủ sự khôn ngoan và quyền lực để xứng đáng thậm chí một sự may mắn của một Đức Chúa Trời vô hạn. Vì thế việc Phao lô coi mình là một sứ đồ nhỏ nhất là điều hợp lý (I Cô-rinh-tô 15:9), người nhỏ nhất của tất cả người thánh (Ê-phê-sô 3:8), thậm chí là kẻ cầm đầu của những kẻ có tội (I Ti-mô-thê 1:15). Đây là một khía cạnh thực tế rằng con người phải nhận thấy rõ ràng nếu không nhận thức về bản thân mình sẽ bị bóp méo cách nguy hại.

Nói cách khác, Phao lô tự tin cách quả quyết. Ông thường khoe khoang (dù phần lớn là sự yếu đuối chính mình: Rô-ma 5:3; II Cô-rinh-tô 4:7-11; 10:8tt.; 11:23-30; 12). Nhưng dù

là trong thành công to lớn hay trong yếu đuối và thất bại, Phao lô thừa nhận đây là việc Đức Chúa Trời và Ngài đáng được tôn cao:

Vậy nên, người trông, kẻ tưới, đều không ra gì, song Đức Chúa Trời là Đấng làm cho lớn lên. Người trông, kẻ tưới, đều bằng nhau; ai nấy sẽ nhận phần thưởng tùy theo việc mình đã làm. (I Cô-rinh-tô 3:7-8)

Nhưng tôi nay là người thể nào, là nhờ ơn Đức Chúa Trời, và ơn Ngài ban cho tôi cũng không phải là uổng vậy. Trái lại, tôi đã làm nhiều việc hơn các người khác, nhưng nào phải tôi, bèn là ơn Đức Chúa Trời đã ở cùng tôi (I Cô-rinh-tô 15:10).

Ân điển của Đức Chúa Trời là gì? Trước nhất, chúng ta được tạo dựng theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời, không theo kiểu mẫu của động vật hay thiên sứ. Chắc chắn đây là nền tảng đủ cho một sự tin quyết và lòng biết ơn sâu xa. Cho dù người khác có đánh giá tôi thể nào đi nữa, Đức Chúa Trời đã chọn tôi trước khi Ngài khởi đầu công cuộc sáng tạo của Ngài (Ê-phê-sô 1:4), và Ngài đã đặt để tình yêu Ngài trong tôi cách vững chắc đến nỗi dù tôi từng là tội nhân phản loạn, Ngài đã ban chính Con Ngài thế chỗ cho tôi. Nếu như giá trị dựa trên cái giá đã trả, thì há tôi được mua bởi cái giá trị tốt hơn nào? Ngài thật quý giá trên tất cả, ban cho món quà ân điển vượt quá sự hiểu biết cho người hoàn toàn không xứng đáng. Nhưng cái giá đã được trả. Đó là những gì Đức Chúa Trời đã trả thay cho tôi, và giá trị vô hạn của tôi đã được thực hiện qua sự mua chuộc của Ngài.

Có một giá trị hơn thế. Đức Chúa Trời đã đến sống trong tôi, mang đến những món quà tuyệt vời của ân điển: giá trị cuộc sống giống Ngài và năng lực để hoàn thành những mục đích của Ngài trên thế gian. Khước từ những thành quả của Đức Chúa Trời không phải sự khiếm nhường nhưng là vô tín. Khước từ giá trị thật cuộc sống hay chức vụ nói chung là một sự do dự để thừa nhận đó là vì *ích lợi chính tôi*. Để công nhận điều đó cách đúng đắn là dâng sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời.

Với hai lẽ thật hài hòa về cái tôi trong tình trạng căng thẳng đối kháng, nhận thức đúng về bản thân xuất hiện trong chính con người tôi, hoàn toàn không đạt được, nhưng ân điển của Đức Chúa Trời tôi có thể có ý nghĩa theo ý muốn Ngài dành cho tôi. Luther nói rằng trước khi ông trở thành Cơ đốc nhân, ông luôn luôn dành lấy vinh quang trong những gì anh đã làm đúng và khước từ trách nhiệm với những gì sai trật. Nhưng về sau ông khước từ vinh quang cho những gì ông làm đúng và chấp nhận trách nhiệm cho những gì mình làm sai. Anh Lawrence nói về việc tìm thấy bí quyết giống như thế:

Mỗi khi tôi thất bại trong vai trò của mình, tôi nói lên, tôi thật sự thừa nhận thất bại, tôi đã quen với việc làm như vậy: Tôi sẽ không bao giờ làm cách khác hơn được nếu tôi bị

phó cho cái tôi mình. Nếu tôi thành công, thì tôi dâng cho Đức Chúa Trời lời cảm tạ, xưng nhận sức lực đến từ Ngài trong tôi.<sup>13</sup>

Gia-cóp nói, “Tôi lấy làm hèn mọn không đáng chịu các ân huệ và các điều thành thực mà Ngài đã làm cho kẻ tôi tớ Ngài” (Sáng thế ký 32:10). Môi-se đáp lại sự kêu gọi của Đức Chúa Trời trong cùng một cách như thế: “Tôi là ai?” (Xuất 3:11). Đa-vít đã dùng chính cụm từ này “Tôi là ai?” (II Sa-mu-ên 7:18; I Sử ký 29:14). Sa-lô-môn lặp lại câu của cha mình “Tôi là ai?” (II Sử ký 2:6). Gióp đã kêu lên, “tôi vốn không ra gì... Vì vậy, tôi lấy làm gớm ghê tôi” (Gióp 39:37; 42:6). Ê-sai đáp lại trong sự hiện thấy Đức Chúa Trời (Ê-sai 6:5), và Giê-rê-mi đã phản đối, “Ôi! Hỡi Chúa Giê-hô-va, này tôi chẳng biết nói chi, vì tôi là con trẻ” (Giê-rê-mi 1:6). Phao lô thường đối đáp cùng một chủ đề tương tự: “phải tự mình chúng tôi có tài năng mà nghĩ việc gì như bởi chính mình chúng tôi, nhưng tài năng của chúng tôi đến từ Đức Chúa Trời” (II Cô-rinh-tô 3:5).

Những người “thành công” lớn nhất trong Cựu Ước và trong Tân Ước đều chia sẻ về sự tự nhận thức thấp chính mình. Chính quan điểm về cái tôi này giúp họ thành công lớn, thay vì khổ đau về nó. Họ biết Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên họ có mục đích (Thi thiên 139); rằng Đức Chúa Trời đã giải cứu họ có mục đích (Phi-líp 3:12); đó là tất cả nguồn lực thiết yếu đã được chu cấp nhằm làm trọn mỗi mục đích của Ngài (II Phi-e-rơ 1). Thay vì suy nghĩ tập chú vào bản thân—xây dựng chính bản thân và tính tự tôn qua việc tự khẳng định chính mình để tìm thấy sự tự hoàn thiện—tất cả họ luôn đặt Đức Chúa Trời là trung tâm, khẳng định giá trị và năng lực của Ngài, tìm kiếm sự trọn vẹn của Ngài trên cuộc đời mình.

## SỰ BẢO VỆ CỦA BẢN NGÃ

Cái bản ngã rất nhạy cảm, vì thế nó thiết lập những hàng rào nhằm bảo vệ cái tôi khỏi bị tổn hại, hiểu biết chút ít rằng nếu thực tế chỉ cho phép lấn lỏi vào, lẽ thật về cái tôi có thể đưa đến sự tự do. Một người kiêu ngạo rất dễ bị làm nhục (bị xúc phạm, tổn thương) những không dễ dàng hạ mình. Nhằm ngăn chặn điều đó, người đó sẽ dựng lên một sự phòng vệ tài giỏi.

**Sự giải thích duy lý.** Mỗi khi tôi thất bại, thật đau đớn để chấp nhận ngay cả với bản thân mình, vậy tôi tìm kiếm một sự giải thích nhằm biến sự thất bại thành điều không thể tránh khỏi được, nếu không thật sự tốt: tôi đã thất bại một lần nữa trước cám dỗ về dâm dục, nhưng với một xã hội mà tình dục chi phối chôn vùi tôi, tôi không thể nào làm khác hơn được. Há ngay cả những diễn đã nổi tiếng nhất không làm chứng về sự thất bại như thế sao? Tôi có một

---

<sup>13</sup>Brother Lawrence, *Practicing the Presence of God* (New York: Revell, 1895), 21

tính nóng nảy, nhưng bố tôi ngày xưa cũng có tính nóng nảy, và sự kiềm nén mà tôi phải khổ sở do cha mẹ mình bạn sẽ không tin được đâu! Ông chủ có vẻ đã không hài lòng với năng lực thể hiện của tôi, nhưng ông ấy là típ người như thế. Thật ra, vấn đề ở lời khen tặng mà làm ông ấy chê trách.

Và vì thế chúng ta vượt qua thất bại bằng cách không đá động gì đến bản thân mình, nhưng bằng cách ấy chúng ta để mất sự thành công mà đến từ việc thừa nhận lẽ thật và được thôi thúc tin cậy Đấng có năng quyền để đắc thắng.

Cách dùng ngôn ngữ của chúng là bằng chứng rõ nhất về sự biện giải duy lý. Chúng ta “mắc sai lầm” hay “phạm sai lầm” hay “làm tổn thương” hay “có một căn bệnh”—bất cứ điều gì đó chứ không phải là “tội lỗi”.

John Gilmore viết rằng:

Đã có một thời Công ty truyền hình Phần Lan trao những giải thưởng lớn cho những cá nhân nào có thể đưa ra nhiều những từ đồng nghĩa nhất của một từ cho sẵn. Một công nhân ở vùng bắc Phần lan đã giành được giải thưởng khi liệt kê 747 từ đồng nghĩa với từ say sưa, một người phục vụ tại nhà tù ở Turku đưa ra 678 từ. Cũng người này tìm ra 170 từ đồng nghĩa cho từ trộm cắp. Một người khác biết 203 từ đồng nghĩa cho từ nói dối. Có rất nhiều từ đồng nghĩa nói lên ý nghĩa của những từ như thế nhưng không ngụ ý chỉ về sự xấu xa.<sup>14</sup>

Gilmore nhận xét trong cùng bài báo của mình rằng con người thậm chí thừa nhận một vài hành vi phạm tội, “nhưng vẫn đánh giá chính mình cơ bản là tốt đẹp vì mình đã giữ hầu hết các luật lệ hay thành ý giữ luật lệ!”

**Chuyển hướng.** Nếu sự biện minh quá yếu để đưa ra sự bảo vệ hợp lý, chúng ta có thể cố gắng tìm cứu giúp bằng cách quy cho người khác về chính những thái độ hay ý nghĩ đê tiện. Bằng cách nào đó nhằm làm giảm bớt tội lỗi về lối cư xử ích kỷ nếu chúng ta có thể nhận thấy động cơ đó trong những hành động của người khác, đặc biệt với những người tử tế và quan trọng. Dựa vào một số sự đo lường về chứng cứ, người ta nói rằng chúng ta có khuynh hướng thấy ở những người khác những điểm yếu của chính mình. Những người diễn thuyết hùng hồn chống lại sự hoạt động chính trị tham nhũng cách mạnh mẽ nhất đôi khi được chứng minh là người tham nhũng nhất. Kẻ dối trá không tin ai cả, người đòi bại chứng tỏ với chính mình rằng “mọi người đều là thế.”

---

<sup>14</sup>John Lewis Gilmore, “The Other Side of the Soul,” *The Presbyterian Journal*, 22 July 1964, 10.

**Sự kiềm nén.** Một khi hơn hai vấn đề đòi hỏi một sự biện hộ hợp lý không đầy đủ thì sự kiềm nén giúp quên đi điều đó, từ khước thừa nhận thất bại. Những sự biện hộ nói cho chúng ta rằng có thể loại bỏ những ý nghĩ đau đớn hay khó chịu, những kỷ niệm, những cảm xúc hay sự bốc đồng. Nhưng đồng thời gây nên tổn hại tâm linh, vì con người thật khó tìm kiếm sự tha thứ hay sức lực từ người khác để vượt qua những yếu đuối mà mình không thừa nhận nó tồn tại.

Như vậy, trong hành vi đòi bại của chúng ta, chúng ta không chỉ thiết lập một bức rèm tai hại bởi quan điểm bị bóp méo về thực tại, chúng ta còn đầu tư năng lực lớn lao trong việc giữ tiếp tục lừa dối chính mình và người khác. Hậu quả là gì?

### HẬU QUẢ CỦA SỰ KIÊU NGẠO VÀ SỰ KHIÊM NHƯỜNG

Sự kiêu ngạo mang lại sự cãi cọ với người khác (Chăm ngôn 13:10) và chống nghịch lại với Đức Chúa Trời (Gia-cơ 4:6). Sự kiêu ngạo mang lại nhiều sa ngã (I Cô-rinh-tô 10:12). Và cuối cùng đưa đến sự bại hoại (Chăm ngôn 16:18). Đây là những hậu quả kè liền, vì một sự rạn nứt với thực tại luôn có khuynh hướng dẫn đến đổ vỡ trong mọi lãnh vực khác. Nhưng sự khiêm nhường—sự đánh giá chân thật về chính thiếu hụt của con người và sự đầy trọn của Đức Chúa Trời – dẫn đến ích lợi vô tận.

Sự kiêu ngạo có thể đưa đến sa ngã, những sự khiêm nhường có tác động ngược lại, được cất nhắc lên (Thi thiên 147:6; Ma-thi-ơ 23:15)—hướng ngược lại con người có thể mong trông đợi trong cả hai trường hợp! Sự khiêm nhường được Đức Chúa Trời đoái đến và tôn kính (Thi thiên 138:6; Chăm ngôn 15:33; 18:12; 29:33), chính sự hiện diện của Ngài (Ê-sai 57:15; 66:2). Sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 5:3-6) và sự thương xót (Lu-ca 18:13-14) dành cho những người khiêm nhường. Đức Chúa Trời cũng ban cho nhiều ân điển khác cùng với chính Ngài và sự cứu rỗi trong Ngài cho nhưng kẻ khiêm nhường: sự bình an (Thi thiên 131:1-2) và sự yên nghỉ (Ma-thi-ơ 11:19), hướng dẫn (Thi thiên 27:11), sự khôn ngoan (Chăm ngôn 11:20 và sự vui mừng (Ê-sai 29:19).

### THUỐC GIẢI CHO SỰ KIÊU NGẠO

Trong tất cả mọi đức hạnh, trong mọi sự công bình và thánh khiết, chính Đức Chúa Trời là gương mẫu toàn hảo của chúng ta. Nhưng Đức Chúa Trời có khiêm nhường không? Ngài há không từ chối ban sự vinh hiển của Ngài cho người khác không? Có thích hợp không khi nói về sự khiêm nhường của Đức Chúa Trời? Chút ngạc nhiên, điều này hoàn toàn thích hợp, vì rõ ràng chúng ta được dạy phải có đồng tâm tình như Đấng Christ đã có khi Ngài tình nguyện tự hạ mình xuống (Phi-líp 2:1-8). “Trong trường hợp của Chúa Jesus, sự khiêm nhường có

thể cùng tồn tại với những lời tuyên bố cao quý nhất vì lý do rằng những lời tuyên bố này không phải là sự cường điệu và cũng không phải là sự bày tỏ về một tấm lòng đầy tham vọng.”<sup>15</sup> Bản chất của sự kiêu ngạo là một ý nghĩ đề cao, thổi phồng về cái tôi—nói cách khác là một sự lừa dối. Vậy nên lẽ thật về cái tôi của con người, dù là tốt hay xấu, không thể là sự kiêu ngạo xấu xa. Thật ra, chính Đức Chúa Trời, được nhìn thấy trong con Ngài, là gương mẫu của sự khiêm nhường thật. Làm thế nào chúng ta noi gương Ngài?

**Công nhận và công khai xưng nhận lẽ thật.** Như chúng ta đã thấy, nhiệm vụ cần có một sự đánh giá đúng về bản ngã. Điều này bao gồm thực tế về tội lỗi và sự không xứng đáng của tôi cũng như sự kỳ diệu của mọi ân điển lớn lao của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong “tử trung bày” con người về những sự xuất sắc của chính mình. Những làm thế một người theo bản chất tự nhiên có khuynh hướng trái ngược chống nghịch với sự đối trá của sự kiêu ngạo?

**Lòng biết ơn và sự ngợi khen như là thuốc giải tuyệt vời nhất cho sự kiêu ngạo.** Trong khi dâng sự vinh quang cho Đức Chúa Trời về một số những thành công lớn trong cuộc đời tôi, thật là khó để dành lấy vinh quang cho chính mình—Nếu tôi thật lòng dâng cho Ngài sự vinh quang và không dùng những khẩu lệnh thuộc linh giả hình. Ý tưởng về sự khiêm nhường chính mình trong Cựu Ước thường liên hệ qua việc kiêng ăn—có tâm “đau buồn” với bản ngã qua việc từ khước thức ăn dành thời gian thờ phượng, chúc tụng, và vui mừng về sự cao cả của Đức Chúa Trời. Phao lô nói về sự ngợi khen như là một phương thuốc, vừa tích cực và vừa tiêu cực. “Còn như tôi, tôi hẳn chẳng khoe mình, trừ ra khoe về thập tự giá của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, bởi thập tự giá ấy, thế gian đối với tôi đã bị đóng đinh, và tôi đối với thế gian cũng vậy!” (Ga-la-ti 6:14). Về góc độ tiêu cực, Phao lô trình bày rõ ràng rằng tội đáng trách lớn của con người là thất bại dâng sự vinh quang lên Đức Chúa Trời. Hậu quả của thái độ vô ơn, Đức Chúa Trời phó dân sự vào sự suy đồi cuối cùng mà chắc chắn bắt nguồn từ tự tôn (Rô-ma 1:21tt.).

Đức tin đi cùng với sự ngợi khen và trong một ý nghĩa nào đó đức tin đối lập với sự kiêu ngạo hơn là khiêm nhường. Chỗ của sự tự nỗ lực chính là sự nương cậy nơi Đức Chúa Trời. Để tin cậy Đức Chúa Trời là điều khả thi khi con người khước từ không còn tin cậy chính mình. Đức tin được thúc đẩy bởi tinh thần cảm tạ và ngợi khen, là phương thuốc hữu hiệu cho sự kiêu ngạo. Tập trung của sự giảng dạy của Chúa Jesus là sự quả quyết rằng không

---

<sup>15</sup>Everett F. Harrison, “Humility,” in *Baker’s Dictionary of Christian Ethics*, ed. Carl F.H. Henry (Grand Rapids: Baker, 1973), 306

có phương cách nào đến với Đức Chúa Trời ngoại trừ trở nên con cái Ngài, tin cậy Ngài trong tất cả mọi sự, và không nương cậy nơi cái tôi (Ma-thi-ơ 18:2-4; Mác 9:33-37; Lu-ca 9:46-48).

**Mang lấy vai trò tôi tớ.** Chúng ta được gọi chấp dứt tìm kiếm những điều lớn lao cho chính mình vì e rằng chúng trở nên không thể tin cậy Đức Chúa Trời bởi vì chúng ta bận tâm với những sự tán thưởng của con người (Giăng 5:44). Chúng ta phải tích cực hạ mình (I Phi-e-rơ 5:6), thậm chí cần mặc lấy sự khiêm nhường (Cô-lô-se 3:12). Nhưng sự tập chú trong sự dạy dỗ về sự khiêm nhường trong Tân Ước đề cập nhiều đến hành động hơn là lên án trực tiếp với những thái độ kiêu ngạo (Ma-thi-ơ 20:26-27; Mác 10:43-44; Lu-ca 22:26). Mặc lấy vai trò của tôi tớ, và sự khiêm nhường là kết quả của tinh thần đó. Các sứ đồ cũng như chúng ta cũng đã từng bận tâm gắng sức để quyết định xem ai là người Lớn hơn hết, Người Quan Trọng nhất, dùng mưu đồ để đạt địa vị, thì Chúa Jesus Christ đã dạy họ qua tấm gương đáng chú ý về việc mang lấy vai trò tôi tớ có ý nghĩa gì. Nhiệm vụ cần thiết ở thời điểm khởi đầu của bữa ăn bị bỏ dở, những người có mặt đã khước từ dự phần, điều đó không nghi ngờ gì bởi vì họ đang bận rộn khuếch đại xác định tầm quan trọng cá nhân. Cuối cùng chính Chúa Jesus lấy khăn và chậu nước, cẩn thận bày tỏ tấm gương về vai trò tôi tớ dành cho tất cả những môn đồ thật (Lu-ca 22:24tt., Giăng 13:1-17).

Ngay cả trong ngôn ngữ rõ ràng và mạnh mẽ hơn, nếu được, Phao lô mặc lấy tinh thần tôi tớ như là tấm gương cho chúng ta. Chúng ta phải nghĩ cách Chúa Jesus đã nghĩ khi Ngài từ bỏ tất cả mọi quyền bình đẳng là Đức Chúa Trời để trở thành người như chúng ta. Ngài đã hạ mình, không phải trong vai trò vị vua—là vị trí cao quý nhất trong vai trò đó—nhưng Ngài mang lấy vai trò của một tôi tớ. Và trong vai trò tôi tớ giữa loài người—loài người thật sự đội ơn Ngài về tất cả-- Ngài hạ mình xuống chấp nhận cái chết của kẻ có tội (Phi-líp 2:1-8).

Nhưng liệu có ai thật lòng chọn phục vụ người khác, coi người khác như cao trọng hơn chính mình, ngay cả khi thật sự họ không đáng (Rô-ma 12:10; Ê-phê-sô 5:21; Phi-líp 2)? Ai có thể thật lòng và kiên định chọn lựa trách nhiệm tôi tớ trong khi những người khác từ chối, tha thứ người phạm tội kiêu ngạo, cứu vớt những người phá hoại bất cần, ban cho những kẻ vô ơn? Thế thì ai có thể thật lòng lựa chọn liên tục đáp ứng như trong vai trò tôi tớ cần có? Chỉ người nào yêu mến cách sâu đậm.

### **Tình yêu như là phương thuốc hữu hiệu cho sự kiêu ngạo.**

Tình yêu thương hay nhịn nhục; tình yêu thương hay nhân từ; tình yêu thương chẳng ghen tị, chẳng khoe mình, chẳng lên mình kiêu ngạo, chẳng làm điều trái phép, chẳng kiếm tư lợi, chẳng nóng giận, chẳng nghi ngờ sự dữ,



chẳng vui về điều không công bình, nhưng vui trong lẽ thật. Tình yêu thương hay dung thứ mọi sự, tin mọi sự, trông cậy mọi sự, nín chịu mọi sự. (ICô-rinh-tô 13:4-7).

Đây chính là sự một sự miêu tả trọn vẹn về mọi điều mà sự kiêu ngạo không phải. Tình yêu, trong cảm xúc đủ mạnh để đưa con người trở nên một tội tở, có thể không phải là sản phẩm của bản ngã. Nhưng một người có thể chọn lựa mang lấy vai trò tội tở dù người đó có thích hay không đi nữa, Đức Chúa Trời trong tình yêu của Ngài có thể ban cho đời sống chúng ta những điều khiến chúng ta quỳ gối, giúp đỡ chúng ta trở nên khiêm nhường ngay cả khi chúng ta phó mặc hay từ chối hạ mình.

### **Sự đau đớn như là món quà của Đức Chúa Trời nhằm mang lại tâm linh nhu mì.**

Phao lô thường khoe mình trong lúc yêu đuối (II Cô-rinh-tô 11:30; 12:5,7). Tại sao trong tiếng Hê-bơ-rơ có quá nhiều từ chỉ về sự khiêm nhường mà gốc từ của nó xuất phát từ ý nghĩa như bị chà đạp, bị đau đớn, tan vỡ, bị trừng phạt, ưu phiền, bị khuất phục? Vì kẻ cứng lòng, những đứa con kiêu ngạo của loài người thì đây là cách duy nhất để có được sự khiêm nhường và tấm lòng hối cải. Có một từ Kinh Thánh chỉ về sự *mềm mại* có khái niệm gốc về việc thuần hóa con thú hoang. Nhu mì trong lời Kinh Thánh không phải là sự yếu đuối nhưng bằng là sức mạnh được thuần thực. Phải chăng sự tan nát nhiều về tinh thần thường là con đường duy nhất trở nên khiêm nhường như Đấng Christ? Ngay cả Chúa Jesus đã học sự vâng phục ở trường của sự đau đớn (Hê-bơ-rơ 5:8)

Nếu không có sự dịu dàng của tâm linh thì cuộc đời công bình hết mực nhất, sùng đạo nhất thì giống ảnh tượng của Đức Chúa Trời nhưng không có vẻ đẹp và sự cuốn hút của Ngài. Có thể trở nên rất là sùng đạo và mạnh mẽ, và bền chí trong tất cả mọi trách nhiệm Cơ đốc, ngay cả làm người bào chữa gan dạ và diễn giả về sự thánh khiết, hoàn toàn là người chính thống, và không chỗ trách được trong đời sống bên ngoài, và rất sốt sắng với những việc lành, song thiếu nhiều sự dịu dàng của tâm linh.... Chúng ta thường tình cờ bắt gặp những Cơ đốc nhân là người sáng sủa và thông minh, và mạnh mẽ và công bình, thực tế, một chút quá rạng rỡ và một chút quá khôn ngoan....và dường như có quá nhiều cái tội trong sức lực của họ, và sự công bình của họ là xấu xa và bị phê phán. Họ có mọi thứ để biến mình thành những người thánh, ngoại trừ gánh nặng ghê gớm về sự đóng đinh kinh khiếp, mà có nghiền nhỏ (thể gột giũa) họ đến sự dịu dàng siêu nhiên và lòng khoan dung vô hạn dành cho người khác. Nhưng nếu họ là những người được chọn, thì Đức Chúa Trời sẵn có máy ép nho dành cho họ, bởi đó họ sẽ có những ngày sẽ qua đi, rồi biến sự cứng cõi như kim loại trong bản chất của họ trở thành tình yêu êm dịu mà Đấng Christ luôn kết trái vào lúc cuối cùng của kỳ lễ.<sup>16</sup>

---

<sup>16</sup>“October Mellowness,” *World Conquest*, September/ October 1951.

Những cách đến ân điển lớn về sự khiêm nhường, phương cách nhằm chiến thắng ma quỷ cùng kiêu ngạo là xưng nhận thực tế, tập chú vào Đức Chúa Trời với lòng biết ơn và ngợi khen, hãy hăng hái tin cậy Ngài về những nguồn của cuộc sống, hãy mang lấy vai trò tội tở, yêu thương sâu sắc, và đón nhận sự uốn nắn yêu thương của Đức Chúa Trời. Lời kết, Hãy suy xét những lời về tu sĩ người Anh lừng danh về kỷ nguyên khác, Jeremy Taylor (1613-1667), trích từ *The Rule and Exercise of Holy Living (Sự Trữ Vì và Hành Động của Lối Sống Thánh Khiết)*.

Ân điển về sự khiêm nhường được vận hành bởi những nguyên tắc này:

Không nghĩ về chính mình nhiều vì mọi sự xảy đến cho anh (em) từ bên ngoài.

Nếu tự coi mình là ngu dại, thì đừng có giận dữ khi người khác gọi mình thế. Kẻ giả hình là người lên án chính mình trước người khác với ngụ ý không nên tin đến.

Tình yêu được gọi che đậy và ít quý trọng, không bao giờ lo lắng khi anh bị coi thường hay đánh giá thấp.

Không bao giờ hổ thẹn về ngày sinh mình, bà mẹ mình, hay công việc hại tại của mình, hay sự nghèo nàn của bất cứ ai trong số họ.

Không bao giờ nói điều gì trực tiếp nhắm tới việc ca ngợi hay vì thanh danh mình.

Khi bạn đã nói hay làm điều gì đó và bạn đón nhận sự tán thưởng, hãy đón nhận điều đó cách nhẹ nhàng và dâng trả sự vinh hiển lên Đức Chúa Trời vì đã dùng mình là phương cụ cho sự vinh hiển Ngài.

Không dùng những mưu mẹo và phương kế để được khen ngợi.

Dung thứ cho người khác để được khen ngợi trong lúc mình hiện diện và đừng nghĩ rằng sự thăng tiến của người anh em mình là sự giảm bớt về giá trị mình.

Đừng bao giờ so sánh mình với người khác

Đừng bao giờ bào chữa về bất cứ sự sơ suất nào hay vô ý hay hành động xấu, nhưng nếu bạn thấy có lỗi, thì hãy xưng nhận thẳng thắn.

Hãy dâng lên Đức Chúa Trời lời cảm tạ về mọi sự yếu đuối, tình trạng xấu xa, và sự bất toàn và hãy đón nhận điều đó như là một đặc ân và ân huệ của Đức Chúa Trời và là phương cụ để chống lại sự kiêu ngạo.

Không được quở trách sự yếu đuối của người khác sẽ làm buồn lòng họ. Hãy chắc rằng không bao giờ tán thưởng chính mình hay gièm pha người khác, trừ phi sự vinh hiển của Đức Chúa Trời hay mục đích thánh khiết tôn kính điều đó.

## SỰ SỢ HÃI VÀ QUẢ CẢM

Dù một số người tin rằng tất cả mọi tội lỗi xuất phát từ ba tội gốc rễ là dục vọng, tham lam và kiêu ngạo, dường như rằng một số tội có thể là hậu quả không xuất phát từ những tội này. Như tội dục vọng, tham lam và kiêu ngạo chính là sự bóp méo về ý muốn cơ bản mà Đức Chúa Trời ban cho vì có sự tốt đẹp của chúng ta, vì thế ý muốn cơ bản của tất cả, bản năng tự bảo toàn, có thể được đeo đuổi theo những cách tội lỗi. Tâm trí của chúng ta được trang bị với khuynh hướng bẩm sinh tự nhiên nhằm bảo vệ chính mình khỏi nguy hại hay sự chết,

cũng như thân thể của chúng ta được “bao bọc” với một cơ chế phòng vệ về những cảm biến về sự đau đớn, mà không có nó chúng ta có thể hoàn toàn không được bảo vệ. Thật ra, trong Cựu ước sự kính sợ Đức Giê-hô-va được xem như là nền tảng cơ bản của mọi sự sống và sự tốt lành.

Nhưng khi ý muốn mạnh mẽ về sự tồn tại trở nên ám ảnh hay chế ngự những trách nhiệm cao quý khác, thì điều đó trở thành tội lỗi. Không hề có luật đạo đức mà yêu cầu sự bảo tồn về con người hay sự sống của tôi bằng mọi giá. Trái lại, sự trung thành cao đối với Đức Chúa Trời và thậm chí tình yêu dành cho người khác có thể đòi hỏi sự hy sinh bản thân hơn là tự bảo vệ mình. Câu trả lời cho tội về sự sợ hãi vô tín giữ vững phẩm hạnh về sự quả cảm.

Dù tất cả mọi thứ tội liên hệ đến về sự vô tín qua cách này hay cách khác, sự sợ hãi dường như liên hệ gần gũi nhất với sự thiếu đức tin và chắc chắn sự đối lập của thiếu đức tin-sự quả cảm- bởi đức tin mà có được. Đương nhiên, sự không sợ hãi có thể không đến từ đức tin. Một người không sợ hãi có thể đơn giản vì không biết những nguy hiểm đang đe dọa. Sự kiêu căng xua tan nỗi sợ hãi hoàn toàn hiệu quả như đức tin. Sự kiêu căng là sự tự tin đặt không đúng chỗ, nương cậy vào một số người hay điều gì đó mà không đáng tin cậy. Vì thế một người có thể nhận lời khuyên từ một nhà tâm lý vô thần, nương cậy vào điều đó, và lao vào sự hủy diệt. Chúng ta có thể tin cậy không sợ hãi một người lãnh đạo hay một người bạn yêu quý, nếu không bị tổn thương cách tệ hại. Nhưng sự tự tin đặt nơi Đức Chúa Trời thì không bao giờ bị lừa dối. Sự tự tin này sinh ra sự quả cảm không sợ hãi. Sự thiếu tự tin dẫn đến tính nhút nhát đáng sợ.

Thông thường chúng ta nhấn mạnh phẩm hạnh hòa nhã về lòng tử tế, khiêm nhường, nhu mì, nhẫn nại, nhưng Kinh Thánh cũng nhấn mạnh những phẩm hạnh mạnh mẽ hơn: sự quả cảm, trung thành, kỷ luật, bền chí. Những quán quân trong thời Cựu Ước gồm những người nam và người nữ quả cảm cách lạ thường. Hãy xem xét ngay cả cái tên cũng gợi lên sự quả cảm đó: Nô-ê chống lại cả thế gian, Áp-rah-ham từ bỏ quê hương mình, Gia-cốp và Thiên Sứ, Giô-sép và người đàn bà cám dỗ, Môi-se chống lại Pha-ra-ôn; Sam-son bị mù; Gi-đê-ôn và ba trăm người; Đê-bô-ra và những tướng lãnh yếu mềm; Đa-vít chống lại Gô-li-át; Ê-li và các tiên tri Ba-anh; Đa-ni-ên và những con sư tử; Ê-xê-tê và vị vua. Và hãy nghĩ về những người bạn của Đa-ni-ên: “Đức Chúa Trời mà chúng tôi hầu việc, có thể cứu chúng tôi thoát khỏi lò lửa hực, và chắc cứu chúng tôi khỏi tay vua. <sup>18</sup> Dầu chẳng vậy, hỡi vua, xin biết rằng chúng tôi không hầu việc các thần của vua!” (Đa-ni-ên 3:17-18). Và hãy xem xét những lời trong Thư Tín gửi cho người Hê-bơ-rơ.

Ta còn nói chi nữa? Vì nếu ta muốn nói về Ghê-đê-ôn, Ba-rác, Sam-sôn, Giép-thê, Đa-vít, Sa-mu-ên và các đấng tiên tri, thì không đủ thì giờ. Những người đó bởi đức tin đã thắng được các nước, làm sự công bình, được những lời hứa, bịt mồm sư tử, tắt ngọn lửa hùng, lánh khỏi lưỡi gươm, thắng bệnh tật, tỏ sự bạo dạn nơi chiến tranh, khiến đạo binh nước thù chạy trốn. Có người đàn bà đã được người nhà mình chết sống lại, có kẻ bị hình khổ dữ tợn mà không chịu giải cứu, để được sự sống lại tốt hơn. Có kẻ khác chịu nhạo cười, roi vọt, lại cũng chịu xiềng xích lao tù nữa. Họ đã bị ném đá, tra tấn, cưa xẻ; bị giết bằng lưỡi gươm; lưu lạc rày đây mai đó, mặc những da chiên da dê, bị thiếu thốn mọi đường, bị hà hiếp, ngược đãi, thế gian không xứng đáng cho họ ở, phải lưu lạc trong đồng vắng, trên núi, trong hang, trong những hầm dưới đất. Hết thấy những người đó dầu nhân đức tin đã được chứng tỏ, song chưa hề nhận lãnh điều đã được hứa cho mình. Vì Đức Chúa Trời có sẵn sẵn điều tốt hơn cho chúng ta, hầu cho ngoài chúng ta ra họ không đạt đến sự trọn vẹn được. (Hê-bơ-rơ 11:32-40)

**Những anh hùng của đức tin. Nhưng có ai can đảm hơn Phao lô?**

Tôi đã chịu khó nhọc nhiều hơn, tù rạc nhiều hơn, đòn vọt quá chừng. Đòi phen tôi gần phải bị chết; năm lần bị người Giu-đa đánh roi, mỗi lần thiếu một roi đây bốn chục; ba lần bị đánh đòn; một lần bị ném đá; ba lần bị chìm tàu. Tôi đã ở trong biển sâu một ngày một đêm. Lại nhiều lần tôi đi đường, nguy trên sông bến, nguy với trộm cướp, nguy với giữa dân mình, nguy với dân ngoại, nguy trong các thành, nguy trong các đồng vắng, nguy trên biển, nguy với anh em già đối; chịu khó chịu nhọc, lắm lúc thức đêm, chịu đói khát, thường khi phải nhịn ăn, chịu lạnh và lỏa lỏ. (II Cô-rinh-tô 11:23-27, Philips)

Nhưng ai có thể sánh bằng Con Đức Chúa Trời, là Đấng mang lấy tội lỗi của cả nhân loại trên chính Ngài, bị Đức Chúa Trời xa lánh, và sự thù ghét của chính những người mà Ngài đến để giải cứu?

Không chỉ chúng ta có một tấm gương về sự quả cảm, nhưng chúng ta thường được khuyên bảo về sự can đảm:

Hãy vững lòng bền chí, chớ run sợ, chớ kinh khủng; vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngự ở cùng người trong mọi nơi người đi (Giô-suê 1:9)

Đa-vít lại nói với Sa-lô-môn, con trai mình rằng: Hãy vững lòng bền chí mà làm; chớ sợ sệt, chớ kinh hãi chi, vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời, tức là Đức Chúa Trời của cha, vẫn ở cùng con; Ngài chẳng hề từ bỏ con, cũng chẳng hề lìa khỏi con cho đến chừng các công việc cất đền của Đức Giê-hô-va được xong (I Sứ ký 28:20).

Anh em hãy tỉnh thức, hãy vững vàng trong đức tin, hãy dốc chí trượng phu và mạnh mẽ (I Cô-rinh-tô 16:13).

Duy anh em phải ăn ở một cách xứng đáng với đạo Tin Lành của Đấng Christ, ... anh em một lòng đứng vững, đồng tâm chống cự vì đức tin của đạo Tin Lành, phạm sự chẳng để cho kẻ thù nghịch ngấm dọa mình (Phi-líp 1:27-28).

Đức Chúa Trời chẳng ban cho chúng ta tâm thần nhút nhát, bèn là tâm thần mạnh mẽ, có tình thương yêu và dè giữ (II Ti-mô-thê 1:7).

Con thanh nô của Đức Chúa Trời nghịch cùng tội lỗi, nhưng dường như chúng ta linh hội tinh thần của thời đại mà nguyên tắc cốt yếu của chúng ta về đạo đức là lòng khoan dung. Tuy nhiên Đức Chúa Trời không khoan dung với bất cứ tội ác nào, nếu chúng ta trở nên giống như Ngài, chúng ta cũng phải là dân sự căm giận, nhưng không phạm tội. Chúng ta hãy bỏ lại đằng sau mình những sự hèn nhát và bèn lên cách sợ hãi khi chúng ta đồng hành cùng Đấng Khải Hoàn, hãy tin cậy Ngài với những chiến thắng nghịch cùng tội lỗi, sự chết và địa ngục. Người công bình sẽ sống bởi đức tin như là lối sống, thậm chí vượt xa hơn cả sự ưu việt, thực thi điều bất khả thi!

Cơ Đốc nhân được kêu gọi hăng hái đấu tranh vì lẽ phải, chân lý, công bình. Như Samuel Shoemaker đã nói, “Trong khi Đức Chúa Trời, niềm tin, Hội thánh đang bị tấn công bởi một số người to tiếng; người ngồi yên lặng đó không phải là khiêm nhường, mà người ấy kẻ hèn nhát”<sup>17</sup>

Sự dũng cảm là một khía cạnh tích cực, năng nổ của sự quả cảm, nhưng cũng có một khía cạnh tiêu cực: kiên cường hay bèn chí. Tân Ước luôn bàn đến điều này, nhưng chúng ta không thừa nhận nó, vì thường từ này được dịch thành “kiên nhẫn.” Sự kiên nhẫn trong Kinh Thánh không phải là Kẻ nhu nhược mặc nhận nhưng bèn là sự bèn chí cứng rắn.

Người nào bèn chí cho đến cuối cùng sẽ được cứu (Ma-thi-ơ 10:22; 24:13; Mác 12:13). Người nào thắng, là người bèn chí kiên định đến cuối cùng, là những kẻ sẽ nhận sự lời “chào mừng trở về nhà” và tất cả mọi phần thưởng dành cho người chiến thắng (Khải huyền 2:7, 10-11, 26; 3:5, 12-21; 21:7). Trái lại, kẻ sợ hãi và vô tín, cùng kẻ giết người và thờ hình tượng, phần của chúng nó ở trong hồ có lửa và diêm cháy bùng bùng (Khải huyền 21:8). Vậy nên chúng ta được truyền lệnh hãy chạy bằng sự bèn chí, hãy vững lòng, không mệt mỏi trong cuộc chiến, hãy mặc lấy mọi khí giới, hãy hết sức đấu tranh, hãy chống lại, hãy tham chiến. Thực ra, nhờ Ngài chúng ta là những người chiến thắng phi thường đương đầu với bất cứ kẻ thù và trở lực nào.

## KẾT LUẬN

Chúng ta đã phân tích kỹ sự sâu sắc trong lời dạy Kinh Thánh về bóng tối của tội lỗi để thấy sự công bình rõ ràng hơn trong sự rục rờ nguy nga tráng lệ. Góc rẽ của tội lỗi, đã bị chôn sâu trong tâm can loài người là dục vọng, tham lam, kiêu ngạo và vô tín. Chúng không phải được khai quật bởi lối sống độc thân, lời thề sống khắc khổ, tu hành, sống tu thân, và phủ nhận bản ngã. Những điều này có diện mạo của sự tin kính, nhưng chúng chính là sự tôn thờ ý chí, chứ

---

<sup>17</sup>Shoemaker, “The Nature of Humility,” 14.

không tôn vinh Đức Chúa Trời, và như Phao lô đã chỉ ra, chúng chẳng có ích gì (Cô-lô-se 2:23). Không. Câu trả lời cho đục vọng là sự tự chủ; câu trả lời cho sự tham lam là thỏa lòng, câu trả lời cho kiêu ngạo là khiêm nhường, bắt nguồn từ sự ngợi khen và đức tin; và câu trả lời cho sự sợ hãi và vô tín là đức tin và sự quả cảm. Nuôi dưỡng gốc rễ của sự công bình là sự yêu thương, đâm rễ vững nền trong sự yêu thương (Ê-phê-sô 3:17). Được tưới bởi Lời của Đức Chúa Trời và nuôi dưỡng bởi Đức Thánh Linh, chúng sẽ tăng trưởng đến sự đầy trọn trong sự trở nên giống Đấng Christ đến sự vinh hiển đời đời của Đức Chúa Trời.

Hãy để ý xem thế nào những ân điển lạ lùng này làm lớn mạnh những ân điển khác. Ví dụ, sự khiêm nhường dẫn đến đức tin, đức tin dẫn đến sự thỏa lòng và quả cảm, mà đến lượt mình làm lớn mạnh tính tiết độ, và tất cả được thúc đẩy bởi sự yêu thương. Hãy khởi đầu với bất cứ phẩm tính ân điển nào, và như hình xoắn ốc khổng lồ, mỗi phẩm tính là bật than cho phẩm tính kia.

Ân điển này thực thi điều khác nữa. Mỗi ân điển làm sinh sôi nảy nở một mùa gặt của chính nó. Đó là, quyết định kiểm soát cái tôi dẫn đến lập tức mạnh mẽ hơn trong sự tự chủ. Sự thỏa lòng sinh sản nhiều sự thỏa lòng hơn; mỗi tôi tớ hành động sản sinh sự khiêm nhường lớn hơn và một khuynh hướng thiên về lối cư xử như là tôi tớ. Sự quả cảm sản sinh sự quả cảm, đức tin dẫn đến đức tin hơn, tình yêu dẫn đến yêu hơn.

Chúng ta đã gọi những điều này là gốc rễ mà sản sinh trái của suy nghĩ đúng, lời nói đúng và những hành động đúng. Và đúng như thế. Nhưng chúng cũng có kết quả thêm nữa: chúng sản sinh bông trái vinh hiển của sự vui mừng và bình an. Tại sao người ta lại chọn lựa tội lỗi và rồi gặt hái mùa gặt của tội lỗi?

## CHƯƠNG 5

### ĐẠO ĐỨC HOÀN CẢNH

Trong một nghiên cứu về vấn đề đạo đức cá nhân theo *Kinh Thánh*, tại sao xem xét một cách tiếp cận với đạo lý là không thực theo tiêu chuẩn Kinh Thánh. Có ba lý do. Thứ nhất, từ thời Ê-va thì con người đã bắt đầu sống theo kiểu đạo đức hoàn cảnh rồi. Điều này dành tất cả các loại Cơ đốc nhân. Nét đặc trưng mới trong cách tiếp cận này, là lần đầu tiên được một số người trong vòng Hội thánh chấp nhận và *ủng hộ* như là *nguyên tắc* hoạt động, không chỉ là trường hợp ngoại lệ trong những chuẩn mực mà được ủng hộ như là điều căn bản chính đáng duy nhất cho vấn đề đạo đức.

Thứ hai, như chúng ta sẽ xem xét dưới đây thì chính Kinh Thánh cũng đã mô tả một kiểu hình thức của chủ nghĩa hoàn cảnh khi mà bình thường một hành vi sai trái lại hóa ra đúng trong những hoàn cảnh nhất định nào đó. Điều quan trọng là cần phải hiểu cái gọi là Đạo Đức Mới để phân biệt một cách rõ ràng cách Kinh Thánh bàn đến những hoàn cảnh đạo đức như thế nào khó xử trong cuộc sống của con người.

Thứ ba, Đây là một trong vấn đề có tầm quan trọng sống còn khi hiểu được sự đỡ đầu của triết học trong một xu hướng dần thu hút, nắm lấy tư tưởng của những người có ảnh hưởng quan trọng trong giới học viện, giới văn học, giới nghệ thuật và giới truyền thông. Trong vài thập niên qua, dòng tư tưởng này đã làm lệch lạc đi tiến trình văn minh của con người chúng ta. Nó không chỉ thâm nhập vào các trang tạp chí thường ngày, tiểu thuyết và truyền hình, mà còn là những tiêu chuẩn cho kiểu đạo đức hóa công khai.<sup>1</sup>

Chủ nghĩa hoàn cảnh không những thâm nhập vào trong hệ thống giáo dục phi tôn giáo từ rất lâu và phổ biến trong xã hội mà nó còn ảnh hưởng một cách mạnh mẽ trong vòng Hội thánh, thâm nhập vào giữa vòng các nhà thần học Tin Lành. Chúng ta cùng xem xét bài báo của Margaret E. Kuhn, một điều phối viên trong ban điều hành của hội liên hiệp Trưởng Lão các Hội thánh và Dân Tộc, bài báo có tiêu đề “Female and Single – What then?” (Phụ nữ với sự độc thân – Điều gì sẽ tiếp diễn?) số ra trong tháng ba và tháng tư năm 1970 của tạp chí “Church and Society” (Hội thánh và Cộng Đồng), một tạp chí được xuất bản cùng thời của

---

<sup>1</sup>Situationism undergirds the opinions of the exceedingly popular advice columnist “Dear Abby,” who says, in typical response: “I would’t call a thirty-six-year-old virgin a ‘tramp’ for deciding to live a little before she died. It’s wrong only if you hurt yourself, someone else, or if you feel it’s wrong for any reason.” The state (Columbia, S.C.), 14 November 1977).

các hệ phái hiệp hội Giáo Hội Trưởng Lão, Hoa Kỳ và Hội thánh Trưởng Lão, Hoa Kỳ. (hai giáo hội này về sau đã hiệp nhất):

Hà Hội thánh không khích lệ những người về hưu cô đơn sống cùng nhau, hay vạch ra những điều gì đó về mối quan hệ khác nhằm đáp ứng tình bầu bạn yêu thương và sự vui hưởng về tình dục? Hội thánh nên “đưa ra những khả năng về lòng trắc ẩn và sự khôn khéo như là cách sống” nhằm giúp sức cho những người đơn độc bày tỏ bản năng giới tính và thiết lập những mối quan hệ càng sâu sắc với những người nam mà có thể hoặc không thể lập gia đình... Những mối quan hệ như thế giữa người phụ nữ độc thân và người nam đã lập gia đình có thể hoặc không thể can dự đến việc quan hệ thể xác.

Hội thánh Liên Hiệp của Đấng Christ cho phép làm lễ tán phong cho những người đồng tính luyến ái theo xu hướng chủ nghĩa tính hướng. Các nhà tâm lý Tin Lành coi các loại sách báo khiêu dâm như là trò tiêu khiển, các nhà nhân loại học Tin Lành thì ủng hộ lối sống đa thê của các trưởng lão trong Hội thánh trong vòng xã hội đa thê, còn các nhà thần học phái Phúc Âm thì tán thành tư tưởng li hôn cho những cặp vợ chồng đang rạn nứt.

Vấn đề chính yếu ở đây là phải làm sao phân biệt được chủ nghĩa hoàn cảnh tôn giáo và thể tục.<sup>2</sup> Cả hai trường hợp đều bắt nguồn từ dòng tư tưởng triết học hiện sinh, vì thế mà cách thức của chúng thì giống nhau và cả hai lĩnh vực đều không có những nguyên tắc tiêu chuẩn đạo đức. Việc đưa ra quyết định về tốt xấu, thiện ác là những sự tình cờ được bộc lộ qua từng hoàn cảnh khác nhau. Trong cách tiếp cận này thì chủ nghĩa hoàn cảnh thể tục và tôn giáo đều nhất trí với nhau. Tuy nhiên khi xét đến tiêu chuẩn đánh giá cái tốt, cái xấu, và gần như là xét đến vấn đề về tính phù hợp hoàn cảnh, thì hai lĩnh vực này lại hoàn toàn tách biệt. Đối với những người theo chủ nghĩa thể tục, họ đánh giá mọi việc dựa trên tình yêu vị kỷ, còn với những người theo chủ nghĩa hoàn cảnh mang tính chất tôn giáo thì việc đánh giá này dựa trên việc yêu thương người lân cận. Trên thực tế thì cũng có một số người ngoại áp dụng tiêu chuẩn yêu thương người lân cận trên đời sống của mình, và cũng có những người có tôn giáo nhưng sống dung túng cho lối sống kiêu tình yêu vị kỷ. Ranh giới giữa hai lĩnh vực này thường rất mơ hồ và dễ lẫn lộn với nhau, nhưng điểm khác biệt ở đây rất thực tế và quan trọng.

Daniel Yankelovich đã dẫn chứng trong cuốn sách “*Những Quy Tắc Mới*” (*The New Rules*) tài liệu nói về sự thay đổi lớn các tiêu chuẩn giá trị trong xã hội ở Mỹ vào những năm thập niên 70.<sup>3</sup> Trong sách, ông đã tuyên bố rằng đa phần với người Mỹ điều giá trị duy nhất chính là tự thỏa mãn mình. Đây là nguyên tắc đạo đức, một “quy tắc mới”. Nếu lợi ích cá

<sup>2</sup>Secular Situationism is often called “consequentialism”

<sup>3</sup>Daniel Yankelovich, *The New Rules* (New York: Random House, 1981).



nhân không là tiêu chuẩn ưu tiên trên hết các tiêu chuẩn khác thì người đó sống không thành thật, trái đạo đức, luân lý. Đây là đạo đức của những người theo chủ nghĩa hoàn cảnh thế tục. Tất cả những lợi ích tốt nhất mà tôi nhận được đều phải được ưu tiên trên hết trong mọi quyết định và mọi chọn lựa. Đó là cách mà một người xác định cái gì là tốt, là xấu – cái gì tốt cho tôi và cái gì có hại cho tôi.

Hiển nhiên chủ nghĩa hoàn cảnh thế tục là một chủ nghĩa chống đối tiêu chuẩn Kinh Thánh nên chúng ta không nhất thiết phải quan tâm nhiều đến nó khi chúng ta bàn về vấn đề đạo đức Kinh Thánh, tuy nhiên chủ nghĩa này đã thâm nhập, quá phổ biến trong xã hội nên chúng ta cũng không thể phớt lờ nó. Chúng ta phải nhận dạng nó trong sự ảnh hưởng đến lối suy nghĩ Cơ đốc, làm rõ ràng nó để tiến đến triệt tiêu ảnh hưởng của nó.

Joseph Fletcher, người khai sáng cho chủ nghĩa hoàn cảnh của cơ đốc nhân, rõ ràng lấy tình yêu người khác làm tiêu chuẩn, tiêu chí để phân định điều tốt điều xấu trong hoàn cảnh cụ thể. Sự nghiên cứu của chúng tôi sẽ giải quyết các vấn đề về chủ nghĩa hoàn cảnh sắc màu tôn giáo.

Một số người cho vấn đề Đạo Đức Mới là phi đạo đức cổ xưa, tuy nhiên nó lại gây ra sự hiểu sai về quan điểm của các nhà thần học, những người hậu thuẫn cho phong trào. Vấn đề đạo đức này thật sự mới mẻ, và nó còn tạo ra một nỗ lực thật sự trong việc thiết lập một số hình thức đạo đức. Đạo đức đó có thể gồm tóm trong một từ đó là yêu thương. Yêu thương là yêu cầu duy nhất trong đạo đức, nhưng yêu cầu này là đúng đắn.

## ĐỊNH NGHĨA VÀ GỐC RỄ LỊCH SỬ

Đạo đức học cơ đốc hay gọi là thần học đề đạo đức không chỉ là cách sống theo một chuẩn mực đạo đức mà xã hội chấp nhận mà là một nỗ lực không ngừng để gắn kết tình yêu thương với thế giới của những người họ hàng thông qua sự vâng giữ nguy biện để yêu; nhiệm vụ bất di bất dịch này là để vạch ra chiến lược và phương cách để yêu thương, và vì cơ Đấng Christ.<sup>4</sup>

Tại sao điều này là mới mẻ? Nó bắt nguồn từ đâu? Nói cách vắn tắt, các tiêu chuẩn xưa đều bị chỉ trích – không chỉ các qui ước đạo đức của những cơ đốc nhân, mà chính Kinh Thánh, mười Điều Răn cũng bị chỉ trích. Vứt hết những thứ rác rưởi cũ xưa kia đi! Trừ ra chủ nghĩa đạo đức tuân theo luật pháp, những hành động đạo đức giả, những tiêu chuẩn cũ đó chẳng là gì cả.

Những người có đời sống đạo đức tốt thì phải làm gì khi đối mặt với lời chỉ trích như vậy? Các nhà thần học tự do có thể nhận thấy rằng mọi lãnh vực đạo đức và chính xã hội

---

<sup>4</sup>Joseph Fletcher, *Situation Ethics: The New Morality* (Philadelphia: Westminster, 1966), 158.

đang trong sự đe dọa. Nhưng họ không thể nói lên: “Hãy khoan đã! Đức Chúa Trời đã phán như vậy!” Họ không có một lời bảo đảm nào giống như vậy, đây là lời đã được chép trong Kinh Thánh bởi chính Chúa đã phán, hoặc giả họ có một đấng nào đó đi nữa thì cũng không thể có được lời đảm bảo chắc chắn. Và thậm chí có một Chúa nào đó cũng nói những lời y như Kinh Thánh nói, thì điều đó ảnh hưởng đến chúng ta ở thế kỷ 20 như thế nào, loài người trở nên già đi, trưởng thành hơn? Nói cách khác, những sự chỉ trích tiêu cực về Kinh Thánh và thẩm quyền của Kinh Thánh khiến những người đạo đức không có một nền tảng nào để chống lại những sự công kích mới này.

Sau đó thì sao? Chúng ta sẽ vứt hết đi những tiêu chuẩn đạo đức và quên đi sao? Không bao giờ. Có thể con tàu cũ – những qui ước xưa – đang dần chìm xuống, nhưng chắc chắn chúng ta cũng cứu vãn được điều gì đó. Dò tìm những “mảnh vụn đạo đức” trong một xã hội ngày càng tụt dốc, tan rã, những người đó đã đưa ra được một ngọn cờ khắc chữ “Tình Yêu”. Nếu con tàu của những Cơ đốc nhân đang dần chìm xuống, nếu Kinh Thánh không thể đứng vững được trước những sóng gió của cơn bão thế kỷ 20, nếu Thượng Đế cũng không còn tồn tại thì chúng ta vẫn còn Tình yêu.

Fletcher đã phác họa lịch sử theo cách này:

Chủ nghĩa hoàn cảnh là những tinh thể kết tủa từ đạo đức học cơ đốc bởi các thời kỳ chủ nghĩa thực dụng, và thuyết tương đối. Về phương diện lịch sử, loài người hầu hết đã từng là những người theo chủ nghĩa hoàn cảnh, ít hay nhiều, nhưng điều khác biệt ngày hôm nay ấy là chúng ta gần như nắm vững cách thức của chủ nghĩa này một cách lí trí hơn, tinh thông và công khai hơn. Những cảm giác về tội lỗi, những ý nghĩ lừa gạt đã bị gạt đi khi chúng ta khoát lên mình tấm áo đạo đức vừa vện với mỗi hoàn cảnh. Một cách thận trọng, chúng ta đang khép lại những khoảng cách về những lời xưng nhận công khai, và thực tế công khai. Đây là thời đại của sự thành thật, và thời đại của sự lo lắng.<sup>5</sup>

Lịch sử hiện đại về khoa học và nghệ thuật, và về công nghệ đã ủng hộ cho chủ nghĩa này, khiến cho nó trở nên đơn giản hơn, những người theo chủ nghĩa này không còn phải quỳ lạy... bởi những nguyên tắc độc đoán nữa. Cuộc sống của họ không còn bị điều khiển hay định đoạt bởi những lời “sự khải thị” từ bề trên hay quyền lực. Con người đã quay về với những phương pháp quy nạp trong cách tiếp cận, giàu kinh nghiệm, làm việc bởi những sai lầm và gian nan, đề nghị những kinh nghiệm để thông qua những sự khái quát lỏng lẻo, không quá quyết của họ. Như là một chiến lược, một phương cách để thăm dò, phát triển, đã đạt được những kết quả thật không tưởng được. Ví dụ như ngành tâm lý học được xây dựng dựa trên sự khởi đầu và quá trình phát triển y như chủ nghĩa hoàn cảnh. Điểm tương tự này phù hợp trong nhiều khía cạnh về quá trình phát triển sự nghiệp của loài người. Giờ đây, câu hỏi về đạo đức học và các vấn đề đạo đức cũng đang diễn tiến y như vậy.<sup>6</sup>

---

<sup>5</sup>Ibid., 147

<sup>6</sup>Ibid., 158

Tình yêu là điều quan trọng hơn cả và điểm kết thúc của mọi vấn đề. Nhưng Tình yêu là gì? Nó đóng vai trò gì? Và nó hoạt động ra sao? Một nhà thần học hiện đại có thể không còn cần đến Kinh Thánh để trả lời cho những câu hỏi như vậy nữa bởi ông ta đã chấp nhận với nguyên tắc về vạn vật học. Trường phái tự nhiên đã cản ngăn sự mặc khải và mang lại cho chúng ta cách tiếp cận trải nghiệm, thuyết tương đối và thực dụng học. Vì thế mà chỉ còn một chỗ duy nhất sót lại để nhờ đó chúng ta có thể hướng đến đó là con người, và con người hiện đại ngày nay đã giúp đưa ra câu giải đáp cho sự khôn khéo của chính họ trong triết học thuyết hiện sinh. Chúng ta phải phản ứng lại với mọi hoàn cảnh để nhận ra chính mình trong hoàn cảnh đó. Chúng ta luôn phản ứng lại với tất cả mọi người, mọi vật, mọi việc quanh chúng ta. Chúng ta phản ứng lại với cả những cảm xúc oán hận, chán ghét, và chúng ta được bảo là nên đáp lại bằng tình yêu thương. Chúng ta đã rơi vào đạo đức hoàn cảnh. Chỉ là đạo đức thôi à? Đó là tình yêu. Chỉ trong hoàn cảnh thôi à? Điều đó sẽ thay đổi khác nhau đối với mỗi người, mỗi hoàn cảnh.

Ví dụ về một tình huống như vậy: Mẹ của bạn đang hấp hối bởi căn bệnh quái ác ung thư. Điều bạn nên làm lúc này là gì? Đừng có quá tuân thủ luật pháp đến nỗi bạn không thể nói lên câu: “Người chớ giết người” Vậy trong hoàn cảnh này, Tình yêu sẽ làm gì? Có lẽ giúp bà ấy sớm thoát khỏi đau đớn là cách để thể hiện tình yêu? Một tình huống khác: Một bà cô độc thân đang rơi vào trạng thái thất vọng với những cảm xúc bị tan vỡ vì bà cô này thiếu tình yêu cũng như những nhu cầu thỏa mãn tình dục và bạn đã lập gia đình rồi, nhưng bạn có thể đáp ứng được nhu cầu của bà cô này. Tình yêu thương sẽ làm gì trong hoàn cảnh này? Đừng có quá cứng nhắc trong luật pháp khi bạn nói “Người chớ phạm tội tà dâm”.

Không có một khuôn mẫu luật pháp nào cả. Bạn phải tự mình quyết định lấy hành động của mình khi đối diện với hoàn cảnh được đặt ra: Tình yêu thương sẽ làm gì trong hoàn cảnh này?

## NHỮNG KHÍA CẠNH TÍCH CỰC

Chúng ta có thể nói gì trong khía cạnh mà Đạo Đức Mới thiên về Kinh Thánh ở góc độ trung thành với thẩm quyền Kinh Thánh? Chắc chắn rằng chúng sẽ biết ơn những người đem đến động lực thúc đẩy cho nhân loại, họ dường như là những người nhất quyết phải phá bỏ đi tất cả các tiêu chuẩn, tạo nên một vị thế cho một vài kiểu đạo đức. Hơn nữa, chúng ta cũng nên biết ơn những người đã đẩy mạnh cho tình yêu thương với những người khác dựa trên những căn bản của đạo đức, hơn là tình yêu vị kỷ, tình yêu thương vì ép buộc. Tình yêu thương là điều quan trọng tất yếu. Đấng Christ phán cùng chúng ta rằng tình yêu là một sự gồm tóm mọi sự dạy dỗ Kinh Thánh liên quan đến ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho mọi người.

(Ma-thi-ơ 22:34-40). Phao lô xác nhận rằng tình yêu thương làm trọn luật pháp (Rô-ma 13:10). Hơn nữa dường như Phao-lô cũng muốn nói với chúng ta điều gì đó khi ông đề cập đến một điều tương tự với chủ nghĩa hoàn cảnh trong I Cô-rinh-tô 13, đó là không có điều gì quan trọng hơn ngoài tình yêu thương.

Hơn nữa, trong Kinh Thánh cũng có một kiểu phản ứng lại với hoàn cảnh như là đạo đức hoàn cảnh. Chẳng hạn, trong lời dạy rõ ràng của Kinh Thánh rằng Cơ đốc nhân phải thuận phục các bậc cầm quyền (Rô-ma 13). Nhưng chính các sứ đồ đã nói, *trong hoàn cảnh đó*, “chúng tôi thà vâng lời Đức Chúa Trời hơn là người ta” (Công vụ 5:29). Và họ nói những lời đó trước tòa án tối cao.

Thế thì có vấn đề gì với đạo đức hoàn cảnh chẳng? Thế thì tại sao những người vâng theo Kinh Thánh lại mâu thuẫn với phong trào này và lời dạy đó?

## SAI LẦM CỦA ĐẠO ĐỨC HỌC HOÀN CẢNH

Có năm lý do thần học theo Kinh Thánh không chấp nhận đạo đức học hoàn cảnh.

## NHỮNG TIỀN ĐỊNH TRIẾT HỌC

Có một căn bản không thỏa đáng trong những giả định cơ bản của các nhà đạo đức học hoàn cảnh. Đó là điểm yếu trong nhận thức luận của đạo đức học hoàn cảnh; thẩm quyền cho sự giả định bị bỏ qua.

Có thẩm quyền nào khi nói tình yêu phải là điều cơ bản chính yếu nhất trong vấn đề đạo đức không? –Tất cả mọi sự đều có sự tương quan với nhau ngoại trừ chân lý này. Làm thế nào mà một người có thể nói rằng yêu thương người lân cận là chân lý? Trong khi tình yêu vị kỷ có vẻ như là một bằng chứng rõ ràng hơn cho sự thỏa mãn cá nhân. Có lẽ sự vui thích thì tốt hơn một tiêu chuẩn. Về điểm này, các nhà đạo đức hoàn cảnh học thường chống lại Đấng Christ, tấm gương của Ngài và chống lại Kinh Thánh. Nhưng nếu vứt Kinh Thánh sang tay trái, thì không thể lấy lại một vài phần bằng tay phải. Nếu chúng ta trích chọn Kinh Thánh tùy thích, thì Kinh Thánh sẽ mất đi thẩm quyền độc lập của nó - thẩm quyền duy nhất mà nó còn lại cho người lựa chọn nó và cơ sở của sự chọn lựa của mình.

Một trong những giả định của đạo đức học hoàn cảnh là chủ nghĩa thực chứng tôn giáo.<sup>7</sup> Có một sự thật được “án định” hay xác quyết mà không cần bất cứ bằng chứng trực quan, hay một thực tế đầy thuyết phục.<sup>8</sup> Điều đó có nghĩa là con người lựa chọn tiêu chuẩn bởi đức tin. Nhưng đức tin này rất bấp bênh vì không có thẩm quyền nào từ bên ngoài. Rốt cuộc thì

---

<sup>7</sup>Ibid., 46-47

<sup>8</sup>Note that religious positivism is the opposite of the philosophical positivism of Comte and Others.

những tiền định của đạo đức hoàn cảnh vẫn không hợp lý bởi không có bằng chứng nào cho sự giả định của nó ngoại trừ một lời mời gọi thừa nhận nó bằng đức tin mà không bằng chứng.

Hơn nữa, không có cơ sở nào được chứng tỏ có sự liên hệ mọi chuẩn mực đạo đức khác. Để minh chứng duy tình yêu là tiêu chuẩn tuyệt đối trong một thế giới của sự tương đối, thì một người không những cần chứng tỏ rằng tình yêu là tuyệt đối mà còn phải chứng minh được rằng ngoài tình yêu ra thì chẳng có một tiêu chuẩn tuyệt đối hay các nguyên tắc phổ quát nào khác. Nhà đạo đức hoàn cảnh học không nỗ lực làm điều này. Và cũng đúng như thế người theo quan điểm này không muốn làm, làm điều đó thật vô nghĩa. Nếu tình yêu là điều tuyệt đối mà không cần bất cứ bằng chứng hỗ trợ phù hợp, thì ai có thể chối bỏ những tiêu chuẩn cùng chung nét đặc trưng về chân lý này, thậm chí quyền ràng buộc? Nhưng đòi hỏi hơn thế --bằng chứng, không phải vì một số bằng chứng không phù hợp với chuẩn mực phổ quát, nhưng là không có bằng chứng nào thỏa đáng. Đương nhiên điều này cũng không thể được đáp ứng trừ ra các tiêu chuẩn của chủ nghĩa chứng thực cái mà chúng ta được mời gọi để tiếp nhận toàn bộ chuỗi xác nhận của nó bởi đức tin không có bằng chứng hỗ trợ.

Một vấn đề triết học rộng hơn nữa đó là sự mâu thuẫn nội tại xảy ra đồng thời trong khi dạy về lẽ thật tuyệt đối (tình yêu như là những quy tắc tuyệt đối) và ủng hộ tính bàn luận về sự thật (người ta không phải nói sự thật nếu hậu quả của nó là có hại). Nhà thần học pháp lý John Warwick Montgomery chỉ ra rằng:

Khó khăn không thể vượt qua được chỉ đơn giản là thế này: Không có phương cách, thiếu chất gây mê, thiếu sự hiểu biết là lúc một nhà đạo đức hoàn cảnh học đang thật sự cố gắng để đặt ra những chân lý đúng đắn và các quan điểm chân chính, và lúc anh ta đang lừa dối phỉnh gạt. Vì sao vậy? Vì nguyên tắc của trong đạo đức mới thì sự lừa dối được cho phép miễn là mục đích cuối cùng là tình yêu. Hãy xem xét khía cạnh này: nếu giáo sư Fletcher hành động trước sau như một với những tiền đề ông đã đưa ra, và nếu chỉ xem đó như là một hành động của yêu thương thật sự đối với tôi hay là với những khán giả... để thuyết phục chúng ta về tính ưu việt của đạo đức học hoàn cảnh, thì rốt lại ông ta cũng có thể đưa ra bất kỳ mức sai lệch thực tế, những chuyện vụn vặt khoa trương, hay những sự lảng tránh cách thần thánh để đi vào cuộc thảo luận.

Nhưng hãy khoan! Liệu ông ta có cam đoan với chúng ta, thề trước mồ mã mẹ mình v.v...rằng ông ta sẽ nói với chúng ta sự thật cho dù thề nào đi nữa, liệu thậm chí chúng ta có thể làm dịu bớt sự cảnh giác đề phòng của mình không? Sau mọi việc đó, bằng việc thuyết phục chúng ta về công trạng, những điều đạt được bởi chủ nghĩa hoàn cảnh, những lời cam đoan chắc chắn đó có lẽ sẽ là một lời tránh né được biện minh do hoàn cảnh với mục đích “khiến chúng ta trở nên tốt đẹp hơn trong tình yêu”... Nếu một nhà đạo đức học hoàn cảnh người vốn tuyên bố rằng điểm kết thúc của mọi việc là minh chứng cho phương cách của việc đó, nói với bạn trong tình yêu thương rằng ông ấy không lừa dối bạn đâu, vậy bạn có dám tin ông ta không?

Từ khi niềm tin tưởng lẫn nhau không chỉ là điều căn bản cho sự thiết lập nên lẽ phải công bằng mà còn là của tuổi thọ kinh tế (bản thân tiền bạc chỉ là một phần rất nhỏ tượng trưng cho sự tin tưởng lẫn nhau, như trong những thời kỳ của sự lạm phát hay ngưng trệ kinh tế đã cho thấy được niềm tin tưởng đó như thế nào), các mối quan hệ cộng đồng và trong tất cả mọi hiện tượng xã hội khác... Không chỉ là một khía cạnh đơn thuần trong xã hội loài người như việc gom rác đều đặn hay chỉ là việc mượn sách trong thư viện công cộng thông qua các mối quan hệ hay hôn nhân để được che chở bình đẳng theo luật pháp, việc tìm kiếm sự thật ở những người có học thức cao cũng có thể vượt qua được thời kì ban đầu của đạo đức học hoàn cảnh.<sup>9</sup>

Sau đó thì vấn đề gốc rễ của chủ nghĩa hoàn cảnh là hoàn toàn thiếu bằng chứng cũng như tính triết học và kinh nghiệm thực tiễn cho những giả định căn bản rằng tình yêu là tiêu chuẩn tuyệt đối, ngoài nó ra, không còn có tiêu chuẩn bất biến phổ quát nào khác về cách ăn ở.

### TÌNH YÊU TRONG ĐẠO ĐỨC HỌC HOÀN CẢNH

Vấn đề căn bản của khái niệm tình yêu của nhà đạo đức hoàn cảnh học là nó không có cái cốt lõi, chẳng có gì cả. Nói rằng tình yêu là một quy tắc sống tạo nên ý nghĩa chung và phổ quát trong khi thực tế thì chẳng có một quy tắc nào. Giống như việc nói “Yêu thương nhau trong mọi hoàn cảnh”, “Làm sự công bình luôn luôn.” Nhưng vấn đề đây là công bình là gì? Trong khi những kẻ đóng đinh Chúa Jesus trên thập tự giá thì cho rằng họ đang làm điều công bình, điều đúng. Đã từng có một cuộc tìm kiếm nghiên cứu được thực hiện bởi những người cho rằng họ đang làm điều đúng, phải lẽ. Vậy lẽ phải là gì? Và tình yêu đóng vai trò gì trong hoàn cảnh đó? Tình yêu thương sẽ cư xử hành động như thế nào?

Nhà đạo đức hoàn cảnh học đã đúng khi nhấn mạnh rằng động cơ chính của tình yêu là lí trí chứ không phải tình cảm. Hơn nữa, họ cũng đúng khi khẳng định rằng lý do để yêu không nên dựa vào tính đáng yêu của đối tượng đó mà phải là phẩm tính của chủ thể yêu. Do đó thật dễ dàng để có thể hành động yêu thương vì có lợi ích cho kẻ thù của mình. Hơn thế nữa, các nhà đạo đức hoàn cảnh học cũng chính xác khi khẳng định rằng việc thể hiện yêu thương chính mình nên kiềm hãm lại bởi cam kết yêu thương người khác.

Tuy nhiên, bởi việc loại bỏ tình yêu khỏi luật pháp, các nhà hoàn cảnh học đã gạt phắt đi ý nghĩa cụ thể của nó. Mỗi người có trách nhiệm, bắt buộc phải làm theo những gì mình nghĩ là tốt nhất cho người lân cận mình. Trong khi đó Kinh Thánh lại không cho phép chúng ta tách biệt tình yêu thương và luật pháp.

---

<sup>9</sup>John Warwick Montgomery in dialogue with Joseph Flecher at San Diego State College, 11 February 1971, reported in *The Christian News*, 22 March 1971, 6-7.

Thử nghiệm tình yêu của chúng ta trong gia đình của Đức Chúa Trời ở tại câu hỏi này: Chúng ta có thật sự yêu Chúa và vâng theo lời dạy của Ngài? Vì yêu Chúa đồng nghĩa với việc chúng ta tuân theo mệnh lệnh của Ngài, những mệnh lệnh này không nặng nề đâu. (I Giăng 5:2-4, Philip)

“Yêu thương là sự làm trọn luật pháp” (Rô-ma 13:10). Chúa Jesus cũng rõ ràng nối kết hai điều này cùng với nhau, “Nếu các người yêu mến ta thì giữ gìn các điều răn ta” (Giăng 14:15). Ngài cũng nói thêm: “Nếu các người vâng giữ các điều răn của ta, thì sẽ ở trong sự yêu thương ta, cũng như chính ta đã vâng giữ các điều răn của Cha ta, và cứ ở trong sự yêu thương Ngài” (Giăng 15:10). Trong thời cượng ước, yêu Chúa tức là đồng nghĩa với việc giữ điều răn của Ngài (Xuất 20:6).

Những mệnh lệnh trong Kinh Thánh về tình yêu thương không đơn thuần là những mệnh lệnh. Chắc chắn mạng lệnh này là điều quan trọng nhất, nhưng không mâu thuẫn hay cản trở những mệnh lệnh khác của Chúa. Chúng ta không có sự lựa chọn giữa các mạng lệnh được ban. Tình yêu thương không chỉ là điều quan trọng nhất, nó còn có thể gồm tóm tất cả. Nó có thể có ảnh hưởng sâu xa, đưa dẫn đến những lời mệnh lệnh khác và tóm tắt trong những lời mệnh lệnh khác. Tuy nhiên cũng bởi bản tính “ô dù” này mà nó quá khái quát, chung chung trong việc định hướng cho những quyết định cụ thể của con người. Rõ ràng rằng đặc điểm này của tình yêu thương cuốn hút những người theo thuyết tương đối với lý do là tính tự trị của nó. Nhưng Đức Chúa Trời chẳng bao giờ đơn thuần đưa cho chúng ta một nguyên tắc chung; Ngài giải thích một cách rõ ràng những hàm ý trong luật pháp về tình yêu thương ở trong các luật khác của Ngài. Ngài không để chúng ta phải tự chế tác những cảm nhận riêng căn bản về những hành động nhằm mang đến lợi ích nhất cho người khác, Ngài luôn dẫn chúng ta đến những định nghĩa rõ ràng nhất về tình yêu thương, Ngài làm đầy trọn nó với những nội dung cụ thể, Ngài mô tả các lối cư xử yêu thương một cách cụ thể trong những điều răn khác.

Từ những điều này khuynh hướng hoàn cảnh học dù đã kế thừa từ *yêu thương* từ Kinh Thánh, nhưng thật sự thì nội dung của nó trống rỗng theo ý nghĩa Kinh Thánh.<sup>10</sup>

## ĐẠO ĐỨC HOÀN CẢNH VÀ LUẬT PHÁP

Nhà đạo đức hoàn cảnh học tiến hành cuộc chống đối dai dẳng nghịch lại luật pháp, họ lên án kịch liệt luật pháp của Đức Chúa Trời về tiêu chuẩn sống. Tiên tri của phái Đạo Đức Mới nói, “Hãy biết rõ ràng Ta đến để tiêu diệt luật pháp.”

---

<sup>10</sup>See chapter on “love” for an examination of the biblical concept of love. (xin xem chương về “tình yêu” xem xét khái niệm Kinh Thánh về tình yêu).

Với các nhà đạo đức hoàn cảnh thì không có luật pháp, chỉ có lời châm ngôn. Luật pháp của Kinh Thánh là những nguyên tắc và những lời đề xuất như nguyên tắc trong đá bóng, “Đá bóng vào vùng cấm địa sân đối phương.” Hiển nhiên rằng, khi một người đá bóng bóng vào vùng đất đối phương thì anh ta phải ở trong vùng phạm vi cách khung thành 4,5m. Cũng giống như vậy, Kinh Thánh chứa đựng nhiều các câu châm ngôn mà chúng ta hay sử dụng. Tuy nhiên, chúng ta phải biến đổi chúng và áp dụng trong mỗi hoàn cảnh khác nhau cho phù hợp với tiếng gọi của tình yêu thương. Chúng ta được bảo rằng nếu chúng ta không làm đúng như vậy tức chúng ta làm những việc không yêu thương theo như điều răn.

Nhà đạo đức hoàn cảnh cứ luôn cho rằng luật pháp rất tiêu cực, một người tuân thủ luật pháp rập khuôn tạo nên những yêu cầu ép buộc người khác mà không có một lý do thỏa đáng. Điều đó làm chúng ta mất tự do, tước đi sự tự do của chúng ta để trở thành một con người thật sự. Các nhà hoàn cảnh học khẳng định rằng luật pháp tiêu cực.

Sự thật rằng luật pháp và những diễn giải của con người về luật pháp của Đức Chúa Trời có thể trở thành sự tuân thủ luật pháp một cách khô khan, nhưng Chúa không tạo ra kiểu luật pháp như thế. Không có luật nào của Đức Chúa Trời được lập nên nhằm tước đi quyền tự do của chúng ta, khiến chúng ta khôn khổ, cất lấy niềm vui của chúng ta. Đúng hơn, luật pháp của Ngài lập lên để khiến chúng ta được tự do.

Luật pháp của Chúa giống như đường ray xe lửa mà trên đường ray đó, xe lửa có thể chạy thật nhanh hoàn thành nhiệm vụ là một chiếc xe lửa. Quả đúng điều đó là ràng buộc, nhưng ràng buộc để có tự do, để hướng đến sự trọn vẹn. Đó là luật pháp của Đức Chúa Trời. Luật pháp của Ngài không kiềm hãm chúng ta nhưng là để chúng ta tự do, không đem đến tội lỗi nhưng là những điều tốt; không đem đến đau thương mà là hạnh phúc; không phải kiềm chế nhưng làm cho trọn vẹn.

Nếu không có bất kỳ một hành động có nhận thức nào của con người là vô đạo đức hay là tội lỗi, nếu không có các quy tắc đạo đức, nếu không một ai chỉ con người quyết định hành vi của mình là đúng hay là sai trong một hoàn cảnh nào đó, thì không có một nguyên tắc đạo đức nào để cáo buộc trước pháp luật về hành vi phạm tội của người đó. Nếu tình yêu Agape một tình yêu mà trong đó con người phải yêu thương người lân cận của mình không thể được định nghĩa và soạn thảo trở thành luật pháp ràng buộc và có hiệu lực, thì tình yêu thương sẽ không chỉ vượt ra khỏi sự tuân thủ luật pháp có cơ sở mà còn mất đi cả tính bắt buộc và ý nghĩa phải thi hành.<sup>11</sup>

Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của tình yêu thương. Không có điều gì Ngài làm trái với đặc tính này của Ngài. Do đó Ngài muốn chúng ta trở nên giống như Ngài để chúng ta có thể

---

<sup>11</sup>Editorial, *Christian Today*, 8 October 1965, 33.



dự phần đầy đủ vào sự vui thỏa trong tình yêu của Ngài, yêu Ngài và yêu lẫn nhau. Luật pháp của Ngài đơn giản được giải thích chi tiết rõ ràng chúng ta như thế nào khi chúng ta trở nên giống như Ngài, chỉ cho chúng ta cách để suy nghĩ khi chúng ta suy nghĩ giống cách của Ngài, chúng ta nên làm gì khi chúng ta hành động giống với Ngài. Vì thế mà luật pháp đưa ra những nội dung dựa trên tiêu chuẩn của tình yêu thương.<sup>12</sup> Các nhà đạo đức hoàn cảnh học mắc sai lầm trong việc hiểu sai mục đích và bản chất của luật pháp Kinh Thánh và thất bại khi liên hệ nó với tình yêu thương một cách đúng đắn.

### ĐẠO ĐỨC HỌC HOÀN CẢNH VÀ BẢN CHẤT CỦA CON NGƯỜI.

Đạo đức học hoàn cảnh không chỉ hiểu nhằm về tình yêu thương, là nét đặc trưng, và luật pháp, mà nó phản đối. Đạo đức học hoàn cảnh hiểu nhằm bản chất của con người. Đạo Đức Mới đặt gánh nặng lên con người đến nỗi không mang nổi.

Nếu loài người không có giới hạn và không có tội, thì có thể nào họ tự mình đoán xét từng hoàn cảnh. Nhưng loài người thì có hạn định và tội lỗi. Một người không thể đưa ra một quyết định đúng bởi vì anh ta không có đủ thông tin về vấn đề đó, và anh cũng không thể đưa ra quyết định đúng được dẫu cho anh ta có đầy đủ thông tin thì động cơ của anh ta là không thánh khiết. Chính vì thế mà Đức Chúa Trời không bao giờ đặt để gánh nặng nặng nề, gây thất vọng, và bất khả thi trên con người như nhà đạo đức học mới làm thế. Hãy xem xét những lời của Fletcher.

Đây là vấn đề thuộc về trí khôn chứ không phải tình cảm. Không có gì là phức tạp và khó hiểu như đạo đức, thậm chí đó là đạo đức về tình yêu thương của Cơ đốc nhân, một khi chúng ta hành động bừa bãi trên các quy luật được đơn giản hóa quá mức của luật pháp, khi chúng ta trở nên phụ thuộc vào hoàn cảnh.<sup>13</sup>

Cùng với sự phát triển của vi tính đã khai thác tất cả các hình thức của hoàn cảnh khả quan thuộc về đạo đức được phân tích.<sup>14</sup>

Có 4 vấn đề đặt ra về tầm quan trọng cơ bản và không thể thiếu được gây ngạc nhiên trong mọi trường hợp, 4 nhân tố đang lung lay trong mọi hoàn cảnh, tất cả những điều đó nhằm để cân bằng các thứ bậc của tình yêu. Không có một kết luận nào được bỏ.<sup>15</sup>

Như một nhà hoàn cảnh học Cơ Đốc Nhân nhìn vấn đề này, thì đức tin của người đó chính là câu trả lời cho ba trong số bảy câu hỏi thường được đặt ra. Ba câu trả lời này là “phổ quát” của mình. Anh ta hiểu được câu hỏi về

---

<sup>12</sup>See chapter on “law” for an examination of the biblical concept of love. (xin xem chương về “luật pháp” xem xét khái niệm Kinh Thánh về luật pháp).

<sup>13</sup>Fletcher, *Situation Ethics*, 114.

<sup>14</sup>Ibid., 117.

<sup>15</sup>Ibid., 127.

*điều gì*; đó chính là tình yêu thương. Anh ta hiểu được câu hỏi về *lí do*; đó chính là vì danh Đức Chúa Trời, anh ta hiểu được câu hỏi về *đối tượng là “ai”*; thì đó chính là người lân cận mình. Tuy nhiên chỉ trong hoàn cảnh nhất định nào đó thì anh ta có thể trả lời được bốn câu hỏi: khi nào, ở đâu, điều nào và như thế nào?... Phạm tội tà dâm là sai? Một người có thể trả lời rằng: “Tôi không biết. Nhưng cũng có thể. Hãy đưa ra một trường hợp. Hãy mô tả một trường hợp thực tế.”<sup>16</sup>

Lưu ý rằng trong chương trình phức tạp quyết định nên hành động như thế nào trong mỗi hoàn cảnh, những câu hỏi cần tìm ra câu trả lời thì không đơn giản. Đồng thời những câu hỏi về động cơ (như tình yêu thương, hy vọng) thì một câu hỏi không thể thiếu đó là “Những hậu quả trước mắt đó là gì?” Quá trình của hành động, trong bối cảnh của vấn đề, những tác động trực tiếp và gián tiếp nào sẽ diễn ra, những hậu quả tức thì cũng như sâu xa là gì? Câu hỏi cuối cùng này có nghĩa, chúng ta phải chú ý đến việc sẽ có nhiều kết quả này sinh hơn là kết quả chúng ta mong đợi, và những kết quả đó sẽ được xem xét đánh giá và bỏ sung.<sup>17</sup>

Đó thật sự là một gánh nặng lớn lao mà con người giới hạn không thể mang nổi. Vì thế mà con người cần đến sự trợ giúp của máy điện toán. Nhưng chắc chắn một điều là không ai có thể có cấp độ tinh nhanh cực kỳ đến như vậy, dẫu có thì hoàn cảnh hiếm khi cho phép người đó đủ thời gian để tìm hiểu sự việc để đưa ra quyết định phù hợp. Một người được hỏi một câu hỏi hóc búa trước sự chú kiến của người khác. Trong giây lát trước khi trả lời anh ta phải xem xét hơn bảy câu hỏi cũng trong trường hợp đó, bao gồm câu hỏi về những kết quả ảnh hưởng lâu dài và tức thì khi nói sự thật, khi nói dối, hoặc là phải tìm hướng giải quyết khác. Dẫu có máy vi tính bên cạnh thì dữ liệu cần thiết của chương trình có sẵn trong máy cũng chỉ có một phần nhỏ thôi, hoặc giả máy vi tính có đầy đủ dữ liệu cần thiết thì người hỏi anh ta cũng phải đợi để có kết quả.

Ngay khi quyển sách đầu tay của Fletcher được xuất bản, nó đã đạt được con số sách bán chạy nhất, tờ báo Time đã nhận xét thế này:

Trong cách tiếp cận hoàn cảnh về Đạo Đức Mới, “một người đưa ra một quyết định trong chốc lát được trang bị tất cả những sự khôn khéo về văn hóa, nhưng sẽ kiếm hãm sự tự do của mình và vi phạm đến luật lệ, chỉ khi nào anh ta tìm kiếm những điều tốt cho người lân cận mình.” Mà dường như là suy nghĩ lâu dài dành cho một người ở tuổi mười tám trong lúc hăng say ở ghế sau của xe hơi.<sup>18</sup>

Khôn ngoan lúc này ở đâu? Thời điểm cho lúc này là khi nào? Kinh Thánh nhìn nhận cách nghiêm túc về hữu hạn của con người, đưa ra nhiều những lời khuyên phức tạp liên quan đến vô số những nguyên tắc, Kinh Thánh đưa ra những mạng lệnh.

Con người hữu hạn nên rất phức tạp. Biên tập viên tờ *Thời Báo Cơ Đốc* (Christianity Time) đã chỉ ra thế này:

---

<sup>16</sup>Ibid., 142.

<sup>17</sup>Ibid., 128.

<sup>18</sup>Time, 5 March 1965.

Đặc biệt sách của Fletcher đã bỏ qua một điều rằng cuộc sống của con người là chuỗi kết nối các thói quen, những sự sắp xếp ý định, các ao ước, một phần là kế thừa từ những người đi trước, một phần là học hỏi được, đó là những phần mà chúng ta không thể vứt đi như chiếc áo cũ. Và cuốn sách bỏ sót sự thật rằng hành động có vẻ như vô hại với chúng ta có thể là tổn thương người khác, thậm chí nhiều năm sau.<sup>19</sup>

Con người hữu hạn không chỉ nhận thấy rằng thật khó để phán đoán một cách chính xác những gì là tốt nhất cho người lân cận mình, thậm chí là con người còn tìm thấy vô số những khó khăn khác khi đi đến quyết định điều nào là tốt cho người lân cận! “Người chồng thay thế” đầy tình yêu thương có thể quyết định đáp ứng những nhu cầu tình dục của một người chưa lập gia đình và cô đơn là thuộc viên Hội thánh, nhưng những tác hại gì sẽ để lại trên những người “lân cận” khác của anh ta? – vợ, con, những người trong Hội thánh và cả chính Chúa nữa?

Cuộc sống thật rối rắm. Làm sao có thể phán đoán được kết quả tác động của một hành động đơn thuần với một người độc thân, huống chi là một loạt các hành động liên quan đến nhiều người sẽ hình thành về sau? Việc Áp-ra-ham có con với A-ga đã để lại ảnh hưởng tác động không thể tưởng sau bốn ngàn năm khi mà các con trai của Ích-ma-ên, người Ả-rập đã mãnh liệt tìm kiếm thân phận của họ.

Có lẽ tôi sẽ đưa ra một quyết định rằng việc một ứng cử viên chính trị thắng cuộc bầu cử là rất quan trọng mà một hoạt động tình báo nhỏ cũng đủ làm nên một hành động yêu thương vĩ đại nhất cho hầu hết mọi người. Nếu sự chống đối của tôi thành công, cả quốc gia sẽ lâm vào nguy biến bởi sự yếu đuối với chủ nghĩa cộng sản; nhưng thật ra điều đó ảnh hưởng đến cả thế giới. Rõ ràng rằng một việc có tính chất yêu thương dành cho tất cả mọi người sẽ đảm bảo cuộc bầu cử diễn ra tốt đẹp. Trong một vụ việc lịch sử, quyết định tương tự như vậy đã thực hiện và cuộc bầu cử đã diễn ra như mong muốn, nhưng ai có thể tiên liệu được những hậu quả không mong muốn, rối rắm của một thiện ý giản đơn của những kẻ có âm mưu trong vụ Watergate? Một câu trả lời vô lý mà ai cũng có thể đoán trước được từ việc thiết lập tự do, người ta cứ than vãn lớn tiếng dù vụ Watergate cũng chẳng hơn gì so với vụ việc kinh điển trong đạo đức học hoàn cảnh. Những người tham dự vào vụ này đã làm chính xác những gì họ được học cũng y như những người tham dự vào việc thiết lập tự do vậy. Vấn đề là họ liệu lĩnh áp dụng phương cách không được sự chấp nhận. Quả thật, cuộc sống quá phức tạp đối với loài người vốn tội lỗi và chỉ sống đạo đức khi họ buộc phải tự ứng biến trong thẩm quyền chính mình, bỏ qua những chuẩn mực đạo đức khi dành quan tâm với điều cao hơn “luật của yêu thương.”

---

<sup>19</sup>Editorial, *Christianity Today*, 22 December 1967, 25.

Các nhà đạo đức học hoàn cảnh không chỉ đánh giá thấp tầm quan trọng của những hạn chế con người; họ dường như cố ý làm giảm đi mức độ nghiêm trọng của những ngăn trở lớn mà con người cần vượt qua để đạt đến vấn đề của đạo đức hoàn cảnh đó là: tội lỗi. Dẫu một người nhất quyết luôn muốn để tìm ra điều gì là tốt nhất cho mỗi người trong đời mình, thì liệu anh ta có dám thực hiện điều đó khi biết anh ta phải trả giá cao cho những điều đó? Từ lịch sử, kinh nghiệm và sự mặc khải đều không cho chúng ta hy vọng nhiều rằng anh ta sẽ quyết định thế. Loài người tội lỗi và luôn luôn muốn quyền lợi của mình phải được đặt lên trên quyền lợi của người khác.<sup>20</sup> Do vậy, từ quan điểm của các nhà đạo đức hoàn cảnh học về việc luôn hành động cho lợi ích cao cả nhất tất cả mọi người liên quan trong một hoàn cảnh cụ thể -thì chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể làm được. Loài người bất năng để có thể hiểu hết những phần lẻ tẻ của một vấn đề rộng lớn, phức tạp, và luôn thất bại trong việc lựa chọn những gì họ biết là tốt nhất.

## ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ ĐẠO ĐỨC HỌC HOÀN CẢNH

Đây là mấu chốt của vấn đề. Đạo đức học hoàn cảnh không mang tính đạo đức chút nào. Để khẳng định điều này, một số nhà đạo đức học đã tin vào Đức Chúa Trời là Đấng duy nhất trong mọi việc, nhưng những người khác như Fletcher, thì không tin vậy. Tuy nhiên dù nhiều người đó tin vào Đức Chúa Trời, Ngài vẫn không là nền tảng cơ sở cho hệ thống đạo đức của họ.

Từ “đạo đức hoàn cảnh” được sử dụng để áp dụng vào việc đưa ra quyết định dựa trên hoàn cảnh dù cho hệ tư tưởng của nó có thuộc thần học hay không thần học – chẳng hạn hệ tư tưởng Cơ đốc hay hệ tư tưởng chủ nghĩa Mác.<sup>21</sup>

Lời giải thích của tôi cho điều này là thách thức căn bản từ các nhà đạo đức hoàn cảnh học chẳng có ảnh hưởng đặc biệt gì đến cam kết của đức tin thuộc thần học và không thuộc thần học.<sup>22</sup>

Nghĩa vụ yêu thương thường là động lực của các công tác thúc đẩy đi đến quyết định của những người thực hiện nó như những người không là Cơ đốc nhân, không theo thuyết thần học và thậm chí là những người vô thần. Các Cơ đốc nhân thì chính Chúa Thánh Linh, chính tình yêu của Đức Chúa Trời, và chính Đức Chúa Trời nắm giữ vị trí này.<sup>23</sup>

Những điều phỏng đoán bộc trực là của thuyết tương đối, chủ nghĩa thực dụng, và chủ nghĩa cá nhân. Thuyết tương đối cho rằng không có điều gì là tuyệt đối ngoại trừ tình yêu.

---

<sup>20</sup>See chapter 3, “Sin,”

<sup>21</sup>Fletcher, *Situation Ethics*, 14.

<sup>22</sup>Ibid., 15

<sup>23</sup>Ibid., 155

Chỉ có kết quả mới có thể nói lên được ý nghĩa. Chủ nghĩa thực dụng thì luôn đặt ra câu hỏi: Liệu điều này có mang lại lợi ích cho tất cả mọi người? Chủ nghĩa cá nhân thì hỏi: Con người là trung tâm của mọi sự và là tiêu chuẩn. “Lợi ích tốt nhất” được định nghĩa trong phạm vi đánh giá điều tốt nhất cho chính người dựa trên những tiền định theo quy luật tự nhiên.

Tuy nhiên sự thật căn bản và quan trọng nhất về đạo đức trong Kinh Thánh đó là mọi sự đều dựa trên nền tảng chính là Đức Chúa Trời chứ không phải dựa trên cá nhân, con người. Bởi chính bản chất của Ngài, chính Đức Chúa Trời định điều gì là tốt và và tình yêu là gì. Ngài đã đưa ra nhiều điều để làm rõ cho tình yêu thương và sự tốt lành. Để thiết lập nền đạo đức yêu thương tách khỏi từ bản chất không thay đổi của Đức Chúa Trời, và những yêu cầu tuyệt đối và rõ ràng được mặc khải từ Ngài, thì cần phải bóp méo các khái niệm về tình yêu thương và luật pháp từ lúc ban đầu. Điều tội lỗi này là sai lầm lớn nhất của đạo đức hoàn cảnh.

## NHỮNG ĐÒI HỎI ĐẠO ĐỨC ĐỐI LẬP

Dù nhà đạo đức hoàn cảnh đã đưa ra câu trả lời không thuộc nền tảng Thánh kinh, nhưng chắc chắn họ đã đưa ra một câu hỏi quan trọng. Nói cách thực tế, làm thế nào một Cơ đốc nhân, người kết ước với bản chất tuyệt đối của toàn bộ luật pháp Đức Chúa Trời, khi đối diện với một hoàn cảnh mà những luật lệ này có vẻ đối lập nhau? Khi Đấng Christ truyền dạy chúng ta phải rao giảng Phúc Âm và chính phủ bảo chúng ta phải giữ yên lặng, chúng ta sẽ làm gì? Khi những gián điệp là con dân Đức Chúa Trời đang ở nhà của tôi và cảnh sát đến để bắt họ, tôi có phản bội họ hay lừa dối chính quyền không? Khi cũng một Đức Chúa Trời truyền lệnh “Người chớ giết người” cũng truyền lệnh hãy hủy diệt toàn bộ dân sự, người lính sẽ làm gì?

Chính Đấng Christ đã đưa ra tám gương hoàn hảo về “khuyh hướng hoàn cảnh Kinh Thánh” khi Ngài nói với chúng ta rằng Đa-vít đã làm tốt—hành động không xấu nhưng hành động có thể tha thứ --trong việc vi phạm luật pháp khi ăn bánh thánh trong hoàn cảnh khẩn cấp (Ma-thi-ơ 12:3tt.). Khi những thầy tế lễ báng bỏ ngày Sa-bát, Ngài không nói họ được tha, nhưng nói rằng họ *vô tội*. Nếu người Pha-ri-si chỉ hiểu những điều này, thì họ đã không lên án các môn đồ *vô tội* mà đã phạm phải trong ngày Sa-bát là điều quy định theo *luật pháp* nếu không thì điều đó trái với luật pháp.

Làm sao một người quyết định khi nào thì giữ luật pháp và khi nào thì vi phạm luật pháp?

## ĐỊNH NGHĨA LUẬT PHÁP CÁCH CÂN THẶN.

Bước đầu tiên trong việc giải quyết vấn đề nan giải này là phải định nghĩa hình vi riêng biệt này một cách cẩn thận. Phải chăng điều này thật sự là tội lỗi theo từ ngữ Kinh Thánh? Ví dụ, nhiều người cảm thấy tất cả mọi sự lừa dối là một hình thức của tội nói dối; mọi sự tàn sát là một hình thức của tội giết người; mọi sự bất tuân luật dân sự là một hình thức tình trạng phi luật pháp; tất cả công việc vào ngày Chúa Nhật đều vi phạm luật Sa-bát. Tuy nhiên, những điều nghĩa này không chỉ hơi hợt, mà còn không có nền tảng Kinh Thánh. Khi một người lính bắn giết, người ấy không nhất thiết đã phạm tội giết người. Khi chính phủ đánh thuế, dùng quyền lực lấy đi một ít tài sản của tôi, đó không phải là ăn cắp. Chúng ta sẽ nghiên cứu sau những vấn đề đặc biệt này cách chi tiết, nhưng tại điểm này khẳng định rằng chính Kinh Thánh định rõ kiểu lừa dối nào là điều quan trọng, nếu có thì đó là điều xác đáng; loại phạm tội giết người nào là điều xác đáng; và dùng quyền hạn để lấy gì là xác đáng; sự bất tuân luật dân sự nào là xác đáng. Chúng ta không tự do định đoạt; chính Kinh Thánh có thẩm quyền, đưa ra mạng lệnh; chúng ta được phép định rõ những dưới hạn của mạng lệnh đó.

#### CON ĐƯỜNG ĐỨC TIN CỦA SỰ GIẢI THOÁT

Thông thường có khả năng lựa chọn thứ ba khi chúng ta đương đầu với vấn đề nan giải về đạo đức. Kinh Thánh hứa rằng Đức Chúa Trời sẽ chu cấp một phương cách để thoát ra (ICô-rinh-tô 10:13). Thường thì đây là con đường đức tin.

Fletcher sử dụng minh họa về người trong một trại tập trung của Đức Quốc Xã mà cả gia đình bà cực kỳ cần bà. Cách duy nhất để đạt đến sự tự do là phải mang thai. Liệu bà có nên kết giao với một lính gác sẵn lòng giúp và đạt đến sự tự do (mà bà đã chết, theo minh chứng), hay liệu cô nên giữ trinh tiết và để cho gia đình mình phải đau khổ chăng? Nhà đạo đức hoàn cảnh dường như không bao giờ đối diện với khả năng về việc tin cậy Đức Chúa Trời. Bà có thể tin cậy Đức Chúa Trời cùng với gia đình mình. Trong bảng phân tích cuối cùng, bà không có bất cứ đòi hỏi đạo đức nào đặt để trên mình để ngăn chặn sự đau khổ. Bà chỉ có đòi hỏi đạo đức đặt để nơi bà là giữ gìn sự trinh tiết.

Chúng ta phải lựa chọn làm điều đúng và tin cậy Đức Chúa Trời về những kết quả. Như Brother Lawrence đã nói, “Tôi hy vọng rằng khi tôi làm những gì có thể, thì Đấng sẽ đồng hành cùng tôi như Ngài lấy làm vui lòng.”<sup>24</sup> Quả là sự tin quyết hoàn toàn nơi Đức Chúa Trời và sự tin cậy như trẻ thơ của một đứa con vâng phục. Đức Chúa Trời là tình yêu, vô hạn trong sự khôn ngoan và năng quyền, chúng ta có thể tin cậy Ngài để đảm nhận kết quả của sự vâng phục của chúng ta.

---

<sup>24</sup>Brother Lawrence, *The Practice of the Presence of God* (New York: Revell, 1895), 36.

Khi chúng ta xác định sự lựa chọn đạo đức theo từ ngữ Kinh Thánh và tìm kiếm khả năng thứ ba, con đường của đức tin, hầu hết những nan đề nan giải đã được giải quyết. Cá nhân tôi chưa bao giờ kinh nghiệm một vấn đề nan giải mà không thể giải quyết được bởi sự diễn giải theo Kinh Thánh và lựa chọn tin cậy Đức Chúa Trời với những kết quả. Vượt xa hơn điều đó, tôi không chắc về thẩm quyền Kinh Thánh. Kết quả, trong việc cố vấn, tôi sẽ không khuyến cáo những người gặp nan đề làm điều gì nhiều hơn thế. Tuy nhiên, có một số người theo những quan điểm, mà theo quan điểm này sự lựa chọn phải được thực hiện giữa hai hành động, cả hai hành động này được coi là sai trật. Vậy lựa chọn như thế nào đây?

### XUNG NHẬN TỘI LỖI

Nếu một người cảm thấy mình phải lựa chọn và làm theo những gì Kinh Thánh mô tả như phá vỡ khi vi phạm luật pháp, người ấy nên đưa ra sự lựa chọn phù hợp với tiêu chuẩn Kinh Thánh và xưng nhận tội là tội lỗi.

#### 1. *Đưa ra quyết định theo khuôn mẫu Kinh Thánh.*

Có một hệ thống cấp bậc theo Kinh Thánh cả về phẩm hạnh và tội lỗi.<sup>25</sup> Vì thế, nếu một người quyết định mình phải đưa ra sự lựa chọn giữa hai khả năng dường như sai trái, thì chắc chắn người đó nên chọn cái nào ít xấu xa hơn trong hai cái chứ không phải là xấu xa nhiều hơn.

2. *Đưa ra sự lựa chọn như thế, tuy nhiên, người đó nên xưng nhận điều này là tội.* Hãy xin sự tha thứ của Đức Chúa Trời. Điều này không nhất thiết có nghĩa rằng Đức Chúa Trời phán xét tội này là sai trật. Các môn đồ ban đầu đã không vâng giữ luật pháp, họ nói thể tại tòa công luận, “Thà phải vâng lời Đức Chúa Trời còn hơn là vâng lời người ta” (Công vụ 5:29). Rõ ràng Đức Chúa Trời không coi sự không vâng giữ luật là sai trái. Tội này không phải là “ít xấu xa về của hai việc sai trái” nhưng là “điều cao quý hơn của hai điều tốt đẹp.” Tự tử là điều sai trật, nhưng liệu người lính trong công sự phòng thủ kiên cố (boong-ke) là người ôm chặt quả lựu đạn chưa nổ để cứu mạng những người đồng đội mình có phải là phạm tội chăng? “Chẳng có sự yêu thương nào lớn hơn là vì bạn hữu mà phó sự sống mình” (Giăng 15:13).

Đức Chúa Trời có thể có sự lượng định khác nhau về một hành động cụ thể, và cuối cùng “sự lựa chọn đạo đức bi thảm” mà con người cảm thấy bị ép phải lựa chọn có thể bị Đức Chúa Trời xét đoán như là một hành động công bình, chứ không phải ít xấu xa hơn về của hai việc sai trái. Tuy nhiên, trong khi đó thiếu vắng ý muốn của Đức Chúa Trời, điều đó rất quan

---

<sup>25</sup>See chap. 3, “Sin”

trọng để xưng nhận như là tội với những gì một người tin có thể là tội. Bất cứ điều gì không bởi đức tin là tội lỗi. Theo cách này, một người giữ gìn luật pháp và khước từ cách giải quyết của nhà đạo đức hoàn cảnh về quảng bá thủ tục như là tiêu chuẩn của cách cư xử đạo đức.

## KHÔNG BIẾN MỘT TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ THÀNH CÁI QUY CHUẨN

Nói chung chúng ta không gặp phải những minh họa tội bực luôn được đề xuất bởi các nhà đạo đức hoàn cảnh. Hơn một nửa những minh họa được dùng bởi Fletcher là quá khích, hiếm hoi và phức tạp, và rất nhiều từ những tiểu thuyết phi cơ đốc. Những minh họa này được dùng để thiết lập hệ thống đạo đức cho cách cư xử hằng ngày. Đương nhiên, hãy khước từ Đấng Christ nếu như bởi việc khước từ Ngài con người có thể cứu sự sống mình và sống để thỏa mãn ngày sau. Dĩ nhiên, có những mối liên hệ trái phép nếu điều tốt dường như là thánh quả. Dĩ nhiên, nói dối vì cơ hầu hết là mục đích tốt đẹp nào đó, Những trường hợp hiếm hoi và đáng chú ý đã được biến đổi thành chuẩn mực của sự phê bình đạo đức.

Nếu một người cảm thấy trong lương tâm trước mặt Đức Chúa Trời rằng phải đưa ra một sự lựa chọn đạo đức bi thảm, thì người ấy nên làm thế chỉ khi có sự xác quyết mạnh mẽ rằng đây là trường hợp ngoại lệ hiếm hoi, không được lặp lại và chắc chắn không được xem như là căn bản về sự lựa chọn đạo đức thường ngày. Nói cách khác, hoàn cảnh ngoại lệ không thể được sử dụng như là tiêu chuẩn để thiết lập đạo đức mà đạo đức tình huống kể đến (ám chỉ) đến .

Tôi muốn nhấn mạnh lần nữa: Sự xác quyết cá nhân và tuyệt đối của tôi liên quan đến sự dạy dỗ Kinh Thánh cách quả quyết khi đối diện với những vấn đề nan giải về đạo đức không thể đi xa hơn khái niệm rất rõ và tìm kiếm con đường đức tin cho sự giải thoát. Tôi đề xuất lời hướng dẫn thêm về sự xưng nhận và sự hạn chế đối với những ai chấp nhận ý nghĩ về lựa chọn điều ít xấu hơn của hai điều tồi tệ.

Trong khi công nhận rằng có những vấn đề phải được giải quyết, chúng ta phải nhấn mạnh những lý do khi dứt khoát từ khước cách tiếp cận của Đạo Đức Mới như không vững chắc, không mang nền tảng Kinh Thánh, và không áp dụng được.

Đạo đức hoàn cảnh, được lập nên trong thời kỳ hậu Cơ Đốc và được xây dựng dựa trên triết lý phổ biến của thế kỷ hai mươi, là một lâu đài được chạm trổ tỉ mỉ nhưng đặt nền trên cát. Nó sẽ sụp đổ và chôn vùi những ai sống trên nền đó vì nó không được xây trên nền đá vững chắc về sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Trách nhiệm của chúng ta là vạch trần sự lừa dối và giải cứu người bị lừa.





## **PHẦN II**

# **ÁP DỤNG KINH THÁNH VÀO CUỘC SỐNG**

## CHƯƠNG 6

### ĐỨC CHÚA TRỜI TRÊN HẾT

*Trước mặt Ta con không được có các thần nào khác.  
Con không được làm cho mình một hình tượng nào.  
Con không được lạm dụng danh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời.  
Hãy nhớ ngày nghỉ để giữ làm ngày thánh.*

Đối với hầu hết những người phương Tây chiều ngang hoàn toàn che khuất chiều đứng. Các mối quan hệ giữa con người với nhau là quan trọng hơn hết; mối quan hệ giữa họ với Đức Chúa Trời chỉ là thứ yếu hoặc không quan trọng. Thậm chí trong Hội thánh, đối với nhiều người, việc làm hoà giữa con người với con người trở nên ưu tiên hàng đầu, chứ không phải việc làm hoà giữa con người với Đức Chúa Trời. Cơ Đốc Nhân cảm thấy khó để thừa nhận rằng vi phạm bảng luật đầu tiên cũng trầm trọng như phạm bảng luật thứ hai. Chúng ta không thể hiểu quy định Cựu Ước về hình phạt sinh mạng dành cho sự làm việc trong ngày Sa-bát, dành cho sự phỉ báng, hoặc cho việc thờ phượng thần khác. Tại sao mạng lệnh phải kính mến Chúa với cả bản thể của chúng ta là điều răn trước nhất và lớn hơn hết? Tại sao bốn điều răn đầu của Mười Điều Răn là những điều răn nghiêm cấm phạm tội nghịch cùng Đức Chúa Trời? Tại sao chúng không được đặt ở sau cùng, sau những điều răn quan trọng như giết người và tà dâm? Rõ ràng, Kinh Thánh nói rằng tội phạm nghịch cùng Đức Chúa Trời là trầm trọng hơn những tội phạm nghịch cùng con người.

Đức Chúa Trời là thực tại tối cao, là sự thật căn bản, là nhân tố hoà hợp của vũ trụ. Vì vậy, liên kết với Ngài là mối liên kết quan trọng bậc nhất trong sự tồn tại của con người. Ở trong mối liên kết với thực tại và lẽ thật thì sống; ngoài mối liên kết đó là sự huỷ diệt và sự chết. Loại bỏ Đức Chúa Trời khỏi cuộc đời hoặc cắt đi vai trò của Ngài cũng giống như xây một ngôi nhà chọc trời mà không có tính toán hay làm bánh mà không có bột.

Đức Chúa Trời biết điều đó, cho nên những điều răn của Ngài đơn giản là để củng cố những sự thật. Ngài xem mỗi quan hệ này là quan trọng nhất bởi vì nó quan trọng nhất.

Tuy nhiên, ở đây không chỉ đơn giản là vấn đề thực tại và lẽ thật. Đức Chúa Trời quan tâm đến mỗi quan hệ này. Đức Chúa Trời thường được gọi là Đức Chúa Trời ghen tuông. Điều này có nghĩa rằng việc chúng ta có mối quan hệ đúng với Ngài hay không sẽ tạo nên một sự khác biệt đối với Ngài. Từ được dùng cho sự ghen tuông trong Cựu Ước cũng là từ được sử dụng khi người chồng ghen tuông về tình cảm của người vợ. Sự ghen tuông này không phải là sự ghen tỵ nhỏ nhen trong sự cạnh tranh hợp pháp. Nó là sự quan tâm sâu sắc và hoàn toàn không muốn cho kẻ khác thay thế mối quan hệ hàng đầu và tối thượng.

Điều răn đầu tiên tác động đến thái độ trong lòng của chúng ta, tư tưởng của chúng ta, mối quan hệ cá nhân của chúng ta với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời cũng quan tâm đến hành động của chúng ta, những gì chúng ta làm cho sự cảm nhận của chúng ta. Hơn nữa, Ngài còn quan tâm đến lời nói của chúng ta, cách chúng ta sử dụng danh Ngài, những gì chúng ta nói về Ngài. Một số người có khuynh hướng thuộc linh hoá mối quan hệ với Đức Chúa Trời và không cẩn thận với những biểu hiện bên ngoài của một mối quan hệ được xưng nhận trong lòng. Nhưng việc Đức Chúa Trời quan tâm đến hành động, lời nói cũng như tư tưởng của chúng ta được bày tỏ rõ ràng trong ba điều răn đầu tiên.

## **CÓ CÁC THẦN KHÁC**

Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con, Đấng đã đem con ra khỏi đất Ai Cập, khỏi nhà nô lệ. Trước mặt Ta con không được có các thần nào khác (Xuất 20:2-3).

Thờ thần tượng là tội lỗi bị lên án kịch liệt nhất trong Cựu Ước. Trong Tân Ước cũng vậy, tội này bị lên án mạnh mẽ (xem 1 Giăng 5:21), nhưng không thường xuyên. Lý do thật rõ ràng. Trải qua nhiều thế kỷ đau khổ, Y-sơ-ra-ên đã rút ra bài học cho chính mình, cho nên cho đến thời Đấng Christ, dù thất bại của của dân sự được lựa chọn của Đức Chúa Trời là gì, thì việc thờ thần tượng không phải là một trong những thất bại đó. Tuy nhiên, đây là một vấn đề lớn trong các văn hoá phi Tây phương ngày hôm nay. Bởi vì nó không phải là một vấn đề trong hầu hết những xã hội Tây phương, chúng ta rất ít khi nghĩ về nó, nếu không muốn nói là không nghĩ tí nào. Nhưng chúng ta phải không được xem nhẹ tội mà Đức Chúa Trời cho là gớm ghiếc nhất.

Khi tôi đến Nhật Bản, điều khiến tôi thật đau lòng là khi nhìn thấy người ta thành khẩn kêu cầu các thần không phải là thần. Nhưng trước đây, tôi là một trong những người thích thú chụp hình “những phong tục lạ phương Đông.” Vào dịp nọ, chúng tôi được một Cơ Đốc Nhân thành tâm người Nhật Bản hướng dẫn chúng tôi xem một đền thờ nổi tiếng. Tôi hỏi:

“Phản ứng của anh như thế nào đối với những nơi như thế này?”

“Cũng giống như tất cả những người Nhật Bản khác. Tôi chỉ tham quan thôi.”

“Nhưng,” tôi đáp lại, “một số những người kia thật sự thờ phượng các thần tượng này. Anh cảm thấy thế nào về điều đó?”

“Ồ, tôi nghĩ đó là trò khôi hài, một phong tục thích thú.”

Chúng ta phải tự nhắc nhở chính mình rằng Đức Chúa Trời không xem sự thờ phượng những thần giả dối chỉ là một phong tục thích thú.

Nếu người anh em ruột, con trai, con gái, hay người vợ yêu quý của anh em hoặc người bạn thân thiết nhất của anh em bí mật dụ dỗ anh em rằng: ‘Chúng ta hãy đi và thờ lạy các thần khác’ là những thần mà anh em hay tổ phụ anh em chưa từng biết, là các thần của những dân tộc chung quanh, hoặc gần hay xa anh em, từ đầu xứ cho đến cuối xứ, thì chớ nhượng bộ hay nghe lời nó. Đừng để mắt đoái thương hoặc cảm thông hay bao che cho nó. Anh em phải nhất quyết xử tử nó. Anh em phải ra tay giết nó trước rồi tiếp đó toàn dân mới ra tay (Phục 13:6-9).

Sự vi phạm điều răn này dễ thấy nhất là thờ phượng người hoặc vật nào đó khác hơn là Đức Chúa Trời, tuy nhiên cũng có thể phạm điều răn này dù chưa bao giờ cầu nguyện với các thần khác.

“Có” một thần khác là quy gán cho ai đó hay điều gì đó những đặc tính mà chỉ Đức Chúa Trời mới có, hoặc liên hệ ai đó hay điều gì đó như là điều tối thượng – tìm kiếm đối tượng đó hơn hết, tin cậy đối tượng đó hơn hết, yêu thương đối tượng đó hơn hết, phục vụ và vâng lời đối tượng đó hết – là xem người đó hay điều đó như là Đức Chúa Trời. Để một điều gì đó làm trung tâm đời sống, làm cốt lõi hay điểm tựa tối thượng, là “có thần khác.” Đầu phục, trung thành hay xem một ai đó hay điều gì đó như là niềm hạnh phúc tối thượng hoặc đối tượng đáng khao khát nhất, thậm chí sợ sệt hơn bất cứ điều gì khác là “có thần khác.”

Lưu ý rằng mạng lệnh đầu tiên không nói rằng chúng ta không nên có các thần khác. Thực ra, phần Kinh Thánh còn lại dạy rằng không có thần nào khác trong thực tế; chỉ có một Đức Chúa Trời mà thôi. Tuy nhiên, điều răn này cấm có các thần khác *trước* Đức Chúa Trời chân thật. Hoàn toàn chính đáng để có tình yêu khác, sự trung thành khác và ước vọng khác. Nhưng không một tình yêu nào trong các thứ tình yêu đó, sự trung thành nào trong các sự trung thành đó có thể được đặt lên trên Đức Chúa Trời, nếu không chúng ta đang phá vỡ mối quan hệ tối thượng, vi phạm điều răn lớn nhất. Thật không phải hễ ai yêu cha mẹ, hoặc con trai, con gái mình thì không đáng thuộc về Chúa Jêsus, nhưng ai yêu những người khác hơn Ngài (Math 10:37).

Trong ánh sáng này, sự tin cậy và vâng lời, sự trung thành và tình yêu mến của một người có thể hoàn toàn chính đáng và không cần phải có sự xem xét đặc biệt trong ý thức cho đến khi tình yêu mến và lòng trung thành đó bị xung đột. Thần của một người rồi sẽ được bày tỏ. Tại điểm chọn lựa, tình yêu mến hoặc sự trung thành nào chúng ta đặt lên trên sẽ quyết định ai hay là điều gì là thần thật của chúng ta.

Điều gì quý giá nhất đối với tôi? Điều gì tôi cho rằng không thể thay thế được? Điều gì mà nếu tôi không có tôi sẽ bị hư mất? Điều gì tôi phải dùng hết khả năng tâm trí để tư tưởng đến? Điều gì là động lực sống của tôi? Điều gì cho công việc của tôi mục đích và ý nghĩa? Đó là điều tôi thờ phượng.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Gladys and Gordon. Depree, *A Blade of Grass* (Grand Rapids; Zondervan, 1967), 9.

Tiền bạc và vật chất có thể là những đối tượng được tìm kiếm hơn hết. Bạn bè, chồng hoặc vợ, con cái hoặc cha mẹ có thể là những đối tượng được yêu mến hơn hết. Một người có thể tìm thú vui hoặc sự nổi tiếng hơn tìm kiếm bất cứ điều gì khác. Lòng yêu nước, tình yêu dành cho một vị anh hùng hoặc lãnh tụ, một triết lý hay ý thức hệ nào đó có thể là thần tượng. Thậm chí những điều trừu tượng như nghệ thuật, giáo dục, hoặc sự phục vụ có thể chiếm chỗ của Đức Chúa Trời. Thần tượng phổ biến nhất là cái tôi.

Thuật huyền bí bao gồm trò phù thủy, chiêm tinh, và bói toán đang phục hồi một cách mạnh mẽ tại thế giới Tây phương. Thờ phượng Sa-tan rõ ràng là điều gớm ghiếc nhất trong sự thờ thần tượng, và trong một ý nghĩa, tất cả sự thờ thần tượng là thờ phượng ma quỷ (1 Cô-rinh-tô 10:20). Còn việc xem chi tay, bói cầu thạch anh, xem tương lai qua lá chè, chiêm tinh, và cầu cơ thì sao?

“Khi đã vào xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời ban cho, anh em đừng học đòi những tập tục ghê tởm của các dân tộc ở đó. Giữa anh em không một ai... được làm thầy bói, chiêm tinh, phù thủy, thầy pháp, dùng bùa ngải, đồng bóng, chiêu hồn; vì Đức Giê-hô-va ghê tởm kẻ nào làm các việc ấy (Phục 18:9-12).

Đức Chúa Trời lặp đi lặp lại việc cấm các trò huyền bí khác nhau (Lê-vi ký 19:26, 28, 31; 20:6) và Ngài rất ghét các hoạt động huyền bí này đến nỗi Ngài truyền lệnh tử hình những kẻ thực hành chúng (Lê-vi ký 20:2) và Ngài đem Y-sơ-ra-ên đến chỗ lưu đày và phu tù cũng vì tất cả những điều đó ( 2 Các Vua 17:17-18; 2 Sử ký 33:6). Sự thật rằng tất cả các dạng huyền bí là gian ác và bị cấm ghét bởi Đức Chúa Trời đã rõ ràng đủ, nhưng chúng có phải là một sự vi phạm điều răn đầu tiên nghiêm cấm việc thờ phượng các thần khác không?

Ê-sai dường như đã chỉ ra tội lỗi trong việc tham vấn những thầy bói, xem điều đó như là việc tìm kiếm những nguồn khác đến từ Đức Chúa Trời (Ê-sai 8:19). Nói một cách khác, việc bày tỏ tương lai hay tác động trên tương lai là đặc quyền của Đức Chúa Trời, và khi chiếm đoạt đặc quyền đó các tiên tri giả, ma quỷ, những thầy bói, những nhà chiêm tinh, kẻ đồng bóng đang cố gắng làm nên mình giống như đấng Toàn Năng với những đặc tính bất biến của Ngài. Những ai tham vấn những kẻ đó là đang trao cho con người hoặc Sa-tan sự tin cậy mà đáng ra chỉ dành cho một mình Đức Chúa Trời.

Sau-lơ đã kinh nghiệm điều này. Lúc đầu ông loại bỏ sự thực hành huyền bí khỏi lãnh thổ, nhưng khi Đức Chúa Trời từ chối phán với ông hay hướng dẫn ông, thì ông quay lại với một người đồng bóng (1 Sa-mu-ên 28). Mặc dầu ông thành công trong việc này, nhưng nó dẫn ông đến với sự đoán xét dành cho ông, sự chết, và mất cái vương miện dành cho dòng

đổi ông. Không chút nghi ngờ, sự đoán xét kinh hoàng đã xảy đến như là kết quả của nhiều sự vi phạm của ông, nhưng tham vấn kẻ đồng bóng là phỉ báng Đức Chúa Trời.

Có phải sự gia tăng ảnh hưởng của việc thực hành huyền bí biểu lộ tầm thước của sự thành công trong việc tiên đoán hoặc điều khiển những sự kiện tương lai không? Làm sao những hoạt động này có thể thành công? Trong trường hợp của Sau-lơ, chính Đức Chúa Trời đã phải can thiệp với sự xuất hiện màu nhiệm của vị tiên tri đã chết – vì sự đoán xét, để khẳng định chắc chắn! Điều này thường là công việc siêu nhiên của những linh bất khiết (Công vụ 16:16) và đôi khi nó là trò lừa gạt và giả dối (Công vụ 13:10). Hoạt động huyền bí là một nạn dịch triền miên không chỉ xảy ra trong Y-sơ-ra-ên mà còn trong Hội thánh đầu tiên và những kẻ thù của Phúc Âm này đã đối mặt với Phao-lô tại mọi nơi mà ông đi đến. Ngày hôm nay cũng vậy, nạn dịch này đang phổ biến toàn cầu và gọi mời sự đoán xét của Đức Chúa Trời Đấng mà trước mặt Ngài không thể có các thần khác.

## LÀM NÊN VÀ THỜ NHỮNG HÌNH TƯỢNG

Con không được làm cho mình một hình tượng nào theo hình dạng của những vật trên trời cao, hoặc nơi đất thấp, hoặc trong nước dưới mặt đất. Con không được cúi lạy trước các hình tượng đó hay phụng thờ chúng; vì Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của con, là Đức Chúa Trời kỳ tà (Xuất 20:4-5).

Việc cấm những hình tượng được chạm khắc không có nghĩa là cấm những tác phẩm nghệ thuật như một số người tin. Chúng ta biết điều này bởi vì trong cùng những mạng lệnh tại núi Si-nai có những lời chỉ dẫn cho việc “chạm khắc” chê-ru-bim và những trái lựu trên áo choàng của thầy tế lễ. Sau đó Môi-se làm nên con rắn bằng đồng. Điều rắn này là để chống lại việc tạo nên những vật cho *sự sùng bái mang tính tôn giáo*.

Kinh Thánh không hề một lời trong việc đưa ra sự tương phản giữa các thần tượng, những thứ không thể thấy, không thể nghe và không thể cứu ai, với Đức Chúa Trời Tạo Hoá đầy khôn ngoan quyền năng và ân điển cứu rỗi. Tiên tri Giê-rê-mi nêu lên sự tương phản nhức nhối qua việc chỉ ra sự ngu dại của những việc thờ phượng những thần tượng như vậy (10:1-16), và cả Ê-sai (44; 45:20-22; 46:1-7) và Ha-ba-cúc (2:18-20) đã nêu lên sự tương phản tương tự. Giăng cũng đã trở lại với cùng chủ đề này (Khải huyền 9:20).

Tác giả Thi-thiên đã lột tả một cách hùng hồn sự ngu dại của việc thờ hình tượng như sau:

Vì sao các nước dám nói rằng: “Đức Chúa Trời của chúng ở đâu?” Đức Chúa Trời chúng ta ở trên các tầng trời; Ngài làm bất cứ điều gì vừa ý Ngài. Còn hình tượng của chúng làm bằng bạc bằng vàng, là công việc tay người ta làm ra. Hình tượng có miệng mà không nói; có mắt mà chẳng thấy; có tai mà không nghe; có mũi mà chẳng ngửi; có tay nhưng không thể sờ; có chân mà không biết đi; có cổ họng mà chẳng phát ra tiếng nào. Kẻ nào làm hình tượng và nhờ cậy chúng đều giống như chúng (Thi-thiên 115 :2-8).

Sự ngu dại của việc thờ hình tượng cũng như sự dã man của việc phản bội lại Đức Chúa Trời hằng sống là đề tài xuyên suốt Kinh Thánh. Cũng vậy, sự xấu xa cố hữu của việc thờ hình tượng đã được chỉ ra: con người làm nên các thần tượng theo hình ảnh của mình, để rồi đến phiên mình thần tượng quay lại khiến kẻ thờ phượng trở nên giống như nó (Thi-thiên 115:8; 135:18)!

Công Giáo La Mã và Chính Thống Giáo cho rằng những ảnh tượng của Đức Chúa Trời hoặc của các thánh là thích đáng như là những phương tiện trợ giúp cho việc thờ phượng, miễn là chúng không được sử dụng như là những đối tượng của sự thờ phượng là được, nhưng điều này đặc biệt bị cấm kỵ trong điều răn thứ hai, điều răn cấm làm nên các vật để người ta “cúi xuống” trước chúng. Trong vòng những người Tin Lành, việc có những bức tranh của Đấng Christ hoặc thậm chí những vật tiêu biểu cho Đức Chúa Cha là rất phổ biến, nhưng họ không sử dụng những vật này cho sự thờ phượng, cho nên khó để xem họ vi phạm điều răn thứ hai. Riêng cá nhân tôi, tôi ước gì đừng có sự tưởng tượng của các nghệ sĩ về diện mạo của Chúa, nhưng tôi không tìm thấy trong Kinh Thánh chỗ nào cấm điều này.

Những người không quen sử dụng các đồ vật trợ giúp trong sự thờ phượng nên đặc biệt cẩn thận khi ở giữa những người quen với việc đó, hoặc ở giữa những người thờ thần tượng. Chẳng hạn, nếu một người sống trong cộng đồng Tin Lành ở Mỹ, anh ta có thể không gây cho ai vấp phạm hay làm tổn thương ai bởi việc có một bức tranh mô tả gương mặt của Đấng Christ, trong khi đó bức tranh như thế có thể dẫn người khác đi sai lạc tại một ngôi làng ở Nam Mỹ hoặc Đông Nam Á. Khi mới làm giáo sĩ, tôi hỏi một mục sư lớn tuổi hơn người Nhật Bản thử có vấn đề gì không với việc trưng bày một bức ảnh của người cha quá cố của tôi. Ông nhẹ nhàng khuyên tôi đừng làm như vậy. Tại nơi mà những bức hình như thế là những vật tôn kính trong sự thờ phượng ông bà tổ tiên, một phong tục hoàn toàn vô tội lại một thứ gây có vấp phạm. Thật tốt hơn nhiều phải mắc tội cẩn thận quá mức còn hơn là liều lĩnh cổ vũ sự vi phạm điều răn thứ hai.

Nếu một người không thật sự thờ phượng hình tượng nhưng chỉ đơn giản sử dụng nó như là vật trợ giúp trong sự tĩnh nguyện, tại sao điều này lại nên cấm? Lịch sử dạy rằng đồ vật thường hay trở nên những đối tượng của sự thờ phượng. Điều này thật sự đúng khi con rắn bằng đồng bị tiêu huỷ bởi vì nó trở nên đối tượng của sự thờ phượng (2 Các Vua 18:4). Điều này cũng thật đúng tại với những quốc gia Công Giáo nơi mà nền thần học Hội thánh không hề dạy rằng ảnh tượng là để thờ phượng, nhưng giáo dân thực tế cầu nguyện và vái lạy chính ảnh tượng. Nếu một người sử dụng hình tượng chỉ như là vật trợ giúp để cầu nguyện với Đức Chúa Trời vô hình, anh ta có thể dẫn người khác đến chỗ thật sự thờ phượng hình



tượng đó. Chắc chắn anh ta sẽ đem phân phát diện mạo của tội ác cho nhiều người. Trong bất cứ sự việc nào, việc làm nên những hình tượng như thế bị cấm trong điều răn thứ hai.

Còn những người thực hành hình thức thờ phượng trước một thần tượng hay hình tượng nhưng lòng họ cầu nguyện Đức Chúa Trời chân thật thì sao? Trong những giai đoạn bị bắt bớ có tốt hơn không nếu cứ thực hành những nghi thức thờ thần tượng để giữ lấy sự sống để tiếp tục sống và phục vụ Đức Chúa Trời chân thật? Nếu Đức Chúa Trời không chấp nhận chúng ta khi sự thờ phượng của chúng ta chỉ là hình thức và không thật lòng, tại sao Ngài đoán xét chúng ta nếu chúng ta thực hành hình thức thờ phượng những thần tượng khác nhưng không thật lòng trong việc thờ phượng đó?

Kinh Thánh nói rất rõ ràng về điều này. Chúng ta không chỉ bị cấm làm nên những vật để thờ phượng, nhưng chúng ta còn bị cấm cúi xuống trước những vật đó. Đức Chúa Trời không thể chấp nhận được nếu chúng ta thờ phượng Ngài - hoặc công bố rằng chúng ta đang thờ phượng Ngài – lại kèm theo việc sử dụng những hình tượng của các thần khác (Xuất 32:4-10) hoặc không đúng nơi đúng chỗ, không đúng cách (2 Sử ký 33:17). Một số giáo sĩ giữ những vật thờ phượng và các hình tượng làm tài liệu giáo dục hoặc đồ cổ. Nhưng Đức Chúa Trời phán rằng thần tượng phải bị tiêu huỷ (Phục 7:5-11, 25-26). Tại sao Đức Chúa Trời lại nghiêm khắc đối với hình tượng?

Trước hết, thực hành một hình thức mà không thật thì là giả dối. Nhưng đó không phải là một sự giả dối bình thường. Nó là sự giả dối độc hại bởi vì nó là sự giả dối phản bội, “còn ai chối bỏ Ta trước mặt thiên hạ, Ta cũng sẽ chối bỏ họ trước mặt Cha Ta ở trên trời” (Ma-thi-ơ 10:33). Phi-e-rơ có lẽ đã chối Chúa với những động cơ dường như chính đáng. Ông cố gắng để cứu lấy mạng sống của mình để rồi ông có thể cứu Chủ của mình khỏi án tử hình đang xảy đến. Dầu cho động cơ của ông là gì đi nữa, điều ông làm là hành động của sự bất trung làm tan vỡ trái tim ông.

Một cặp vợ chồng người Nhật Bản nọ đang ở bên bờ vực của sự ly dị khi Đức Chúa Trời cứu họ và gia đình của họ bởi ân điển của Ngài qua Chúa Jêsus Christ. Giấu tòi và người vợ trẻ của mình, người chồng không tiêu huỷ những tấm hình của người phụ nữ khác, nhưng lại đem để những tấm hình đó ở trong ngăn kéo của bàn làm việc. Nhiều tháng sau, người vợ phát hiện ra những tấm hình này và đã xé nó ra từng mảnh trong sự tức giận. Điều này khiến người chồng hết sức giận dữ đến nỗi gia đình của họ lại đến bên bờ vực tan vỡ. Anh ta nói rằng mối quan hệ của anh với người phụ nữ khác đó đã chấm dứt rồi, anh và người phụ nữ đó không còn liên lạc với nhau dưới bất cứ hình thức nào, và những tấm hình kia không có ý nghĩa gì cả. Thật rất khó cho người ngoài, mặc cho người đó là người vợ, tin rằng những tấm hình đó không có ý nghĩa gì khi anh ta lấy kéo cắt áo quần của người vợ ra từng mảnh để trả

đũa. Theo một cách nào đó, sự không trung thành đang tồn tại ở đó đầu nó chỉ là một hình thức bên ngoài.

Tại nhiều quốc gia, toàn bộ nền văn hóa đậm thâm sự thực hành tín ngưỡng. Thậm chí những lễ hội văn hóa cũng ẩn chứa tín ngưỡng. Trong trường hợp nào thì hợp pháp cho Cơ Đốc Nhân tham gia những hoạt động như thế? Thật không đủ để nói rằng một Cơ Đốc Nhân được tự do để tham gia nếu như chính anh ta không có vấn đề gì về cảm xúc tín ngưỡng. Trong sự phát triển văn hóa, những buổi lễ tôn giáo và đặc biệt những lễ hội, như Giáng Sinh của chúng ta, có khuynh hướng trở nên thế tục. Trong ánh sáng của điều răn thứ hai, Cơ Đốc Nhân có lẽ không nên tham gia đơn giản bởi vì các hoạt động đó không có ý nghĩa tín ngưỡng đối với mình. Một Cơ Đốc Nhân có thể tham gia các hoạt động đó chỉ khi những người khác thấy sự tham gia của anh ta không mang yếu tố tôn giáo đằng sau. Chẳng hạn, đầu Giáng sinh có thể có ý nghĩa mạnh mẽ đối với Cơ Đốc Nhân, nó đang bị thế tục hóa đến nỗi không ai có thể nghĩ rằng một thương gia Do-thái đã thỏa hiệp trong niềm tin của mình qua việc cho phát ra những bài hát mừng Giáng sinh trong cửa hàng của mình vào tháng 12. Mặt khác, nếu con cái của anh ta gia nhập Cơ Đốc Giáo bởi vì sự nhẹ nhàng, linh động của anh ta trong cách nhìn vấn đề, có lẽ anh ta phải suy nghĩ lại. Cho nên Cơ Đốc Nhân trong những văn hóa tôn giáo khác cần phải cẩn thận để không thỏa hiệp sứ điệp của mình trong tâm trí của người khác, đặc biệt những tân tín hữu là những người có thể dễ bị vấp phạm khi đi theo gương của Cơ Đốc Nhân đó.

## **LẠM DỤNG DANH CHÚA**

Con không được lạm dụng danh của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, vì Đức Giê-hô-va sẽ chẳng dung tha kẻ nào lạm dụng danh Ngài (Xuất 20:7).

Sự căm đoán chủ yếu trong điều răn này là căm phá vỡ hợp đồng. Thật là sai trái nếu sử dụng danh Chúa để hiệu lực hóa tính chân thật lời tuyên bố của một người trong khi nó không thực sự chân thật. Thật là sai trái nếu gọi danh Chúa như là lời chứng cho một hợp đồng, thề thốt trước mặt Ngài, và rồi lại phá vỡ hợp đồng hay lời thề. Đó là cách mà điều răn thứ ba được nói đến trong Kinh Thánh (Lê-vi ký 19:12; Ma-thi-ơ 5:33-34, 37; 23:16 trở đi; 26:63). Gia-cơ 5:12 cấm sử dụng lời thề trong bất kỳ sự việc nào. Điều này dường như ngụ ý rằng Cơ Đốc Nhân, bởi danh xưng mà anh ta mang, đã có sự xác chứng đủ cho mọi lời tuyên bố của anh ta. Lời của anh ta nên là sự giao kèo của anh ta. Có thì anh ta nói có, không thì nói không. Vì Cơ Đốc Nhân phá vỡ hợp đồng hay nói dối là vi phạm điều răn thứ ba, vì trong việc này anh ta sử dụng danh Chúa mà anh đang mang một cách thiếu tôn kính mặc cho anh

ta có gọi đến danh đó hay không. Mặc dầu việc phá vỡ hợp đồng được thực hiện trong danh Chúa là tiêu điểm chính, điều răn thứ ba còn có những ngụ ý khác nữa.

Có phải Chúa Jê-sus và Gia-cơ cầm thề trong tất cả các trường hợp không? Một số cho rằng thề tại tòa án hoặc thề làm tròn bổn phận đối với quốc gia là điều sai trật. Nan đề đầu tiên của quan điểm này là dân Y-sơ-ra-ên đã được yêu cầu phải thề bằng danh Đức Chúa Trời của họ (Phục 6 :13 ; 10 :20), và điều này được cho là đáng khen ngợi (Thi thiên 63 :11). Theo đó, Phao-lô thường nói rằng, "Vì Chúa làm chứng cho tôi" và ít nhất một lần ông đã thề (Rô-ma 1: 9 ; Tê-sa-lô-ni-ca 2 :5, 10). Chính Đức Chúa Trời đã lập lời thề và Ngài thề bằng chính danh Ngài (chẳng hạn Hê-bơ-rơ 6 :16 trở đi). Đấng Christ đã nói theo cách thề tại tòa án (Ma-thi-ơ 26 :63). Làm thế nào để sự xung đột quá rõ ràng này được giải quyết? Hầu hết các nhánh của Cơ Đốc Giáo tin rằng Đấng Christ và Gia-cơ củng cố lời dạy từ ban đầu với ý định cấm phá vỡ lời thề chứng không phải cầm thề.

Dĩ nhiên phạm vi cấm là rộng hơn chỉ việc phá vỡ một lời thề nghiêm túc. Trước hết, dân giao ước (Xuất 19 :5-6 ; 1 Phi-e-rơ 2 :5, 9) là những người mang danh của Đức Chúa Trời, và bởi phẩm chất đó, mỗi lời họ nói phải có giá trị, mỗi hành động phải thích hợp với giao ước hay lời thề làm tròn bổn phận mà họ đã thề với Đức Chúa Trời. Người làm công mà không hết lòng trung tín trong công việc và người chủ mà không trả tiền công sòng phẳng, cả hai đều phỉ báng danh Chúa, vì trộm cắp là phỉ báng danh Ngài (Châm ngôn 30 :8,9). Thực ra, mỗi tội lỗi là một cơ hội làm cho danh Chúa bị báng bỏ giữa những kẻ vô tín (Rô-ma 2 :24-25). Ai là người phá vỡ lời thề hôn nhân trọn đời đi đến chỗ ly dị? Chúa sẽ không kể người đó là vô tội, kẻ đã lạm dụng danh Chúa. Ai là người phá vỡ sự cam kết trang trọng tại lễ báp-têm? Chúa sẽ không cho rằng người đó là vô tội, kẻ đã lạm dụng danh Chúa.

Đôi khi dường như không thể nào có thể sống theo những lời đã hứa, vì mỗi lời hứa, thậm chí mỗi lời nói có hoặc không của Cơ Đốc Nhân, đều được nói ra trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Ngài là nhân chứng. Rất khó để biết chắc, nhưng Đức Chúa Trời yêu mến những ai giữ lời mình dầu phải trả giá nào (Thi thiên 15 :4). Đức Chúa Trời yêu người thương gia bị phá sản đã dành hết đời mình cố gắng để trả nợ cho các chủ nợ của mình. Sự chính trực, sự chính trực kiên định, là ý tưởng cốt lõi của điều răn thứ ba và được củng cố bởi Đấng Christ và Gia-cơ. Thứ hai, thói quen gọi danh Chúa để tăng thêm sự tin tưởng cho những lời nói đã trở nên quá tầm thường như thề trút bỏ hết ý nghĩa khỏi nó. Những trường hợp này đúng theo nghĩa đen "lạm dụng danh Đức Chúa Trời." Ngày hôm nay người ta sử dụng danh Đức Chúa Trời một cách vô nghĩa – phỉ báng danh thánh của Đức Chúa Trời một cách vô ý thức, thường thì chỉ là một thói quen bày tỏ một vốn từ vựng nghèo nàn. Thậm chí các mục sư, truyền đạo có thể sử dụng danh Chúa một cách khiếm nhã, một cách vô ý hoặc

trích dẫn lời của một kẻ phi báng. Chóng lại điều này, cả Chúa Jêsus Christ và em Ngài là Gia-cơ đã dùng lời nghiêm khắc để cảnh cáo.

Có phải đó là sự cấm đoán duy nhất trong điều răn thứ ba không? Theo nghĩa đen, "lạm dụng" có nghĩa là sử dụng một cách trống rỗng. Vì vậy, sử dụng danh Chúa một cách vô nghĩa là sử dụng nó một cách phi báng. Theo một nghĩa nào đó, cầu nguyện hoặc hát mà không có ý nghĩa gì là lạm dụng danh Chúa. Cám dỗ lớn đối với những người làm công việc Chúa trọn thời gian là thực hiện những chương trình tôn giáo một cách chuyên nghiệp, đơn giản là đi theo đường mòn của việc "thực hiện" một chương trình thờ phượng. Điều này là một cách khác của việc phi báng danh Chúa.

Rõ ràng, bất kỳ kiểu thiếu tôn kính nào đều vi phạm điều răn thứ ba. Đùa giỡn về những điều thánh và với những điều thánh như thế để hạ thấp giá trị của chúng là đang hành động phi báng. Sử dụng những điều thánh hoặc những lời không có ý thánh khiết là sai trật. Vì lý do này, những câu chuyện đùa về Kinh Thánh hoặc lẽ thật trong Kinh Thánh, như phép báp têm, là không thích hợp cho Cơ Đốc Nhân là những người phải đặt danh Đức Chúa Trời và những điều thuộc về Đức Chúa Trời trong sự tôn kính.

Một số người lạm dụng danh Chúa bằng cách lặp lại danh Chúa một cách thường xuyên trong khi cầu nguyện mà không suy nghĩ. Một số người khác gọi danh Chúa mỗi khi quyết định hoặc lập kế hoạch. "Đức Chúa Trời phán..." "Đức Chúa Trời bảo tôi phải..." Danh Đức Chúa Trời được xưng lên để hợp thức hóa mọi hoạt động. Điều này có thể là thành thực chừng nào tấm lòng của người đó có liên quan đến, nhưng có một sự nguy hiểm là điều này có thể trở nên sự phi báng, gọi danh Chúa mà không hoàn toàn chắc chắn rằng chính Đức Chúa Trời đứng phía sau sự lựa chọn hoặc hành động cụ thể.

Những lời thường được gọi là tục tĩu, như *chết tiệt* hoặc *mẹ kiếp*, hoặc những từ ngữ tục hoặc dâm dục thì sao? Theo lời lẽ mà nói, những lời này không vi phạm điều răn thứ ba. Điều răn thứ ba cấm lạm dụng danh Chúa. Dĩ nhiên điều này không có nghĩa là Cơ Đốc Nhân tự do sử dụng những lời lẽ như vậy. Có những huấn thị Kinh Thánh khác liên quan những gì chúng ta suy nghĩ, và chắc chắn những từ ngữ này là không thích hợp cho Cơ Đốc Nhân sử dụng.

Còn những Cơ Đốc Nhân là những người viết tiểu thuyết hay viết kịch đặt những lời phi báng trong lời nói của các nhân vật của họ thì sao? Điều này đang trở nên phổ biến. Tôi cho rằng đây là vấn đề lớn – và có lẽ là vấn đề chết người – những giới hạn của nhà văn, nhà viết kịch Cơ Đốc. Tôi không thấy có nhiều lý do để bào chữa cho họ khi họ sử dụng lời phi báng cho các nhân vật của mình hơn cho một mục sư sử dụng những từ ngữ tương tự khi ông ta cho những ví dụ minh họa trên tòa giảng. Thật khó cho tôi để có thể hiểu cách giải thích

của các nhà tiểu thuyết Cơ Đốc, và nhiều người trong số họ nói, "Không phải tôi. Đó là nhân vật của tôi nói."

Bởi vì tác giả hoàn toàn kiểm soát nhân vật của mình, những lời lẽ và tư tưởng mà nhân vật đó đưa vào tâm trí của tôi, tôi không cho rằng ông ta có thể thoát khỏi trách nhiệm. Không giống như những tội khác như giết người, tội mà một người có thể tuyên bố là không phạm, dùng lời một cách báng bổ là phạm tội – danh Đức Chúa Trời bị lạm dụng qua việc đặt nó trong những lời trích dẫn.

Còn những lời thề biển thề từ lời chửi thề thì sao? Những lời thề này có phạm điều răn thứ ba không? Cơ Đốc Nhân nhạy bén cần phải cẩn thận rằng anh ta nên không đoán xét người khác quá nặng trong những vấn đề này. Tuy nhiên, một nguyên tắc tốt dành cho Cơ Đốc Nhân là hãy kiềm chế khỏi việc dùng những từ ngữ mà từ điển chuẩn cho là dạng thay thế của những từ tục tĩu hoặc phỉ báng. Cơ Đốc Nhân phải ao ước không làm điều xấu.

Còn việc ăn nói kiêu hãnh thì sao? Đấng Christ dạy rằng chúng ta phải chịu trách nhiệm với lời vô ích mà chúng ta nói (Ma-thi-ơ 12:36). Ê-phê-sô 5:4 dường như cấm sự khinh suất trong bất thể loại nào. Theo như sự hiểu biết của tôi về phân đoạn Kinh Thánh Ê-phê-sô này, Phao-lô đang nói đến những điều mà chúng ta có thể gọi là những câu chuyện tục tĩu hay những lời nói không trong sạch (Ê-phê-sô 4:29). Khó có thể cho rằng nói chuyện với một chút hài hước là tội lỗi vì Đấng Christ đã làm như vậy ít nhất một lần. Khi Ngài đặt biệt danh cho Gia-cơ và Giăng "Con Trai của Sấm Sét," thật khó để hiểu rằng đây là lời nói nghiêm túc. Cây đà trong con mắt hay lạc đà chui qua lỗ kim không phải là những minh họa quy cách. Thực ra, hài hước có thể là điều gì đó khác hơn là sự vớ vẩn. Nó có thể hữu ích.

Tuy nhiên, có những tiêu chuẩn khác mà chúng ta cần phải giữ. Chẳng hạn, sự hài hước không nên làm tổn thương người khác. Sự hài hước làm giảm bớt căng thẳng, chống lại những phương cách vụng về là điều tốt. Đôi khi sự khôi hài có thể giải thích một sứ điệp, trong khi đó phương pháp nói trực tiếp không thể chấp nhận được. Hài hước không nhất thiết là tội lỗi. Có phải nó tạo ra điều tốt, hay nó là vô ích, sự ngu dại? Có phải nó vi phạm luật tôn kính hay luật yêu thương, hay nó tuôn tràn từ sự yêu thương trong tinh thần tôn kính Chúa?

Đối với dân sự của Đức Chúa Trời, lời có phẩm chất thánh. Chúa Jê-sus là Lời hằng sống của Đức Chúa Trời. Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời được viết ra. Nhiệm vụ của chúng ta là nói ra và sống theo Lời Đức Chúa Trời trong thế giới này một cách tôn kính và kiên định.

Điều răn thứ ba buộc những tín hữu, những người được công bố là mang danh Đức Chúa Trời (Gia-cơ 2:7), không bao giờ phỉ báng danh đó trong hành vi cử chỉ cũng như lời nói.

## GIỮ NGÀY NGHỈ THÁNH

Từ Sa-bát trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “nghỉ” hoặc “ngày nghỉ.” Ngày nghỉ đặc biệt bắt đầu từ khi nào? Vì ai mà có ngày nghỉ đó? Ngày nghỉ đó nhằm mục đích gì?

Ngày thứ bảy, Đức Chúa Trời hoàn tất các công việc Ngài đã làm. Vì thế, vào ngày thứ bảy Ngài nghỉ. Ngài đã làm xong mọi công việc. Ngài ban phước cho ngày thứ bảy và thánh hóa ngày đó, vì vào ngày đó Ngài nghỉ sau khi đã làm xong mọi công việc sáng tạo (Sáng 2:2-3)

Ngày nghỉ bắt đầu lúc Sáng Thế. Mục đích của nó được tuyên bố rõ ràng rằng: Nó là ngày để nghỉ, và đặc biệt nó cũng mang một ý nghĩa thánh, được biệt riêng ra. Lưu ý rằng ngày nghỉ hay ngày Sa-bát bắt nguồn từ gương mẫu của Đức Chúa Trời từ buổi ban đầu, rất lâu trước khi giao ước cứu chuộc được lập với dân được lựa chọn. Nó được ban cho nhân loại trước khi nhân loại sa ngã, trước khi có nhu cầu cứu chuộc.

Phân đoạn Kinh Thánh tuyên bố rằng Đức Chúa Trời nghỉ bởi vì Ngài khao khát hay cần chính Ngài, chứ không phải chỉ là một mô hình mô phỏng cho nhân loại. Phải chăng có điều gì đó trong bản chất của Đức Chúa Trời đòi hỏi thời gian để quay về với nội tâm, lánh khỏi những hoạt động bên ngoài, hướng về sự tương giao tĩnh lặng giữa ba ngôi của Đức Chúa Trời Ba Ngôi? Dường như có một sự ngụ ý rằng sự nghỉ ngơi định kỳ là điều thuộc về bản chất của Đức Chúa Trời. Và đây là lý do để Ngài thiết lập cùng một khuôn mẫu như vậy cho những ai được dựng theo hình ảnh của Ngài.

Giả sử việc nghỉ của Ngài chỉ mang ý nghĩa tượng trưng, nhằm phục vụ như là khuôn mẫu cho nhân loại? Thì tiêu chuẩn hoạt động được củng cố, nếu có thể nói được như thế. Nhu cầu của nhân loại cần phải đều đặn có một ngày nghỉ là một phần trong bản chất của họ, và từ buổi ban đầu chính Đức Chúa Trời cảm thấy cần thiết để tạo nên khuôn mẫu hoạt động này.

Nhưng tại sao Đức Chúa Trời đã cẩn thận lấy một phần bảy thời gian của một người và đưa nó vào sự ràng buộc pháp lý cho mục đích tín ngưỡng? Bởi vì Đức Chúa Trời yêu chúng ta Ngài mong muốn được ở với chúng ta – một trong những mặc khải kỳ diệu nhất trong Kinh Thánh. Đúng vậy, Ngài muốn chúng ta là những người đồng công với Ngài trong công việc sáng tạo và cứu chuộc của Ngài. Giống như hai người yêu nhau, sau một thời gian dài yên lặng, họ có thể dừng những công việc thường ngày và dành thời gian cho nhau mà không vội vã, cũng vậy Đức Chúa Trời tạo nên một món quà thời gian đặc biệt với người Ngài yêu, thời gian đó là “thánh,” được biệt riêng cho mục đích tình bè bạn. Chúng ta đáp ứng như thế nào? Chúng ta có thể từ chối món quà của Ngài và dành thời gian đó một cách

ích kỷ cho mục đích riêng của mình, hay chúng ta trao lại cho Ngài một phần bảy thời gian của chúng ta để nói lên một thực tại rằng tất cả thời gian của chúng ta là của Ngài.

Sự trao đổi quà là tốt đẹp làm sao, món quà điều răn nhân từ của Ngài và món quà vâng lời của chúng ta – thời gian ở với người mà mình yêu! Món quà đó là điều mà chúng cần để làm tươi mới tâm trí và thân thể của chúng ta. Hơn thế nữa, món quà đó là điều mà Ngài mong muốn, và chúng ta cực kỳ cần để xây dựng mối quan hệ của chúng ta với Ngài và gia đình Ngài.

Nếu người trở lại, giữ chân mình khỏi phạm ngày sa-bát, không làm theo ý mình trong ngày thánh của Ta; nếu người xem ngày sa-bát là ngày vui thích, ngày thánh của Đức Giê-hô-va là đáng trọng; nếu người tôn trọng ngày đó, không đi đường riêng, không làm theo ý riêng, và không nói những lời vô bổ; thì bây giờ, người sẽ được vui thỏa trong Đức Giê-hô-va (Ê-sai 58:13-14).

Ngày nghỉ được lập nên như một dấu hiệu cho Y-sơ-ra-ên về sự cứu chuộc lớn lao khỏi Ai-cập của Đức Chúa Trời (Phục 5:15), nhưng nó không có nguồn gốc giống như sinh tế động vật, điều mà cũng được thiết lập như là dấu hiệu cho sự cứu chuộc khỏi Ai-cập của Đức Chúa Trời, bắt đầu từ lễ Vượt Qua. Hệ thống tế lễ là dành cho nhân loại tiền Áp-ra-ham, cho cả nhân loại. Ngày nghỉ được thiết lập như là dấu hiệu giao ước giữa Đức Chúa Trời và Y-sơ-ra-ên (Xuất 31:13), nhưng điều này không có nghĩa là ngày nghỉ được lập nên không có gì khác hơn phép cắt bì được thiết lập bắt đầu cho Áp-ra-ham. Nó đã tồn tại giữa nhân loại từ thời xa xôi không thể nhớ nhưng được chọn như là dấu hiệu giao ước giữa Đức Chúa Trời và Áp-ra-ham.

Khi Đức Chúa Trời viết ra Mười Điều Răn, Ngài đã tuyên bố rõ ràng về nguồn gốc của điều răn cụ thể này.

Hãy nhớ ngày nghỉ để giữ làm ngày thánh... Vì trong sáu ngày Đức Giê-hô-va đã tạo dựng trời, đất, biển, và muôn vật ở trong đó, nhưng Ngài nghỉ ngày thứ bảy. Vì vậy, Đức Giê-hô-va ban phước cho ngày nghỉ và thánh hóa ngày ấy (Xuất 20 :8, 11).

Một số người cho rằng việc biệt riêng ngày nghỉ trong Sáng Thế Ký 2 không hề được nhắc đến cho đến Xuất Ê-díp-tô ký 16:26-30 khi liên hệ đến việc ban bánh ma-na (trước sự kiện Si-nai) có một ý nghĩa. Tuy nhiên, ý nghĩa của sự bỏ quên này cũng chẳng quan trọng gì hơn ý nghĩa của sự bỏ quên chín điều răn còn lại trong cùng khoảng thời gian đó. Ít nữa, điều răn thứ tư có được đặc ân là nó được phát biểu một cách rõ ràng từ lúc ban đầu.

## QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CHRIST VỀ NGÀY NGHỈ

Chúa Jêsus Christ nói vâng và không đối với những luật lệ ngày Sa-bát. Đấng Christ nói vâng với ngày nghỉ, nhưng lớn tiếng nói không với những luật lệ được thêm thắt bởi các thầy thông giáo. Ngài đấu tranh liên tục với các thầy thông giáo về cách giải nghĩa luật pháp của họ, họ đã xây những hàng rào phức tạp xung quanh luật pháp để bảo vệ nó.

John Wesson viết cuốn *Christian Graduate* để giải phóng những người Tin Lành khỏi truyền thống Thanh Giáo về Sa-bát Cơ Đốc. Tuy nhiên, ông phải thừa nhận rằng:

Thái độ của chính Chúa Jêsus đối với Mười Điều Răn rất là quan trọng ở đây. Chúng ta không thể hiểu lời nói và hành động của Ngài nếu bỏ qua điều răn thứ tư – chúng tôi vượt trong việc chống lại sự lạm dụng và hiểu sai về điều răn. Chính Ngài đã giữ ngày thứ bảy thoát khỏi những cảm đoán vô lý của nó (Lu-ca 4:16; Ma-thi-ơ 12:12).<sup>2</sup>

Ngày nghỉ được lập nên cho con người để Con Người làm Chúa của ngày Sa-bát. Một số người giải thích điều này có nghĩa là tất cả con loài người (nhân loại) là chúa của ngày Sa-bát và có thể làm bất cứ điều gì họ muốn trong ngày này. Tuy nhiên không thể giải thích phân đoạn Kinh Thánh này như vậy bởi vì “Con Người” là từ ngữ mà Đấng Christ dùng để liên hệ đến chính Ngài là Đấng Mết-si-a. Theo phân đoạn Kinh Thánh song hành Ma-thi-ơ 12, ngay trước đó Ngài phán “Con Người là Chúa của ngày Sa-bát,” Ngài xem Con Người là “cao trọng hơn đền thờ,” một sự liên hệ rõ ràng về chính Ngài.

Đấng Christ nói chính Ngài là Chúa của ngày Sa-bát. Điều này có nghĩa là gì? Trước hết, chúng ta biết rằng Đấng Christ không đến để hủy phá luật pháp, nhưng để hoàn tất luật pháp (Ma-thi-ơ 5:17-19).

“Hoàn tất luật pháp” có vài nghĩa, như chúng ta đã nói trong chương bàn về luật pháp. Nó có nghĩa là Ngài đã vâng theo luật pháp. Đây là lý do tại sao Ngài vào nhà hội trong ngày Sa-bát, và tại sao Ngài vâng theo hết thầy luật đạo đức Cựu Ước mặc dù Ngài chống đối sự giải nghĩa của các thầy thông giáo.

Ngày nghỉ như là một ngày đặc biệt, theo cách nào đó, nó cũng giống như ban đêm. Con người phải có vài giờ đồng hồ để nghỉ ngơi mỗi đêm. Bình thường, người khỏe mạnh thích rằng họ có thể ngủ và nghỉ ngơi vào ban đêm. Họ không cảm thấy đó là công việc khó nhọc mà họ phải làm. Tuy nhiên, cũng có một số điều cần phải làm vào ban đêm, và trong trường hợp khẩn cấp người ta có thể bỏ qua thì giờ nghỉ ngơi. Tương tự như vậy, Đấng Christ cho biết rằng có những trường hợp ngoại lệ cho luật về ngày nghỉ và cũng có những tình

---

<sup>2</sup> John Wesson, "Sunday, Puzzling Sunday," *Christian Graduate*, September 1973, 69.



huống khẩn cấp. Ngài phán rằng không có vấn đề gì nếu xay lúa một cách bất thường để chuẩn bị thức ăn cần thiết (Mác 2:23-27). Ngài phán rằng chẳng có vấn đề gì nếu cho gia súc uống nước trong ngày Sa-bát (Lu-ca 13:15). Thực tế, Ngài đã ra lệnh cho người bại vác giường về nhà (Giăng 5:8). Vì thế có “những công việc cần thiết” cần phải tiếp tục làm trong ngày nghỉ, và Đấng Christ chống lại chủ nghĩa luật pháp khô cứng làm tổn thương con người thay vì giúp đỡ họ. Sau đó, Đấng Christ chữa lành trong ngày nghỉ (Mác 3:1-5), và Ngài tỏ ra giận dữ với các lãnh đạo tôn giáo vì họ cho rằng Ngài không nên chữa lành người đó. Theo sự dạy dỗ của các thầy thông giáo, chữa lành vào ngày Sa-bát Do Thái là sai trật. Ngài rất giận họ bởi vì “những công việc khẩn cấp” không chỉ hợp pháp để làm, mà còn là một phần cần thiết trong ngày nghỉ: chữa lành người bệnh, kéo gia súc lên khỏi hầm hố (Ma-thi-ơ 12:11; Lu-ca 14:5). Vậy sự ngoại lệ của luật nghỉ ngơi đó là những công việc cần thiết và khẩn cấp.

Có những công việc liên quan đến sự phục Chúa (Ma-thi-ơ 12:5). Đối với những lãnh đạo thuộc linh ngày nghỉ là ngày bận rộn nhất. Nhưng đó là sự phục đặc biệt đối với Chúa của ngày nghỉ và dân sự của Ngài, giúp cho họ có thể thờ phượng và phục vụ.

Cuối cùng, Con Người, Đấng Mết-si-a, là Chúa của ngày Sa-bát. Ngài hoàn tất luật pháp qua sự làm trọn những luật nghi lễ của Cựu Ước. Toàn bộ hệ thống tế lễ đã được hoàn tất trong Đấng Christ; nó là cái bóng, còn Ngài là thực tại. Điều này cũng đúng đối với những nơi thánh. Đấng Christ dạy rằng trong ngày hầu đến người ta sẽ không thờ phượng tại Giê-ru-sa-lem (Giăng 4:21-24). Vấn đề không phải là nơi chốn mà là mối quan hệ. Vì thế Đấng Christ đến để làm trọn luật pháp bởi làm ứng nghiệm các lời tiên tri và hình bóng về hệ thống lễ nghi qua sự sống và sự chết của chính Ngài. Ngài kết thúc những khía cạnh lễ nghi tạm thời của luật pháp, trong khi đó củng cố luật pháp qua tấm gương và sự dạy dỗ về sự đời đời, những yếu tố đạo đức của sự mặc khải Cựu Ước. Ngày nghỉ hàng tuần là thuộc loại nào – nó đã được làm trọn tính nghi lễ trong Đấng Christ hay nó là một bổn phận đạo đức cần phải thực hiện liên tục? Theo cách sống và lời dạy của Ngài dường như nghiêng về bổn phận đạo đức cần phải thực hiện liên tục để vâng giữ điều răn thứ tư, nhưng lột bỏ khỏi nó tất cả sự thêm thắt của các thầy thông giáo.

## QUAN ĐIỂM CỦA PHAO-LÔ VỀ NGÀY NGHỈ

Phao-lô dạy những Hội thánh dân ngoại rằng Kinh Thánh là uy quyền của họ và lời dạy của Đấng Christ là thẩm quyền tối cao.

Kinh Thánh mà những Cơ Đốc Nhân này có chỉ là Cựu Ước, đầu những lời dạy của Đấng Christ và những câu chuyện về tiểu sử của Đấng Christ bắt đầu lưu hành. Những thư tín của Phao-lô được xác nhận bởi Phi-e-rơ như là Kinh Thánh và vì thế có thẩm quyền tương đương với phần còn lại (2 Phi-e-rơ 3:16). Thực ra, chúng ta tin rằng sự mặc khải của Đức Chúa Trời phát triển trong con người, công việc, và lời dạy dỗ của Chúa Jê-sus Christ và nó đã phát triển xa hơn trong sự giải thích về con người, công việc, và lời dạy của Chúa Jê-sus trong các thư tín của các sứ đồ. Tuy nhiên, nếu thẩm quyền của Kinh Thánh phải được duy trì nguyên vẹn, mọi nỗ lực cần phải được thực hiện để làm những lời dạy trong Kinh Thánh hài hòa với nhau. Chúng ta không thể cho phép những mâu thuẫn tồn tại trong Kinh Thánh mà không tìm kiếm làm cách để hài hòa chúng lại với nhau. Sự mặc khải sau có thẩm quyền giải thích sự mặc khải trước. Tuy nhiên, trừ khi sự mặc khải sau (qua Chúa Jê-sus Christ hoặc qua các sứ đồ) loại trừ một cách rõ ràng hoặc bãi bỏ sự mặc khải trước, sự mặc khải trước phải được giữ.

Câu hỏi được đặt ra: Có phải trong Rô-ma và Cô-lô-se, Phao-lô chủ tâm bãi bỏ lời dạy trong Sáng Thế Ký 2, Xuất Ê-díp-tô ký 20, và của Chúa Jê-sus?

Nếu Phao-lô, khi quả quyết một cách kiên định về Mười Điều Răn, có ý định bao gồm điều răn thứ tư, ông có ý gì khi ông nói, “đừng để ai xét đoán anh em... về ngày lễ, ngày trăng mới, hoặc ngày sa-bát” (Cô-lô-se 2:16), và “Người này cho rằng ngày này tốt hơn ngày kia, còn người khác thì coi mọi ngày đều như nhau; mỗi người hãy tin chắc ở trí mình” (Rô-ma 14:5)?

Những ngày Sa-bát hằng tuần bắt đầu tại vườn Ê-đen, nhưng những ngày Sa-bát không phải hằng tuần chỉ từ núi Si-nai. Mối quan hệ giữa hai Sa-bát “đạo đức” và Sa-bát lễ nghi tương tự như mối quan hệ giữa luật đạo đức và luật lễ nghi. “Như Thomas Boston viết về ngày Sa-bát hằng tuần rằng, ‘Nó được Đức Chúa Trời lập ra và ban cho A-đam khi ông còn chưa phạm tội, trước khi có những nghi lễ bị cất bỏ bởi sự đến của Đấng Christ’ (Sáng Thế Ký 2:3).”<sup>3</sup>

Paul Jewett cũng viết trong giọng điệu tương tự:

Nhiều người khẳng định rằng điều Phao-lô muốn nói ở đây là Cơ Đốc Nhân được tự do khỏi tất cả sự phân biệt về ngày. Nhưng như vậy cũng rất khó nếu sự phân chia thời gian trong tuần cần được chấp nhận trong các nhóm Cơ Đốc Nhân tại nơi làm việc. Thực tế là ông đã nhóm với những Cơ Đốc Nhân này để bẻ bánh vào một ngày đã định như ngày Sa-bát (Công vụ 20:7) và ông đã định vào cùng một ngày đó biệt riêng tiền bạc để dâng giúp cho các thánh đồ nghèo khó tại Giê-ru-sa-lem (1 Cô-rinh-tô

---

<sup>3</sup> Francis Nigel Lee, *The Covenantal Sabbath* (London: The Lord's Day Observance Society, 1969), 28.

16:2-3) chứng tỏ rằng ông không chỉ biết rằng Cơ Đốc Nhân đã phân biệt ngày này với những ngày khác, sử dụng nó cho sự thờ phượng, mà còn đồng ý sự phân biệt này bởi chính mình ông phân biệt nó.

Nếu ông coi những ngày đều như nhau theo nghĩa đen, tại sao ông định ra một ngày cụ thể dùng cho sự phục vụ tín ngưỡng (2 Cô-rinh-tô 9:12), và ngày đó lại tái diễn hàng tuần (1 Cô-rinh-tô 16:12)? Làm như vậy, chính Phao-lô đã xem ngày thứ nhất trong tuần hơn những ngày khác. Vì thế, thật không thuyết phục khi dồn ép lời tuyên bố của Phao-lô trong Rô-ma 14:5 một cách quá đáng, không cho phép có sự phân biệt giữa các ngày, như thể ông cho Giăng là người theo chủ nghĩa Do-thái vì gọi một ngày trong tuần là Ngày của Chúa (Khải Huyền 1:10), cho nó trội hơn những ngày khác.

Ông liên hệ đến điều gì khi ông nói người này cho rằng ngày này tốt hơn ngày kia, còn người khác thì coi mọi ngày đều như nhau? Chúng ta không thể biết chắc chắn. Vì ngữ cảnh nói về những cảm đoán trong việc ăn uống, một số người nghĩ rằng ông đang nói về việc biệt riêng ra những ngày nào đó để kiêng ăn. Nên nhớ Hội thánh tại Rô-ma có một nhóm lớn người Do Thái, thật hợp lý rằng tâm trí ông nghĩ đến những ngày Sa-bát Do Thái và những ngày thánh khác, những ngày mà các Cơ Đốc Nhân Do Thái có quyền coi trọng và những Cơ Đốc Nhân dân Ngoại Bang có thể bỏ qua, tùy theo bối cảnh xuất thân của mỗi người. Rõ ràng ông không nghĩ rằng ai đó sẽ phân tích sự phê phán của ông chống lại sự vâng giữ cách máy móc những ngày lễ, ngày trăng mới, và ngày Sa-bát (Cô-lô-se 2:16) hoặc sự kêu nài của ông cho sự tự do trong việc đánh giá các ngày (Rô-ma 14:5) theo nghĩa ông chống lại sự tuân giữ sự phân chia thời gian trong tuần, hay lãnh đạm trong việc định ra ngày đầu tiên trong tuần lễ dành cho sự thờ phượng.<sup>4</sup>

Điều dễ thấy trong lời dạy của Phao-lô là hệ thống nghi thức tế lễ và những ngày thánh đã được làm trọn trong Đấng Christ và nó không còn ràng buộc cho Cơ Đốc Nhân nữa. Có phải ông muốn nói điều gì hơn điều này không? Có phải lời dạy của Đấng Christ liên quan đến uy quyền của Ngài trên ngày nghỉ như là sự ám chỉ rằng Ngài muốn bãi bỏ một trong các điều răn và gạt bỏ trật tự của sự sáng tạo chẳng? Một số người tin như vậy. Theo họ, Phao-lô chỉ đơn giản đi theo điều mà Đấng Christ ngụ ý và tiến đến sự bãi bỏ điều răn cụ thể này.

Nhưng sự giải thích như vậy đã đi quá xa. Dường như nó nghịch lại với những dạy dỗ khác của Phao-lô liên quan đến luật pháp và bổn phận của Cơ Đốc Nhân là phải vâng theo luật đạo đức trong khi hoàn toàn được tự do khỏi những yêu cầu và trách nhiệm mà hệ thống luật lễ nghi đòi hỏi. Chắc chắn nó cũng nghịch lại với sự dạy dỗ của Đấng Christ liên quan

---

<sup>4</sup> Paul K. Jewett, *The Lord's Day* (Grand Rapids: Eerdmans, 1971), 77-79.

đến sự tuân giữ ngày nghỉ, và sự giải thích như vậy cắt xén uy quyền của Mười Điều Răn và của nguồn gốc ngày nghỉ trong hoạt động của Đức Chúa Trời, nếu không muốn nói là trong bản chất của Đức Chúa Trời. Sự giải thích hợp lý cho ý định của Phao-lô phải nhìn thấy rằng ông đã khẳng định toàn bộ Mười Điều Răn, bao gồm điều răn thứ tư, như là luật đạo đức đời đời của Đức Chúa Trời, trong khi bãi bỏ toàn bộ hệ thống các ngày thánh, ngày lễ, ngày kiêng ăn của hệ thống tôn giáo cũ, xem nó không còn ràng buộc trên những người theo Đấng Christ nữa.

### THƯ TÍN HÊ-BO-RƠ NÓI VỀ NGÀY NGHỈ

Các nhà Cải Chánh sử dụng sự dạy dỗ của thư tín Hê-bơ-rơ (3:7 – 4:11) để chỉ ra rằng Đấng Christ đã làm trọn luật ngày Sa-bát để chúng ta có thể bước vào sự yên nghỉ khỏi tội lỗi, và vì thế tất cả các ngày được xem là như nhau. Dầu phần Kinh Thánh này không nói rõ về sự yên nghỉ hiện tại chúng ta có trong Đấng Christ, sự dạy dỗ mạnh mẽ hơn trong phần Kinh Thánh này là sự yên nghỉ tồn tại đối với dân sự của Đức Chúa Trời. Thiên đàng là tiêu điểm của phân đoạn Kinh Thánh này. Trường hợp này cũng tương tự như sự dạy dỗ mang tính hình bóng và tiên tri trong Kinh Thánh, những lời dạy bao gồm hai phần: ứng dụng và ứng nghiệm. Có sự yên nghỉ hiện tại và có sự yên nghỉ cuối cùng. Hãy xem lời phát biểu của Jewett.

Thật quan trọng để nhớ rằng sự ứng nghiệm Cựu Ước trong Chúa Jêsus Christ là sự ứng nghiệm trong nguyên tắc, nhưng chưa phải là ứng nghiệm cuối cùng. Trong Đấng Christ, chúng ta vừa có sự cứu rỗi vừa hy vọng về sự cứu rỗi đã được hứa cho dân Y-sơ-ra-ên ngày xưa. Cả Tân Ước phản chiếu sự căng thẳng căn bản giữa sự trình bày về sự ứng nghiệm trong hiện tại và mệnh lệnh về sự hoàn tất trong tương lai. Theo quy luật này, luật về ngày Sa-bát không có ngoại lệ. Sự làm trọn sự yên nghỉ ngày Sa-bát mà chúng ta có trong Đấng Christ không chỉ là một thực tế hiện tại, nhưng nó cũng là niềm hy vọng tương lai. Những ai ở trong Đấng Christ tìm thấy sự yên nghỉ cho linh hồn mình, tuy nhiên họ cũng cần phải hết sức sốt sắng để bước vào sự yên nghỉ của Đức Chúa Trời. Nguyên tắc ngày Sa-bát vừa là lễ nghi Cựu Ước, điều đã được ứng nghiệm và hoàn tất trong Đấng Christ, vừa là phạm trù lịch sử cứu chuộc giải thích lâu dài, có những hàm ý mang tính hạn định lai thế. Vì vậy, Cơ Đốc Nhân vừa được tự do khỏi luật ngày Sa-bát để nhóm lại vào ngày thứ nhất, vừa ở dưới dấu hiệu của luật ngày Sa-bát mà bởi đó họ nhóm lại vào ngày thứ bảy.<sup>5</sup>

Theo các nhà Cải Chánh, khi Giảng nói với độc giả của mình rằng ông ở trong Thánh Linh vào Ngày của Chúa, ông không thể cho rằng mọi ngày là Ngày của Chúa. Ý định của ông là xác định ngày đặc biệt là ngày mà những khái niệm đã đến với ông. Ông đang phân biệt các ngày; ngày quý trọng hơn những ngày khác là ngày đặc biệt thuộc về Chúa. (Cho một ngày là Ngày của Chúa không có nghĩa là từ chối những ngày khác không thuộc về Ngài, điều đó chẳng khác gì gọi một bữa ăn là tiệc thánh là từ chối những bữa ăn khác các Cơ Đốc

---

<sup>5</sup> Sách đã dẫn, 82.

Nhân không có sự thông công với Chúa, không thừa nhận một cách biết ơn những lợi ích của Ngài khi họ dùng những bữa ăn đó). Và ngày đặc biệt đó, ngày các các Cơ Đốc Nhân nhóm lại để thông công với Chúa phục sinh, như những môn đồ làm trong ngày Chúa phục sinh, xảy ra không phải hàng tháng hay hằng năm, nhưng mà là hằng tuần, theo như sự phân chia thời gian mà qua Môi-se Chúa đã chỉ định.<sup>6</sup>

Có lẽ có người thuyết phục rằng đơn giản vì tất cả tài sản của chúng ta đều thuộc về Đức Chúa Trời, cho nên chúng ta không cần phải dâng một phần cho Ngài nữa. Một lần nữa, tranh luận rằng được cứu là được yên nghỉ trong Đấng Christ cho nên điều răn cũ về sự yên nghỉ thể lý phải bị bãi bỏ cũng giống như tranh luận rằng vì mối quan hệ hôn nhân thật và đời đời của chúng ta là mối quan hệ hôn nhân với Đấng Christ bắt đầu trong hiện tại và được ứng nghiệm hơn tại tiệc cưới Chiên Con, cho nên luật hôn nhân thể lý tạm thời bây giờ không còn hiệu lực nữa. Patrick Fairbairn tranh luận về điều này rằng:

Chúng ta hỏi, định chế hôn nhân là vì mục đích gì?... Có phải ông cảm thấy chính ông đã biện hộ và cho rằng bởi vì sau khi Đấng Christ hiện ra, sự hiệp nhất trong hôn nhân được xem như là một biểu tượng cho hiệp nhất của Đấng Christ với Hội thánh, cho nên nghi lễ theo nghĩa đen bị thay đổi hoặc suy yếu? Chắc chắn không. Tại sao cần phải có cách cư xử khác đối với ngày Sa-bát? Theo như nguồn gốc của nó, nó là một định chế tích cực, và cũng có thể nó được thiết lập từ lúc ban đầu để phục vụ như là sự tượng trưng cho những điều thuộc linh – sự tượng trưng cho sự yên nghỉ phước hạnh, sự yên nghỉ mà con người được gọi đến để vui hưởng trong Đức Chúa Trời. Nhưng giữa hai khía cạnh, hầu như nó đứng nghiêng về nghi lễ hôn nhân; cả hai cùng có định chế dựa trên hành động và sự bổ nhiệm ban đầu của Đức Chúa Trời; cả hai đều có sự bắt đầu từ khi thời gian được khai sinh – trong một thế giới không sa ngã, một thế giới không cần phải có sự ứng nghiệm cho những hình bóng của sự cứu chuộc, cho nên không có hình bóng nghi lễ nào của những điều này có thể có chỗ ở đây. Và cả hai được định phải tồn tại cho đến khi những bài hát của những người được chuộc bắt đầu vang lên trong sự vinh quang của một thế giới được phục hồi.<sup>7</sup>

## TÓM TẮT NHỮNG BẢNG CHỨNG KINH THÁNH

Chúng ta tin rằng luật về ngày nghỉ đã được thiết lập bởi Đức Chúa Trời vào lúc sáng tạo qua gương mẫu và nghi lễ. Khi thời điểm để Ngài bày tỏ trong thể thức lâu dài một bản tóm tắt các yêu cầu đạo đức của Ngài dành cho con người, thì điều răn về ngày nghỉ cũng được bao gồm trong đó. Nó cũng kết hợp với hệ thống lễ nghi như một dấu hiệu cho sự cứu chuộc và mối liên hệ giao ước. Những năm sau đó, thầy dạy luật, những người không có uy quyền để viết Kinh Thánh hoặc trình bày sự mặc khải uy quyền về ý muốn Đức Chúa Trời, đã tạo ra

<sup>6</sup> Sách đã dẫn, 81.

<sup>7</sup> Patrick Fairbairn, *The Typology of Scripture: The Divine Dispensations*, vol. 2, 4th ed. (Edinburgh: T. & T. Clark, 1864), 128-29.

một bản trích yếu khổng lồ về bổn phận trong việc tuân giữ ngày Sa-bát. Khi Chúa Jêsus đến, Ngài phán dạy trong uy quyền và cất bỏ tất cả những điều thêm thắt của các thầy dạy luật. Ngài đã minh họa các loại công việc có thể được làm trong tinh thần ngày Sa-bát. Những công việc cần thiết, vì lòng thương xót, và phục vụ Đức Chúa Trời không phải là sự xúc phạm ý định của Chúa trong việc ban điều răn, đúng hơn nó là một phần trong ý định của Ngài. Như vậy đã rõ ràng.

Nhưng còn Phao-lô và Hội thánh đầu tiên thì sao? Sự vâng lời của ông đối với mạng lệnh của Đấng Christ “dạy họ giữ tất cả mọi điều mà Ta đã truyền cho các ngươi” là quá rõ ràng. Sự khẳng định về uy quyền của Kinh Thánh một cách tổng quát và luật đạo đức một cách cụ thể thật rõ ràng. Sự đấu tranh không ngừng của ông chống lại việc sử dụng luật pháp như là phương tiện cho sự cứu rỗi và chống lại bản chất ràng buộc của hệ thống nghi lễ của Giao Ước Cũ thật quá rõ. Chúng ta phải hiểu những phân đoạn Kinh Thánh trong sách Rô-ma và Cô-lô-se trong ánh sáng của sự sáng tỏ của Phao-lô trong những điều khẳng định tuyệt vời này. Nếu không chúng ta sẽ cởi mở chính mình cho sự giải kinh mà cuối cùng nó không chỉ làm xói mòn uy quyền của Mười Điều Răn, mà còn uy quyền của Cựu Ước và cuộc đời trên đất và sự dạy dỗ của Đấng Christ. Nó sẽ làm xói mòn những uy quyền này bởi vì nó phê chuẩn sự giải kinh dựa trên việc dùng một phân đoạn không rõ nghĩa để gạt bỏ sự dạy dỗ của nhiều phân đoạn rõ nghĩa hơn, và sau cùng nó làm như vậy với một phân đoạn mà có lẽ không quá khó hiểu. Nếu Rô-ma 14 và Cô-lô-se được vào cuộc, thì cách giải thích bình thường nhất sẽ là Phao-lô không nói nghịch lại ngày nghỉ, nhưng đúng hơn ông nói nghịch lại toàn bộ hệ thống nghi lễ Sa-bát.

## NGÀY CHÚA NHẬT TRONG LỊCH SỬ HỘI THÁNH

Chúa Jêsus Christ đã ở trong mộ vào ngày nghỉ của người Do Thái. Ngài đã phục sinh từ cõi chết vào ngày mà sau này được gọi là ngày thứ nhất của tuần lễ. Và tất cả sự xuất hiện của Ngài sau phục sinh mà chúng ta biết được cũng vào ngày thứ nhất, và Đức Thánh Linh giáng lâm vào ngày lễ Ngũ Tuần cũng vậy. Theo cách như vậy, Chúa của chúng ta đặt ấn của Ngài trên ngày thứ nhất của tuần lễ, theo một phương cách đặc biệt, như là Ngày của Chúa. Vì vậy Hội thánh đầu tiên đã lập tức bắt đầu nhóm lại để thông công và thờ phượng vào ngày thứ nhất trong tuần lễ.

Cơ Đốc Nhân Do Thái vẫn tiếp tục giữ ngày thứ bảy như là ngày nghỉ. Trên phương diện lịch sử, chúng ta biết rất ít về sự chuyển đổi từ ngày thứ bảy sang ngày thứ nhất đã xảy ra như thế nào. Điều chắc chắn là các Cơ Đốc Nhân đã quý trọng ngày thứ nhất và những Hội

thánh người Ngoại Bang tăng thêm không cảm thấy bị ràng buộc với ngày nghỉ của người Do Thái.

Sự suy đoán có tính thuyết phục ấy là phần lớn những Cơ Đốc Nhân đầu tiên, như những người nô lệ, thật sự không có ngày nghỉ gì cả theo như cách chúng ta hiểu về ngày nghỉ. Lúc đầu họ gặp nhau để thờ phượng vào buổi tối, sau đó điều này bị cho là bất hợp pháp, họ gặp nhau trước bình minh vào Ngày của Chúa. Từ những tác phẩm của các Giáo Phụ chúng ta biết rõ rằng Cơ Đốc Nhân làm việc vào ngày Chúa Nhật cho đến khi có sắc lệnh của Constantine biến nó thành ngày nghỉ chính thức. Cho đến lúc đó, các giáo phụ của Hội thánh chỉ thị các Cơ Đốc Nhân phải làm việc và không được nhàn rỗi vào ngày thứ nhất trong tuần. Tại sao họ nhấn mạnh điều này? Và tại sao Constantine chọn ngày Chúa Nhật như là ngày nghỉ nếu không có tiền lệ trong vòng các Cơ Đốc Nhân, những người mà ông muốn hòa mình với họ?

Sau sắc lệnh của Constantine (321 SC), các Giáo Phụ bắt đầu yêu cầu áp dụng luật về ngày Sa-bát vào ngày đầu tiên của tuần lễ. Cách giải thích này trở nên phổ biến trong vòng Cơ Đốc Giáo cho đến thời của các nhà Cải Chánh. Các nhà Cải Chánh từ chối cách giải thích như vậy, họ cho rằng luật về ngày Sa-bát không còn ràng buộc trên Cơ Đốc Nhân nữa. Nhưng trong thực tế, mỗi nhà Cải Chánh có một cách riêng của mình để bảo vệ việc vâng giữ ngày. Tuy nhiên, quan điểm thần học của họ lại kết hợp với sự lãnh đạo của Công Giáo La Mã đối với vấn đề để rồi cuối cùng tạo nên cái được gọi là “Sa-bát lục địa” – một ngày nghỉ, trái với khái niệm của người Anh và Mỹ về ngày nghỉ thánh.

Trong ba thế kỷ đầu, các Giáo Phụ bị trói buộc bởi cái xã hội mà trong đó không ai trong số họ và những môn đồ của họ có thể được nghỉ. Cho nên họ “khiến Kinh Thánh phục vụ Sê-sa” – họ dạy rằng Kinh Thánh bảo phải làm việc vào ngày Chúa Nhật. Nhưng khi sự tự do được nghỉ được ban ra, các nhà thần học trở về với nền tảng thần học. Có thể nói rằng có những vấn đề song song ở đây ấy là sự thực hành tục đa thê và tục nô lệ, những vấn đề ít được nói cách rõ ràng trong Kinh Thánh hơn luật về ngày nghỉ. Thực ra, ngày nghỉ tràn ngập cả Cựu Ước và các sách Phú Âm, trong khi đó sự bãi bỏ tục đa thê và tục nô lệ không được tìm thấy trong Cựu Ước hoặc Tân Ước ngoại trừ sự ngụ ý. Nhưng những hạt giống của sự thay đổi đã ở đó. Đối với cả hai tục đa thê và tục nô lệ, đạo đức Cơ Đốc tìm kiếm sự thay đổi, mặc dù phải mất hàng thế kỷ đối với tục đa thê và hàng thiên niên kỷ đối với tục nô lệ để quay trở lại với trật tự ban đầu của Đức Chúa Trời. Trong mỗi trường hợp như vậy, văn hóa thường ngăn trở sự phát triển cái ý định của Đức Chúa Trời, nhưng cuối cùng, kế hoạch ban đầu của Đức Chúa Trời cũng đã thắng thế trong xã hội phương Tây.

Sự vâng giữ Ngày của Chúa của người Anh và người Mỹ có nguồn gốc từ đâu, sự vâng giữ mà đã được lưu truyền khắp trong cả hai quốc gia truyền giáo này đến những Hội thánh trẻ hơn trên khắp thế giới? Tại sao sự tin quyết rất mạnh mẽ và đồng nhất, điều khiển luật dân sự trong vài thế kỷ? Quan điểm tin quyết về ngày được định ra như Ngày của Chúa, ngày được xây dựng một cách thần học trên mạng lệnh Kinh Thánh liên quan đến ngày nghỉ, là một món quà trực tiếp đến từ những người Thanh Giáo. Các bậc tiền bối Thanh Giáo của chúng ta đã đề xuất cái thần học về ngày nghỉ và áp dụng nó nơi công cộng cũng như trong đời sống cá nhân. Trong một trong những cuộc cách mạng xã hội đáng kể nhất trong lịch sử, người Thanh Giáo Anh quốc đã dạy và thành công về một xã hội tuân giáo hoàn toàn trong vòng một thế hệ. Các giáo phái Trưởng Lão, Hội Chúng, Giám Lý, và Báp Tít đã kế thừa sự dạy dỗ và thực hành này.

Thật mạnh mẽ với sự dạy dỗ rằng chỉ có những xã hội thế tục hóa hiện đại mới gạt bỏ ngày nghỉ trong xã hội. Thậm chí sau khi sự thế tục hóa hành động để tạo nên những thay đổi trong cái gọi là “luật pháp xanh” cho xã hội rộng lớn, Hội thánh vẫn tiếp tục giữ chắc quan điểm tin quyết về ngày nghỉ trong thế kỷ hai mươi.

### ÁP DỤNG CHO NGÀY HÔM NAY

Chúng ta có thể kết luận rằng ngày nghỉ là một điều tốt, một trong những món quà tốt lành Chúa ban vì lợi ích của nhân loại. Nó là luật hơn là sự gợi ý bởi vì sự gợi ý sẽ không mang lại phước hạnh gì cả. Khía cạnh ràng buộc của ngày nghỉ là giải phóng con người để họ nghỉ ngơi và thờ phượng. Nếu ngày nghỉ chỉ là một sự gợi ý, chúng ta sẽ không được tự do để nghỉ ngơi khỏi những áp lực của cuộc sống và để đến với sự thông công vui vẻ với Đức Chúa Trời và dân sự của Ngài mà không có trở ngại gì. Chúng ta vẫn phải đối mặt với những áp lực và những thất vọng với những bổn phận thế tục. Tuy nhiên, ngày nghỉ yêu cầu đó sẽ giúp chúng ta được tự do.

Nếu sự dạy dỗ của Phao-lô không chắc ràng buộc Cơ Đốc Nhân phải giữ ngày nghỉ đặc biệt, thì nó cũng không chắc chắn bãi bỏ lời dạy lời dạy quân bình của Kinh Thánh trong việc biệt ra một ngày đặc biệt để nghỉ ngơi và thờ phượng. Vì vậy, chúng ta hãy tích cực chọn điều mà chắc chắn làm hài lòng Chúa. Hãy thoát ra khỏi công việc hằng ngày của chúng ta để dành một ngày ở trong sự tương giao với Ngài và phục vụ Ngài, điều đó chắc chắn sẽ làm hài lòng Ngài thậm chí còn hơn của lễ dành cho Ngài, một phần trong tất cả những gì chúng ta có tượng trưng cho thực tế rằng tất cả đều thuộc về Ngài. Cách duy nhất để sự tuân giữ cẩn thận điều răn về ngày nghỉ làm phật lòng Chúa chúng ta ấy là chúng ta xem việc tuân giữ đó như là phương tiện để được xứng đáng hoặc được sự cứu rỗi.



Trong ánh sáng của hành động của Đức Chúa Trời trong việc nghỉ sau những công việc, sự biệt ra thời gian một ngày thánh cho chính Ngài, những mạng lệnh trong Kinh Thánh liên quan đến ngày nghỉ, gương mẫu và sự dạy dỗ của Chúa Jêsus Christ trong việc xác nhận và giải thích tiêu chuẩn Cựu Ước, và sự vâng giữ ngày đầu tiên trong tuần lễ của Hội thánh thời Tân Ước như là một ngày đặc biệt để thờ phượng, chúng ta phải nhìn nhận ngày Chúa Nhật như là một ngày đặc biệt để nghỉ, thờ phượng và phục Ngài.

Trong một thời đại dầm thấm chủ nghĩa nhân văn, thời đại mà con người là trung tâm, lẽ thật “Đức Chúa Trời phải là trên hết!” vang rền từ núi Si-nai. Bảng luật thứ nhất của Mười Điều Răn công bố sứ điệp tối thượng: “Hỡi nhân loại, trước hết hãy bảo vệ mối quan hệ của các người với Đức Chúa Trời của các người. Nếu mối quan hệ đó là đúng, các người sẽ sống. Nếu mối quan hệ đó sai trật, các người sẽ chết.”

Trong khi ôn lại, hãy để rằng mọi đề tài mà chúng ta học cơ bản đều đặt trung tâm vào Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta tiếp tục học, chúng ta sẽ thấy rằng mọi tiêu chuẩn cho đời sống đều như vậy. Cũng hãy lưu ý rằng, nếu tiêu chuẩn nào không đặt Đức Chúa Trời lên trên hết, thì nó sẽ nhanh chóng đi đến chỗ vô nghĩa và bất lực, thậm chí nó trở nên sự thật nữa vởi đem lại sự hủy diệt.

*Tình yêu* thật bắt đầu và kết thúc với Đức Chúa Trời. Ngài bảo vệ nó bởi chính phẩm chất của Ngài, và tất cả tình yêu khác chỉ phát huy tiềm năng của chúng khi chúng đều phục dưới tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, xem Ngài là tối cao. *Luật pháp* đặt nền tảng trên bản chất của Đức Chúa Trời – nó là ý muốn được bày tỏ của Đức Chúa Trời rằng chúng ta phải trở nên giống như Ngài. Vì thế, vi phạm luật pháp của Ngài tức là xúc phạm chính Ngài. Kẻ có quyền trong vòng loài người nhận lấy uy quyền từ nơi Đức Chúa Trời và phải chịu trách nhiệm với Ngài về việc bãi bỏ trách nhiệm đó. Những ai ở dưới uy quyền con người phải có trách nhiệm trung thành với chỉ một mình Đức Chúa Trời. Theo kết quả phân tích, *tội lỗi* là sự chống nghịch lại Đức Chúa Trời. Điều này được nhìn thấy qua sự thật rằng tội lỗi là hựt mất sự công bình vinh hiển của Đức Chúa Trời, những tội lỗi trong tâm trí và trong lòng là những tội lỗi có tính chất quyết định, và trên hết tội lỗi là phá vỡ bốn điều răn đầu tiên. *Ham muốn xấu xa* là sự thèm khát mà Đức Chúa Trời ban cho trở nên bị rối loạn; và *tham lam* là thờ hình tượng. *Kiêu ngạo* là bản chất tội lỗi chống nghịch Đức Chúa Trời, vì bởi nó con người cố gắng để chiếm đoạt uy tín của Đức Chúa Trời và thiết lập sự tự trị cho riêng mình. Trong tất cả những thất bại của đạo đức học, thất bại tai hại nhất ấy là nó gạt bỏ Đức Chúa Trời ra ngoài trong chủ thuyết nhân bản chỉ có chiều ngang.

Vì thế, “Đức Chúa Trời trên hết” là điều gì đó phải hơn là điểm xuất phát có tính lý thuyết, nhả nhận thích đáng cho hệ thống đạo đức học. Nó vô cùng thực tế, và thực ra, cách

duy nhất để hòa hợp tất cả các mối quan hệ chiều ngang khác. Đức Chúa Trời trong nhân cách là điểm khởi đầu và kết thúc cho tất cả nền đạo đức học Cơ Đốc.

#### TÀI LIỆU ĐỌC THÊM:

- Carson, D. A., ed. *From Sabbath to Lord's Day*. Grand Rapids: Zondervan, 1982.
- Chantry, Walter J. *Call the Sabbath a Delight*. Carlisle, Pa.: Banner of Truth, 1991.
- Dawn, Marva J. *Keeping the Sabbath Wholly: Ceasing, Resting, Embracing, Feasting*. Grand Rapids: Eerdmans, 1989.
- Edwards, Tilden. *Sabbath Time: Understanding and Practice for Contemporary Christians*. Nashville: Upper Room, 1992.
- Jewett, Paul K. *The Lord's Day*. Grand Rapids: Eerdmans, 1971.
- Lee, Francis Nigel. *The Covenantal Sabbath*. London: The Lord's Day Observance Society, 1969.
- Rordorf Willy. *Sunday: The History of the Day of Rest and Worship in the Earliest Centuries of the Christian Church*. Philadelphia: Westminster, 1968.
- Wilson, Daniel. *The Lord's Day*. Grand Rapids: Eerdmans, 1956.

## CHƯƠNG 7

### GIỚI TÍNH, HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

*Hãy hiếu kính cha mẹ của con.  
Con không được phạm tội tà dâm.*

Kinh Thánh xem tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời cho vấn đề tình dục của con người như là điều quan trọng nhất trong tất cả các mối tương quan giữa con người với con người. Trong Cựu Ước, sự dạy dỗ chống lại tội tà dâm được nhấn mạnh chỉ sau sự dạy dỗ chống lại việc thờ thần tượng. Trong Tân Ước, cả Đấng Christ và các sứ đồ đều nhấn mạnh sự chung thủy trong hôn nhân. Phao-lô đã bao gồm những tội về tình dục mỗi khi ông liệt kê danh sách các tội, và trong một số trường hợp chúng đứng đầu danh sách và được nhấn mạnh một cách đặc biệt. Tại sao Kinh Thánh xem mỗi quan hệ tình dục giữa hai giới rất quan trọng như vậy?

Hơn tất cả các phạm hạnh khác, sự chung thủy trong vấn đề tình dục bày tỏ một cách rõ ràng rằng mục đích của luật pháp là vì lợi ích của con người. Tình dục là một trong những mối quà thú vị nhất của Đức Chúa Trời. Nhưng những thành tích nhầy nhụa trong lịch sử nhân loại và sự đau đớn trong kinh nghiệm cá nhân làm nổi bật một thực tại căn bản rằng sự vui thỏa này chỉ dành riêng cho những ai “đi theo sự chỉ dẫn của Nhà Sản Xuất.”

Kết quả này không có gì đáng ngạc nhiên bởi vì bản chất của con người được thiết kế để phản chiếu bản chất Thiên Thượng, và luật pháp của Đức Chúa Trời đơn giản chính là ý muốn được bày tỏ của Đức Chúa Trời rằng con người cần phải sống theo bản chất đạo đức của Đức Chúa Trời.

Sự phản chiếu bản chất Thiên Thượng này có nhiều khía cạnh. “Hình ảnh” bao gồm bản chất đạo đức của Đức Chúa Trời – và vì vậy nó bao gồm sự chung thủy và thánh sạch – nó cũng bao gồm khả năng để suy nghĩ, sáng tạo, yêu và được yêu, và truyền thông. Trong vòng những đặc điểm bản chất tương tự với Đức Chúa Trời này cũng bao gồm bản năng tình dục: “Đức Chúa Trời sáng tạo loài người theo hình ảnh Ngài. Ngài sáng tạo loài người theo hình ảnh Đức Chúa Trời. Ngài sáng tạo người nam và người nữ” (Sáng 1:27). Cấu trúc văn phạm của câu Kinh Thánh này không đòi hỏi phải có một sự liên kết trực tiếp giữa hai ý tưởng với nhau. Điều chắc chắn là Đức Chúa Trời đã tạo nên loài người trong cách nào đó theo hình ảnh của Ngài, và Ngài đã tạo loài người theo hai mô hình khác nhau: nam và nữ.

Một người đã xây dựng toàn bộ giáo lý trên một quan điểm sai lầm rằng câu này định rõ “hình ảnh” như là bản chất nam/nữ. Dầu Kinh Thánh không nói rằng điều này là yếu tố giống nhau duy nhất hoặc tối cao, một số nhà giải kinh hiện đại dường như tin cho rằng đó là ý nghĩa chính yếu của từ “hình ảnh.” Paul Jewett, Letha Scanzoni, and Nancy Hardesty thuộc

về số này.<sup>1</sup> Thật ra, Jewett nói rằng Karl Barth, một nhà thần học có ảnh hưởng người Đức và cha đẻ của Tân Chính Chông, “là nhà thần học quan trọng đầu tiên thông qua quan điểm này.”<sup>2</sup> Theo quan điểm này, “hình ảnh” có nghĩa là đất Mac-nơ [loại đất gồm đất sét và vôi – ND] là hữu-thể-thông-công, giống trong Đức Chúa Trời Ba Ngôi, và sự thông công nam/nữ là dạng thông công tốt nhất và cao cả nhất. Dầu câu Kinh Thánh này không chứng minh cho một luận điểm như thế, tôi nghĩ chúng ta nên tìm ở đây hoặc đâu đó trong Kinh Thánh ý tưởng rằng tính nam, tính nữ và mối liên hệ giữa chúng, trong một cách mẫu nhiệm nào đó, phản ánh bản chất của Đức Chúa Trời.

Thật sự, không có chỗ nào trong Kinh Thánh định nghĩa từ “hình ảnh” hay giải thích khái niệm này. Nhưng vì Đức Chúa Trời Ba Ngôi là một mà có ba ngôi, và ba ngôi liên kết trong một mối quan hệ cam kết yêu thương, chúng ta có thể thấy trong Đức Chúa Trời một khuôn mẫu lý tưởng cho hôn nhân Cơ Đốc. Khắp nơi trong Cựu ước Đức Chúa Trời được ví như người chồng và Y-sơ-ra-ên như người vợ, và trong Tân Ước Đấng Christ được ví như Chàng Rể và Hội thánh là cô dâu, sự ví sánh như vậy còn hơn những phép ví sánh khéo léo, nó là nỗ lực Đức Chúa Trời để giải thích bản chất những những mối quan hệ thuộc linh đời đời đã được thiết lập trong ngôn ngữ của con người bằng hình ảnh hoặc “bức tranh.” Hôn nhân của loài người dường như được thiết kế kỹ một cách kỹ lưỡng để phản chiếu thực tại đời đời của mối quan hệ tốt nhất trong các mối quan hệ - đó là mối quan hệ giữa Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh và mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời với chúng ta.

Nếu luật hôn nhân phản chiếu bản chất của Đức Chúa Trời và được lập nên vì những lợi ích tốt nhất của con người, vậy tại sao những tiêu chuẩn thường bị vi phạm nhất? Có điều gì minh họa rõ ràng hơn cho sự sa ngã độc lập, kiêu ngạo, ngu dại, bướng bỉnh, mù lòa và ma quái không?

## **NHỮNG XEM XÉT CƠ BẢN VỀ VẤN ĐỀ TÌNH DỤC CON NGƯỜI**

### **NHỮNG KHÁC BIỆT BẨM SINH**

Sự khác biệt rõ ràng nhất giữa người nam và người nữ là sự khác biệt sinh học. Một số người nói rằng đây là sự khác biệt duy nhất, còn những khác biệt khác được tạo nên bởi xã hội.

Dĩ nhiên, nhiều khác biệt được tạo nên bởi xã hội; một số khác biệt phù hợp theo tiêu chuẩn Kinh Thánh, một số khác thì không. Thật hợp lý để có một đội bóng toàn là nam. Nhưng sẽ

---

<sup>1</sup> Paul Jewett, *Man As Male and Female* (Grand Rapids: Eerdmans, 1975); Letha Scanzoni and Nancy Hardesty, *All We're Meant to Be* (Waco, Tex.: Word, 1974).

<sup>2</sup> Jewett, *Man As Male and Female*, 35.

không công bằng khi trả lương cho phụ nữ ít hơn nam giới cho công việc giống nhau. Có những đặc điểm tâm lý bẩm sinh riêng cho mỗi giới không?

Theo truyền thống, hầu hết các xã hội cho là có. Phải chăng sẽ không hợp lý nếu cho rằng những đặc điểm thể lý giúp cho một phụ nữ có thể sinh và nuôi dưỡng con cái nên kèm theo tính tình bên trong để làm mạnh thêm những vai trò đó trong bản thiết kế của Đấng Tạo Hóa?

Thân hình to lớn và sự khỏe mạnh của nam giới cho thấy rằng Đấng Tạo Hóa ý định điều gì đó trong vai trò của họ. Nhưng những giả định này đang bị thách thức một cách mạnh mẽ. Khôn ngoan mới trong dân gian, đến từ các nhà khoa học hành vi, cho rằng tất cả những khác biệt tâm lý giữa hai giới được xã hội hóa; chúng thu được những đặc điểm, chứ không phải là vốn cố hữu. Nếu môi trường quy định tất cả các cô gái trong xã hội chi phối, phải hung hăng và giữ vai trò lãnh đạo, thì phụ nữ sẽ trở nên đúng như vậy. Mặc dù một chỗ trong Kinh Thánh dường như thừa nhận quan điểm truyền thống, như không có chỗ nào cho một câu trả lời dứt khoát cho câu hỏi này. Cho nên để an toàn, chúng ta phân loại vấn đề này như là vấn đề không mang tính đạo đức trong bản chất. Nhưng tầm quan trọng của câu hỏi này là gì?

Quan điểm “phù hợp cho cả hai giới” về bản chất con người cho thừa nhận không có sự khác biệt cố hữu nào ngoài sự khác biệt thể lý cơ bản mà tất cả chúng ta phải nhận, nhưng một cách miễn cưỡng. Hầu hết những người bênh vực cho quan điểm phù hợp cho cả hai giới mạnh mẽ trong việc xóa bỏ tất cả sự khác biệt trong vai trò. Theo quan điểm này, chỉ những vai trò dựa trực tiếp vào những chức năng sinh học cần thiết để làm cha và làm mẹ (có lẽ “thụ tinh” và “mang bầu” là sự mô tả chính xác hơn) là được nhìn nhận, nhưng còn tất cả những sự khác biệt về vai trò khác có thể chuyển nhượng, có thể bỏ qua, và thực tế có lẽ là nguy hại. Nếu Kinh Thánh im lặng với câu hỏi về những đặc điểm bẩm sinh, có phải nó im lặng với những câu hỏi về sự khác biệt trong vai trò?

## SỰ KHÁC BIỆT TRONG VAI TRÒ

Không có sự khác biệt nào giữa nam và nữ trong tư cách là những người mang lấy hình ảnh Đức Chúa Trời: Mỗi giới được dựng nên một cách ngang bằng theo khuôn mẫu Thiên Thượng (Sáng 1:27). Mỗi giới là những tội nhân như nhau, chịu sự hình phạt như nhau, khả năng được cứu chuộc như nhau, và ngang bằng trong việc nhận lấy ân điển của Đức Chúa Trời. Hơn nữa, “Trong Chúa Jêsus Christ” không còn phân biệt nam hay là nữ (Ga-la-ti 3:28) Câu Kinh Thánh này là hòn đá góc cho phong trào phụ nữ Cơ Đốc, và ý nghĩa của nó là một vấn đề tranh cãi. Có lẽ cụm từ “trong Chúa Jêsus Christ” đơn giản có nghĩa là “với tư cách là

một Cơ Đốc Nhân” hay “trước mặt Đức Chúa Trời” hoặc tương đương với “thừa kế” (1 Phi-e-rơ 3:7). Nếu vậy, nghĩa của nó đơn giản là Đức Chúa Trời không phân biệt giới tính trong việc ban ra ân điển. Đây là cách giải thích của hầu hết các học giả Kinh Thánh. Nhưng có một số người cho rằng ở đây Phao-lô bãi bỏ tất cả sự khác biệt về vai trò dành cho Cơ Đốc Nhân. Tuy nhiên, cách giải thích như vậy là một siêu công trình quá sức nặng được xây trên câu Kinh Thánh cũng nói rằng “Trong Đấng Christ không còn phân biệt người Do Thái hay Hy Lạp, người nô lệ hay người tự do.” Phao-lô có thể thêm vào không còn phân biệt người lớn hay trẻ em, thầy giáo hay học trò, người già hay người trẻ. Nhưng điều đó không khiến cho Phao-lô bác bỏ sự khác biệt trong vai trò trách nhiệm. Thực ra, ông liên tục khẳng khái với những trách nhiệm riêng biệt của người đầy tớ và chủ, cha mẹ và con cái, thầy giáo và học trò, người già và người trẻ, chồng và vợ.

Sự khác biệt trong vai trò giữa hai giới mà Kinh Thánh nói đến là gì? Chút nữa chúng ta sẽ xem xét câu hỏi căn bản về mối quan hệ vai trò trong hôn nhân về đây là vấn đề thuộc đạo đức học. Câu hỏi tranh cãi kịch liệt về vai trò trong sự điều hành Hội thánh không thuộc phạm vi của sách này. Nhưng bất kỳ sự khác biệt nào về vai trò mà Kinh Thánh muốn có trong gia đình và Hội thánh cũng đều không được phép mở rộng ra ngoài xã hội rộng lớn trên nền tảng của uy quyền Kinh Thánh. Chúng ta có thể thấy hệ biến hóa về các mối quan hệ nam/nữ trong khuôn mẫu Kinh Thánh dành cho hôn nhân và áp dụng điều này với những mối quan hệ dân sự hoặc kinh doanh, nhưng chúng ta không thể làm như vậy trên nền tảng uy quyền Kinh Thánh, vì Kinh Thánh im lặng đối với vấn đề nữ lãnh đạo trong kinh doanh, công nghệ, hoặc chính phủ. Ý tưởng lỗ bịch và độc hại rằng mỗi người phụ nữ phải giữ địa thấp hơn bất kỳ người đàn ông nào mà người phụ nữ đó liên hệ đến thật quá xa với lời dạy Kinh Thánh.

Đức Chúa Trời đã cho phép một số phụ nữ làm quan xét, tiên tri và thầy giáo, cho nên không có gì tội lỗi với những vai trò như thế dành cho phụ nữ trong một số trường hợp: Ma-ri-am (Xuất 15:20), Đê-bô-ra (Các Quan Xét 4:4), Hun-da (2 Các Vua 22:14 trở đi; 2 Sử Ký 34:22ff.), Nô-a-đi-a (Nê-hê-mi 6:14), vợ của Ê-sai (Ê-sai 8:3), An-ne (Lu-ca 2:36-38), bốn cô con gái của Phi-líp (Acts 21:9), Pê-rít-sin (Acts 18:24ff.), và nhiều phụ nữ khác (1 Cô-rin-tô 11:5; Công Vụ 2:17). Vấn đề mà chúng ta cần đưa ra ở đây ấy là câu hỏi về đạo đức học: Có phải là tội lỗi hay không nếu một phụ nữ được trao vai trò lãnh đạo trên nam giới? Câu hỏi này – ít nữa nó ở ngoài lãnh vực gia đình và Hội thánh – không thể được tranh luận trên nền tảng đạo đức từ Kinh Thánh. Những ai giải quyết vấn đề đó phải giải quyết nó dựa trên nền tảng thực tế khác. Chỉ có một cách khả dĩ để Kinh Thánh được đưa vào ấy là rút ra những suy

luận từ những gì Kinh Thánh dạy về mối quan hệ chồng/vợ, nhưng những suy luận như thế chắc chắn không có thẩm quyền Kinh Thánh.

Tuy nhiên, có một số vấn đề trong phong trào giải phóng phụ nữ ngày hôm nay.

## SỰ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Đối xử phụ nữ như là đối tượng thấp kém hơn – như trong hầu hết các xã hội đã làm trong lịch sử - rõ ràng là tội lỗi. Từ lời tuyên bố sáng tạo ban đầu (Sáng 1:27) đến gương mẫu của Đấng Christ trong cách nói và hành động của Ngài đối với phụ nữ, đến sự xác nhận của Phao-lô (Ga-la-ti 3:28), nam giới và nữ giới đứng ngang cùng một bậc trước mặt Chúa. Điều này không có nghĩa là nam giới ngang hàng với nữ giới trong tất cả các công việc, cũng không có nghĩa rằng phụ nữ là nữ giới có khả năng giống như nam giới trong mọi vai trò. Dĩ nhiên, có cái nữ giới nữ hơn, có cái nam giới giỏi hơn. Nhưng trong bản bản chất, như chúng ta đã thấy, Đức Chúa Trời xem nam giới và nữ giới ngang bằng nhau. Và chúng ta cần phải làm như vậy nếu chúng ta muốn trở nên giống Chúa.

Mặt khác, đánh đồng sự hy sinh với sự phụ thuộc và sự hủy hoại,<sup>2</sup> và hung hăng đòi hỏi quyền của mình, dường như khó để có thể hưởng được phước hạnh của sự nhu mì hoặc khó theo con đường dẫn đến Thập Tự Giá. Để chắc chắn, Kinh Thánh buộc chúng ta phải đấu tranh vì công lý thay cho những người bị chà đạp, áp bức. Tình trạng ì trong một số phần tử nam giới Cơ Đốc, những người cho phép phụ nữ bị chèn ép, thậm chí không tham gia trong việc chèn ép, là điều đáng xấu hổ. Nhưng thái độ quá tự tin, ồn ào của một số phụ nữ Cơ Đốc vì lợi ích của họ sẽ không có chiếc nhẫn của Đấng đã từng dạy chúng ta rằng hãy đưa má kia, hãy bỏ những quyền lợi của mình trong tinh thần hy sinh, và hãy vác thập tự giá mình mỗi ngày – con đường dẫn đến sự sống sung mãn.

Vậy, có điểm chung trong vấn đề tranh cãi, tội lỗi xâm lấn cả hai phía của vấn đề về quyền của phụ nữ. Đáng xấu hổ cho những ai không đối xử với phụ nữ như Chúa Jê-sus đã đối xử, và không tích cực tìm kiếm những điều xây dựng gia đình, Hội thánh, và xã hội mà trong đó lý tưởng này được phát huy. Thật xấu hổ cho những ai đấu tranh cho lẽ thật theo những phương cách phi Cơ Đốc.

Khi Đức Chúa Trời làm nên nam giới, Ngài cho tuyên bố rằng như vậy là chưa đầy đủ, chưa hoàn thiện: Người nam ở một mình là không tốt. Vì vậy Ngài đã làm nên một người bạn đồng hành để bổ sung và hoàn thiện người nam (Sáng 2:18). Dù chúng ta không thể chứng minh bằng những lời tuyên rõ ràng trong Kinh Thánh, nhưng phân đoạn Kinh Thánh

---

<sup>2</sup> Scanzoni and Hazdetsy, *All We're Meant to Be*, 208.

này dường như ủng hộ cho ý tưởng rằng sự bổ sung này chủ yếu là về tâm lý hơn là thể chất. Sự cô đơn và sự sáng tạo “một kẻ giúp đỡ thích hợp với nó” căn bản không nói đến những nhu cầu thể chất. Nói một cách khác, sự xứng hợp mang tính giải phẫu học của giới nam và giới nữ là cái gói chứa đựng toàn bộ hệ thống thứ vị của tính nam và tính nữ để mang đến sự hoàn thiện hấp dẫn mà Đức Chúa Trời đã dự định khi Ngài làm nên hữu thể được khuôn đúc theo bản chất của Ngài. Nếu cơ thể có một sự sắp xếp hoặc cấu trúc bên trong xứng hợp với nó là đúng, thì chắc chắn Đức Chúa Trời đã tạo nên một gói tổng thể về tính nam cho những chức năng cụ thể hoặc cho những vai trò vượt trội hơn là sự thụ tinh đơn giản cần thiết cho sự duy trì nòi giống, và tính nữ cho những vai trò không nhất thiết bị đòi hỏi bởi hoạt động thể chất trong sạch – không quá đơn giản - của việc mang một đứa trẻ vào đời. Không, ý tưởng ban đầu bao gồm tất cả sự sống, bên ngoài và bên trong, với vai trò thích hợp: Ngài làm nên và người nữ. Có phải điều này có nghĩa rằng hôn nhân là cách duy nhất để con người trở nên hoàn thiện không? Phải chăng không có hy vọng nào cho những người độc thân?

## SỰ ĐỘC THÂN

Có hai điều sai trật liên quan đến sự độc thân: độc thân là một điều xấu xa, và độc thân là thánh khiết hơn như hôn nhân.

Kinh Thánh dạy một cách rõ ràng rằng những người độc thân trong muốn Đức Chúa Trời sẽ có khả năng đáp ứng cao hơn trong mối quan hệ với Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 7). Đấng Christ cũng dạy rằng một số người có khả năng ở độc thân vì có Nước Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 19:10-12). Phao-lô chỉ dẫn một cách rõ ràng rằng, nếu một người không có ân tứ này, anh ta nên cưới vợ (1 Cô-rinh-tôn 7:2). Nếu hoàn cảnh buộc phải sống độc thân, người này nên cầu xin trong đức tin khả năng để sống cách vui mừng và kết quả trong hoàn cảnh mà Đức Chúa Trời đặt để đó. Theo Phao-lô, hai điều thuận lợi của những người có ân tứ độc thân ấy là mối quan hệ hết lòng và dành riêng cho Chúa, và tiềm năng lớn hơn để làm chức vụ cho Chúa mà không bị vấp vúi.

Làm sao một người biết mình “có ân tứ” sống độc thân hay không? Phao-lô cho chúng ta một bằng chứng về sự thiếu ân tứ này: lửa tình un đốt (1 Cô-rinh-tô 7:8-9). Nếu ước muốn được thỏa mãn tình dục quá mạnh mẽ rồi người đó có thể phạm tội vì ước muốn đó, thì anh ta không có ân tứ này, ít nữa anh ta chưa có. Phao-lô cũng nói thêm một cách chung chung rằng: “Nhưng nếu ai ... không bị sự bó buộc nào, biết chế ngự ước muốn” (1 Cô-rinh-tô 7:37). Đây có thể là một người còn độc thân có khả năng sống một cách tự do mà không những tư tưởng về việc kết hôn chi phối hay sự bận tâm gây phân tán với người khác giới,



người như vậy nên suy nghĩ đến khả năng rằng có thể Đức Chúa Trời đã ban cho mình ân tứ đó. Nếu một người chọn sống độc thân cho những mục tiêu cao mà Phao-lô đã đề ra, người đó nên cầu xin Đức Chúa Trời ban cho sự tự do về tinh thần và tự do khỏi sự lấn át của sự ham muốn tình dục.

Nếu một người không có khả năng sống “thanh thân” không cần hôn nhân, nhưng sự độc thân cứ bám lấy anh ta hoặc cô ta bởi vì hoàn cảnh sống, thì “ân tứ” độc thân cần được tìm kiếm theo cùng một cách.

Mặt khác, “đàn ông ở một mình” vẫn là không tốt, cho nên một người bạn đồng hành, thân thiết chắc chắn là một phần trong kế hoạch của Đức Chúa Trời (Truyền Đạo 4:7-12). Bằng chứng thống kê khẳng định những gợi ý trong Kinh Thánh rằng ân tứ độc thân thường được tìm thấy trong vòng nữ giới hơn là trong vòng nam giới. Ví dụ, tỉ lệ tự tử trong vòng nam giới độc thân cao gấp đôi so với những người có gia đình, trong khi đó tỉ lệ tự tử trong vòng nữ giới độc thân chỉ hơn một nửa so với những người kết hôn. Ân tứ độc thân trong vòng những người nam dễ được nhận ra hơn vì sự ham muốn tình dục bẩm sinh mạnh mẽ hơn, và thường thì khó để tiết chế nó hơn.

Mặt khác, dường như khuynh hướng cảm xúc cho sự an ninh trong một mối quan hệ gần gũi trong hôn nhân thường mạnh mẽ hơn ở nữ giới. Vì vậy, dù sự tiết chế là cần thiết cho ước muốn tình dục thể chất mà Đức Chúa Trời ban cho hay ước muốn tình cảm về sự sở hữu, tín hữu có thể có một thứ khác, ân tứ phi thường, một khả năng để sống thỏa mãn mà không cần sự chu cấp thường tình một người bạn đời trong hôn nhân.

Bởi vì những gì Đấng Christ và Phao-lô đã nói về tình trạng độc thân, đồng thời bởi vì tấm gương của họ, lời dạy dỗ vang lên rằng hôn nhân trong cách nào đó là điều tốt nhì và độc thân là cách tốt hơn hay thánh khiết hơn. Thực ra, trong lịch sử Hội thánh, sự dạy dỗ này có thể xuất phát từ thuyết nhị nguyên của Hy Lạp (thuyết cho rằng thế giới vật chất là thấp kém và thân thể là nguồn của sự xấu xa) hoặc nó xuất phát từ sự hiểu sai lời dạy của Đấng Christ và Phao-lô. Dù cho nguồn gốc của nó là gì đi nữa, ý tưởng này được ghi khắc trong tư tưởng Cơ Đốc Giáo như được thấy trong luật độc thân dành cho chức thầy tu của Hội thánh Công Giáo La Mã. Nhưng Kinh Thánh dạy rõ ràng rằng hôn nhân là phương cách của Đức Chúa Trời (Sáng 2:18; Châm ngôn 18:22; 1 Ti-mô-thê. 3:2; 4:1-3; 5:14; Hê-bơ-rơ 13:4), là kế hoạch bình thường của Ngài dành cho con cái Ngài. Ý tưởng cho rằng có điều gì đó ô uế, không trong sạch trong sự quan hệ tình dục trong hôn nhân là sai trật và có đặc điểm của những lời dạy giả dối vào những ngày cuối cùng. Bây giờ chúng ta hãy xem xét đề tài Kinh Thánh tuyệt vời về hôn nhân.

## MỤC ĐÍCH CỦA HÔN NHÂN

Kinh Thánh bắt đầu với một đám cưới và kết thúc cũng với một đám cưới; bản tình ca tuyệt vời nhất trong văn chương nhân loại ở ngay tại trung tâm, và phép lạ đầu tiên của Đấng Christ đã thánh hóa một đám cưới.<sup>3</sup> Tuy nhiên, thẩm quyền dẫn dắt trên hôn nhân, theo như J. Allan Petersen, “ít nhất 75 phần trăm hôn nhân là sai trật.”<sup>4</sup> Một số mục sư làm chứng rằng họ chưa bao giờ thấy một hôn nhân thật sự hạnh phúc. Chúng ta bị chìm ngập trong những chuyên đề về hôn nhân, sách vở về hôn nhân; những nhà tư vấn tăng lên gấp bội vẫn không thể đáp ứng nổi nhu cầu của những người tìm kiếm sự giúp đỡ cho những mối quan hệ èo uột của họ trong hôn nhân. Nan đề dường như cứ tăng lên, không thể nào làm dịu bớt.

Mặc dù, nhiều người tìm được sự giúp đỡ quan trọng qua những nhà tư vấn tâm lý, dầu một số nhà tư vấn làm việc nhiều hơn là đặt băng gạc lên chỗ bị áp xe, sự tin chắc của tôi là 90 phần trăm nan đề trong hôn nhân là kết quả trực tiếp từ tội lỗi, và sự vâng lời những lời dạy rõ ràng trong Kinh Thánh, trong hầu hết các trường hợp, sẽ tạo ra kiểu hôn nhân theo ý định Đức Chúa Trời. Chúng ta hãy xem xét những mục đích của hôn nhân.

## SỰ TRỌN VẸN

Người nam tự mình là chưa hoàn thiện. Người nam cần một người bạn đời (Sáng 2:18-25; Mat-thi-ơ 19:3-6). Cho nên mục đích đầu tiên của hôn nhân là mối thông công, sự hiệp nhất, sự trọn vẹn – yêu thương. Hãy xem xét những điều mà của mục sư nổi tiếng Robert Schuller đã viết:

Abby yêu dấu, một người phụ trách chuyên mục trên báo, người đã từng có bài viết trên 900 tờ báo, đã nói với tôi rằng, “Tiến sĩ Schuller, sự cô đơn, và nhu cầu yêu đi kèm với nó, là nan đề số một mà nhiều người đối diện.” Cô ta nói với tôi rằng cô ta nhận hơn 10.000 lá thư mỗi tuần, và chính chúng tôi cũng nhận nhiều như vậy. Cả hai chúng tôi đồng ý rằng sự khao khát của con người về sự chấp nhận và tha thứ chính là nhu cầu sâu sắc nhất của trong tất cả các nhu cầu. Một lý do tại sao xã hội của chúng ta bị bệnh cô đơn đó là vì tinh thần tự do ích kỷ đang lan tràn. Chúng ta không muốn liệu lĩnh để mất sự tự do của chúng ta để tham gia vào. Chúng ta không muốn liệu lĩnh để mất sự tự do của chúng ta để chạy theo những sự mạo hiểm làm nên những cam kết dài hạn. Chúng ta có quá nhiều người cô đơn ngày hôm nay bởi vì cái giá của sự không muốn có những cam kết lâu dài để sống ở một cấp độ mà tất cả tất cả các mối quan hệ đều là tạm thời... Trừ khi chúng ta muốn đầu hàng với sự tự do để lập

<sup>3</sup> Dennis Kinlaw, introduction to a chapel sermon, Columbia Bible College and Seminary

<sup>4</sup> J. Allan Petersen, *Decision*, August 1971, 6.

một cam kết lâu dài, chúng ta chuẩn bị trả giá, sự cô đơn. Yêu thương sẽ kết thúc sự cô đơn, nhưng yêu có mang một bằng giá. Giá của sự yêu thương là sự cam kết với tính liên tục.<sup>5</sup>

## SỰ SINH SẢN

Người nam và người nữ đầu tiên được chỉ thị phải sinh sản và gia tăng gấp bội (Sáng 1:28). Dĩ nhiên, động vật cũng vậy, nhưng với một sự khác biệt lớn. Kinh Thánh đưa ra một khuôn mẫu về gia đình mà trong đó cha mẹ phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trong việc chăm sóc con cái. Theo khuôn mẫu của Đức Chúa Trời, sự sinh sản ở trong bối cảnh gia đình. Sự sinh sản được lập ra bởi Đức Chúa Trời như một phần trong chương trình gia đình, không giống như sự sinh sản động vật.

Mặc dù mục đích của Đức Chúa Trời cho các cặp vợ chồng là để có con cái, nhiều cặp vợ chồng quyết định chống lại việc làm cha mẹ.

Nếu bạn có một cơ hội làm lại một lần nữa, bạn có quyết định có con cái không? Khi một người phụ trách chuyên mục lời khuyên Ann Landers hỏi độc giả của mình câu hỏi này, 10.000 người tham gia trả lời, và 70 phần trăm nói rằng, “Không.”... Thư từ đại khái rơi vào ba loại: những lá thư đến từ những người cha mẹ già là những người có con cái bỏ mặc họ, từ một số người trẻ hơn quan tâm đến việc bùng nổ dân số, và từ những người có con nhỏ là những người nhận thấy rằng việc làm cha mẹ giới hạn những lối sống của họ.<sup>6</sup>

Một lần nữa, đó là là sự ích kỷ của con người làm trật kế hoạch của Đức Chúa Trời. Toi không cho rằng mạng lệnh “làm cho đầy đầy đất” (được ban cho A-đam và Ê-va và được lặp lại cho Nô-ê) ràng buộc trên mỗi cặp vợ chồng vâng phục Chúa. Hơn nữa, sự áp dụng mạng lệnh này có thể thay đổi trong một thế giới rõ ràng bùng nổ dân số. Đây là một mạng lệnh của Đức Chúa Trời mà con người mới vừa vâng lời! Hơn nữa, như một số người được kêu gọi từ bỏ việc kết hôn vì có vương quốc Đức Chúa Trời, một số cặp vợ chồng cũng được kêu gọi để từ bỏ hoặc trì hoãn việc làm cha mẹ vì có vương quốc của Ngài. Nhưng động cơ khiến các cặp vợ chồng không muốn có con phải được xem xét, vì có con cái là một mục đích của Đức Chúa Trời cho hôn nhân của nhân loại (Thi Thiên 127:3-5).

Vẻ đẹp của kế hoạch Đức Chúa Trời có thể được nhìn thấy trong niềm vui hồ hởi khi một đứa trẻ được sinh ra trong gia đình, trong sức lực mà những người lớn và người làm cha mẹ ban mang đến cho nhau, và trong sự đồng hành và an ninh mà con cái đem đến cho cha mẹ tron lúc tuổi già, chưa nói đến sự tôn trọng được dâng lên cho Đức Chúa Trời khi có một

<sup>5</sup> Robert H. Schuller, "Love or Loneliness?" *The Presbyterian Journal*, 17 October 1979, 7.

<sup>6</sup> Associated Press, *The State* (Columbia, S.C.), 27 February 1976, 20A.

thể hệ khác gồm những người yêu mến và phục vụ Ngài. Kế hoạch của Đức Chúa Trời là tốt lành.

## SỰ BÀY TỎ TÌNH YÊU

Mối quan hệ hôn nhân được sử dụng xuyên suốt Kinh Thánh để dạy cho chúng ta những điều liên quan đến mối quan hệ ước ao của Đức Chúa Trời với con người (chẳng hạn Ê-phê-sô 5:22-23). Đây là mục đích thứ ba của hôn nhân. Đức Chúa Trời là tình yêu và dòng chảy từ nguồn tình yêu giữa Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh tràn đến tạo vật có cùng một mô hình, được tạo dựng để yêu và được yêu như trong khuôn mẫu Thiên Thượng. Điều gì là thực tại tối cao, và điều gì là sự phản chiếu? Trong sự phản chiếu tốt, đôi khi khó để phân biệt. Tuy nhiên, trong một ý nghĩa nào đó, cả mối quan hệ Thiên Thượng/người và mối quan hệ chồng/vợ đều là thực và quan hệ hỗ tương với nhau. Mối quan hệ nam-nữ là chóng qua và không hoàn thiện bởi vì con người có giới hạn và bị hư hỏng bởi tội lỗi. Mối quan hệ Thiên Thượng-người là đời đời. Nhưng nếu chúng ta càng học biết về một mối quan hệ, chúng ta càng có thể hiểu mối quan hệ kia.

Chúng ta hãy xem xét chi tiết hơn về mục đích đầu tiên của hôn nhân, sự hiệp nhất giữa chồng và vợ.

## BÀN THÊM NGOÀI LỀ: BA YẾU TỐ CỦA MỤC ĐÍCH ĐƯỢC TRỌN VẸN

Mục đích đầu tiên của Đức Chúa Trời dành cho hôn nhân là mối quan hệ yêu thương và sự trọn vẹn, nhưng thành phần thiết yếu của sự hiệp nhất tích cực là một điều tiêu cực: sự phân rẽ. Người nam phải lia cha mẹ mình trước khi anh ta có thể dính dứ một cách thích đáng với vợ mình trong sự đồng nhất đầy trọn của sự sống (Sáng 2:24). Kinh Thánh cho chúng ta một bằng chứng phong phú rằng sự phân rẽ này không nhất thiết là sự phân rẽ thể lý hay địa lý. Lia về mặt tâm lý trong ý nghĩa rằng sự trung thành quan trọng bậc nhất bây giờ đã thay đổi dựa trên nền tảng của sự trọn vẹn thành công trong hôn nhân.

Sự phân rẽ cũng bao gồm việc loại trừ tất cả các mối quan hệ thân mật dành riêng hoặc thân mật mang tính tình dục khác. Tất cả các luật theo sau liên quan đến hôn nhân nhấn mạnh ý định của Đức Chúa Trời rằng hai người đã kết hiệp với nhau không được có các mối quan hệ tình dục trong tâm trí hoặc trong thể xác với bất cứ ai khác. Sự phân rẽ tiêu cực này tạo nền móng cần thiết cho ba yếu tố tích cực của sự hiệp nhất mà Đức Chúa Trời định ý. Ba yếu tố đó là sự hiệp nhất trong tâm lòng và tâm trí, sự hiệp nhất về cơ thể, và sự hiệp nhất trong mối quan hệ với Đức Chúa Trời.

## SỰ HIỆP NHẤT TRONG TÂM HỒN VÀ TÂM TRÍ

Yếu tố tích cực đầu tiên trong sự hiệp nhất không phải là sự kết hợp thể xác (điều mà chúng ta gọi là “giao hợp”), nhưng là sự hoàn thiện người bạn đời trong mối quan hệ yêu thương ôm ấp trọn đời.

Thậm chí sự hiệp nhất về thể xác cũng không thể phát huy hết tiềm năng làm thỏa mãn của nó trừ khi có sự hiệp nhất về mặt tinh thần ở một cấp độ nào đó, bởi vì tình dục không phải là gốc rễ của hiện tượng tâm lý. Hiệp nhất trong tâm hồn cung cấp nền tảng cơ bản cho sự phóng thích tối đa sự sung sướng thể xác, nhưng nó còn vượt xa sự rung động thể xác thoáng qua để đến với sự thỏa mãn với nhau trọn đời.

Tiêu chuẩn Kinh Thánh cho sự hiệp nhất và trọn vẹn là tình yêu, bao gồm sự chia sẻ sở thích, hoạt động, mục đích và mục tiêu. Dĩ nhiên, vợ chồng có những sở thích và các hoạt động độc lập với nhau, nhưng sự hiệp nhất trong mục đích và sự đồng nhất yêu thương của họ đòi hỏi một sự cởi mở để có thể chia sẻ bằng lời tất cả những khía cạnh trong đời sống. Truyền thông là ống dẫn của sự hiệp một. Không có nó, sự hiệp nhất sẽ chỉ là điều viễn vông. Nhưng sự hiệp nhất còn hơn cả tình yêu trao ban chính mình và sự truyền thông cởi mở, nó có thể và thường nên tiêu biểu cho các mối quan hệ khác. Những điều này tự mình sẽ không giữ cho hôn nhân lâu bền. Sự lãng mạn phồn phỡ của những cặp vợ chồng mới cưới có lẽ sẽ sớm tan biến bởi sự tác động của những thực tế khắc nghiệt trong đời sống, thực tế mà trong đó hai cá thể độc lập ngậm miệng lại với nhau, đặc biệt khi những ước muốn của người này bắt đầu đụng chạm với những ước muốn hay quyền lợi của người kia. Sự truyền thông có thể là vũ khí để hủy phá sự hiệp một đồng thời là một ống dẫn để sự yêu thương có thể chảy trong đó. Yếu tố thiết yếu là gì nếu đó không phải là tình yêu?

Chìa khóa dẫn đến một hôn nhân thành công, chất gắn kết để giữ hai người với nhau trọn đời là sự kết ước, một mối quan hệ giao kèo dành riêng không thương lượng. Sự kết ước là nền tảng căn bản cho sự hiệp nhất thật trong hôn nhân. Nếu không có sự kết ước trung thành và chính trực, thì dù cho tình yêu lúc mới bắt đầu thế nào đi nữa, mối quan hệ đó cũng sẽ rất mong manh. Hơn nữa, không có sự kết ước này, sẽ có sự lưỡng lự đào mòn mối quan hệ và thất tín với lời thề tình yêu. Một người đã từng kinh nghiệm một mối quan hệ thiếu sự kết ước làm chứng lại rằng:

Bạn không thể nói với người khác, “Tôi yêu em. Chúng ta hãy sống với nhau để xem điều gì sẽ xảy ra.” Với những lời như thế, mặc cho ai trong các bạn có thể chia tách. Như là một kết quả, bạn sẽ không bao giờ thật sự là chính mình nữa hay không cảm thấy tự do khỏi nỗi sợ mất người yêu. Bạn không sẽ không bao giờ có sự tự do để chia sẻ những cảm xúc sâu sắc nhất của mình. Bạn phải tìm

nén lại. Mỗi quan hệ sẽ không có cơ hội để lớn lên bởi vì nó đặt nền tảng trên sự chấp nhận có điều kiện, một cái vỏ che đậy sự tự làm thỏa mãn mình của hai người cho phép họ ở trong cái mà họ gọi một cách lịch sự là mối quan hệ đầy ý nghĩa. Mặt khác, sự kết ước thật sẽ nói rằng, “Tôi muốn dành thời gian của đời tôi cho em để thấy em tăng trưởng thêm”... Sự thiếu kết ước sẽ nói rằng, “Chùng nào cả hai chúng còn yêu...” Tình yêu có lẽ có những điểm lạnh, và tự nó sẽ không bao giờ đủ để giữ hai người cứ ở bên nhau. Chính sự kết ước sẽ giúp họ vượt qua những thời gian khó khăn. Sự kết ước giữa người nam và người nữ là điều Đức Chúa Trời mong đợi. Đó là lý do tại sao Ngài thiết lập hôn nhân – để bày tỏ sự kết ước trọn đời.<sup>7</sup>

Hôn nhân có cùng một sự do dự, dĩ nhiên, sẽ có cùng kết quả. Mất sự chính trực khi lời thề hôn nhân không còn được xem là lời thề nữa và khi tình yêu không còn được định nghĩa như là sự kết ước trọn đời là sự mất mát lớn nhất của người Tin Lành ngày hôm nay.

Hôn nhân là dấu hiệu và là sự bày tỏ bản chất của Đức Chúa Trời, Đấng vĩ đại đã lập giao ước và giữ giao ước. Trong một giao ước, những yếu tố cần thiết là lòng trung thành và sự chính trực, không phải là sự cảm xúc. Trong hôn nhân, không phải những cảm xúc lãng mạn, không phải sự hợp nhau, cùng không phải sự điều chỉnh tình dục làm cho hôn nhân thành công, nhưng chính sự trung thành với lời thề ước. Giao ước là trung tâm mang tính quyết định của đời sống.

Sự kết ước là bằng chứng chắc chắn nhất của tình yêu đủ tư cách trong hôn nhân, và đến phiên mình, tình yêu là công cụ củng cố tốt nhất cho sự kết ước. Nhưng sự hiệp nhất về tinh thần không phải là yếu tố duy nhất của sự hiệp một trong hôn nhân.

## SỰ HIỆP NHẤT VỀ THỂ XÁC

Khi Đức Chúa Trời làm nên Ê-va và mang đến cho A-đam, lời của Ngài thật rõ ràng: Cả hai sẽ trở nên một thịt. Đây là một trong những đề tài tuyệt vời, vui mừng, tự do của sách Nhã Ca. Hơn nữa, Kinh Thánh trong từng thời đã dạy một cách trực tiếp rằng đây là ý muốn tốt lành của Đức Chúa Trời (Xuất 21:10; Châm Ngôn 5:15-19; 1 Cô-rinh-tô 7:3-5; Hê-bơ-rơ 13:4). Theo Kinh Thánh, mục tiêu của sự kết hợp thể xác chính là sự thỏa mãn cho nhau. Không hề có bằng Kinh Thánh nào xem những điều trong sự chia sẻ thân mật về thể xác như là sự hư hỏng, sai trật chừng nào trong đó có sự vui thích với nhau. Nếu sự thỏa mãn không dành cho nhau, nếu một trong hai người đòi hỏi sự khoái lạc một cách ích kỷ cho riêng mình trên sự chịu đựng của người bạn đời, thì luật tình yêu đã bị vi phạm.

---

<sup>7</sup> Michael Zadig, *HIS*, March 1977, 7.

Sự kết hiệp thể xác đưa vào trong sự kết thúc thân mật và mê ly nhất của nó sự hiệp nhất về tâm hồn, và gia cố thêm cho nó. Thực tế, mỗi sự hiệp nhất đều cần thiết cho sự trọn vẹn của những sự hiệp nhất khác. Hai người đã kết ước với nhau trong lời thề hôn nhân yêu thương vẫn chưa trở nên một cho đến khi sự kết hiệp thể xác được làm trọn, cũng vậy hai người kết hiệp với nhau về thể xác nhưng không có kết ước hôn nhân, hoặc chịu những ràng buộc hôn nhân nhưng không có tình yêu, vẫn chưa hoàn thiện.

## SỰ HIỆP MỘT TRONG ĐỨC CHÚA TRỜI

Theo ý định của Đức Chúa Trời, mỗi quan hệ vợ chồng chỉ được trọn vẹn trong sự hiệp nhất với Chúa. Mỗi quan hệ giữa A-đam và Ê-va bắt đầu hỏng khi họ chọn sự xa lánh Đức Chúa Trời. Có lẽ việc tạo nên y phục của họ là sự đáp ứng trực giác và là bằng chứng đầu tiên cho sự phụ thuộc lẫn nhau của hai mối quan hệ, mỗi quan hệ chiều ngang giữa người chồng và người vợ, mỗi quan hệ chiều đứng giữa mỗi người với Chúa của họ. Sự hiệp nhất trong Đấng Christ đem lại chiều sâu và năng lực chịu đựng cho mỗi quan hệ của con người.

Theo bản thiết kế của Đức Chúa Trời dành cho hôn nhân, ba sự hiệp nhất – hiệp nhất về tâm hồn và tâm trí, hiệp nhất về thể xác, và hiệp nhất trong Đức Chúa Trời – củng cố cho nhau theo đường xoắn ốc thú vị hướng lên sự hoàn thành mục đích của Đức Chúa Trời dành cho hôn nhân.

Vì Đức Chúa Trời có kế hoạch hôn nhân phải là điều tốt, cho nên chẳng nghi ngờ gì, trong tình yêu dành cho con người, Ngài đã tạo ra những điều bảo vệ hôn nhân. Những điều bảo vệ này là cần thiết bởi vì có rất nhiều kẻ thù chống phá kế hoạch tốt lành của Đức Chúa Trời, với nhiều cách lạm dụng bản năng tình dục của con người để làm hư hỏng và phá hủy những mục đích mà Ngài có trong tâm trí. Thực tế, bất kỳ điều gì làm giảm giá trị của sự hiệp nhất của hai con người mà Đức Chúa Trời kết hiệp, bất kỳ điều gì loại bỏ sự sinh sản, bất kỳ điều gì làm biến dạng sự phản chiếu bản chất của Đức Chúa Trời trong hôn nhân của loài người đều là kẻ thù của Đức Chúa Trời và loài người.

## NHỮNG VI PHẠM MỤC ĐÍCH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI TRONG VÒNG HÔN NHÂN

### HÔN NHÂN ĐỐI VỚI NGƯỜI KHÔNG TIN

Mục đích đầu tiên của hôn nhân là sự đồng hành trong yêu thương – sự hiệp nhất của hai người trong một mối quan hệ phản chiếu bản chất của chính Đức Chúa Trời (xem Ê-phê-sô 5:22-23). Cách để vi phạm sự hiệp nhất này ngay từ lúc ban đầu là kết hôn với người không tin. Việc kết hôn với người không tin bày tỏ một cái nhìn quá thấp kém về hôn nhân, về mối

quan hệ của một người đối với Chúa hoặc của cả hai. Để sự hiệp nhất được trọn vẹn đòi hỏi phải có sự hiệp nhất về tinh thần. Nếu mối quan hệ quan trọng nhất trong cuộc đời là mối quan hệ với Đức Chúa Trời, làm thế nào một cặp vợ chồng có thể có sự hiệp một trong chiều sâu khi một người có mối quan hệ với Chúa còn người kia thì không?

Việc kết hôn với người không tin không chỉ làm giảm đi tiềm năng làm trọn mục đích đầu tiên của hôn nhân, mà còn đem mối nguy hại lớn đến cho mục đích thứ hai – có con cái trong một bầu không khí gia đình kính sợ Chúa. Cuối cùng, nó loại bỏ mục đích thứ ba về việc bày tỏ mối quan hệ mà Đức Chúa Trời muốn có với dân sự của Ngài. Nếu người vợ hoặc chồng tin kính từ bỏ mối quan hệ của mình với Chúa, thì một số lãnh vực của sự hiệp một có thể được xây dựng lên dựa trên nền tảng vô tín như thể cả hai đều là người không tin. Trừ khi người không tin đó đến với Đấng Christ, họ không thể nào đạt được một hôn nhân Cơ Đốc, và không thể nào kinh nghiệm được sự hiệp nhất ở cấp độ sâu sắc nhất.

Kinh Thánh cấm tuyệt đối sự kết hợp như vậy bất giá nào (Phục Truyền 7:3-4; Nê-hê-mi 13:23-27; 1 Cô-rinh-tô 7:39; 2 Cô-rinh-tô 6:14-18). Dĩ nhiên, người nào kết hôn với người không tin nên cứ tiếp tục giữ sự hôn nhân đó (1 Cô-rinh-tô 7:12-13). Theo Phao-lô, dù cho sự kết hiệp đó bị giới hạn, nhưng nó còn tốt hơn việc ly dị.

Những người khác nên liên hệ thế nào với người tin Chúa đang lên kế hoạch kết hôn với người không tin, bên cạnh việc cầu nguyện để kế hoạch đó không được thực hiện, và sự khuyên bảo trên nền tảng Kinh Thánh? Bất kỳ mục sư nào mà làm lễ thành hôn cho người tin Chúa với người không tin là đang tham gia phạm tội. Tuy nhiên, có lời nói rằng, nên nhấn mạnh rằng các tín hữu và mục sư cần phải liên hệ với người tín hữu bị khuất phục với hôn nhân không theo Kinh Thánh nhưng mối quan hệ tin cậy vẫn còn dù lời khuyên bị từ chối. Bởi sự lâu bền trong hôn nhân trở thành ý muốn của Đức Chúa Trời một khi hôn nhân đã xảy ra, và việc các tín hữu giúp cho người chồng hoặc người vợ tin Chúa đó đến với sự ăn năn vì không vâng lời Chúa là điều rất quan trọng, các tín hữu nên giúp họ xây dựng một sự hiệp nhất thật trong cuộc hôn nhân khác tôn giáo trong khả năng cho phép. Chỉ khi nào người vợ hoặc người chồng tin Chúa đó thừa nhận tội lỗi, con cái mới được “thánh hóa” (1 Cô-rinh-tô 7:14), người chồng hoặc vợ tin Chúa đó có thể bày tỏ một gương mẫu giống Chúa cho người bạn đời không tin, và hy vọng sẽ chinh phục được người bạn đời đó đến với Chúa.

## NGUYÊN NHÂN GỐC RỄ CỦA SỰ PHÂN RẼ

Sự căng thẳng và xung đột trong hôn nhân được cho là nguyên nhân hủy hoại 60 đến 90 phần trăm các cuộc hôn nhân Cơ Đốc. Những chuyên đề, sách vở và các nhà tư vấn đã sót sáng



trong việc ngăn chặn sự gia tăng của dịch bệnh này trên phương diện hình học, nhưng sự nhiễm trùng dường như ngày càng lan rộng và sâu hơn. Phần đông những người trong “khu vực chiến tranh” này không thực sự cần sự điều chỉnh tình dục hoặc tâm lý. Thường thì các cách chữa trị đơn giản chủ trương chỉ băng bó chỗ ung thư, nó khiến cho căn bệnh thật ngày càng ăn sâu vào bên trong. Nan đề gốc rễ trong hầu hết các trường hợp là sự ích kỷ tội lỗi xưa cũ. Norman Vincent Peale, nhà tư vấn có sách được nhiều người đọc, đã phát biểu rằng “Thiếu sự trưởng thành là nguyên nhân gốc rễ của 90 phần trăm các nan đề trong hôn nhân.”<sup>8</sup> Sự hiệp nhất sẽ là điều không thể nếu không có sự ban tặng chính mình như là cách sống của cả hai người trong hôn nhân. Nếu một hoặc cả hai người đòi hỏi những quyền lợi và sự thỏa mãn cá nhân hơn là hy sinh chính mình trong tình yêu cho người bạn đời, thì sự hiệp nhất thật và lâu bền sẽ là điều không thể.

### TỘI NGOẠI TÌNH/TÀ DÂM

Sự vi phạm trầm trọng nhất trong hôn nhân là tội ngoại tình, tội bị chỉ trích gay gắt thứ nhì trong Cựu Ước sau tội thờ hình tượng, và trong Tân Ước nó là tội bị lên án thứ nhì không có thứ nhất. Sự không chung thủy, là điều tâm thường trong hầu hết các xã hội, có ít sự biện hộ trong xã hội phương Tây cho đến gần đây. Nhưng bây giờ, sự ngoại tình được đề cao bởi những phương tiện truyền thông đại chúng và bởi nhiều nhà khoa học về hành vi.

Nhiều nhà cầm quyền trở nên nghi ngờ với niềm tin truyền thống của chúng ta rằng phần lớn những người nam và người nữ hạnh phúc nhất khi chỉ có một vợ hoặc một chồng và chung thủy; có lẽ nhiều người trong số những người chung thủy suốt đời với người bạn đời phải trả giá đắt với sự thất vọng, oán giận của người bạn đời của mình và sự khô héo cảm xúc của chính mình.

Mô hình không được công nhận dường như phù hợp hơn cho những khả năng và yêu cầu cảm xúc của nhiều người, đặc biệt nam giới; nó đem lại sự tươi mới, sự thích thú và liên tục kinh nghiệm sự khám phá bản thân; nó là câu trả lời cho nỗi buồn chán của phong tục một vợ một chồng suốt đời. Chúng ta cần sự đa thê trong bản chất.<sup>9</sup>

Cuộc săn đuổi ủng hộ triết lý này bởi cầu viện đến những nhà tâm thần học và tâm lý học hàng đầu. Tuy nhiên, luật về sự trong sạch, luật được xây xung quanh món quà tuyệt vời của Đức Chúa Trời về bản năng tình dục, cũng giống như những luật khác của Ngài, được thiết lập vì ích lợi của chúng ta (Truyền Đạo 10:10-12). Sự vi phạm đồng nghĩa với sự mất mát, không phải chỉ vì Đức Chúa Trời hứa rằng Ngài sẽ trừng phạt, dù đó là lý do đủ để

<sup>8</sup> Norman Vincent Peale, “Man, Morals, and Maturity,” *Reader's Digest*, November 1965, 184.

<sup>9</sup> Morton Hunt, *The Affair* (New York: World, 1969), 22-23, 41.

chúng ta vâng lời một cách cẩn thận. Đức Chúa Trời thiết lập những tiêu chuẩn này để bảo vệ chúng ta khỏi sự mất mát vốn có trong một loại hành vi, và chỉ dẫn chúng ta đến với những phần thưởng là kết quả tự nhiên của một loại hành vi khác. Cũng giống như sự vi phạm luật trọng lực của Đức Chúa Trời, sự vi phạm luật trong sạch của Ngài sẽ mang lại sự hủy diệt. Giữ luật pháp của Ngài sẽ làm gia tăng phúc lợi cho chính mình. Sự trung thành trong hôn nhân là điều tốt bởi vì nó phát huy tối đa mối quan hệ tiềm năng giữa hai người bạn đời; nó phát huy tối đa vấn đề giới tính; nó bảo vệ nhiều hơn người vợ dễ bị tổn thương; nó cung cấp một bầu không khí cần thiết để con cái lớn lên trở thành những con người trọn vẹn; và nó bảo vệ mối quan hệ của một người với Đức Chúa Trời.

Hôn nhân cũng là điều tốt cho sự mạo hiểm làm giảm bớt tiềm năng của nó. Con người được dựng nên cho một mối quan hệ yêu thương, lâu dài, dành riêng, an toàn, và thân mật. Tình dục là một phần đầy thú vị trong mối quan hệ này. Nó gia tăng và mang đến cho sự cực khoái mạnh mẽ định kỳ một sự hiệp nhất bền bỉ về tinh thần. Nhưng khi sự thân mật thể xác bị tách riêng ra khỏi những yếu tố khác của mối quan hệ hôn nhân, nó sẽ làm dơ bản toàn bộ mối quan hệ. Sự tin cậy không thể nào trở lại giống y như cũ; kẻ thứ ba thường xâm nhập vào sự thân mật, trong tâm trí của một hoặc cả hai người bạn đời. Sự hiệp nhất thật bị gãy đổ. Thực tế, sự gãy đổ mà Chúa Jêsus nói đến là rất nghiêm trọng, nó có thể được xác nhận một cách hợp pháp như là sự gãy đổ toàn diện và lâu dài (Ma-thi-ơ 5:32), dù đây không phải là sự đáp ứng được đề nghị và yêu cầu cho sự không chung thủy.

Chính sự chung thủy trong hôn nhân có khả năng phát huy tối đa tình dục. Việc kỷ luật tập trung trí tưởng tượng vào chỉ một mình người bạn đời thôi sẽ nhận được ích lợi về sự tăng thêm thỏa mãn tình dục. Hơn nữa, sự trong sạch trong tâm hồn sẽ được bảo vệ khỏi sự lừa dối của thế giới ảo được tạo nên bởi những nhiếp ảnh gia tài ba và những người thợ trang điểm. Ảo giác được tạo ra một cách thường xuyên trong xã hội của chúng ta đó là thế giới đầy đầy những thân hình trẻ đẹp, luôn sẵn sàng, đầy ham muốn và hoàn hảo đang chờ đợi sự chinh phục của những chàng trai hay những cô gái ăn chơi. Một người có thể dễ dàng bị dụ dỗ trong suy nghĩ rằng anh ta đang bị thiệt thòi về điều gì đó, và bởi việc nuôi dưỡng sự tưởng tượng của mình bằng loại thức ăn này anh ta dẫn mình đến chỗ thất bại trong cuộc hôn nhân mà không thể cạnh tranh lại với ảo giác đó. Nếu anh ta chưa bao giờ cho phép tâm trí mình tư tưởng đến cái thế giới mộng mơ đó, có lẽ anh ta sẽ khám phá nhanh chóng hơn, đầy trọn hơn rằng sự thỏa mãn tình dục là mãnh liệt nhất, bền bỉ nhất, và lớn lên liên tục chỉ trong sự kết ước của hai người trở nên một thịt một cách dành riêng và lâu dài. Sự bất an của một mối quan hệ không dứt khoát hay của một cuộc hôn nhân dơ bản cắt bỏ đi trái tim của hoạt động tình dục. Khi một người không chắc anh ta hay cô ta có xứng đáng với sự kết ước tối

thượng, lâu dài và yêu thương hay không hay anh ta hoặc cô ta chỉ là một công cụ tình dục đáng để mong muốn hoặc đang sẵn sàng để dùng, thì niềm vui tình dục có sự giả dối, dư vị cay đắng, giảm đi sự thỏa mãn.

Một số người cho rằng sự đa dạng sẽ làm tăng thêm sự thỏa mãn tình dục. Có lẽ vậy. Vì vậy, người bạn tình dùng sự tương tượng trong việc làm tình, sự đợi chờ và sự ngạc nhiên. Nhưng sự đa dạng nơi người bạn tình sẽ làm đánh mất tất cả những yếu tố khác khiến kinh nghiệm tình dục trở nên sự nên sự sung sướng tột đỉnh như nó đã được thiết kế.

Sự chung thủy trong hôn nhân là sự bảo vệ đặc biệt cho người bạn đời dễ bị tổn thương, người vợ. Cô ta dễ bị tổn thương hơn vì ít nhất ba lý do. Trước hết, động lực sâu sắc nhất của người vợ không vì tình dục thể xác nhiều như vì sự phụ thuộc. Khi cô ta chia sẻ thân thể của mình trong một sự ràng buộc đảm bảo về sự sở hữu lâu dài, cô ta sẽ được thỏa mãn. Nhưng nếu sự sở hữu chỉ là ảo tưởng, tạm thời, không chắc chắn, thì cô ta phải chịu đựng sự mất mát ở cấp độ sâu sắc nhất, một sự mất mát mà hầu hết nam giới còn không hiểu, huống gì kinh nghiệm.

Thứ nhì, nếu mối quan hệ thể xác là quan trọng hơn hết, thì cô ta chỉ có thể cạnh tranh được trong vài năm. Nam giới trong xã hội của chúng ta không chịu chung số phận với nữ giới. Sự quảng cáo, phương tiện truyền thông đại chúng, và các tập tục văn hóa dường như tuyên bố rằng sự hấp dẫn của phụ nữ về mặt thể xác tỉ lệ thuận với sự trẻ trung của cô ta. Tuy nhiên, hôn nhân thật tập trung vào sự hiệp nhất về mặt tâm hồn, và trong phạm vi tinh thần, cả hai người bạn đời có tiềm năng để tăng thêm sự xinh đẹp mỗi ngày càng hơn. Khi điều này là sự căn bản, người phụ nữ sẽ tăng thêm sự hấp dẫn tình dục từ năm này sang năm khác bởi vì sự hấp dẫn được hình thành trong bối cảnh của sự hiệp nhất toàn diện, sự trao ban cuộc đời trong yêu thương, một cuộc đời với kinh nghiệm được chia xẻ trọn vẹn.

Lý do thứ ba làm cho người phụ nữ dễ bị tổn thương đó là người phụ nữ trong xã hội của chúng ta không có vai tích cực trong việc tìm kiếm người bạn đời. Dù điều này đã thay đổi trong cách nào đó, sự tái hôn trong vòng nam giới vẫn có tỉ lệ vượt xa hơn trong vòng nữ giới. Vì lý do này, một hôn nhân đổ vỡ thường đồng nghĩa với sự cô đơn tột cùng dành cho người vợ trong khi người chồng có thể không kinh nghiệm điều đó. Cuối cùng, người phụ nữ bị để lại những đứa con sau một cuộc hôn nhân tan vỡ, và theo thống kê, họ sẽ đứng ở bậc dưới cùng của chiếc thang tài chính.

Sự chung thủy cũng một điều đòi hỏi cho bầu không khí gia đình giúp cho con cái lớn lên đến chỗ trưởng thành trong sự trọn vẹn. Tình yêu, sự chung thủy, sự chính trực, sự trung thành là những yếu tố cần thiết. Sự không chung thủy nói với đứa trẻ rằng, “Mẹ của con không có giá trị gì, và cha của con là một kẻ nói dối và lừa bịp. Hơn nữa, danh dự hầu như

không quan trọng bằng sự khoái lạc.” Một ngôi nhà như thế là một môi trường tồi tệ nhất mà trong đó đứa trẻ chịu sự nuôi dạy. Món quà lớn nhất mà cha mẹ có thể cho con cái mình là sự bày tỏ một sự kết chung thủy, yêu thương với nhau.

Cuối cùng, sự chung thủy trong hôn nhân là cần thiết cho một người muốn được Chúa chấp nhận. Tội lỗi là sự phân cách với Đức Chúa Trời, và sự ô uế trong tâm trí và thân thể là một cách phá vỡ mối quan hệ với Đức Chúa Trời. Quan trọng hơn nữa, nó là một cách làm tổn thương Ngài cách nghiêm trọng. Người bạn đời lừa bịp không chỉ gây hại cho chính mình, người bạn đời của mình, con cái của mình, anh ta đang “đóng đinh Con của Đức Chúa Trời” (Hê-bơ-rơ 6:6). Xúc phạm lẫn nhau là xúc phạm chính Đức Chúa Trời như Giô-sép đã làm chứng (Sáng 39:9), Đa-vít đã kinh nghiệm (Thi Thiên 51:4), và tiên tri đã công bố (A-mốt 2:7).

## SỰ THỤ TINH NHÂN TẠO

Có phải sự thụ tinh nhân tạo vi phạm sự ràng buộc hôn nhân? Chắc chắn việc thụ tinh nhân tạo cho một người vợ bằng tinh trùng của người chồng là không vi phạm luật chống lại sự ngoại tình. Nhưng đối với tinh trùng do người khác hiến tặng thì sao? Hoặc sự sử dụng một người mẹ thay thế khác thì sao? Sự cấy trứng đã thụ tinh của một người phụ nữ khác vào tử cung của người vợ vô sinh có vi phạm không? Kinh Thánh không nói trực tiếp về những vấn đề này.

Phải chăng có một mô hình trong sự Cựu Ước về sự thụ tinh không-nhân-tạo được thực hiện bởi một người anh em của người chồng quá cố (Phục Truyền 25:5-10)? Có phải thật là quan trọng khi điều khoản ngoại lệ này bị giới hạn một cách nghiêm ngặt? Không phải bất cứ ai cũng có thể thực hiện việc đó.

Mặc dù chúng ta không thể tìm ra bất cứ phần Kinh Thánh nào trực tiếp cấm sự thụ tinh nhân tạo, tuy nhiên việc này khuấy động những phản ứng tâm lý trong nhiều người. Có lẽ có lý do chính đáng cho việc này.

Những thủ tục y khoa cho việc thụ tinh nhân tạo chắc chắn không kết hợp hai ứng viên để trở nên “một thịt,” và sự hiệp nhất sâu sắc trong tinh thần cũng vắng bóng. Bình thường người hiến tặng thậm chí không hề biết người nhận, cho nên việc vi phạm những mối quan hệ cơ bản trong hôn nhân không xảy ra. Nhưng hầu hết mọi người bày tỏ sự lưỡng lự. Có phải sự khó chịu về thủ tục này gợi ý một cấp độ hiệp nhất sâu hơn - sự mâu nhiệm sâu sắc của sự cộng tác trong việc tạo dựng sự sống?

Chắc chắn sự mặc cảm tội lỗi vô lý phủ vây người bạn đời “thất bại” trong tiến trình sáng tạo là một phần của sự tổn thương mà nhiều người kinh nghiệm. Chắc chắn sự ghen tuông của một người trên đũa tre đến từ người kia mà không đến từ mình có thể là nguồn của sự bức bối liên tục. Nhưng tôi không thể khẳng định trong một lương tâm tốt rằng những thủ tục như thế chắc chắn là tội lỗi trong mắt của Đức Chúa Trời.

Thủ tục thụ tinh nhân tạo nên chứng tỏ trung tính về mặt đạo đức, tuy nhiên, nó không thể là một phần của sự không ngoan. Nếu Đức Chúa Trời là Đấng mở và đóng tử cung (Sáng 29-30, 1Sa-mu-ên. 1:5; Thiên Thiên 127:3; Ê-sai 66:9), nếu trẻ em là tài sản của Ngài, có lẽ chúng ta nên đứng ở đằng sau và để Ngài tiếp tục thực hiện vai trò của Ngài, tin cậy Ngài làm thành mục đích cao cả hơn trong việc từ chối không cho có con cái. Giải pháp thay thế có thể bao gồm việc nhận con nuôi hoặc sự ngạc nhiên thú vị của việc có thai muộn. Trong sự dự phòng của Đức Chúa Trời, những cặp vợ chồng không con thường có những đóng góp đặc biệt cho vương quốc của Đức Chúa Trời bởi vì những nguồn đặc biệt luôn sẵn có trong hoàn cảnh vô sinh của họ.<sup>10</sup>

## HÔN NHÂN DỊ CHủng

Một số người cho rằng hôn nhân dị chủng bị cấm trong Kinh Thánh, nhưng nếu đọc cẩn thận mạch văn sẽ thấy rằng hôn nhân giữa người Do Thái và Ngoại Bang không phải là sự pha trộn chủng tộc, vì có nhiều dân tộc xung quanh là cùng một “dòng dõi,” nhưng hôn nhân giữa người tin Chúa và người không tin là điều mà Đức Chúa Trời cấm kỵ. Không phải những người vợ ngoại bang của Sa-lô-môn khiến ông đi sai lạc, nhưng chính những tôn giáo ngoại bang của họ.

Một số người cho rằng sự dạy dỗ của Phao-lô về việc Đức Chúa Trời “giới hạn nơi cư trú” là một chỉ dấu cho biết Đức Chúa Trời muốn các dòng dõi định cư tại những nơi khác biệt trên phương diện địa lý, Ngài muốn các dòng dõi duy trì sự thuần chủng. Vì vậy, theo sự ngụ ý, Đức Chúa Trời chống lại sự hôn nhân dị chủng. Cách giải thích như vậy khó có thể được xem là sự giải kinh có trách nhiệm, nhưng đây là phân đoạn Kinh Thánh Tân Ước then chốt cho sự dạy dỗ rằng hôn nhân dị chủng là điều sai trật. Trước hết, ý định của Phao-lô là điều ngược lại. Ông đang nói với các lãnh đạo của một dân tộc (“quốc gia”) là những người xem mình khác biệt về nguồn gốc và thượng đẳng hơn tất cả những người khác, những người mà họ xếp loại là người man rợ. Phao-lô nói với những người Hy Lạp này rằng Đức Chúa

---

<sup>10</sup> Để thảo luận một cách tiết hơn đạo đức học về vấn đề thụ tinh nhân tạo, hãy xem Helmut Thielicke, *Theological Ethics*, vol. 3, *Sex* trans. John Doberstein (Grand Rapids: Eerdmans, 1979), 248-68.

Trời đã tạo dựng nên họ (không, không nhú lên lên từ đất Hy Lạp), và Đức Chúa Trời đã tạo nên tất cả các dân tộc từ một nguồn gốc. Một số bản văn dịch là “cùng một dòng máu,” nhưng một số bản bỏ đi chữ *dòng máu*, điều này hàm ý một tổ tiên nhân loại. Dù thế nào đi nữa, điểm cốt yếu vẫn là: Tất cả là một. Theo đó, có lẽ Phao-lô không nói “mọi quốc gia” (Công Vụ 17:26), nhưng đúng hơn là “toàn thể dòng dõi nhân loại.” Toàn bộ văn mạch nhắm một cách chính xác theo hướng ngược lại với sự giải thích gượng ép gần đây.

Một số người nói rằng Phao-lô đang nói đến bài ca của Môi-se, bài ca dùng những từ ngữ tương tự (Phục Truyền 32:8). Tuy nhiên, điều này không giúp đỡ nhiều lắm cho quan điểm đó, bởi vì đơn giản Môi-se đang ngợi khen Đức Chúa Trời về việc định sự giới hạn cho những dân tộc xung quanh để cung cấp cho Y-sơ-ra-ên một nơi.

Giả sử sự thuần chủng về chủng tộc, ngoại trừ Y-sơ-ra-ên là một cộng đồng đức tin (không phải là một “chủng tộc”), là một phần của kế hoạch của Đức Chúa Trời, thì chẳng có chỗ nào trong Kinh Thánh đưa ra một bằng chứng nào cho vấn đề đó. Học một ngoại ngữ thì khó có thể cho đó là một hoạt động tội lỗi, và sự quan sát này cũng có thể được áp dụng cho vấn đề nhập cư – điều duy nhất có thể được ngụ ý từ lời bình luận của Phao-lô. Nếu việc định “sự giới hạn cho các dân tộc” muốn ngụ ý rằng hôn nhân dị chủng là sai, nó ngụ ý như vậy bởi sự ngụ ý rằng nếu dịch chuyển sự giới hạn (nhập cư) là sai, thì hôn nhân dị chủng sẽ trở nên điều không thể. Nói một cách khác, để có một sự ngụ ý cấm việc hôn nhân dị chủng, thì việc cấm nhập cư hay di chuyển từ vùng giới hạn của một dân tộc ra bên ngoài là điều cần thiết. Nếu cách giải thích đó đúng, thì tất cả những người Mỹ không phải là người bản xứ nên bị trục xuất ra khỏi nước Mỹ. Có lẽ bằng chứng hùng hồn nhất chống lại cách giải thích như vậy đó là sự nhập cư quan trọng nhất trong tất cả các thời đại được chỉ định bởi Đức Chúa Trời, không phải chỉ một lần nhưng hai lần – từ xứ U-rơ và sau này từ Ai-cập. Dù sao đi nữa, quan điểm cho rằng hôn nhân dị chủng là tội lỗi không có nền tảng Kinh Thánh.

Trên phương diện căn bản, có lẽ nên thêm vào như một lời chú thích rằng hôn nhân xuyên văn hóa (khác với hôn nhân xuyên chủng tộc) là điều nguy hiểm vô cùng bởi vì bản chất của hôn nhân. Những ai đang suy nghĩ đến một sự kết hợp như vậy nên cân nhắc những điều khó khăn bất lợi sẽ thêm vào, vì khó có thể đạt được sự hiệp một với một người khác văn hóa. Một nan đề lớn nữa đó là việc liên với gia đình của mỗi bên trong hôn nhân. Trong một số xã hội, con cái trong cuộc hôn nhân pha trộn có thể bị khổ nhiều. Cho nên hôn nhân xuyên văn hóa là điều có lẽ không nên được khuyến khích, nhưng cũng không thể cho nó là điều phi đạo đức trên nền tảng Kinh Thánh.

## SỰ ĐA THÊ

Nguyên tắc một vợ một chồng hầu như chắc chắn là sự sắp đặt hôn nhân lý tưởng cho nhân loại. Chúng ta phải nói “hầu như chắc chắn” bởi vì sự suy ra từ Kinh Thánh là như vậy, nhưng đồng thời, chúng ta cũng phải thừa nhận rằng không có chỗ nào trong Kinh Thánh lên án tục đa thê, và không có chỗ nào trực tiếp khẳng định chỉ có tục một vợ một chồng là sự sắp xếp hợp pháp. Hơn nữa, Kinh Thánh không xem sự đa thê như là điều không trong sạch. Hôn nhân với người bạn đời thứ hai cũng không thể được phân rẽ giống như với người thứ nhất. Không chung thủy là phá vỡ mối quan hệ đó, lừa dối một trong các người vợ, chứ không phải tại việc có mối quan hệ và trung thành giữ lời thề hôn nhân.

Sự ngụ ý từ Kinh Thánh thiên về nguyên tắc một vợ một chồng là con số hai. Để hoàn thành mục đích của hôn nhân, Đức Chúa Trời đã làm nên A-đam và Ê-va như một cặp một vợ một chồng. Và trong cặp vợ chồng đó, hình ảnh của Đức Chúa Trời được trọn vẹn. Vì vậy, chúng ta có thể suy ra đây là lý tưởng của Đức Chúa Trời.

Mặt khác, không giống như những mối quan hệ ngoại tình, quan hệ đồng tính luyến ái và những mối quan hệ vô luân khác, là những mối quan hệ vi phạm một hay nhiều hơn trong ba mục đích căn bản của hôn nhân, sự đa thê không phải như vậy. Chắc chắn, mục đích thứ nhì, có con cái và cung cấp một tổ ấm gia đình, là mục đích có thể vươn tới được đối với gia đình đa thê. Hơn nữa, mục đích phản chiếu bản chất của Đức Chúa Trời khó có thể bị vi phạm vì mối quan hệ yêu thương của Đức Chúa Trời có thể dành cho nhiều người cùng một lúc. Tuy vậy, một cách tự nhiên sự quan sát này dẫn đến lý do hợp lý cho rằng hôn nhân một vợ một chồng rõ ràng là ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại. Chúng ta bị giới hạn và sa ngã. Vì vậy, dù mục đích đầu tiên của hôn nhân, sự hiệp nhất về thể xác và tinh thần, trên lý thuyết có thể được hoàn thành trong hôn nhân đa thê, trong thực tế nó không thể được hoàn thành. Không phải là thần thánh, người chồng không có khả năng vô hạn để yêu tất cả những người vợ một cách trọn vẹn, công bằng (xem Sáng 29:23, 28, 30), và người vợ không có khả năng chịu đựng một cách yêu thương sự cạnh tranh tình cảm và sự chú ý của người chồng (xem 1 Sa-mu-ên 1:6). Cho nên trong thực tế, các gia đình đa thê thường vi phạm mục đích chính của hôn nhân.

Dù người ta nói rằng nam giới, ít nữa trong tình trạng sa ngã, có khuynh hướng muốn đa thê bởi vì sự ham muốn tình dục mạnh mẽ và không sáng suốt, sự ham muốn của nữ giới là có được một mối quan hệ quan tâm, thân mật, và đảm bảo. Có lẽ những khuynh hướng gần liền trái ngược này phải đương đầu nhiều với cơ cấu luật lệ hôn nhân của một văn hóa hơn là với những xác tín đạo đức bẩm sinh. Những yếu tố xã hội cũng có thể đóng góp vào. Trong

những xã hội có nữ giới đông hơn nam giới (bởi vì chiến tranh, săn bắn, hoặc những hoạt động nguy hiểm của nam giới) và nữ giới là một lợi ích kinh tế, sự đa thê sẽ nổi trội. Nhưng khi nam giới và nữ giới bình đẳng nhau trong việc chu cấp, và việc gìn giữ một người vợ là một phí tổn, thì hôn nhân một vợ một chồng sẽ nổi trội. Chẳng hạn, vào thời Đấng Christ, thời kỳ *Pax Romana* (sự bình an của La Mã), hôn nhân một vợ một chồng đã là tập tục của người Hy Lạp, La Mã, và Hê-bơ-rơ.

Khi không có sự dạy dỗ, chúng ta tìm kiếm sự lý luận mang tính triết học và xã hội học để củng cố lời kết luận về nguyên tắc một vợ một chồng trong hành động sáng tạo lúc ban đầu. Đức Chúa Trời đã tạo nên A-đam và Ê-va, không phải A-đam và Ê-va, và Mary, Jane và Susan.

Luận cứ thứ nhì cho sự suy luận đó là sự dạy dỗ của Phao-lô rằng người đàn ông đa thê không thể giữ chức chấp sự hay trưởng lão trong Hội thánh. Nếu tiêu chuẩn cao dành cho người lãnh đạo thuộc linh loại trừ sự đa thê, thì sự đa thê không thể được cho là điều lý tưởng. Không cần phải tranh cãi rằng sự đòi hỏi đó, về mặt bản chất, có thể là phi thuộc linh, vì bối cảnh của những đòi hỏi dành cho người giữ chức vụ, những đòi hỏi bao gồm thuộc linh (ví dụ, “không chỗ trách được”) và phi thuộc linh (ví dụ, “không phải là một tân tín hữu”), chủ yếu là sự thẩm định những phẩm chất thuộc linh và dường như bao gồm sự cảm đoán trong vòng những yêu cầu về lối sống.

Có năm cách giải nghĩa căn bản cho những phân đoạn trong thư tín của Phao-lô 1 Tim. 3:2, 12; Tít 1:6):

1. *Một số người cho rằng ý của Phao-lô là trưởng lão bắt buộc phải lập gia đình.* Quan điểm này gặp phải khó khăn vì cả Phao-lô và Đấng Christ có đủ tư cách là những lãnh đạo thuộc linh trong Hội thánh. Một nan đề khác trong chính phân đoạn Kinh Thánh này đó là nếu một người phải lập gia đình, thì dường như người đó phải có con cái ( 1 Tim. 3:4), tuy nhiên có một số người cho rằng người đã lập gia đình mà không có con cái không nên giữ chức vụ. Chẳng có cơ sở hợp lý nào cho những đòi hỏi như vậy.

2. *Một số người cho rằng đó chỉ là lời huấn thị cho sự thánh sạch.* Ông ta phải là “loại-đàn-ông-một-vợ.” Điều này không thể chấp nhận được đối với nhiều người không chỉ vì cấu trúc ngữ pháp và thiếu những ví dụ về sự sử dụng từ ngữ trong cách như vậy, nhưng cũng vì phân đoạn Kinh Thánh rõ ràng ngụ ý điều gì đó hơn hẳn điều như thế.

3. *Quan điểm Công Giáo La-Mã nhằm để khiến linh mục là chồng của một Hội thánh.* Cách giải thích gượng ép này rõ ràng xuất phát từ việc áp đặt một giáo lý đã định trước cho một phân đoạn Kinh Thánh cụ thể.



4. Một số người ngày hôm nay giải thích phân đoạn Kinh Thánh này có nghĩa rằng một người ly dị và tái hôn không đủ tư cách làm một người lãnh đạo thuộc linh. Một số người còn đi xa hơn nữa – và một cách kiên định – cho rằng những người tái hôn sau khi vợ chết cũng không đủ tư cách. Bất cứ cuộc hôn nhân lần thứ hai nào cũng cần phải bị loại ra. Cách giải thích này được ưa chuộng trong Hội thánh thời cổ đại. Kết hôn lần thứ hai là không được phép. Vì trong thư tín của Phao-lô tái hôn sau khi người bạn đời đã chết được cho phép (Rom. 7:2-3; 1 Cor. 7:39), thậm chí được cho là điều tốt ( 1 Tim. 5:14), sự đòi hỏi của quan điểm này là một điều lạ.

5. Lời giải thích nổi trội đó là những người có nhiều vợ không được phép nắm giữ những vị trí lãnh đạo thuộc linh trong Hội thánh. Hầu hết những nhà giải kinh là những người có quan điểm khác cũng thừa nhận điều này. Những nhà giải kinh đầu tiên đều đã đồng ý với quan điểm này.

Sự dạy dỗ này rõ ràng cho rằng nguyên tắc một vợ một chồng là mô hình lý tưởng của Đức Chúa Trời cho những lãnh đạo thuộc linh trong Hội thánh và, theo sự ngụ ý, là một vấn đề thuộc linh.

Những phân đoạn Kinh Thánh khác cũng đòi hỏi nguyên tắc một vợ một chồng như là tiêu chuẩn đạo đức duy nhất có thể chấp nhận được đối với Đức Chúa Trời, nhưng dường như không có phân đoạn Kinh Thánh nào được nêu lên với sự xem xét kỹ càng. Sa-lô-môn rõ ràng đã sai trật trong việc vi phạm huấn thị chống lại việc nhiều vợ (Phục truyền 17:17). Cộng thêm và nhân lên có lẽ không giống nhau, nhưng ba trăm vợ và bảy trăm cung phi chắc chắn đủ để cho là “nhân lên.” Tuy nhiên, lý do Sa-lô-môn bị lên án (1 Các Vua 11:1,3) là việc kết hôn với những người vợ ngoại bang, thờ hình tượng hơn là vì số vợ.

Lời dạy của Đấng Christ về điều đã được định ý từ buổi sáng thế, rằng hai người trở nên một thịt, là bằng chứng để cấm sự đa thê. Nhưng điều này vẫn còn xa để đi đến kết luận. Nếu một xã hội đa thê đã được thừa nhận, thì lời dạy của Đấng Christ sẽ chỉ là một điều có thể áp dụng – nó là một sự phá vỡ Ngài cần lên án, và không tham dự vào. Sự tin quyết của tôi đó là Đấng Christ đang thừa nhận, không phải bởi cảnh đa thê Cựu Ước, nhưng xã hội một vợ một chồng thời của Ngài, và Ngài thật sự khẳng định sự lâu bền của một hôn nhân một vợ một chồng. Nếu Ngài xem sự đa thê là một sự chọn lựa tốt, Ngài có thể làm hài lòng nhiều người bởi đề xuất nó ít nhất như là một giải pháp cho những cuộc hôn nhân rầm rối. Tuy nhiên, sự dạy dỗ của Đấng Christ về ly dị không đơn giản nhằm vào câu hỏi về sự đa thê.

Luật Cựu Ước, dù không lên án sự đa thê, tuy nhiên, nó kiểm soát những mối quan hệ đa thê nhằm bảo vệ những người vợ. “Nếu chủ có lấy người khác, thì đối với người thứ nhất chẳng được phép giảm đồ ăn, đồ mặc, và tình nghĩa vợ chồng chút nào” (Xuất 21:10). Và luật

ly dị được áp dụng một cách bình đẳng cho tất cả các cuộc hôn nhân đa thê. Nói một cách khác, sự xem xét mang tính đạo đức quan trọng hơn hết là sự chung thủy, thành thật, giữ giao ước, dù chỉ với một vợ hay nhiều hơn một. Hai bằng chứng – trật tự sáng tạo và trật tự trong Hội thánh – xác nhận một cách mạnh mẽ rằng Hội thánh hoàn toàn đúng trong việc xem nguyên tắc một vợ một chồng là mô hình lý tưởng của Đức Chúa Trời.

Sự dạy dỗ này phải làm gì với xã hội một vợ một chồng trong thời đại của chúng ta? Có hai điều cần phải làm. Trước hết, không phải tất cả xã hội đương đại là xã hội một vợ một chồng. Đúng vậy, chẳng hạn nhiều xã hội đa thê tại Châu Phi đang trở nên một vợ một chồng bởi vì số lượng của hai giới tính đang ngang bằng nhau, và những người vợ thêm vào trở thành một gánh nặng tài chính bởi vì sự thay đổi cấu trúc công việc. Nhưng vì các giáo sĩ Cơ Đốc đòi hỏi những người đa thê tìm-kiếm-lẽ-thật ly dị hết tất cả những người vợ trừ người vợ đầu tiên để trở thành thành viên của Hội thánh rõ ràng là một sự vi phạm lời dạy trong Kinh Thánh. Chắc chắn, người đó bị loại trừ ra khỏi vị trí lãnh đạo thuộc linh như đã đề cập ở trên, và thật hoàn toàn hợp pháp để đòi hỏi nguyên tắc một vợ một chồng như là tiêu chuẩn cho những người chưa kết hôn hoặc cho những ai chỉ có một vợ lúc cải đạo, nhưng yêu cầu tân tín hữu phải bỏ bớt một hoặc nhiều vợ không chỉ vi phạm lời dạy dỗ tỏa khắp trong Kinh Thánh về ly dị, nhưng còn gây ra sự lộn xộn trong xã hội và những hiểm họa đưa Phúc Âm để chỗ bị tai tiếng.

Thứ hai, xem xét lời dạy Kinh Thánh về sự đa thê là quan trọng vì nó là một phần không thể thiếu của vấn đề cấp bách hơn, vấn đề ly dị và tái hôn, điều mà bây giờ chúng ta xem xét.

## LY DỊ

Thật khó để cường điệu những hậu quả xấu của việc ly dị xảy đến cho người vợ, người chồng, con cái và cho xã hội, khi kết cấu của sự định chế căn bản của nó vỡ ra từng mảnh. Không nghi ngờ gì Đức Chúa Trời ghét ly dị (Ma-la-chi 2:14-16).

Tỉ lệ ly dị hiện tại ở tại Mỹ không kinh khủng như đại chúng nghi ngờ. Đa số tin rằng cứ hai cuộc hôn nhân có một cuộc kết thúc bằng sự ly dị là điều không thể tin được về mặt thống kê.<sup>11</sup> Dựa trên dữ liệu bỏ phiếu, Louis Harris kết luận rằng khoảng 90 phần trăm các cuộc hôn nhân tồn tại.<sup>12</sup> Dữ liệu từ cuộc điều tra dân số năm 1990 và cuộc khảo sát năm 1991 của Công Ty Bảo Hiểm Nhân Thọ Massachusetts, con số ly dị khoảng 20 phần trăm trong

<sup>11</sup> Nó được tính toán một cách sai lầm bởi chia số cuộc hôn nhân cho số cuộc ly dị. Nhưng có tới 90 phần trăm những người chưa lập gia đình hoặc không ly dị trong từng năm. Một số người lập gia đình và ly dị vài lần.

<sup>12</sup> Harris, *Inside America* (New York Vintage Books, 1987), 87-90.

vòng những người kết hôn.<sup>13</sup> Con số thống kê một trong hai cuộc hôn nhân kết thúc bằng sự ly dị có thể được sử dụng để bình thường hóa hoặc hợp pháp hóa sự thực hành này trong xã hội.

Chúng ta chỉ nhận sự an ủi nhỏ nhoi từ con số thống kê về ly dị. Dù con số thấp hơn so với con số mà một số người lo sợ, nhưng con số ly dị ngày hôm nay nhiều hơn khoảng bốn lần so với con số ly dị vào thập niên 60.<sup>14</sup> Hơn nữa, nhiều người sống chung với nhau, rồi chia tay nhau không theo luật hôn nhân và ly dị. Phạm vi ảnh hưởng của ly dị trong vòng những Cơ Đốc Nhân đang tăng theo sự gia tăng của dân số. Tuy nhiên, những cặp vợ chồng cầu nguyện với nhau, thường xuyên truyền thông với nhau, duy trì đời sống lãng mạn có tỉ lệ ly dị rất thấp.<sup>15</sup>

Sự xung đột về tiêu chuẩn liên quan đến ly dị và tình dục ngoài hôn nhân không có nơi nào mạnh mẽ như trong giáo hội Tin Lành. Có nhiều yếu tố đóng góp vào điều này chẳng hạn như sự thay đổi thái độ đối với thẩm quyền Kinh Thánh. Nhưng nan đề căn bản vẫn là lối suy nghĩ tập trung vào cái tôi. Sự trỗi dậy của bản tính vị kỷ đã tỏ ra rằng nó là yếu tố lớn nhất góp phần vào sự đổ vỡ gia đình. C. S. Lewis mô tả nan đề theo cách không thể bắt chước của mình rằng:

Khi tôi còn là một đứa trẻ, tất cả những người tiến bộ nói rằng, “Tại sao phải hổ thẹn? Chúng ta hãy đối xử với vấn đề tình dục giống như chúng ta đối xử với những sự thôi thúc khác.” Tôi đơn sơ đủ để tin rằng họ có ý đúng như điều họ nói. Tôi khám phá ra rằng họ có ý ngược lại. Họ có ý rằng tình dục phải được đối xử theo cách mà không có sự thôi thúc nào trong bản chất của chúng ta được những người văn minh đối xử như vậy. Chúng ta thừa nhận rằng tất cả sự thôi thúc khác phải được kiềm chế. Tuyệt đối vâng theo khuynh hướng tự nhiên của chúng ta vì sự sinh tồn đồng nghĩa với sự hèn nhát; vâng theo sự thôi thúc háms lợi đồng nghĩa với sự tham lam. Thậm chí giấc ngủ cũng phải được khước từ nếu bạn đang làm nhiệm vụ canh gác. Nhưng mỗi cử chỉ thiếu tử tế và mỗi lỗ hỏng của đức tin dường như được bỏ qua miễn là đối tượng được hướng đến là sự thỏa mãn xác thịt.

Sự thôi thúc tình dục của chúng ta bị đặt trong vị trí đặc quyền ngược đời. Động cơ tình dục được dùng để bỏ qua tất cả các loại ứng xử, điều mà nếu có sự kết cục nào khác, sẽ bị lên án là tàn nhẫn, bội bạc và không công bình.

---

<sup>13</sup> Michael Medved, *Hollywood vs. America: Popular Culture and the War en Traditional Velma* (New York Harper Cahn., 1992), 134

<sup>14</sup> Rodney Clapp, *Families at the Crossroads: Beyond Tradition and Modern Options* (Downers Grow, Ill: InterVarsity Press, 1993), 114.

<sup>15</sup> Andrew M. Greeley, *Faithful Attraction Discovering Intimacy, Lem, and Fidelity in American Marriage* (New York: Tom Doherty Associates, 1991), see especially 46-49, 143-45.

Bây giờ, dù tôi không thấy lý do chính đáng nào để ban cho tình dục đặc quyền như vậy, tôi nghĩ tôi đã nhìn thấy một lý do mạnh mẽ. Đó là thế này. Tình dục là một phần của bản chất của sự đam mê ái tình mạnh mẽ... điều làm nên nhiều lời hứa mạnh mẽ hơn bất kỳ tình cảm nào khác... Việc đang yêu liên quan đến sự xác quyết hầu như không thể cưỡng lại được rằng người đó sẽ tiếp tục yêu cho đến khi chết, và sự sở hữu thuộc về người yêu đầu được trao ban, không phải thường xuyên có những giây phút sung sướng, nhưng là một niềm hạnh phúc ổn định, sai quả, rễ đâm sâu và trọn đời. Do đó, tất cả dường như đã được định cách chắc chắn. Nếu chúng ta đánh mất cơ hội này chúng ta sẽ sống trong sự vô nghĩa. Khi suy nghĩ đến sự bạc phận như thế chúng ta bị chìm vào những chiều sâu không thể dò được của sự tự thán.

Tiếp thay, những lời hứa được tìm thấy thường là hoàn toàn không đúng. Người trưởng thành có kinh nghiệm biết điều này là như vậy về những đam mê ái tình (trừ khi anh ta đang cảm xúc lúc đó)... Khi hai người đạt được niềm hạnh phúc lâu bền, điều này không chỉ vì họ là những người yêu tuyệt vời nhưng họ cũng là – tôi phải diễn đạt nó một cách thô lỗ - những người tốt: những người tiết chế, trung thành, không thiên vị, biết thích ứng với nhau. Nếu chúng ta lập nên “quyền được (về mặt tình dục) hạnh phúc” thế chỗ cho tất cả những luật lệ ứng xử, chúng ta làm như vậy không phải vì sự đam mê của chúng ta bày tỏ chính nó để được kinh nghiệm, nhưng vì những gì nó xung ra trong lúc chúng ta ở trong sự kìm kẹp của nó. Cho nên, khi một hành vi xấu hiện diện và tạo nên những đau khổ và sự thoái hóa, niềm hạnh phúc đã từng là mục tiêu của sự ứng xử trở nên điều viển vông. Mọi người (ngoại trừ ông A và bà B [hai người đã từng kết hôn bây giờ ly dị để cưới nhau]) biết rằng ông A trong một năm hay một khoảng thời gian nào đó có thể có cùng một lý do để bỏ người vợ mới của mình cũng giống như bỏ người vợ cũ. Anh ta cứ nhìn thấy mình là một người yêu tuyệt vời, và sự thương cảm của anh ta dành cho chính mình sẽ gạt bỏ tất cả sự thương cảm dành cho người phụ nữ.<sup>16</sup>

Kinh Thánh nói gì về việc ly dị? Đấng Christ đã dạy một cách rõ ràng rằng ý định ban đầu của Đức Chúa Trời là sự lâu bền trong hôn nhân (Mark 10:1-12; Luke 16:18). Khuông mẫu là chính Đức Chúa Trời (hãy xem trong sách Ô-sê), Đấng đã tha thứ và trung tín giữ giao ước của Ngài dù Ngài bị xúc phạm trầm trọng hơn bất cứ người chồng hoặc người vợ trên trần gian này. Thậm chí trong Cựu Ước, ly dị bị cấm một cách dứt khoát trong một số trường hợp (Dent. 22:13-21,28-30).

Cũng vậy, Môi-se, Chúa Jê-sus và Phao-lô đều công nhận rằng điều lý tưởng không phải lúc nào cũng được đáp ứng cho nên phải thiết lập những giới hạn, những điều bảo vệ để sửa lại những thất bại hoặc để giới hạn sự tổn hại do không thể sửa lại được.

---

<sup>16</sup> “Have We No Right to Happiness?” reprinted in *The Sunday Evening Post*, April 1982,42-44.

Theo phân đoạn then chốt trong Cựu Ước (Phục truyền 24:1-4) Mô-i-se không chấp thuận sự ly dị, nhưng cũng không cấm điều đó. Đơn giản ông chỉ đưa ra một số chỉ dẫn để bảo vệ người vợ bị người chồng ly dị. Đấng Christ dạy rằng đây là một sự nhượng bộ vì “sự cứng lòng của họ” (Ma-thi-ơ 19:3-9), tình trạng tội lỗi của họ. Người chồng không thể đơn giản đuổi người vợ đi; anh ta phải làm điều đó bằng văn bản để cô ta có thể kết hôn với người khác và không bị trở nên một người bị xã hội ruồng bỏ. Hơn nữa, trong cách nào đó không được giải thích, cô ta có thể trở nên được tự do một lần nữa, người chồng đầu tiên không được phép tái hôn cô ta bởi vì cô ta đã bị “ô ứ.” Vì cơ sở lý luận không được nêu ra, và vì sự chỉ dẫn rành mạch của Đức Chúa Trời cho Ô-sê dường như ngược lại – hãy đi và yêu người đàn bà ngoại tình kia một lần nữa, một lần nữa – hầu hết những người Tin Lành không cố gắng áp dụng khía cạnh này của luật pháp trong thời đại Hội thánh ngày hôm nay.

Có phải Đấng Christ và Phao-lô nhượng bộ cho sự sai thất bại của con người? Đây là điểm then chốt của sự tranh cãi. Trong cả hai phân đoạn trong Ma-thi-ơ nói về chủ đề này (Ma-thi-ơ 5:31-32; 19:3-9), Đấng Christ cấm ly dị “ngoại trừ vì có không trinh bạch.” Đối với những người tin rằng không thể có lý do nào cho việc ly dị được Đức Chúa Trời chấp nhận, thì có một vài cách tiếp cận được nêu ra.

Một số người không cho phép cụm từ ngoại lệ, cho rằng Ma-thi-ơ đã thêm vào như là lời giải thích cho điều mà ông nghĩ là Đấng Christ ngụ ý, hoặc Hội thánh, hoặc những người sao chép Kinh Thánh thêm vào sau này để làm dịu bớt lời dạy dỗ. Đối với người trung thành với thẩm quyền độc lập của Kinh Thánh, những cách tiếp cận Kinh Thánh như vậy không thể chấp nhận được. Không có bằng chứng liên quan đến vấn đề nguyên bản nhằm gieo ra sự nghi ngờ trầm trọng về cụm từ chỉ trường hợp ngoại lệ như là một phần của nguyên bản, cho nên chúng ta chấp nó như là lời đầy thẩm quyền của Đấng Christ.

Hướng tán công thứ hai nhằm vào sự hiểu biết truyền thống đề nghị một định nghĩa giới hạn cho từ ngữ “không trinh bạch” hay “gian dâm.” Quan điểm này cho rằng có sự ngoại lệ, nhưng ngoại lệ đó ám chỉ trường hợp hiếm có của người đàn ông Do Thái trong thời gian hứa hôn khám phá ra rằng người vợ hứa của mình không còn trinh bạch nữa. Sự ràng buộc trách nhiệm nghiêm túc trong sự hứa hôn của người Do Thái có thể gạt bỏ, và hợp đồng kết thúc, giống như Giô-sép nghĩ trong trí sẽ làm như vậy với Ma-ri (Ma-thi-ơ 1:19).

Một số người khác cho rằng “sự gian dâm” chỉ liên quan đến tội lỗi cụ thể trong những cuộc hôn nhân bị cấm đoán trong Lê-vi ký 18. Tại sao phải giới hạn như thế? Bởi vì sự dạy dỗ trong Công Vụ 15 về những điều nghiêm cấm dành cho Dân Ngoại, Lê-vi ký 17 và 18 được trích dẫn như là phân đoạn Kinh Thánh Cựu Ước liên hệ đến bốn điều bị cấm: cấm ăn thú vật bị chết ngạt, cấm ăn huyết, cấm ăn của cúng thần tượng, và cấm gian dâm. “Gian

dâm” trong Lê-vi ký 18 ở trong bối cảnh các luật lễ nghi khác nhau được áp dụng chỉ cho người Do Thái, cho nên trường hợp ngoại lệ mà Chúa Jê-sus nêu ra được chép lại bởi Ma-thi-ơ, là người viết một cách đặc biệt cho độc giả Do Thái, những người có thể hiểu và cảm nhận sự ràng buộc của nó. Nếu ly dị vì sự vi phạm một trong các hoạt động loạn luân bị cấm trong Lê-vi ký 18, sự ly dị đó là hợp pháp. Ly dị vì các loại gian dâm khác là không được phép, nhưng trong những trường hợp đặc biệt của người Do Thái ly dị là điều cần bởi vì chính cuộc hôn nhân đó là bất hợp pháp. Dĩ nhiên, quan điểm này thừa nhận rằng Hội thánh đầu tiên đã đưa ra những sự cấm đoán mang tính nghi lễ này áp dụng cho Dân Ngoại và Lê-vi ký 18 là điểm liên hệ (sự giải thích có một số ít người chấp nhận). Quan điểm lập luận này dường như phức tạp và sự giải kinh khổ sở, sờ dĩ nó như vậy bởi vì họ là như vậy!

Nan đề của quan điểm này đó là ngôn ngữ của con người không thể được đối xử theo cách như vậy. Từ ngữ Hy Lạp được dịch là “gian dâm” là từ có nghĩa rộng liên quan đến tất cả các loại tội lỗi về tình dục. Nó bao gồm sự loạn luân, chắc chắn nó cũng bao gồm sự ngoại tình, tình dục trước hôn nhân, quan hệ đồng tính. Thực tế, nếu một người tìm một từ để mô tả tất cả tội lỗi về tình dục, anh ta sẽ chọn từ Hy Lạp này. Nếu Đấng Christ dạy rằng, “... ngoại trừ vì có ngoại tình,” người nghe sẽ cho rằng đó là sự vi phạm hợp đồng hứa hôn và hôn nhân với một người bên chồng hoặc bên vợ (Lê-vi ký 18), chẳng hạn, sẽ bị loại trừ, và chỉ người đàn ông đã kết hôn có quan hệ tình dục với vợ của người khác hoặc cưới một người vợ có quan hệ tình dục với một người đàn ông khác không phải là chồng sẽ là sự ngoại lệ. Theo như ý nghĩa của nó, từ này bao gồm thời gian hứa hôn của người Y-sơ-ra-ên cổ, những mối quan hệ loạn luân, và những tội lỗi khác như đã nêu ở trên trong cùng một phân đoạn trong Lê-vi ký: ngoại tình, quan hệ tình dục với thú vật, và quan hệ đồng tính. Những từ ngữ có nghĩa rộng hơn không thể bị giới hạn một cách tùy tiện trừ khi ngữ cảnh yêu cầu phải làm như vậy. Ngữ cảnh của những phân đoạn trong Ma-thi-ơ yên lặng với bất cứ sự giới hạn khả dĩ nào. Sự giới hạn như vậy chắc chắn là được nhập từ bên ngoài vào, và đó không phải là cách giải kinh phù hợp.

Hướng tấn công thứ ba tập trung vào ngữ pháp. Theo hướng này, cấu trúc ngữ pháp đòi hỏi sự cho phép cho việc ly dị, nhưng không cho phép tái hôn sau khi ly dị. Chỉ vài nhà ngữ pháp học đi theo cách giải thích này; nhưng hầu hết các học giả đề nghị rằng ngữ pháp được sử dụng phải được hiểu bao gồm cả hai – sự ngoại lệ cho vấn đề ly dị và tái hôn.

Thêm vào sự thắc mắc về sự hiểu biết lạ thường về cấu trúc ngữ pháp như vậy, có một vài chống đối sâu xa hơn nữa đối với quan điểm này. “Ly dị” trong Cựu Ước và Tân Ước, trong xã hội Hy Lạp và La Mã đặc biệt cho mục đích tái hôn. Đó là những gì từ ngữ muốn nói – hôn nhân tan vỡ, không đơn giản chỉ là sự phân rẽ. Đó là điểm chính trong lời

dạy của Môi-se: Người đàn ông không được đơn giản đuổi vợ mình ra đi hay bỏ vợ. Anh ta phải làm một tờ để và trao cho cô ta để cô ta được tự do để kết hôn (Phục Truyền 24:1-4).

Nạn đề thứ hai của quan điểm “ly dị nhưng không được tái hôn” đó là sự ngoại lệ cho phép ly dị mà không được tái hôn không phải là sự ngoại lệ gì cả. Anh ta có thể làm điều sai, nhưng anh ta không phạm tội ngoại tình, mặc cho lý do ly dị là gì, nếu anh ta không kết hợp tình dục với bất cứ người nào khác. Sự giải thích này khiến Chúa Jê-sus nói những điều vô nghĩa. Nếu Đấng Christ nêu ra sự ngoại lệ cho điều luật chỉ liên quan đến sự ly dị, và không có ý gì với sự tái hôn, thì bằng cách nào người độc thân đã ly dị kia có thể phạm tội tà dâm? Chỉ bởi sự tái hôn mới khiến sự tà dâm thành vấn đề, và sự tái hôn đúng là điều mà ly dị đem đến trong cả xã hội Do Thái và Hy Lạp.

Một sự bất đồng nữa đối đầu với bản chất của “sự thử” mà những người Pha-ri-si có trong tâm trí khi hỏi Đấng Christ một người có thể ly dị vợ vì lý do nào đó không. Một số người cho rằng tất cả những người tham dự nhận thức rõ rằng sự thử là để xem Chúa Jê-sus theo trường phái Ra-bi nào và gài bẫy để Chúa Jê-sus xúc phạm trường phái này hoặc trường phái kia. Trường phái Shammai giải nghĩa Phục Truyền 4 theo cách nghiêm ngặt hơn, và cho rằng sự ly dị (và tái hôn) chỉ được phép khi có sự ô uế về tình dục, có lẽ chưa đến mức phạm tội ngoại tình vì tội ngoại tình phải trả giá bằng sự tử hình (nhưng hiếm khi bị tử hình). Đối lại, trường phái Hillel cho rằng việc ly dị có thể xảy ra vì bất kỳ lý do nào. Đấng Christ sẽ đứng phía nào? Nếu Ngài đơn giản nói theo Shammai, có lẽ Ngài giới hạn sự ngoại lệ của Ngài một chút, vậy theo sự suy luận, tại sao các môn đồ lấy làm lạ về lời dạy của Ngài và đi đến kết luận rằng tốt hơn không kết hôn? Vậy, theo sự suy luận, Đấng Christ chẳng đưa ra sự ngoại lệ nào cả (như trong Mác và Lu-ca) và từ khước cả hai trường phái tư tưởng. Chỉ có kịch bản nào giải thích đầy đủ sự ngạc nhiên của môn đồ, kịch bản đó mới đúng.

Với điều này, chúng ta có thể đáp ứng bằng sự suy xét – từ chối nghĩa thông thường của từ then chốt, từ chối sự phân tích cấu trúc bình thường, từ chối sự hàm ý thần học, đơn giản tránh sự mâu thuẫn được giả định giữa phía này là Mác và Lu-ca và phía kia là Ma-thi-ơ. Chúng ta sẽ thấy rằng, những phân đoạn này không nhất thiết phải mâu thuẫn với nhau, nhưng chính sự suy luận mang tính phỏng đoán này cần một câu trả lời.

Để đáp ứng, tôi xin có những phỏng đoán khác. Sự ngoại lệ của Đấng Christ hầu như không gần với sự ngoại lệ của trường phái Shammai. Ngài giới hạn sự ngoại lệ chỉ còn là vì có sự vô luân tình dục. Theo ngụ ý, Ngài trả lời, “Không, Ta từ chối cả hai cách giải nghĩa” rồi đưa ra một sự ngoại lệ có giới hạn hẹp hơn. Điều này dễ dàng tạo ra sự ngạc nhiên cho đám thánh giả đang hy vọng nghịch lại với niềm hy vọng rằng Ngài sẽ đứng về phía Hillel. Mặt khác, có lẽ đáp ứng của họ phương hướng tiêu chuẩn để đáp lại những người thích quan

điểm Shammai chống lại quan điểm phổ biến của Hillel. Khi chúng ta phỏng đoán suy xét, có thể điều đó không phải là bối cảnh suy nghĩ của họ. Có lẽ, vì Đấng Christ vừa bước vào lãnh địa của Hê-rôt, “sự thù” là để gài bẫy Chúa Jêsus nếu Ngài đứng về một phía, hoặc phía Giăng Báp Tít người đã bị chết vì lên án vua, hoặc phía vua Hê-rôt chống lại tiên tri người đã bị giết vì chống đối những mối quan hệ hôn nhân của vua.

Xét cho cùng, quyết định phải được đưa ra, quyết định không dựa trên sự phỏng đoán, nhưng dựa trên chính bản văn Kinh Thánh, và những khả năng làm méo mó cái nghĩa mà tác giả muốn truyền đạt dường như là vô hạn.

Cách lý luận khác thích “không có sự ngoại lệ” hoặc sự ngoại lệ đó chẳng có ý nghĩa đối với ai ngoài những người Do Thái Chính Thống. Tất cả những giáo phụ Hội thánh đầu tiên đã từ chối ý tưởng cho rằng có một sự ngoại lệ được mong đợi cho điều luật tuyệt đối chống lại ly dị. Tôi ngạc nhiên khám phá ra rằng những nhà văn Tin Lành đưa các Giáo Phụ đầu tiên vào đề tài như thế này. Chúng ta không nói những giáo phụ thời sứ đồ, nhưng nói về những nhà văn sau này trong thời kỳ việc sống độc thân trở nên tiêu chuẩn cho đời sống thánh khiết thật. Bối cảnh của những Giáo Phụ lúc đó có sự gia tăng thỏa hiệp với chủ thuyết nhị nguyên của Hy Lạp và hệ quả là quan điểm về hôn nhân mà Phao-lô đã báo trước đó là một phần của sự bội đạo: cấm cưới gả. Cùng với những Nhà Cải Chánh, chúng ta phải quay về với Kinh Thánh và công nhận thẩm quyền tuyệt đối tại đó. Nhưng chấp nhận sự giải thích tiêu chuẩn của người Tin Lành về Ma-thi-ơ 5 và 19 có nghĩa là đồng ý có sự mâu thuẫn giữa Ma-thi-ơ với Mác và Lu-ca.

Thật khó cho tôi để thấy rằng có sự mâu thuẫn giữa một phân đoạn nêu lên luật hoặc nguyên tắc và phân đoạn khác khẳng định luật đó và thêm vào sự ngoại lệ. Thật ra, Đấng Christ nói cùng một điều ở trong Ma-thi-ơ 19 giống như Ngài đã nói trong Mác và Lu-ca – không được ly dị. Sau đó Ma-thi-ơ chép rằng những người Pha-ri-si không chịu để yên, nhưng bắt ép Ngài: Nếu người đứng, thì Môi-se phải sai, vì Môi-se cho phép ly dị. Nếu Chúa chỉ lặp lại nguyên tắc và thêm vào sự ngoại lệ. Có phải sự đáp ứng thứ hai của Ngài mâu thuẫn sự đáp ứng trước đó?

Đưa ra một tiêu chuẩn trong một phân đoạn Kinh Thánh, sau đó cho thêm sự ngoại lệ vào trong một phân đoạn Kinh Thánh khác là điều phổ biến và hoàn toàn hợp lệ. Chúng ta có lẽ không được thay đổi và thêm vào những ngoại lệ khác. Nhưng nếu Chúa Jêsus Christ, Con của Đức Chúa Trời, hoặc những trước giả được Thánh Linh cảm hứng làm sáng tỏ trong lần sau những gì đã được tuyên bố trước đó, họ có quyền để làm như vậy. Chẳng hạn, trong Mười Điều Răng, chúng ta thấy điều răn tuyệt đối “Con chớ giết.” Thực ra, chúng ta học từ những nơi khác thật sai trái nếu giết chóc, nhưng giết động vật, tử hình những tội phạm, và



giết người trong cuộc chiến chính nghĩa là những trường hợp ngoại lệ cho điều luật chung này. Chúng ta không được thêm vào hay sửa đổi những gương mẫu Kinh Thánh để nói rằng có những sự ngoại lệ thêm vào, chẳng hạn như giết những người làm tổn hại tôi một cách tệ hại hoặc giết những người tôi không thể sống chung một cách yên ổn. Nếu có sự ngoại lệ, chỉ có Kinh Thánh được quyền đưa ra sự ngoại lệ. Cho nên, luật chung là “không được ly dị.” Chính Đấng Christ đã đưa ra luật này. Sau đó Ngài nêu ra chỉ một ngoại lệ: Khi một người trong hôn nhân gian dối về tình dục, người kia sẽ không phạm tội tà dâm, nếu sau khi ly dị, anh ta tái hôn.

Có sự ngoại lệ nào khác được đưa ra bởi những tác giả được cảm hứng sau này không? Có lẽ, trong 1 Cô-rinh-tô 7, Phao-lô tái khẳng định nguyên tắc chung: không được phép ly dị. Thực ra, ông lặp lại lời của Đấng Christ (câu 10). Hơn nữa, nếu người bạn đời lia bỏ (với lý do không được xác định bởi Phao-lô), anh ta có hai sự lựa chọn: cứ ở như vậy hoặc trở lại làm hòa với người bạn đời của mình. (Dĩ nhiên, nếu người bạn đời tái hôn hoặc phạm tội ngoại tình trong cách nào đó, thì lời dạy của Đấng Christ được áp dụng.) Sau đó Phao-lô giải quyết nan đề về người bạn đời chưa tin Chúa muốn lia bỏ. Vị sứ đồ nói, đừng ép buộc, hãy để cho anh ta tự do ra đi. Tôi nghĩ rằng điều này có thể áp dụng cho bất cứ người vợ hoặc người chồng nào đang ứng xử như người chưa tin bất kể người đó có là thuộc viên của Hội thánh hay không. Quan điểm phổ biến trong giới Tin Lành đó là sự ngoại lệ thứ hai, ly dị vì có ly dị hợp pháp và tái hôn: sự ruồng bỏ vĩnh viễn. Dù tất cả công nhận sự ngoại lệ là vì có ngoại tình, nhưng có nhiều người không thấy đó là sự ngoại lệ thứ hai.

Cụm từ “không bị ràng buộc gì” (câu 15) được nhiều học giả xem là một thuật ngữ sử dụng cho sự ly dị; vì vậy, người bị bỏ vĩnh viễn được xem là có thể tái hôn. Một số người khác cho rằng “sự tự do” như thế không phải là sự tự do thật; người ta không cần sự đồng ý sứ đồ để bị rời bỏ. Nhưng sự giải thích này có lẽ không rõ ràng và dứt khoát như sự ngoại lệ mà Chúa Jêsus nêu ra.

Nếu một người ly dị và tái hôn vì lý do không phải vì sự ngoại tình hay bị bỏ rơi vĩnh viễn thì sao? Theo Kinh Thánh, người đó phạm tội tà dâm. Trong xã hội phương Tây ngày hôm nay, hầu hết những người ly dị không mong muốn sớm muộn gì cũng có nền tảng Kinh Thánh cho sự tái hôn. Nhưng người chồng hoặc vợ không tin, hoặc những người chồng người vợ cư xử như một kẻ không tin, hầu như đều sẽ tái hôn, như vậy là phạm tội tà dâm, mặc dù anh ta hay cô ta không cặp kè một cách bất hợp pháp với ai trong khi vẫn còn ở trong hôn nhân hoặc trong quá trình ly dị với người chồng hoặc vợ đầu tiên.

Điều gì xảy ra nếu một người phạm tội tà dâm bởi tái hôn sau sự ly dị không theo nền tảng Kinh Thánh? Tội đó có thể được tha không? Nếu có, dựa trên nền tảng nào? Một số

người cho rằng nếu một phạm tội tà dâm bởi tái hôn, thì chừng nào cuộc hôn nhân đó vẫn còn, mối quan hệ tà dâm vẫn còn tiếp diễn. Theo cách giải thích này, dấu hiệu duy nhất của sự ăn năn thật là phải hủy bỏ mối quan hệ tà dâm đó. Rất ít người theo quan điểm này, có lẽ vì không có chỗ nào trong Kinh Thánh đề cập một cách trực tiếp vấn đề này. Một số người cầu viện đến thì của những động từ được sử dụng trong ngôn ngữ Hy Lạp, nhưng điều này cũng không thể đi đến kết luận vì cả hai hành động tiếp diễn và hành động đơn đã được dùng, sắc thái của thì không thực sự có thể giải quyết nan đề.

Sự giúp đỡ thật sự và duy nhất lại đến nan đề liên quan đến đa thê. Đa thê, cũng giống như ly dị, không phải là lý tưởng của Đức Chúa Trời. Nhưng một khi sự kết ước đã được lập với người vợ thứ hai, thì Đức Chúa Trời đòi hỏi sự trung thành cho sự kết ước đó. Người đó không thể ly dị người vợ thứ hai cũng giống như không thể với người vợ thứ nhất.<sup>17</sup> Tương tự, tái hôn sau sự ly dị không theo nền tảng Kinh Thánh là tội lỗi, nhưng ly dị một lần nữa đơn giản lại là một tội khác không thể sửa lại tội đầu tiên. Người đã tái hôn nên cứ ở trong tình trạng tái hôn với người bạn đời thứ hai. Một ví dụ nữa là một người kết hôn với người không tin. Anh ta phạm tội trong việc làm đó, nhưng một khi hợp đồng đã được ký kết, hôn nhân là muốn của Đức Chúa Trời, và phá vỡ nó là điều tội lỗi.

Tóm lại, ý muốn của Đức Chúa Trời là hôn nhân một vợ một chồng, và ly dị là điều sai. Nếu vì “sự cứng lòng” (tội lỗi) của một trong hai người, ly dị xảy ra, người tin Chúa nên cứ ở như vậy trong tình trạng độc thân. Nếu có sự ngoại tình hay sự bỏ rơi vĩnh viễn trước hoặc sau ly dị, người không phạm những tội này không nhất thiết bị cho là phạm tội nếu cưới một người khác. Nếu anh ta phạm tội tà dâm (chẳng hạn, tái hôn không theo nền tảng Kinh Thánh) hoặc bất cứ tội nào khác (chẳng hạn như cư xử một cách ích kỷ đẩy người bạn đời đến chỗ ly dị) rồi thật sự ăn năn, Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho anh ta, như Ngài làm với dân sự Ngài.

Một số người phân biệt giữa ly dị trước khi tin Chúa và sau khi tin Chúa, nhưng cách lý luận này không đứng vững được. Giống như những vấn đề đạo đức khác, những nguyên tắc đạo đức được áp dụng một cách bình đẳng cho cả Cơ Đốc Nhân và người ngoại. Sự ăn năn tội là điều đòi hỏi cho cả tội nhân và thánh nhân, và sự quyết định cho mỗi quan hệ đúng hay sai cũng vậy. Sự sai trật không thể làm nên đúng – dựa trên sự ăn năn, người tin Chúa có thể không còn phải chịu trách nhiệm cho những điều sai hay không sai sau cải đạo.

---

<sup>17</sup> Dường như theo dữ liệu Kinh Thánh sự trung thành trong mối quan hệ đa thê làm hài lòng Chúa hơn là lia bỏ mối quan hệ một vợ một chồng để tái hôn. Một gia đình có thể hoàn thành tốt ba mục đích của Đức Chúa Trời dành cho hôn nhân trong sự hôn nhân đa thê mà vững chắc hơn là ở trong hôn nhân một vợ một chồng mà không vững chắc. Thực ra, đối với Đức Chúa Trời, ly dị và tái hôn có thể được xem là sự đa thê theo thứ tự, trong đó tội lớn hơn là phá vỡ sự kết ước.

Tôi đã nêu ra vấn đề ly dị, không theo sự bận tâm của người chẵn bầy, nhưng nghiêm ngặt trong ngôn từ của vấn đề đạo đức học. Tuy nhiên, có những vấn đề đạo đức phức tạp thêm vào trong khi áp dụng sự dạy dỗ Kinh Thánh căn bản này. Tôi không đem đến sự đoán xét này với cùng một sự tự tin giống như sự phân tích dữ liệu Kinh Thánh trước đó, nhưng cố gắng đặt nó trên nguyên tắc Kinh Thánh và không tránh né những vấn đề khó có liên quan.

Làm thế nào một mục sư Cơ Đốc có thể khuyên những người đã lập gia đình đang có nan đề? Trong ánh sáng của sự nghiên cứu trước đó, ông ta nên truyền đạt tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời rằng ly dị không phải là sự lựa chọn.

Cùng một lời khuyên đó có thể dùng cho những người đang ly thân hay ly dị vì một lý do nào đó. Cứ ở trong tình trạng độc thân. Ai có thể biết được người bạn đời của người chồng hoặc người vợ trước đây sẽ chết và tạo cơ hội cho việc phục hồi cuộc hôn nhân ban đầu? Hãy sử dụng tình trạng độc thân vì có Nước của Đức Chúa Trời. Nhưng nếu người đó không thể ở trong tình trạng độc thân, và có nền tảng Kinh Thánh cho việc ly dị và tái hôn, tôi sẽ khuyên người đó rằng kết hôn với người khác là một sự lựa chọn hợp pháp.

Làm thế nào một mục sư có thể quyết định hành lễ thành hôn cho người đã từng kết hôn trước đây? Chỉ những người ly dị theo nền tảng Kinh Thánh hoặc cho những người có người vợ hoặc chồng trước đây cung cấp những nền tảng Kinh Thánh (qua sự ngoại tình, tái hôn, hoặc có lẽ, bị ruồng bỏ vĩnh viễn) có thể được mục sư phê chuẩn hôn nhân bởi sự tham dự vào buổi lễ “trước mặt Đức Chúa Trời và dân sự của Ngài” và trong danh của Đức Chúa Trời Ba Ngôi. Ngược lại, chính ông ta sẽ phạm tội qua việc phê chuẩn cho tội tà dâm khi hành lễ.

Ai là người nên được tiếp nhận để trở nên thuộc viên của Hội thánh? Tất cả những người bày tỏ sự ăn năn thật. Nếu một người trong quá trình cố ý vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời (chẳng hạn, tiếp tục đòi ly dị với lý do không theo nền tảng Kinh Thánh), anh ta không bày tỏ sự ăn năn và không nên được tiếp nhận cho đến khi sự ăn năn được bày tỏ. Đúng là một sự giả hình góm ghiếc để Hội thánh sẵn sàng tiếp nhận một kẻ tán gái ăn năn rồi sau đó từ bỏ hay hành hạ một Cơ Đốc Nhân chân thành người sống một cách hợp pháp với một người bạn đời sau đó với người khác!

Một người đã ly dị và tái hôn có thể giữ những vai trò gì trong Hội thánh? Tôi hoàn toàn bị thuyết phục bởi Phao-lô để loại trừ những người đa thê khỏi vị trí lãnh đạo thuộc linh. Tôi không chắc Phao-lô có ý định loại trừ những người đã ly dị nhưng hôn nhân hiện tại của họ là bởi ý muốn của Chúa không. Vì tôi không chắc, tôi khuyên những người có gia đình nhưng có một lần ly dị trong quá khứ giữ vai trò ủng hộ hơn là vai trò lãnh đạo. Dù Phao-lô không loại trừ một cách rõ ràng người sống với một vợ hoặc một chồng nhưng đã từng có

nhiều hơn một vợ hoặc một chồng, nhưng sự tương tự của nó với sự đa thê là mạnh đủ để Phao-lô không đề cập đến.

Một người càng thành công trong chức vụ nơi công cộng và trong cuộc hôn nhân mới của mình, anh ta đem đến càng nhiều sự cám dỗ cho những người đang có nan đề trong hôn nhân. Đối với họ, anh ta là một sự nhắc nhở thường xuyên rằng ly dị và tái hôn có thể là cách để thoát khỏi nan đề. Cặp vợ chồng tái hôn không thể nào làm gương cho lý tưởng một vợ một chồng. Tốt hơn nhiều nếu họ cứ ở trong sự khiêm tốn và phục vụ như là một sự cảnh cáo khiêm nhường rằng có một cái giá phải trả, đồng thời bày tỏ ân điển đầy vinh quang của Đức Chúa Trời rằng một người có thể được tha thứ và trở nên có ích trong Vương Quốc của Đức Chúa Trời. Tôi không muốn lấy điều này làm nên một luật lệ trong Hội thánh, cho nên tôi khuyên bảo.

## **NHỮNG VI PHẠM KHÔNG THUỘC HÔN NHÂN ĐỐI VỚI MỤC ĐÍCH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI DÀNH CHO TÌNH DỤC**

### **HAM MUỐN TÌNH DỤC**

Quan hệ tình dục không chỉ bắt đầu trong tâm trí, nhưng cơ quan sinh dục chính yếu là tâm trí. Chẳng hạn, thật khó để có một mối quan hệ thể xác thỏa mãn với một người mà chúng ta ghê tởm; đó là người mà tâm trí chúng ta không cảm kích được. Đấng Christ đã củng cố sự thật tâm lý và thuộc linh cơ bản này rằng thực chất tình dục là vấn đề tâm trí khi Ngài nói:

Các người có nghe lời phán rằng: Người chớ phạm tội tà dâm. Song ta phán cho các người biết: Hễ ai ngó đàn bà mà động tình tham muốn, thì trong lòng đã phạm tội tà dâm cùng người rồi. (Ma-thi-ơ 5:27-28)

Có hai điều sai lầm phổ biến trong cách giải nghĩa lời của Chúa Jêsus. Một số người cho rằng nhìn với lòng ham muốn cũng giống như hành động phạm tội. Một số người khác cho rằng không có tội gì trong việc ước muốn tình dục với những người khác không phải vợ mình; chỉ có tội khi mơ mộng quan hệ tình dục với người đó.<sup>18</sup>

Cho rằng tư tưởng và hành động đều như nhau trong mắt Đức Chúa Trời là bỏ qua Kinh Thánh và bình thường hóa tội lỗi. Đấng Christ không nói rằng chúng có trọng lượng ngang bằng, nhưng ước muốn tự nó là tội lỗi và cùng loại với tội tà dâm, cũng như căm ghét

---

<sup>18</sup> Letba Scanzoni, "See No Evil?" *The Other Side*, February 1978, 22.

tự nó là tội lỗi và cùng loại với tội giết người. Nó không xấu bởi vì nó có thể dẫn đến phạm tội; nó xấu bởi vì nó là tội, tội tà dâm trong giai đoạn đầu.

**Định Nghĩa về Sự Ham Muốn.** Tội ham muốn chính xác là gì? Rõ ràng, một người tưởng tượng mình đang quan hệ tình dục với một người khác là “phạm tội ngoại tình” trong tâm trí. Nhưng đó có phải là tất cả không? Cấu trúc của câu trong ngôn ngữ Hy Lạp không giải quyết được câu hỏi này, cho nên việc xem xét ý nghĩa của từ ngữ là điều cần thiết. Từ ngữ được dịch là “ham muốn” cũng có thể được dịch là “khao khát” hay “thèm muốn.” Nghiên cứu cẩn thận lời dạy trong Tân Ước liên quan đến sự ham muốn tình dục sẽ không tránh khỏi sự kết luận rằng thèm muốn tình dục là khao khát một loại khoái lạc hay sự thỏa mãn tình dục với một người không thể đáp ứng một cách hợp pháp sự thỏa mãn đó.<sup>19</sup> Thèm muốn là ước muốn một mảnh mẽ điều gì đó mà trong ý muốn của Đức Chúa Trời nó không phải của bạn. Có phải hành động trong sự tưởng tượng có thể chấp nhận được? Cũng không có quyền để tiêu khiển hoạt động đó trong sự tưởng tượng.

Nhà phụ trách chuyên mục trên báo Abigail Van Buren ("Dear Abby") thường khuyên những người đến hỏi rằng sự tưởng tượng là bình thường và vô hại – thậm chí còn có lợi nữa miễn là những mối quan hệ bất hợp pháp được tưởng tượng đó không được thực hiện trong thực tế. Cô ta nói rằng lời dạy của Đấng Christ về sự ham muốn là một trong những lời dạy mang tính tôn giáo gây hại nhất cho loài người. Vậy tại sao chúng ta cho hoạt động tâm trí được xem là vô hại và vui vẻ là tội lỗi?

Nếu sự sinh sản là mục đích duy nhất của tình dục con người, nếu con người không hơn gì con vật, có lẽ việc tưởng tượng sẽ vô hại. Nhưng Đức Chúa Trời có những mục đích khác trong tâm trí, vi phạm những mục đích đó về mặt tâm trí cũng trầm trọng giống như vi phạm bằng hành động. Ngài không chỉ đơn giản làm nên người nam và người nữ; Ngài đã tạo nên họ cho nhau trong sự ràng buộc hôn nhân thân mật, lâu bền, sự hiệp nhất được khuôn đúc theo bản chất của Ngài. Vì mục đích cao cả này phải được hoàn thành, sự thân mật phải được dành riêng, sự kết ước phải lâu bền, nếu không sẽ không có sự hiệp nhất. Sự chung thủy quan trọng nhất là ở trong tâm trí. Sự thân mật dành riêng, sự kết ước lâu bền, và sự tin cậy lẫn nhau bị xâm phạm đầu tiên ở trong tâm trí.

Sự không trung thành về mặt tâm trí, khi nó làm xói mòn sự hiệp một của hôn nhân, nó đồng thời sẽ phá hủy hôn nhân vốn là một sự minh họa cho sự hiệp một của Đức Chúa

---

<sup>19</sup> Xem phần nghiên cứu từ “thèm muốn” ("Covet") trong Robertson McQuillan, *Understanding and Applying the Bible* (Chicago: Moody Press 1983), 99-106. Cũng xem J. A. Mayer, "Idolatry," in *New Bible Dictionary*, ed. J. D. Douglas et al., 2d ed. (Wheaton, Ill.: Tyndale House, 1982), 505.

Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh. Tưởng tượng cùng thân mật với một người khác không phải là người bạn đời trong hôn nhân là phá vỡ sự hiệp một, và như vậy sẽ làm méo mó hình ảnh của Đức Chúa Trời. Như Giô-sép và Đa-vít đã làm chứng, tội về tình dục là tội đầu tiên và trước hết chống lại Đức Chúa Trời (Sáng 39:9; Thi-thiên 51:4).

Sự thèm muốn tình dục không giống nhau ở người đã lập gia đình và người chưa lập gia đình. Tương tự như sự khác nhau giữa việc thèm muốn nhà của người hàng xóm và việc đi mua một ngôi nhà cần bán, sự tư tưởng về hôn nhân của người có thể tiến đến hôn nhân không giống như suy nghĩ của người đã lập gia đình hướng về người khác không phải là người bạn đời của anh ta. Tuy nhiên, Kinh Thánh lên án sự gian dâm của người không kết hôn theo cùng một cách với sự ngoại tình của người đã kết hôn, và như vậy lời dạy về sự ham muốn trực tiếp nhắm đến cả hai đối tượng những người độc thân và những người đã kết hôn. Làm sao chúng ta tạo ra một sự khác biệt khi Kinh Thánh không giải thích nó một cách rõ ràng? Có lẽ chìa khóa nằm trong sự liên kết giữa tư tưởng và hành động. Bất kỳ tư tưởng vô đạo đức nào được thực hiện là sự ham muốn tội lỗi. Đối với người đã đính hôn, sự tưởng tượng hôn nhau với người vợ hứa của mình sẽ là vô tội; đối với người lập đã kết hôn, tưởng tượng làm điều này với một người mà anh ta không kết hôn với là sai. Giống như người chưa lập gia đình quan hệ tình dục (gian dâm) là sai, tưởng tượng đến điều đó là một ham muốn tội lỗi. Lưu ý rằng Đấng Christ không nói, “Ai thích nhìn một người phụ nữ là đã phạm tội ngoại tình.” Sự vui hưởng về đẹp của người phụ nữ chính nó không phải là ước muốn xấu xa. Người đàn ông phạm tội vô luân, không phải vì anh ta vui hưởng về đẹp của một người phụ nữ, nhưng vì anh ta sử dụng tâm trí của mình để thỏa mãn tình dục với người phụ nữ không thuộc về anh ta một cách hợp pháp. Bất cứ khi nào anh ta tưởng tượng một cái ôm và có sự thay đổi sinh lý để chuẩn bị cho sự giao hợp, anh ta đang “nhìn mà động tình ham muốn.”

Sự cám dỗ bởi những vật hấp dẫn tình dục và việc đầu hàng với sự tưởng tượng tình dục không nên bị nhầm lẫn. Sự cám dỗ không phải là tội. Ước muốn tình dục hướng về ai đó không phải là của mình là tội. Có thể có một người nam Cơ Đốc ngắm nhìn một người phụ nữ đầy quyến rũ, vui thích về đẹp của cô ta mà không có ước muốn dâm dục không? Chắc chắn, không có người đàn ông bình thường nào có thể cho mình sự kiên cường kiên định trong việc cảm kích những cơ thể phụ nữ không phải là vợ mình, mà không bắt đầu có ước muốn tình dục bất hợp pháp.

Ước muốn tình dục có những điểm chung với sự ngon miệng. Khi một người hoàn toàn thỏa mãn bởi thức ăn, thức uống, hoặc tình dục, thì ước muốn sẽ không còn nữa. Nhưng chỉ được một lúc. Sau đó ước muốn bắt đầu trở lại, cho đến khi nó hoàn toàn được thỏa mãn,

sự nhấm nháp thức ăn hoặc sự tưởng tượng tình dục thoáng qua không thể làm thỏa mãn. Nó không được thiết kế để làm thỏa mãn. Nó kích chỉ thích thêm sự thèm khát.

Vì vậy, khi một Cơ Đốc Nhân chân thành nhận thấy mình bị cám dỗ bởi ước muốn dâm dục, anh ta nên kêu cầu cùng Chúa để được giải cứu (1 Cô-rinh-tô 10:13). Hơn nữa, anh ta nên thèm khát sự ngon miệng – không cho xác thịt cơ hội (Rô-ma 13:14) – tránh những điều, những người, những nơi, những hoạt động dưng sẵn khẩu cho sự cám dỗ tình dục. Thật ra, nếu cần thiết, hãy trốn khỏi, chạy khỏi tình huống cám dỗ (Sáng 39:12; Châm 5:8; 2 Ti-mô-thê 2:22).

Sức chịu đựng của chúng ta dành cho sự cảm kích về đẹp của phái nữ mà không có ham muốn tội lỗi không giống nhau, cũng giống như sức chịu đựng dành cho sự cảm kích một vật hấp dẫn mà không hề thèm muốn nó không giống nhau. Nếu sự kích thích tình dục của một tạp chí đời này là quá mạnh khiến anh ta không thể kiềm chế được, thì anh ta không nên đọc tạp chí đó dù nó có thể vô hại đối với người khác. Nếu anh ta không thể vui hưởng hình dáng của một người phụ nữ ăn mặc bình thường mà không thêm muốn cô ta, giống như người đàn ông điển hình trên thế gian này, thì tốt hơn anh ta nên học để ngoảnh mặt đi. Thế giới của chúng ta có quá nhiều những cám dỗ tình dục đến nỗi những quảng cáo, thời trang, sự giải trí – hầu như trong mọi khía cạnh của cuộc sống – dường như sót sáng cho mục đích quyến rũ tình dục. Mỗi người phải xác định khả năng chịu đựng của mình và cẩn thận lập ra những giới hạn cứng rắn để mình sẽ không đi đến đó (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:3-7), những giới hạn có đủ độ an toàn để chúng ta không bao giờ bị cám dỗ vượt qua cái ngưỡng chịu đựng của chúng ta (1 Cô-rinh-tô 10:13). Trong xã hội phương Tây ngày càng gia tăng những cám dỗ và những nguyên tắc áp dụng cho phụ nữ, dù Chúa Jesus nêu ra phía đàn ông.

Một bức vẽ, một tấm hình, một bộ phim, hoặc một phụ nữ không gây kích thích tình dục ngay tức thì không có nghĩa là người đó đang ở trong giới hạn chịu đựng của mình. Tác dụng được tích lũy dần. Sự ô nhiễm đạo đức cũng giống như sự ô nhiễm môi trường – người ta có thể không nhận thức được sự tích tụ dẫn đến nhiều cấp độ ô nhiễm cho đến khi anh ta bị hủy hoại vì nó. Chịu sự ảnh hưởng của những thứ hấp dẫn tình dục có thể hoàn toàn vô tội, nhưng sự tác dụng tích lũy có thể làm cho một người bị tổn hại. Hoàn toàn có thể sống tự do khỏi những tưởng tượng, sự mơ màng, viễn cảnh tình dục. Thất bại trong điều này là dấu hiệu cảnh báo khẩn cấp rằng tác động của sự cám dỗ là quá lớn và cần phải cẩn thận và thậm chí phải chịu đau đớn để cắt bỏ. Đó chính là điều mà Chúa Jê-sus đã nói, “Nếu mắt bên phải khiến con phạm tội, hãy móc và ném nó đi! Vì thà con mất một phần thân thể còn hơn là cả thân thể bị ném vào hỏa ngục” (Ma-thi-ơ 5:29).

Cho nên chúng ta được hướng dẫn để đối đầu một cách nghiêm túc với sự cám dỗ. Điều này không chỉ có nghĩa phải tránh sự cám dỗ; nhưng cũng tránh cám dỗ người khác. Vì vậy Kinh Thánh dạy phải đứng đắn trong cách ăn mặc.

**Sự Đứng Đắn.** Lời dạy dỗ của Đấng Christ về sự ham muốn tình dục, điều chúng ta đã xem xét, là lời dạy dỗ mạnh mẽ nhất về sự đứng đắn. Ham muốn là tội lỗi; điều sai trật ngang hàng với nó là gây cho người khác phạm tội (Matt. 18:6-7; hãy xem thêm Rom. 14:13, 15, 21; 1 Cor. 8:9-13). Vì vậy, Cơ Đốc Nhân đừng bao giờ cố ý ăn mặc nhằm dụ dỗ người ước muốn tình dục.

Kinh Thánh không nói nhiều về sự khỏa thân, nhưng có một số điều biểu lộ ý muốn của Đức Chúa Trời (Gen. 2:25; 3:7-11; 9:22-23; Exod. 20:26; 28:42-43). Chúng ta có thể thấy từ sự chàm trán của Đức Chúa Trời với A-đam và Ê-va sau Sự Sa Ngã, Đức Chúa Trời đã bọc món quà hôn nhân tốt lành của Ngài lại để dành nó cho người Ngài chọn. Thân thể con người không đáng hổ thẹn, nhưng đẹp đẽ; khi Đức Chúa Trời tạo dựng nên người nam và người nữ Ngài phán rằng, “Thật là tốt lành.” Và chúng ta được kể lại rằng, họ trần truồng mà không hổ thẹn. Nhưng thân thể con người là điều dành riêng, thiêng liêng, và riêng tư – nó thuộc về người mà Đức Chúa Trời ban cho trong hôn nhân (1 Cor. 7:3-5). Phô bày những bộ phận nào đó của thân thể là kêu gọi tình dục của những người bình thường khác giới. Vì vậy, cách ăn mặc kêu gọi lòng ham muốn trong người khác là tội lỗi. Điều gì đem đến sự cám dỗ khác nhau tùy vào từng xã hội và từng thời đại. Tại Ấn Độ, chẳng hạn, bấp chân của người phụ nữ phải được che lại, và không cần thiết phải che phần cơ hoành. Tại Nhật Bản thời xưa, phần gáy là chỗ có thể gợi dục, và những vũ nữ Nhật Bản cố tình gấp cổ áo kimono của mình để lộ phần cổ của cô ta một chút. Tại một số bộ tộc ở Châu Phi, phụ nữ phóng đảng mặc nịt vú, và cô gái đứng đắn để ngực trần, trái ngược với bộ tộc ở Nam Mỹ: phụ nữ đứng đắn mang bao tay và mặc đồ cho phần trên, còn phần dưới thì không cần. Điều đáng hổ thẹn nhất là để lộ ra phần nách. Vậy, sự đứng đắn tùy thuộc vào văn hóa – ăn mặc ra sao tùy thuộc vào cái nhìn của một dân tộc cụ thể. Sự đứng đắn mà Kinh Thánh đề cập không bị kiểm soát bởi môi trường văn hóa, nhưng chắc chắn nó bị ảnh hưởng bởi văn hóa.

Đối với những vấn đề phức tạp hơn nữa, thời trang liên tục thay đổi, ít nữa là ở thế giới phương Tây trong thế kỷ hai mươi. Và sự thay đổi không phải lúc nào cũng trung dung. Xã hội sa ngã sử dụng việc ăn mặc không nhằm đề cao nhân cách học vẻ đẹp bên trong, nhưng nhằm để khai thác những điểm yếu của con người vì lợi nhuận kinh tế. James Laver, người có quyền lực hàng đầu về lịch sử thời trang, xác nhận như sau:



Sau một thời gian ngắn,... sự tập trung quá mức vào một lãnh vực mang đến sự bất lợi. Phần cơ thể gây tò mò trở nên quá quen thuộc, nó trở nên buồn chán; hay như một nhà tâm lý đã nói, “nó làm cạn kiệt tư bản tình dục của nó.” Bây giờ sự nhấn mạnh đã thay đổi, sự phân vùng đã chuyển đổi. Sự phân vùng mới dường như luôn luôn sỗ sàng hơn một chút. Nhưng sự tác động về mặt cảm xúc là nguyên nhân thật của sự thay đổi.

Phải chăng họ đã không quảng bá sự ham mê của mắt? Dĩ nhiên họ đã quảng bá. Đó là mục tiêu của họ. Thời trang và sự cả thẹn đã bắt đầu trận đấu kiếm kéo dài đến tận ngày hôm nay.<sup>20</sup>

Thế gian thường cố gắng dồn ép Cơ Đốc Nhân vào cái khuôn tội lỗi của nó, và Cơ Đốc Nhân đứng đắn, nhận thức được điều này, sẽ không dung nạp bất cứ kiểu thời trang có tính phô trương, thu hút sự chú ý tập trung vào chính mình, hoặc gia tăng sự hấp dẫn tình dục, cho đến khi kiểu thời trang đó không còn có tính thu hút, kích thích nữa. Thay vì tham gia vào đội ngũ tiên phong cho sự thay đổi, người phụ nữ đứng đắn sẽ chờ cho đến khi kiểu thời trang mới đó có một lịch sử đủ lâu để những người nam Cơ Đốc trưởng thành và thuộc linh chứng nhận rằng kiểu đó không còn là một sự cám dỗ cho sự ham muốn tình dục nữa.

Đối với sự khỏa thân và bán khỏa thân trong nghệ thuật thì sao? Rất nhiều tranh ảnh, phim và chương trình ti-vi được thiết kế nhằm mục đích kích dục. Cơ Đốc Nhân tham gia trong việc sản xuất những tác phẩm nghệ thuật như thế là vi phạm tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời về sự đứng đắn. Anh ta đang gây có vấp phạm cho người khác. Nhưng nhân vật khỏa thân trong mỹ thuật có lẽ không kích thích tình dục đối với nhiều người, dù có những trường hợp ngoại lệ - một số “tác phẩm mỹ thuật” được tạo nên để khiêu dâm, và một số người dễ dàng bị cám dỗ. Dù sự đoán xét của người ta đối với vấn đề là gì đi nữa, có một điều vượt lên trên sự tranh luận đó là: Tạo mẫu cho những nghệ thuật như thế không phải là công việc của một Cơ Đốc Nhân. Những ghi chép lịch sử về sự thất bại trên phương diện đạo đức của những nhà nghệ thuật và những người mẫu của họ xác nhận sự bất xứng của việc làm người mẫu khỏa thân với sự trong sạch.

Ăn mặc cách đứng đắn, bắt đầu từ Vườn Ê-đen, là việc gói bọc của Đức Chúa Trời cho món quà hôn nhân kỳ diệu. Nó là hàng rào của Đức Chúa Trời nhằm rào quanh tâm trí trong sạch của Cơ Đốc Nhân chân thành, bảo vệ nó cho sự thỏa mãn ái tình không bị nghiêm cấm trong sự thân mật dành riêng và sự kết ước lâu dài của hôn nhân.

---

<sup>20</sup> James Laver, "What Will Fashion Uncover Next?" *Reader's Digest*, September 1965, 149-50.

**Sự Khiêu Dâm.** Theo định nghĩa, khiêu dâm là sự mô tả vật chất định hướng tình dục, bằng văn chương hoặc trong dạng có thể nhìn thấy được, được tạo nên một cách chủ ý để kích dục. Ngoài hôn nhân, điều này có nghĩa là sự kích động lòng ham muốn tình dục, theo tiêu chuẩn Kinh Thánh, là sự dụ dỗ có chủ ý, sự cám dỗ có chủ ý. Thực tế của cuộc sống hiện tại vạch rõ nan đề về sự khiêu dâm: Có thể minh chứng rằng nó gây hại cho người xem nó, cho xã hội rộng lớn, và cho những người sản xuất, những người làm mẫu và những người biểu diễn không?

Hội Đồng về Sự Khiêu Dâm gây tranh cãi được tổ chức năm 1967 kết luận rằng không hề có sự thay đổi cá nhân hoặc ảnh hưởng bất lợi được biểu hiện trong giới trẻ và những người lớn từ việc xem những phim ảnh, sách báo khiêu dâm, cho nên đã đề xuất dỡ bỏ tất cả những giới hạn luật pháp đặt trên các loại khiêu dâm. Nhưng công bố rằng sách vở và tranh ảnh không ảnh hưởng trên người đọc hoặc người xem hiển nhiên là sai lầm, bất cứ đại lý quảng cáo nào cũng có thể xác nhận như vậy.

Chắc chắn, xem sách báo khiêu dâm hoặc các loại khiêu dâm khác có thể với mục đích mong đợi là để ảnh hưởng đến suy nghĩ của người xem. Nhưng có nhất thiết nó luôn mang lại ảnh hưởng xấu không? Letha Scanzoni nghĩ là không:

Chúng ta nên nói gì với một phụ nữ Cơ Đốc, sau lần đầu tiên cùng với chồng xem một bộ phim dành cho người lớn, phát biểu rằng cô ta ước gì cùng với chồng xem nó mười lăm năm về trước? Cô ta đã nói rằng nó giúp đỡ họ rất nhiều trong mối quan hệ tình dục của họ. Tình dục là một vấn đề trong hôn nhân của họ bởi vì cô ta cảm thấy bị cấm đoán và ngại dục một số kỹ thuật.<sup>21</sup>

Một số người trong danh sách các học giả, chủ yếu là từ trường Đại Học và Chung Viện Calvin, thậm chí đứng về quan điểm ủng hộ sự khiêu dâm trong số báo tháng Ba năm 1974, *The Reformed Journal*:

*Feikens*: Tôi không muốn thoát ra khỏi phần này của cuộc nói chuyện bởi nói rằng nghệ sĩ Cơ Đốc không thể viết hoặc dựng một bộ phim về đề tài tình dục trong cách gây thêm khát nhục dục, trong cách làm ngứa ngáy, mong đợi, hoặc trong cách khiêu dâm. Để đạt được mục tiêu nghệ thuật của mình, anh ta có lẽ phải mô tả nó trong cách như vậy.

*Wolfterstorff*: Nghệ sĩ Cơ Đốc có thể làm hai điều: thứ nhất, anh ta có thể vẽ nên tình dục thấp kém... Và, thứ hai, không có gì sai trái nếu anh ta đánh thức ước muốn tình dục. Anh ta có thể viết với một ý định thêm khát nhục dục.

Một người tham gia khác nhấn mạnh rằng nghệ thuật thật không chỉ mô tả hay vẽ nên những xúc cảm và những hoạt động – điều đó khiến cho độc giả hay khán giả trải nghiệm

---

<sup>21</sup> Scanzoni, "See No Evil?" 23.

chúng một cách gián tiếp. Qua nghệ thuật chân thật, độc giả và khán giả kinh nghiệm sự thích thú và phấn chấn với tình dục khác giới hoặc khiếp sợ với tình dục suy đồi. Nhưng Kinh Thánh nói gì về điều này?

Hễ ai nhìn phụ nữ mà ham muốn thì trong lòng đã phạm tội tà dâm với người ấy rồi... Hễ điều gì chân thật, điều gì đáng trọng, điều gì công chính, điều gì thanh sạch, điều gì đáng yêu chuộng, điều gì đáng biểu dương; nói chung là điều gì đức hạnh, đáng khen ngợi thì anh em phải nghĩ đến... Vì dù chỉ nói đến những gì họ làm một cách lén lút cũng đã xấu hổ rồi... Còn sự gian dâm và mọi điều bất khiết, hoặc tham lam, thì không được nói đến giữa anh em; như vậy mới xứng đáng là các thánh đồ. Đừng nói những lời tục tĩu, nhảm nhí, thô bỉ, là những điều không thích hợp... Họ thừa biết luật của Đức Chúa Trời định rằng những ai phạm các tội như thế là đáng chết... lại còn tán thành cho người khác làm nữa... Hãy tránh xa những dục vọng của tuổi trẻ... Đừng tìm cách làm thỏa mãn các dục vọng xác thịt.

Người trung bình sẽ bị chi phối đến chỗ ham muốn tình dục bởi việc đọc hoặc xem sách báo, phim ảnh khiêu dâm. Sau cùng, đó là mục đích. Có sự tác động nào đối với xã hội không? Theo quan điểm Kinh Thánh, không có tội lỗi nào hoàn toàn riêng tư; luôn luôn có tác động xấu trên những người liên hệ với người phạm tội. Mỗi quan hệ chồng với vợ hoặc với người bạn đời trong tương lai sẽ bị hư hoại bởi từng tư tưởng hủy phá sự hiệp một của hai người. Thực ra, tư tưởng thường dẫn đến hành động, và không có hành động vô đạo đức nào không đến từ tư tưởng trong tâm trí. Kết quả đến từ sự việc giảm bớt sự ràng buộc và sự xâm phạm sự thân mật dành riêng không chỉ đem tác động hủy hoại người bạn đời trong hôn nhân, mà còn ảnh hưởng đến con cái là những người ở dưới sự lãnh đạo của cha mẹ bất khiết, gian dối. Thực tế, trong trường hợp của người Cơ Đốc, mọi người mà anh ta tiếp xúc sẽ bị ảnh hưởng bởi sự mất liêm khiết của anh ta, cái vốn là sự phản chiếu thật của Đấng Christ và hậu quả là mất năng quyền thuộc linh cá nhân.

Tuy nhiên, vượt lên trên những mối quan hệ cá nhân này, nhiều người đề cập đến sự tác động của sự khiêu dâm trên xã hội diện rộng. Không phải ai cũng đồng ý với công trình nghiên cứu vĩ đại được thực hiện bởi Joseph Daniel Unwin, nhưng sự kết luận của ông ta được chứng minh bởi một lực lượng dữ kiện lịch sử đầy sức thuyết phục.<sup>22</sup> Khi sắp đặt để xóa tan ý tưởng rằng có một mối quan hệ nhân quả tồn tại giữa đạo đức tình dục và sự tiến bộ văn hóa, Unwin đã bị thôi thúc để kết luận ngược lại. Ông không thấy có sự ngoại lệ nào trong văn hóa nhân loại cho sự kết luận của ông, “có một sự tương quan nghiêm ngặt giữa mức độ

---

<sup>22</sup> Joseph Daniel Unwin, *Sex and Culture* (Oxford: Oxford University Press, 1934).

của những quy định về tình dục dẫn đến nguyên tắc nghiêm ngặt một vợ một chồng và mức độ thành công về mặt văn hóa.”<sup>23</sup>

Ban chuyên gia băng xanh, tại Hội Đồng Chương Lý 1986 bàn sự Khiêu Dâm, hầu như đảo ngược từng kết luận của hội đồng trước đó!<sup>24</sup> Với những tài liệu minh chứng, sự liên kết giữa sự khiêu dâm bằng những hành động tình dục và tất cả các loại tội phạm và những tệ nạn xã hội khác đã được xác nhận.

Luật pháp bị vi phạm một cách rõ ràng, không có sự bảo vệ hay sự tranh luận của First Amendment, khi khiêu dâm trẻ em và bạo lực nối kết với tình dục được mô tả. Hội đồng đã dẫn chứng một cách chi tiết sự sản xuất bất hợp pháp lan tràn và bán loại sản phẩm khiêu dâm này.

Trong khu vực cá nhân, Liên Minh Tôn Giáo Chống Sự Khiêu Dâm (RAAP) đã triệu tập rộng rãi nhất trong lịch sử Mỹ những đại diện lãnh đạo tôn giáo vào tháng 11 năm 1986 để xem xét những hàm ý của báo cáo và để vạch ra chiến lược để chống lại sự khiêu dâm bất hợp pháp. RAAP đã dẫn dắt thành công những cuộc chiến truy quét tội phạm tại các thành phố như Cincinnati và Atlanta. Vài lãnh đạo trong hội nghị chiến lược Washington đã tuyên bố công khai rằng căn bệnh ung thư thật trong xã hội Mỹ không phải sự khiêu dâm bất hợp pháp, nhưng là sự thay đổi hợp pháp đang lan tràn không được kiểm soát trong tất cả các bộ phận dân chúng, nó đang thay đổi cách suy nghĩ, các giá trị, và hành vi của chúng ta liên quan đến tình dục, phụ nữ và gia đình. Nhưng có một con đường duy nhất rộng rãi một đại diện có thể gia nhập, người lãnh đạo có thể nắm lấy, ấy là kết hiệp với nhau trên vấn đề khiêu dâm bất hợp pháp. Thực tế, nan đề rộng hơn và sâu hơn đã bị trì hoãn cho đến ngày cuộc chiến dễ dàng hơn bị khuất phục.

Những sợ hãi của RAAP về sự lan tràn của sự khiêu dâm mang chúng ta đến sự xem xét khác. Nạn nhân khác của sự khiêu dâm thường không bị cho là nạn nhân đó là chủ nhân của bức hình hoặc của sản phẩm và tác giả của sự khiêu dâm. Gần đây có sự la ó chống lại việc sử dụng trẻ em trong khiêu dâm, và tại Đan Mạch hội nhân đạo đã công khai chỉ trích sự gia tăng trong việc dùng động vật để diễn tả hành động thú tính, nhưng những người lớn được xem là những đại diện tự do, không phải là nạn nhân. Đúng vậy, những người đấu tranh cho quyền phụ nữ chỉ trích công việc của phụ nữ trong sự khiêu dâm làm mất giá trị của vai trò người phụ nữ, nhưng không chỉ trích nhiều sự ảnh hưởng tàn bạo trên người thực hiện. Sự nô dịch hóa phụ nữ thật sự là món ăn của sự khiêu dâm. Tác động thấp hèn trên chính người nam người nữ thực hiện ít được nói đến. Tuy nhiên, người mẫu, người đóng vai, tác giả, và tất cả

<sup>23</sup> Rousas J. Rushdoony, *The Politics of Pornography* (New Rochelle, N.Y.: Arlington House, 1974), 146.

<sup>24</sup> *Final Report of the Attorney General's Commission on Pornography* (Nashville: Rutledge Hill Press, 1986).

những người tham gia trong sự sản xuất và phân phối đang phạm tội và xui cho người khác phạm tội.

Một lời nói sâu xa hơn nữa liên quan đến sự tác động của ngành công nghiệp khiêu dâm là rất cần. Có một sự quan hệ có thể chứng minh được giữa sự khiêu dâm và bạo lực. Rushdoony đưa ra nhiều dẫn chứng về triết lý bạo dâm đang lan tràn trong xã hội phương Tây trong những năm gần đây.<sup>25</sup> Marquis de Sade (1740-1814) đã dâng tặng chính tên của mình cho vốn từ vựng của chúng ta: sadism (bạo dâm), gây đau đớn cho người khác để thỏa mãn cá nhân mình. Cái nhìn của ông về phụ nữ là mục tiêu hợp pháp cho bất kỳ hành động nào mà người đàn ông muốn, sở thích quan hệ đồng tính của ông ta, sự biện hộ của ông ta về hành động thú tính, và những dạng thể làm giảm phẩm giá, tất cả đã cung cấp cơ sở triết lý và câu trả lời cách chi tiết cho sự khiêu dâm hiện tại. Hãy xem xét lời của Marquis.

Thật không thể chối cãi rằng chúng ta đã nhận từ Tự Nhiên quyền để bày tỏ một cách bừa bãi những ước muốn về tất cả phụ nữ... Thật không thể từ chối chúng ta có quyền để làm ra luật buộc người phụ nữ phải chịu phục những ngọn lửa của anh ta, người sở hữu cô ta; bạo lực chính nó là một trong những hệ quả của quyền lợi, chúng ta có thể tận dụng nó một cách hợp pháp. Thật sự! chẳng phải Tự Nhiên chứng minh rằng chúng ta có quyền đó, qua việc trao cho chúng ta sức mạnh cần thiết để bắt người phụ nữ làm theo ý của chúng ta sao?... Còn vấn đề phúc lợi của cô ta, tôi xin lặp lại, đó là điều không thích đáng.<sup>26</sup>

Dù nền tảng triết lý được phác thảo bởi Rushdoony có thể được chứng minh một cách thuyết phục hay không, sự song hành giữa những cơn lũ khiêu dâm bắt nguồn những quyết định của Tòa Án Tối Cao vào những năm của thập kỷ 50 và 60 trung thành với bản thiết kế được đưa ra hai thế kỷ trước đây bởi de Sade. Sau đó, hơi ngạc nhiên rằng, một quan chức Washington đã nói, “những tội phạm có tổ chức đang thống trị ngành công nghiệp khiêu dâm truyền thống, cùng với những phòng mát-xa, những quán rượu không mặc áo và những câu lạc bộ vũ thoát y.”<sup>27</sup> Sự khiêu dâm hủy phá đời sống thuộc linh của tất cả những người liên quan trong việc sản xuất, sử dụng, và ảnh hưởng suy đồi của nó lan tràn vào toàn bộ đời sống của xã hội dung túng nó.

## SỰ THỎA MÃN DỤC VỌNG XÁC THỊT

---

<sup>25</sup> Rushdoony *Politics of Pornography*, 50ff.

<sup>26</sup> Richard Seaver and Austryn Wainhouse, eds., *The Marquis de Sade: The Complete Justine, Philosophy in the Bedroom and Other Writings* (New York: Grove Press, 1965), 318-20.

<sup>27</sup> *Time*, 5 April 1976, 61.

Đấng Christ đã nêu ra hai nguồn cảm dỗ dẫn đến ham muốn tình dục xấu xa – nhìn và đụng chạm (Ma-thi-ơ 5:28-30). Chúng ta đã xem xét sự cảm dỗ qua việc nhìn ở phần trước, và phần này chúng ta phải thành thực kể đến sự cảm dỗ qua việc đụng chạm. Đụng chạm cơ thể thường kích thích sự khao khát được tiếp xúc gần gũi hơn, và nó được thiết kế để sửa soạn cho việc quan hệ tình dục. Vì vậy, phải cẩn thận đánh giá tiềm năng bị cảm dỗ nơi mình và nơi người khác qua sự tiếp xúc thể xác với những người hấp dẫn về mặt tình dục. “Đừng tìm cách thỏa mãn các dục vọng xác thịt.”

Khiêu vũ là một lãnh vực có thể đẩy lên những câu hỏi đạo đức. Chắc chắn nhiều người thích khiêu vũ không chủ ý gọi tình. Nhưng đối với hầu hết những người đàn ông bình thường, sự khiêu vũ dính líu đến việc đụng chạm là sự gọi tình, và dường như không có chuyện một người nam tham gia mà không bị kích thích để ham muốn tình dục tội lỗi (dĩ nhiên, trừ khi anh ta khiêu vũ với vợ mình). Thực ra, tác phẩm bán chạy nhất trong những năm của thập kỷ 70 trong vòng thế loại mới của những loại sách về tình dục tự do đã củng cố sự thẩm định hợp tình hợp lý này: “Tất cả các thánh phòng khiêu vũ theo cặp mong đợi sự giao hợp. Trong khía cạnh này những người Thanh Giáo đúng là đã chết.”<sup>28</sup>

Những người Tin Lành cánh tả biện hộ cho sự khiêu dâm như là trị liệu pháp và sự mô tả tình dục như là như là một nghệ thuật đích thực. Họ đồng ý một chút nghi ngờ rằng khiêu vũ có thể gây kích thích tình dục, tuy nhiên họ cho điều đó là vô hại. Nhưng đối với những người cẩn thận giữ lời dạy Tân Ước về sự trong sạch tâm trí, việc chọn người không phải là người bạn đời của mình để khiêu vũ là cố tình “làm thỏa mãn các dục vọng xác thịt,” dù dục vọng xác thịt của mình hay của người bạn cùng khiêu vũ.

Những thanh niên thường nói với tôi về sự tranh chiến với cảm dỗ tình dục. Đồng thời họ thường khai một cách ngây thơ về việc “làm thỏa mãn các dục vọng xác thịt.” Một người lãnh đạo trẻ tin kính và hấp dẫn đã nói với tôi rằng nụ hôn chúc ngủ ngon dành cho người hẹn đối với anh ta không phải là tình dục, và không có gì cảm dỗ. Tôi đồng ý rằng không thể cho đó là tội đối với anh ta nếu như đó là sự đáp ứng tâm trí của anh ta, dù nó có thể là một sự cảm dỗ đối với người bạn hẹn hò của anh ta. Sau đó tôi hỏi chẳng có cô gái nào khuấy động anh ta qua nụ hôn chúc ngủ ngon à. Anh ta cười. Dĩ nhiên, với một số cô gái, nó là một sự hấp dẫn tình dục. Tôi có thể chỉ ra, nhưng không thể thuyết phục anh ta rằng kinh nghiệm này là cái gút của vấn đề. Chỉ có những người hấp dẫn về mặt tình dục thường gây kích thích. Anh ta suy nghĩ về cuộc đối thoại của chúng tôi trong vài ngày và sau đó đã tìm đến tôi. “Tôi muốn nói với ông rằng ông đã đúng. Tôi không có gì khác biệt với những người

---

<sup>28</sup> Alex Comfort, *The Joy of Sex* (New York: Simon and Schuster, 1972), 162.

đàn ông khác. Tôi đã tự lừa dối mình. Một số cô gái tôi thích hôn đặc biệt bởi vì sự kích thích tình dục.” Tôi thường có những cuộc nói chuyện như vậy để tin rằng đó là một sự ngoại lệ. “Đừng tìm cách làm thỏa mãn các dục vọng xác thịt.”

## GIÁO DỤC GIỚI TÍNH TRONG CÁC TRƯỜNG HỌC

Chắc chắn giáo dục giới tính cho trẻ em tại các trường công không nhằm mục đích để kích thích tình dục, ít ra phải được thực hiện bởi các nhà giáo dục giới tính có trách nhiệm. Đúng hơn, mục đích, ngay cả đằng sau cơ quan thu thập và phân phối các vật liệu giáo dục giới tính, Hội Đồng Thông Tin và Giáo Dục Giới Tính của Mỹ (SIECUS), là nhằm giúp trẻ em tránh những tội ác tình dục đang lan tràn trong xã hội của chúng ta và phát triển một lối sống tình dục có trách nhiệm và thỏa lòng. Một số cơ quan, như Planned Parenthood Federation, muốn thay đổi xã hội và giữ sạch nền đạo đức Cơ Đốc ra khỏi nó. Nhưng hầu hết các lời biện hộ của giáo dục giới tính nhằm mục đích hạn chế những kết quả của những hoạt động tình dục mà tất cả mọi người trong xã hội đa nguyên có thể đồng ý là xấu xa: việc có thai ngoài ý muốn, bệnh lây qua đường tình dục, bệnh si-đa, bạo lực tình dục, những cảm xúc, những thái độ và những hành động không thỏa mãn cá nhân.

Có lẽ cuộc tranh cãi sẽ không bao giờ kết thúc một cách khoa học cho vấn đề có phải giáo dục rõ ràng về sinh học liên quan đến tình dục con người sẽ thúc đẩy hay hạn chế hoạt động tình dục và hành vi đáng lên án. Một số người cho rằng hoạt động tình dục bị thúc đẩy bởi việc trình bày cách công khai và sự thảo luận tất cả các loại hoạt động tình dục; số khác thì cho rằng những tệ nạn xã hội được giảm thiểu. Cuộc tranh luận này không chỉ không giải quyết được, vì sự kết luận còn tùy thuộc nhiều vào những giả định của nhà điều tra, mà còn hoàn toàn thiếu mất điều mà Cơ Đốc Nhân theo Kinh Thánh quan tâm.

Đối với Cơ Đốc Nhân, câu hỏi thích hợp là, Có thể nào dạy một quan điểm có thể chấp nhận được về tình dục con người trong một bối cảnh trung dung, không ảnh hưởng không? Không giống quan điểm thật về toán học, vật lý học hoặc ngữ pháp tiếng Anh, quan điểm thật về tình dục con người không thể đạt được ngoài quan điểm Kinh Thánh về tình dục con người. Tình dục không có tình yêu, không có sự kết ước lâu dài trong hôn nhân một vợ một chồng không giống với tình dục có những yếu tố này. Thật ra, dạy về tình dục không có những yếu tố của mục đích chính về sự hiệp nhất không chỉ là một sự chữa trị không đúng tiêu chuẩn cho vấn đề, nhưng nó còn lật đổ điều chân thật.

Các trường học công tại Mỹ có lẽ không dạy về tình dục (hoặc bất cứ điều gì khác) trong một bối cảnh Kinh Thánh. Tuy nhiên, tình dục đồng tính có thể được dạy như là một lối

sống “thay thế” (chẳng hạn hợp pháp hóa và chấp nhận nó ngang bằng với tình dục khác giới). “Dự án 10,”<sup>29</sup> một chương trình tư vấn dành cho những sinh viên đồng tính, được phát triển bởi một giáo viên trung học đồng tính tại Virginia Uribe, Fairfax High, Los Angeles, cố gắng mọi cách để khích lệ sự thực hành tình dục an toàn (tình dục đồng tính).<sup>30</sup>

Một trong những điều hoang tưởng nguy hại nhất của thế kỷ hai mươi ấy là khái niệm về giáo dục không dựa trên sự đánh giá (value-free education). Dạy về tình dục như thế nó chỉ là vấn đề thể chất, hoặc dạy tất cả các quan điểm về hành vi tình dục như là nó không tạo điều gì khác biệt, quả thực là một giá trị rất mạnh mẽ. Nó bày tỏ một sự kết ước với nền đạo đức thực dụng, và không có điều gì có thể hủy phá sự hiểu biết thật về tình dục bằng nó. Nếu giáo dục giới tính được dạy một cách hợp pháp tại các trường học công, chắc chắn nó mô tả một quan điểm tình dục giảm bớt sự kết ước. Tình dục giống như kiến thức chuyên môn không thể tránh khỏi sự giảm bớt thành phần quan trọng nhất của sự thỏa mãn tình dục và hôn nhân: sự kết ước.

Dĩ nhiên, điều lý tưởng là phải có kiến thức chuyên môn và sự kết ước, kết hợp với kiến thức Kinh Thánh về tình dục là gì. Điều đáng buồn là không quá 10 phần trăm phụ huynh Cơ Đốc cố gắng cung cấp loại giáo dục này. Làm sao có thể thay đổi điều này? Hội thánh nên đóng vai trò gì? Những trường học Cơ Đốc? Trong sự quan tâm cứu vớt những gia đình băng hoại một cách nhanh chóng, đang ở trong sự công kích không chỉ đến từ sự giải trí nhưng trong pháp luật và giáo dục, những câu hỏi cần phải được trả lời.

## THỦ DÂM

Người ta nói rằng 90 phần trăm nam giới trên tuổi mười lăm đã từng kinh nghiệm một dạng nào đó của cực khoái tình dục tự tạo ít nhất một lần. Nhiều người thủ dâm thường xuyên. Trong vòng nữ giới, ước đoán chừng 40 đến 60 phần trăm có ít nhất một lần kinh nghiệm sự thỏa mãn tình dục qua việc tự kích thích. Không có áp lực sinh học nào cho việc giải phóng một phần của nữ giới, nhưng nam giới chịu sự tăng lên về số lượng trình trùng cho đến khi sự giải phóng chúng ra trở nên cần thiết đối với hầu hết những người nam. Sự giải phóng này có thể đến một cách có ý thức qua quan hệ tình dục với người khác, cũng có thể tự kích thích, hoặc nó có thể đến một cách vô thức qua sự xuất tinh trong khi ngủ, thường có một giấc mơ

---

<sup>29</sup> Số 10 được lấy từ sự nghiên cứu không hoàn chỉnh Kinsey năm 1948 xác định rằng những người đồng tính chiếm 10 phần trăm dân số. Về bài chi trính dữ dội, hãy xem Judith A. Reisman and Edward Erlich *Kinsey, Sex and Fraud: The Indoctrination of People* (Lafayette, La.: Lochinvar-Huntington, 1990).

<sup>30</sup> Báo cáo của U.S. Department of Health and Human Services tháng 8/1989 tuyên bố rằng, “Các trường công và tư thực cần gánh lấy trách nhiệm trong việc cung cấp cho những học sinh cấp phổ thông cơ sở và phổ thông trung học những thông tin tích cực về tình dục đồng tính. . . Các lớp học về lối sống gia đình nên trình bày đồng tính luyến ái như là một dạng biểu hiện tình dục tự nhiên và lành mạnh.”



kèm theo. Xã hội thỏa mái về tình dục và đề cao tình dục và có thể gia tăng phạm vi ảnh hưởng của thủ dâm, nhưng đây là điều phổ biến trong tất cả các xã hội. Kinh Thánh nói gì về điều này? Không nói gì cả - ít nữa không khen ngợi cũng không đoán xét. Vậy, Cơ Đốc Nhân nên trả lời như thế nào cho những câu hỏi được dấy lên một cách khăng khăng?

Về mặt lịch sử, hầu hết các giáo hội đã chống lại việc thủ dâm. Nhiều điều hoang tưởng liên quan đến những hậu quả bất lợi cho sức khỏe của việc thủ dâm đã và đang lan tràn, nhưng tất cả điều hoang tưởng này đã mất bị mất hết sự tín nhiệm bởi những nghiên cứu khoa học trong những thập niên gần đây. Tuy nhiên, có thể vì nó là sai và bị lương tâm đoán xét, hoặc bởi vì Hội thánh hay xã hội cho đó là điều sai trật, sự đáp ứng phổ biến nhất dường như là một cảm giác tội lỗi hoặc xấu hổ về sự thực hành. Nhưng trong những năm gần đây, nhiều nhà tư vấn hôn nhân Cơ Đốc đã theo sự dẫn dắt của các nhà tâm lý thế gian trong việc bỏ qua hoặc biện hộ cho sự thủ dâm.

Có bốn quan điểm trong vòng những Cơ Đốc Nhân tham gia vào đề tài này là:

1. Thủ dâm là một món quà của Đức Chúa Trời.
2. Thủ dâm có lẽ tốt miễn là nó không được nuông chiều với những tưởng tượng xấu xa, không ép buộc, không được thực hiện trong một nhóm, và không tạo nên tội lỗi.
3. Thủ dâm có lẽ sai bởi vì nó nghịch lại với tự nhiên và có lẽ vi phạm điều luật trong Kinh Thánh về sự thánh sạch.
4. Thủ dâm chắc chắn là sai.

Cho đến nửa sau của thế kỷ này, Hội thánh đã cho rằng thủ dâm chắc chắn là sai, dù không có con số thống kê nào hiệu lực hóa sự đoán xét này, dường như hầu hết những người Tin Lành theo quan điểm này hoặc theo quan điểm thủ dâm có lẽ sai. Vì cả hai quan điểm dựa trên cùng một lý lẽ, tôi xin kết hợp hai quan điểm này lại.

Dù Kinh Thánh không trực tiếp đề cập đến vấn đề này, cũng không nói đến nhiều vấn đề khác mà chúng ta cho là những vấn đề đạo đức: sự đa thê, chế độ nô lệ, sự khiêu dâm, lạm dụng ma túy, phá thai, sự môn trốn tình dục bởi những người độc thân. Kinh Thánh có thể không nói đến vấn đề này một cách cụ thể bởi vì những người trẻ đã kết hôn sớm hơn rất nhiều và đạt đến sự trưởng thành tình dục trẻ hơn nhiều so với ngày hôm nay. Thời Kinh Thánh, việc cưới hỏi thường được thực hiện sau lần sinh nhật thứ mười hai trở đi, và chu kỳ kinh nguyệt đầu tiên xảy ra ở tuổi mười tám, trong khi ở Mỹ ngày hôm nay tuổi kết hôn trung bình là vào thời kỳ đầu của những tuổi hai mươi, và chu kỳ kinh nguyệt lần đầu tiên xảy ra ở

tuổi mười ba.<sup>31</sup> Cho nên, trong xã hội Do Thái cổ những cám dỗ để thủ dâm giảm xuống một cách đáng kể. Chính sự trưởng thành sớm về mặt tình dục và sự kết hôn trẻ của chúng ta đã tạo sự áp lực tìm những lối giải thoát tình dục thay thế. Cho nên không ngạc nhiên rằng Kinh Thánh không đề cập đến vấn đề. Trong bất kỳ trường hợp nào, lý lẽ từ sự im lặng không thể dẫn đến sự kết luận chắc chắn. Đúng hơn, chúng ta nên hỏi, Có phải Kinh Thánh ràng buộc chúng ta vào những nguyên tắc ngăn chặn sự thủ dâm không?

Đấng Christ cho thấy sự bắt đầu của tội về tình dục (ước muốn tình dục trong tâm trí), và Môi-se đã cho thấy sự kết thúc (quan hệ tình dục với một người không phải là người bạn đời của mình trong hôn nhân), cho nên bất kỳ dạng nào của hoạt động tình dục ở giữa đường như cũng được bao gồm. Vì hầu hết sự thủ dâm liên kết với sự mơ màng và tưởng tượng tình dục, ít nữa với dạng đó là sai. Thậm chí khi điều này không phải như vậy, 1 Cô-rinh-tô 7:4 đã đưa ra một nguyên tắc rõ ràng rằng cơ thể của một người không thuộc về mình nhưng thuộc về người bạn đời, nguyên tắc này quá xa với hoạt động tình dục đang được bàn tới.

Hơn nữa, việc tự kích thích, ít nữa ngoài sự môn trốn tình dục trong hôn nhân, vi phạm hai và có lẽ ba mục đích của Đức Chúa Trời dành cho hôn nhân. Mục đích đầu tiên của hôn nhân là sự hiệp nhất; tình dục được tạo nên để làm chắc chắn và thúc đẩy sự hiệp nhất đó. Sự thủ dâm đi theo hướng ngược lại. Nó là tình dục tách khỏi tình yêu, tách khỏi sự kết ước, tách khỏi tất cả những mục đích mà tình dục được tạo nên. Thay vì liên kết với người khác để thỏa mãn với nhau, nó hoàn toàn tập trung vào chính mình. Mục đích thứ hai của hôn nhân là sự sinh sản, và không cần phải nói, sự thủ dâm không đề cao việc đó. Thực ra, nó được biện hộ bởi một số người dưới dạng cho là kế sách, kiềm chế bùng nổ dân số. Mục đích thứ ba, phản chiếu hình ảnh của Đức Chúa Trời, dường như cũng bị vi phạm vì hành động tình dục tự thực hiện theo định nghĩa là một sự phân rẽ khỏi người bạn đời hợp pháp và tập trung vào chính mình.

Cá nhân tôi nhận thấy rằng nếu không thể đưa ra một nguyên tắc tuyệt đối từ Kinh Thánh để cấm sự thực hành thủ dâm, thì cũng không thể đưa ra một nguyên tắc rõ ràng để bỏ qua nó. Một điều thật rõ ràng ấy là, “Việc gì không đến từ đức tin đều là tội lỗi;” và nếu một người không có sự tin quyết chắc chắn về sự đồng ý của Đức Chúa Trời, dựa trên Kinh Thánh, hành vi đó là sai trật ít nữa đối với Ngài.

Phương cách quan trọng nhất trở hơn sự cầu nguyện lúc bị cám dỗ là để bỏ đói sự khao khát – cắt bỏ càng nhiều càng tốt những thứ kích thích tình dục. Kỷ luật bản thân là phương

---

<sup>31</sup> Ronald L. Kotskey, "Growing Up Too Late, Too Soon," *Christianity Today*, 13 -March 1981, 25.

pháp Đức Chúa Trời cho sự thỏa mãn. Chắc chắn, nuôi dưỡng sự thèm khát tình dục sẽ không giúp giải quyết vấn đề.

Thứ hai, sự xuất tinh về đêm một cách không cố ý là sự xả van của tự nhiên (nếu không phải là của Chúa) và không có cơ sở cho cảm giác tội lỗi. Khi những giấc mơ ái tình kèm theo sự xuất tinh, chúng có thể liên quan đến việc phơi ra với sự kích thích tình dục quá lâu trong những giờ tỉnh thức.

Còn sự giải phóng ở phái nữ thì sao? Cần nhấn mạnh rằng trong trường hợp của nữ giới, không hề có áp lực sinh học đã được minh chứng nào, cho nên nếu có áp lực nào khác hơn sự ham muốn thỏa mãn chính mình, thì áp lực đó thuộc về tâm lý. Vì lý do này Herbert J. Miles đã nói, “Thực sự, tôi không biết làm thế nào có thể biện minh cho sự thủ dâm ở nữ giới.”<sup>32</sup> Đối lại điều Letha Scanzoni trả lời, trong cùng một bài báo, “Tôi không thể đồng hành với một tiêu chuẩn kép.” Nói một cách khác, sự bào chữa duy nhất cho quan điểm của Charlie Shedd (“Tôi nghĩ đó có thể là sự phóng thích dễ thương dành cho nữ giới”) là đòi hỏi sự bình đẳng giới. Nhưng lý do dẫn đến tính không thể tránh khỏi của sự xuất tinh ở nam giới chỉ có thể áp dụng một cách hợp lý cho nam giới.

Vậy có một cách phóng thích khác dành cho cả nam và nữ: sự thăng hoa. Trong khi cần thận chọn để tránh khỏi những người, những đồ vật, những nơi chốn, và những cơ hội dẫn đến thủ dâm, chúng ta cần dành năng lượng để “làm khô cạn hoặc thiếu sạch ước muốn tình dục qua việc tập thể dục thể chất và tâm thần, những hoạt động và những dự án.”<sup>33</sup>

## TÌNH DỤC TRƯỚC HÔN NHÂN

Dù sự vi phạm những mục đích tuyệt vời của Đức Chúa Trời dành cho tình dục bắt đầu từ nơi tâm trí, nó thường không kết thúc ở đó – tình dục không bao giờ chỉ được dành cho sự tưởng tượng, nhưng để thực hiện. Sự nhấn mạnh mạnh mẽ nhất trong lời dạy Thánh Kinh về sự bất khiết tình dục liên quan đến hành vi. Hơn nữa, nó trở nên rõ ràng rằng sự vi phạm mục đích của Đức Chúa Trời dành cho hôn nhân có thể xảy ra trước thời điểm kết hôn. Vậy tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời về sự ứng xử trong những mối quan hệ giới tính dành cho người còn độc thân là gì?

**Quan Hệ Tiền Hôn Nhân.** Các mối quan hệ tình dục ngoài hôn nhân bao gồm tình dục trước khi kết hôn, bị cấm một cách dứt khoát trong Kinh Thánh. Trong Cựu Ước, điều này được thấy trong hai cách.

---

<sup>32</sup> Herbert J. Mika, "But What about Right Now?" *Campus Life*, March 1972, 42.

<sup>33</sup> *Ibid.*

Trước hết, luật liên quan đến quan hệ tình dục với một phụ nữ độc thân nói rằng bởi việc chiếm hữu cô ta về mặt tình dục, người đàn ông đó phải lấy cô ta làm vợ (Xuất 22:16). “Không thể có sự giao hợp nơi mà hôn nhân không được dự định, và một khi hành động tình dục đã xảy ra, thì hôn nhân đã được bắt đầu rồi: hai người đã trở nên một thịt.”<sup>34</sup>

Thứ hai, “nghe mãi dâm” bị làm cho trầy vi tróc vảy xuyên suốt Cựu Ước, và từ này liên hệ đến những mối quan hệ về phía những người độc thân. Nói một cách khác, “tình dục tiền hôn nhân” vừa không tồn tại (nó đã bắt đầu hôn nhân), vừa là một dạng điếm đi. Tân Ước cũng mạnh mẽ lên án sự tà dâm (Acts 15:20; 1 Cor. 6:9, 13, 18; Gal. 5:19; Eph. 5:3; Col. 3:5; 1 Thess. 4:3). Vì sao lên án? Bởi vì quan hệ tình dục trước hôn nhân làm hỏng việc hoàn thành mục đích của Đức Chúa Trời dành cho hôn nhân.

Mục đích chính yếu của hôn nhân là sự hiệp nhất – sự thỏa mãn với nhau, sự chung thủy dành riêng, và sự thân mật đồng nhất suốt cả đời Gen. 2:18, 24; Eph. 5:21-32). Không có điều nào trong những cái này được xảy ra ngoài hôn nhân. Cho nên những ai chỉ ràng buộc về thân xác là bị lừa dối về bản chất của sự hiệp một và như thế giảm đi tiềm năng trước khi sự hiệp một thật sự và toàn bộ bắt đầu. Mục đích thứ hai, sự sinh sản, về vấn đề cung cấp một gia đình yêu thương, theo định nghĩa đã bị vi phạm. Tình dục trước hôn nhân không được dự định một cách bình thường, và nếu việc mang thai xảy ra bởi sự tình cờ, điều đó có thể được xem là một điều ác. Cuối cùng, sự bội tín trước đối với người bạn đời của mình chắc chắn làm méo mó sự phản chiếu trong con người về một Đức Chúa Trời thành tín. Đức Chúa Trời tạo nên tình dục là một mối quan hệ một vợ một chồng có tính cách dành riêng vì lợi ích của con người. Điều này có nghĩa rằng sự mạnh mẽ nhất của niềm khoái cảm thể xác có thể được kinh nghiệm một cách đầy trọn chỉ trong sự kết ước hoàn toàn trong hôn nhân.

Walter Troybisch đã củng cố những lẽ thật Kinh Thánh này trong cuốn sách bán chạy nhất của mình *I loved a Girl* rằng:

Khi tôi là một mục sư được kêu để tư vấn về sự khủng hoảng trong hôn nhân, hầu như tôi luôn có thể lần ra căn nguyên của nan đề nằm trong cách sống mà người chồng và người vợ đã sống trước khi họ kết hôn với nhau. Một người trẻ không học cách tiết độ trước hôn nhân cũng sẽ không làm như vậy trong hôn nhân... Trong một ý nghĩa, bạn lấy đi của người vợ tương lai của mình một số điều, dù bạn chưa từng biết cô ta, và bạn gây nguy hiểm cho hạnh phúc trong hôn nhân của bạn.<sup>35</sup>

<sup>34</sup> Richard F. Lovelace, *Homosexuality and the Church* (Old Tappan, N.J.: Revell, 1978), 109.

<sup>35</sup> Walter Trobisch, *I Loved a Girl* (New York: Harper and Row, 1975), 8.

Điều mà Trobisch làm chứng lại đến từ kinh nghiệm của ông, và con số thống kê cũng xác nhận như vậy. Phạm vi ảnh hưởng của sự không chung thủy trong hôn nhân và sự ly dị trong vòng những người đã từng kinh nghiệm tình dục tiền hôn nhân cao hơn nhiều so với con số trong vòng những người không kinh nghiệm điều đó.

Theo quan điểm Kinh Thánh, người còn độc thân có thể liên hệ với tất cả những người mà anh ta không kết hôn như là anh trai/em gái, mẹ/con trai, cha/con gái (1 Ti-mô-thê 5:1-2); hoặc anh ta có thể kết hôn. Nhưng nếu chuyển đổi từ mối quan hệ anh trai/em gái đến chỗ kết hôn thì sao? Thật đáng buồn thay, xã hội phương Tây ngày nay làm cho sự chuyển đổi đó trở nên rất khó khăn.

Trong một xã hội mà trong đó những cặp trai gái kết hôn sớm sau tuổi dậy thì, sự tiết chế ít được cần đến. Nhưng trong xã hội của chúng ta, có một khoảng thời gian từ sáu đến mười năm trong đó những người trẻ kinh nghiệm chất ngất sự khao khát tình dục thể xác nhưng không được cho là đủ tư cách để kết hôn. Thêm vào môi trường đạo đức mà trong đó tình dục trước hôn nhân ngày càng được xem là bình thường, và ý tưởng về sự trinh bạch dường như bị nghĩ như là một điều vừa buồn cười vừa là ý tưởng không thể với tới.

Một trong những người phân xử hàng đầu tập tục Mỹ, Abigail Van Buren, đã tóm tắt cái đạo đức đang dấy lên thế này: “Luật về sự giới hạn tốt nhất là: Bất cứ điều gì xảy ra giữa những người đủ lớn để quyết định về vấn đề tình dục là OK miễn là nó làm hài lòng cả hai bên và không làm hại bên nào.”<sup>36</sup> “Không làm hại bên nào” là chìa khóa – tuy nhiên ai ngoài Đức Chúa Trời có thể biết được? Tiến sĩ Robert J. Cohffins, trong tạp chí *Journal of the American Medical Association*, đã cho thấy rằng tại một trường ở miền Tây 80 phần trăm nữ sinh là những người đã quan hệ tình dục trước hôn nhân hy vọng rằng sẽ kết hôn với người bạn tình của mình, trong khi chỉ có 12 phần trăm nam sinh có cùng một mong đợi.<sup>37</sup> Hai người đủ lớn để quyết định về vấn đề tình dục? Có. Làm hài lòng cả hai bên? Có. Có làm hại bên nào không? Đó là một câu hỏi khác.

Loại trái gì cây tự do tình dục mang? Có làm hại ai không? Nó có phải là sự tự do thật?

Arnold Toybee [người đứng đầu trong các sử gia Anh] đã viết: Trong 21 nền văn minh tăm tiếng, có 19 nền văn minh đã bị sụp đổ, không phải vì bị chinh phục bởi bên ngoài nhưng bởi sự mục nát bên trong.” Một sử gia khác, J. D. Unwin của Đại Học Cambridge, đã thực hiện một công trình nghiên cứu về 80 nền văn minh trải dài hơn 4.000 năm và kết luận rằng: “Bất

---

<sup>36</sup> "Dear Abby," *This State* (Columbia, S.C.), 8 December 1983.

<sup>37</sup> Jim Conway, "Cheap Sex and Precious Love," *HIS*, May 1976, 34.

kỳ xã hội nào được tự do chọn hoặc bày tỏ sinh lực dồi dào hoặc vui hưởng sự tự do tình dục; bằng chứng cho thấy rằng họ không thể làm cả hai điều cho nhiều hơn một thế hệ.”<sup>38</sup>

Hãy xem xét Liên Xô như một ví dụ ở thế kỷ 20. Pitirim Sorokin, nhà xã hội học đặc sắc và giáo sư tại trường Harvard, đã xuất bản vào năm 1956 tuyển tập đầy ảnh hưởng *The American Sex Revolution*. Trước khi đến Mỹ ông là một giáo sư về xã hội học tại Đại Học St. Peterburg ở Nga. Ông viết:

Trong suốt thời gian đầu của Cuộc Cách Mạng, những lãnh đạo của nó đã cố gắng để hủy phá hôn nhân và gia đình. Tình yêu tự do đã được tôn vinh bởi triết thuyết “ly nước.” Nếu một người thấy khát, cái ly gì ông ta sử dụng để làm thỏa mãn cơn khát của mình là điều không quan trọng ; cũng như vậy, bằng cách nào anh ta làm thỏa mãn cơn đói tình dục của mình là điều không quan trọng.

Sự khác biệt pháp lý giữa hôn nhân và sự giao hợp tình dục tình cờ đã bị xóa bỏ. Luật Cộng Sản chỉ nói đến những hợp đồng giữa người nam và người nữ để thỏa mãn những ước muốn của họ có thể trong một khoảng thời gian không xác định hoặc xác định, một năm, một tháng, một tuần, hoặc thậm chí một đêm. Một người có thể kết hôn và ly dị bao nhiêu lần tùy thích. Người chồng hoặc người vợ có thể quyết định ly dị không cần báo trước cho bên kia. Hôn nhân không cần thiết phải đăng ký. Hai vợ hoặc nhiều vợ được cho phép trong những điều khoản mới... Quan hệ tình dục tiền hôn nhân được ca ngợi và quan hệ tình dục ngoài hôn nhân được cho là bình thường.

Trong vài năm, lũ người hoang dã, những trẻ em không nhà trở nên một mối đe dọa cho Liên Xô. Hàng triệu cuộc đời, đặc biệt là những cô gái trẻ, đã bị hư hỏng; sự ly dị tăng lên nhanh chóng, nạn phá thai cũng vậy. Sự thù ghét và xung đột trong vòng những bà vợ chung chồng và những ông chồng chung vợ gia tăng – và chứng loạn thần kinh cũng vậy.

Kết quả thật quá kinh khủng đến nỗi chính phủ bị buộc phải đảo ngược chính sách. Việc tuyên truyền triết lý “ly nước” đã bị tuyên bố là phản cách mạng, và chỗ của nó được thay thế bởi sự vinh quang của sự trinh bạch trước hôn nhân và sự thánh thiện của hôn nhân...

Xét thấy rằng một chu kỳ trọn vẹn đã xảy ra trong cùng một chế độ, cuộc thí nghiệm đã đem lại nhiều thông tin giá trị. Nó cho thấy được hậu quả hủy hoại của sự tự do tình dục không giới hạn.<sup>39</sup>

Có lẽ có một sự thay đổi tương tự quay lại với những giá trị truyền thống ở trong sự tiến bộ tại Mỹ. Nếu cuộc cách mạng trở nên chậm lại, ấy là vì sự sợ hãi, không phải vì sự

<sup>38</sup> Peale, "Man, Morals, and Maturity," 178.

<sup>39</sup> Pitirim Sorokin, *The American Sex Revolution* (Boston: Porter Sargent, 1956), 113-15.

chấp nhận mới mẻ về những giá trị Kinh Thánh. “Bệnh Si-đa có lẽ là tiếng nói từ sự vinh quang kêu gọi con người quay về với trách nhiệm và những giá trị gia đình.”<sup>40</sup> Lưu ý rằng điều này không phải là một trích dẫn từ Jerry Falwell, nhưng từ Joseph Lowery, giám đốc điều hành của NACP! Cho đến bao giờ mới có cách chữa hoặc ít nữa ngăn chặn được bệnh Si-đa, không ai biết. Nhưng đến khi sự tự do và sự bừa bãi lan tràn của cuộc cách mạng tình dục bị loại bỏ một cách triệt để. Khi Sol Gordon, một lãnh đạo hàng đầu về tình dục, đã được trao giải thưởng của Hiệp Hội Các Nhà Giáo Dục Tình Dục, Các Nhà Tư Vấn, Các Nhà Trị Liệu của Mỹ vào năm 1982, ông đã phát biểu rằng, “Chắc chắn có một số bất lợi khi còn trẻ. Không tình dục là một. Tôi không thể nghĩ ra lý do hợp lý nào cho việc những thiếu niên quan hệ tình dục. Điều đang xảy ra là một thảm họa xã hội của quốc gia!”<sup>41</sup>

George Leonard, một nhà biên tập thâm niên của tạp chí *Look*, đã đề xướng cuộc cách mạng tình dục, nhưng sau một thập kỷ, ông đã viết *Sự Tận Cùng của Tình Dục (The End of Sex)* trong đó ông nói rằng cuộc cách mạng đã lên men chua.<sup>42</sup> Những niềm vui đoán trước không tìm thấy đâu; tình dục trở nên tầm thường và phi nhân cách, và tình yêu bị đánh mất.

Kinh Thánh và lịch sử làm chứng rằng cách để tiết chế tình dục là cách làm cho những người độc thân được thỏa lòng. Nhưng trong xã hội mà mối quan hệ thông thường giữa thiếu niên và thiếu nữ là một mối quan hệ bị gò ép, dành riêng, riêng tư và cá nhân, làm sao một người có thể theo đuổi mục đích tối thượng được thiết lập bởi Đức Chúa Trời?

**Hẹn Hò Để Tìm Người Bạn Đời.** Những xã hội khác nhau có những cách lựa chọn người bạn đời khác nhau, và Kinh Thánh không khẳng định cách này tốt hơn cách kia. Mỗi cách phải được đánh giá dựa trên cơ sở nó đề cao mục đích mà Đức Chúa Trời dành cho hôn nhân như thế nào.

Trong thế giới phương Tây tình yêu lãng mạn là cơ sở cho hôn nhân; những người trẻ được mong đợi tìm người bạn đời của họ qua tiến trình hẹn hò. Tuy nhiên, trong nhiều nền văn hóa việc tìm người bạn đời là một công việc gia đình với sự điều tra, thương lượng, và hợp đồng. Không nghi ngờ gì về việc có những thuận lợi và bất lợi trong hôn nhân tình bạn, lãng mạn trong xã hội phương Tây, và hôn nhân lý trí, thực dụng và mang tính hợp đồng trong những nền văn hóa khác. Nhưng người trẻ ở Mỹ không hành động dựa trên lý trí. Việc thuê một người làm công không có chuyên môn làm việc tạm thời còn được xem xét cẩn thận hơn việc tìm kiếm thử ai là người thích hợp để trọn đời chia sẻ sự sống thân mật.

---

<sup>40</sup> *World*, 14 September 1987.

<sup>41</sup> *World*, 14 September 1987.

<sup>42</sup> George Leonard, *The End of Sex* (Los Angeles: J. P. Teacher, 19133).

Mặt khác, nhiều gia đình được sắp xếp, nhiều hôn nhân theo hợp đồng hoàn toàn bỏ qua tình yêu. Khi văn hóa không nhấn mạnh hoặc ít nhấn mạnh việc phát triển một mối quan hệ yêu thương, việc này không luôn luôn được xem là một phần của hôn nhân và như thế hai phần ba mục đích của hôn nhân đã bị làm hỏng hoặc bị phá hủy.

Không có khuôn mẫu nào được cho là “đúng” hoặc “sai” về mặt bản chất. Trong Sáng Thế Ký 24, Y-sác và Rê-bê-ca đã kết hiệp với nhau bởi sự sắp xếp của gia đình. Trong Sáng Thế Ký 29, Gia-cốp và Ra-chên đã có một sự chọn cá nhân đầy lãng mạn (dù đòi hỏi phải có sự cho phép của gia đình Ra-chên). Bất kỳ phương pháp nào hoặc sự kết hợp giữa các phương pháp được sử dụng cũng cần phải cẩn thận để chắc chắn rằng ba mục đích của hôn nhân được sửa soạn một cách đầy đủ.

Trong hệ thống hẹn hò, có cả sự thuận lợi và bất lợi cho việc hoàn thành ba mục đích căn bản của hôn nhân. Những thuận lợi của hệ thống này có lẽ là việc thấy rõ người bạn đời tiềm năng trước khi bước vào sự dính dứ một cách nghiêm túc và cảm giác về sự an toàn, về sự “sở hữu” của hệ thống “kiên định.” Cũng có một số bất lợi. Nếu việc hẹn hò chắc chắn được bắt đầu quá sớm và tiếp tục một cách cứng nhắc, sẽ có khuynh hướng giới hạn sự phát triển về mặt xã hội; có khuynh hướng trở nên dính dứ một cách vội vã không cần quan tâm đến nhiều người khác phái; và nguy hiểm lớn nhất đó là sự thân mật không có sự kết ước trở thành một sự cảm dỗ. Hơn nữa, nếu bước vào và phá vỡ mối quan hệ dành riêng trở nên một mô thức trong suốt tuổi vị thành niên, sự chuẩn bị cho hôn nhân thật là nghèo nàn về mặt xúc cảm. Cuối cùng, hệ thống luôn để tất cả mọi điều được quyết định bởi người trẻ, là người bị chi phối về mặt tình cảm và sự áp lực từ bạn bè đồng lứa, có rất ít sự can thiệp từ cha mẹ hoặc Hội thánh. Tuy nhiên, không thể nói rằng khuôn mẫu này là sai về mặt đạo đức, trừ khi những thái độ hoặc hành động sai trật về mặt đạo đức phát triển.

Hệ thống hẹn hò không phải là lý tưởng trong sự chuẩn bị cho hôn nhân bởi vì nó giới thiệu những cảm xúc lãng mạn và sự thôi thúc tình dục trong bối cảnh một người muốn “khám phá” người kia. Tình bạn bè sẽ là một bối cảnh tốt hơn cho sự khám phá chính mình và khám phá người khác, tuy nhiên tình bạn và sự hẹn hò không tương thích với nhau nhiều. Hẹn hò là một sự sắp xếp để tiến đến hôn nhân. Tình bạn – trong nhóm, trong Hội thánh, trong gia đình – không bị vướng víu với những ý tưởng lãng mạn, là một bối cảnh tốt hơn cho sự trưởng thành với tư cách là một con người, đặc biệt trong những chiều kích xã hội và thuộc linh. Nhưng sự hẹn hò cứ đeo bám chúng ta. Làm thế nào chúng ta khiến cho nó trở nên tốt nhất?

Vì mục đích chính của hôn nhân là sự hiệp nhất giữa hai người, cơ hội để hai người làm quen trước khi kết ước để có một mối quan hệ trọn đời là điều tốt. Một người có thể xác



định trước rằng hai người có tâm đầu ý hợp với nhau không, cơ hội không sẵn có trong những văn hóa mà cha mẹ nắm quyền quyết định và đôi bạn gặp nhau lần đầu tiên trong lễ cưới.

Tuy nhiên, trong việc hẹn hò, có thể có sự ảo tưởng rằng hai người hợp nhau nhưng trong thực tế hai người không biết nhau. Điều này xảy ra bởi vì có hai loại tình tại trong bầu không khí hẹn hò ngăn trở sự truyền thông thật và đầy trọn. Điều làm xao lãng đầu tiên là quan niệm sai lầm về sự đắm ra yêu. Nhưng thực ra, không phải chúng ta đắm ra yêu – mà tăng trưởng trong tình yêu. Một người có thể đắm ra muốn một cách dựng ngược hoặc rơi vào cảm giác lãng mạn bởi sự hấp dẫn và cho đó là “yêu,” nhưng sự trào dâng cảm xúc mạnh mẽ không phải là điều thật trong bản chất. Tình yêu thật là hướng về người khác trong khi cái thường được cho là tình yêu lãng mạn lại là điều hướng về chính mình. Chúng đi theo hai hướng trái ngược nhau. Một cái liên quan đến sự trao dâng, còn cái kia liên quan đến sự nhận lấy; một cái bậm tâm với những lợi ích của người khác, còn cái kia bận tâm đến sự thỏa mãn cá nhân. Tình cảm lãng mạn có thể là một phần của mối quan hệ tốt lành, chân thật và hợp với Kinh Thánh. Thực ra, tôi không bao giờ khích lệ những người không có niềm hứng khởi đó kết hôn. Những cảm giác lãng mạn tự nó không phải là một điều khoản thật, không sâu hoặc không mạnh – không sâu đủ để thỏa mãn tinh thần của con người lâu dài, và không đủ mạnh để giữ hai người ở với nhau trong những lúc gặp khó khăn. Nó đem đến sự ảo tưởng rằng tất cả các thành phần cần thiết để có một hôn nhân hạnh phúc là hiện tại. Hơn nữa, “đang yêu” làm cho việc đánh giá người khác một cách tổng thể trở nên rất khó khăn.

Điều làm xao lãng thứ hai là sự hấp dẫn thể xác. Sự hấp dẫn hợp lý của một người khác phái có thể “bạc công tất” trong một người được đặt trong hoàn cảnh đúng, đặc biệt người đàn ông. Bản thân sức hấp dẫn tình dục không bao giờ nên được hiểu như là một dấu hiệu cho thấy rằng người này làm người bạn đời sẽ thích hợp hơn hàng triệu người khác có cùng một tập hợp đặc điểm thể chất. Nhưng thật khó để cưỡng lại sự ảo tưởng.

Như là kết quả của hai điều ảo tưởng này – tình cảm xúc dâng trào và ước muốn tình dục – nhiều người trẻ ở Mỹ kết hôn vì những lý do sai trật. Họ “đắm lòng yêu” khi họ bị cảm xúc lãng mạn và ước muốn tình dục bắt lấy họ. Trong hoàn cảnh như thế, sự truyền thông trọn vẹn và sự khám phá đầy đủ con người bên trong của đối tượng hầu như là điều không thể.

Một nan đề gây hủy phá khác trong hệ thống hẹn hò hiện tại đó là những gì Kinh Thánh cho ta tội – phô bày sự hấp dẫn tình dục thể xác trong vòng những người độc thân – được xem là một phần trong định nghĩa của “hẹn hò.” Thêm muốn tình dục và hoạt động tình dục là sai trật bởi vì chúng phá hủy sự hiệp một tối thượng của hôn nhân trước khi hôn nhân xảy ra. Những ký ức về sự thân mật với người khác luôn còn ở đó.

Nếu một người tỉnh thức về những nguy hại này và quyết định một cách chắc chắn trước từ chối sự cám dỗ và tránh ảo tưởng, hệ thống hẹn hò trở thành một sự giúp đỡ tích cực. Một người có thể làm quen trong chiều sâu với nhiều người để tăng thêm cơ sở so sánh trong việc đánh giá những người mà anh ta hoặc cô ta hẹn hò có tiềm năng cho sự kết ước trọn đời. Nhưng hệ thống hẹn hò của chúng ta có thể khó cho người nữ (theo truyền thống phải luôn luôn chờ đợi sự ngỏ lời) và cho những nam (luôn phải liều lĩnh với sự chống đối).

Trong xã hội Mỹ, mối quan hệ leo thang từ sự quen biết tình cờ đến hôn nhân luôn luôn trải qua những giai đoạn như sau: dành thời gian cho nhau (hẹn hò) dẫn đến sự dính dứu tình cảm; sự dính dứu tình cảm dẫn đến một cảm giác về sự dành riêng và sở hữu (“đến chỗ chắc chắn”); ý thức với nhau về sự độc quyền sở hữu nhau dẫn đến sự nói chuyện và đối xử thân mật. Nhưng Cơ Đốc Nhân chân thật sẽ trì hoãn việc nói chuyện và đối xử thân mật cho đến khi có sự kết ước trọn đời. Một dấu hiệu chắc chắn của sự trưởng thành là khả năng trì hoãn sự hài lòng hiện tại vì lợi ích tương lai.

Sự leo thang trong mối quan hệ thường đồng hành với sự gia tăng ước muốn tình dục hướng về người khác.

Về mặt sinh học, khuôn mẫu tổ tình như thế sẽ hoạt động như một sự kích thích sự thích thú tình dục, và là một mắt xích trong chuỗi kích thích làm gia tăng cường độ, tự nhiên sẽ dẫn đến sự kết hợp thể xác... Chức năng sinh học của những hành động “mơn trớn” như thế không được dự định để làm thỏa mãn những cảm xúc và sự thôi thúc của chúng ta, nhưng đúng hơn làm kích thích chúng, và sự xúc tiến được phát triển. Chúng ta được tạo nên trong cách như vậy. Việc nắm tay lần đầu dường như là một đặc ân lớn, làm thỏa mãn chúng ta một thời gian. Rồi nó kích thích sự mong muốn được hôn nhau. Việc nắm tay dường như bắt đầu trở nên tẻ nhạt một chút! Trước khi việc hôn lâu, đến phiên mình, cũng bắt đầu có vẻ như tẻ nhạt một chút, nó dẫn đến ước muốn được mơn trớn, và cứ tiếp tục như vậy.<sup>43</sup>

Bất cứ thái độ hay hành động nào nằm trong chiều hướng làm gia tăng ước muốn từ suy nghĩ ban đầu cho đến chỗ thực hiện trong việc quan hệ tình dục là vô đạo đức nếu như nó đi quá cấp độ tương xứng với sự kết ước với nhau (Ma-thi-ơ 5:27-30). Nếu sự kết ước không có ở đó, không được biểu lộ và đồng ý với nhau, những tư tưởng về sự thân mật tình dục là một dạng của sự không chung thủy, sự gian dối trong tâm trí. Trong kế hoạch của Đức Chúa Trời, trước khi một người tự cho phép mình vui hưởng những tương tặc ái tình, sự cam kết hôn nhân là cần thiết (sự dính hôn). Chỉ có sự kết ước như thế mới có thể làm cho mối quan hệ được hợp pháp, nếu không sẽ là sự tà dâm, bên ngoài giới hạn của những tiêu chuẩn của

---

<sup>43</sup> Oliver R. Barclay, *A Time to Embrace* (London: InterVarsity Fellowship, 1964), 19.

Đức Chúa Trời. Đính hôn thường dẫn kết ước trong hôn nhân, điều được thực hiện trong sự hiệp nhất về tình dục.

Một số người cho rằng sự hợp nhau về mặt thể xác trong quan hệ tình dục cần phải được thử trước khi chắc chắn rằng đó là người bạn đời thích hợp. Nan đề là tình dục trong hôn nhân không thể được thử bên ngoài hôn nhân. Những yếu tố thiết yếu không hiện diện ở đó, cho nên cái điều mà người đó “thử” là một thứ gì đó khác. Ví dụ, sự an toàn về lòng tin cậy trọn đời không có ở đó. Việc này cũng giống như việc lấy ra một số thành phần khỏi công thức làm bánh – dầu, trứng, chẳng hạn – để “thử” sự tương thích của chúng trong việc làm bánh. Khi bạn đã trộn các thành phần xong, ai biết được điều lý thú gì có thể xảy ra nếu bột, đường, sữa, và bột nổi đã được trộn trong khối hỗn hợp? Lại nữa, tình dục bên ngoài hôn nhân giống như việc tập trượt tuyết trên sàn phòng khác – không tốt lắm cho sàn đâu, cho dù bạn bắt đầu học giữ vững chân. Bạn đã thực sự thử niềm vui thích của điều chân thật chưa? Đối với phụ nữ, là phái xem sự an toàn về mặt sở hữu rất quan trọng, thậm chí sự cực khoái thể xác có thể trở nên là điều hoang tưởng. Có lẽ có một cấp độ thỏa mãn và sự phấn khích, nhưng họ không kinh nghiệm, tình dục trong hôn nhân. Thực ra, “kinh nghiệm” của họ có thể khiến cho việc kinh nghiệm sự kết hợp hấp dẫn trở nên khó khăn hơn nhiều.

Một công trình nghiên cứu năm 1981, *Phụ Nữ tại Thụy Điển*, đã báo cáo rằng những cặp vợ chồng đã từng ăn ở với nhau trước khi kết hôn hầu như có tỉ lệ ly dị cao hơn 80 phần trăm so với những cặp vợ chồng không ăn ở với nhau trước khi kết hôn.<sup>44</sup> Những nhà nghiên cứu tại Mỹ đang thực hiện một sự nghiên cứu này với hơn bốn nghìn phụ nữ bởi vì người Thụy Điển có khuynh hướng đi trước những trào lưu xã hội Mỹ từ mười đến mười lăm năm. “Sống thử” trước không làm tăng khả năng thành công về hôn nhân.

Kế hoạch của Đức Chúa Trời là để mỗi người được cứu về tâm trí và thân thể để dành cho người mà họ sẽ kết hôn. Câu hỏi căn bản không phải là “Tôi cảm thấy thế nào?” cũng không phải “Cô ấy (anh ấy) cảm thấy thế nào?” nhưng là “Chúng ta đã kết ước với nhau ở mức độ nào?” Để tham gia vào cuộc nói chuyện hoặc hoạt động có tính chất gợi dục cho bất cứ bên nào trước khi kết ước về trách nhiệm trọn đời trong hôn nhân là sự gian dâm về mặt tâm trí, đó chính là sự thèm muốn tình dục với cái không thuộc sự sở hữu của mình. Chúng ta không chỉ trách nhiệm cho chính mình, nhưng cũng cho người khác. Tình yêu, không phải sự ham muốn, phải nắm quyền kiểm soát. Một người có tấm lòng trong sạch và yêu thương sẽ cẩn thận không khơi gợi sự ham muốn trong người mà anh ta không được sắp xếp để đáp ứng trong sự kết ước.

---

<sup>44</sup> Associate Press, 7 December 1987.

Chỉ trong một mối quan hệ hoàn toàn, một người có thể kinh nghiệm được sự sung sướng thể xác tột cùng, sự vui thỏa sâu sắc nhất, sự thỏa mãn ngày càng tăng thêm. Nếu mối quan hệ chỉ có một phần – chủ yếu là xác thịt – nó không chỉ làm xói mòn sự trọn vẹn về mặt cảm xúc và thuộc linh, nó làm giảm sự thỏa mãn thể xác. Mối quan hệ mà Chúa thiết lập là một mối quan hệ hoàn toàn – đồng nhất một cách mật thiết trong tất cả các khía cạnh đời sống.

Cho nên điều quan trọng nhất trong việc hẹn hò là buộc thể xác phải chờ đợi cho đến khi mối quan hệ hoàn toàn trở nên chín muồi để có chỗ cho sự kết ước trọn đời trong hôn nhân. Điều trước tiên trong việc chuẩn bị cho hôn nhân không phải là tìm người đúng, nhưng phải trở nên con người đúng. Một người càng dần thân vào tình yêu trao ban chính mình trong tất cả các mối quan hệ, vào sự hy sinh để giúp đỡ người khác trở nên trọn vẹn, người đó sẽ càng có nền tảng vững chắc cho hôn nhân thành công. Phẩm chất càng được tôi luyện với sự trung thành, thành thật, và chung thủy, thì sự đảm bảo về hôn nhân tốt đẹp sẽ lớn hơn.

Những ngày chuẩn bị là để xây dựng sự trong sạch tâm trí và thân thể trong đời sống tư tưởng của một người để khi thời gian đến, việc trao ban cho hoàn toàn trong mối quan hệ tuyệt vời, dành riêng, thân mật sẽ không bị vết nhơ.

**Đính Hôn.** Trong hệ thống hẹn hò ở Mỹ, có một thời điểm đôi nam nữ thể kết ước để lập gia đình. Đối với Cơ Đốc Nhân, đây là một sự kết ước quan trọng cho mối quan hệ trọn đời. Nó là giai đoạn đầu tiên của sự thể ước hôn nhân. Mục đích ban đầu là để cung ứng một phương cách hợp pháp để đôi nam nữ tìm hiểu nhau, bởi vì xã hội ngăn cấm sự giao thiệp riêng tư và thân mật giữa người nam và người nữ chưa kết ước.

Tập tục về tình dục của xã hội hiện đại có những thay đổi và việc hẹn hò dường như đảm trách vai trò mà trước đây dành cho sự đính hôn, và sự đính hôn dường như là cơ sở cho việc sống thử. Lại nữa, hôn nhân không được cho là vấn đề quan trọng hơn đính hôn như trước đây. Nhưng đối với Cơ Đốc Nhân, sự đính hôn là một kết ước quan trọng và có thể bị phá vỡ chỉ vì những lý do chính đáng. Dĩ nhiên, tốt hơn phá hủy sự đính hôn còn hơn là bước vào hôn nhân mà không đúng nghĩa hôn nhân, nhưng tốt hơn hãy khoan đính hôn cho đến khi một người thấy chắc chắn về sự chỉ dẫn của Đức Chúa Trời. Khi sự đính hôn bị phá vỡ, sự tổn thương xảy ra cho một hoặc cả hai phía luôn luôn tỉ lệ với sự nghiêm túc mà trong đó sự kết ước ban đầu được lập nên.

Nếu sự đính hôn là một lời hứa chính thức, ước muốn tình dục không còn được xem là vô đạo đức nữa. Nó không còn là sự thèm muốn cái điều mà không thuộc quyền sở

hữu hợp pháp của mình nữa. Chừng nào cả hai có trách nhiệm và nhạy cảm với các giai đoạn đáp ứng của người kia, thì không cần phải mặc cảm tội lỗi nữa.

Tuy nhiên, sự biểu lộ tình cảm mang tính thể xác tạo nên áp lực ngày càng nhiều hơn cho đến khi ước muốn sự kết hiệp thể xác trở nên không thể chịu nổi đối với một số cặp nam nữ, và sự kết hiệp được thực hiện trước ngày hôn lễ. Một số người cho rằng hôn nhân xảy ra tại thời điểm đó và sự giao hợp đó không thể được cho là tà dâm. Nhưng rất ít cặp nam nữ Cơ Đốc nghiêm túc chấp nhận quan điểm này, và thất bại trong việc tự tiết chế trở nên sự khởi đầu của sự căng thẳng được tạo ra từ cảm giác mặc cảm tội lỗi và đào mòn sự tin tưởng lẫn nhau trước khi hôn nhân bắt đầu. Hơn nữa, thường thường có một cảm giác xấu hổ và giả hình trong việc giữ bí mật với người khác trong khi tham gia vào cái điều dành cho lời thể công khai thiêng liêng, vui mừng và trong sạch. Vì vậy, thật là khôn ngoan cho những cặp nam nữ đã kết hôn tập trung vào việc tìm hiểu lẫn nhau về phương diện xã hội, trí tuệ, và thuộc linh – thiết lập sự hiệp nhất ở những cấp độ căn bản này. Kỷ luật là điều cần thiết. Sự bày tỏ tình cảm mang tính thể xác nên đơn giản và thỉnh thoảng hơn là kéo dài và thường xuyên. Nếu không, sự đính hôn, cụ thể là một sự đính ước lâu dài hơn, có thể dẫn đến sự cảm dỗ, sự thất vọng, và sự va chạm. Sự hài lòng được trì hoãn để xây dựng hướng về sự thỏa mãn tuyệt vời hơn và bắt đầu hôn trên nền tảng vững chắc không có những hối tiếc.

**Sự Phục Hồi Sau Khi Thất Bại.** Trong xã hội đầy dẫy tình dục của chúng ta, tỉ lệ thất bại liên tục tăng lên, thậm chí trong vòng những Cơ Đốc Nhân. Phải chăng không có hy vọng nào cho những người thất bại? Phải chăng món quà vinh hiển được chuẩn bị bởi Đức Chúa Trời dành cho tấm lòng trong sạch mãi mãi là điều không thể với tới?

Dù tiền công của tội lỗi là sự chết, và sự hủy diệt của mọi vật đã sẵn sàng, nhưng sự ban cho của Đức Chúa Trời là sự sống. Sự tha thứ và ân điển là những loại thuốc giải độc tuyệt vời dành cho người ăn năn thật, và sự chữa lành xảy ra ngay tức thì.

Tuy nhiên kinh nghiệm không thể nào dỡ bỏ được. Một người không bao giờ có hai lần kinh nghiệm lần đầu tiên. Và nếu kinh nghiệm đầu tiên bị méo mó về mặt đạo đức, thì sự vinh quang tinh khôi mà Đức Chúa Trời dành cho sự nếm trải đầu tiên sẽ không bao giờ được kinh nghiệm. Nếu kinh nghiệm đầu tiên là tội lỗi và *đã là* một kinh nghiệm hạnh phúc, thì nan đề có thể trở nên lớn hơn, vì những ký ức là điều khó mà *xóa bỏ*, và cái bóng của nó sẽ còn kéo dài đến tương lai. “Con chim có chiếc cánh gãy có thể bay lại, nhưng sẽ không bay cao được nữa.”

Một số người bức tức với khái niệm này, nhưng nó là một lẽ thật cơ bản từ Kinh Thánh. Trong cõi đời đời hậu quả tội lỗi hoàn toàn được che phủ bởi sự chuộc tội, nhưng một

số hậu quả của tội lỗi vẫn còn nán lại trên cõi đời này. Người say sưa bị cụt tay trong tình trạng say sưa của mình sẽ sống trong tình trạng đó suốt cuộc đời mình. Cha mẹ ích kỷ làm cho con cái xa lánh trước khi đến với Chúa có thể phải chịu cảnh cô đơn trong lúc tuổi già. Đối với tội lỗi về tình dục cũng vậy: không nghi ngờ gì sự thỏa mãn tiềm năng sẽ bị giảm đi.

Sự tha thứ là thật và sự chết cũng có thật. Cho nên một người thất bại phải tiếp nhận với lòng biết ơn và bắt đầu xây dựng lại một tâm trí trong sạch và một ý muốn xứng đáng. Nếu có thời gian cho sự trưởng thành, Đức Chúa Trời trong ân điển Ngài có thể xóa đi nhiều ký ức và cung cấp một mối quan hệ thỏa lòng trong hôn nhân.

Chúng ta có cần phải làm gì cho quá khứ không? Người đã từng thất bại cần phải có trách nhiệm nào đó đối với người bạn đời tương lai của mình không? Vì sự cởi mở là yêu cầu căn bản cho hôn nhân lành mạnh và sự giấu kín nuôi dưỡng sự nghi ngờ có thể làm cho thực tế trở nên tệ hơn, tôi đề nghị rằng sự thắc mắc về quá khứ nên được giải quyết trước khi đính hôn. Người đã từng quan hệ tình dục trước đây cần phải hỏi hai câu hỏi này: Người bạn tôi có muốn kết hôn với tôi không nếu anh ta/cô ta biết quá khứ của tôi? Tôi có thể sống một cách cởi mở với cảm giác an toàn và sự thành thật không nếu anh ta/cô ta không biết? Đối với câu trả lời cho câu hỏi đầu tiên, theo tôi không có gì khác hơn là cứ hỏi một cách chân thành, “Anh/em có muốn biết về quá khứ của tôi không? Liệu nó có tạo ra sự khác biệt gì chẳng?” Vì, với ước muốn lãng mạng trong lòng, một người có thể không thành thực với chính mình; mặc cho người mà anh ta muốn kết hôn, câu trả lời tức khắc có thể không phải là bằng chứng đầy đủ cho những cảm xúc thật của anh ta.

Nếu người đó dường như cần những thông tin như thế, chúng ta có thể khuyên trình bày chỉ những sự kiện chung chung nhất: “Trước khi tôi quen biết anh/em, tôi đã phạm tội quan hệ tình dục với người khác. Tôi thật sự xin lỗi và hy vọng anh/em sẽ tha thứ cho tôi.” Thêm những chi tiết sâu hơn nữa có lẽ là không khôn ngoan, nhưng nếu được yêu cầu, hãy tiếp tục trình bày những điều thật cần thiết để làm thỏa mãn người mình yêu rằng tất cả chỉ là quá khứ, mối quan hệ trước đây không còn nữa, và Đức Chúa Trời công bố rằng đừng bao giờ bội tín nữa. Nếu người đó thật sự không muốn biết, tôi sẽ không nói thêm nữa. Xin Chúa đỡ để bạn khi bạn cảm thấy cần phải chia sẻ điều gì đó. Những tội về tình dục nhẹ hơn tội tà dâm nên được giữ kín trừ khi được yêu cầu một cách đặc biệt.

Dù Kinh Thánh không trực tiếp đề cập đến vấn đề này, nhưng nó nói đến sự bồi thường và sự phục hồi. Theo bản chất của vấn đề, không có sự bồi thường nào có thể được thực hiện cho người bạn đời trong tương lai cho sự vi phạm tình dục trong quá khứ, nhưng sự hiểu biết đầy trọn và sự tin cậy lẫn nhau có thể tăng lên nhờ vào phương cách đã được phát họa ở trên. Mỗi nguy hiểm trong việc bỏ qua vấn đề trước hôn nhân đó là vấn đề đó có thể trở

nên vấn đề. Tội lỗi luôn đem lại những hậu quả hủy phá. Nhưng ít nữa đôi nam nữ có thể giải quyết với sự hiểu biết chứ không phải sự không biết, và có thể không có sự buộc tội lừa dối. Nếu sự tha thứ trọn vẹn là điều không thể, thì chứng bệnh trầm trọng hơn cả sự vi phạm tình dục đang biểu hiện và cần phải được giải quyết.

## ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI

Ước muốn tình dục hướng về người cùng giới và sự bày tỏ ước muốn trong hoạt động tình dục được biết đến trong hầu hết các xã hội xuyên suốt lịch sử. Trong thế giới phương Tây kỷ nguyên Cơ Đốc, hoạt động tình dục đồng tính ở ngoài vòng pháp luật. Sự việc bắt đầu thay đổi khi Quốc Hội Anh hợp pháp hóa quan hệ tình dục đồng tính vào năm 1967. Kéo theo sự kiện này, phong trào quyền tình dục đồng tính nam trở nên công khai, chĩa mũi nhọn vào thái độ chống đối của dư luận hướng về hành vi tình dục đồng tính. Về mặt lịch sử, đồng tính luyến ái bị cho là tội lỗi và vô đạo đức, sau đó là bệnh tâm lý (hệ quả của sự dẫn dắt của Freud), tiếp đến là một giải pháp thay thế bình thường (cũng giống như việc thuận tay trái), và cuối cùng được biện hộ bởi một số người như là lối sống được ưa chuộng hơn nhằm cung cấp mối quan hệ yêu thương cao cả nhất (đồng tính nữ) và là phương tiện tốt nhất để hạn chế dân số (tình dục đồng tính nam).

Khoảng 2 phần trăm dân số Mỹ được cho là có khuynh hướng đồng tính luyến ái. Số lượng đồng tính nam nhiều hơn gấp đôi đồng tính nữ.<sup>45</sup> Hầu hết các nhà cầm quyền nghi ngờ về ý kiến rằng tỉ lệ này đang thay đổi một cách đáng kể, dù thay đổi thái độ quần chúng và luật pháp. Cuốn *Hành Vi Tình Dục Trong Vòng Nam Giới* (1948) của Alfred Kinsey là một công trình nghiên cứu về phong trào đồng tính luyến ái. Kinsey công bố rằng có một tỉ lệ lớn trong vòng nam giới (25 phần trăm), dù không hoàn toàn đồng tính luyến ái, tuy nhiên có những ước muốn tình dục cùng giới (song tính luyến ái), dù họ có thể không nhất thiết hành động theo những ước muốn đó.<sup>46</sup>

---

<sup>45</sup> Family Research Council (Information handout no. 30, 5/92) trích dẫn công trình nghiên cứu tháng 6/1991 của National Opinion Research Center, được gây quỹ bởi National Science Foundation, rằng "hai phần trăm" trong số người trưởng thành còn năng động trong vấn đề tình dục được cho là đồng tính luyến ái hoặc song tính luyến ái trước khi cuộc khảo sát [1989] được thực hiện. National Center for Health Statistics of the Centers for Disease Control cũng cho rằng số lượng đồng tính luyến ái khoảng 1,5 phần trăm bao gồm "đàn ông quan hệ tình dục với người đàn ông khác từ năm 1977, dù chỉ một lần" (in "Advance Data," nos. 193, 195, 198, p. 11 in all three documents).

<sup>46</sup> Sự nghiên cứu của Kinsey bị chỉ trích và nghi ngờ. Những nghiên cứu sau đó không xác nhận những kết luận của ông ta. Hơn nữa, phương pháp nghiên cứu của ông ta không đáng tin cậy. Hai mươi lăm phần trăm mẫu nghiên cứu của ông ta là những tội phạm, nhiều người trong số họ phạm tội tình dục. Có một tỉ lệ lớn trong mẫu khảo sát của ông ta là những điểm nam. Để biết thêm về sự chỉ trích về báo cáo của Kinsey và sự mô tả cách mà nó uốn nắn nhận thức người Mỹ về chính sách hướng về những người đồng tính, hãy xem Judith A Reisman and Edward W. Eichel, *Kinsey, Sex and Fraud: The Indoctrination of a People* (Lafayette, La.: Lochinvar Huntington, 1990).

Một công trình nghiên cứu được xuất bản năm 1994 xua đàn những hoang tưởng được tạo ra bởi báo cáo nghiên cứu đầy nghi ngờ của Kinsey và được duy trì bởi những nhà hoạt động đồng tính luyến ái và phương tiện truyền thông. Công trình nghiên cứu đáng tin cậy về những thái độ và sự thực hành tình dục tại Mỹ kết luận rằng 2,8 phần trăm nam giới và 1,4 phần trăm nữ giới là những người đồng tính luyến ái hoặc song tính luyến ái (*The Social Organization of Sexuality*, University of Chicago Press, 1994).

Ý tưởng rằng, dù giới đồng tính chiếm ít hơn 2 phần trăm dân số, có một tỉ lệ rất lớn những người có ước muốn tình dục hướng về cả hai giới nam và nữ, và thực tế, họ đã quan hệ tình dục với cả hai giới một số lần trong đời của họ. Đặc điểm “song giới luyến ái” này thường được hô hào là sự đáp ứng tình dục bình thường và tự nhiên. Giống như xã hội Hy Lạp cổ đại, kéo theo sự dạy dỗ của Socrates, Plato, và Aristotle, lý tưởng hóa tình yêu đồng giới, cộng đồng đồng tính nam nửa sau của thế kỷ hai mươi thúc giục sự quay về với “Sự Khai Sáng” Hy Lạp trong những vấn đề về tình dục.

Đối với câu hỏi về song tính luyến ái, nhà tâm lý học hàng đầu Ernest Van den Haag nói rằng,

Tôi có một số nghi ngờ về sự hiện hữu của “song tính luyến ái.” Nếu ngôn từ ngụ ý điều gì đó hơn tình trạng con người – rằng chúng ta có khả năng hành động tình dục với bất kể giới nào, trong những trường hợp thích hợp – đó là, nếu “song tính luyến ái” có nghĩa là khuynh hướng hướng về bất kỳ giới nào cũng như nhau, đơn giản tôi chưa bao giờ nhìn thấy điều đó. Người ta phát triển sự ưa thích hướng về giới này hoặc giới kia... Thật là tầm thường và không thích đáng để nói rằng hoạt động tình dục với bất kỳ giới nào đều có thể được đối với tất cả mọi người.<sup>47</sup>

Nhưng tại sao người ta thích đồng tính luyến ái?

Xuyên suốt lịch sử Hội thánh điều này được cho là kết quả của sự lựa chọn bướng bỉnh, đòi bại và tội lỗi. Nhưng với sự dấy lên của tâm lý học trong thế kỷ vừa rồi, khuynh hướng đồng tính luyến ái được cho là trung dung về mặt đạo đức, nhưng là một tình trạng bệnh hoạn vốn là kết quả của sự điều chỉnh lỗi được thừa hưởng (Freud). Nhen nhúm một chút tiềm năng cho sự thay đổi khuynh hướng tình dục.

Quan điểm phổ biến của các chuyên gia y tế và tâm lý học vào những năm 70 và 80 quy gán tình trạng bệnh hoạn này là bởi điều kiện môi trường. Quan điểm được chấp nhận rộng rãi nhất đó là người mẹ độc đoán hoặc quan tâm quá mức và người cha thù địch và xa cách làm nghiêng lệch sự nhận thức về vai trò giới tính trong lứa trẻ lúc còn thơ ấu. Điều

---

<sup>47</sup> Ernest Van den Haag, *The Humanist*, July/August 1973, 16.



kiện gia đình nghèo nàn tạo nên những thái độ tiêu cực hướng về người khác giới và gây ra sự nhận thức giới hạn về giới tính. Tuy nhiên, gần đây đồng tính luyến ái được nhìn một cách chính xác hơn trên phương diện chính trị như là một “thực tế của đời sống” mang tính sinh học. Khuynh hướng tình dục của riêng của mỗi người để khám phá, để công bố, và để bày tỏ. Quan điểm phổ biến là rõ ràng – cố gắng thay đổi khuynh hướng đồng tính luyến ái là điều vô ích; khi điều đó có vẻ như thành công, nó thật sự nguy hại. Không phải tất cả mọi người đều đồng ý.

George Rekers, giáo sư về tâm thần học và khoa học hành vi tại trường Đại Học Y Khoa Nam Carolina, đã trích dẫn bằng chứng thống kê để cho thấy tại sao ông ta lạc quan rằng những người đồng tính luyến ái có thể được giúp đỡ. Ông giải thích:

Có hai cách để đánh giá sự nghiên cứu về việc chữa trị những người đồng tính luyến ái. Nếu chúng ta xem những phong trào quan trọng hướng đến sự điều chỉnh quan hệ tình dục khác giới như một sự thành công, sự nghiên cứu về sự chữa trị bệnh đồng tính luyến ái cho thấy rằng, trung bình khoảng 50 đến 75 phần trăm những người được chữa trị được cải thiện (tỉ lệ cải thiện được báo cáo thay đổi từ 30 phần trăm đến 100 phần trăm). Nếu một người sử dụng những tiêu chuẩn nghiêm ngặt, những tiêu chuẩn đòi hỏi một người phải trở nên hoàn toàn có khuynh hướng và hành vi tình dục khác giới sau khi chữa trị, kết quả của sự nghiên cứu cho thấy khoảng 6 phần trăm đến 40 phần trăm thành công.”<sup>48</sup>

Joseph Nicolosi, giám đốc bệnh viện tâm lý Thomas Aquinas tại Encino, California, đã công bố sự thành công trong việc giúp những người đồng tính luyến ái là những người muốn thay đổi. Ông báo cáo rằng một đàn ông đồng tính đã kết hôn đã nói rằng “Trong nhiều năm tôi nghĩ tôi là người đồng tính nam. Cuối cùng tôi nhận ra rằng tôi không phải là một người đồng tính, nhưng là một người đàn ông bình thường có nan đề về đồng tính.”<sup>49</sup>

Nhà tâm lý học Lam Granberg chỉ ra rằng trị liệu pháp thành công vụ thuộc vào việc người đó có thực sự khao khát được thay đổi hay không.<sup>50</sup> Có thể nói thêm rằng sự thay đổi căn bản chỉ xảy ra khi anh ta tin rằng anh ta có thể thay đổi.

Những giả định có vai trò rất quan trọng trong việc tạo nên những kết quả. Một người tin rằng đồng tính luyến ái là tình trạng bình thường và lành mạnh sẽ không tìm kiếm “sự chữa lành”; một người tin rằng đó không phải là tội lỗi, nhưng là món quà của Đức Chúa Trời, sẽ không cần sự thay đổi; một người cho rằng sự thay đổi là điều không thể, sẽ không cố gắng thay đổi, nếu anh ta tin như vậy, anh ta sẽ không mong đợi sẽ đạt được sự thay đổi

---

<sup>48</sup> Geotte Rekers, *Growing Up Straight What Every Family Should Know about Homosexuality* (Chicago: Moody Press, 1982), 121. Cũng xem *Handbook e Childhood and Adolescent Sexual Problem*; ed. George A Bekaa (Boston: Lexington/Macmillan, 1994).

<sup>49</sup> Joseph Nicolosi, *Reparative Therapy of Male Homosexuality*, (Northvale, N.J.; Jason Aronson, 1991), 266.

<sup>50</sup> HIS (October 1963), 25

đó. Vì những lý do này, cộng đồng đồng tính luyến ái cứ cương quyết từ chối thừa nhận rằng đồng tính luyến ái có thể thay đổi.

Kết quả của hoạt động tình dục đồng tính là gì? Vì hầu hết các quan hệ đồng tính nam là bừa bãi (từ “những cuộc hôn nhân” biệt lập và ngắn ngủi đến sự kinh nghiệm điển hình về sự tiếp xúc tình dục với nhiều người khác nhau trong một năm, đến vài người công bố rằng họ có hơn một ngàn cuộc tiếp xúc trong một năm), những bệnh về tình dục phổ biến hơn nhiều so với những người quan hệ khác giới. Có những bệnh tật đặc biệt liên quan đến cộng đồng đồng tính nam: Si-đa, và viêm gan A và B. Thêm nữa, có những bệnh tật là kết quả của sự hư hoại đường hậu môn và sự nhiễm trùng bởi tinh dịch, chất thải, hoặc máu mang mầm bệnh khi được nuốt vào hoặc hấp thụ qua những chỗ tổn thương trên da. Sự hư hoại tinh thần có lẽ còn lớn hơn sự hư hoại thể xác.

Có phải gay là những người đồng tính luyến ái? Hoặc có phải “gay” là một nỗ lực nhằm che đậy sự hư hỏng tinh thần? Năm 1973 Hiệp Hội Tâm Thần Học Mỹ cúi đầu trước áp lực chính trị của gay/lesbian đã loại bỏ đồng tính luyến ái ra khỏi danh sách những chứng rối loạn tâm thần, nhưng đồng tính luyến ái vẫn được quan tâm một cách rộng rãi trong vòng các nhà tâm thần học như là một chứng rối loạn trong quá trình phát triển. “Mười tám phần trăm dân đồng tính nam da trắng được báo cáo là có ít nhất một lần cố gắng tự tử; trong khi con số trong vòng những người nam da trắng bình thường là 3 phần trăm.”<sup>51</sup>

Sự thay đổi thái độ đối với hành vi tình dục đồng tính trong bối cảnh của xã hội tương đối hóa một cách nhanh chóng tất cả những tiêu chuẩn đạo đức và cụ thể là những tiêu chuẩn về tình dục. Thật không có gì ngạc nhiên khi thấy văn chương thiên vị đồng tính luyến ái ngày càng xem nhẹ gia đình hạt nhân, khi biện hộ cho loạn luân, tình dục với thú vật, cùng tất cả những dạng hành vi tình dục phi truyền thống như là vấn đề sở thích cá nhân không liên quan gì đến việc đúng hay sai. Lúc đầu sự biện hộ là nhằm để kêu gọi quyền tự do cho lứa tuổi cập kê miễn là không ai bị xâm hại. Bây giờ, quyền dụ dỗ trẻ em cũng được biện hộ ngày càng mạnh hơn. Nếu đứa trẻ “dễ bị xiêu lòng,” điều đó chứng tỏ rằng nó có khuynh hướng đồng tính luyến ái, và người dụ dỗ sẽ được cho là một nhà giáo dục, một nhà giải phóng đáng khen ngợi.

Đối nghịch lại với bối cảnh của sự thay đổi xã hội, Hội thánh phát biểu điều gì? Mãi cho đến giữa thế kỷ hai mươi, quan điểm của Hội thánh từ thời các giáo phụ đầu tiên đến Aquinas, Luther, Calvin, và những nhà thần học hiện đại như Karl Barth xem hành vi đồng tính luyến ái là một sự vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời.

---

<sup>51</sup> *Homosexuality: A Study of Diversity among Men and Women*, được trích bởi Samuel McCracken, "An Homosexuals Gay?" Commentary, January 1979.

Nhưng tại Anh, một nhóm người tùy tiện trong giới tăng lữ Anh Quốc Giáo và các bác sĩ đã làm ra một bản báo cáo vào năm 1954 đánh dấu một bước ngoặt mới, dẫn đến bản Báo Cáo Wolfenden và sự chỉnh sửa luật của nước Anh. Một thành viên trong nhóm này, D. Sherwin Bailey, đã xuất bản cuốn sách mà sau này trở nên công trình nghiên cứu nền tảng cho những phương pháp thần học cách tân, *Đồng Tính Luyến Ái và Truyền Thống Cơ Đốc Phương Tây*.<sup>52</sup> Vì sự nghiên cứu bởi những các tu sĩ, những bản báo cáo của giáo hội, và hành động của hội đồng giáo hội luôn luôn giữ để sánh kịp với những kẻ trong thế gian và đôi khi mở đường cho phong trào “giải phóng đồng tính nam.” Tại Mỹ, dù công trình nghiên cứu chính thức trong Liên Hiệp Trưởng Lão, Liên Hiệp Giám Lý, và các Hội thánh Công Giáo La Mã ủng hộ việc sự thừa nhận và phong chức cho những người thực hành đồng tính luyến ái, các hội đồng giáo hội riêng rẽ lại gạt bỏ những điều này. Liên Hiệp Hội thánh Đấng Christ không có sự hạn chế như thế và trở nên giáo phái đầu tiên phong chức cho người thực hành đồng tính luyến ái.

Sự thay đổi về những giá trị này không bị giới hạn trong những giáo phái được công nhận. Năm 1968, Troy Perry, một mục sư được phong chức xuất thân từ giáo phái Ngũ Tuần, một người Tin Lành tự xưng, đã rời bỏ gia đình mình để thành lập Hội thánh Cộng Đồng Metropolitan ở Los Angeles. Hội thánh này đã tạo sự cảm hứng cho sự thành lập của nhiều Hội thánh con.

Một nhóm người tự xưng là “Những Con Chiên Khác” đã xuất bản một cuốn sách nhỏ có tựa đề *Bạn Đã Từng Nghe Về “Định Luật” Thuộc Linh Thứ Năm Cho Những Người Đồng Tính Nam Và Đồng Tính Nữ Chưa?*<sup>53</sup> “Định Luật” đó tuyên bố rằng, “Khuyh hướng tình dục của bạn là một ân tứ đến từ Đức Chúa Trời.” Nó giải nghĩa sai và áp dụng sai lời tuyên bố của Phao-lô “mỗi người được Đức Chúa Trời ban cho ân tứ riêng; người ân tứ này, kẻ ân tứ khác.” Nó công bố rằng phân đoạn Kinh Thánh này ít nữa cũng có phần liên quan đến những người đồng tính luyến ái. Tuy nhiên, văn cảnh của phân đoạn này đề cập một cách rõ ràng về đời sống hôn nhân và độc thân.

Phát ngôn viên ăn nói lưu loát nhất của phong trào có lẽ là Ralph Blair, người khởi xướng và chủ tịch hội Evangelicals Concerned (EC). Trong một cuốn sách nhỏ có tựa đề *EC Là Gì?* câu trả lời cho câu hỏi, EC tin điều gì?

---

<sup>52</sup> D. Sherwin Bailey, *Homosexuality and the Western Christian Tradition* (New York: Longman, Green, 1955).

<sup>53</sup> Other Sheep, St. Louis, Mo., describes its mission a "Multicultural *Ministries* with Sexual Minorities." The pamphlet was published in 1993.

Chúng tôi tin rằng những người đồng tính nam Cơ Đốc là một phần của vương quốc Đức Chúa Trời và là những môn đồ chân thật của Đấng Christ... Về mặt giáo lý, chúng tôi là những người Tin Lành trong sự nhận thức lịch sử của việc tin những điều căn bản của Cơ Đốc Giáo là được mặc khải trong Lời Đức Chúa Trời. Một số người Tin Lành và những người thiên về ân tứ (Charismatic) nói rằng thật là phi Cơ Đốc và những người đồng tính luyến ái nên “được giải cứu” và nếu điều đó không hiệu quả, họ nên ngồi yên lặng và quên đi sự lãng mạng và tình dục trong suốt phần đời còn lại của họ. Người ta đang nuốt lấy thứ vớ vẩn này.<sup>54</sup>

Trước khi xem xét những phân đoạn Kinh Thánh đề cập đến vấn đề một cách trực tiếp, chúng ta nên nhớ lại những mục đích của Đức Chúa Trời trong việc tạo nên chúng ta có tính dục, trong cách nào đó là một sự phản chiếu bản chất của chính Ngài. Đức Chúa Trời đã lập nên hôn nhân dành riêng, lâu dài, một vợ một chồng như là cách duy nhất để đạt được sự hiệp một trọn vẹn giữa hai người, để ban con cái và gia đình, và để phản chiếu mối quan hệ của Đức Chúa Trời với nhân loại. Mặc dù một số nhà hoạt động đồng tính luyến ái có đủ can đảm để công bố rằng mục đích thứ nhất và mục đích thứ ba có thể được làm trọn trong mối quan hệ đồng tính một vợ một chồng, xuyên suốt Kinh Thánh nói về sự hiệp một giữa một người nam và một người nữ như là phương cách duy nhất để làm trọn những mục đích này. Khi Ngài thấy người nam ở một mình là không tốt, Ngài không tạo một người đàn ông khác. A-đam và Ê-va là sự sắp xếp của Đức Chúa Trời. Vì thế, trong khi một vài phân đoạn Kinh Thánh đối mặt trực tiếp với cách hành xử đồng tính luyến ái, lời dạy lan tỏa khắp Kinh Thánh lên án tất cả các mối quan hệ tình dục bên ngoài sự ràng buộc của hôn nhân khác giới tính.

Có một số học giả, đi theo sự dẫn dắt của D. Sherwin Bailey, dám chắc rằng Kinh Thánh yên lặng với vấn đề đồng tính luyến ái, tất cả những phân đoạn Kinh Thánh được cho là liên hệ đến các mối quan hệ đồng tính bị hiểu sai. Đây là quan điểm được xây dựng bởi một người tự xưng là đồng tính luyến ái, một giáo sư Đại Học Yale John Boswell trong một công trình nghiên cứu cật lực của ông ta về đề tài dưới cái nhìn thần học học tự do.<sup>55</sup> Tư tưởng của Bailey được sử dụng một cách tổng thể hoặc chỉ một phần bởi một số người công bố mình là người Tin Lành. Virginia R. Mollenkott và Letha Scazoni, chẳng hạn, đã gạt bỏ sự thích đáng của những phân đoạn Kinh Thánh theo cách hiểu truyền thống là đoán xét đồng tính luyến ái.<sup>56</sup> Những phân đoạn Kinh Thánh đó là gì?

“Đừng nằm với một người đàn ông như nằm với người đàn bà; đó là điều đáng ghê tởm” (Lê-vi ký 18:22).

---

<sup>54</sup> A pamphlet published by the Western Regional Fellowship of EC, *Sometimes a Bunch of Bakery Can Be Very Tempting*, n.d.

<sup>55</sup> John Boswell, *Christianity, Social Tolerance and Homosexuality* (Chicago: University of Chicago Press, 1980), 91-118.

<sup>56</sup> Virginia R. Mollenkott and Letha Scazoni, *Is the Homosexuality My Neighbor?* (New York: Harper and Row, 1978).

“Nếu một người đàn ông nằm với một người đàn ông khác như nằm với một người đàn bà thì cả hai đều phải bị xử tử, chúng đã làm một điều ghê tởm; máu của chúng sẽ đổ lại trên chúng” (Lê-vi ký 20:13).

Những phân đoạn Kinh Thánh này dường như đã rõ ràng đủ, dù theo cách giải nghĩa bóp méo những phân đoạn này bị giới hạn bởi một số người rằng chỉ liên quan đến việc cấm sự thờ phượng trong đền thờ với điểm nam.<sup>57</sup> Nan đề thật sự đối với những mạng lệnh này là bối cảnh của nó. Có phải những phân đoạn Kinh Thánh này được áp dụng vượt khỏi thích giả trực tiếp của chúng, những người ở dưới luật Môi-se? Câu trả lời cho câu hỏi này chắc chắn tùy thuộc vào điều mà phần còn lại của Kinh Thánh nói đến, hoặc kiềm chế không nói đến, vì có một vài mạng lệnh trong cùng các chương này chúng ta không còn xem là sự ràng buộc đạo đức nữa (những cấm đoán không được ăn một thức ăn nào đó, không được mặc quần áo là hỗn hợp sợi, hoặc không được quan hệ tình dục trong lúc kinh nguyệt). Chúng ta lại xem tầm vóc của những mạng lệnh này trong bối cảnh trực tiếp là những quy định đạo đức phổ quát (những mạng lệnh cấm loạn luân, tà dâm, quan hệ tình dục với thú vật, và dâm sinh tế trẻ em). Làm thế nào chúng ta có thể quyết định được? Nhờ vào những gì phần Kinh Thánh còn lại, đặc biệt thể Tân Ước dạy. Nếu những mạng lệnh này được xem có tính chất quy chuẩn ở những chỗ khác, thì rõ ràng chúng là sự tuyên bố mạnh mẽ về ý muốn của Đức Chúa Trời cho tất cả nhân loại thuộc tất cả các thời đại. Và kết quả của sự vi phạm được nói trước bởi Môi-se sẽ thật sự khủng khiếp – cho cả cá nhân lẫn xã hội dung túng loại tội lỗi này.

Phân đoạn Cựu Ước khác nói cho chúng ta biết tên khác của đồng tính luyến ái, tên truyền thống đã được dùng trong nhiều thế kỷ: thói giao hợp qua hậu môn.<sup>58</sup> Thật là một sự bí ẩn đối với tôi tại sao những người đề xướng và những người chống đối việc đồng tính luyến ái dành quá nhiều sức lực cố gắng chứng minh tội lỗi của những người đàn ông Sô-đôm là gì hoặc không phải là gì (Sáng 19; cũng xem Các Quan Xét 19:22-26). Cho rằng những người đàn ông đơn giản muốn gặp và xem thử những người khách của Lót là ai (“biết”), như Bailey và những người kế thừa của ông cố gắng chứng minh, đối với tôi như là một trò lố bịch, sự giải thích như thế không làm cho phân đoạn trở nên thích ứng hơn hoặc kém thích ứng hơn đối với câu hỏi có phải những dạng hoạt động tình dục đồng tính là hợp pháp hay không. Nếu đàn ông Sô-đôm dự định cưỡng hiếp kiểu đồng tính (điều dường như đã rõ ràng), và nếu điều này là cách đối đãi xử không hiếu khách đối với những người khách (điều gây tổn thương kinh khủng thời Kinh Thánh), nó không nói cho chúng ta điều gì một cách trực tiếp về việc

---

<sup>57</sup> Xem Boswell, *Christianity, Social Tolerance, and Homosexuality* và Fred L Pattison, *But Leviticus Say!* (Phoenix: Cristo Press, n.d.).

<sup>58</sup> *Đồng tính luyến ái (homosexual)* thực ra là một từ lai ghép vựng về mới đây từ tiếng Hy Lạp (*homo* có nghĩa là “giống nhau”) và tiếng La-tinh.

Đức Chúa Trời nhìn sự quan hệ tình dục đồng tính cách tình nguyện như thế nào. Sự cưỡng hiếp đó là kinh tởm đối với Đức Chúa Trời là tất cả những gì có thể rút ra từ phân đoạn Kinh Thánh này.

Những phân đoạn trước là phạm vi của dữ liệu Cựu Ước cho câu hỏi về hành vi tình dục đồng tính tình nguyện. Trong Tân Ước, có ba phân đoạn Kinh Thánh căn bản chung quanh điều đang tranh cãi, và không có phân đoạn nào thuộc các sách Phúc Âm. Vì Đấng Christ không trực tiếp đề cập đến vấn đề, một số người đồng tính nam biệt hộ rằng Ngài trung dung hoặc thích thú với vấn đề đồng tính. Nhưng sự tranh luận từ sự yên lặng chẳng nói lên điều gì. Có nhiều điều Đấng Christ không trực tiếp nói đến: tình dục với thú vật, điếm đi, loạn luân, hãm hiếp, thờ hình tượng, phân biệt chủng tộc v.v... Có phải điều này chứng tỏ rằng Ngài không lên án những tội lỗi đó không? Tất cả những điều đó rất phổ biến trong thế giới La-Ma. Không, chúng ta hãy xem những nguyên tắc mà Ngài đã dạy và thấy rằng Ngài khẳng định đi khẳng định lại bằng những từ ngữ mạnh mẽ và rõ ràng rằng hôn nhân bền lâu một vợ một chồng khác giới là ý muốn ban đầu và tiếp diễn của Đức Chúa Trời là bối cảnh hợp pháp duy nhất cho sự quan hệ tình dục.

Vậy cuối cùng chúng ta hãy đến với thư tín của Phao-lô để tìm lời tuyệt bỏ dứt khoát cho vấn đề. Trong thư tín Cô-rinh-tô (1 Cô-rinh-tô 6:9-10), Phao-lô liệt kê những tội lỗi *malakoi* và *arsenokoitai* là gồm ghiếc đối với Đức Chúa Trời, và trong thư tín Ti-mô-thê ông xác nhận *arsenokoitai* cùng một cách như vậy (1 Ti-mô-thê 1:8-10). Dù những nỗ lực mới đây bởi học thuật thiên vị đồng tính nam cố gắng đưa ra những nghĩa khác cho những từ này, điều cốt yếu của quan điểm mang tính học thuật này hoàn toàn đứng về phía xem từng từ trong những từ này liên quan đến những người nam đồng tính, có lẽ xác định vai trò chủ động và thụ động trong sự giao hợp đồng tính nam.

Nhưng phân đoạn được tất cả các học giả xem như là phần Kinh Thánh quan trọng là lời lên án những hoạt động đồng tính luyến ái đối với các Cơ Đốc Nhân tại Rô-ma (Rô-ma 1:26-27). Thay vì cố gắng phân tích tất cả những lý lẽ mới đây được viện dẫn để gạt bỏ hoặc giới hạn sự lên án nghiêm khắc của Phao-lô đối với đồng tính luyến ái, tôi sẽ đề cập đến những lý lẽ chính yếu: rằng Phao-lô chỉ có ý xem tình dục đồng tính bừa bãi, hoặc tình dục đồng tính nam bởi những người quan hệ tình dục lưỡng giới xấu xa là những người chỉ nên gắn bó với phụ nữ bởi vì họ có khả năng cho điều đó là tội lỗi, chứ không phải mối quan hệ yêu thương, chung thủy “một vợ một chồng” giữa hai người đồng giới.

Đối những người kết ước tin cậy vào sự linh cảm và uy quyền đầy trọn của Kinh Thánh, không có sự lựa chọn để cho rằng thư tín Phao-lô là sai bởi vì sự ngu dốt. Có phải ông chỉ nói đến sự ham muốn xấu xa tình dục khác giới thay vì tình dục cùng giới? Ông không

thể dốt nát về cả hai giới. Ông sống trong một xã hội đầy dẫy những hoạt động tình dục đồng tính đủ các loại. Thậm chí ông không cần phải đọc văn chương Hy Lạp nơi mà tình yêu đồng tính được chào mời như là lý tưởng (đặc biệt “tình yêu” của một người đàn ông dành cho một cậu bé), nghệ thuật và hình vẽ của thời đó là làm cho những hoạt động được thực hiện nơi riêng tư trở nên công khai. Ông sống vào thời điểm mà sự kế vị đều đặn của những hoàng đế La-mã khét tiếng là đồng tính luyến ái và dẫn xã hội vào trong những cuộc vui trác tán kinh tởm, sự hành hạ nô lệ và điếm nam. Chắc chắn Phao-lô biết rõ lý tưởng tình dục đồng tính của sự chung thủy yêu thương (“hôn nhân” rất phổ biến) và sự bừa bãi La-mã, và ông không biết – tất cả đều là sự ghê tởm đối với Đức Chúa Trời và kết cục suy đồi của việc từ chối sự hiểu biết Đức Chúa Trời và những phương cách của Ngài.

Người ta cho rằng Phao-lô nói đến điều “ngược với tự nhiên,” cho nên loại trừ những người hành động theo bản chất (tình dục đồng tính) tự nhiên của chính họ. Thực ra, ở đây Phao-lô không nói đến sự suy tàn từ mức độ tối tăm này đến mức độ tối tăm khác của một cá nhân nhiều như sự suy tàn của một xã hội; cho dù, dĩ nhiên, một cá nhân có thể đi theo cùng một cách. Khi ông đề cập đến những chủ đề khác, Phao-lô nhận diện trật tự tự nhiên của sự vật và nói rằng đồng tính luyến ái là tội vi phạm trật tự đó. Ông không nói đến sự vi phạm điều mà có lẽ trở nên bản chất riêng của một số cá nhân. Việc xác định một số mòng biển giao phối đồng tính với nhau hoặc việc dẫn chứng 2 phần trăm dân số hoàn toàn bị nghịch đảo giới không thể chứng minh rằng đó là trật tự tự nhiên của sự vật. Nó có thể là bằng chứng tốt cho điều ngược lại. Một sự lệch lạc đơn giản bởi vì sự hiện diện của nó không hề đáng đến sự cấu thành “tự nhiên.” Ở đây Phao-lô xem sự méo mó tình dục như là một bằng chứng rõ ràng về sự đòi bại của con người, cùng với những tội lỗi khác đi ngược lại với “bản chất” mà Đức Chúa Trời đã định. Một người có thể lý luận rằng Phao-lô sai lầm, nhưng thật sự khó để thuyết phục một người quan sát khách quan rằng Phao-lô nghĩ điều ngược lại. Ông đã dạy một cách rõ ràng rằng hành vi tình dục đồng tính là một kết quả của sự áp chế chân lý (Rô-ma 1:18), đổi chân lý để lấy sự dối trá (Rô-ma 1:25).

Nhưng điều xảy ra nếu “khuyh hướng” đồng tính luyến ái được chứng minh là do di truyền hoặc ảnh hưởng di truyền? Bằng chứng chưa được rõ ràng. Một số người đề xướng lối sống đồng tính luyến ái lý luận rằng nếu điều đó có thể giải thích được trên phương diện di truyền, thì chối bỏ nó hoặc áp chế nó là vi phạm nhân dạng của con người. Tiếc thay, một số Cơ Đốc Nhân cánh Phúc Âm chống cự lại quan điểm cho rằng sinh học có thể là một yếu tố đóng góp vào khuyh hướng đồng tính luyến ái, ngầm chấp nhận giả thuyết rằng khuyh hướng cung ứng sự hợp pháp. Nhưng lập luận của nhiều nhóm ủng hộ đồng tính luyến ái bị rạn nứt. Khuyh hướng sinh học hướng đến sự nghiện rượu không thể hợp thức hóa hành vi

của người nghiện rượu. Hoóc môn sinh dục nam ở mức độ cao không thể biện minh cho hành vi cưỡng hiếp. Một trong bốn yếu tố ảnh hưởng đến đời sống là sự di truyền. Nhưng vì Sự Sa Ngã con người đã thừa hưởng một bộ gen hư hỏng. “Xác thật” (nói đến khuynh hướng tội lỗi tất cả mọi người trong A-đam) đang hoạt động trong mỗi người. Dù không phải ai cũng có cái nhìn giống nhau, chúng ta có một khuynh hướng riêng hướng về tội lỗi. Một số người có thể bị cám dỗ để phạm tội đồng tính luyến ái. Sinh học có thể đóng góp một phần. Tuy nhiên, con người có trách nhiệm hiểu luật lệ của Đức Chúa Trời, vâng theo mạng lệnh của Ngài, và kháng cự lại sự ảnh hưởng bởi sự quyết định mang tính sinh học và cá tính. Mỗi người có những sự lựa chọn liên quan đến cách nhìn và hành vi tình dục tạo nên chính con người anh ta hoặc cô ta.

Lời biện hộ cho mối quan hệ đồng tính một-một bởi Blair và những người khác trong phái Evangelicals Concerned là bờ lẽ cho phong trào đồng tính nam trong vòng Hội thánh cũng như bên ngoài Hội thánh.<sup>59</sup> Đúng hơn, hầu hết các nhà vận động cho đồng tính nam tranh luận rằng sự bày tỏ tình dục không nên bị từ chối, dù cho anh ta hay cô ta là đồng tính, lưỡng giới, khác giới, kết hôn, hay độc thân. Nói một cách khác, Đức Chúa Trời đã dựng nên chúng ta là con người tình dục, và Ngài không mong đợi chúng ta sống một cuộc đời độc thân. Và thêm nữa, rất ít người có khả năng và sống một cuộc đời như thế. Hãy xem xét lời của giáo sư Walter Wink.

Dường như đối với tôi, tâm điểm của vấn đề đơn giản là Kinh Thánh không nói về đạo đức tình dục. Không hề có đạo đức tình dục Kinh Thánh. Kinh Thánh chỉ biết đến đạo đức tình yêu, điều thường được đem quy gán cho những tập tục tình dục thống lĩnh trong một quốc gia, hoặc một nền văn hóa, hoặc một giai đoạn nào đó.

Kinh Thánh cho rằng đồng tính luyến ái rõ ràng là tội lỗi, và cho dù điều đó được tuyên bố ba lần hay ba nghìn lần cũng không làm chao đảo vấn đề. Giống như một số người trong chúng ta lớn lên “biết” rằng đồng tính luyến ái là tội lỗi không thể diễn tả được, dù không có ai từng nói về nó, cho nên cả Kinh Thánh “biết” điều đó là sai.

Tôi tự do đồng ý tất cả những điều đó. Vấn đề đúng là có phải sự phán xét mang tính Kinh Thánh đó có đúng không.<sup>60</sup>

Vị giáo sư khoa nghi nghĩa Kinh Thánh của Viện Thần Học Auburn, thành phố New York này đã xác định vấn đề một cách rõ ràng: thẩm quyền Kinh Thánh. Chừng nào Kinh Thánh được quan tâm, tất cả các dạng ăn ở đồng tính luyến ái đều là dạng vô đạo đức đáng

---

<sup>59</sup> Cũng hãy xem *The Other Side*, June 1978.

<sup>60</sup> Walter Wink, "Biblical Perspectives on Homosexuality," *The Christian Century*, 7 November 1979, 1083, 1085.



ghê tởm. Mỗi thời đại Tân Ước trừng trị sự tà dâm (porneia) không cần sự áp dụng một cách cụ thể cho một dạng vô luân cụ thể, nó lên án tất cả các dạng quan hệ đồng tính hoặc khác tính ngoài hôn nhân của người nam và người nữ.

Vậy, Hội thánh nên có thái độ như thế nào đối với người đồng tính luyến ái? Trước hết, chúng ta phải nhìn nhận sự khác biệt giữa khuynh hướng đồng tính luyến ái một mặt và ham muốn và hành vi tình dục đồng tính luyến ái là mặt khác. Kinh Thánh tuyệt đối cấm ham muốn và hoạt động tình dục đồng tính nhưng lại yên lặng đối với câu hỏi về khuynh hướng tình dục.

Đối với người bình thường Kinh Thánh nói rằng: Chớ có ước muốn tình dục với người khác giới không phải là người mà mình kết hôn. Đối với người lưỡng giới, Kinh Thánh nói rằng: Chớ có ước muốn tình dục với ai ngoại trừ người khác giới mà người kết hôn. Đối với người đồng tính luyến ái, Kinh Thánh nói cùng một điều: Chớ có ước muốn tình dục với bất cứ ai ngoại trừ người khác giới mà người kết hôn. Nói một cách khác, hầu như tất cả nhân loại có những động lực tình dục mạnh mẽ mà theo Kinh Thánh chỉ được thỏa mãn một cách hợp lý trong hôn nhân khác giới. Những người đồng tính luyến ái nản lòng cũng không phải chịu bực dọc nhiều hơn những người tình dục khác giới độc thân. Đối với cả hai, Đức Chúa Trời đều đưa ra sự đảm bảo về sự thỏa mãn hoặc qua hôn nhân hoặc bởi cuộc đua duy trì sự trong sạch dù độc thân.

Đối với những người thất bại thì sao? Đức Chúa Trời cung ứng sự tha thứ và chấp nhận, và chắc chắn Ngài làm như vậy với dân sự của Ngài. Hội thánh phải hoàn toàn chấp nhận tội nhân đồng tính luyến ái là người không biện hộ cho hành vi tội lỗi của mình nhưng xưng nó ra và tìm kiếm sự giải cứu từ Đức Chúa Trời. Hơn nữa, Hội thánh phải tích cực giúp cho người như thế để anh ta trở nên người Đức Chúa Trời muốn, người quan hệ tình dục khác giới, hoặc chế ngự khuynh hướng tình dục theo những hướng sáng tạo khác.

Một người đã sa ngã có thể thay đổi khuynh hướng tình dục của mình hoặc kiềm chế sự thèm khát tình dục của mình không? Có phải Hội thánh không nên thô bạo hoặc thiếu thực tế trong việc đòi hỏi người đó chọn lựa giữa việc chung thủy trong hôn nhân lâu bền với một người khác phái hoặc cứ ở độc thân không? Nếu sự cứu rỗi mà chúng ta cung ứng không bao gồm sự giải cứu khỏi tội lỗi này, làm sao chúng ta có thể mong đợi nó cung cấp sự giải cứu khỏi những khuynh hướng khác hoặc những động lực thúc đẩy do bản chất sa ngã của chúng ta? Cốt lõi của Phúc Âm là Đức Chúa Trời không chỉ tha thứ nhưng cũng cung cấp sự giải cứu khỏi tội lỗi.

Phao-lô biết rõ một số người đã được thay đổi khi ông nói rằng, “Trước đây anh em có đôi người như vậy. Nhưng trong danh Chúa là Đức Chúa Jê-sus Christ và trong Thánh Linh

của Đức Chúa Trời chúng ta, anh em đã được thanh tẩy, được thánh hóa và được xưng công chính (1 Cô-rinh-tô 6:11). Stanton Jones, trưởng khoa tâm lý trường Đại Học Wheaton, công bố rằng “mọi công trình nghiên cứu về sự chuyển đổi (từ quan hệ đồng tính sang khác tính) báo cáo tỉ lệ thành công từ 33 đến 60 phần trăm.”<sup>61</sup>

Tiến trình tâm lý trị liệu đòi hỏi một yếu tố rất lớn về sự giúp đỡ người nếm chịu hiểu rằng anh ta không phải là một nạn nhân của điều gì đó ngoài tầm mức của anh ta, nhưng hãy xem lại anh ta hoặc cô ta là ai trước mặt Đấng Christ và có những quyết định mới.<sup>62</sup> Những ước muốn của một người có thể thay đổi một cách đầy kịch tính. Sự quan sát của Tim Stafford, sau khi phỏng vấn tám người đã từng là những người đồng tính đã được thay đổi như là một kết quả của việc bước đi với Đấng Christ, có lẽ là sự tiêu biểu cho tiến trình chữa lành.

Họ không mô tả sự đảo ngược 180 độ ước muốn tình dục của họ một cách nhanh chóng; đúng hơn, họ mô tả sự đảo ngược một cách từ từ trong sự hiểu biết thuộc linh của họ về chính mình như là những người nam và người nữ trong mối quan hệ với Chúa. Họ nói rằng sự hiểu biết mới này đã giúp đỡ họ học lại những kiểu suy nghĩ và quan hệ méo mó. Họ trình bày chính mình như là những con người trong tiến trình, dù họ xác định rõ rằng tiến trình tiến triển rất tốt.<sup>63</sup>

Một số người sẽ tranh biện rằng hầu hết những sự chữa lành được báo cáo, nếu đúng như sự thật, là những người quan hệ lưỡng giới, không phải là những người đồng tính “thể chất,” riêng biệt, trong một thời gian dài. Dĩ nhiên, từ quan điểm của người chặn bầy, phần lớn những người bị dính vào mạng lưới hành vi đồng tính luyến ái, và đặc biệt phần lớn những người tìm kiếm sự giải phóng, là những người được cho là quan hệ lưỡng giới. Họ phải được tìm kiếm, chào đón và chữa lành. Nhưng, như chúng ta đã thấy trước đây, những người đồng tính thật sự thường thay đổi khuynh hướng tình dục của mình khi ước muốn thật sự của họ thay đổi. Ước muốn đó là điểm mấu chốt của sự ăn năn và sự giải cứu khỏi tội lỗi.

Kính Thánh nghịch lại với sự phong chức những người đồng tính bởi vì nó cấm việc phong chức những người đang sống trong tội lỗi và nó xem hành vi đồng tính luyến ái là tội lỗi gớm ghiếc. Những người đồng tính ăn năn, thay đổi có thể thực hành một cách cởi mở những ân tứ và sự kêu gọi của họ trong vòng Hội thánh. Nhưng một người như thế không

---

<sup>61</sup> Stanton L. Jones, "Homosexuality according to Science," *Christianity Today*, 18 August 1989, 29.

<sup>62</sup> Ruth Tiffany Ramhouse, "Homosexuality," *Anglican Theological Review*, June 1976.

<sup>63</sup> Tim Stafford, "Coming Out," *Christianity Today*, 18 August 1989, 21. Cũng hãy xem câu chuyện của Colin Cook, một người đã từng là người đồng tính mô tả sự chữa lành của mình nhờ ân điển của Đức Chúa Trời trong tạp chí "I Found Freedom," *Christianity Today*, 18 August 1989, 22-24.

được tham gia vào ban lãnh đạo của Hội thánh và cần chịu sự kỷ luật của Hội thánh bởi vì tội lỗi chưa được ăn năn.

Một câu hỏi còn lại: Cơ Đốc Nhân có nên tìm kiếm sự công nhận hợp pháp để hạn chế sự tự do của những người đồng tính luyến ái bằng mọi cách không? Nếu sở thích tình dục đơn giản là vấn đề cá nhân, những người đồng tính nên được ban cho sự tự do trọn vẹn như một nhóm người thiểu số hợp pháp. Nhưng nếu hành vi là vô luân, nó sẽ ảnh hưởng đến xã hội; những người khác phải chịu đựng hậu quả tội lỗi của một người. Và những ảnh hưởng xã hội của cách ăn ở đồng tính luyến ái là không giới hạn với những cái chết do bệnh tật truyền nhiễm qua đường máu của những người đồng tính mang bệnh Si-đa và những người chịu đựng bệnh viêm gan do ăn uống trong nhà hàng được phục vụ bởi người đầu bếp đồng tính. Không, kết cấu tổng thể của xã hội bị thay đổi khi những lầm lạc mang tính đạo đức được công nhận một cách chính thức như là một điều trung dung về mặt đạo đức.

Sự đấu tranh của tôi ấy là luật dân sự tìm cách làm luật đạo đức, và các Cơ Đốc Nhân nên đấu tranh cho các luật mà làm củng cố lý tưởng Kinh Thánh. Tuy nhiên, trong một xã hội dân chủ, sự làm luật mà không được chấp nhận bởi phần đông dân sự, hoặc thậm chí một dân tộc thiểu số có đông người, có thể làm hại hệ thống đạo đức nói chung, thêm động lực cho tình trạng vô luật pháp. Vì vậy, tôi xin kết luận rằng các Cơ Đốc Nhân nên hoạt động đòi hỏi sự cấm đoán cách ăn ở đồng tính luyến ái đến mức độ cộng đồng có thể được thuyết phục rằng sự cấm đoán đó là lợi ích tốt nhất cho xã hội. Chẳng hạn, dù một số tổ chức đồng tính nam hiện tại đang vận động xóa bỏ luật bảo vệ trẻ em tránh khỏi sự cám dỗ tình dục người lớn bởi việc giảm thấp tuổi kết hôn, xã hội rộng lớn có thể vẫn được thuyết phục để duy trì những cấm đoán hiện tại. Nếu cộng đồng muốn cấm cản nghề giáo hoặc quân đội khỏi việc thực hành đồng tính luyến ái, các Cơ Đốc Nhân nên đấu tranh để giới thiệu và gìn giữ sự cấm cản như thế. Mặt khác, rất khó để đòi hỏi phải có luật nhằm phục hồi sự trừng phạt nghiêm khắc với hoạt động đồng tính luyến ái. Đúng hơn, luật như thế có thể dẫn đến sự từ chối quy mô lớn trong việc thực thi nó, bởi đó tạo điều kiện cho tinh thần phi luật pháp. Do vậy, Cơ Đốc Nhân nên khôn ngoan kiềm chế đừng tìm kiếm sự xây dựng luật như thế trong thế giới phương Tây cuối thế kỷ hai mươi.

## NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

**Sự Loạn Luân.** Vì hôn nhân là bối cảnh hợp pháp cho hoạt động tình dục lãng mạn, tình dục giữa các thành viên trong gia đình không phải là vợ và chồng bị Đức Chúa Trời nghiêm cấm. Các cuộc hôn nhân giữa những người cùng huyết thống bị cấm một cách trực tiếp trong luật

của người Do Thái (Lê-vi Ký 18:6 trở đi). Sự loạn luân liên quan đến người cha và con cái cụ thể là sự phiền toái vì nó vi phạm huấn thị trực tiếp của Đức Chúa Trời dành cho người cha (Ê-phê-sô 6:4) và làm méo mó sự nhận thức của con cái về người Cha Thiên Thượng của chúng. Mức độ lạm dụng tình dục trong gia đình đang ở mức báo động. Khoảng 130.000 trường hợp lạm dụng tình dục trẻ em được báo cáo vào năm 1992. Hầu hết xảy ra trong gia đình. Một công trình nghiên cứu vào năm 1985 cho thấy rằng 27 phần trăm phụ nữ và 16 phần trăm nam giới có một lịch sử chịu đựng một số dạng lạm dụng tình dục.<sup>64</sup> Một số trường hợp loạn luân là kết quả từ niềm tin rằng vì tình dục không phải là vấn đề đạo đức, nên điều đó là thích hợp miễn là nó làm thỏa mãn. Tuy nhiên, hầu hết các trường hợp liên quan đến sự cưỡng bức và kiểm soát. Nó là một tội lỗi tàn ác, một bản cáo trạng cho Hội thánh nếu Cơ Đốc Nhân vi phạm vì ngày hôm nay, cũng như thời Tân Ước, nó là một hành động kinh tởm thậm chí đối với người không tin Chúa (1 Cô-rinh-tô 5:1-8).

**Giao Cấu Với Động Vật.** Nếu loạn luân là kết quả tự nhiên của cái nhìn thiếu suy xét cho rằng tình dục chỉ là vấn đề trung dung về mặt đạo đức, việc giao cấu với động vật càng được biện hộ và thực hành bởi cùng một sự phê chuẩn cộng thêm sự ủng hộ mang tính triết lý xem tình dục chủ yếu là vấn đề thể xác. Nếu tình dục ba chiều kích bị giảm thiểu còn một chiều kích, thể xác, thì sự thỏa mãn là mục tiêu chính của tình dục, tại sao không “vui vẻ” với một con vật? Khi sự kết hợp thể xác bị tách rời khỏi sự kết hợp thuộc linh và tình cảm, tình dục không thể cung ứng đúng như sự hứa hẹn của nó về một sự thỏa mãn và vui sướng vô tận và càng ngày càng tăng thêm. Vì vậy, nó cần được cường điệu bởi sự kích thích của những kinh nghiệm thể xác mới. Việc giao cấu với thú vật chỉ là một cấp độ trên vòng xoắn đi xuống làm giảm sự thỏa mãn và làm tăng sự hủy diệt. Kinh Thánh tuyệt đối lên án việc giao cấu với thú vật (Xuất 22:19; Lê-vi Ký 8:23; 20:15-16; Phục Truyền 27:21).

**Cưỡng Dâm.** Hai vấn đề liên quan đến sự cưỡng hiếp phụ nữ cần được đề cập: vai trò của phụ nữ và bản chất tội phạm.

Mặc dù phụ nữ thường mang mặc cảm tội lỗi sau khi bị cưỡng hiếp, và mặc dù các quan chức thi hành luật và sự đối xử ở phòng xử án thường làm tăng thêm cảm giác bị ô uế và tội lỗi, những nạn nhân của sự giao cấu cưỡng ép không có tội. Nếu cô ta có tội làm cho mình dễ bị tấn công bởi phô bày chính mình trước sự nguy hiểm một cách thiếu cẩn thận, cô ta vẫn không mắc tội gì khác ngoài sự đánh giá kém cỏi. Nếu cô ta cố tình cảm dỗ qua việc ăn mặc khiêu gợi hoặc lảng lơ rồi từ chối sự ve vãn của người đàn ông mà cô ta đã cho những tín hiệu giả, cô ta mắc tội cố ý cảm dỗ người khác phạm tội, nhưng cô ta vẫn không mắc tội tà

---

<sup>64</sup> Lấy từ bảng thông kê tháng 6 năm 1994 thực hiện bởi Trung Tâm Tài Nguyên Quốc Gia về Lạm Dụng Tình Dục Trẻ Em, Huntsville, Ala.

dâm hay ngoại tình. Sự vô tội đó cũng có thể áp dụng cho nạn nhân bị cưỡng hiếp đồng tính và trẻ em bị lạm dụng tình dục bởi những thành viên trong gia đình.

Hội thánh có trách nhiệm giúp đỡ những nạn nhân bị tấn công tình dục trải qua sự khủng hoảng trầm trọng và tiến trình chữa lành đau đớn và chậm chạp. Thường thì nạn nhân bị đối xử như kẻ tội phạm, không chỉ bởi cảnh sát và luật sư bào chữa, nhưng còn bởi gia đình Hội thánh. Điều đó xảy ra như thể cô ta đã phạm tội lần này đến lần khác. Những tội lỗi nghịch cùng nạn nhân cưỡng hiếp cần phải được dừng lại.

Một sự chuyển đổi lớn trong quan điểm học giả và trong sự nhận thức quần chúng về cưỡng dâm đang diễn ra. Sự hiểu biết truyền thông cho rằng cưỡng dâm chính yếu là sự đáp ứng nồng nhiệt của một người đàn ông đối tình dục đang bị thách thức. Một cuốn sách quan trọng nói về đề tài này đang ảnh hưởng cách suy nghĩ của những người nghiên cứu về vấn đề này, những người đương đầu với vấn đề, và phong trào nữ giới.

Tất cả những quan điểm này chia sẻ cùng một sự nhận thức sai lầm: tất cả trong số họ suy đoán rằng hành vi của người thực hiện cưỡng dâm bị thúc đẩy chính yếu bởi ước muốn tình dục và sự cưỡng dâm đó nhằm làm thỏa mãn nhu cầu tình dục của anh ta. Hoàn toàn trái lại, sự nghiên cứu cẩn thận về những người thực hiện cưỡng dâm cho thấy rằng cưỡng dâm thực tế chủ yếu phục vụ cho những nhu cầu phi tình dục. Nó là sự biểu lộ tình dục của quyền lực và sự giận dữ.

Cưỡng dâm không bao giờ đơn giản là kết quả của sự khiêu gợi tình dục mà không có cơ hội nào khác để thỏa mãn. Thực ra, một phần ba trong số những người thực hiện cưỡng dâm mà chúng tôi đang nghiên cứu đã kết hôn và quan hệ tình dục một cách tích cực với vợ của mình tại thời điểm tấn công... Trong vòng những người thực hiện cưỡng dâm không kết hôn (những người còn độc thân, ly thân hoặc ly dị), phần lớn đang tham gia một cách tích cực trong mối quan hệ tình dục cập kê với những người khác vào thời điểm tấn công.<sup>65</sup>

Sự nghiên cứu về cưỡng dâm và bài viết mang tính khoa học về đề tài này còn giới hạn. Thực ra, Groth than vãn rằng các nhà tâm lý học và các nhà tâm thần học không xem cưỡng dâm là một bệnh lý. Sự biểu hiện bệnh là gì? Loại bệnh gì người đàn ông mắc phải khi tấn công tình dục người phụ nữ, trẻ em, và người đàn ông khác?

Một số người đàn ông, là những người bình thường sẽ không bao giờ phạm tội tấn công tình dục, phạm tội cưỡng dâm trong những tình huống đặc biệt, chẳng hạn như trong lúc chiến tranh, nhưng khả

---

<sup>65</sup> Nicholas Groth, *Rape: The Psychology of the Offender* (New York: Plenum Press, 1979), 5.

năng trở nên một người phạm tội cưỡng dâm lặp đi lặp lại của người đó rất chậm. Tuy nhiên, đối với những người đàn ông khác, là những người nhận thấy thật khó để đáp ứng những nhu cầu bình thường của cuộc sống, và những căng thẳng mà tất cả chúng ta học để chịu đựng trở nên không thể chịu đựng được nữa đối với những cá nhân này. Mức độ họ nhận thấy những nhu cầu trong cuộc sống là điều bực bội, cùng với sự bất lực của họ trong việc chịu đựng sự bực bội đó và sự nương dựa của họ vào tình dục như là phương cách để họ giải quyết cảnh khốn cùng của họ, khiến cho khả năng trở thành một người phạm tội lặp lại của họ đạt đến mức độ cao.<sup>66</sup>

Dữ liệu trong luận án của Groth được đặt trên nền tảng nghiên cứu riêng biệt về những người phạm tội lặp đi lặp lại. Thật khó có thể bác bỏ những dữ kiện ấn tượng được thu thập bởi Groth khi chứng minh điều đó, trong những người phạm tội lặp đi lặp lại, những người bị bắt và buộc tội, động cơ tình dục chắc chắn không phải là động cơ duy nhất. Dù nhiều nhà tranh đấu nhiệt tình cho phong trào nữ giới cho rằng tội phạm chỉ là một hành động bạo lực và không phải hành động tình dục, Groth không nói như vậy. Ông đã làm nên cho tất cả chúng ta một ân huệ tuyệt vời qua việc làm mất đi sự hoang tưởng của chúng ta trong sự hiểu biết về tội lỗi phức tạp, nhiều khía cạnh liên quan. Nhưng quan điểm phổ biến dường như đang thay đổi vượt quá Groth khi làm hoạn tội phạm đó. Kết quả là gì?

Cho rằng tấn công tình dục là kết quả của sự bệnh hoạn hoặc sự rối loạn tâm trí là áp dụng cho sự cưỡng dâm điều mà cùng lý thuyết đó áp dụng cho những tội phạm khác hoặc cho những tội lỗi chẳng hạn như sự say rượu. Một người bệnh hoạn ít chịu trách nhiệm về đạo đức. Thực ra, xã hội chủ yếu là người phạm tội. Hơn nữa, quần chúng có thể nguôi đi, đảm bảo rằng chỉ một lần ranh của sự loạn trí trong vòng chúng ta là chiều hướng cho hành vi bệnh hoạn như thế, và vì tất cả những hành động tình dục được xem là trung dung về mặt đạo đức, sự tấn công tình dục như vậy không nên dành được nhiều quan tâm của chúng ta giống như bạo lực và sự áp đặt quyền lực lên sự tự quyết độc lập của phụ nữ. Một số người muốn chúng ta tin rằng tranh ảnh khiêu dâm không phải cách thúc đẩy sự tấn công tình dục, và không có người đàn ông bình thường nào cần phải sợ rằng sự tưởng tượng che giấu trong tâm trí của anh ta có thể bùng nổ ra, mặc cho vấn đề sự kích lệ của hoàn cảnh là gì. Anh ta có thể nuôi dưỡng nó, không cần phải kiềm chế nó.

Phương pháp mới có khuynh hướng tăng sức cho ý tưởng rằng dù bạo lực (hầu như) luôn luôn sai, tình dục (hầu như) luôn luôn đúng. Bởi vì sự nhất trí mới về sự cưỡng dâm, chúng ta đi đến chỗ xem tội phạm tình dục ít ghê tởm. Có lẽ như là kết quả của điều này, việc bắt và buộc tội những người vi phạm trở nên khó khăn hơn, và sự trừng phạt dần dần trở nên nhẹ đi.

---

<sup>66</sup> Sách đã dẫn, 7.

Thật khó để tin rằng thậm chí vào những năm của thập kỷ năm mươi có những người đàn ông đã bị tử hình vì tội cưỡng dâm.

Đối với điều này chúng ta cần phải đáp trả rằng chính tranh ảnh khiêu dâm là một dạng tấn công tình dục, trong cách đó một con người bình thường có thể nhận được khoái lạc tình dục mà không cần sự ưng thuận của đối tượng khao khát của anh ta, được đặt để cho những chiều hướng hoàn cảnh đúng, và vì vậy, anh ta cần phải cúi đầu trước tiêu chuẩn Kinh Thánh về sự trong sạch và nương dựa vào Chúa để được giải cứu. Chúng ta cần phải khơi dậy lại sự ghê rợn đối với tội phạm bạo lực và tình dục kinh tởm này. Nói một cách khác, nan đề gốc rễ không phải là vấn đề xã hội, y học, hay giáo dục, mà là vấn đề thuộc linh.

Quan điểm Kinh Thánh đối với bạo lực, cưỡng dâm, và tội lỗi tình dục nghịch lại người khác đã rõ đủ. Nhưng có một bằng chứng đề nghị những yếu tố của động cơ tình dục mạnh mẽ hơn Groth, các nhà đấu tranh cho quyền phụ nữ sẽ cho phép. Theo Johns Hopkins, dưới 5 phần trăm những người cưỡng dâm sử dụng Depo-Provera (một loại thuốc làm giảm khả năng tình dục nam) trở thành những người phạm tội cưỡng dâm lặp đi lặp lại. Theo Fred Berlin, người đồng sáng lập Trung Tâm Y Tế Hoóc-môn Tâm Lý Sinh Học Tình Dục Johns Hopkins, khoảng 85 phần trăm những người phạm tội cưỡng dâm trên toàn quốc lặp lại sự cưỡng dâm nếu họ không được điều trị y khoa.<sup>67</sup> Rõ ràng cần phải có sự kết nối mạnh mẽ giữa động lực thúc đẩy tình dục của đàn ông và ước muốn của họ muốn hãm hiếp một phụ nữ (hoặc một người đàn ông hoặc một đứa trẻ), nếu có sự kiểm soát ước muốn tình dục, thì tỉ lệ điển hình 85 phần trăm tấn công lặp lại sẽ giảm xuống còn 5 phần trăm.

Có một bằng chứng mạnh mẽ hơn, có lẽ mang tính quyết định. Tất cả các chuyên gia đều đồng ý rằng phần lớn những trường hợp cưỡng dâm không được báo cáo và hầu hết những trường hợp này là những trường hợp “cưỡng dâm hò hẹn” hoặc quan hệ tình dục cưỡng ép với một người bạn đồng hành. Dù một số trong những trường hợp này có thể do sự thúc đẩy bởi sự thù địch hoặc ước muốn cai trị, rõ ràng hầu hết trường hợp này là do sự đam mê chi phối. Sự nghiên cứu những tội phạm bị buộc tội có lẽ không được sự dụng một cách hợp pháp như là nền tảng duy nhất hay thậm chí cốt yếu cho các thuyết về nguyên nhân và sự chữa trị tội phạm về sự đam mê và bạo lực. Tạp chí *the Chronicle of Higher Education* (13 tháng Giêng, 1988) đã báo cáo hai công trình nghiên cứu trong những năm giữa thập niên 80:

Cô Koralweski nói rằng trong khi những công trình nghiên cứu với những người hiếp dâm bị bỏ tù cho thấy những người đàn ông như thế bị thiếu hụt trầm trọng về sự quả quyết và sự nhận thức xã hội, sự thiếu hụt đó không được tìm thấy trong những nam sinh viên đại học hung hăng về tình dục...

---

<sup>67</sup> *The State* (Columbia, St), 2 July 1984, 5-A.

(Công trình nghiên cứu khác mới đây về sự cưỡng dâm hen hò cho thấy rằng sự hung hăng tình dục hầu như xảy ra khi người đàn ông chi trả và dàn xếp cuộc hẹn của mình, khi nạn nhân hoặc người cưỡng dâm bị say mềm, và khi đôi nam nữ ở với nhau tại nơi hẻo lánh, đặc biệt trong một chiếc xe đang đỗ... không phải trong lần hẹn hò đầu tiên giữa với người cưỡng hiếp họ, nhưng vào lần thứ tư hoặc thứ năm.

Nói một cách khác, đa số trong các trường hợp giao cấu ép buộc (cưỡng dâm đồng hành), người tấn công dường là một tội phạm đam mê tình dục. Quan điểm phổ biến cho rằng cưỡng dâm hầu như là một tội phạm bạo lực (một điều tồi tệ), có sự tham gia chút ít của sự đam mê tình dục (một điều tốt) tạo nên những kết quả tiêu cực. Người đàn ông không cần phải bảo vệ mình khỏi sự đáp ứng tồi tệ có thể xảy ra với sự việc như thế khi có ước muốn tình dục. Họ rõ ràng không phải là những người bạo lực cho nên an toàn với sự căm dỗ đó. Cho nên, trong tình huống căm dỗ tình dục, người đàn ông không cần phải được bảo vệ khỏi sự đam mê mà thường dẫn đến việc áp đặt cách của mình trên người yếu hơn. Kết quả tiêu cực khác của quan điểm duy bạo lực đó là xã hội nói chung và phụ nữ nói riêng không có bổn phận bảo vệ người đàn ông khỏi sự căm dỗ. Mặc cho sự ăn mặc khiêu gợi hoặc thái độ lăng lơ đến cỡ nào, tội lỗi duy nhất ở phía người đáp ứng bằng sức mạnh để hoàn thành điều mà người khác khởi xướng và cho phép. Yếu tố này không làm giảm bớt tội lỗi chính yếu cho người đàn ông, nhưng bào chữa cho xã hội và tất cả phụ nữ khỏi trách nhiệm khiến cho bạo lực tình dục càng tăng thêm.

Thật quá tệ chúng ta đã hạ thấp món quà tốt lành của Đức Chúa Trời! Chúng ta cần phải ôn lại tất cả những phương cách mà bởi đó kế hoạch của Đức Chúa Trời cho sự bày tỏ tình dục bị vi phạm, nhưng mục đích của chúng ta trong sự khái quát này là nhằm nhấn mạnh một cách rõ ràng hơn vẻ đẹp của khuôn mẫu lý tưởng nghịch lại với bối cảnh đen tối này và nhằm để nêu rõ những điều bảo vệ mà chính Đức Chúa Trời đã xây dựng xung quanh hôn nhân, một thể chế nhân loại đầu tiên và căn bản nhất. Hôn nhân thật dễ bị giảm thấp dần dần khỏi những mục đích trọn vẹn Đức Chúa Trời đã định. Sự làm giảm giá trị của nó chắc chắn được sắp xếp từ những bằng chứng rõ ràng nhất về sự sa ngã khủng khiếp của con người đến sự loạn tâm thần trong trí óc tội lỗi đen tối của con người. Bây giờ chúng ta hãy xem xét những trách nhiệm của những thành viên trong gia đình Cơ Đốc đối với nhau.

## **NHỮNG TRÁCH NHIỆM TRONG GIA ĐÌNH CƠ ĐỐC**

### **NHỮNG VAI TRÒ TRONG HÔN NHÂN**



Ở phần trước chúng ta đã xem xét sự khác nhau giữa nam giới và nữ giới theo quan điểm Kinh Thánh. Quan điểm này, khi được nuôi dưỡng, xác nhận sự giải phóng cho phụ nữ trong hầu hết các xã hội, nhưng trong những năm gần đây nó trở nên bị chỉ trích làm mất phẩm giá phụ nữ. Phong trào đấu tranh cho quyền nữ giới tại châu Mỹ đầu tiên nhắm vào mục tiêu quyền công dân (bầu cử), sau đó quyền lợi kinh tế (được trả lương giống nhau cho công việc giống nhau), rồi quyền đi làm (bình đẳng trong việc nắm giữ vị trí), quyền trong hôn nhân (hôn nhân bình đẳng), và cuối cùng, quyền trong giáo hội (sự phong chức).

Ngày hôm nay một số người tranh cãi chống lại quyền dân sự và kinh tế dành cho phụ nữ, dù một số người cho rằng vai trò lãnh đạo tranh chính phủ và nơi thương trường nên được giới hạn cho nam giới. Bởi vì mọi người nhìn thấy qua lăng kính của nền văn hóa của chính mình, có lẽ thật là giả hình khi đoán xét rằng tổ tiên của chúng ta bị mù về lẽ thật Kinh Thánh. (Trong những khía cạnh nào chúng ta vẫn còn bị mù lòa?) Tuy nhiên, từ chỗ ưu thế ngày hôm nay, thật khó có thể hiểu được sự áp bức và sự nô dịch mà người phụ nữ khắp nơi đã phải chịu trong một thời gian rất dài, thường được hợp lý hóa dựa trên nền tảng (bị hiểu lầm) của Kinh Thánh. Bởi vì sự ghi chép về quá khứ của chúng ta về việc nhào nặn Kinh Thánh theo khuôn mẫu văn hóa, chúng ta cần phải theo đuổi lẽ thật Kinh Thánh dành cho những vấn đề đương đại với sự can đảm.

Khi nói đến sự khác biệt về vai trò nam/nữ trong hôn nhân và Hội thánh, sự tranh cãi trở nên dữ dội. George Gilder chỉ ra rằng người bạn đời này trong hôn nhân có thể làm những điều mà người bạn đời kia làm. Xuyên suốt lịch sử người này có thể hoàn thành công việc của người kia, khi cần thiết. Có gì lạ trong ngày hôm nay với ý tưởng cho rằng những thành viên của mỗi giới nên làm công việc của giới kia, hoặc xã hội chẳng có gì khác biệt với việc ai làm cái gì. Gilder dẫn ra những bằng chứng ấn tượng từ các lãnh vực sinh học, nhân loại học, lịch sử, và tâm lý học để củng cố quan điểm Kinh Thánh.<sup>68</sup> Dù có nói gì đi nữa về bằng chứng thực tiễn, có một sự bất đồng nhỏ giữa quan điểm cho rằng Kinh Thánh trực tiếp nói về vấn đề và quan điểm Kinh Thánh không hoàn toàn đứng về quan điểm của những người tranh đấu cho nữ quyền ngày hôm nay.

Về mặt lịch sử, Kinh Thánh được các nhà giải kinh cho là có tính gia trưởng. Ít nữa trong gia đình, người chồng được xem là người lãnh đạo trách nhiệm. Nhiều người đấu tranh cho nữ quyền, trong và ngoài Hội thánh, chấp nhận sự hiểu biết về dữ liệu Kinh Thánh này và, hậu quả, từ chối thẩm quyền của Kinh Thánh. Quan điểm này được phát biểu một cách miễn

---

<sup>68</sup> George Gilder, *Men and Marriage*, rev. ed. (Gretna, La.: Pelican, 1992).

cưỡng bởi Sister Ann Patrick Ware, phó giám đốc Ủy Ban Đức Tin và Phẩm Trật của Hội Đồng Nhà Thờ Quốc Gia:

Lời Chúa khẳng định về vấn đề giới tính không có gì để bàn cãi... Cho rằng sự mô tả này phản ánh điều kiện văn hóa của thời đại mà trong đó những sách được viết ra không cách nào giải quyết được vấn đề. Theo quan điểm của tôi, sự giải thích bỏ qua lời công bố bởi cả Nhà Hội và Hội thánh: rằng các sách có ý chứa đựng Lời Đức Chúa Trời. Nếu Lời Đức Chúa Trời có thể bị phá hỏng bởi những tục lệ văn hóa mà trong đó nó được đón nhận và với một vấn đề trung tâm như thế, nó cần sự hiệu chỉnh.<sup>69</sup>

Sự hiểu biết từ Kinh Thánh lập người chồng là đầu của gia đình đang bị thách thức bởi ba lý do được đưa ra bởi những người tự xem mình thuộc cánh Phúc Âm: Sự giải kinh truyền thống là sai, sự áp dụng vào tình huống hiện tại là sai, và một số trước giả Kinh Thánh không phải là nguồn đáng tin cậy khi đề cập đến những vấn đề văn hóa.

**Sự Giải Kinh.** Hiến Chương Magna Carta của nhánh đặt Kinh Thánh làm nền tảng cho phong trào đòi quyền phụ nữ là Ga-la-ti 3:28: “Tại đây không còn phân biệt người Do Thái hay người Hi Lạp, người nô lệ hoặc người tự do, nam giới hay nữ giới, vì tất cả anh em đều là một trong Đấng Christ Jêsus.”

Lời công bố này bị tách khỏi bối cảnh thần học của nó và áp dụng cho các thực thể xã hội được trích dẫn bởi Phao-lô trong tình huống chuyên chế. Không có sự phân biệt nào được cho phép khi nó nói đến chủng tộc, giới tính, hoặc sự sở hữu người này bởi người khác. Xem câu Kinh Thánh theo cách này thì giải thích lại những đề tài khác của Kinh Thánh là điều cần thiết.

1. *Trật Tự Sáng Tạo.* Cho rằng nam giới và nữ giới được tạo dựng ngang bằng và vai trò thấp hơn của người vợ là kết quả của Sự Sa Ngã. Lời rửa sả rằng, “Sự dục vọng người phải xu hướng về chồng, và chồng sẽ cai trị người.” Thật hợp pháp cho con người chống lại những kết quả khác của Sự Sa Ngã (đau đớn khi sinh con, đất sẽ sanh chông gai) những người sống dưới ân điển nên từ chối khuôn mẫu này và quay về với thiết kế ban đầu của hôn nhân bình đẳng.<sup>70</sup> George Knight đáp ứng quan điểm này rằng:

Chúng ta nên nhìn nhận một cách cẩn thận rằng Kinh Thánh không bao giờ xây dựng quan điểm của mình về vai trò quan hệ của người đàn ông và người phụ nữ trong hôn nhân hoặc trong gia đình dựa trên những hậu quả của tội lỗi được bày tỏ trong Sáng Thế Ký 3:16. Sứ đồ Phao-lô lấy trật tự sáng

<sup>69</sup> "Evangelical Newsletter, 4 April 1980.

<sup>70</sup> Scannoni and Hardesty, *All We're Meant to Be*, 34-35, 69,109; Jewett, *Man As Male and Female*, 114.

tạo trước khi sa ngã làm quy chuẩn – ông cũng làm như vậy trong Ê-phê-sô 5, 1 Cô-rinh-tô 11, 14 và 1 Ti-mô-thê 2. (Phần Kinh Thánh khác gần nhất Phao-lô đề cập là 1 Ti-mô-thê 2, và tại đó không phải để làm nền tảng cho mối quan hệ nhưng để cho thấy những hậu quả thảm khốc của điều đã xảy ra khi mối quan hệ bị đảo ngược.) Trật tự sáng tạo của Đức Chúa Trời dành cho mối quan hệ nam-nữ được thấy bằng chứng trong Sáng Thế Ký 2 (và cũng thấy trong Sáng Thế Ký 1) là quy chuẩn trong Tân Ước, chứ không phải hậu quả của tội lỗi trong Sáng Thế Ký 3.<sup>71</sup>

2. *Cự Ước*. Quan điểm Cự Ước về hôn nhân được thừa nhận bởi các nhóm đấu tranh cho nữ quyền khác nhau là “kẻ phân biệt giới tính không một chút hy vọng” với sự giả định rõ ràng và sự củng cố mạnh mẽ mối quan hệ gia trưởng.

3. *Làm đầu*. Phao-lô đề cập đến vai trò lãnh đạo của người chồng. Một vài nhà tranh đấu cho nữ quyền cho rằng Phao-lô chỉ liên hệ đến sự kiện lịch sử rằng người đàn ông được dựng nên trước và vì thế là nguồn (“đầu”) của người phụ nữ. Theo phiên, mỗi phái trở nên nguồn sự sống cho nhau.<sup>72</sup> Sự giải thích thật gượng ép, nhưng sự chống đối thậm chí còn lớn hơn đó là cho dù *đầu* có nghĩa là gì, nó cũng mô tả mối quan hệ giữa Đấng Christ và Hội thánh (1 Cô-rinh-tô 11:3; Ê-phê-sô 5:23). Và đó là tất cả điều mà hầu hết những người theo chủ nghĩa truyền thống công bố như một khuôn mẫu cho các mối quan hệ trong gia đình. Không có nhiều người tranh đấu cho sự giải nghĩa này về *đầu*.

4. *Sự Vâng Phục*. Đầu đề tranh luận chính yếu giữa các nhà đấu tranh cho nữ quyền và những người theo truyền thống là phân đoạn Kinh Thánh về mối quan hệ chồng/vợ trong Ê-phê-sô 5. Từ *vâng phục* có nghĩa là gì?

Từ “vâng phục” là một từ được dịch từ từ Hy-lạp *huptasso*. *Hupo* có nghĩa là “ở dưới” và *tasso* có nghĩa là “sắp xếp.” Nó có nguồn gốc từ một từ dùng trong quân đội liên quan đến mối quan hệ giữa một người lính với người chỉ huy của anh ta. Phao-lô sử dụng nó trong phân đoạn Kinh Thánh này (Ê-phê-sô 5) giải thích mối quan hệ giữa các Cơ Đốc Nhân với nhau. Tốt nhất nó được dịch là *liên hệ chính anh em với, đáp ứng với, hoặc điều chỉnh chính mình* với nhau vì sự tôn kính Đấng Christ... Không có gì trong Ê-phê-sô chương 5 cho thấy một cách mơ hồ [rằng người vợ phải vâng phục chồng của mình].

Một lần nữa, những người bảo vệ truyền thống không cảm thấy bị ép buộc bởi sự tranh luận vì dù *sự đầu phục* có nghĩa là gì đi nữa, Phao-lô nói rằng sự đầu phục trong hôn nhân

---

<sup>71</sup> George Knight, "Male and Female Related He Them," *Christianity Today*, 9 April 1976. Cũng hãy xem sách của ông, *The New Testament Teaching on the Role Relationship of Men and Women* (Grand Rapids: Baker, 1977). Sách này được tái bản bởi Nhà Xuất Bản Moody (1985) với tựa đề *The Role Relationship of Men and Women* và bao gồm một phần phụ lục rất lớn bởi Wayne Grudenson về ý nghĩa của từ Hy-lạp được dịch là “đầu.” Đây là một công trình nghiên cứu thấu đáo nhấn về đề tài hiện có.

<sup>72</sup> Scanzoni và Hardesty, *We're Meant to Be*, 30-31, 100.

cũng giống như sự đáp ứng phải lẽ của một tín hữu đối với Đấng Christ. Hoặc sử dụng phép so sánh của người Milese, giữa người lính và người chỉ huy của mình.<sup>73</sup>

Làm tăng thêm sức mạnh đó sự nhấn mạnh rằng ý tưởng chính của phân đoạn Kinh Thánh nằm trong câu 20, “Hãy vâng phục lẫn nhau.” Câu Kinh Thánh này được sử dụng bởi những nhà đấu tranh cho nữ quyền áp dụng một cách bình đẳng cho người vợ và người chồng không phân biệt vai trò. Điều khó khăn cho cách giải nghĩa như vậy đó là phần tiếp theo nói về các mối quan hệ cha mẹ với con cái phải được xem như một kiểu song hành. Và như vậy thật là khó, thậm chí cho nhà đấu tranh cho nữ quyền tận tâm nhất. Ý tưởng này làm cho câu 21 hủy bỏ ý nghĩa rõ ràng của các câu tiếp theo, Paul Jewett, người biện minh trung thành cho phong trào nữ quyền Cơ Đốc, đáp ứng:

Khi ông cô vũ những người quy đạo của mình vâng phục lẫn nhau (5:21), ông không đơn giản có ý rằng trong Đấng Christ mọi người nên vâng phục lẫn nhau với người hàng xóm của mình như là cách bày tỏ sự khiêm nhường. Trong ngôi nhà Cơ Đốc, có một trật tự nào đó, và sự đầu phục lẫn nhau trong Đấng Christ được quyết định bởi trật tự này: Người vợ phải vâng phục chồng như Hội thánh vâng phục Đấng Christ (5:22-23); con cái phải vâng phục cho mẹ mình như điều răn thứ năm đòi hỏi (6:1-3); và tôi tớ phải vâng phục chủ mình với lòng sợ hãi và run rẩy như vâng phục Đấng Christ (6:5 trở đi).<sup>74</sup>

Sự dạy dỗ lan tràn của Phao-lô rằng chồng phải làm một người lãnh đạo có trách nhiệm trong gia đình là quá rõ ràng và mạnh mẽ đến nỗi những nhà đấu tranh cho nữ quyền cũng đồng tình. Nhưng các nhà đấu tranh cho nữ quyền có cách khác để đương đầu với Phao-lô.

**Sự Áp Dụng.** Điều Phao-lô muốn nói dường như rõ đủ, nhưng đó có phải là phương cách Đức Chúa Trời muốn cho hôn nhân ngày hôm nay, hay nó chỉ là sự áp dụng mang tính văn hóa của lẽ thật đời đời cho nền văn hóa ngắn ngủi của thời đó?

Có một vài phân đoạn Kinh Thánh đề nghị rằng nam giới nên cai trị trên nữ giới. Nhưng cũng có một vài phân đoạn Kinh Thánh chỉ thị rằng các vị vua nổi ngôi nên cai trị trên những người thường dân và những người chủ nên cai trị trên tôi tớ... Tất cả những phân đoạn Kinh Thánh đó củng cố trật tự xã hội đang tồn tại trong thế giới La-mã, thời của Phao-lô, thế kỷ thứ nhất... Dường như Phao-lô cẩn thận để tránh làm giảm một cách tương đối những thách thức quan trọng đối với hiện trạng.<sup>75</sup>

---

<sup>73</sup> Herbert và Fem Miles, *Husband-Wife Equality* (Old Tappan, NJ.: Revell, 1978), 31.

<sup>74</sup> Jewett, *Man As Male and Female*, 137.

<sup>75</sup> John Scanzoni, "Pornography: A Symposium," *The Reformed Journal*, November 1974, 21.

Những nhà đấu tranh Cơ Đốc cho nữ quyền đấu tranh rằng lời dạy này không còn ràng buộc trong thể thức mà Phao-lô đã trình bày vì Phao-lô đang ở trong cùng một bối cảnh dạy về chế độ nô lệ, và tất cả đều đồng ý rằng thể chế nô lệ không mang tính phổ quát và vĩnh viễn.

Như vậy, sự song hành với chế độ nô lệ mang tính quyết định cho sự tranh luận. Kinh Thánh bày tỏ rằng chế độ nô lệ không phải là một khuôn mẫu lý tưởng, luật Cựu Ước cấm nô dịch hóa những người anh em Y-sơ-ra-ên, luật năm Hân Hỷ và những luật khác cũng vậy. Có lẽ chỉ thị rõ ràng nhất đó là những gì chính Phao-lô nói trong lá thư của ông gửi cho Phi-lê-môn liên quan đến Ô-nê-sim. Hầu hết đồng ý rằng thể chế nô lệ không phải do Đức Chúa Trời thiết lập, và nó chỉ được kiểm soát bởi Đức Chúa Trời để cải thiện tình trạng sa ngã của con người. Vì vậy, sự xóa bỏ chế độ nô lệ không chỉ là điều được phép bởi những tiêu chuẩn Kinh Thánh mà còn là sự đòi hỏi bởi những nguyên tắc Kinh Thánh.

Nhưng sự song hành giữa mối quan hệ chồng/vợ và mối quan nô lệ/chủ không đứng vững. Thật cần thiết để biện hộ rằng sự xóa bỏ cả hai định chế, không phải xóa bỏ cái này và xóa sự vâng phục trong cái kia. Thực ra, sự hướng dẫn về các mối quan hệ trong cả hai thể chế là quy chuẩn. Trong xã hội mà chế độ nô lệ vẫn còn tồn tại, sự hướng dẫn của Phao-lô dành cho những người nô lệ và chủ sẽ có thẩm quyền đầy trọn trong thời đại ngày hôm nay cũng giống như trong thời của Phao-lô. Nhưng những định chế này không song hành với nhau. Hôn nhân, không giống như chế độ nô lệ, là ý tưởng của chính Đức Chúa Trời, mối quan hệ căn bản của con người trong kế hoạch của Ngài. Định chế về hôn nhân là quy chuẩn cho tất cả mọi người trong mọi thời đại, và vì vậy sự chỉ dẫn hôn nhân phải như thế nào được trình bày là quy chuẩn như chính định chế. Sự song hành đang được vẽ ra bởi những nhà đấu tranh cho nữ quyền giữa *hệ thống* chế độ nô lệ và *sự hành xử* trong hôn nhân là sai lầm. Những định chế không song hành với nhau: một cái do Đức Chúa Trời thiết lập, cái kia do con người khởi xướng; một cái lâu bền, một cái than khóc để được xóa bỏ.

Thậm chí nếu sự song hành là hợp lý, Phao-lô đối đầu với mối quan hệ gì trong Ê-phê-sô 6 (giữa những phân đoạn về hôn nhân và chế độ nô lệ): cha mẹ/con cái? Một số nhà hoạt động nhân quyền thế tục đang kêu gọi xóa bỏ luôn uy quyền cha mẹ. Những nhà đấu tranh Cơ Đốc cho nữ quyền không đề nghị rằng sự vâng phục của con cái dành cho cha mẹ nên giảm bớt, nhưng nếu sự song hành là điều bắt buộc, vậy tại sao không áp dụng cho điều khác?

**Sai Lầm.** Bởi vì những lý lẽ từ sự giải nghĩa (ý nghĩa) và sự áp dụng (sự quan trọng) không thuyết phục, các nhà đấu tranh cho nữ quyền là những người xem Kinh Thánh là quy chuẩn trong hầu hết các trường hợp đang dần dần đi theo sự dẫn dắt của Jewett trong sự đấu

tranh có tiền lệ gây rối của ông ta rằng Phao-lô đơn giản đã mắc sai lầm.<sup>76</sup> Kinh Thánh với sự sai lầm trong nó giới thiệu một nan đề đi xa hơn sự căn bản và vượt trên phạm vi của sự đối xử trong mối quan hệ chồng/vợ. Nhưng đối với những ai tin Kinh Thánh đầy trọn uy quyền, thì cách tiếp cận này phải bị bác bỏ từ khi bắt đầu.

Cường độ công kích lời dạy Kinh Thánh liên quan đến các mối quan hệ về vai trò trong hôn nhân đến từ đâu? Tất cả đều đồng ý rằng sự khởi xướng không đến từ một sự xét lại dữ kiện Kinh Thánh một cách khách quan, nhưng đến từ sự áp đặt của chủ thuyết nam nữ bình quyền cực đoan, và phong trào đó đặt sâu nền tảng của mình vào khái niệm sự tự do cá nhân. Lãnh đạo của phong trào đấu tranh cho nữ quyền trong thế kỷ hai mươi thường biện hộ cho sự bãi bỏ gia đình và kiên định xem tôn giáo, đặc biệt Cơ Đốc Giáo, như là một cản trở lớn nhất cho sự giải phóng phụ nữ. Điều này không có nghĩa rằng một phong trào như thế không có giá trị gì, cũng không có ý rằng nên từ chối mà không cần có sự lắng nghe. Nhưng phong trào một cách tổng thể không phải là bạn của Kinh Thánh, cũng không phải là bạn của các giá trị Kinh Thánh. Vì vậy, chúng ta phải cẩn thận trong khi chú ý lắng nghe. Những nhà đấu tranh cho nữ quyền thuộc cánh Tin Lành sai lầm bởi việc nghe những thách thức có lý rồi chấp nhận những câu trả lời phi Cơ Đốc. Những nhà đấu tranh cho nữ quyền như Scanzoni và Hardesty, chẳng hạn, không chỉ biện hộ cho hôn nhân bình quyền nhưng lại ủng hộ sự ly dị, phá thai và quan hệ tình dục đồng tính. Phong trào đấu tranh cho nữ quyền hiện tại đâm rễ vững chắc trong sự kết ước với sự tự do cá nhân hoàn toàn và lớn lên theo bất kỳ hướng nào.

Khi Phao-lô nói rằng người chồng là đầu của gia đình và người vợ phải vâng phục trong mối quan hệ, ông đang biện hộ cho điều mà ngày hôm nay chúng ta có thể gọi là sự lãnh đạo có trách nhiệm. Sự chỉ dẫn của Đức Chúa Trời liên quan đến gia đình, Hội thánh, chính quyền, và thế giới công việc đều nói đến uy quyền của chính Đức Chúa Trời được ủy thác người cầm quyền. Những người cầm quyền này không được lập nên để cung cấp sự chấp nhận vô điều kiện với thái độ trung lập, để chịu trách nhiệm cho một cuộc bầu cử dân chủ, cũng không chỉ để cho một lời khuyên tốt. Họ được giao nhiệm vụ để lập pháp, điều hành và xét xử. Rõ ràng Đức Chúa Trời biết hai cái đầu tự trị hoàn toàn sẽ tạo ra chứng tâm thần có tính tổ chức. Vì thế, tổ chức con người phản chiếu tổ chức thiên thượng: ba ngôi, mỗi ngôi có vai trò của riêng mình, nhưng Đức Chúa Cha là Đấng mà Đức Chúa Con phải vâng phục (Giăng 5:18-23, 30; 14:28; 1 Cô-rinh-tô 15:24-38).

---

<sup>76</sup> Jewett, *Man As Male and Female*, 112 trở đi, 138.

Sự giả định không có nền tảng trong suy nghĩ của những nhà đấu tranh cho nữ quyền đó là sự phụ thuộc có nghĩa là thấp kém,<sup>77</sup> tự bỏ mình đi có nghĩa là quy lụy và kết quả là sự tự hủy diệt.<sup>78</sup> Nhưng làm điều này có thể đem áp dụng cho mối quan hệ trong Đức Chúa Trời Ba Ngôi. Có phải Đấng Christ thấp kém hơn hay tự hủy diệt bởi vì Ngài tình nguyện chọn sự thừa nhận uy quyền của Đức Chúa Cha? Có phải Cơ Đốc Nhân đang ở trong hiểm họa của sự tự hủy diệt bởi việc đầu phục quyền làm chủ của Chúa Jêsus Christ? Hoặc trong các mối quan hệ con người, người có địa vị cao hơn, một hiệu trưởng trường đại học vô danh hay một giáo sư nổi tiếng trên thế giới ai phục vụ ở dưới ông ta? Hôn nhân đòi hỏi sự khác nhau về vai trò, nhưng không đòi hỏi mối quan hệ địa vị cao/thấp. Người chồng nắm địa vị cao trong vai trò của mình và chỉ trong vai trò của anh ta thôi, và cũng vậy đối với người vợ. Sự hoán đổi về vai trò có thể không mang lại sự tự do nhiều như sự lộn xộn và hôn nhân thất bại.

Điều gì quan trọng hơn trong việc giữ cho một chiếc xe được kết nối lại với nhau – các đai ốc hay các chốt? Điều gì xảy ra nếu các đai ốc biểu tình bởi vì chúng bị phân biệt đối xử và từ chối phục vụ nếu chúng không thể đóng vai trò như những cái chốt? Chúng sẽ không được thỏa mãn, những cái chốt cũng sẽ vô dụng, nhưng điều tồi tệ nhất đó là toàn bộ tổ chức sẽ bị vỡ ra từng mảnh và mục đích của nó không được ứng nghiệm. Sự khác nhau về vai trò không có nghĩa là kém giá trị hơn hoặc thấp kém hơn trừ khi có một vai trò thật sự kém quan trọng. Nhưng Chúa Jêsus và Phao-lô tuyên bố rằng mỗi người đều có giá trị vô hạn, trong bất kỳ vai trò nào Đức Chúa Trời đặt để anh ta. Sự tự do và thỏa mãn đến từ việc thích hợp với vai trò, chứ không phải đòi vai trò của người khác.

Kinh Thánh giao cho người chồng vai trò làm người lãnh đạo yêu thương và người vợ vai trò làm người bổ sung chung thủy. Nan đề gốc rễ trong hôn nhân là sự không sẵn lòng của mỗi người trong việc chấp nhận vai trò mà anh ta hoặc cô ta được giao cho. Columnist Abigail Van Buren xác nhận rằng lời phàn nàn số một của những người vợ đó là, “Chồng tôi không cảm kích tôi,” và lời phàn nàn số một của những người chồng đó là, “Cô ta đay nghiến tôi.” Mỗi người thất bại một cách đặc biệt với trách nhiệm của riêng mình.

Vai trò là rõ ràng trong nguyên tắc, nhưng những vai trò này chắc chắn sẽ được thực hiện một cách khác biệt trong những văn hóa khác nhau. Vai trò ủng hộ một cách trung thành đối với người vợ Nhật Bản có thể giống như sự phụ thuộc làm mất hết phẩm giá đối với người vợ Thụy Điển; sự lãnh đạo trong một gia đình người Ý có thể giống như sự ngạo mạn thiếu yêu thương đối với người Mỹ. Nhưng sự thành công trong hôn nhân là một món quà cao quý

---

<sup>77</sup> Sách đã dẫn, 8, 14.

<sup>78</sup> Hardesty and Scanzoni, *All Were Meant to Be*, 208.

của Đức Chúa Trời cho những ai biết chấp nhận vai trò được thiết kế bởi Đức Chúa Trời dù ở trong bất kỳ nền văn hóa nào.

Văn hóa của con người sa ngã ở dưới sự đoán xét của Đức Chúa Trời vì sự bóp méo vai trò trong hôn nhân được định bởi Đức Chúa Trời. Công việc của Hội thánh là phải lắng nghe một cách cẩn thận những tiếng than khóc của những người bị áp bức và xem xét sâu sắc hơn để biết điều Đức Chúa Trời muốn nói.

Kết quả của sự theo đuổi sự tự do cá nhân qua việc xóa bỏ sự khác biệt về vai trò trong hôn nhân là gì?

Sau khi dẫn chứng sự thay đổi quan trọng trong các giá trị suốt thập kỷ 70 hướng đến nền đạo đức mà sự thỏa mãn cá nhân được đặt lên trên tất cả những giá trị khác, một giáo sư xuất chúng nghiên cứu về xã hội học của trường Đại Học New York kết luận rằng:

Bởi việc ngày đêm tập trung vào cảm xúc, tiềm năng, nhu cầu, ước muốn của các bạn và bởi việc học để đòi hỏi chúng một cách tự do hơn, bạn sẽ không trở nên người tự do hơn, tự phát hơn, sáng tạo hơn; nhưng bạn sẽ trở nên một người thiển cận hơn, tập trung vào chính mình hơn, cô đơn hơn. Bạn sẽ không lớn lên, bạn co rút lại.<sup>79</sup>

Những cuộc hôn nhân rạn nứt xảy ra với nhiều nhà lãnh đạo của phong trào đấu tranh cho nữ quyền – kể cả nhiều người trong trong cánh Phúc Âm – dường như ứng nghiệm lời tiên đoán của Yankelovich thật thê thảm.

Có một sự thay thế hợp pháp cho việc chấp nhận các vai trò trong hôn nhân theo Kinh Thánh: Đừng kết hôn! Có nhiều điều còn tồi tệ hơn sự độc thân, và một trong những điều đó chính là hôn nhân đầy dẫy sự căng thẳng bởi vì sự lộn xộn về vai trò. Một người độc thân không bị ràng buộc bởi vai trò làm chồng hay làm vợ và những trách nhiệm. *Nhưng nếu một người chọn kết hôn trong Chúa, anh ta sẽ chọn một vai trò cụ thể. Vai trò gì được dạy trong Kinh Thánh?*

## VAI TRÒ CỦA NGƯỜI CHỒNG

**Yêu Thương.** Trước hết và cốt yếu, người chồng phải yêu thương vợ mình, và tiêu chuẩn cho mỗi quan hệ là cách mà Đấng Christ đã yêu Hội thánh (Ê-phê-sô 5:22-23). Ngài đã yêu Hội thánh bằng cách hy sinh hoàn toàn. Dù không phải chỉ có cái chết mới có thể đạt được mục

---

<sup>79</sup> Daniel Yankelovich, *New Rule: Searching for Self-Fulfillment in a World Turned Upside Down* (New York: Random House, 1981), 242.



tiêu này một cách trọn vẹn, đây là tiêu chuẩn bởi đó con người cần đánh giá sự hoàn thành của mình với tư cách một người chồng.

Đấng Christ yêu Hội thánh như thế nào? Có nhiều cách để xem xét điều này, nhưng hãy suy nghĩ về những điều Phao-lô nói đến, những giờ phút tối tăm trên thập tự giá khi ngày ban tặng sự sống của Ngài. Năm trong bảy lời nói là nói thay cho những người khác.

“Lạy Cha, xin tha cho họ.” Tha thứ là một tiêu chuẩn – và Ngài đã tha thứ thậm chí khi họ không xin sự tha thứ. Chịu đựng, nhẫn nhục. Ngay cả khi cô ta chiếm đoạt vai trò của tôi ư? Vâng, ngay cả khi cô ta đóng đinh bạn – đó chính là loại tình yêu của Đức Chúa Trời.

“Ngày hôm nay người sẽ ở với Ta tại Pa-ra-đi.” Ngài đã chấp nhận tội nhân khi anh ta đang, thất bại đến tột cùng, bị treo trên thập tự giá. Cũng vậy đối với người vợ, khó tính hoặc luộm thuộm, thiếu tổ chức hoặc hoàn hảo như cái máy, trẻ đẹp hay già nua quá kỹ – chấp nhận. Bởi ân điển, hãy giới thiệu cô ta vào nơi Pa-ra-đi.

“Hỡi mẹ, đây là con trai của mẹ; Hỡi con, đây là mẹ của con.” Vị tha, nhân từ, nhẹ nhàng đến mức không thể ngờ. Người chồng cung cấp cho tất cả nhu cầu của người vợ, cho tất cả sự yếu đuối của người vợ, thậm chí khi chính anh ta đang ở trong sự đau đớn đến chết.

“Sao Ngài lia bỏ con?” Sự hy sinh đến tột cùng – quyền lợi cao quý nhất của Ngài, sự hiệp nhất với Cha Ngài. Vậy quyền của tôi trong việc lập thời khóa biểu cho sự thư giãn của tôi hay công việc quan trọng của tôi thì sao? Loại tình yêu của Đức Chúa Trời là quên đi tất cả quyền lợi cần thiết để yêu, để chọn và hành động vì lợi ích tốt nhất cho người được yêu như một lẽ sống.

“Mọi sự đã được trọn.” Trung tín cho đến cuối cùng. Cho đến kết thúc sự tranh luận, cho đến cuối ngày, cho đến cuối cuộc cuộc đời.

**Dẫn Dắt.** Người chồng phải có trách nhiệm đối với người vợ, và điều này liên quan đến sự lãnh đạo. Nhưng sự lãnh đạo không phải là sự tự tôn ngạo mạn – anh ta không được có tinh thần ức hiếp và độc đoán ( 1 Phi-e-rơ 3:7). Đúng hơn, anh ta phải mềm mại dẫn dắt, làm gương tốt về sự yêu thương. Hôn nhân của người Mỹ Cơ Đốc đặc trưng bởi sự truyền thông cởi mở và sự hy sinh những đặc quyền cá nhân, sự nhất trí với nhau là phương cách bình thường trong việc đi đến quyết định, và “dùng quyền lực để áp đặt” là hiếm nếu thấy cần thiết. Tuy nhiên, người chồng là người lãnh đạo và phải có trách nhiệm với Đức Chúa Trời cho sự dẫn dắt cuộc hôn nhân.

**Chu Cấp.** Sự chu cấp trước tiên là cho lợi ích thuộc linh của người vợ, điều được khích lệ bằng cách học Kinh Thánh hằng ngày và cầu nguyện với nhau. Liên hệ gần gũi với điều này

là sự chu cấp cho sự phát triển đầy trọn tiềm năng trí tuệ của người vợ. Người chồng sống nhờ sự hy sinh của người vợ trẻ của mình khi anh ta đi học và nhốt cô ta ở nhà không cho cơ hội để tăng trưởng là thất bại trong việc chu cấp trong yêu thương. Sức khỏe tình cảm của người vợ cũng thuộc về trách nhiệm của người chồng. Sự chu cấp về mặt thể chất có nghĩa là sự bảo vệ, nhưng dần dần nhu cầu lớn nhất cho sự bảo vệ là bảo vệ khỏi chính người chồng. Sự lạm dụng thể xác là điều không nên có, và tiêu chuẩn đó là không được đụng vào người vợ khi giận dữ. Luôn luôn như vậy.

Dĩ nhiên có những cách gây hại khác, kinh khủng hơn – lạm dụng trong ngôn từ, những vết thương tâm lý – và trách nhiệm của người chồng là phải bảo vệ người vợ khỏi những điều này. Nếu gia đình nào vướng vào cách cư xử không giống Đấng Christ, người vợ nên tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài nếu người chồng không phải đàn ông đủ và Cơ Đốc đủ để tìm kiếm.

Sự chu cấp khác về mặt thể xác là dành cho sự thỏa mãn tình dục (1 Cô-rinh-tô 7:3-5). Người chồng thường được thỏa mãn tình dục nhưng không dành thời gian và chăm sóc để cung cấp sự thỏa mãn cho người vợ là người chồng xử đối xử bất công với người một cách trầm trọng.

Chu cấp về mặt vật chất là một trách nhiệm của người chồng (1 Ti-mô-thê 5:8). Điều này không có nghĩa rằng người vợ không thể kiếm tiền, hoặc thật là sai lầm nếu cô ta kiếm được nhiều tiền hơn anh ta hoặc chu cấp cho gia đình nhiều hơn nhờ vào tài sản của cô ta. Những ơn phước này không làm giảm thấp vai trò tối thượng của người chồng. Cuối cùng, sự chu cấp bao gồm những mối quan hệ xã hội. Ước muốn của người chồng về các mối quan hệ với những người ngoài gia đình không thể quyết định phạm vi quan hệ xã hội.

**Những Giới Hạn của Trách Nhiệm.** Dù sự trung thành với người vợ đặt lên trên sự trung thành với cha mẹ, con cái, hoặc bất kỳ ai khác, trung thành với Chúa phải được đặt lên trên hết. Khi nào và làm thế nào một người “ghét vợ mình” (Lu-ca 14:26) hoặc đối xử như thể anh ta chưa kết hôn (1 Cô-rinh-tô 7:29)?

Sự thờ hình tượng kiêu mới đang len lỏi vào suy nghĩ của người Tin Lành, sự tôn thờ gia đình. Tất cả nguồn quỹ thời gian và tiền bạc được dành riêng cho gia đình hơn là Hội thánh, gia đình được đặt lên trên sự phục vụ Chúa, gia đình ở trên công việc, gia đình ở trên sự an ninh quốc gia. Thái độ này xuất hiện như là một sự phản ứng lại với thái độ trước đây đặt vợ con xuống vị trí cuối cùng. Sự chỉnh sửa là điều hết sức cần thiết. Nhưng có những lúc lợi ích của vương quốc của Đức Chúa Trời đòi hỏi người chồng phải “ghét” vợ và con cái của mình – đòi hỏi anh ta phải chọn để hy sinh một số lợi ích cá nhân vì có để hoàn thành những mục

đích của Đức Chúa Trời trong thế giới này. Vì thế người chồng (và/hoặc người vợ) chọn một thời điểm cụ thể với một phương cách cụ thể để ứng xử “như thể chưa kết hôn.” Trật tự trong Kinh Thánh rất rõ ràng: hy sinh chính mình nếu cần vì lợi ích của vợ con, hy sinh gia đình nếu cần vì lợi ích của vương quốc của Đức Chúa Trời.

## TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI VỢ

**Yêu Thương.** Trách nhiệm đầu tiên của người vợ, giống như của người chồng, là sống yêu thương (Tít 2:4-5). Theo ngôn từ Kinh Thánh, điều này có nghĩa là luôn chọn để hành động vì lợi ích của người khác cho dù phải hy sinh cá nhân. Khi cả hai người bạn đời cam kết sống theo cách này, phần lớn những nan đề trong hôn nhân sẽ được giải quyết.

**Nội Trợ.** Dù điều này xung khắc với tư duy phương Tây ngày hôm nay, Phao-lô tuyên bố một cách rõ ràng rằng người vợ có trách nhiệm gìn giữ gia đình (1 Ti-mô-thê 5:14; Tít 2:4-5; và cũng xem thêm Châm 31, đoạn Kinh Thánh không ở dạng mạng lệnh nhưng là một sự mô tả về một người vợ lý tưởng). Nguyên tắc này không ngụ ý rằng một người chồng yêu thương sẽ từ chối tham gia làm việc nhà, nhưng đó là trách nhiệm chính của người vợ.

**Bổ Sung Một Cách Trung Thành.** Vai trò của người vợ là làm một “người giúp bổ sung” cho chồng. Cô là người đệm nhạc giúp đỡ sự trình diễn theo đội được thành công qua việc làm tăng thêm sức mạnh cho chồng.

“Sự vâng phục” bao gồm tôn trọng và vâng lời (Ê-phê-sô 5:22-33; Tít 2:5; 1 Phi-e-rơ 3:1-7).

Trong một xã hội tự do hiện đại, điều này thường là một thập tự giá mà người vợ không muốn mang. Tuy nhiên, nếu từ chối nó, không ta không sẽ không tìm thấy sự tự do và thỏa mãn, nhưng làm giảm bớt sự thỏa mãn điều có lẽ là quý nhất của cô ta, nếu không muốn nói là hủy phá. Tình yêu hy sinh đòi hỏi người chồng phải có chính là sự đáp ứng mà một người lãnh đạo “bẩm sinh” không muốn, và sự vâng phục đòi hỏi người vợ phải có là chính là điều mà người tự lập, kiêu ngạo không muốn. Thực ra, tiêu chuẩn còn cao hơn cho người chồng, nếu có thể nói như thế. Loại tình yêu của Đấng Christ đòi hỏi sự hy sinh trở xa hơn sự vâng phục của Sa-ra.

Có những trường hợp ngoại lệ cho luật vâng phục. Không một người phụ nữ Cơ Đốc nào có thể vâng phục một người chồng khiến cho cô ta phạm tội. Sự lãnh đạo theo bất kỳ phương hướng nào cũng cần phải bị từ chối. Nói một cách khác, nếu cô ta bị buộc phải làm điều sai, Đức Chúa Trời sẽ quy trách nhiệm cho người chồng, không phải người vợ (Dân Số Ký 30:15). Hơn nữa, nếu hoàn cảnh dẫn đến ly dị hợp pháp trên phương diện Kinh Thánh,

người vợ không bị ràng buộc. Cuối cùng, dựa trên nền tảng uy quyền Kinh Thánh về sự tự bảo vệ, tôi tin rằng một người phụ nữ ở trong sự nguy hiểm cho thể xác hoặc con cái ở trong sự nguy hiểm về thể xác có thể di chuyển mình và con cái của mình ra khỏi sự nguy hiểm đó. Ở đây, tôi biện hộ cho sự ly thân (tạm thời, còn hy vọng), không ly dị, vì điều này không phải là lý do đến từ Kinh Thánh làm nền tảng cho sự ly dị.

**Tình Dục.** Người vợ, cũng giống như người chồng, phải cung cấp một cách đầy đủ cho nhu cầu tình dục của người chồng. Nếu cô ta vì lý do nào đó không thể tham gia hết mình, cô ta có thể tìm đến sự tư vấn chuyên nghiệp, vì sự tham gia nửa vời hay thụ động “lấy đi” “quyền lợi” của người chồng. Hai người bạn đời sáng tạo sẽ tìm thấy những phương cách làm thỏa mãn lẫn nhau. Phao-lô không muốn các Cơ Đốc Nhân bị cám dỗ bên ngoài hôn nhân bởi thiếu sự thỏa mãn tình dục bên trong hôn nhân.

## TRÁCH NHIỆM CỦA CHA MẸ

**Sự Sinh Sản.** Mạng lệnh ban đầu hãy sinh sản thêm nhiều (Sáng 1:28; 9:1, 7) dường như dành được sự tán thành của tác giả Thi Thiên (127:3, 5; 128:3) và sứ đồ Phao-lô (1 Ti-mô-thê 2:15; 5:14). Điều này chắc chắn là kế hoạch của Đức Chúa Trời, nhưng tránh thai có phạm tội không?

*Hạn Chế Sinh Đẻ.* Có lẽ có một sự song hành giữa đại mạng lệnh đầu tiên và cuối cùng. Giống như đại mạng lệnh truyền giảng Phúc Âm cho thế giới (làm đầy gia đình của Đức Chúa Trời) dành cho toàn thể Hội thánh, không có nghĩa là mọi tín hữu đều trở nên nhà truyền giáo tiên phong, cho nên “đại mạng lệnh” đầu tiên làm đầy đầy đất có thể dành cho nhân loại với tư cách toàn thể hơn là từng cặp vợ chồng. Một số người nói rằng trái đất không thể chịu nổi số dân ngày càng tăng, trong khi những người khác cho rằng bóng ma bùng nổ dân số là một sự lo lắng không có nền tảng khoa học hợp lý. Dù sao đi nữa, tôi không thể tìm ở đâu trong Kinh Thánh hoặc là mạng lệnh trực tiếp hoặc nguyên tắc cấm sử dụng các phương pháp ngừa thai. Sáng Thế Ký 38:8-10 được một số người dùng để chỉ ra sự không hài lòng của Đức Chúa Trời về việc hạn chế sinh đẻ, nhưng ý nghĩa rõ ràng của phân đoạn Kinh Thánh này đó là tội lỗi của Ô-nan là một dạng ích kỷ và vô tín, bất tuân luật pháp (Phục Truyền 25:5-6) bởi việc từ chối “nối dõi” cho người anh.

Hội thánh Công Giáo La Mã tiếp tục giữ vững lập trường chống lại bất cứ dạng hạn chế sinh đẻ nào bởi phương cách nhân tạo (khác với sự kiêng cử và phương pháp “chu kỳ”). Năm 1930, một phổ biến rộng rãi nổi tiếng *Cacti Conubii* của giáo hoàng công bố rằng phương

pháp tránh thai nhân tạo là một tội phạm không thể diễn tả hết được, đáng hổ thẹn, và vô đạo đức trong bản chất. Sự chống đối dành cho sự hạn chế sinh đẻ nhân tạo được tái khẳng định bởi giáo hoàng Pius XI, Pius XII, Paul VI, và John Paul H.

Nhiều người Tin Lành trước Thế Chiến II đã giữ cùng quan điểm đó. Sự hợp lý là gì?

Hôn nhân là giá trị không phải là mục đích trong bản chất nhưng là một phương tiện để đạt được mục đích. Mục đích là gì? Như *Corpus Iuris Canonici* đã làm sáng tỏ (1013, phần 1) và như Tòa Án Dị Giáo tái xác nhận vào năm 1944 (Denzinger, 2295), mục đích chính của hôn nhân là sự sinh sản và nuôi dạy con cái; những khía cạnh khác trong quan hệ hôn nhân phải được nhìn thấy như là sự đóng góp cho mục đích sinh sản.<sup>80</sup>

Tuy nhiên, sự chống đối việc sử dụng các biện pháp tránh thai này dựa trên luật tự nhiên, không phải dựa trên nền tảng Kinh Thánh. Kinh Thánh không ủng hộ quan điểm này, nhưng việc từ chối có con cái có thể sai. Nó có thể là tội vô tín, tội không vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời, hoặc tội ích kỷ trong việc muốn có một lối sống giàu có. Một số Cơ Đốc Nhân thời hiện đại ngại có con cái bởi vì có thể họ không phải là những người cha mẹ xứng đáng và “những đứa con có thể trở nên không tốt.” Điều này đến từ niềm tin rằng môi trường sống quyết định, một tà giáo thời hiện đại chúng ta cần xem xét sắp tới đây. Những người khác tự hỏi không biết họ có kiếm đủ tài chính cho một dự án có tổng chi phí quá lớn, nuôi một đứa con cho đến khi nó trưởng thành. Tất cả những lý do này xuất phát từ sự vô tín.

Nhưng nếu hai vợ chồng lập kế hoạch gia đình theo những giá trị Kinh Thánh và để Đấng Christ làm trung tâm, tôi không thấy chỗ nào trong Kinh Thánh cấm sử dụng các biện pháp ngừa thai ngăn chặn sự thụ thai. Những phương pháp dẫn đến phá thai là một vấn đề khác, điều này chúng ta sẽ xem xét một cách chi tiết ở phần sau.

Còn việc triệt sản thì sao? Sự triệt sản cùng một loại vấn đề đạo đức giống như sự ngừa thai, những nguyên tắc hướng dẫn tương tự nên được tuân theo. Theo bản chất của vấn đề, vì không ai trong chúng ta không có sai lầm trong việc nhận biết ý muốn của Đức Chúa Trời hoặc biết hoàn cảnh tương lai của chúng ta, quyết định triệt sản cần được quan tâm một cách cẩn thận.

Có lẽ có một sự song hành với điều Phao-lô dạy dỗ liên quan đến ước muốn duy trì sự độc thân bởi vì “sự căng thẳng hiện tại.” Có lẽ Đức Chúa Trời kêu gọi một số người duy trì đời sống không con cái trong một khoảng thời gian ngắn hoặc dài để giúp họ làm những công việc đặc biệt cho Ngài. Tôi không thấy chỗ nào trong Kinh Thánh ngăn chặn khả năng này.

---

<sup>80</sup> John W. Montgomery, “How to Decide the Birth-Control Question,” *Christianity Today*, 4 March 1966, 8.

*Việc Nhận Con Nuôi.* Việc nhận con nuôi là một giải pháp tuyệt vời cho những cặp vợ chồng cảm thấy được kêu gọi bởi Đức Chúa Trời để làm công việc như vậy, mặc cho họ có con ruột hay không. Không có nền tảng Kinh Thánh để lưỡng lự trong việc này, cũng không có nền tảng Kinh Thánh cho việc phải nhận con nuôi. Tuy nhiên, có một mạng lệnh dành cho những người tin kính rằng phải chăm sóc những người mồ côi được dạy trong suốt cả Cựu Ước và Tân Ước.

*Sự Lựa Chọn Giới Tính.* Có lẽ vì sự lựa chọn giới tính không được biết đến cho đến khi có những tiến bộ khoa học gần đây, Kinh Thánh không đề cập đến vấn đề này. Sự loại bỏ một đứa trẻ có giới tính không mong muốn, cũng như sự loại bỏ bất kỳ một đứa trẻ nào khác, là sai trật. Nhưng còn việc lựa chọn trước giới tính nào thụ thai, một sự lựa chọn sớm? Kết quả cuối cùng của hai thủ tục này – xác định giới tính của bào thai và loại bỏ bào thai không mong muốn – còn kinh khủng hơn cả sự bại hoại của những người công khai chọn sự diệt chủng qua việc giết chết nhiều người thuộc phần dân số nữ giới. Giả sử những chính phủ được khai sáng sẽ can thiệp với những cấm đoán và khuyến khích trước khi chậm trễ, tôi vẫn nhận thấy tư tưởng lựa chọn giới tính gây đau buồn. Có lẽ với những động cơ cao quý, sự lựa chọn giới tính trước khi thụ thai có thể hợp lý về mặt đạo đức trong một số trường hợp đặc biệt. Tôi không thấy có vấn đề gì với những tiến bộ khoa học mà các nhà phê bình công bố là “làm vai trò của Chúa.” Tôi tin rằng chúng được tạo nên để “làm vai trò của Chúa,” để tham gia vào hoạt động sáng tạo của Ngài. Nhưng trong cách nào đó, việc lựa chọn giới tính cho đứa trẻ dường như đang xâm phạm đến những đặc quyền của Đức Chúa Trời, ít nữa trong sự thực hành chung hoặc cho những lý do tâm thường.

**Yêu Thương.** Cha mẹ phải yêu thương con cái mình đã sinh ra (Ê-phê-sô 6:4; Cô-lô-se 3:21; Tít 2:4). Gương mẫu về những điều Cha Thiên Thượng của chúng ta làm cho chúng ta trong tình yêu là tiêu chuẩn của sự trao ban chính mình một cách hoàn toàn.

Tình yêu dành cho con cái cần phải được nói ra và bày tỏ. Nếu nó được hành động nhưng không nói ra, một đứa trẻ có thể không hiểu ý nghĩa và mòn mỏi trong nỗi sợ rằng tình yêu không thực sự hiện diện ở đó. Nhưng còn tồi tệ hơn nhiều nếu nói về tình yêu mà không thường xuyên hành động vì tình yêu.

Sự thiếu yêu thương trầm trọng nhất là sự ly dị. Ly dị là một sức mạnh hủy diệt và làm kinh khiếp trong đời sống của một đứa trẻ bởi vì, mặc cho lời giải thích là gì đi nữa, nó biết rằng ít nhất một người – và có thể cả hai – trong cha mẹ của nó không yêu thương nó đủ để làm cho gia đình yên ấm.

Có lẽ món quà tốt nhất cha mẹ có thể cho con cái mình là yêu thương lẫn nhau. Khi điều này được nhìn thấy và có thể cảm nhận được một cách mạnh mẽ, một bầu không khí an toàn được tạo ra, và cha mẹ trở nên những khuôn mẫu về vai trò cho tất cả các mối quan hệ của cuộc sống.

**Làm Gương.** Mỗi Cơ Đốc Nhân được mong đợi làm gương về hình ảnh của Đức Chúa Trời trong tiến trình phục hồi để người ta có thể thấy và dâng sự vinh quang cho Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 5:16). Trong một phương cách đặc biệt, cha mẹ có trách nhiệm sống đời sống Cơ Đốc đích thực trước mặt con cái của mình (Châm 23:26). Họ cung ứng sự ảnh hưởng mạnh mẽ trong đời sống của con cái.

**Chu Cấp.** Cha mẹ có trách nhiệm chu cấp về mặt vật chất, thể chất, xã hội, thuộc linh, và tâm trí (giáo dục trong xã hội Mỹ hiện tại) cho những đứa con còn phụ thuộc. Với cách này, con cái sẽ khôn ngoan càng thêm, thân hình càng lớn, càng được đẹp lòng Đức Chúa Trời và người ta (Lu-ca 2:52).

Để chu cấp cho gia đình trong xã hội của chúng ta cần phải có tiền, và việc kiếm tiền hầu như luôn luôn cần thời gian rời khỏi nhà. Cha mẹ Cơ Đốc đối diện với một trong những yếu tố quan trọng nhất trong cuộc khủng hoảng hiện tại về sự ổn định gia đình. Ở một cấp độ sâu hơn, sự chăm sóc con cái đòi hỏi thời gian dành cho con cái. Làm thế nào để sự đòi hỏi kép dành cho cha mẹ này có thể được dung hòa? Dù những nhà đấu tranh cho nữ quyền thúc giục việc trả lương một cách bình đẳng là điều dễ hiểu, kết quả cuối cùng có thể là sự giáng cấp hơn là sự hy vọng cho việc tăng cấp, và dần dần cả hai cha mẹ phải làm việc để duy trì khả năng tài chính. Hầu hết các xã hội trong quá khứ, người mẹ làm việc ngoài xã hội chỉ là người mẹ lý tưởng trong Châm Ngôn 31. Trước khi cuộc Cách Mạng Công Nghiệp (một thời kinh khủng cho những người mẹ và trẻ em), công việc được làm ở ngoài đồng hoặc trong rừng, cả gia đình tham gia cho nên sự chăm sóc và nuôi dưỡng không bị giảm sút. Làm thế nào chúng ta có thể giải quyết tình trạng khó xử này?

Thái độ của cha mẹ hướng về nhau, hướng về con cái và chất lượng thời gian dành cho nhau cần phải sự sáng tạo một bầu không khí đem lại sự lành mạnh hơn là số lượng thời gian dành cho nhau. Tuy nhiên, số lượng thời gian là một phần của sự cân bằng.

Để bắt đầu, con cái cần cả hai cha mẹ như là phần không thể thiếu trong cuộc sống. Đúng, người mẹ dường như được tự nhiên và Kinh Thánh giao cho vai trò chính yếu trong việc nuôi dưỡng, ít nữa là những đứa con còn nhỏ. Nhưng cả hai cha mẹ đều cần thiết. Giải pháp phải

kết nối với động cơ: Tại sao người cha làm việc nhiều giờ đồng hồ như thế? Tại sao người mẹ tìm kiếm những công việc ngoài xã hội?

Người cha có thể làm việc trong nhiều tiếng đồng hồ bởi vì những giá trị phi Cơ Đốc hoặc nhận thức sai về cách tình yêu được bày tỏ. Nhiều người cha chân thành thật sự ngạc nhiên nhận ra con mình bị tâm thần khi ông ta “bày tỏ tình yêu của mình” quá hào phóng bởi làm việc không mệt mỏi trong nhiều năm, không bao giờ mơ rằng con trai hoặc con gái của mình thật sự cần ông ta ở cùng, chứ không phải những món quà hậu hi. Những người khác đơn giản thiên về vật chất và xem việc có được thứ này thứ nọ hơn cả việc phát triển mối quan hệ chất lượng. Một số người khác nữa kiêu ngạo và có khuynh hướng chứng tỏ giá trị của mình qua việc vượt trội hơn những người khác bởi sự thành đạt và giàu có. Một số khác nữa ích kỷ và thích thú với công việc hoặc những sở thích hoặc sự giải trí, vui chơi với bạn bè hơn là dành thời gian cho gia đình. Tất cả những động cơ này hoàn toàn thiếu sót và nếu chạy theo những động cơ đó có thể dẫn đến sự méo mó hoặc sự hủy phá gia đình hoặc một số thành viên trong gia đình.

Những nhân sự Cơ Đốc đôi khi bỏ qua trách nhiệm gia đình vì động cơ cao cả - mở mang vương quốc của Đức Chúa Trời. Có những lúc động cơ như vậy là hợp lý. Tuy nhiên, động cơ phải rõ ràng. Nhiều mục sư di động di chuyển bởi vì thích đi lại. Ông ta thậm chí còn sợ phải đối mặt với thực tế thất bại tại gia đình cho nên tìm cách tẩu thoát. Nếu một người thật sự được kêu gọi vào chức vụ di động, ông ta có thể được kêu gọi để sống cuộc độc thân, giống như Phao-lô. Nếu ông ta đã kết hôn rồi, ông ta có một phần chức vụ đã được định – gia đình của ông ta – và ông ta sẽ bỏ qua trách nhiệm đó chỉ khi liều bỏ mọi thứ, vì chức vụ Hội thánh dành cho những ai thành công trong những trách nhiệm gia đình (1 Ti-mô-thê 3:2-5; Tít 1:6-9).

Và tại sao người mẹ tìm kiếm những công việc bên ngoài trong giờ đưa con ở nhà – hoặc nên ở nhà? Nếu sự tồn tại về mặt kinh tế là một câu hỏi, sự lựa chọn là đúng, nhưng “sự tồn tại về mặt kinh tế” và tiêu chuẩn sống tốt hơn không đồng nghĩa với nhau. Một số người mẹ chịu áp lực phải làm việc bên ngoài bởi vì chỉ với công việc như thế họ tìm thấy giá trị bản thân; ngược lại, họ “chỉ là một bà nội trợ.” Thay vì được vinh quang trong điều mà chắc chắn là sự kêu gọi cao cả nhất – tạo dựng một mái ấm – họ bị lừa dối để suy nghĩ rằng sự thành công nơi thương trường là phương cách duy nhất chứng tỏ giá trị của họ. Những người khác làm việc như là cách thoát khỏi công việc cực nhọc và buồn tẻ với tả lót và chén đĩa, chỉ thấy công việc cực nhọc và buồn tẻ theo thói quen hằng ngày. Trong xã hội của chúng ta có ít nhất 95 phần trăm trở về nhà làm thêm và làm những công việc tại nhà. Nếu mục tiêu vật chất và hình ảnh bản thân hoặc sự cạnh tranh để giữ “sự ngang bằng” với đàn ông là quan trọng hơn



việc nuôi dạy con cái, có lẽ sự chọn lựa không có con cái còn tốt hơn – một sự lựa chọn mà ngày càng có nhiều phụ nữ “được tự do” lựa chọn. Nhưng với sự lựa chọn đó, dù có thành thực, cũng không cứu chuộc được hệ thống giá trị bị méo mó.

**Dạy Bảo.** Kinh Thánh đánh giá cao việc dạy dỗ con cái.

Vậy hãy ghi lòng tạc dạ những lời tôi nói với anh em... Hãy dạy dỗ những lời đó cho con cái anh em, và phải nhắc đến khi anh em ngồi trong nhà cũng như lúc ra ngoài đường, khi anh em đi ngủ cũng như lúc thức dậy. Cũng phải viết các lời đó lên khung cửa nhà và trước cổng thành để ngày nào các tầng trời còn che trên đất thì anh em và con cái anh em còn được sống trong xứ mà Đức Giê-hô-va đã thề ban cho tổ phụ anh em (Phục Truyền 11:18-21).

Hãy dạy cho trẻ thơ con đường nó phải theo, để khi trở về già, nó cũng không lìa khỏi đó (Châm 22:6).

Sự dạy bảo theo cách của Đức Chúa Trời là trách nhiệm của cả hai cha mẹ, nhưng người cha có trách nhiệm đảm bảo rằng điều đó xảy ra. Điều này bao gồm sự tham gia trọn vẹn của một Hội thánh dạy Lời Chúa vào trong đời sống, và nó cũng là nền tảng hằng ngày như một phần của đời sống gia đình. Dành thời gian hằng ngày để gia đình nhóm lại với nhau để nghe và thảo luận một phân đoạn Kinh Thánh, cầu nguyện, và hát với nhau là cần thiết trong sự nâng đỡ gia đình.

**Kỷ Luật.** Sa-lô-môn, người có nhiều con trai hơn những người cha thời hiện đại, có một quan điểm rất thẳng thắn về việc những người con nên được dạy dỗ như thế nào:

Người nào kiêng roi vọt là ghét con cái mình,  
Nhưng ai thương con sẽ sớm lo sửa dạy nó (Châm 13 :24).

Hãy sửa phạt con cái người lúc còn hi vọng,  
Nhưng đừng định tâm giết nó (Châm 19 :18).

Sự ngu dại buộc vào lòng con trẻ,  
Nhưng roi răn dạy sẽ làm cho điều ấy lìa xa nó (Châm 22:15).

Đừng bỏ qua việc răn dạy trẻ thơ;  
Dù đánh nó bằng roi, nó sẽ chẳng chết đâu.  
Khi con đánh nó bằng roi,

Là giải cứu linh hồn nó khỏi âm phủ (Châm 23 :13-14).

Roi vọt và sự quở trách ban cho sự khôn ngoan,  
Còn đưa con phóng túng làm nhục mẹ nó (Châm 29:15).

Hãy sửa phạt con cái, nó sẽ cho con được an tịnh,  
Và làm cho lòng con vui mừng (Châm 29:17).

Có phải sự hình phạt bằng sự đánh đập là cách duy nhất hiệu lực cho sự kỷ luật không? Ít nữa những phân đoạn Kinh Thánh này muốn nói rằng hình phạt bằng sự đánh đập không được xem là sai trái. Tôi xin dẫn chứng điều này rằng Phao-lô muốn nói một cách rằng nguyên tắc cơ bản khi ông dạy dỗ những người làm cha mẹ, đặc biệt những người cha, hãy nuôi dạy con cái trong sự kỷ luật và sự khuyên dạy của Chúa (Ê-phê-sô 6:4). Ở đây sự kỷ luật là một phần trong việc nuôi dạy nói chung bao gồm sự chỉ dẫn chúng ta đã xem xét. Có lẽ hình thức kỷ luật sẽ khác nhau trong từng nền văn hóa, nhưng sự cần thiết của nó là rõ ràng.

Phao-lô nhắc nhở chúng ta: “Hỡi những người làm cha, đừng chọc giận con cái mình, e chúng nản lòng chẳng” (Cô-lô-se 3:21). Sự quân bình theo Kinh Thánh giữa yêu thương, chỉ dạy và kỷ luật là gì? Nạn lạm dụng trẻ em đang lan tràn. Những người sử dụng ma túy và say xin không giới hạn, dù có sự ảnh hưởng rất lớn trong một môi trường như thế, và những gia đình phi Cơ Đốc cũng không giới hạn. Một mục sư tự hào cho tôi xem công cụ công lý của ông ta – cây gậy bóng chày được chẻ làm đôi. Ông ta gọi đó là “roi,” như nó thật sự là một cái dùi cui. Ông ta có sử dụng nó không? Chỉ một lần, ông ta nói. Khi ông ta làm ra nó, ông ta gọi tất cả sáu người con của mình lại và biểu diễn cách sử dụng “roi” của ông ta với đứa con trai lớn nhất. “Nó đã làm gì?” Tôi hỏi. “Chẳng làm gì. Tôi chỉ muốn tất cả bọn chúng thấy điều gì sẽ xảy ra cho người nào không vâng lời.”

Phản ứng với sự lạm dụng trẻ em, nhiều người bảo vệ cho quyền lợi trẻ em. Chắc chắn đứa trẻ phải có quyền được tự do khỏi sự lạm dụng thân thể, lời nói hoặc tâm lý, nhưng phong trào giải phóng trẻ em không chỉ có những mục tiêu như thế trong tâm trí. Vào năm 1979, quốc hội Thụy Điển đã ban hành một luật bởi sự bỏ phiếu 259/6 cấm cha mẹ đánh đập con cái hay đối xử chúng trong cách hạ nhục chúng. “Đối xử hạ nhục” được phân tích có nghĩa là bắt một đứa trẻ đi ngủ không cho ăn tối, cắt bỏ quyền xem Ti-vi, giam trong phòng ngủ - bất kỳ hình thức nào hình phạt đứa trẻ. Trẻ em có thể khởi tố cha mẹ vì sự cư xử như thế và thậm chí có thể đòi “ly dị” khỏi cha mẹ là những người chứng tỏ rằng không thích hợp với chúng.

Phương cách trung dung theo Kinh Thánh ở giữa lạm dụng trẻ em và tình trạng vô trật tự trong gia đình là gì? Nguyên tắc hướng dẫn đầu tiên là *sự kiên định*. Khi sự kỷ luật không nhất quán và không thể đoán trước được – cả về phía của một người trong cha mẹ hoặc khi một người chuyên về “yêu thương” và người kia chuyên về “công lý” – đứa trẻ sẽ trở nên nản lòng.

Nguyên tắc hướng dẫn thứ hai là *sự quân bình*. Kết quả của sự dễ dãi vô kỷ luật một mặt và sự kỷ luật thiếu yêu thương là mặt khác đều làm hỏng như nhau.

Nguyên tắc hướng dẫn cuối cùng là *sử dụng kỷ luật chỉ khi một nguyên tắc đạo đức bị vi phạm – cân nhắc kỹ*, chẳng hạn, nói đôi lần đi lặp lại. Dĩ nhiên bất kỳ vấn đề nào cũng có thể trở thành vấn đề “đạo đức” nếu cha mẹ đưa ra một mạng lệnh trực tiếp. Một số cha mẹ tìm kiếm cách đối đầu như thế. Với họ, “Nhặt những chiếc vớ lên!” và không bao giờ, “Con có thể nhặt những chiếc vớ của con lên không?” Đối đầu thường xuyên với những vấn đề phi đạo đức chắc chắn sẽ làm cho đứa trẻ trở nên nản lòng và phản loạn. Những luật lệ nên thích đáng, rõ ràng và càng ít càng tốt.

Nhiều cha mẹ Cơ Đốc còn trẻ cố gắng rất nhiều. Họ bị chi phối bởi tư tưởng rằng đứa con đầu lòng sẽ mang lại sự vinh hiển cho Chúa – và uy tín cho cha mẹ. Vì vậy, khuynh hướng là buộc đứa trẻ phải hoàn hảo vượt trên số tuổi và khả năng của nó. Dù sao đi nữa, thật dễ dàng cho con người đi về một thái cực này hoặc thái cực kia – trở nên quá dễ dãi hoặc quá nghiêm khắc – hơn là duy trì ở chính giữa của sức căng Kinh Thánh, quân bình một bầu không khí xác nhận, yêu thương với sự dạy bảo và hướng dẫn theo cách của Đức Chúa Trời. Như cách Đức Chúa Trời đối đãi với con cái của Ngài, phần thưởng đem lại hiệu quả hơn sự trừng phạt.

“Cha ơi, cha có nhớ không?” đứa trẻ thỏ thẻ với cái giọng trẻ thơ của mình. Đứa trẻ năm tuổi chạy theo tôi trong mưa để đến chỗ xe buýt của trường. Nó ôm chặt ba với ba chiếc dù trong tay cho những anh chị của nó, và cố giữ chiếc dù mới trên đầu. “Chân dài và chân ngắn.”

“Chân dài và chân ngắn?”

“Vâng, ba biết đó. Chân dài đi nhanh hơn chân ngắn... giống như bánh xe lớn và bánh xe nhỏ.”

Và tôi nhớ. Vài ngày trước đó nó tranh chiến để đạp chiếc xe đạp cà tàng của nó và hỏi tôi tại sao chiếc xe đạp của tôi chạy xuống dốc nhanh hơn chiếc xe của nó.

Đó là chuyện kể về đời sống của chúng ta với trẻ nhỏ. Không người cha hoặc mẹ nào tốt đủ hoặc khôn ngoan đủ để tạo ra một bầu không khí hoàn hảo. Tại sao việc tạo ra sự đối đầu bởi thường xuyên đòi hỏi sự vâng lời là cái quyền của người làm cha mẹ? Tại sao không mời gọi tham gia, không tư vấn, hướng dẫn, và chậm rãi dưới mưa vì những cái chân ngắn? Kỷ

luật hầu như có thể trở nên không cần thiết trong thói quen quan hệ cộng tác được thiết kế cho mỗi đứa trẻ nhỏ.

**Những Giới Hạn của Trách Nhiệm.** Sự ảnh hưởng bởi môi trường giành thắng lợi quá lớn trong tư tưởng của chúng ta đến nỗi nhiều cặp vợ chồng trẻ ngại có con cái và căng thẳng với chúng khi chúng đến, những người cha mẹ lớn tuổi hơn thì nặng gánh tội lỗi, và những người trẻ giam mình trong một chiếc hộp không lối ra. Vì nếu môi trường mà trong đó một người lớn lên có thể quyết định được kết quả của đời sống của người đó, cha mẹ nào có thể mang nỗi gánh nặng tội lỗi như thế khi sự việc không diễn ra như họ mong đợi? Và nếu môi trường ban đầu quyết định người đó mãi mãi sẽ thế nào, thì có hy vọng gì với việc trở nên điều gì khác, trở nên tự do khỏi những hậu quả của sự thất bại của người làm cha làm mẹ?

Và nhiều nhà tư vấn cánh Phúc Âm và mục sư thừa nhận quan điểm hiện đại rằng môi trường ban đầu sẽ quyết định người đó sẽ thế nào. Tôi nghe một mục sư và là nhà giáo dục nổi tiếng trong đất nước vì sự phản đối của ông về chủ nghĩa nhân văn thế tục trình bày một loạt các bài nói chuyện về gia đình. Ông chứng minh sự giam cầm hoàn toàn của một trong những nguyên lý cơ bản chủ nghĩa nhân văn thế tục. Sự trình bày của ông là sự quyết định do môi trường không đáng tin cậy: Nếu bạn làm theo những điều này, con cái của bạn sẽ là những người thành công và tin kính; nếu chúng không phải là những người như vậy, đó là bởi vì bạn thất bại trong việc làm theo những phương cách. Nhưng Kinh Thánh dạy rằng có một số yếu tố góp phần trong kết quả của đời sống của một người, không phải chỉ có một.

*Sự Di Truyền.* Kinh Thánh nhìn nhận vấn đề di truyền còn nghiêm túc hơn cách thầy cô chúng ta dạy chúng ta nhìn nhận về nó. Sự phụ thuộc vào gia đình từ thế hệ này sang thế hệ khác được thừa nhận trong Kinh Thánh nhưng khó để chúng có thể hiểu, và nó bị vi phạm khi chúng ta muốn sự tự do cá nhân. Tội lỗi của tổ phụ, chẳng hạn, ảnh hưởng đến con cháu mãi đến thế hệ thứ ba và thứ tư (Xuất 20:5). Chúng ta tất cả bị trói buộc với vị tổ phụ đầu tiên trong đặc tính quan trọng nhất, kinh khủng nhất: tội lỗi. Thế hệ này đến thế hệ khác bị nhiễm con vi rút tội lỗi, và đặc tính đó có tính quyết định hơn những đặc tính khác, ngoại trừ ân điển của Chúa. Có thể có những đặc điểm khác đến từ phẩm chất của một người. Sự thông minh, chẳng hạn, được ảnh hưởng bởi di truyền.<sup>81</sup> Một số người dường như là những người phản loạn độc lập từ lúc sinh ra, trong khi một số người khác dường như dịu dàng và dễ uốn nắn.

*Môi Trường.* Kinh Thánh đặt nặng về môi trường: “Hãy dạy cho trẻ thơ con đường nó phải theo, để khi trở về già, nó cũng không lìa khỏi đó” (Châm 22:6). Lưu ý rằng đây là một

---

<sup>81</sup> Cheryl Fields, “Heredity and Environment, But Not Race, Found to Influence,” *The Chronicle of Higher Education*, 12 September 1977, 5.

câu châm ngôn, không phải là lời hứa. Nó cho thấy tầm quan trọng của môi trường, nhưng nó không đảm bảo kết quả của những nỗ lực của cha mẹ. Trách nhiệm làm cha mẹ mà chúng ta đã nêu ra ở phần trước rất quan trọng đối với những kết quả trong đời sống con cái của chúng ta. Môi trường ảnh hưởng, đúng. Môi trường quyết định, không đúng. Môi trường không phải là yếu tố duy nhất, cũng không phải là yếu tố chủ chốt. Nếu nó là như vậy, Đức Chúa Trời sẽ thất bại kinh khủng, vì môi trường mà Ngài đã tạo nên (với sự hiện diện của Ngài một yếu tố then chốt của môi trường) đã không ngăn chặn hay đưa con của Ngài khỏi sự phản loạn và sự hủy diệt.

*Sự Lựa Chọn.* A-đam và Ê-va có một người Cha hoàn hảo, “bộ gen” hoàn hảo, một môi trường hoàn hảo, nhưng kết quả của đời sống họ dính liền với sự lựa chọn của họ. Mặc cho sự lựa chọn của con người có phải là tự do trong nghĩa tuyệt đối hay không, tôi để mặc những nhà thần học tranh cãi. Việc Đức Chúa Trời đòi hỏi chúng ta hoàn toàn chịu trách nhiệm cho sự lựa chọn của chúng ta là một trong những đề tài chính của Kinh Thánh.

Kinh Thánh từ chối sự quyết định của môi trường không thể kiểm soát được:

Lại có lời Đức Giê-hô-va phán với tôi như sau: “Các người muốn nói gì khi lặp lại câu tục ngữ này về đất Y-sơ-ra-ên: ‘Cha ăn trái nho chua mà con bị ghê răng’? Chúa Giê-hô-va phán: ‘Thật như Ta hằng sống, các người sẽ không cần dùng câu tục ngữ ấy trong Y-sơ-ra-ên nữa.’ Đây, mọi linh hồn đều thuộc về Ta; linh hồn của cha cũng như linh hồn của con đều thuộc về Ta; linh hồn nào phạm tội thì sẽ chết. Nếu người nào sống công chính, làm điều công minh, chính trực... sinh con là trộm cướp, làm đổ máu hoặc làm điều nào trong những điều ác đã nói trên kia... thì đứa con đó sẽ sống không? Không, nó sẽ không sống! ... Nhưng nếu người ấy sinh con trai và con trai ấy thấy mọi tội lỗi mà cha mình đã phạm thì lo sợ không dám làm điều gì ác giống như vậy... thì đứa con ấy sẽ không chết vì sự gian ác của cha nó, mà chắc chắn nó sẽ sống” (Ê-xê-chi-ên 18:1-17).

Phiên bản rút gọn từ sự giải thích chi tiết của Đức Chúa Trời về trách nhiệm cá nhân dành cho sự lựa chọn của con người và từ sự khẳng định của Ngài rằng họ rất quan trọng cho sự kết quả của đời sống hiện ra trong bối cảnh đặc biệt của sự ảnh hưởng của những người làm cha mẹ.

*Sự Quan Phòng.* Sự can thiệp của Đức Chúa Trời bằng sự tha thứ, tẩy sạch và thêm sức cho sự thay đổi, và hy vọng là yếu tố quan trọng nhất cho kết quả của một đời sống. Ngài làm hành động để làm đảo ngược bản chất di truyền của tôi, môi trường ban đầu của tôi, và những lựa chọn sai trật mà tôi đã thực hiện. Điều này giảm bớt sự sợ hãi rằng tôi sẽ là một người cha không xứng đáng. Dĩ nhiên, tôi không xứng đáng. Nhưng Đức Chúa Trời xứng đáng. Kế hoạch tể trị của Ngài sẽ được hoàn thành mặc cho thất bại của tôi và của người khác là gì.

Điều này làm giảm bớt sự mặc cảm khi con cái của tôi thất bại. Chúng hoàn toàn chịu trách nhiệm, và cùng một Đức Chúa Trời Đấng đang thay đổi tôi sẵn sàng thay đổi chúng. Điều này xoay giảm bớt sự vô vọng. Mặc cho người khác có lỗi với tôi và tôi có lỗi với tôi như thế nào, Đức Chúa Trời có thể khiến tôi được tự do! Và điều này sửa lại sự ngạo mạng tội lỗi – nhìn nhận sự tín nhiệm hoàn toàn cho con cái là những đứa con trở nên tốt.

## TRÁCH NHIỆM CỦA CON CÁI

“Hãy hiếu kính cha mẹ của con” (Xuất 20:12) là lời tuyên bố đầy sự hiểu biết về trách nhiệm của con cái. Sự hiếu kính đó không dựa trên cơ sở rằng cha mẹ tìm kiếm điều đó hay xứng đáng để được điều đó, nhưng dựa trên cơ sở của mối quan hệ đời đời. Không ai có người cha mẹ khác, là người mà từ đó mình được sinh ra. Hiếu kính bởi vì mối quan hệ vĩnh cửu này. Sự hiếu kính được bày tỏ trong một số cách.

**Yêu Thương.** “Hỡi con ta, hãy dâng lòng con cho ta” (Châm 23:26) là tiếng kêu gào của những người cha mẹ xứng đáng với danh nghĩa. Nhưng có những người cha mẹ lạm dụng con cái một cách đáng xấu hổ. Những đứa trẻ đó khó có thể tôn trọng cha mẹ của mình hoặc đi theo cha mẹ. Nhưng họ có thể chọn để hành động trong cách yêu thương. Có thể họ không kiểm soát được cảm xúc của mình khi cảm nhận sự ám áp hoặc sự khó chịu, nhưng họ có thể chọn để hành động vì lợi ích đời đời tốt nhất cho cha mẹ của mình.

**Vâng Lời.** Con cái phải vâng lời cha mẹ mình (Ê-phê-sô 6:1; Cô-lô-se 3:20). Có những hoàn cảnh mà trong đó điều luật này không áp dụng được không? Mạng lệnh rằng con cái phải vâng lời cha mẹ mình trong Chúa. Điều này dường như ngụ ý một số điều kiện trong mối quan hệ, dù không được tuyên bố một cách chính xác.

Nếu người con cảm thấy mạng lệnh của cha mẹ khiến anh ta sai trật về mặt đạo đức, anh ta có thể từ chối sự vâng lời. Tuy nhiên, nếu anh ta vâng lời, có một nguyên tắc Kinh Thánh cho thấy rằng anh ta vô tội và tội lỗi thuộc về người cha hoặc mẹ bắt anh ta phạm tội. Dân Số Ký 30:15 tuyên bố điều này trong mối quan hệ vợ chồng. Khi người chồng bỏ vợ, anh ta mang tội, không phải cô ta. Điều này dường như cho thấy một nguyên tắc giải phóng khỏi mặc cảm tội lỗi cho những người cảm thấy mình không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc phải vâng theo người có uy quyền bởi Chúa. Trong trường hợp như thế anh ta sẽ được đoán xét bởi Chúa, rõ ràng, không là gì khác hơn là công cụ cho hành động của người khác.

Nói một cách khác, có một nguyên tắc cơ bản được phát biểu lặp đi lặp lại trong Ê-xê-chi-ên 18 rằng trách nhiệm cá nhân thuộc về mỗi người. Là người lớn, ít nữa, không thể giao trách nhiệm cho cha mẹ. Trách nhiệm cá nhân cho sự lựa chọn và hành vi của mình được nói một cách rõ ràng trong suốt phân đoạn Kinh Thánh này.

Một nguyên tắc khác (Sáng 2:24) trả lời cho câu hỏi khi nào một người lìa cha mẹ mình. Như chúng ta thấy, điều này không chỉ đơn giản hay chủ yếu là lìa về mặt thể xác, nhưng còn là lìa về mặt tình cảm nữa. Sự hiếu kính dành cho cha mẹ còn phải tiếp tục đến trọn đời, nhưng mối quan hệ ưu tiên này không còn được ưu tiên khi người trưởng thành kết hôn. Sự thất bại trong hôn nhân thật đau buồn đến từ sự can thiệp tội lỗi của những người thuộc gia đình của người phối ngẫu và sự chấp nhận tội lỗi sự can thiệp đó về phía con trai hoặc con gái đã kết hôn.

Trong cách nào đó, con cái nên vâng lời cho đến khi đạt đến độ tuổi chịu trách nhiệm độc lập trước mặt Đức Chúa Trời. Tuổi nào là tuổi chịu trách nhiệm trực tiếp trước mặt Chúa đối với con trai hoặc con gái không kết hôn? Kinh Thánh không trực tiếp đề cập đến câu hỏi này, nhưng bởi sự so sánh với luật liên quan đến hôn nhân, dường như một người nên vâng lời cha mẹ của mình chừng nào anh ta độc lập khỏi cha mẹ vì kế sinh nhai của mình. Điều này không có nghĩa rằng anh ta không tìm cách để thuyết phục cha mẹ trong khi anh ta vẫn còn phụ thuộc, cũng không có nghĩa rằng anh ta sẽ từ chối sự tư vấn của họ khi anh ta đã độc lập. Nhưng anh ta sẽ thừa nhận trách nhiệm cá nhân cho sự lựa chọn của mình về người bạn đời trong hôn nhân, nghề nghiệp, sự đầu tư cuộc đời. Anh ta không thể ủy thác trách nhiệm này cho người khác. Để tỏ lòng hiếu kính cha mẹ mình trong giai đoạn này, anh ta phải tôn trọng sự tư vấn của họ, xem trọng sự đoán xét của họ, nghe theo lời khuyên của họ nếu có thể. Và anh ta cần kiên nhẫn, cầu nguyện và làm khôn ngoan tìm kiếm sự nhất trí cùng với cha mẹ. Nhưng phân tích cho cùng, anh ta phải tự quyết định lựa chọn, đặc biệt những quyết định liên quan đến cuộc đời.

Nhiều Cơ Đốc Nhân đến tuổi trưởng thành bỏ qua con đường của Đức Chúa Trời bởi vì cha mẹ không tin kính hoặc ích kỷ đứng trên đường. Nhưng điều này hoàn toàn phi Kinh Thánh.

Chớ tưởng Ta đến để đem bình an cho thế gian. Ta đến, không phải để đem bình an, mà là gươm giáo. Ta đến để phân rẽ con trai với cha, con gái với mẹ, nàng dâu với mẹ chồng; và kẻ thù của người ta lại là người nhà của mình. Ai yêu cha hoặc mẹ hơn Ta thì không xứng đáng với Ta; ai yêu con trai hoặc con gái hơn Ta cũng không xứng đáng với Ta (Ma-thi-ơ 10:34-37; cũng xem trong Lu-ca 12:51-53).

“Nếu ai đến theo Ta mà không ghét cha mẹ, vợ con, anh em, chị em mình, và chính sự sống mình nữa thì không thể làm môn đồ Ta. Ai không vác thập tự giá mình mà theo Ta, cũng không thể làm môn đồ Ta (Lu-ca 14:26-27).

Những lời dạy này khó để có thể hiểu và càng khó hơn trong việc áp dụng, nhưng Đấng Christ rõ ràng muốn phân biệt sự ưu tiên về trách nhiệm. Để hoàn thành ý muốn Đức Chúa Trời, có lẽ cần phải xúc phạm đến ý muốn của người mà chúng ta muốn làm hài lòng nhất. Có khi chúng ta phải đứng ở trong vị trí mà cha mẹ có thể xem đó là sự đáp ứng đáng ghét, nhưng thực sự, đó là sự từ chối ước muốn của một người vì trách nhiệm cao cả làm hài lòng Đức Chúa Trời. Nhưng những người con trai hoặc con gái thực sự hiếu kính cha mẹ sẽ không bao giờ chọn lựa điều đó một cách nhẹ nhàng, cũng không bao giờ sử dụng việc này như là cách biện hộ che đậy ý riêng bướng bỉnh của mình (Mác 7:11).

Hơn nữa, sự hiếu kính liên tục suốt cuộc đời. Thậm chí khi cha mẹ không đáng tôn trọng, thô lỗ, nghiện rượu, hoặc phạm tội tình dục với con cái, trách nhiệm của người con Cơ Đốc là giữ bản phận của mình cho đến cuối cùng. Điều này không có nghĩa rằng mọi hành vi cử chỉ của cha mẹ đều được đồng ý và chấp nhận. Tôi đã sống nhiều năm với một người rất hiếu kính cha mình bởi không bao giờ nói nhiều về ông ta. Những gì anh ta nói đều tích cực. Chỉ khi sau cái chết của đứa con trai, tôi biết được rằng cha của anh ta là một kẻ nghiện rượu, và như một kết quả, trách nhiệm cho một gia đình lớn đổ dồn vào đôi vai tuổi thiếu niên của anh ta. Anh ta từ chối cách sống của cha mình, nhưng anh ta luôn luôn kính hiếu với ông ấy.

**Chăm Sóc Cha Mẹ Lúc Tuổi Già.** Chúa sắp đặt một sự phụ thuộc đẹp đẽ giữa các thế hệ: Cha mẹ được đặc ân chăm sóc con cái mình trong mấy chục năm đầu đời, và con cái có lẽ có đặc ân chăm sóc cha mẹ trong mấy chục năm cuối đời. Đôi khi có người con cứ phụ thuộc suốt đời, và đôi khi một người cha hoặc mẹ trở nên phụ thuộc dường như suốt đời; nhưng bình quân trách nhiệm của người con đối với cha mẹ bao giờ cũng ít hơn mười năm ở Châu Mỹ hiện tại. Không người con nào cảm thấy mặc cảm tội lỗi về việc cho người cha hoặc mẹ của mình vào trong viện dưỡng lão nếu nơi đó thật sự là nơi người cha hoặc mẹ được chăm sóc chu đáo. Nhưng vô số những người con bỏ rơi cha mẹ của mình vì những lý do ích kỷ - thường bỏ qua việc giữ liên lạc – vi phạm điều răn thứ năm một cách ti tiện. “Nếu ai không cấp dưỡng cho bà con mình, nhất là cho chính gia đình mình thì người ấy đã chối bỏ đức tin, còn tệ hơn người không tin nữa” (1 Ti-mô-thê 5:8).

Có phải cha mẹ không nên chu cấp một cách đầy đủ cho tuổi già và sự yếu đuối khả dĩ của mình? Thực tế, há chẳng phải Phao-lô dạy rằng cha mẹ nên dành dụm cho con cái mình



sao (2 Cô-rinh-tô 12:14)? Thực sự, Phao-lô trích dẫn một câu châm ngôn để so sánh điều ông muốn làm cho con cái thuộc linh của ông, không đặt gánh nặng lên họ. Nhưng cha mẹ không thể chu cấp cho lúc tuổi già của mình, hoặc cha mẹ không làm như thế, trở thành cơ hội tuyệt vời để con cái bày tỏ tình yêu thương, sự trung thành và lòng biết ơn vì sự sống và vì tất cả sự hy sinh mà cha mẹ đã đầu tư ở trong con cái.

Có một căng thẳng giữa câu châm ngôn biệt lập được trích dẫn bởi Phao-lô (để nói một điều khác) và lời dạy tràn ngập trong Tân Ước về việc trước hết hãy tìm kiếm nước Đức Chúa Trời như là sự đầu tư chính yếu những nguồn tài nguyên của chúng ta. Tôi giải quyết sự căng thẳng này theo hai cách: Cha mẹ nên chu cấp cho con cái một cách đầy đủ theo như khả năng của mình cho đến khi chúng độc lập. Để chu cấp thêm cho họ thường dẫn đến hiệu quả ngược lại: liên tục phụ thuộc vào những nỗ lực của người khác, thiếu tính tự khởi xướng, vô ơn, xung đột tham lam trong vòng anh chị em, và tạo nên những tội ác khác bởi sự tham tiền bẩm sinh (1 Ti-mô-thê 6:10). Đúng hơn, cha mẹ là những người chuẩn bị cho con cái mình tốt để bước vào đời và bày tỏ sự ủy thác Tân Ước đầu tư trước hết cho vương quốc của Đức Chúa Trời đang làm điều tốt nhất cho con cái của mình.

Nói một cách khác, cha mẹ không nên e ngại trong chu cấp một cách cẩn thận cho tuổi già của mình. Một người trung bình không thể chu cấp cho mọi tình huống có thể xảy ra và, trong sự quản lý trung tín những tài sản mà Chúa giao cho ông ta, có lẽ cũng không nên cố gắng. Nếu sự nỗ lực đó dựa trên sự lo sợ vô tín hoặc là một sự biện hộ cho cái nhìn thiên về vật chất, điều đó rõ ràng là sai.

Phương pháp Kinh Thánh đích thực sẽ là sự chu cấp cho con cái đến khi độc lập, chu cấp cẩn thận cho sự hưu hạ của mình nếu có thể và có sự tự do của lương tâm để làm như vậy, và tin cậy cách vui mừng vào Chúa và vào con cái mình về sự chu cấp xa hơn, sự chu cấp có thể trở nên cần thiết.<sup>82</sup>

Trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ: hiếu kính, yêu thương, vâng lời, và chu cấp cho họ.

Chúng ta dành nhiều sự chú ý vào đề tài giới tính, hôn nhân, và gia đình vì một số lý do. Trước hết, chúng ta kết hợp sự xem xét cho hai trong mười điều răn (điều răn thứ năm và thứ bảy). Hơn nữa, đề tài này được nhấn mạnh nhiều hơn các đề tài đạo đức khác trong Kinh Thánh. Cuối cùng, đây là lãnh vực trong đời sống dường như bị tấn công nhiều nhất bởi các quyền lực của ma quỷ. Dường như chúng ta dễ bị tổn thương nhất trong lãnh vực này, và chúng ta phải làm với tất cả sức lực của chúng ta để vận động những sức mạnh hiểu biết Kinh

---

<sup>82</sup> Những nguyên tắc này sẽ được xem xét chi tiết hơn trong chương “Sự Chính Trực.”

Thánh của chúng ta, sự kết ước của tập hợp Cơ Đốc Nhân của chúng ta, và sự hành động phối hợp của những người có sự suy nghĩ đúng để bảo vệ cho khối xây dựng cơ bản của phúc lợi cá nhân và xã hội.

Sự tạo ra tính dục con người của Đức Chúa Trời là điều tuyệt vời. Nó là món quà yêu thương quý giá dành cho con cái của Ngài vì sự vui thú và lợi ích của họ. Nó hoàn toàn xứng đáng được bảo vệ khỏi sự khai thác và làm méo mó, và chúng ta cố gắng làm việc này bằng Lời mạnh mẽ của Đức Chúa Trời hằng sống.

## NHỮNG TÀI LIỆU ĐỌC THÊM

### TÌNH DỤC

- Braun, Michael, and George Alan Rekers. *Christians in an Age of Sexual Eclipse*. Wheaton, Tyndale House, 1981.
- Dawn, Marva J. *Sexual Character: An Ethic of Intimacy for a Technological Society*. Grand Rapids: Eerdmans, 1993.
- Dillow, Joseph C. *Solomon on Sex*. Nashville: Nelson, 1982.
- Grenz, Stanley. *Sexual Ethics: A Biblical Perspective*. Dallas: Word, 1990. Hugenberger, Gordon Paul. *Marriage As a Covenant A Study of Biblical law and Ethics Governing Marriage Developed from the Perspective of Malachi*: Leiden, the Netherlands: Brill, 1994.
- Imbens, Annie, and Ineke Jonker. *Christianity and Incest*. Trans. Patricia McVay. Minneapolis: Augsburg, 1992. Thiếu sót trong việc áp dụng uy quyền Kinh Thánh, tuy nhiên đề cập một cách nhiệt tình đến vấn đề quan trọng.
- LaHaye, Tim and Beverly. *The Act of Marriage*. Grand Rapids: Zondervan, 1976.
- McDowell, Josh. *The Myth of Sex Education: Josh McDowell's Open letter to His School*. Nashville: Nelson, 1993.
- McIlhane, Joe S., Jr. *Safe Sex A Doctor Examines the Realities of AIDS and Other Studies*. Grand Rapids: Baker, 1991.
- Small, Dwight H. *Christian, Celebrate Your Sexuality*. Old Tappan, N.J.: Revel, 1974.
- Smedes, Lewis B. *Sex for Christians*. Grand Rapids: Eerdmans, 1994.
- Thielicke, Helmut. *Theological Ethics*. Vol. 3, *Sex*. Trans. John Doberstein. Grand Rapids: Eerdmans, 1979.
- Tournier, Paul. *To Understand Each Other* Trans. John S. Gilmour. Richmond: John Knox, 1967.
- Wheat, Ed and Gaye. *Intended for Pleasure*. Old Tappan, N.J.: Revel, 1981.
- White, John. *Eros Redeemed: Breaking the Stranglehold of Sexual Sin*. Downers Grove, M.: InterVarsity Press, 1993. Xem xét hữu ích về những hậu quả của tội lỗi về tình dục, bao gồm

cách làm thế nào để phục vụ những người cần sự tha thứ và sự hy vọng.

## GIA ĐÌNH CƠ ĐỐC

- Adams, Jay. *Christian Living in the Home*. Grand Rapids: Baker, 1974
- Balswick, Jack O., and Judith K. Balswick. *The Family: A Christian Perspective on the Contemporary Home*. Grand Rapids: Baker, 1992.
- Barna, George. *The Future of the American Family*. Chicago: Moody Press, 1993.
- Christiansen, Larry. *The Christian Family*. Minneapolis: Bethany House Publishers, 1970.
- Clapp, Rodney. *Families at the Crossroads: Beyond Traditional and Modern Options*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1993. A biblical critique of what many today refer to as the "traditional family."
- Farrell, Bill. *Pure Pleasure: Making Your Marriage a Great Affair*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1994.
- Grunlan, Stephen A. *Marriage and the Family: A Christian Perspective*. Grand Rapids: Zondervan, 1984.
- Hendricks, H. G. *Heaven Help the Home*. Wheaton, Ill.: Victor Books, 1973.
- Schaeffer, Edith. *High Hopes and Hard Realities*. Grand Rapids: Baker, 1994.

## SỰ ĐỘC THÂN

- Collins, Gary R., ed. *It's OK to Be Single*. Waco, Tex.: Word, 1976.
- Jones, Thomas. *Sex and Love When You're Single Again*. Nashville: Nelson, 1990.

## CON CÁI

- Campbell, Ross. *How to Really Love Your Child*. Wheaton, Ill.: Victor Books, 1977.
- Dobson, James. *Dare to Discipline*. Wheaton, Tyndale House, 1973.
- Gore, Tipper. *Raising PG Kids in X-Rated Society*. Nashville: Broadman, 1991.
- Meier, Paul. *Christian Child Rearing and Personality Development*. Grand Rapids: Baker, 1977.
- Rekers, George A. *Shaping Your Child's Sexual Identity*. Grand Rapids: Baker, 1982.
- White, John. *Parent's in Pain*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1979.

## SỰ LY DỊ

- Cornes, Andrew. *Divorce and Remarriage: Biblical Principles and Pastoral Practice*. Grand Rapids: Eerdmans, 1993.
- House, H. Wayne, ed. *Divorce and Remarriage*. Downers Grove, W.: InterVarsity Press,

1990.

Laney, Carl J. *The Divorce Myth: A Biblical Examination of Divorce and Remarriage*. Minneapolis: Bethany, 1981. Có lẽ là lời biện hộ tốt nhất cho quan điểm “không được ly dị hoặc tái hôn.”

Murray, John. *Divorce*. Philadelphia: Presbyterian and Reformed, 1961. Được xem xét bởi nhiều công trình nghiên cứu dựa trên quan điểm truyền thống của Hội thánh Tin Lành.

#### LẠM DỤNG NGƯỜI VỢ

Alsdurf, James, and Phyllis Alsdurf. *Battered into Submission: The Tragedy of Wife Abuse in the Christian Home*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1989.

Các sách được liệt kê trong phần sách tham khảo của *Christianity Today*, 25 November 1983.

#### VAI TRÒ THEO GIỚI TÍNH

Balswick, Jack. *Men at the Crossroads*. Downers Grove, M.: InterVarsity Press, 1992. Thảo luận về nhân dạng nam giới dựa trên cái nhìn Cơ Đốc về ánh sáng của những tín hiệu gây bối rối đến từ một thế giới thay đổi.

Bilezekian, Gilbert. *Beyond Sex Roles: What the Bible says about a Woman's Place in Church*. Grand Rapids: Baker, 1985.

Boldrey, Richard and Joyce. *Chauvinist or Feminist? Paul's View of Women*. Grand Rapids: Baker, 1976. Sự bảo vệ mang tính học thuật về phong trào nữ quyền và nguồn sách tham khảo được liệt kê bởi Donald Dayton.

Clark, Stephen B. *Men and Women in Christ An Examination of the Roles of Women and Men in the Light of Scripture and the Social Sciences*. Ann Arbor, Mich.: Servant, 1980.

Clouse, Bonnidell, and Robert G. Clouse, eds. *Women in Ministry: Four Views*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1989.

Hicks, Robert. *Uneasy Manhood, The Quest for Self-Understanding*. Nashville: Nelson, 1991.

Horle, Michiaki, and Hildegard Hone. *Whatever Became of Fathering? Its Rise and Fall—and How Parents Can Rebuild It*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1993.

Johnson, Robert K. *The Role of Women in the Church, and Home: An Evangelical Test Case in Hermeneutic, Scripture, Tradition, and Interpretation*. Ed. W. Ward Gasque and William Sanford LaSor. Grand Rapids: Erdmans, 1978. Một tổng quan xuất sắc về những quan điểm chống đối về vai trò của phụ nữ trong Hội thánh, chính yếu, và tại gia đình.

Knight, George W. *The Role Relationship of Men and Women: New Testament Teaching*. Chicago: Moody Press, 1985.

Neuer, Werner. *Man and Woman in Christian Perspective*. Trans. Gordon J. Wenham. Wheaton, Ill.:

Crossway Books, 1991.

Pawson, J. David. *Leadership Is Male*. Nashville: Nelson, 1990. Van Leeuwen, Mary Stewart. *Gender and Grace*. Downers Grove, InterVarsity Press, 1990.

## ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI

Atkinson, David John. *Homosexuals in the Christian Fellowship*. Grand Rapids: Eerdmans, 1981.

Bahnsen, Greg L. *Homosexuality: A Biblical View*. Grand Rapids: Baker, 1991.

Bailey, D. Sherwin. *Homosexuality and the Western Christian Tradition*. New York: Longmans, Green, 1955.

Sách nguồn cung cấp nhiều tính hợp lý cho quan điểm mới, cởi mở hơn về đồng tính luyến ái trong vòng Hội thánh.

Biskup, Michael D., and Karin L. Swisher, eds. *AIDS Opposing Viewpoints*. San Diego: Greenhaven, 1992.

Davies, Bob, and Lori Rentzel. *Coming Out of Homosexuality: New Freedom for Men and Women*. Downers Grove, InterVarsity Press, 1993.

Drakeford, John W. *A Christian View of Homosexuality*. Nashville: Broadman, 1977.

Dudley, William, ed. *Homosexuality: Opposing Viewpoints*. San Diego: Greenhaven, 1993.

Grant, George, and Mac Home. *Legislating Immorality: The Homosexual Movement Comes Out of the Closet*. Chicago: Moody Press, 1993.

Lovelace, Richard F. *Homosexuality and the Church*. Old Tappan, N.J.: Revell, 1978. Sự trình bày đầy sự hiểu biết và mang tính học thuật về lịch sử, thần học, sự dạy dỗ Kinh Thánh về vấn đề đồng tính luyến ái bởi một người theo phái Phúc Âm.

McNeil John J. *The Church and the Homosexual*. 3d ed. Boston: Beacon, 1988. Theo Lovelace, sự điều tra hoàn hảo nhất về văn chương mang tính thần học về đồng tính luyến ái có sẵn có.

Medina, John J. *Uncovering the Mystery of AIDS: A Scientist Helps Tim Understand HIV*. Nashville: Nelson, 1993.

Melton, J. Gordon, *The Churches Speak On Homosexuality (Official Statements from Religious Bodies and Ecumenical Organizations)*. Detroit: Gale Research, 1991.

Rekers, George. *Growing Up Straight What Every Family Should Know about Homosexuality*. Chicago: Moody Press, 1982.

Stott, John R. W. *Homosexual Partnerships? Why Same-Sex Relationships Are Not Christian*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1987.

## CHƯƠNG 8: NHỮNG VẤN ĐỀ TRONG CUỘC SỐNG

### *Con không được giết người*

Giết người được coi là tội tội tệ nhất trong các loại tội phạm phổ biến hơn bất kỳ loại tội phạm nào khác, và đồng thời nó cũng là tội mà người ta thực hiện phổ biến nhất. Được thực hành phổ biến nhất bởi vì Chúa Jêsus Christ không muốn chúng ta ra đi với suy nghĩ rằng này chỉ giới hạn cho những người cắt cổ hoặc đập đầu. Chúa Jêsus phán rằng: “Các con đã nghe lời phán dạy cho người xưa rằng: ‘...nếu ai giết người thì phải bị tòa án xét xử.’ Nhưng Ta bảo các con: Ai giận anh em mình cũng đáng bị tòa án xét xử” (Ma-thi-ơ 5:21, 22). Thậm chí giận dữ cũng vi phạm điều răn thứ sáu rồi.

### NHỮNG HÌNH THỨC GIẾT NGƯỜI

Khi bao gồm cả sự giận dữ và lạm dụng về lời nói thuộc về tội giết người, Chúa Jêsus không có ý muốn rằng những tội này gian ác như tội giết người. Nhưng cũng giống như tội lỗi khác, những tội này không thể được biện hộ như chỉ là sự yếu đuối của con người. Trên thực tế, tất cả tội lỗi, kể cả giết người, đều giống như một củ hành có nhiều lớp. Ở dưới hành động cuối cùng là những hành vi nhỏ hơn, và dưới tất cả các hành vi là một tấm lòng băng hoại. Giết người, quá rõ là một tội lớn, nhưng khi vỏ bên ngoài bị bóc đi, rất nhiều cấp độ bạo lực đều được nhìn thấy như những phần của “củ hành,” và bên dưới sự lạm dụng về thân thể và lời nói là một tấm lòng giận dữ, ghen ghét, hay không yêu thương. Nếu hạt nhân của tình yêu thương không trọn vẹn được trồng và được phép lớn lên, thì hoạt động thù ghét sẽ theo sau. Và tất cả đều hư mất dưới sự phán xét của Đức Chúa Trời.

### TỘI GIẾT NGƯỜI

Một số người ăn chay cho rằng khi Đức Chúa Trời khắc lên bảng đá ở tại Si-nai “Con không được giết người” (Xuất 20:13), Ngài đã cấm cất đi mạng sống của bất cứ sự sống nào vì bất kỳ lý do gì. Một số người theo chủ nghĩa hòa bình thì cho rằng Ngài đã cấm lấy đi mạng sống của con người với bất cứ lý do gì. Nhưng điều răn này không thể diễn giải theo cách đó, vì Môi-se, người đã nhận lãnh bảng luật pháp, đã truyền lệnh giết các thú vật để dâng tế lễ và dùng làm thực phẩm, giết người trong chiến tranh và trong hình phạt tử hình. “Con không được giết người,” trong ngữ cảnh của luật pháp Cựu Ước có nghĩa là phải cân nhắc kỹ lưỡng khi lấy mạng sống của con người mà Kinh Thánh không cho quyền để lấy. Những câu hỏi về giết người trong chiến tranh và tử hình đều rất quan trọng và phức tạp, sau này chúng ta sẽ

xem xét chúng cụ thể hơn. Nhưng có một ngoại lệ cho điều răn nghiêm cấm giết người: giết người để tự vệ.

## TỰ VỆ

Sự chống cự của thân thể trong vấn đề tự vệ dường như được phê chuẩn trong Kinh Thánh (Xuất 21:13, 22:2; Dân 35:22) nhưng không được ra lệnh. Có một cách cao thượng hơn - luật yêu thương. Chúa Jêsus Christ đã không chống cự lại sự gian ác nhưng Ngài đã phó thân mình cho con người gian ác để cung cấp cho họ sự cứu rỗi.

Không phải tất cả các hành động được cho là tự vệ đều hợp pháp. Có một hệ thống cấp bậc giữa vòng chúng. Bảo vệ người khác hoặc thậm chí bảo vệ chính mình là sự ưu tiên cao hơn bảo vệ vật chất tài sản mà mình sở hữu. Nhưng khi có nguy cơ gây tổn hại thân thể, câu hỏi quan trọng là sự sống có bị đe dọa hay không trong lúc lâm nguy. Đó là sự xác nhận rõ ràng nhất của tự vệ.

Một câu hỏi căn bản khác dành cho Cơ Đốc Nhân đó là sự gây hại đang xảy ra trước mắt có phải là khuynh hướng tội phạm hay đó là sự bắt bớ vì có Chúa Jêsus. Một người có thể chọn không chống trả khi chịu đau đớn vì có Chúa nhưng chọn để chống trả sự gây hấn có khuynh hướng tội phạm vì có người khác hoặc thậm chí vì có chính kẻ gây sự. Nếu sự chọn lựa là để chống trả sự bạo lực thân thể, Cơ Đốc Nhân nên hỏi có đúng hay không sự chống trả thể chất là một hành động sẵn có duy nhất hay là có những chọn lựa khác như là nói chuyện hoặc lừa phỉnh. Nếu ở đây không có một chọn lựa nào khác ngoài sự chống trả bằng sức mạnh thể chất, Cơ Đốc Nhân nên nhận thức rằng có phải giết người là sự chọn lựa duy nhất hay là giảm thiểu sự bạo lực sẽ đạt được sự kiềm chế thỏa đáng.

Mặc dầu có những ngoại lệ Đức Chúa Trời cho phép lấy đi sự sống của con người, tội giết người là tội cơ bản chống lại loài người (Lê-vi Ký 24:17; Dân 35:16-21). Sự sống có thể không phải là giá trị tối cao, nhưng nó chắc chắn là sự thiết yếu nhất để tiếp tục theo đuổi những giá trị khác! Và giá trị của cuộc sống có lẽ là một vấn đề đầu nguồn cho bất kỳ xã hội nào.

## BAO LỰC

Trong một xã hội mục nát, việc giết người có thể vẫn là điều đáng gớm ghiếc, nhưng bạo lực chưa đến mức giết người thường được chấp nhận. Những nghiên cứu thường cho thấy rằng bạo lực trong các phương tiện truyền thông giải trí cổ súy cho sự chấp nhận đó. Nhưng kết

quả cuối cùng đáng sợ là một xã hội bệnh hoạn, nơi mà việc lạm dụng người phối ngẫu và lạm dụng trẻ em được cho là xảy ra với một phần tư dân số.

Bạo lực trong gia đình thường không được báo cáo đúng mức và là tội phạm thường bị lờ đi trong một xã hội bận tâm với vẻ bề ngoài. Việc giết hại vợ của O.J. Simpson lần đầu tiên đã cảnh báo cho nhiều người là tiếng chuông báo động sự đánh đập vợ ở nước Mỹ. Một văn phòng công tố viên ở Los Angeles đã báo cáo rằng bạo lực trong thành phố này là nguyên nhân gây ra trung bình cứ chín ngày có một vụ giết người.

Sự giải thích của Đấng Christ về điều răn thứ sáu đã nhấn mạnh đến sự lạm dụng bằng lời nói. Gia-cơ (1:26; 3:1-12) và Sa-lô-môn (Châm ngôn 13:3; 15:1, 4,23; 17:28; 18:8, 13; 21:23; 29:20) đã nói nhiều về tội của lưỡi, nhưng phần Kinh Thánh còn lại cũng nói mạnh về đề tài này. Gia-cơ nói rằng lưỡi giống như chất cháy và thuốc độc. Nó không những làm hư hoại những mối quan hệ và thiêu cháy những người khác mà còn phá hủy chính người có lưỡi không được kỷ luật bằng Đức Thánh Linh (Gia-cơ 3).

Sự tấn công trực tiếp một người với sự chỉ trích xoi mói hoặc sự khinh thường làm cho đau đớn, sự hài hước châm biếm, hay lời bóng gió khôn khéo có thể hủy hoại điều gì đó trong người ấy. Lời chỉ trích dành cho một người được đem ra nói cho những người khác cũng gây chết người. Luật tình yêu đóng ấn đôi môi. Bất cứ lời nói nào mà làm tổn hại đến người khác là giết người, trừ phi nó được nói ra với người đó trong tình yêu hoặc nó chỉ được nói cho người khác là người có trách nhiệm sửa sai (Ma-thi-ơ 18:15-18). Người vắng mặt cũng được an toàn với người con để Thánh Linh làm chủ của Đức Chúa Trời cũng giống như người có mặt được an toàn với người con đó.

## SỰ BỎ MẶC

Một cách làm tổn thương khác đó là không nói hoặc không làm gì cả khi một lời nói hoặc một hành động có thể giữ khỏi sự thiệt hại. Không dựng song chắn xung quanh mái nhà bằng phẳng dẫn đến tội làm đổ máu nếu có ai đó bị rơi xuống từ mái nhà (Phục 22:8). Không làm điều tốt trong khi mình có khả năng làm là tội lỗi (Châm ngôn 3:27-28). Vì thế những người nghèo khổ, những người không nơi nương tựa, những người đói khát thuộc trách nhiệm của tôi trong phạm vi mà tôi có khả năng giúp đỡ. Yên lặng khi người khác bị vu cáo, dù trong tòa án luật pháp hay trong sự nói hành riêng tư là dự phần trong sự làm tổn hại. Vì thế bỏ mặc là hình thức khác của giết người (cũng xem trong Xuất 21:29-31).

## GIẬN DỮ



Thật ngạc nhiên, sự giải thích của Đấng Christ về điều răn thứ sáu bao gồm cả trạng thái bên trong của một người. Sự giận dữ thuộc về sự phán xét của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 5:22). Giận dữ không phải đề tài xuất phát từ Chúa Jêsus. Môi-se đã viết lại ý muốn của Đức Chúa Trời, “Đừng để lòng ghen ghét anh em mình; ... đừng mang mối oán hận với đồng bào mình, nhưng hãy yêu thương người lân cận như chính mình” (Lê-vi Ký 19:17-18). Thiếu tình yêu thương, cũng như hết sức căm thù đều là hình thức giết người.

Giận dữ không phải lúc nào cũng sai. Nếu giận là sai thì Chúa là tội đầu, vì Ngài giận dữ mỗi ngày (Thi Thiên 7:11). Hãy chú ý Đa-vít nói rằng Đức Chúa Trời không chỉ giận dữ về tội lỗi. Ngài nổi giận với người gian ác.<sup>1</sup> Sự giận dữ của Chúa được nhìn thấy suốt qua Cựu Ước và Tân Ước và là kết quả tất yếu của bản tính thánh khiết của Ngài bộc lộ ra trước những hành vi và thái độ bất khiết.

Nhưng có thể nào một người tội lỗi thánh thiện trong sự giận dữ của mình không? Điều này thật không dễ chút nào vì Kinh Thánh đầy dẫy sự dạy dỗ chống lại sự nóng giận. Sự giận dữ phải được ném đi xa (Ê-phê-sô 4:31; Cô-lô-se 3:8); Người nào giận dữ thì sẽ bị xét đoán (Ma-thi-ơ 5:22); giận dữ là việc làm của xác thịt (Ga-la-ti 5:19-20); nó không làm nên sự công bình của Đức Chúa Trời (Gia-cơ 1:20); và nó là đặc quyền của Đức Chúa Trời không phải của loài người (Rô ma 12:19), Châm ngôn thường xuyên lên án sự giận dữ.

Nhưng Chúa Jêsus đã giận dữ (Ma-thi-ơ 3:5), và chúng ta được dạy rằng trong cơn giận chó hê phạm tội (Thi Thiên 4:4; Ê-phê-sô 4:26), cần phải chậm nóng giận (Tít 1:7; Gia-cơ 1:19); vượt qua cơn giận cách nhanh chóng (Ê-phê-sô 4:26). Trong một số hoàn cảnh, giận dữ dường như được tán thành, nhưng phần lớn Kinh Thánh nhấn mạnh sự giận dữ như là điều sai trái. Những trường hợp ngoại lệ xem như rất hạn chế.

Giận dữ vì tội lỗi, thậm chí giận vì tội nhân có thể là điều tốt (2 Cô-rinh-tô 7:11). Lòng Giê-rê-mi chất chứa đầy cơn giận của Chúa (6:11), và Phao lô đã nổi giận về sự sùng bái thần tượng của người A-thên (Công Vụ 17:16). Tuy nhiên, chính Chúa Jêsus đã kiềm chế cơn giận khi kẻ thù chống nghịch lại cá nhân Ngài (1Phi-e-rơ 2:23-24), và “như chiên câm lặng trước mặt kẻ hót lông, Người không hề mở miệng (Ê-sai 53:7).

Sự giận dữ công bình và không công bình có thể được phân biệt bởi nguyên nhân của nó. Một người nên giận dữ vì tội chống nghịch Đức Chúa Trời, làm tổn hại người khác, hoặc hại chính người phạm tội. Nan đề đối với việc giận dữ một cách công bình đó là động cơ của chúng ta thường bị lẫn lộn. Có phải tôi giận vì tội chống nghịch Đức Chúa Trời và hại người ta, hay tôi giận dữ vì có tôi bị ảnh hưởng? Vì những động cơ thường bị lẫn lộn, nên cách an

---

<sup>1</sup> Để có được sự giải nghĩa đầy đủ cho chủ đề này, hãy xem Leon Morri, *The Apostolic Preaching of the Cross* (Grand Rapids: Eerdmans, 1955).

toàn có thể là tránh đi tất cả khi tội lỗi của người khác trực tiếp ảnh hưởng đến tôi, như lúc con tôi làm điều sai và điều sai đó làm cho tôi xấu hổ. Tốt hơn là chờ đợi đến khi con giận người đi để hành động kéo theo không đến từ cơn giận pha trộn giữa công bình và không công bình. Giận dữ trở nên tội lỗi khi nó xuất phát từ một lí do sai trật hay là dẫn đến những hành động sai trái.

Một số người cho rằng sự giận của Đức Chúa Trời đơn thuần mang tính xét xử- Ngài đảm nhận địa vị phán xét tội lỗi. Nguyên lí là sự giận của Đức Chúa Trời là không thiên vị, khách quan và không kèm theo bất kỳ xúc cảm giận dữ về phía Ngài. Nhưng đây không phải là bức tranh Kinh Thánh về một Đức Chúa Trời, Đấng giận dữ mãnh liệt. Dựa vào cách Chúa Jêsus phản ứng với những tội lỗi chống nghịch lại chính Ngài, thì sự giận dữ mãnh liệt này là dành cho những gì tội lỗi gây ra cho tội nhân và cho những người mà anh ta phạm tội nghịch lại hơn là những gì tội lỗi gây ra cho chính Đức Chúa Trời. Nhưng gương mẫu của Đức Chúa Trời hàm ý rằng, một số người, nếu họ được đầy đầy Đức Thánh Linh, họ sẽ trở nên giận dữ, rất có thể cho lần đầu tiên. Trong thời đại mà “không có tội lỗi nào ngoài tội lỗi không tha thứ,” một số người trong chúng ta cần được khuấy động để tham dự vào cơn giận mà Đức Chúa Trời dành cho sự gian ác, sự áp bức, và những sai trái của thế gian này.

Để giữ cảm xúc khỏi bị kích động bởi lý do sai trật, hoặc mất sự tiết chế, Kinh Thánh đưa ra hai cách: Đứng quá căng thẳng- đừng giận dữ bất thành linh (Gia-cơ 1:19), đừng để cơn giận cháy bùng - đừng giữ nó cho đến ngày hôm sau (Ê-phê-sô 4:26). Hoặc là “chậm nóng giận,” phản ứng nhanh không cần suy nghĩ, hoặc là “chậm bốc hỏa,” tiếp tục với cảm xúc, có thể dẫn tới hiểm họa làm cho cơn giận công bình bị lạc hướng.

Đi ngược lại sự dạy dỗ rõ ràng trong Kinh Thánh rằng hầu hết (không phải tất cả) sự giận dữ của con người là sai trật và sự phản ứng thích hợp là phải kiểm soát nó (Châm 16:32), nhiều nhà tâm lí học Cơ đốc cho rằng giận dữ là trung dung về mặt đạo đức và nó phải được bày tỏ ra.<sup>2</sup> Đối với điều này chúng ta đáp ứng rằng giận dữ là trung dung trong cùng một cách như ghen ghét và giết người đều là trung dung: Đôi khi họ đúng, nhưng hầu hết là sai trật. Giận dữ trong bản chất là một cảm xúc sai trật nếu nó có khuynh hướng chống nghịch sai đối tượng (Đức Chúa Trời, người vô tội, một điều gì đó); vì lý do sai trật (tán công cá nhân); hoặc là dẫn đến cách cư xử sai trái (sự trả đũa, báo thù, bạo hành thân thể).

---

<sup>2</sup> Về sự tranh luận hữu ích về vấn đề này, hãy xem Charles Ceding, Jr., J. Pedersen, and John Hower, *Journal of psychology and Psychology and Theology*, 2, nos. 1, 2, and 4 (1974).

<sup>3</sup> Lloyd H. Steffen, "On Anger," *The Christian Century*, 16 January 1985, 47.

Giận dữ trong những trường hợp này không nên bị từ chối hoặc là tỏ ra. Nó nên được xung ra như là tội lỗi và nguồn tài nguyên của Đức Chúa Trời sẵn dành cho việc kiềm chế cảm xúc.

Lloyd H. Steffen, trong quyển “On Anger” đã chỉ ra rằng giận dữ không phải lúc nào cũng xấu: “Đôi khi chỉ có sự giận dữ giúp chúng ta nhận ra sự bất bình hoặc thay đổi tình huống.” Nhưng, khi nhận định về quan điểm chung giữa vòng các nhà tâm lý học cho rằng sự giận dữ cần phải được đưa ra để làm sáng tỏ, ông viết:

Khơi thông cho sự giận dữ chẳng khác nào khơi thông cho một đám lửa. Môi trường sẽ trở nên nóng hơn và đầy khói, sự hủy hoại sẽ tăng lên. Khơi thông sự giận dữ làm chậm lại việc tìm hiểu nguyên nhân gây ra nan đề để bắt đầu sửa lại... Sự giận dữ của chúng ta thường là sự đáp trả lại những điều mà chúng ta cảm thấy trong cách nào đó gây tổn thương cho chúng ta, hoặc cản trở chúng ta trên con đường riêng của mình.<sup>3</sup>

Khích lệ một người mặc cảm về sự giận dữ của mình bằng cách quả quyết với anh ta rằng chẳng có điều gì sai trật với sự phản ứng rất là con người, và chỉ có một điều lành mạnh là hãy bày tỏ sự giận dữ và đừng mặc cảm, sẽ làm cho sự mặc cảm thật của Cơ Đốc Nhân dễ bị tổn thương “ẩn đi” và trì hoãn sự giải quyết theo Kinh Thánh. Đúng hơn, người đó cần được khích lệ để đánh giá trong ánh sáng của lời Chúa xem có phải sự giận dữ của mình là tin kính hay không, và nếu không, hãy xưng nhận tội lỗi của mình, và như thế sẽ giữ bỏ tất cả sự mặc cảm tội lỗi. Anh ta nên nương nơi Đức Chúa Trời nhờ nguồn tài nguyên để chiến thắng cảm dỗ.

## **CHỦ NGHĨA PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC**

Về mặt ngôn từ, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc liên quan đến ý tưởng có tính chất phi chủng tộc, đặc biệt những mô hình văn hóa, là kết quả của chủng tộc. Ví dụ có thể là sự tổng quát hóa cách cư xử của một số người trong một chủng tộc xác định, quy gán cách cư xử đó cho tất cả những người cùng thuộc chủng tộc đó. Kết quả là lòng căm thù, không dung thứ, hoặc sự đối xử bất công. Khi thái độ này thường xuyên được bày tỏ cách tự do và mạnh mẽ bởi chủng tộc có số đông trong cộng đồng, danh hiệu “kẻ phân biệt chủng tộc” thường được quy gán cho những ai xem chủng tộc của mình cao quý hơn và chèn ép các chủng tộc khác. Nhưng những thái độ và hành động phân biệt chủng tộc cũng có thể ở trong một nhóm người thiểu số bị chèn ép, thậm chí ngay cả khi họ chấp nhận mình ở vị trí thấp kém hơn. Không

một ai được miễn nhiệm con vi rút phân biệt chủng tộc, thái độ thiếu tin kính dựa trên sự khác nhau về chủng tộc. Tất nhiên, thái độ và hành vi tội lỗi cũng có thể xảy ra khi dựa trên sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ, bộ tộc, tầng lớp hoặc đẳng xã hội, cũng như chủng tộc.

## TRÁCH NHIỆM TẬP THỂ

Cách cư xử không công bằng và thiếu yêu thương có thể trở nên đặc điểm của một nhóm người và của tập thể hoặc thậm chí hình thành sự bất công hoặc sự áp bức. Bản thân luật pháp hay cách hệ thống luật pháp được thực thi có thể phân biệt đối xử với một tầng lớp trong xã hội. Một lần nữa, có thể không có luật, nhưng xã hội cũng có thể hoạt động trong những cách bất công và thiếu sự thương xót.

## QUAN ĐIỂM KINH THÁNH VỀ SỰ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

Sự phân biệt đối xử gây tổn thương cho một số người trong xã hội hầu như là một hiện tượng phổ biến. Đối với Cơ Đốc Nhân, thậm chí có cảm giác rằng mình cao trọng hơn cũng là tội lỗi (Phi-líp 2:1-8). Dựa vào những cảm giác về sự khác biệt tầng lớp như thế vừa tội lỗi vừa ngu dại (Gia-cơ 2:1-9). Sự phân biệt chủng tộc là rộng khắp nhưng không phổ biến bằng sự phân biệt giai cấp. Kinh Thánh ít nói đến vấn đề chủng tộc, có lẽ vì sự khác biệt thời hiện đại dựa trên những đặc điểm thể lý không cùng một vấn đề trong thế giới thời cổ đại.

Thật trớ trêu thay, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc hiện đại đã tiếp nhận sự thúc đẩy lớn nhất của nó từ các nhà khoa học của thế kỷ trước. Tiêu đề phụ của Nguồn Gốc Các Loài của Charles Darwin là “Sự Bảo Tồn Của Các Chủng Tộc Có Ưu Thế Trong Cuộc Đấu Tranh Sinh Tồn.” Hầu hết những người theo thuyết tiến hóa ở thế kỷ mười chín đều tin vào lý thuyết về các chủng tộc cao cấp hơn và các chủng tộc thấp kém hơn.

Một số người cho rằng Kinh Thánh xác nhận cả sự phân biệt chủng tộc và sự đối xử không công bằng (chẳng hạn như chế độ nô lệ), nhưng không phải là vậy.<sup>4</sup> Đức Chúa Trời đã đòi hỏi sự chia tách và phân biệt trong vòng dân sự, nhưng luôn luôn dựa vào sự khác biệt về tôn giáo, chứ chẳng bao giờ về dựa trên sự khác biệt về chủng tộc hay giai cấp.

Mặc dù tình trạng nô lệ không bị cấm trong Kinh Thánh, thái độ của Chúa có thể được nhìn thấy rõ ràng trong những giới hạn được thiết lập trong hệ thống chế độ nô lệ đang tồn tại (Phục 15:12-18; 23:15-16 so sánh với 22:1-4; Phi-lê-môn). Quan điểm của Ngài về sự phân biệt đối xử chống lại người nghèo, kẻ yếu, người thiểu số, kẻ bị đàn áp rất rõ ràng và mạnh mẽ. Người nước ngoài cũng được sáp nhập hoàn toàn trong luật yêu thương vào trong cộng

---

<sup>4</sup>Xem James O. Buswell III, "Marriage," trong *Slavery, Segregation, and Scripture* (Grand Rapids: Eerdmans, 1964).

đồng xã hội (Xuất23:9; Lê-vi Ký 19:33-34; Phục 10:18); được đối xử công bằng trước luật pháp (Xuất12:49; Lê-vi Ký 24:22); bao gồm cả đời sống tôn giáo (Xuất 12:48-49; Ê-sai 56:3; Ê-xê-chi-ên 44:9); và cũng được tham gia cách đầy đủ trong kế hoạch của Đức Chúa Trời cho tương lai (Ê-sai 49:6; 52:14-15; Ê-xê. 47:22-23; Xa-cha-ri 2:11). Sự trừng phạt khủng khiếp của Đức Chúa Trời trên Y-sơ-ra-ên một phần vì sự đối xử của họ với những người ngoại quốc (Giê-rê-mi7:5-7; 22:2-5; Ê-xê-chi-ên 22:7-15; Xa-cha-ri 7:10-14; Ma-la-chi 3:1-5). Chính Đức Chúa Trời kiên quyết bảo vệ người ngoại quốc (Dân Số Ký 15:15-16).

Trong khi Đức Chúa Trời mạnh mẽ chống đối sự bất công, bao gồm sự bất công đến từ sự phân biệt chủng tộc và phân biệt giai cấp, tại sao hầu hết các Cơ Đốc Nhân tham gia vào khuôn mẫu văn hóa của chính họ với sự phân biệt đối xử hơn là liên kết với các Cơ Đốc Nhân khác cung cấp sự phản văn hóa triệt để theo Kinh Thánh một cách triệt để về công bình, thương xót, và hiệp một?

## NHỮNG NGUYÊN NHÂN PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC

Kiêu ngạo là nguyên nhân sâu xa của sự phân biệt chủng tộc. Và với sự kiêu ngạo ngu ngốc đó, dựa trên những đặc điểm thân thể, dựa trên cái điều mà không ai chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, niềm tự hào dân tộc có lẽ được dựa trên những khác biệt về văn hóa hơn là dựa vào sự khác biệt chỉ mang tính thể chất. Chúng ta khái quát hóa những khác biệt rất thật, rất sâu sắc và rất rộng về văn hóa để nhận định rằng sự khác biệt thể chất có thể nhìn thấy được là một phần không thể thiếu để phân biệt một nhóm người. Vì một cách tự nhiên con người thích giao du với những người họ có thể hiểu và những người họ đồng ý, nên sự phân biệt trong hình thức này hoặc hình thức kia là điều không thể tránh khỏi. Việc tập hợp những người có mối liên hệ có thể là điều hợp pháp và cũng là điều tội lỗi trở thành vấn đề nan giải tồn tại dai dẳng. Nhiệm vụ của Cơ Đốc Nhân và Hội thánh là giúp giải quyết vấn đề nan giải này với sự khôn ngoan, lòng thương xót, và sự can đảm. Sự kiêu ngạo nói rằng, “Cách của chúng ta là cách tốt nhất,” rồi kết luận rằng tất cả các phương cách khác đều thấp kém hơn.

Sự ngu dốt mở rộng cách phán xét này đồng hóa những khuôn mẫu văn hóa với màu da, và những hành vi được quan sát từ một số người được tổng quát hóa thành đặc điểm của cả nhóm người. “Tất cả những người Ấn Độ diễu hành theo một hàng... ít nhất tôi đã một lần thấy điều đó.” Sự kiêu ngạo và ngu dốt của chuỗi suy luận sai lầm tạo nên sự chia rẽ và làm tổn thương.

Thêm vào sự kiêu ngạo và sự tổng quát hóa ngu dốt, sự sợ hãi cũng là một nguyên nhân chính của sự xung đột chủng tộc và giai cấp, sợ những người mình không biết. Những khuôn

mẫu của sự chia tách làm tăng thêm sự ngu dốt không biết nhóm người khác đó thật sự là thế nào, và quyết định trước đây cho rằng dù sao nó cũng thấp kém hơn “cách của chúng ta” tạo nên một bầu không khí sợ hãi mà trong đó sự tưởng tượng có ảnh hưởng hơn thực tế. Nỗi sợ khác đó là sợ bị tổn thương bởi “kẻ thù,” có thể qua sự đối kháng có tính toán hoặc có thể qua việc lấy đi một số lợi ích có thực hoặc tiềm năng bởi kẻ thù. Khi con người, tài sản hoặc vị trí của mình bị người khác đặt trong tình trạng nguy hại, sự sợ hãi, có thể có lý hoặc vô lý, bắt đầu quyết định hành vi. Sự sợ hãi có thể làm cho một thành viên của một nhóm người thiểu số không có quyền lực trở nên kẻ phân biệt chủng tộc trong thái độ và hành động cũng giống như những người có quyền lực áp đặt sự bất công. Vì thế sự kiêu căng và sự sợ hãi thường kết hợp với sự ngu dốt để sản sinh ra toàn bộ chuỗi những thái độ và hành động của sự phân biệt chủng tộc, từ sự thiếu yêu thương, qua lòng căm thù và bạo lực, cho đến sự bất công có tổ chức và giết chóc.

## NGƯỜI MỸ GỐC CHÂU PHI

Một số người, như Tom Skinner, một phát ngôn viên da đen hàng đầu trước đây thuộc cánh Phúc Âm nói rằng những vấn đề phân biệt chủng tộc của người Mỹ là một vấn đề thuộc người da trắng. Có ít nhất hai sự nhân mạnh khác biệt giữa vòng những người theo quan điểm này. Một số người cho rằng đen và trắng đang thu hoạch con lóc từ những ngọn gió được sản sinh bởi những ông tổ nắm giữ nô lệ của Mỹ. Thái độ người da trắng và những khuôn mẫu cư xử của người da đen, cả hai đều hủy hoại người da đen, đã được tạo ra trong suốt 250 năm chế độ chiếm hữu nô lệ ở Mỹ.

Những nghiên cứu sau này không đếm xỉa đến điều này và cho rằng những cấu trúc xã hội hiện tại và những thái độ cá nhân chính là nan đề.<sup>5</sup> Quan điểm này nhìn thấy tiềm năng lớn trong những người Mỹ gốc Châu phi nhưng một tiềm năng mà hầu hết những người Mỹ đen thường bị cấm cản bởi một cơ cấu xã hội đan kết chặt chẽ bắt đầu với sự nghèo đói và nền giáo dục thấp kém dẫn đến tình trạng thất nghiệp, những công việc trả lương rẻ mạt và tội phạm.

Những người khác cho rằng nan đề này căn bản nằm ở những người da đen. Một quan điểm lâu đời hơn đó là những người da đen là một chủng tộc thấp kém hơn; vì thế, thật thích đáng để những người khác đối xử với họ như vậy, và vì những người da đen chấp nhận vai trò thấp kém hơn của họ. Những người theo thuyết tiến hóa thế kỷ thứ mười chín đã củng cố

---

<sup>5</sup> Xem Herbert G. Gutman, *The Black Family in Slavery and Freedom, 1750 to 1925* (New York: Pantheon, 1979) và Alex Haley, *Roots: The Saga of an American Family* (New York: Doubleday, 1979).

quan điểm đó, và cho đến hôm nay một vài người sùng đạo bên vực cho quan điểm đó, một số người thậm chí còn bên vực thể chế của chế độ chiếm hữu nô lệ. Có lẽ quan điểm này đã nhận được luồng sinh khí mới bởi những công trình nghiên cứu của giáo sư trường Berkeley, Arthur Jensen, người được giải Nobel thuộc Đại học Stanford, William Shockley, và một số ít những người đưa ra khả năng di truyền nhận được từ những đặc điểm trí tuệ.<sup>6</sup> Những quan điểm này đã bị bác bỏ bởi phần lớn các nhà khoa học hành vi là những người thậm chí từ chối đặt câu hỏi một vấn đề của sự điều tra mang tính khoa học. Một kết luận được đưa ra bởi hầu hết các lãnh đạo học thuật, truyền thông và chính trị Mỹ đó là xã hội, đặc biệt xã hội có số đông là da trắng, phải có trách nhiệm thay đổi môi trường (như đã giải thích ở trên).

Nhưng một kết luận khác đến từ cùng một học thuyết về điều kiện xã hội cho rằng người da đen phải chịu trách nhiệm chính cho sự giải phóng chính mình; ít ra sự giải phóng đó không thể đạt được nếu thiếu cộng tác của anh ta. Charles Silberman, một người biện hộ mạnh mẽ cho chính nghĩa người da đen, đưa ra lập trường này:

Người da đen sẽ không thể đấu tranh trong điều kiện bình đẳng cho đến chừng anh ta có thể loại bỏ hoàn toàn khỏi tâm trí anh ý thức về sự cao trọng của người da trắng và sự thấp kém của người da đen – cho đến khi anh ta thật sự tin, với tất cả con người của anh, rằng anh là một người tự do, và hành động như một người tự do. Trong ý nghĩa này, vì thế, chỉ những người da đen mới có thể giải quyết nan đề người da đen.... Nếu sự phân biệt đối xử bệnh hoạn phải kết thúc ngay lập tức, chỉ có điều đó thôi sẽ không cải thiện một cách thiết yếu địa vị của người da đen. Sự thật khó chịu đó là quá nhiều người da đen không thể - không muốn - cạnh tranh trong một xã hội hợp nhất.<sup>7</sup>

Ai là người đúng, người da đen hay là người da trắng? Hãy xem xét sự cân bằng sau đây: Nếu có những người da đen trên thiên đàng, tôi không muốn đi đến đó. ( một tín đồ bình thường của Hội thánh hàng đầu trong cuộc trò chuyện riêng tư)

Chúng ta đã bắt đầu vẽ những bức tranh mà sẽ khiến người ta đi ra và giết những con lợn [cảnh sát]... chúng ta sẽ không ngần ngại để giết hoặc chết cho sự tự do của chúng ta.<sup>8</sup>

Dù nhận sự nhận thức đúng hay sai, làm thế nào chúng ta đã đi vào trong sự bế tắc tột cùng của những người da đen bị khóa chặt trong những khu nhà ổ chuột của sự nghèo đói, tội phạm, thất nghiệp và sự tan rã các gia đình trong khi những Cơ Đốc Nhân da trắng không coi đó là một nan đề chính yếu? Những người Mỹ trắng đã xếp hạng sự phân biệt chủng tộc đứng thứ ba mươi một trong vòng

<sup>6</sup>Xem *Chronicle of Higher Education*, 12 September 1977.

<sup>7</sup> Charles E. Silberman, *Crisis in Black and White* (New York: Random House, 1964), 12, 70.

<sup>8</sup> *The Black Panther*, 31 October 1970, 4.

các nan đề đối mặt với quốc gia... Tuy nhiên người da đen, trong cùng một khảo sát, đã nói rằng sự phân biệt chủng tộc đã là một nan đề số một đang đối mặt với nước Mỹ.<sup>9</sup>

Sự chia rẽ mạnh mẽ và sự tái phân chia về phía những người Mỹ gốc châu Phi được coi như một cuộc vận động hành lang khi Malcolm X đưa ra lý lẽ thông qua Quốc Gia Hồi Giáo. Một số ít người tiên đoán rằng trước những năm chín mươi, nhiều người Mỹ gốc châu Phi sẽ xem người kế vị của Macolm, Louis Farrakhan là một vị anh hùng của toàn chủng tộc. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ồn ào của anh ta, cái mà không thể được khoan dung nếu như được trình bày bởi những người da trắng, nhưng lại được bào chữa bởi nhiều người Mỹ gốc châu Phi và được dung thứ bởi giới truyền thông. Noi gót ông ta, những phát ngôn viên da đen trên Ti vi chủ trương bồi thường thiệt hại như là cách duy nhất để ngăn chặn chiến tranh chủng tộc và những người mặc áo thun đòi hỏi 48 triệu đô la cho mỗi người Mỹ gốc Châu Phi như là cách trả lại khoản bồi thường thiệt hại chiến tranh chưa được hoàn trả khi cuộc nội chiến kết thúc. Lời hùng biện như thế bị nhiều người, ngay cả những người mặc áo thun đó, xem là không nghiêm túc, nhưng bước chuyển hướng về sự tái phân chia đang lan rộng cách nhanh chóng.

Những vấn đề âm đạm về người da đen sẽ không được giải quyết cách toàn diện bằng sự khôn ngoan của con người và những hoạt động chính trị, không chỉ bởi vì sự quá phức tạp của chúng mà còn vì nan đề gốc rễ là tội lỗi. Vì vậy, chỉ có Hội thánh mới có thể đưa ra giải pháp, nhưng Hội thánh đã thất bại. Chúng ta đi tiếp để xem xét sự thất bại đó.

Lưu ý rằng chúng ta đang giải quyết vấn đề chủng tộc trầm trọng nhất, nhưng những nguyên tắc liên quan được áp dụng như nhau cho người Do Thái, người Mỹ bản xứ, người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha và tất cả những nhóm dân tộc khác là những người đã từng bị phân biệt đối xử một cách sai trật.

## PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC TRONG HỘI THÁNH

Hành động chính trị là cần thiết nhưng chỉ có sự chữa trị tinh thần mới có thể mang lại một giải pháp lâu dài. Chỉ có công việc biến đổi của Chúa Jêsus Christ trong lòng con người là thích đáng cho vấn đề tội lỗi. Nhưng nan đề tồn đọng là: Phân biệt chủng tộc đã tiêm nhiễm Hội thánh với cùng một loại vi rút. Thật ra, đôi lúc sự căng thẳng trong vòng Hội thánh dường như nhiều độc hại hơn và ít được chữa lành hơn bên ngoài Hội thánh. Làm thế nào để

---

<sup>9</sup> Mark Olson, "White Follies, Black Shackles," *The Other Side*, June 1979, 16.



Hội thánh có thể tẩy thanh và chữa lành những thành viên của mình để rồi trở thành những công cụ của Đức Chúa Trời để làm sạch và chữa lành xã hội?

**Sự Tái Sinh.** Chỉ những con người mới mới có thể xây dựng một xã hội mới. Nhưng hội viên của Hội thánh không tự động làm điều này. Những vấn đề phân biệt chủng tộc khốc liệt nhất đã xảy ra tại miền nam Hoa Kỳ và tại Nam Phi nơi có sự tác động của các tín đồ Tin Lành ở mức cao. Về phương diện lịch sử, những Cơ Đốc Nhân da đen, ở dưới sự khiêu khích lớn hơn nhiều, phải vượt qua những thành kiến chủng tộc nhiều hơn người da trắng, mặc dầu điều này dường như đang thay đổi. Làm thế nào để giúp các Cơ Đốc Nhân có cách cư xử như những Cơ Đốc Nhân?

**Sự Dạy Dỗ.** Hội thánh có trách nhiệm dạy dỗ lẽ thật rằng chúng ta tất cả đều là một trong Chúa Jêsus Christ (Ga-la-ti 3:26-28; Ê-phê-sô 2:11-14; 4:3-4; Cô-lô-se 3:10-11). Vì những thái độ được xã hội hóa một cách vô ý thức, nên Hội thánh phải áp dụng lẽ thật này cách nghiêm ngặt, phải chỉ ra những định kiến phân biệt chủng tộc quý quyết đang dấy lên và sự căm ghét của Đức Chúa Trời đối với tội chống lại sự hiệp nhất của thân thể Ngài.

**Những Mối Quan Hệ Cá Nhân.** Sự dạy dỗ phải được hoạt hóa trong những mối quan hệ cá nhân của người da đen và người da trắng trong công việc, trong cộng đồng, trong gia đình và trong Hội thánh. Mối thông công yêu thương được mong đợi bởi Chúa Cha giữa vòng các thành viên trong gia đình của Ngài phải được thể hiện ra. “Sự dạy dỗ” bao gồm cả sự giám sát thuộc linh, dĩ nhiên, nhờ đó các thành viên của Hội thánh được kỷ luật để sống theo những gì họ đã được dạy.

Những con người mới thật sự là những người được dạy dỗ và kỷ luật theo Kinh Thánh, nhạy bén với Đức Thánh Linh, và biết vâng lời Chúa để Hội thánh có thể tạo nên một sự khác biệt. Loại người da đen và da trắng này có thể xây dựng những mối quan hệ cá nhân tin kính và làm tỉnh thức Hội thánh bị ràng buộc bởi văn hóa. Một Hội thánh tự do và tỉnh thức có thể ảnh hưởng đến cộng đồng của nó để xây dựng một xã hội công bằng và khoan dung hơn.

**Cơ Cấu và Chương Trình.** Hội thánh không phải chỉ dạy và giúp từng cá nhân tìm ra đường đúng nhưng còn phải loại ra mọi chính sách trực tiếp hoặc gián tiếp của Hội thánh về sự phân biệt chủng tộc.

**Hành Động Khăng Định.** Thật là ngớ ngẩn khi đòi hỏi tất cả mọi người nói những ngôn ngữ khác nhau phải thuộc cùng một hội chúng địa phương trong khi một nhóm người nói hơn ngôn ngữ đã có một Hội thánh. Cũng có “những ngôn ngữ” khác nữa- về văn hóa và thần học. Nhiều cách thờ phượng hoàn toàn khác nhau, và các vấn đề giáo lý là quan trọng đối với con người. Có cần phải bắt buộc tất cả mọi người vào trong một hội chúng địa phương trong khi có nhiều hơn một kiểu thờ phượng được sử dụng không? Có phải “hành động khăng định” muốn nói rằng Kinh Thánh yêu cầu mọi Hội thánh người Mỹ gốc Châu Phi, ví dụ như, tích cực tuyển dụng người da trắng cho đến khi có một sự cân bằng chủng tộc tương đương với xã hội nói chung? Tôi tin rằng điều này đã đi quá xa đối với bất cứ sự ủy nhiệm nào của Kinh Thánh. Mặt khác, dầu những Hội thánh và những nhóm người khác có khuynh hướng phát triển dựa theo những ranh giới của tính tương thích văn hóa, điều này không cho phép bất kỳ Hội thánh nào áp đặt những điều ngăn trở chính thức hoặc không chính thức cho sự tham gia trọn vẹn của bất cứ người nào, không quan tâm đến chủng tộc, tình trạng xã hội, hoặc bất kỳ đặc tính không liên đạo đức.<sup>10</sup>

Tuy nhiên, chúng ta phải hoạt động một cách xông xáo cho sự hiệp nhất của thân thể Đấng Christ và làm việc cùng nhau vì sự tiến bộ của Vương Quốc Đấng Christ, trong nước Ngài không có rào cản nào giữa người da đen và người da trắng, tầng lớp cao và tầng lớp thấp, nam và nữ, giàu và nghèo.

Một bằng chứng khác của sự phân biệt chủng tộc trong Hội thánh là thái độ và mối quan hệ gia trưởng, nếu không muốn nói là thực dân, của nhiều giáo sĩ trong quá khứ. Điều này đã được thay thế, trong một số trường hợp, bởi một chủ nghĩa phân biệt chủng tộc mới, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa đã sản sinh ra thái độ chống lại người da trắng trong một số lãnh đạo Hội thánh ở các quốc gia không thuộc Tây phương. Kiểu phân biệt chủng tộc nào cũng không xứng đáng đối với những người được gọi là Cơ Đốc Nhân.

Những nguyên tắc được đề ra cho chủ nghĩa phân biệt chủng tộc trong Hội thánh ở Mỹ được áp dụng nhiều như hoặc phổ biến trên thế giới hơn là vấn đề phân biệt giai cấp, hoặc tạo ra sự phân biệt đối xử phi Cơ Đốc dựa vào tình trạng xã hội của con người. Cuộc chiến tranh bộ tộc xuyên Châu Phi chẳng hạn, và hệ thống đẳng cấp, cái thứ giữ hàng trăm triệu người Ấn độ trong cảnh tù đầy khôn khổ, làm cho điều ác của sự phân biệt chủng tộc ở Bắc Mỹ bị mờ nhạt khi so sánh. Tuy nhiên, chúng ta có trách nhiệm, không phải vì tội lỗi của người

---

<sup>10</sup> Để thảo luận sâu hơn về vấn đề gây tranh cãi này, xem *The Pasadena Consultation on the homogenous unit principle* (Pasadena, Calif.: LCWE, 1977; cũng được in trong *Missiology* October 1977); Donald McGavran, "The Priority of Ethnicity," *Evangelical Mission Quarterly*, January 1983.

khác mà vì tội của chính chúng ta. Và được đo lường bằng những cơn đau phải chịu, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Hoa Kỳ là một căn bệnh cá nhân và xã hội đầy sự đau đớn.

## **SỰ PHÁ THAI VÀ TỤC GIẾT TRẺ SƠ SINH**

Những đứa trẻ không mong muốn và những bào thai không mong đợi đã và đang bị giết từ thời thượng cổ, cả khi sự giết chết này đã là hợp pháp và bất hợp pháp. Cho đến gần đây Hội thánh chưa bao giờ tranh luận một cách nghiêm túc về tính đạo đức của sự giết hại một đứa trẻ vì một lí do nào đó.

Nhưng do gần đây, những khái niệm mới về “tư cách làm người” và “chất lượng cuộc sống” được đưa vào cuộc tranh cãi về sự phá thai, cuộc tranh luận cũng đã bắt đầu xoay quanh trẻ mới được sinh ra. Tuy nhiên, theo những nhà đạo đức học là những người thừa nhận uy quyền trọn vẹn của Kinh Thánh, không có chỗ cho bất kỳ quan điểm nào muốn bào chữa sự giết chết trẻ con, mặc cho đứa trẻ bị bệnh hoạn thể nào hoặc là không mong muốn. Lấy đi sự sống của một trẻ nhỏ một cách tính toán, theo niềm tin của Cơ Đốc chính thống, là giết người.

Vì nhiều lí lẽ được sử dụng để minh oan cho sự bỏ chết phổ biến hoặc thực sự giết chết trẻ em giống như những lí lẽ được sử dụng trong vấn đề phá thai và vì các Cơ Đốc Nhân trung thành với Kinh Thánh không tranh luận tính đạo đức của việc giết chóc người vô tội, chúng ta phải rời bỏ câu hỏi về tục giết trẻ con và lập tức quay lại với vấn đề phá thai.

Để xây dựng bối cảnh, hãy xem xét những giai đoạn phát triển của con người:

1. Tinh trùng. Có khoảng 250 đến 300 triệu tinh trùng trong một lần xuất tinh.
2. Hợp tử. Sự kết hợp giữa một tinh trùng và một tế bào trứng (sự thụ thai) trong vòng 48 giờ sau khi giao hợp, và tế bào trứng được thụ tinh thực hiện một hành trình 4-6 ngày đi xuống ống dẫn trứng, tìm kiếm chỗ bám vào dạ con (tử cung). Có đến gần một nửa số hợp tử không thực hiện được sự cấy bám này.
3. Phôi. Tế bào trứng được thụ tinh hoặc “trứng” được bám vào, và phôi được hình thành với sự sống riêng của nó, mặc dầu 4 phần trăm phôi sinh đôi phân chia sau khi trứng bám vào tử cung.
4. Bào thai. Phôi thai phát triển với tất cả đặc điểm về thể chất của con người trong vòng tám tuần và được gọi là bào thai cho đến lúc sinh.

5. Trẻ sơ sinh. Sự ra đời trong một thân thể độc lập với người mẹ, đầu vậy, không giống hầu hết các thú vật, trẻ sơ sinh vẫn phụ thuộc hoàn toàn người khác để có thể sống còn.
6. Trẻ nhỏ
7. Thanh thiếu niên
8. Người trưởng thành.

Sự giết chết con người ở giai đoạn 5 (trẻ sơ sinh) đến giai đoạn 8 (người trưởng thành) bị coi như sự vi phạm điều răn thứ sáu trong suốt lịch sử Hội thánh. Sự giết chết tinh trùng (ở giai đoạn 1) hoặc là sự ngăn ngừa sự thụ thai đã từng bị chống đối như là tội lỗi bởi Hội thánh Công Giáo La Mã, nhưng không bị chống đối bởi hầu hết các Hội thánh Tin Lành.<sup>11</sup> Sự tranh luận xảy ra này lửa liên quan đến giai đoạn 2 (hợp tử) đến giai đoạn 4 (bào thai) của sự phát triển con người.

#### SỰ BẮT ĐẦU CỦA SỰ SỐNG

Điểm then chốt của vấn đề nằm trong câu hỏi: Ở giai đoạn nào một con người bắt tử bắt đầu?

Có lẽ từ “linh hồn” là từ thần học tương đương với từ thể tục “con người.” Trong lịch sử, Hội thánh đã tranh cãi về vấn đề ban cho linh hồn – khi nào một cơ thể bắt đầu sở hữu một linh hồn? Có phải nó thông qua sự sinh sản sinh học từ cha mẹ của người ấy? Hay là có một thực thể được gọi là “linh hồn” tồn tại tách rời với thân thể? Có phải Đức Chúa Trời tạo dựng ra một linh hồn và “cấy” nó vào cơ thể con người? Nếu như vậy thì Ngài làm điều đó vào giai đoạn nào? Vào lúc thụ thai? Lúc “bào thai bắt đầu động đậy”? Lúc sinh ra? Các nhà thần học bất đồng với nhau bởi vì Kinh Thánh không đề cập đến điều đó.

Câu hỏi về sự bắt đầu của “linh hồn” là một vấn đề cốt lõi đối với Cơ Đốc Nhân nói chung, vì họ muốn biết khi nào con người trong tiềm năng trở thành một linh hồn bất diệt. Đó là lúc sự sống con người thật sự bắt đầu. Liệu tất cả các con tinh trùng bị thất bại có sống như con người trong cõi đời đời không? Những hợp tử và phôi thai tự động bị hư đi sẽ trở thành cái gì? Có phải chỉ những bào thai là thứ sẽ được sinh ra trong cuộc đời mới bày tỏ sự bất tử? Ngay cả khái niệm về ý nghĩa của từ *linh hồn* cũng rất khó khăn để xác định dựa trên dữ liệu Kinh Thánh, hướng chỉ khi nào linh hồn bắt đầu. Vì Kinh Thánh không trực tiếp nói về vấn đề khi nào “sự ban cho linh hồn” được diễn ra, nếu chúng ta buộc phải khám phá ra khi nào sự sống bất diệt của con người bắt đầu, chúng ta cần phải gắn chặt với sự diễn giải có lí từ

<sup>11</sup> Xem chương "Giới Tính, Hôn Nhân và Gia Đình."

những gì Kinh Thánh tuyên bố liên quan đến những đứa trẻ chưa sinh ra và các dữ liệu của khoa học và đạo đức học.

Bởi vì những tiến bộ gần đây trong sự hiểu biết của chúng ta về sự sống trước khi sinh ra, hầu như mọi người đều đồng ý rằng một hợp tử (trứng được thụ tinh) là sống động và đó là con người. Lí lẽ của một số người ủng hộ việc phá thai rằng phôi thai chỉ là một mô hoặc một bộ phận của người mẹ, giống như ruột thừa của cô ta, đã dẫn đường trong những năm bảy mươi trước khi có những bằng chứng khoa học trọng lượng.

Hầu như mọi người đều đồng ý rằng những hợp tử, phôi thai và bào thai đều là những cá thể con người. Mã ADN độc nhất vô nhị của hợp tử đang xác định sự tồn tại độc lập của nó, bao gồm cả quá trình mang thai. Vì thế sự tranh cãi đã chuyển đổi từ câu hỏi khi nào sự sống con người bắt đầu sang câu hỏi về giá trị của những hình thái khác nhau của sự sống.

## GIÁ TRỊ CỦA SỰ SỐNG

Vì đứa trẻ chưa được sinh ra đã là một hình thể của sự sống con người, nhiều người phản đối việc phá thai cho rằng sự hủy hoại những hợp tử, phôi thai hoặc bào thai là một hình thức giết người và phải bị cấm đoán bởi bất kỳ luân lý xã hội nào. Ở thái cực khác là những người cho rằng có nhiều khác biệt về giá trị trong vòng sự sống con người và không phải tất cả mọi người là “những con người.” Trong bước ngoặt năm 1973, quyết định *Roe v. Wade* của Tòa án tối cao, thẩm phán Harry Blackmun đã giới thiệu khái niệm “sự sống hữu ích.” Chấm dứt một sự sống mà không hữu ích không chỉ được cho phép mà thật ra có tính bắt buộc đối với những người nhạy cảm hợp luân thường đạo lí. Vấn đề then chốt được nói đến là “chất lượng của cuộc sống,” không phải là “tính thiêng liêng của sự sống.” Hầu hết các chuyên gia và thường dân ở Mỹ đứng giữa hai quan điểm trái ngược này.

## QUYỀN CHỌN LỰA

Lực lượng ủng hộ việc phá thai nói rằng việc phá thai đã phổ biến ở Mỹ từ thế kỷ thứ mười chín cho đến khi các hội liên hiệp y học tham gia chiến dịch để đặt nó dưới thẩm quyền của họ vì những lí do tư lợi chuyên nghiệp và quan điểm đương thời nhân hậu hơn về việc phá thai đã được khởi xướng bằng một đạo luật của Quốc hội Anh năm 1967, đạo luật đơn thuần đưa chúng ta trở lại “bình thường.” Cách giải thích lịch sử này không có gì chắc chắn. Trước tiên, hoạt động của các hội liên hiệp y học ở cuối thế kỷ thứ mười chín về mặt bản chất là vấn đề đạo đức và dựa vào các bằng chứng khoa học mới mẻ rằng sự sống con người bắt đầu

trước lúc “bào thai bắt đầu động đậy.” Thứ hai, phong trào đương thời mở rộng các luật tự do phá thai đã không diễn ra cách tự phát.

Bản Tuyên Ngôn I của chủ nghĩa nhân văn, Magna Carta của lực lượng tự do, thúc đẩy mạnh mẽ việc phá thai và an tử trong những năm 1930. Hơn nữa, hoạt động của phong trào giải phóng phụ nữ ngay từ đầu đã làm cho việc phá thai trở thành một nan đề chính yếu. Thật ra, những cơn thủy triều to lớn của lịch sử đương đại đã đưa xã hội đến chỗ không thể lay chuyển được trong đường hướng tự do hóa phá thai.

Trước tiên là thuyết tự nhiên, thuyết này đã coi con người chỉ như một động vật, rồi tới thuyết nhân văn, thuyết này khiến cho lí do tự trị của con người trở nên cơ sở duy nhất cho sự đánh giá giá trị, và cuối cùng đạo đức trách nhiệm đối với bản thân, thứ đạo đức đặt tư lợi cá nhân làm trung tâm của mọi giá trị. Về mặt lợi ích cá nhân của người mẹ, sự phá thai được coi như sự lựa chọn hợp lí duy nhất. Xu hướng rất rõ ràng đến nỗi vào năm 1970, ba năm trước quyết định làm xôn xao dư luận của Tòa Án Tối Cao liên bang, tôi đã dự báo trên đài phát thanh công cộng rằng việc phá thai sẽ sớm được hợp thức hóa và rằng an tử rồi sẽ nhanh chóng theo đó. Làm thế nào tôi đã biết được? Tôi đọc tạp chí *Người Ủng Hộ Chủ Nghĩa Nhân Văn* hằng quý và đã biết được chương trình nghị sự là gì.

Bộ từ vựng mới đã phát triển: Sự mang thai không mong muốn là “bạo lực chống lại thân thể phụ nữ,” “sự xâm phạm không gian thể xác của người phụ nữ.” Không phải “sự cưỡng chế sinh đẻ,” và mỗi phụ nữ phải giữ vững quyền của cô ta để “chọn lựa sự sinh sản tối ưu.” Sau hết, bào thai không phải là thành viên đúng nghĩa của loài người còn người phụ nữ là một thành viên. Tác giả Beverly Harrison, người ủng hộ việc phá thai đã trình bày thế này:

Câu hỏi “Sự sống con người bắt đầu khi nào? Hoặc... câu hỏi đạo đức chính xác hơn là “Chúng ta khẳng định giá trị của con người trọn vẹn khi nào trong sự phát triển bào thai?” trở nên thiết yếu cho sự tranh cãi về đạo đức của việc phá thai vì những lí do liên quan tới sự nhất trí về đạo đức. Tình trạng đạo đức của sự sống bào thai đơn giản không phải là một thực tế rõ ràng để nhiều người “phản đối sự phá thai” tranh đấu... Kết luận rằng sự sống bào thai, như đã được thừa nhận là một hình thái của sự sống con người, là sự sống con người trọn vẹn là không hợp lý... Bởi vì khẳng định chân giá trị của sự sống con người và việc chống đối sự giết chóc là các khía cạnh ít ỏi tranh cãi nhất trong cuộc tranh luận đạo đức, câu hỏi về giá trị sự sống bào thai đã trở nên vấn đề chính yếu mà mọi thứ khác đều xuất hiện xung quanh.<sup>12</sup>

Sự chọn lựa sinh sản dành cho phụ nữ là cần yếu cho khái niệm tương xứng của những điều cấu thành một xã hội tốt. Điều kiện xã hội của sự sinh sản được biến đổi rất là quan trọng đối với hạnh

---

<sup>12</sup> Beverly W. Harrison, *Our Right to Choose* (Boston: Beacon, 1983), 193.

phúc của tất cả những người phụ nữ. Không một xã hội nào ép buộc phụ nữ phải sinh sản có thể tuyên bố đầy đủ về mặt đạo đức.<sup>13</sup>

Theo quan điểm này, mỗi người phụ nữ đều có quyền bất khả xâm phạm đối với cuộc sống riêng tư (để làm cho sự chọn lựa riêng của cô ta độc lập với bất kỳ người nào khác), điều nền tảng trong quyết định *Roe v. Wade*. Cô ta cũng có quyền đối với sự thịnh vượng kinh tế, tình cảm và thể chất và có quyền chỉ có đứa con mà mình mong muốn.

## TƯ CÁCH CON NGƯỜI

Nếu cả hai phía cùng đồng ý rằng một con người đúng nghĩa nên có quyền tiếp tục sống đời sống được bảo vệ khỏi những đòi hỏi một số quyền thấp kém hơn những người khác, làm thế nào để định nghĩa “một người hoàn toàn” hoặc “tư cách làm con người”?

Có nhiều phẩm chất được nêu ra, hầu hết chúng thuộc về tâm lý học hoặc xã hội học, chứ không thuộc sinh học. Người ta nói rằng, một con người là người có ý thức về bản thân mình, người có khả năng nhìn về tương lai và hiểu tồn tại liên tục có nghĩa là gì, để nhận thức về những người khác và để được xã hội hóa.” “Một con người là một người có khả năng chọn những sự lựa chọn có ý thức độc lập và tồn tại mà không phụ thuộc vào những người khác.” Nan đề đối với tiêu chuẩn tâm lý học và xã hội học cho việc định nghĩa tư cách làm con người đó là những trẻ sơ sinh, những con người bị tật nguyền trầm trọng, và những người cao tuổi sẽ thất bại trong đáp ứng những tiêu chuẩn đó cho nên sẽ có thể bị hủy hoại nếu họ trở nên nặng nề hoặc bị ảnh hưởng đến một số quyền của “con người” thật. Thậm chí những tiêu chuẩn về ảnh tượng Đức Chúa Trời thường thường được chấp nhận – tư tưởng mang tính khái niệm, lời nói lưu loát, những mối quan hệ yêu thương, sự nhận thức đạo đức – khiến cho những trẻ sơ sinh, người lớn tuổi, người tàn tật không đủ tư cách làm người. Và đó chính là lý do khiến cho những việc giết chết nhân đạo, tặc giết trẻ sơ sinh, và phá thai tất cả liên kết với nhau trong tâm trí của những người đề xướng “giá trị của cuộc sống.” Thật ra, nó đã là một quyết định chính trị phân rẽ chiến dịch về quyền phá thai khỏi chiến dịch về sự phá thai kết hợp hoặc an tử. Những người lãnh đạo kết luận rằng sự xây dựng luật phá thai đã có thể dễ dàng đạt được, vì vậy họ đã tạm thời bỏ rơi chiến dịch an tử. Trong điều này họ đã được minh chứng mình đúng.

Định nghĩa “sự sống hữu ích” là nền tảng nền tảng cho việc thiết lập một quyền hợp pháp đối với sự sống không phải là một khái niệm mới. Leo Alexander, giám đốc đơn vị sinh học

---

<sup>13</sup> Sách đã dẫn, 199.

thần kinh, phòng nghiên cứu tâm thần, bệnh viện tiểu bang Boston và trước đây làm việc với Văn Phòng Cố Vấn về Tội Phạm Chiến Tranh, Nuremberg, đã đưa ra tư liệu chứng minh sự phát triển đáng kinh ngạc về tư tưởng y khoa ở Đức giữa hai cuộc chiến tranh thế giới:

Nguyên tắc triết lý hướng dẫn ...của Nazis, chính là thuyết Hê-ghen, thuyết được cho là “sự tiện ích hữu lí” (điều gì là hữu ích?) và nguyên tắc và kế hoạch tương ứng đã thay thế các giá trị đạo đức và tôn giáo. Khoa học y học tại Đức Quốc Xã đã hợp tác với trào lưu Hê-ghen này đặc biệt trong công việc sau: hủy diệt hàng loạt những người mắc bệnh kinh niên với lợi ích tiết kiệm những phí tổn “vô ích” cho toàn cộng đồng; hủy diệt hàng loạt những người được cho là làm phiền xã hội hoặc chủng tộc và có ý thức hệ không mong muốn; hủy diệt một cách cá nhân, kín đáo những người được xem là không trung thành đối với nhóm thống trị; và nhấn tâm sử dụng “con người như vật thí nghiệm” trong công trình nghiên cứu của quân y. Hãy nhớ rằng, các bác sĩ đã tham gia trong kế hoạch này... Tất cả điều này đều được làm trước mặt Hitler. Và tất cả đều được thực hiện bởi tay của các chuyên gia y tế.<sup>14</sup>

Malcolm Muggeridge, trong bài bình luận cho sự việc kỳ lạ đó, chỉ ra rằng tiền trình bắt đầu sự sống với khái niệm “giá trị của sự sống” và ban đầu chỉ được áp dụng đối với những bệnh tật kinh niên, dữ dội, nhưng dần dần nó đã được mở rộng cho đến dưới thời kỳ Hitler nó đã trở thành một nạn tàn sát người Do Thái.

Những định nghĩa như thế của một nhóm người có đặc quyền đặc lợi trong xã hội về tư cách thật của con người hoặc “Sự sống xứng đáng” rốt cuộc không chỉ dẫn đến sự hủy diệt dòng giống người Do Thái bất thành, nhưng trong thời kỳ đầu đã dẫn đến sự nô dịch hóa số lượng rất lớn “những người kém cỏi” da đen. Sự định nghĩa về một số người không phải là con người hoặc người kém giá trị hơn là ngụ ý của Quyết định Dred Scott của Tòa án tối cao liên bang Hoa Kỳ (1857) và đặt ra cội rễ của việc bào chữa cho người Mỹ về chế độ nô lệ. Ngày nay, nó được sử dụng để biện minh cho việc hủy diệt trẻ em chưa được sinh ra.

Những định nghĩa tâm lí học và xã hội học về những điều cấu thành một loài người chân thật, trọn vẹn, giá trị, hữu ích đã không được chấp nhận bởi những nhà nghiên cứu đạo đức trung thành với Kinh Thánh bởi vì không nơi nào trong Kinh Thánh đánh giá sự sống con người theo cách này và bởi vì những nỗ lực như vậy đã minh chứng cách bóc đồng vô vọng. Việc không có sự nhất trí về sự định nghĩa về *con người* mà những nhà đạo đức học đã đạt được và không có những giới hạn để mở rộng phạm vi của sự sống con người đem làm vật hi sinh đã minh chứng hợp lí trong những xã hội bắt đầu chuyển đến sự hướng dẫn này. Vì thế những nhà đạo đức học chống đối việc phá thai đã quay về tìm kiếm một định nghĩa về sự

---

<sup>14</sup> Leo Alexander, The New England Journal of Medicine (14 July 1949).



sống con người trong nghĩa sinh học hơn là tâm lí học và xã hội học: Với điểm nào mà các nhà khoa học cho biết một con người tồn tại độc lập đã bắt đầu?

## BẰNG CHỨNG SINH HỌC

Một số người nói rằng Đức Chúa Trời truyền hơi sự sống vào trong một trẻ sơ sinh (có lẽ tại lúc sinh ra), nó trở nên một linh hồn sống, Nhưng, trên thực tế đứa trẻ chưa được sinh ra đã có cách riêng của nó về “sự hô hấp” hoặc nhận lãnh sự sống- chất dinh dưỡng ô-xy, và bây giờ một vài người cho rằng có một sự khác biệt sinh học quan trọng ở giữa thời kỳ cuối của bào thai và trẻ mới được sinh ra. Không ai có thể sống sót mà không có sự giúp đỡ của người khác, và cứ người nào cũng có thể sống sót với sự giúp đỡ đó. Các nhà nghiên cứu y khoa đẩy lùi thời gian của “khả năng sống sót được” khi một đứa trẻ có thể tồn tại ở bên ngoài tử cung của mẹ nó. Trong thực tế, với sự phát triển của tử cung nhân tạo, dường như phần lớn không có hạn định để những gì sẽ được xem như một bào thai có khả năng sống sót hoặc ngay cả một phôi thai có khả năng sống sót được.

Vì vậy, những người chống đối việc phá thai thường cho rằng sự sống con người trọn vẹn bắt đầu lúc thụ thai, rằng một hợp tử có quyền sống vượt lên trên mọi quyền của người mẹ, có lẽ ngoại trừ quyền được sống của riêng cô ta. Niềm tin này có thể sinh ra một nan đề, từ khi hợp tử có thể phân chia và tạo thành thai đôi. Một số người trả lời rằng có lẽ khi đó linh hồn cũng phân đôi. Ngay cả phôi thai cũng có thể phân chia, vì vậy những người khác cho rằng giống như sự chết được định nghĩa là sự chấm dứt hoạt động của tim và não, vì thế sự sống bắt đầu từ hoạt động của tim và não. Sóng điện não được đo lường ngay lúc 6 tuần sau sự thụ thai.

Bernard Nathanson, một người vô thần, trước đây là một người ủng hộ hàng đầu chủ trương phá thai và là người hành nghề phá thai, như đã trải qua một sự thay đổi đột ngột lúc dính líu đến một vụ bạo lực xấu xa đến nỗi ông ta đã trở thành người hàng đầu cho việc biện hộ chống phá thai. Ông ta đã sản xuất ra bộ phim *Tiếng Thét Yên Lặng (Film Silent Scream)* trong phim đó ông ta đã minh chứng rằng những sự bắt đầu liên quan đến thần kinh diễn ra ở tuần thứ sáu và lúc đó phôi thai-bào thai đã kinh nghiệm được sự đau đớn. Mặc dầu điều này đã được tranh luận, tất cả đều đồng ý rằng tất cả những chức năng sinh học của con người đều được biểu hiện ở quý thứ hai (12 tuần). một con người nhỏ bé ở giai đoạn này có thể thay đổi vị trí của nó, phản ứng lại sự đau đớn, mút ngón tay trái của nó, và bị nấc cục.

Từ sự khái quát vắn tắt này về dữ liệu sinh học được biết đến hiện nay, dường như rõ ràng rằng không có sự phân chia ranh giới hợp lí trong sự phát triển của sự sống con người từ

khi thụ thai cho đến khi trưởng thành. Nếu người ta bàn cãi nhau rằng một phôi thai vẫn thiếu những đặc tính thiết yếu của con người, như là hoạt động của não, họ không thể tranh cãi rằng sự sống của bào thai (từ hai hoặc ba tháng đến lúc được sinh ra) khác biệt về sinh học với sự sống nó sẽ kinh nghiệm sau khi sinh ra.

Cho nên theo quan điểm sinh học, có một sự khác biệt nhỏ giữa việc hủy hoại một bào thai và việc giết chết một trẻ sơ sinh. Một phôi thai và đặc biệt là một hợp tử là khác nhau về chất lượng, và nó không có khả năng chứng minh cách rõ ràng rằng sự sống sinh học của con người trọn vẹn tồn tại ở giai đoạn này. Nhưng người ta cũng không thể minh chứng rằng hợp tử hoặc bào thai không thể sở hữu một sự tồn tại con người trọn vẹn. Sức nặng của bằng chứng thuộc về phía những người từ chối sự sống là con người trọn vẹn và vì thế họ cho phép lấy đi sự sống đó. Điều này đã được nêu ra bởi tổng thống Ronald Reagan trong sách của ông ta, *Sự Phá Thai và Lương Tâm Quốc Gia*.

Nếu người nào không cảm thấy chắc chắn có phải chúng ta đang nói về một sự sống của con người thứ yếu hay không thì nên ban tặng cho sự sống ích lợi của sự nghi ngờ. Nếu bạn không biết cơ thể con người là sống hay chết, thì bạn đừng bao giờ chôn nó.<sup>15</sup>

Với sự hùng biện dễ hiểu, tổng thống đã phác thảo những nét chính của vấn đề này:

Câu hỏi thực tế ngày hôm nay không phải là khi nào sự sống bắt đầu, nhưng *Giá trị của sự sống con người là gì?* Những người phá thai rập lại những cánh tay và những cái chân của một em bé tí xíu để chắc chắn rằng tất cả những phần của nó bị xé ra từ cơ thể mẹ nó không thể nghi ngờ rằng nó có đúng là một con người hay không.<sup>16</sup>

Mỗi nhà lập pháp, mỗi bác sĩ, và mỗi công dân cần phải nhận ra rằng vấn đề thực tế là có nên khẳng định và bảo vệ tính thiêng liêng của tất cả sự sống của con người hay không hoặc nắm lấy đạo đức xã hội nơi mà sự sống của một số người là giá trị và những người khác thì không. Là một quốc gia, chúng ta phải chọn giữa tính thiêng liêng của sự sống đạo đức và “chất lượng của sự sống” đạo đức.<sup>17</sup>

Tổng thống Reagan cảm biết rằng sự thiệt hại đã gây ra không chỉ với hàng triệu đứa trẻ chưa được sinh ra là những đứa trẻ bị từ chối được tiếp tục sống, không chỉ việc phá hủy

---

<sup>15</sup> Ronald Reagan, *Abortion and the Conscience of the Nation* (Nashville: Nelson, 1984), 21.

<sup>16</sup> Sách đã dẫn, 22.

<sup>17</sup> Sách đã dẫn, 25.

về phương diện đạo đức ảnh hưởng đến những người mẹ phá thai và những bác sĩ thực hiện sự phá thai, nhưng ảnh hưởng đến toàn xã hội.

Như Malcolm Muggeridge đã nói trong lời giới thiệu, “Vấn đề phá thai chắc chắn là một vấn đề quan trọng nhất hiện đang phải đối diện những gì chúng tôi tiếp tục kêu gọi nền văn minh Phương Tây.”<sup>18</sup>

Sức nặng của bằng chứng coi bộ để sống đối với sự tranh luận sinh học của những người bênh vực tính thiêng liêng của sự sống hơn là những tranh luận của những người bênh vực luận điểm chất lượng của sự sống. Nhưng Kinh Thánh nói gì về vấn đề này? Xét cho cùng, câu hỏi cho việc phá thai cuối cùng là thần học và đạo đức.

## BẰNG CHỨNG KINH THÁNH

Kinh Thánh không trực tiếp phát biểu về vấn đề phá thai, điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời không quan tâm đến vấn đề này, tuy nhiên, nhiều hơn bất cứ sự dạy dỗ nào không trực tiếp từ Kinh Thánh đối với tội diệt chủng, sự tự sát, hoặc sự làm chết êm dịu chỉ ra rằng những hành động đó là trung tính về phương diện đạo đức. “Người chớ giết người” là một nguyên tắc bao quát toàn bộ và bao trùm tất cả các kiểu lấy đi mạng sống người vô tội. Vì những nguyên tắc đạo đức của Kinh Thánh là có quy chuẩn cho mọi người trừ phi chính Kinh Thánh giới hạn sự áp dụng của nó, những gì là ngoại lệ đối với điều răn thứ sáu đã được bày tỏ trong Kinh Thánh? Chỉ có giết người trong chiến tranh chính nghĩa, trong án tử hình, trong sự tự vệ, chúng ta sẽ xem xét sau này. Mọi hành động giết người khác đều được xếp vào loại bị cấm đoán. Vậy thì, câu hỏi duy nhất về việc phá thai là dù phải hay không, sự sống của đứa trẻ chưa sinh ra vẫn là một linh hồn bất diệt mang ảnh tượng của Đức Chúa Trời.

Hầu hết các cuộc bàn luận nghiêm túc về bằng chứng Kinh Thánh cho hoặc chống lại sự phá thai vật lộn với Xuất 21:22-25. Khi hai người đàn ông đánh nhau và đụng vào một phụ nữ mang thai và làm cho người đó bị thương dẫn đến bào thai “chết đi,” sự trừng phạt xứng đáng cho bất kỳ tổn hại nào theo sau đó. Đó là sự tổn thương người mẹ, tổn thương đứa trẻ sinh ra non, hoặc là cả hai? Câu hỏi này đã từng được tranh cãi sôi nổi.<sup>19</sup> Phần lớn ý kiến các học giả cho rằng theo quan điểm họ là sự tổn hại người mẹ, nhưng trong thời của Luther và Calvin và những học giả Do thái vĩ đại cho rằng sự tổn thương đó là tổn thương đến bào thai, còn đòi hỏi của *luật đền trả* thì mắt đền mắt, bao gồm cả việc tử hình đối với trường hợp chết

---

<sup>18</sup> Sách đã dẫn, 11.

<sup>19</sup> Xem chẳng hạn như *Christianity Today*, 8 November 1968; 16 March 1973, và the *Journal of the Evangelical Theological Society* (spring 1976) for the remarkable intellectual pilgrimage of one Old Testament scholar, Bruce K. Waltke.

người xảy ra. Như một phân đoạn Kinh Thánh được bàn cãi nóng bỏng và không rõ ràng rất khó có thể dùng để thiết lập một thân phận của trẻ chưa được sinh ra với uy quyền không thể bác bỏ của Kinh Thánh.

Vì thế chúng ta bị hạn chế đối với những phân đoạn Kinh Thánh nêu lên quan điểm của Đức Chúa Trời về sự sống trước khi sinh ra. Có lẽ những người đáng yêu trong Thi Thiên 139:13-16:

Vì chính Chúa nắn nên tâm can con,  
Dệt thành con trong lòng mẹ con.  
Con cảm tạ Chúa vì con được dựng nên một cách đáng sợ và lạ lùng.  
Công việc Chúa thật quá diệu kỳ,  
Lòng con biết rõ lắm.  
Khi con được dựng nên trong nơi kín đáo,  
Được đan dệt cách tinh xảo ở nơi sâu thẳm của đất,  
Thì các xương cốt con không giấu được Chúa.  
Mắt Chúa đã thấy thể chất vô hình của con;  
Số các ngày định cho con,  
Đã biên vào sổ Chúa  
Khi chưa có một ngày nào trong các ngày ấy.

Kinh Thánh trước sau như một nói đến sự thụ thai khi nói đến sự bắt đầu của lịch sử con người. Sáng Thế Ký 4:1 chép rằng, “A-đam ăn ở với Ê-va, vợ mình. Bà thụ thai và sinh Ca-in.” Gióp đã than khóc, “Ước gì ngày tôi chào đời biến mất, Và đêm đã báo tin: ‘Một đứa con trai được thụ thai!’ không còn nữa! (Gióp 3 :3). Đa-vít đã phát hiện ra tội lỗi của ông sau việc thụ thai, ông thừa nhận, “Mẹ con đã hoài thai con trong tội lỗi” (Thi 51:5).

Một câu chuyện thú vị về sự sống bào thai được viết lại trong Lu-ca 1. Giảng Báp-tít, một bào thai sáu tháng, nhảy lên vì vui sướng (1:44) khi người em họ Jê-sus đến, mọi khả năng có thể xảy ra với một hợp tử và chắc chắn không hơn một bào thai. Ê-li-za-bét nói chuyện với Ma-ri như là “người mẹ của Chúa tôi” (1:43) chứ không phải là “người mẹ tương lai của Chúa tiềm năng của tôi.” Với một câu chuyện gây ấn tượng sâu sắc của bốn người tương tác lẫn nhau, hai người mẹ và hai đứa trẻ chưa được sinh ra, thật là khó để ngăn cản câu hỏi này, Có phải Ma-ri đã tìm kiếm một sự phá thai vì một cái bầu với người phụ nữ trẻ chưa lập gia đình, điều gì muốn được hủy bỏ- một con người tiềm tàng hay một con trai đời đời của Đức Chúa Trời?

Những câu Kinh Thánh liên quan phổ biến về sự thích thú và kêu gọi của Đức Chúa Trời đến con người trong lúc họ vẫn còn nằm trong tử cung của mẹ họ, có thể là bằng chứng

kết luận rằng Đức Chúa Trời xem xét những người này như là “con người trọn vẹn” trước khi họ được sinh ra ngoài trừ cái sự kiện Kinh Thánh dùng thuật ngữ tương tự về con người trước lúc *thụ thai*: “Trước khi tạo nên con trong lòng mẹ, Ta đã biết con, Trước khi con ra đời, Ta đã biết riêng con” (Giê-rê-mi 1:5). Quả thật, trong mục đích của Đức Chúa Trời, một mình Ngài đã được chọn lựa trước sự thành lập thế giới này (Ê-phê-sô 1:4). Tuy nhiên sự ưu thế hơn của bằng chứng là những quan điểm của Kinh Thánh về con người chưa được sinh ra là có tư cách con người riêng biệt.

Một quy tắc cao hơn của bằng chứng đề nghị sự nhận diện sự sống trước khi sinh ra và sau khi sinh ra. Trong cả tiếng của người Do thái và người Hy-lạp, chỉ một từ được sử dụng cho cả hai bào thai và đứa trẻ.

Từ Hê-bơ-rơ *yeled* trong Xuất-ê-díp- tô- ký 21:22 được sử dụng chung cho trẻ em, và cũng được dùng để chỉ trẻ em còn ở trong tử cung. Từ Hy-lạp *brephos* được sử dụng trong Công-vụ-các-sứ-đồ 7:19 nói đến những trẻ em Do Thái bị sát hại trong mệnh lệnh của Pha-ra-ôn, và trong Lu-ca 1:41,44 để chỉ Giăng Báp-tít trong lúc còn nằm trong tử cung của mẹ ông: Cách sử dụng này ám chỉ rằng những trước giả của Kinh Thánh đã nhìn thấy một sự liên tục giữa những trạng thái trước và sau khi sinh ra.<sup>20</sup>

Nên để ý rằng những văn kiện quan trọng ở thế kỷ thứ hai được Hội thánh đầu tiên tôn trọng cho dù Kinh Thánh không cấm đoán cách rõ ràng việc phá thai. Michael Gorman đã nhận ra hai trong số những văn kiện đó:

Hãy yêu kẻ lân cận như yêu mình... Người không được giết một đứa trẻ bởi việc phá thai cũng không được giết một đứa trẻ mới được sinh ra. (*Sứ Dạy Dỗ Của Mười Hai Sứ Đồ*)

Người hãy yêu người lân cận hơn yêu chính mạng sống người. Người không được giết một đứa trẻ bằng việc phá thai cũng không được giết trẻ mới sinh ra. (*Sứ Đồ Ba-na-ba*)<sup>21</sup>

Kinh Thánh không trực tiếp trả lời câu hỏi này, Có phải bào thai là một linh hồn bất diệt? nhưng bằng chứng của sự suy luận từ nhiều phân đoạn Kinh Thánh nói về những đứa trẻ chưa được sinh ra là quá rõ ràng để trả lời có cho câu hỏi trên, và những lý lẽ rất yếu từ sự yên lặng là tất cả những gì đứng về khả năng trả lời không. Vì vậy, vấn đề đạo đức ở đây là

---

<sup>20</sup>John Jef ferson Davis, *Abortion and the Christian* (New Jersey: Psebyterian and Reformed, 1984), 17. Cũng xem John Warwick Montgomery, "The Fetus and Personhood," *The Haman life Review* spring 1975, 41 ff.; và Harold O. J. Swam, *Death before Birth* (Nashville: Nelson, 1977).

<sup>21</sup>Được trích trong Michael J. Gorman, "Why Is the New Testament Silent about Abortion?" *Christainity Today* 11 January 1993,29.

có được chấp nhận hay không việc lấy đi sự sống của một hữu thể mà hầu như chắc chắn là một linh hồn bất diệt được tạo dựng trong ảnh tượng của Đức Chúa Trời. Cũng như chúng ta phải hành động dựa trên giả định rằng một người đã bất tỉnh vẫn còn sống và không nên đối xử với anh ta như người đã chết cho đến khi nào có bằng chứng chắc chắn, và cũng làm như vậy đối với những đứa trẻ chưa sinh ra. Bằng chứng của sinh vật học hiện đại củng cố bằng chứng của Kinh Thánh, sự sống của bào thai nên được đối xử bất khả xâm phạm như sự sống của trẻ sơ sinh.

## PHÁ THAI LÀ TỘI GIẾT NGƯỜI

Nên hay không một người thực hiện việc phá thai hoặc một người yêu cầu được phá thai chịu sự hình phạt giống như một người giết một đứa trẻ hoặc một người trưởng thành? Tại sao chúng ta không đặt tên một phôi thai bị thất lạc và tổ chức một buổi lễ tang cho nó? Tại sao cha mẹ không đau buồn trong cách tương tự, đặc biệt là khi sẩy thai sớm?<sup>22</sup> Chúng ta có thể không dùng sự phán xét của con người để quyết định giá trị liên quan của nhiều đời sống, nhưng Kinh Thánh cho biết, dưới nền kinh tế của thời Môi-se, giá trị giữa vòng con người không giống nhau. Điều này không nói lên rằng Đức Chúa Trời cũng đánh giá mỗi đời sống như vậy, vì chúng ta có sự dạy dỗ của Tân Ước rằng trong Chúa Jêsus Christ không có sự phân biệt giữa người giàu và người nghèo, người nô lệ hay tự chủ, người Giu-đa hay không phải người Giu-đa. Tuy nhiên sự trừng phạt vì làm tổn thương hay chết đã không giống nhau cho một người Do thái tự do và một nô lệ (Lê-vi-ký 19 :20), hoặc là, vì vấn đề đó, vì phụ nữ và trẻ em.

Mặc dầu Kinh Thánh Tân Ước không cảm đoán chúng ta tạo những sự phân biệt như vậy, sự phân biệt ở thời Môi-se này có thể phục vụ như một ví dụ điển hình để chúng ta kiểm chế bằng việc xem phá thai đúng như tội giết người. Có nên hay không một vị thành niên, là người bị dụ dỗ giao hợp và phiền muộn uống một “viên thuốc tránh thai” thì bị hình hành vì một tội tử hình? Sau khi chịu khó nghiên cứu tôi có kết luận rằng hủy phá một hợp tử hay một phôi thai là sai trật về phương diện đạo đức bởi vì không có bằng chứng chắc chắn để minh chứng rằng nó là bất cứ cái gì ít hơn một linh hồn bất diệt, nhưng hễ ai phạm tội phá thai như thế không nên bị đối xử như một người giết người có toan tính trước. Thật không thể chứng minh một cách thuyết phục từ Kinh Thánh rằng một hợp tử hay một phôi thai là một linh hồn bất diệt.

---

<sup>22</sup> R E R. Gardner, *Abortion The Personal, Dilemma* (Grand Rapids: Eerdmans, 1972), 126.

Như thế thì, tội lỗi là gì? Cả luật cổ và hiện đại của người Do thái đều cho rằng một người chịu trách nhiệm về sự thờ ơ liên quan đến tội phạm hoặc cách cư xử liều lĩnh mà không cố tình nhằm vào bất cứ một người nào nhưng dẫn đến sự tổn thương hoặc là làm chết người. Đó là sai trật về mặt đạo đức, một sự vi phạm điều răn thứ sáu, nhưng lại không bị xử nghiêm khắc giống như bạo lực cố ý chống lại một con người. Ví dụ như, bắn vào một cái bóng di động yên lặng qua phòng ngủ của một người trong bóng tối của một đêm có thể kết thúc trong sự chết của một thành viên trong gia đình, nhưng người bị mất trí và luôn ám ảnh bởi đánh đập sẽ không bị khởi tố vì tội giết người, mặc dù anh ta có thể bị buộc vào tội giết người không cố ý. Tương tự như vậy, hủy diệt một hợp tử hoặc một phôi thai thì ít nhất cũng như là một tội phạm, vì không một ai có thể chắc được rằng đối tượng của việc bạo hành đó không phải là một linh hồn bất diệt.

Có nên theo đuổi việc xử phạt tử hình những người mà cố tình hủy hoại một bào thai hay không? Vì Kinh Thánh không quy định một sự hình phạt như thế, chúng ta có thể quá táo bạo để làm như vậy, đặc biệt khi chúng ta không yêu cầu hình phạt tử hình cho nhiều loại tội lỗi và tội phạm mà đối với luật Môi-se thì quy định phải chết.

Tôi kết luận rằng việc ngăn ngừa thụ thai trước, trong, hoặc sau sự giao thiệp thì tự nó không có gì sai trái; nhưng phá hủy một hợp tử hoặc một phôi thai là một tội lỗi về cách cư xử hung bạo liều lĩnh, một tội giết người đúng nghĩa, và sự hủy phá bào thai đó là một tội ác, hầu như chắc chắn là tội giết người, đáng bị trừng phạt nghiêm khắc nếu không nhất thiết hình phạt với mức án tử hình.

Một luận điểm như thế nên được áp dụng thế nào đối với nhiều vấn đề khó khăn và nan đề nảy sinh ra trong vấn đề đạo đức rộng lớn hiện nay?

## ÁP DỤNG

**Quyền Lựa Chọn.** Người ta nói rằng mỗi một người phụ nữ đều có quyền để chọn lựa những việc được làm với và trong cơ thể của cô ta. Nhưng những quyền quyết định của bản thân lại bị giới hạn bởi những quyền của người khác. Một người đàn ông có quyền để chọn lựa cách nào anh sẽ xử lý thu nhập của anh ta, nhưng nếu anh ta chọn lập gia đình và rồi ly dị thì các quan tòa có thể giữ anh ta, để rời những kết quả chọn lựa trước đó, giới hạn sự lựa chọn tự do của anh ta về việc sử dụng tiền bạc của mình.

Một người vợ là người chọn lựa để sinh ra một đứa trẻ thì người đó sẽ không còn tự do cư xử như một người chưa làm mẹ; và nếu cô ta làm như vậy, cô ta phải bị xử phạt vì tội ngược đãi trẻ em. Người phụ nữ mang thai đã thực hiện một sự chọn lựa trước khi cô ta giao

hợp, một lựa chọn mà đã mang một cơ thể khác vào trong đời sống của cô ta, một cá thể nhỏ riêng biệt, là người có quyền hạn chế sự tự do lựa chọn của cô ta. Những sự lựa chọn thường dẫn đến những tình thế thuộc về vật chất hoặc là về phương diện đạo đức không thấy được. Sự lựa chọn của cô ta là để điều gì xảy ra với cô ta và xảy ra trong cơ thể cô ta nên được quyết định sớm hơn. Thật là quá trễ để lựa chọn cho hoặc chống lại bốn phận làm mẹ. Người phụ nữ mang bầu đã là một người mẹ. Nhà thần học Helmut Thielicke phát biểu thế này: “Vi sự thụ thai đã một lần diễn ra nên người ta không còn phải đặt câu hỏi có hay không những con người đã liên quan có trách nhiệm cho tư cách làm cha, mẹ hợp lý; vì họ đã *trở nên* người cha, người mẹ rồi.”<sup>23</sup>

Một cách đặt câu hỏi khác về “quyền lựa chọn” là: Lựa chọn của ai? Ai là người cho đứa trẻ chưa sinh ra một sự lựa chọn? Ai là người bênh vực cho đứa trẻ? Ai đứng với nó để chống lại một sự đe dọa của bạo lực đáng sợ hơn nhiều so với bất kỳ mối đe dọa nào mà nó đem lại cho cơ thể người chủ của nó?

**Sự thịnh vượng về Kinh tế và Xã hội.** Đây hầu như là lí do tâm thường nhất để xâm phạm đến quyền được sống của người khác, nhưng nó cũng là động cơ phổ biến nhất cho việc phá thai. Kristin Luker cung cấp cho chúng ta tiểu sử sơ lược của một nhà hoạt động ủng hộ việc phá thai. Cô ta là người được giáo dục tốt, tài chính dồi dào, phi tôn giáo, da trắng, và làm việc bên ngoài xã hội. Thật ra, “94% những phụ nữ ủng hộ việc phá thai là những người đang làm việc.”<sup>24</sup> Điều này xem ra, sau động lực vì sự tự quyết cá nhân, ước muốn được tự do khỏi những giới hạn khi làm cha mẹ và vì một lối sống thịnh vượng là động lực thúc đẩy phong trào ủng hộ phá thai. Dĩ nhiên, vì những điều đó - đặc biệt trong thế giới thứ ba – nơi mà không phải ước muốn cho sự thịnh vượng nhưng để thoát khỏi sự nghèo đói thâm, động cơ theo cách nào đó có thể cao quý hơn. Nhưng sự trớ trêu ấy là những người nghèo không phải là những người đứng đầu ủng hộ việc phá thai. Thật ra, Mẹ Teresa Calcutta, người đứng đầu biện hộ cho người nghèo, cho rằng phá thai là một tội phạm lớn nhất. Mẹ Teresa nói, “Thật là bần cùng tột độ khi quyết định rằng đứa trẻ phải chết để bạn có thể sống như mình mong muốn.”

**Sức Khỏe Tinh Thần của Người Mẹ.** Giá trị cao cả hơn lợi ích vật chất là lợi ích tinh thần của người mẹ. Nhưng có phải tiềm năng hủy hoại về mặt tâm lý được so sánh với việc mất đi sự sống và sự bi thảm có thể xảy ra vì sự chết đau đớn, dữ dội và dai dẳng? Hơn nữa,

<sup>23</sup> Helmut Macke, in *Theological Ethic*; wol. 3, Sc trans. John Doberman (Grand Rapids: Eerdmans, 1979), 227.

<sup>24</sup> Kristin Luker, *Abortion and the Politics of Motherhood* (Berkeley: University of California, 1984), 195.



các công trình nghiên cứu cho thấy phạm vi ảnh hưởng của sự hủy hoại tâm lý đối với những người chọn sự phá thai cao hơn nhiều so với những người chọn để sinh con ra.

John Jefferson Davis nói về vấn đề đau khổ tâm lý bởi vì một sự mang thai không mong muốn:

Những lời đe dọa tự tử là sự hiện diện thường xuyên như một sự biểu hiện của bệnh tâm thần vì việc phá thai. Nhưng...tỉ lệ tự tử giữa vòng những phụ nữ mang thai thật sự xảy ra chỉ bằng một phần sáu tỉ lệ phụ nữ không mang thai tự tử trong cùng độ tuổi.<sup>25</sup>

Các tài liệu về y tế công cộng bắt đầu kiểm tra kỹ lưỡng hơn PM, hoặc “Hội Chứng Hậu Phá Thai.” Ngay cả những người ủng hộ việc phá thai cũng thừa nhận rằng sự hiện hữu của một triệu chứng như vậy là có thật cho dù vẫn có những sự khác biệt về nguyên nhân và sự khắc phục của nó.<sup>26</sup>

**Sự sống của Người Mẹ.** Trong lịch sử của người Tin Lành, việc lấy đi sự sống của đứa trẻ chưa được sinh ra là hợp lý nếu như cứ để nó tiếp tục trong bụng mẹ sẽ làm nguy hiểm cho sự sống của người mẹ. Điều này đã được biện minh trên cơ sở tự vệ và cũng trên cơ sở của sự lựa chọn thấp hơn của hai điều rủi ro- một là sự mất đi một người vợ, và, có thể là người mẹ, sẽ là một mất mát lớn hơn cho gia đình và xã hội. Sự dạy dỗ của người Công giáo La mã, trên phương diện khác, không cho phép “sự chọn lựa bị kịch đạo đức” này. Trừ khi cả hai sinh mạng đều nằm trong sự nguy hiểm, cố tình lấy đi sinh mạng của một người đơn thuần là để ngăn chặn sự nguy hiểm mất mát đến người kia thì không được coi là chính đáng về mặt đạo đức.<sup>27</sup> Tuy nhiên kết quả của việc tranh cãi sự sống của bào thai cao hơn so với sự sống của người mẹ, chân lý thực tế đó là, do sự tiến bộ vượt bậc của khoa học y tế nên việc tiến thoái lưỡng nan này là một vấn đề rất hiếm hoi.

**Những Đứa Trẻ Không Mong Đợi.** “Không ai bị bắt buộc phải mang một đứa con mà mình không mong muốn vào trong thế giới này.” Đây là một lý lẽ có thể ít được coi trọng nhất. Trước tiên, nhiều đứa con không mong đợi, đến lúc sinh ra, chúng lại trở nên những đứa trẻ rất được yêu thích. Những đứa trẻ có một phương cách trong sự

---

<sup>25</sup> Davis, *Abortion and the Christian*, 30-31.

<sup>26</sup> Xem Anne C. Speckhard and Vincent M. Rue, "Postabortion Syndrome: Emerging Public Health Concern," *Journal of Social Issues* 48 (1992): 95-119.

<sup>27</sup> Xem Fred M. Frohock, *Abortion: A Case Study in Laws and Morals* (Westport, Conn.: Greenwood, 1983), 31-32.

chăm sóc của mọi người. Hơn thế nữa, người ta khó có thể nói được rằng, bất cứ đứa con nào là không được mong đợi trong thời đại ngày nay ở nước Mỹ, nơi mà ước muốn nhận con nuôi dường như không hề bị giới hạn. Đây là một câu trả lời rõ ràng và thực tế cho những người mẹ không có kết hôn, là những người chiếm 80% trong các trường hợp phá thai. Nếu một bào thai không phải là một con người, thì câu hỏi về sự không mong muốn có thể có giá trị về pháp lý, nhưng nếu nó là một con người thì sự tuyên bố về sự không mong đợi thật không xứng đáng hơn nó sẽ có trong trường hợp đứa con không mong đợi đã được sinh ra. Chúng ta có thể nói rằng, “Không có người mẹ nào bị bắt buộc phải nuôi một đứa con mà mình không mong muốn có được không?”

Câu hỏi đó lại làm nảy sinh ra một câu hỏi khác: Điều gì xảy ra cho những đứa con không mong đợi? Có phải những đứa con không mong đợi trở thành những đứa trẻ bị ngược đãi chăng? Có công bằng hay không khi đưa một đứa con vào thế giới này lại là người phải đối mặt với một tương lai như vậy? Lý lẽ này không được sử dụng cho trẻ em và người lớn là những người có thể sẽ đối diện với những tương lai không mấy sáng sủa, hoặc cuộc đời hoàn toàn bị ở trong sự nguy hiểm. Đúng thật, ngày nay rất nhiều người biện hộ việc tự tử nghe như thích hợp hơn là tiếp tục phải sống trong sự đau khổ không thể chịu đựng nổi, nhưng tự tử là sự tự chọn; còn việc phá thai thì không phải vậy. Trước khi quyết định của Tòa án tối cao liên bang Hoa Kỳ năm 1973, người ta đã nói rằng việc yêu cầu phá thai sẽ giảm thiểu sự ngược đãi trẻ em, nhưng trong thập niên đầu tiên sau quyết định đó, dù là 15 triệu trẻ em không mong đợi đã bị hủy bỏ đi, số trẻ em bị ngược đãi được công bố gần 400 phần trăm. Một nghiên cứu cho thấy 90 phần trăm trẻ em bị hành hạ đã ra từ *những sự mang bầu có dự tính trước*. Nhưng sự thật là, việc phá thai cuối cùng là sự ngược đãi trẻ em và sự bạo hành đối với những đứa trẻ chưa được sinh ra dường như tạo ra một bầu không khí mà cả cá nhân và xã hội- mà trong đó bạo hành với những đứa trẻ đã được sinh ra tỏ ra là ít ghê tởm hơn.

Có thể nói rằng một người không “muốn” một hữu thể đã mang vào trong sự hiện hữu là một sự phản bội trắng trợn của một giao kèo sự sống đã hoàn toàn bước vào đời sống thì thật đúng là đạo đức giả. Tại sao không đối diện với những hậu quả của những chọn lựa của mình ở trong quá khứ và chắc rằng đứa con đó là sự mong

đợi, hoặc bởi cha mẹ theo luật tự nhiên hoặc là bởi người khác xếp hàng chờ đợi cơ hội để nhận làm con nuôi? điều đó có vẻ chính trực, văn minh và đạo đức hơn là sự giết chết chúng.

Thêm một từ nữa liên quan đến sự mong muốn. Trong mọi nơi mà việc xác định giới tính trước khi sinh là quá phổ biến, nhiều bào thai nữ đã bị phá đi làm mất tỉ lệ tương xứng với nam giới. Thật là mỉa mai thay những người phụ nữ đó, tìm kiếm để khẳng định những quyền của mình bằng sự trả giá chính sinh mạng của những đứa con của mình để sống, thật ra là mở một con đường dẫn đến một lẽ thói làm lạc của tội diệt chủng, mà phụ nữ nói chung là những nạn nhân ban đầu.

Những ai phản đối quyền nạo phá thai nên lãnh trách nhiệm hỗ trợ cho những bà mẹ đang mang thai ngoài ý muốn. Nếu chúng ta đấu tranh để lấy đi quyền nạo phá thai, chúng ta có một bổn phận về mặt đạo đức để hoạt động hướng đến việc cung cấp một quyền khác. Cộng đồng những người phản đối việc nạo phá thai phải làm việc để cung cấp sự tư vấn, sự chở che cho những người mẹ độc thân, những sự lựa chọn nhận làm con nuôi, thậm chí hỗ trợ cho những cha mẹ không thể đáp ứng nhu cầu thuốc men đặc trị hoặc tài chánh. Chúng ta phải bày tỏ tình yêu của mình đối với những người mẹ khi chúng ta tìm kiếm bảo hộ cho những đứa con chưa được sinh ra của họ. Cảm thông với những giọt nước mắt của họ dường như thích hợp hơn là những vũ khí trong một cuộc tranh chiến vì sự sống bằng những lời đả kích cay và bom đạn.

**Hiếp Dâm, Loạn luân, và Những Người Bị Tật Nguyên.** Trong trường hợp hiếp dâm và loạn luân, mầm sống mới được tạo ra không phải bắt đầu bằng bất cứ sự lựa chọn nào của người mẹ, vì thế trách nhiệm của người mẹ thuộc một bản chất khác. Điều để làm bây giờ là sự chọn lựa trước tiên của cô ta, không phải sự chọn lựa thứ yếu.

Tuy nhiên, cuối cùng thì sự trả lời cho vấn đề nan giải khủng khiếp mà phải đương đầu bởi một cô gái hay một phụ nữ là người phát hiện ra mình đang mang thai dưới những trường hợp như vậy lại phụ thuộc vào việc thai nhi có phải là một con người hay không. Nếu nó là một con người, mặc cho nó bắt đầu từ đâu, thì việc nạo phá nó là một điều sai trật. Hành động bạo hành thứ hai không thể sửa chữa cho hành động sai trái đầu tiên. Việc thiếu trách nhiệm của người mẹ trong sự thụ thai không thể loại bỏ đi quyền được sống của đứa con. Đứa con chưa được sinh ra không phải là kẻ tấn công nhưng thật ra là nạn nhân thứ hai, là người không nên nhận lãnh án phạt tử hình vì sự phạm tội của cha nó.

Có một vấn đề nữa liên quan đến pháp luật là cho phép nạo phá thai trong những trường hợp cưỡng hiếp hoặc loạn luân. Những luật lệ như vậy mời mọc sự tầm thường hóa tội phạm cưỡng hiếp vì những phụ nữ với những bào thai không mong đợi thường sử dụng ngoại lệ này như một lối hồng pháp luật, công bố họ là nạn nhân của việc cưỡng hiếp mà sự thật lại không có sự cưỡng hiếp xảy ra. Nếu việc cưỡng hiếp được trình báo ngay lập tức, thì trường hợp ngoại lệ của pháp lý trở nên không cần thiết nữa, thủ tục chỉ còn là nạo thai một cách thông thường hơn là phá thai.

Việc nạo phá thai đối với trường hợp bị bệnh tật hoặc tiềm tàng bị tật nguyền được thống kê ít hơn một phần trăm của việc phá thai ở Mỹ trong những năm tám mươi, chín mươi. Vì thế, lý do này khó có thể được thuyết phục như một lý do chính cho việc nạo phá thai. Hơn nữa, những lý luận cho việc phá đi những bào thai bị tật bệnh chỉ thuyết phục khi những bào thai đó không phải là con người. Nếu đó là con người, dù bào thai bị bệnh tật cũng như một đứa trẻ hoặc người lớn bị tật bệnh, vẫn có quyền được sống. Hơn thế nữa, trong mọi trường hợp ngoại trừ vài trường hợp cùng cực, điều bất lợi về cơ thể không có nghĩa là một cuộc sống không có giá trị. Ngược lại, “Ti lệ những người tự vẫn giữa vòng những người bệnh tật hầu như là con số không.”<sup>28</sup> Cha mẹ và xã hội thường cảm thấy gánh nặng, và thường thì cha mẹ và xã hội có thể kinh nghiệm được niềm vui và tự do về mặt đạo đức từ sự chấp nhận những người tật nguyền vào trong gia đình với tư cách là thành viên trọn vẹn “xứng đáng,” “hữu ích,” “con người đúng nghĩa,” và những cá thể giá trị.

**Luật Nạo Phá Thai.** Nếu luật nạo phá thai là sai, nó phải được thực hiện bất hợp pháp. Nhưng một số người nói rằng những luật lệ làm tăng sức mạnh niềm tin tôn giáo riêng của một số công dân không nên đối với tất cả mọi người. Có một yếu tố chân thật trong điều này. Nếu những luật lệ được tạo nên mà một cộng đồng không chú ý vào làm cho nó có hiệu lực, đó là một luật tồi tệ vì nó thúc đẩy một xã hội đến chỗ vô trật tự. Nhưng nếu gọi nạo phá thai là vấn đề riêng tư thì thật xa vời với mục tiêu. Việc nạo phá thai liên quan trực tiếp đến đứa trẻ chưa được sinh ra, nhanh chóng dính dúi tới những người khác, như là người cha, và nó sớm ảnh hưởng đến toàn xã hội. Hơn nữa, để nói rằng những lời răn dạy không phải làm ra luật là một sự ngu ngốc. Hầu hết tất cả những gì được làm nên luật đều nằm trong vương quốc những lời răn dạy. Nếu niềm tin tôn giáo riêng tư của một người được yêu cầu rằng anh ta hãy nắm giữ những người nô lệ, có nhiều người vợ, phân biệt đối xử với những người da đen, hoặc làm tổn thương những người Châu Á, những người này giống như những người

---

<sup>28</sup> MacNeil-Lehrer *Report*, 22 April 1980.

biện hộ tự do cho những quyền và sự tự do cá nhân muốn tìm kiếm một luật pháp để ngăn anh ta lại. Câu hỏi quan trọng là, Những quyền *của ai?* (của người mẹ hay của đứa trẻ chưa được sinh ra?) và, Những quyền *gì?* (quyền được sống của đứa trẻ hay một vài quyền thấp kém hơn của người mẹ?)

Vì vậy chúng ta hành động để làm cho có hiệu lực những tiêu chuẩn về đạo đức, trên hết là để bảo vệ sự sống của con người vô tội. Hầu hết những người Mỹ vào năm 1994 được ân huệ ngăn cấm nạo phá bào thai (quý thứ nhì và thứ ba), không phải là những hợp tử và phôi thai ở dưới những trường hợp bị giới hạn này. Tôi muốn hoạt động để hướng về mục đích đó. Nếu nó là một đạo luật thì tốt hơn là không có luật và nó có thể tạo ra một bầu không khí cho sự giáo dục và tiến bộ cao hơn hướng đến lý tưởng, trong khi ngăn ngừa sự vi phạm hàng loạt của một luật mà có thể hoặc không muốn làm cho có hiệu lực.

Mặc dù những điều kiện khắt khe đã được đặt ra đối với sự nạo phá thai trong thời kỳ đầu tiên, số lượng của những ca phá thai căn bản đã không được giảm sút bởi vì 90 phần trăm các ca nạo phá thai của người Mỹ là ở thời kỳ đầu tiên của thai nhi.

Nhưng liệu sự hạn chế không dẫn đến “những ngày xưa cũ tồi tệ” khi mà sự phá thai được thực hiện một cách bất hợp pháp và những người phụ nữ bị sát hại trong các xưởng phá thai ở trong ngõ hẻm xa xôi hay không? Trước hết, số lượng các ca phá thai đó đã diễn ra trước khi sự tự do hóa được thổi phồng lên cao độ, và chỉ ít ở Bắc Âu và ở Anh nơi mà chúng ta nhận những báo cáo, sự tự do hóa đã không làm giảm đi những con số căn bản đó. Hình như, nhiều người vẫn muốn giấu tên có thể chỉ để được an toàn trong một điều kiện thuận lợi bất hợp pháp. Hơn nữa, số lượng các bà mẹ chết dưới hệ thống cũ kỹ đó bị tăng lên cách đáng chú ý. Trong năm 1971, hai năm sau quyết định Roe V. Wade, đã có sáu mươi tám người chết từ sự phá thai bất hợp pháp và những nỗ lực phá thai trong toàn nước Mỹ. Có thể sánh với 15 triệu ca tử vong của thai nhi trong thập niên theo sau sự tự do hóa.

Lewis Smedes tóm tắt những vấn đề này cách thuyết phục:

Một xã hội theo thuyết đa nguyên không cho phép người ta làm theo lương tâm của họ nếu lương tâm của họ dẫn họ đến chỗ giết những con người vô tội. Một xã hội tự do sẽ xâm lấn sự riêng tư của một cá nhân nếu người ta chắc chắn rằng cô ta bí mật chuẩn bị để giết một con người vô tội. Một xã hội công bằng có thể chấp nhận những luật lệ cách tốt đẹp nhưng sự thực hành của ai đó dẫn đến sự bất công cho một số người nếu không chấp nhận nó sẽ tạo ra một sự bất công lớn hơn, sự giết chết những con người vô tội. Một xã hội nhân hậu có thể làm những luật lệ tốt mà lại chất nặng lên những người cha, người mẹ nếu không tạo cho họ sự khích lệ giết những con người vô tội, là những đứa con chưa được sinh ra. Một xã hội khôn ngoan có thể tạo ra những luật lệ tốt đẹp nhưng nó không cố ý làm cho

có hiệu lực nếu không, tạo ra chúng để giết chết những con người vô tội một cách hợp pháp. Tóm lại, tất cả các lập luận mà được đặt trên những gì của một xã hội tốt đẹp sẽ thất bại hoặc không thất bại thuộc lĩnh vực những quyền để sống của một phôi thai.<sup>29</sup>

Sự tin quyết rằng Lời của Đức Chúa Trời dạy dỗ một cách rõ ràng là không người nào có thể lấy đi huyết vô tội của một người khác bởi vì Đức Chúa Trời đã tạo dựng nên con người theo ảnh tượng Ngài, và sự tin quyết rằng những đứa con chưa được sinh ra được tạo dáng trong hình ảnh của Đức Chúa Trời, và việc tin rằng đó là trách nhiệm của đất nước để bảo vệ những con người vô tội, chúng ta, là những Cơ Đốc Nhân, nên khích lệ lẫn nhau và cổ vũ những đồng bào của chúng ta từ chối sự phá thai như một câu trả lời cho tình huống khó xử của một sự mang thai không mong đợi, cung cấp những chọn lựa thương xót giữa một khuôn khổ của Kinh Thánh, và để bắt buộc những luật lệ của chúng ta tôn trọng sự thiêng liêng của đời sống con người, đó là sự sống liên tục từ lúc được thụ thai cho đến khi nhắm mắt xuôi tay.

## TỰ TỬ VÀ AN TỬ

Sự tự tử và an tử, như việc nạo phá thai và tục giết những trẻ sơ sinh, đã tạo ra một sự tranh cãi mãnh liệt bởi vì sự phát triển những quan điểm mới trong người dân Tây phương. Đối với việc nạo phá thai và giết trẻ sơ sinh, Kinh Thánh không đề cập đến một cách trực tiếp về vấn đề này. Mãi đến gần đây, nhiều người ở Hội thánh chính luôn luôn kết tội tất cả bốn hành động đó như là sự vi phạm điều răn thứ sáu, “Con chớ giết người.”

Không phải mọi xã hội đều lên án việc tự tử và an tử. Ví dụ như ở Nhật Bản, tự tử để chuộc tội cho sự mất mát của một người hoặc gần như bị mất danh dự là anh hùng. Ngay cả khi một người muốn thoát khỏi những hoàn cảnh éo le, tự tử hoàn toàn được chấp nhận. Những Cơ Đốc Nhân Nhật Bản đã nói với tôi về cảm giác ngây ngất của sự tự do họ đã kinh nghiệm trong những ngày của họ trước khi nhận Chúa lúc họ thực hiện hành trình đi đến một vài danh lam thắng cảnh đặc biệt, linh thiêng như một nơi hẹn hò yêu đương với cái chết bởi vô số người tự tử, và họ cảm thấy thất vọng khi kế hoạch tự tử của họ không thành.

Ngày nay, ở Phương Tây, đang gia tăng số người tán thành những quan điểm giống như vậy. Những xã hội chấp thuận sự tự tử xuất bản ra nhiều sách hướng dẫn tỉ mỉ làm thế nào là có thể tự tử tốt nhất. Những học giả trong những bộ sách nặng ký và những người vận động hành lang thực dụng ở cơ quan lập pháp tiểu bang thúc đẩy những phương cách mới

---

<sup>29</sup> Lewis Smocks, "The Arguments in Favor of Abortion Are Strong Christianity Way, 15 July 1962, 62.

cho gia đình hoặc cho người khác tìm thấy một “cái chết tốt” cho người chịu đựng sự đau đớn.

Tại sao, thái độ khoan dung hơn? Có phải chúng tuôn ra từ một sự nén giữ lâu ngày tích trữ của lòng thương cảm, hay chúng đến từ sự giảm sút toàn diện về giá trị cuộc sống? Nếu như một con người không hơn một con vật bị ràng buộc bởi thời gian, không có trách nhiệm với Thượng Đế và không có hy vọng ở bên kia nấm mồ, tại sao sự sống con người phải được xem là “thiên liêng”?

Quan điểm của người Cơ Đốc về sự sống thân thể là vừa cao hơn và thấp hơn quan điểm của người thế gian. Nó cao hơn bởi vì con người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, được Chúa ngự ở trong, thuộc về Chúa, và sẽ tồn tại mãi mãi, những quan điểm của người thế gian là con người giống như con vật đang đấu tranh cho sự sinh tồn. Mặt khác, đối với Cơ Đốc Nhân, sự sống thân thể là tạm thời và không có giá trị cuối cùng; nhưng nó lại là giá trị cao nhất của người không tin Chúa vì đó là tất cả những gì anh ta có.

Vì thế, trong sự nghịch lý này, đối với người tin Chúa sự sống và sự chết cùng một lúc nó quan trọng và ít quan trọng hơn đối với người không tin Chúa, Cơ Đốc Nhân chân thật không kêu vang âm ỉ cho sự sống bởi vì anh ta không thể mất nó và bởi vì, dầu sao đi nữa, nó cũng không thuộc về anh ta. Trong thực tế, bởi sự đánh mất nó, như Chúa Jêsus đã dạy chúng ta, bằng sự đối đãi nó như một vật hi sinh, chúng ta thấy nó trong sự đầy trọn của nó, đúng ý nghĩa. Mặt khác, bởi vì sự sống là quà tặng của Đức Chúa Trời, phản ánh sự giống chính Ngài trong một số cách huyền bí, và cuối cùng thuộc về Ngài, chúng ta nắm giữ nó trong niềm tin cậy thiên liêng như một giá trị cao quý nhất. Ví dụ như đời sống của riêng một người không cao hơn về giá trị so với sự chân thật, tôn kính, công bình và tình yêu thương. Nhưng chắc chắn sự sống của một người khác là một giá trị cao hơn nhiều so với sự thoải mái, dễ dàng, sự thịnh vượng về vật chất của riêng một người, hoặc một loạt các quyền và đặc quyền tự định hướng khác. Thật vậy, Kinh Thánh coi sự sống con người là quá thiên liêng mà quan điểm của xã hội về giá trị của sự sống lại coi con người là một thử nghiệm của việc đảm bảo tính toàn vẹn về đạo đức và tính bền vững của xã hội.

## TỰ TỬ

**Tự tử là tội lỗi.** Trong quan điểm của Cơ Đốc giáo, tự tử là sai trật bởi vì nó vi phạm sự cấm đoán lấy đi mạng sống của người vô tội. Không có chỗ nào trong Kinh Thánh hoặc là trực tiếp hay là ngụ ý tha cho điều đó. Tuy nhiên những vấn đề nan giải vốn ở trong sự cấm đoán này và dường như gom tụ lại xung quanh hai thái cực ngược nhau. Một thái cực là, tự tử

là một tội quá nhẹ, vì không giống như tội giết người, vậy nếu tự tử bất thành thì không phải bị trừng phạt phải không? Còn thái cực kia là, phải chăng tự tử thành công là một tội không thể bỏ qua?

Câu hỏi cho những người trung thành với Kinh Thánh là không phải vậy, Phải chăng tự tử là sai trật? nhưng đúng hơn là, Tự tử là sai trật như thế nào? Có một sức ép giữa hai nguyên tắc Kinh Thánh. Người tín hữu không phải là chủ nhân của thân thể họ, và hơn nữa, đó là nơi mà Đức Chúa Trời ngự, vì thế tự tử rất là nghiêm trọng. Mặt khác, nó thuộc về anh ta với tinh thần không thuộc về những người khác, vậy nên sự vi phạm thân thể riêng của anh ta sẽ xem như là một tội nhẹ hơn vi phạm thân thể người khác.

Tự tử là một tội lỗi xấu xa cỡ nào? Bất kể chúng ta tìm kiếm để tha thứ cho tội tự tử thế nào, nó là một tội cần ăn năn và cần sự tha thứ của Đức Chúa Trời. Hành động tự tử không chỉ chống lại một mình người ấy. Nhiều người khác luôn bị ảnh hưởng cách thâm thương. Nhiều lần đây là ý định có suy nghĩ cân nhắc trước.

Mặt khác, bất kể nghiêm trọng thế nào, tội tự tử chắc chắn cũng có thể tha thứ như bất kỳ tội nào khác, Sự khác biệt giữa tội này với hầu hết những tội khác là vì những tội khác có đặc quyền của ân điển kèm theo nó để cho người phạm tội có cơ hội ăn năn. Tuy vậy sự ăn năn là cần thiết để phục hồi mối thông công bị đổ vỡ do tội lỗi (I Giăng 1:8), những người tin rằng sự cứu rỗi của một người có thể không bao giờ bị mất đi cũng như những người tin rằng nó có thể bị mất đi đều cho rằng chỉ một tội thôi sẽ không bị tước mất sự cứu rỗi. Một Cơ Đốc Nhân thành linh nổi giận và phải chịu đựng một cơn đau tim, và rồi đi đến gặp Chúa, người đó sẽ được tha thứ không? Có phải sự giận dữ, trong những trường hợp như vậy là một tội không thể tha thứ phải không? Không, người tự tử được cứu thoát, dứt khoát không được mời vào trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời, lại có thể được chấp nhận đối với Chúa Cha bởi vì Ngài đã cố ý ban chính sự sống của Con Ngài làm một sự hi sinh.

**Tự tử là Tội Phạm.** Tự tử rõ ràng là một tội ác, là sự vi phạm luật lệ của Đức Chúa Trời, nhưng xã hội Mỹ không xử nó như một tội phạm-những người cố gắng tự tử không bị truy tố như là những kẻ giết người bất thành công. Chúng ta cũng không trừng phạt những người tự lừa dối mình, những người hủy hoại hoặc lãng phí tài sản riêng của họ. Có thể chúng ta nghĩ họ bị lầm lạc hoặc là bệnh hoạn, nhưng không liên quan đến tội phạm như trong trường hợp nếu họ làm những điều này cho người khác. Sự quan tâm của chính phủ là bảo vệ những quyền lợi của những người khác trong xã hội, không phải quyền lợi riêng của người nào. Nhưng khi tự tử không được xử như một tội phạm, nó đã làm gia tăng khó khăn để trừng phạt



những người giống như Tiến sĩ Jack Kevorkian, là người trợ giúp những ca tự tử của những người khác. Trong thực tế, một tộc người thiểu số phát triển nhanh chóng ở Mỹ cho rằng tự tử, như truyền thống của người Nhật Bản cũ, có thể là anh hùng- và vì thế, những người đó có thể được giúp đỡ. Nhưng việc giúp đỡ tự tử không nên được hợp thức hóa. Như với sự nói dối và trộm cắp, khi những điều này được thực hiện với một người nào khác chứ không phải tự làm cho chính mình, họ đúng là đã trở thành phạm tội. Nước Mỹ được giao một trách nhiệm bảo vệ những quyền lợi của những người khác. Việc trợ giúp cho sự tự tử thậm chí là vô lý hơn việc giúp đỡ cho sự nói dối, trộm cắp hoặc lừa đảo. Những cảm xúc và trạng thái tinh thần của một người đang dự tính tự tử thường thường là không đáng tin cậy, và những lý do của người đó đã yêu cầu giúp đỡ hay bị nghi ngờ. Nếu cái chết của một người làm tôi nhẹ bớt gánh nặng về đời sống của anh ta hoặc cô ta, làm sao tôi được tin tưởng là khách quan về một kế hoạch tự tử? Hơn thế nữa, để cho phép các bác sĩ thực hiện như là những trợ giúp hành hình là một tội ác rất lớn. Vai trò của người bảo toàn sự sống cho người khác đã chuyển đổi sang vai trò của người chấm dứt sự sống của người khác dưới chiêu bài của lòng thương cảm. Nghiệp vụ y tế bị bao vây vẫn đứng vững để nhận một may mắn khác của nó ở những mức độ cao hơn trước đó đối với lòng tin của công chúng. Hơn nữa, điều lo ngại cho sự ám ảnh của những ca tự tử được trợ giúp đang mở ra cánh cửa cho việc “tự tử” không cố ý không còn là một sự tưởng tượng nữa. Việc đó đã xảy ra.

**Sự Hy Sinh.** Sự hy sinh không phải là sự tự tử tội lỗi. Nếu là tội, thì chính Đức Chúa Trời có tội nhiều nhất. Không ai lấy đi mạng sống của Chúa Jêsus từ Ngài. Ngài đã hy sinh mạng sống của chính mình (Giăng 10:18). Trong thực tế, “Không có tình yêu thương nào lớn hơn tình yêu thương vì bạn hữu mà hi sinh mạng sống mình (Giăng 15:13). Ngược lại với các tội phạm tội tệ nhất, đó là đức hạnh cao quý nhất. Một người mẹ chết đói để cho con mình ăn, một người bạn để lại áo phao cho người kia và bơi vào trong đêm đen - đây là những anh hùng, không phải những tội phạm.

**Từ Chối Chăm Sóc Y Tế.** Một hình thức khác của việc tự chọn cái chết mà có thể khó bị coi là tội lỗi hoặc phạm tội là sự từ chối chăm sóc y tế - có lẽ là sự ngu ngốc, nhưng không phải là tội. Mặc dầu tôi không đồng ý với những ai cho rằng việc sử dụng thuốc là sai trái (một dấu hiệu của sự vô tín), trong ánh sáng của sự dạy dỗ của Kinh Thánh, sẽ là rất khó khăn để kết án là tội lỗi hoặc tội phạm đối với những người chọn cách “chỉ có đức tin thôi.” Kinh Thánh chứa đầy lời hứa về năng quyền chữa lành của Chúa, và thậm chí có một vài

phân đoạn Kinh Thánh dường như không xem trọng thủ tục y khoa cho lắm. Đây không phải là chỗ để viện dẫn bằng chứng Kinh Thánh rằng sự giúp đỡ của y tế không chỉ là chính đáng mà là một quà tặng của Đức Chúa Trời; tuy nhiên tôi phải chấp nhận quyền tự do cho những người giải nghĩa Kinh Thánh theo cách của đức tin ngăn ngừa sự giúp đỡ y tế.

Nếu những ai tin vào đức tin chữa lành, từ chối việc chữa trị y tế là không có tội, cũng không phải những ai từ chối nó vì những động cơ chính đáng khác thuộc Kinh Thánh. Làm sao có thể là tội lỗi đối với một người ở ngưỡng cửa của sự chết từ chối sự chữa trị cao hơn chỉ muốn để kéo dài cái quá trình buồn thảm? Một người ao ước được ở với Chúa Jê-sus, và Chúa Jê-sus đang kêu gọi người đó về nhà. Tại sao anh ta không nên trông mong vào Chúa Jê-sus để tống khứ tình thế của mình tùy theo ý muốn thiên thượng? Tại sao anh ta phải liều lĩnh chống trả kẻ thù của sự chết với một sức mạnh của kẻ ngoại giáo vô vọng, khi mà kẻ thù sau cùng là một người phản bội anh ta, dẫn đưa một tín đồ vào trong sự đầy đủ trọn vẹn và tự do của sự sống thật, đời đời? Như nhà thơ Arthur Hugh Clough diễn tả nó, “Người chó giết người; nhưng không cần tranh đấu/ Hãy tiếp tục sống cách chính đáng.” Ngoài ra, nếu anh ta được thúc đẩy bởi tình yêu cho gia đình anh ta, che chắn họ khỏi gánh nặng làm tan nhà nát cửa vì thâm hụt tài chính, có phải anh ta là một người tội tệ vì sự chọn lựa như vậy không? Không, chúng ta hãy kết thúc những ý tưởng ngoại giáo về giá trị cuối cùng của đời sống thuộc thể và học để sống bằng đức tin, đặc biệt vào thời điểm cuối cùng.

Một từ cuối cùng liên quan đến đạo đức của sự tự tử. Thông thường trong đời sống của những nạn nhân của sự tự tử, có những người cố tình hoặc không nhạy cảm đã giúp đỡ tạo ra một môi trường mà người muốn tự tử đó cuối cùng được cho rằng không thể chịu đựng nổi. Trong sự phân tích sau cùng, mặc dầu, một người chịu trách nhiệm đối với những chọn lựa riêng của mình; gia đình và những bạn bè của nạn nhân không thể cam chịu tội lỗi của sự chọn lựa mà chính người đó đã chọn. Sự ăn năn là cần thiết cho bất cứ tội tòng phạm thật sự hay là tưởng tượng nào có thể tồn tại, nhưng tiếp tục cam chịu một gánh nặng của tội lỗi là từ chối ân điển của Đức Chúa Trời.

## SỰ AN TỬ

Việc cố ý giết chết người khác, bất kể là do động cơ nào đều vi phạm luật lệ của Đức Chúa Trời và phải được kết tội bởi luật pháp của con người, Nhưng ở thế kỷ hai mươi một yếu tố mới đã được đưa vào trong việc nhìn xem sự đau đớn cực độ về thể xác hoặc tinh thần của một người thân yêu chịu đựng. Thành tựu của tính sáng tạo của con người trong khoa học y khoa, đang mang lại những phước hạnh rất lớn, và cũng đem lại những nan đề: sự kéo dài quá

trình của cái chết và cái giá phải trả là vô cùng to lớn cho việc chăm sóc y tế như thế. Sự trì hoãn ngăn ngại của sự chết đó thường là một hình thức gây ra đau đớn, khổ sở hoặc tạo ra sự sống thực vật, có thể nó được mua bằng một giá của sự hủy hoại tài chính đối với gia đình, và gia tăng sự đe dọa với cả những nguồn lực của nhà nước.

**Chủ động và Thụ động.** Để giải quyết những tình trạng khó xử, các nhà đạo đức học phân biệt giữa an tử thụ động và an tử chủ động. Chủ động thúc đẩy cái chết bị kết án phổ biến ở thế giới Tây phương dưới lời thề Hippocratic dẫn dắt bởi các bác sĩ hành nghề y khoa đầu tiên cho đến ngày nay. Nhưng cho phép một bệnh nhân chết một cách thụ động đã trở nên trung tâm của sự tranh cãi. Theo quan điểm này, là luôn luôn sai trật nếu gây nên cái chết, nhưng nó có thể là đạo đức để rút khỏi sự điều trị mà có thể làm trì hoãn sự chết. Trong thực tế, quan điểm này, nó có thể là đạo đức để cho sự chữa trị mà đẩy nhanh cái chết, nếu như đó không phải là mục đích chữa trị. Điều này thường được gọi là-nguyên tắc hiệu quả gấp đôi. Ví dụ như, nếu một loại thuốc là để giảm đi sự đau đớn, nhưng như một tác dụng phụ, nó có thể đẩy nhanh quá trình chết dần, điều này có thể được coi là chết cách không đau đớn thụ động, không phải là chủ động.

**Bình thường và Liều lĩnh.** Một sự khác biệt nữa chia tách kỹ thuật y khoa thành bình thường và liều lĩnh. Sự phân biệt, đặc biệt ở ranh giới giữa bình thường và liều lĩnh thì thật khó để vẽ nên. Nhưng sự lập luận thì chân tình đến nỗi khi một người chắc chắn đối mặt với cái chết sắp xảy ra trong sự đánh giá của các bác sĩ, có thể là đạo đức nếu như rút khỏi cái kiểu chữa trị khác thường (và xa hoa) mà sẽ bị bắt buộc trong khi quá trình chết có thể bị đảo ngược. Tình trạng của đời sống thực sự luôn luôn là phức tạp, nhưng sự khác biệt là hợp pháp và thỉnh thoảng có thể chứng minh là ích lợi.

Chú ý rằng đây là lập luận áp dụng duy nhất cho những ai rõ ràng ở trong quá trình của sự chết không thể thay đổi được và không hợp pháp chẳng hạn như áp dụng trong việc chữa trị trẻ sơ sinh, người có thể sống với sự giúp đỡ của y tế. Những biện pháp đặc biệt là hợp lý để mua thời gian cho việc chữa trị bổ sung hoặc cho những bộ phận bình thường của bệnh nhân lại tiếp tục với chức năng hoạt động của nó. Nếu các bộ phận không thể hoạt động được nữa thì, biện pháp đó là không còn hợp lý.

**Chịu Trách nhiệm cho một Quyết Định.** Một sự khác biệt chủ yếu thêm nữa phải được tạo ra giữa những quyết định bởi một cá nhân do chính anh ta và những quyết định từ phía

những người khác cho anh ta. Có thể những Cơ Đốc Nhân từ chối sự điều trị y tế như một hành động của đức tin. Những người ngoại đạo theo ý kiến của tôi cũng nên có quyền tự do như vậy, vì anh ta phải chịu trách nhiệm cho cuộc sống riêng của mình. Các cá nhân nên được tự do từ chối sự chữa trị y tế nhưng không yêu cầu hoặc có hành động tích cực dẫn đến cái chết của mình.

Những người tư vấn cho những ai đang chịu đựng sự đau đớn, dù là mục sư, gia đình, bác sĩ, hay bạn bè, ai cũng đều có trách nhiệm đạo đức để giúp đỡ người bệnh trong việc chọn lựa sự tự do, có sự am hiểu của riêng anh ta và để kiểm chế bất kỳ thế lực huyền ảo nào, không nói tới áp lực tâm lý hoặc sự thao túng xã hội.

Những người không thể đưa ra một quyết định bởi vì thiếu khả năng tâm thần, như những người ở trong tình trạng hôn mê thì sao? Nếu điều kiện được đánh giá bởi một số bác sĩ đáng tin cậy là không thể thay đổi được, những ai chịu trách nhiệm cho người đang chết không nên cảm thấy có tội nếu như những nỗ lực để làm gia tăng sự sống lạ thường bị hủy bỏ.

Nan đề đạo đức chính yếu đối với những lập luận này và đối với những luật lệ đã được lập ra để làm giảm đi sự đau khổ về thể xác và những khoản tài chính không cần thiết mà những người khác thường không thể được tin cậy để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích tốt nhất cho người đang chịu đau đớn. Những tư lợi của họ xen vào, cho dù những ham muốn vật chất để được một di sản hoặc tránh những gánh nặng về tài chính, hoặc, ở khía cạnh khác những cảm giác chỉ cho thấy tội lỗi muốn dẫn một người đến sự trì hoãn cái chết ở bất kỳ giá nào. Bởi vì tính chân thật và khách quan là rất khó có được trong những hoàn cảnh gây ra căng thẳng, tôi biện hộ rằng trách nhiệm con người bị hạn chế đối với những quyết định liên quan đến việc sử dụng những phương tiện kỳ lạ để rời một phần những quyết định của người khác chỉ được cho phép ở nơi nào mà sự hy vọng không thể trở lại đối với một con người có khả năng về trí tuệ để đưa ra quyết định riêng của anh ta. Sau cùng, nhiều “bệnh nhân ở giai đoạn cuối” đã bình phục và hướng tới một đời sống dài lâu và hữu ích.

Cuộc thảo luận nghiêm túc của việc khử những người mà không có một “đời sống hữu ích,” những người đau quá nặng, hoặc những người đang là một gánh nặng cho chính họ, cho gia đình họ hoặc cho xã hội là một dấu hiệu của việc suy đồi đạo đức và chắc chắn đó là dấu hiệu cảnh báo sự kết thúc của một nền văn minh đã không coi sự sống của con người là bất khả xâm phạm.

## **CHIẾN TRANH**

Sa-tan quỷ quyệt nhất đã đưa bạo lực vào trong trải nghiệm của con người. Nó nở ra đầu tiên trong Ca-in và trở nên kinh nghiệm phổ biến của con người suốt từ đó đến nay. Tạp chí *Time* ghi rằng trong ba mươi lăm thế kỷ cuối cùng mà lịch sử đã chép lại, chỉ có một năm của thế kỷ thứ mười lăm là không có chiến tranh.<sup>30</sup> Trong 5.560 năm của lịch sử loài người đã ghi lại có 14.531 cuộc chiến tranh, hoặc 2,6 chiến tranh trong một năm. Trong 185 thế hệ chỉ có duy nhất mười thế hệ biết được sự hòa bình thanh sạch. Và nó trở nên tồi tệ hơn: “Kể từ năm 1900 gần như 100 triệu người đàn ông đã chết trong 100 cuộc chiến tranh – nhưng mà lại có tới 3.845.000 cuộc chiến tranh trong thế kỷ thứ 19.”<sup>31</sup>

Có phải chiến tranh xét về mặt đạo đức là một điều ác hoàn toàn, là sự biểu hiện cuối cùng của sự phạm tội của loài người? Hoặc có phải đôi lúc chiến tranh là tốt, và hòa bình đôi khi lại là một tội ác đạo đức? Hoặc chiến tranh luôn luôn sai trật, nhưng đôi khi lại là điều ít tệ hại hơn trong hai điều tệ hại? Có những người ngoại đạo ca tụng chiến tranh và nắm giữ nó như là một phương cách cuối cùng để chứng thực và phát triển tính mạnh mẽ và mở rộng nền văn minh. Người cơ hội tiến hành chiến tranh đơn giản chỉ bởi đạt được sự hùng mạnh, vì thế, như Gia-cơ đã nói, họ có thể sử dụng nó cho niềm đam mê của họ (4:1-3). Những người nghiêm túc giữ Kinh Thánh và xem chiến tranh và bạo lực như một hậu quả xấu xa của sự sa ngã của chúng ta, có hàng loạt các quan điểm. Chúng ta hãy xem xét những quan điểm đó theo hai loại lớn: “Sự phục tùng một cách thụ động” và “quyền lực chính đáng.”

## SỰ PHỤC TÙNG THỤ ĐỘNG

Một số trạng thái khác nhau của sự phục tùng thụ động, hay là chủ nghĩa hòa bình. Các nhà hoạt động nhân đạo thế tục và các thành viên của giáo hội tự do cho rằng chiến tranh là vô đạo đức bởi vì những nguyên tắc đạo đức có lẽ một phần đã xuất phát từ trong Kinh Thánh nhưng chính yếu là từ lập luận triết học. Trong số các Hội thánh khác nhau sự hòa bình được dựa trên Kinh Thánh là có hai dòng chính. Có những người cho rằng thật là sai trật đối với Cơ Đốc Nhân khi tham gia vào chiến tranh, bởi vì chiến tranh là điều sai trái; và có những người cho rằng không được tham gia vào chiến tranh là những thành phần được kêu gọi đặc biệt của Cơ Đốc giáo như là nhóm thuộc linh “chức linh mục” và “những người tiêu biểu nhất,” còn một số cuộc chiến tranh bởi nhà nước thế tục được theo đuổi bởi những người ngoại giáo thì cho là chính đáng.

---

<sup>30</sup> *Time*, 9 March 1970, 46.

<sup>31</sup> Sách đã dẫn, 47.

**Lịch Sử Các Quan Điểm của Cơ Đốc Giáo.** Các giáo hội từ thế kỷ thứ hai đến thời của Constantine đều không liên quan đến lực lượng vũ trang. Những Cơ Đốc Nhân không có phục vụ trong quân đội La mã, và từ thời kỳ tông đồ cho đến năm 170 sau Công nguyên không có hồ sơ nào mà ghi lại Cơ Đốc Nhân đã tham gia vào đó. Nên lưu ý rằng, Hội thánh đầu tiên không cho phép được phục vụ trong quân đội La mã không phải chỉ là vấn đề hòa bình nhưng đặc biệt nằm trong quân đội là điều không thể xảy ra được nếu không tham gia vào các hoạt động mang tính sùng bái thần tượng khác nhau. Bên ngoài quân đội, một người trai trẻ có thể qua khỏi được sự bắt bớ tàn nhẫn, nhưng nếu nằm trong quân đội thì anh ta không thể sống sót được ngoại trừ việc bỏ đạo. Theo sau thời Constantine (thế kỷ thứ tư), các Hội thánh đã tán thành giáo lý chiến tranh chính nghĩa (trang 336).

Trong thời Trung cổ những người làm lễ rửa tội lại đã đứng về phía sự phục tùng thụ động, và một số con cháu thuộc linh của họ thành lập phần chính yếu việc hòa bình được dựa trên Kinh Thánh của các Hội thánh ngày nay. Hơn nữa, diện mạo của hòa bình là từ lúc ban đầu đã không thay đổi một vấn đề chính yếu. Hơn cả sự phục tùng thụ động, giáo lý căn bản là hoàn toàn không liên quan tới quyền công dân của thế giới này.

Không tham gia trong lực lượng quân đội của cả Hội thánh đầu tiên và thời kỳ đầu của người làm phép rửa tội lại, kết quả của một lối sống trưởng thành là kết quả của các giáo sĩ không hề được bảo vệ và lại bị bắt bớ tàn nhẫn. Tuy nhiên, chủ nghĩa hòa bình dần dần đã nổi lên rõ ràng như là một giáo lý trọng yếu cho nhiều tín đồ thuộc giáo phái rửa tội lại, thậm chí ở trong những nơi mà sự bắt bớ không còn là vấn đề nữa. Mặt khác, Hội thánh đầu tiên đã nhanh chóng từ bỏ lập trường không liên can, khi sự bắt bớ đã chấm dứt và những Cơ Đốc Nhân đã được chấp nhận bằng sự chính thức hóa.

Các Hội thánh Công giáo và Tin Lành chính thống cho đến thế kỷ này vẫn giữ vững một số hình thức của lập trường “chiến tranh chính nghĩa,” trong khi nhiều người Tin Lành tự do đã trở thành những người hăng hái theo chủ nghĩa hòa bình, không phải từ sức mạnh giảng dạy thuộc Kinh Thánh, nhưng từ một cái nhìn lạc quan về lòng tốt của con người và tính toàn hảo của xã hội. Quan điểm này đã bị tan tành bởi những sự kiện diễn ra ở nửa thế kỷ đầu tiên, bị loại bỏ trong chiến tranh thế giới thứ hai, và đã nổi lên với một nhân tố căn bản khác nhờ vào sự hiểu biết dần dần về ý nghĩa của chiến tranh hạt nhân là gì. Vào thời kỳ sau đó, nhiều lãnh đạo của Công giáo La mã đã hoàn toàn gia nhập hàng ngũ của chủ nghĩa hòa bình hoặc có tuyển chọn (hạt nhân).

**Gương Mẫu của Chúa Jêsus.** Quan điểm phục tùng một cách thụ động được tìm thấy trong sự dạy dỗ và gương mẫu của Chúa Jêsus. Một số người theo chủ nghĩa hòa bình tin rằng sự dạy dỗ của Chúa Jêsus, “Đừng chống cự kẻ ác,” áp dụng cho các quốc gia cũng như cho từng cá nhân. Những người theo chủ nghĩa hòa bình khác lại cho rằng sự giảng dạy của Chúa chỉ áp dụng cho tín đồ. Tình yêu thương không bao giờ làm thương tổn người khác. Thậm chí nếu đất nước tôi đang ở trong chiến tranh, Tôi cảm thấy có tội nếu tôi tham gia vào, đặc biệt trong sự giết chóc. Tôi phải đưa luôn má bên kia, mặc cho những gì những người khác có thể làm. Điều gì sẽ xảy ra nếu các Cơ Đốc Nhân không phải chỉ là một phần ít ỏi tầm thường, nhưng với số lượng như thế hoặc ở những nơi ảnh hưởng như thế mà sự không tham gia của họ có ý muốn quốc gia của mình dành được và mất đi sự tự do của nó? Đây là thập giá mà chúng ta phải mang. Chúng ta không phải được tự do. Thậm chí chúng ta không có để sinh sống. Chúng ta sống để làm những điều gì đúng; chúng ta phải yêu thương mọi người, nếu chúng ta có bị đóng đinh cũng không mặc kệ. Bạn có thể tưởng tượng Chúa Jêsus ném một quả pháo hoặc dương liễu lê đối với một kẻ thù không?

Sự dạy dỗ của những người phục tùng cách thụ động được xem như là phổ biến trong Tân Ước. Một tiểu luận của tín đồ phái Tin Lành Mỹ gốc Đức khoản từ năm 1900 vạch ra một nền tảng Kinh Thánh cho lập trường này:

Chúa Jêsus là “Chúa Hòa Bình” (Ê-sai 9:6). Vương quốc của Ngài “chẳng phải thuộc về thế gian này” (Giăng 18:36). Những tội tở của Ngài không nên chiến đấu (Giăng 18:36). “Vũ khí chúng tôi dùng để chiến đấu không phải là những vũ khí trần tục” (2 Cô-rinh-tô 10:4). Chúng ta phải “thương yêu kẻ thù nghịch” (Ma-thi-ơ 5:44). Chúng ta phải “lấy điều thiện thắng điều ác” (Rô-ma 12:21). Các con phải “cầu nguyện cho kẻ bắt bớ các con” Ma-thi-ơ 5:44).<sup>32</sup>

Những người chống đối lập trường ủng hộ hòa bình cũng làm như vậy trong môn chú giải Kinh Thánh căn bản (dữ liệu Kinh Thánh là không thích hợp) và thần học (quan điểm về thế giới/sự sống của việc ủng hộ chủ nghĩa hòa bình là không thuộc Kinh Thánh).

## HỌC THUYẾT CHIẾN TRANH CHÍNH NGHĨA

Mặc dầu được gọi là lập trường “chiến tranh chính nghĩa,” không có nhiều người trong thế kỷ này cho rằng bất cứ cuộc chiến nào trong thời đại Cơ Đốc Giáo là chính nghĩa trong ý nghĩa một cuộc thánh chiến mà trong đó một bên là hoàn toàn công bình và bên kia là hoàn toàn bất chính. Đúng hơn, ý tưởng đó là, mặc dầu hầu như chiến tranh là phi lý, có những chiến tranh

---

<sup>32</sup> Robert Culver, "Between War and Peace: Old Debate in a New Age," *Christianity Today*, 24 October 1980, 51.

đúng nghĩa là chiến tranh. Nhiều người theo thuyết “chiến tranh chính nghĩa” đặt nền tảng cho quan điểm của họ dựa trên triết lý đạo đức, nhưng ở đây chúng ta giải quyết với những người nào tìm kiếm một nền tảng theo sự dạy dỗ của Kinh Thánh.

Phần đông ngày nay cho rằng chiến tranh hợp pháp hoặc chiến tranh “chính nghĩa” duy nhất là chiến tranh bảo vệ, vì Đức Chúa Trời không còn có một dân tộc được chọn lựa là dân mà Ngài sai đi vào cuộc chiến bởi sự mặc khải trực tiếp. Một số ít người giữ quan điểm trước kia rằng các cuộc tấn công phủ đầu hoặc của các cuộc thập tự chinh mang tính ý thức hệ có thể được gọi là chính nghĩa dưới một số điều kiện.

Augustine (những năm đầu của thế kỷ thứ tư) đã tạo ra sự tổng hợp đức tin Cơ Đốc vĩ đại đầu tiên và sự thực hành chiến tranh. Bị hấp dẫn bởi sức hút mạnh mẽ từ các nhà triết học tiền Cơ Đốc thời cổ, ông đã tranh luận cho sự cần thiết của những cuộc chiến tranh chính nghĩa. Với những ngoại lệ hiếm thấy, sự biện hộ của Augustine về chiến tranh đã trở nên lập trường chuẩn cho tất cả các nhánh chính của Hội thánh từ đó đến nay. Ông tranh biện rằng cuộc chiến chính nghĩa phải nhằm mục đích vì hòa bình. Mục đích của nó phải là bảo vệ công lý, bao gồm sự gìn giữ quốc gia một cách thường tình. Nó phải được thực hiện trong tình yêu. Quyết định được đưa ra không phải bởi những công dân mang tính cá nhân nhưng bởi những nhà lãnh đạo chịu trách nhiệm về tư cách đạo đức của chính quyền, và bản thân cuộc chiến phải được thực hiện với mức tối thiểu của sự tàn bạo.<sup>33</sup>

Luận án này đã được phát triển sâu hơn bởi giáo hội Công Giáo La Mã, đặc biệt bởi Thomas Aquinas (1225-1274):

Để được gọi là chính nghĩa, cuộc chiến phải: (a) được công bố bởi một nhà cầm quyền hợp pháp. (b) Có lý do rõ ràng và nghiêm túc, tương xứng với những điều ác mà nó sẽ dẫn đến. (c) Chỉ được thực hiện sau khi tất cả các phương tiện của giải pháp hòa bình cho sự xung đột đã kiệt sức mà không đưa đến sự thành công. (d) Có những cơ hội thành công không thể coi thường được. (e) Được thực hiện với một mục đích đúng đắn.<sup>34</sup>

Phương pháp chiến tranh công lý đạt đến đỉnh cao trong công trình nghiên cứu đồ sộ của Grotius *Luật Chiến Tranh và Hòa Bình*, công trình nghiên cứu đã giới thiệu học thuyết cho luật quốc tế.

---

<sup>33</sup> Sách đã dẫn, 32.

<sup>34</sup> J. H. Ryan and F. J. Boland, *Catholic Principles of Politics* (New York: Macmillan, 1943), 254-55.



Những lời tuyên bố ban đầu đã được phát triển sâu hơn bởi một người ủng hộ học thuyết đương thời:

1. *Lý Do Chính Nghĩa*. Tất cả sự xâm lược bị lên án; chỉ có chiến tranh bảo vệ mới là hợp pháp.
2. *Mục Đích Chính Nghĩa*. Mục đích chính nghĩa duy nhất là để bảo đảm sự công bình chính nghĩa cho tất cả những người tham gia. Không có sự trả thù, không có sự xâm chiếm, cũng không gia tăng về kinh tế hoặc uy quyền tối cao về ý thức hệ mà có thể biện minh được.
3. *Phương Cách Cuối Cùng*. Chiến tranh có thể được tiến hành chỉ khi nào tất cả sự đàm phán và thỏa hiệp đã được thử nhưng thất bại.
4. *Sự Công Bố Chính Thức*. Vì việc sử dụng sức mạnh quân sự là đặc quyền của các chính phủ, không phải của các cá nhân, nên lời tuyên bố chiến tranh phải được công bố bởi bậc cầm quyền cao nhất.
5. *Những Mục Tiêu Bị Giới Hạn*. Nếu mục đích là hòa bình, thì sự đầu hàng vô điều kiện hoặc sự hủy diệt của các thể chế kinh tế hoặc chính trị của một quốc gia là một mục tiêu không có lý do xác đáng.
6. *Phương Tiện Tương Xứng*. Vũ khí và lực lượng sử dụng nên được giới hạn ở mức cần thiết để đẩy lùi sự xâm lược và ngăn cản những cuộc tấn công trong tương lai để đảm bảo sự hòa bình chính đáng. Cuộc chiến toàn diện và quá mức bị bác bỏ.
7. *Sự Miễn Thưởng Dân*. Vì chiến tranh là một hành động chính thức của chính phủ, chỉ những ai là những người có trách nhiệm chính thức của chính phủ có thể chiến đấu, và các cá nhân không tích cực đóng góp vào sự xung đột (bao gồm các tù nhân chiến tranh và những người bị thương cũng như những thường dân) nên được miễn trừ khỏi sự tấn công.<sup>35</sup>

Một số người theo thuyết chiến tranh chính nghĩa cho rằng điều này quá hạn chế và đòi khi công lý đòi hỏi sự xâm lược mang tính phòng ngừa hoặc thậm chí một cuộc chinh phục:

Nếu sự tự vệ là hợp pháp, ắt cũng hợp pháp để chặn trước một cú đòn chết người hoặc làm què quặt. Không ai mong muốn phải chờ cho đến khi kẻ rượt đuổi mình giương súng bắn phát đạn đầu tiên và có lẽ bạn bị thương trước khi bắn lại anh ta. Chắc chắn, hành động đe dọa, tùy thuộc vào hoàn

---

<sup>35</sup> Arthur F. Holmes, "The Just War," in *War: Four Christian Views*, ed. Robert G. Clouse (Downers Grove, Ill: InterVarsity Press, 1981), 120-21.

cảnh và mức độ, nói chung được chấp nhận như là nền tảng hợp pháp để khởi đầu một hành động tự vệ.<sup>36</sup>

Một cuộc chinh phục... là chiến tranh chiến đấu để tháo gỡ điều gì đó mà không ai có quyền tạo ra điều đó. Mặc dù từ *chinh phục* thường được gắn với sự xung đột với những người có quan hệ với lý tưởng hoặc đạo đức Cơ Đốc, nó cũng có thể được áp dụng một cách hợp lý cho cái được gọi là “cuộc cách mạng” hoặc “chiến tranh giải phóng tổ quốc.” Những cuộc cách mạng và các cuộc chiến giải phóng, được thực hiện để gỡ bỏ sự bất công trong quá khứ và được thúc đẩy bởi sự quan tâm liên quan đến một nguyên tắc đạo đức (chẳng hạn như sự tự do, sự bình đẳng hoặc quyền tự trị) hơn là liên quan đến lãnh thổ, quyền lực hoặc tài sản.<sup>37</sup>

Hầu hết những người theo quan điểm chiến tranh chính nghĩa trong giới Cơ Đốc hiện đại cho rằng định nghĩa rộng này không thể kiểm soát được hoặc không biện minh được. Các vấn đề trên phạm vi quốc tế quá phức tạp, những động cơ xen lẫn, và rất dễ để kiểm soát những thông tin mà công chúng nhận được rằng hầu hết các cuộc chiến tranh đều được biện hộ như là những cuộc chinh phục. Quan điểm của số đông đó là không có chính quyền nào có thể biết đầy đủ và không có quốc gia nào tốt đủ để tiến hành một cuộc chinh phục chính đáng.

Các quan điểm mâu thuẫn với nhau ở vấn đề quyền ưu tiên đánh trước. Hầu hết các quan điểm cho rằng nếu cuộc tấn công được tiên đoán trước là chắc chắn và sắp xảy ra, thì hành động ngăn chặn có thể được biện minh như là sự tự vệ và như vậy không mở rộng định nghĩa của cuộc một chiến chính nghĩa. Sự lý luận đơn giản về sự ngăn chặn thật là rắc rối qua việc ra đời của vũ khí hạt nhân.

Với tất cả những điều này, những người yêu hòa bình đáp lại rằng không hề có lời dạy dỗ hoặc gương mẫu nào của Đấng Christ, cũng không hề có bằng chứng lịch sử nào cho phép chúng ta tin rằng chiến tranh là hợp lý. Vì thế chúng ta hãy quay lại với những dữ liệu Kinh Thánh và thần học.

## THẦN HỌC HÒA BÌNH

**Chiến Tranh Trong Cựu Ước.** Khi chiến tranh và hòa bình đánh giá trong ánh sáng Kinh Thánh, việc phân biệt giữa lời dạy Cựu Ước và Tân Ước rất quan trọng. Trong Cựu Ước, dân sự của Đức Chúa Trời đã thành lập một quốc gia được nhóm lại từ giữa phần còn lại của các quốc gia, trái lại trong Tân Ước, dân sự Đức Chúa Trời thành lập vương quốc thuộc linh phân

<sup>36</sup> Harold O. J. Brown, "The Crusade or Preventive War," in *War: Four Christian Views*, ed. Robert G. Goose (Downers Grove, InterVarsity Press, 1981), 161-62.

<sup>37</sup> Sách đã dẫn, 158.

tán trong vòng các dân tộc trên thế giới. Vì lý do này, những mạng linh liên quan đến chiến tranh dành cho dân sự của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước và dân sự của Đức Chúa Trời trong Tân Ước là khác nhau. Trong Cựu Ước, chiến tranh không chỉ được chuẩn thuận, mà còn được ra lệnh bởi Đức Chúa Trời. (Xem Dân 1-4; 26; 32:20-22; Phục 1:6-8; 3:3; Giô-suê 6:2-3; Các Quan Xét 5; 1 Sa-mu-ên 15:2-3; 17; 2 Sa-mu-ên 5:19-20; 2 Sử Ký 14:11-13; Thiên Thiên 68; 83; 108; 124; 136.)

Sau đây có thể là những lý do tại sao chiến tranh được chuẩn thuận trong Cựu Ước:

1. Mục đích chính yếu của sự phán xét là sự cứu rỗi (Thi Thiên 83:16-18).
2. Kẻ thù của Y-sơ-ra-ên cũng là kẻ thù của Đức Chúa Trời (Thi Thiên 139:19-22).
3. Chiến tranh dường như cần thiết trong một thế giới bại hoại không đáng tin cậy để biệt riêng một dân sự thích đáng để nhận sự mặc khải của Đức Chúa Trời và tạo nên một bầu không khí cho sự hiện đến của Đấng Cứu Chuộc. Người Y-sơ-ra-ên luôn luôn bị ô uế bởi sự tiếp xúc với những dân tộc ngoại giáo (xem Thi Thiên 106:34-39) khi họ thỏa hiệp mạng linh của Đức Chúa Trời trong việc tiêu diệt kẻ thù.
4. Dân tộc bị chống nghịch trong chiến tranh có thời gian để ăn năn. Một số người, chẳng hạn Ra-háp, đã làm như vậy. Kế hoạch ban đầu và khôn ngoan của Đức Chúa Trời là đổi chỗ, chứ không phải hủy diệt (Xuất 23:27-33).
5. Sự đoán xét tội lỗi luôn luôn đến, trong một số trường hợp sự phán xét đến sớm hơn những trường hợp khác. Sự chết của tất cả mọi người là một phần của sự đoán xét này. Đức Chúa Trời sử dụng những công cụ khác nhau trong sự phán xét, và trong Cựu Ước Ngài sử dụng quốc gia Y-sơ-ra-ên.
6. Chúng ta không thực sự hiểu được con thành nộ của Đức Chúa Trời. Ngài căm ghét tội lỗi một cách sâu sắc và không ngừng nghỉ, tội lỗi là mục tiêu chính yếu của con thành nộ của Đức Chúa Trời, dù không phải là duy nhất.
7. Sự sống thể xác của con người hầu như không quan trọng bằng sự sống thuộc linh hoặc đời đời, nó cũng không quan trọng bằng lẽ thật và sự công bình. Đối với những ai không chịu ăn năn, cuộc đời càng ngắn, càng ít tích lũy sự phán xét. Điều này đặc biệt trong trường hợp của trẻ con.
8. Chiến tranh trong Cựu Ước được thực hiện bởi sự mặc khải đặc biệt, một số điều không thể được công bố để chiến tranh trong thời đại này. Đức Chúa Trời được gọi là Đức Chúa Trời của chiến tranh, Chúa của (quân đội) các chúa.

Dù các hệ thống thần học có thể khác nhau về sự hiệp nhất giữa Cựu Ước và Tân Ước, không ai có thể bàn cãi rằng chiến tranh không chỉ được chuẩn thuận trong Cựu Ước, mà cuối cùng, những cuộc chiến lớn, theo như lời tiên tri trong Tân Ước, cũng được thực hiện bởi chính

Đức Chúa Trời. Vì thế không thể nói với thẩm quyền Kinh Thánh rằng thực hiện chiến tranh luôn luôn là điều vô đạo đức. Sự tranh luận duy nhất là phải chăng bạo lực do con người khởi xướng có thể biện minh được trong thời đại Hội thánh.

**Chiến Tranh trong Tân Ước.** Những người tin theo quan điểm bất bạo động thường hỏi, Chúa Jêsus sẽ làm gì? Vì Ngài là gương mẫu tối thượng của chúng ta, nên câu hỏi đó là hợp lý, nhưng không giả định rằng mọi hoạt động của Ngài đều được ủy thác cho những người theo Ngài. Chúa Jêsus có một sứ mạng đặc biệt. Ngài đã đến thế gian cách đặc biệt để chịu chết, cho nên bất cứ nỗ lực nào làm chệch hướng Ngài đều bị xem là công việc của Sa-tan. Mặt khác, chúng ta được kêu gọi để tiếp tục ở trong thế giới này như những công dân, và dù chúng ta cần một cách sống hy sinh, thậm chí “noi theo sự chết của Ngài,” công việc của chúng ta vẫn không phải là công việc của Ngài, cho nên chúng ta có thể giống như Ngài trong việc chết cho người khác hoặc có thể không. Thậm chí khi một người được kêu gọi từ bỏ mạng sống của mình vì người khác, một số người có thể được kêu gọi để khiêm nhường chịu tử vì đạo và số khác chết một cách dũng cảm để bảo vệ sự sống của người khác. Trong bất cứ trường hợp nào, việc yêu cầu phải theo gương Chúa Jêsus không thể là lý do cho sự phục tùng một cách thụ động trong mọi hoàn cảnh. Hơn nữa, nếu chúng ta xem Chúa Jêsus như là khuôn mẫu, chúng ta sẽ làm gì với sự thật rằng đến cuối thời kỳ này chính Đấng Christ sẽ trở nên một vị tướng quân đội vĩ đại nhất của mọi thời đại, theo như lời tiên tri trong Kinh Thánh? Những vai trò đặc biệt của Ngài về việc hy sinh vì tội lỗi và người đi chinh phục tất cả chắc chắn bày tỏ những nguyên tắc đòi hỏi, nhưng không có cái nào có thể được sử dụng một cách hợp pháp như là sự kêu gọi trực tiếp cho bất kỳ ai khác.

Một giả định phổ biến khác đó là các Cơ Đốc Nhân cấu thành một bộ phận nhỏ trong xã hội, vì thế khiến cho chủ nghĩa yêu hòa bình trở nên sự lựa chọn có thể làm được: Hãy để cho toàn thể công dân quan tâm đến công việc của nhà nước. Nhưng bộ phận nhỏ chút xíu trong thời các sứ đồ, sống dưới gót giày của chế độ chuyên chế La Mã, không nhất thiết phải là khuôn mẫu cho các Cơ Đốc Nhân trong một chế độ dân chủ nơi mà họ có thể chia sẻ uy quyền chính phủ và, thực tế, đôi khi rất đông người nắm những vai trò như thế đến nỗi họ quyết định chiều hướng của chính phủ.

Giả định thứ ba đó là chiến tranh luôn là tội ác và nên được xóa bỏ. Chắc chắn chiến tranh là cái lò của tội lỗi. Nhưng có nên xóa bỏ nó trong thế giới đầy tội lỗi này không? Có phải sức mạnh quân sự không cần thiết cho công lý trong một thế giới như thế không? Nếu tình

yêu không bao gồm công lý báo thù, thì chính Đức Chúa Trời không phải là Đức Chúa Trời yêu thương.

Tuy nhiên, Đấng Christ đã dạy chúng ta một cách rõ ràng rằng hãy đừng kháng cự lại những người gian ác. Trong Tân Ước, các Cơ Đốc Nhân bị cấm sử dụng sức mạnh trong sự quan tâm đến vương quốc của Đức Chúa Trời. Đấng Christ đã dạy một cách rõ ràng rằng vương quốc của Ngài không thuộc thế giới này và nó không được mở rộng bằng sức mạnh bạo lực (Giăng 18:36). Điều này bác bỏ những cuộc thập tự chinh thời trung cổ hoặc những cuộc chiến tranh tôn giáo khác được thực hiện trong danh của Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus là Hoàng Tử Hòa Bình, và những người làm công tác giải hòa nhận được phước của Ngài (Ma-thi-ơ 5:9). Ngài chắc chắn thích sự bất bạo động, vì Ngài thường thực hiện cuộc chiến thuộc linh và ra lệnh cho những người theo Ngài làm như vậy.

Điểm mấu chốt của câu hỏi này đó là có phải mạng lệnh của Ngài không được kháng cự lại kẻ ác là một sự cấm tuyệt đối không được sử dụng sức mạnh với bất kỳ uy quyền Cơ Đốc nào hoặc có phải nó là nguyên tắc chung giới hạn sự kháng cự mang tính bạo lực trong các mối quan hệ riêng tư giữa các cá nhân với nhau hay không. Chúa Jêsus phán, trong cùng một bối cảnh, hãy đưa má kia, nhưng khi Ngài bị tát, Ngài đã không làm như vậy (Giăng 18:23). Ngài cũng nói rằng hãy móc con mắt và chặt tay khi những bộ phận này dính dứ về tội tình dục, nhưng Ngài đã không bắt phải thực hiện những hành động này hoặc trừng phạt bằng sinh mạng đối với người đàn bà bị bắt vì tội tà dâm và người đàn bà bên giếng nước. Trong bài giảng trên núi, Ngài đã đưa ra những nguyên tắc này; không phải tất cả các điều răn đều theo nghĩa đen. Có những bằng chứng khác trong Tân Ước đề nghị rằng mạng lệnh không được kháng cự lại kẻ ác là tuyệt đối hoặc phổ quát không? Tôi không thể tìm thấy một bằng chứng nào. Đúng hơn, các chính quyền được thiết lập bởi Đức Chúa Trời, đặc biệt được ủy quyền dùng sức mạnh trong việc dỡ bỏ trách nhiệm đó (Rô-ma 13:1-7; 1 Phi-e-rơ 2:13-14).

Hơn nữa, nếu nguyên tắc giải kinh về sự hiệp nhất của Kinh Thánh được áp dụng, sự dạy dỗ của Đấng Christ liên quan đến tình yêu hy sinh cá nhân phù hợp với tất cả sự dạy dỗ còn lại của Kinh Thánh và tấm gương của chính Ngài, trong khi lời dạy dỗ của Phao-lô và Phi-e-rơ về thẩm quyền của chính quyền cũng phù hợp với sự dạy dỗ còn lại trong Kinh Thánh và tấm gương của chính Đức Chúa Trời. Hai nguyên tắc này không hề mâu thuẫn với nhau.

Khi đề cập đến vấn đề chiến tranh và hòa bình, Tân Ước không vượt quá nguyên tắc thẩm quyền của chính quyền, thẩm quyền bao gồm sự sử dụng sức mạnh. Sau cùng, nó được viết ra trong suốt một khoảng thời gian hòa bình thế giới dài nhất trong lịch sử, Hòa Bình và Sự Cai Trị của La Mã. Tân Ước nói đến những quan chức quân đội trong bốn trường hợp, và tất cả những người này xuất hiện trong một bầu không khí đầy thiện chí (Ma-thi-ơ 8:5 trở đi; Công

Vụ 10:1 trở đi). Bảo rằng thiếu sự xét đoán có nghĩa là đồng ý sẽ là một suy luận không hợp lý từ sự yên lặng. Tuy nhiên, ít nữa trong hai trường hợp (Lu-ca 3:14; Công Vụ 10), sự hướng dẫn làm thế nào để làm đúng, làm thế nào để được chấp nhận trước mặt Chúa được đưa ra, và không có trường hợp nào bao gồm sự rời bỏ sự phục vụ trong quân đội. Cả Chúa Jê-sus và Phi-e-rơ không hề nói rằng, “Hãy đi và đừng phạm tội nữa.” Tuy nhiên, chúng ta có quyền để mong đợi điều này nếu sự phục vụ trong quân đội được cho là sai trái. Có phải Đấng Christ dạy dỗ một cô gái điếm đừng buộc tội quá nhiều chăng?

Cho nên trong Tân Ước chúng ta có một sự khẳng định kết hợp giữa sức mạnh chính quyền và thiếu đi sự đoán xét đối những người thực hành uy quyền đó, ủng hộ sự khác biệt trong toàn bộ Kinh Thánh giữa chính quyền và cá nhân và sự đáp ứng hợp pháp đối với tội lỗi trong mỗi trường hợp. Chính quyền có trách nhiệm ngăn chặn tội ác, bảo vệ công dân của mình, và duy trì sự thịnh vượng của họ. Nếu nó có trách nhiệm bảo vệ công dân của mình khỏi những tội phạm, phải chăng nó không có trách nhiệm bảo vệ họ khỏi những quốc gia phạm tội? Sự dạy dỗ của Đấng Christ về bất bạo động, nếu nó hòa hợp với sự dạy dỗ còn lại về uy quyền của con người trong Kinh Thánh, không phải dành cho các quốc gia, cảnh sát, hoặc cha mẹ trong khả năng chức vụ của họ.

Dù dữ liệu Tân Ước về vấn đề Cơ Đốc Nhân không trực tiếp tham gia chiến tranh cũng không nhiều, những nguyên tắc căn bản rất rõ ràng: Tin kính là phải có sự đáp ứng yêu thương, hy sinh để duy trì thái độ không thù hận, bất bạo động trong tất cả các mối quan hệ cá nhân khi quyền của một người bị đe dọa; và những con người thuộc chính quyền chịu trách nhiệm, phải giải trình với Đức Chúa Trời, sử dụng sức mạnh khi cần thiết để đảm bảo sự cư xử công bình cho toàn thể công dân của nó.

Dựa trên nền tảng này, thần học chiến tranh và hòa bình có thể được suy ra từ điều gì trong những nguyên tắc Kinh Thánh khác? Hãy xem xét ba lãnh vực liên quan: các giá trị, sự tể trị của Đức Chúa Trời, và trách nhiệm của con người.

### **Các Giá Trị.**

*Chiến tranh và Hòa Bình.* Thường thì hòa bình được yêu chuộng hơn chiến tranh. Đức Chúa Trời thường đứng về phía hòa bình. Chúng ta biết điều này bởi vì hòa bình sẽ là trạng thái cuối cùng của những ai làm hòa với Đức Chúa Trời. Vì vậy, “phước cho những người giải hòa.” Luôn luôn là như vậy. Nhưng đôi khi chiến tranh lại được yêu chuộng hơn hòa bình và có lẽ là con đường duy nhất dẫn đến hòa bình công chính. Khi người ta nói về chiến tranh như là thứ ít tệ hại hơn trong hai thứ tệ hại, giống như khi chiến tranh được cho là tốt

hơn sự nô lệ, điều đó không thể có nghĩa rằng chiến tranh do Đức Chúa Trời khởi xướng, Đức Chúa Trời đồng ý hoặc Đức Chúa Trời thực thi là một thứ ít tệ hại hơn. Nếu chiến tranh được thực hiện trong ý muốn của Đức Chúa Trời, đó là cuộc chiến tranh tốt về mặt đạo đức. Dĩ nhiên, nó có thể là nỗi đau buồn của con người ở cấp độ ít hơn (hoặc dữ dội hơn) giá trị khác. Nhưng sự bình an không phải là giá trị tối thượng để tất cả những giá trị khác phải hy sinh cho nó.

*Công Lý và Tình Yêu.* Sự chia tách làm hai thái cực thường thiên vị về công lý hoặc tình yêu, nhưng điều đó không hợp với Kinh Thánh; tình yêu thật phải cứng rắn, và công lý thật phải được tôi luyện với sự thương xót. Đôi khi sự trừng phạt chính là sự bày tỏ tình yêu chân thật nhất dành cho người nhận nó cũng như những người khác là những người cần được bảo vệ khỏi anh ta. Đức Chúa Trời giữ cả hai như là những giá trị tối thượng.

*Thế Xác và Thuộc Linh.* Dù sự công bố thường là đời sống (thế xác) của mỗi con người có giá trị vô hạn, điều này không phải là quan điểm Kinh Thánh. Sự sống thế xác được tiếp diễn không phải là giá trị tối thượng. Nhiều điều còn có giá trị hơn, chẳng hạn mối quan hệ yêu thương, sự trung thành, lẽ thật, công lý. Có lẽ thậm chí sự tự do, dù chỉ có người anh hùng đơn độc mới có thể hành động theo một giả thuyết như thế. Ai cố giữ chặt sự sống nơi thế gian này sẽ bị mất nó, Chúa Jêsus dạy chúng ta như vậy. Sự sống thuộc linh quan trọng hơn rất nhiều so với thế xác. Hơn nữa, trận chiến thuộc linh quan trọng và chí mạng hơn trận chiến thế xác.

*Thời Gian và Sự Vĩnh Cửu.* Thời gian cuộc đời con người ngắn ngủi, có thể bị cắt ngắn bởi bệnh tật, tai nạn, hoặc bạo lực, hoặc sống sót đến khi già yếu. Thật không có gì có thể so sánh được với sự tồn tại đời đời đang nằm ở phía trước mỗi con người. Trả giá cao cho một khoảng thời gian là ngu dại trong ánh sáng của cõi đời đời.

*Cá Nhân và Tập Thể.* Nếu một cá nhân có ý nghĩa quá lớn đối với Đức Chúa Trời và đối với chính con người đó, chắc chắn nhiều người hơn, giá trị càng lớn hơn. Cho nên chiến tranh trả giá bằng sự mất mát không thể đo lường được về con người.

*Hội thánh và Nhà nước.* Hội thánh và nhà nước cả hai đều có giá trị dù không phải là giá trị tối cao. Đấng Christ và các thánh tử đạo đã hy sinh mạng sống của mình cho Hội thánh, và những người lính hy sinh mạng sống của mình cho nhà nước. Nhưng quốc gia-nhà nước hiện đại là một thực thể nhân tạo trong điều kiện tốt nhất và chắc chắn không có nền tảng Kinh Thánh để đòi hỏi sự trung thành cuối cùng. Nó không thể điều khiển Hội thánh một cách hợp pháp, cũng không thể buộc Cơ Đốc Nhân thực hiện những hành vi tội lỗi. Mặt khác, Hội thánh, dù nói tiên tri với chính quyền, không nên sử dụng sức mạnh của chính quyền để hoàn thành những mục tiêu thuộc linh của mình. Hơn nữa, Hội thánh là một nhóm người cùng

niềm tin không có giới hạn quốc gia, và những công dân của thiên đàng có sự ràng buộc chặt chẽ với những Cơ Đốc Nhân ở những vùng đất khác hơn là với những người không phải là Cơ Đốc Nhân trong vai trò công dân tạm thời của họ trên đất này. Hội thánh là đời đời và của chính Đức Chúa Trời, cho nên giá trị của nó phải trời vượt hơn.

*Nhân Quyền và Sự Tự Do so với Trật Tự.* Nhân quyền và sự tự do có giá trị, nhưng không có cái nào có giá trị tuyệt đối. Quyền của mỗi cá nhân bị giới hạn, nếu không bởi điều gì khác, thì cũng bởi sự tự do của người khác. Còn trật tự phân xử giữa quyền và sự tự do của những người có đời sống liên đới. Sự chuyên chế chính là trật tự đi đến chỗ điên dại, và tình trạng vô chính phủ là sự tự do đi đến chỗ điên dại. Tuy nhiên, Kinh Thánh nói rất ít về quyền công dân và sự tự do nhưng đề cập nhiều đến trật tự. Phá đổ trật tự vì có nhân quyền và sự tự do có thể phải trả một giá quá đắt.

Lưu ý rằng giải pháp Kinh Thánh cho sự căng thẳng trong mỗi giá trị dường như nghiêng về quan điểm “chiến tranh công lý,” nhưng cũng lưu ý rằng vấn đề các giá trị rất phức tạp.

**Sự Tể Trị Của Đức Chúa Trời.** Dù con người phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình một cách cá nhân hoặc tập thể, Đức Chúa Trời vẫn nắm quyền tể trị và làm thành mục đích của Ngài, có thể qua công cụ con người, công chính hoặc không công chính, hoặc qua sự can thiệp thiên thượng. Ngài sẽ không lúng túng thoái thác giai đoạn thời gian trong sự thất bại thẹn thùng. Công lý và sự công bình cuối cùng sẽ chiến thắng, và trong niềm tin này con người có thể an nghỉ, dù ở trong sự áp bức hoặc có sự tự do.

**Trách Nhiệm Của Con Người Cho Vấn Đề Chiến Tranh.** Con người không thể đổ lỗi cho Đức Chúa Trời hay Sa-tan về vấn đề chiến tranh, vì con người chịu trách nhiệm về vấn đề chiến tranh, một trong những hậu quả đau buồn nhất của vấn đề tội lỗi của con người. Bởi vì khuynh hướng tội lỗi và ích kỷ, xung đột là điều không thể tránh khỏi, và con người phải tính sổ với Đức Chúa Trời về hành vi tội lỗi này.

Khía cạnh thứ hai của trách nhiệm của con người đó là con người được chọn vừa làm công cụ cho sự phán xét và vừa làm công cụ cho ân điển của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời chọn những chính quyền dân sự như là những công cụ chính cho sự phán xét của Ngài, và Hội thánh như là công cụ chính yếu cho ân điển của Ngài. Nếu Ngài phải chờ đợi những người hoàn toàn tốt và khôn ngoan để hoàn thành những mục đích của Ngài trên đất, thì mục đích của Ngài sẽ không bao giờ được hoàn thành. Cho nên sự cai trị dân sự - có thể gia đình



hoặc nhà nước hoặc người chủ - bị khập khiễng bởi sự hạn hữu và sa ngã của nó. Tuy nhiên, nó chính là công cụ của chính Đức Chúa Trời.

## CHIẾN TRANH HẠT NHÂN

**Quy Ước và Hạt Nhân.** Có phải cuộc chiến hạt nhân khác biệt về mặt chất lượng so với chiến tranh theo quy ước hay chỉ khác biệt về mức độ? Trong một tạp chí có sức lôi cuốn lớn, “Sự ‘Kết Thúc’ của Thuyết Chiến Tranh Công Lý,” Donald Heinz không chỉ tuyên bố một cách dứt khoát rằng chiến tranh hạt nhân hoàn toàn khác biệt về mặt chất lượng, mà còn tuyên bố rằng sự nhất trí đang phát triển hướng đến điều được gọi là “chủ nghĩa hòa bình hạt nhân”: “Các Cơ Đốc Nhân có suy nghĩ sẽ cần phải đi đến với những điều khoản có sự nhất trí đầy sức mạnh trong đạo đức Tin Lành và Công Giáo La Mã rằng tất cả hoặc hầu như tất cả chiến tranh hạt nhân là điều không thể xảy ra được dựa trên nền tảng chiến tranh công lý.”<sup>38</sup>

Trong khi giải thích sự thay đổi triệt để thái độ của mình hướng về việc sử dụng vũ khí hạt nhân, John C. Bennett viết rằng:

Vào năm 1950, một cuộc thảo luận nhỏ đã diễn ra liên quan đến những cơ hội để giữ cho chiến tranh hạt nhân ở trong sự giới hạn nếu như nó khởi đầu. Bây giờ, sau những năm ngẫm nghĩ và tranh cãi, vẫn còn tồn tại một niềm tin rất nhỏ rằng tất cả các giới hạn trong kế hoạch sẽ được nhận thức, dù trong những mục tiêu, vũ khí được sử dụng, hoặc những vùng địa lý bị ảnh hưởng. Cũng vào năm 1950, chúng ta không có kiến thức về sự ảnh hưởng lâu dài có thể xảy ra bởi nhiều vụ nổ hạt nhân trên trái đất hoặc trong môi trường không khí và trên hệ thống hỗ trợ của hầu hết hoặc tất cả nhân loại. Ngày hôm nay, chúng ta nhận ra rằng sự tồn tại của dòng dõi loài người sẽ đe dọa... Nếu chúng ta đặt hai sự thay đổi cuối cùng kể từ năm 1950 lại với nhau, chúng ta có thể thấy rõ rằng thật là vô trách nhiệm nếu quốc gia nào khởi xướng một cuộc chiến tranh hạt nhân hoặc khởi xướng giai đoạn hạt nhân trong cuộc chiến. Không có sự lâm nguy nào có thể nhận thức được lại có thể biện minh cho hiểm họa đe dọa sự tồn tại của loài người hoặc đe dọa tính liên tục của đời sống văn minh... Các giám mục Công Giáo La Mã đã nói thay cho nhiều người trong chúng ta khi họ nói rằng, “Hiểm họa của sự leo thang quá lớn đến độ thật vô lý trên phương diện đạo đức để khởi xướng một cuộc chiến tranh hạt nhân dưới bất kỳ hình thức nào.”<sup>39</sup>

*Mức Độ Hủy Diệt.* Chắc chắn, chiến tranh hạt nhân hoàn toàn khác về mức độ hủy diệt, nhưng có phải nó là sự gia tăng lớn hơn từ gươm đến súng? Thành phố Hamburg bị ném bom theo quy ước trong suốt Chiến Tranh Thế Giới thứ II đã chịu thiệt hại về người thương vong

<sup>38</sup> Donald Heinz, “The ‘End’ of Just War Theory,” *Theology, News and Notes*, March 1981, 5.

<sup>39</sup> John C. Bennett, “Nuclear Deterrence Is Itself Vulnerable,” *Christianity and Crisis*, 13 August 1984, 297.

gấp bốn lần so với Hiroshima khi bị ném bom hạt nhân. Dù trong bất kỳ trường hợp nào, có phải mức độ hủy diệt thật sự lớn hơn sự hủy diệt xứ Ca-na-an bởi Giô-suê, khi sinh vật sống bị giết chết tại hết thành phố này đến thành phố khác?

*Số Thường Dân.* Một số người nói rằng chiến tranh hạt nhân khác biệt về mặt chất lượng bởi vì số dân thường là mục tiêu của cuộc chiến. Những người khác phản lại rằng những đầu đạn tên lửa chiến lược có thể được sử dụng để đánh những mục tiêu quân sự thôi. Nhưng vấn đề không rõ ràng từ cả hai phía. Trước hết, dù thuyết chiến tranh công lý trong thời Trung Cổ đã phát triển ý tưởng bảo vệ dân thường, về mặt lịch sử điều này hiếm khi xảy ra. Franklin Roosevelt đã phản đối người Nhật khi họ ném bom Nanking vào năm 1937 rằng:

Chính Phủ này giữ quan điểm rằng tất cả các cuộc ném bom thông thường trên một diện rộng nơi có nhiều dân cư sinh sống liên quan đến sự theo đuổi hòa bình là điều không được phép và trái với các nguyên tắc luật pháp và sự nhân đạo.<sup>40</sup>

Nhưng vài năm sau đó, nước Mỹ dưới sự lãnh đạo của Franklin Roosevelt đã dính líu đến sự ném bom phá hủy cả Đức và Nhật. Mục đích là để phá vỡ ý muốn của một dân tộc muốn tranh chiến, và phương pháp này đã thành công. Một mục sư người Nhật một lần đã nói với tôi rằng việc ném bom Hiroshima và Nagasaki đã cứu vô số người – có lẽ hàng triệu người – là những người lẽ ra đã chết trong sự chiến đấu cuộc chiến quy ước.

Thứ hai, sự bảo vệ dân thường có lẽ khó có thể giữ được một cách hợp lý. Có lẽ, như Reinhold Niebuhr đề nghị, khái niệm bảo vệ thường dân dấy lên từ tinh thần hiệp sĩ hơn là từ những nét độc đáo đạo đức hợp lý. Thật khó để nhìn thấy thế nào một người lính gia nhập quân đội để phục vụ đất nước của mình “vô tội” hơn hay ít “vô tội” hơn người anh của mình rời bỏ quân ngũ để làm việc trên nông trường, sản xuất lúa gạo để nuôi quân đội. Cả quốc gia đều tham gia – có thể tất cả người trưởng thành đều có tội hoặc không ai có tội ngoại trừ những người có quyền lực. Một điều chắc chắn, nếu quốc gia nào cam kết giữ không đụng đến những trung tâm có nhiều thường dân, kẻ thù có thể có được cơ hội trong chốc lát để chuẩn bị vũ trang bởi việc đảm bảo rằng các trung tâm quân sự nằm gần những khu vực dân cư. Dù ý tưởng bảo vệ người dân “vô tội” khó có thể thực hiện được một cách hợp lý, không thể tuân theo một cách tuyệt đối, và hiếm khi được áp dụng, hầu hết các nhà đạo đức học và những người văn minh nhạy cảm về mặt đạo đức rút khỏi ý tưởng cố tình tấn công dân thường.

---

<sup>40</sup> *New York Time* 23 September 1937, 19. Để có sự thảo luận rộng hơn về sự tiến hóa của việc ném bom số đông, hãy xem Robert C. Batchelder, *The Irreversible Decision* (Boston, Houghton Mifflin, 1962), 170-89.

*Kết Quả Cuối Cùng.* Có một yếu tố trong chiến tranh hạt nhân dường như khác biệt một cách rõ ràng. Thuyết chiến tranh công lý cho rằng chiến tranh là hợp lý chỉ khi kết quả cuối cùng có giá trị lớn hơn sự mất mát tiềm tàng. Trong sự trao đổi hạt nhân được dốc toàn lực, điều còn lại có giá trị như thế nào so với sự mất mát con người và tài sản? Tuy vậy, một số người cho rằng sự tự do khỏi sự áp bức đạt được bởi những người sống là đáng giá và thậm chí cảnh mất mát hết mọi điều không nên ngăn cản con người khỏi sự bảo vệ công lý hoặc sự tự do, cho dù điều đó có nghĩa là sự hy sinh của cả quốc gia. Dù đạo đức học về sự phân biệt giữa chiến tranh quy ước và chiến tranh hạt nhân có thể còn phải tranh cãi, sự khác biệt về mặt chất lượng trong kết quả dường như đã rõ ràng.

**Hòa Bình Hạt Nhân.** Kết quả tiềm tàng đáng sợ là những điều dẫn đến cái gọi là hòa bình hạt nhân. Như một kết quả trực tiếp từ “sự cân bằng về tinh thần chung,” thời gian trung bình trong lịch sử hai mươi năm giữa những cuộc chiến tranh trở nên gấp đôi kể từ Chiến Tranh Thế Giới thứ II. Một số người ca ngợi sự cân bằng này như là kết quả tốt của việc dự trữ hạt nhân, nhưng ai có thể tin được rằng phương thế bẻ tắc đó có thể ngăn cản được sự thù địch hạt nhân vô thời hạn?

**Sự Phán Xét Của Đức Chúa Trời.** Chúng ta sống trong sự sợ hãi về sự tận thế hạt nhân. Phải chăng nó sẽ đến như một sự tính sai đầy bi kịch của một máy tính hoặc cách tính của một người điên cuồng? Phải chăng đó là cách Đức Chúa Trời mang sự phán xét đến với dòng dõi loài người nổi loạn? Có thể ngăn ngừa được nó hay không?

Đức Chúa Trời vẫn chúc phước cho những người giải hòa, và vì chúng ta không biết được dự định bí mật của Đức Chúa Trời, tất cả con người chắc chắn phải hành động để ngăn chặn sự tự hủy diệt. Trong khi làm công việc đó, Cơ Đốc Nhân có thể yên nghỉ trong sự đảm bảo rằng không có cơ hội hoặc hành động độc ác nào của con người có thể ngăn cản mục đích và kế hoạch tối thượng của Đức Chúa Trời. Những lời tiên tri trong Kinh Thánh cho thấy rằng con bão lửa hủy diệt cuối cùng sẽ là hành động trực tiếp của Đức Chúa Trời, không phải của con người. Tuy nhiên, dù thế nào đi nữa, lời cuối cùng vẫn thuộc về Đức Chúa Trời.

**Những Lựa Chọn Để Đáp Ứng.** Chúng ta không còn có sự lựa chọn để sống trong một thế giới không có hạt nhân; sự lựa chọn đó đã bị chấm dứt vào năm 1945. Nhưng chúng ta có thể và phải hành động hướng về sự hòa bình công lý trong thời đại hạt nhân này. Sự tan rã của Liên Bang Xô Viết đã thay đổi thế cân bằng nhưng không làm khuếch tán vấn đề. Hãy

suy nghĩ đến tội ác của con người tính toán sai trật, số lượng và sức mạnh hủy phá to lớn của những vũ khí đang tồn tại, và tiềm năng tái lập lại chính trị đối kháng toàn cầu.

Yếu tố thực tại khác: Niềm hy vọng cá nhân và sự bình an nội tại không thể nương dựa vào sự đảm bảo miễn trừ khỏi sự tàn phá của chiến tranh. Niềm hy vọng của chúng ta ở trong Đức Chúa Trời. Sự cưỡng bức lớn nhất mà tôi phải chịu là sự chết, và đó là sự bắt đầu của sự sống thật và sự bình an thật và đời đời. Hơn nữa, tôi sẽ chết. Thời gian và cách chết tất cả đều ở trong dấu chấm hỏi. Điều đó đúng cho tất cả chúng ta.

Vấn đề nan giải mới mà con người đang đối mặt trong thời đại hạt nhân được phát biểu một cách hùng hồn cách đây một số năm trong cuộc trao đổi giữa tác giả Philip Toybee và giám mục Canterbury, Geoffrey Fisher. Toybee lý luận rằng sự hủy diệt hạt nhân thật quá khủng khiếp đến nỗi giải pháp duy nhất là giải trừ quân bị ngay tức khắc và giải hòa với người Nga trên một số điều khoản, thậm chí đầu hàng. Fisher đáp lại rằng:

Tôi tin rằng việc đưa ra phương cách giải quyết đơn giản vì sợ hậu quả là điều chưa bao giờ đúng đắn... Vì theo tất cả những gì tôi biết, trong sự dự phòng của Đức Chúa Trời, dòng dõi loài người nên hủy diệt chính mình theo cách này (chiến tranh hạt nhân). Không hề có bằng chứng rằng nhân loại cứ tồn tại mãi mãi và Kinh Thánh có đầy những điều dạy ngược lại. Mặc dù, theo như bạn nói, sự đau khổ gây ra bởi chiến tranh hạt nhân sẽ khủng khiếp về mức độ, nên nhớ rằng mỗi người chỉ có thể đau đớn đến mức đó; và tôi không biết những người nam và người nữ bị ảnh hưởng sẽ đau đớn hơn những người từ ngày này sang ngày khác phải chịu đau đớn trong những thảm họa khủng khiếp không. Không có thước đo tổng số nỗi đau đớn. Dầu sao đi nữa cách giải quyết vấn đề đơn giản không được dựa vào việc sợ đau đớn. Tôi không phải là kẻ vô cảm. Đấng Christ chịu đóng đinh bày tỏ cho chúng ta thấy làm thế nào để chịu khổ một cách sáng tạo. Ngài không tuyên bố kết thúc sự đau khổ, Ngài cũng không bắt những môn đồ của Ngài tránh né sự chịu khổ. Cho nên tôi xin lặp lại, tôi không thể lập ra cách giải quyết vấn đề nào chỉ dựa trên sự đánh giá nó có cứu dòng dõi loài người khỏi giai đoạn chịu đau đớn hoặc sự hủy diệt hay không.<sup>41</sup>

**Tóm Tắt.** Tóm lại, chiến tranh hạt nhân khác với chiến tranh theo quy ước về chất lượng, ít ra cũng khác về mức độ hủy diệt tiềm tàng. Sự khác biệt này khiến chiến tranh hạt nhân không thể được chấp nhận bởi ít nhất hai nguyên tắc của “chiến tranh công lý” lịch sử: Cứu cánh phải biện minh cho phương tiện, và chúng ta nên chọn điều ít ác hơn trong hai điều ác. Vì vậy, đối với vấn đề khủng khiếp nan giải này, tôi xin được kết luận rằng cuộc chiến hạt nhân không nên được chấp nhận theo cách bình thường để dàn xếp những sự khác biệt quốc

---

<sup>41</sup> Philip Toynbee, *The Fearful Choice* (London: V. Gollancz, 1952).

tê; tất cả những người nhạy cảm về mặt đạo đức nên hành động hướng đến lý tưởng, trước hết là kiểm soát, sau đó là hạn chế; tiếp theo là cắt giảm; và cuối cùng là xóa bỏ vũ khí hạt nhân.

## TỘI PHẠM VÀ SỰ HÌNH PHẠT

Tội phạm là những hoạt động hoặc sự cấu thả mà thẩm quyền của con người đã quyết định phải bị trừng phạt, thông thường bởi vì nó được xem như làm đã tổn thương người khác. Tội phạm và tội lỗi không đồng nghĩa với nhau. Không phải tất cả tội lỗi đều là tội phạm: Không có xã hội nào có thể trừng phạt sự ham muốn xấu xa, tham lam, và sự kiêu ngạo. Tội lỗi là điều liên quan đến Đức Chúa Trời – nó vi phạm những tiêu chuẩn của Ngài. Và không phải tất cả tội phạm đều là tội lỗi. Làm chứng về Đấng Christ có thể là tội phạm trong xã hội nào đó, nhưng nó không phải tội lỗi. Tội phạm và sự hình phạt của nó được quy định bởi xã hội, có lẽ vì lợi ích của các thành viên của nó và hy vọng dựa trên những tiêu chuẩn đạo đức. Vì tội phạm là chống nghịch lại người khác, nó thường vi phạm luật yêu thương trong Kinh Thánh và thường làm tổn hại người khác. Vì thế, với hàm ý rộng và sâu nó thuộc điều răn thứ sáu. Sự trừng phạt dành cho tội phạm chắc chắn là vấn đề đời sống – lấy đi của tội phạm một phần hoặc tất cả sự sống với tư cách một công dân tự do. Nhưng sự tranh cãi trở nên dữ dội với các vấn đề về nguyên nhân làm nên tội phạm, bản chất tội phạm, mục đích hình phạt, và loại hình phạt mà một xã hội công bình và khoan dung có thể sử dụng. Đối với những vấn đề này, Kinh Thánh làm sáng tỏ quá rõ ràng.

## NHỮNG VẤN ĐỀ MANG TÍNH TRIẾT LÝ

**Nguyên Nhân của Tội Phạm.** Cho đến thế kỷ trước, tội phạm nói chung được cho là hành động bên ngoài của khuynh hướng tội lỗi, và thậm chí những dính líu đạo đức không được cho phép được xem là một hành động mà chính tội phạm phải chịu trách nhiệm. Sự thay đổi bắt đầu diễn ra vào thế kỷ trước khi người ta đưa ra sự giải thích khác – liên quan đến triết học, tâm lý học, và xã hội học. Ví dụ,

Một người Pháp có tên Charcot, một nhà thần kinh học, đã bắt đầu tập trung sự nghiên cứu của mình vào những rối loạn kích thích điều kiện thần kinh hệ thống.... Những lời tuyên bố này về phía Charcot, cũng như sự chấp nhận của chúng, đánh dấu sự bắt đầu của công trình nghiên cứu hiện đại về cái gọi là “bệnh tâm thần.” Theo Freud, một đồ đệ của Charcot, và phân tâm học, một hệ thống

phân loại mới đã xuất hiện... Một người bị bệnh tâm thần không “muốn” hành vi bệnh hoạn của họ và vì thế họ được cho là không phải “chịu trách nhiệm” về hành vi đó.<sup>42</sup>

Kết quả cuối cùng của sự thừa nhận chung của cách tiếp cận này là sự phân biệt giữa những kẻ tội phạm là những người bình thường, phải chịu trách nhiệm hành vi tội phạm của họ và những người không bình thường cần sự chữa trị, chứ không phải sự trừng phạt. Ví dụ, khởi tố một người bị bệnh tâm thần đã phạm tội cũng giống như khởi tố một người vì người đó bị tàn tật. Kẻ tâm thần đó cần sự quan tâm thương xót, chứ không phải sự phân biệt đối xử và sự khởi tố. Định nghĩa mang tính pháp lý của tình trạng điên loạn, được quyết định bởi Tòa Án Tối Cao trong những Nguyên Tắc M’Naughten (1843), dần dần được chất lọc cho đến khi hầu hết các tòa án tại Mỹ bắt đầu dựa vào Quy Tắc Viện Luật của Mỹ (American Law Institute Rule), định nghĩa được phát biểu rằng:

Một người không chịu trách nhiệm cho hành vi tội phạm nếu hành vi đó là kết quả của bệnh tâm thần hoặc khiếm khuyết tâm thần, thiếu khả năng trọng yếu để nhận định sự sai trái của hành vi của mình hoặc làm cho hành vi của mình thích hợp với những đòi hỏi của luật pháp.<sup>43</sup>

Với sự ra đời của xã hội học, dòng lý trí được khởi xướng ban đầu bởi tâm lý học được dẫn dắt xa hơn nhiều. Không chỉ những người bị bệnh tâm thần, nhưng tất cả mọi người đều là sản phẩm của môi trường, cho nên người phạm tội không có lỗi nhưng xã hội (môi trường) đã tạo ra con người đó có lỗi. Nhà tâm lý học nổi tiếng Karl Meninger đã viết một cuốn sách có tựa đề nói lên tất cả điều đó: *Tội Phạm của Sự Trừng Phạt*.<sup>44</sup> Luận án chính của ông đó là những tội phạm chống lại những kẻ tội phạm còn lớn hơn những tội phạm mà những kẻ tội phạm đã phạm. Thực tế, nhiều người đứng đầu ngành tâm lý học ngày hôm nay phản đối mạnh mẽ toàn bộ khái niệm bệnh tâm thần.

Ai có thể phán xét một người bị bất bình thường hoặc “bị bệnh” hay không? Mỗi hành vi của một người là bình thường đối với anh ta. Vì thế thuyết tương đối về văn hóa chắc chắn dẫn đến sự tự trị cá nhân và sự từ chối tất cả các tiêu chuẩn tuyệt đối về hành vi. Chúng ta không chứng kiến sự cuối cùng của tiến trình. Với thái độ biết ơn, toàn thể xã hội không chấp nhận chuỗi lý luận cuối cùng của sự lập luận này, nhưng nó chấp nhận một cách phổ biến chủ

---

<sup>42</sup> Roy Sumpter, “Crime, Individual Culpability, and Punishment,” *Journal of the Evangelical Theological Society* (fall 1973): 224.

<sup>43</sup> Sách đã dẫn.

<sup>44</sup> Karl Meninger, *The Crime of Punishment* (New York Viking, 1968).

thuyết môi trường quyết định, để rồi con người được xem như là những sản phẩm không thể tránh khỏi của gia đình và điều kiện xã hội.

Quan điểm này càng ngày càng chiếm ưu thế trong hình thức này hoặc hình thức khác và có những tác động sâu sắc đến quan điểm của xã hội về tội phạm và sự hình phạt. Kinh Thánh dạy rằng môi trường có ảnh hưởng lớn trên một người. Kẻ tội phạm chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi môi trường sống của họ, và hy vọng, sự thay đổi môi trường có thể giúp họ có những lựa chọn tốt hơn. Nhưng việc xác định những yếu tố nào trong môi trường của một người là ảnh hưởng nhất và cố gắng để tạo ra một môi trường nhằm giúp một người thay đổi tốt hơn dường như là điều quá khó khăn.

Chẳng hạn, tại sao tỉ lệ tội phạm trong vòng những người Do Thái rất thấp còn trong vòng những người Mỹ gốc châu Phi rất cao? Thuyết được chấp nhận rộng rãi nhất đó là sự nghèo đói và tất cả những điều đi cùng với nó là nguyên nhân gốc rễ. Nhưng Charles Silberman, dù khăng khăng đứng về phía người da đen, đã bác bỏ lý thuyết đó trong công trình nghiên cứu đáng tin cậy và nhiều người khen ngợi của mình *Bạo Lực Tội Phạm, Công Lý Tội Phạm*.<sup>45</sup> Ông đã trình bày về vấn đề kẻ tội phạm trong cuốn sách của mình rằng tỉ lệ tội phạm trong vòng những người da đen cao hơn rất nhiều so với những nhóm chủng tộc khác ở trong cùng một cảnh đói nghèo. Ông cho rằng những yếu tố của văn hóa người da đen đã kìm nén bạo lực từ trước đến nay và bây giờ dường như nó được khuyến khích. Chỉ có đói nghèo không thôi thì không thể dẫn đến việc tạo ra những hành vi tội phạm, nhưng theo sự hiểu biết phổ biến thì sự kết hợp các yếu tố môi trường dẫn đến điều đó.

*Phía Bên Kia* đã phỏng vấn một nhóm tù nhân ở chung với nhau, hỏi câu hỏi, “Ai chịu trách nhiệm cho bản thể của bạn ở đây?”

Ezzo: Nhà nước chịu trách nhiệm cho bản thể của tôi ở đây. Ban đầu tôi được sai phái để cải cách trường học vì tội phạm trốn học tồi tệ... Lúc đó tôi không phải là một kẻ tội phạm, nhưng tôi đã trở thành một kẻ tội phạm vào lúc tôi ra khỏi đó.

Jones: Nếu bạn muốn biết ai chịu trách nhiệm, hãy xem những người ở trong tù: những người da đen, những người Ấn Độ, những người Puerto Rico, những người gốc Mê-hi-cô và những người da trắng nghèo. Bạn không thấy ai là người giàu có ở đây. Trong một ý nghĩa, hệ thống đã đưa đẩy chúng ta đến chỗ đói nghèo và một đời sống tội phạm. Là một trong những người này là hoàn cảnh chính trị, xã hội và kinh tế. Chúng tôi bị cướp mất sự công lý một cách có hệ thống. Chúng tôi không thể có việc làm bởi vì màu da hoặc sự giáo dục của chúng ta. Tại sao chúng không được giáo dục? Bởi vì khi

---

<sup>45</sup> Charles Silberman, *Criminal Violence, Criminal Justice* (New York: Random House, 1978).

chúng tôi còn ở trong trường học các giáo viên chỉ dạy một điều, và điều đó không tương xứng với điều mà chúng ta phải biết. Cho nên chúng tôi phải trộm cắp để nuôi gia đình chúng tôi.<sup>46</sup>

Luận án này không thể được tuyên bố một cách rõ ràng hơn bởi một nhà tâm lý học, xã hội học hoặc tội phạm có kiến thức. Chuyển trách nhiệm từ một kẻ tội phạm sang xã hội có thể giả mạo như chủ nghĩa nhân đạo đầy lòng thương xót, nhưng nó thật sự là một sự tàn ác hủy diệt, vì về mặt tâm lý học cái giá của việc chuyển trách nhiệm của một người sang những người khác là làm mất sự kiểm soát số phận của chính người đó. Về mặt thuộc linh, cái giá phải trả còn lớn hơn; nó khóa chặt người đó không thấy được giải pháp tối thượng duy nhất: ân điển của Đức Chúa Trời sẵn dành chỉ cho những ai thừa nhận trách nhiệm về hành vi của chính mình.

Kinh Thánh còn thực tế hơn nhiều. Kinh Thánh thừa nhận sự ảnh hưởng của môi trường và trách nhiệm của con người là phải tạo nên một môi trường tốt, nếu có thể được, cho người khác cũng như cho chính mình. Kinh Thánh cũng thừa nhận vai trò của sự chọn lựa có trách nhiệm. Kinh Thánh xác định nguyên nhân của tội phạm tại nơi mà chắc chắn nó trú ẩn nếu chúng ta cần phải tìm những giải pháp thật: trách nhiệm của mỗi người là phải chọn điều đúng. Góc rễ của tội phạm là tội lỗi, và trách nhiệm cuối cùng đối với tội phạm thuộc về tội nhân. Thiếu kỷ luật hoặc yêu thương trong gia đình, thiếu công lý trong xã hội, sự bầu bạn với kẻ gian ác, và giáo dục thấp kém có thể gây dựng nên, nhưng khi phân tích cho cùng, chúng ta phạm tội bởi vì chúng ta là những tội nhân và chọn để phạm tội.

Mỗi sự lựa chọn tội lỗi sẽ tích trữ thành phẩm chất có khả năng thực hiện hành vi tội phạm. Một khi có sự khiêu khích đủ mạnh và sự miễn trừ thật hoặc tưởng tượng khởi hình phạt, thì chỉ có ân điển của Đức Chúa Trời mới có thể giữ người ta khỏi thực hiện hành vi phạm tội.

Một số người cho rằng tội phạm không tăng thêm, nhưng sự thúc ép luật pháp được cải thiện; nhiều kẻ tội phạm bị bắt, nhiều tội phạm được báo cáo. Tuy nhiên, đa số đồng ý rằng tội phạm đang gia tăng tại Mỹ. Một số đổ thừa sự quản lý nhà tù và môi trường, và hầu như tất cả đều đồng ý rằng hệ thống tù hoàn toàn thất bại nếu sự phục hồi là mục đích. Khoảng 68 phần trăm những người được phóng thích quay trở lại nhà tù. Những người khác đổ lỗi cho nhà trường, sự bạo lực và tình dục trên Ti vi, ma túy, sự phân biệt chủng tộc, nạn thất nghiệp và sự đói nghèo.

---

<sup>46</sup> *The Osher Side*, November/December 1972, 39.



Tôi tin rằng sự phá sản của gia đình là sự ảnh hưởng tiêu cực hàng đầu mang tính môi trường. Tuy nhiên, sự giáo dục và truyền thống cộng đồng cũng chia sẻ trách nhiệm chính yếu trong việc làm xói mòn gia đình và những giá trị đạo đức thông qua sự cố ý cam kết với thuyết đương đối về đạo đức. Những yếu tố tiêu cực này có khuynh hướng củng cố cho nhau.

Vì môi trường là sự ảnh hưởng chính yếu trong sự định hình cá tính và phẩm chất của một người, chúng ta phải hành động để làm cho nó công chính và đầy sự thương xót nếu có thể được. Đồng thời, chúng ta phải khuyên nài rằng mỗi người phải chịu trách nhiệm cho số phận đạo đức của chính mình và chịu trách nhiệm về những hành vi làm tổn thương người khác.

**Bản Chất Tội Phạm.** Chúng ta cần phân biệt tội lỗi và tội phạm. Đức Chúa Trời trừng phạt tội lỗi, con người trừng phạt tội phạm. Vì con người không có quyền trừng phạt tội lỗi, xã hội phải xác định những tội lỗi nào là tội phạm và phải chịu hình phạt. Khi người ta nói rằng không nên luật hóa đạo đức, họ đang nói đến sự bỏ qua hoặc sự thành kiến. Hầu như luật pháp cần phải giải quyết những câu hỏi về đạo đức. Vấn đề làm luật, cho dù nó vốn không phải là vấn đề đạo đức, nó cũng sẽ trở nên vấn đề đạo đức. Nhưng khi một người nói rằng đạo đức *riêng tư* không nên trở thành luật, đa số sẽ đồng ý. Tội lỗi riêng tư không nên bị phạt bởi tòa án công lý loài người. Nhưng những tội lỗi khác không phải tội lỗi trong lòng, “riêng tư” là gì?

Phân tích cho cùng, không có tội lỗi nào thật sự là riêng tư, vì tất cả tội lỗi đều gây ảnh hưởng đến những người khác trong cuộc đời của tội nhân. Tuy nhiên, sự hoàn hảo về đạo đức là vượt quá sự thành công của con người và không thể bị ép buộc bởi luật pháp. Vì vậy, tất cả những gì luật có thể làm là buộc người ta chịu trách nhiệm cho sự gây hại một cách vô lý cho tài sản hoặc con người của người khác hoặc chịu trách nhiệm về hành vi gây nguy hiểm cho người khác. Bởi vì sự khác biệt giữa tội lỗi và tội phạm, một phong trào mạnh mẽ đã dấy lên hướng đến việc hợp pháp hóa những tội phạm không gây hại người khác, không có lời phàn nàn. Những tội phạm đứng đầu trong các loại tội phạm này được cho là việc sử dụng ma túy, quan hệ tình dục tuổi cập kê, say xỉn, cờ bạc, lang thang, đi điếm, và khiêu dâm. Như đã thấy, nếu tất cả những loại tội phạm được hợp pháp hóa, một phần rất lớn trong bộ luật nặng nề hiện tại sẽ bị xóa bỏ bớt.

Nhưng có phải những hoạt động này không gây hại cho người nào hay không? Uống rượu là “vấn đề cá nhân,” nhưng nửa số vụ giết người và tai nạn giao thông tại Mỹ có liên quan đến rượu. Có phải đây là tội phạm không có người bị hại? Một xã hội mà bỏ qua sự khiêu dâm và ăn ở đồng tính luyến ái sẽ tạo ra một bầu không khí (môi trường, nếu bạn muốn) ảnh

hưởng mạnh mẽ đến cái nhìn về tình dục của thế hệ đang lớn. Phải chăng đây chỉ là vấn đề riêng tư?

Bất cứ hành vi mà xã hội tin tưởng trực tiếp hoặc có tiềm năng gây hại cho những người khác cũng có thể được đặt ra ngoài vòng pháp luật một cách hợp pháp. Dĩ nhiên, xã hội có trách nhiệm ban hành chỉ những luật mà nó có ý định buộc phải tuân theo hoặc có thể buộc phải tuân theo. Bất cứ hành vi nào, riêng tư hay công khai, có người bị hại hay không có, mà một xã hội công bố là tội phạm nhưng rồi không ép buộc phải tuân theo, sẽ làm xói mòn nguyên tắc luật, khuyến khích một xã hội vô luật pháp.

Vì thế yếu tố then chốt trong việc làm luật không phải vấn đề hành động đó là riêng tư hay không hoặc có nạn nạn nhân trực tiếp là người phàn nàn hay không, nhưng vấn đề xã hội có xét xử hành vi đó có tiềm năng hoặc trực tiếp gây hại cho người khác hay không và xã hội đó có ý muốn bắt buộc tuân theo luật hay không?

## Mục Đích của Sự Trừng Phạt

*Sự Phục Hồi.* Trong sự phán xét Y-sơ-ra-ên trong Cựu Ước hay sự kỷ luật các thành viên trong Hội thánh trong Tân Ước, mục đích chính của Đức Chúa Trời trong sự trừng phạt luôn luôn nhằm để phục hồi tội nhân. “Chúa Giê-hô-va phán: ‘Chẳng lẽ Ta lại vui vì sự chết của kẻ dữ sao? Chẳng phải Ta vui vì nó từ bỏ đường lối mình để được sống sao?’” (Ê-xê-chi-ên 18:23).<sup>47</sup>

Vì thế quan điểm của nhà tội phạm học nhân đạo rằng sự phục hồi là mục đích của sự trừng phạt có bằng chứng Kinh Thánh rất mạnh mẽ. Nhưng học thuyết hiện đại khiến sự phục hồi hầu như là lý do hợp lệ duy nhất cho sự trừng phạt. Hơn nữa, được dẫn dắt bởi tâm lý học và tâm lý liệu pháp, chúng ta đến với những mong đợi phi thực tế về khả năng của chúng ta trong việc phục hồi. Tạp chí *New York Times* đã báo cáo rằng những nỗ lực phục hồi dành cho những kẻ tội phạm bị hầu hết các chính phủ ở phương Tây bỏ qua.<sup>48</sup> Thụy Điển là một ví dụ, tại đó những tù nhân được giam giữ một cách tiến bộ và nhân đạo nhất. Tỷ lệ tái phạm sau khi được phóng thích vượt quá 70 phần trăm, không thua gì những nơi khác trên thế giới. Sự khám phá trung tâm của Charles Silberman đó là nan đề tội phạm chỉ giải quyết được rất ít.<sup>49</sup> Chúng ta phải hạ thấp những mong đợi của chúng ta. Ông kết luận rằng không ai biết điều gì “phục hồi” những kẻ tội phạm. Tuy nhiên, ông không nản lòng. Ông tranh luận rằng thực ra hầu hết những kẻ tội phạm bị bắt và bị trừng phạt nghiêm khắc xứng đáng. Làm sao mà tỉ lệ

<sup>47</sup> Hãy xem thêm trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:13-15; 1 Ti-mô-thê 1:19-20; và 1 Cô-rinh-tô 5:5 so sánh với 2 Cô-rinh-tô 2:6-8.

<sup>48</sup> *New York Times* 5 September 1977.

<sup>49</sup> Silberman, *Criminal Violence, Criminal, Justice*.

bắt giữ những tội phạm nghiêm trọng chỉ có 12 phần trăm? Bởi vì thực tế kẻ tội phạm cứ tiếp tục phạm tội ngoại trừ khi bị bắt và bị bỏ tù như là cái giá phải trả cho việc làm của mình. Một công trình nghiên cứu tỉ mỉ Rand Corporation với 49 kẻ cướp có vũ trang đã báo cáo rằng những người trong số họ đã thừa nhận mình đã phạm tổng cộng 10.500 tội phạm nghiêm trọng mặc dù họ đã dành nửa cuộc đời làm người lớn của mình (con số trung bình) ở đằng sau những song sắt!<sup>50</sup> Thực tế, chỉ có một điều được biết có thể giúp cải thiện hành vi của những kẻ tội phạm, ngoài sự tái sinh, đó là tuổi tác. “Hoạt động tội phạm giảm bớt theo tuổi tác, thậm chí trong vòng những kẻ nhà nghề. Trẻ vị thành niên trung bình phạm tội 39 lần trong một năm, thanh niên phạm 18 lần trong một năm, và người trưởng thành phạm 7 lần trong một năm.”<sup>51</sup>

*Sự Ngăn Chặn.* Lý do thứ hai của sự trừng phạt trong Kinh Thánh là để ngăn chặn những người khác làm điều sai. “Hãy công khai khiển trách những kẻ cứ tiếp tục phạm tội, để những người khác phải sợ” (1 Ti-mô-thê 5:20). Điều này được nhìn thấy rõ ràng nhất trong sự tử hình trong cả Cựu lẫn Tân Ước (Phục 17:12-13; Công Vụ 5; Rô-ma. 13:1-7). Sự trừng phạt là sự cảnh cáo cho tất cả những kẻ phạm pháp tiềm năng khác. Mục đích này bị những kẻ chỉ thừa nhận tính hợp lý của sự phục hồi tấn công. Họ nói rằng sự trừng phạt hoặc sợ sự trừng phạt không ngăn chặn được. Giáo sư Norval Morris không đồng ý, dù ông thừa nhận rằng “thật đáng ngạc nhiên, điều gì ngăn cản những kẻ tội phạm ít được biết đến.”<sup>52</sup>

Nhưng câu hỏi thực sự không phải luật hình sự có ngăn chặn được hay không. Hiển nhiên nó ngăn chặn. Bạn có thể thử điều này trong tình huống cảnh sát đình công. Bạn có thể thử nó trong những tình huống mà không có sự bắt buộc tuân theo luật hình sự. Trong những tình huống đó, tội phạm tăng lên một cách khác nhau tùy theo những tội phạm khác nhau và rất khó để thống kê. Những tội phạm liên quan đến tài sản, đặc biệt những tội phạm nhỏ liên quan đến tài sản, tăng lên một cách rõ rệt và đáng ngạc nhiên.<sup>53</sup>

Ernest Van den Haag là một trong những nghiên cứu về hình phạt học thuộc làn sóng bảo thủ mới, người nhấn mạnh sự ngăn chặn và cách ly giá trị của hình phạt tù như là đối lập lại với sự phục hồi khó có thể có được. Đây là luận đề chính của cuốn sách *Hình Phạt Những Tội Phạm* của ông.<sup>54</sup> Ví dụ, ông kể về một cuộc thí nghiệm mà trong đó những sinh viên

---

<sup>50</sup> *State* (Columbia, S.C.), 8 September 1977, 198-A.

<sup>51</sup> Sách đã dẫn.

<sup>52</sup> Norval Morris, “Crime and Punishment in America,” *The Cater Magnin*, May/June 1971, 33.

<sup>53</sup> Sách đã dẫn.

<sup>54</sup> Ernest Van den Haag, *Punishing Criminals* (New York: Basic Books, 1976).

được yêu cầu để tính điểm của mình bởi kiểm tra xem thử họ có đưa ra những câu trả lời chính xác hay không. Ba mươi tư phần trăm đã gian lận bởi việc thay đổi câu trả lời của họ. Tiếp theo, họ được động viên phải thành thật, nhưng tỉ lệ gian lận tăng lên 41 phần trăm! Nhưng khi có sự hăm dọa sẽ phạt những người gian lận và hình phạt đó là chắc chắn, thì sự gian lận giảm xuống còn 12 phần trăm. Sau đó, khi làm chứng về tội phạm và sự trừng phạt, Van den Haag đã phát biểu:

Tôi đề nghị rằng luật pháp ủy thác các tòa án áp đặt lời buộc tội nghiêm khắc cho người phạm tội lần thứ hai hơn cho người phạm tội lần thứ nhất là những người phạm tội trọng... Những điều giảm nhẹ cho người phạm tội lần thứ nhất không được áp dụng cho người phạm tội lần thứ hai. Hễ ai phạm tội lần ba phải được xem như là kẻ tội phạm chuyên nghiệp (và) nếu tội phạm của anh ta là bạo lực, hoặc nếu nó liên quan đến sự sử dụng vũ lực, thì giống như tội ăn trộm, không nên phóng thích anh ta cho đến khi anh ta được 40 tuổi. Vài người phạm tội bạo lực sau tuổi 35. Tuổi tác có thể làm phục hồi.<sup>55</sup>

Dù không có sự nhất trí về điều gì thực sự ngăn chặn một người khỏi hành vi tội phạm, nhưng có điều gì đó về sự nhất trí rằng sự chắc chắn và sự nhanh chóng bắt giữ và trừng phạt có thể ngăn chặn. Nếu sự trừng phạt chắc chắn và nhanh chóng là những điều làm ngăn cản tuyệt vời nhất, thì khó có thể mong đợi hệ thống của chúng ta ngăn cản hành vi tội phạm.

Ủy ban Eisenhower đưa ra sự xác nhận... rằng trong một trăm trường hợp tội phạm được liệt kê, phần lớn là tội phạm nguy hiểm, thì năm mươi trường hợp được báo cảnh sát. Trong năm mươi trường hợp được báo cáo, hai mươi người bị bắt. Trong hai mươi người bị bắt, chỉ có sáu người bị kết án – không nhất thiết sự tấn công phải được báo cáo. Trong sáu người bị kết án, có 1,5 người bị bỏ tù.<sup>56</sup>

*Sự Bảo Vệ Người Vô Tội.* Mục đích hợp pháp thứ ba của hai hình thức trừng phạt – sự bỏ tù và tử hình – là để bảo vệ người khác khỏi một người chứng tỏ có khả năng phạm tội. Bởi vì tăng thêm hỗn loạn hơn là đạt được sự phục hồi, xã hội phương Tây dường như tăng cường nhấn mạnh mục đích cách ly của sự phạt tù. Tuy nhiên, khoảng 95 đến 98 phần trăm tù nhân Mỹ hiện tại sẽ được quay về với xã hội, và 68 phần trăm của số đó sẽ phạm tội càng thêm.

Kinh Thánh có đầy những lời nhắc nhở phải bảo vệ những người vô tội và những người không có ai giúp đỡ - đàn bà góa, kẻ mồ côi, khách lạ, người yếu đuối. Chính phủ được thiết lập để người dân được “sống yên ổn, bình an” (1 Ti-mô-thê 2:2). Vì vậy, xã hội phải tạo ra

---

<sup>55</sup> William Raspberry, *The State* (Columbia, S.C.), 23 June 1977.

<sup>56</sup> Norval Morris, "Crime and Punishment in America."

những cấu trúc nhằm bảo vệ người dân của mình. Nhưng Kinh Thánh cũng nói hơi tích cực về sự phạt tù. Hơn nữa, dù quy định về hình phạt tử hình dành cho nhiều loại tội lỗi khác nhau chắc chắn bảo vệ xã hội khỏi sự phạm tội lặp đi lặp lại, sự bảo vệ người vô tội không được đưa ra như là lý do của hình phạt tử hình. Chúng ta đã nhìn thấy xã hội thế nào không được bảo vệ tốt dưới sự sắp xếp hiện tại. Sự kết án tù rất ngắn, và tội phạm tiếp theo là điều hầu như chắc chắn. Cho nên, với mục đích này, hệ thống xã hội Mỹ hiện đại đang thất bại. Một hình thức bảo vệ quyền của những nạn nhân và của nhà nước đang gây chú ý gần đây: sự bồi thường. Theo thuyết này, người phạm tội sẽ bị buộc phải phục hồi sự mất mát mà nạn nhân phải chịu và sự tổn thất của chính quyền trong việc bắt giữ, kết tội, tổng giam kẻ tội phạm. Sự bồi thường chắc chắn là một nguyên tắc Kinh Thánh và là ý tưởng đứng đằng sau sự hình phạt trong Cựu Ước (Lê-vi Ký 6:2-5; Dân 5:7).

*Sự Trừng Trị.* Sự trừng phạt (hình phạt xứng đáng với sự xác minh của công lý) là một mục đích không được công nhận một cách phổ biến bởi những nhà hoạt động nhân đạo tự xưng trong và ngoài Hội thánh. Nó được cho là đáng kinh tởm với người văn minh, những người từ lâu đã ruồng bỏ sự báo thù đầy oán hận. Tuy nhiên, dù điều này không phải là lý do duy nhất hoặc tối cao được nêu ra trong Kinh Thánh, rõ ràng nó là một mục đích của sự hình phạt, vốn dĩ là ý nghĩa của từ *phạt*. Tân Ước cũng xem sự xác nhận của công lý như là một mục đích căn bản của sự trừng phạt tội phạm: Các quan chức chính quyền được lập ra để báo thù kẻ làm ác (1 Phi-e-rơ 2:14). Tất cả bốn mục đích của sự trừng phạt dành cho tội phạm đều có hiệu lực về mặt Kinh Thánh và nên được nhấn mạnh trong luật pháp và công lý hình sự. Thứ tự ưu tiên về sự nhấn mạnh trong Kinh Thánh có lẽ là (1) sự phục hồi, (2) công lý, (3) sự bảo vệ, và (4) sự ngăn cản.

## CÁC DẠNG KHÁC NHAU CỦA SỰ TRỪNG PHẠT

**Luật Xấu và Luật Tốt.** Nhìn chung, luật tốt củng cố những tiêu chuẩn đạo đức, còn luật xấu làm yếu đi những nguyên tắc đạo đức. Có nhiều cách để tạo ra luật xấu hoặc hệ thống công lý.

Luật không thể thi hành được (hoặc luật mà xã hội không chọn để áp dụng, chẳng hạn như luật cấm nấu và bán rượu của Mỹ) là xấu bởi vì sự không buộc phải tuân theo làm xói mòn sự tôn trọng dành cho luật pháp và khuyến khích sự hư hỏng trong toàn dân và các quan chức thi hành luật.

Luật bất công ở trong nhiều hình thức khác nhau. Thật là bất công nếu thừa nhận bằng chứng là những lời đồn đại hoặc buộc tội mà không có đủ bằng chứng. Thật là bất công nếu

bắt một nạn nhân của sự tấn công tình dục hoặc lạm dụng trẻ em phải chịu sự tấn công liên tục về mặt tâm thần, tình cảm, chịu sự hắt hủi, và bị đe dọa tại tòa án. Một dạng bất công phổ biến trong hệ thống xã hội hiện tại của chúng ta đó là những người nghèo, những người không thân thích, những người ít học bị buộc tội không cân xứng với những người có thể tìm người đại diện hợp pháp tài giỏi, người có bạn bè có địa vị cao, và những người biết làm thế nào để “vận hành hệ thống.” Thật bất công nếu buộc tội phải ở tù đối với người mua hàng ăn cắp một thứ hàng hóa trị giá mười đô la, trong khi không có luật nào để giữ người chủ của dãy quầy hàng khỏi việc lấy của chính phủ hàng trăm ngàn đô la một cách bất chính từ thuế thu nhập.

Hình phạt không thích hợp hoặc không đồng đều là một hình thức khác của luật xấu. Tháng 10 năm 1964 ở tại Sicily, Gaetano Furnari đã giết một giáo sư đại học là người đã quyến rũ con gái của anh ta; tại Manila một thương gia người Trung Quốc đã bị bắt vì hôn người thư ký Philippines của anh ta năm năm về trước. Kẻ giết người và người hôn cả hai đều bị bốn năm tù. Tương tự như vậy, tôi đọc trên một tờ báo Tokyo một câu chuyện về một số người đàn ông say rượu, bắt giữ một nhà thơ tại bờ thành của cung điện hoàng gia, chế nhạo nhà thơ, và bị bốn năm tù. Bị chôn vùi trong cột ở phía trong của cùng một tờ báo đó là sự báo cáo vắn tắt về một người mẹ cố ý dìm chết đứa con vừa mới sinh của mình trong hầm vệ sinh; cô ta chỉ bị hai năm tù treo. Trong cách nào đó, tinh thần công lý của một người bị xúc phạm. Luật tốt và sự bắt buộc phải tuân theo luật tốt phải công bằng và thích hợp với tội phạm. Để bảo vệ người vô tội, luật tốt không tạo nên sự xâm phạm tùy tiện đối với quyền và sự tự do của người khác. Sự cân bằng tinh tế này là điều khó nhưng phải là đối tượng của luật tốt.

**Không Hình Phạt.** Có phải xã hội không trừng phạt tội phạm là sai trái? Rõ ràng là không, vì trong các câu chuyện lịch sử trong Kinh Thánh, nhiều tội phạm không bị trừng phạt. Không chỉ những ông vua ăn trộm vợ như Đa-vít, nhưng một người không chút quyền lực bị bắt vì phạm tội tà dâm và người đàn bà tà dâm khát nước tại giếng vùng Sa-ma-ri đã không bị xử tử theo luật. Điều này không có nghĩa rằng nên bỏ qua tội phạm hoặc bãi bỏ luật hình sự. Kinh Thánh nói rất rõ về vấn đề đó. Điều đó có nghĩa rằng sự thương xót và sự tha thứ đôi khi có thể hợp pháp mà không cần công lý bạo lực.

**Những Giải Pháp Thay Thế Hình Phạt Tù.** Hệ thống nhà tù Mỹ là biện pháp trừng phạt chính yếu chống lại tội phạm, trái lại trong Kinh Thánh nó không được ủy thác cho mục

đích đó. Hệ thống nhà tù hoàn toàn thất bại trong ba trong bốn mục đích của sự trừng phạt. Nó chỉ hoàn thành tốt chức năng là một hình thức trừng phạt công bình; công lý báo thù được thỏa mãn.

Những cơn bộc phát bạo lực nhà tù cho công chúng thấy một cái nhìn thoáng qua về tình trạng kinh hãi phía sau các bức tường. Hầu hết các nhà tù được xây dựng trước năm 1920, nhiều nhà tù đã được xây dựng hơn một trăm năm trước đây, dành cho số đông người bị bỏ tù. Bạo lực là đặc trưng, cách sống đồi trụy, ma túy, quan hệ đồng tính lan tràn. Ước chừng 80 phần trăm người tù là người quan hệ tình dục đồng tính hoặc từng trải vấn đề này, một cách tình nguyện hoặc bắt buộc. “Cải cách nhà tù” trong các báo cáo của các ủy ban điều tra hiếm khi được thực hiện. Có một giải pháp thay thế khả thi nào chăng?

Tước đoạt những đặc ân là một hình thức trừng phạt phổ biến, mặc dù sự tước đoạt đó tương đối nhẹ như trong trường hợp thu giấy phép lái xe, hoặc trầm trọng hơn như việc thu giấy phép hành nghề y khoa hoặc hành nghề luật sư. Có lẽ có những phương cách sáng tạo khác phù hợp với tội phạm bằng cách tước đoạt một thứ gì đó tương xứng với giá trị hơn là tước đoạt quyền tự do sống một cách bình thường trong xã hội.

Trừng phạt bằng cách đánh đập dường như không thể chấp nhận được từ rất sớm trong xã hội phương Tây. Trục xuất hoặc lưu đày, phổ biến trước đây, cũng không còn phù hợp nữa ngoại trừ việc trục xuất những phạm nhân là người nước ngoài. Dường như môi trường nhà tù bây giờ ít thô bạo hơn môi trường nhà tù kinh điển, nhưng cũng phụ thuộc rất lớn vào nơi lưu đày. Sự phục vụ quân đội được sử dụng trong một số xã hội như là một hình thức trừng phạt. Không có cái nào trong những cái này có thể bị loại bỏ nếu xét trên nền tảng Kinh Thánh, nhưng không có cái nào được chấp nhận tại Mỹ ngày hôm nay.

Hiện tại có một hình thức trừng phạt có thể được mở rộng – phạt hành chính hoặc tịch thu tài sản. Kẻ tội phạm bị kết tội có thể được yêu cầu phải trả một số tiền được ấn định cho nạn nhân và cho chính phủ (để trang trải chi phí bắt giữ và khởi tố) hằng tháng nếu cần thiết. Điều này có thể làm giảm 75 phần trăm số tù nhân là những người không phạm tội bạo lực. Sự giám sát một chương trình như thế sẽ giảm bớt chi phí giam giữ, và nạn nhân cũng có cơ hội được bồi thường cho những mất mát mình phải chịu. Sản phẩm phụ trước hết là giữ những người phạm tội không bị ở tù “ngôi trường trong tội phạm” và chịu những ảnh hưởng tàn bạo của nhà tù. Charles Colson và tổ chức của ông, Hội Thông Công Nhà Tù, đi đầu trong việc ủng hộ phương pháp này. Trước những năm chín mươi, nhiều chính phủ ít nhất đã bắt đầu những chương trình thí điểm áp dụng hình phạt thay thế.

Những hình thức thay thế khác là sự phân công phục vụ cộng đồng hoặc phục vụ hay chăm sóc nạn nhân trong cách nào đó. Những giải pháp thay thế này đặc biệt có thể thích hợp với những người phạm tội là trẻ vị thành niên, cho nhiều học sinh phạm tội trốn học, không thể sửa chữa được và những tội phạm mà không thể trừng phạt giống như tội phạm xảy ra bởi người lớn. Những trẻ vị thành niên này sẽ làm chật hệ thống nhà tù và là một sự mất mát lớn nhất của xã hội. Chắc chắn, một xã hội có sự sáng tạo đủ để đưa con người lên cung trăng không cần phải thiết lập một hệ thống trừng phạt thất bại trên đất này.

**Hình Phạt Tử Hình.** Có hai quan điểm phổ biến về những gì Kinh Thánh dạy về việc hành quyết những phạm nhân bị buộc tội tử hình: những người ủng hộ việc xóa bỏ hình phạt tử hình và những người ủng hộ hình phạt tử hình dành cho tội giết người có tính toán trước.

*Xóa Bỏ Hình Phạt Tử Hình.* Chính phủ Anh đã xóa bỏ hình phạt tử hình vào tháng 12 năm 1969, và nhiều quốc gia khác cũng đã đi theo. Chỉ mười lăm tiểu bang và quận Columbia bãi bỏ hình phạt tử hình. Hầu hết những cơ quan tôn giáo chính ở Mỹ kêu gọi một cách chính thức cho việc bãi bỏ. Không chỉ việc lấy đi mạng sống con người xâm phạm sự nhạy cảm về tự do (ngoại trừ trường hợp người chưa được sinh ra và những ai không tồn tại như một “con người thật sự”), theo như nhiều người Tin Lành, nó xâm phạm đến đạo đức Tân Ước. Trước hết, những điều răn trong Cựu Ước được cho là không thể áp dụng nữa vì chúng thuộc hệ thống luật Môi-se vốn bị loại ra. Hơn nữa, ngày hôm nay không có nghĩa rằng hình phạt tử hình được phát thảo trong Cựu Ước cần phải được tiếp tục tuân giữ ngày hôm nay.

Hệ thống luật Môi-se quy định hình phạt tử hình dành cho mười tám loại tội phạm:

1. Tội giết người - Xuất 21:12-14, 20; 22:2-3; Lê-vi Ký 20:2; 24:17, 21; Dân Số Ký 35:11-21, 30; Phục 19:11-13
2. Vô tình gây ra cái chết của người phụ nữ mang thai hoặc đứa bé của cô ta (?) nếu bị gây thương tổn trong quá trình đánh nhau - Xuất 21:22-25
3. Giết chết một người bởi một con thú dữ của họ đã từng giết người trước đây, nhưng không được nhốt lại (cả con thú và người chủ đều bị tử hình) - Xuất 21:28-30
4. Bắt cóc - Xuất 21:16; Phục 24:7
5. Hãm hiếp một người phụ nữ đã kết hôn (nhưng không dành cho việc hiếp dâm một nữ đồng trinh) - Phục 22:25-29
6. Thông dâm - Lê-vi Ký 21:9; Phục 22:13-21; ngoại trừ, Lê-vi Ký 19:20-22
7. Ngoại tình - Lê-vi Ký 20:10; Dân Số Ký 5:12-30; Phục 22:22-24



8. Loạn luân - Lê-vi Ký 20:11-12, 14
9. Đồng tính luyến ái - Lê-vi Ký 20:13
10. Quan hệ tình dục với thú vật - Xuất 22:19; Lê-vi Ký 20:15-16
11. Đánh đập cha mẹ - Xuất 21:15
12. Rửa sả cha mẹ - Xuất 21:17; Lê-vi Ký 20:9
13. Phản nghịch lại cha mẹ - Phục 21:18-21
14. Ma thuật, phù thủy - Xuất 22:18; Lê-vi Ký 20:27
15. Rửa sả Đức Chúa Trời - Lê-vi Ký 24:10-16
16. Cố gắng dẫn dắt người ta thờ phượng các thần khác - Phục 13:1-16; 18:20; cf. Xuất 22:20
17. Trả thù bằng việc lấy đi mạng sống mặc dù người ta đã làm tròn bổn phận luật pháp - Phục 17:12
18. Cố ý làm chứng dối nghịch cùng người khác làm cho người ta có nguy cơ bị tử hình - Phục 19:16-19.<sup>57</sup>

Quan trọng hơn nan đề của việc sử dụng các tiêu chuẩn Cựu Ước trong ngày hôm nay, những người Cơ Đốc ủng hộ việc xóa bỏ cho rằng lời dạy của Đấng Christ chú ý bãi bỏ hình phạt tử hình. Câu chuyện người phụ nữ bị bắt vì tội tà dâm (Giăng 8) được nhắc đến trong hầu hết các cuộc thảo luận. Tại sao Đấng Christ đã không ủng hộ luật pháp khi nó đúng y như những gì những người buộc tội thử Ngài? Không chỉ Ngài bảo vệ người phụ nữ này khỏi bị hành quyết; thậm chí Ngài không nộp cô ta cho chính quyền để bị phạt nhẹ hơn. Nhưng còn quan trọng hơn ví dụ của Ngài, trong lời dạy rõ ràng của Ngài, Đấng Christ đã loại bỏ *luật ăn miếng trả miếng* trong Cựu Ước (Xuất 21:23-25), luật mắt đền mắt nhằm thỏa mãn sự bồi thường tương xứng (Ma-thi-ơ 5:38-42). Một số người cho rằng câu chuyện này ngụ ý rằng Đấng Christ cho phép ly dị (Ma-thi-ơ 8: 31-32; 19:9), hơn là ủng hộ án tử hình vì tội tà dâm, và nó được xem như một ví dụ về những gì Ngài ngụ ý liên quan đến những luật khác đòi hỏi hình phạt tử hình. Theo những người chống đối hình phạt tử hình, các sứ đồ cũng không ủng hộ việc sử dụng hình phạt tử hình. Gương giáo trong Rô-ma 13 được hiểu như là biểu tượng của uy quyền, cũng giống như cái huy hiệu ngày hôm nay. Các quan chức chính quyền đeo nó như là một biểu tượng của uy quyền nhưng có thể sử dụng nó như một vũ khí, giống như cảnh sát đeo súng, nó không phải là một công cụ để hành quyết, nhưng để tự vệ và cũng có uy quyền của họ. Một huy hiệu và khẩu súng ngắn có chứng tỏ rằng nhà nước thực thi và cần

---

<sup>57</sup> Dave Llewellyn, "Restoring the Death Penalty: Proceed with Caution," *Christianity Today*, 23 May 1975, 11.

có hình phạt tử hình không? Bên cạnh đó, theo dòng lý luận, gươm không phải là một công cụ bình thường để hành quyết trong những trường hợp tử hình.

Hơn nữa, luật yêu thương trong Tân Ước bảo phải xóa bỏ hình phạt tử hình: “Ý tưởng rằng chúng ta có thể giết thân thể của anh ta trong khi yêu linh hồn của anh ta bị loại bỏ.”<sup>58</sup> Yêu điều gì không phải là cướp đi điều giá trị của một người – mạng sống của người đó. Làm thế nào một người tuyên bố rằng mình yêu sự sống nhưng lại cố ý cắt đi mạng sống của người khác? Cuối cùng, sự chết của Đấng Christ được cho là để tống khứ tất cả sự đau khổ có tính chuộc tội, để tất cả chúng ta, những kẻ đáng chết, có thể đứng vững dưới chân thập tự giá.

*Hình Phạt Tử Hình cho Tội Giết Người Có Tính Toán Trước.* Dù một số người ủng hộ hình phạt tử hình cho rằng hình phạt tử hình nên được áp dụng trong những trường hợp cưỡng hiếp và phản bội tổ quốc, hầu hết những người viết về đề tài này chủ yếu đề cập đến tội giết người như là sự tấn công lấy sự sống. Họ chỉ ra rằng dù luật dân sự Môi-se có thể bị bãi bỏ bởi Đấng Christ và các sứ đồ, mạng lệnh phải hành quyết những người phạm tội giết người có trước Môi-se và, thực ra, nó nằm trong trật tự ban đầu của sự sáng tạo:

“Kẻ nào làm đổ máu người, sẽ bị người khác làm đổ máu lại; vì Đức Chúa Trời tạo nên loài người theo hình ảnh của Ngài” (Sáng 9:6). Lý do được đưa ra bởi Môi-se được dựa trên giá trị của con người mà theo những người chủ trương xóa bỏ cho là vi phạm: Bởi vì con người được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, chỉ có hình phạt tử hình mới đúng là sự báo thù tương xứng. Dù cấu trúc của ngôn ngữ Hê-bơ-rơ có thể vừa là sự tuyên bố sự kiện vừa là một mạng lệnh, theo sự hiểu biết của tôi, không có học giả Kinh Thánh nghiêm túc nào lại cho rằng mạng lệnh không nhằm vào mục đích gì. Bằng chứng tràn ngập trong Kinh Thánh đó là Môi-se muốn chuyển tải quan điểm của Đức Chúa Trời rằng một người như thế chắc chắn phải bị tử hình (24:17; Num. 35:16-21). Lời dạy trong Cựu Ước rất rõ ràng, mặc cho nó có được thực thi hay không.

Những người ủng hộ cho rằng Tân Ước cũng dạy rất rõ. Dù Đấng Christ bãi bỏ một số luật Cựu Ước, Ngài không bãi bỏ luật về hình phạt tử hình. Hơn nữa, họ nói rằng, sự dạy dỗ của Phao-lô về chính quyền dân sự (Rô-ma 13) đề cập đến gươm không chỉ là biểu tượng của uy quyền, mà là biểu tượng của uy quyền cụ thể để tử hình. Sự chém đầu không phải là phương pháp tử hình duy nhất, nó chỉ là một phương pháp thôi. Hơn nữa, họ lý luận rằng gươm không thể tượng trưng cho sự bỏ tù hoặc đánh đòn.

---

<sup>58</sup> John Howard Yoder, "Capital Punishment and the Bible," *Christianity Today*, 1 February 1960, 5.

Những lý luận khác của người ủng hộ xóa bỏ được đáp trả như sau: Nếu một người không thể bị tử hình trong tình yêu, làm thế nào Đức Chúa Trời có thể tử hình tội nhân? Chắc chắn, những người nhận trách nhiệm nặng nề lấy đi mạng sống con người nên làm như vậy một cách miễn cưỡng trong sự đau buồn, chứ không nên cảm thấy nhẹ nhàng hoặc với sự vui thú méo mó về việc báo thù. Một lần nữa, có bao nhiêu người có được đặc ân để biết trước khi nào mình chết để chuân bị? Kẻ tội phạm đang sắp hàng chờ chết có một cơ hội bất thường để ăn năn và sửa soạn cho nơi ở đời đời của mình. Quan trọng hơn, công lý là tình yêu được phân phối, và tình yêu dành cho kẻ phạm tội không thể gạt qua một bên, tình yêu dành cho tất cả những người ở trong xã hội bị đặt trong sự nguy hiểm nếu bạo lực không được kiểm soát và công lý bị yếu mòn.

Phải chăng hình phạt tử hình ngăn chặn tội phạm nhiều hơn các hình thức trừng phạt khác? Đây là đề tài tranh cãi nóng bỏng. Chắc chắn tầng lớp cận bã của xã hội nghĩ rằng nó ngăn chặn được, cho nên áp dụng nguyên tắc này một cách tàn nhẫn. Dù sao, cái giá trị ngăn chặn bị hạn chế một cách đáng kể bởi vì ít ai mong đợi đón nhận một số phận như thế. Thậm chí khi hình phạt tử hình có hiệu lực tại Mỹ, có ít hơn một phần trăm những người phạm tội giết người bị tử hình. Hơn nữa, 75 phần trăm tội phạm giết người là tội phạm về tình cảm – các thành viên trong gia đình hoặc những người thân quen. Nhiều kẻ giết người bị mù lòa với sự đe dọa của hình phạt tử hình. Dĩ nhiên, người bị mất đi mạng sống của mình sẽ không còn giết ai nữa, cho nên đó chính là sự ngăn chặn. Isaac Ehrlich, một nhà lý thuyết về kinh tế của Đại Học Chicago, sử dụng kỹ nghệ thống kê sắc sảo, đã kết luận một công trình nghiên cứu cho thấy rằng mỗi cuộc hành quyết có thể ngăn chặn tám vụ giết người.<sup>59</sup> Sự suy luận dựa trên sự so sánh tỉ lệ các cuộc hành quyết và các vụ giết người giữa các tiểu bang hoặc các xã hội khác nhau không có giá trị bởi vì có quá nhiều yếu tố đóng góp vào tỉ lệ giết người.

Suy cho cùng, câu hỏi về sự ngăn chặn có lẽ không thể nào trả lời được vì chúng ta sẽ không bao giờ biết ai đã không phạm tội giết người và vì lý do gì anh ta đã kiềm chế. Chúng ta biết điều này: Kinh Thánh cho rằng hình phạt tử hình ngăn chặn (Phục 17:12-13). Nhưng, như chúng ta đã thấy trước đây, giá trị ngăn chặn ít quan trọng trong vòng các mục đích của Kinh Thánh cho sự trừng phạt.

*Kết Luận.* Kết luận của cá nhân tôi là một giải pháp trung gian. Hình phạt tử hình vốn không phải là vô đạo đức bởi vì Đức Chúa Trời ra lệnh làm điều đó. Mặt khác, chính Đức

---

<sup>59</sup> Isaac Ehrlich, *The Presbyterian Journal*, 26 May 1976, 11.

Chúa Trời đã không khăng khăng với nó, đối với trường hợp kẻ giết người đầu tiên, Cain, hoặc đối với người lỗi lạc, Đa-vít. Vì vậy, không có gì sai nếu bày tỏ sự thương xót.

Hai cách lý luận kéo tôi về hai phía đối lập nhau. Trước hết, mạng lệnh đã được ban ra trước khi có luật Môi-se, điều này có nghĩa rằng chắc chắn Đức Chúa Trời có ý định áp dụng nó cho toàn cầu. Mặt khác, Tân Ước đã giới thiệu một phương cách mới cho luật dân sự, và sự khăng định cho hình phạt tử hình trở nên gián tiếp và rất mỏng manh. Trong ánh sáng của sức căng mang tính Kinh Thánh này, đối với tôi, hình phạt tử hình nên được xem là đặc quyền của chính quyền con người hơn là sự ủy thác.

Vì vậy, hình phạt tử hình là hợp pháp, nhưng nó nên được sử dụng chỉ khi tất cả những sự bất công đã bị loại bỏ. Đề cập đến sự bất công tôi muốn nói đến khuôn mẫu của Mỹ trước đây mà trong đó 50 phần trăm những người bị tử hình giữa năm 1930 và 1967 là những người da đen. Việc những người da trắng giết những người da đen xảy ra là chính, và việc người da đen giết người da trắng hầu như không bao giờ xảy ra. Hơn nữa, việc tử hình chủ yếu dành cho những người nghèo và ít học là những người không thể tìm được người đại diện tốt hoặc không biết làm thế nào để tìm kiếm sự giúp đỡ. Họ thường là những người chậm phát triển về trí não, và hầu như luôn luôn là người ít học.

Một dạng bất công khác, sự tử hình nhằm người vô tội, được cường điệu quá mức. Theo sự ước đoán phóng khoáng nhất về tất cả các loại tội phạm, những người vô tội bị kết án lên đến 5 phần trăm. Trong những trường hợp tử hình, không có chi phí nào là dư thừa, và không có cách bào chữa nào không được tìm hiểu kỹ, sự sai lầm như thế không thể xảy ra, nhưng trong trường hợp hiếm hoi, nó có thể xảy ra, một người phải đối diện với sự khác thường được gây ra bởi việc thiếu biện pháp chế tài trong xã hội. Những nhà hoạt động nhân đạo theo chủ nghĩa tự nhiên cố gắng hết sức để chống đối, sự kéo dài sự sống thể xác không phải là giá trị cao nhất.

Tóm lại, nếu hình phạt tử hình là một phần của một hệ thống luật công bằng hợp lý và được sử dụng chỉ trong những trường hợp giết người có kế hoạch trước với những lý do không nghiêm trọng và có bằng chứng chắc chắn, có lẽ nó sẽ đề cao giá trị của sự sống và cơ cấu công lý trong xã hội. Nhưng nếu nó được sử dụng một cách thất thường hoặc bất công, thì tốt hơn hãy loại bỏ cái đặc quyền của chính quyền con người được ban cho bởi Đức Chúa Trời đó đi.

## TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CƠ ĐỐC ĐỐI VỚI LUẬT HÌNH SỰ

Mỗi Cơ Đốc Nhân và Hội thánh có thể làm gì để giúp đẩy mạnh một xã hội công bình và khoan dung, ngoài việc thể hiện một đời sống công bình và thương xót và dạy những tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời?

**Sự Phục Hồi.** Vì đây là mục đích chính của sự trừng phạt và vì sự nhất trí rằng hệ thống xã hội hiện tại của chúng ta đang hoạt động theo hướng ngược lại, Hội thánh và mỗi Cơ Đốc Nhân phải hành động với tất cả nội lực của mình để thúc đẩy một điều mà có thể làm phục hồi: sự tái sinh. Thuyết phục cá nhân nhận trách nhiệm cho những lỗi lầm của chính mình là bước đầu tiên. Nhưng trách nhiệm cá nhân cho vấn đề tội lỗi là một sứ điệp tàn bạo nếu nó dừng lại ở đó, bỏ mặc không giúp cá nhân đó thay đổi. Người đó cần biết đến sự tha thứ và cách để được biến đổi trở nên một con người mới và khác biệt. Người đó cần gia đình biết quan tâm của Đức Chúa Trời, đặc biệt sau khi được phóng thích. Nhưng chưa bao giờ một tù nhân trung bình nhận được những điều này từ cộng đồng Cơ Đốc.

Có lẽ ví dụ đáng chú ý nhất về những gì Đức Chúa Trời có thể làm và những gì các Cơ Đốc Nhân phải làm là Charles Colson, một kẻ tội phạm Watergate và Hội Thông Công Nhà Tù của ông ta. Có lẽ Colson cho chúng ta thấy cách vâng theo huấn thị của Đấng Christ để thăm viếng những người đang ở trong tù (Ma-thi-ơ 25:36, 39, 43-45). Thật đáng khiếp sợ nếu để ý điều mà Đấng Christ đã hứa dành cho những ai không thăm viếng người bị cầm tù.

Thật ra, Cơ Đốc Nhân nắm giữ chìa khóa duy nhất có thể biến đổi một kẻ tội phạm, khiến anh ta trở thành một công dân tốt – trên đất và trên thiên đàng!

**Sự Trừng Phạt.** Nếu chúng ta cứ khẳng khẳng rằng luật báo thù phải được phục hồi như là mục đích chính trong sự trừng phạt tội phạm, chúng ta phải cố gắng hành động nhằm hướng đến một hệ thống luật hình sự hợp lý hơn. Là những công dân trong một xã hội dân chủ, chúng ta không thể ngồi đó và gào thét “luật pháp và trật tự.” Chúng ta phải cẩn thận lắng nghe những người đang cảm thấy bị áp bức, cẩn thận xem xét điều gì đang thực sự diễn ra, và đòi hỏi phải có luật và sự thực thi luật công bình và nhân đạo. Mặc dù hệ thống nhà tù của chúng ta thực hiện mục đích này của sự trừng phạt, hệ thống của chúng ta không làm như vậy đối với những tội phạm không bị trừng phạt. Chúng ta phải hành động hướng về luật bất giữ cũng như luật về sự buộc tội và trừng phạt.

**Sự Bảo Vệ Người Vô Tội.** Rất ít người Mỹ sẵn sàng mạo hiểm tham gia cá nhân vào việc báo cáo tội phạm. Cơ Đốc Nhân phải hành động trong tình yêu đối với người vô tội bởi việc

làm ngừng tội phạm bằng sự thực hành trực tiếp, ít nhất là qua việc báo cáo tất cả tội các tội phạm hoặc các hoạt động đầy nghi ngờ. Điều này có thể phải trả giá, nhưng đó chính là những gì tình yêu nói đến. Hành động này cũng là sự đáp ứng đầy yêu thương dành cho kẻ tội phạm. Anh ta cần phải được bảo vệ khỏi sự chông chất tội càng thêm tội và có cơ hội để suy nghĩ về những hành động gian ác của mình và kết cục chắc chắn của những hành động đó.

Càng nghiêm khắc trong những tiêu chuẩn cho tại ngoại có bảo lãnh, thời hạn tù càng lâu, và càng ít việc tạm thả với những cam kết có thể bảo vệ được xã hội bớt khoảng 25 phần trăm những trường hợp tội phạm. Nhưng có đến 75 phần trăm những người phạm tội bị kết án có thể bị trừng phạt trong các cách thay thế không có hiểm họa về bạo lực. Chúng ta có lẽ cần định hướng lại một số nguồn tài nguyên rất giới hạn của chúng ta trong luật hình sự.

**Sự Ngăn Chặn.** Chúng ta đã biết, sự ngăn chặn không phụ thuộc vào tính nghiêm khắc của sự trừng phạt đầy đe dọa nhiều như sự chắc chắn và nhanh chóng trong việc bắt giữ và hình phạt. Sa-lô-môn đã đồng ý với điều đó (Truyện Đạo 8:11). Công dân có thể trợ giúp trong việc bắt giữ nhanh chóng và chắc chắn bởi việc tố giác tội phạm hoặc báo cáo những hành động nghi ngờ, nhưng họ cũng có thể đóng góp qua việc ủng hộ sự cải cách pháp lý. Chẳng hạn, thêm thuế thu nhập chi phí cho những nỗ lực công lý hình sự, như việc phát triển hệ thống trừng phạt thay thế. Điều này không chỉ làm giảm sự quá tải trong các nhà tù (điều góp phần tạo ra sự thất bại của chúng), nhưng cũng tạo khả năng cho sự tồn đọng với số lượng lớn những vụ án treo, điều mà, cũng giống như những thứ khác, hoạt động hướng về sự trì hoãn lâu dài trong việc tố tụng và khuynh hướng hướng đến việc buộc tội nhẹ và phóng thích sớm.

Nhưng sự đóng góp lớn nhất mà Cơ Đốc Nhân và Hội thánh có thể làm hướng đến sự ngăn chặn đó là trung tín dạy dỗ những tiêu chuẩn thánh và sự phán xét thánh của Đức Chúa Trời.

## ĐẠO ĐỨC Y HỌC

Chúa Jê-sus là một “Bác Sĩ Đại Tài.” Trên phương diện lịch sử, các Cơ Đốc Nhân đứng đầu về việc chăm sóc y tế - thành lập những bệnh viện Người Sa-ma-ri Nhân Lành, dâng hiến một cách rộng rãi cho mục đích từ thiện, và tiên phong trong sự tiến bộ y học và y tế trên khắp thế giới.

Ngày hôm nay, có một sự bùng nổ về những khả năng trong lãnh vực y học đem đến những thách thức, những cơ hội và những nguy hiểm. Cụm từ *luân lý học sinh vật* được tạo ra để phản ánh phạm vi rộng của đạo đức y học. Nó không chỉ là sự áp dụng thích hợp của thủ

tục y tế cho bệnh nhân. Những vấn đề về thuốc phòng ngừa, sự khám phá và tiềm năng sử dụng của những công nghệ, sự phân phối nguồn, và những vấn đề luân lý vĩ mô trở nên hàng đầu. Mối quan hệ giữa người hành nghề y và nhà khoa học, nhà chính trị và nhà kinh tế trở nên quan trọng hơn mối quan hệ giữa người hành nghề y và mục sư. Hội thánh phải xác nhận các giá trị Cơ Đốc trong tất cả các vấn đề luân lý sinh vật học mà không cần phải hy sinh chức vụ thương xót, chăm sóc dành cho con người.

Các Cơ Đốc Nhân có một cơ hội để phục hồi khỏi sự mất mát. Khi sự xem xét lại các khuynh hướng trong đạo đức y học, bác sĩ Edmund D. Pellegrino cho rằng chúng ta đang sống trong một giai đoạn khủng hoảng. Sự không chắc chắn chiếm ưu thế. Các nhà y học đạo đức đang nghi ngờ những nguyên tắc căn bản được phát họa trong luân lý Hippocrat – lòng bác ái, không nham hiểm, đáng tin cậy, và phảm hạnh. Sự lựa chọn giữa các khả năng, bao gồm chủ nghĩa tình huống, đã không đưa ra lấy một giải pháp. Do vậy, cánh đồng đang rộng mở cho sự tái xác nhận các giá trị Cơ Đốc.

Sự tiến bộ trong ngành y học gần đây liên tục đẩy lên những nan đề mới cho một người nhạy cảm về mặt đạo đức. Một số trong những tiến bộ y học này tạo ra khả năng tiềm tàng cho điều ác quá lớn đến nỗi những nhà nhân chủng học tận tâm, là những người có giáo điều chính yếu là sự tự do, đã phải bắt đầu sử dụng những ngôn từ mà họ cho là không thể chấp nhận được, như “đạo đức quy chuẩn,” và “đạo đức công chúng.” Chúng ta làm gì với việc biến đổi gen, sinh sản vô tính, cấy ghép nội tạng, khoa ngoại thần kinh, hóa chất thay đổi tâm trí, sự thí nghiệm trên bào thai – thậm chí trên con người? Làm sao một xã hội có thể duy trì sự cân bằng mong manh giữa quyền tự do cá nhân và các trách nhiệm một mặt, giữa những lợi ích và sự nguy hại mang tính xã hội ở mặt khác?<sup>60</sup>

Kinh Thánh không đề trực tiếp đề cập một cách rõ ràng đến nhiều vấn đề đẩy lên bởi sự khám phá những công nghệ mới. Vào thời Kinh Thánh “dầu thơm” (Giê-rê-mi 8:22), “dầu xức” (Ê-sai 1:6; Lu-ca 10:34; Gia-cơ 5:14), và “một chút rượu” (Gia-cơ 5:23) được dùng cho những chứng bệnh khác nhau. Sứ đồ Lu-ca cũng là một bác sĩ (Cô-lô-se 4:14). Nhưng thuốc men rất đơn sơ, cho nên đối mặt với thế giới thuốc men phức tạp ngày hôm nay, những nguyên tắc Kinh Thánh hơn là những ủy thác phải là tiêu điểm của chúng ta. Đạo đức y học phải được xem xét trong khung sườn của những nguyên tắc rõ ràng nghiêm túc trong Kinh Thánh:

---

<sup>60</sup> Pellegrino, Edmund D., "The Metamorphosis of Medical Ethics: A 30-year Retrospective," *Journal of the American Medical Association* 269, 3 March 1993, 1158-62.

1. Tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho con người vươn đến cơ thể của họ, cái mà Ngài đã dựng nên. Một khía cạnh trong ước muốn của Đức Chúa Trời rằng mọi người được cứu (2 Phi-e-rơ 3:9) là ước muốn rằng tất cả mọi người có cơ thể khỏe mạnh.
2. Mục đích của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ là để chấm dứt bệnh tật và đau khổ. Ngài sẽ làm điều này qua sự phục sinh thân thể của tín đồ và sự phục hồi sự sáng tạo.
3. Bệnh tật và đau khổ là kết quả của sự Sa Ngã, là những điều mà tất cả mọi người phải chịu cho đến khi Đấng Christ trở lại. Nó vừa là sự đoán xét dành cho tội lỗi (1 Cô-rinh-tô 11:30) vừa là một cú đấm để giải quyết những vấn đề đời đời trước khi chết.
4. Chúng ta tất cả đều sẽ chết. Chỉ sự can thiệp Thiên Thượng mới có thể cứu nhân loại khỏi những hậu quả của sự chết, chứ không phải tài khéo léo của con người.
5. Như Đấng Christ đã phục vụ những người đau khổ vì bệnh tật qua sự can thiệp trực tiếp và đầy sự hiểu biết, chúng ta nên noi gương theo Đấng Christ. Chức vụ theo gương Đấng Christ phân biệt những người thuộc về Ngài và những người chỉ xưng là biết Ngài (Ma-thi-ơ 25:31-46).
6. Bệnh tật và sự đau khổ có thể là kết quả của việc thiếu chăm sóc bởi một xã hội bận rộn (ví dụ, người lòa lổ, đói khát), của hậu quả của những hành động vô đạo đức (ví dụ, người bị cầm tù, người nghiện ma túy), hoặc của việc sống trong một thế giới tội lỗi bị rửa sả (ví dụ, động đất, đói kém). Dù trong trường hợp nào đi nữa, việc chăm sóc người bệnh và đau khổ với lòng cảm thông và sự tận tâm là điều luôn luôn đúng. Bệnh tật và đau khổ không phải lúc nào cũng chinh phục được.
7. Dù một số người được ơn một cách đặc biệt và được kêu gọi vào chức vụ y tế, tất cả các tín hữu chịu trách nhiệm trước mặt Chúa trong việc chăm sóc những tín hữu và không phải tín hữu là những người bị bệnh (về thể xác và tâm thần). Những người cung cấp sự chăm sóc nên được hướng dẫn nhiều ở nơi nào có nhu cầu hơn bởi phần thưởng tài chính.
8. Sự chăm sóc dành cho người bệnh không phải là cứu cánh trong bản chất. Nó là bằng chứng của sự kêu gọi cao cả (Phúc Âm) và của một giải pháp tuyệt vời (sự phục hồi tất cả mọi điều).



9. Không phải là sự can thiệp bất hợp pháp vào công việc của Đức Chúa Trời, những tiến bộ trong y học (cũng như trong tất cả các ngành khoa học khác) thực sự có thể là sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời kêu gọi chúng ta là những người mang lấy hình ảnh của Ngài tham gia cùng với Ngài trong sự sáng tạo. Điều này không phải để biện minh cho sự ngạo mạn của nhà khoa học là người không thừa nhận Đức Chúa Trời, hoặc tội lỗi của những người sử dụng những tiến bộ khoa học cho những mục đích ích kỷ hoặc độc ác.

10. Các Cơ Đốc Nhân nên luôn luôn cầu nguyện cho người bệnh, nhưng đừng bao giờ chỉ cầu nguyện cho người bệnh thôi. Tôi đã đề nghị trước đây rằng thậm chí bệnh nhân là người không còn khả năng nhận thủ tục duy trì sự sống, sự chăm sóc và ủng hộ là cần thiết.

11. Vì nguồn tài nguyên y tế không bị giới hạn, sự phân phối nguồn tài nguyên đó phải tính đến giá trị của tất cả mọi người cũng như sự cần thiết trong việc ưu tiên số lượng và loại hình chăm sóc các cá nhân.

Làm thế nào áp dụng những nguyên tắc này trong những tình huống y học cụ thể ngày hôm nay?

1. *Sự cấy ghép nội tạng và nội tạng nhân tạo*: Những việc này nằm trong vòng tiềm năng sáng tạo của con người. Rất khó để thấy quy trình này về mặt đạo đức học nó khác với việc tạo nên một cái chân giả như thế nào. Dĩ nhiên, có nhiều câu hỏi liên quan, chẳng hạn như việc quyết định khi nào người hiến tạng chết trong tương lai, nhưng khó có thể có những chống đối mang tính đạo đức cho quy trình này.

2. *Sự thụ tinh nhân tạo*: Vấn đề này liên quan đến thắc mắc về sự thụ tinh nhân tạo đã được thảo luận trong chương trước. Một trở ngại lớn cho phương pháp này đó là nó thường tạo ra nhiều hơn một trứng đã được thụ tinh. Dường như đúng với những nguyên tắc Kinh Thánh về hôn nhân và sự thiêng liêng của sự sống hơn nếu giới hạn số trứng được đặt trong ống nghiệm, và chăm sóc những trứng đã được thụ tinh không được sử dụng bởi việc cho phép khả năng cấy trứng trong tương lai.

3. *Sự biến đổi gen*. Dự Án Biến Đổi Gen (Genome Project) là một công trình nghiên cứu quốc tế ba tỉ đô la kéo dài hai mươi năm, được thiết kế để xác định 100.000 gen nằm trong bộ nhiễm sắc thể của con người, công trình nghiên cứu

lập trình cho sự tăng trưởng và phát triển. Bề ngoài, công trình nghiên cứu này nghe có vẻ như là một nỗ lực giá trị của khoa học. Hơn một nghìn năm trăm căn bệnh được cho là có tính di truyền. Có gì sai trái không nếu cố gắng loại bỏ những gen gây bệnh này mà không để lại những hậu quả xấu? Phương pháp gen mới đây đã chứng tỏ tính hiệu quả trong việc ngăn chặn được chứng xơ hóa chẳng hạn.

Mặt khác, khả năng gây hại dường như là điềm xấu và hậu như không có giới hạn. Điều ám ảnh về “Brave New World” của Huxley không bao giờ tồn tại. Kết cục không thể tránh khỏi của việc nghiên cứu gen là “thuyết ưu sinh,” sự biến đổi sinh học của con người. Bộ gen là những khối xây dựng của nhân dạng con người. Làm sao có thể đứng được nếu dàn dựng lại “sự tiến hóa của con người” để tạo ra siêu chủng tộc qua sự kiểm soát chính quyền? Chúng ta đã chứng kiến hậu quả kinh dị đó tại Đức Quốc Xã. C.S Lewis sợ gen thí nghiệm hơn sự hủy phá hạt nhân bởi vì khả năng đe dọa nhân dạng con người của nó.

Tôi thừa nhận sự do dự lớn, nếu không muốn nói là khiếp sợ, với sự sử dụng khoa ngoại thần kinh, hóa chất thay đổi tâm trí, và cho sinh sản vô tính một cá nhân trọn vẹn, và tạo ra những loài hậu con người. Mỗi nghi ngờ đang dấy lên bởi vì tôi không thể xác nhận theo Kinh Thánh mối quan hệ giữa bộ não, tâm trí, và linh hồn. Thật là điều khiêm nhã, nếu không muốn nói là bất kính và vô đạo đức, nếu điều khiển sai khiến linh hồn. Không phải ai cũng có cùng sự quan tâm giống như tôi. Nhà tâm lý học Viện Thần Học Fuller, Paul Clement, tại hội nghị về Quản Lý Nhân Sự và Tương Lai của Con Người vào năm 1984, đã ca tụng những triển vọng về “công nghệ linh hồn” có thể tạo ra những phẩm hạnh như là kết quả của Thánh Linh qua sự thay đổi hành vi. Đối với tôi, đây là lãnh vực phát triển khoa học mà cần phải được xem xét hết sức cẩn thận về sự hợp lý mang tính đạo đức và phải được giám sát một cách chặt chẽ quá trình phát triển của nó. Dù có thể Cơ Đốc Nhân không thể chặn đứng tất cả hoặc bất cứ điều gì nào trong những cái gọi là tiến bộ trong lĩnh vực này, chúng ta nên tiếp tục khẳng định quan điểm Kinh Thánh về nhân dạng con người khi đối mặt với những khuôn mẫu phi nhân tính ngày một gia tăng.<sup>61</sup>

*1. Sự Sẵn Dành Cho Sự Chăm Sóc Sức Khỏe.* Sự sẵn dành cho sự chăm sóc sức khỏe ở mức độ căn bản dành cho tất cả mọi người tại Mỹ và trên khắp thế giới là mục tiêu quý giá. Các Cơ Đốc Nhân không nên hỏi sự chăm sóc sức khỏe có nên được cung cấp hay không, nhưng phải hỏi sự chăm sóc đó nên được cung cấp *như thế nào*. Lòng thương xót Cơ Đốc phải thường xuyên đi

---

<sup>61</sup> C. S. Lewis, *The Abolition of Man* (New York: Macmillan, 1965), 46 trở đi.

đôi với việc cung cấp sự chăm sóc sức khỏe cho những ai có nan đề về sức khỏe liên quan đến sự chọn lựa lối sống tệ hại (dù được thông báo hay không).

John F. Kilner báo cáo rằng:

Theo công trình nghiên cứu đáng tin cậy bởi Carter Center ở Atlanta, sự thiếu chăm sóc sức khỏe ở Mỹ đã dẫn đến hơn 130.000 cái chết hằng năm, hơn 1.770.000 năm tuổi thọ có nguy cơ bị mất với lứa tuổi dưới 65, và hơn 10.440.000 ngày phải ở bệnh viện (vì những nan đề sức khỏe không được ngăn chặn hoặc điều trị như nó đáng được).<sup>62</sup>

Những Cơ Đốc Nhân không thể tiếp tục sống với ảo tưởng rằng những câu hỏi về việc phân phối nguồn tài nguyên y tế, thậm chí việc phân chia sự chăm sóc y tế trong một số loại, không nên đóng vai trò trong sự quyết định mang tính đạo đức. Đơn giản đó là tình trạng hiện tại của vấn đề, và công nghệ ngày một gia tăng đảm bảo rằng chúng ta sẽ không thoát khỏi vấn đề này sớm. Thật không thỏa mái để nói rằng sự chăm sóc tồi tệ nhất dành cho con người ngày hôm nay tốt hơn nhiều so với sự chăm sóc tốt nhất mà ông bà nội hoặc ông bà cố của họ có thể nhận được. Phao-lô đã hoạt động theo nguyên tắc của sự bình đẳng, ít nữa trong vòng các Hội thánh (2 Cô-rinh-tô 8:14). Cách chúng ta sử dụng những nguồn tài nguyên và các dịch vụ phải được đo lường theo những tiêu chuẩn chăm sóc hiện tại. Sự gia tăng cung cấp nguồn tài nguyên và các dịch vụ qua những khám phá và cách chữa trị mới, sự góp phần của công nghệ, và sự giáo dục tốt hơn, cùng với những điều khác nữa, không thể thay thế cho những quyết định khó cần phải được quyết định.

2. *Sự Chữa Trị Bào Thai*. Bây giờ, chúng ta có thể thực hiện mổ hở tử cung để sử dụng lại những khiếm khuyết của bào thai. Ví dụ, tỉ lệ tử vong 75 phần trăm dành cho một đứa trẻ trong hai ngàn rưỡi đứa trẻ có cơ hoành không đóng đúng có thể trở thành tỉ lệ sống sót 75 phần trăm khi sử dụng sự phẫu thuật tử cung gần đây.<sup>63</sup>

3. *Bệnh Si-đa*. Có những ước đoán khác nhau rất lớn về con số những người bị bệnh Si-đa, số người bị nhiễm HIV, và khuynh hướng của căn bệnh này trong tương lai. Sự thật rằng tỉ lệ lây lan trong xã hội ngày càng tăng, gây nên sự đau đớn là điều không thể chối cãi. Nó thường bị mắc phải bởi những phương cách sai trái, thường là sự quan hệ tình dục cùng giới hoặc khác giới, nhưng không phải luôn luôn là như vậy. Sự truyền máu bị nhiễm HIV cũng là nguyên nhân

---

<sup>62</sup> Trích trong John F. Kilner, "The Ethical Allocation of Health Resources: Contributions from the Christian Community," *Discernment: A Newsletter of the Center for Applied Christian Ethics* 2 (spring 1993):2.

<sup>63</sup> Anne Detweiler, "Furor over Fetal Therapy," *Technology Review* 942 (July 1991):16-17.

gây bệnh. Sự thương xót và sự chăm sóc dành cho những người bị đau đớn vì bệnh Si-đa không nên khác với sự thương xót và sự chăm sóc dành cho những người bị bệnh khác, mặc cho con người đó nhiễm bệnh như thế nào. Tìm kiếm phương pháp chữa trị nên là sự ưu tiên. Tương tự, sự chăm sóc dành cho cộng đồng rộng lớn nên là động cơ thúc đẩy các tín hữu trên phương diện chính trị, cá nhân, và giáo hội để quảng bá những nguyên tắc được thiết lập để chống lại sự lây lan của căn bệnh.

## **NHỮNG VẤN ĐỀ LINH TINH KHÁC TRONG CUỘC SỐNG**

### **SỰ LỢI ĐẼNH**

Không phải tất cả sự lợi đễnh có trách nhiệm pháp lý đều là sự lợi đễnh mang tính đạo đức, và rất ít những lợi đễnh cấu thành tội phạm mang tính đạo đức được luật hóa để chống lại. Chẳng hạn, một sự khiếm khuyết ngành ô tô hoặc một sự sai suất trong y tế không cố ý có thể bị truy tố dân sự nhưng không phải là sự bất cẩn tội lỗi theo quan điểm Kinh Thánh. Nếu không cẩn thận phòng ngừa đủ, thì yếu tố đạo đức mới được đưa vào. Chẳng hạn, thư từ mở rộng của những nhà sản xuất a-mi-ăng cho thấy rằng họ biết rất rõ tính chất nguy hiểm của việc sản xuất và sử dụng sản phẩm, nhưng vẫn cố tình quyết định tiếp tục sản xuất. Vì kết quả không biểu hiện hoàn toàn trong vài thập niên, cho nên công chúng không nhận thức rõ được sự bất cẩn này, điều đó chắc chắn là một sự sai trật mang tính đạo đức.

Một ví dụ khác, một sinh viên kể cho tôi nghe về một công việc bán thời gian anh ta bị yêu cầu phải sử dụng những hóa chất độc hại. Khi có thanh tra nhà nước đến, những hóa chất được đem cất giấu và vượt qua được sự thanh tra. Anh ta và những người khác tiếp tục làm công việc như thế như một người làm thuê không theo nguyên tắc bởi vì nhu cầu kinh tế. Những người lao động ngoài luồng, những người nhập cư bất hợp pháp, những người thất học hoặc ít học thường là nạn nhân của loại bất cẩn này, loại bất cẩn vừa có bản chất tội phạm và vô đạo đức.

Mặt khác, có những vấn đề về sự lợi đễnh mà chính quyền thường không tạo thành luật. Trong Ma-thi-ơ 25, nơi báo trước sự phán xét cuối cùng, dạy dỗ chúng ta rằng nếu không cho người đói ăn, không cho người trần truồng áo quần để mặc, không chăm sóc người bị áp bức sẽ chịu sự phán xét nặng nề nhất. Cho nên đáp ứng với những thiên tai đe dọa đến tính mạng hoặc sức khỏe của người dân là trách nhiệm của những tín hữu đối với phạm vi khả năng của họ. Ít nữa, sự lợi đễnh những nan đề của con người mà tôi có thể giúp được là sự lợi đễnh mang tính đạo đức, mặc dù tôi có thể không bao giờ bị truy tố tại một tòa án loài người.

Khả năng thất bại trong sự lơ đãng hầu như không có giới hạn. Vì lý do này, chúng ta được kêu gọi để trở nên những người nhạy cảm, thương xót của sự chân thật, nhìn nhận sự giới hạn của chính mình trong sự khôn ngoan và nguồn tài nguyên để đáp ứng nhu cầu của con người, để cầu xin ân điển của Đức Chúa Trời che phủ sự thiếu hụt của chúng ta.

## QUYỀN ĐỘNG VẬT

Câu hỏi, “Động vật có quyền hay không?” không thể được trả lời một cách rõ ràng có hoặc không. Quyền động vật hoặc quyền con người, hoặc ở mức độ nào đó chúng ta nên nói cả hai đều có quyền, tất cả đều xuất phát từ ân điển và mục đích sáng tạo của Đức Chúa Trời. Có lẽ câu hỏi tốt hơn nên hỏi là, “Mục đích của Đức Chúa Trời đối với động vật là gì?” hoặc “Đức Chúa Trời mong muốn con người ‘cai trị’ động vật như thế nào?” Sáng 1:26).

Cơ Đốc Nhân phải tính đến kế hoạch Ê-đen của Đức Chúa Trời khi đối xử với động vật trong hiện tại. Nên nhớ, động vật và con người cùng chia sẻ “sự sống” tương tự như nhau (Sáng 1:30; 2:7). Hơn nữa, có lẽ chúng ta được dựng nên để ăn thực vật (Sáng 1:29-30). Nhưng có những sự khác biệt lớn. Động vật không được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời. Con người có quyền trên động vật. Đức Chúa Trời hướng dẫn con người đặt tên, trông nom (Sáng 1:26 trở đi), và để chăm sóc động vật (Sáng 2:15; 4:2).

Cuộc đấu tranh đang tồn tại giữa các động vật không phải là ý định ban đầu của Đức Chúa Trời dành cho chúng và sẽ không phải là tình trạng của động vật trên đất mới. Nếu chúng ta công bố quyền vô hạn trên động vật chỉ vì chúng ta có quyền lực trên chúng, chúng ta là những người theo thuyết Darwin trong chức năng, tạo nên mô hình chọn lọc tự nhiên (sự sống sót của cá thể thích nghi). Nếu chúng ta tuyên bố sự cai trị vô hạn trên động vật sử dụng Sáng Thế Ký 1:28 như một sự che đậy thiên thượng cho những mục đích sa ngã của chúng ta, chúng ta không làm điều tốt.

Sự Sa Ngã làm thay đổi sự hòa hợp và sự tương thích đã từng tồn tại ban đầu giữa con người và động vật, nhưng điều đó không thay đổi mục đích ban đầu của Đức Chúa Trời. Trong thế giới hậu sa ngã, Đức Chúa Trời đã cho phép ăn thịt động vật (Công Vụ 10:13). Ngài đã ra lệnh dùng cái chết của động vật để báo trước cái chết của Đấng Christ (Sáng 22:13). Động vật có thể được sử dụng để phục vụ cho những mục đích của con người giống như con người phục vụ cho mục đích của Đức Chúa Trời (Lu-ca 19:29-35).

Theo như mong đợi, Kinh Thánh không đề cập đến câu hỏi về việc dùng động vật làm thí nghiệm. Vì không có sự khác biệt quan trọng giữa việc dùng động vật làm thức ăn để nuôi sống con người và việc dùng động vật để nâng cao sức khỏe của con người, tôi không thấy

Kinh Thánh cấm điều đó. Tuy nhiên, sự thí nghiệm không nên tầm thường, không cần thiết, và có chú ý bất động vật phải chịu đau đớn. Kinh Thánh không cấm dùng động vật làm thí nghiệm, tôi cũng không thấy Kinh Thánh bắt phải làm điều đó. Tương tự, Cơ Đốc Nhân nên từ chối mặc đồ bằng da, và đồ lông thú nên được hạn chế. Nhưng sự cấm đoán này không thể thay thế những điều khác như là một sự ủy thác mang tính Kinh Thánh. Sự tranh cãi của Hội thánh đầu tiên về thịt đã dâng cúng cho thần tượng trên phương diện nào đó tương tự với câu hỏi về việc ăn thịt ngày hôm nay. Phao-lô nói rằng, “mỗi người hãy tin chắc ở trí mình” (Rô-ma 14:5), và “thật ra mọi vật đều thanh sạch” (Rô-ma 14:20).

Cơ Đốc Nhân nên sử dụng sự sáng tạo, chính yếu không phải để được tôn tại hay để được thỏa mãn, nhưng luôn luôn để làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Điều này được đem áp dụng trong sự đối xử với các loài động vật mà Đức Chúa Trời đã ban cho con người quyền cai trị trên chúng. Không nghi ngờ, Châm Ngôn nói rằng, “Người công chính chăm lo cho sự sống của bầy gia súc mình, nhưng lòng thương xót của kẻ ác là sự hung bạo” (Châm 12:10. Cũng hãy xem Xuất 23:5; Phục Truyền 5:14; 22:6-7).

Khi Chúa Jêsus Christ đã dò xét mạng lệnh cấm giết người với tất cả chiều sâu của tấm lòng ích kỷ của con người, Ngài đã bao gồm tất cả những hành động và thái độ gây hại ở giữa tư tưởng nhỏ nhen nhất và hành động khủng khiếp nhất. Trong chương dài và phức tạp này, chúng ta đã dò xét những phương cách nổi bật nhất con người làm hại những người đồng loại của mình và khước từ luật yêu thương. Có lẽ không quá đáng nếu nói rằng bất cứ điều gì không xuất phát tình yêu là tội lỗi.

## TÀI LIỆU ĐỌC THÊM:

### SỰ PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC

Brandt, Joseph. *Dismantling Racism: The Continuing Challenge to White America*. Minneapolis: Augsburg, 1991.

Cone, James H. *Black Theology and Black Power*. New York: Seabury, 1969.

\_\_\_\_\_. *A Black Theology of Liberation*. New York: Lippincott, 1970.

\_\_\_\_\_. *God of the Oppressed*. New York: Seabury, 1975. Cone có lẽ là một nhà tư tưởng tôn giáo da đen kết quả nhất và là người viết sách về những vấn đề này, và những cuốn sách này cung cấp một sự hiểu biết rõ ràng về thần học da đen.

Hood, Robert E. *Begrimed and Black Christian Traditions on Black and Blackness*. Minneapolis: Augsburg, 1994.

Pannell, William. *The Coming Race Wars: A Cry for Reconciliation*. Grand Rapids: Zondervan, 1993. Một lời cầu xin những người Tin Lành da trắng nhìn nhận những vấn đề về sự phân biệt chủng tộc có tính hệ thống và điều kiện bất công trong xã hội Mỹ và đóng vai trò tích cực trong sự giải quyết những nan đề đó.

Perkins, Spenser, and Chris Rice. *More than Equals: Racial Healing for the Sake of the Gospel*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1993. Biện hộ sự giải hòa chủng tộc như là một nhân chứng cho lẽ thật và sức mạnh của Phúc Âm.

Scherer, Lester B. *Slavery and the American Church in Early America, 1619-1819*. Grand Rapids: Eerdmans, 1975.

Hai người Mỹ gốc châu Phi đưa ra những cái nhìn khác về các vấn đề từ quan điểm Phúc Âm: John Perkins kể về kinh nghiệm cá

nhân không thể nói ra của mình về cách phân biệt chủng tộc tồi tệ nhất ở miền nam và những câu trả lời của Đức Chúa Trời trong cuốn sách bán chạy nhất của mình *In justice Roll Down* (Ventura, Calif.: Gospel light, 1976). Howard Jones, nhà truyền giảng cộng tác với Billy Graham, nói về Hội thánh người da đen trong cuốn *Shall We Overcome?* (Old Tappan, N.J.: Revell, 1966).

Smalley, Christopher. *What Color Is Your God? Black Consciousness and the Christian Faith*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1981.

Smith, Archie. *The Relational Self Ethics and Therapy from a Black Church Perspective*. Nashville: Abingdon, 1982.

Steele, Shelby. *The Content of Our Character A New Vision of Race in America*. New York: Harper-Collins, 1990.

Washington, Raleigh, and Glen Kehrein. *Breaking Down Walls: A Model of Reconciliation in an Age of Racial Strife*. Chicago: Moody Press, 1994.

## SỰ PHÁ THAI

Alcorn, Randy C. *It Rescuing Right?* Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1990. Đề cập đến sự thích hợp của sự bất tuân dân sự trong cuộc tranh cãi về phá thai.

Beckwith, Francis A. *Politically Correct Death: Answering the Arguments for Abortion Rights*. Grand Rapids: Baker, 1993.

Beckwith, Francis A., and Norman L. Gelder. *Matters of Left and Death: Calm Answers to Tough Questions about Abortion and Euthanasia*. Grand Rapids: Baker, 1991.

Brown, Harold O. J. *Death before Birth*. Nashville: Nelson, 1977. Cái nhìn cẩn thận và hiểu biết nhất về vấn đề phá thai bởi một học giả xuất chúng, người sáng lập hội Christian Action Council, một nhóm người chống phá thai hàng đầu, và tạp chí *Human Life Review*, tạp chí hàng đầu về các vấn đề sự sống.

Burtchaell, James T. *Rachel Weeping: The Case against Abortion*. New York: Harper, 1982. Một lời tuyên bố hợp lý và đầy sức mạnh từ quan điểm Công Giáo La Mã.

Cameron, Nigel M. de S., and Pamela F. Sims. *Abortion, The Crisis in Morals and Medicine*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1991.

Cork, Charles P., and Stacey L Tipp., eds. *Abortion: Opposing Viewpoints*. San Diego: Greenhaven, 1991.

Erdahl, Lowell O. *Pro-Life/Pro-Peace: Lift-Affirming Alternatives to Abortion, War, Mercy*. Minneapolis: Augsburg, 1986.

Fitzsimmons, Richard, and Joan P. Diana. *Pro-Choice/Pro-Life: An Annotated Selected Bibliography (1972-1989)*. New York: Greenwood, 1991.

Fowler, Paul B. *Abortion: Toward an Evangelical Consensus*. Portland, Oreg.: Multnomah Press, 1987. Một tổng quan xuất sắc.

Gardner, R. F. R. *Abortion: The Personal Dilemma*. Grand Rapids: Eerdmans, 1972. Một công trình nghiên cứu được thực hiện trước quyết định *Roe v. Wade*, nhưng vẫn còn hữu ích. Đùng theo quan điểm chống phá thai, nhưng hãy xem Kinh Thánh từ quan điểm của cánh Phúc Âm.

Harrison, Beverly Wildung. *Our Right to Choose*. Boston: Beacon, 1983. Một sự trình bày mang tính giải hòa, hợp lý và sâu sắc về quan điểm chống phá thai.

Hoffmeier, James K. *Abortion: A Christian Understanding and Response*. Grand Rapids: Baker, 1987.

Koop, C. Everett, and Timothy Johnson, M.D. *Let's Talk: An Honest Conversation on Critical Issues: Abortion, Euthanasia, AIDS, and Health Care*. Grand Rapids: Zondervan, 1992. Koop là một vị tướng quân y của Mỹ trước

đây dưới thời tổng thống Reagan.

Kreeft, Peter. *The Unaborted Socrates*. Downers Grove, Ill: InterVarsity Press, 1983. Minh họa những phương cách để trình bày trường hợp chống phá thai sử dụng sự đối thoại hợp lý và ý nghĩa.

Montgomery, John Warwick. *Slaughter of the Innocents*. Wheaton, Crossway, 1981. Trong cách đây thuyết phục của mình, một nhà thần học và luật sư Montgomery đưa ra quan điểm về sự sống trong cuốn sách nhỏ của mình.

Nathanson, Bernard N. *Aborting America*. New York: Doubleday, 1979. Cuốn sách này đem lại ảnh hưởng sâu sắc trên cuộc tranh luận về sự phá thai bởi vì tác giả lúc đầu là người ủng hộ quyền phá thai, người “đã chịu trách nhiệm cá nhân cho hơn 60.000 cái chết,” theo như ông nói. Nhà vô thần, Nathanson phát biểu từ quan điểm nhân đạo về quyền được sống.

Reagan, Ronald. *Abortion and the Conscience of the Nation*. Nashville: Nelsost, 1984. Một lời thỉnh cầu đầy sức mạnh với sự đơn sơ và nhiệt thành. Những chương phụ thêm mạnh mẽ bởi C. Everett Koop và Malcolm Muggeridge.

Schaeffer, Francis A., and C. Ewerett Koop. *Whatever Happened to the Human Race? Old Tappan, N.J.: Rewell, 1979*. Ảnh hưởng rộng rãi như là sự nỗ lực vĩ đại cuối cùng của Schaeffer, kèm theo những phim trình bày cùng một tài liệu.

Sider, Ronald J. *Completely Pro-Lift: Building a Consistent Stance*. Downers Grove, InterVarsity Press, 1987. Đưa những nguyên tắc chống phá thai vào kinh tế, tình dục, và sự phá thai.

*The Human Lift Review*. New York The Human Life Foundatiost, Inc. Tạp chí hàng đầu không thể thiếu về đề tài này.

#### TỰ TỬ

Carr, G. Lloyd, and Gwestdolyn C. Cart. *The Fierce Goodbye: Hope in the Wake of Suicide*. Downers Grove, InterVarsity Press, 1990. Đưa ra cái nhìn về những nguyên nhân và hậu quả của việc tự tử.

#### AN TỬ

Beckwith, Francis A., and Norman L. Gelder. *Matter of Life and Death: Calm Answers to Tough Questions about Abortion and Euthanasia*. Grand Rapids: Baker, 1991.

Dudley, William, ed. *Death and Dying: Opposing Viewpoints*. San Diego: Greenhaven, 1992.

Horan, Dennis J., and David Mall. *Death, Dying and Euthanasia*. Washington: Ustiversity Publications of America, 1977.

Kilner, John F. *Life on the Line: Ethics, Aging, Ending Patients' Lives, and Allocating Vital Resources*. Grand Rapids: Eerdmans, 1992.

Maguine, Daniel C. *Death by Choice*: New York: Doubleday, 1974. Từ một quan điểm ủng hộ an tử.

Melton, J. Gordon. *The Churches Speak on Euthanasia*. Detroit: Gale Research, 1991.

Skoglund, Elizabeth R. *life on the Lint Where Today's Right-to-Die Movement Is Taking Us and How Christians Should Respond*. Wheaton, Ill.: Tyndale House, 1992.

#### CHIẾN TRANH

Aukerman, Dale. *Darkening Valley: A Biblical Perspective on Nuclear War*. Scottsdale, Pa.: Herald, 1989.

Bainton, Roland H. *Christian Attitudes toward War and Peace*. Nashville: Abingdon; 1960. A useful survey of views of war and peace throughout church history; also critical evaluations.

Buzzard, Lynn, and Paula Campbell. *Holy Disobedience: When Must Christians Resist the State?* Anst Arbor, Mich.: Servant, 1984. Historical and biblical overview by two attorneys.

Clouse, Robert G., ed. *War: Four Christian Views*. Downers Grove, InterVarsity Press, 1981. Bao gồm nguồn



sách chú thích hữu ích.

Eller, Vernard. *War and Peace from Genesis to Revelation*. Scandal; Pa.: Herald, 1981.

Fortas, Abe. *Concerning Dissent and Civil Disobedience*. New York: New American Library, 1968. Một lời tuyên bố mang tính triết lý ngắn gọn từ quan điểm của một thẩm phán của Tòa Án Tối Cao.

Friesen, Duane K. *Christian Peacemaking and International Conflict. A Realist Pacifist Perspective*. Scottsdale, Pa.: Herald, 1986.

Holmes, Arthur F., ed. *War and Christian Ethics*. Grand Rapids: Baker, 1975. Tuyển tập những lời tuyên bố dứt khoát cực kỳ hữu ích bởi những nhà phát ngôn hàng đầu với những quan điểm khác nhau về chiến tranh từ Plato và Cicero đến các giáo phụ Hội thánh, các nhà lãnh đạo Cải Chánh, cho đến hiện tại.

\_\_\_\_\_. *War and Christian Ethics: Classic Readings on the Morality of War*. Grand Rapids: Baker, 1991.

Ramsey, Paul. *The Just War. Force and Political Responsibility*. New York: Scribner's, 1968. Một nhà phát ngôn hàng đầu cho chủ nghĩa duy thực tự do được ủng hộ bởi Reinhold Niebuhr.

Sider, Ronald. *Grist and Violence*. Scottsdale, Pa.: Herald, 1979. Nhà phát ngôn hàng đầu cho sự biện hộ hòa bình Phúc Âm mới.

Sider, Ronald, and Richard K. Taylor. *Nuclear Holocaust and Christian Hope*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1982.

Stassen, Glen H. *Just Peacemaking: Transforming Initiatives for justice and Peace*. Louisville: John Knox, 1992.

Yoder, John H. *Nevertheless The Varieties and Shortcomings of Religious Pacifism*. Rev. 3d ed. Scottsdale, Pa.: Herald, 1992

\_\_\_\_\_. *When War Is Unjust*. Minneapolis: Augsburg, 1985. Tác giả của quan điểm hòa bình chống lại thuyết chiến tranh chính nghĩa.

Đề tài liên hệ thường làm lúng túng những Cơ Đốc Nhân nhạy cảm là những người thừa nhận sự hà hoi và thẩm quyền của Cựu Ước, *The Problem of War in the Old Testament*, bởi Peter C. Craigie (Grand Rapids: Eerdmans, 1978) rất hữu ích.

#### CRIME AND PUNISHMENT

Biskup, Michael D., ed. *Criminal justice: Opposing Viewpoints*. San Diego: Greenhaven Press, 1993.

Colson, Charles, and Daniel W. Van Ness. *Convicted: New Hope for Ending America's Crime Crisis*. Wheaton, Ill.: Crossway Books, 1989.

Menninger, Karl. *The Crime (Punishment)*. New York: Viking, 1969. An articulate statement of the "soft" position on punishment by a leading psychiatrist.

Silbermast, Charles E. *Criminal Violence, Criminal justice*. New York: Rastdom House, 1978. Norval Morris, former dean of the University of Chicago Law School, evaluated Silberman's book as "clearly the best general study on crime and the response to crime in this country."

Van den Haag, Ernest. *Punishing Criminals Concerning a Very Old and Painful Question*. New York: Basic Books, 1976. The most influential statement of the new "hard-line" position on criminal justice.

#### ĐẠO ĐỨC Y HỌC

Allen, Dawid P., Lewis P. Bird, and Robert Herrman. *Whole-Process Medicine: An International Symposium*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1980.

Bratton, Susan Power. *Six Billion and More: Human Population Regulation and Christian Ethics*. Louisville: John Knox, 1992.

- Bregman, Lucy. *Death in the Midst of Life: Perspectives on Death from Christianity and Depth Psychology*. Grand Rapids: Baker, 1992.
- Dudley, William, ed. *Genetic Engineering: Opposing Viewpoints*. San Diego: Greenhaven, 1990.
- Hauerwas, Stanley. *Naming the Silences: God, Medicine, and the Problem of Suffering*. Grand Rapids: Eerdmans, 1990.
- Hessel, Bouma. *Christian Faith, Health, and Medical Practice*. Grand Rapids: Eerdmans, 1989.
- Jones, D. Gareth. *Brave New People: Ethical Issues at the Commencement of Life*. Grand Rapids: Eerdmans, 1985.
- The Journal of Biblical Ethics in Medicine*. 1987. Một tạp chí định kỳ viết theo quan điểm cánh Phúc Âm.
- Koop, C. Everett, M.D., and Timothy Johnson, M.D. *Let's Talk: An Honest Conversation on Critical Issues Abortion, Euthanasia, AIDS, and Health Care*. Grand Rapids: Zondervan, 1992.
- Lammers, Stephen E., and Men Verhey, eds. *On Moral Issues Theological Perspectives in Medical Ethics*. Grand Rapids: Eerdmans, 1994.
- Neuhaus, Richard John. *Guaranteeing the Good Life: Medicine and the Return of Eugenics*. Grand Rapids: Eerdmans, 1992.
- O'Neill, Terry, ed. *Biomedical Ethics: Opposing Viewpoints*. San Diego: Greenhaven, 1994.
- Payne, Franklin E., Jr. *Biblical Medical Ethics*. Milford, Mich.: Mott Media, 1985.
- Rogers, John, ed. *Medical Ethics, Human Choices: A Christian Perspective*. Scortdale, Pa.: Herald, 1988.
- Shelly, Judith Allen, and Arlene B. Miller. *Values in Conflict: Christian Nursing in a Changing Profession*. Downers Grove, InterVarsity Press, 1991.
- Verhey, Allen, and Stephen E. Lammers, eds. *Theological Voice: in Medical Ethics*. Grand Rapids: Eerdmans, 1993.
- QUYỀN ĐỘNG VẬT
- Limey, Andres. *Christianity and the Rights of Animals*. New York: Crossroad, 1987.
- Rohr, Janelle, ed. *Animal Rights: Opposing Viewpoints*. San Diego: Greenhaven, 1992.



## CHƯƠNG 9

### SỰ LIÊM CHÍNH: TÀI SẢN VÀ SỰ THẬT

*Con không được trộm cắp.*

*Con không được làm chứng dối hại người lân cận mình.*

Sự liêm chính là tài sản quý giá nhất mà chúng ta có, đối với tôi, vi phạm sự liêm chính là sự mất mát lớn nhất. Tôi có phải là người đáng tin cậy không? Nếu không, tất cả những phẩm hạnh khác cũng không có gì chắc chắn. Thiếu liêm chính là một vết nứt trong phẩm chất có thể gây nguy hiểm cho những giá trị khác và làm xói mòn các mối quan hệ. Thậm chí sự giao tiếp cũng phụ thuộc một cách căn bản vào sự tin tưởng những gì anh ta nói có chắc chắn không, đáng tin không. Không nghi ngờ gì Sa-tan được gọi là cha của những kẻ nói dối, một kẻ lừa đảo bậc nhất. Đức Chúa Trời là Đấng Đáng Tin Cậy. Mặc dù sự liêm chính đụng chạm đến mọi khía cạnh hành vi Cơ Đốc, các điều răn thứ tám và thứ chín lôi kéo sự chú ý của chúng ta vào hai khía cạnh: tài sản và sự thật.

Việc cầm trộm cắp (Xuất 20:15) thừa nhận quyền sở hữu tài sản cá nhân. Hầu như tất cả các xã hội đều nhìn nhận quyền sở hữu và bảo vệ quyền đó. Thậm chí chủ nghĩa cộng sản cũng không hoàn toàn loại bỏ quyền này, vì chỉ có phương tiện sản xuất và một số tài sản cụ thể khác được sở hữu bởi nhà nước thôi.

Một số người cho rằng đánh thuế là vi phạm điều răn thứ tám, đặc biệt đối với các khoản thuế nặng cần thiết cho phúc lợi xã hội:

Sử dụng quyền lực dân sự như là kẻ pháp trung gian không thể biến hành động đạo vô đạo đức thành hành động đạo đức. Nếu một cá nhân dùng sức mạnh lấy tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu hành mình là sai trái, thì việc sử dụng quyền lực của chính phủ để làm như vậy cũng sai trái.<sup>1</sup>

Cho nên một giáo sư kinh tế chính trị cho rằng điều răn này hàm ý “Các con không được dùng sức mạnh để lấy đi quyền sở hữu của người khác.” Nhưng chúng ta không nên đạo đức hơn Kinh Thánh! “Các con chớ giết người,” chắc chắn đó là điều răn, nhưng Kinh Thánh cũng đưa ra những trường hợp ngoại lệ. Chúng ta không được dùng sức mạnh, nhưng chính quyền có quyền để thu thuế. Đây là điều được nhìn thấy xuyên suốt cả Cựu Ước, ngay cả Đấng Christ và các vị sứ đồ cũng đã xác nhận điều này trong Tân Ước. Đấng Christ đã bị buộc tội dạy dỗ chống lại việc nộp thuế (Lu-ca 23:2), nhưng khi chính Ngài được hỏi, Ngài đã khẳng định quyền của chính quyền trong việc thu thuế và trách nhiệm của con cái Đức

---

<sup>1</sup> Trích của Rose, *The Presbyterian Journal*, 7 April 1976, 13.

Chúa Trời là phải nộp thuế (Ma-thi-ơ 22:17, 21; Mác 12:14, 17; Lu-ca 20:22, 25). Phao-lô cũng khẳng định nghĩa vụ này (Rô-ma 13:7). Cho nên chúng ta có thể kết luận rằng một người vi phạm điều răn thứ tám chỉ khi anh ta lấy đi của người khác những điều mà Kinh Thánh không cho phép anh ta lấy.

Mối quan hệ giữa việc trộm cắp và gốc rễ của nó ở trong sự tham lam đã được thảo luận một chi tiết trong chương nói về “Những Tội Lỗi Gốc Rễ và Phảm Hạnh.” Bây giờ, chúng ta quay lại với một số lãnh vực đặc biệt mà trong đó điều răn này thường bị vi phạm: lao động/sự quản lý, làm việc/nhàn rỗi, các hệ thống kinh tế, sự liêm chính cá nhân, trách nhiệm xã hội, và sự cướp đi những điều không phải là tài sản.

## NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

Dù bối cảnh xã hội thời Kinh Thánh hoàn toàn khác với xã hội dân chủ hiện đại, những nguyên tắc về mối quan hệ chủ/tớ trong Kinh Thánh rất nhân đạo trong việc bảo vệ những người bị áp bức bóc lột đến nỗi chúng dễ dàng chuyển sang mối quan hệ người lao động/người quản lý trong thời đại hậu nô lệ mà chúng ta đang sống, một thời đại được tạo ra bởi sự ảnh hưởng của lời dạy trong Tân Ước.

Trong thư tín gửi cho các Hội thánh tại Ê-phê-sô (6:5-9) và Cô-lô-se (3: 22-4:1), Phao-lô đưa ra những nguyên tắc cho cả người chủ lẫn người làm công.

## TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

Cả hai đều làm việc cho Đức Chúa Trời. Công việc được xem như là phục vụ Đấng Christ bởi vì cả sự ban thưởng lẫn hình phạt đều đến từ chính Đức Chúa Trời. Rồi đây sẽ đến ngày tính công, đúng, nhưng lợi ích và sự mất mát bây giờ đều đến từ Người Chủ của cả hai. Điều này thánh hoá toàn bộ các mối quan hệ cho Cơ Đốc Nhân và cung cấp sự hướng dẫn trong sự ứng xử.

Người làm công phải đầu phục “từ tấm lòng,” khiêm nhường trong thái độ, kính sợ Đức Chúa Trời không làm điều sai đối với chủ mình. Người chủ phải khiêm nhường kính sợ Chúa không làm điều sai trái đối với người làm công của mình.

Hơn nữa, cả hai đều phải liên hệ với nhau một cách thành thật, không được giả hình. Họ không ra vẻ thế này lúc người kia có mặt, trong khi hành xử ngược lại khi người kia vắng mặt. Mọi điều phải ngay thẳng, cởi mở, và người này có thể tin cậy người kia không phải vì sự hợp đồng đã thoả thuận, nhưng hãy làm việc vì lợi ích của người kia.

Cuối cùng, cần phải có thái độ hết lòng, thân thiện, thậm chí vui vẻ. Đây có thể là yêu cầu khó nhất, đặc biệt khi một bên không ứng xử giống như Đấng Christ, tuy nhiên đó là tiêu chuẩn Người Chủ mà cả hai cùng phục vụ đòi hỏi. Phao-lô nói rằng điều này có nghĩa người làm công phải làm việc một cách sốt sắng và trung tín. Ông nói về người chủ, “cũng trong cách đó.”

## TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ

Người quản lý không được bắt nạt. Anh ta có quyền trên phúc lợi và kế sinh nhai của người làm công của mình; nhưng anh ta không được sử dụng quyền đó để ép buộc. Khi người chủ bắt người làm công điều gì đó vô đạo đức hoặc trái pháp luật, chẳng hạn đưa của dút lót cho một khách hàng tiềm năng hoặc đòi hỏi những đặc ân tình dục, tội lỗi lừa dối và sự vô đạo đức pha trộn với nhau bằng sự áp bức về kinh tế.

Hơn nữa, tất cả những thoả thuận trong công việc, bao gồm việc trả lương, phải công bằng. Điều kiện làm việc không an toàn trong mỏ than hoặc nhà máy hoá chất chắc chắn là bất công, và trả lương cho những người hái nho nhập cư dưới mức tối thiểu cũng là điều bất công.

Cuối cùng, sự công bằng bao gồm sự đối xử ngang bằng, hợp lý. Sự công bằng không cho phép người chủ trả cho một người nhiều hơn hoặc ít hơn vì những lý do bất công – phân biệt đối xử dành sự ưu tiên cho gia đình (gia đình trị), bạn bè, dòng dõi, hoặc giới tính. Có công bằng không khi tăng lương cho người quản lý cao hơn gấp hai mươi chín lần so với công nhân bình thường vào năm 1979 và gấp đến bốn mươi lần vào năm 1985? Trong suốt thời gian khi công nghiệp ô tô của Mỹ bị đe dọa bởi sự nhập khẩu, các công nhân đã phải chấp nhận sự giảm lương để giữ cho sản phẩm của họ có thể cạnh tranh được trên thị trường, trong khi thu nhập của người điều hành tăng lên một cách chóng mặt. Phao-lô nói rằng sự quản lý phải công bằng.

Thêm vào sự dạy dỗ của Phao-lô, sự dạy dỗ trong Cựu Ước liên quan đến trách nhiệm của người chủ làm sáng tỏ trách nhiệm của người quản lý. Đức Chúa Trời hoàn toàn chống lại chế độ nô lệ và luôn luôn như vậy (Phục Truyền 24:14; Giê-rê-mi 34:8-20). Ngài ban luật điều hành chế độ nô lệ, không phải để tán thành, nhưng để bảo vệ người nô lệ. Người chủ không được làm hại người nô lệ (Xuất 21:20 trở đi). Có một sự giới hạn về thời gian giữ một người anh em Y-sơ-ra-ên trong tình trạng nô lệ (Xuất 21:2-6), cho nên “chế độ nô lệ” thật ra là một hợp đồng lao động có thời hạn (Lê-vi Ký 25:39 trở đi). Khi một người nô lệ được phóng thích, anh ta phải được giao cho một số tài sản để anh ta có thể bắt đầu cuộc sống mới

trong sự tự do (Phục Truyền 15:12 trở đi). Dĩ nhiên, không phải tất cả các điều luật này có thể áp dụng được, nhưng những nguyên tắc trong những quy định này nên được xem xét.

Hầu hết các lời khuyên răn là dành cho người chủ, và điều này chắc chắn thích hợp cho bất kỳ mối quan hệ nào mà trong đó một bên là mạnh, còn bên kia là yếu. Người quản lý không được lừa gạt, áp bức, hăm hại, và phải trả lương công bằng và đúng hẹn (Lê-vi Ký 19:13; 25:43; Phục Truyền. 24:14 trở đi.; Châm 22:16; Ma-la-chi 3:5; Ma-thi-ơ 10:10; Lu-ca 10:7; Rom. 4:4; 1 Ti-mô-thê 5:18; Gia-cơ 5:4). Phải có ngày nghỉ ngơi (Xuất 20:9-11; 23:12; 34:21; Phục Truyền. 5:14; 15:18; ). Người quản lý không được khinh thường vì họ là người làm công (Gióp 31:13) nhưng nên thưởng và trả công cho họ một cách hậu hi (Châm 17:2; 27:18; Giê 22:13; Ma-thi-ơ 24:45, 47; Lu-ca 12:35 trở đi.). Thật ra, người chủ phải đối xử với người đầy tớ của mình như con trai (Châm 29:21) hoặc như người anh em (Phi-lê-môn 16).

## TRÁCH NHIỆM NGƯỜI LAO ĐỘNG

Về phần mình, người làm công không được lừa gạt hoặc bạo loạn (Sô-phô-ni 1:9; Lu-ca 16:10-11); phải tôn trọng chủ mình (Ma-la-chi 1:6; 1 Ti-mô-thê 6:1); phải trung tín (Ma-thi-ơ 24:45 trở đi; Lu-ca 12:35 trở đi; 16:10; 1 Cô-rinh-tô 4:2; Tít 2:9-10); phải nhẫn nại và vâng theo mệnh lệnh (Ê-phê-sô 6:5; Cô-lô-se 3:22; Tít 2:9; 1 Phi-e-rơ 2:18), dù cho người chủ không xứng đáng được như vậy (1 Phi-e-rơ 2:18-20). Người làm công phải làm việc chăm chỉ, và không lười biếng (1 Tê-sô-lô-ni-ca 4:11 trở đi; 2 Tê-sô-lô-ni-ca 3:7).

Tôi xin nói rõ về những hàm ý của lời dạy dỗ này. Người chủ mà trả lương ít hơn mức lương công bằng (dựa theo mức lương mà người khác được trả hoặc dựa vào lợi nhuận của công ty) là ăn trộm của người làm công. Người làm công đi làm trễ, hoang phí thì giờ vì lo tán gẫu, lơ đãng trong công việc, nghỉ giải lao lâu, hoặc mơ mộng là kẻ ăn cắp. Cả hai đều phạm tội với Chúa là người Chủ thật của họ.

## SỰ ĐÀM PHÁN TẬP THỂ

Giả sử người lao động không làm tròn những trách nhiệm của mình thì sao? Người quản lý hầu như có quyền lực kinh tế vô hạn để buộc họ phục tùng. Nhưng giả sử người quản lý không làm đúng theo trách nhiệm của mình thì sao? Người lao động chỉ có hai điều để trông cậy: sự bảo vệ bởi uy quyền cao hơn hoặc sự đàm phán tập thể.

Đức Chúa Trời là uy quyền lớn nhất, và rồi một ngày Ngài sẽ tính sổ tất cả. Nhưng trong khi chờ đợi, chỉ có chính quyền mới có uy quyền cao hơn, tuy nhiên chính quyền thường ít quyền lực hơn người quản lý. Nhiều tập đoàn đa quốc gia có quyền lực cao hơn những quốc

gia mà tại đó những tập đoàn này hoạt động. Một số tập đoàn có thể làm suy sụp đời sống kinh tế của một quốc gia. Với những nhà nước đầy quyền lực, chính quyền có thể kiểm soát những tập đoàn tư nhân nhưng thường họ chọn không đương đầu vì sợ sự la lối hoặc tham nhũng tinh vi. Tuy nhiên với những chính quyền được khai sáng và quyền lực, quyền của người lao động thường được bảo vệ ở mức độ tối thiểu trong những phạm trù rộng lớn. Những tiêu chuẩn an toàn, mức lương tối thiểu, và sự không phân biệt đối xử được luật hoá.

Nhưng trong thực tế làm sao công lý được thực thi tại xưởng làm việc, tại văn phòng, hoặc trong trường hợp chính quyền miễn cưỡng giải quyết, người quản lý không luôn luôn ràng buộc phải đeo đuổi “sự công bằng và hợp lý với sự khiêm nhường từ tấm lòng.” Sự lựa chọn còn lại chính là sự đàm phán tập thể. Nhưng Cơ Đốc Nhân có được quyền đàm phán tập thể bằng hình thức đe dọa đình công không?

Một số người, chẳng hạn như những người dẫn dắt tạo ra Hiệp Hội Người Lao Động Cơ Đốc, cho rằng làm thành viên của công đoàn không phải của người Cơ Đốc là “mang ách chung với kẻ chẳng tin” và như vậy là sai. Số khác cho rằng đàm phán tập thể cũng là một sức mạnh đe dọa giống như sự áp bức kinh tế của nhà quản lý, vì vậy nó là sai đối với Cơ Đốc Nhân.

Khi chống lại một công ty là điều không tốt, thì ít ra sự kháng cự bất bạo động có lẽ chính đáng. Vì vậy, tôi tin rằng vì sự bất công nằm về phía người chủ và sự bất công này hiếm khi đưa đến sự nguy hiểm tính mạng tức thời, bạo động không phải là đạo đức đối với người lao động, nhưng sự đe dọa bằng một cuộc đình công đòi hỏi phải có sự đàm phán có lẽ là chính đáng khi đối mặt với sự uất ức không được giải quyết.

Liên kết với những người không tin Chúa là điều không thể tránh khỏi trong thế giới sa ngã này (Giăng 17:15-18), cho dù với tư cách là công dân, người làm công, hoặc thành viên của hội liên hiệp. Cái ách không xứng hiệp của Phao-lô liên quan đến vấn đề cách ly khỏi sự ô uế thuộc linh và tôn giáo (2 Cô-rinh-tô 6:14 – 7:1), chứ không phải từ chối sự tiếp xúc với những người không tin hoặc liên kết với họ trong những công việc làm ăn bình thường trong thế gian này. Dĩ nhiên, sự rủi ro đó là người tin có thể cộng tác làm điều sai trật. Đây là một phần của sự rủi ro của việc ở “trong thế gian này.” Cơ Đốc Nhân không được cho phép mình bị xô đẩy vào hành vi tội lỗi và phải chuẩn bị để trả giá cho những hậu quả vì sự từ chối của mình trong trường hợp bị yêu cầu. Chẳng hạn, anh ta không dùng bạo lực chống lại cảnh sát hoặc chống lại những người phá vỡ cuộc đình công nếu thủ lĩnh của hiệp hội bảo phải làm như vậy.

Thật đúng rằng một số “liên đoàn lao động” thường trở nên bại hoại cũng giống như một số “liên đoàn quản lý.” Có lẽ chỉ có sự cân bằng giữa các quyền lực bại hoại mới tạo ra một



chút công lý. Lịch sử đã chứng minh lặp đi lặp lại rằng con người sa ngã thường không chịu nhường những đặc quyền, đặc lợi của mình trừ khi bị ép buộc. Nếu công đoàn ở Mỹ không được thành lập, không nghi ngờ gì, nhiều người lao động sẽ vẫn còn bị áp bức không thể chịu nổi. Tương tự như vậy, một khi người lao động nắm được quyền lực cũng có sự bại hoại. Cho nên Cơ Đốc Nhân, dù ở trong vai trò quản lý hay làm công, đều chịu trách nhiệm với Người Chủ mà anh ta phục vụ để đấu tranh không ngừng nghỉ làm sạch sự bại hoại.

Ngay cả khi sự thành lập công đoàn được cho là hợp pháp trên phương diện Kinh Thánh, đạo đức của công đoàn là gì? Vì công đoàn khẳng khái rằng chỉ có nó mới có thể đại diện tất cả những người lao động trong công ty và không ai được nhận vào làm việc mà không thuộc công đoàn đi ngược lại với ý nghĩa của sự tự do và đúng luật của tôi. Tuy nhiên, tất cả quyền lực mà công đoàn có được vay mượn từ “sự liên kết”; lực lượng quản lý sẽ bị buộc phải thương lượng với mặt trận liên kết. Vì vậy, người lao động không gia nhập công đoàn sẽ hưởng được những lợi ích của việc đàm phán tập thể chỉ khi anh ta là một trong số ít những người không thuộc tổ chức công đoàn nào. Dường như thật bất công nếu người không gia nhập công đoàn lại vui hưởng những lợi ích mà không phải trả các khoản phí. Tôi không thể tìm thấy nền tảng đạo đức vững chắc cho việc yêu cầu phải có hoặc việc cấm đoán “công đoàn.” Tôi thích chế độ xí nghiệp ngò dựa trên nền tảng tự do lựa chọn cá nhân hơn, nhưng có lẽ tôi sẽ không tiếp tục thích như vậy nếu tôi thuộc công đoàn bị tước đi không còn quyền lực bởi từ chối người khác tham gia, và bị lấy đi tiềm năng và đặc quyền đặc lợi chỉ dành cho hành động liên hiệp.

Công đoàn có thể chính đáng trong một thế giới sa ngã nơi mà những người lao động bị đối xử một cách bất công. Mặt khác, trong khi người quản lý nên đối xử theo cách công bình và thương xót, tôi có thể thấy sự biện minh từ Kinh Thánh cho việc thành lập công đoàn.

## VƯỢT TRÊN SỰ CÔNG BẰNG

Vượt trên sự công bằng căn bản, những đòi hỏi chính đáng đối với người quản lý là gì? Phải chăng người quản lý phải đem đến sự thoả mãn công việc, sự cải thiện cá nhân, điều kiện làm việc thoả mái, an toàn lao động, những quyền lợi hưu trí không? Có phải sự dân chủ nơi công sở là mục tiêu nhân đạo hợp lý duy nhất không? Có phải người lao động phải hoàn toàn tham gia vào những quyết định quản lý để những quyết định đó được công bằng và hợp lý?

Phó chủ tịch Liên Đoàn Lao Động ngành ô tô Irving Bluestone nói rằng:

Một xã hội neo chặt vào những nguyên tắc dân chủ nên đảm bảo cho mỗi cá nhân về phẩm giá, sự tôn trọng, sự tự do xứng đáng của người tự do... Sự náo động của hoạt động

liên đoàn vào những năm của thập kỷ 30 và 40... là bước đi đầu tiên hướng đến sự hoàn thành mục tiêu rộng lớn hơn: sự dân chủ trong ngành công nghiệp... Bước tiếp theo sẽ cung cấp cho người lao động phương sách ý nghĩa hơn về việc kiểm soát công việc của mình thông qua sự tham gia vào những quyết định ảnh hưởng đến công việc của mình.<sup>2</sup>

Tuy nhiên, hiện tại đang thiếu trầm trọng sự đáp ứng từ những thành viên phổ thông của công đoàn đối dành cho chính nghĩa mới này.

Hơn nữa, thậm chí những lãnh đạo công đoàn dường như không muốn quảng bá những khái niệm “công việc ý nghĩa.” Người lao động dường như quan tâm đến sự công bằng cơ bản, trả lương cao hơn và nghỉ phép lâu hơn, an toàn trong lao động và khi nghỉ hưu. Nhưng không nhiều với những thứ khác. Polls cho thấy rằng khoảng 80 đến 90 phần trăm người lao động ở Mỹ thoả lòng với công việc của họ.

Những nhà khoa học về hành vi và nhân văn thấy khó để có thể hiểu tại sao người lao động có thể nói rằng họ thích công việc của mình khi công việc đó quá trợ trợ đối với người trí thức. Quan điểm này mới đây được trình bày bởi nhà khoa học hành vi David Sirota, khi ông thực hiện công trình nghiên cứu tại công ty may mặc. Ông ngạc nhiên khi thấy rằng hầu hết những công nhân điều khiển máy khâu nhận thấy công việc của mình thật thích thú... Quan điểm của công nhân này được ủng hộ bởi công trình nghiên cứu của Weintraub được thực hiện với 2.535 công nhân nữ điều khiển máy khâu tại 17 xưởng từ Massachusetts đến Texas. Ông nhận thấy rằng “hầu hết công nhân may mặc thích bản chất công việc của họ.”... Những gì nhà khoa học hành vi thấy thật khó để có thể hiểu thật sự có thể giải thích một cách đơn giản: những người lao động có thái độ tương đồng hướng về công việc của họ bởi vì họ không phải là một nhóm đại diện cho toàn bộ dân số, nhưng họ là một nhóm người được lựa chọn.<sup>3</sup>

Kỹ sư công nghệ Fein nói rằng người ta không tiếp tục với công việc mà họ không thích và nhiều người thực sự thích công việc lặp đi lặp lại. Cho nên người lao động thích hợp với công việc.

Tôi có thể kết luận rằng Kinh Thánh đòi hỏi phải có sự công bằng và hợp lý từ người quản lý, và luật yêu thương nhẹ nhàng thuyết phục người quản lý/người chủ hướng đến việc đem những lợi ích đến với tất cả nếu có thể trong khi làm cho việc kinh doanh của mình thành công vì có cả hai phía người lao động và người chủ. Lợi nhuận dành cho những cổ đông hoặc người quản lý phải đồng hành với lợi ích của người lao động. Trong cùng một

---

<sup>2</sup> Irving Bluestone, "Worker Participation in Decision-Making," *The Humanist*, September/October 1973, 11, 13-14.

<sup>3</sup> Mitchell Fein, "The Myth of Job Enrichment," *The Humanist*, September/Oc 1973, 31.

cách, người lao động có thể đòi hỏi sự công bằng và hợp lý nhưng không nên ép buộc các lợi ích khác, đặc biệt khi những lợi ích đó gây nguy hiểm cho sự thịnh vượng của công ty.

## LÀM VIỆC VÀ SỰ NHÀN RỐI

Chúng ta đã xem xét sự dạy dỗ Kinh Thánh liên quan đến công việc trong phần nói về “Sự Lười Biếng.” Có hai khía cạnh của vấn đề cần được chú ý thêm: Làm việc quá sức là gì? Một người phải có trách nhiệm gì trong việc sử dụng thì giờ nhàn rỗi?

### “ĐẠO ĐỨC CÔNG VIỆC PHÁI TIN LÀNH”

Công việc là món quà của Đức Chúa Trời; người làm công trung tín là theo gương Đức Chúa Trời. Gần đây nhiều người đặt ra vấn đề với cái gọi là đạo đức công việc phái Tin Lành, con người được dựng nên để làm việc và tìm thấy sự thoả mãn của mình trong công việc. Sự tranh cãi đó là con người thật sự được tạo dựng để chơi đùa, công việc là tội lỗi cần thiết để cung cấp nguồn tài nguyên cho để có sự thoả mãn cá nhân trong các hoạt động vui chơi và trong gia đình.

Robert K. Johnston cho rằng vui chơi được xem là điều hợp pháp theo tiêu chuẩn Cựu Ước thể hiện qua các hoạt động nghỉ Sa-bát, lễ hội, nhảy múa, và âm nhạc, và Tân Ước im lặng với đề tài này, nhưng nghiêm túc hướng về cuộc sống, và quan niệm của người Hy Lạp hết mình với sự vui chơi sáng tạo.<sup>4</sup> Bắt nguồn từ quan niệm Hy Lạp và quan niệm Cơ Đốc, người Mỹ hiện đại có quan điểm trung dung ở giữa.

Có phải đạo đức công việc được gọi là “Tin Lành”? Đầu thế kỷ hai mươi, nhà nghiên cứu lịch sử xã hội Max Weber đã thực hiện công trình nghiên cứu với đề tài “Đạo Đức Tin Lành và Tinh Thần của Chủ Nghĩa Tư Bản.”

Weber tìm kiếm bối cảnh của những ý tưởng của thế hệ mới này và đã tìm thấy điều đó trong khái niệm Tin Lành về “sự kêu gọi,” một khái niệm chưa được những dân tộc theo Công Giáo và những người cổ xưa biết đến. Ý tưởng về sự kêu gọi, là sản phẩm của Sự Cải Chánh và một điều mới không thể chối cãi: Đánh giá sự hoàn thành trách nhiệm trong các công việc trên đời này như là dạng hoạt động đạo đức cao cả nhất.<sup>5</sup>

Một số người cho rằng các nhà Cải Cách là nguồn gốc của đạo đức công việc Tin Lành, dù một số người cho rằng John Wesley. Một số khác nói rằng Augustine, người sống trong thế giới tiền Cải Chánh, chứ không phải người Tin Lành, đã từ chối quan điểm vui chơi cho là không xứng đáng đối với Cơ Đốc Nhân, và sự ảnh hưởng mạnh mẽ của ông đã khuôn đúc

<sup>4</sup> Robert K. Johnston, *The Christian at Play* (Grand Rapids: Eerdmans, 1983), 85.

<sup>5</sup> Henry Catherwood, *The Christian in Industrial Society* (London: Tyndale, 1964), 115.

ra tư tưởng Cơ Đốc về đề tài này. Mặc cho nguồn gốc bắt đầu từ đâu, người Tin Lành ở Bắc Âu và ở Mỹ có khuynh hướng giữ lấy nền đạo đức công việc nghiêm túc. Bây giờ, tất cả điều này đang bị thách thức.

Chắc chắn hiếm khi có xã hội nào thách thức về đạo đức của sự làm việc chăm chỉ hoặc tranh cãi về đạo đức của sự nhàn rỗi cho tới khi sự sung túc gần đây của một vài quốc gia đưa đến sự hy vọng cho quần chúng nhân dân trong việc đối mặt với vấn đề khó như thế. Khoảng một thế kỷ trước đây, một công nhân Mỹ trung bình làm việc sáu mươi sáu giờ mỗi tuần; ngày hôm nay những người như thế được cho là “nghiện công việc.”

Trước hết, công việc phải được thực hiện như là sự phục vụ Chúa. Điều này khiến công việc của Cơ Đốc Nhân “thích đáng với từng cấu trúc xã hội trong từng giai đoạn lịch sử, chính xác là vì nó “không thích đáng với tất cả.”<sup>6</sup> Cho nên Cơ Đốc Nhân có thể hoàn thành công việc của mình ở dưới bất kỳ hệ thống kinh tế chính trị nào miễn là mang lại sự vinh hiển cho Chúa. Mang lại sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời có nghĩa là mang lợi ích đến cho nhân loại: Công việc phải được thực hiện trong danh Chúa Jêsus vì lợi ích của nhân loại.<sup>7</sup> Sự hợp lý của lời tuyên bố này đơn giản là vì nếu công việc không vì lợi ích của Đức Chúa Trời hoặc con người, thì làm sao nó có thể được cho là tôn vinh Đức Chúa Trời?

Công việc không nên huỷ hoại người lao động, dù trên phương diện thể xác, đạo đức, tâm lý hay thuộc linh. Trong những hàm ý khác về nguyên tắc này, Karl Barth chỉ ra sự xấu xa của sự làm việc trong căng thẳng:

Làm việc căng thẳng là làm để tôn cao cá nhân và quên mất Đức Chúa Trời... Sự căng thẳng khiến công việc trở nên điều buồn tẻ, một cuộc chạy đua điên cuồng, một thảm họa, không chỉ cho chính người lao động mà còn cho những người xung quanh.<sup>8</sup>

Về sự căng thẳng, Barth không có ý nói đến áp lực nội tại lành mạnh nhằm đạt được những mục tiêu cao cả với những nguồn tài nguyên giới hạn, cái mà giúp phát huy hết khả năng của người lao động, điều Barth muốn nói ở đây đó là sự căng thẳng bực bội, cáu gắt của người vô tín. Sự nghiên cứu thường cho thấy rằng khối lượng công việc ít góp phần tạo ra những nan đề sức khoẻ liên quan đến nghề nghiệp hơn là thái độ của một người đối với công việc của mình. Làm việc căng thẳng, làm việc nhiều giờ, ham thích công việc, tìm kiếm ý nghĩa của cuộc đời ở trong công việc không có gì là sai theo quan điểm Kinh Thánh. Nếu làm việc như thế bị cho là “nghiện công việc,” thì có lẽ chính Chúa Jêsus là người mắc tội trước hết (Mác 3:20-21).

<sup>6</sup> Alan Richardson, *The Bible's Doctrine of Work* (London: SCM Press, 1952), 50.

<sup>7</sup> Alan Richardson, *The Bible's Doctrine of Work* (London: SCM Press, 1952), 50.

<sup>8</sup> Alfred A. Glenn, *Taking Your Faith to Work* (Grand Rapids: Baker, 1980), 57.

Nghề nghiệp có lẽ không cho chúng ta ý nghĩa về sự kêu gọi thánh (thiên hướng nghề nghiệp), điều được nhận thức như là mục đích cao cả nhất để sống, nhưng nếu chúng ta có cái thiên hướng nghề nghiệp và sống theo thiên hướng nghề nghiệp đó, thì không có gì sai trật. Ý nghĩa đời sống của Phao-lô không phải ở tại công việc may trại của ông, nhưng chắc chắn ở trong sự kêu gọi truyền bá Phúc Âm cho dân ngoại. Vì điều đó ông được sinh ra và được cứu chuộc. Mục đích sống của một người là để tương giao với Đức Chúa Trời, nhưng anh ta có thể được kêu gọi để yêu và hết sức làm vinh hiển Đức Chúa Trời qua công việc mà anh ta làm. Quan điểm về thiên hướng nghề nghiệp này bị tranh cãi bởi những người xem sự thờ phượng và mối quan hệ với gia đình và bạn bè như là những mục đích cao cả nhất của đời sống và gạt bỏ công việc như là điều kém quan trọng hơn. Nhưng sự sắp xếp thứ tự theo cách như vậy là cách sắp xếp của con người và không theo Kinh Thánh (hãy xem chương “Những Tội Lỗi Góc Rẽ và Những Phầm Hạnh,” phần “Thèm Khát Thời Gian). Chúng ta phải nhìn nhận Môi-se, Đa-vít, Đa-ni-ên, Chúa Jê-sus và Phao-lô đã quan trọng mục đích của Đức Chúa Trời dành cho những công việc mà họ đã hoàn thành. Cho nên, nếu Đức Chúa Trời ban cho một ý thức về sứ mạng, chúng ta nên theo đuổi nó hết mình. Và nếu Ngài không ban cho chúng ta, thì cầu xin điều đó không phải là điều tội lỗi.

Mặt khác, làm việc một cách ép buộc như là sự trốn thoát khỏi những trách nhiệm khác; làm việc chăm chỉ vì những động cơ sai trật chẳng hạn như háms lợi hoặc kiêu ngạo; lơ là với những trách nhiệm đối với gia đình, Hội thánh, hoặc cộng đồng; làm việc trong cách làm hại sức khoẻ thuộc linh, hoặc sức khoẻ thuộc thể vì lý do không chính đáng – tất cả những điều này đều là tội lỗi và cần phải ăn năn.

## SỰ NHÀN RỖI

Thời gian nhàn rỗi, được ban cho một số ít người có đặc ân trong thế giới của chúng ta, cũng nên được sử dụng cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Nó không chỉ được hợp thức hoá bởi sự vô tội về mặt đạo đức. Sự nhàn rỗi là sự trông đợi được sử dụng để nuôi dưỡng gia đình, phục vụ Hội thánh, đáp ứng những nhu cầu của người khác, và nghỉ ngơi nguồn tài nguyên thuộc thể, tinh thần và thuộc linh của chúng ta.

Robert K. Johnston cho rằng sự vui chơi thật sự là sự vui chơi không có mục đích hay lợi ích. Nhưng vì ông không chứng minh được quan điểm này dựa trên dữ liệu Kinh Thánh, nên tôi kết luận rằng vui chơi không mục đích không thể được chứng minh là điều đáng ao ước hay không đáng ao ước dựa trên nền tảng Kinh Thánh. Nhưng nếu sự vui chơi đem đến lợi ích cho ai đó, thì dường như nó thích hợp với huấn thị trong Kinh Thánh rằng làm điều gì

cũng vì sự vinh hiển Đức Chúa Trời. Chẳng hạn, thời gian nghỉ ngơi có thể đem đến sự phục hồi cho tinh thần bị quấy nhiễu, nhưng sự nghỉ ngơi kéo dài khó có thể biện minh được dựa trên nền tảng Kinh Thánh khi Kinh Thánh lên án mạnh mẽ sự lười biếng. Trung bình người Mỹ xem ti-vi sáu tiếng đồng hồ mỗi ngày khó có thể được xem là sử dụng sự nhàn rỗi một cách có trách nhiệm nhằm đem lại sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời và lợi ích cho con người.

Bất cứ ai là người thất nghiệp không cố ý đều có thể làm chứng rằng công việc là món quà tốt lành của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại. Dù một số ít người cố gắng phát triển “giáo lý về sự nhàn rỗi” từ nguồn dữ liệu hạn chế trong Kinh Thánh, thời gian linh hoạt cũng nên được xem như là một món quà quý giá và sự uỷ thác đặc biệt đến từ Đức Chúa Trời.

## HỆ THỐNG KINH TẾ

Dù có nhiều hệ thống kinh tế, hai hệ thống nổi trội trong nửa sau của thế kỷ hai mươi là chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Bởi vì bất kỳ hệ thống kinh tế nào cũng gắn chặt với hệ thống chính trị, hai hệ thống kinh tế này rất dễ bị nhầm lẫn. Nhưng theo sự suy xét của chúng ta về sự thành thật trong cách sử dụng tiền bạc, phân biệt hai hệ thống này là điều rất quan trọng, giải quyết vấn đề kinh tế hơn là chính trị. Đạo đức học của các hệ thống chính trị sẽ được xem xét trong chương “Cơ Đốc Nhân và Xã Hội.”

Trong khi chờ đợi, hãy lưu ý rằng hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa không nhất thiết phải là hệ thống chính trị cộng sản hoặc cộng sản theo triết lý. Chẳng hạn, Thụy Điển là một nước xã hội chủ nghĩa nhưng không phải là cộng sản. Mặt khác, chủ nghĩa tư bản lại là nền kinh tế của nhiều chế độ độc tài, cho nên nó không nên được xem là đồng nghĩa với dân chủ. Kinh tế thị trường tự do hoàn toàn tương thích với sự cai trị hà khắc. Cho nên chúng ta hãy xem xét những hệ thống kinh tế một cách độc lập với cấu trúc chính trị mà trong đó chúng vận hành.

## CHỦ NGHĨA TƯ BẢN VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Một số người đề nghị chủ nghĩa tư bản là sự uỷ thác trong Kinh Thánh, trong khi một số người khác thấy Kinh Thánh đứng về phía chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa tư bản là hệ thống kinh tế mà trong đó sự đầu tư và sự sở hữu các phương tiện sản xuất, phân phối và trao đổi hàng hoá được lập nên và duy trì bởi những cá nhân tư nhân hoặc tập thể, và chủ nghĩa xã hội là hệ thống kinh tế mà trong đó sự sở hữu và sự kiểm soát được nắm bởi toàn thể cộng đồng. Những người ủng hộ chủ nghĩa tư bản dường như chiếm ưu thế trong tư tưởng Tin Lành Mỹ; những người ủng hộ chủ nghĩa xã hội chiếm ưu thế trong tư tưởng Tin Lành ở hầu hết phần

còn lại của thế giới. Tuy nhiên, cũng có những người tại Mỹ là người ủng hộ phương pháp kinh tế chủ nghĩa xã hội.

Hệ thống kinh tế tạo nên và duy trì sự đói nghèo, sự kém phát triển, sự thất nghiệp, và những căn bệnh xã hội khác trên thế giới ngày hôm nay là hệ thống chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản trong bản chất là một hệ thống đề cao chủ nghĩa cá nhân, sự cạnh tranh, và tìm kiếm lợi nhuận mà ít hoặc không quan tâm đến cái giá mà xã hội phải trả. Nó đặt lợi nhuận và lợi ích cá nhân lên trên sự phục vụ xã hội và những nhu cầu của con người. Vì thế, nó là một hệ thống bất công cần được thay thế.<sup>9</sup>

Orlando Costas, trước khi chết vào năm 1988 là một chủ nhiệm khoa của trường thần học Andover Newton, đã hết lòng đi theo chủ nghĩa xã hội:

Thánh Linh sẽ dẫn dắt chúng ta đến chỗ nhận ra Đấng Christ ở trong những người nghèo và những người bị áp bức bởi vì Đấng Christ đứng về phía họ... Một khi bạn đứng với họ, thì tôi không thấy có sự lựa chọn nào khác ngoài chủ nghĩa xã hội. Sở dĩ những người này ở trong tình trạng đó bởi vì cái tiến trình “văn minh hoá,” cái tiến trình đề cao thống trị, điều khiển con người, bóc lột nguồn tài nguyên của họ, và sử dụng sức lao động rẻ mạt của họ. Chủ nghĩa tư bản không phải là điều có thể được biến đổi và cải cách. Gốc rễ của chủ nghĩa tư bản là quá trình biến người ta thành nô lệ, bóc lột sức lực của họ... Chỉ có một giải pháp thay thế duy nhất mà tôi biết đó là phải đảo ngược toàn bộ vấn đề và bắt đầu với sự phân phối tài sản.<sup>10</sup>

Paul Tillich, có lẽ là một nhà thần học ảnh hưởng nhất trong nửa sau của thế kỷ hai mươi, tin rằng tất cả các Cơ Đốc Nhân kiên định đều là những người theo chủ nghĩa xã hội. Ông ví sánh chủ nghĩa tư bản với việc bị quý kinh tế ám:

Chủ nghĩa xã hội tôn giáo gọi hệ thống chủ nghĩa tư bản là ma quỷ, một mặt, bởi vì sự kết hợp của những sức mạnh sáng tạo và huỷ diệt hiện diện trong nó; mặt khác, bởi vì tính tất yếu của sự đấu tranh giai cấp độc lập của đạo đức và lòng mộ đạo chủ quan. Hậu quả của hệ thống chủ nghĩa tư bản để lại trong xã hội và mỗi cá nhân có hình thức điển hình của sự “chiếm lấy,” đặc tính của ma quỷ.<sup>11</sup>

---

<sup>9</sup> Eugene Tolan et al., "World Justice and Peace: A Radical Analysis for American Christians," *The Other Side*, January/February 1976, 50.

<sup>10</sup> Orlando Costas, *The Other Side*, January/February 1976, 29-30, 39. ( Để biết được lời biện hộ mạnh mẽ cho quan điểm này từ nhiều cái nhìn khác nhau, đồng thời để có danh mục sách tham khảo tốt và căn bản, hãy xem *The Other Side*, January/February and March/April 1976).

<sup>11</sup> Trích bởi John Neuhaus, *Doing Well and Doing Good: The Challenge to the Christian Capitalist* (Garden City, N.Y.: Doubleday, 1992), 312.

George Gilder, tác giả cuốn *Wealth and Poverty* (New York: Basic Books, 1978), trả lời những câu hỏi của tạp chí *Christianity Today*, nhìn sự việc một cách khác biệt:

*Christianity Today*: Ông đã thấy, “người nghèo biết tình trạng của họ phần lớn là do lỗi hoặc sự lựa chọn của chính họ” và “để thành công, người nghèo cần nhất là sự khuấy động của sự nghèo đói.” Một nhà phê bình đã viết rằng thần học tư bản của Gilder là dư thừa về đức tin và sự hy vọng và thiếu tính từ thiện. Ông trả lời cho điều đó như thế nào?

Gilder: Những chương trình xã hội được cho là có tính từ thiện thực ra chúng có tính huỷ phá kinh khủng... Lẽ thật trung tâm trong chủ nghĩa tư bản đó là sự tiến bộ không thể đoán trước được. Sự cố gắng định trước sự đền đáp, quy gán cho tâm trí con người khả năng biết trước tương lai, tính toán một cách cẩn thận những phác hoạ chính xác của nó và khai thác kiến thức này theo cách quy tắc sẽ dẫn đến thảm hoạ. Chủ nghĩa tư bản, vì nó được dựa trên sự không biết trước về tương lai và kết quả của những cuộc thử nghiệm liên tục nhằm bày tỏ những khía cạnh của chân lý, thực tế có thể chia sẻ với sự dự phòng... Thật là tham vọng để có một ông chủ lên kế hoạch dựa trên sự phân tích thể tục làm nền tảng cho chủ nghĩa xã hội và tạo nên một hệ thống xấu xa... Chủ nghĩa tư bản là hệ thống kinh tế hoà hợp với Cơ Đốc Giáo.<sup>12</sup>

Chúng ta nói gì với những quan điểm được tin một cách nhiệt thành và loại trừ lẫn nhau này? Có lẽ triết gia thông minh người Pháp Jacques Ellul đến gần với chân lý khi tuyên bố hai nếp cũng một xôi:

Chủ nghĩa tư bản ngày càng làm cho cuộc sống – cá nhân và tập thể - phụ thuộc vào tiền bạc. Tiền bạc trở nên tiêu chuẩn để đoán xét con người và hành động của họ. Lần lượt các nhà nước, các hệ thống luật pháp, nghệ thuật và các Hội thánh chịu phục dưới quyền lực của tiền bạc... chúng ta phải nhìn nhận sự thật trong sự nhận định của Karl Marx rằng tiền bạc, trong hệ thống tư bản, dẫn đến sự xa lánh.<sup>13</sup>

Có phải chủ nghĩa xã hội trông có vẻ hấp dẫn hơn không? Chủ nghĩa xã hội tấn công chủ nghĩa tư bản về việc con người phụ thuộc vào tiền bạc, về sự bất công của nó trong các cấu trúc kinh tế. Chủ nghĩa xã hội gán cho chủ nghĩa tư bản câu khẩu hiệu “hưởng theo lao động,” trong khi câu khẩu hiệu dành cho chủ nghĩa xã hội là “hưởng theo nhu cầu.”

---

<sup>12</sup> *Christianity Today*, 4 February 1983, 23ff. (Để biết lời tuyên bố cô đọng và đầy sức mạnh về chủ nghĩa tư bản theo Kinh Thánh, cùng với nguồn sách tham khảo cơ bản, hãy xem Ronald Nash, in *Christianity Today*, 23 March 1979.)

<sup>13</sup> Jacques Ellul, *Money and Power*, trans. LaVonne Neff (Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1984), 20



Nhưng chủ nghĩa xã hội lập kế hoạch như thế nào để đạt được những mục tiêu của mình? Trước hết, qua việc giới hạn cách nghiêm ngặt đời sống con người vào lao động, vào hoạt động kinh tế... Điều này thật sự là nguồn của sự xa lánh thật sự - không phụ thuộc vào *cái mà cá nhân có*, nhưng phụ thuộc vào *việc làm và cái mà tập thể có*... Sự khác biệt giữa những hệ thống trông có vẻ như rất nhỏ và gần như tương tự.<sup>14</sup>

Thực ra, không phải thần học cũng không phải Kinh Thánh đưa ra cho chúng ta tiêu chuẩn để đánh giá hệ thống này hay hệ thống kia. Vì không có cơ cấu kinh tế nào tương ứng với lẽ thật Cơ Đốc Giáo, nếu chúng ta muốn chọn chúng ta cần phải làm như vậy vì những lý do hết sức tự nhiên, biết rằng sự lựa chọn của chúng ta về điều đó không bày tỏ đức tin Cơ Đốc của chúng ta.<sup>15</sup>

Tôi đồng ý với Ellul rằng dữ kiện Kinh Thánh không thể bị bẻ cong để phê chuẩn cho bất cứ hệ thống kinh tế nào. Mặt khác, những nguyên tắc Kinh Thánh có thể và phải được áp dụng bởi những Cơ Đốc Nhân sâu sắc để sửa lại những sai trật của hệ thống kinh tế mà trong đó họ đang sống. Thực tế, điều này có lẽ đã xảy ra vào giữa thế kỷ này khi mà hầu hết các quốc gia tư bản chịu phục dưới áp lực về nhu cầu của con người và phúc lợi xã hội hợp pháp. Cũng thời gian đó hầu hết các quốc gia xã hội chủ nghĩa ở dưới áp lực về bản chất của con người để tạo sân chơi cho kinh tế tư nhân và kinh tế thị trường.

Những người ủng hộ hệ thống kinh tế thị trường tự do nhấn mạnh sự tự do và quyền sở hữu hữu tài sản cá nhân, trong khi những người đề xướng nền kinh tế thị trường có kiểm soát vì phúc lợi của tất cả các công dân nhấn mạnh sự công bình và bình đẳng. Chủ nghĩa tư bản đem lại sự tự do, chủ nghĩa xã hội đem lại sự bình đẳng; không có sự tự do hoặc sự bình đẳng kinh tế nào được nói đến trong Kinh Thánh.

Thực sự, theo Kinh Thánh “sự tự do” là quan trọng, nhưng sự tự do được ủng hộ, đặc biệt trong Tân Ước, chủ yếu là về vấn đề thuộc linh và rất ít nói về chính trị. Sự tự do kinh tế nhằm tạo ra số lượng tiền không giới hạn không hề có trong Kinh Thánh; chỉ có sự tự do kinh tế được nhắc đến là sự tự do khỏi nghèo đói và áp bức. Luật pháp có thể cho phép cho công dân tự do tích lũy, nhưng sự tự do để làm điều đó không khiến cho điều đó xảy ra. “Sự tự do kinh tế” có thể có nghĩa là sự tự do được nhận (chủ nghĩa tư bản) hoặc tự do để tồn tại (chủ nghĩa xã hội). Vì sự tự do được nhận luôn luôn đem lại sự thuận lợi cho những người thông minh, gian ác hoặc có thể mạnh về kinh tế, thật là thích đáng khi Kinh Thánh nhấn mạnh rằng nên bảo vệ những người yếu đuối và thiếu may mắn.

---

<sup>14</sup> Sách đã dẫn, 21.

<sup>15</sup> Sách đã dẫn, 24.

Sự tự do của ai dễ bị xâm phạm hơn, một người giàu có bị cấm khỏi việc ngày càng trở nên giàu hơn (hoặc bị cưỡng bách để trở nên ít giàu hơn) hay một người bị gài vào cảnh bần cùng? Ai ở trong gông cùm lớn hơn, người cấm và bị cấm để nhận lấy nhiều hơn, hay người cấm và bị cấm bởi hoàn cảnh của mình không để rồi không nhận được gì cả? Loại tự do nào Kinh Thánh nhấn mạnh đến?

Vì Kinh Thánh mạnh mẽ trong vấn đề giải phóng những con người bị áp bức về mặt kinh tế, những câu hỏi cốt yếu đó có thể chuyển thành có phải quyền sở hữu tài sản cá nhân trong Kinh Thánh là quyền tích lũy và sở hữu không giới hạn không. Luật Hân Hỷ (Lê-vi Ký 25) trình bày rõ ràng về sự giới hạn nghiêm ngặt đối với sự tích lũy lâu dài về phía những người mạnh nhờ vào sự phí tổn của những người yếu đuối hoặc bất hạnh. Vấn đề thu thuế cũng được lập những giới hạn rõ ràng. Cho nên dường như không thể dựa trên nền tảng Kinh Thánh để cho rằng quyền sở hữu tài sản cá nhân là quyền không giới hạn.

Mặc dù rất khó để chứng minh bằng Kinh Thánh rằng chính phủ phải đảm bảo quyền tích lũy tài sản không giới hạn. Kinh Thánh chứa đầy những lời dạy dỗ mạnh mẽ về trách nhiệm của xã hội phải bảo vệ và chu cấp cho người nghèo.

Hãy bênh vực người khốn cùng và kẻ mồ côi;  
Xét xử công minh cho người thiếu thốn và kẻ khốn cùng.  
Hãy cứu vớt kẻ yếu đuối và người thiếu thốn,  
Giải cứu họ khỏi tay kẻ ác. (Thi Thiên 82:3-4)

Chẳng phải sự kiêng ăn mà Ta chọn, đó là:  
Tháo những xiềng gian ác,  
Mở dây trói của ách,  
Thả cho kẻ bị áp bức được tự do,  
Và bẻ gãy mọi ách hay sao?  
Chẳng phải là chia sẻ thức ăn cho người đói,  
Đem kẻ nghèo khổ, không nhà cửa về nhà mình,  
Khi thấy người trần truồng thì mặc cho,  
Và không ngoảnh mặt làm ngơ với anh em cốt nhục mình hay sao?

... Nếu ngươi vứt bỏ cái ách khỏi ngươi,  
... Nếu ngươi dốc lòng lo cho người đói,  
Và đáp ứng nhu cầu kẻ khốn cùng,  
Thì ánh sáng của ngươi sẽ chiếu ra trong bóng tối,  
Và sự tối tăm của ngươi sẽ sáng ngời như giữa trưa. (Ê-sai 58:6-10)

Vì tội ác của Y-sơ-ra-ên chồng chất thêm tội ác  
Nên Ta không rút lại án phạt khỏi nó.  
Vì chúng đã bán người công chính để lấy bạc,  
Bán kẻ nghèo để lấy một đôi dép.  
Chúng đập đầu kẻ nghèo khó xuống tận bùn đen,  
Và làm sai lệch đường lối của người nhu mì.  
Con và cha cùng đi đến với một cô gái  
Và như vậy làm cho ô danh thánh Ta. (A-mốt 2:6-7)

Hỡi những kẻ bị nguyện rửa, hãy lui ra khỏi Ta, đi vào lửa đời đời đã chuẩn bị sẵn cho quý vương và những quý sứ của nó. Vì Ta đói, các ngươi không cho Ta ăn; Ta khát, các ngươi không cho Ta uống; Ta là khách lạ, các ngươi không tiếp rước Ta; Ta trần truồng, các ngươi không mặc cho Ta; Ta ốm đau và bị tù, các ngươi không thăm viếng Ta. (Ma-thi-ơ 25:41-43)<sup>16</sup>

Kinh Thánh dạy những người tư sản về cách cư xử của họ phải như thế nào nhiều hơn so với người chủ nghĩa xã hội. Nhưng vì hệ thống kinh tế không thể bị áp đặt không cần những phê chuẩn mang tính chính trị, và vì con người có khuynh hướng hướng về cái tôi, cho nên việc lật đổ bất cứ một nền kinh tế nào, tôi cho rằng không có hệ thống kinh tế nào có một sự uỷ thác Kinh Thánh cho sự áp đặt. Cả hai đều được xây trên những bãi cát của bản chất con người.

Vì vậy, là một Cơ Đốc Nhân dù ở trong hệ thống kinh tế nào cũng nên hành động hướng đến sự thay đổi để khiến cho hệ thống đó càng ngày càng đi theo những nguyên tắc công bình và thương xót trong Kinh Thánh. Nếu sự tự do có thể được kết hợp với những khái niệm căn bản này thì tốt hơn. Có lẽ trong một xã hội sa ngã, sự tự do chiến thắng qua sự cân bằng đầy đau đớn về quyền lợi của nhóm người này với quyền lợi nhóm người kia là niềm hy vọng duy nhất cho sự đo lường công lý.

## NHỮNG LỢI NHUẬN VÀ TIỀN LÃI TRONG CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Dù lợi nhuận qua việc buôn bán là căn bản đối với chủ nghĩa tư bản, Kinh Thánh dạy nhiều hơn và trực tiếp về vấn đề lãi cho vay. Cho nên trước hết chúng ta hãy xem xét vấn đề tư bản được tích lũy qua việc cho vay tiền để sinh lãi, một yếu tố không thể thiếu trong chủ nghĩa tư bản hiện đại.

---

<sup>16</sup> Cũng hãy xem Lê-vi 19:9-10; 27:30, 33; Dân 18:23-32; Phục 12:5-8; 14:22-29; 15:7 trở đi.; Ê-xê-chi-ên 22:7, 29.

Số tiền rất lớn cần cho sự sản xuất và kinh doanh. Trong hệ thống chủ nghĩa xã hội những quỹ này có thể được tích lũy qua việc thu thuế, nhưng trong hệ thống kinh doanh cá thể việc mượn tiền để “tư bản hoá” một công ty là điều cần thiết. Thậm chí những người giàu thường cũng không có đủ sức để đầu tư, vì tiền được tích lũy bởi việc vay mượn từ nhiều người bằng cách cho họ sở hữu một phần (cổ phiếu) trong công ty, hoặc qua trung gian ngân hàng hoặc công ty bảo hiểm là những nơi đã tích lũy một số tiền lớn qua việc vay mượn. Bình thường người ta không đầu tư vào một công ty mà không mong được hưởng lợi, cho nên công ty phải đền đáp người cho vay tiền trong hình thức lợi nhuận hoặc tiền lãi. Tuy nhiên, Kinh Thánh thường nói nghịch lại với việc cho vay tiền kiếm lãi (Thi Thiên 15:5; Châm Ngôn 28:8; Ê-xê-chi-ên 18:8-9, 13, 17; 22:12). Mặc dù *Từ Điển Thần Học Cựu Ước* cho rằng điều cấm kỵ, ít nữa ở trong Lê-vi Ký 25:35 trở đi, là lãi quá mức, hầu hết các học giả tin rằng từ Hê-bê-rơ liên quan đến lãi là lãi trong tất cả các loại.<sup>17</sup> Chúng ta cũng không thể cho rằng nền kinh tế nông nghiệp Cựu Ước có nghĩa rằng việc đi vay và cho vay tiền chỉ là tình huống khẩn cấp và vì vậy những điều luật đó không thể áp dụng cho xã hội tư bản. Thuyết tương đối văn hoá không thể được cho phép để giết chết những quy định trong Kinh Thánh. Nhưng có lời dạy này là một chuẩn mực phổ quát, hay nó đơn thuần chỉ là một phần của luật dân sự để đem lại sự trật tự cho nhà nước Y-sơ-ra-ên cổ xưa?

Những điều răn ngăn cấm việc lấy lãi thường thường được ban ra trong bối cảnh có sự bất công, áp bức. Không được lấy lãi khi cho người nghèo mượn tiền (Xuất 22:25), không được lấy của hối lộ làm hại kẻ vô tội (Thi Thiên 15:5), hoặc làm lợi phi nghĩa (Châm 28:8). Ê-xê-chi-ên, tiên tri mạnh mẽ chống nghịch việc lấy lãi, đã công khai lên án sự tham lam và sự tống tiền trong cùng một bối cảnh. Vì lý do này, thậm chí Hội thánh thời Trung Cổ, trong khi xem xét các thể loại buôn bán, đã cho phép việc vay mượn với lãi suất vừa phải (thường thì 5 phần trăm). Ngày hôm nay, hầu hết các nhà đạo đức học Cơ Đốc trong các nền kinh tế tư bản cho phép lãi suất ở mức không ngột ngạt.

Cũng cần để ý rằng một người Y-sơ-ra-ên không thể lấy lãi từ một người cũng là người Y-sơ-ra-ên, nhưng có thể lấy lãi từ những người khác (Phục 23:19-20). Vì thế một số người kết luận rằng Cơ Đốc Nhân được tự do cho những người không tin Chúa (hoặc các cơ quan không liên quan) vay để lấy lãi, nhưng không được cho Cơ Đốc Nhân khác vay. Những nguyên tắc thường được luật hoá được vay mượn từ các điều răn trong Cựu Ước dành cho người Y-sơ-ra-ên, nhưng rất khó vay mượn một nguyên tắc phổ quát và đòi hỏi từ một điều răn mà cho phép việc lấy lãi từ một người không phải là người Do Thái, nhưng không được

---

<sup>17</sup> Milton C. Fisher, "Nashak," in *Theological Wordbook of the Old Testament*, ed. R. Laird Harris, Gleason L. Archer, Jr., and Bruce K. Waltke, vol. 2 (Chicago: Moody Press, 1980), 605.

lấy từ người Do Thái. Dù việc lấy lãi vốn không phải là một điều xấu cho nên trong một số trường hợp có thể hợp pháp đối với Cơ Đốc Nhân; hoặc việc lấy lãi vốn là một điều xấu và người Y-sơ-ra-ên chỉ được cho phép lấy lãi như là một mưu chước tạm thời. Trong trường hợp đó việc lấy lãi là điều sai trật đối một tín hữu được khai sáng trong bất cứ thời đại nào.

Vì Tân Ước không trực tiếp đề cập đến vấn đề lấy lãi, tôi kết luận rằng lấy lãi một cách chính nghĩa vốn không phải là điều xấu. Tuy nhiên, hãy đi theo khuôn mẫu Cựu Ước và từ chối lấy lời khi giúp đỡ người nghèo hoặc một Cơ Đốc Nhân khác là điều đáng khen ngợi trong bất cứ hệ thống đạo đức nào.

Dù Tân Ước không nhắc đến vấn đề cho vay tiền kiếm lãi, nó cũng có vài lời nói đến về tài nợ nần. “Đừng mắc nợ ai điều gì, ngoại trừ món nợ yêu thương nhau; vì ai yêu người lân cận mình là đã làm trọn luật pháp” (Rô-ma 13:8) được một số người trích để cấm việc nợ nần bất kỳ hình thức nào, nhưng có lẽ đây không phải là một sự sử dụng hợp pháp khi tách riêng một sự trích dẫn về sự nợ nần, vì điều muốn nói trong toàn bộ phân đoạn này là tình yêu. Phao-lô nhấn mạnh sự thật rằng tình yêu là một trách nhiệm, chứ không phải là một sự lựa chọn. Chúng ta mắc nợ sự yêu thương bởi vì chúng ta là ai và chúng ta đã nhận được điều gì.

Tốt nhất là đừng đi đến chỗ nợ nần cá nhân là điều quá rõ ràng theo ý nghĩa chung, được nhấn mạnh qua những câu châm trong Kinh Thánh (Châm 11:15; 22:7, 26). Nhưng điều đó thật khó để kết luận rằng cho vay là tội lỗi, vì chính Đấng Christ đã ra lệnh: “Ai xin, hãy cho; ai mượn của con thì đừng từ chối” (Ma-thi-ơ 5:42). Điều tốt hơn, Chúa Jê-sus đã ngụ ý trong cùng một câu, đó là ai xin, hãy cho!

Thật không thể chấp nhận lối giải kinh sử dụng những câu chuyện ngụ ngôn liên quan đến việc vay tiền kiếm lãi như một thẩm quyền từ Kinh Thánh cho chủ nghĩa tư bản. Những câu chuyện ngụ ngôn là những câu chuyện có thật trong cuộc sống được tạo nên trong một thời điểm cụ thể. Những chi tiết chỉ là một phần của câu chuyện và có thể không chịu tuân phục những nguyên tắc đạo đức.

Dù tôi không thấy được thuyết phục về những lời dạy rõ ràng trong Kinh Thánh đặt một loại hoặc tất cả các loại nợ ra ngoài luật pháp, có lẽ định nghĩa đến từ sự phân tích của nhà cố vấn tài chính bảo thủ Larry Burkett sau đây sẽ giúp ích:

Định nghĩa theo Kinh Thánh về nợ không thể đáp ứng các nghĩa vụ đã được đồng ý. Nói một cách khác, khi một người mua cái gì đó dựa trên các điều khoản tín dụng, điều đó không nhất thiết là nợ,

nó là một hợp đồng. Nhưng, khi các điều khoản của hợp đó bị vi phạm, nợ theo ý nghĩa Kinh Thánh xuất hiện.<sup>18</sup>

Cơ Đốc Nhân phải hoàn toàn thoát ra khỏi sự nợ nần... Nợ nần tồn tại khi có bất kỳ những điều kiện sau đây:

- Thanh toán tiền, hàng hoá hoặc các dịch vụ không đúng hạn...
- Tổng giá trị khoản phải trả vượt quá tổng giá trị tài sản mình có. Nói cách khác, nếu bạn phải quy hết ra tiền, tài khoản của bạn sẽ bị cân bằng âm.
- Sự căng thẳng được tạo ra trong lãnh vực trách nhiệm tài chính, và những nhu cầu căn bản của gia đình không được đáp ứng vì những hành động mua trong quá khứ hoặc hiện tại.<sup>19</sup>

Từ tổng quan ngắn gọn rút ra từ dữ kiện giới hạn trong Kinh Thánh nói về đề tài, tôi kết luận rằng cần cẩn thận để tránh vay mượn nếu có thể, rằng đi mượn và cho vay lấy lãi là những điều có thể cho phép miễn là lãi suất không quá cao, và ban cho cách rời rạc những ai có nhu cầu là cách tốt hơn.

Nhiều phân đoạn tương tự trong Cựu Ước nói nghịch lại việc lấy lãi, vài sự ngăn cấm với những huân thị nghịch lại bất kỳ hình thức lấy lời nào. Tôi cho rằng nguyên tắc vĩnh cửu vẫn như vậy: Lãi suất phải chăng so với lãi suất thấp và hợp lý có thể được cho phép nhưng không thể cho phép lãi suất cao vì như vậy là kiếm lợi trên sự chi phí của người khác, dù cho những người khác đó đồng ý hay không.

## SỰ LIÊM CHÍNH CÁ NHÂN

Sự liêm chính cá nhân trong bất kỳ hệ thống kinh tế nào cũng đòi hỏi sự thành thật, sự tự do hoàn toàn khỏi tất cả các hình thức gian lận, ăn cắp, hoặc lợi dụng người khác. Nhưng trong nền kinh tế tương đối tự do có vài cấm dõ đặc biệt cần được nhắc đến.

## SỰ PHÁ SẢN

Đặc biệt với sự ra đời của luật phá sản tự do hơn (đáng chú ý là Luật Phá Sản Cải Cách, tháng Mười năm 1979), có thể tuyên bố phá sản để tránh những trách nhiệm, để duy trì nguồn tài sản cá nhân (thậm chí giàu có, với một luật sư thông minh), và xây dựng một tài sản mà những người chủ nợ trước đây không thể nào đụng tới được. Tuyên bố phá sản có thể hợp pháp, nhưng điều đó khiến cho nó đạo đức. Tình trạng phá sản chính thức có lẽ cần thiết để

<sup>18</sup> Larry Burkett, *Your Finances in Changing Times. God's Principles for Managing Money* (Glendale, Calif: Campus Crusade for Christ, 1975), 64.

<sup>19</sup> Sách đã dẫn, 83.

tạo nên sự chuyển đổi đến một cơ bản tốt hơn liên hệ đến những chủ nợ của một người, nhưng người có đạo đức sẽ không sử dụng nó như là phương tiện để tránh việc chi trả. Dĩ nhiên, nếu người chủ nợ đồng ý tha nợ hoặc một phần nợ, dù sự tha nợ đến từ lòng vị tha hay vì lợi ích của chính người đó, đó lại là vấn đề khác.

Đức Chúa Trời đứng về phía người giữ lời, người thề nguyện dù bị tổn hại (chẳng hạn, nhận lấy trách nhiệm tài chính) vẫn không thay đổi (Thi Thiên 15:4). Kẻ ác mượn nhưng không trả (Thi Thiên 37:21), nhưng người công bình nhận lấy trách nhiệm về món nợ mà mình mắc và cứ chịu trách nhiệm cho đến khi món nợ được trả hoặc cho đến khi chết.

## SỰ KIỆN TỤNG

Khi trong anh em có người này tranh chấp với người khác, tại sao không đem đến trước các thánh đồ mà lại dám để cho kẻ không công chính xét xử? ... Nhưng anh em kiện cáo nhau, rồi lại đem đến trước mặt những kẻ chẳng tin.... Thà rằng anh em cam chịu bất công có hơn không? Thà cam chịu bị lừa gạt có hơn không? (1 Cô-rinh-tô 6:1, 6-7)

Trong ánh sáng của phân đoạn này, một vài tín hữu xúi giục như những vụ kiện nghịch lại người cùng đức tin mà không một chút day dứt. Câu hỏi dấy lên, Điều gì xảy ra nếu người này nói anh ta là một tín hữu nhưng không hành động như một tín hữu? Dường như Phao-lô đang đề cập đến câu hỏi cụ thể đó khi ông đưa ra sự lựa chọn: Tại sao anh em không thà cam chịu bị lừa gạt còn hơn đem đến tiếng xấu cho danh Chúa Jê-sus?

Mặt khác, vì Phao-lô phân biệt người tin và người không tin, sự kiện tụng nghịch cùng người không tin hay một cơ quan không liên quan có thể là hợp pháp miễn là luật yêu thương người lân cận (Cơ Đốc Nhân hoặc không phải Cơ Đốc Nhân) không bị vi phạm và chừng nào công lý được đối xử với sự liêm chính.

Đòi món tiền không thuộc quyền sở hữu chính đáng của mình là một dạng ăn cắp vô đạo đức thông qua phương tiện toà án. Nếu mỗi thành viên Hội thánh tại Mỹ từ chối đi đến toà án để đòi “bất cứ thứ gì tôi có thể lấy được” khi cam chịu một số sai trật có thật hoặc tương tượng, thì tỉ lệ bảo hiểm dành cho tai nạn và sự sai suất sẽ giảm đi nhiều. Bất cứ điều gì vượt trên sự bồi thường chính đáng và hợp lý là một sự cố gắng để lừa gạt; đó là một sự tấn công trên toàn thể xã hội, làm tăng giá các sản phẩm, các dịch vụ và sự bảo hiểm dành cho mọi người. Xã hội nhiều kiện tụng của chúng ta dường như dẫn đến thảm họa kinh tế nếu sự tham lam và thiếu thành thật của những người tiêu thụ, những khách hàng, và những công chứng viên không bị chặn đứng bằng cách nào đó. Không phải lúc nào cũng sai trật nếu đòi bồi

thường thiệt hại vượt trên sự thiệt hại, nhưng những trường hợp như thế nên được thiết lập một cách rõ ràng khi có sự ác ý hoặc cố ý làm ngơ.

Mặt khác, các đoàn luật sư, những công ty, những tập đoàn phải công bằng trong việc chi trả các đòi hỏi hợp pháp, nếu không, đến lượt họ mắc tội lừa gạt và áp bức kẻ yếu hơn.

Xã hội hám lợi và tham những đang chìm vào bãi lầy kiện tụng được tạo nên do tội lỗi của chính nó. Thành công trong cuộc kiện tụng không có lý do chính đáng đồng nghĩa với việc ăn cắp.

## SỰ BẦN HÀN VÀ SỰ GIÀU CÓ

Cả Cựu Ước và Tân Ước đều nói nhiều về sự bần hàn và sự giàu có những sự bần hàn là gì? Sự giàu có là gì? Chúng ta sẽ không bao giờ đồng ý.

Lý do trước hết đó là mỗi xã hội và văn hoá quy định cách mà sự sở hữu vật chất được đảm bảo, được sử dụng và được xem. Giả sử chúng ta đồng ý rằng sự bần hàn là một tình trạng mà trong đó các nguồn tài nguyên thường xuyên không đáp ứng đủ những nhu cầu cần thiết của một người và sự bần hàn tuyệt đối có nghĩa là không có đủ thức ăn, chỗ ở và quần áo. Ngay lập tức sự đồng ý của chúng ta tạo ra nền tảng cho định nghĩa về sự cần thiết và sự đầy đủ. Giả sử chúng ta cho rằng giàu có có nghĩa rằng những nguồn tài nguyên vật chất dồi dào hơn sự cần thiết cho cuộc sống căn bản. Sự cần thiết là gì? Cuộc sống căn bản là gì? Theo từng mức độ, câu trả lời tùy thuộc vào cách chúng ta xem sự bần hàn và giàu có trong cộng đồng hoặc xã hội chúng ta.

Vấn đề thứ hai đó là những câu hỏi này rất cá nhân và mang tính cảm xúc rất nhiều. Thật khó để khách quan bởi vì bất kỳ định nghĩa nào cũng có thể đe dọa tình trạng của chúng ta. Vì Kinh Thánh nói nhiều về đề tài này, chúng ta hãy chấp nhận những định nghĩa trên và chấp nhận trước rằng sự đồng ý về sự ứng dụng cụ thể của những định nghĩa này có lẽ là điều không thể. Chúng ta cũng chấp nhận rằng phần lớn người Mỹ giàu có nếu sự giàu có được xem là có cái gì đó vượt hơn nhu cầu cần thiết căn bản. Chúng ta cũng chấp nhận rằng sự nhấn mạnh chính yếu trong Kinh Thánh về đề tài này là sự đáp ứng yêu thương của những người có dành cho những người không có. Những nan đề nặng ký vẫn còn tồn tại.

Vấn đề căn bản đó là sự quá khác biệt giữa Cựu và Tân Ước khi nói về sự giàu có. Jacques Ellul nói biểu rằng:

Hiển nhiên, theo Tân Ước, sự giàu có bị lên án. Theo sự hiểu biết của tôi không có chỗ nào trong Tân Ước biện minh cho nó. Mặt khác, Cựu Ước trình bày sự giàu có như là một ơn phước, được định ý



bởi Đức Chúa Trời và làm hài lòng Ngài. Không có sự đối nghịch kịch liệt nào khác giữa Cựu và Tân Ước cho bằng vấn đề về sự giàu có.<sup>20</sup>

Làm thế nào Cựu Ước và Tân Ước có thể hoà hợp với nhau là một sự tranh luận còn đang tiếp diễn. Có phải quan điểm Cựu Ước về sự giàu liên quan đến cấu trúc thế gian tổng thể của vương quốc trên đất (tạm bợ) này cần được thay thế bởi vương quốc thuộc linh, là Hội thánh? Dù cho đây có phải là lời giải thích đúng hay không, cũng phải thừa nhận rằng không có chỗ nào trong Tân Ước dạy rằng sự giàu có là bằng chứng về sự ban phước của Đức Chúa Trời nhưng thường là ở trong tình huống lên án những người giàu.

Lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào vương quốc Đức Chúa Trời. (Ma-thi-ơ 19:24; Lu-ca 18:25)

Phước cho các con là những người nghèo khó, Vì vương quốc Đức Chúa Trời thuộc về các con. (Lu-ca 6:20)

Nhưng khốn cho các người là những kẻ giàu có, vì đã được an ủi rồi! (Lu-ca 6:24)

Hãy bán của cải mình mà làm việc thiện. Hãy sắm cho mình những túi tiền không hư cũ và kho báu không hao hụt ở trên trời, nơi kẻ trộm không đến gần được, mối mọt không làm hư hại được. Vì của cải các con ở đâu, thì lòng các con cũng ở đó. (Lu-ca 12:33-34)

Không đầy tớ nào có thể làm tôi hai chủ ... Các con không thể nào vừa phục vụ Đức Chúa Trời, vừa phục vụ tiền tài được. Người Pha-ri-si là những kẻ ham tiền bạc nghe mọi điều đó thì chế nhạo Ngài. (Lu-ca 16:13-14)

Những phân đoạn Kinh Thánh này chỉ là một ví dụ. *Kinh Thánh Theo Đề Tài của Nave* có bảy trang hai có hai cột liệt kê về những lời tuyên bố trong Kinh Thánh về người nghèo và năm trang nói về người giàu với cũng những chủ đề. Tôi ước gì Kinh Thánh lên án chỉ những người giàu có gian ác, nhưng thường thì không có sự phân biệt rõ ràng. Có phải vì không thể có chuyện vừa giàu có vừa tin kính chẳng, hay vì không phổ biến? Đem tất cả những bằng chứng trong Kinh Thánh ra, dường như sự lên án được tổng quát hoá từ sự thật rằng những cám dỗ của sự giàu có là quá mạnh đến nỗi rất ít người đương đầu với chúng một cách thành công, và vì vậy người giàu là một lớp người bị gộp lại với nhau trong sự đoán xét. Nhưng

---

<sup>20</sup> Ellul, *Money and Power*, 35.

điều này không nên được dùng như là bằng chứng rằng mà không có ngoại lệ, vì Kinh Thánh không hề nói rằng sở hữu của cải tự nó là tội lỗi.

Dù sao, sự giàu có là một sự cám dỗ - tự nó không phải là một điều tội lỗi, nhưng là một sự cám dỗ... bởi vì nó thúc ép chúng ta đặt sự tin cậy vào tiền bạc hơn là vào Đức Chúa Trời... Hầu như không thể có nhiều của cải mà lại duy trì được sự công bình. Sự công bình chính là sự tin cậy hoàn toàn và hành động của Đức Chúa Trời.<sup>21</sup>

Làm thế nào chúng ta có thể chiến đấu chống lại sự cám dỗ mạnh mẽ như thế? Thuốc giải độc từ Kinh Thánh dành cho vi rút tham lam và căn bệnh chết người nương dựa vào bóng ma của sự giàu có đó là hành động ban cho nó đi.

Chúng ta có những chỉ thị rất rõ ràng rằng tiền bạc, trong đời sống Cơ Đốc, được làm ra để được cho đi. Hãy lưu ý một cách đặc biệt lời dạy dễ thương trong thư tín của Phao-lô (2 Cô-rinh-tô 8:1-15)... Nếu những người Cơ Đốc chúng ta nghiên cứu luật về sự bình đẳng của Phao-lô, chúng ta sẽ thấy rằng tiền bạc phải được sử dụng để đáp ứng những nhu cầu của chúng ta, và mọi thứ còn sót lại cần được cho đi.<sup>22</sup>

Kinh Thánh không biện hộ cho việc lấy của cải của người giàu. Và dù có những phân đoạn Kinh Thánh huấn thị chúng ta bán và cho như thế nào, khi người giàu được trực tiếp nhắc tới, họ không được huấn thị để giữ bỏ hoàn toàn sự giàu có, nhưng đúng hơn họ cần giàu có hướng về Đức Chúa Trời và hướng về những người khó khăn.

Thay vì lấy Ap-ra-ham làm khuôn mẫu cho tất cả người Mỹ của chúng ta và lấy Cựu Ước như là sự huấn thị của chúng ta cho vấn đề này, chúng ta nên lấy Chúa Jêsus Christ làm khuôn mẫu cho chúng ta và lời dạy Tân Ước như là tiêu chuẩn. Nếu chúng ta theo gương của Đấng có mọi sự trở nên nghèo vì cơ chúng ta, và nếu chúng ta phục những lời dạy đầy đau đớn của Ngài, chúng ta có tình nguyện từ bỏ hết những tài sản dư quá mức mà chúng ta có để cung cấp cho những ai nghèo khó về mặt thuộc linh và thuộc thể không?

Nhưng thế nào là “dư quá mức”? Mỗi người chịu trách nhiệm với ông chủ của mình. “Bạn là ai mà xét đoán đầy tớ của người khác? (Rô-ma 14:4). Nhưng chắc chắn nó phải có nghĩa gì đó, và cái gì đó mà những người Mỹ có khuynh hướng tiêu xài thấy rất khó để có thể hiểu.

---

<sup>21</sup> Sách đã dẫn, 47.

<sup>22</sup> Sách đã dẫn, 110-11.

## LỐI SỐNG ĐƠN GIẢN

Khi người giàu ngày càng giàu thêm và người người nghèo ngày càng nghèo hơn, sự đáp ứng của nhiều Cơ Đốc Nhân trên thế giới đó là chấp nhận những dạng thức của lối sống đơn giản. Hàng ngàn lãnh đạo Hội thánh kết ước với điều này tại Đại Hội về Truyền Giảng về Lausanne:

Chúng ta không thể hy vọng đạt được mục tiêu này mà không có sự hy sinh. Tất cả chúng ta bị sốc bởi sự nghèo đói của hàng triệu người và bị quấy rầy bởi sự những điều bất công gây ra sự nghèo đói đó. Nếu ai trong chúng ta đang sống trong sự giàu có hãy nhận lấy trách nhiệm của mình để phát triển một lối sống đơn giản để đóng góp một cách rời rạc cho cả hai việc từ thiện và truyền giảng.<sup>23</sup>

Nhưng sống đơn giản là lối sống như thế nào? Cuộc tranh cãi không hề chấm dứt. Vì những mục đích thực tế, chúng ta hãy nỗ lực. Nếu “sự bần hàn tuyệt đối” được xác định như là sự tồn tại dưới mức tối thiểu, và “sự bần hàn” được xác định như là sống ở mức độ tối thiểu không có những điều mà người khác trong xã hội xem là cần thiết, có lẽ một “lối sống đơn giản” sẽ là lối sống với tất cả những điều cần thiết căn bản.

| Bần Hàn Tuyệt Đối                          | Lối Sống Bần Hàn                         | Đơn Giản                                              | Giàu Có                         | Thịnh Vượng                                                                            |
|--------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| Dưới mức tối thiểu; thiếu thức ăn và chỗ ở | Tồn tại nhưng thiếu những điều cần thiết | Những điều cần thiết căn bản được quy định bởi xã hội | Của cải vượt trên mức cần thiết | Của cải vô cùng dư dật được tích trữ để có sự bảo vệ và được sử dụng để sống phung phí |

Nếu điều này đến từ chỗ nào đó gần như biểu lộ quan điểm Kinh Thánh, mỗi tín hữu là người đang sống vượt trên lối sống đơn giản nên hy sinh theo lượng đức tin của mình và yêu thương trong cách nỗ lực giúp những người đang sống ở mức thấp hơn nâng lên mức cao được chu cấp cho những nhu cầu căn bản cần thiết.

Và những nhu cầu cần thiết là gì? Ít ra, sẽ an toàn hơn nếu nói rằng những người bán hàng trong nền kinh tế do người tiêu thụ quyết định của chúng ta không nên đưa ra quyết định.

<sup>23</sup> The Lausanne Covenant, in *Let the Earth Hear His Voice*, ed. J. D. Douglas (Minneapolis: Worldwide, 1975), 6.

Làm sao một người có thể xác định ra nhu cầu trong một xã hội mà các tiêu chuẩn sống ngày càng tăng lên?... Làm sao các tướng lĩnh của các đội quân bán hàng ở trong những văn phòng trải thảm ở Đại Lộ Madison có thể đưa ra chiến lược của mình nhằm đáp ứng “những nhu cầu” của chúng ta? Họ sẽ chơi ở những góc độ nào bên cạnh sự tham lam của chúng ta? Sự lo lắng của chúng ta? (Gia đình của bạn có được bảo vệ không? Những bận tâm về tình dục của chúng ta (Có phải hơi thở của bạn đã cướp đi của bạn những nụ hôn?) Tội lỗi của chúng ta? Thái độ trịch thượng của chúng ta? (Bạn xứng đáng với điều tốt nhất).<sup>24</sup>

Có phải “nhu cầu” bao gồm cả sự tiết kiệm và bảo hiểm? Dường như Ellul theo quan điểm tuyệt đối khi nói đến vấn đề:

Trước hết, chúng ta phải xem xét ý nghĩa khi một người biệt riêng một số tiền ra hoặc bảo hiểm chính mình (vì vấn đề bảo hiểm bao gồm vấn đề bỏ tiết kiệm; hai hành động có cùng một ý nghĩa). Cả hai sự đo lường này cùng bày tỏ một ước muốn để dành tài sản cho tương lai, để phòng chuyện gì đó có thể xảy ra với mình – tai nạn, thay đổi công việc hoặc khó khăn về tài chính. Đôi khi người ta nghĩ đến tuổi già, đôi khi giúp con cái lập nghiệp – dù trong trường hợp nào, nó cũng là cách để kiểm soát tương lai. Đối mặt với sự không chắc chắn về ngày mai, những hiểm họa trong cuộc sống, người ta cất giữ như thể đặt một bức màn giữa họ và thực tại... Nhưng khi cất giữ nhằm tìm kiếm sự an ninh, sự để tiết kiệm nhanh chóng dẫn đến ý chí tự kiểm soát. Ai có nhiều của cải công bố rằng họ được độc lập và tự do... Điều đó hàm ý rằng Đức Chúa Trời không có khả năng để điều hướng cuộc đời của chúng ta, hoặc Đức Chúa Trời có những ý định xấu hướng về chúng ta.<sup>25</sup>

Ellul tạo một sân chơi cho việc tiết kiệm nhằm hướng đến mục tiêu cụ thể (để tặng một món quà, để mua một ngôi nhà để sống) hoặc trong những ngành nghề không có thu nhập ổn định, chẳng hạn như nông nghiệp. Ông cũng nói rằng sự xét đoán về sự vô tín áp dụng một cách bình đẳng đối với những người không có đủ để tiết kiệm, khi họ bị nô lệ cho sự lo lắng về tương lai. Một số người Mỹ muốn tiếp nhận quan điểm không thỏa hiệp của Ellul, nhưng chắc chắn chúng ta cần phải đến với điều khoản với nguyên tắc căn bản về đức tin.

Một quan điểm ôn hòa hơn được đưa ra bởi Larry Burkett. Cũng giống như Ellul, Burkett tin rằng việc để tiết kiệm để bảo vệ trước sự bất lợi có thể xảy đến trong tương lai là một hành động trong sự vô tín, nhưng để tiết kiệm như là một sự chu cấp cho những nhu cầu được biết trong tương lai là điều có thể chấp nhận được. Tiết kiệm hoặc bảo hiểm cho những gì chứng minh sự mất mát tê liệt qua những tai nạn phổ biến hoặc cháy có thể được thực hiện

---

<sup>24</sup> John White, *The Golden Cow: Materialism in the Twentieth-Century Church* (Downers Grove, Ill: InterVarsity Press, 1979), 73.

<sup>25</sup> Ellul, *Money and Power*, 104-5.

trong đức tin, nhưng bất kỳ sự cố gắng nào nhằm chống lại những rủi ro trong đời sống cũng là điều vô ích và vô tín. Ông nhìn thấy sự thất bại lớn nhất liên quan đến vấn đề này nằm trong sự thừa kế.

Nếu tôi phải xác nhận một lãnh vực tài chính Cơ Đốc mà ít được hiểu biết nhất, tôi sẽ chọn sự thừa kế. Nhiều người không chỉ làm hỏng cuộc đời của họ bởi sự tích trữ, nhưng họ cũng làm hỏng đời sống của con cháu họ qua một tài sản thừa kế dồi dào... Số lượng lớn tiền bạc được đem cho con cái thường là lãng phí và báo hại chúng, và một số lượng lớn tiền bạc được tích trữ cho con cái trong sự tin cậy có thể được sử dụng để cản trở chúng khỏi ý muốn của Đức Chúa Trời... Hãy để cho con cái của bạn hưởng niềm vui của việc tự kiếm tiền theo cách của chúng.<sup>26</sup>

Kết luận của tôi sau khi đánh giá các quan điểm cạnh tranh với nhau trong ánh sáng Kinh Thánh là xem xét lại lời tuyên bố của John Wesley: “Nhận hết khả năng, tiết kiệm hết khả năng, cho đi hết khả năng.” Có lẽ câu tuyên bố đó là một lời tóm tắt về trách nhiệm cá nhân và nếu chúng ta phát biểu cẩn thận điều này sẽ là: Kiếm tiền hết khả năng trong sự liêm chính, tiết kiệm hết khả năng nhằm đáp ứng những đòi hỏi trong tương lai được biết, cho đi hết khả năng trong tình yêu hy sinh và trong đức tin nơi Đức Chúa Trời, Đấng hằng chu cấp.

Một lưu ý nữa về sự liêm chính cá nhân: “Người tìm được người giữ, người mất người khóc” không phải là câu Kinh Thánh! Giữ một vật được tìm thấy hoặc đến với mình do sự sai trật, chẳng hạn như một người bán hàng thối lại số tiền nhiều hơn số tiền đúng phải thối, là ăn cắp (Lê-vi Ký 6:2-7).

## TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

### NHÀ NƯỚC

Như chúng ta đã thấy, trách nhiệm chủ yếu của nhà nước là tạo ra và duy trì một xã hội công bằng. Quyền lực được thực hành vì lợi ích của vua hoặc của người cai trị hoặc cho số ít người cai trị rõ ràng đi ngược lại tất cả những lời công bố của các nhà tiên tri và lời dạy của Đấng Christ và các sứ đồ.

Hơn nữa, những chính quyền được khai sáng trong mọi thời đại, cụ thể trong thế kỷ hai mươi, đã làm tốt trong việc đề cao sự thương xót cũng như công lý. Công lý lạnh lùng là không đủ khi những kẻ yếu cần sự chăm sóc của một chính quyền mạnh, những người bị áp bức cần sự trợ giúp, và người nghèo cần sự nâng đỡ. Cho nên nhà nước đúng trong việc đảm

---

<sup>26</sup> Larry Burkett, *Your Finances in Changing Times*, 130-31.

đương trách nhiệm xã hội đối với tất cả các công dân của mình, và cũng cho người nghèo, người bị áp bức tại những nơi khác nữa.

## HỘI THÁNH

**Chăm Sóc Những Thành Viên Của Mình.** Trách nhiệm tập thể trong Hội thánh bắt đầu với trách nhiệm cung cấp sự chăm sóc đầy đủ cho các thành viên của mình. Sự chăm sóc này không chỉ về mặt “thuộc linh.” Để đảm bảo cuộc sống của những thành viên, trước hết, chúng ta có gương mẫu Hội thánh đầu tiên (Công Vụ 2:44-45; 4:32-37; 6:1; 11:29-30; 2 Cô-rinh-tô 8-9). Hội chúng địa phương không chỉ đảm đương trách nhiệm đối với người nghèo và kẻ goá ụa trong hội chúng của mình, nhưng cũng đảm đương trách nhiệm đối với những người khó khăn trong các hội chúng khác.

Chúng ta không chỉ có gương mẫu Tân Ước; chúng ta cũng có sự chỉ dẫn của Phao-lô liên quan đến việc chăm sóc những người goá ụa (1 Ti-mô-thê 5:1-16) và, bởi sự ngụ ý, sự chỉ dẫn của ông chống lại sự biếng nhác (2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:6-15). Những người goá ụa và những người khó khăn khác cần được chăm sóc đầy đủ vì có một sự cám dỗ cho một số người lợi dụng điều này, dù là đàn bà goá trẻ hay những người đàn ông mạnh sức. Phao-lô lên án mạnh mẽ bất kỳ dạng “ăn bám” nào và đã chỉ dẫn những người đó làm việc. Sự cổ vũ đã làm sáng tỏ hệ thống phúc lợi trong Hội thánh đến nỗi nhiều người bị cám dỗ lạm dụng nó. Phao-lô bảo chúng ta rằng hãy chăm sóc những ai trong vòng chúng ta thật sự khó khăn.

**Chăm Sóc Người Khác.** Hội thánh có trách nhiệm chính là chăm sóc những thuộc viên của mình nhưng cũng được chỉ thị để vươn rộng khả năng của mình chăm sóc những người khác đang ở trong sự khó khăn. Chúng ta nên rộng rãi với “cho mọi người, nhất là cho những người trong gia đình đức tin” (Ga-la-ti 6:10).

**Nói Chuyện Chính Phủ.** Hơn nữa, đối với các vấn đề về công bình, công lý, và thương xót, Hội thánh cần phải nói tiên tri với nhà nước. Điều này có thể phải chịu mất đầu (như Giăng Báp Tít đã chịu khi quở trách vua) hoặc chịu sự phân biệt đối xử và bị sự quản thúc (như Giê-rê-mi đã chịu). Nhiều nỗi khổ mà các nhà tiên tri và các sứ đồ đã chịu đến từ việc đương đầu với nhà cầm quyền. Đôi khi họ bị buộc tội lật đổ (như trường hợp Giê-rê-mi), đôi khi sự buộc tội bất hợp pháp chỉ là cái lý do của các quan chức (như trong trường hợp của

Chúa Jêsus và Phao-lô), luôn nguy hiểm đối với quyền lực của chính quyền không tốt. Hội thánh cần phải can đảm khi nhà nước làm những điều sai trật.

**Sử Dụng Tiền và Nhận Tiền.** Cuối cùng, Hội thánh phải hành động trong sự liêm chính khi nhận và sử dụng tiền bạc. Trách nhiệm ở đây không chỉ phải chắc chắn rằng không ai sử dụng sai hoặc chuẩn bị sử dụng sai tiền bạc, như Phao-lô đã chỉ dẫn Hội thánh tại Cô-rinh-tô, nhưng Hội thánh cũng phải hành động trong sự liêm chính trong cách nhận tiền. Phao-lô không thèm muốn của cải của người ta, điều mà nhiều người kể vì Phao-lô không dám nói nói đến! Đấng Christ đã đuổi những người buôn bán ra khỏi đền thờ bởi vì họ lợi dụng công việc Chúa lợi ích riêng của mình. Phi-e-rơ đã quở trách Si-môn khi người này muốn sử dụng Phúc Âm như là phương tiện để thu lợi (Công Vụ 8:18 trở đi).

Trước hết hãy xem xét cách sử dụng tiền. Tất cả những người tạo ra lợi nhuận ngày hôm nay, dù là mục sư với khoảng lương lớn một cách vô lý hay người làm trong đài truyền hình sống trong xa hoa, đều có nguy cơ bị lên án như nhau. Các Hội thánh và các chức vụ Cơ Đốc có thể xây dựng những chương trình và những toà nhà một cách vô lý và phung phí. Nhưng có lẽ còn hơn sự biếm thù và sử dụng tiền bạc sai đó là sự cám dỗ nhận tiền trong những cách đáng ngờ và bất lương.

Phao-lô đã không hề nao núng khi yêu cầu các tín hữu dâng hiến, nhưng Goerge Muller với những đứa trẻ mồ côi của mình và Hudson Taylor của Sứ Mạng Truyền Giáo Trung Hoa đã không hề nói với ai nhưng Đức Chúa Trời biết nhu cầu của họ. Phương pháp thứ ba là chia sẻ những thông tin về nhu cầu tài chính với những người cộng tác trong chức vụ nhưng chỉ xin tiền bạc từ Đức Chúa Trời. “Đây đủ thông tin, không nài xin,” họ nói như vậy. Ai đúng?

Trước hết, chúng ta phải đồng ý rằng không có phương pháp nào đẹp lòng Đức Chúa Trời nếu nó không được theo đuổi trong đức tin. Có lẽ với sự yếu đuối trong con người chúng ta, chúng ta tìm cái gì dễ dàng để nương dựa, những gì thấy được hơn là những gì không thấy được. Chỉ cần ít đức tin để có thể thành công trong phương pháp “trực tiếp,” kêu gọi tiền bạc có thể thấy được từ những người có thể thấy được. Cũng đúng trong trường hợp ngược lại, chỉ nói với Chúa về nhu cầu của mình hoặc tránh những phương pháp gây quỹ mang tính quảng bá, có thể đề cao một thái độ đức tin. Mặt khác, bất kỳ phương pháp nào cũng có thể được theo đuổi trong sự vô tín, cho dù sự vô tín rành rành trong việc tin cậy con người thay vì Đức Chúa Trời hoặc sự vô tín trong sự lo lắng rằng Đức Chúa Trời có thể không hành động.

Không có phương pháp gây quỹ nào được trình bày trong Kinh Thánh như là phương pháp làm hài lòng Đức Chúa Trời nhất. Sự vô tín được bày tỏ trong hoặc quảng bá qua phương pháp rõ ràng là không đến từ Đức Chúa Trời. Vì vậy, những phương pháp mà bảo vệ người quyên tiền khỏi sự vô tín và những phương pháp mà đề cao đức tin – không chỉ gây quỹ thành công thôi – nên được sử dụng. Thật dễ thấy nhiều phương pháp hiện tại, dù có khả năng thành công cao nhưng không bày tỏ đức tin nơi Đức Chúa Trời cũng không cho thấy sự vâng lời Ngài.

Những phương pháp vô đạo đức là hành vi phạm tội trắng trợn trong việc gây quỹ. Sự lừa dối rất phổ biến. Một sứ tổ chức truyền giáo Châu Phi hàng đầu đã giới thiệu một đứa trẻ đang bị chết đói, Kori, cho những người ủng hộ trung tín với lời kêu gọi gây quỹ khẩn thiết vào tháng 11 năm 1982. Sự sai lầm chết người nằm ở chỗ vài tháng sau cũng sử dụng cùng một tấm hình đó và gọi là Sera vào tháng 7 năm 1983. “Sera” sống ở một nơi khác với “Kori” chẳng có câu chuyện thật nào đã xảy ra chính xác như cách đã kể. Họ đã lắp ghép những thực tế đau thương Uganda lại với nhau. Cuối lá thư là lời chứng thực bởi những lãnh đạo nổi tiếng không có ý kiến gì về những điều đang xảy ra: Billy Graham, David Hubbard, Leighton Ford, tất cả những lời chứng thực của những người thành thực không chêm vào đâu được trong việc gây quỹ của họ.

Một dạng lừa dối khác đó là “môi câu và chuyển đổi.” Tiền bạc quyên được cho một việc nào đó nhưng lại chuyển đổi cho việc khác, thậm chí cho cá nhân của những người lãnh đạo thích sống xa hoa. Vào năm 1980, tôi thấy một nhân vật truyền hình nổi tiếng đã quyên số tiền 100.000 đô la để trợ giúp người Cam-pu-chia – một dự án lớn khi có nhiều người khó khăn trong chức vụ của ông. Người xem bình thường không xem xét rằng mong đợi của ông trong việc thu nhập trong tuần đó là một triệu đô la. Số tiền vượt trên 100.000 đô la đó, dĩ nhiên, đã đi vào một chỗ khác, và những người Cam-pu-chia đau khổ đã giúp đỡ việc đó.

Một phương pháp vô đạo đức khác là sự thao túng tâm lý – giới thiệu người ta làm những điều mà họ sẽ không làm nếu bạn tiếp cận với họ trong cách chân thật và ngay thẳng. Một trong những nguyên tắc cơ bản trong trò chơi gây quỹ đó là mỗi tháng phải có một lần khủng hoảng để đạt được sự thu nhập tối đa. Một người bạn của tôi ở trong một tổ chức truyền giáo lớn tham gia phục vụ với một trong những người gây quỹ hàng đầu đã được dạy cho phương pháp thế này: “Nhưng chúng tôi không có nhiều sự khủng hoảng như thế,” ông ta khẩn khoản. “Ồ, nhưng chúng ta có thể tạo ra chúng,” người chuyên gia trả lời. Và anh ta đã làm như vậy. Khi một giáo sĩ tại Đông Nam Á bị thương nhẹ trong một cuộc nổi dậy ở địa phương, được điều trị tại một bệnh viện địa phương, và đã được cho về, một cuộc gọi khẩn cấp đầy giận dữ từ một người gây quỹ chỉ thị một người lãnh đạo của hội truyền giáo đưa



giáo sĩ đó trở lại bệnh viện ngay tức khắc và mang theo ca-mê-ra để quay. “Anh không biết rằng anh đang bỏ lỡ một cuộc khủng hoảng đầy ích lợi hay sao?”

Một cách để gây áp lực làm viết thư mang tính cá nhân với những sâu thăm và khủng hoảng. Nhiều người ngây thơ, thường là những người nghèo đáng thương, những người dưng trung bình dưới 20 đô la, thật sự tin rằng nhân vật truyền hình là một người bạn riêng tư. Nhờ vào ma thuật của máy xử lý từ và những danh sách thư từ được máy tính xử lý, những lá thư “riêng tư” bây giờ dường như trở nên đạt đến cấp độ cá nhân.

Không phải tất cả các phương pháp đều là vô đạo đức và không thành thật. Một số phương pháp đơn giản là không giá trị. Công chúng suy nghĩ gì về một lời quảng cáo trên báo thông báo: “Tên của người đóng góp sẽ được chạm khắc một cách đẹp đẽ trên những tấm bảng vĩnh viễn gắn trên mỗi chiếc ghế nhà hát trong toà nhà không phụ thuộc vào thời gian này – sự tưởng nhớ mãi mãi về sự kiện chỉ có một lần trong lịch sử. Khoảng đóng góp 1.500 đô la mỗi ghế. Để dành chỗ trước hãy gọi (714) 917-4087”? Cùng lúc đó tôi nhận một lá thư được cá nhân hoá từ một người nào đó tôi chưa bao giờ nghe nói đến, “Hôm nay tôi đã học được một chiến lược truyền giảng có khả năng giúp ít nhất 200 triệu người biết về sự cứu rỗi của Chúa Jêsus Christ trước Giáng Sinh năm này với giá không thể tin được, 2,5 xu cho một người.” Anh ta tiếp tục giải thích rằng đây là một cái giá rất rẻ, vì một phần ba số người nghe sẽ đáp ứng tích cực với Phúc Âm, có nghĩa rằng cứ 7,5 xu dâng hiến một linh hồn được cứu. Những điều này có giá trị với Chúa của thiên đàng không?

Một phương pháp vô giá trị khác đó là sự hợp đồng đưa ra bởi các ngôi sao truyền hình, ca nhạc, giảng, hoặc văn chương. Đảm bảo một số lượng lớn cho một lần xuất hiện, những chỗ ngồi siêu hạng, sự bảo vệ khỏi những người tiếp xúc hay những trách nhiệm hơn là thời gian ở trên sân khấu – danh sách có thể dài hàng trang giấy. Trong cách nào đó hệ thống sao đang phát triển dường như không hợp với tên của người tự do cho đi mọi điều.

Lời dạy phi Cơ Đốc về tiền bạc cũng là một nan đề. Nhiều nhân vật truyền hình và những nhạc sĩ công bố Phúc Âm thịnh vượng – nếu bạn yêu Chúa Jêsus (nhất là khi bạn gửi tiền cho chúng tôi), bạn sẽ thịnh vượng về mặt tài chính, sẽ khoẻ mạnh về mặt thân thể, và sẽ thành công trong mọi lãnh vực. Một nhà báo đã nói với Richard DeVos, nhà sáng lập và điều hành Amway, “Kinh Thánh nói rằng Con Loài Người không có chỗ để gói đầu... Đừng giấu của cải ở dưới đất, nhưng hãy giấu của cải ở trên trời... Người nhu mì sẽ hưởng được đất... Đức Chúa Trời yêu mến người nghèo...” DeVos đáp lại,

Bạn đã đã có những trích dẫn tốt. Kinh Thánh cũng nói rằng ai làm việc sẽ được thưởng, người không được thêm muốn điều người lân cận mình có – đó không phải công việc của người. Và Chúa phán

rằng, “Ta sẽ làm cho người trở nên giàu có nếu người làm vinh hiển danh ta, vượt hơn những gì người có thể tưởng tượng được.”<sup>27</sup>

Một trong những điều bí ẩn của toàn bộ công việc duy vật chất cánh Phúc Âm đó là dân sự bình thường của Đức Chúa Trời cứ dâng hiến quá trung tín, và quá rời rạc, “ngôi sao” vô giá trị đi cùng với người giá trị. Tôi đồng ý với Don Bjork của Worldteam:

*Rắc rối* là từ duy nhất để mô tả sự quan tâm sâu sắc của chúng ta đối với “hệ thống sao.”... Chúng ta càng ngày càng bị quấy rầy với “ngôi sao” sa ngã – sự suy đồi đạo đức của nhiều người nổi tiếng thuộc cánh Phúc Âm và sự chấp nhận họ của cộng đồng Cơ Đốc, ngay cả khi tội tà dâm, gia đình tan vỡ, sự tham lam, sự cong vẹo của họ được nhìn thấy một cách rõ ràng.<sup>28</sup>

Đáp lại, chúng ta hãy tham gia với Phao-lô là người đã nói, “Chúng tôi không buôn bán Lời của Đức Chúa Trời như nhiều người khác để được lợi” (2 Cô-rinh-tô 2:17).

## SỰ LIÊM CHÍNH TẬP THỂ

**Những Cách Đánh Mất Nó.** Có nhiều cách để sự kinh doanh có thể ăn cắp bên cạnh lạm dụng những người làm công hay dối trá trong lời quảng cáo. Lợi nhuận cao quá mức, sản phẩm kém chất lượng, quá hạn là những cách phổ biến ăn cắp từ người tiêu thụ. Trong sự nỗ lực để giữ dòng chảy của nền kinh tế được quyết định bởi người tiêu thụ, những quảng cáo gây áp lực người tiêu thụ mua những gì không cần thiết hoặc những gì không cần lâu. Cách lợi dụng đồng loại để được lợi tài chính dường như là điều không bao giờ chấm dứt.

Có những người làm kinh tế theo cách khác. Chủ của một tập đoàn Atlanta thành công đã nói với tôi rằng mới đây ông đã đi theo một câu khẩu hiệu tập thể mới: “Danh tiếng tốt quý hơn tiền của nhiều” (Châm 22:1). Khi tôi suy gẫm về sự quyết định táo bạo để tái cấu trúc việc kinh doanh theo nguyên tắc Kinh Thánh này, dần dần tôi hiểu ra rằng câu châm ngôn này đặt ra cho sự thực hành kinh doanh tiêu chuẩn hàng đầu, nhất là sự kinh doanh quảng cáo. Điểm mấu chốt đó là cố được “tiền của nhiều” – lợi nhuận – chứ không phải là danh tiếng tốt được xây trên phẩm chất vững vàng. Thực tế, mục đích của việc tạo ra danh tiếng “tốt” qua việc quảng cáo là để có được lợi nhuận. Có ai nghe đến chuyện sử dụng nguồn tài nguyên để bày tỏ sự đáng tin cậy, để làm lợi cho người tiêu thụ một cách kiên định đến nỗi

---

<sup>27</sup> "Success according to Richard DeVos," *Eternity*, February 1981, 24.

<sup>28</sup> Don Bjork, *Harvest Today*, winter 1980, 2.

danh tiếng được trở nên danh tiếng tốt không? Có điều gì được thể thấy rõ ràng hơn trong sự quan tâm làm vinh hiển Đức Chúa Trời trong kinh doanh không?

**Đa Quốc Gia.** Nếu đúng rằng quyền lực có khuynh hướng dẫn đến hư hỏng và quyền lực tuyệt đối làm hơn hỏng một cách tuyệt đối (Lord Acton), thì hoạt động kinh doanh càng rộng, sự cám dỗ để thành công dựa trên sự phí tổn của người khác càng lớn. Dù các tập đoàn đa quốc gia khó được cho là nguồn gốc của tất cả những tệ nạn xã hội tại những nước kém phát triển, thì cũng có những sự bất công có tính cơ cấu một phần do chúng tạo ra. Thật rất khó để chứng minh rằng người dân tại Haiti hoặc bộ lạc Kotoko tại Chad sẽ tốt hơn rất nhiều về mặt kinh tế và thể chất nếu họ chưa bao giờ tiếp xúc với chủ nghĩa thực dân phương Tây. Mặt khác, rất đúng rằng mỗi quốc gia, đặc biệt là quốc gia mạnh, thường khai thác nguồn tài nguyên, thậm chí nguồn tài nguyên con người, cho lợi ích riêng của mình. Và các đại lý khai thác chính là những tập đoàn kinh doanh.

Ví dụ, nếu tiền công tối thiểu, mặc cho tiền công hợp lý, được trả cho mỗi người lao động tham gia vào việc sản xuất xe hơi, tất cả đều trở lại với mỏ thiết ở Bolivia và những đồn điền cao su ở Malaysia, thì rất ít người Mỹ có thể sở hữu xe hơi. Như vậy, dù người giàu có thể không có ý định làm cho người nghèo trở nên nghèo, nhưng hệ thống đưa người nghèo vào chỗ nghèo đói và làm cho người giàu cứ giàu. Thực tế, khoảng cách giữa các quốc gia giàu và nghèo không phải là hằng số với sự gia tăng sản phẩm tại các quốc gia giàu và nghèo. Đúng hơn, khoảng cách đó ngày càng rộng thêm. Một phát ngôn viên hàng đầu về những nguyên cơ bảo thủ, Michael Novak, xác nhận rằng khoảng cách ngày càng rộng đó không chỉ là điều không thể tránh khỏi, những thực tế là một điều đáng ao ước, vì nó bày tỏ sự thượng đẳng của nền kinh tế tự do so với nền kinh tế có kiểm soát.<sup>29</sup>

Tiền công và giá cả không chỉ là những điều nghịch lại những người yếu thế về kinh tế. Nhiều công ty dường như áp dụng những tiêu chuẩn an toàn chỉ cho những vùng chịu ép buộc bởi luật địa phương. Bi kịch thỉnh thoảng có thể nhìn thấy rõ được chỉ là một phần của tảng băng nổi đau nhân loại được gây nên bởi sự bất cẩn hoặc những tiêu chuẩn an toàn thấp kém một cách cố tình. Những tiêu chuẩn tốt hơn, có lẽ, không vì đó mà được cho là hợp lý.

**Sự Tự Động Hoá.** Một cách bất công tập thể nữa đó là: sự tự động hoá. Tôi không tìm ra nguyên tắc Kinh Thánh mà có thể được sử dụng để phản đối việc chuyển lao động bằng sức người sang phương tiện máy móc. Dĩ nhiên, hoàn toàn không thể tạo ra một sự chuyển đổi

---

<sup>29</sup> Michael Novak, "The Grand Inquisitor, Born Again," *National Review*, 14 September 1979, 1158.

trong cách bất công và không thương xót, nhưng cảm tội lỗi vì sự thất bại này không để đổ lỗi cho máy móc.

Quan điểm lạc quan của Aristote, hơn hai mươi thế kỷ trước đây, đã được chứng minh là đúng trong ngày hôm nay: “Khi khung cửu diệt vải tự diệt được, thì chế độ nô lệ của con người sẽ kết thúc!”

## SỰ BẦN HÀN, NẠN ĐÓI, SỰ BÙNG NỔ DÂN SỐ

**Sự Bần Hàn.** Có ba kiểu bần hàn chính yếu trên thế giới. Bần hàn *tập thể* (bao gồm cả sự bần hàn *theo tầng lớp* và *theo vùng*) là sự thiếu hụt tạm thời những phương tiện vật chất để sống trong toàn bộ dân số và có thể được áp dụng cho các quốc gia như Ấn Độ. Bần hàn *theo chu kỳ* là phổ biến rộng rãi nhưng chỉ tạm thời được gây ra bởi bệnh tật, mất mùa hoặc khủng hoảng kinh tế, chẳng hạn như cuộc khủng hoảng xảy ra vào những năm 1930. Sự bần hàn *cá nhân* là một điều kiện thiếu thốn đến từ sự rủi ro hoặc thiếu khả năng làm việc của một cá nhân, bao gồm những phụ nữ goá, trẻ em mồ côi, những người bị tàn tật về mặt thân thể, những người già, những người bị tâm thần và những người nghiện rượu.<sup>30</sup>

Chúng ta có khuynh hướng nghĩ sự bần hàn như là vấn đề cá nhân, và chúng ta cảm thấy dễ chịu hơn khi chúng ta được thuyết phục rằng nó đến từ sự lười biếng hoặc thiếu kỷ luật. Kinh Thánh thừa nhận có những sự bần hàn nhưng nói rất ít về nó. Đúng hơn, sự nhấn mạnh thường xuyên trong Kinh Thánh là sự bần hàn vì sự áp bức. Sự áp bức này có thể mang tính cá nhân hoặc tập thể - toàn thể một dân tộc có thể phải chịu sự đoán xét của Đức Chúa Trời vì sự áp bức và sự bất công. Sự bất công tập thể dường như là chủ đề trung tâm trong những sự kiện then chốt trong lịch sử: Bạo lực là tội lỗi cụ thể duy nhất được nhắc đến như là lý do của Con Nước Lụt (Sáng 6:11, 13); sự áp bức và sự bất công dẫn đến sự phán xét cho Ai Cập (Xuất 1-12); Y-sơ-ra-ên và Giu-đa bị lưu đày vì sự bất công cùng với sự thờ hình tượng nhưng các tiên tri liên tục nhấn mạnh trong sự lên án của họ. Thậm chí Sự Nhập Thể cũng đề cập đến chủ đề này. Mary đã hát:

Ngài đã truất ngôi những kẻ thống trị, và cất nhắc những người khiêm nhường lên. Ngài đã làm cho người đói được đầy thức ngon, và đuổi kẻ giàu về tay không. (Lu-ca 1:52-53)

Chính Đấng Christ cũng đã thông báo:

---

<sup>30</sup> *Encyclopedia Britannica*, 14th ed., s.v. "poverty."

Thánh Linh của Chúa ngự trên Ta, vì Ngài đã xúc dầu cho Ta để truyền giảng Tin Lành cho người nghèo. Ngài đã sai Ta để công bố những người bị giam cầm được phóng thích, người mù loà được sáng mắt, người bị áp bức được tự do; Và công bố năm thi ân của Chúa. (Lu-ca 4:18-19)

Lời công bố này của Đấng Christ thường được thuộc linh hoá, nhưng lời mô tả của chính Đấng Christ về sự kiện quan trọng tiếp đến – Sự Tái Lâm (Ma-thi-ơ 25) – làm sáng tỏ rằng Ngài sẽ đoán xét người ta, chí ít cũng một phần, dựa trên những gì họ đã làm để xoa dịu nhu cầu thể chất và sự áp bức.

Phải chăng có điều gì đó trong các cấu trúc của các xã hội là bất công và là nguyên nhân của sự đau khổ? *Có điều gì đó* trong chính hệ thống đóng góp vào nan đề mà vị chủ tịch Ngân Hàng Thế Giới và nhà tư bản thành công Robert Mc Mamara đã xác nhận một cách sinh động:

Hai phần ba nhân loại... vẫn bị mắc trong cái mạng nhện tàn ác của hoàn cảnh mà giới hạn quyền được đáp ứng những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống. Họ... đang bị kìm kẹp trong sự đói khát và suy dinh dưỡng, dốt nát, không được học hành đầy đủ, cơ hội mất đi, và sự bần hàn gặm mòn.<sup>31</sup>

Tôi không đưa ra những lời bình luận này trong sự nỗ lực nhằm xác nhận nguyên nhân mang tính hệ thống của thể nào gây nên thảm kịch hiện tại của nhân loại; điều đó thuộc về lãnh vực của các nhà chuyên môn. Nhưng cả Kinh Thánh và lịch sử nhân loại đều hướng đến đến trách nhiệm tập thể cùng với trách nhiệm cá nhân và kêu gọi sự hành động mang tính tập thể cùng với sự từ thiện mang tính cá nhân. Giải pháp phải bắt đầu từ những cá nhân. Nhưng mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm lôi kéo những người trong phạm vi ảnh hưởng của mình để tìm ra những giải pháp mang tính tập thể, có thể người mẹ với con cái của mình, mục sư với Hội thánh của mình, thương gia với những chính sách của mình, hoặc một người phục vụ công cộng với quyền lực làm thay đổi của mình và sử dụng những cấu trúc xã hội để đề cao công lý và sự thương xót.

**Nạn Chết Đói và Sự Bùng Nổ Dân Số.** Điều kinh khủng nhất của sự bần hàn là nạn đói và chết đói. Một nửa dân số thế giới tồn tại ở dưới mức đòi hỏi dành cho sự kiên ăn vì sức khoẻ, một phần ba bị suy dinh dưỡng, và hằng ngày hàng ngàn người bị chết vì nạn đói là điều không ai có thể chối cãi. Nhưng sự đồng thuận là điều rất khó. Phải chăng quy mô của

---

<sup>31</sup> Robert McNamara, *One Hundred Countries, Two Billion People* (New York: Praeger, 1973), 30.

sự đau khổ lớn hơn trong quá khứ? Nguyên nhân và sự chữa trị là gì? Các câu trả lời của các chuyên gia rất khác nhau.

Một số cho rằng mỗi thời đại đều có nạn đói và sự chết đói – chẳng hạn, nạn chết đói trong thế kỷ trước còn khốc liệt hơn trong thế kỷ này. Tại không có chương trình truyền nào cho chúng ta thấy. Nhưng không ai chối cãi rằng điều kiện kinh khiếp đang tồn tại ngày hôm nay trong một thế giới mà có thể nuôi được tất cả mọi người.

Có hai quan điểm về nguyên nhân và cách chữa trị: Một số người nói rằng nạn đói ở chỗ bùng nổ dân số, số khác nói rằng do cách phân bố nguồn tài nguyên sẵn có. Các quốc gia phương Tây giàu có chọn lựa giả thuyết thứ nhất; hầu hết các nước thuộc thế giới “thứ ba” tin vào giả thuyết thứ hai.

Không ai chối cãi rằng dân số “bùng nổ” trong thế kỷ hai mươi, nhưng có đúng rằng rồi sẽ sớm “chỉ còn chỗ để đứng” thôi, như Kark Sax thông báo trong cuốn sách đầy ảnh hưởng có cùng nhan đề?<sup>32</sup> Quan điểm này bắt đầu với Thomas Malthus, một tu sĩ và nhà kinh tế người Anh người đã đề xướng học thuyết kinh tế vào năm 1798 từng là một học thuyết về dân số có ảnh hưởng. Trong *Luận Văn về Nguyên Tắc về Dân Số* của ông, ông đã nói rằng dân số tăng không thể cưỡng lại được theo tỉ lệ hình học - 2, 4, 8, 16, 32, 64, 128, và tiếp tục như vậy - trong khi phương tiện sống tăng theo tỉ lệ số học - 1, 2, 3, 4, 5, 6, và tiếp tục như vậy. Điều đó đã bắt đầu một dòng dõi các nhà tiên tri về sự diệt vong, những người đã thấy ngay lập tức rằng trái đất hữu hạn không thể chống đỡ sự phát triển vô hạn. Với sự chăm sóc y tế, điều mà làm giảm tỉ lệ chết, dân số thế giới ngày càng tăng một cách hình học. Sự đồng thuận bắt đầu phát triển dựa trên sự kết nối giữa sự thật này và sự gia tăng các nạn đói (hoặc ít nữa sự nhận thức về nó được gia tăng).

Tiến sĩ Albert Szent-Gyorgyi, người từng đạt giải Nobel, đã trích dẫn Sir Howard Florey, một trong những người phát triển thuốc penicillin, đã nói rằng nếu sự bùng nổ dân số hiện tại vẫn tiếp tục, thì trong vòng sáu trăm năm tới mỗi người sẽ chỉ có một mét vuông trên đất này. “Nếu gia tốc của sự gia tăng cứ tiếp tục như vậy,” Szent-Gyorgyi xác nhận, “thì giai đoạn này sẽ kết thúc sớm, và con người phải giết chóc và ăn thịt lẫn nhau.”<sup>33</sup>

Cho nên hầu hết người phương Tây cho rằng lý do chính gây nên sự nghèo đói là sự bùng nổ dân số. Tuy nhiên, bên ngoài, dường như có lý khi cho rằng có lẽ có yếu tố thứ ba gây nên cả sự nghèo đói lẫn sự gia tăng về dân số. Hơn nữa, không nghi ngờ gì có một tổng thể phức tạp cũng có các yếu tố. Vẫn như thế, hầu hết cá nhà lãnh đạo tư tưởng và lãnh đạo chính quyền phương Tây chấp nhận kinh tế học Malthusian như là lời giải thích cơ bản về nguyên

<sup>32</sup> Karl Sax, *Standing Room Only* (Boston: Beacon, 1955).

<sup>33</sup> Associated Press, 19 January 1966.

nhân (gia tăng dân số) và hậu quả (bần hàn và đói khát). Nhưng một số nhà khoa học sẵn sàng chứng minh rằng không hề có những giới hạn hợp lý cho dân số mà thế chúng ta có thể ủng hộ và vì thế nguyên nhân gây ra những nan đề của chúng ta cần phải được tìm ra ở chỗ nào đó khác.

Sự tranh cãi trước tiên của họ đó là cách tính về sự gia tăng dân số chỉ là toán học, và vì vậy nó thiếu chính xác vì chúng không được đặt trong sự liên quan đến các yếu tố khác, chẳng hạn như sự tiến bộ khoa học và, quan trọng nhất, sự cân bằng nhân loại. Jean Mayer, giáo sư tại Harvard, đưa ra một sự phân tích có lý trong bài báo của ông "Toward a Non-Malthusian Population Policy." Ông công bố rằng bản thân nạn chết đói sẽ làm mất đi một phần dân số và điều này khiến cho cách tính thuần túy toán học trở nên vô nghĩa.<sup>34</sup>

Herman Kahn có lẽ là "người lạc quan" trực tính nhất khi tranh luận rằng, trong sự tồn tại thực tế của nhân loại, không có giới hạn nào cho sự gia tăng lãnh mạnh. Ông quả quyết với dân tộc thiểu số, nhưng năm 1981 ông đã nhận được sự củng cố mạnh mẽ từ một vị giáo sư của Đại Học Illinois tại Urbana-Champaign, Julian L. Simon, người đã phát biểu trong cuốn sách của mình có tựa đề *The Ultimate Resource*, "Chúng ta lo lắng quá nhiều về việc bùng nổ dân số một cách vô cớ."<sup>35</sup> Ông nói, nan đề thật sự chính là việc "cung cấp quá đáng về tin xấu" dựa trên bằng chứng mỏng manh hoặc mâu thuẫn được gieo rắc bởi những người theo neo-Malthusian, hoặc "những nhà tiên tri diệt vong." Ông nói, sự tiên đoán của họ trở thành kiến thức phổ thông và đã ảnh hưởng đến việc lập ra các chính sách công cộng, kéo dài hơn thập kỷ qua làm làm phương hại đến xã hội.<sup>36</sup>

Lý luận của những người này đó là có nhiều nguồn tài nguyên vượt xa hơn Malthusians nhìn nhận, khoa học đang tiếp tục khám phá để sản xuất nhiều hơn nữa nguồn năng lượng thay thế và nguồn thức ăn, và dân số sẽ không tiếp tục tăng như tỉ lệ hiện tại. Dân số sẽ tự bị giới hạn khi sự nghèo đói *giảm xuống*, hoặc bị giới hạn bởi thảm họa nếu sự nghèo đói *tăng lên*. Khoa học, giáo dục, và những chính sách của chính phủ được khai sáng nâng đỡ con người về mặt kinh tế, và sau đó họ sẽ dừng việc có nhiều con. Thậm chí nếu điều này không xảy ra, sự gia tăng thậm chí sẽ bị dừng lại bởi bệnh tật, đói kém, hoặc chiến tranh xảy ra như là hậu quả của sự nghèo đói.

Sự bùng nổ dân số không thể là lý do của sự kém phát triển và sự bần hàn trong thế giới thứ ba, vì mật độ dân số cao nhất đã không xảy ra tại các quốc gia nghèo nhưng tại các quốc gia phát triển, giàu có.

---

<sup>34</sup> Jean Mayer, "Toward a Non-Malthusian Population Policy," *Columbia Forum*, summer 1969, 10.

<sup>35</sup> Julian L. Simon, *The Ultimate Resource* (Princeton: Princeton University Press, 1981).

<sup>36</sup> *The Chronicle of Higher Education*, 30 September 1981, 19.

Anh quốc có mật độ dân số 586 người trên một dặm vuông; Tây Đức, 606; Nhật bản, 708; Bỉ, 814; Hà Lan, 938. Các quốc gia nghèo, theo như sự so sánh, có mật độ dân số tương đối thấp. Ấn Độ có 415 người trên một dặm vuông; Philippines, 310; Trung Quốc, 197; Mexico, 62; Panama, 47; Brazil, 26; Tanzania, 25; Peru, 25; Paraguay, 12; và Gabon, 4.37.<sup>37</sup>

Trong ánh sáng của bằng chứng hỗn hợp liên quan đến mối quan hệ giữa sự phát triển dân số và phúc lợi con người, tôi không thể tận tâm đưa ra một nền tảng Kinh Thánh cho việc đòi hỏi có một sự giới hạn cho sự phát triển dân số. Vì sự giới hạn đó dường như hợp lý đối với hầu hết những người hiểu biết, bao gồm những lãnh đạo của quốc gia lớn nhất hành tinh, chúng ta phải nói đến đạo đức học về cách làm thế nào dân số phải được giới hạn. Sự phá thai và cưỡng chế kế hoạch hoá gia đình là những điều không thể chấp nhận được, nhưng sự thuyết phục và sự chu cấp là những cách đạo đức để giới hạn sự gia tăng dân số. Giáo dục về những lợi ích của việc có ít con cái và chu cấp cho người nghèo để họ tham gia là những phương pháp có ý nghĩa về mặt đạo đức.

Dù không có sự liên kết nhân quả rõ ràng giữa kích thước dân số và sự đói nghèo, nhưng lại có một mối liên hệ rõ ràng giữa nghèo đói và một yếu tố khác: sự thiếu ăn. Không có người giàu nào lại thiếu ăn. Thậm chí tại một nơi mà nạn đói đang lan tràn, những người có tiền thì có thức ăn. Điều tương tự như vậy có thể xảy ra ở tất cả các nơi. Dù có thể có người đói trong một xã hội thịnh vượng như Mỹ, tại một quốc gia nghèo có nhiều người đói, trong khi tại quốc gia giàu có thì rất ít. Giải pháp cho vấn đề này là gì? Từ thiên. Những người có nguồn tài nguyên nên chia sẻ cho những ai không có – một cách cá nhân, qua Hội thánh, qua sự kinh doanh, và qua chính sách quốc gia. Đây chính là cách bày tỏ công lý và sự thương xót, và Kinh Thánh không chỉ tố cáo mạnh mẽ những người chèn ép người nghèo, mà còn tố cáo những người bỏ mặc họ.

## SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

Vào đầu thập niên bảy mươi sự tranh cãi dữ dội mang tính quốc gia đã phát triển dựa trên những quan tâm về sinh thái môi trường. Công chúng bắt đầu nhận thức về sự thật rằng sự ô nhiễm môi trường và sự cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên còn hơn là sự làm phiền, còn hơn là kẻ quấy nhiễu chất lượng cuộc sống. Các nhà khoa học đồng thanh xác nhận rằng học những điều đó là một kẻ quấy nhiễu chất lượng cuộc sống.

---

<sup>37</sup> Eugene Tolan et al., "World Justice and Peace: A Radical Analysis for American Christians," *The Other Side*, January/February 1976, 52-53.



Hồ Erie đã bị mất đi. Những bãi biển tại Santa Barbara trở nên sa mạc. Bầu không khí ở New York rất nguy hiểm cho việc thở. Chúng ta đang bị chìm xuống biển nước thải; bình thường trong một năm nước Mỹ “sản xuất” ra 142 triệu tấn khói, 7 triệu xe hơi phế thải, 20 triệu tấn giấy rác, 48 tỉ lon đã sử dụng, và 50 tỉ ti ga-lon nước thải công nghiệp.”<sup>38</sup>

Sự phá hoại nghiêm trọng nhất chính là sự ô nhiễm không khí; thứ hai, ô nhiễm môi trường nước. Các nhà khoa học nói rằng cả hai nguồn tài nguyên đều đang ở trong sự nguy hiểm. Một điều quan tâm nữa đó là sự huỷ hoại những nguồn tài nguyên không thể tái tạo được như dầu mỏ và than đá. Dù chưa có sự đe dọa rõ ràng ngay trước mắt đối với đời sống con người, sự mất mát chua xót chính là sự tuyệt chủng dần nhiều loài động vật.

Phải chăng khoa học và công nghệ đáng bị khiển trách? Con người chính là kẻ gây ra ô nhiễm, kẻ quấy nhiễu sự cân bằng mong manh của các yếu tố khác nhau trong thiên nhiên. Ralph Nader, một quán quân về lợi ích của người tiêu dùng, đã chỉ ra công nghiệp như là thủ phạm hàng đầu. Nhưng có phải một mình công nghiệp chịu sự khiển trách? Hendrik Aay đào sâu hơn:

Chính cấu trúc công nghiệp tập thể làm bản không khí và nước của chúng ta, và đối xử với sinh quyển như là một thứ hàng hoá. Chính chính quyền, tất cả các cấp, cho phép rác thải trở nên một mối đe dọa công cộng. Chính xã hội Mỹ trung thành với ý tưởng về sự tiến bộ vật chất.<sup>39</sup>

Lý do của cuộc khủng hoảng rõ ràng chính là tội lỗi con người, dù không luôn luôn cố ý. Đôi khi có hành vi đạo đức cố ý sai trật vì lợi nhuận cá nhân hoặc tập thể, nhưng thường là do hành động theo đuổi sự thịnh vượng một cách mù loà. Sự phát triển trong việc tiêu thụ là chính sách cố tình của chính phủ và sự thực hành mang tính tập thể của Mỹ, một quốc gia chiếm 6 phần trăm dân số thế giới nhưng tiêu thụ 40 phần trăm nguồn tài nguyên của trái đất.

Bài viết của Lynn White trở nên nổi tiếng vì sự tấn công của nó nhằm vào Cơ Đốc Giáo như là lý do tối thượng gây ra sự huỷ hoại thiên nhiên.<sup>40</sup> White, một giáo sư tại UCLA, xác nhận rằng nan đề gốc rễ chính là tôn giáo và giải pháp phải là tôn giáo – đập đổ quan điểm của “Cơ Đốc Giáo” về thiên nhiên, ủng hộ những tôn giáo khác, có lẽ những tôn giáo phương Đông. Ông ta nói, thậm chí bái vật giáo còn tốt hơn Cơ Đốc Giáo.

---

<sup>38</sup> Robert Heilbroner, quoted in *The Progressive*, April 1970, 4.

<sup>39</sup> Hendrik Aay, "Confronting the Ecological Crisis," *Vanguard*, November 1972, 13. <sup>40</sup>The essay first appeared in *Science*, 10 March 1967, and was reprinted in "The Environmental Handbook," 1970.

<sup>40</sup> Bài viết lần đầu tiên xuất hiện trên tờ *Science*, 10 March 1967, và đã được tái xuất bản trong "The Environmental Handbook," 1970.

Bài viết của White và sự tăng cường quan tâm đến những vấn đề về môi trường trong xã hội lớn khiêu khích Cơ Đốc Nhân xem lại lời dạy Kinh Thánh về sinh thái môi trường. Hai phân đoạn Kinh Thánh có thể hướng dẫn sự thảo luận:

Đức Chúa Trời ban phước cho loài người [A-đam và Ê-va] và phán: “*Hãy sinh sản, gia tăng gấp bội và làm cho đầy đầy đất; hãy làm cho đất phục tùng, hãy quản trị* loài cá dưới biển, loài chim trên trời và mọi loài bò sát trên mặt đất” (Sáng 1:28).

Giê-hô-va Đức Chúa Trời đem con người vào trong vườn Ê-đen để *canh tác* và *gìn giữ* vườn (Sáng 2:15, tác giả muốn in nghiêng để nhấn mạnh).

Trước hết, những câu Kinh Thánh này cho thấy rằng con người không chỉ phải có trách nhiệm với tạo vật. Chúng ta là một phần của tạo vật. Đức Chúa Trời đã tạo nên chúng ta từ “bụi đất” (Sáng 2:7). Điều này có nghĩa rằng tất cả các nền thần học dựa trên thuyết nhị nguyên thuộc linh đối kháng với thiên nhiên đang bị rạn nứt về mặt nền tảng. Đức Chúa Trời đã dựng nên thiên nhiên “tốt lành” và chúng ta “rất tốt lành.” Đúng hơn, việc đề cao sự tăng trưởng thuộc linh và lãng tránh hoặc bỏ qua những vấn đề về sinh thái học là những dấu hiệu của sự mất quân bình và dốt nát. Bởi vì chúng ta là một phần của cõi sáng tạo, chúng ta không thể sống ngoài nó.

Thứ hai, những phân đoạn Kinh Thánh trong Sáng Thế Ký này dường như thoát nhìn chúng gửi đi một thông điệp tổng hợp. Có phải Cơ Đốc Nhân được hướng dẫn đi theo mô-típ thống trị (làm cho đầy đầy, làm cho phục tùng, và cai trị) của Sáng Thế Ký 1:28 hay theo mô-típ chăm sóc (tưới và canh giữ) của Sáng Thế Ký 2:15? Cả hai đều là sự uỷ thác thiên thượng. Đức Chúa Trời kêu gọi con người phải sáng tạo trong sự giám sát thiên nhiên. Đức Chúa Trời vui lòng khi chúng ta sử dụng tạo vật của Ngài để tạo nên những công cụ ngợi khen Ngài, các hệ thống thủy lợi để có lương thực cho con người, và công nghệ để truyền bá những thông tin có ích.

Đức Chúa Trời cũng kêu gọi con người làm người quản lý thiên nhiên trung tín. Ngài sở hữu nó (Thi Thiên 24:1). Nó thuộc về Ngài. Chúng ta chỉ là những người quản lý. Cũng giống như chúng ta là người quản lý thân thể của chúng ta, thứ thuộc quyền sở hữu của Ngài, chúng ta phải chăm sóc nó; cũng giống như chúng ta là những người quản lý tài chính của chúng ta, thứ thuộc về Ngài cần phải được sử dụng một cách có trách nhiệm cho sự mở mang vương quốc của Ngài; môi trường sống vật lý của chúng ta cũng vậy. Chúng ta phải là những người quản lý tốt, chăm sóc tốt thế giới của Ngài, sử dụng nó vì lợi ích của con người và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, hoặc chúng ta có thể lạm dụng một cách tùy tiện và phá huỷ nó

giống như người Y-sơ-ra-ên đã làm (Xuất 23:10-11; Lê-vi Ký 25:1-7). Chúng ta có lẽ cũng sẽ bị đuổi đi! Cho nên chúng chịu trách nhiệm nặng nề về sự quản lý cá nhân.

Sự quản lý thiên nhiên tốt đòi hỏi phải hành động. Loren Wilkinson đề nghị rằng nhận thức về nan đề và quan điểm Kinh Thánh chỉ là bước đầu tiên của việc đánh tan sự hoang tưởng rằng “Không Có Gì Để Một Cơ Đốc Nhân Có Thể Làm.”<sup>41</sup> Thêm vào ba hành động, “hạn chế bót, tái sử dụng, tái chế,” ông kêu gọi Cơ Đốc Nhân cần phải chống lại các giá trị và sức quyến rũ của xã hội hưởng thụ. Ông nói, thay vào đó, các Cơ Đốc Nhân nên vui hưởng sự kỳ diệu và những lời hứa của cõi thọ tạo.

Sự sa ngã của cõi thọ tạo không làm cho nó trở nên vô giá trị hay vô ích. Đại giới răn thứ nhì đó là hãy yêu người lân cận như chính mình, nghiêm cấm Cơ Đốc Nhân lấy đi những ích lợi trong cõi thọ tạo của người người khác vì có lợi ích riêng của chính mình. Vì sự “cưỡng bức” thiên nhiên hiện tại rõ ràng là đang lấy đi những lợi ích của thế hệ sau này, nếu không muốn nói lấy đi sự sống, và thường ở dưới dạng khai thác tài nguyên thiên nhiên của những con người bị ràng buộc bởi cái nghèo ngày hôm nay, chúng ta không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc phải hành động cho sự phục hồi sự cân bằng sinh thái và dừng lại việc làm ô nhiễm môi trường và làm cạn kiệt nguồn tài nguyên.

Một số nhà quan sát không tin rằng tương lai của môi trường thật đáng lo ngại. Chẳng hạn, Gregg Easterbrook, đóng góp biên tập các tạp chí *Newsweek* và *Atlantic Monthly*, tin rằng luật được ban hành nhằm cải thiện môi trường đang có hiệu lực. Những biện pháp mới là không cần thiết. Ông nói, “Kể từ Ngày Trái Đất đầu tiên vào năm 1970 đến nay hầu hết các biện pháp về chất lượng sinh thái của Mỹ được cải thiện, chứ không phải bị suy giảm.”<sup>42</sup>

Dữ liệu được sử dụng để ủng hộ cho sự tiên đoán về nhiệt độ trái đất tăng lên, thường được hiểu là “hiệu ứng nhà kính,” không thể xác định được. Một số người nói rằng điều đó là thật và sẽ gây nên lũ lụt, làm cho thời tiết trở nên tệ hại, và đe dọa đời sống hoang dã và vụ mùa.<sup>43</sup> Số khác cho rằng nhiều bằng chứng nghi ngờ những lời cảnh báo mạnh mẽ của các nhà môi trường đã bị bỏ qua và triệt tiêu.<sup>44</sup> Một số khác đề nghị rằng thậm chí nếu trái đất đang ấm lên, sự thay đổi đó cũng không đáng kể, nó đã xảy một cách tự nhiên trước đây, và dường như nó có ảnh hưởng có lợi trên môi trường.<sup>45</sup>

---

<sup>41</sup> Loren Wilkinson, "Myth 3: There Is Nothing a Christian Can Do" in "EcoMyth," *Christianity Today*, 4 April 1994, 72.

<sup>42</sup> Gregg Easterbrook, "Everything You Know about the Environment Is Wrong," *The New Republic* 202, 30 April 1990, 14f.

<sup>43</sup> Wallace S. Broecker, "Global Warming on Trial," *Natural History*, April 1992, 6f.

<sup>44</sup> Serwood Idso (physicist with the U.S. Department of Agriculture), *Carbon Dioxide and Global Change: Earth in Transition* (Tempe, Ariz.: IBR Press, 1989).

<sup>45</sup> Warren T. Brookes, "The Global Warming Panic," *Forbes* 144, 25 December 1989, 96f.

Trong khi đối mặt với những lời tuyên bố mâu thuẫn lẫn nhau, chúng ta cần phải có những hành động nào? Chúng ta nên tiếp tục thu thập các bằng chứng để đưa ra những quyết định đầy hiểu biết trong đời sống chính trị và cá nhân của chúng ta. Cần phải thận trọng để khỏi mắc sai lầm về mặt cảnh báo, đặc biệt từ khi lối sống tương đối hoang phí của chúng ta xâm phạm đến môi trường.

Hơn nữa, chúng ta có những nguồn tài nguyên để “tự lo cho chúng ta.” Lời cảnh báo rất chắc chắn. Một số nhóm các nhà môi trường tán thành quan điểm phiếm thần giáo trong việc quảng bá kế hoạch của họ. Sự nhận thức sáng suốt thật cần thiết.

## CỜ BẠC

Phải chăng không nên đặt đề tài cờ bạc ở dưới chủ đề “Sự Liêm chính Cá Nhân” thay vì “Trách Nhiệm Xã Hội”? Tôi đã chọn bối cảnh xã hội để xem xét khía cạnh đạo đức của vấn đề cờ bạc bởi vì thật khó – nếu không muốn nói là không thể - để đưa ra một trường hợp đầy thuyết phục từ Kinh Thánh cho rằng việc cờ bạc vốn là tội lỗi, nhưng không có gì là khó đối với việc đưa ra các bằng chứng Kinh Thánh để thấy rằng cờ bạc là một tệ nạn xã hội.

**Lịch Sử Của Việc Cờ Bạc.** Mặc dù các trò chơi may rủi và những dạng trò chơi khác đã xuất hiện vào thời Kinh Thánh, nhưng Kinh Thánh lại im lặng về đề tài này. Có lẽ đây là lý do tại sao Hội thánh do dự trong việc giảng dạy về nó. Kenneth Kantzer đã đưa ra một số quan sát sâu sắc về việc cờ bạc tại chính đất nước của chúng ta.

Châu Mỹ đã bắt đầu như một quốc gia cờ bạc. Các thuyền viên của Columbus đã dùng thời gian xuyên qua Đại Tây Dương để chơi bài. Vào năm 1612, chính phủ Anh đã dùng trò chơi xổ số để giúp những người mới định cư tại Jamestown, Virginia... George Washington đã tuyên bố, “Cờ bạc là đứa con của sự tham lam, là anh của sự bất công, và là cha của điều ác” – nhưng ông đã giữ một cuốn nhật ký về sự thắng và thua tại bàn chơi bài của chính mình. Vào năm 1776, Hội Đồng Liên Thuộc Địa Hợp Thành Hoa Kỳ Đầu Tiên đã bán vé số để có tài chính cho Cuộc Cách Mạng. Từ năm 1790 đến 1860, 24 trong số 36 tiểu bang đã tài trợ cho các chương trình xổ số do chính phủ tổ chức. Nhiều trường học và hàng trăm Hội thánh cũng đã tổ chức chương trình xổ số để gây quỹ.<sup>46</sup>

Cotton Mather và những người Thanh Giáo khác đã giảng chống lại việc cờ bạc. Dần dần người Giám Lý và Báp Tít bắt đầu ủng hộ người Thanh Giáo và người Quaker cho đến khi lần lượt các tiểu bang đều từ chối những chương trình số của chính phủ và công bố cờ bạc là

---

<sup>46</sup> Kenneth S. Kantzer, "Gambling: Everyone's a Loser," *Christianity Today*, 25 November 1983, 12.

bất hợp pháp. Tiểu bang cuối cùng là Louisiana, là tiểu bang có chương trình xổ số minh chứng một sự thảm họa trước thế kỷ mười chín kết thúc. Nhưng trong thế kỷ này, có lẽ chính Hội thánh, nhất là Hội thánh Công Giáo La Mã, đã mở cửa cho việc cờ bạc để rồi hầu hết các tiểu bang ngày hôm nay đều hợp pháp hoá việc cờ bạc, và trước năm 1991 có bốn mươi tiểu bang đi theo con đường của New Hampshire (1964) trong việc lập ra chương trình xổ số công cộng.

**Nền Tảng Kinh Thánh của Sự Chống Đối.** Khi Hội thánh lên án việc cờ bạc như là tội lỗi cố hữu, sự hợp lý ở đây là gì? Dù một số người cho rằng nó là một dạng của sự trộm cắp, lời buộc tội này dường như quá đáng, vì trộm cắp là lấy những thứ mà mình không được quyền để lấy bằng sức mạnh. Trong trường hợp cờ bạc, người thua đã đồng ý trước, và rủi ro mất mát tự do xảy đến trong niềm hy vọng kiếm lợi hoặc hưởng thú vui.

Có người nói vi phạm luật chống lại sự tham lam. Dĩ nhiên điều này đúng đối với những tay cờ bạc nghiêm trọng, nhưng khó có thể áp dụng cho những người chơi cờ bạc để giải trí. Hơn nữa, dù hầu hết các tay chơi có thể vi phạm luật yêu thương qua việc tìm kiếm lợi lộc cá nhân qua nỗi đau mất mát của của người khác, một động cơ độc ác hoặc thiếu yêu thương khó có thể được xem thấy như là sự cố hữu trong chính hành động cờ bạc.

Kantzer định nghĩa cờ bạc như là “một sự liều lĩnh nhân tạo được biết trước, được chấp nhận vì lợi lộc ích kỷ dựa trên sự phí tổn của người khác, không đem lại sự xây dựng và sự tốt lành cho xã hội như mục đích của nó.”<sup>47</sup> Theo tôi, một định nghĩa như thế hầu như có thể áp dụng cho tất cả các trò chơi, kể cả những trò chơi may rủi. Chúng mang tính nhân tạo, một số người thắng, một số người thua, và không hề có sản phẩm mang tính xây dựng một cách rõ ràng cho dù có thể đem lại sự thư giãn. Tôi không chối bỏ rằng tội tham lam và ích kỷ hiện hữu trong hầu hết các trò cờ bạc và vì thế cờ bạc dưới bất kỳ hình thức nào cũng đều bất xứng với Cơ Đốc Nhân. Nhưng có phải trò chơi cờ bạc là thái độ tội lỗi cố hữu trong hành động không?

Lý luận phổ biến nhất chống lại cờ bạc là sự tể trị của Đức Chúa Trời – cố ý đánh liều với một kết cục không chính là thách thức quyền tể trị của Đức Chúa Trời đối với công việc của chúng ta hoặc cầu khẩn Đức Chúa Trời tham gia vào sự cố gắng làm lợi bằng sự phí tổn của người khác của chúng ta. Lý luận đó cũng đã được dùng trong những thế kỷ đầu để chống lại việc bảo hiểm. Quan điểm này nhấn mạnh, thật không thể nói rằng cuộc sống là sự rủi ro và chúng ta thường đánh mất những cơ hội – người nông dân với thời tiết, công ty bảo hiểm với

---

<sup>47</sup> Sách đã dẫn, 13.

sự sống lâu của người được bảo hiểm, thương gia với thương trường. Nhưng những điều này không phải là mạo hiểm có suy tính với ý định tránh sự trao đổi các giá trị. Đây là những người cố gắng để giảm thiểu rủi ro, những người có ý định đền đáp chân tình cho sự đầu tư, và những người có mọi quyền để cầu xin Đấng Toàn Năng một cách khiêm nhường để Ngài can thiệp nên họ lắm.

Quan điểm chống lại trò mạo hiểm hay cờ bạc dựa trên sự tể trị của Đức Chúa Trời có lẽ nặng ký hơn những quan điểm khác nhưng nó không hấp dẫn vì hai lý do. Trước hết, thật sự nó chỉ có thể áp dụng cho những người mê cờ bạc. Thứ hai, thậm chí đối với những người mê cờ bạc, sự lý luận này có thể bị chuyển đổi. Trong Kinh Thánh, trò mạo hiểm được sử dụng một cách đặc biệt để giúp đưa ra các quyết định bởi vì con người hữu hạn, và chỉ có Đức Chúa Trời mới biết và có thể can thiệp giúp cho bên này hoặc bên kia: “Người ta rút thăm trong vạt áo, nhưng mọi quyết định đến từ Đức Giê-hô-va” (Châm 16:33; 18:18). Thực ra, “rút thăm” là một thông lệ tiêu chuẩn để giải quyết những cuộc tranh cãi, phân chia Đất Hứa, chọn người cho một vị trí nào đó – tất cả những điều có giá trị vượt xa hơn tiền bạc. Thậm chí chọn ai làm sứ đồ cũng làm như vậy (Công Vụ 1:26).

Trò cờ bạc hiện đại khác với những ví dụ trong Kinh Thánh về việc đưa ra các quyết định dựa trên nền tảng của một “kết quả” may rủi mà trong đó hai người hoặc hơn hai người không thể giúp được gì giá trị với hy vọng đạt được lợi ích và mạo hiểm với rủi ro mất mát. Tuy nhiên, chấp nhận kết quả của một quyết định vào một giây phút tuyệt vời trong trò chơi thả súc sắc được cho là có ý bất Đấng Tể Trị phải can thiệp, không làm đẹp ý Ngài hoặc uy quyền của Ngài. Tôi nghĩ trong tâm trí của những người chơi cờ bạc hiện tại có cùng một động cơ giống như vậy, dù tôi đồng ý rằng điều đó không thích hợp lắm. Điều muốn nói đó là, nếu một người tin cậy Đức Chúa Trời chấp nhận kết quả của một sự kiện may rủi – có thể đã được lập kế hoạch (“có sự tính toán trước bởi con người”) hoặc không có kế hoạch – thì khó để nói rằng anh ta đang kháng cự lại Đức Chúa Trời.

Tóm lại, tôi thấy khó có thể đưa ra một bằng chứng mạnh mẽ từ Kinh Thánh để khẳng định một cách dứt khoát rằng tất cả các trò chơi may rủi vốn là tội lỗi. Một người có thể được cho là rộng rãi, không tham lam, yêu thương người lân cận hơn chính mình, và dứt khoát tin cậy vào sự tể trị của Đức Chúa Trời trong khi lại cá độ một lon Cô-ca về kết quả của một trò chơi. Nhưng vấn đề hầu hết những người chơi cờ bạc vi phạm một hoặc nhiều hơn những nguyên tắc này là vấn đề nằm ngoài sự tranh cãi.

Kinh nghiệm của nhân loại cho thấy rằng trò chơi may rủi mang tính giải trí đề cao lòng tham và làm rời xa việc ban cho như là một lối sống. Nó thường nuôi dưỡng một suy nghĩ trong tâm trí rằng may mắn chứ không phải làm việc chăm chỉ là con đường dẫn đến sự thịnh

vượng. Nó cũng thường đưa người chơi cờ bạc vào một đời sống bất lương. Thậm chí nếu một người thoát khỏi những kết quả tồi tệ phổ biến, phải chăng người mạnh mẽ có quyền để phê chuẩn việc cờ bạc bằng tấm gương cá nhân và giúp đỡ tạo nên một bầu không khí mà trong đó những người khác sẽ sa ngã? Nhìn thấy những kết quả trong đời sống thực tế chúng ta có thể kết luận rằng cờ bạc không phải là một điều hợp pháp trong một lối sống làm hài lòng Đức Chúa Trời. Sự kết luận này lập tức đưa đến câu hỏi về sự ảnh hưởng xã hội của cờ bạc.

**Sự Ảnh Hưởng Của Việc Cờ Bạc.** Những ảnh hưởng mang tính xã hội của việc cờ bạc là gì? Những người nghiện cờ bạc bây giờ chiếm tỉ lệ cao trong dân số Mỹ hơn những người nghiện rượu. Kết quả là những gia đình bị phá huỷ bởi sự bần hàn không phải ít thê thảm. Hãy xem một biên tập viên kỳ cựu Frank Trippett người đã nghiên cứu kỹ cái mà ông gọi là “Những Kẻ Hút.”

Những người chơi cờ bạc của tôi là người nghiện cờ bạc trong số 6 triệu người, hoặc là một người chơi cờ bạc thâm niên trong số lượng người có lẽ nhiều hơn – tất cả những người mà trong họ hành động cờ bạc làm nổ tung những cảm xúc quan trọng, một thứ hấp dẫn có khuynh hướng định hình cuộc đời của người biết về nó và cần nó. Nếu bạn ít khi hoặc thỉnh thoảng cá độ, bạn không phải là người chơi cờ bạc của tôi; nếu bạn cá độ chỉ khi bạn có đủ điều kiện khả năng, bạn cũng không phải là người chơi cờ bạc của tôi. “Nếu sự mất mát không làm đau đớn, thì đó không phải là cờ bạc,” người chơi cờ bạc của tôi nói... Những người chơi cờ bạc của tôi dường như nhận được cảm giác đặc biệt, điều hấp dẫn, không phải ở chỗ kết quả của cuộc cá độ, không phải ở sự thắng thua, nhưng trong khi chờ đợi sự cá độ. Trong khi trò cờ bạc đang chờ kết quả họ kinh nghiệm những cảm giá đặc biệt, hầu như không thể tả xiết. Những cảm giác biến mất khi trò chơi kết thúc, nhưng họ muốn chơi lại, cho nên họ cá độ hết lần này đến lần khác. Chắc chắn họ thua bởi vì hệ thống gian lận.”<sup>48</sup>

Các nhà tâm lý học không đồng ý với nhau về điều gì xui khiến, nhưng kết quả hầu như ai cũng biết: sự ám ảnh hoàn toàn, không bận tâm gì đến điều gì khác và ai khác, một thế giới mơ mộng tưởng tượng về sự giàu có, sự thiếu khả năng cảm giác với điều gì khác, một đời sống nội tâm tách biệt, nói dối để bảo vệ thế giới nội tâm bí mật và, rất phổ biến, sự nghèo đói của họ. Trippett đã trích dẫn lời làm chứng được trình bày ở cuộc họp Sự Ân Danh của Người Chơi Cờ Bạc:

---

<sup>48</sup> Frank Trippett, "The Suckers," *Look*, 19 May 1970, 37-38.

Chúng tôi nói đến những năm tồi tệ mà ở đằng sau chúng tôi, mượn tiền, trộm cắp và biển thủ, sống ngày qua ngày với vẻ bề ngoài. Nhưng điều mà chúng tôi nghĩ đến ấy là – chúng tôi nghĩ về tình yêu mà chúng tôi đã đánh mất và tình yêu mà chúng tôi không thể tìm được, và tình yêu mà chúng tôi không thể ban cho.<sup>49</sup>

Kinh doanh sòng bạc được thực hiện chủ yếu bởi những băng nhóm tội phạm lớn. Ông chủ của một tổ chức tội phạm nói rằng các tổ chức có thể hoạt động tốt với việc cờ bạc ngay cả khi không có những chỗ dựa chính như ma túy và mại dâm. Con số ước tính về tổng số ít hơn so với số dự đoán lên đến nửa năm trăm tỉ đô la mỗi năm.

**Xổ Số Kiến Thiết.** Tại sao các chính quyền tiểu bang muốn thực hiện loại hình kinh doanh bản thủ như thế?

Các chính quyền tiểu bang thực hiện loại kinh doanh này để có cách tăng thu nhập mà không phải đau đớn. Nhưng theo Roy Kaplan (một nhà xã hội học có bài đăng trên tạp chí *The Annals of the American Academy of Political Science* được phát hành tháng Bảy năm 1994), chương trình xổ số là một sự thay thế nghèo nàn cho “những phương pháp sinh lời đáng tin cậy, hợp tình hợp lý và có trách nhiệm.” Các chương trình xổ số chỉ chi ba phần trăm tổng số thu nhập của các tiểu bang thực hiện chúng. Chỉ cần tăng thêm thuế thu nhập của tiểu bang khoảng 0,25 phần trăm cũng có thể đạt được con số đó. Những chương trình xổ số không những ít hiệu quả bằng việc đánh thuế mà còn thiếu công bằng. Người nghèo dùng một số tiền lớn trong khoảng thu nhập của mình để chơi những trò chơi may rủi hơn là làm điều gì tốt. Cuối cùng, niềm hy vọng rằng cờ bạc được hợp thức hoá sẽ gây hại cho những tội phạm có tổ chức chỉ là một ảo ảnh.<sup>50</sup>

Những người xúc tiến các chương trình xổ số nhà nước công bố rằng nhà nước có thể có một khoảng thu nhập khổng lồ qua “sự đánh thuế không gây đau đớn” này và đồng thời thu được lợi nhuận từ những người chơi cờ bạc bất hợp pháp. Điều thực tế xảy ra đó là sự gia tăng thêm khoảng thu của những tay cờ bạc chuyên nghiệp và gia tăng thêm những tội phạm có tổ chức bởi vì nhà nước đang phát triển một vụ mùa mới từ những tay chơi cờ bạc. Điều này đang xảy ra vì sự mới lạ của chương trình xổ số nhà nước thường bị mất đi trong vòng một năm và nhà nước phải bắt đầu quảng cáo để có những người chơi bài bạc mới. Nhà nước không thể cạnh tranh với những tay chơi cờ bạc chuyên nghiệp, cho nên mỗi người chơi mới

---

<sup>49</sup> Sách đã dẫn, 37.

<sup>50</sup> Review of --The Social and Economic Impact of State Lotteries," by Roy Kaplan, *Annals of the American Academy of Political and Social Science*, reviewed in *The Wilson Quarterly*, January 1985, 25.



tham gia chính là một sự tuyển chọn tìm năng cho những kẻ chuyên nghiệp. Vì thế nhà nước trở nên đồng minh của tội phạm có tổ chức, một kẻ bóc lột người nghèo, một kẻ quảng bá cho tệ nạn xã hội, và người thua trong canh bạc để tạo ra một cái bọc ít nỗ lực và ít trả giá. Không có chương trình xổ số nào bắt đầu đạt được theo như những dự đoán đầy lạc quan, và trong vòng một thập kỷ, nhiều chương trình xổ số đã thất bại về mặt tài chính. Và ai có thể tính được cái giá mà nhà nước phải trả trong việc đấu tranh chống lại tội phạm có tổ chức và sự cấu kết tham nhũng trong khi thực thi pháp luật, chưa kể đến sự gia tăng số tiền phúc lợi phải trả cho sự gia tăng số người thua bạc?

Với cách mà cờ bạc thể hiện trong cuộc sống của quốc gia, dường như quan điểm tích cực nhất đối với Cơ Đốc Nhân chính là hoàn toàn kiêng khem, chối đối bất cứ hình thức bài bạc nào được tổ chức bởi Hội thánh, và sự cộng tác với những người có ý thức tốt trong việc chống đối những chương trình xổ số của nhà nước và trò chơi cá ngựa cá cược.

## **TRỘM CUỐP PHI TÀI SẢN**

### **CÁC DẠNG TRỘM CẤP**

Điều răn “Con không được trộm cắp” được áp dụng không chỉ đối với tài sản; nhiều thứ khác cũng có thể bị trộm cắp – danh dự, chẳng hạn. Đây cũng là một dạng trộm cắp, thường lấy đi của người chủ nhân điều quý giá nhất: danh tiếng. Sự trò chuyện thường được sử dụng để ăn cắp địa vị, công việc, một tình bạn, thậm chí hôn nhân của một người. Tất cả những hành vi trộm cắp này đem lại hậu quả còn trầm trọng hơn hành vi trộm cắp tài sản, tuy nhiên hiếm khi bị truy tố và không bao giờ chịu bồi thường.

**Ăn Cắp Ý Tưởng.** Ăn cắp ý tưởng thường được kết hợp với sự lừa gạt để che đậy hành vi ăn cắp, vì thế nó cũng vi phạm điều răn thứ chín nữa. Những nhà nghiên cứu tuyên bố rằng đa số sinh viên Mỹ gian lận, và số giáo viên chấp nhận điều này càng ngày càng tăng thêm. Ít nhất một thẩm phán đã phán quyết làm vui lòng kẻ gian lận và chống lại “hệ thống thành thật” yêu cầu sinh viên phải báo cáo sự gian lận. Sự đạo văn, “sự chiếm đoạt hoặc bắt chước ngôn ngữ, ý tưởng hoặc tư tưởng của tác giả khác, và trình bày lại như thể do mình nghĩ ra,”<sup>51</sup> được thực hành phổ biến bởi các sinh viên, thậm chí bởi các giáo viên là những người đôi khi ăn cắp không chỉ những ý tưởng hay của các học giả khác mà còn cả những công trình của chính các sinh viên!

---

<sup>51</sup> *The Random House Dictionary of the English Language*, 1968.

Thật khó để biết khi nào ý tưởng của người khác bị đồng hoá như thể của mình, nhưng việc sử dụng những trích dẫn từ người khác, làm cho người ta cảm giác rằng đó là lời của chính mình, hoặc sự sử dụng một khái niệm độc đáo của người nghĩ ra nó là vi phạm những điều răn cấm nói dối và trộm cắp.

Sự ăn cắp ý tưởng không giới hạn ở các trường học, nó còn lan tràn trong ngành công nghiệp. Biết bao nhiêu kỹ thuật viên hoặc nhà điều hành lão luyện được thuê từ công ty của họ để có được những bí mật của nó? Do vậy hành vi trộm cắp không còn là cá nhân mà còn là tập thể.

Một cách có liên quan đến việc ăn cắp đó là cản trở lợi ích đến với người khác. Luật quyền tác giả đáng lẽ phải bảo vệ tác giả khỏi những dạng trộm cướp này, nhưng Hội thánh cũng thường ăn cắp lợi ích đáng ra phải đến với tác giả qua việc photocopy những bài nhạc cho ban hát hoặc tranh ảnh “Penuts” cho bảng thông báo của Hội thánh.

Không có nguyên tắc gì rõ ràng để xác định khi nào một ý tưởng hoặc một đoạn văn chương hay một phần tác phẩm nghệ thuật, đã được xuất bản cho công chúng, trở thành sở hữu của công chúng. Giới hạn bao lâu một tác giả hay một nghệ sĩ xứng đáng được bảo vệ cho những lợi ích bổ sung mà họ và con cháu của họ có thể được hưởng là một vấn đề cần phán xét để trả lại sự công bằng. Trong xã hội văn minh, sự phán xét này mang tính tập thể và được thiết lập bởi luật pháp, dù cho chủ thể hợp pháp thay đổi.

Luật pháp thay đổi, nhưng Cơ Đốc Nhân phải có trách nhiệm làm theo luật, và luật quyền tác giả là một nỗ lực đáng trân trọng để bảo vệ người dân khỏi những sự vi phạm điều răn thứ tám “Con không được trộm cắp.”

**Ăn Cắp Thì Giờ.** Cuối cùng, điều có thể xảy ra, ít nữa trong xã hội phương Tây, đó là ăn cắp thì giờ. Những người làm công đến muộn hoặc phung phí thì giờ khi làm việc, về mặt ngôn từ, không phải là ăn cắp thì giờ, nhưng là ăn cắp lợi ích đã hợp đồng lẽ ra phải đến với người chủ. Vô ý hoặc cố ý bắt người khác chờ đợi trong một cuộc hẹn là điều hầu hết người dân ở các nước Tin Lành thường làm chính là một dạng của sự ăn cắp. Chúng ta nói “Thì giờ là tiền bạc” và ăn cắp thì giờ là ăn cắp tiền bạc. Điều này có thể áp dụng như nhau đối với người thầy giáo là người phung phí thì giờ của sinh viên hoặc một bác sĩ phung phí thì giờ của bệnh nhân, cũng như đối với một vị khách dãn dãn kéo dài bữa tiệc tối.

Nhưng người dân trong những nền văn hoá khác không luôn luôn chia sẻ quan điểm này. Tại các vùng đất châu Mỹ La Tinh và phương Đông, chẳng hạn, người ta có có khuynh hướng xem trọng sự kiện hơn là thì giờ. Người ta không được mong đợi phải “đúng giờ” vào

lúc khai mạc hoặc kết thúc một cuộc họp hoặc cuộc hứa hôn, thậm chí cũng không buộc xe buýt đến trạm dừng, dừng thả đón khách theo như thời khoá biểu. Trong một nền văn hoá như thế, sự chậm trễ có phải là một vấn đề đạo đức? Hoặc, ở giữa những người có nhiều sự thất thường về cuộc sống như vậy, người Mỹ có nên dừng việc “siêu” mau lẹ không?

**Quyền Sở Hữu Được Xác Định Bởi Văn Hoá.** Nếu chấp nhận rằng trộm cắp là lấy đi của người khác những điều mà Kinh Thánh không cho mình quyền để lấy, thì những giới hạn chính xác của cái gọi là “tài sản cá nhân” và cái gọi là “quyền được lấy” có lẽ là điều gì đó phụ thuộc vào quan điểm của một xã hội cụ thể. Trong xã hội người Y-sơ-ra-ên thời xưa, việc mót những bông lúa trong mùa gặt là hợp đạo đức, và người chủ thu hết toàn bộ vụ mùa là không hợp đạo đức, nhưng đối với nhiều xã hội việc “mót lúa” này bị xem là ăn cắp. Tại Mỹ, người ta không “mót” tại Sears sau một vụ bán lớn! Ai Cập thời Giô-sép, người ta có thể lấy đất của người dân để đổi một khoản phân phát phúc lợi, nhưng thị trưởng của thành phố New York tốt hơn đừng thử làm như thế! Tại một số bộ lạc, bất cứ loại tài sản nào bỏ quên bên ngoài túp lều của mình thì người khác có thể lấy, nhưng đừng có thử làm như vậy với máy cắt cỏ của nhà hàng xóm của bạn nhé. Khi các nhóm người có hai định nghĩa về quyền sở hữu khác nhau gặp nhau, có thể sẽ có xung đột. Đối với người Mỹ bản xứ là những người không thừa nhận quyền sở hữu đất cá nhân, người da trắng, có những luật lệ khác, chính là kẻ trộm.

Những sự khác biệt này không nhất thiết làm xói mòn điều răn đừng trộm cắp, vì tất cả các xã hội đều công nhận quyền sở hữu cá nhân và xin việc trộm cắp là một tội phạm. Sự hiểu biết này không tương đối hoá những tiêu chuẩn Kinh Thánh bởi vì những sự khác biệt không phải ở trong định nghĩa về *sự trộm cắp*, nhưng ở trong định nghĩa về *quyền sở hữu*, và khi hành động lấy được thực hiện bởi người được cho là hợp pháp. Song song với những giới hạn của định nghĩa về quyền sở hữu cá nhân còn có một khoảng rộng để xã hội có thể thiết lập những luật lệ riêng của mình, và thật sai trật nếu một Cơ Đốc Nhân trong xã hội đó, dù anh ta hoặc cô ta là công dân của một xã hội khác, vi phạm những luật lệ này. Cho dù sự vi phạm này là tội lỗi cố hữu hay là tội lỗi đơn giản bị cho là bất hợp pháp hoặc không thể chấp nhận được, Cơ Đốc Nhân cũng nên chứng tỏ sự không thể chê trách.

Có lẽ câu hỏi về việc ăn cắp thì giờ rơi vào loại này. Nếu người bị mất thì giờ là người bị xúc phạm, sự mất thì giờ đó được xem như là một sự mất mát cá nhân không đáng có, thì Cơ Đốc Nhân nhạy cảm không nên bắt cần hoặc có ý “lấy những điều thuộc về người khác,” vì Kinh Thánh không cho anh ta hoặc cô ta quyền để làm như vậy.

Trộm cắp và nói dối thường đan xen vào nhau và nuôi dưỡng lẫn nhau. Hơn nữa, có một nguyên tắc dành cho những điều này: Chúng vi phạm sự liêm chính. Cho nên chúng ta hãy quay trở lại với câu hỏi về sự lừa dối.

## **SỰ THẬT VÀ SỰ LỪA DỐI**

Con không được làm chứng dối hại người lân cận mình. (Xuất 20:16)

### **SỰ KHAI MAN VÀ SỰ NÓI DỐI**

Nói theo nghĩa hẹp, điều răn thứ chín cấm sự khai man, cố ý đưa ra những lời tuyên bố sai tại toà án. Sự khai man đặc biệt nghiêm trọng vì nó đe dọa sự liêm chính của toà án nơi mà công lý được bảo vệ cho một dân tộc. Tuy nhiên, cũng như các điều răn khác trong Mười Điều Răn, điều răn này cũng có một sự ngụ ý sâu sắc hơn. “Chớ nói dối nhau” (Cô-lô-se 3:9; Lê-vi Ký 19:11) là một điều răn có mặt toả khắp trong Kinh Thánh, và chính luật pháp liên kết sự khai man với tất cả các dạng nói dối: hành xử dối trá, nói hành, phá vỡ hợp đồng, và trên tất cả, thề dối trong danh Đức Chúa Trời (Lê-vi Ký 19:11-12, 16). Để giữ đôi môi của chúng ta đừng nói những lời xảo trá, cả Cựu Ước và Tân Ước đều dạy chúng ta điều này (Thi Thiên 24:13; 1 Phi-e-rơ 3:10). Nói dối hay lừa dối trong tất cả các dạng là đề tài chính của Sa-lô-môn trong sách Châm Ngôn, và tác giả Thi Thiên (Thi Thiên 119:163) không phải là người duy nhất ghét sự nói dối. Đức Chúa Trời rất ghét sự nói dối đến nỗi không có lời nói dối nào sẽ được bước vào thiên đàng (Khải 21:27), và thật sự tất cả những kẻ nói dối sẽ có phần trong hồ lửa (21:8).

Thế nào là một lời nói dối? “Nói những lời không phù hợp với thực tế” không phải là một định nghĩa có ích, vì dù chúng ta thường nói những điều không hợp với thực tế, không nhất thiết là chúng ta đã nói dối. Chúng ta có thể sai. Có phải cố ý nói những lời không phù hợp với thực tế? Điều này cũng không đủ, vì hoàn toàn có thể nói dối mà không cần phải sử dụng những lời sai. Cho nên chúng ta phải mở rộng định nghĩa về tội vi phạm đến sự thật để bao gồm ý tưởng về mục đích có ý thức của sự lừa dối và của bất cứ hình thức lừa dối nào. Nói dối là cách cố gắng để lừa dối.

### **BẢN CHẤT CỦA SỰ LỪA DỐI**

Sự lừa dối là một tội lỗi xấu cỡ nào? Đối với Cơ Đốc Nhân, mỗi hành động và lời nói khẳng định lẽ thật của Đức Chúa Trời hoặc từ chối Đức Chúa Trời. (Hãy xem chương 6, phần “Lạm Dụng Danh Chúa.”) Nói một cách khác, mức độ chúng ta thực hiện phù hợp với thực tế trong những gì chúng ta làm và nói, là mức độ chúng ta làm phù hợp với Đức Chúa Trời là

một thực tại tối thượng. Chúng ta càng xa với sự thật, chúng ta càng nói dối về Đức Chúa Trời bấy nhiêu, chúng ta phỉ báng danh Ngài. Khi chúng ta làm điều này cách có ý thức và chủ ý, tội của chúng ta càng nặng. Cho nên tội lỗi căn bản của sự lừa dối là ở chỗ nó chối bỏ đặc tính Đức Chúa Trời, Ngài là lẽ thật (Hê-bơ-rơ 6:18). Chúa Jêsus phán, “Ta là lẽ thật” (Giăng 14:6). Ngài cũng phán rằng lời của Đức Chúa Trời chính là hiện thân của lẽ thật (Giăng 17:17). Đức Chúa Trời hoàn toàn đáng tin cậy. Đây chính là nền tảng của vũ trụ có sự liên kết chặt chẽ.

Nếu Đức Chúa Trời được mô tả như là “lẽ thật,” thì Sa-tan được mô tả như là “cha của sự lừa dối” (Giăng 8:44). Hẳn chính là sự nói dối ban đầu nhập thể, và hẳn sự dụng sự lừa dối nhằm mục đích huỷ phá. Trong ý định đạt được mục đích đó, mỗi sự phá vỡ thực tại chính là sự huỷ phá. Sự huỷ phá là điều mà mỗi kẻ nói dối muốn đạt được và cuối cùng nó cũng kinh nghiệm điều đó, trước hết chính nó bị huỷ phá, rồi các mối quan hệ của nó, và cuối cùng là sự phán xét mà nó nhận được từ Đức Chúa Trời thánh khiết.

Không có phương pháp nào đảm bảo huỷ phá phẩm chất hơn là đi lừa dối. Những tội lỗi khác có thể được nhìn nhận và giải quyết, nhưng sự lừa dối trong bản chất sẽ dẫn đi xa khỏi thực tại, cho nên lẽ thật không bao giờ được thừa nhận. Vậy, sự ăn năn và sự phục hồi cần được theo đuổi như thế nào? Sự lừa dối là một lỗi lầm cơ bản trong nền tảng của linh hồn, đưa toàn bộ cấu trúc thượng tầng đến chỗ nguy hiểm. Tất cả sự đáng tin mà một người có được, sự liêm chính của anh ta, bị lung lay trên bãi cát dịch chuyển của một lời nói dối. Sự lừa dối giữ tất cả các phẩm hạnh làm con tin.

Không chỉ sự lừa dối nhanh chóng làm xói mòn phẩm chất, nó còn không giải quyết các nan đề. Nó làm cho các nan đề trở nên phức tạp. Người khôn ngoan đã đưa sự lừa dối vào thơ ca: “Bánh nhờ dối gạt mà được, lúc mới ăn thì ngon ngọt, nhưng sau đó, miệng sẽ đầy đá sỏi” (Châm 20:17). Sự lừa dối làm hại các mối quan hệ. Khi một người lừa dối người khác và bị phát hiện, thì thật khó để có thể lấy lại sự tin tưởng hoàn toàn. Một người có lẽ nghĩ anh ta có thể đối trọng những lời nói dối của anh ta với rất nhiều lời nói thật của mình, nhưng vấn đề không đi theo cách đó. Không biết bao nhiêu lời nói thật có thể nhanh chóng xoá đi vết nhơ không thể rửa sạch của một lời nói dối, vì một bị lừa dối có quyền hỏi chính mình, “Khi nào điều đó lặp lại đây?” Sự lừa dối là kẻ phá huỷ mạnh mẽ những mối quan hệ tốt lành bởi vì những mối quan hệ tốt lành của con người được xây dựng trên sự tin tưởng lẫn nhau.

Cuối cùng, chúng ta biết rằng việc nói dối cũng là tội ác bởi vì sự đoán xét đang chờ kẻ nói dối trong đời này (Châm 21:6) và trong đời hầu đến (Khải 21:8). Đức Chúa Trời đã bày tỏ khi Y-sơ-ra-ên mới bắt đầu hình thành như một quốc gia tại vùng Đất Hứa (Giô-suê 7:11 trở đi) và lúc Hội thánh mới bắt đầu được thành lập (Công Vụ 5:1-11) về cảm giác của Ngài

về những lời nói dối. A-can và A-na-nia những bức hoạ cho thấy Đức Chúa Trời đã đoán xét những kẻ nói dối nghiêm khắc thế nào.

## NHỮNG DẠNG LỪA DỐI

**Lừa Dối Không Bằng Lời.** Một cái ngoảnh mặt đi, một thái độ “lạnh lùng,” một sự bày tỏ gây xúc phạm có thể được dùng để che lấp sự thật, lừa dối bằng một sự biểu hiện, một hành vi, hoặc một hành động, không phải bằng lời nói gì cả. Một người có thể lừa dối bằng sự im lặng. Khi người bị vu cáo dễ lằm trong những lời đồn thổi của những bạn bè thân thiết, có phải im lặng là một tội nhẹ vi phạm chống lại sự thật?

**Nói Dối Bằng Lời Chân Thật.** Một người có thể lừa dối bằng cách sử dụng lời chân thật. Ví dụ, một người có thể trích lời mà người khác đã nói trong một trong bối cảnh nào đó để lừa dối như thể đó là ý nghĩa của lời tuyên bố ban đầu hoặc lừa dối bằng cách nói một phần của sự thật, giống như Sa-tan đã làm trong vườn Ê-đen và Áp-ra-ham nói dối về vợ của mình.

Một ví dụ về sự lừa dối với lời nói chân thật ngày hôm nay: Trong một cuộc họp vào năm 1984 của các sinh viên Tin Lành đến từ một vài viện thần học khác nhau, người diễn giả đã giải thích cách những lời tuyên bố được quy gán cho Đấng Christ bởi các tác giả Phúc Âm không phải luôn luôn là những lời tuyên bố của Ngài nhưng được thêm vào sau này để nói lên một ý nào đó. Khi được các sinh viên hỏi có phải cách như vậy sẽ được chấp nhận bởi những người trong cuộc họp, ông trả lời: “Các anh phải thật thận trọng. Chẳng hạn, các anh có thể nói, ‘Tác giả, trong Phúc Âm Mác, nói với chúng ta rằng Chúa Jê-sus bảo...’”

Với cách như vậy, đức tin của người bình thường không bị lay động, và vị diễn giả không khẳng định bằng lời có phải quyền tác giả của sách Mác hay tính xác thực của những lời được quy gán cho Chúa Jê-sus. Nhưng ông ta đã chủ ý lừa gạt những người nghe của mình tin rằng người diễn giả tin cùng tin những điều mà người nghe tin. Và ông ta được khích lệ bởi một một học giả “Tin Lành” để làm việc này như một chức vụ.

**Sự Giả Vờ và Sự Thối Phỏng.** Sự giả vờ để người ta nghi, cảm thấy hoặc đoán mình có kiến thức là sự lừa dối. Sự căm dỗ này rất mạnh đặc biệt đối với những chuyên gia đã được nhìn nhận – thầy giáo hoặc bác sĩ, chẳng hạn. Sự thối phỏng là một dạng khác của sự dối trá, là một một căm dỗ lớn đối với những nhân sự Cơ Đốc khi họ muốn làm lộng lẫy những điều Đức Chúa Trời đang làm, ngay cả khi họ khuất phục sự căm dỗ để thối phỏng vì một động cơ thấp kém, chẳng hạn mục đích đề cao danh tiếng của họ.

**Văn Hoá và Sự Dối Trá.** Chúng tôi đã cố gắng để đạt được sự công nhận cho trường thần học của chúng tôi tại Nhật Bản, dĩ nhiên mục đích tốt được theo đuổi là vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Nhưng vị giáo sư phụ trách dự án này thường bảo tôi ký những văn bản không đúng sự thật. Cuối cùng ông la lên trong sự bức tức, “Một lời nói dối có thể trở nên thập tự giá mà ông phải mang!” Nó rất thích hợp với câu châm ngôn của người Nhật, “Nói dối cũng là một điều hữu ích.” Khi tôi tiếp tục từ chối ký, vị giáo sư đã bỏ cuộc trong chán ghét: “Nạn đề của ông đó là ông không chưa trở nên quen với cách mà người Nhật giải quyết vấn đề.” Có phải đây chỉ là một sự xung đột về văn hoá? Có phải Đức Chúa Trời được phục vụ một cách tốt nhất bằng sự lừa dối trong sự định dạng mang tính văn hoá này? (Tôi nên nói thêm rằng ông ta là một đồng nghiệp người Nhật duy nhất giữ quan điểm như vậy.)

Dù sự căm dỗ đang hiện hữu trong mọi nền văn hoá, cũng phải thừa nhận rằng đạo đức về sự thật rất phức tạp trong các mối quan hệ đa văn hoá. Người Incas, một dân tộc thực hiện hình phạt tử hình cho ba tội phạm – giết người, tà dâm và nói dối – đã dễ dàng làm môi cho người Tây Ban Nha, là những người nói dối “vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.” Sự truyền thông xuyên văn hoá về sự chân thật thật sự phức tạp vì sự khác biệt về văn hoá, không nghi ngờ gì, nhưng tôi không biết lý do nào từ Kinh Thánh để bổ sung thêm sự hiểu biết căn bản về sự chân thật được phát hoạ trên đây. Vị giáo sư người Nhật và những người Tây Ban Nha đi xâm lăng đã mắc tội vi phạm sự chân thật.

**Động Cơ: Lợi Ích Cá Nhân.** “Vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” không phải là lý do chính để người ta nói dối; sự nói dối thường là vì lợi ích cá nhân. Trong một kỳ tĩnh tâm dành cho nam giới, một người thương gia trẻ đến tìm tôi. Anh và vợ của anh bị chìm sâu trong nợ nần khi ông gia của anh mời anh tham gia công việc kinh doanh của gia đình. Dường như đó là sự chu cấp của chính Đức Chúa Trời vì ông gia của anh là một người lãnh đạo trong một Hội thánh Tinh Lành rất mạnh trong hơn một phần tư thế kỷ. Nhưng bây giờ lương tâm của anh ta làm cho anh băn khoăn. Người ta nói với anh rằng phương cách duy nhất để công việc kinh doanh nhỏ có thể tồn tại trong môi trường kinh tế cạnh tranh khốc liệt tại Mỹ đó là giữ hai bộ sổ sách, một dành cho sự thanh tra công khai bởi các nhân viên chính phủ, và bộ khác là sự ghi chép chính xác đúng về tài chính để ở nhà. Điều này có đúng không? Anh cảm thấy băn khoăn, nhưng không sẵn sàng mạo hiểm đứng về phía sự thật. Sau một thời gian, khi tôi quay lại với Hội thánh, anh và ông gia của anh vẫn là những người lãnh đạo tại chính Hội thánh đó và vẫn với công việc kinh doanh đó, điều hành theo cùng một cách.

**Sự Giả Hình.** Dạng lão luyện của sự lừa dối được minh chứng bằng một đời sống lừa dối, thường được gọi là sự giả hình: cố gắng ra vẻ gì đó mà thật sự mình không phải. Đức Chúa Trời ghét sự giả hình. Tại sao một Jesus hiền lành lại lên án gắt gao những lãnh đạo tôn giáo (Ma-thi-ơ 23)? Ngài lên án gắt gao bởi vì họ “giảng, nhưng không thực hành” (câu 3). Chúng ta dễ dàng nhìn thấy sự giả hình trong những người Pha-ra-si, hoặc trong phóng viên, người viết “Dear Abby,” giận dữ vì một sinh viên giỏi mà anh ta cầu xin giúp đỡ trong lúc làm bài thi đã cung cấp cho anh ta những câu trả lời sai. Còn chúng ta thì sao?

Lớp học trường Chúa Nhật dành cho nam giới đã thảo luận về những cách gian lận của các chính khách và những kẻ bất công tại toà án. Sau đó một người thuộc linh nhất trong lớp học nói rằng anh có một cơ hội để bắt cá vượt trên giới hạn hợp pháp, cho nên, anh đã lấy thêm một số tiền phòng hờ lỡ anh bị bắt. Câu chuyện này được châm ngòi bởi lớp trưởng, người đã liên kết lượng đánh bắt quá mức của người bạn thân cùng với lượng đánh bắt của mình để cả hai đều có vẻ như ở dưới mức quy định. Tôi hỏi một cách ngây thơ, “Nếu một người gian lận vì một con cá, liệu anh ta có gian lận vì một triệu đô la không?” Một người tham dự không thường xuyên đã quan sát thấy rằng mọi người đàn ông đều có cái giá của mình. Lời bình luận này làm khuấy động một sự tranh cãi lớn. Sau cùng, một con cá dài 25 cm không phải là một cái giá quá đắt.

Thật không dễ để người ta thể hiện đúng con người thật của mình. Đức ông Ronald Knox đã phơi bày gốc rễ của sự giả hình của chúng ta như sau:

“Sự điên rồ của thập tự giá”... có nghĩa là sẵn sàng để thế giới nhìn thấy bạn như một người điên rồ mà Đức Chúa Trời nhìn thấy, bất cứ khi nào một cơ hội thích hợp xuất hiện. Thật là khiêm nhường để suy nghĩ về mức độ của tiến trình tư tưởng không được công bố của chúng ta được tận hiến cho để làm chỉ một điều ngược lại – cố gắng cho mình là đúng là phải, để che đậy sự ngu dốt của chúng ta, để giải thích những thất bại của chúng ta, để giả vờ rằng sự sai lầm có nghĩa là điều gì đó khác.Ồ, chúng ta hãy cười chính mình ở nơi riêng tư, chúng ta không phải mất thứ gì cho điều đó. Chúng ta làm cho bạn bè chúng ta vui vẻ, vun đắp một danh tiếng về sự khiêm tốn bởi việc ở trong hồ sơ về những thất bại của chính chúng ta – sau này, khi chúng ta ở trong công ty an toàn. Hãy thật sự gạt bỏ qua một bên lòng tự trọng của chúng ta để trần trụi đi theo bước chân của Người Chủ trần trụi – đó chính là một món quà quý hiếm vô cùng.<sup>52</sup>

Trong tất cả các loại giả hình, giả hình tôn giáo là thứ tồi tệ nhất. Khi một kẻ ác tham gia vào hoạt động tôn giáo, Đức Chúa Trời không chỉ từ chối sự giả dối như thế. Đức Chúa Trời

---

<sup>52</sup> Sheed and Ward, Stimuli.



rất ghét sự giả hình đến nỗi chính hoạt động tôn giáo đó, thay vì cải thiện tình trạng của những tội nhân không ăn năn, trở thành sự góm ghiếc đối với Đức Chúa Trời (Châm 18:8). Tốt hơn không nên có hoạt động tôn giáo nào cả.

**Sự Tự Lừa Dối.** Sự giả hình là sự cố gắng lừa dối người khác, nhưng nó thường xuất phát từ hoặc đan xen với chứng bệnh trầm trọng hơn: tự lừa dối mình. Chúng ta có thể bị lừa dối về thực tại, thuyết phục chính chúng ta rằng chúng ta tốt hơn hay tệ hơn con người thật sự của chúng ta. Cả hai đều nguy hiểm và huỷ phá ngang nhau. Thiếu sự thành thật cá nhân có thể làm hư hại một cách sâu sắc. Thất bại về sự thành thật cá nhân là gốc rễ của sự bất an trong cảm xúc và tâm trí.

Sự căng thẳng độc hại cụ thể về sự tự lừa dối mình là một khái niệm hiện đại của điều có nghĩa là thành thật. Một lần nọ một học viên Kinh Thánh kỳ cựu đến với tôi để được tư vấn về mối quan hệ vô luân trước đây với một người đàn ông không tin Chúa. Dường như chúng tôi không đi đến đâu cả, cho nên tôi hỏi, “Có bao giờ cô quyết định phá vỡ tất cả sự quan hệ với anh ta và không làm gì với anh ta nữa?” Sự đáp ứng của cô ta bày tỏ một cách rõ ràng khái niệm mới về ý nghĩa của sự thành thật: “Điều đó sẽ không thành thật, đúng không?” Chúng ta phải thành thật hoặc hành động trong sự hài hoà với cảm xúc của chúng ta. Nếu chúng ta phải hành động trái với điều khôn ngoan hoặc điều đúng, thì đó là cái giá mà chúng ta phải trả để duy trì “sự liêm chính” của mình.” Việc giữ sự kết ước, những mối quan hệ tương lai, và tất cả các giá trị khác là những điều có thể thương lượng nếu sự liêm chính của cảm xúc của chúng ta đang bị đe dọa.

Một người đàn ông nọ có cái mà ông gọi một người vợ hấp dẫn người đã ở với ông ba mươi năm và nuôi dưỡng “năm đứa con trai lực lưỡng,” nhưng bây giờ không còn gây thích thú tình dục cho ông giống như một người phụ nữ ly dị chồng nào đó. Anh ta nên làm gì đây? Anh ta đi đến kết luận: “Thanh danh tôi không cho phép tôi sống với một sự lừa dối.” Điều đó đánh vào sự tái định nghĩa về sự thành thật ngày hôm nay. Thành thật với chính mình có nghĩa là thành thật với toàn bộ con người của chính mình, với những lời kết ước của mình, với những mối quan hệ thánh khiết của mình, với Đức Chúa Trời, với điều đúng, với lẽ phải, cũng như với những cảm xúc của mình. Điều thành thật lớn nhất mà người đàn ông này có thể làm đó là khước từ những ước muốn và cảm xúc của mình và hành động với lòng liêm chính chân thật với lời thề ước hôn nhân của mình.

Sự giả hình là điều đáng khinh bỉ, sự tự lừa dối mình là điều độc ác, nếu không đối đầu với chúng, kẻ quen lừa dối có thể đi đến chỗ anh không còn nhìn nhận ra lẽ thật: “Lòng người ta là dối trá hơn muôn vật, và rất là xấu xa. Ai có thể biết được?” (Giê-rê-mi 17:9).

## NHỮNG TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ

**Sự Thật Không Đầy Đủ.** Mạng lệnh của Đức Chúa Trời phải nói sự thật không có nghĩa rằng một người buộc phải nói ra tất cả những gì anh ta biết trong mọi tình huống. Đấng Christ đã không nói với những em trai của mình tất cả sự thật liên quan đến ý định của Ngài trong việc đi lên thành Giê-ru-sa-lem (Giăng 7:8-10). Đức Chúa Trời đã chỉ dẫn Sa-mu-ên nói một phần của sự thật (1 Sa-mu-ên 16:1-5). Giê-rê-mi đã lừa dối bằng một phương pháp tương tự (Giê-rê-mi 38:24-27). Trong Đấng Christ không hề có sự dối trá (1 Phi-e-rơ 2:22), và Đức Chúa Trời không thể nói dối (Hê-bơ-rơ 6:18). Tuy nhiên chính Đức Chúa Trời đã không nói toàn bộ sự thật. Ngài nói với chúng ta chỉ một phần của sự thật cần thiết vì sự tốt lành cho chúng ta. Chúa Jê-sus nói với chúng ta một cách rõ ràng về cách sử dụng những câu chuyện ngụ ngôn của Ngài: “Thấy những điều có thể họ không thấy.” Một người mẹ có thể không nói với đứa con nhỏ dại của mình mọi điều cô ta biết khi trả lời câu hỏi, “Những em bé từ đâu mà có?”

Một người không cần phải nói tất cả những gì anh ta biết để được cho là nói sự thật, nhưng phải chăng điều này có nghĩa rằng sự lừa dối cố ý được Kinh Thánh chấp thuận? Cũng giống như giết chết con người không phải lúc nào tương đồng với sự giết người và dùng sức mạnh để lấy không phải luôn luôn tương đồng với việc trộm cắp, phải chăng có thể nói rằng lừa dối không phải lúc nào cũng tội lỗi?

**Điều Ít Xấu Hơn Giữa Hai Điều Xấu.** Trong cuộc trao đổi đầy thích thú về vấn đề khó hiểu này trong tạp chí *Eternity* tháng 5 năm 1964, Peter Wagner đã tranh luận rằng đôi khi cần thiết phải nói dối như là việc chọn điều ít xấu hơn giữa hai điều xấu. Chẳng hạn, những người ngoại bang đã che giấu những người Do Thái tại Đức Quốc Xã đã phải chọn giữa việc nói dối với quân đội Đức Quốc Xã hoặc đem giao nộp những người Do Thái này để họ chết. Nghiêm túc mà nói, cả hai sự lựa chọn đều là xấu, cho nên họ nên chọn theo tiếng nói của tình yêu, điều ít xấu hơn giữa hai điều xấu. Vài nhà thần học nổi tiếng như Bernard Ramm, Edward John Carnell of Fuller, Henry Stobb of Calvin, Lloyd Kalland of Gordon, and a Catholic theologian, Arthur Koestler đã hưởng ứng. Dù mỗi người không đồng ý áp dụng sự ngoại lệ cho trường hợp này hoặc trường hợp nọ trong những trường hợp của Wagner, tất cả đều đồng ý rằng nói dối trong một số hoàn cảnh là sự chọn lựa đúng. Tuy nhiên, một số người cho rằng đó là điều tốt, chứ không phải là điều ít xấu hơn giữa hai điều xấu.

Giáo lý về sự chọn lựa mang tính bi kịch đạo đức (ý tưởng rằng đôi khi chúng ta có thể cần phải phạm tội chọn điều ít xấu hơn giữa hai điều không thể chấp nhận được) đã bị biên tập viên của tạp chí *Christian Today* phản bác như sau:

Nếu một Cơ Đốc Nhân không cần phải chọn một giữa điều xấu này hoặc điều xấu kia, anh ta không tự do thoát khỏi tội lỗi mà anh ta đã chọn. Nếu anh ta nói dối, anh ta đã phạm tội nói dối, mặc cho động cơ nói dối của anh ta là gì đi nữa. Trong sự kêu gọi sống cho sự thật Kinh Thánh không đưa ra sự ngoại lệ nào cả. Mạng lệnh giữ ngày Sa bát có những ngoại lệ: những việc làm vì sự thương xót và nhu cầu cần thiết được cho phép. Luật cấm giết người cho phép có sự ngoại lệ; ở một điểm nào đó trong Cựu Ước, chiến tranh và hình phạt tử hình đã được Đức Chúa Trời ra lệnh. Nhưng điều răn phải nói sự thật không có sự ngoại lệ.<sup>53</sup>

John Mitchell không đồng ý có sự ngoại lệ, đã đáp lại trong tạp chí *The Presbyterian Guardian* tháng 5 năm 1976 như sau:

Chúng tôi đồng ý rằng nói dối là điều luật pháp của Đức Chúa Trời không cho phép. Chúng tôi cũng đồng ý rằng không có những ngoại lệ. Tôi tiếp tục chỉ ra rằng đôi khi những trường hợp chép trong Kinh Thánh được trích dẫn như là những ngoại lệ nhưng thật sự không phải như vậy. Khi Ra-háp nói dối để bảo vệ các thám tử Y-sơ-ra-ên, sự thật đã được ghi chép lại. Kinh Thánh khen ngợi đức tin của bà, nhưng không có chỗ nào trong Kinh Thánh tán thành sự nói dối như thế... Chúng ta phải đương đầu với những tình huống như vậy trong sự tin tưởng trọn vẹn rằng Đức Chúa Trời tể trị của chúng ta sẽ mở một con đường giải thoát – và chúng ta phải không có trách nhiệm phát triển con đường đó thay cho Ngài bằng cách chọn sự nói dối. Đức Chúa Trời kiểm soát mọi biên cố trong đời sống Cơ Đốc Nhân, và Ngài hoàn toàn có thể sắp đặt chúng vì lợi ích của chúng ta.

Sự tranh luận rất căng thẳng. Phải chăng không có trường hợp ngoại lệ nào mang tính Kinh Thánh cho điều răn cấm lừa dối? Trước khi xem xét các phân đoạn Kinh Thánh, chúng ta hãy ôn lại hai sự thật quan trọng.

*Tội lỗi căn bản là sự lừa dối, không chỉ được bày tỏ bằng lời sai trật một cách cố ý.* Lời nói có thể đúng với sự thật nhưng được dùng để lừa dối. Lời nói có thể hoàn toàn không đúng với sự thật nhưng lại chân thật. Đưa con trai của tôi cần phải bỏ lá thư vào thùng thư giúp tôi, nó hỏi “Gửi đi Mỹ hay gửi đến Nhật Bản?” Mặc dù nơi gửi đến là Tachikawa, Nhật Bản, tôi trả lời “Đi Mỹ.” Không có lời giải thích nào chuyển tải sự thật rằng địa chỉ APO (Bưu Điện Quân Đội Ở Nước Ngoài -ND) phải đi vào thùng thư “Mỹ” trước khi đi đến Nhật Bản. Tôi đã

---

<sup>53</sup> *Christianity Today*, 23 April 1976, 33.

trả lời (một cách chân thật) câu hỏi của nó, không phải lời nói của nó. Tôi đã không lừa dối nó.

*Một quy tắc nền căn bản khác chúng ta phải theo đó là nhìn nhận rằng chỉ một mình Kinh Thánh là sự hướng dẫn của chúng ta, và điều đó bao gồm hai cách.* Nếu Kinh Thánh thật sự không cho phép sự ngoại lệ, thì chúng ta không được có ngoại lệ nào, mặc cho tình huống có sâu thẳm đến mức nào. Nếu Kinh Thánh cho phép ngoại lệ đối với điều luật hoặc nguyên tắc nào đó, thì chúng ta không được cố gắng “thuộc linh hơn” Kinh Thánh.

Sự tranh luận của tôi đó là Kinh Thánh cho phép sự lừa dối trong ba trường hợp: những thoả thuận bình thường trong xã hội, chiến tranh, và trong việc chống lại các hoạt động tội phạm. Nếu những trường hợp ngoại lệ này là hợp với Kinh Thánh, thì lừa dối trong những bối cảnh như vậy dù dưới hình thức nào, bao gồm bằng lời nói, không phải xấu xa cần phải xưng nhận, nhưng là hành vi đạo đức hợp pháp.

**Những Thoả Thuận Bình Thường Trong Xã Hội.** Khi Đấng Christ hành động như thể Ngài sẽ tiếp tục, nhưng Ngài không dự định như vậy (Lu-ca 24:28 trở đi), hoặc khi Ngài hướng dẫn các môn đồ hãy “trang điểm” một chút để không ra vẻ như họ đang kiêng ăn (Ma-thi-ơ 6:17-18), Ngài rõ ràng không xem những điều này là sự lừa dối đầy tội lỗi. Dù Kinh Thánh không kể những câu chuyện đùa cũng không hướng dẫn những trò chơi cổ xưa, những điều này dường như rơi vào cùng loại với những thoả thuận bình thường trong xã hội dựa trên cơ sở sự đồng ý của hai bên với nhau. Có một kết cục không đoán trước được là điều khiến câu chuyện đùa gây cười, cho nên thánh giả càng bị dẫn đi sai lạc (bị lừa), kết cục càng hấp dẫn. Khả năng đánh lừa càng cao, người chơi bóng hoặc người chơi cờ đó càng hay.

Nhiều lời chào hỏi hoặc những câu xã giao đều có bản chất này. Những người quá đặt nặng tính xác thực cho sự giao tiếp xã hội không giúp ích nguyên cơ của sự thật.

Chúng ta nên điều chỉnh những lời chào hỏi phổ biến để nó đúng với thực tế càng nhiều càng tốt. Khi người khác hỏi, “Bạn khoẻ không?” trừ khi anh ta thật sự muốn đề cập đến vấn đề đó, không ai nghĩ anh ta cần biết những thông tin sức khoẻ của cơ thể hoặc tinh thần. Tôi cảm thấy thoải mái hơn với câu trả lời lẩn tránh chẳng hạn như “Tôi biết rằng tôi còn tồn tại,” nhưng điều đó cũng không đạo đức hơn hoặc đúng với thực tế hơn câu trả lời vô nghĩa và phổ biến, “Dạ, khoẻ.” Áp đặt những câu chuyện hài, các trò chơi, hoặc những lời chào giao tiếp xã hội phải thoả mãn những đòi hỏi của điều răn thứ chín là không nghiêm túc với nguyên cơ của sự thật; thực ra nó làm tầm thường hoá những đòi hỏi về sự liêm chính theo Kinh Thánh.

Nếu bằng chứng Kinh Thánh về sự lừa dối hợp pháp đối với những thoả thuận bình thường trong xã hội, dù bằng chứng ủng hộ hay bằng chứng chống đối, không có nhiều (có lẽ vì lý do rằng nó là bình thường, không quan trọng), thì sự thiếu sót này không thể viện dẫn cho trường hợp sự lừa dối trong chiến tranh.

**Sự Lừa Dối Trong Chiến Tranh.** Chiến tranh với bản chất của nó được tiến hành với tất cả những vũ khí có sẵn, kể cả tâm lý và sự lừa dối. Chính Đức Chúa Trời cũng thực hiện chiến tranh theo cách này. Ngài không chỉ bảo Giô-suê tổ chức mai phục (Giô-suê 8:2), một sự lừa dối hết sức chết người, chính Ngài đã tổ chức mai phục ít nhất một lần (2 Sử Ký 20:22). Ê-li-sê và Đức Chúa Trời đã làm việc cùng với nhau trong một dự án mà trong đó vị tiên tri này nói với quân đội của kẻ thù, “Đây không phải là con đường và đây không phải là thành phố,” nhưng thực tế đó là thành phố. Khi thời điểm tấn công kẻ thù đã đến, Đức Chúa Trời hướng dẫn Y-sơ-ra-ên lập ra một dạng lừa dối rất chuyên nghiệp và tinh túy: sai các thám tử đi vào vùng đất. Những thám tử này được che giấu, bằng một hình thức ly kỳ như tiểu thuyết, bởi tổ phụ của Chúa Jê-sus, Ra-háp. Vào thời điểm bà bắt đầu hành động lừa dối, không phải lúc bà nói ra những lời lừa dối những người lính địa phương. Vì hành động này bà đã được Đức Chúa Trời khen ngợi và ban thưởng (Hê-bơ-rơ 11:31).

Một số người cho rằng Ra-háp được khen ngợi vì đức tin của bà, chứ không phải hành động của bà. Ngoài thực tế cả ba phân đoạn Kinh Thánh này đều nói một cách rõ ràng rằng sự khen ngợi đó là vì những gì bà đã làm, làm sao có thể tách rời đức tin và công việc? Thực ra, Gia-cơ, người đã nhấn mạnh không thể tách rời đức tin khỏi việc làm, đã nói về Ra-háp rằng bà được biện hộ cho những gì bà đã làm (như là bằng chứng của đức tin) (Gia-cơ 2:25). Một suy nghĩ thần học nguy hiểm có khả năng gây tổn hại không bao giờ dứt đang được đề xướng đó là nếu một người có thể cố ý thực hiện một hành động tội lỗi vì một chính nghĩa tốt có được khen ngợi vì đức tin của mình không. Nếu một người phạm tội, phải chăng anh ta không nên bị khiển trách mà ngược lại nên được khen thưởng – nhất là khi hành động đó vì mục đích cứu một ai đó? Không, Ra-háp đã hành động trong đức tin rằng Đức Chúa Trời Đấng ở cùng Y-sơ-ra-ên mạnh hơn các thần của Giê-ri-cô, và bà đã làm điều đúng – bà đứng về phía dân sự của Đức Chúa Trời và lừa dối qua hành động và lời nói trong cái có thể được gọi một cách hợp lý, hành động chiến tranh. Những người khác cho rằng việc giấu những thám tử có thể chấp nhận được nhưng bà đã phạm tội khi bà nói những lời không đúng sự thật. Nhưng đó là một định nghĩa về tội lừa dối không thể chấp nhận được và mở cửa cho các loại bất ổn về thần học, những thứ mà trong đó lời là thiêng liêng còn hành động thì không.

Nếu chiến tranh là hợp pháp (hãy xem phần nói về chiến tranh), thì sự mai phục, nguy trang, thám tử, chiến lược lừa phỉnh, trao đổi bằng mật mã, là những phần không thể thiếu trong chiến tranh, cũng hợp pháp.

**Sự Lừa Dối Trong Việc Chống Tội Phạm.** Sự lừa dối rõ ràng là một dạng kháng cự. Giống như sự kháng cự bằng bạo lực, sự kháng cự này thường là sai, nhưng nó không sai trong trường hợp kháng cự lại một tội phạm hoặc một kẻ thù trong chiến tranh.

Những bà đỡ Hê-bơ-rơ đã kháng cự lại chế độ áp bức, khả ố bằng cách không vâng lời và lừa dối. Vì điều này “Đức Chúa Trời đã ban ơn cho các bà đỡ” (Xuất 1:15-21). Làm sao có thể nói rằng đức tin của họ tốt còn hành động mang tính lật đổ đó là xấu? Hoặc làm sao có thể nói rằng sự không vâng lời của họ là tốt nhưng sự lừa dối của họ là xấu? Kinh Thánh không phân biệt như thế. Kinh Thánh chỉ nói rằng Đức Chúa Trời đã tán thưởng.

Nếu một người chủ nhà, rời nhà đi xa, hẹn giờ cho hệ thống ánh sáng của mình để lừa những kẻ trộm cướp tin vào sự lừa dối (rằng ông ta đang ở nhà), chắc chắn ông ta không phạm tội. Hành động mang tính lừa phỉnh của cảnh sát là điều tốt khi cần phải vây bắt một kẻ tội phạm. Khi một kẻ cướp đòi vào nhà, hoặc xông đến những tài sản hoặc con người trong nhà, và anh ta có thể bị đánh lạc hướng bằng sự lừa dối (với lời đúng sự thật hoặc lời giả dối), thì người lừa dối đó không phải đã chọn điều ít xấu hơn giữa hai điều xấu, nhưng đã chọn làm điều đúng.

Lưu ý rằng chúng ta không biện minh cho những sự lừa dối này dựa trên những lý lẽ của chủ nghĩa tình huống, nhưng quyết định cho mình hành động nào bày tỏ tình yêu nhiều hơn cho hầu hết mọi người. Chúng ta cũng không nói rằng cả hai cách hành động đều là tội lỗi và người ta đôi khi phải chọn với một sự lựa chọn bi kịch mang tính đạo đức (chẳng hạn, nói dối thay vì giết chết). Không, chúng ta muốn nói rằng bất kỳ hình thức lừa dối nào cũng tội lỗi xấu xa, ngoại trừ trong những tình huống mà trong đó chính Kinh Thánh cho phép hoặc ủng hộ sự lừa dối: những thoả thuận bình thường trong xã hội, chiến tranh và chống lại tội phạm. Trong những trường hợp đã trích dẫn, chính Đức Chúa Trời vừa chống lại hành động lừa dối, nghiêm cấm nó, vừa được cho là đã tán thưởng những người đã thực hiện nó.

Chúng ta không tạo ra những trường hợp ngoại lệ cho bất kỳ điều răn nào trong Kinh Thánh dựa trên nền tảng những điều có vẻ hợp lý hoặc yêu thương. Nếu những trường hợp ngoại lệ được tạo ra, chúng phải được tạo ra dựa trên nền tảng những ngoại lệ được đảm bảo bởi Kinh Thánh và không thể cứ đưa ra đây đây những ngoại lệ và làm vắn đục phần đời còn lại bằng sự lừa dối vào bất cứ lúc nào thấy kẻ nói dối dường như hợp lý, yêu thương, đáng giá, hoặc cần thiết để đạt được một vài kết quả tốt đẹp nào đó.

Điều răn thứ hai không thể được hiểu với ý nghĩa rằng không hề có nghệ thuật gì trong những bức tranh hay các đồ vật trong thiên nhiên bởi vì có những trường hợp ngoại lệ rất rõ ràng cho điều răn cấm tạo nên “các ảnh tượng.” Dĩ nhiên điều răn thứ tư (về ngày nghỉ) và điều răn thứ sáu (cấm giết người) có những ngoại lệ đã được nêu ra trong Kinh Thánh. Nếu điều răn thứ năm được hiểu với ý nghĩa rằng trẻ em phải vâng lời cha mẹ như là một phần của sự “hiếu kính,” thì cũng có những trường hợp ngoại lệ. Nếu điều răn thứ bảy được đem ra để nói rằng tất cả tình dục ngoài hôn nhân đều là sai trật về mặt đạo đức, thì nạn nhân của sự hiếp dâm là trường hợp ngoại lệ, và nếu điều răn thứ tám nghiêm cấm việc trộm cắp được định nghĩa như là “dùng sức mạnh để lấy,” sự ngoại lệ cũng rất rõ ràng. Với cách như vậy, nếu điều răn thứ chín nghiêm cấm làm chứng dối được hiểu là bao gồm tất cả các dạng lừa dối trong tất cả các hoàn cảnh, thì chúng ta phải làm gì với những ngoại lệ rõ ràng hợp với Kinh Thánh? Tôi sẵn sàng đồng ý rằng những bằng chứng về những ngoại lệ đối với điều răn cấm lừa dối còn nhiều hơn các điều răn thứ hai, thứ tư, thứ năm và thứ bảy nữa, những ngoại lệ mà hầu hết các học giả và dân thường dễ dàng đồng ý.

Vậy tôi xin kết luận rằng sự lừa dối là tội, một sự vi phạm điều răn thứ chín, cố ý lừa gạt những người mà Kinh Thánh không cho phép lừa gạt. Và dù tôi không bị buộc phải khai sáng mọi người trong mọi đề tài mà tôi có thể có sự hiểu biết, tôi không có quyền cố gắng lừa dối ai bằng bất cứ cách nào ngoại trừ với những sự thoả thuận xã hội dựa trên sự đồng ý của hai bên, một kẻ thù trong chiến tranh, và trong hoạt động chống tội phạm.

Chúng ta đã giải quyết một cách hơi chi tiết những trường hợp ngoại lệ khả dĩ đối với điều răn về sự thật bởi vì những vấn đề này rất quan trọng đối với đời sống hằng ngày của chúng ta và đang được tranh cãi một cách nóng bỏng trong vòng những tín hữu học thức cũng như những tín hữu tận hiến. Nhưng chúng ta hãy trở lại với ý chính của chương này.

Đức Chúa Trời là thực tại tối cao, và sự đáng tin của Ngài là điều khiến cho thế giới này gắn kết lại với nhau và có ý nghĩa. Nếu Ngài không kiên định và ngẫu hứng, để mặc những sự thất thường và lừa dối có chủ ý, thì thế giới sẽ không đơn giản là một thế giới lừa đảo không đáng tin – nó không có sự gắn kết với nhau gì cả. Nó không thể tồn tại.

Thực tại đó liên quan đến đời sống của chúng ta. Chúng ta càng làm theo đúng với thực tại, chúng ta càng sống. Chúng ta càng xa lìa khỏi thực tại, nhất là khi chúng ta cố ý chọn sự dối trá, chúng ta càng gây huỷ hoại và bị huỷ hoại. Đó là lý do tại sao Đức Chúa Trời đòi hỏi sự liêm chính và ghét tất cả các dạng không thành thật. Yêu mến sự thật là ghét sự dối trá. Cho nên chúng ta đã xem xét sự không thành thật trong mối quan hệ với tài sản và sự thật, đã cố gắng lần theo dấu vết của nó qua mê hồn trận của sự xấu xa của nó với sự nỗ lực giúp đỡ chúng ta tìm ra phương cách đến với ánh sáng quang đấng và vẻ đẹp thánh khiết của Đức

Chúa Trời, Đấng đáng tin cậy, để rồi chúng ta có thể được tái tạo bởi Thánh Linh của Ngài theo hình ảnh của Ngài, và trở nên những con người đáng tin.

## ĐỀ NGHỊ ĐỌC THÊM

Trong chương này chúng ta đã giải quyết hơn ba mươi đề tài chính mà cuốn sách đã được viết ra - từ vấn đề khó (chẳng hạn như “Công Việc và Sự Nhàn Rỗi”) đến hàng ngàn vấn đề khác (chẳng hạn như “Các Hệ Thống Kinh Tế”). Một số tác giả và nguồn tài liệu chính đã được trích dẫn trong sách. Nguồn sách tham khảo cho mỗi đề tài điều vượt quá phạm vi của phần thảo luận này, nhưng tôi liệt kê một số sách hữu ích cho những đề tài chính.

### LAO ĐỘNG VÀ SỰ QUẢN LÝ

Catherwood, Henry F. R. *The Christian in Industrial Society*. London: Tyndale, 1964.

### CÁC HỆ THỐNG KINH TẾ

Bernbaum, John A., ed. *Economic Justice and the State: A Debate between Ronald H. Nash and Eric H. Beversluis*. Grand Rapids: Baker, 1986.

Copeland, Warren R. *Economic Justice: The Social Ethics of U.S. Economic Policy*. Nashville: Abingdon, 1988.

Ellul, Jacques. *Money and Power*. Trans. LaVonne Neff. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1984. Có tính tranh luận, nhưng cũng kích thích.

Gay, Craig M. *With Liberty and Justice for Whom?: The Recent Evangelical Debate over Capitalism*. Grand Rapids: Eerdmans, 1991.

Griffiths, Brian. *The Creation of Wealth: A Christian's Case for Capitalism*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1985.

Haltzman, Jim. *Market Capitalism and Christianity*. Grand Rapids: Baker, 1989.

Neuhaus, Richard John. *Doing Well and Doing Good*. New York: Doubleday, 1992. Lời bình giải về những quan điểm và sự ảnh hưởng của thông tri hệ thống kinh tế của Giáo Hoàng John Paul II, *Centesimus Annus* (1991), bởi người tín đồ Công Giáo La Mã chuyển sang Tin Lành phái Lutheran.

Novak, Michael. *The Spirit of Democratic Capitalism*. Lanham, Md.: Madison Books, 1991. Có thể cho rằng ông là người đề xướng và bảo vệ cho chủ nghĩa tư bản có ảnh hưởng nhất kể từ thời Adam Smith. Ông cho rằng chủ nghĩa tư bản là một hệ thống kinh tế được ưa thích hơn nếu được hậu thuẫn bởi những giá trị Cơ Đốc.

O'Neill, Terry. *Economics in America*. San Diego: Greenhaven, 1991.

Rush, Myron. *Lord of the Marketplace*. Wheaton, Ill.: Victor, 1986. Sutherland, John R.



*Going Broke: Bankruptcy, Business Ethics, and the Bible.* Scottsdale, Pa.: Herald, 1991.

#### CÁC QUAN ĐIỂM VỀ TIỀN BẠC

Babbitt, Dave, and Kathy Babbitt. *Downscaling: Simplify and Enrich Your Lifestyle.*

Chicago: Moody Press, 1993.

Bernbaum, John A., and Simon M. Steer. *Why Work? Careers and Employment in Biblical Perspective.* Grand Rapids: Baker, 1987.

Burkett, Larry. *Victory over Debt.* Chicago: Moody Press, 1992.

\_\_\_\_\_. *Business by the Book: The Complete Guide of Biblical Principles for Business.* Nashville: Nelson, 1990.

\_\_\_\_\_. *Using Your Money Wisely: Biblical Principles under Scrutiny.* Chicago: Moody Press, 1990.

DeVries, Paul, and Barry Gardner. *The Taming of the Shrewd: A Marketplace Handbook for Smart Ethics, Scrupulous Strategy and Sound Decision-Making.* Nashville: Nelson, 1992.

Getz, Gene. *A Biblical Theology of Material Possessions.* Chicago: Moody Press, 1990.

May, Robin Kendrick. *Counting the Cost: The Economics of Christian Stewardship.* Grand Rapids: Eerdmans, 1986.

Longenecker, Richard. *New Testament Social Ethics for Today.* Grand Rapids: Eerdmans, 1984.

Schneider, John. *Godly Materialism: Rethinking Money and Possessions.* Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1994.

Wells, William W. *The Agony of Affluence.* Grand Rapids: Zondervan, 1989.

White, John. *Money Isn't God.* Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1993. Sự phê bình về sự ảnh hưởng của chủ nghĩa vật chất trong Hội thánh. Sự trở lại và bành trướng của *The Golden Cow* (1979).

#### TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Ball, William Bendy, ed. *In Search of a National Morality: A Manifesto for Evangelicals and Catholics.* Grand Rapids: Baker, 1992.

Barrett, Lois. *Doing What Is Right: What the Bible Says about Covenant and Justice.* Scottsdale, Pa.: Herald, 1989.

Betsworth, Roger G. *Social Ethics: An Examination of American Moral Traditions.* Louisville: John Knox, 1990.

Copeland, Warren R. *And the Poor Get Welfare: The Ethics of Poverty in the U.S.* Nashville:

- Abingdon, 1993.
- de Koster, Katie, ed. *Poverty: Opposing Viewpoints*. San Diego: Greenhaven Press, 1994.
- Kysar, Robert. *Called to Care: Biblical Images for Social Morality*. Minneapolis: Augsburg, 1991.
- Resener, Carl R. *Crisis in the Streets*. Nashville: Broadman, 1988. Chỉ ra nan đề vô gia cư và những điều chúng ta cần phải làm để khắc phục nan đề đó.
- Rohr, Janelle, ed. *The Third World: Opposing Viewpoints*. San Diego: Greenhaven Press, 1989.
- Schemmer, Kenneth E. *Tinkering with People*. Wheaton, Ill.: Victor Books, 1992.
- Sider, Ronald J. *One-Sided Christianity? Uniting the Church to Heal a Lost and Broken World*. Grand Rapids: Zondervan, 1993.
- \_\_\_\_\_. *Rich Christians in an Age of Hunger*. Rev. ed. Dallas: Word, 1990.
- Stackhouse, Max L, Dennis P. McCann, and Shirley J. Rods, with Preston N. Williams. *On Moral Business: Classical and Contemporary Resources for Ethics in Economic Life*. Grand Rapids: Eerdmans, 1994. Độc giả sẽ có một chuỗi rộng về các đề tài.

## SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

- Basney, Lionel. *An Earth-Careful Way of Life: Christian Stewardship and the Environmental Crisis*. Downers Grove, Ill.; InterVarsity Press, 1994. Bradley, Ian. *God Is Green: Ecology for Christians*. New York: Doubleday, 1992.
- Campolo, Tony. *How to Rescue the Earth without Worshiping Nature*. Nashville: Nelson, 1992.
- Daly, Herman E., and John B. Cobb. *For the Common Good: Redirecting the Economy toward Community, the Environment, and a Sustainable Future*. Boston: Beacon, 1989.
- DeWitt, Calvin E., and Ghillelan T. Prance, eds. *Missionary Earthkeeping*. Macon, Ga.: Mercer University, 1992.
- Gore, Al. *Earth in the Balance: Ecology and the Human Spirit*. Boston: Houghton-Mifflin, 1992.
- Hessel, Dieter T., ed. *After Nature's Revolt: Eco-Justice and Theology*. Grand Rapids: Eerdmans, 1992.
- Kirk, Janice E., and Donald R. Kirk. *Cherish the Earth: The Environment and Scripture*. Scottdale, Pa.: Herald, 1993.
- Kjos, Berit. *Under the Spell of Mother Earth*. Wheaton, Ill.: Victor Books, 1992.
- Land, Richard D., and Louise Moore, eds. *The Earth Is the Lord's: Christians and the*

- Environment*. Nashville: Broadman, 1992.
- Meyer, Art, and Jocele Meyer. *Earthkeepers: Environmental Perspectives on Hunger, Poverty, and Injustice*. Scottdale, Pa.: Herald, 1991.
- Nash, James A. *Loving Nature, Ecological Integrity and Christian Responsibility*. Nashville: Abingdon, 1991.
- Schaeffer, Francis A. *Pollution and Death of Man: The Christian View of Ecology*. Wheaton, Ill.: Tyndale House, 1970.
- Wilkinson, Loren, ed. *Earth Keeping in the Nineties*. Grand Rapids: Eerdmans, 1991.
- Young, Richard A. *Healing the Earth: A Theocentric Perspective on the Environmental Problem*. Nashville: Broadman, 1994.

## SỰ LỪA DỐI

- Bok, Sissela. *Lying: Moral Choice in Public and Private Life*. New York: Vintage, 1979. Sự khảo sát đầy thích thú về thái độ lịch sử hướng về những kiểu lừa dối khác nhau.
- Horton, Michael. *The Agony of Deceit: What Some TV Preachers Are Really Teaching*. Chicago: Moody Press, 1990.
- \_\_\_\_\_. *Power Religion: The Selling Out of the Evangelical Church*. Chicago: Moody Press, 1992.
- Hybels, William. *Who You Are When No One's Looking: Choosing Consistency, Rejecting Compromise*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1987.



## CHƯƠNG 10

### CƠ ĐỐC NHÂN VÀ XÃ HỘI

Chúng ta đã xét những trách nhiệm đạo đức trong Kinh Thánh mà chúng ta phải tuân theo, những nguyên tắc Kinh Thánh mà chúng ta phải áp dụng vào trong ngữ cảnh của chúng ta, và “sự cho phép” của Kinh Thánh- những phạm vi của sự tự do mà có thể không bị lấy mất đi uy quyền của Kinh Thánh. Chúng ta đã sử dụng khuôn mẫu Mười Điều Răn, nhưng bây giờ chúng ta đi đến những lĩnh vực khó giải quyết hơn, những vấn đề là những chủ đề Kinh Thánh không thể nhìn thấy được và về những cơn giông bão cuồn xoáy của cuộc tranh luận: Cơ Đốc Nhân và xã hội, những vấn đề về lương tâm, và sự hướng dẫn cá nhân.

Cơ Đốc Nhân có trách nhiệm gì để vượt lên trên tư cách làm gương và dạy dỗ của luân thường đạo lý? Có phải Cơ Đốc Nhân có một trách nhiệm từ Kinh Thánh là cố gắng điều khiển tư cách đạo đức của người khác? Có phải Cơ Đốc Nhân được Kinh Thánh cho phép để làm như vậy? Có những nguyên tắc hướng dẫn chúng ta vượt qua những sự phức tạp của những nan đề khó xử riêng tư chống lại công cộng, mối quan hệ riêng tư của Cơ Đốc Nhân đối với những thể chế của xã hội? Và vai trò hữu hiệu của Hội thánh nên nắm giữ là gì?

### HỘI THÁNH VÀ NHÀ NƯỚC

Trong suốt lịch sử Hội thánh, người ta tranh luận về câu hỏi có hợp pháp hay không để hoạt động hướng đến việc Cơ Đốc Giáo hoá xã hội. Trong thời đại Reagan, sự tranh cãi này đã nóng lên trở lại. Một số người gièm pha việc “chính trị hoá tôn giáo” hoặc “tôn giáo hoá chính trị.” Số người khác thì kết hợp Hội thánh và nhà nước với sự nhiệt tình.

Trái ngược với những gì một số người giữ vai trò chủ đạo nói, không một luận điểm nào là lĩnh vực duy nhất của niềm tin tôn giáo thần học ban cho.

Những người theo chủ nghĩa tự do và bảo thủ đều xếp loại tương tự thông qua tất cả các luận điểm, và hầu hết làm cho bối rối, một cá nhân có thể đòi hỏi sự tách biệt của “tôn giáo và chính trị” trong một số vấn đề trong khi lại đòi hỏi chúng kết hợp nhau trong những vấn đề khác. Nói cách khác, đó là những vấn đề cần được bàn bạc mà có vẻ như để phân chia.

Nếu vấn đề là chủng tộc, phân phối công bằng của sự giàu có, bảo đảm nghề nghiệp, nam nữ bình quyền hoặc kiểm soát vũ khí, thông thường bạn có thể trông mong vào sự tham gia tự do và sự không tham gia vào trào lưu chính thống; nhưng nếu những vấn đề là nạn nạn phá thai, an ninh trật tự, sự khiêu dâm, truyền thống gia đình, một ngân sách quốc phòng lớn, hoặc nhân quyền, thì những vai trò bị đảo ngược. Thật không đúng chính xác rằng một mặt là vì chính phủ chi tiêu phung phí và kiểm soát mọi mặt và mặt kia thì muốn chính phủ thu hẹp

trong những vai trò tối thiểu; mỗi người muốn chính phủ tham gia rất nhiều để đạt được những gì mà người đó nghĩ là quan trọng đối với sự thịnh vượng chung và không có sự hiện diện của chính phủ trong tất cả những điều mà người đó cho là công việc riêng tư. Chỉ là một chương trình nghị sự khác. Nhưng trong sự tìm kiếm để chiến thắng, lời kêu gọi được trở lên, “Chính trị và tôn giáo không được lẫn lộn!” Điều mà chúng ta thiếu không thêm vào là, “do những đối thủ của chúng ta.” Thái độ đạo đức giả (vô tình, chúng ta hy vọng) này cộng thêm một sự đả ngộ to lớn của sự lộn xộn đối với sự tranh cãi vốn đã phức tạp. Nhưng Hội thánh chẳng bao giờ đồng ý về những vấn đề này.

## DÒNG LỊCH SỬ

Trong ba thế kỷ đầu tiên, Hội thánh đã rất khó khăn trong việc tham gia vào những hoạt động xã hội, nhưng không thông qua chương trình chính phủ. Thật ra, Cơ Đốc Nhân đã bị loại trừ khỏi đời sống công chúng do sự bắt bớ khốc liệt. Tuy nhiên, họ đã được công nhận khắp nơi vì sự cứu tế (thậm chí những người nghèo cũng ban cho cách rộng rãi thông qua việc làm và sự kiêng ăn), giúp đỡ kẻ mồ côi và người goá bụa (hoàng đế không tin Chúa, Julian đã nói, “Những người vô thần Ga-li-lê không chỉ nuôi những người nghèo khó của họ mà nuôi cả những người nghèo của chúng tôi”), chăm sóc người đau ốm và kẻ tàn tật (thiết lập những bệnh viện đầu tiên), quan tâm đến những người tù đày và nô lệ (một số Cơ Đốc Nhân đã bán mình trong cảnh nô lệ để mua chuộc sự tự do cho người khác), cung cấp việc làm cho người thất nghiệp, quan tâm những người đang chịu đựng những tai ương (trong những lúc bị dịch bệnh chỉ có những Cơ Đốc Nhân tiếp tục chăm sóc cho những người đi dần đến cái chết), và bày tỏ lòng hiếu khách đối với những người đi đường.

Rồi đến Hoàng đế Constantine (312), và các dân tộc thiểu số bị bỏ rơi đã dần dần được thành lập. Thoạt đầu, nhà nước đã kiểm soát Hội thánh, nhưng trải qua nhiều thế kỷ Hội thánh đã trở nên kiểm soát - hoặc ít ra điều khiển nhà nước. Đó là thời của Giáo hoàng Gregory VII (cai trị năm 1073- 1085), ông nói, “Chỉ một mình giáo hoàng mới có thể sử dụng vương miện toàn quyền; tất cả các hoàng tử nên hôn chân ông ta và chỉ một mình ông ta thôi; ông ta có thể phế truất các hoàng đế; ông có thể xoá tội cho những lãnh đạo độc ác vì lòng trung thành của họ.” Giáo hoàng Innocent III (cai trị năm 1198-1216) có thể là một giáo hoàng quyền lực nhất, ông luôn luôn điều khiển các quốc vương Âu châu như ông ta muốn. Những giáo hoàng đã công bố rằng trong một châu Âu cơ đốc (về mặt lý thuyết) họ như những người đứng đầu Hội thánh, có tối đa quyền trung thành từ tất cả những người cai trị thế tục. Nhưng trong khi Gregory và Innocent nói chung là những người cai trị khôn ngoan

và công bằng, thì nhiều giáo hoàng khác đã sống những đời sống khiêm nhã và đã minh chứng rằng quyền lực có khuynh hướng thối nát.

Mặc dầu có sự khác biệt trong triết lý của sự cai trị, tất cả các nhà cải cách đã giữ vững sự tách biệt của chính quyền dân sự và tôn giáo. Những tín đồ thuộc giáo phái làm lễ rửa tội lại thậm chí đã đi xa hơn, khẳng khái rằng chính quyền dân sự là chỉ cho người không tin Chúa còn Cơ Đốc Nhân nên giữ ở ngoài các hệ thống thế tục này. Quan điểm này vẫn được giữ vững đến ngày nay bởi một số các con cháu thuộc linh của họ, như là thành viên của phái Tin Lành Mỹ và những người theo phái Tin Lành ở Hà lan. Quan điểm này ảnh hưởng đến người khác cách mạnh mẽ, vì thế những người theo phái Tin Lành Báp-tít của tất cả các phái khác nhau đều nhấn mạnh đến sự tách biệt giữa Hội thánh và Nhà nước.

Tuy nhiên, sự giảng dạy của người Tin Lành cải cách có ảnh hưởng lớn là không phải cho sự tách biệt về *ảnh hưởng* mà cho sự tách biệt của *quyền lực* của Hội thánh và Nhà nước vì thế không có cái nào kiểm soát cái nào. Hội thánh và Nhà nước đã được xem như là cộng sự tách rời nhau nhưng trùng khớp trong phạm vi trách nhiệm đối với việc đạt đến những mục đích của Đức Chúa Trời trong thế giới này. Quan điểm này đã chiếm ưu thế ở phương Bắc, những người Tin Lành Âu châu, trong khi di sản của người Công giáo La-mã là Hội thánh-Nhà nước pha trộn lẫn nhau chiếm ưu thế hơn ở miền Nam Âu châu. Thế Giới Mới đã trở nên người thừa hưởng cách tiếp cận của người Tin Lành ở Bắc bán cầu và phương pháp tiếp cận của người Công giáo La mã ở tại Nam bán cầu, nơi mà những phương pháp này vẫn còn tiếp tục cho đến ngày nay.

Có lẽ cuộc thử nghiệm thành công và kéo dài nhất với một “mô hình người Tin Lành” đã được giới thiệu bởi John Knox (1505-1572) ở Xcôt-len, nơi mà trong một thế kỷ những nhà tù được tuyên bố là trống rỗng và những tội phạm tử hình chưa từng có. Kinh Thánh, được xem xét thông qua hệ thống thần học của John Calvin đã được chấp nhận bởi tất cả mọi người như một tiêu chuẩn của đời sống. Sự tin kính của những tín đồ ngay thẳng của giáo hội Trưởng lão đã dường như không ảnh hưởng đến người hàng xóm miền nam của họ, mà đã trượt xa hơn và sâu hơn vào trong sự suy đồi đạo đức để rồi nước Anh đã chín muồi cho sự phục hưng dưới sự giảng dạy của George Whitefield và John Wesley.

Điều này đã dẫn đến “Sự Thức Tỉnh của cánh Phúc Âm,” điều này thường được đưa ra như một gương mẫu về làm thế nào những Cơ Đốc Nhân (không phải đoàn thể Hội thánh như ở Xcôt-len) có thể thay đổi chiều hướng của chính phủ và vận mệnh của quốc gia.

Hoạt động chính trị của người Anh giữa năm 1750 và 1850 đã được thống trị bởi Tin Lành Anh giáo, nhiều người đã ra khỏi sự phục hồi của giáo hội Giám lý. “Các thánh,” hoặc “Giáo phái Clapham,” đã họp lại ở nhà của Henry Thornton và đã tìm ra nhóm gây sức ép dữ

dội mà người Anh chưa từng thấy. William Wilberforce, Grenville Sharp, Thomas Clarkson, Zachary Macaulay, và tướng công Shaftesbury đã quyết định để cứu chữa những điều sai trái thuộc đạo đức của vương quốc họ. Họ đã dẫn đến việc bãi bỏ tình trạng nô lệ, đấu tranh cho nhân quyền cho những nhà máy và nhà tù, sự giảm nhẹ người nợ nần, và phản đối sự phân biệt đối xử người dân tộc thiểu số. Ngày Chúa Nhật đã được thiết lập cách chắc chắn như là một ngày nghỉ ngơi, sự xỏ số của quốc gia đã được bãi bỏ. Trò chó cắn gấu, trò giải trí dùng cho đầu bò, và các cuộc chọi gà đã được chấm dứt. Thậm chí hành vi coi thường và tội ngoại tình đã bị luật pháp lên án.

Họ đã làm điều đó như thế nào? Họ đã tìm kiếm để huy động mọi lực lượng có thể thực hiện được. Họ đã sử dụng những hoạt động chính trị. Một số người không phải là người có thẩm quyền trong những lĩnh vực đáng tin cậy đã làm cho họ có thẩm quyền để được hiệu quả hơn. Vào năm 1815, một nửa số giới quý tộc đã từ bỏ những thú tiêu khiển săn bắn và chơi banh lâu đời của họ và đã sốt sắng thành lập những nhóm học Kinh Thánh. Giáo phái Clapham đã sử dụng tiền bạc. Thuộc địa Châu Phi của quốc gia Tây Phi được thành lập vào năm 1787 như là một mái nhà cho những nô lệ được tự do và được duy trì liên tục cách kín đáo trong vòng hai mươi năm. Agnew, người Xcôt-len cánh Phúc Âm, một thành viên của quốc hội Anh, đã mua toàn bộ hàng ngàn cổ phiếu hệ thống đường sắt cho nên ông có thể thúc ép đóng cửa hệ thống đường sắt vào ngày Chúa Nhật. Những Cơ Đốc Nhân Clapham đã không chỉ quan tâm đến việc buôn bán bất lương người nô lệ da đen (những người mà họ đã ngăn chặn), mà họ còn quan tâm lo lắng cho những linh hồn hư mất trong những vùng chưa được truyền rao Tin Lành trên thế giới. Chẳng hạn như, đau buồn cho công ty khổng lồ Đông Ấn Độ đã bị cấm hoạt động truyền giáo tại Ấn Độ, họ đã mua tất cả các cổ phần và tiếp quản toàn bộ ban giám đốc công ty với mục đích mở cửa Ấn độ cho Phúc Âm của Chúa.

Họ đã dùng việc tẩy chay. Hannah More, được gọi là “nữ sĩ bậc cao của Tin Lành Phục Hưng,” đã thuyết phục “phụ nữ quý tộc” tránh sử dụng đường của quần đảo nằm giữa đông nam Bắc Mỹ và miền bắc Nam Mỹ trong trà của họ như là một phần của toàn thể chiến dịch chống nô lệ. Trong thực tế, vũ khí vĩ đại nhất của những người Tin Lành này đã ảnh hưởng đến quan điểm của quần chúng. Họ đã tổ chức những chiến dịch công cộng kế tiếp nhau trong sự đảo ngược hệ thống giá trị của tất cả mọi người trong vòng chưa đầy một thế hệ. Họ mong đợi đất nước họ thoát khỏi mọi điều xấu xa: cầm giữ nô lệ, đàn áp phụ nữ và trẻ em, phá vỡ ngày Sa-bát, hành động bất công, tội ngoại tình, hành vi coi thường - bất cứ điều gì vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời.



## HỘI THÁNH VÀ NHÀ NƯỚC Ở MỸ

Những nước thuộc địa ở Bắc Mỹ đã thừa hưởng di sản Tin Lành của nước Anh và Xcốt-len. Có một ít bằng chứng để ủng hộ một số quan điểm hiện đại rằng những Nhà Sáng Lập có bất cứ điều gì khác biệt cơ bản trong tâm trí hơn là sự gia tăng từ thiện của Nhà nước bởi Hội thánh và Hội thánh bởi nhà nước trong khi quyết định rằng cả Nhà nước và Hội thánh, không có cái nào thống trị hoặc kiểm soát cái nào. Hãy xem xét những lời của Julius Poppinga, một luật sư thử việc và là cựu chủ tịch Hội Cơ Đốc Nhân Hợp pháp:

Ý nghĩa của ngôn ngữ bổ sung Hiến Pháp Hoa Kỳ lần Thứ Nhất về tôn giáo đã bị che phủ lâu ngày và bị bóp méo bởi phép ẩn dụ không thích hợp do Thomas Jefferson đóng góp năm 1802 trong một lá thư gửi cho Hội Liên Hiệp Báp-tít Danbury thuộc tiểu bang Connecticut Hoa Kỳ. Trong đó ông đã mô tả việc bổ sung Hiến Pháp Hoa Kỳ lần Thứ Nhất như là việc “xây dựng một bức tường phân cách giữa Hội thánh và nhà nước.” Jefferson đã không viết như một luật gia, và chắc chắn ông không ám chỉ rằng đời sống tôn giáo ở Mỹ sẽ trở nên tốt nhất khi sự xây tường kết thúc. Nhưng ngôn ngữ của ông đã được lập nên.

Chúng ta khám phá ra rằng những nhà sáng lập đã bày tỏ hai nguyên tắc cơ bản, nhưng cạnh tranh, quan tâm: trước hết, chính phủ không nên bảo trợ tôn giáo, và thứ hai, chính phủ không nên ngăn trở cách thức truyền đạt của nó. Ngôn ngữ lập hiến rõ ràng viết, “Quốc hội sẽ không làm luật liên quan tới một tổ chức tôn giáo, hoặc cấm đoán sự tự do thi hành lễ của tôn giáo đó.”<sup>1</sup>

Trong cuộc bầu cử năm 1984, sự dính dứ của việc bổ sung Hiến Pháp Hoa Kỳ lần Thứ Nhất vì mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị đã trở nên vấn đề trung tâm, tạo ra một số lượng lớn các sách tu từ học gây xúc động. Giữa lúc này, tiếng nói của những người lãnh đạo tự do tôn giáo trong đấu trường của Hội thánh và xã hội, *Cơ Đốc Giáo và Sự Khủng Hoảng*, dành một vấn đề để phân tích chủ đề này.<sup>2</sup>

Ngoài ra, những cộng tác viên của cánh tả được mong đợi đối với hội nghị chuyên đề, hai trong số những nhà chức trách hàng đầu về tôn giáo và xã hội, Robert N. Bellah và John C. Bennett, đã viết một cách sâu sắc về sự phân cách giữa Hội thánh và Nhà nước là *không* có ý định.

*Bennett*: Khi tổng thống Reagan phát biểu tại buổi điểm tâm cầu nguyện nổi tiếng ở Houston rằng “hoạt động chính trị và tôn giáo không nhất thiết liên quan với nhau,” ông ta đã nói cách rành mạch.

---

<sup>1</sup> Julius Poppinga, "Religion and the First Amendment: Choosing Sword or Shield," *Theology News and Notes*, December 1980, 3.

<sup>2</sup> *Christianity and Crisis*, 29 October 1984.

Sự tách biệt Hội thánh và Nhà nước không hề có nghĩa là sự tách biệt tôn giáo ra khỏi cộng đồng hay là tách biệt Hội thánh ra khỏi đời sống công cộng với những lựa chọn mang tính chính trị của nó.<sup>3</sup>

*Bellah*: Một nhà nước tự do không quan tâm đến chính nó với những điều cơ bản. Điều này chỉ là một phương tiện mà mỗi cá nhân sử dụng để theo đuổi sự riêng tư của họ đến cùng. Tôn giáo chỉ là một vấn đề riêng tư của những ai quan tâm vì kết cục chỉ áp dụng cho từng cá nhân và không có liên quan đến nhà nước trong bất cứ cách nào. Trong quan điểm tự do, đó là ý nghĩa của việc tách biệt Hội thánh và Nhà nước.

Tôi muốn tranh luận rằng học thuyết tự do chẳng bao giờ mô tả tính chân thực người Mỹ.

Học thuyết tự do không có hiệu lực bởi vì nó mô tả nhà nước không có thật và tôn giáo không có thật. Không có nhà nước, và nhất định không phải là nhà nước mạnh mẽ và hiện đại, có thể thất bại để có một sự ảnh hưởng đến kết cuộc của đời sống: về chiến tranh và hoà bình, sự giàu có và nghèo đói, chủng tộc và công bằng giới tính hoặc là thiếu cái đó, về những mối quan hệ trong gia đình, công việc, và cộng đồng địa phương. Khái niệm trung lập người canh gác nhà nước ban đêm đã là điều tưởng tượng khi nó được hư cấu và thậm chí hơn nữa ngày nay nó là một sự bịa đặt. Tôn giáo của học thuyết tự do lần lượt trông như thế nào? Nó sẽ hoàn toàn là một vấn đề riêng tư của cá nhân và “Hội thánh hay giáo đường là chọn lựa của họ.” Nó sẽ quan tâm đến chính mình với những cảm xúc cá nhân và sự nhiệt tình cộng sự thân thiện sẽ được tìm thấy trong nhóm tôn giáo, nhưng đó là tất cả. Nó không thể nói với quốc gia và thế giới về những vấn đề quan tâm thuộc linh và đạo đức.

Học thuyết tự do này rất nguy hiểm không chỉ vì nó là một sự bịa đặt. Nó nguy hiểm bởi vì xã hội mà nó mừng tượng sẽ không chịu đựng được với cung cách con người. Một xã hội như vậy sẽ bao gồm những cá nhân nguyên tử không thực tế, không có sự phân chia gì chung, và có những quyền cá nhân để làm bất cứ điều gì họ thích thú và không có bất kỳ tiêu chuẩn nào ngoại trừ sự nhất trí mong manh nhất về việc không làm tổn hại người khác. Khi sự tự do trừu tượng như vậy đang xuất hiện trong những người Mỹ, thường thường trong những lĩnh vực cụ thể như là kinh tế hoặc tình dục, họ thật sự không mong ước sống trong một thế giới trống rỗng, tự do cá nhân chính thức được duy trì liên tục bởi không có sự giáo dục chung hoặc những trách nhiệm liên quan đến việc hình thành nhóm.<sup>4</sup>

Mục đích rõ ràng của việc bổ sung Hiến Pháp Hoa Kỳ lần Thứ Nhất là để giữ cho chính quyền liên bang khỏi việc tạo ra một Hội thánh nhà nước theo mô hình của người Âu châu, Hội thánh mà rồi sẽ buộc những tiểu bang riêng biệt từ bỏ những Hội thánh tương ứng trong chỗ đã được thành lập của họ. Nhiều nước thuộc địa đã có những Hội thánh nhà nước, nhưng

<sup>3</sup> *Christianity and Crisis*, 29 October 1984, 397.

<sup>4</sup> Sách đã dẫn., 391-392.

của các giáo phái khác nhau. Những Nhà Sáng Lập đã không chống đối điều đó, vì những Hội thánh đó được tiếp tục ở các nước cộng hoà trong một vài thập niên. Nhưng họ đã không đoái đến cái sức mạnh tiềm tàng của một Hội thánh quốc gia chắc như đá khối này một cách rộng lượng.

Hướng về “Hội thánh” với bất kỳ ý định hoặc thái độ nào có thể có được, thật rõ ràng rằng sự đồng thuận phổ biến khắp nơi của một nền đạo đức Tin Lành dựa trên tôn giáo được xem là thiết yếu cho sự thành công của cuộc thử nghiệm còn non trẻ trong xã hội dân chủ. Vì vậy một sự đồng tâm về đạo đức đã có ảnh hưởng lớn đến việc làm và phiên dịch tốt luật vào thế kỷ hai mươi.

Nạn đề của việc bổ sung Hiến Pháp Hoa Kỳ lần Thứ Nhất là nó xuất hiện để làm cái việc không thể làm được. Tin tưởng vào cách nó được viết, nó dường như bảo đảm hai quyền đối lập - sự tự do *của* tôn giáo và sự tự do *từ* tôn giáo. Mọi người không nên bị ép buộc bởi tôn giáo, vì thế chính phủ có thể không ủng hộ tôn giáo, nhưng mọi người phải được tự do để hoạt động tôn giáo của họ, vậy chính phủ không nên gây cản trở. Nhưng giả sử rằng việc bảo vệ một công dân khỏi tôn giáo không mong muốn là điều cần thiết để lấy đi sự tự do khác của anh ta cho việc thực hành tôn giáo của anh ta? Những quyền lợi của ai chiếm ưu thế? Trong ngày đầu chính phủ đã dường như ưu ái quyền lợi của người theo tôn giáo để họ hoạt động tôn giáo của mình cách tự do, nhưng ngược lại các quan toà gần đây, ít ra đã ủng hộ những quyền lợi của người dân để được bảo vệ *tách khỏi* tôn giáo. Tuy nhiên, trong việc tìm kiếm để giải thoát chính mình khỏi việc thiên vị tôn giáo, nhà nước đã vướng víu vào một tình huống phức tạp. Điều rối rắm của nhà nước với các Hội thánh đúng là phổ biến như trước đây, và chắc chắn là như vậy. Sự khác biệt ở đây là tình huống phức tạp bây giờ lại hướng về việc ngăn cấm Hội thánh, nhưng ngược lại từ lúc ban đầu nó đã ủng hộ và thúc đẩy tôn giáo. Không chỉ là các Hội thánh ngày càng bị từ chối những đặc quyền đặc lợi được cấp trước đó; Khuynh hướng dường như hướng tới sự cô lập tôn giáo hoàn toàn nơi công cộng.

Có lẽ sự thay đổi đã không thể tránh khỏi với sự pha trộn liên tục thông qua sự nhập cư của nhiều hệ thống giá trị và các truyền thống tôn giáo.

Sự thế tục hoá chắc chắn được thúc đẩy nhanh do sự công kích liên tục của những người theo chủ nghĩa thế tục tự do kể từ năm 1930. Trong sự chuyển biến xã hội của những năm 60 và 70 của thế kỷ 19, Hội thánh đã bắt đầu dò dẫm cho một nguyên nhân cơ bản gắn kết vì sự liên quan đến những sự thuyết phục đạo đức tôn giáo đối với sự phát triển chính sách công cộng. Mặc dầu tập hợp lại những nhóm mạnh mẽ, cánh hữu và cánh tả bắt đầu xuất hiện cuối những năm 1970 và 1980, tiến trình của sự phát triển một nguyên nhân cơ bản gắn

kết nhiều bộ phận rõ ràng để có thể dẫn đến sự đồng thuận thì còn lâu mới đạt được. Những lẽ thói nào có ảnh hưởng lớn đến tư duy?

## NHỮNG QUAN ĐIỂM HIỆN ĐẠI

Có thể sắp đặt mối quan hệ giữa giáo hội và nhà nước bằng nhiều cách khác nhau: Nhà nước kiểm soát giáo hội; giáo hội kiểm soát nhà nước; giáo hội và nhà nước phân công vai trò điều hành lẫn nhau; hoặc giáo hội và nhà nước có những phạm vi trách nhiệm riêng biệt nhưng tôn trọng, dàn xếp thẩm quyền và ảnh hưởng lẫn nhau.

Trong thực tế lịch sử, không có sự sắp đặt nào dường như là “tinh khiết”; luôn luôn có sự lan tràn trong công việc bên ngoài sự sắp đặt bất kỳ nào đã được quy định chính thức. Kinh Thánh không ra lệnh nhưng ban sự dạy dỗ về mục đích của Hội thánh và mục đích của sự lãnh đạo con người. Vì vậy chúng ta kết luận rằng sự sắp đặt tốt nhất là cung cấp sự tự do tối đa cho mỗi bên để làm tốt những gì nó đã được chỉ định để làm. Tuy nhiên tìm ra sự sắp đặt lý tưởng thì không phải là dễ dàng. Dường như ở đó không có nhiều chỗ cho các thể chế xã hội có thể hoạt động. Và kết quả là, khi thẩm quyền (hoặc tự do hay “những quyền lợi”) của một bên được mở rộng, thì bên còn lại phải thu nhỏ lại. Khi phạm vi kiểm soát của chính phủ mở rộng trên khắp đời sống người dân của họ, chẳng hạn như, sự tự do ngôn luận và hành động của những tổ chức xã hội khác mà độc lập với chính quyền giảm bớt đi. Làm thế nào để mỗi sự sắp đặt trong bốn sự sắp đặt đáp ứng sự đòi hỏi cho sự tự do tối đa để hoàn thành những vai trò mà Đức Chúa Trời đã giao cho cả giáo hội và nhà nước?

**Nhà nước Kiểm Soát Giáo Hội.** Khi chính phủ của con người tập trung vào việc điều khiển đời sống tôn giáo của người dân, thì kết quả rất hiếm khi ích lợi cho đời sống tôn giáo. Nếu tiếng tăm của chính quyền thế tục hoặc chính quyền chống lại Cơ Đốc Giáo bị nghèo nàn về mặt này thì những Cơ Đốc Nhân ở trong quyền lực độc tài hoặc sáng suốt của chính phủ hẳn không được tốt hơn. Ý muốn của nhà chức trách, mặc cho có ý định tốt thế nào, khi ảnh hưởng mở rộng đến đời sống tôn giáo của người dân, chắc chắn buộc chặt lương tâm tự do. Tổ tiên của những người Thanh Giáo chúng ta đã hiểu tốt điều đó.

Trong nền chính trị thần quyền của I-sơ-ra-ên trong thời Cựu Ước, nơi mà chính Đức Chúa Trời trực tiếp đi theo chính phủ, đó có thể là một sự sắp đặt hiệu quả, nhưng hiếm khi dân sự của Đức Chúa Trời được tự do thi hành ý muốn của Ngài trong sự tự do của lương tâm khi mà con người đã bị sa ngã và phải chịu trách nhiệm hoàn toàn cho cuộc sống của họ.

**Giáo Hội Thống Trị Nhà nước.** Hội thánh đã thống trị nhà nước ở Châu Âu thời trung cổ trong một vài thế kỷ, và mặc dù ngày nay có một số ít người tán thành, điều đó vẫn không có khả năng xảy ra trong những đất nước dân chủ ở thế kỷ hai mươi. Đạo Hồi kiểm soát nhà nước trong một số quốc gia Hồi giáo, và hầu như giáo hội đã kiểm soát nhà nước hoàn toàn trong một số quốc gia Công giáo trong thế kỷ hai mươi, tuy nhiên sự quay trở lại mối quan hệ như vậy ở thế giới phương Tây dường như rất là khó khăn.

Những người tự do đã thú nhận những nỗi lo sợ rằng những Cơ Đốc Nhân bảo thủ có ý định áp đặt hệ thống cai trị cực quyền của những người thuộc cánh hữu với những yêu cầu đạo đức ép buộc không còn là khả năng xa xôi. Không một cá nhân hay nhóm người nào trong một nền dân chủ đa nguyên hiện đại có thể áp đặt ý muốn của họ vào số đông những người không thích - hoặc thậm chí chỉ số ít những người không ưa thích đối với vấn đề đó. Mỗi nhóm lợi ích thi hành bất kỳ sức ép nào nó có thể để có những luật lệ được làm ra và được diễn giải trong cách thức tốt nhất làm tăng thêm những lợi ích của nó, nhưng điều này khó có thể được gọi là “gây ấn tượng mạnh mẽ.”

Đó là sự công bằng mà nhiều người bảo thủ yên lặng lâu nay đã khám phá ra giọng nói của họ, và tổ chức tự do nhận thấy nó khó chấp nhận. Ban đầu tiếng kêu thét liên quan đến quyền lợi đã bị gạt bỏ khi một ảo giác được tạo ra bởi sự thổi phồng của phương tiện truyền thông đại chúng; kể đến nó đã bị gièm pha một cách kỳ lạ là bất công và bị phản đối điên cuồng như một nỗ lực nhắm vào sự nắm quyền kiểm soát bởi những nhà đạo đức học cánh hữu đại dột và xa lạ với phong tục Mỹ, là những người sẽ sớm áp đặt tất cả những thứ tồi tệ nhất của người theo Thanh giáo và những đạo lý riêng tư của người thuộc về thời của nữ hoàng Victoria vào lòng yêu tự do, nhân từ, thông sáng, và về mặt đạo đức tương đối đúng là những người Mỹ. Nhưng mà sau này, điều gì có thể được tuyên bố về phản ứng biểu lộ cảm xúc của tờ báo chín chắn ngày xưa *New York Times* để nhò nhét rằng, “có những nét giống nhau chắc chắn trong những luận văn tiến bộ bởi Đội Bảo Vệ Màu Đỏ là những người đã nổi con thịnh nộ đến cùng Trung quốc, những nguyên tắc cực đoan của thủ lĩnh Hồi giáo Khomeini... và những người Mỹ là những người tự gọi chính họ là những người Trưởng Thành về Đạo Đức?”<sup>5</sup>

Điều đó phải có danh tiếng, tuy nhiên, có một số nhà truyền giáo là những người đã bênh vực cho việc giáo hội kiểm soát nhà nước. Một nhóm tuyên bố rõ ràng điều này trong hiến pháp của họ:

---

<sup>5</sup> *The Moral Majority Report* August 1984, 6.

Phong Trào Chính Quyền Cơ Đốc là một hiệp hội của những công dân Mỹ là những người được liên minh trong nỗ lực để thúc đẩy thông qua sự giáo dục khái niệm chính quyền Cơ Đốc và để đạt được sự nhận thức theo cách ấy trong đất nước Hoa Kỳ.<sup>6</sup>

Giống nhau về các mục tiêu nhưng nhấn mạnh nhiều hơn về Cựu Ước và nằm ngoài tổ chức chính trị, là một sự vận động giữa vòng những người Cải Cách được gọi là “Thượng Đế Thống Trị.” Mặc dầu sự nhấn mạnh chủ yếu là sự phù hợp của các tín hữu đối với tất cả các tiêu chuẩn của Cựu Ước, nó được cho là những tiêu chuẩn không phải đơn thuần cho người I-sơ-ra-ên cổ cũng không phải chỉ cho sự tôn kính riêng tư. Chúng là phổ biến trong ý định của Đức Chúa Trời và phải được áp đặt vào bất kỳ xã hội nào mà sự đòi hỏi quá đáng như vậy có thể thực hiện được.

Tuy nhiên những sự vận động như vậy là rất nhỏ, vì thế khả năng có thể xảy ra theo quan điểm đang thịnh hành này dường như không.

Thậm chí nếu giáo hội hoặc người của giáo hội có thể kiểm soát nhà nước, thì đó không hẳn là một điều tốt. Một chế độ tôn giáo độc tài không phải là tốt hơn một chế độ thế tục độc tài. Những sự thẩm tra không phải là phạm vi độc quyền của một thương hiệu đặc biệt của tôn giáo. Nhưng thậm chí nếu chúng ta được thuyết phục rằng nó có thể chuyển hướng đến sự thịnh vượng chung, chúng ta có thể không dự phần trong đó bởi vì chính Chúa Jesus đã ngăn cấm điều đó: “Vương quốc của Ta không thuộc về thế gian này.” Do sự không chấp nhận sự thống trị của Hội thánh trong những công việc của nhà nước, người trí thức và lịch sử chính trị của Mỹ gần đây, ít ra đã hướng về việc quy cho giáo hội và nhà nước những vai trò loại trừ lẫn nhau-một nhà nước thế tục hoàn toàn mà trong đó tôn giáo được bịt kín vào trong sự tư nhân hoá hoàn toàn.

### **Giáo Hội và Nhà nước Được Chỉ Định Loại Trừ Vai Trò Lẫn Nhau.**

Hai hệ tư tưởng trái ngược nhau tán thành quan điểm này: Những Cơ Đốc Nhân (những người nằm hoàn toàn trong đường lối từ sự tách biệt trong tiến trình chính trị cho đến những người đơn thuần chỉ đứng về phía “tách biệt giáo hội và nhà nước”) và những người theo chủ nghĩa thế tục của tất cả các hạng khác nhau là những người muốn ngăn một bức tường khỏi mọi sự ảnh hưởng tôn giáo đến đời sống công chúng.

---

<sup>6</sup> *The Christian Patriot*, no. 6, January 1974.

*Sự Cô Lập Cơ Đốc Nhân.* Ở đây chúng ta không nói đến sự tham gia của các công dân Cơ đốc riêng tư vào chính trị, nhưng là sự tham gia của Hội thánh vào trong sự phát triển của chính sách công cộng.

Leighton Ford, nhà truyền giáo năng động dễ gần gũi và là một người sáng lập chính của phong trào Lausanne, tóm tắt ngắn gọn cuộc xung đột:

Tinh thần trách nhiệm xã hội rất khác nhau được xem như là một sự phân biệt từ sự truyền giáo (“Tại sao lại thay đổi vị trí đồ dùng trong nhà khi ngôi nhà đang cháy?”); kết quả của sự truyền bá Phúc Âm là (“Những con người được thay đổi sẽ thay đổi thế giới”); vì những thứ làm ra để chuẩn bị cho việc truyền bá Phúc Âm (“Những người đói khổ không thể lắng nghe những bài thuyết giảng”); vì một đối tác của sự truyền bá Phúc Âm; hoặc vì một yếu tố thiết yếu của sự truyền bá Phúc Âm. Một số người [không thuộc phái Tin Lành] thậm chí có thể xem tinh thần trách nhiệm xã hội là ngang bằng với sự truyền bá Phúc Âm.<sup>7</sup>

Nhiều người cho rằng sứ mạng chính thống duy nhất của giáo hội là về tâm linh-truyền giảng cho người chưa tin Chúa và chăm sóc nuôi dưỡng các Cơ Đốc Nhân. Người ta cho rằng sự dạy dỗ trong Cựu Ước là không thích hợp bởi vì nó được ban cho một chính quyền dân sự được Đức Chúa Trời quy định, I-sơ-ra-ên, và rõ ràng Chúa Jesus đã bãi bỏ điều này đối với giáo hội, tuyên bố rằng vương quốc của Ngài không thuộc về thế gian này. Ngài đã được ủng hộ bởi các sứ đồ, là những người đã dạy rằng cuộc chiến của chúng ta là cuộc chiến thuộc linh và những vũ khí mà chúng ta sử dụng là không thuộc thế giới này.

Quan niệm rằng giáo hội nên ủng hộ những vấn đề đạo đức và thuộc linh có một danh sách rất dài những luật sư nổi tiếng. Bảng tín điều Westminster đã có sự ảnh hưởng mạnh mẽ như thế không chỉ trên những Hội thánh Trưởng lão mà còn trên sự hình thành của nước Cộng hoà Hoa Kỳ, có vẻ như rõ ràng trong vấn đề này:

Những hội nghị tôn giáo và những hội đồng đều không xử lý hoặc kết luận điều gì nhưng mà chúng thuộc về giáo hội; và họ không can thiệp vào công việc dân sự, là những vấn đề liên quan đến dân quốc, ngoại trừ cách khiêm nhường cầu thay trong một số trường hợp đặc biệt; hoặc bằng những lời khuyên nhủ để thoả mãn lương tâm, nếu họ được yêu cầu thêm vào bởi thẩm phán dân sự. (Chương XXXI, mục IV)

---

<sup>7</sup> Leighton Ford, *Evangelical Newsletter*, 13 November 1981.

Quan điểm này là được đưa vào ngôn từ thậm chí táo bạo hơn bởi David Lutzweiler trong những trang của Hội Liên Hiệp Chứng Nhân, cơ quan chính thức của Hội Truyền Giáo Phúc Âm Liên Hiệp:

Chúa Jesus Christ đã coi xã hội như một con tàu đang chìm bị hư hoại không thể nào sửa chữa, và Ngài đã dạy rằng tất cả những nỗ lực để tát nước trong thuyền ra ngoài và giữ cho nó lênh đênh trên nước lâu dài phải chịu số phận bất hạnh và cuối cùng cũng thất bại. Ngài đã dạy cho những người đi theo Ngài không chỉ cố gắng cứu càng nhiều hành khách càng tốt, và thậm chí Ngài đã tiên đoán nỗ lực này sẽ chỉ cứu được một số rất ít người.... Đối với Cơ Đốc Nhân, sự chiến thắng luôn luôn là một vấn đề tinh thần. Đó là chiến thắng mỗi cá nhân, không phải sự chiến thắng khái hoàn của phong trào cả trái đất... Cả thế giới này có thể biến mất đi trong một đám mây hạt nhân ở quanh Ngài, và Ngài vẫn bước ra khỏi đó với chiến thắng thuộc linh khái hoàn, đặc tính đời đời của Ngài y theo hình ảnh của Chúa Jesus Christ, cho đến chừng Đức Chúa Trời được liên quan đến vấn đề đó là vấn đề chiến thắng duy nhất.<sup>8</sup>

Mặc dầu tôi sẽ tranh luận ngắn gọn chống lại quan điểm này, tôi phải thú nhận rằng nếu tôi thuộc một nhóm Cơ Đốc Nhân ít ỏi ở trong đất nước Hội giáo, có thể tôi thích sự cô lập tuyệt đối của đa số “Hội thánh” hơn ảnh hưởng của một quy trình chính trị. Có lẽ tôi thích một nhà nước thế tục hơn, đặc biệt, nếu nó trung lập một cách rộng lượng hướng về tất cả các tôn giáo. Nhưng vì tôi sống trong một quốc gia với những gốc rễ Tin Lành mạnh mẽ, tôi không thể chắc chắn được những điều của quan điểm này, tôi có thể tán thành dưới những hoàn cảnh khác. Sự căng thẳng bên trong này làm nổi bật thực tế rằng toàn bộ vấn đề về những mối quan hệ giữa nhà nước-Hội thánh cho giải pháp cuối cùng là không thể bởi vì Đức Chúa Trời đã không bày tỏ một sự sắp đặt ưu tiên. Có lẽ Ngài chưa hoàn thành điều đó bởi vì không có sự sắp đặt lý tưởng cho loài người sa ngã này.

Trong bất kỳ sự việc nào, không phải chỉ có một số Cơ Đốc Nhân là những người duy nhất cho rằng giáo hội và nhà nước có những vai trò loại trừ lẫn nhau. Nhiều người theo chủ nghĩa thế tục đều đấu tranh cho quan điểm này, và quan điểm của họ dường như phổ biến khắp nơi.

*Nhà nước Thế Tục.* Trong một “nhà nước thế tục” chính phủ và các phương thức chính trị đều được giữ tách biệt với tôn giáo và thậm chí từ sự ảnh hưởng của tôn giáo. Đây là sự tách biệt mà đã không được biết đến trong những ngày đầu của nền cộng hoà mà trong đó chính phủ đã có thiện ý hướng về tôn giáo và đã mở cửa cho sự ảnh hưởng của tôn giáo

---

<sup>8</sup> David Lutzweiler, *The Alliance Witness*, 22 July 1964, 2.



nhưng quốc gia trung lập đã nhân từ hướng về bất kỳ giáo phái cụ thể nào. Sau này thái độ trung lập này đã đến với tất cả các tôn giáo. Nhưng đất nước “thế tục” mới mẻ này không còn chỉ đơn thuần là đất nước phi tôn giáo nhưng nhân rộng tính không trọng tín ngưỡng và thậm chí đã chống lại tôn giáo.

Chúng ta dường như đang di chuyển hướng về quan điểm này rằng chính phủ không thể ủng hộ những giá trị trong cơ cấu tổ chức của bất cứ tôn giáo truyền thống nào (không phải Tin Lành, không phải Công Giáo, cũng không phải Do Thái Giáo), nhưng chính phủ sẽ ủng hộ họ trong một khuôn khổ thuộc về chủ nghĩa nhân văn. Vì thế, ảnh hưởng thực tế là tạo nên chủ nghĩa nhân văn một tôn giáo được thiết lập.<sup>9</sup>

Sự gia tăng số lượng “những nhóm người tinh tú” trí thức tán thành học thuyết này rằng chính phủ không có quyền làm luật theo bất kỳ tiêu chuẩn đạo đức nào ngoại trừ ngăn cản một cá nhân khỏi sự làm hại những người khác.

Những lời lẽ của John Smart Mill cung cấp thêm vào lời tuyên bố kinh điển của khái niệm dân chủ hiện đại về vai trò của chính quyền trong hệ thống đạo đức: “Sự kết thúc duy nhất đối với loài người được bảo đảm cho cá nhân hoặc tập thể, trong việc gây cản trở hành động tự do của bất kỳ số lượng nào của họ, là sự tự bảo vệ. Mục đích duy nhất đối với quyền lực đó có thể được thực hiện công bằng trên bất kỳ thành viên nào của một cộng đồng văn minh, chống lại ý muốn loài người, là ngăn cản làm hại những người khác.”<sup>10</sup>

Chính phủ được lập nên từ những con người có chân giá trị (hoặc sự cảm nhận về “nên” và “không nên”) quyết định luật pháp của dân sự. Sự cảm nhận “điều gì nên” đến từ bối cảnh văn hoá tổng thể, nhưng hầu hết đến từ sự xác quyết mang tính tôn giáo của mọi người. Vì thế, xét theo bề ngoài, mặc dầu giáo hội và nhà nước có thể hoàn toàn tách biệt về mặt tổ chức, cho nên giáo hội bị nghiêm cấm không được làm bất kỳ điều gì cách chính thức trong phạm vi công cộng, sự xác quyết được cho là mang tính tín ngưỡng hoặc không tín ngưỡng riêng tư của mọi người sẽ vẫn quyết định kết quả cuối cùng của những luật lệ mà bởi đó con người sống. Richard John Neuhaus tranh luận cách thuyết phục quan điểm này trong cuốn sách có sức ảnh hưởng lớn của ông *The Naked Public Square* :

---

<sup>9</sup> Kenneth Kantzer, "The Christian As Citizen," *Christianity Today Institute*, 1985, 31.

<sup>10</sup> Lewis B. Smedes, "On Cleaning Up America," *Theology News and Notes*, December 1980, 8.

Ý tưởng của tôn giáo công cộng là một chủ đề rối loạn chung to lớn. Ý tưởng này được chấp nhận trên phạm vi rộng lớn rằng tôn giáo là thứ gì đó ở giữa một cá nhân và Đức Chúa Trời của người đó... Tôn giáo là công việc của Hội thánh và gia đình, và không có chỗ trong công cộng. Những chân lý này và những cái khác, thông thường người ta nói rằng là một phần của phong cách Mỹ. Về mặt chính trị và pháp luật, chúng được ủng hộ bởi một khái niệm về “sự tách biệt của giáo hội và nhà nước” đó là hiểu theo ý nghĩa sự tách biệt của tôn giáo và đạo đức dựa trên tôn giáo từ lĩnh vực công cộng... Thêm nữa, thực tế dân chủ, ngay cả nếu bạn muốn, thực tại nhân khẩu học non nớt là điều mà hầu hết người Mỹ đã nhận được những khái tượng và giá trị của họ từ truyền thống Kinh Thánh.<sup>11</sup>

Sự thật về những gì Neuhaus nói là được ủng hộ bởi các cuộc thăm dò ý kiến mà luôn cho thấy rằng hơn 90 phần trăm người Mỹ đặt mua dài hạn Mười Điều Răn cho dù họ biết hoặc không biết chúng là gì, và quan trọng hơn, hầu như cũng tỉ lệ đó tin luật lệ của chúng tôi là và phải là có cơ sở trên Mười Điều Răn đó. Tuy nhiên, chiều hướng của đời sống công cộng của chúng ta không để ý đến cơ sở thực tế này.

Neuhaus nhận xét,

Sự hoà nhập cộng đồng của những lời tuyên bố chân thật về tôn giáo ... nghe như một điều tốt và tự do, cho đến khi chúng ta công nhận rằng nó thật sự có nghĩa là sự biến đổi của tất cả những lời tuyên bố về đạo đức đối với niềm đam mê cá nhân. Rồi thì, quả thật, mỗi câu hỏi về giá trị lại bị hòa tan vào một câu đạo về quyền lực.<sup>12</sup>

Kết quả cuối cùng của thuyết đa nguyên mới là gì?

Thông thường (thuyết đa nguyên) được sử dụng để tranh luận rằng không có đạo đức có tính cách quy chuẩn, thậm chí là mơ hồ, không rõ ràng và hầu như dự kiến, có thể được “áp đặt” trong đời sống công cộng của chúng tôi. Trong thực tế điều này có ý nghĩ là những quyết định chính sách công cộng phản ánh việc từ bỏ một sự bình thường cho sự dị thường, một sự vượt trội cho sự lầm lạc. Thật ra, nó hơn là một lợi ích thoáng qua mà những từ như là *dị thường* hay *lầm lạc* đã bị trút bỏ ở mức độ lớn từ vốn từ tao nhã giữa vòng những nhóm người được xem là tinh túy nhất trong đời sống người Mỹ.

[Giáo viên] có thể tán thành cách công khai thuyết vô thần và hoàn toàn công khai về việc quan hệ tình dục với các học sinh nữ, hoặc các học sinh nam trong lớp học của mình. Đây là những vấn đề về lối sống và niềm tin được hiến pháp bảo vệ. Tuy nhiên người giáo viên ấy có thể không cầu nguyện và truyền giảng Tin Lành. Có lỗi bịch không chứ? Dĩ nhiên là lỗi bịch, nhưng nó không cách xa luận lý học lắm mà tăng cường di chuyển chúng tôi từ sự khích lệ của chính phủ về tôn giáo (mặc dù không

<sup>11</sup> Richard John Neuhaus, *The Naked Public Square* (Grand Rapids: Eerdmans, 1984), 20-21, 139.

<sup>12</sup> Sách đã dẫn, 142.

phải bất kỳ một tôn giáo nào), sang thái độ trung lập của chính phủ hướng về phía tôn giáo, đến sự phản đối của chính phủ đối với tôn giáo. Chúng ta đang đi đến một vị trí đặc biệt, tình trạng đặc quyền đặc lợi của tôn giáo, điều này đã là ý định rõ ràng của việc Bổ Sung Hiến Pháp Hoa Kỳ lần Thứ Nhất, đang trở thành sự bất lợi đặc biệt nhất của tôn giáo.<sup>13</sup>

Rồi, những nỗ lực của chúng ta trong việc đóng cửa tôn giáo đối với phạm vi đời sống riêng tư của người công dân không chỉ có những kết quả xấu trong sự liên hệ đạo đức của đời sống công cộng, nhưng đã bắt đầu làm điều tương tự trong một loại nước thải đạo đức chảy ngược vào trong đời sống riêng tư của người dân chúng tôi. Cuối cùng, cuộc thử nghiệm của chúng tôi coi như đang chứng minh rằng chính sách công cộng và niềm tin đạo đức riêng tư không thể chia tách ra được. Chúng không thể chia tách ra được bởi vì chắc chắn cái này ảnh hưởng đến cái kia- dù cho hỗn hợp niềm tin tôn giáo của người dân ảnh hưởng đến việc làm luật, hoặc cơ cấu của chính phủ lần lượt ảnh hưởng đến cách cư xử của người dân. Vì mối quan hệ không thể thiếu, tồn tại giữa riêng tư và công cộng, thì điều gì là sắp đặt tốt nhất khiến cho mối quan hệ đó dẫn đến ích lợi chung? Tôi cho rằng sự chọn lựa thứ tư là tốt nhất.

**Giáo Hội và Nhà nước Khác Biệt nhưng Ảnh Hưởng Lẫn Nhau.** Giáo hội và nhà nước có những phạm vi trách nhiệm khác biệt nhưng sẽ thực hiện tốt nhất những trách nhiệm đó với sự tôn trọng, dàn xếp thẩm quyền và ảnh hưởng lẫn nhau.

Trước khi trình bày một trường hợp đối với quan điểm này, nhất thiết phải dừng lại và trả lời sự phản đối rằng nếu chúng ta theo gương Chúa Jesus và các sứ đồ, chúng ta sẽ không hoạt động chính trị cũng không tìm kiếm ảnh hưởng chính sách công cộng.

Chúng ta có thể chắc chắn hoàn toàn rằng Chúa Jesus Christ và Hội thánh đầu tiên không phải là những nhà hoạt động xã hội bởi vì một tờ báo hoạt động xã hội hàng đầu nói như vậy với quyền lực sinh động:

Việc nắm bắt được rằng đó không phải là rõ ràng rằng Chúa Jesus đã mua chương trình hoặc những chiến lược của Phe Bên Kia... Chúa Jesus đã chịu đựng dưới một kẻ độc tài thô bạo, đã được chống đỡ lên bởi một sức mạnh quân đội nước ngoài. Ngài đã xem thấy chỉ một vài người xung quanh Ngài là những người rất giàu có và rất nhiều người nghèo khó góm giếc. Tuy nhiên Chúa Jesus đã không tham gia du kích địa phương. Ngài cũng không liên kết một chiến dịch bất bạo động trên khắp đất nước. Ngài không tổ chức các công nhân vào các liên minh, hợp tác xã thực phẩm, hoặc tô vẽ “Những

---

<sup>13</sup> Sách đã dẫn., 146, 148.

người Mỹ trở về nhà” lên những bức tường... Những gì Chúa Jesus đã nói về sự thay đổi các cấu trúc là khá khan hiếm. Và đúng thật như Hội thánh đầu tiên và “Kinh tế học của Chúa Jesus.”<sup>14</sup>

Jacques Ellul, một trong những giáo sư lịch sử và xã hội học nổi tiếng thuộc Đại học Bordeaux và là người bào chữa rất tài giỏi, kết quả của các quan niệm được nhiều người bàn đến, ông cho rằng Chúa Jesus đã có một sự chọn lựa cho hoạt động chính trị ( những thành viên của nhóm phiến loạn Do Thái chống lại người La-mã) và Ngài cố tình chọn đi theo hướng chống nghịch lại.<sup>15</sup> Điều này củng cố quan niệm rằng Chúa Jesus có vai trò của riêng mình, tuyệt đối phi chính trị, nhưng không thể là những gì Ellul chứng minh - đưa ra những bằng chứng bổ sung liên quan đến những điều mà những người đi theo Ngài nên làm khi được gọi đến những vai trò khác.

Trước hết chúng ta phải tìm kiếm để xác minh *tại sao* Chúa Jesus đã không tham gia vào chính trị. Bởi vì Chúa Jesus và các sứ đồ đã không làm điều gì đó mà không có lý do của riêng mình rằng những người khác không nên làm. Chúng ta phải theo gương họ trong việc phụ thuộc vào những lý do vì sự tiết chế của họ. Nếu những lý do đó áp dụng đối với chúng ta ngày nay, chúng ta cũng nên kiềm chế sự tham gia chính trị. Nếu họ không áp dụng, chúng ta tự do thực hiện những nguyên tắc của Kinh Thánh vào trong tình huống hiện tại với cách tốt nhất chúng ta có thể thực hiện. Kinh Thánh không nói với chúng ta lý do tại sao, không như thời Cựu Ước, không có hoạt động xã hội, vì thế chúng ta phải suy luận những câu trả lời nào mà chúng ta có thể có được từ những bằng chứng có sẵn.

*Những mối quan hệ theo chiều dọc và những nhân tố đời đời phải được ưu tiên hơn những mối quan hệ theo chiều ngang và những nhân tố tạm thời.* Để hoà giải người với người và để chữa lành môi trường của con người chỉ là tạm thời. Thậm chí sự hoà giải của con người với con người trên một phạm vi rộng lớn hay trên một nền tảng lâu dài sẽ ít quan trọng hơn việc hoà giải giữa con người với Đức Chúa Trời và sự chuẩn bị anh ta cho đời sống vĩnh cửu. Thánh kinh Tân Ước đã cho sự ưu tiên cho thực tế này.

*Những nguyên tắc đạo đức có sức mạnh hơn hành động chính sửa cụ thể.*

Những nguyên tắc đạo đức là vĩnh cửu và phổ biến, áp dụng cho bất cứ văn hoá, thời đại, hay xã hội nào. Nếu hành động cụ thể đã được dạy dỗ, nó có thể không áp dụng trong những tình huống khác. Ví dụ, những nguyên tắc về công bằng và yêu thương là những chủ đề chính của Kinh Thánh; chúng áp dụng trong bất cứ thể hệ nào ở bất kỳ xã hội nào. Richard N. Longenecker đưa ra luận điểm rằng những nguyên tắc được dạy trong Tân Ước đã có tính

<sup>14</sup> *The Other Side*, October 1978, 15.

<sup>15</sup> Jacques Ellul, *The Ethics of Freedom*, trans. Geoffrey W. Bromiley (Grand Rapids: Eerdmans, 1976), 371ff.

chất phá vỡ những sự sắp đặt không công bằng đang thịnh hành trong xã hội và cuối cùng đã hạ chúng xuống.

Khi các Cơ Đốc Nhân ở thế kỷ đầu tiên được gọi là “Con Đấng Chúa Trời,” “được báp têm trong Chúa Jesus Christ, và “mặc lấy Chúa Jesus Christ” (Galati 3:26-27), và họ cũng được đề cập đến đức tin của họ trong những từ ngữ của một mối quan hệ mới thuộc xã hội mà trong đó “không còn phân biệt người Do Thái hay người Hi Lạp, người nô lệ hoặc người tự do, nam giới hay nữ giới,” (3:28) - ba cặp đôi này bao hàm trong tất cả các kiểu cách ở thời kỳ đầu của sự phát triển các mối quan hệ thiết yếu của nhân loại.<sup>16</sup>

*Một nguyên liệu thô con người mới là sự cần thiết để xây dựng một xã hội mới.* Con người sẽ không bao giờ lên đến mặt trăng bằng một chiếc xe đạp, và con người sẽ không bao giờ xây được khu nhà chọc trời với những cây xà và cây cọc gỗ. Một mối mới của sự giao thông vận chuyển, một nguyên liệu xây dựng mới là hết sức cần thiết. Dĩ nhiên, một loại người mới sẽ không bảo đảm một xã hội mới. Nó sẽ chỉ làm cho nó có thể. Sự phát minh ra sắt thép và bê tông sẽ không bảo đảm rằng người nào đó sẽ xây nên một toà nhà chọc trời, nhưng nó sẽ làm cho nó có thể được.

*Chúa Jesus Christ và Phao-lô đã có những công việc rất đặc biệt.* Chúa Jesus được gửi đến để cung cấp sự cứu chuộc cho loài người và ở lần đến thế gian đầu tiên không phải để thi hành tất cả mọi sự dính dứ đến xã hội với sự cứu chuộc đó. Satan đã cám dỗ Ngài giải quyết vấn đề chính trị trước hết, nhưng điều này đã không phá hoại sứ mạng của Ngài. Trong cách như vậy, Phao-lô có một nhiệm vụ rất đặc biệt để giảng Tin Lành cho dân ngoại, không phải để cải cách Đế quốc La-mã. Chúa Jesus đã không giảng Tin Lành cho Đế quốc La-mã, sự cố gắng rao giảng Tin Lành trước khi sự cung cấp Phúc Âm của Ngài sẽ phá bỏ hoại toàn bộ kế hoạch của Ngài. Trong cùng một cách, Phao lô có một nhiệm vụ độc nhất, nhưng nó đã không bao gồm việc rao giảng Phúc Âm cho người Trung Hoa- cũng không phải cai trị Đế quốc La-mã. Những nhiệm vụ này được chỉ định những người khác trong những thời điểm khác. Tuy nhiên đơn thuần bởi vì những vai trò khác này không phải là của họ không có nghĩa là họ không chính đáng đối với người khác.

*Điều kiện của nhà nước và Hội thánh khác biệt với ngày nay.* Thậm chí nếu những vai trò đặc biệt đó của Chúa Jesus và Phao lô là không phải cho hoạt động xã hội, điều đó có thể nhận thức được rằng những người khác trong Hội thánh đầu tiên có thể đã tham gia vào trong

---

<sup>16</sup>Richard Longenecker, *New Testament Social Ethics for Today* (Grand Rapids: Eerdmans, 1984), 33-34

đời sống công cộng ngoại trừ sự thật rằng những Cơ Đốc Nhân đã được hình thành một phần rất ít trong một nền chuyên chính rất mạnh mẽ. Hoạt động chính trị thành công đã không thể minh chứng thông qua các giáo phái đấu tranh Do Thái khác nhau. Dĩ nhiên, Đức Chúa Trời có thể can thiệp và làm cho nó có thể, nhưng Chúa Jesus đã cố tình nói không đối với sự lựa chọn đó. Thời điểm cho sự can thiệp quân đội thiên đàng và sự thành lập chính phủ ở thế gian chưa đến. Tình hình ngày nay trong các quốc gia tự do là hoàn toàn khác biệt với thời kỳ các sứ đồ. Trên thực tế, trong một nền dân chủ những công dân có trách nhiệm đối với các sự vụ của đất nước; làm ngơ trách nhiệm công cộng này, sẽ tương đương, trong một cách ít hơn, với sự bỏ bê công lý và thương xót trong phân của vua Cơ đốc giáo hay là viên chức chính phủ.

Vì những lý do này, và có lẽ những lý do khác nữa, hầu hết những người Tin Lành đã không chấp nhận Kinh Thánh Tân Ước dùng làm gương như là một kiểu mẫu được uỷ thác cho Cơ Đốc Nhân của mọi thời đại tuân theo, nhưng đã quyết định rằng cả công dân Cơ Đốc và Hội thánh chính thống nên thực hiện cách năng động sự ảnh hưởng đạo đức vào đời sống công cộng.

Để chúng tôi vẽ ra một giới hạn rộng lớn về mối quan hệ ảnh hưởng qua lại giữa nhà nước và giáo hội. Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ tất cả những công dân của họ, bằng vũ lực nếu cần thiết, và thúc đẩy ích lợi chung. Giáo hội cũng có trách nhiệm nâng cao lợi ích chung, nhưng chỉ thông qua phương tiện thuộc linh, như là truyền giảng Phúc Âm, dạy dỗ, và lòng nhân từ. Hội thánh chịu trách nhiệm chính yếu cho cách ăn ở của các thành viên của mình và chỉ thông qua những sức mạnh niềm tin tôn giáo của nó cho sự cư xử của những người khác. Vì thế, nhà nước (1) không nên sử dụng quyền lực của nó để giới hạn giáo hội khỏi sự hoàn thành sứ mạng của nó và (2) nên lắng nghe cách cẩn thận tiếng nói của giáo hội khi nó nói đến những vấn đề đạo đức. Trách nhiệm của giáo hội (1) không nên đòi hỏi những đặc quyền, đặc lợi mà xâm phạm đến những quyền lợi của người khác và (2) nên thận trọng kiểm chế sự vạch trần người khác với mục đích bảo đảm quyền lợi của nhà nước, hoặc tôn sùng nhà nước bằng cách đề cập đến nền văn hoá đang thịnh hành như một số hình thức của “tôn giáo dân sự.”

Thuật ngữ *tôn giáo dân sự* dường như giành được sắc thái hiện tại của nó thông qua bài báo kinh điển của Robert N. Bellah trên “Tôn Giáo Dân Sự ở Nước Mỹ,”<sup>17</sup> tuy nhiên có một chút thoả thuận chung về những gì nó có ý nghĩa và loại “tôn giáo dân sự” gì là tốt hoặc xấu. Ví dụ như, Bellah và một số các nhà chức trách đã viết các chương trong *Tôn Giáo Dân Sự ở*

---

<sup>17</sup>Robert N. Bellah, "Civil Religion, in America," *Daedalus*, winter 1967.

Mỹ với ít nhất năm sự định nghĩa khác nhau được nhận ra bởi những người biên tập: (1) tôn giáo dân tộc, (2) tôn giáo phổ biến siêu việt của quốc gia, (3) Chủ nghĩa dân tộc tôn giáo, (4) niềm tin dân chủ, và (5) Lòng trung thành của công dân Tin Lành.<sup>18</sup> Những điều này không làm cạn kiệt tất cả các tính hữu ích tiềm tàng!

Cựu biên tập viên Kenneth Kantzer của tờ *Christian Today* phát biểu ủng hộ một trong các loại “tôn giáo dân sự”:

Sự sùng bái thần đạo Nhật Bản của người Mỹ là một cách làm giảm giá trị của tôn giáo dân sự Mỹ. Đối với tôi, tôi cảm ơn Chúa về điều đó. Nhưng vì cụm từ đó bây giờ có quá nhiều định nghĩa, chúng ta nên làm rõ ý nghĩa của chúng ta: Khi tôi nói “tôn giáo dân sự,” tôi muốn nói “những niềm tin xã hội và chính trị,” hoặc “những hệ thống chính trị giá trị,” hay “triết lý chính trị,” hoặc là “triết lý chung” của Walter Lippmann.

Về mặt kỹ thuật, tôi đi theo nhiều nhà xã hội học là những người chấp nhận định nghĩa của Emile Durkheim về tôn giáo dân sự là những niềm tin đó và sự thực hành quyết định lương tâm và tư cách đạo đức của một dân tộc trong các thuật ngữ chính trị và những cấu trúc chung của xã hội. Một số người không gọi đó là “tôn giáo dân sự.”

Trong ý nghĩa này, tôn giáo dân sự là chất kết dính giữ chặt một dân tộc lại với nhau. Đó là điều tuyệt đối cần thiết cho sự tồn tại của một quốc gia, và bản chất nó quyết định đặc tính của một dân tộc.

Tôn giáo dân sự Mỹ dĩ nhiên là vô định hình, những giáo lý và sự thực hành của nó là luôn luôn thay đổi. Tuy nhiên, niềm tin căn bản chắc chắn đã tiêu biểu cho nó từ những ngày đặt nền móng của nó: chính phủ tồn tại vì lợi ích của người dân. Nhiệm vụ của nó là tìm kiếm sự thịnh vượng cho người dân, bảo vệ họ, tặng thưởng cho những người vô tội và trừng phạt người có tội. Hành vi đạo đức của nó đại khái là có thể so sánh được với bảng thứ hai của Mười Điều Răn, cấm trộm cướp, ngoại tình, giết người, và làm chứng dối.<sup>19</sup>

Quan điểm này đã mô tả phong trào truyền giáo hậu Chiến Tranh Thế Giới Thứ Hai một cách tổng quát. Thực ra, đó là một đặc trưng chính đánh dấu rằng bãi bỏ sự “truyền giảng Phúc Âm” của “những người theo trào lưu chính thống.” “Những người theo trào lưu chính thống trong những năm 1950 và 1960 thường được bào chữa không dính dáng gì đến “chính trị” trong việc phản ứng lại chủ nghĩa tích cực chính trị và xã hội của những tu sĩ có uy tín và Hội Đồng Quốc Gia của các Hội thánh. Nhiều “nhà truyền giáo Phúc Âm” trong những thập niên đó đã nhìn thấy thái độ cách biệt trong chính họ xuất phát từ những người theo trào lưu

<sup>18</sup>Russell E. Richey and Donald G. Jones, eds., *American Civil Religion* (New York: Harper and Row, 1974).

<sup>19</sup>Kenneth Kantzer, *Christianity Today*, 13 July 1984, 14.

chính thống trong vấn đề này, ủng hộ việc tham gia xã hội và hoạt động chính trị. Nhưng hướng về những năm cuối của những năm 1970, với sự thay đổi xu thế chính trị chung về quyền lợi, nhiều người theo trào lưu chính thống như Jerry Falwell và Nhóm Cơ Đốc Nhân (the Moral Majority) của ông ấy (sau này là Chính Phủ liên bang Tự do) đã trở nên tích cực trong hoạt động xã hội và chính trị. Sau đó Nhóm Cơ Đốc Nhân này đã bị phai dần, Pat Robertson và Liên minh Cơ Đốc này đã di chuyển đến phạm vi hoạt động trung tâm. Chương trình nghị sự này với những lý do tham gia là hoàn toàn khác biệt với lực lượng tự do trước đó và khác với nhiều nhà truyền giáo mới là những người có chương trình nghị sự hầu như đúng với những lợi ích của Hội thánh được công nhận trước đó. Tuy nhiên ước muốn thay đổi toàn bộ xã hội và công cụ chính trị để thực hiện sự thay đổi đó là đúng đối với những người tự do, những người truyền giảng Tin Lành, và một số người theo trào lưu truyền thống.

Phát ngôn viên trưởng của các hoạt động truyền giảng Tin Lành trong nhiều năm, ông Carl F. H. Henry, tóm tắt một quan điểm ôn hoà trong vai trò của giáo hội:

Các nhà truyền giảng Tin Lành ngày nay đối mặt với những điều được dự đoán trước với bốn niềm tin đang điều hướng:

1. Chức năng đặc biệt của Hội thánh Cơ Đốc đối với sự biến đổi xã hội là sự phục hồi cá nhân bởi Đức Thánh Linh, và sự công bố thiêng liêng này mang đến sự cứu chuộc là nhiệm vụ chính yếu của Hội thánh.

2. Trong khi các đoàn thể hoặc các tổ chức của giáo hội không có nhiệm vụ, thẩm quyền hoặc khả năng đặc biệt thiên thượng cho các đề nghị được chấp thuận cách hợp pháp hay là các cá nhân và đảng phái chính trị, thì các nhà giảng kinh chịu trách nhiệm cho việc công bố những nguyên tắc thiên thượng được mặc khải về công bằng xã hội như một phần của toàn bộ sự chỉ dạy của Đức Chúa Trời.

3. Việc chuyển đổi tự nhiên hầu như từ hoạt động cá nhân đến hoạt động xã hội diễn ra hằng ngày trên thế giới, theo quan niệm về nhu cầu của Cơ Đốc Giáo là để hiển dương những công việc của giáo hội cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời và để phục vụ nhân loại.

4. Là những công dân của hai thế giới, các thành viên của từng Hội thánh có nhiệm vụ thiêng liêng để mở rộng mục đích của cứu chuộc của Đức Chúa Trời thông qua giáo hội, và cũng mở rộng mục đích của sự công bình và trật tự thông qua chính quyền dân sự. Những Cơ Đốc Nhân được nổi bật bởi sự vâng phục không theo nghi thức tôn giáo ngoại trừ chỗ nào mà điều này mâu thuẫn với các điều răn của Chúa, và là để sử dụng mọi thời cơ chính trị để ủng hộ và thúc đẩy những luật công bằng, để phản đối sự bất công xã hội, và để phục vụ người đồng lao của họ.<sup>20</sup>

---

<sup>20</sup>Carl F. H. Henry, "Evangelicals and the Social Struggle," *Christianity Today*, 8 October 1965, 11.



Sự tiếp cận chung này đã được công nhận cách chính thức bởi do hơn ba ngàn lãnh đạo Hội thánh Tin lành là những người đã ký vào Công Ước Lausanne tháng 7 năm 1974:

Chúng ta khẳng định rằng Đức Chúa Trời vừa là Đấng Tạo Hoá vừa là Quan toà của tất cả mọi người. Vì thế, chúng ta nên chia sẻ sự quan tâm của Ngài về sự công bình và sự hoà thuận trong khắp xã hội loài người và về sự tự do của con người khỏi mọi sự áp bức. Bởi vì loài người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, màu da, văn hoá, địa vị xã hội, giới tính, hay tuổi tác, đều có một chân giá trị ở bên trong, bởi vì chúng, con người phải được tôn trọng và phục vụ, không bị bóc lột. Ở đây chúng ta cũng bày tỏ sự ăn năn cả cho sự lơ là của chúng ta và cho việc thỉnh thoảng xem việc rao giảng Tin Lành và quan tâm xã hội là loại trừ lẫn nhau. Mặc dầu sự hoà thuận con người không phải là hoà thuận với Đức Chúa Trời, cũng không phải hoạt động truyền giáo xã hội, không phải là sự cứu rỗi chính trị tự do, tuy nhiên chúng ta khẳng định rằng việc truyền giảng Tin Lành và việc tham gia chính trị xã hội, cả hai đều là trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân chúng ta. Vì cả hai đều là sự bày tỏ cần thiết về giáo lý của Đức Chúa Trời và con người, tình yêu của chúng ta dành cho những người lân cận mình là sự vâng lời của chúng ta đối với Chúa Jesus Christ.<sup>21</sup>

Mặc dầu có một sự hấp dẫn chắc chắn trong sự lựa chọn thứ ba (một sự phân chia rõ ràng và sự tách biệt của hai lĩnh vực hoạt động), cho đến nay bằng chứng này được coi như là một mối quan hệ như thế là không hợp lý và thoả đáng. Hai truyền thống biện minh cho quan điểm này, nhưng xuất phát từ những quan điểm trái ngược. Sự tách biệt về Hội thánh và nhà nước của người theo giáo phái rửa tội lại có thể chứng minh dễ dàng và có thể có một số ích lợi, đặc biệt ở nơi nào mà những Cơ Đốc Nhân là một nhóm thiểu số bị bắt bớ; nhưng cuộc chạy đua đã lan tràn khắp nơi của những người theo chủ nghĩa thế tục chống lại tôn giáo để loại bỏ mọi dấu tích của ảnh hưởng tôn giáo trong đời sống công cộng đã được nhìn thấy vì nó là gì - một sự thay thế của một tập hợp các giá trị cho một cái khác.

Sự nhuộm màu của chính sách công cộng bởi những giá trị của toàn thể công dân, mặc dầu được cảm hứng từ tôn giáo hoặc được cảm hứng từ sự chống đối tôn giáo là không thể tránh được. Vì thế, thiết lập những giá trị nhân văn thế tục mà nếu nhà nước có thể vì thế mà được trung lập hoặc không nhiễm tôn giáo là một thái độ đạo đức giả cơ bản. Chính sách công cộng chắc hẳn bị ảnh hưởng bởi một số hệ tư tưởng đạo đức. Và đức tin giao phó cho tương đối luận, cách tiếp cận trung lập đối với đạo đức học thì ít ra là tôn giáo giả mạo trong bản chất và sẵn sàng phản hồi vào trong đời sống riêng tư của công dân những vi rút về

---

<sup>21</sup>J. D. Douglas, ed., *Let the Earth Hear His Voice* (Minneapolis: World Wide Publications, 1975), 4-5.

quyền tự trị cá nhân, vị kỷ mà chứa trong đó những hạt giống phá hoại. Trong một thế giới tự do về đạo đức “phải,” mỗi con người trở thành tiêu chuẩn của riêng mình vì những gì tốt đẹp (cho chính mình), và cả đời sống công cộng lẫn riêng tư ngày càng quay về những mối quan hệ ngay thẳng có thể thực hiện được.

Vì vậy, chúng ta kết luận rằng sự sắp đặt tốt nhất là một sự hợp tác nhân từ giữa giáo hội và nhà nước trong đó nhà nước thì cởi mở một cách trung thực đối với những ảnh hưởng đạo đức truyền cảm hứng tôn giáo còn giáo hội thì không tìm kiếm những đặc quyền đặc lợi, giới hạn những lời tuyên bố đạo đức của nó đến những vấn đề đạo đức.

## VAI TRÒ CỦA GIÁO HỘI

Tất cả mọi người đều đồng ý rằng giáo hội là giáo hội phải công bố rõ ràng những nguyên tắc công bình và thương xót. Hơn nữa, hầu hết đều đồng ý rằng nó là cấp bách đối với giáo hội hoặc trực tiếp hoặc thông qua những đại diện của giáo hội tổ chức chăm sóc y tế, chăm sóc xã hội, chăm sóc tài chính, tham gia vào giáo dục, chỉnh sửa nghèo đói, và tất cả “những việc làm nhân từ” khác. Theo cách đó Hội thánh ảnh hưởng đến xã hội. Nhưng hoạt động chính trị thì sao?

**Vai Trò Thuộc Linh Chính Yếu.** Giáo hội bao giờ cũng phải giữ trách nhiệm chính yếu của mình hướng về thế giới như là trách nhiệm truyền giáo, mang những con người từ vương quốc tối tăm vào trong vương quốc sáng láng. Hơn thế nữa, trách nhiệm chính của giáo hội là hướng về chính mình để xây dựng những con người mới. Vì lý do này, hoạt động xã hội phải là hạng thứ yếu. Nếu Hội thánh không truyền giảng Tin Lành và môn đệ hoá, dù những hoạt động chính trị nhiều đến đâu cũng sẽ không cải thiện xã hội được nhiều, và quan trọng hơn, công việc sinh sống ở thiên đàng cho cõi vĩnh hằng sẽ không bao giờ được thực hiện.

Trong sự tìm kiếm công bình và lòng thương xót, trách nhiệm chính của Hội thánh là tạo dựng một xu hướng chung, tạo ra những công dân mới và lãnh đạo mới. Để làm điều này, giáo hội phải đề cập đến chính mình. Nó phải xây dựng những Cơ Đốc Nhân là những người *tận tâm, can đảm, được đầy dẫy Đức Thánh Linh và am hiểu*, cả lẽ thật Kinh Thánh và những vấn đề làm kiệt sức cộng đồng đầy tội lỗi, lo lắng mà họ đang sống trong đó.

Nếu giáo hội không theo gương của Chúa Jesus, tập trung vào việc cứu người, bản chất thuộc linh, những nguyên tắc dạy dỗ đời đời, và trực tiếp làm giảm bớt nỗi đau khổ của con người, nó sẽ kéo dài mỗi nguy hiểm của việc bỏ lỡ mục đích cơ bản của nó đối với sự tồn tại. Hơn nữa, nó sẽ làm suy yếu thẩm quyền của nó đối với việc công bố thông điệp đời đời,

đặc biệt nếu nó đưa ra câu trả lời về chính trị và xã hội mà mình chứng sai trật. Một sự khủng hoảng lòng tin phát triển, và sự thiếu tự tin trong giáo hội di chuyển ngược đến việc thiếu tự tin vào Kinh Thánh và cuối cùng là thiếu tự tin đối với Đức Chúa Trời, như C.S.Lewis đã nói,

Điều này làm nổi lên câu hỏi về thần học trong các vấn đề chính trị. Gần đây nhất tôi có thể nắm được sự giải quyết về vấn đề ranh giới giữa chúng là: thần học dạy chúng ta những sự chia sẻ trách nhiệm chung nào giữa hai bên là đáng mong ước và những cách thức gì là hợp pháp, trong khi đó chính trị dạy chúng ta những biện pháp nào là có hiệu quả. Vì vậy thần học bảo chúng ta rằng mỗi người nên có một đồng lương tử tế. Chính trị bảo chúng ta rằng bằng cách nào đó điều này có khả năng đạt được. Thần học dạy chúng ta cách nào trong những biện pháp này được cho là công bằng và bác ái. Đối với câu hỏi về chính trị, sự hướng dẫn không đến từ sự mặc khải, nhưng đến từ sự khôn ngoan tự nhiên, kiến thức của các sự việc phức tạp, và những kinh nghiệm trưởng thành. Nếu chúng ta có những phẩm chất này, dĩ nhiên chúng ta có thể tuyên bố những quan điểm của mình: nhưng rồi chúng ta cần phải làm cho nó hoàn toàn rõ ràng rằng chúng ta đang đưa ra sự phán xét cá nhân của mình và không có mệnh lệnh từ Chúa. Không có nhiều thầy tế lễ có những phẩm chất này. Hầu hết các bài giảng thuyết chính trị dạy cho hội chúng chẳng có gì ngoại trừ những bài báo được lấy từ nơi ở của linh mục, mục sư.<sup>22</sup>

Không chỉ giáo hội thiếu uy quyền Kinh Thánh và vì thế khả năng đặc biệt để nói về việc thi hành các giáo điều, không chắc chắn rằng giáo hội sẽ bình vực nguyên tắc đúng khi những câu hỏi về công bình và đạo đức được nguy trang trong sự phức tạp của thực tại chính trị.

Hội thánh người Đức trong những năm 1930 đôi khi được viện dẫn như một ví dụ của những kết quả thảm khốc của sự thiếu hoạt động chính trị. “Nếu chỉ riêng Hội thánh người Đức đã chống lại Hitler thay vì sự thịnh lặng,” sự tranh luận có hiệu lực “thế giới đã tốt đẹp hơn biết bao.” Đó là sự tranh luận hấp dẫn, tuy nhiên nó có hai điều sai lầm. Trước hết, nó cho rằng nếu Hội thánh người Đức đã từng hoạt động chính trị, nó đã chống đối lại phong trào Đức quốc xã. Đó là một giả định to lớn. Các Hội thánh thường hết lòng ủng hộ những phong trào chính trị tàn ác. Những bạo chúa được ủng hộ bởi một Hội thánh. Những người Cộng sản nổi ngời của họ nhận được sự ủng hộ tương tự từ những người đến từ Hội thánh đó.<sup>23</sup>

---

<sup>22</sup> C. S. Lewis, *God in the Dock*, ed. Walter Hooper (Grand Rapids: Eerdmans, 1970), 94.

<sup>23</sup> Malcolm T. Nygren, "The Church and Political Action," *Christianity Today*, 14 March 1969, 10.

Trong ánh sáng của những nhiều sự mơ hồ nghiêm trọng và tồn tại mãi mãi này tôi kết luận rằng giáo hội nên tập trung vào nhiệm vụ chính yếu của nó đã được làm mẫu bởi Chúa Jesus và các sứ đồ đã dạy rõ ràng trong Kinh Thánh Tân Ước. Tuy nhiên, như chúng ta đã tranh luận trước đây, Hội thánh có một nghĩa vụ đối với cộng đồng của nó như là “muối” và “ánh sáng.” Làm thế nào để Hội thánh hoàn thành trách nhiệm đó?

### **Chức Vụ Tiên Tri đối với Xã Hội**

*Bàn Đến Những Vấn Đề Cụ Thể.* Hội thánh có nên đề cập duy nhất đến những vấn đề chung chung như vậy không hoặc là phải đề cập đến những vấn đề cụ thể? Chắc chắn rằng Hội thánh có quyền đề cập đến những vấn đề cách cụ thể: Giảng Báp Tít đã không giải quyết Hê Rốt với một nguyên tắc chung chung rằng “ngoại tình là sai trái.” Ông nói, “Bệ hạ lấy nàng là điều trái luật pháp.”

*Bàn Đến Phương Tiện cũng như Cứu Cánh.* Có thể Hội thánh đề cập đến những sứ điệp của mình để đạt đến mục tiêu duy nhất thôi hay là nó có thể đề cập đến cả những phương tiện? Hội thánh nên đề cập đến những mục tiêu cuối cùng (ví dụ., sự nô lệ của vấn đề nạo phá thai) và cũng phải đề cập đến những cách thức, sự thi hành chính trị (không được trả tự do cho những người nô lệ bởi những chủ nô sẵn bán nô lệ). Giáo hội không nên đề cập đến những giáo điều của những giải pháp mà trong đó không có khả năng đặc biệt, nhưng lại có trách nhiệm để phán xét sự công bình và lòng thương xót của phương tiện cũng như cứu cánh.

*Khi Giáo Hội Mắc Lỗi.* Điều gì xảy ra nếu giáo hội nói những điều sai trật? Giáo hội chắc chắn đã làm sai về thần học, và chúng ta không giải quyết nan đề bằng cách nói rằng giáo hội không nên diễn giải Kinh Thánh. Giáo hội thường xuyên phạm sai lầm trong việc thực hành rao giảng Phúc Âm, tuy nhiên chúng ta không nên thôi tham gia vào công việc truyền giáo. Đơn giản chúng ta nói rằng, “Sự diễn giải đó là sai trật, và các thành viên của giáo hội là những người đã làm sai đó không đại diện cho tôi.”

Chẳng hạn như, tôi muốn lên tiếng ủng hộ việc đóng cửa ngày Chúa Nhật, trong khi các thành viên giáo hội khác lại muốn lên tiếng chống lại chúng. Và sự trở trêu của điều đó là tôi có thể đứng về mặt đạo đức và sai trật về mặt chính trị. Tuy nhiên đây là mối nguy hiểm của một người hướng về.

Để có hiệu lực tối đa, giáo hội nên giới hạn các chương trình hoạt động xã hội của mình cho những nguyên tắc mà sự uỷ quyền của Kinh Thánh là quá rõ ràng. Nan đề quá nhiều với cả hai chương trình nghị sự tôn giáo cánh tả và cánh hữu là vì chúng thường là bản sao bằng

giấy than của xã hội phi Cơ Đốc giáo, cho dù các tầng lớp thay đổi nhóm người trong xã hội được xem là tinh túy nhất về phía cánh tả hoặc văn hoá truyền thống bị khống chế ở phía cánh hữu. Điều này có nghĩa là các khoản mục không thuộc Kinh Thánh đều được bao gồm trong cả hai chương trình nghị sự, và vì thế sức mạnh đạo đức của bất kỳ nhiệm vụ thuộc Kinh Thánh nào bàn về những chương trình nghị sự thì phải được giảm thiểu tối đa. Có phải tăng cường sự phòng thủ hoặc sở hữu chủ kênh đào Pa-na-ma thật sự có cùng nhiệm vụ Kinh Thánh rõ ràng như sự thiêng liêng của tổ quốc hoặc quyền để sống? Để giới hạn chương trình nghị sự của chúng tôi tốt hơn nhiều vì thế chúng tôi thiết lập các phạm vi chiến đấu dựa trên những nhiệm vụ trong Kinh Thánh.

Điều này sẽ không chỉ cho chúng tôi uy quyền riêng của Đức Chúa Trời trong cuộc chiến đó vì lẽ thật, điều này cũng vươn xa hướng về việc mang các tín hữu lại với nhau vì một ảnh hưởng chung. Sự minh chứng bằng đồ hoạ của lẽ thật này được nhìn thấy trong kinh nghiệm của những người Tin Lành đối với Hoạt động Xã hội. Buổi lễ Tạ Ơn năm 1973 đã mang lại một hình ảnh rộng lớn của các lãnh đạo Tin Lành là những người đã thống nhất bằng văn bản “ Bản Tuyên Ngôn Chicago về Quan Tâm Tin Lành.” Tuy nhiên sự thống nhất này đã sớm bị tiêu tan, và phong trào đầy hứa hẹn nhanh chóng thất bại về khả năng tiềm tàng của nó bởi vì chương trình nghị sự trở nên quá dài với quá nhiều điều tranh luận quá chi tiết vì thế sự hy vọng có được sức mạnh, tiếng nói chung cho công bình và lòng thương xót bị phai mờ và yếu dần, nếu có đình tai, nhức óc, giọng nói của một nhóm người trung thành là những người đã cố nài nỉ một chương trình nghị sự nghiêng về phía cánh tả mở rộng giải quyết phương tiện chính trị cũng như cứu cánh đạo đức.

*Tiếng Nói Chính Thức của Giáo Hội.* Giáo hội có thể phát biểu những lời tuyên bố chính thức, hoặc là giới hạn chức vụ tiên tri này đối với người thuyết giảng phát biểu trong nơi riêng tư như là một công dân không? Nếu Billy Graham nói về một vấn đề xã hội, như là giải trừ quân bị hạt nhân, nó sẽ có một ảnh hưởng nhiều hơn như là “tiếng nói của giáo hội” hơn bất kỳ hầu hết sự giải quyết của các hội đồng giáo hội chính yếu nào. Khi bất kỳ Cơ Đốc Nhân nào nói, đó là tiếng nói của Hội thánh đến với mọi người chấp nhận Cơ Đốc Nhân đó như là một người phát ngôn có trách nhiệm của Cơ Đốc Giáo. Mục sư ở bục giảng, thường dân trên đường phố, người trong hội đồng giáo hội, hoặc người mẹ với con cái - họ đều là “tiếng nói của Hội thánh” cho những ai mong đợi họ cho sự hướng dẫn thuộc linh.

*Công dân Cơ Đốc* nên cung cấp lực lượng đấu tranh chính yếu cho công bằng và khoan dung, và *giáo hội*, thông qua những người lãnh đạo của nó, nên tránh những phe phái chính trị và làm việc chăm chỉ tạo ra những công dân Cơ Đốc giáo thật sự và nói tiên tri một cách rõ ràng về những vấn đề đạo đức thuộc Kinh Thánh.

*Những Luân Lý Hợp Pháp.* Những luân lý có thể được hợp pháp không? Ý nghĩ rằng những luân lý hợp pháp thường được dựa vào một thuyết tương đối về văn hoá hoặc là đạo đức mà dạy rằng cách cư xử đạo đức hoàn toàn phụ thuộc vào văn hoá và không có gì là luôn luôn đúng hay sai đối với tất cả các nền văn hoá. Đây là một quan điểm rất khó để đi theo một cách kiên định bởi vì văn hoá của Ma-fi-a phải được tính hợp pháp cũng như Toà Án Tối Cao.

Sự thật của vấn đề này là “ không thể định nghĩa được một phạm vi đạo đức riêng tư hơn là định nghĩa một trong những hoạt động có tính chất phá vỡ.”<sup>24</sup> Cho nên, không có những giới hạn có tính chất lý thuyết đối với phạm vi mà luật pháp có thể kích thích chống lại sự đồi bại. Nếu đạo lý không thể hợp pháp, không có gì là hợp pháp cả.

Hầu hết những người có óc xét đoán nói chung sẽ đồng ý với điều này, mặc dầu sẽ có sự bất đồng dễ dàng nhận thấy như đối với cái nào là đạo lý riêng tư và cái nào là đạo lý chung. Tư cách đạo đức của đồng tính luyến ái được tiếp tục bởi hầu hết người Mỹ là hoàn toàn riêng tư. Nhưng có phải vậy không? Ai là người thanh toán những hoá đơn cho những bệnh nhân Si-đa đồng tính luyến ái? Tác động gì mà các gia đình bị làm phiền sẽ chịu đựng khi những đứa con bị truyền thụ về khái niệm rằng những mối quan hệ đồng tính luyến ái là bình thường và đẹp đẽ? Phần hàng rào phòng thủ quân đội nào của Mỹ sẽ có khi các người tình dục đồng giới nam “lộ ra”? Đây không phải vấn đề riêng tư đúng đắn. Tương tự có thể nói như vậy với bất kỳ vấn đề đạo đức nào.

Nếu chính phủ là điển hình hoặc dân chủ, nó không thể là như vậy nhưng phản ánh sự phán xét của xã hội như đối với những tiêu chuẩn đạo đức nào nên được đòi hỏi cho tất cả các công dân của nó. Nếu một xã hội như thế làm nên những luật đạo đức mà phần đông không thể chấp nhận được, hoặc thậm chí phần lớn những người công dân của xã hội đó thuộc tộc người thiểu số, thì luật pháp đó không thể đưa vào cuộc sống được. Đó là một luật lệ xấu bởi vì nó thúc đẩy sự vô trật tự. Vì thế, nếu một Cơ Đốc Nhân quan tâm đến đạo đức luật hoá, anh ta không phải chỉ đòi hỏi điều gì là đúng và điều gì là tốt cho xã hội, mà anh cần phải hỏi, Điều gì xã hội này sẽ chấp nhận? Dĩ nhiên, anh ta có thể tranh đấu cho một điều quan tâm bị mất đi dựa trên nguyên tắc. Tuy nhiên nếu anh ta thật sự có ý định áp đặt tiêu chuẩn thứ yếu vào một tiêu chuẩn chính, anh ta nên hiểu rằng kết cấu hợp pháp sẽ bị yếu đi và cuối cùng vấn đề đạo đức cụ thể sẽ bị mất đi rất nhiều.

---

<sup>24</sup>Sir Patrick Devlin, quoted by Burton M. Leiser in *Liberty, Justice, and Morth: Contemporary Value Conflicts* (New York: Macmillan, 1973), 13.

## VAI TRÒ RIÊNG BIỆT CỦA CƠ ĐỐC NHÂN

**Thứ Tự Ưu Tiên trong Các Trách Nhiệm Xã Hội.** Theo gương của Chúa Jesus, Cơ Đốc Nhân nên sắp đặt thứ tự ưu tiên của mình với sự quan tâm chính yếu cho việc giải hoà giữa con người với Đức Chúa Trời và những phương diện vĩnh cửu của cuộc sống và trong cùng một lúc duy trì mối quan tâm sâu sắc và tham gia trong mối quan hệ giữa vòng con người và những nhu cầu vật chất và thuộc thể của họ.

*Trách Nhiệm đối với Chính Mình.* Như một nền tảng cho lợi ích xã hội, Cơ Đốc Nhân có trách nhiệm cung cấp cho chính mình (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:11-12; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:10).

*Trách Nhiệm đối với Gia Đình.* Hơn nữa, anh ta có một trách nhiệm chính yếu đối với gia đình của chính mình (1 Ti-mô-thê 5:8). Toàn bộ chương năm của sách 1Ti-mô-thê bàn đến trách nhiệm của một người là cung cấp cho gia đình anh ta. Đề cập đến điều này Kinh Thánh phác thảo trách nhiệm của cha mẹ trong việc huấn luyện con cái họ (Phục truyền 4:9-10; 11:18-19; Châm ngôn 13:24; 22:15; 23:13-14; Ê-phê-sô 6:1-4). Đây là nền tảng cho một xã hội dưới sự cai trị của Đức Chúa Trời.

*Trách Nhiệm đối với Các Cơ Đốc Nhân Khác.* Trách nhiệm tiếp theo của Cơ Đốc Nhân là đối với những thành viên Cơ Đốc khác. “Vậy, đang lúc có cơ hội, chúng ta hãy làm điều thiện cho mọi người, nhất là cho anh em trong gia đình đức tin” (Ga-la-ti 6:10). Phần lớn sách I Giăng nhấn mạnh đến trách nhiệm yêu thương mà một Cơ Đốc Nhân có đối với Cơ Đốc Nhân khác là sự thịnh vượng vật chất của họ.

*Trách Nhiệm đối với Những Người Láng Giềng.* Cuối cùng, Cơ Đốc Nhân có trách nhiệm đối với người lân cận của mình - tất cả những ai bên ngoài những người đó trách nhiệm trực tiếp của nhân loại và những ai trong gia đình thiêng liêng, trong cách nào đó, mang trách nhiệm thông qua mối quan hệ như là “người láng giềng.”

**Trách Nhiệm đối với Xã Hội.** Trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân đối với xã hội mình đang sống là hết sức rõ ràng trong một xã hội dân chủ mà trong đó công dân Cơ Đốc là một phần của các thành viên cầm quyền trên dân sự.

1. Cơ Đốc Nhân có trách nhiệm kính trọng những bậc cầm quyền và cầu thay cho họ (Rô-ma 13; 1Ti-mô-thê 2:2).
2. Cơ Đốc Nhân có trách nhiệm *vâng phục* những luật pháp dân sự và chính quyền (Rô-ma 13:1-10).
3. Cơ Đốc Nhân có trách nhiệm *nộp* những khoản thuế (Rô-ma 13:6).

4. Cơ Đốc Nhân có trách nhiệm thực hành sự công bình và lòng khoan dung, đối xử cách chính trực đối với những người làm công, làm việc giúp đỡ những người nghèo khó, những người thiếu số (những người khách lạ), người bị áp bức, những người yếu ớt (người goá bụa, mồ côi). Có lẽ phân đoạn Kinh Thánh nói mạnh mẽ nhất về tất cả những vấn đề này là Ma-thi-ơ 25:31-46, ở đây chúng ta được bảo trước về nền tảng của sự phán xét trong Ngày Sau Cùng: Chúng ta sẽ bị phán xét dựa vào việc chúng ta có cho người đói ăn, cho người khát uống, cho người vô gia cư ở, mặc đồ cho người bị trần truồng, và chăm sóc người đau ốm và kẻ bị tù đày không.

Có những sự hướng dẫn khác mà dường như phù hợp với những nguyên tắc Kinh Thánh, mặc dầu chúng không thể được cho là được bày tỏ ý muốn của Đức Chúa Trời:

5. Để hoàn thành trách nhiệm của chúng ta trong sự tìm kiếm công bình và lòng nhân từ, Cơ Đốc Nhân nên  *nghiên cứu học hỏi Kinh Thánh*  để xác định quan điểm của Đức Chúa Trời trong bất cứ vấn đề cụ thể nào nổi lên. Lời của Đức Chúa Trời cần phải điều khiển thẩm quyền của chúng ta.
6. Cơ Đốc Nhân cần phải học biết nhu cầu của cộng đồng mình đang sống- ma tuý, tội phạm, nhà ổ chuột, nghèo đói, di cư, sự khiêu dâm, phân biệt chủng tộc, hôn nhân gia đình, thất nghiệp, nhà cửa, bệnh tật, chính sách thuế không công bằng, phân biệt đối xử, thói rửa chính trị. Điều gì là sự việc cụ thể? Chúng ta nên làm điều gì cho những vấn đề này? Khi nào chúng ta bắt đầu và bằng cách nào? Vì tôi không thể một mình gánh chịu tất cả mọi gánh nặng của thế giới này, do đó, những lĩnh vực cụ thể nào của nhu cầu mà Đức Chúa Trời được hài lòng đối với tôi, Ngài cho tôi chú ý đến điều đó?
7. Bầu cử. Cơ Đốc Nhân trong một nước dân chủ từ bỏ trách nhiệm của mình đối với việc tìm kiếm một xá hội sự công bằng và khoan dung khi anh ta cố tình lơ là việc bầu cử. Nhưng, có phải chỉ một lá phiếu đơn lẻ lại tạo nên bất kỳ một sự khác biệt nào? Dù có hay không tạo ra một sự khác biệt, một Cơ Đốc Nhân phải tham gia trong việc bầu cử. Tuy nhiên, sự thật đó là nó tạo ra một sự khác biệt.

Vào mùa thu năm 1842, Madison đã được bầu vào Cơ quan Lập pháp Nhà nước của tiểu bang Indiana do chỉ hơn một lá phiếu. Người đã bỏ phiếu cho ông là Henry Shoemaker là người đã cưỡi ngựa mười hai dặm để đến được nơi bầu cử. Thành viên



cơ quan lập pháp đã có trách nhiệm về việc chọn lựa một thượng nghị sĩ cho nước Mỹ. Edward A. Hannegan đã được bầu chọn bởi một đa số phiếu nhưng trội hơn do chỉ một người, và Marsh chính là người đã bầu làm hơn phiếu cho ông ta. Năm 1846, tình trạng rối loạn đã nổ ra giữa nước Mỹ và Mê-xi-cô. Chiến tranh đã được tuyên bố bởi lá phiếu quyết định của một người, lá phiếu của Senator Hannegan. Lực lượng của người Mỹ đã thắng trong chiến tranh này và đã đem lại kết quả là thống nhất các vùng đất phía Tây Nam và trở thành các tiểu bang Texas, California, Idaho và Oregon. Chỉ một lá phiếu thôi đã tạo nên sự khác biệt!<sup>25</sup>

8. Cơ Đốc Nhân nên *bày tỏ những điều mình tin* trong những cuộc chuyện trò cá nhân, thư từ, báo chí, bài giảng, và những lá thư gửi cho biên tập viên như là cơ hội có thể nắm được.
9. Cơ Đốc Nhân có thể làm đại diện cho những ứng cử viên trong những người mà anh ta tin tưởng, hoạt động cho sự bầu chọn những ứng cử viên hoặc ảnh hưởng sự xây dựng luật pháp thông qua thư từ, những lời cầu thay, và trong mọi cách có thể.
10. Đôi khi nó có thể thích hợp cho các Cơ Đốc Nhân tham gia vào *y kiến khác bất bạo động*, như tham gia vào các cuộc biểu tình ngồi và các cuộc đi bộ.
11. Hoạt động hợp pháp nhân danh một nguyên tắc công bình là một trong những công cụ có hiệu lực nhất vì sự thay đổi xã hội trong một xã hội mà những giá trị tư nhân và công cộng đều được gia tăng bởi sự sắp đặt của nội quy pháp luật hơn là hoạt động điều hành và lập pháp.
12. *Nghề nghiệp đặc biệt*. Một số Cơ Đốc Nhân được gọi là phục vụ chuyên nghiệp trong việc chỉnh sửa những điều sai quấy thể tục và thân thể. Những người tham gia vào y tế, hoạt động xã hội, hoặc chính trị có thể được sai phái từ Đức Chúa Trời chắc chắn cũng như những người được kêu gọi trong nghề thợ mộc hoặc nghề mục sư. Điều đó nhất định thích hợp cho một Cơ Đốc Nhân để thực hiện cho chức vụ.

Hơn nữa, sự lựa chọn nghề nghiệp và sự đầu tư tài chính đã từng là những phương tiện bởi những Cơ Đốc Nhân nào có ảnh hưởng đến xã hội. Ví dụ như, một người kiến trúc sư cho hầu hết các toà nhà xây dựng ở tại trường Đại học Quốc tế Columbia cuối cùng đã rời bỏ khoa xây dựng nói chung và đã chọn dâng hiến những ngày còn lại của đời ông cho các hoạt động cứu tế. Ông ta đã

---

<sup>25</sup> *The Frencyterian Journal*, 27 January 1971, 11.

cổ tình làm điều này với một khái tượng của sự chiến đấu chống lại giá thuốc quá cao bằng những ý tưởng có tính chất đổi mới và sự thực hiện sáng tạo trong việc giảm thiểu giá cả xây dựng các bệnh viện. Ông ta cảm thấy rằng giá cả thuốc men cao đã đè nặng lên người nghèo khổ và lên cả xã hội nói chung.

Cơ Đốc Nhân ngồi trong yên lặng khi điều ác thịnh hành người ấy phải xin lỗi vì việc chịu trách nhiệm quan trọng hơn nhiều so với những vấn đề “thuộc linh”, cần phải đưa ra lời giải thích cho sự không vâng lời của Cơ Đốc Nhân đó với những lời lẽ của Vua Lê-mu-ên:

Hãy mở miệng bênh vực người câm, Và biện hộ cho những người bị ruồng bỏ. Hãy mở miệng, xét xử công minh, Bảo vệ quyền lợi cho người nghèo nàn cùng khôn (Châm ngôn 31:8,9)

## VAI TRÒ CỦA CHÍNH QUYỀN

Bằng chứng mạnh mẽ nhất đối với chính quyền con người là một tổ chức được Đức Chúa Trời ban hành được tìm thấy trong thời Tân Ước hơn là thời Cựu Ước. Để chắc rằng, Israel đã được thành lập như một chính quyền của con người, và các nhà tiên tri chắc chắn nắm giữ sự cai trị con người phải chịu trách nhiệm đối với luật pháp của Đức Chúa Trời, nhưng phải mất một số khả năng sáng tạo để thực hiện Sáng Thế Ký 9:1-6, ví dụ, bằng chứng thiết lập chính quyền con người của Đức Chúa Trời trong một ý niệm trừu tượng hay trong một số hình thức cụ thể, như một số hình thức đã thử làm. Tuy nhiên, chính quyền con người như là một quy định thiêng liêng đã được khẳng định trong Kinh Thánh:

Mọi người phải phục tùng nhà cầm quyền; vì chẳng có thẩm quyền nào mà không đến từ Đức Chúa Trời; các nhà cầm quyền hiện có đều do Đức Chúa Trời chỉ định. (Rô-ma 13:1)

## MỤC ĐÍCH CỦA CHÍNH QUYỀN

**Ngăn Giữ Tội Ác.** Căn cứ trên phân đoạn có phạm vi bao quát nhất về chính quyền (Rô-ma 13), mục đích của chính quyền con người là ngăn giữ điều ác, đặc biệt là trong sự bảo vệ người công dân. Tội lỗi con người đã tạo ra nhu cầu gay gắt để cưỡng bức chính quyền dân sự.

Hầu hết mọi người thích có chính quyền con người hơn là không, nhưng vì những người thống trị ít khi thoả lòng với quyền lực cần thiết tối thiểu để bảo vệ những quyền lợi của người dân, chính quyền đã có ý định mở rộng để gia tăng sự kiểm soát lên đời sống người dân. Vì lý do này một số người đã cho rằng không có chính quyền thì thích hơn. Những người chống đối khái niệm chính quyền con người dựa trên nền tảng ý thức hệ là có liên quan

với tự do. Nhưng mong ước tự do hoàn toàn có thể coi như là, trong một xã hội dễ phạm tội, những người ích kỷ, cưỡng bức dường như là cách duy nhất để giữ một số người khỏi bị tổn hại bởi những người khác.

**Thúc Đẩy Phúc Lợi Con Người.** Một số lượng tối thiểu của chính quyền có thể đạt được sự bảo vệ là dễ dàng hình dung, nhưng khi mục đích “thúc đẩy phúc lợi” được giới thiệu, tiềm năng để mở rộng chính quyền dường như là vô hạn. Vì lý do này một số người cho rằng vai trò hợp pháp duy nhất của chính quyền là bảo vệ người dân khỏi sự bất công, đặc biệt vì đây là vai trò duy nhất được quy cho chính phủ trong những đoạn kinh điển của sách Rô-ma đoạn 13 và I Phi-e-rơ đoạn 2. Tuy nhiên chỉ chính quyền mới được giám sát trực tiếp bởi Đức Chúa Trời – Dân tộc cổ I-sơ-ra-ên chắc chắn luật pháp được thiết lập vì sự thúc đẩy phúc lợi của người dân.

Hơn nữa, nguyên tắc Kinh Thánh về yêu thương người lân cận dường như yêu cầu hoạt động giống như vậy, đặc biệt trong thế kỷ thứ hai mươi với những đất nước quá rộng lớn và phức tạp để cho các tổ chức từ thiện tư nhân có thể đáp ứng một cách thoả đáng nhu cầu của con người. Tuy vậy, mục đích riêng tư duy trì vai trò đảm bảo công bằng, bảo vệ người dân khỏi sự tổn hại có ác tâm. Hầu hết sự chọn lựa cá nhân về giá trị tự do của những người đương thời là rất cao mà sự hạn chế của bất kỳ chính quyền nào vượt quá nhu cầu tối thiểu cho sự bảo vệ quyền lợi của con người đều bị chống lại trong những trường hợp mà sự kháng cự là một lựa chọn sẵn sàng.

Khi chính quyền mở rộng ra, cho dù để kiểm soát điều ác hay để thúc đẩy phúc lợi con người, nó làm như thể là trả giá bằng sự tự do của con người.

**Cung Ứng Sự Tự Do.** Kinh Thánh nói nhiều về sự tự do, nhưng không nói về tự do *chính trị*. Kinh Thánh đề cập đến tự do khỏi tội lỗi (Rô-ma 6:14-23); tự do khỏi quyền lực tối tăm (Cô-lô-se 1:13); tự do khỏi xiềng xích Sa-tan (Giăng 12:30-33); tự do khỏi luật pháp Môi-se (Rô-ma 7:6; Ga-la-ti 2:4; 4:5,21; 5:1); và tự do khỏi gông cùm sự chết (Rô-ma 8:21-23). Có một sự tự do thật sự trong Chúa Jesus Christ (Giăng 8:32, 36); vì nơi nào có Thánh Linh của Chúa, nơi đó có tự do (2 Cô-rinh-tô 3:17). Sự tự do trong Kinh Thánh là sự tự do thuộc linh, không phải là một khái niệm chung chung, tuyệt đối, trừu tượng, theo triết học, mà là sự tự do khỏi điều gì đó rất cụ thể: tự do khỏi tội lỗi.

Không có ai được tự do trong ý thức thông thường sau cùng. Một người có thể được tự do trong thời gian tồn tại, khỏi thẩm quyền của luật pháp của Đức Chúa Trời, nhưng điều này

có ý nghĩa là anh ta là một nô lệ của tội lỗi. Mặc khác, nếu Chúa Jesus Christ buông tha anh ta tự do khỏi sự hình phạt và quyền lực của tội lỗi, điều này là độc nhất bởi vì anh ta đã chọn để đặt chính mình hoàn toàn dưới quyền lực của Chúa Jesus Christ. Sự tự do của mỗi người để làm những gì anh ta thích thú lại bị giới hạn bởi tính hữu hạn của người ấy, tội lỗi của anh ấy, và những hoàn cảnh của cuộc sống mà vượt quá sự kiểm soát của anh ta. Vì thế sự tự do là quan hệ. Khi chúng ta nói đến sự tự do hay quyền tự do, chúng ta nên luôn luôn định nghĩa nó, nói rõ nó: Phần nào của sự tự do? Tự do khỏi điều gì?

Tự do thuộc linh, ví dụ, Tôi không có phép để làm những gì tôi thích, nhưng tôi có quyền để làm điều gì tôi phải làm. Trong lĩnh vực chính trị cũng vậy, tự do không phải là quyền tuyệt đối, quyền được ban hành từ Đức Chúa Trời. Sự tự do không thể là một chân lý, vì sự tự do của tôi để làm như tôi thích thú không sớm thì muộn nó sẽ đụng vào sự tự do của bạn để làm như bạn muốn. Hai người không thể có sự tự do tuyệt đối cùng một lúc trừ khi họ tỏ ý chí cho ích lợi của người khác cách hoàn hảo, và lại, trong một thế giới sa ngã, điều đó là không thể có được.

Bởi “sự tự do lựa chọn” chúng ta muốn nói rằng mọi người nên được phép sử dụng ý chí tự do của họ để đưa ra một quyết định đạo đức hoặc là phi đạo đức, mà không chịu đựng sự đau khổ vì chọn lựa điều phi đạo đức, thì chúng ta đã bị dính líu vào một điều ngớ ngẩn rằng, nếu thực hiện kết luận hợp lý của nó, sẽ chấm dứt luật pháp công cộng.<sup>26</sup>

Tuy nhiên, chúng ta ủng hộ sự chọn lựa tự do cá nhân cho phạm vi hợp lý trong một xã hội công bằng. Mặc dầu Kinh Thánh không nhấn mạnh đến nó, lúc chính Đức Chúa Trời can thiệp vào công việc của con người, cho người phụ tù được tự do khỏi gông cùm của người Ai Cập, thực vậy, thông qua Đấng Mê-si-a để bẻ gãy xiềng xích của mọi sự bất công và cho kẻ phụ tù được tự do (Ê-sai 61:1; Lu-ca 4:18).

Nếu trường hợp tự do về chính trị là không mạnh mẽ trong sự dạy dỗ rõ ràng của Kinh Thánh, nó chắc chắn được ủng hộ mạnh mẽ trên cơ sở các nguyên tắc Kinh Thánh. Ví dụ, Kinh Thánh dạy rõ ràng rằng trách nhiệm đầu tiên của một người là trách nhiệm đối với Chúa; tuy nhiên trong xã hội phong kiến hoặc chuyên chế, sự tự do của một người thông thường là bị hạn chế đến mức anh ta không thể đi theo lương tâm của mình trong việc hoàn thành trách nhiệm đó. Hơn nữa, Đức Chúa Trời đã tạo dựng từng cá nhân là có chủ đích. Tự

---

<sup>26</sup> Harold O. J. Brown, "The Passivity of American Christians," *Christianity Today*, 16 January 1976, 8.

do chính trị cho phép một công dân hoàn thành trách nhiệm chính yếu của mình, đó là trách nhiệm đối với Chúa, không phải đối với đất nước.

Một nguyên tắc khác phải thực hiện với giá trị cá nhân được tạo dựng trong ý niệm tự do vô hạn của Đức Chúa Trời. Khi sự tự do của con người bị giảm bớt một cách vô ích bởi sự kiểm soát của chính quyền, không chỉ đơn thuần là từng cá nhân, nhưng hình ảnh của chính Đức Chúa Trời trong con người cũng bị hạ thấp. Nhà nước không có quyền sở hữu thiêng liêng.

Có lẽ lý do mạnh mẽ nhất để ủng hộ tối đa tự do chính trị là lẽ tự nhiên của con người. Con người là một tội nhân, và bao gồm tất cả những người trong chính quyền con người. Trong một xã hội đầy dẫy tội lỗi như vậy một sự kiểm soát là cần thiết vì thế chính quyền con người không được lạm dụng quyền lực đó cho lợi ích cá nhân hoặc đảng phái hoặc bắt đầu đoạt lấy cho riêng mình đặc quyền như thần như thánh quyền lực vô hạn. Vì thế, uy quyền của chính quyền cần phải có những giới hạn.

## CÁC HÌNH THỨC CHÍNH QUYỀN

Có hai cách căn bản để tổ chức con người: (1) quân chủ (chế độ quân chủ - cai trị bởi một người, và một chính thể đầu sỏ - thống trị bởi một vài người) và (2) dân chủ (bao gồm những hình thức đại diện của chính quyền bởi toàn dân, như là nước cộng hoà). Mặc dầu Cơ Đốc Nhân có thể sống dưới bất kỳ hình thức chính quyền nào và dầu cho hình thức lý tưởng sẽ là chuyên chế đi nữa, với một Đức Chúa Trời khôn ngoan và yêu thương vô cùng như một chế độ quân chủ, sẽ là khó khăn để chứng minh từ Kinh Thánh rằng bất cứ hình thức cụ thể nào của chính quyền con người đều là tuyệt đối và luôn luôn đúng.

Mặc dù sự sụp đổ của Chủ nghĩa Cộng sản và sự dấy lên ngày càng hướng về những hình thức chính quyền dân chủ hơn, hầu hết mọi người trên thế giới vẫn còn sống dưới những chính quyền mà hạn chế cách khốc liệt quyền tự do cá nhân. Vì thế, hầu hết các Cơ Đốc Nhân trên trái đất này phải chịu chấp nhận thực tế này. Thật là ích lợi biết bao vì những tác giả Kinh Thánh đã sống dưới những hoàn cảnh tương tự như vậy!

Do sự phạm tội của loài người, khi sức mạnh quyền lực được tập trung vào tay của một người hay một nhóm người, khả năng để làm điều ác là không thể lường được. Vì thế những hệ thống chính quyền chuyên chế đã liên tục chứng thực điều sai trái vì những thần dân của họ không được hạnh phúc. Do đó, tôi ủng hộ khái niệm một chế độ dân chủ theo hiến pháp hoặc là một chế độ cộng hoà mà trong đó những quyền lợi cá nhân và những giới hạn quyền tự do là không bị lệ thuộc vào ý muốn của những người trong chính quyền. Điều này dường

như để giữ vững khuynh hướng tốt nhất của những sự kiểm soát và cân bằng cho vấn đề làm nổi sồng của mối quan hệ giữa tự do và quyền lực. Cả hai chính quyền và người dân đều là đối tượng của luật lập hiến. Quyền tự do của người dân vì thế bị giới hạn bởi quyền lực của chính quyền, và chính quyền bị giới hạn bởi sự cho phép tự do của những người cầm quyền.

Điều này không có nghĩa là chế độ dân chủ là hoàn mỹ. Một sự phạm tội tương tự có thể ở trong chế độ dân chủ kém cỏi trong thời gian dài bị thất bại tự huỷ hoại chính mình. Ngay trước khi thành lập cuộc thử nghiệm của nước Mỹ trong chế độ dân chủ, Alexander Fraser Tytler, nhà lịch sử học, luật gia, và là uỷ viên công tố của toà án quân sự Scotland đã nói nhiều trong sự trích dẫn của cuộc thử nghiệm của người Hy Lạp trong chế độ dân chủ:

Một nền dân chủ không thể tồn tại như là một hình thức chính quyền vĩnh viễn. Nó có thể chỉ tồn tại cho đến lúc những người bỏ phiếu phát hiện ra họ có thể bầu cử chính họ là những người ít được biết đến với kết quả là chế độ dân chủ luôn luôn thất bại qua những chính sách tài chính mơ hồ không rõ ràng, luôn luôn kéo theo một chế độ độc tài.<sup>27</sup>

Ngay sau sự thành lập nước Mỹ, vào những năm 1830, nhà nghiên cứu về xã hội người Pháp Alexis de Tocqueville đã viết bài phân tích vô song của ông về cấu trúc xã hội Mỹ, *Nền Dân Chủ trong Nước Mỹ*, trong đó, ông đã cảnh báo chủ nghĩa cá nhân của chúng ta có thể minh chứng sự thất bại của cuộc thử nghiệm này.

Vào năm 1985, nhà xã hội học lỗi lạc Robert Bellah đã xuất bản quyển *Habits of the Heart*, một quyển sách đã làm sững sốt giới học thức uy quyền trong một thời gian ngắn. Quyển sách đã làm sững sốt mọi người bởi vì tác giả đã kết luận rằng chế độ dân chủ bị thất bại nếu việc gì đó không ngăn chặn sự đổ xô của chúng ta hướng về cuộc thử nghiệm chủ nghĩa cá nhân quyết liệt. Bellah và những người bạn đồng nghiệp của ông ta đã xem xét lại lịch sử của nước Mỹ và đã kết luận rằng ý tưởng để hình thành nước Mỹ là sự tự do. Nhưng trong buổi ban đầu, với hệ thống gốc rễ từ Kinh Thánh mà sự tự do là để tìm kiếm ích lợi chung, nhưng ngược lại sự cất mắt đi những rễ đó, ngày nay sự tự do được tìm kiếm và bảo vệ để nâng cao ích lợi riêng tư.

Điều gì đã không thành công ở mọi cấp độ - từ xã hội của những dân tộc đến xã hội của quốc gia đến cộng đồng địa phương đến gia đình đều là hội nhập... Chúng ta đã cam kết những gì đối với những

---

<sup>27</sup> *The State* (Columbia, S.C.), 1 June 1974.

nhà sáng lập cộng hoà của đất nước chúng ta là sự vi phạm chính yếu: Chúng ta đã đặt những lợi ích riêng của chúng ta, như là cá nhân, là một nhóm người, là một quốc gia lên trước hết.<sup>28</sup>

Vì mỗi cá nhân và mỗi nhóm dân tộc thiểu số và mỗi nhóm lợi ích ra khỏi sự thúc đẩy lợi ích cá nhân của nó, chống lại tất cả những nhóm khác nếu cần như vậy, thì không có hy vọng cho chế độ dân chủ, Bellah đã kết luận như vậy.

Có phải ba nhà phân tích nổi bật này đã nói tiên tri? Tôi không tin là như vậy. Nhưng vì lợi ích của quyền tự do để theo đuổi những giá trị của Kinh Thánh, tôi được chuẩn bị để lao vào nguy hiểm. Nếu sự ảnh hưởng của xung lực Kinh Thánh hướng về lẽ phải, công bằng, và sự nhân từ có thể tiếp tục ảnh hưởng sự tranh cãi về chính sách công cộng, có lẽ tính ích kỷ tội lỗi của những người bầu cử có thể được tổ chức trong sự kiểm soát, ít nhất là một lần. Ít ra cho đến nay, chế độ dân chủ dường như đã minh chứng là phù hợp với những giá trị của Cơ Đốc Nhân hơn là chế độ chuyên quyền con người.

## HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CHÍNH QUYỀN CỦA MỘT XÃ HỘI TỰ DO

Hầu như có một sự nhất trí chung rằng chính quyền phải bảo vệ người dân của mình khỏi sự bất công, nhưng sự thống nhất hoàn toàn đó huỷ bỏ khi quyền lực của chính quyền được mở rộng để bảo đảm phúc lợi của mọi người dân. Tất cả Cơ Đốc Nhân chân thật sẽ đồng ý rằng cả chính họ là những cá nhân và giáo hội nên tích cực tham gia vào việc làm giảm bớt nỗi đau khổ của nhân loại. Chúng ta sẽ đồng ý thậm chí ít ra trong thần học, rằng Hội thánh nên bảo đảm phúc lợi cho những thành viên của mình, thế nhưng, tiếc thay, vì hầu hết các bộ phận của giáo hội đã từ bỏ trách nhiệm này đối với chính quyền. Tuy nhiên óc sáng kiến cá nhân có từng chứng minh thích đáng để đáp ứng nhu cầu con người xứng với toàn bộ tài nguyên có sẵn chưa?

Hầu hết các xã hội hiện đại đã kết luận rằng óc sáng kiến cá nhân không thể hoặc sẽ không đủ để đáp ứng những nhu cầu của nhân loại, mà chính quyền một mình có thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu của tất cả mọi công dân của nó và nên nỗ lực để làm như vậy. Đây là những định chế của hầu như tất cả các chính quyền, cho dù là độc tài hay là dân chủ. Một tiếng nói nhỏ của đối tượng giàu có đối với triết lý này, một số người trong nội bộ dân chúng mà Kinh Thánh không uỷ thác vai trò này cho chính quyền, những người khác mà không hoạt động và không thể hoạt động. Tuy nhiên, ít nhất trong thời gian tồn tại, sự chống đối chính quyền liên quan đến các chương trình phúc lợi xuất hiện là một nỗ lực hoạt động không hiệu quả của

---

<sup>28</sup>Robert N. Bellah et al., *Habits of the Heart* (Berkeley: University of California Press, 1985), 285.

những người theo đảng bảo thủ để bảo vệ lợi thế của những thành phần đặc quyền đặc lợi này. Là điều đó khi nó có thể, nếu một người chấp nhận bất kỳ vai trò nào của chính quyền trong việc thúc đẩy phúc lợi của con người, phương tiện hợp pháp gì để hoàn thành điều này trong một xã hội tự do?

Phương tiện để xảy ra sự thay đổi xã hội thông qua hoạt động chính quyền trong một chế độ dân chủ là sẵn có thông qua tất cả ba bộ của chính phủ.

**Bộ Hành Pháp.** Phương tiện chính yếu để chính quyền ảnh hưởng là thông qua các ngành hành chính thuộc liên bang, nhà nước và những cấp độ địa phương là thông qua tiến trình bầu chọn. Sự hoạt động ở hành lang nghị viện cho một ứng cử viên được cam kết cho một người hoạt động cảm thấy quan trọng có một ảnh hưởng trực tiếp thông qua ngành hành pháp của chính phủ được bầu chọn chính họ và ảnh hưởng gián tiếp vào những chi nhánh dưới sự quản lý của họ.

Một số đối tượng khi vận động hành lang tập trung vào một vấn đề duy nhất, nhưng điều này thường là sự chống đối đạo đức giả, vì chia về quyền lực của mọi người liên quan đến một vấn đề cụ thể là những gì mà những người vận động hành lang hướng về. Từng vấn đề chính trị đơn lẻ là điều đã làm xảy ra sự tự do trong thế kỷ qua và pháp luật về quyền công dân trong này.

Sự tập trung vào một số vấn đề chắc chắn như thế là xứng đáng hơn những vấn đề khác. Cho dù chỉ một vấn đề quan trọng là đủ để ngăn chặn sự quan tâm của mọi người, những vấn đề khác phải bị bỏ lại cho sự nhận xét của những người ủng hộ quan điểm đó. Có thể là không được sáng suốt để bỏ phiếu cho một ứng cử viên bởi vì chỉ một vấn đề duy nhất, vì người được bầu có thể theo đuổi tất cả các mục tiêu không mong muốn cùng với chỉ một mục tiêu ưa thích duy nhất là được quan tâm. Tuy nhiên rất khó khăn để nắm giữ điều sai trái về phương diện đạo đức hoặc phi dân chủ để thực hiện sự lựa chọn của một người dựa vào sự xem xét duy nhất một vấn đề tối quan trọng. May thay, hầu hết các vấn đề có khuynh hướng tập hợp, vì thế cử tri thường thoải lòng với trọn bộ “gói”.

**Bộ Lập Pháp.** Phương tiện thứ hai để chính quyền ảnh hưởng là thông qua bộ lập pháp. Cùng một tiến trình bầu cử đã cho biết trong trường hợp bộ tư pháp của chính phủ là phương châm đầu tiên tấn công vào hiện trạng hoặc bức tường thành trước hết che chắn cho hiện trạng. Nhưng sự nỗ lực của những người vận động hành lang chỉ bắt đầu với sự bầu cử. Những nỗ lực tương tự đó phải được duy trì để ảnh hưởng những người chức vụ để ban hành



những luật lệ cụ thể bởi vì lựa chọn “đúng” người làm luật có thể không chắc rằng anh ta sẽ bầu “đúng”!

**Bộ Tư Pháp.** Bộ thứ ba là làm đầu tàu hợp pháp thông qua các toà án. Mục tiêu theo đuổi phải là công lý pháp luật, không phải công bằng đạo đức. Sự theo đuổi công bằng đạo đức phải được thông qua luật pháp.

Mặc dù các toà án có thể cố tình gây ra sự thay đổi xã hội thông qua sự diễn giải lại pháp luật, theo tôi nó dường như không xứng đáng để các Cơ đốc nhân tìm kiếm hành động hợp pháp như vậy. Không phải tất cả các luật sư Cơ đốc đều đồng ý với quan điểm này. Chẳng hạn như, Tạp chí ra từng quý Xã Hội Hợp Pháp Cơ Đốc tán dương Ngài Denning như một gương mẫu luật sư và thẩm phán Cơ Đốc lý tưởng.

Sự từ chối của Denning về áp dụng những luật lệ mà ông xem như đã lỗi thời và không công bằng đã từng dai dẳng và tàn nhẫn... “Bây giờ chúng ta trong phiên toà này không bám víu vào những lá thư đạo luật đó. Chúng ta khinh rẻ mục đích thật sự của nó. Chúng ta *điền vào những chỗ trống*.”<sup>29</sup>

Trong lịch sử, bộ máy tư pháp chẳng bao giờ được mong đợi thực hiện chức năng trong một vai trò làm luật như thế. Bởi sự hoạt động theo cách này, những quan toà hoạt động xã hội chiếm đoạt uy quyền của bộ lập pháp và làm mất tính cân đối ổn định quyền lực giữa vòng bộ ba này của chính phủ.

Từ khi cấu trúc chính quyền được thành lập bởi con người, có lẽ không có khả năng để bố trí nội dung trên nền tảng Kinh Thánh, ngoại trừ việc cố nài nỉ rằng các viên chức công khai hành động cách trung thực và trong các giới hạn quyền lực theo hiến pháp.

Lấy một ví dụ thực tế, Nếu một bộ phận chính quyền ban hành một chính sách mà lấy mất đi sự tự do của một trường học Cơ Đốc để chỉ sử dụng những người với lối sống và niềm tin chắc chắn (nhấn mạnh, ví dụ như, thuyết bất khả tri của người đồng tính nữ được sử dụng như là thư ký của một giám học), trường học đó và tất cả những người chống đối khác cho sự tự do trước hết nên kháng cáo đến trách nhiệm của bộ hành pháp chính phủ. Nếu điều này không thành công, những hoạt động hợp pháp có thể được diễn ra để tìm kiếm sự bảo vệ từ các toà án. Các toà án bày tỏ sự đồng tình với những điều quy định của bộ phận chính quyền trên, cách duy nhất còn lại là tìm kiếm pháp luật để khôi phục lại sự tự do cụ thể mà đã từng được bảo đảm bởi những nguyên tắc chung của hiến pháp.

---

<sup>29</sup>*Quarterly of the Christian Legal Society*, spring 1981, 6-7.

Mặc dầu điều đó không thích hợp đối với các quan chức chính phủ để chuyển đổi hàng loạt những tiêu chuẩn Kinh Thánh vào trong sự truy tố trách nhiệm của họ trong một xã hội đa nguyên, giám đốc điều hành Cơ Đốc, thành viên cơ quan lập pháp, thẩm phán, hoặc công chức khác của chính phủ chắc chắn đạt được sự hiểu biết sâu sắc từ Kinh Thánh trong suy nghĩ của người Lập pháp Trưởng và Thẩm phán.

## SỰ CHỐNG ĐỐI CHÍNH PHỦ

Làm thế nào một Cơ đốc nhân liên hệ với thẩm quyền trong một vai trò kép của mình, vừa là một công dân nước trời vừa là công dân của nước sở tại trên đất này? Một số người cho rằng Cơ đốc nhân là công dân thực sự của nước trời thôi và mình nên tách biệt chính mình ra khỏi sự liên hệ với nước trên trái đất này càng nhiều càng tốt. Mặt khác, hầu hết những truyền thống của Hội thánh đã cho rằng một Cơ Đốc nhân càng thực hành tốt quyền công dân nước trời thì càng thực hiện tốt quyền công dân của mình trên đất này. Cả những người tin vào sự tách biệt và những người tin vào sự tham gia đều dạy rằng sự đáp ứng tự nhiên của Cơ đốc nhân hướng về thẩm quyền dân sự là sự vâng phục.

## SỰ PHỤC TÙNG

Mọi người phải phục tùng nhà cầm quyền; vì chẳng có thẩm quyền nào mà không đến từ Đức Chúa Trời; các nhà cầm quyền hiện có đều do Đức Chúa Trời chỉ định. Cho nên ai chống đối nhà cầm quyền là chống lại mệnh lệnh Đức Chúa Trời đã lập; và những người làm vậy sẽ chuốc lấy sự phán xét cho mình. Vì nhà chức trách không phải để cho người lương thiện sợ, mà để cho người gian ác sợ. Bạn muốn khỏi phải sợ nhà cầm quyền chăng? Hãy làm điều tốt đẹp, và bạn sẽ được khen thưởng; vì họ là đầy tớ của Đức Chúa Trời để làm ích lợi cho bạn. Nhưng nếu bạn làm điều gian ác thì hãy lo sợ, vì họ mang gươm không phải là vô cơ đâu; họ là đầy tớ của Đức Chúa Trời để thi hành sự trừng phạt đối với kẻ làm điều gian ác. Cho nên phải phục tùng nhà cầm quyền, không những vì sợ bị trừng phạt nhưng cũng vì lương tâm nữa. (Rô-ma 13:1-5)

Vì Chúa, hãy thuận phục mọi thẩm quyền của loài người, hoặc với vua là người nắm quyền tối cao, hoặc các tổng đốc là những người được vua phái đến để trừng phạt kẻ làm ác và khen thưởng người làm lành. (1 Phi-e-rơ 2:13-14)

## SỰ KHÔNG VÂNG LỜI ĐƯỢC UỶ THÁC

Những mạng lệnh vâng phục thẩm quyền dân sự thật là rõ ràng, nhưng nó có khi nào đúng không khi chúng ta chống lại thẩm quyền dân sự? Không chỉ là một Cơ đốc nhân *có thể*

chống lại mà Cơ đốc nhân *phải* chống lại khi bất cứ yêu cầu nào trong thẩm quyền đó không vâng phục Đức Chúa Trời. “Thà phải vâng lời Đức Chúa Trời còn hơn vâng lời người ta” (Công vụ 5:28-29; cũng xem trong Công vụ 4:17-20). Toà Án Tối Cao ra tuyên bố rằng không nói trong danh này. Chúa Jesus Christ đã nói với các môn đồ Ngài để công bố Tin Tức Tốt Lành cho mọi người. Vấn đề này thật đã quá đau xót. Chính quyền Đức quốc xã đã tuyên bố tóm bắt và hành hình những người Do Thái vô tội. Người bảo vệ Cơ đốc nhân SS hoặc là người dân thường xuyên phải vâng lời Chúa hơn là vâng lời con người và phải bảo vệ người vô tội. Những hành động này không phải là sự chọn lựa điều ít tội tệ hơn trong hay điều tội tệ. Vâng lời nhà nước khi được yêu cầu phạm tội là điều tội lỗi vô cùng; không vâng lời nhà nước trong trường hợp này là một đạo lý tốt. Đa- ni- ên đã làm tốt điều này khi ông không tuân theo những mạng lệnh của vua bất không được cầu nguyện và những người bạn của ông từ chối không thờ phượng thần tượng. Jochebed và những người đỡ đẻ Ai-cập được căn dặn không tuân theo một luật pháp độc ác.

Tuy nhiên, nếu những hoạt động bị cấm đoán là tốt và dưới những hoàn cảnh khác có thể hợp lý như ý muốn của Chúa, nhưng nếu không có lệnh của Kinh Thánh ở đó? Luật pháp của người Nhật ban cho sự tự do gần như hoàn toàn để rao truyền Phúc Âm. Tuy nhiên, các tài liệu phân phát trên những phương tiện chuyển tải công cộng là vi phạm pháp luật. Có phải nhà truyền giáo phải nài nỉ một hình thức truyền giáo đặc biệt? Có thể anh ta công bố một lệnh từ Đức Chúa Trời để làm điều đó không? Đức Chúa Trời có ra lệnh cho các tín hữu đưa lén Kinh Thánh vào trong những quốc gia có sự nghiêm ngặt về in ấn hoặc phân phối Kinh Thánh? Kết luận của tôi là những hoạt động tốt, khi không được uỷ thác bởi Kinh Thánh, đôi khi là chính đáng nhưng không phải là bắt buộc. Sự chỉ dẫn cá nhân có thể được công bố, nhưng sự hướng dẫn như thế không có uy quyền rõ ràng từ Kinh Thánh và nên được sử dụng thật cẩn thận. Tính thận trọng phải được sử dụng vì hoạt động này có thể là không cần thiết vì sự vâng lời Chúa mà có thể gây nguy hiểm cho các giá trị khác quan trọng hơn, như là sự tự do làm chứng trong những cách thức khác. Hơn nữa, người vi phạm pháp luật phải nên chuẩn bị để gánh chịu những hậu quả mà mình đã gây ra. Phao-lô nói rằng, “Nếu thật tôi có tội hay phạm điều gì đáng chết, tôi chẳng xin tha chết đâu” (Công vụ 25:11).

Vì thế, khi được lệnh không vâng phục ý Chúa được tỏ bày, Cơ đốc nhân *bắt buộc* không vâng lời mạng lệnh của con người; khi bị cấm đoán làm điều gì đó tốt đẹp mà nó không được lệnh từ Kinh Thánh, Cơ đốc nhân, dưới một số trường hợp, *có thể* không vâng theo mạng lệnh con người.

## KHÁNG CỰ THỤ ĐỘNG

Tuy nhiên, kháng cự điều gì khi chính quyền yêu cầu tín hữu không được quan tâm đến tôn giáo hoặc hành vi đạo đức của mình, nhưng đó chính điều là sai trái? Nên nhớ rằng khi Phao-lô hướng dẫn tín hữu tại thành Rô-ma vâng lời chính quyền, ông đã không nói đến một chính quyền công bằng và nhân từ. Caligula và Nero từng là hai người điên cuồng truy lạc nhất thực hiện luật bạo hành trên dân sự. Và chính những Cơ đốc nhân là mục tiêu của lòng căm thù chua cay của họ. Tuy nhiên Phao-lô đã nói, “Vâng phục.” Các hoàng đế La-mã độc ác này và hệ thống suy đồi của họ là những thẩm quyền “được quy định bởi Chúa.” Giê-rê-mi đã dạy bảo những người bị phu tù sống tại Ba-bi-lôn của Nê-bu-các-nét -sa, một ví dụ đặc trưng về các chế độ chuyên chế tàn nhẫn, “Hãy tìm cầu sự thịnh vượng cho thành mà Ta đày các con đến. Hãy cầu nguyện với Đức Giê-hô-va cho thành ấy, vì sự thịnh vượng của nó là sự thịnh vượng của các con” (Giê-rê-mi 29:7). Sự dạy dỗ này phản ánh những nguyên tắc chung nhưng không cho chúng ta biết có những ngoại lệ trong Kinh Thánh. Ít ra chúng ngụ ý rằng không kể là tội lỗi cho một tín hữu vâng phục một chính quyền không công bình. Chắc chắn là không có chỗ cho những người trong một xã hội tự do ngồi trên một người chị hoặc người anh trong sự xét xử sống phục tùng dưới sự cai trị chuyên chế.

Cùng một lúc, chúng ta phải lưu ý rằng Rahab của Giê-ri-cô và những bà mẹ Ê-díp-tô, ví dụ, không vâng phục - họ đã chống lại chính quyền của họ. Vì sự chống đối này họ đã được Đức Chúa Trời ban thưởng và được coi như thiêng liêng giữa vòng các anh hùng đức tin. Vì thế chúng ta kết luận rằng đôi khi không sai phạm chống lại quyền hành bất công.

Làm thế nào chúng ta có thể đặt hai khái niệm hầu như trái ngược nhau này lại với nhau? Nói chung tín hữu nên là đối tượng vâng phục khi không bị bắt buộc không vâng lời Chúa, nhưng đôi khi có thể là ý muốn Đức Chúa Trời chống lại một chế độ hay sắc lệnh bất công. Khi nào?

Sau Chiến Tranh Thế Giới II và sự nổi dậy của những quyền dân sự và các phong trào chống chiến tranh, điều đó dường như rằng những người thuộc Hội thánh tự do đã ủng hộ sự kháng cự thụ động trong truyền thống của Rahab, trong khi những người bảo thủ không muốn Giê-rê-mi trong sự ủng hộ luật pháp và mệnh lệnh.

Việc ủng hộ tích cực sự kháng cự thụ động gia tăng đã dẫn đến hoặc đạt đến đỉnh cao trong thần học giải phóng trong một phần của nhiều giáo sĩ tự do.

Thần học giải phóng đã đi vào sự nổi bật với Hội nghị Thế giới về Sự Cứu Rỗi Ngày Nay đã được tổ chức bởi Hội Đồng Các Giáo Hội Thế Giới ở Bangkok đầu năm 1973. Thông điệp của hội nghị rất là đơn giản: Sự cứu rỗi là sự giải phóng... từ sự bất công, từ mọi hình thức áp bức, bóc lột, từ mọi thứ

ngăn cản con người khỏi sự hình thành “con người chân thật.” Mặc dầu các nhà thần học giải phóng thừa nhận tội lỗi cá nhân, họ quy cho sự hiện hữu của nó đối với những cấu trúc áp bức xã hội và chính trị; chỉ những điều này thôi đã sản sinh và duy trì nó, họ nói, Sự biết tội là nền tảng xã hội; do đó không giải phóng từ tội lỗi cá nhân là hợp lý ngoại trừ thông qua sự đánh đổ hoàn toàn những cơ cấu áp bức này cái mà tạo ra nó là điều chắc chắn.<sup>30</sup>

Vào khoảng thời gian đó, một tâm trạng mới bắt đầu phát triển giữa vòng những người theo trào lưu chính thống và các nhà truyền giáo. Mặc dầu phần đông tiếp tục ủng hộ luật pháp và sắc lệnh như một yêu cầu tuyệt đối của những công dân Cơ Đốc, sự gia tăng về số lượng để được tham gia chính trị và để chống đối thẩm quyền của chính quyền trong rất nhiều phương cách hợp pháp và bất hợp pháp. Có lẽ sự kiện nổi bật nhất trong năm 1973 là quyết định của Toà Án Tối Cao về việc nạo phá thai là hợp pháp. Vào những năm 1980 sự khác biệt chủ yếu giữa những người ủng hộ tự do và bảo thủ về sự kháng cự thụ động ở Mỹ là đơn thuần chỉ với những luật mà không được vâng lời. Người ủng hộ bảo thủ ăn nói lưu loát và được nhiều người biết đến nhất là Francis Schaeffer.

Đức Chúa Trời đã lập nên nhà nước như là một thẩm quyền *được uỷ nhiệm*; nó không phải tự lập. Nhà nước không phải là một đặc vụ công bình, để ngăn cản điều ác bằng sự trừng phạt những người làm sai, và để bảo vệ điều tốt lành trong xã hội. Khi nhà nước làm điều trái ngược, *nó không có thẩm quyền đúng đắn*. Và rồi sau đó là một quyền lực chiếm đoạt được, và như vậy, nó trở nên vô luật lệ và là một sự chuyên chế... Nó đi theo sau luận văn của Rutherford rằng các công dân có một bổn phận đạo đức để chống lại chính quyền không công chính và chuyên chế bạo ngược... nếu không có chỗ cuối cùng cho sự kháng cự thụ động, thì chính quyền đã từng được tự trị, và như thế, nó đã được đặt trong chỗ của Đức Chúa Trời hằng sống.<sup>31</sup>

Vậy, lực lượng những người ủng hộ sự chống lại quyền lực áp bức dân sự hoặc bất công đi khắp vượt qua toàn bộ một chuỗi rộng thần học. Nan đề không phải là dù cho không vâng lời chính quyền khi nó yêu cầu không vâng lời Đức Chúa Trời, nhưng cho dù công dân Cơ Đốc bị ép buộc để thúc đẩy chính quyền tự nó ngăn chặn sự không vâng lời Chúa. Câu hỏi là liệu tôi có phải từ chối nạo phá đưa con trong bụng tôi, như thể một Cơ Đốc nhân ở Trung quốc được yêu cầu, nhưng cho dù tôi phải thúc giục chính quyền ngăn chặn trợ cấp cho việc phá huỷ bào thai, và thậm chí cho dù tôi phải thúc ép chính phủ ngăn chặn mọi người khỏi

---

30. Rene de visme Williamson, "The Theology of Liberation," Christianity Today, 8 August 1975, 7.

31. Francis A. Schaeffer, A Christian Manifesto (Wheaton, Ill.: Crossway Books, 1981), 91, 101, 130.

việc nạo phá thai. Khi nào tôi đưa những cánh tay lên chống lại chính quyền- hoặc là ném bom chống lại những trung tâm nạo phá thai?

Tôi không tin toàn bộ phạm vi kháng cự thụ động được ủng hộ bởi Francis Schaeffer có thể hợp lý với Kinh Thánh. Sứ đồ Phao-lô và Phi-e-rơ là quá rõ ràng cho trung tâm luận văn mà sự chinh phục thẩm quyền dân sự là tính cách quy chuẩn của hành vi Cơ Đốc nhân. Sự kháng cự thụ động khi công dân được yêu cầu phạm tội? Vâng. Chống đối lại luật lệ nào của con người mà vi phạm luật lệ của Đức Chúa Trời? Thỉnh thoảng, vâng, trong truyền thống của những bà mẹ Ê-díp-tô. Nhưng sự bắt buộc các tín hữu là hành vi có tính cách quy chuẩn? Thật nghiêm khắc. Và tôi không tin Schaeffer đã có ý muốn như thế, dù cho ông dường như nói như vậy.

## KHÁNG CỰ BẰNG SỨC MẠNH

Câu hỏi tiếp theo và có lẽ quan trọng nhất là, Phương pháp kháng cự nào là được chấp nhận theo Kinh Thánh? Trường hợp của làm trái lương tâm của một người khi được ra lệnh làm điều sai trái là hoàn toàn đơn giản: Làm đúng, và chấp nhận những hậu quả. Nhưng làm thế nào một người đi khắp nơi khiển trách những tội ác trong chính quyền khi họ làm sai hoặc yêu cầu/cho phép những người khác làm sai? Phải chăng vũ lực được cho phép?

Tiên tri hiện đại vĩ đại nhất của sự kháng cự thụ động, Gandhi, đã nói “Không hợp tác với tội ác là nhiệm vụ của tôi. Và sự cai trị của người Anh là tội ác.” Nhưng ông đã từ chối cách cứng rắn sử dụng vũ lực trong sự chống cự của ông. Chống lại sự đàn áp tàn bạo do được do người Anh, sự tàn bạo gây sức ép từ những cộng sự của ông, và trong thể diện của bạo lực dân chúng mà chính ông đã một phần nhóm lửa vào, ông đã đứng vững, khiển trách chúng ta rằng nếu chúng ta đi theo giáo lý mất đèn mất, chúng ta sẽ khiến cả thế giới này mù loà. Ông ta đã đặt cược nhiều lần mạng sống của ông cho nguyên tắc kháng cự thụ động đối với sự bất công là một nhu cầu đạo đức, nhưng bạo lực trong sự tiếp tục của nó là sai trật, vì lập trường quan điểm này ông đã cho đi sự sống của ông. Sự kháng cự, vâng, nhưng chỉ kháng cự thụ động thôi. Francis Schaeffer không đồng ý:

*Sức mạnh*, như được sử dụng trong sách này, có nghĩa là “sự bắt buộc” hoặc là “sự kiểm chế” được áp dụng trên một người (hoặc nhiều người) hay là một thực thể như là nhà nước.<sup>32</sup>

---

<sup>32</sup> Sách đã dẫn., 106.

Sự sử dụng sức mạnh hợp lý không phải chỉ cho một tỉnh của một đất nước. Một giả định như thế được sinh ra ngay thơ. Nó để lại cho chúng ta với biện pháp khắc phục không đầy đủ khi nào và nếu nhà nước đảm nhiệm nhân tố chuyên quyền.<sup>33</sup>

Mặc dầu Schaeffer biện minh cho cuộc cách mạng vũ trang dưới một số trường hợp, ông ủng hộ những giới hạn nghiêm khắc:

Trong sách Luật của Vua (Lex Rex) (tác giả Samuel Rutherford) không đề xuất cách mạng vũ trang như là một giải pháp máy móc. Thay vào đó, ông đưa ra một sự đáp ứng thích hợp đối với sự can thiệp của nhà nước vào sự tự do của người dân. Đặc biệt, ông đã tuyên bố rằng nếu nhà nước cố tình cam kết phá huỷ lời kết ước với Đức Chúa Trời, thì sự chống đối là thích hợp.

Trong trường hợp như vậy, đối với từng cá nhân riêng rẽ, với tư cách cá nhân, Rutherford đã đề nghị rằng có ba mức độ thích hợp của sự kháng cự: *Thứ nhất*, người ấy phải bảo vệ chính mình bằng sự phản kháng (trong xã hội đương thời điều này hầu như thường là hành động hợp pháp); *Thứ hai*, người ấy phải chạy trốn với mọi khả năng; *Thứ ba*, người ấy có thể sử dụng vũ lực, nếu cần thiết, để bảo vệ chính mình. Một người không nên sử dụng vũ lực nếu như anh ta có thể cứu thân mình bằng cách chạy trốn; cũng không nên dùng sự chạy trốn nếu anh ta có thể cứu chính mình và bảo vệ thân mình bằng cách phản đối và sử dụng việc sửa đổi những phương tiện hiến pháp.<sup>34</sup>

Và rồi ông ta cho biết rằng kháng cự tập thể sẽ tương tự như vậy, ngoại trừ việc trốn đi thường không thực tế cho một nhóm người. Hơn nữa, nếu một nhóm tự họ thành lập một chính quyền hợp pháp, như là một nhà nước trong một liên bang hoặc một cộng đồng địa phương hay một Hội thánh, họ có quyền lợi và bổn phận đứng chống lại phần chính quyền cao hơn. Schaeffer biện minh cho cuộc Cách mạng nước Mỹ bằng sự cố gắng chứng minh rằng nó đã được bắt đầu như là một chính quyền hợp pháp (những nước thuộc địa) trong sự tự vệ chống lại sự xâm lược của một quyền lực bên ngoài.

Lưu ý rằng Môi-se đã đi theo ba bước này với một trình tự khi ông lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên phản đối chống lại sự áp bức và cảnh nô lệ.

Giai đoạn một (chống đối) và giai đoạn hai (chạy trốn) rất là rõ ràng trong Kinh Thánh, nhưng giai đoạn ba giới thiệu sức mạnh thân thể (thông thường được gọi là “bạo lực”). Sử dụng vũ lực như thế trong trường hợp của Hội thánh là một điều rõ ràng không đúng theo Kinh Thánh. Trong trường hợp bảo vệ đối với sự áp bức, kháng cự thụ động là sự phù hợp với gương của Chúa Jesus Đấng Cứu Chuộc của chúng ta hơn và ít cởi mở hơn đối với sự

---

<sup>33</sup> Sách đã dẫn., 107.

<sup>34</sup> Sách đã dẫn., 103-104.

lam dụng bạo lực. Nhưng cần phải để ý rằng sự thành công của Gandhi là có khả năng bởi vì những người đi theo ông đã chống đối trong bối cảnh của những chính quyền nhân đạo. Họ muốn đối xử như những kiểu mẫu làm cho mê muội những người ở dưới những chế độ độc tài vô liêm sỉ. Gương của Hội thánh đầu tiên là thực tế hơn: Ba trăm năm chịu đựng sự đọa đầy như cỏ khô cho sư tử ăn và những ngọn đuốc người thấp sáng lên những cuộc truy hoan của hoàng đế truy lạc La-mã.

Tuy nhiên câu hỏi còn lại là, Khi tất cả những phương tiện bất bạo động đã từng bị kiệt sức trong một nỗ lực hết sức để tìm kiếm sự sửa lại những sai trái, có phải lực lượng quân đội phá đổ một chế độ độc ác một nguồn suối mở ra cho những Cơ Đốc nhân? Nếu bản thân chiến tranh từng là chính đáng, khi nào hay chính quyền tồn tại và có mâu thuẫn, Cơ đốc nhân có thể chọn một phía mình cảm thấy công bằng nhất. Nhưng trong sự vắng mặt của chính quyền thứ hai, như là một chính quyền cách mạng, từng công dân riêng rẽ, hoặc là Hội thánh, hoặc bất cứ một nhóm công dân nào khác vi phạm Kinh Thánh trong việc sử dụng đến vũ lực.

## **TRƯỜNG HỌC**

### **NHỮNG TRƯỜNG HỌC NHÀ NƯỚC VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ**

Mặc dầu Kinh Thánh ấn định trách nhiệm nuôi dạy con cái thuộc về ba mẹ, xã hội như là một tổng thể có ích lợi hợp pháp trong việc bảo đảm rằng phát triển thế hệ được trang bị thích đáng cho một vai trò hữu ích trong một cộng đồng đó. Ngoài ra còn có lợi ích riêng tư của một xã hội ở kỹ năng, kỹ xảo, và sự hoà nhập xã hội của những công dân của nó. Nếu nhà nước không đảm bảo việc giáo dục cho tất cả trẻ em, lịch sử đã dường như chỉ ra rằng chỉ có một số ít người có đặc quyền sẽ hưởng lợi từ sự giáo dục chính quy. Vì thế còn có một yếu tố nhân đạo trong việc cung cấp giáo dục công cộng miễn phí cho tất cả mọi người.

Khi một xã hội thuần nhất, ví dụ như, xã hội nước Mỹ ở một thế kỷ trước đây và xã hội Nhật Bản ngày nay - giáo dục công cộng có thể dễ dàng kết hợp với những giá trị thường được theo đuổi. Nhưng khi một xã hội trở nên đa dạng về văn hoá và tôn giáo, sự giáo dục công cộng ngày càng gia tăng đầy đầy các nan đề.

Tính đa nguyên trong một xã hội đã dường như đòi hỏi tính đa nguyên trong giáo dục, Nhưng hậu Thế Chiến Thứ Hai, sự đương đầu với ý thức hệ của nước Mỹ đã mở đường cho một nhà nước thế tục, đất nước mà ủng hộ để trở thành một nước không chỉ trung lập về tôn giáo mà còn trung lập về giá trị nữa. Có lẽ không có chuyện tưởng tượng về giáo dục vĩ đại



hơn, và cũng không có tiềm năng tổn hại lớn hơn, Earl J. McGrath, hài lòng trích dẫn lời của một nhà trí thức hàng đầu, Mã Lerner, trong vấn đề cốt yếu này:

Đôi khi một cuộc tranh cãi diễn ra ác liệt về việc liệu giáo dục có nên được quan tâm đến các giá trị. Một thắng ngốc tranh cãi kiểu như thế, bằng một câu hỏi cổ xưa đầy tuyệt vọng. Cũng như hỏi rằng liệu tôn giáo có nên được quan tâm với những nan đề về Chúa Ba Ngôi. Mọi diễn viên trong sân khấu truyền hình giáo dục - giáo viên, sinh viên, gia đình, nhà quản lý, giới truyền thông, nhóm đồng đảng - là để cho chính mình quyết định những giá trị. Dù muốn hay không, giáo dục được đâm ướm những giá trị.<sup>35</sup>

**Chủ Nghĩa Thế Tục.** Kết quả thật sự từ việc ngày một gia tăng quan điểm có ảnh hưởng lớn này mà giáo dục có thể và phải trở nên giá trị trung lập là, bằng sự định nghĩa, việc thiết lập một giá trị đầy sức mạnh và lan toả khắp nơi: chủ nghĩa thế tục. Nó không chỉ đơn thuần mà nhà nước (trong trường hợp này, trường học nhà nước hoặc giáo viên) nói rằng, “Nó không thích hợp cho tôi để khẳng định cách công khai bất kỳ tiêu chuẩn đạo đức cụ thể nào.” Điều này sẽ tồi tệ đủ và nếu dẫn đến một kết luận lô-gic của nó, sẽ hủy đạo đức xã hội văn minh. Hơn thế nữa, thuyết tương đối văn hoá và, vì thế, thuyết tương đối đạo đức, là những gì được dự định bởi nhiều người ủng hộ cho chủ nghĩa thế tục này. Một nhà nước thế tục có thể tin được là trung lập về tôn giáo và không trung lập về giá trị. Tuy nhiên, chủ nghĩa thế tục hiện đại thì không là gì cả. Nó chống lại tôn giáo và cũng chống lại bất kỳ giá trị tuyệt đối cụ thể nào.

**“Sự làm sáng tỏ những giá trị.”** Trong sự vô nghĩa đạo đức được tạo ra khi tôn giáo bị vứt bỏ từ các trường học công lập bởi hoạt động của Toà Án Tối Cao, những nhà giáo dục đã cố gắng giới thiệu sự lựa chọn một trong nhiều khả năng: “Sự làm sáng tỏ những giá trị.” Các quá trình diễn biến được phác hoạ trên kiểu mẫu này có một chân lý rõ ràng độc nhất: Sự khoan dung của tất cả các quan điểm.

Đây là một nan đề điển hình được đưa ra cho các lớp học cấp phổ thông cơ sở: Mary, một nữ sinh mười sáu tuổi, đang mang thai và bây giờ phải đối mặt với một tình huống tiến thoái lưỡng nan là có nên hay không thực hiện việc phá thai. Cha mẹ cô không hề biết cảnh ngộ khốn khổ của cô ta. Cô ta phải thực hiện điều gì đây? Điều gì cô phải làm bây giờ? Là người thứ tám của trường trung học vật lộn với nan đề này, giáo viên cho họ chỉ một luật lệ:

---

<sup>35</sup>Earl J. McGrath, "Relating Faith and Learning," *Private Higher Education: The Job Ahead*, vol. 12, American Association of Presidents of Independent Colleges and Universities, 1983, 25.

Họ không được có khuynh hướng phán xét bởi vì không có câu trả lời nào là đúng cho mọi người ở mọi lúc mọi nơi.

Tiến trình suy nghĩ về cách cư xử là mục tiêu, và mỗi sinh viên là một quan toà, được mong đợi quyết định những đường đi hoạt động nào là tốt nhất cho mình. Sự kết luận này có thể chạy vào sự đối mặt những tiêu chuẩn của cộng đồng và chắc chắn sẽ từ chối bất cứ thẩm quyền cuối cùng nào cho giá trị làm cha mẹ. Mục tiêu học tập ở đây là làm thế nào để lãnh lấy trách nhiệm, những chọn lựa độc lập dựa trên điều gì? Nếu chấp nhận không thiên vị bất kỳ quan điểm nào là một tiến trình, đó có thể, bằng định nghĩa, là không có mục tiêu và tiêu chuẩn chung. Vâng, phương pháp này là một giáo lý “tôn giáo”, phẩm hạnh, và đạo đức cho một nền tảng quan trọng cho mỗi cá nhân và các hậu quả xã hội.

**Học Thuyết Tương Đối Vô Đoán.** Nhưng có phải thế hệ này chúng ta đã kinh nghiệm điều chắc chắn xảy ra và không thể thay đổi được? Trước tiên những trường học công đã trung lập về *giáo phái*, nhưng những giá trị của người Tin Lành được nổi trội hơn và mặc dù người theo Công giáo La Mã bắt đầu có những trường học của riêng họ người theo đạo Do Thái và người vô thần phải đưa lên cùng với nó. Khi xã hội được thay đổi thì trường học cũng được thay đổi, trở nên ngày càng đa nguyên về tôn giáo, nhưng những bài học về giá trị vẫn được thấm nhuần tôn giáo: những giá trị của “Do Thái Giáo và Cơ Đốc Giáo” (Judeo-Christian), thuật ngữ chính ám chỉ nửa phần cuối của Mười Điều Răn. Người theo thuyết bất khả tri và vô thần vẫn bị phân biệt đối xử và ngày càng trở nên tiếng kêu về nó. Cho dù họ đã được thiết lập, như đã được nêu lên nhiều lần trong nơi bầu cử, dân số những người này không quá 2 phần trăm.

Họ có một sự ảnh hưởng rất không cân xứng với số lượng của họ bởi vì một nhóm lớn hơn nhiều, dầu cho khẳng định sự tồn tại của Đức Chúa Trời và giá trị pháp lý của Mười Điều Răn, đã sẵn sàng chấp nhận đạo đức của người theo thuyết tương đối. Đây là giáo lý căn bản của một sự đồng tâm thế tục mới xuất hiện, là một sự phát triển kỳ lạ - những chân lý tôn giáo được khẳng định bởi (hầu hết) tất cả mọi người cùng với thuyết tương đối đạo đức như một tín ngưỡng hoạt động cho đa số. Sự phát triển này đã dẫn đến tính đa nguyên của ý thức hệ.

Giả sử rằng thế hệ này là không thể tránh khỏi, có phải nó cũng không tránh được tính đa nguyên về đạo đức được thành lập như là một vị trí chính thức của giáo dục công cộng? Có phải không có giá trị nào còn lại, chỉ có duy nhất giáo lý của thuyết tương đối? Mặc dù nhiều nhà nghiên cứu khoa học nhân văn thế tục trong các vị trí của những người có đặc

quyền đặc lợi trong giáo dục, giới truyền thông, và đời sống công cộng nhấn mạnh đối với thuyết tương đối này, Tòa Án Tối Cao không quá bị chi phối.

Tôi dám chắc rằng giáo dục trung lập về giá trị là điều không thể; sự cố gắng áp đặt toàn bộ thuyết tương đối vào giá trị là điều có thể thay đổi được trong một xã hội thế tục hoặc trung lập về tôn giáo; và áp lực trong đường hướng đó phải bị chống cự lại.

**Tính Đa Nguyên của Tôn Giáo.** Một số người xin được quay trở lại những thời khắc của một ngày khi mà tôn giáo và những giá trị tôn giáo đã được khắc sâu trong các trường học công cộng. Ví dụ như, nhiều người đã đọc Phúc Âm trên phạm vi rộng rãi đã luật sư John W. Whitehead tranh luận quan điểm này với hàng khối tài liệu liên quan đến ý nghĩa của việc bổ sung Hiến Pháp Hoa Kỳ lần thứ nhất trong cuốn sách, *Sự Phân Cách Áo Tường*.<sup>36</sup> Một phong trào mạnh mẽ lại đưa sự cầu nguyện vào lại trong các trường học công tiếp tục dâng lên, nhưng mà tôi có hai nan đề với điều này. Sự phối hợp hệ tư tưởng đa dạng của xã hội Mỹ đã được nói rõ, lời cầu nguyện công khai đã rút lui vào trong một sự bất chước hài hước để châm biếm về lời cầu nguyện chân thật. Trước tiên cầu nguyện cho người bị chết hoặc người người bị nạn là ý tưởng của lời cầu nguyện trong danh Chúa Jesus Christ. Nhưng điều đó duy nhất là cho thương vong trước hết. Kết quả cuối cùng thường là một “lời cầu nguyện” nhấn mạnh hy vọng ích kỷ cho một thể hệ thịnh vượng (được hiểu về mặt thuộc thể, vật chất, và các điều kiện thế tục) được giải quyết cho một người vô danh hoặc cho lực lượng vô hình. Có phải một lời cầu nguyện nghèo nàn thì tốt hơn là không cầu nguyện? Chí ít nó không dạy cho mọi người về lời cầu nguyện xấu xa và trong trường hợp xấu nhất nó không sỉ nhục Đấng Toàn Năng?

Sự phản đối thứ hai của tôi thì căn bản hơn. Tôi không thể đi xa khỏi Luật Lệ Vàng. Nếu tôi không muốn con cái của tôi bị tùy thuộc vào những giá trị và lễ nghi tôn giáo trong một trường học công lập, người A rập Sau- đi nói, có phải là “đang làm cho người khác những gì tôi đã muốn thực hiện cho tôi” để chinh phục trẻ em Do Thái, Hồi giáo, hoặc vô thần đến với tôn giáo của tôi? Sự lập luận rằng tham gia vào một nhóm thờ phượng là tình nguyện có thể thực hiện tốt đối với người lớn, nhưng khó có thể được chấp nhận trong trường hợp của trẻ em.

Tôi đồng ý rằng những giá trị tôn giáo công khai và hoạt động sự kiện có thể được yêu cầu hợp pháp trong một xã hội thuần nhất; một số nhỏ những người dân tộc thiểu số bất đồng chính kiến sau đó phải chịu đựng tới mức họ có thể chịu đựng được. Tuy nhiên như thể tính

---

<sup>36</sup>John W. Whitehead, *The Separation Illusion* (Milford, Oreg.: Mott Media, 1977).

đa dạng của ý thức hệ không còn đúng nữa với người Mỹ là một sự thật trọng đại của cuộc sống. Mặc khác, dầu sự đồng thuận của tôn giáo không còn tồn tại nữa, sự đồng thuận về mặt đạo đức lại hiện hữu, và điều này là những gì nên được chứng minh đối với những trường học công lập trong thời đại của chúng ta. Những giá trị này có thể hoặc không phải được thúc đẩy bởi tôn giáo. Tại sao và bằng cách nào chúng ta đi khắp nơi tìm kiếm một sự đồng nhất - thông qua giáo dục hoặc sự lập pháp, vì những lý do tôn giáo hoặc thế tục-là không thích đáng. Nếu sự đồng nhất dựa vào một giá trị được gán cho ở hiện tại hoặc sẽ được thiết lập, đó là những gì các trường học công lập nên ghi nhớ. Và chắc chắn ngày nay không có sự đồng nhất để từ chối tất cả những tiêu chuẩn ủng hộ hệ tư tưởng lừa dối được đặt tên là “trung lập về giá trị.”

Trong quá khứ, sự đồng thuận này được biểu lộ rất nhiều thay đổi đa dạng từ cộng đồng đến cộng đồng, và nó từng được hợp thức hoá để đi đến những quyết định cho khu vực trường học địa phương về những giá trị để được khắc sâu. Nhưng một sự đồng thuận địa phương như thế, dầu hoạt động công bằng và tron tru ở nơi mà nó vẫn tồn tại, thì ngày càng trở nên ít khả thi hơn. Phương tiện truyền thông đại chúng, sách giáo khoa được phân phối trên phương diện quốc gia, và tình biến đổi lạ thường của chúng ta đang dẫn đến một sự đồng thuận về văn hoá có ít đặc điểm chung nhất đó là tạo ra một sự tiếp cận của chính quyền địa phương có thể tồn tại càng ngày càng giảm đi. Tuy nhiên, có ít nhất hai cách để truyền những giá trị đặc trưng trong một trường công lập có tính đa nguyên.

*Thiết Lập Những Giá Trị Đồng Thuận.* Toà Án Tối Cao đã phán quyết rằng “chính sách công cộng” – hoặc sự đồng thuận chung – thậm chí ưu tiên vượt trên một số quyền Hiến pháp, như là sự tự do để thực hành những nguyên tắc tôn giáo của một người. Chính sách công cộng bị chi phối, khiến nó trở nên bắt buộc đối với nhà nước để thúc đẩy sự hợp nhất giữa người da đen và người da trắng thậm chí nếu điều này là chống lại niềm tin của một hội đồng tôn giáo (*IRS v. Bob Jones University*, 1983). Theo cách này, sự đồng thuận chung về một giá trị là có khả năng để thiết lập chính sách chung, ngay cả khi, như trong trường hợp này, phán quyết của toà án được hoàn thành không thông qua bất kỳ sự trưng cầu dân ý của cử tri hoặc cuộc điều tra dư luận có tính khoa học để quyết định sự đồng thuận, nhưng bằng khả năng trực giác của quan tòa. Có thể không được sử dụng đồng một tiếp cận cho những giá trị khác, thậm chí nếu chúng xảy ra theo truyền thống không?

Luật pháp nhà nước hoặc hiếm khi cho phép luật pháp liên bang được ban hành, nếu không uỷ thác sự dạy dỗ những giá trị được số đông tán thành. Sáu điều sau trong Mười Điều Răn có thể là một nơi khởi đầu tốt cho những Cơ Đốc nhân muốn thúc đẩy pháp luật như thế. Không phải tất cả những điều răn này được chấp nhận như nhau, nhưng bây giờ tồn tại sự

đồng thuận của số đông và chắc chắn được tăng thêm lên nếu được ủng hộ, không dựa vào cơ sở tôn giáo, nhưng dựa vào những bằng chứng thể hiện những tiêu chuẩn như thế là rất cần thiết cho lợi ích chung.

Những điều răn dễ dàng nhất để “thiết lập,” và không cần pháp luật tại điểm này, có thể là điều răn thứ sáu và điều răn thứ tám, chống lại việc giết người và trộm cướp. Sự chống lại bạo lực cá nhân và tính xâm phạm tài sản riêng tư có thể không được dạy dỗ cách phổ biến, đặc biệt trong tất cả những điều không được tuyên bố công khai, tuy nhiên chúng có thể được và nên được tuyên bố. Mặc dầu tính chính trực trong việc nói ra sự thật đang bị huỷ hoại bởi chiều hướng nhân mạnh dựa vào quyền tự trị cá nhân, nhiệm vụ đối với bản thân, và những khái niệm đạo đức luân thường tương đối, điều răn thứ chín chống lại sự dối trá cũng có thể được dạy dỗ sôi nổi dưới những hạn chế hiện tại.

Những nan đề lớn là nằm trong điều răn thứ năm và thứ bảy đề cập đến hoạt động tình dục của con người và gia đình. Nó sẽ đòi hỏi những nỗ lực to lớn trên tất cả các mặt trận cải tạo nền tảng đã bị mất trong những lĩnh vực này, nhưng chúng ta phải chắc chắn tạo ra một nỗ lực. Điều Răn thứ mười chống lại sự tham lam, tôi cho rằng không có hy vọng gì.

*Lựa Chọn của Chính Quyền Địa Phương những Giá Trị Giáo Dục.* Trong phương pháp thứ hai, một tính đa nguyên chân thật có thể được thiết lập bởi sự cho phép bất kỳ một người hoặc nhóm người nào để cung cấp sự giáo dục bằng những giá trị cho đứa con của mình từ bất cứ viễn cảnh nào mà anh ta mong ước bằng bất cứ con người chất lượng nào theo sự chọn lựa của anh ta là một phần của chương trình giáo dục ở trường công lập.<sup>37</sup>

Vì những giá trị khác biệt quá lớn và được nắm giữ mạnh mẽ, nên muốn có một sự thỏa hiệp đối với thực tế về tính đa nguyên của xã hội chúng ta. Nó sẽ không dẫn đến một sự đồng thuận cộng đồng lớn hơn về những giá trị, nhưng nếu chỉ một giá trị được cho phép thôi thì sự khoan dung của mọi giá trị là có giá trị như nhau, chắc chắn ngay cả sự ủng hộ những giá trị khác nhau thích hợp hơn là chống lại giá trị đó. Ít ra chúng ta muốn truyền đạt những giá trị đó là rất quan trọng!

Có một sự chọn lựa khác: trường học tư thục.

## NHỮNG TRƯỜNG HỌC TƯ THỰC CƠ ĐỐC

---

<sup>37</sup> Một sự trình bày căn bản về pháp lý dành cho phương cách này có thể được tìm thấy trong cuốn *Religious Released Time Education: The Overlooked Open Door in Public Schools* by Samuel E. Ericsson, Kimberlee Colby, and Robert Payne, Center for Law and Religious Freedom of the Christian Legal Society, 1982.

**Một Quyền Theo Hiến Pháp.** Mặc dầu những quyết định của Toà Án Tối Cao trước đây đã ban quyền cho các tiểu bang uỷ thác sự giáo dục ở trường công lập cho tất cả trẻ em, gần đây nó đã chi phối vì sự ủng hộ của các cha mẹ, những người mong ước cung cấp những lựa chọn thay thế. Nhà nước có quyền yêu cầu những tiêu chuẩn, nhưng không ngăn cản sự giáo dục tương đương của trường tư thực được hoạt động. Chuyên gia làm luật hiến pháp William Bentley Ball đã làm phân biệt rõ ràng:

Có một sự khác biệt rất lớn giữa việc cho rằng “giáo dục là chức năng của nhà nước” và việc nói rằng “giáo dục thuộc về nhà nước.” Để nói rằng nhà nước có một lợi ích hợp pháp trong việc giáo dục, một số người thật xa vời với việc cho rằng nhà nước có thể kiểm soát việc giáo dục của tất cả mọi người dân.<sup>38</sup>

Mặc dầu Toà Án Tối Cao rất rõ ràng đối với điều này, không phải tất cả các nhà quản lý địa phương hiểu rõ. Vì thế sự thận trọng là rất cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các bậc cha mẹ là những người muốn con cái họ có một nền giáo dục y theo quan điểm đạo đức của họ cũng như theo những tiêu chuẩn của nhà nước.

**Giá trị pháp lý.** Sự giáo dục Cơ Đốc tư thực có thể hợp pháp trong một xã hội đa nguyên, nhưng nó có được thoả đáng, có cơ sở hợp lý không? Có một số lý do mà dường như hầu hết đòi hỏi giáo dục tư thực như là những trường công lập tiến xa hơn vào trong chủ nghĩa nhân văn thế tục như sự giả định dưới đây.

Cuối cùng thì, cách đúng đắn duy nhất để đi vào thực tế là giữ tất cả các dữ liệu trong bối cảnh lẽ thật nền tảng-Đức Chúa Trời. Vì thế, nó có thể bị tranh cãi rằng chỉ có một sự giáo dục đúng đắn duy nhất là theo sự định hướng của Đức Chúa Trời. Nó phải được đồng ý rằng những hàm ý của lẽ thật này khác với chủ đề đang bàn cãi đến. Như tôi đã tranh luận trước đây, chủ đề về môn học càng chông chéo lên chủ đề về mặc khải thiên thượng, thì sự khác biệt càng rời xa lẽ thật Kinh Thánh.<sup>39</sup> Vì vậy, ví dụ, sự mâu thuẫn rất lớn về mặt thống kê được chứng minh bởi những văn kiện tồn tại giữa môn khoa học hành vi, đề cập đến con người và xã hội, và Kinh Thánh. Sự mâu thuẫn giảm đi một chút trong nhân văn và thậm chí ít hơn trong các ngành khoa học, ngoại trừ những điều mà bàn đến các dòng dõi con người.

---

<sup>38</sup> William Bentley Ball, "Law and the Educational Mission of Christianity," *Theology, News and Notes*, December 1980,9.

<sup>39</sup> Robertson McQuilkin, "The Behavioral Sciences under the Authority of Scripture," *Journal of Evangelical Theological Society*, March 1977.

Trong y tế và nông nghiệp, mặt khác, những vấn đề mà Kinh Thánh ít đề cập đến, bất cứ sự bất đồng nào về đức tin tôn giáo dựa vào một phần những giáo sư đại học và công chúng nói chung là hầu như không thực sự tồn tại.

Do vậy, khi bàn đến các môn học cố định, một sự tiếp cận thế tục là không cần thiết phân ra từ một phương pháp “Cơ Đốc”, nhưng có những môn học khác mà trong đó niềm tin tôn giáo của một đứa trẻ sẽ bị tấn công trực tiếp.

Tuy nhiên, sự chệch hướng của đề tài bộc trực này cách xa đáng kể so với thực tế cuối cùng, là những giả định của một chủ nghĩa thế tục xâm nhập toàn bộ quá trình giáo dục. Đây không phải là nơi để liệt kê danh sách và giải thích chúng, nhưng phải ghi nhớ rằng ưu tiên thuyết tương đối văn hoá được nói ở trên là giả định mô tả thực tế trung thực và chính xác rằng thực thể là quan trọng và toàn bộ tính chân thật bị giới hạn đối với những gì là vật chất, và lý do tự trị của con người là cơ sở duy nhất cho sự hiểu biết thực tế. Khi sự mặc khải và lĩnh vực tâm linh bị loại ra ngoài và chính bản thân con người là phương sách tốt cho giáo dục đi chệch khỏi hướng đi đúng là không cần thiết để giới thiệu tất cả các ý thức hệ như là trách nhiệm đạo đức đối với bản thân và thuyết định mệnh môi trường.

Sự đạt được lẽ thật không còn là mục tiêu của việc giáo dục nữa và thậm chí cũng không tìm kiếm lẽ thật nữa. Sự thật trong bất kỳ mục tiêu nào, ý nghĩa tuyệt đối không tồn tại, vì thế giáo viên tham gia với học sinh trong một cuộc tìm kiếm bất tận giữa vòng các thuyết tương đối về thế giới vật chất cho việc thực hiện riêng tư. Những trường học Cơ Đốc đưa ra một sự chọn lựa; lẽ thật và giá trị thuộc linh được công nhận và tôn trọng. Hơn nữa, ở một mức độ khác, cha mẹ là những người tin vào một phương pháp tiếp cận trật tự, kỷ luật cho đời sống và giá trị lời nói và nền tảng toán học của giáo dục truyền thống tìm thấy sự củng cố trong các trường học Cơ Đốc.

Tuy nhiên, có những nan đề đối với phong trào xây dựng trường học Cơ Đốc. Một số trường học chắc chắn không đạt tiêu chuẩn về mặt giáo dục, và sẽ được tổ chức nhiều hơn nữa dưới tiêu chuẩn cần thiết nếu việc học thuộc lòng được xem xét ít hơn giáo dục căn bản lý tưởng.

Tuy nhiên nhiều trường học tốt hơn về mặt học thuật. Nhưng ngay cả trong những trường hợp đó những người chỉ trích cho rằng những học sinh bị cô lập với “cuộc sống thật.” Những nhà giáo dục Cơ Đốc phản đối rằng sự giáo dục ở trường công lập đúng là “không thực tế” hoặc là sự giáo dục giả tạo, bị cô lập vì nó đến từ thực tế cuối cùng. Đúng vậy, nhà phê bình Cơ Đốc có thể chấp nhận, nhưng học sinh trong một trường học Cơ Đốc bị biệt lập với cảnh ồn ào huyên náo tương tác với phần lớn những ý kiến và lối sống và hậu quả có thể ít hơn đối với chức năng hiệu quả trong một thế giới thế tục nhờ vào sự tốt nghiệp.

Dữ liệu có sẵn về “khả năng xây mái” không thể thoát khỏi sự chịu đựng những nỗi sợ hãi đó của những người chỉ trích. Nhưng sự quyết định cho hầu hết mọi người sẽ được tạo ra dựa vào một nền tảng triết học hơn là nền tảng thống kê. Với khuynh hướng tiếp tục giáo dục công cộng ở nước Mỹ, sự gia tăng số lượng những bậc cha mẹ quan tâm có thể được mong đợi để tham gia vào cuộc di dân đến với giáo dục Cơ Đốc.

## SỰ GIÁO DỤC TẠI NHÀ

Một sự chọn lựa khác đối với giáo dục công cộng mà các bậc cha mẹ lựa chọn ngày một gia tăng là sự giáo dục tại nhà. Những học sinh được dạy tại nhà đã tăng từ 10.000 trong năm 1970 đến những gì mà bộ Giáo Dục Đào Tạo Mỹ ước tính là hơn 350.000 đến giữa những năm của thập niên 1990. Khoảng 75 phần trăm học sinh này là con của những cha mẹ Cơ Đốc.<sup>40</sup>

Việc giáo dục tại nhà có nhiều lợi thế. Nó củng cố các mối quan hệ gia đình thêm mạnh mẽ, hội nhập giáo dục với đời sống, và bảo vệ trẻ em khỏi sự truyền bá của những người theo chủ nghĩa thế tục và phá huỷ đi áp lực xã hội lên những người cùng tuổi. Và sự dạy dỗ một hoặc hai học sinh thì hiệu quả nói chung cao hơn dạy cho một lớp học ba mươi người bởi vì sự dạy dỗ có thể được cá nhân hoá. Sự khôn ngoan theo kiến thức phổ thông mà những học sinh được giáo dục tại nhà bị thiếu những kỹ năng về hoà nhập xã hội không phù hợp với bằng chứng. Trong bài luận văn tiến sĩ, Larry Shyers đã huấn luyện những luật sư quan sát cả sự giáo dục tại nhà và công cộng đối với học sinh từ tám đến mười tuổi lúc chơi đùa. Shyers đã ghi lại:

Nghiên cứu đã tìm ra sự khác biệt không lớn lắm giữa hai nhóm học sinh về việc tự nhận thức và sự khẳng định đã được đo lường bởi những bài kiểm tra phát triển về xã hội. Nhưng những băng video đã cho thấy rằng những người nhỏ hơn đã được dạy tại nhà bởi cha mẹ luôn có ít nan đề về hành vi cư xử hơn.<sup>41</sup>

Về phần thực hành học tập của trẻ em được giáo dục tại nhà, Viện Giáo Dục Tại Nhà Quốc Gia đã tìm thấy trong một khảo sát trên toàn quốc rằng “thành tích dựa vào các bài kiểm tra năng khiếu là ở mức một phần tám mươi hay cao hơn.”<sup>42</sup>

---

<sup>40</sup> See "Schooling in Family Values," *U.S. News and World Report*, 9 December 1991, 73; and Barbara Kantrowitz, "In a Class of Their Own," *Newsweek*, 10 January 1994, 58. Some place the number of home-schooled children in the United States at seven hundred thousand to one million. See James Davidson Hunter, *Culture Wars: The Struggle to Define America* (New York: Basic Books, 1991), 208.

<sup>41</sup> Cited in Isabel Lyman, "Better Off at Home?" *National Review*, 20 September 1993, 62.

<sup>42</sup> Sách đã dẫn.,



Giáo dục tại nhà không phải dành cho tất cả mọi người. Phụ huynh phải đưa vào bản báo cáo lên cấp trên cách thức và chất lượng của giáo dục có sẵn trong các trường công lập và tư thục, những nhu cầu của từng trẻ em và sự phù hợp riêng của chúng để dạy và sẵn sàng cam kết thời gian và nỗ lực cần thiết. Những rào cản hợp pháp đối với việc giáo dục tại nhà đã từng được tháo gỡ trong những năm gần đây, tuy nhiên mỗi tiểu bang có sự huấn luyện giáo viên và những yêu cầu về chương trình giảng dạy riêng.<sup>43</sup> Một số phụ huynh chọn việc giáo dục tại nhà chỉ đối với một phần giáo dục tiểu học cho con cái của họ.

Mỗi đứa trẻ mà “được giáo dục tại nhà” thì gia đình là nền tảng trước hết, và bối cảnh theo quy định của Đức Chúa Trời cho việc học hỏi là những bài học quan trọng nhất cho cuộc sống. Đức Chúa Trời đã giao cho các bậc phụ huynh trách nhiệm chính yếu đối với việc giáo dục con cái, không màng tới cấu trúc thay thế của giáo dục được chọn lựa. Mặc dầu sự giáo dục dựa vào thể chế làm nhẹ bớt phụ huynh về sự dạy dỗ năng động, phụ huynh phải tham gia liên tục vào sự giám sát, sự phân tích và lượng giá về việc giáo dục con em họ.

Vấn đề khó khăn không được giải quyết cách dễ dàng. Trong nhiều cộng đồng bảo thủ, nhu cầu về tách biệt giáo dục thì ít cấp bách, và nơi nào có nhiều trường học Cơ Đốc, sự cô lập từ văn hoá người Mỹ theo trào lưu chính thống có thể không lộ ra. Có lẽ không có giải pháp lý tưởng về giá trị phổ biến. Tuy nhiên hai thể chế được ban hành từ Đức Chúa Trời có thể được khẳng định với sự tự tin như là thuốc giải độc cho nhiều nan đề đã tạo ra bởi những hệ thống giáo dục của con người, công lập hay tư thục: gia đình Cơ Đốc và Hội thánh.

Những giá trị xuất phát từ nhiều nguồn. Phao-lô bảo chúng ta rằng luật pháp được viết trong ý thức đạo đức bẩm sinh của con người (Rô-ma 2:14-15), và hầu hết những người đương thời đồng ý với châm ngôn của người Do Thái cổ đại rằng ảnh hưởng để tạo nên người lãnh đạo là gia đình, “Hãy dạy cho trẻ thơ con đường nó phải theo, để khi trở về già, nó cũng không lìa khỏi đó.” (Châm ngôn 22:6).

Hội thánh cũng ảnh hưởng rất nhiều. Người ta đã từng ước tính rằng ở Mỹ nhiều người tham dự vào giờ nhóm của Hội thánh vào sáng Chúa nhật hơn là tham dự vào những sự kiện về thể thao trong một năm, mặc dầu người ta chẳng bao giờ nghi ngờ rằng điều này từ sự liên hệ tin tức được đưa ra trên báo chí. *Báo Cáo Chung của Bang Connecticut về những Giá trị của Người Mỹ trong thập niên 80: Ảnh Hưởng của Niềm Tin* đã làm sững sốt các nhà nghiên cứu và khán thính giả rộng lớn, nó đã nhanh chóng đạt được bởi những tư liệu của nó mà những công dân Mỹ bình thường vẫn được cam kết với những giá trị truyền thống về mọi

---

<sup>43</sup>Sec John W. Whitehead and Wendali R Bird.

lĩnh vực.<sup>44</sup> Những người bất đồng ý kiến xuất phát từ quảng đại quần chúng là những nhà sư phạm, nhà báo chính, nhà chính trị, và những người thuộc giới truyền thông. Nói cách khác, những người thợ làm khuôn mẫu xuất sắc của xã hội đại diện cho một bộ các giá trị khác nhau. Sự ảnh hưởng của Hội thánh không được chứng minh trực tiếp bởi những dữ liệu như thế, nhưng một sự kết nối có thể tạo ra lý thuyết hợp lý.

## CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

### TI-VI

Các tờ báo, tạp chí và những phim ảnh tất cả đều tham gia vào sự thành lập nên giá trị, nhưng ảnh hưởng mạnh mẽ nhất trong các sự ảnh hưởng của các phương tiện thông tin đại chúng là ti-vi. “Vào lúc một đứa trẻ tốt nghiệp phổ thông trung học, cô ta hay cậu ta sẽ phải tốn mất khoảng 20.000 giờ để xem ti-vi.”<sup>45</sup> So với Hội thánh, trong thời gian của một đời người trung bình, một người Mỹ điển hình sẽ tốn mười hai năm xem ti-vi và tương đương với bốn tháng trong trường Chúa nhật.<sup>46</sup> So với những sự ảnh hưởng khác trong gia đình, theo một nghiên cứu, người Mỹ trung bình tiêu phí hơn bảy giờ mỗi ngày trong trạng thái cô độc của “sự thông công” với những nhân vật trên ti-vi.<sup>47</sup> Những phạm vi này ảnh hưởng gì đến giá trị của con người được tranh luận cách sôi nổi, nhưng dường như nó xa lạ với ngành công nghiệp muốn tiêu tốn hàng tỉ đô la trong việc quảng cáo trên một phương tiện truyền thông mà không ảnh hưởng đến cách cư xử.

Một số người cho rằng các phương tiện truyền thông đại chúng phản chiếu xã hội hơn là có ảnh hưởng đến nhân cách nó, và chắc chắn đúng rằng các phương tiện thông tin đại chúng có ý định chỉ sản xuất ra những gì người ta sẽ trả cho. Tiền bạc vẫn có thể lực mạnh nhất. Mặc khác, phương tiện truyền thông để hầu hết mọi người nhìn thấy chính họ như những tác nhân thay đổi và cố gắng cố vũ cách thận trọng một giá trị trung lập nếu không là một quan điểm chống lại giá trị tôn giáo, chống lại truyền thống.

Không người nào làm cho điều này sáng tỏ hơn Michael Medved, nhà phê bình phim ảnh, là người đã minh chứng bằng tài liệu cách thức Hollywood cả phớt lờ lẫn thách thức những giá trị phổ biến ở Mỹ.<sup>48</sup> Có lẽ sự chỉ trích thậm tệ của Hollywood vào tôn giáo gây nên lo lắng buồn phiền nhất. Medved giải thích lời chỉ trích tôn giáo về mặt mong ước của những

---

<sup>44</sup>Conducted by Research and Forecasts, Inc. Commissioned by Connecticut Mutual Life Insurance Co., Hartford, 1981.

<sup>45</sup>Michael Parenti, *Make Believe Media: The Politics of Entertainment* (New York: St. Martin's Press, 1992), 163.

<sup>46</sup>Malcolm Muggeridge, "Christ and Media," *Journal of Evangelical Theological Society*, September 1978, 195.

<sup>47</sup>A. C. Nielsen report, January 1984.

<sup>48</sup>Michael Medved, *Hollywood vs. America: Popular Culture and the War on Traditional Values* (New York: HarperCollins, 1992).

người giàu có về phim ảnh, ti-vi, và âm nhạc được thực hiện nghiêm túc. Tôn giáo, những vấn đề nghiêm túc nhất, trở thành một mục tiêu dễ dàng. Ông ta nói:

Những lời lăng mạ đa dạng đến tôn giáo thậm chí mang tính trẻ con nhất cung cấp những thủ phạm với một giá tiền về sự thoả mãn tâm linh; họ cho phép các thành viên được nuông chiều, đầy quyền lực, và nông cạn tuyệt vọng của lực lượng Hollywood mô tả chính họ như những người nổi loạn trẻ tuổi táo bạo là những người gan dạ kích thích Thảm Quyền Tối Thượng. Phản ứng giận dữ của các tổ chức tôn giáo hoặc các cá nhân chỉ khích lệ phần nào thái độ màu mè này, khi những nhà sản xuất bản thiêu không đúng đắn giả bộ hạnh phúc mà tính không nhạy cảm của họ có lợi cho một số điều quan tâm cao hơn. Do đó người sáng tạo ra *Đóm Màu (The Blob)* có thể đem sự hãnh diện vào trong ý tưởng rằng họ đã tạo ra nhiều hơn một bộ phim quái vật tài tình về cây dâu tây cao Jell-O ăn nuốt một thành phố nhỏ.

Bằng sự miêu tả sinh động một bộ trưởng điên loạn và đạo đức giả là một nhân vật chính trong thành phố đó, họ cũng đã bày tỏ một cú đánh đòn “quan trọng” chống lại sự cuồng tín tôn giáo.

Những thông điệp như thế đã giành được sự tán thưởng ở Hollywood ngay cả khi họ giản dị thái quá và phiến diện cách vô vọng. Bằng sự chế giễu những người cuồng tín và cười nhạo niềm tin tôn giáo theo tục lệ, một nhà làm phim có thể nhận được sự tôn kính từ các bạn đồng nghiệp, thậm chí nếu công trình của anh ta bị số quần chúng đông hơn từ chối.<sup>49</sup>

Thảm hoạ hiển nhiên của ti-vi và thường xuyên bị tấn công nhất là bạo lực liên miên và sự khai thác tình dục. Không có sự đánh giá thấp ở đây vì chắc chắn ti-vi là tiền tuyến của cuộc cách mạng văn hoá về những vấn đề này. Tuy nhiên sự tấn công vào những giá trị truyền thống thì hoàn toàn xa hơn và rộng hơn hai mối quan tâm tột bực này. Xem xét sự theo dõi của James Hitchcock, một giáo sư về lịch sử của trường Đại học Thánh Louis.

Ở đây [trong các phương tiện thông tin đại chúng] hai mươi năm về trước làm ra về súng đạo - tôn giáo, chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa yêu nước, gia đình - tìm thấy chính họ bị tấn công không ngừng. Việc đưa tin về những sự kiện ám ảnh “Tin Tức” nhấn mạnh những nan đề liên quan đến tất cả những thể chế truyền thống này. Họ thường xuyên được bày tỏ như sắp tàn lụi, và giống như sắp tàn bởi vì họ không linh động, bị xơ cứng và mang tính di truyền, hy vọng duy nhất của họ để được sống sót dựa vào khả năng thay đổi của họ không còn được ai công nhận. Trong những lĩnh vực đó mục đích của những phương tiện thông tin đại chúng đơn thuần chỉ là giải trí, vũ khí mạnh mẽ nhất của sự nhạo báng là liên tục nhắm vào những giá trị truyền thống và những người tán thành họ. Những người như thế thông thường bị mô tả như người bấp bênh, ngu dốt, lo lắng thái quá, và lố bịch. Trong điều kiện

---

<sup>49</sup> Sách đã dẫn, 88.

đặt trên ti-vi, ví dụ như, tôn giáo thường được bày tỏ như một uy thế bị bóp méo, rất hiếm khi là một yếu tố tích cực và đem lại sự giúp đỡ, khích lệ trong đời sống mọi người. Các người sùng đạo một là kẻ giả hình, hai là kẻ cuồng tín.<sup>50</sup>

## ÂM NHẠC THỊNH HÀNH

Âm nhạc ảnh hưởng nhiều nhất đến người lập ra giá trị đối với tầng lớp thanh thiếu niên Mỹ ngày nay, theo Allan Blom, giáo sư triết học thuộc Đại học Chicago:

Đây là thời đại của âm nhạc... một tỉ lệ rất lớn những người trẻ tuổi từ mười đến hai mươi sống cho âm nhạc. Đó là niềm đam mê của họ; không có gì khác gây hứng thú cho họ như là âm nhạc; họ không coi trọng bất cứ thứ gì xa lạ với âm nhạc...Nhạc Rock thì không có nghi ngờ và trở ngại gì, nó giống như hơi thở đối với sinh viên vậy.<sup>51</sup>

Tuy nhiên nhạc Rock có một sự thích thú duy nhất, một sự thích thú man rợ, đối với ước muốn tình dục không yêu thương, không có “bản năng sinh tồn”, nhưng ước muốn tình dục dốt nát và không được dạy dỗ... giới trẻ biết rằng nhạc rock có nhịp nổi bật của sự giao cấu.<sup>52</sup>

Mặc dầu luận văn chính của quyển sách bán chạy nhất của Bloom là sự giáo dục đại học đã không dân chủ và làm hao mòn tâm hồn của những sinh viên ngày nay, chương sách về âm nhạc cho rằng ngành công nghiệp giải trí đã bỏ qua ý kiến của phụ huynh và nhà trường và đã thu hút tâm trí của giới trẻ đối với quan điểm tình dục là quan điểm đã biến đổi toàn bộ cuộc sống. Hầu hết những người trẻ tuổi luôn cắm đầu vào âm nhạc của họ ngay cả lúc họ học hành, chạy bộ, lái xe, hẹn hò. Và thông điệp mà sự đập mạnh rộn lên liên tục với một khối lượng áp đảo đến với nhiều người trong bọn chúng là, Sự kinh nghiệm về các quan hệ tình dục. Bây giờ. Đó là quyền của bạn, những gì bạn đã thực hiện, và bất cứ thành viên nào của giới uy quyền những người muốn giữ thú vui tình dục như thế để khỏi bị từ chối.

## PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

*Lời Tuyên Bố về những Nguyên Tắc* trong điều 5 của Hiệp Hội Các Nhà Biên Tập Báo Mỹ: “Thực hiện đầy đủ và chính xác, tuy nhiên, yêu cầu một sự phân biệt rõ ràng cho độc giả giữa báo cáo tin tức và ý kiến quan điểm. Những bài báo chứa đựng những ý kiến hoặc sự diễn giải mang tính cá nhân phải được nhận dạng rõ ràng.” Sự cam kết truyền thống này để cho

---

<sup>50</sup> James Hitchcock, "Competing Ethical Systems," *Faculty Dialogue*, winter 1984-85, 35.

<sup>51</sup> Allan Bloom, *The Closing of the American Mind* (New York: Simon and Schuster, 1987), 68.

<sup>52</sup> Sách đã dẫn., 73.

việc báo cáo các tin tức có tính khách quan là không thể đạt được vì những nhà báo và nhà viết sử phải chọn lọc cẩn thận những gì được báo cáo, và thành kiến cá nhân của họ chắc chắn sẽ quy định những sự chọn lựa của họ. Tuy nhiên nhà báo chân thật thường hay siêng năng tìm kiếm để làm cân bằng những thành kiến của mình bởi sự công nhận chúng và đấu tranh để được khách quan. Không còn nữa. “Nghề làm báo ủng hộ tích cực” ngày càng trở nên phương pháp phổ biến. Giới nhà báo thẳng thắn thú nhận thành kiến của mình và sử dụng mảnh khoẻ của mình để đẩy mạnh những ý tưởng mà mình cảm thấy giá trị.

Trong nhiều năm tôi đã theo dõi nước Mỹ, một thành phố miền trung, Nam Carolina, tờ báo mà công tác thu thập và xuất bản nó vẫn được cam kết theo lý thuyết để khách quan. Tuy nhiên người ta không cần phải đọc đến trang liên quan đến việc biên tập để học cách nhanh chóng rằng Nước Mỹ ủng hộ nạn nạn phá thai, rượu bia, cá cược, buôn bán trong ngày Chúa nhật, và tự do đối với hành động khiêu dâm. Những chủ đề được chọn cho một cuộc chơi lớn và những ai mà bị lờ đi hoặc bị chôn vùi trong phần D, trang 12, sẽ minh chứng sớm những gì là quan trọng đối với những nhà biên tập. Ai là người được phỏng vấn và làm thế nào để nó được đăng tải là một phần của toàn bộ chiến dịch khi cơ quan lập pháp xem xét đến bất cứ vấn đề nào trong các chủ đề ấy. Thậm chí cụm từ của một tiêu đề thường là lời tuyên bố ủng hộ tích cực. Đôi khi sự phê bình gián tiếp của các nhà báo tự bản thân nó có định kiến, bao gồm cả từ ngữ được chọn để hành động điều không mong muốn và nâng cao điều ao ước. Ví dụ như, trong cuộc tranh đấu lâu dài về Hiệp định Báp Tít Nam Phương, càng nhiều người bảo thủ được gán cho là “người theo trào lưu chính thống,” trong khi càng nhiều người tự do được gọi là “người có quan điểm ôn hoà.” Thay vì sự gọi tên của cả hai bên theo tên mà mỗi bên ưa thích (bảo thủ và ôn hoà) hoặc gọi cả hai theo nhãn hiệu của đối thủ của nó (người theo trào lưu chính thống và người tự do), các phương tiện thông tin đại chúng đã dùng nhãn hiệu duy nhất của bên địch thủ ít được công nhận nhất để đưa lên báo chí. Vậy mà, Nước Mỹ là tờ báo của những người bảo thủ như các tiêu chuẩn của phương tiện truyền thông.

Tuy nhiên một nan đề sâu xa hơn sự đương đầu trực tiếp đối với những giá trị truyền thống trong các phương tiện thông tin đại chúng là sự xâm nhập khôn khéo và lan tràn khắp nơi của những triết lý cơ bản chống lại Cơ Đốc Nhân đã được đề cập trước đây: Thuyết tự nhiên, chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa nhân văn, thuyết tiền định, thuyết tương đối. Những ảnh hưởng này chỉ duy nhất thấy được đối với hầu hết các nhà quan sát phê bình nhưng dù sao vẫn là sự biến đổi tinh tế những giá trị của xã hội chúng ta.

## NHỮNG THUỐC GIẢI ĐỘC

**Kinh Thánh và sự Cảnh Giác Then Chốt.** Đáp ứng chính yếu đối với ảnh hưởng của phương tiện truyền thông là cá nhân và liều thuốc trừ độc là Lời của Đức Chúa Trời. Chúng ta phải làm mới lại tâm trí của chúng ta bằng những giá trị của Kinh Thánh và sự sáng suốt của chúng ta được mài dũa để đọc và quan sát cẩn trọng, luôn luôn đánh giá, và khi cần thiết, kiểm tra toàn bộ các dữ liệu xấu xa được đưa vào. Một sự chọn lựa thận trọng phải được tạo ra để nghiên cứu Kinh Thánh cách nghiêm túc do đó tâm trí của một người được làm mới lại, sự đánh giá về đạo đức và thuộc linh của người đó được trở nên sắc bén. Tầm quan trọng của sự tiếp xúc với lẽ thật của Đức Chúa Trời phải kết nối với sự tiếp xúc với những giá trị phi Cơ Đốc. Dần dần tính không nhạy cảm về đạo đức thường trở nên một chứng bệnh chí tử trước khi một người biết được rằng mình là một bệnh nhân. Và rồi vũ khí phòng thủ chủ yếu là Lời của Đức Chúa Trời.

**Phương Tiện Truyền Thông Cơ Đốc.** Mua thời gian phát trên ti-vi cho các chương trình phát thanh và truyền hình Cơ Đốc và sự gia tăng ảnh hưởng của những ấn phẩm Cơ Đốc và các đài ra-đi-ô và ti-vi Cơ Đốc là một phần của câu trả lời. Vì việc phát chương trình bằng truyền thanh hoặc truyền hình và công việc xuất bản Cơ Đốc là thuốc giải độc, nghiêm túc phản ánh chính mình trong ánh sáng Kinh Thánh, sự ăn năn, và cải cách triệt để có thể là cần thiết.

**Cơ Đốc Nhân trong Phương Tiện Truyền Thông.** Ở mức độ ngấm ngấm căn bản hơn, các phương tiện truyền thông đại chúng sẽ chỉ thay đổi khi thay đổi con người tham gia truyền thông; vì thế nhiều người sẽ nhìn thấy một sự kêu gọi cho những Cơ Đốc Nhân có khả năng để giành được sự huấn luyện và kinh nghiệm cần thiết để xâm nhập vào các phương tiện truyền thông thế tục với số lượng to lớn hơn, biến đổi họ từ bên trong. Các phương pháp tiếp cận truyền giáo sáng tạo đối với các nhà lãnh đạo truyền thông cũng được minh chứng là thành công.

**Áp Lực.** Tuy nhiên cuộc tấn công của sự hoạt động hành lang nghị viện chống lại những xấu xa hiển nhiên trên ti-vi và các phương tiện truyền thông khác là gì? Có phải là hợp pháp cho các Cơ Đốc Nhân di chuyển vượt ra khỏi lối viết thư hữu hiệu đối với sự tẩy chay kinh tế không? Tôi không thấy nguyên tắc Kinh Thánh nào trừ phi ai đó từ tổ chức mang áp lực kinh tế để gây khó khăn cho những người quảng cáo và vì thế, gián tiếp áp lực lên mạng truyền thanh và truyền hình. Những sự báo trước trong tương lai mà không thể hoàn thành thì tồi tệ

hơn là vô ích, nhưng Liên Bang Quốc Gia về sự Thích hợp với Khuôn phép Lễ nghi hoặc những người khác thực ra có thể giảm bớt tổng thu nhập bởi một tỉ lệ đáng kể, phương pháp tiếp cận sẽ chứng tỏ hữu ích.

Cho dù một Cơ Đốc Nhân phải làm theo lương tâm để tẩy chay cách cá nhân mọi sản phẩm mà đã tài trợ bất kỳ chương trình không mong đợi nào là một vấn đề khác. Trong sự phức tạp của hệ thống kinh tế mà trong đó chúng ta là người năng nổ muốn rời bỏ thế giới này, nó dường như, hoàn toàn “sạch sẽ,” chắc chắn rằng không để một xu nào của mình chi phí cho lợi ích của bất kỳ nguyên tắc hoặc con người xấu xa nào. Tuy nhiên khi một người quảng cáo, công ty truyền thông hoặc chương trình đặc biệt hiển nhiên trở nên chống lại Kinh Thánh về những giá trị mà nó truyền bá thì một sự tẩy chay cá nhân có thể được đòi hỏi là sự đáp ứng xứng đáng duy nhất.

Chúng tôi đã khảo sát trong một thời gian ngắn các thể chế chính của xã hội, tìm kiếm để xác định theo những điểm nào mà Kinh Thánh ban cho ánh sáng để làm thế nào một Cơ Đốc Nhân và Hội thánh chính mình nên liên hệ với chính quyền, ngành giáo dục, và các phương tiện truyền thông đại chúng. Những vấn đề này thật là phức tạp và ánh sáng thường chỉ lờ mờ và không đối xứng, nhưng chúng ta vẫn có lời hứa từ Kinh Thánh để dẫn dắt chúng ta qua Lời của Ngài. Vì vậy để chúng ta không thất vọng, ngoài sự thúc ép ở phía trước để hiểu cách toàn hảo về thế giới mà chúng ta đang sống đã được đặt để và Lời Chúa đã ban cho chúng ta ánh sáng chiếu soi đường lối của chúng ta thông qua nó.

## TÀI LIỆU ĐỌC THÊM

### CƠ ĐỐC NHÂN VÀ XÃ HỘI

Amstutz, Mark. *Christian Ethics and U.S. Foreign Policy*. Grand Rapids: Zondervan, 1984.

Barron, Bruce. *Heaven on Earth? The Political and Social Agendas of Dominion Theology*. Grand Rapids: Zondervan, 1992.

Brown, Robert McAfee. *Saying Yes and Saying No: On Rendering to God and Caesar*. Louisville: John Knox, 1986.

Cerillo, Augustus, Jr., and Murray W. Dempster. *Salt and Light: Evangelical Political Thought in Modern America*. Grand Rapids: Baker, 1989.

Colson, Charles. *Kingdoms in Conflict*. Grand Rapids: Zondervan, 1989.

\_\_\_\_\_. *Why America Doesn't Work*. Dallas: Word, 1991.

Cord, Robert L. *Separation of Church and State: Historical Fact and Current Fiction*. Grand Rapids: Baker, 1982.

Culver, Robert. *Toward a Biblical View of Civil Government*. Chicago: Moody Press,

1974. Cách giải quyết của Culver hơi gập ghềnh về chất lượng nhưng vô giá trong cách nhiệt tình, cách mà trong đó dữ kiện Kinh Thánh được xác nhận và được giải nghĩa một cách sâu sắc.
- Eidsmoe, John. *Christianity and the Constitution*. Grand Rapids: Baker, 1987.
- Evans, Anthony T. *America's Only Hope*. Chicago: Moody Press, 1990. *Gaede, Stanley D. When Tolerance Is No Virtue: Political Correctness, Multiculturalism, and the Future of Truth and Justice*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1993.
- Gaustad, Edwin S. *Neither King nor Prelate: Religion and the New Nation*. Grand Rapids: Eerdmans, 1993.
- Hunter, James Davidson. *Culture Wars: The Struggle to Define America*. New York: Harper Collins, 1991.
- Mott, Stephen Charles. *Biblical Ethics and Social Change*. London: Oxford, 1982.
- Neuhaus, Richard John. *The Naked Public Square*. Grand Rapids: Eerdmans, 1984. Một công trình mang tính học thuật và có ảnh hưởng bày tỏ sự bất khả thi của nhà nước hoàn toàn thế tục và những kết quả tiêu cực của sự cố gắng để thiết lập một nhà nước như vậy.
- Niebuhr, H. Richard. *Christ and Culture*. New York: Harper and Row, 1951. Được xem bởi nhiều người như là sự trình bày cổ điển về Cơ Đốc Nhân và xã hội.
- Niebuhr, Reinhold. *Christianity and Power Politics*. Hamden, Conn.: Archon, 1969; reprint of Niebuhr's 1940 classic. Có lẽ chương ảnh hưởng nhất đối đầu với chủ thuyết lạc quan về chủ nghĩa tự do mà trên đó chính quyền có thể và nên làm.
- Ramsey, Paul. *Who Speaks for the Church?* Nashville: Abingdon, 1967. Một tu sĩ theo quan điểm tự do và nhà nhà đạo đức học hàng đầu trình bày một sự phê bình nổi bật và khó tấn công về đạo đức giáo hội.
- Ramsey, William M. *The Wall of Separation: A Primer on Church and State*. Louisville: John Knox, 1989.
- Simon, Arthur. *Christian Faith and Public Policy: No Grounds for Divorce*. Grand Rapids: Eerdmans, 1987.
- Thielicke, Helmut. *Theological Ethics*. Vol. 2, *Politics*, ed. William H. Lazareth. Grand Rapids: Eerdmans, 1979. Một luận án thần học về đề tài bởi một trong các nhà đạo đức học có nhiều kết quả nhất trong thế kỷ 20.
- Troeltsch, Ernst. *The Social Teaching of the Christian Churches*. Trans. Olive Wyon. 2 vols. Chicago: University of Chicago Press, 1981.
- Villa-Vicencio, Charles, ed. *Between Christ and Caesar: Classic and Contemporary Texts on*



*Church and State*. Grand Rapids: Eerdmans, 1986.

Walsh, Brian J., and J. Richard Middleton. *The Transforming Vision: Shaping a Christian Worldview*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1984.

Yoder, John Howard. *The Politics of Jesus*. Rev. ed. Grand Rapids: Eerdmans, 1994.

Cho rằng Chúa Jêsus đã và đang quan tâm đến chương trình nghị sự về chính trị và xã hội.

#### TRƯỜNG HỌC

Bennett, William J. *The Devaluing of America: The Fight for Our Culture and Our Children*. New York: Summit, 1992. cuốn sách này và cuốn sách tiếp theo do một cựu thư ký về giáo dục dưới sự điều hành của Reagan.

\_\_\_\_\_. *Our Children and Our Country; Improving America's Schools and Affirming the Common Culture*. New York: Simon and Schuster, 1988.

Cozic, Charles P. *Education in America: Opposing Viewpoints*. San Diego: Greenhaven, 1992.

Finn, Chester E., Jr. *We Must Take Charge: Our Schools and Our Future*. New York: Free, 1991.

LaHaye, Tim F. *The Battle for the Public Schools*. Old Tappan, N.J.: Revell, 1983.

Menendez, Albert J. *School Prayer and Other Religious Issues in American Public Education: A Bibliography*. New York: Garland, 1985.

Nash, Ronald H. *The Closing of the America Heart: What's Really Wrong with America's Schools*. N.p.: Probe Ministries, 1990.

Skillen, James W. *The School-Choice Controversy: What Is Constitutional?* Grand Rapids: Baker, 1993.

Toch, Thomas. *In the Name of Excellence: The Struggle to Reform the Nation's Schools, Why It's Failing, and What Should Be Done*. New York: Oxford University, 1992.

Van Galen, Jane, and Mary Anne Pitman, eds. *Home Schooling: Political, Historical, and Pedagogical Perspectives*. Norwood, N.J.: Ablex, 1991.

Vitz, Paul C. *Censorship: Evidence of Bias in Our Children's Textbooks*. Ann Arbor, Mich.: Servant, 1986.

#### THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Alali, A. Odasou. *Mass Media, Sex, and Adolescent Values: An Annotated Bibliography and Directory of Organizations*. Jefferson, N.C.: McFarland, 1991.

- Bachman, John W. *Media, Wasteland or Wonderland: Opportunities and Dangers for Christians*. Micaopolis: Augsburg, 1985.
- DeMoss, Robert G. *Learn to Discern*. Grand Rapids: Zondervan, 1992.
- Mander, Jerry. *Four Arguments for the Elimination of Television*. New York: Morros, 1978. Một lời phê bình tuyệt vời từ quan điểm thế tục. Mander không tấn công đạo đức Ti-vi nhiều ảnh hưởng của nó trên quá trình tư tưởng hữu lý.
- Medved, Michael. *Hollywood vs. America: Popular Culture and the War against Traditional Values*. New York: Harper Collins, 1992.
- Muggeridge, Malcolm. *Christ and the Media*. Grand Rapids: Eerdmans, 1977. Một lời phê bình nghiêm khắc về thông tin đại chúng, đặc biệt việc báo cáo tin tức; bởi một nhân vật thông tin đại chúng đã cải đạo.
- Schultze, Quentin J. *Redeeming Television*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1992.
- \_\_\_\_\_, ed. *American Evangelicals and the Mass Media: Perspectives on the Relationship between American Evangelicals and the Mass Media*. Grand Rapids: Zondervan, 1990.
- Schultze, Quentin, et al. *Dancing in the Dark: Youth, Popular Culture, and the Electronic Media*. Grand Rapids: Eerdmans, 1985

## CHƯƠNG 11

### NHỮNG SỰ CHỌN LỰA CÓ THỂ SAI LẦM

Mặc dầu tiêu chuẩn cho đời sống Cơ Đốc Nhân – Lời của Đức Chúa Trời là không thể sai lầm, sự hiểu biết và áp dụng vào thực tế đối với tiêu chuẩn đó lại bị sai trật. Trong chương cuối cùng này, chúng ta hướng vào hai lĩnh vực quan trọng mà Đức Chúa Trời không cho chúng ta một sự mặc khải trực tiếp để chúng ta bắt đầu.

Trước tiên, vấn đề gây bất đồng đối với những gì chúng ta làm khi chúng ta tin rằng không có sự đe dọa về vấn đề đạo đức nhưng nhiều Cơ Đốc Nhân khác lại cảm thấy rằng có điều đó. Liệu chúng ta có thực hiện quyền tự do Cơ Đốc của chúng ta, nhượng bộ trước sự lưỡng lự của anh em, hoặc đưa ra một số cách giải quyết bằng hành động khác? Thứ hai, phải chăng Đức Chúa Trời có một sự ưa thích liên quan đến những chọn lựa có vẻ trung dung trong đời sống của chúng ta - nghề nghiệp, bạn đời trong hôn nhân, và công việc làm? Nếu Ngài có, thì sự lựa chọn trở thành một vấn đề đạo đức, vì thật là sai trật về mặt đạo đức nếu làm ngơ hoặc từ chối ý muốn của Đức Chúa Trời. Nhưng sự khám phá ý muốn Ngài của chúng ta phải được xem là có thể sai lầm, vì nó không giống như sự mặc khải không thể sai lầm đã được kinh nghiệm bởi các trước giả Kinh Thánh. Tuy nhiên, có thể sai lầm hay không, làm thế nào chúng ta có sự chọn lựa chắc chắn theo ý muốn Đức Chúa Trời nếu có thể?

Đầu tiên, hãy đặt những vấn đề về sự lựa chọn có thể sai lầm này vào trong bối cảnh của sự nghiên cứu trước đây của chúng ta, lưu ý rằng chúng ta đang cố gắng xác định ý muốn của Đức Chúa Trời như đã được mặc khải trong Kinh Thánh từ hai nguồn khác biệt nhưng phối hợp chặt chẽ với nhau: những *sự uỷ thác* phổ quát rõ ràng và những *nguyên tắc* phổ quát rõ ràng. Khi một điều dạy dỗ trong Kinh Thánh không rõ ràng hoặc không phổ quát một cách rõ ràng, chúng ta có thể sử dụng nó, nhưng không với uy quyền “Chúa phán như vậy.” Những ví dụ về sự uỷ thác phổ quát dễ thấy là Mười Điều Răn, hình thành khung sườn cho sự nghiên cứu của chúng ta ở phần giữa quyển sách này. Ví dụ về những nguyên tắc phổ quát có thể là tình yêu, sự tự chủ, sự tha lỗi, sự khiêm nhường – các chủ đề trong những chương trước đây, thêm vào với những nguyên tắc xuất phát từ những sự uỷ thác trực tiếp. Nan đề hàng đầu đối với những mạng lệnh trực tiếp hoặc những sự uỷ thác là việc quyết định thánh giá nào Đức Chúa Trời muốn nói đến, và nan đề chính yếu đối với những nguyên tắc phổ quát là sự áp dụng chúng vào hiện tại với thẩm quyền.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup>Để biết phương pháp giải kinh quyết định thánh giá nào Đức Chúa Trời muốn nói đến và sự đáp nào Ngài mong đợi, hãy xem chương 18 và 19 trong cuốn sách của tôi có tựa đề *Understanding and Applying the Bible* (Chicago: Moody Press, 1983).

Chúng ta đã cố gắng để giải quyết dữ liệu căn cứ trên Kinh Thánh, đương đầu với những vấn đề đó với sự chắc chắn rằng đó là ý muốn được mặc khải rõ ràng của Đức Chúa Trời và thừa nhận ở mức độ thấp hơn về tính chắc chắn trong những vấn đề quan trọng khác. Bây giờ chúng ta quay về với những vấn đề mà Kinh Thánh không ban cho sự mặc khải trực tiếp, nhưng nó toả ra ánh sáng của những nguyên tắc giúp đỡ trong sự chọn lựa theo ý muốn của Đức Chúa Trời.

## NHỮNG CÂU HỎI ĐẠO ĐỨC MÀ CÁC CƠ ĐỐC NHÂN CÓ CÂU TRẢ LỜI KHÁC NHAU

Cuộc sống chắc chắn sẽ đơn giản hơn và Hội thánh bình yên hơn nhiều nếu tất cả các Cơ Đốc Nhân đều đồng ý về những gì là đúng và những gì là sai. Tại sao các Cơ Đốc Nhân không thể đồng ý? Tại sao có sự khác biệt về niềm tin và hành động như thế? Tại sao các Cơ Đốc Nhân bị chia rẽ với những câu hỏi đạo đức? Có một số lý do.

## NHỮNG LÝ DO CÓ SỰ KHÁC BIỆT GIỮA VÒNG CÁC CƠ ĐỐC NHÂN

**Thẩm quyền của Kinh Thánh.** Nhiều Cơ Đốc Nhân bất đồng với những Cơ Đốc Nhân khác về những gì là đúng và sai bởi vì họ bất đồng với những gì Kinh Thánh dạy dỗ một rõ ràng về chủ đề. Nguồn gốc của sự chia rẽ trước hết và quan trọng nhất là sự chia rẽ liên quan đến thẩm quyền của Kinh Thánh. Đối với những người không chấp nhận thẩm quyền của Kinh Thánh, bất kỳ mạng lệnh rõ ràng nào của Kinh Thánh đều có vẻ như vô lý có thể bị từ chối dựa trên sự căn bản chống đối thẩm quyền của Kinh Thánh đã được chấp nhận – sự đoán xét cá nhân, sự nhất trí về văn hóa, uy quyền tôn giáo, hoặc bất kỳ điều gì. Tất nhiên, sẽ thường xuyên có sự bất đồng giữa những người này và những người tin nhận Kinh Thánh như là uy quyền cuối cùng.

Mặt khác, có những người tin vào Kinh Thánh như là thẩm quyền cuối cùng, nhưng với một chủ đề cụ thể nào đó có thể nhận thấy rằng sự vâng lời là rất khó khăn hoặc rất đắt giá. Có một số cách mà những mạng lệnh khó khăn như thế có thể được giải quyết. Chúng có thể được công nhận là hợp pháp, tuy nhiên bị vi phạm vì sự yếu đuối của bản chất con người và sự không thể đáp ứng nổi những đòi hỏi của Luật Pháp. Như Mark Twain đã nói, nan đề của ông ta không phải với phần Kinh Thánh mà ông không thể hiểu, nhưng với phần Kinh Thánh mà ông hiểu được!

Một lần nữa, có những người muốn “diễn giải” sự dạy dỗ ngay thẳng của Kinh Thánh để làm mất hiệu lực của mạng lệnh trong sự áp dụng vào cuộc sống ngày nay. Ví dụ như,

người ta thường cho rằng một nguyên tắc Kinh Thánh gây khó chịu cụ thể nào đó đơn giản là một sự áp dụng mang tính văn hoá cho thời gian và địa điểm mà nó được ban cho ban đầu. Vì vậy mạng lệnh chỉ giúp để minh hoạ cách mà nguyên tắc ở đằng sau nó có thể được áp dụng cho ngày nay. Với phương pháp tiếp cận này, người diễn giải trở thành người có thẩm quyền. Xung khắc về những nguyên tắc đạo đức trở thành một điều không thể tránh khỏi bởi vì mỗi người giải thích trở thành tiêu chuẩn đánh giá của riêng mình trong việc đánh giá những mạng lệnh nào nên áp dụng và những mạng lệnh nào không nên áp dụng. Đây là một cách khác không công nhận thẩm quyền của Kinh Thánh và kết quả là mâu thuẫn trực tiếp với những người chấp nhận sự dạy dỗ ngay thẳng của Kinh Thánh như là thẩm quyền cuối cùng.

Ví dụ, một nhà nghiên cứu thần học nhân loại học hàng đầu thuộc cánh Phúc Âm cho rằng tại các bộ tộc Châu Phi nơi mà những phẩm chất về lãnh đạo bao gồm cả sức mạnh về kinh tế để ủng hộ hai vợ hoặc nhiều hơn, các Hội thánh nên đòi hỏi sự đa thê như một điều kiện để lãnh đạo Hội thánh. Phao-lô thật sự không nói chống lại chế độ đa thê, nó vẫn có giá trị; ông liệt kê những phẩm chất dành cho sự lãnh đạo của con người *trong nền văn hoá của riêng ông*. Vì thế người giải nghĩa trung tín sẽ không nhấn mạnh đến sự chỉ dẫn mang tính văn hoá nhưng chỉ áp dụng nguyên tắc cho nền văn hoá hiện tại. Thay vì là một sự cấm đoán dành cho sự lãnh đạo bởi những người đa thê, sự dạy dỗ của Phao-lô trở nên một sự uỷ thác cho vấn đề đó.

Những ví dụ này xuất phát từ một nguyên nhân: vì những lý do khác nhau có một sự từ chối để chịu khuất phục sự dạy dỗ của Kinh Thánh về một mạng lệnh đạo đức cụ thể nào đó.

**Sự Thiếu Hiểu Biết.** Một nguyên nhân khác của sự xung đột là sự thiếu hiểu biết. Một số người bất đồng với nhau về những vấn đề đạo đức bởi vì họ không biết Kinh Thánh dạy dỗ điều gì. Điều này thật phổ biến giữa vòng những Cơ Đốc Nhân mới tin nhận Chúa là những người đơn giản không chịu đọc Kinh Thánh, nhưng nó cũng đúng với những người, do truyền thống hoặc thần học hay là hệ thống giáo hội, đã được lập trình để nhìn nhận Kinh Thánh theo một cách nào đó.

Ví dụ, chế độ nô lệ đã được bào chữa bởi nhiều Cơ Đốc Nhân là những người, mặc dầu chịu phục thẩm quyền của Kinh Thánh, bị mù quáng bởi truyền thống.

**Những Ý Nghĩa Mang Tính Tranh cãi.** Có những sự khác biệt về ý nghĩa thật sự của điều mà Kinh Thánh dạy dỗ cho một vấn đề nào đó giữa vòng những người hiểu biết Kinh Thánh và kết ước vâng lời hoàn toàn. Tiếp cận với những vấn đề tranh cãi đó như thế nào là tiêu điểm của sự chú ý của chúng ta. Thông thường, khi một vấn đề không được truyền lệnh một

cách rõ ràng và trực tiếp từ Kinh Thánh, những người có mức độ tin kính và sự hiểu biết ngang nhau lại khác nhau về điều làm vui lòng Đức Chúa Trời.

Thật rất khó để nhìn thấy vấn đề từ quan điểm của một người chống đối, và điều này làm phức tạp thêm nan đề về những vấn đề đạo đức tranh cãi. Nếu tôi có sự xác quyết về một vấn đề, những người không đồng ý chắc chắn là người thiếu hiểu biết hoặc nổi loạn thuộc linh. Mặt khác, nếu họ có sự xác quyết và tôi không có, thì tôi cũng kết luận rằng họ là những người thiếu hiểu biết hoặc là kiêu ngạo thuộc linh. Mâu thuẫn là điều không thể tránh khỏi.

Một cách để ngăn cản sự mâu thuẫn là loại bỏ trước sự chống đối bằng các định nghĩa những thuật ngữ. Ví dụ, trong một cuốn sách hướng dẫn rất hữu ích của mình về chủ đề có tên *Những Tập Tục Có Tính Tranh Cãi*, Bobby Clinton viết, “Một tập tục có tính tranh cãi là một tập tục vốn không có giá trị đạo đức nhưng liên quan đến điều mà một số người có sự xác quyết mang tính tôn giáo.”<sup>2</sup>

Bobby Clinton quy định rằng một vấn đề không có ý nghĩa đạo đức, mặc dù một số người bị buồn khổ về vấn đề đó chính xác là vì họ nghĩ nó là một vấn đề về đạo đức. Ông ta đã nêu rõ vấn đề trong thuật ngữ là một người tự do trong lương tâm: đó là điều “phi luân lý.” Tuy nhiên sẽ chẳng bao giờ có một giải pháp nào cho vấn đề xung đột cho đến chừng người đó công nhận không một chút do dự rằng sự tranh cãi không phải ở chỗ vấn đề “vốn phi luân lý” nhưng ở chỗ vấn đề có mang tính đạo đức hay không.

Một nguyên nhân khác gây sự lộn xộn là sự hiểu nhầm về cách sử dụng từ “mạnh” và “yếu” của Phao-lô. Ai là “anh em yếu đuối hơn?” Theo thuật ngữ của Phao-lô, đó là người mà có những sự do dự. Có phải anh ta yếu kém trong sự tin quyết? Chắc chắn là không. Về vấn đề này ít ra anh ta có sự tin chắc mạnh hơn. Có phải anh ta yếu kém hơn về mặt thuộc linh? Không nhất thiết như vậy, mặc dầu một người khác biệt với Phao-lô về một vấn đề cụ thể nào đó (khác với sự bất đồng với tác giả của sách này) chắc chắn ông ta cũng cho là yếu kém về thuộc linh.

Tuy nhiên đó không phải là điểm chính của bài diễn thuyết của Phao-lô trong Rô-ma 14. Người mạnh mẽ ở đây không phải là người mạnh mẽ trong đức tin. Người đó mạnh mẽ trong sự tự tin rằng Đức Chúa Trời không kết tội mình, đặc biệt là về sự ăn thịt của cúng thần tượng và sự vi phạm những ngày thánh nào đó của người Do Thái thì chính họ không phạm tội. Người đó mạnh mẽ đủ trong sự tự tin đó để tự do trong lương tâm, nhưng ngược lại người anh em của người đó là yếu trong đức tin, thiếu đức tin để tin rằng thực hành mang tính tranh cãi này thật ra trung dung về mặt đạo đức. Rõ ràng hầu hết các Cơ Đốc Nhân sốt sắng là

---

<sup>2</sup>Bobby Clinton, *Disputed Practices* (Coral Gables, Fla.: West Indies Mission [now Worldream], 1975), 13.

“mạnh mẽ” về một số vấn đề và “yếu” trong những vấn đề khác; họ chắc chắn coi sự thực hành mang tính tranh cãi nào đó là sai trái và những thực hành khác là vô tội. Những gì người này xem vô luân hay vô đạo đức dường với người kia thậm chí giữa những người có cùng một hội. Điểm chính yếu mà Phao-lô muốn nói trong cả hai sách Rô-ma 14 và 2 Cô-rinh-tô 8 và 10 là chúng ta phải chấp nhận những người khác biệt với chúng ta mà không làm mất thể diện, một mặt, những người mà chúng ta có thể xem là ít theo Kinh Thánh hoặc, mặt khác, những người mà chúng ta xem là không theo Kinh Thánh. Người tự do lương tâm có khuynh hướng xem người bị lương tâm ràng buộc là thấp kém về mặt trí tuệ, trong người bị lương tâm ràng buộc có khuynh hướng xem người tự do lương tâm là sự thua kém về mặt thuộc linh. Phao-lô đã chỉ trích cả hai thái độ này. Ông nói, “Hãy chấp nhận lẫn nhau” như là những Cơ Đốc Nhân đáng tin cậy và đáng kính trọng. Nhưng thực tế mà nói, làm thế nào một người quyết định được bản chất một vấn đề? Phải chăng sự bình đẳng này cho thấy rằng mỗi người được quyền tự do lựa chọn chương trình hành động nào làm hài lòng mình nhất?

## ĐÁP ỨNG ĐỐI VỚI NHỮNG QUAN ĐIỂM KHÁC NHAU

**Thái độ.** Mục tiêu của Cơ Đốc Nhân không phải là làm vui lòng chính bản thân mình mà là làm vui lòng Chúa. Cơ Đốc Nhân không mong muốn làm những gì ít gây tai hại nhất, nhưng muốn đạt đến những gì cao nhất và tốt nhất. Họ không nên cố gắng để tránh né sự hình phạt nhưng mang lại niềm vui cho Cha Thiên Thượng. Họ không nên thử chính mình để nhìn xem mình có thể chịu đựng nỗi sự tối tăm đến cỡ nào, nhưng phải cố gắng để nhìn thấy mình càng gần với Ánh Sáng là dường nào. Họ không bị yêu cầu phải vâng lời cách tiêu cực mà phải hăm hở tích cực làm vui lòng Đức Chúa Trời trong mọi cách mà mình có thể. Nếu đây là khuynh hướng của họ, họ sẽ không chọn ai giữa hai người giải nghĩa dựa vào nền tảng là sở thích cá nhân. Đúng hơn, họ sẽ sớm nhận ra rằng không phải tất cả những người có học thức đều là người tin kính, và không phải mọi người tin kính đều là người có học thức. Một trong những nguyên nhân gây lộn xộn lớn nhất trong vấn đề đạo đức là vì quá ít những người được hoan nghênh hết sức như những nhà thần học ngang bằng với việc được ca ngợi hết mình như là người sốt sắng, và ít người được xem là có sự tin kính cá nhân là người diễn giải Kinh Thánh xuất sắc. Mỗi Cơ Đốc Nhân phải gánh vác trách nhiệm hành động nhắm vào cả sự hiểu biết thấu đáo về Kinh Thánh lẫn việc xem sự tin kính là mục tiêu của đời sống. Chỉ người nào có sự thành công cao trong cả hai lãnh vực này cùng một lúc là người hướng dẫn đáng tin cậy cho những thắc mắc đạo đức mà các Cơ Đốc Nhân có những quan điểm khác nhau.

**Học tập.** Một khi thái độ của một người về vấn đề có tính tranh cãi được giải quyết, và anh ta hết lòng mong ước duy nhất ý muốn của Đức Chúa Trời, thì bước tiếp theo sẽ là khám phá xem liệu nó có thật sự là một vấn đề đạo đức không. Khi Kinh Thánh không nói cách rõ ràng về một thắc mắc về cách cư xử, Cơ Đốc Nhân phải tìm kiếm nguyên tắc Kinh Thánh để hướng dẫn mình. Kinh Thánh là một quyển sách của những nguyên tắc hơn là của những lời dạy dỗ đạo lý; bất cứ vấn đề nào cũng sẽ có những nguyên tắc Kinh Thánh liên quan đến nó, hoặc để chỉ dẫn cho Cơ Đốc Nhân hoặc là để cho họ sự tự do để họ làm điều mà mình yêu thích.

Thông thường những điều này sẽ là những nguyên tắc cụ thể. Ví dụ, nguyên tắc Kinh Thánh về sự thánh khiết áp dụng cho toàn bộ các hoạt động chứ không phải chỉ giải quyết với mạng lệnh trong Kinh Thánh, như là xuất bản và mua bán những tranh ảnh khiêu dâm. “Tự do báo chí” có thể làm cho việc đó trở nên hợp pháp trong một số xã hội, nhưng theo nguyên tắc về sự thánh khiết cho biết nó là tội lỗi trước mặt Đức Chúa Trời.

**Những Nguyên Tắc Phổ Quát.** Có những những nguyên tắc phổ quát áp dụng cho toàn bộ các các chủ đề và đặc biệt giúp ích trong việc đưa ra quyết định lựa chọn liên quan đến những thực hành có tính tranh cãi hoặc không chắc chắn. Nhiều người sắp xếp những nguyên tắc này dưới dạng các câu hỏi khác nhau cần được trả lời khi đối diện với những lựa chọn đó. Đây là một ví dụ được lấy ra từ nhiều nguồn.

## MƯỜI BA CÂU HỎI VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ HAY BÀN CẢI

1. Có phải điều đó vì Chúa không? Nó có đem sự ngợi khen đến Ngài không? “Vâng, anh em hoặc ăn, hoặc uống, hoặc làm bất cứ việc gì, hãy làm tất cả vì vinh quang của Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 10:31) (Cũng xem trong Rô-ma 14:6-8).
2. Tôi có thể làm điều đó trong danh của Ngài không (với uy quyền của Ngài, làm liên can đến Ngài)? Tôi có thể cảm ơn Ngài về điều đó không? “Bất cứ điều gì anh em nói hay làm, hãy thực hiện mọi sự trong danh Chúa là Đức Chúa Jêsus, nhờ Ngài mà tạ ơn Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha (Cô-lô-se 3:17).
3. Tôi có thể đưa Chúa Jêsus đi cùng tôi không? Ngài có muốn làm điều đó không? “Tôi có thể trốn đâu khỏi Thần Chúa? Hay tôi có thể trốn đâu khỏi mặt Chúa?” (Thi-thiên 139:7). “Đấng Christ... sống trong tôi” (Ga-la-ti 2:20). “Anh em đã được kêu gọi đến điều đó, vì Đấng Christ cũng đã chịu khổ cho anh em, lưu lại cho anh em một gương



để anh em noi dấu chân Ngài” (1 Phi-e-rơ 2:21). (Cũng xem trong Ma-thi-ơ 28:19-20; Giăng 14:16-17:23).

4. Liệu nó có thuộc về nhà của Đức Thánh Linh không? “Anh em không biết rằng thân thể anh em là đền thờ của Đức Thánh Linh đang ngự trong anh em, Đấng mà Đức Chúa Trời đã ban cho anh em sao? Anh em cũng không còn thuộc về chính mình nữa, vì anh em đã được mua bằng giá rất cao. Vậy, hãy dùng thân thể anh em mà tôn vinh Đức Chúa Trời” (1 Cô-rinh-tô 6:19-20) (Cũng xem trong Ê-phê-sô 4:30).
5. Có phải việc đó là bởi đức tin không? Tôi có nghi ngại gì không? “Nhưng người nào còn nghi ngại mà cứ ăn thì bị lên án rồi, vì không hành động bởi đức tin. Việc gì không đến từ đức tin đều là tội lỗi (Rô-ma 14:23). “Thưa anh em yêu dấu, nếu lòng của chúng ta không lên án chúng ta thì chúng ta được vững tâm đến với Đức Chúa Trời” (1 Giăng 3:21).
6. Có phải điều đó tích cực giúp ích và gây dựng không (không đơn giản chỉ là “Nó có vô hại không)? “Vậy, chúng ta hãy theo đuổi những gì đem lại sự hoà thuận và xây dựng cho nhau (Rô-ma 14:19). “Thưa anh em, phải làm như thế nào đây? “Hãy thực hiện tất cả để xây dựng Hội thánh. (1 Cô-rinh-tô 14:26). (Cũng xem trong Rô-ma 15:2, 1 Cô-rinh-tô 10:8; Ê-phê-sô 4:12-16).
7. Có phải điều đó xuất phát từ, hay dẫn đến, việc yêu thương thế gian và hệ thống giá trị của nó không? “Chớ yêu thế gian cùng những gì trong thế gian. Nếu ai yêu thế gian thì sự kính yêu Đức Chúa Cha không ở trong người ấy. (1 Giăng 2:15). (Cũng xem trong Mác 9:47; 11:14-15)
8. Nó có liên quan hội hiệp với một người vô tín? “Chớ mang ách chung với những kẻ chẳng tin. Vì công chính và gian ác có kết hợp nhau được chăng? Ánh sáng và bóng tối có dung hoà nhau được chăng? (2 Cô-rinh-tô 6:14).
9. Liệu nó đến từ hoặc có tiềm năng dẫn đến sự lệ thuộc? “Mọi sự đều được phép làm, ‘nhưng không phải mọi sự đều có ích. Mọi sự đều được phép làm, nhưng không phải mọi sự đều xây dựng.” (1 Cô-rinh-tô 10:23).
10. Động cơ của nó là kiêu căng hay yêu thương? “Liên quan đến vấn đề của cúng thần tượng, chúng ta biết rằng ‘tất cả chúng ta đều hiểu biết cả.’ Nhưng sự hiểu biết sinh kiêu căng, còn tình yêu thương thì xây dựng. Nếu có ai tưởng rằng mình biết điều gì thì người ấy chưa thật sự biết như cần phải biết.” (1 Cô-rinh-tô 8:1-2).
11. Có một bối cảnh tâm trí tin kính cho quyết định của tôi về vấn đề đó không? “Cuối cùng, thưa anh em, hễ điều gì chân thật, điều gì đáng trọng, điều gì công chính, điều gì thanh sạch, điều gì đáng yêu chuộng, điều gì đáng biểu dương; nói chung là điều gì

đức hạnh, đáng khen ngợi thì anh em phải nghĩ đến” (Phi-líp 4:8). (Cũng xem trong Rô-ma 12 :1-2)

12. Hội thánh nói điều gì về điều đó? “Người nào phục vụ Đấng Christ theo cách ấy thì đẹp lòng Đức Chúa Trời và được loài người tôn trọng”( Rô-ma 14:18). “Vì Đức Thánh Linh và chúng tôi đã đồng ý rằng chẳng nên chắt thêm gánh nặng cho anh em, ngoại trừ những điều cần yếu này” (Công vụ 15:28). (Cũng xem trong Rô-ma 14:16)
13. Tôi có muốn thực hiện điều này khi Chúa Jê-sus đến? “Và bây giờ, hỡi các con bé nhỏ, hãy ở trong Ngài, để khi Ngài hiện ra, chúng ta có thể dọn dĩa, không hổ thẹn trước mặt Ngài lúc Ngài đến...Chúng ta biết rằng khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ giống như Ngài, vì chúng ta sẽ thấy Ngài như Ngài vốn có vậy. Ai có niềm hi vọng như vậy nơi Ngài thì phải giữ mình thanh sạch, như Ngài là thanh sạch (1 Giăng 2:28; 3:2-3). (Cũng xem trong Ma-thi-ơ 24:44-51; Lu-ca 23:34-35; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:2-4).

Đây không phải là một danh sách để học thuộc lòng, nhưng là một vài ví dụ về những nguyên tắc chung để giúp đưa ra những quyết định chọn lựa cho những vấn đề tranh cãi. Hơn nữa, nhiều người thấy nó một bảng liệt kê những điều hữu ích cần tham khảo.

Các Cơ Đốc Nhân là những người tin rằng hành vi nào đó là sai trái bởi vì những nguyên tắc Kinh Thánh bị vi phạm chắc chắn sẽ đứng lên chống lại quan điểm của những người không nhìn thấy một câu hỏi đúng hay sai liên quan. Tuy nhiên, một người làm gì khi chính mình được thuyết phục rằng không có một vấn đề đạo đức? Anh ta hết lòng giao phó chính mình cho duy nhất ý muốn của Đức Chúa Trời, học tập nghiên cứu Kinh Thánh cách thấu đáo, xem xét những gì mà các học giả Kinh Thánh đã nói về tất cả các khía cạnh của một vấn đề được đưa ra, và kết luận rằng Kinh Thánh không dạy gì cho dù trực tiếp hoặc gián tiếp và rằng anh ta được tự do trong vấn đề đó. Anh ta có đức tin mạnh mẽ rằng anh ta đang làm đúng, nhưng anh chị em của người đó thì đoán chắc rằng anh ta đang làm sai. Phải chăng anh ta có bổn phận nào đó đối với anh em mình?

### **Đáp Ứng của Người Tự do đối với Người Lương Lự.**

Kinh Thánh dạy rằng anh ta có một số bổn phận đối với người có sự lương lự trong lương tâm về một vấn đề.

Người ấy phải chấp nhận người anh em này là người khác biệt với mình (Rô-ma 14 :1; 15 :7), thừa nhận người ấy là một người anh em bình đẳng trước mặt Đức Chúa Trời. Bất cứ

khuyh hướng nào cho anh ta là người dốt nát, bất kỳ biểu hiện tình bạn nào để mà thẳng thắn bắt ép anh ta là làm trái lại nguyên tắc Kinh Thánh.

Người ấy phải chọn điều gì *gây dựng anh em mình* và không phải điều làm tổn thương hay huỷ hoại người anh em (Rô-ma 14:13,15-16, 19, 21; 1Cô-rinh-tô 8:1, 9-13; 10:23). Nếu tin uống rượu là hợp pháp, nhưng việc uống rượu của tôi có thể trong cách nào đó trở nên có vấp ngã đối với người khác, một mối nguy hiểm cho sự tăng trưởng và sự thành công của họ như những Cơ Đốc Nhân, thì rồi tôi không còn tự do để thực thi những quyền hạn của tôi trong vấn đề này nữa. Quyền tự do đối với tôi không phải là giấy phép để làm những gì tôi thích mà là sức mạnh để hy sinh những quyền lợi của tôi cho lợi ích của người khác. Một số người cho rằng sự ràng buộc lương tâm bởi người khác bị giới hạn đối với điều này: Nếu sự tự do của tôi thực sự dẫn một người nào khác phạm tội (sa ngã), tôi phải từ bỏ sự tự do của tôi vì mục đích của người ấy, nhưng nếu điều đó chỉ đơn thuần xúc phạm anh ta, thì tôi không chịu trách nhiệm. Tập san *Other Side* được kêu gọi phải có trách nhiệm bởi nhiều độc giả vì việc sử dụng những ngôn từ mà họ xem là không có giá trị, nếu không muốn nói là tục tĩu. Coeditor John Alexander đã đáp ứng thế này:

Một lần cho mãi mãi đây là lúc để nhận ra rằng đoạn Kinh Thánh 1 Cô-rinh-tô 8 không ám chỉ việc gây khó chịu những người bất đồng. Làm cho những người yếu hơn vấp ngã có nghĩa là cám dỗ họ làm điều gì mà họ nghĩ là tội lỗi. Chúng ta nghi ngờ rằng lời nói đùa của chúng ta đã cám dỗ người ta sử dụng những từ theo cách mà họ đã tin là sai trật.<sup>3</sup>

“Khiến cho vấp ngã” chắc chắn có nghĩa là “làm cho phạm tội,” và một người “tự do” là người không phải tự do thực thi quyền tự do đó nếu nó sẽ dẫn người khác đi theo gương mẫu đó, hoặc là để thực sự phạm tội hay xúc phạm lương tâm người đó trong việc làm những điều mà người đó cho là tội lỗi. Dĩ nhiên, khiến một người phạm tội bằng việc xúc phạm lương tâm của người đó không phải là cách duy nhất làm cho anh ta phạm tội. Nếu tôi gây cho anh ta sa ngã vào tội nóng giận hoặc thù oán bởi việc khăng khăng đòi hỏi những quyền của tôi một cách vô ích, đó chính là khiến anh ta phạm tội. Nhưng phải chăng “khiến cho phạm tội” là ý nghĩa duy nhất của từ *gây vấp ngã*? Tôi cho rằng Phao-lô đã sử dụng từ này trong ý nghĩa thông thường bao gồm cả “khiến cho phạm tội” và “tấn công.” Người Pha-ri-si đã bị “xúc phạm” khi Chúa Jê-sus gạt bỏ truyền thống của họ sang một bên (Ma-thi-ơ 15:12). Họ đã không vui vẻ và giận dữ mà tránh xa việc theo gương Ngài. Vì thế trong các đoạn của

---

<sup>3</sup>John Alexander, *The Other Side*, June 1979, 4.

sách Cô-rinh-tô cả hai nghĩa đều được dùng, vì Phao-lô mở rộng cả hai nguyên tắc. Nếu quyền tự do của tôi khiến người khác phạm tội, hoặc nếu chỉ đơn thuần là làm anh ta bực tức, tôi được kêu gọi để từ bỏ quyền tự do của tôi cho lợi ích của người đó.

Tuy nhiên, người mà không nhìn thấy vấn đề đạo đức liên quan phải chọn lựa để làm những gì mà *người anh em mình vui lòng* (Ma-thi-ơ 7:12; 22:39; Rô-ma 14:15, 18; 15:2; 1 Cô-rinh-tô 10:24, 28-33). Đây là luật yêu thương. Người ta nói rằng nếu tôi chịu trách nhiệm cho sự hạnh phúc của người anh em tôi và vì thế phải để lương tâm người ấy là sự hướng dẫn của tôi. Yêu thương là sẵn sàng hy sinh niềm vui thích, hạnh phúc, và những quyền lợi của riêng mình để làm thoả lòng người anh em. Tuy nhiên, tình yêu hy sinh này phải có những giới hạn theo Kinh Thánh.

Người “tự do” không phải là người duy nhất bị ràng buộc bởi luật yêu thương. Người “bị ràng buộc” cũng phải hành động trong tình yêu. Người ấy không cần thiết phải đặt sự cân nhắc của mình lên người khác. Anh ta không cần phải đưa ra những yêu cầu đối với người khác hoặc thậm chí cho phép họ ràng buộc chính họ bằng lương tâm của lương tâm mình, trừ khi anh ta tin vấn đề đó thật nghiêm túc rằng anh ta phải cấm người khác cũng như cấm chính mình.

Tuy nhiên, người “tự do” không thể đòi hỏi sự đáp ứng yêu thương chân thật từ người “bị ràng buộc.” Lựa chọn duy nhất của người ấy là tiếp tục thăm và vui vẻ nhường nhịn cho đến khi người anh em của mình chọn lựa yêu thương để giải thoát cho anh ta. Lý do này rất dễ hiểu. Vì một người có sự xác quyết về một vấn đề, thoả hiệp sẽ là điều vi phạm lương tâm mình, và theo Kinh Thánh, đó là tội lỗi. Người mà không có sự tin quyết vào vấn đề thì tự do làm theo quyền tự do của mình mà không vi phạm lương tâm của người đó. Với người này, quyền lợi bị đe dọa; với người khác, chỉ có quyền lợi. Vì vậy, phương châm của một người thật sự tự do là, “Hãy để lương tâm người ấy là sự hướng dẫn của tôi.”

Tất nhiên, nếu có một sự xác quyết rằng sự thoả hiệp của anh ta với quan điểm của người anh em “bị ràng buộc” thực sự là tội lỗi, thì chúng ta có một sự đối đầu về lương tâm, và đó là một vấn đề khác, như chúng ta sẽ thấy.

Không một Cơ Đốc Nhân nào nên cảm thấy bị ràng buộc bởi lương tâm của mọi Cơ Đốc Nhân khác. Sự ràng buộc tự nguyện về hành vi đạo đức của một người bởi lương tâm của một người khác chỉ áp dụng khi một người là người có thể bị xúc phạm là đủ gần để bị xúc phạm. Không có nghĩa vụ nào cho tôi để tống khứ toàn bộ thông lọng của tôi và lấy đi tất cả những cái nút bởi vì một số anh em ở tại tiểu bang Pennsylvania nghĩ rằng như vậy là phạm tục. Tôi sống ở Nam Carolina và không thuộc giáo hội Amish. Nếu một người với một lương tâm “bị ràng buộc” xa cách về mặt địa lý hoặc tổ chức, thì anh ta không có lý do hợp

pháp bị xúc phạm cá nhân, và người “tự do,” là người không nhìn thấy có vấn đề đạo đức liên quan, không nên xem chính mình bị ràng buộc.

Nguyên tắc của sự quan tâm yêu thương, về mặt bản chất của trường hợp này, giới hạn cho những người có mối quan hệ gần gũi. Những ví dụ về một mối quan hệ trách nhiệm sẽ là, theo thứ tự giảm dần, thành viên của cùng một gia đình, cùng một Hội thánh, cùng một thể chế, bạn bè, hàng xóm gần.

Một người hoàn toàn sai trật nếu bị ràng buộc bởi sự do dự của người khác và sự do dự đó đang gây thiệt hại lợi ích thật sự của những người khác.

Ví dụ rõ ràng nhất về điều này liên hệ đến sự cứu rỗi của người bị hư mất. Nếu ai đó bị ngăn cản đến với Chúa Jêsus bởi vì một vấn đề bị xét đoán vô đạo đức do một Cơ Đốc Nhân “tự do,” vấn đề về sự cứu rỗi của người đó trở thành một vấn đề của lương tâm. Có một sự chạm trán của lương tâm: người “tự do” bị ép buộc để duy trì quyền tự do đó với mục đích xoá bỏ mọi ngăn cản không cần thiết khỏi đường đi của một người cần Chúa Jêsus. Nguyên tắc này được tuyên bố rất mạnh mẽ trong 1 Cô-rinh-tô 9:12, 18-23, chỗ mà Phao-lô lặp đi lặp lại rằng ông điều chỉnh những sở thích và những hoạt động của ông để hướng tới mục đích chinh phục con người cho Đấng Christ.

Hơn nữa, nguyên tắc điều chỉnh vì có sự cứu rỗi của “nhiều người” không cần phải bị giới hạn thành một vấn đề mang tính cá nhân trước mắt. Điều đó có thể là cần thiết để dạy về sự tự do khi có một vấn đề có thể làm cho toàn hội chúng trở thành một vật cản không cần thiết cho những người chưa tin Chúa xem xét những lời công bố của Chúa Jêsus.

Phao-lô không phải là người hai mặt khi chính ông ràng buộc mình bởi sự lưỡng lự của người khác ở dưới một hoàn cảnh nào đó và cư xử trong sự tự do với cùng một vấn đề trong hoàn cảnh khác. Ông làm vậy là để làm vui lòng những người ở gần ông. Ông thật sự tự do. Ông có thể đi bất cứ đường nào. Nhưng sự ưu tiên cao nhất là chinh phục mọi người cho Đấng Christ. Liên quan đến điều đó, sự lưỡng lự của những anh em Cơ Đốc của ông đã không ràng buộc ông.

Một cặp vợ chồng đang ngồi trên sàn nhà với tôi tại ngôi nhà của chúng tôi ở Tô-ky-ô, gần đây đã tuyên xưng đức tin trong Chúa Jêsus Christ và chuẩn bị để làm phép Báp-têm. Họ trông có vẻ hơi căng thẳng và đã cười khúc khích khi người này nói người kia nên đề cập đến câu hỏi kế tiếp. Cuối cùng nó cũng lộ ra: Cô ta có cần phải đeo đồ trang sức để làm một Cơ Đốc Nhân đích thực không? Đó dường như là một câu hỏi buồn cười; cô ta, tất cả mọi người, nên đeo đồ trang sức. Gia đình của họ gần như đổ vỡ đối với chuyện tình cảm của anh ấy với một người phụ nữ mà anh thấy hấp dẫn hơn vợ mình, và đó là lối vào của Chúa Jêsus để cứu họ và gia đình của họ.

Nhưng rồi, khi nghĩ lại, câu hỏi không phải quá buồn cười. Vợ tôi không đeo đồ trang sức; một số chị em trong cộng đồng truyền giáo suy nghĩ trang điểm là phạm tục. Nhưng từ khi gặp gỡ bất ngờ với cặp vợ chồng Nhật Bản đầy lo lắng này, vợ tôi bắt đầu đeo đồ trang sức. Nhưng chẳng bao giờ đeo vào ngày Thứ Hai. Ít ra là vào ngày Thứ Hai đầu tiên của tháng này – ngày cầu nguyện cho các giáo sĩ. Cô ta không thể hy sinh quyền tự do của mình để đeo đồ trang sức, điều mà cô không xem xét như là một vấn đề đạo đức, trong một bối cảnh mà thiếu đi sự trang điểm trở nên một sự ngăn cản đối với Phúc Âm. Sự tăng trưởng không bị ngăn trở của những tân tín hữu là một sự ưu tiên cao hơn việc làm để chịu sự nhạy cảm của các Cơ Đốc Nhân kỳ cựu. Tuy nhiên cô đã không cần khoe khoang sự tự do của mình và đeo đồ trang sức khi cùng đi với những người mà có thể bị tổn thương.

Trong những mâu thuẫn về lương tâm này, người có sự tự do để đi bất cứ đường nào phải duy trì sự tự do đó vì có người bị hư mất, thậm chí nó có thể là một sự tấn công cho người anh em bị ràng buộc.

Để mở rộng, người ta có thể nói rằng bất cứ sự lưỡng lự nào mà kiềm chế sự tăng trưởng của Cơ Đốc Nhân cũng sẽ trở thành một vấn đề của lương tâm vì người “tự do” phản đối sự lệ thuộc. Ví dụ, khi một Hội thánh xua đuổi người trẻ tuổi bằng sự từ chối thông công dựa vào những tiêu chuẩn không được dạy dỗ rõ ràng trong Kinh Thánh (như là một hình thức âm nhạc nào đó), những người lãnh đạo nên nghiên cứu Kinh Thánh cách nghiêm túc và xác định có phải tiêu chuẩn đó được uỷ thác trong Kinh Thánh.

Trong những mối quan hệ nào đó, có thể trách nhiệm thuộc về người mạnh mẽ trong đức tin và biết rằng không có vấn đề đạo đức liên quan là hướng dẫn người bị ràng buộc bởi sự lưỡng lự. Sự hướng dẫn có thể bằng lời nói, hoặc thông qua những hành động. Điều này tùy thuộc vào tầm quan trọng của vấn đề đó và mức độ trách nhiệm của người đó.

Nếu nó là một nan đề nhỏ không ảnh hưởng đến sự công bố Phúc Âm hoặc sự tăng trưởng thuộc linh, thì thật không cần thiết để thách thức nó. Ví dụ, nếu những người lớn tuổi trong một hội chúng cảm thấy rằng đồ trang sức thích hợp cho một mục sư là áo vét và cà vạt, thì tại sao mặc những trang phục bình thường khi thăm viếng những tín hữu này?

Nếu người “tự do” không có trách nhiệm đối với sự tăng trưởng thuộc linh của một người, anh ta nên đơn giản đáp ứng trong tình yêu, từ bỏ những quyền lợi của mình vì lợi ích của những người khác.

Là một diễn giả khách mời, tôi không có trách nhiệm chặn bầy để khai sáng hội chúng về lợi ích của một số bản dịch khác hơn là Bản King James. Mặc dầu tôi cảm thấy tự do để sử dụng những bản dịch khác, tại sao lại tạo ra sự cứng nhắc ngăn cản sự truyền thông của tôi chứ? Nhưng khi có trách nhiệm cá nhân chẳng hạn như làm cha, làm mẹ của một đứa trẻ nhỏ,

mục sư của một Hội thánh, hoặc giáo viên trong trường học, người mà mạnh mẽ trong đức tin phải làm việc để giải phóng những người lưỡng lự đối với bất cứ vấn đề quan trọng nào. Ví dụ, là một nhà giáo dục thần học, tôi đã dạy cho sinh viên những điều cấu thành nên một bản dịch hợp lý, bản dịch nào là tốt hơn những bản khác, và tại sao.

Cả hai người “tự do” và người “bị ràng buộc” đều cần phải quyết định ủng hộ *cái mà tạo ra sự hoà bình* (Rô-ma 14:16-17, 19, 20; 15:5-6). Sự bình an trong gia đình của Đức Chúa Trời là điều có giá trị rất cao. Tuy nhiên, nó chưa phải là giá trị cao nhất, và một người có thể không thoả hiệp lẽ thật để đạt được nó. Những quyền lợi, vâng. Quyền lợi, không. Chìa khoá cho vấn đề của sự tranh cãi nằm ở phía người tự do hơn là với người bị ràng buộc. Thoả hiệp vì có hoà bình yêu cầu, về phía người tự do, hi sinh một số quyền lợi của mình. Nhưng sự thoả hiệp về phía người bị ràng buộc sẽ vi phạm lương tâm của mình, và đây là điều người đó không thể thực hiện được.

**Đáp Ứng của Người có Lương Tâm về Vấn Đề Tranh Cãi.** Người bị ràng buộc trong lương tâm về một vấn đề nào đó nhưng lại phát hiện ra rằng những người khác không xem vấn đề đó là một vấn đề đạo đức thì sao? Có lẽ người đó bắt đầu nghi ngờ rằng anh ta có một sự ngăn trở gì đó không theo Kinh Thánh. Anh ta nên làm gì? Điều đầu tiên anh ta nên làm là quyết định vâng lời Chúa với bất kỳ giá nào. “Việc gì không đến từ đức tin đều là tội lỗi.” (Rô-ma 14:23).

Anh ta không thể cư xử như một người tự do đối với vấn đề đó cho đến chừng lương tâm của mình hoàn toàn được tự do không một chút nghi ngờ nào. Vì thế bước kế tiếp của anh là học, nghiên cứu Lời Chúa. Nhiều Cơ Đốc Nhân bị ràng buộc bởi những ấn đo phi Kinh Thánh. Lương tâm đơn giản là sự phán xét đạo đức, chịu tác động bởi sự thu nạp trong quá khứ. Tâm trí người đó cần được luôn luôn lập trình lại bởi Lời của Đức Chúa Trời. Nó là lẽ thật, Lời của Đức Chúa Trời, điều đó sẽ làm cho một người được tự do.

Trách nhiệm trước tiên của người đó là, giống như người “tự do,” tiếp nhận người bất đồng ý kiến với mình. Người ấy phải chấp nhận người kia mà không xem anh ta như người thua kém mình - đối với Chúa của chính mình anh ta đứng hoặc ngã (Rô-ma 14). Anh ta phải hành động trong tình yêu, không cần thiết cãi cọ với người anh em mình, và hành động vì sự hoà thuận.

Trách nhiệm của anh ta là giúp đỡ người anh em mình hiểu được vấn đề tùy thuộc vào mối quan hệ. Đối với bản thân anh ta, tiêu chuẩn là sự vâng lời tuyệt đối những gì anh ta tin là điều đúng. Nhưng đối với người khác, thứ tự trách nhiệm từ việc làm cha giúp con cái đi

theo những tiêu chuẩn Kinh Thánh như cách anh ta hiểu, đến tránh trách nhiệm nhẹ hơn như làm một mục sư dạy dỗ lẽ thật như cách ông ta hiểu không đòi hỏi sự vâng lời, đến chỗ không có trách nhiệm gì cả đối với những người không liên quan đến ông ta.

Tóm lại, mục tiêu hợp với Kinh Thánh dành cho những người của cả hai phía của một vấn đề tranh cãi bao gồm hai mặt. Trước hết, hiểu Kinh Thánh một cách rõ ràng, và thứ hai, vâng theo ý muốn Đức Chúa Trời một cách hoàn toàn. Vì thế, sự học hỏi không nên xem là lĩnh vực của người tự do trong lương tâm và sự tin kính của người bị ràng buộc trong lương tâm. Sự học hỏi và sự tin kính phải là mục tiêu của cả hai. Hoặc, tốt hơn nên nói rằng, học hỏi hướng đến sự tin kính.

## NHẬN BIẾT Ý MUỐN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI TRONG NHỮNG VẤN ĐỀ KHÔNG ĐƯỢC MẶC KHẢI TRONG KINH THÁNH

Kinh Thánh được ban cho để bày tỏ ý muốn của Đức Chúa Trời cho chúng ta. Sự mặc khải này sẽ là giống nhau cho tất cả mọi người: sự giống Chúa về mặt đạo đức. Nhưng vượt trên ý muốn phổ quát được mặc khải này có phải Đức Chúa Trời có một ý mang tính cá nhân dành cho mỗi Cơ Đốc Nhân không? Hay đơn giản có phải Ngài muốn rằng chúng ta vâng lời Ngài để được trở nên giống như Ngài, và phần còn lại làm như chúng ta vui thích? Nếu Đức Chúa Trời có một kế hoạch thiết kế riêng biệt cho mỗi tín hữu, có phải nó mở rộng vượt xa hơn những phương hướng chính của đời sống như là nghề nghiệp của một người? Có phải nó cũng mở rộng đến những hoạt động tình cờ trong mỗi một ngày không?

## GIỚI THIỆU VẤN ĐỀ

Trước hết, chúng ta phải nhận ra rằng sự nhân mạnh chính của Kinh Thánh về ý muốn của Đức Chúa Trời liên quan đến những gì được bày tỏ rõ ràng. Ngay cả những đoạn Kinh Thánh nói về sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời trên con cái Ngài, sự hướng dẫn về cách cư xử phải lẽ và những suy nghĩ đúng đắn thường xuyên là tiêu điểm (Thi-thiên 25:8-15; 32:8; 73:23-26). “Vi ý muốn của Đức Chúa Trời là anh em phải được thánh hoá” (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:3). “Đức Giê-hô-va là Đấng chặn giữ tôi,” nhưng để chắc chắn, Ngài quan tâm chủ yếu đến sự dẫn chúng ta vào “các lối công bình” (Thi Thiên 23).

Ý muốn được bày tỏ rõ ràng chúng ta sẽ được biến đổi để trở nên giống như Ngài chắc chắn có hiệu lực trọn đời. Chúng ta là gì và trở nên cái gì quan trọng hơn nhiều so với việc gì chúng ta làm (xem trong 1 Cô-rinh-tô 12:31-13:3), tuy nhiên thậm chí những điều Cơ Đốc Nhân nên làm cũng được bày tỏ rõ ràng trong Kinh Thánh. “Như Cha đã sai Ta thế nào, thì



Ta cũng sai các người thể ấy” (Giăng 20:21). Chúng ta được chỉ định để cộng tác với Đức Chúa Trời trong mục đích cao cả truyền rao Phúc Âm cho thế giới. Như những sự làm chứng của Ngài, chúng ta có một công việc trọn thời gian đưa toàn bộ những hoạt động của đời sống vào trong sự liên kết với mục đích của Ngài Ngài trong thế giới này.

Tuy nhiên với những vấn đề cụ thể - nghề nghiệp, hôn nhân, giáo dục, nơi chốn, sự chữa lành, và tài chính - liệu Đức Chúa Trời có mục đích cụ thể cho từng người không? Nếu Ngài có, liệu có khả năng để biết ý muốn của Ngài trong những vấn đề như thế và đi theo điều đó một cách ý thức không?

Garry Friesen, trong quyển sách rất có ảnh hưởng của ông ta có tựa đề *Decision Making and the Will of God*, công hiến hơn bốn trăm trang để minh chứng luận án rằng Đức Chúa Trời không có ý định hoặc kế hoạch cho từng tín hữu.

Điểm chính là đây: Đức Chúa Trời không có một kế hoạch đời sống chi tiết, lý tưởng được được thiết kế một cách độc đáo cho mỗi tín hữu mà cần được khám phá để đưa ra các quyết định đúng đắn. Khái niệm về một “ý muốn cá nhân của Đức Chúa Trời” không được xây dựng bởi lý lẽ, kinh nghiệm, gương mẫu hoặc sự dạy dỗ của Kinh Thánh.<sup>4</sup>

Quyền tự do và trách nhiệm để đưa ra tất cả các quyết định nhờ vào những phương tiện khôn ngoan tin kính là luận đề của ông:

Trong những lĩnh vực mà Kinh Thánh không ban cho mạng lệnh hay là nguyên tắc nào (những quyết định không mang tính đạo đức), tín hữu được tự do và chịu trách nhiệm cho sự chọn lựa các hành động cư xử của riêng mình. Bất cứ quyết định nào được thực hiện trong ý muốn đạo đức của Đức Chúa Trời đều có thể được Ngài chấp nhận.<sup>5</sup>

Để bắt đầu, chúng ta hãy đồng ý rằng hai sự nhấn mạnh chính yếu của quan điểm này là đúng và chúng là sự hiệu chỉnh rất cần thiết đối với những lạm dụng phổ biến của quan điểm truyền thống.

Sự hiệu chỉnh quan trọng đầu tiên là sự công nhận rằng hầu hết sự dạy dỗ về sự hướng dẫn trong Kinh Thánh liên quan đến sự hướng dẫn đạo đức.

Sự hiệu chỉnh quan trọng thứ hai của Friesen đó là có quá nhiều sự lạm dụng về khái niệm truyền thống về sự hướng dẫn. Vì thế sự tranh chiến mà chúng ta sẽ đương đầu với sự

---

<sup>4</sup> Garry Friesen with J. Robin Maxson, *Decision Making and the Will of God: A Biblical Alternative to the Traditional View* (Portland, Oreg.: Multnomah Press, 1980), 145.

<sup>5</sup> Sách đã dẫn., 151-52

phổ biến của những làm dụng một cách chi tiết là có thật. Nhưng hành động đu đưa của con lắc đối với thái cực đối lập không phải là sự hiệu chỉnh duy nhất. Chúng ta không cần thay thế chủ nghĩa chủ quan giáo điều bằng chủ nghĩa duy lý khách quan, cho dù thật dễ dàng hơn nhiều để đi đến một thái cực nhất quán hơn là ở tại trung tâm của sự căng thẳng Kinh Thánh.

Tôi nói sự lạm dụng là “phổ biến” bởi vì tôi chưa từng phát hiện một học giả Kinh Thánh danh tiếng đơn độc nào là người ủng hộ những sự lạm dụng nào mà Friesen đã trích dẫn. Những sự lạm dụng lan tràn và có hậu quả xấu xa kinh khủng trong đời sống của Hội thánh và mỗi cá thể Cơ Đốc Nhân, nhưng thật là một bức tranh biếm họa khi xem chúng là “quan điểm truyền thống.”

Có phải chỉ có một mình Friesen theo quan điểm này? Không, hoàn toàn không phải như vậy. A.W.Tozer, tác giả viết về những chủ đề về sự thánh khiết, cũng đã viết những dòng tương tự nhiều thập niên trước đây:

Ngoại trừ những điều được ra lệnh hoặc bị cấm đoán cụ thể, ý muốn của Đức Chúa Trời là chúng ta được tự do để thi hành sự chọn lựa sáng suốt của riêng mình... Trong hầu hết mọi điều có liên quan đến cuộc sống chung của chúng ta trên trái đất này, Đức Chúa Trời hài lòng khi chúng ta được thoả lòng... Sự lựa chọn của Đức Chúa Trời cho chúng ta không phải là cho *một người* mà cho *bất kỳ người nào* về một lý do của sự chọn lựa hợp lý.<sup>6</sup>

Một phần của sự nổi tiếng của Frisen có thể xuất phát từ sự nổi lên của trào lưu bất mãn với những lạm dụng lan tràn như thuyết trực giác và những thái độ về tính không thể sai lầm về sự hiểu biết trước “kế hoạch” của Đức Chúa Trời, thậm chí trong thời điểm chi tiết của đời sống hằng ngày, không đề cập đến những cách xa lạ của việc tìm ra ý muốn của Ngài. Tuy nhiên tôi nghi ngờ có một nguyên nhân sâu xa hơn.

Hiện có một sự thay đổi về tầm quan trọng từ những mạng lệnh rõ ràng trong Kinh Thánh và những nguyên tắc vĩ đại của Kinh Thánh (như là sự mặc khải của Đức Chúa Trời với mục đích là để truyền giảng Phúc Âm cho thế giới) đến mục tiêu được cá nhân hoá về sự thoả mãn cá nhân. Có một khuynh hướng đang tồn tại thúc đẩy quyền tự do, quyền tự trị cá nhân trong việc tìm kiếm sự thoả mãn đó. Theo cách nào đó, nỗ lực của Friesen dường như thúc đẩy thế hệ này quay trở lại luật đạo đức của Đức Chúa Trời và sự vâng lời các nguyên tắc Kinh Thánh, nhưng ảnh hưởng chủ yếu của thông điệp của ông trên nhiều người chính là ý thức về tự do thoát khỏi gông cùm cũ để đến với điều khó-để-quyết-định nhưng đó là ý muốn ràng buộc hoàn toàn của Đức Chúa Trời dành cho mỗi sự chọn lựa trong cuộc sống. Sự

---

<sup>6</sup> A.W. Tozer, *How the Lord leads* (Harrisburg, Pa: Christian Publication, n.d).

tự do hồ hởi này rất thích hợp với tình trạng hiện đại đang nổi trội về quyền tự trị cá nhân để theo đuổi sự thoả mãn cá nhân.

Mặt khác, trách nhiệm thật nặng nề; sự cô đơn và tình trạng bất an có lẽ minh chứng cho cái giá đắt cần phải trả để có sự tự do đó. Sự cảm nhận rằng Đức Chúa Trời thực sự không quan tâm đến một quyết định mà dường như vô cùng quan trọng đối với tôi và sự nhận thức rằng chỉ có một mình tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với kết quả của từng sự chọn lựa là những gánh nặng phải mang. Nhưng những kết quả tâm lý của bất cứ quan điểm nào không phải mang tính quyết định đối với Cơ Đốc Nhân. *Chân lý* về chủ đề này là gì? Kinh Thánh có nói với chúng ta không?

Tôi đề nghị bốn dòng của luận cứ từ Kinh Thánh ủng hộ quan điểm truyền thống rằng Đức Chúa Trời quả thật có một kế hoạch cho mỗi con cái của Ngài, một sở thích liên quan đến nhiều sự lựa chọn mà chúng ta chọn lấy, và một sự cam khiến cho mục đích đặc biệt của Ngài được hoàn thành trong mỗi đời sống.

## TRƯỜNG HỢP VỀ SỰ HƯỚNG DẪN THIÊN THƯỢNG

Sự hướng dẫn thiên thượng, theo quan điểm truyền thống, là một trong những nhu cầu cơ bản sâu xa nhất và là đặc ân cao nhất của Cơ Đốc Nhân. Bằng chứng về Kinh Thánh là gì?

1. *Tinh Thần Chung của Kinh Thánh.* Tinh thần chung của Kinh Thánh cả về Cựu Ước lẫn Tân Ước sẽ hướng dẫn thậm chí người quan sát nông cạn đến chỗ tin rằng Đức Chúa Trời có quan tâm đến những sự lựa chọn không mang tính đạo đức của dân sự Ngài và rằng Ngài cố gắng để nhìn thấy ý muốn của chính Ngài được thực hiện. Những khác biệt nào đã được tạo ra nơi mà I-sơ-ra-ên đã đóng trại? Và lúc này Đức Chúa Trời đã ban sự hướng dẫn siêu nhiên thông qua trụ mây và trụ lửa và cùng với sự khôn ngoan tự nhiên của một chuyên gia hướng dẫn. Người mà Y-sác kết hôn ra làm sao, miễn là người đó có cùng đức tin? Tuy nhiên Đức Chúa Trời đã cố gắng để dẫn dắt đầy tớ của Áp-ra-ham đến với một cô gái đặc biệt (Sáng thế ký 24). Những trường hợp này không phải là độc nhất; Kinh Thánh đã cung cấp nhiều sự tường thuật về sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời về những vấn đề phi đạo đức.

Cuộc đời Chúa Jêsus đã được lên kế hoạch kỹ đến nỗi ngay cả những sự kiện quen thuộc đã phải chờ đợi thời điểm của chúng. Thường có lời nói rằng, “Thời điểm chưa đến.” Nói cách khác, nó đã tạo ra một sự khác biệt những gì đã được thực hiện và khi nào nó được hoàn thành. Có một kế hoạch. Thức ăn thức uống thực sự của Ngài là để làm theo ý muốn của Đức Chúa Cha (Giăng 4:34); Ngài đã không làm gì

cả, trong thực tế, Ngài không được Đức Chúa Trời chỉ dạy về điều đó (Giăng 5: 19-20, 30; 8:28). Ý muốn này của Đức Chúa Trời không liên hệ gì đến những tiêu chuẩn đạo đức, nhưng là ý muốn cá nhân của Đức Chúa Trời cho cuộc sống riêng của Chúa Jêsus. Ngài luôn luôn được dẫn dắt bởi Đức Thánh Linh (Ví dụ, Ma-thi-ơ 4:1) và đã nhạy cảm với thời điểm hành động của Đức Chúa Trời cho từng giai đoạn trong cuộc đời mình khi nó được bày tỏ ra. Có phải kế hoạch như thế chỉ dành cho Con thiên thượng của Đức Chúa Trời, hoặc có phải ở đây, cũng như trong nhiều điều khác, Ngài phục vụ như tấm gương cho chúng ta, biểu hiện bằng hành động bởi sự đáp ứng của Ngài rằng Đức Chúa Trời đã để Ngài ở đây với một mục đích và cả cuộc đời Ngài được dâng hiến để hoàn thành mục đích đó không?

Kinh Thánh ban cho người quan sát không thành kiến một ấn tượng mạnh mẽ rằng những ví dụ được chọn lựa, không phải chỉ (hoặc thậm chí luôn luôn) cho ý nghĩa đặc biệt của chúng trong kế hoạch cứu chuộc, mà còn là những cửa sổ để nhìn thấy cách của Đức Chúa Trời thực hiện sự việc.

Thật hoàn toàn tự nhiên đối với Sau-lơ khi ông kêu lên rằng, “Lạy Chúa, con phải làm gì?” (Công vụ 22:10). Đức Chúa Trời đã trả lời ngay từ buổi ban đầu bằng sự mặc khải của Ngài liên quan đến sự kêu gọi hướng nghiệp của Phao-lô, không phải bằng một vài nhắc nhở về luật đạo đức mà Phao-lô đã vi phạm trầm trọng.

Có phải loại kinh nghiệm này bị giới hạn trong tầng lớp thượng lưu không? Không một ai phủ nhận rằng nhiều nhân vật trong Kinh Thánh, chẳng hạn như Phao-lô, đã được tạo dựng và cứu chuộc cho một mục đích. Đức Chúa Trời đã có một ý định đặc biệt, một kế hoạch, một vận mệnh cho họ, Ngài đã nói như vậy, thường là nói trước. Tuy nhiên những người dám chắc rằng điều này chỉ đúng với một vài người đặc biệt có nhiều nhiều sự dạy dỗ Kinh Thánh để suy tính.

2. *Mục Đích Tế Trị của Đức Chúa Trời.* Quyền tế trị của Đức Chúa Trời và trách nhiệm của con người là những giáo lý quan trọng để hiểu được sự hướng dẫn. Sự mâu thuẫn không thể hiểu nổi về cách làm thế nào mà hai điều này quan hệ với nhau sẽ giúp đỡ giải thích tại sao thật quá khó khăn để giải quyết tất cả các câu hỏi xung quanh chủ đề quan trọng về sự hướng dẫn thiên thượng trong công việc của loài người. Kinh Thánh thật rõ ràng rằng Đức Chúa Trời coi sóc và biết nơi nào ông đang đi, vì Phao-lô ông tuyên bố rằng, “Cũng trong Ngài, chúng ta được chọn làm người thừa hưởng cơ nghiệp được định sẵn theo kế hoạch của Đức Chúa Trời, Đáng hoàn thành mọi sự theo mục đích Ngài muốn, để chúng ta, những người đầu tiên đặt hi vọng trong Đấng Christ, ca ngợi vinh quang của Ngài.” (Ê-phê-sô 1:11-12).

Đây không phải là sự dạy dỗ ngẫu nhiên hay biệt lập, cũng không kèm theo bất kỳ giới hạn nào. Tất cả mọi việc không phải chỉ được Đức Chúa Trời biết mà còn được quyết định bởi Ngài. Mặt khác, mặc dù không có chỗ nào trong Kinh Thánh nói đến “ý chí tự do” của con người, nó có đầy những lời cảnh báo liên quan đến toàn bộ trách nhiệm đối với những sự lựa chọn mà con người thực hiện. Làm thế nào để hai chủ đề đó được hoà giải? Thật không dễ dàng.

Nhiều người đã tìm kiếm sự hoà giải bởi sự ủng hộ một mặt của chân lý và từ chối mặt còn lại. Nhưng sự giải quyết là gì đi chăng nữa, nó vẫn có những hàm ý cốt yếu cho câu hỏi về những kế hoạch của Đức Chúa Trời và sự hướng dẫn của Ngài cho con người. Tuy nhiên, hai điều đó liên quan chặt chẽ với nhau, tính toàn vẹn của ý muốn tể trị của Đức Chúa Trời là một mặt và trách nhiệm của con người là mặt kia phải đồng thời được bảo toàn.

Vì sự cứu rỗi cá nhân của chúng ta, chúng ta đồng cảm với kế hoạch tể trị của Đức Chúa Trời thông qua sự tìm cầu Ngài và, bởi lời cầu nguyện bằng đức tin, phê chuẩn kế hoạch đó, và đồng thời Đức Chúa Trời cũng đang tìm kiếm chúng ta, bày tỏ chính mình Ngài cho chúng ta, dàn xếp hoàn cảnh của chúng ta, và ban cho chúng ta đức tin. Trong việc truyền bá Phúc Âm, quy trình được lặp lại khi chúng ta trở nên một phần trong mục đích tể trị của Đức Chúa Trời cho người khác. Trên thực tế, sự cầu nguyện thay về điều gì đó là đang tìm kiếm để đồng cảm với một số mục đích của Đức Chúa Trời cho một tương lai được hy vọng. Tại sao chúng ta nên nghĩ rằng sự hướng dẫn đó sẽ khác biệt? Cho dù thực tế tối thượng về cách làm thế nào mục đích tể trị của Đức Chúa Trời liên hệ với trách nhiệm của con người là gì đi nữa, thật rõ ràng rằng chúng ta chịu trách nhiệm tham gia – tin để được sự cứu rỗi, dâng lên những lời cầu thay, truyền giảng Phúc Âm. Chắc chắn khuôn mẫu này cũng áp dụng cho câu hỏi về sự hướng dẫn. Mục đích tể trị của Đức Chúa Trời có thể bị che giấu, nhưng chúng ta được kêu gọi để có trách nhiệm liên kết với nó bằng đức tin.

Trách nhiệm cơ bản của con người hữu hạn là đức tin – tin cậy rằng Đức Chúa Trời có một ý muốn, mà khi chúng ta vâng lời, Ngài sẽ chỉ dẫn sự tham gia của chúng ta trong kế hoạch đó, và rằng dù khi chúng ta làm lỗi, Ngài sẽ làm mọi việc cho ích lợi của chúng ta và cho sự vinh hiển Ngài (Rô-ma 8:28).

Đức tin bao gồm sự vâng theo ý muốn của Ngài đã bày tỏ trong Kinh Thánh, khiêm nhường chấp nhận ý muốn hoàn hảo của Ngài trong mọi hoàn cảnh của cuộc đời, và chủ động tham gia thông qua sự cầu nguyện trong sự đồng cảm với phần ý

muốn đó của Ngài còn được bày tỏ ra trong thời gian hoặc không gian hiện hữu của chúng ta.

Theo cách này, đức tin là tin vào Đức Chúa Trời, không phải tin vào óc phán đoán của riêng chúng ta về những mục đích bị che giấu của Ngài. Vì thế, chúng ta nhận ra rằng chúng ta không phải không thể sai lầm trong việc quyết định những gì mà Ngài mong muốn trong một trường hợp nào đó và cũng không phải sai lầm của chúng ta hay thậm chí tội lỗi của chúng ta có thể ngăn trở những mục đích đời đời của Ngài. Ngài sẽ hoàn thành mọi điều Ngài dự định.

Có lẽ sự dạy dỗ mạnh mẽ trong Kinh Thánh về mục đích tể trị của Đức Chúa Trời là chìa khoá để hiểu biết sự dẫn dắt. Ngài biết chính xác Ngài đang đi đâu và Ngài sẽ đến đấy. Hơn nữa, chúng ta được kêu gọi để tham dự với Ngài trong sự hoàn thành những mục đích của Ngài.

Một số người nói rằng Đức Chúa Trời chỉ quan tâm đến hoặc có “ý muốn” trong những vấn đề quan trọng; những vấn đề không quan trọng thì không được Ngài quan tâm. Nhưng đây có thể là một người thất thường sẵn sàng hành động. Trong khi tôi chấp nhận rằng có một sự khác biệt hợp pháp và quan trọng, thường những gì có vẻ ít quan trọng nhất có thể cuối cùng tỏ ra quan trọng nhất. Một quyết định có thể để hậu quả ít hơn so với quyết định chọn lúc nào và nơi đâu để tắm cỡ nào? Tuy nhiên cả sự nghiệp của người lãnh đạo vĩ đại nhất của mọi thời đại đã được quyết định bởi sự lựa chọn của con gái Pha-ra-ôn. Đối với một vị vua chuyên quyền Đông Phương, lấy một gái nô lệ cho một đêm (và với một mục đích tốt trong tâm trí, lúc này, và vì đáp ứng lại với sự thôi thúc mạnh mẽ của người vợ) không được xem là một vấn đề đạo đức và sẽ không coi như là một sự kiện trọng đại. Tuy nhiên, trên thực tế, sự quan hệ bất chính của Áp-ra-ham với Ha-ga đã dẫn đến mâu thuẫn mà con thịnh nộ bốn ngàn năm sau đó với cường độ mạnh hơn bao giờ hết so với mâu thuẫn giữa người A-rập và tất cả những người khác, đặc biệt là con cháu của Sa-ra. Những sự chọn lựa “nhỏ” có một con đường để trở thành “to”!

Trong bất kỳ trường hợp nào xảy ra, sự dạy dỗ Thánh Kinh về sự tể trị của Đức Chúa Trời rất rõ ràng rằng Ngài có một kế hoạch cho công việc của loài người và sự liên kết chính yếu của chúng ta với kế hoạch đó là sự cầu nguyện.

3. *Bản Chất của Lời Cầu Nguyện*: Cầu nguyện là một phương tiện chính yếu của chúng ta để nhận từ Đức Chúa Trời sự khôn ngoan đã hứa ban, quyền năng, và tất cả mọi tài nguyên cần thiết của Ngài để hoàn thành mục đích của Ngài trên thế gian này. Làm sao chúng ta có được những lời hứa cơ bản như thế về lời cầu nguyện được thoả mãn

trong Kinh Thánh nếu chúng ta không có bản phận đòi hỏi Đức Chúa Trời những gì mà chúng ta thường cảm thấy cần thiết nhất? Sự đòi hỏi để được hướng dẫn thường được ở trên môi của dân sự Ngài.

Elisabeth Elliot cho rằng sự hướng dẫn là “loại giúp đỡ duy nhất được cầu nguyện thường xuyên nhất trong Kinh Thánh.” Tại sao các thánh nhân ở thời đại Kinh Thánh cầu nguyện và mong đợi những sự kiện đổi khác như là kết quả để biết Đức Chúa Trời có đứng dung với những sự chọn lựa mà họ đã chọn? Không, sự hướng dẫn cũng là một lời hứa của Đức Chúa Trời, như chúng ta sẽ thấy, cầu nguyện là một trong những phương tiện được chỉ định của Đức Chúa Trời để bảo đảm lời hứa.

4. *Vai Trò của Đức Thánh Linh.* Vai trò của Đức Thánh Linh bao gồm cả công việc hướng dẫn. Trong Cựu Ước, ý định cũng như vậy khi Đức Chúa Trời bày tỏ ý muốn của Ngài rằng “Chúa Giê-hô-va chẳng làm một việc gì mà không tỏ sự kín nhiệm Ngài cho các đầy tớ Ngài là các nhà tiên tri.” (A- môt 3:7). Bằng cách thế nào Chúa đã làm điều đó? Thông thường chúng ta không biết được bằng cách nào sự hướng dẫn được ban cho mặc dù đôi khi đó là: những khái tượng, những sự kiện phi thường, những trường hợp bình thường, sự thôi thúc linh cảm – trong nhiều cách khác nhau (Hê-bơ-rơ 1:1). Tuy nhiên trong thời đại Hội thánh, Đức Chúa Trời đã có một cách truyền thông hoàn toàn mới mẻ - chính Đức Chúa Trời chọn ở trong mỗi tín hữu và trong việc đưa ra quyết định (Giăng 4:16-26).

Một phần trách nhiệm của Đức Thánh Linh là soi sáng những gì mà Ngài đã cảm động các tác giả viết Kinh Thánh, nhưng Ngài cũng có những vai trò khác. Ngài ban cho mỗi tín hữu một khả năng để phục vụ Đức Chúa Trời trong Hội thánh (1 Cô-rinh-tô 12:7, 31, 14:1, 39). Ân tứ thuộc linh phải đấu tranh với hoạt động phi đạo đức và là điều gì đó mà Ngài phân phát “theo ý Ngài muốn.” Đức Chúa Trời có một ý muốn trong vấn đề, một kế hoạch khác biệt cho mỗi Cơ Đốc Nhân. Loại công việc gì mà tôi làm trong Hội thánh do Ngài, không phải là tôi, lên kế hoạch và đề xướng. Tôi có làm những gì Ngài đã lên kế hoạch hay không sẽ tạo nên sự khác biệt đối với Ngài. Đức Thánh Linh sẽ dẫn dắt người vâng lời, cố gắng dẫn tín hữu vào sự thông biết và thực hiện ý muốn Đức Chúa Trời trong vấn đề liên quan đến thiên hướng thuộc linh. Và chúng ta tham gia thông qua lời cầu nguyện trong sự khám phá và thực hiện đầy đủ ý muốn của Ngài. Phao-lô đã nói, “Hãy ước ao những ân tứ cao trọng hơn,” (1 Cô-rinh-tô 12:31).

Sự dự liệu những vai trò và sự hướng dẫn cụ thể trong đó mà một ví dụ về làm thế nào Đáng Hướng Dẫn ngự ở trong “dẫn dắt con cái yêu dấu của Ngài tiến lên,” hành động trong chúng ta để dẫn đến mục đích tể trị của Đức Chúa Trời.

Sự nhấn mạnh chính yếu trong Kinh Thánh liên quan đến sự hướng dẫn chính là sự hướng dẫn về đạo đức, dù lời hứa về sự hướng dẫn, sự cố vũ để tìm kiếm nó hoặc những lời chứng về việc đã tìm được nó. Đó là lý do tại sao cuốn sách giáo khoa này được công hiến cho chủ đề này! Nhưng nhiều phân đoạn Kinh Thánh có thể liên quan đến sự hướng dẫn cá nhân không mang tính đạo đức, đồng thời liên quan đến sự hướng dẫn đạo đức. Và một số phân đoạn Kinh Thánh liên hệ một cách rõ ràng đến sự hướng dẫn mang tính cá nhân. Đây là một ví dụ phản ảnh giọng điệu của Kinh Thánh: “Ai là người kính sợ Đức Giê-hô-va? Ngài sẽ chỉ dạy cho người ấy con đường mình phải chọn” (Thi Thiên 25:12).

Toàn bộ Thi Thiên này là một sự trình bày đẹp đẽ về sự hướng dẫn, bao gồm sự hướng dẫn đạo đức, sự giải phóng khỏi kẻ thù (không mang tính đạo đức), và câu 12, sự hướng dẫn mang tính cá nhân. Hầu như đây là trường hợp chắc chắn bởi vì câu tiếp theo nói về sự thịnh vượng và cơ nghiệp của dòng dõi tác giả, không phải vấn đề đạo đức.

Thi Thiên 48 không có khuynh hướng đạo đức gì cả. Tác giả Thi Thiên ngợi khen Đức Chúa Trời vì những chiến thắng của mình thay mặt cho Giê-ru-sa-lem. Tác giả kết thúc với một đỉnh cao về sự tôn vinh về sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời: “Chính là Đức Chúa Trời của chúng ta cho đến đời đời vô cùng; Ngài sẽ dẫn dắt chúng ta cho đến trọn đời” (câu 14). Sự hướng dẫn có thể mang tính tập thể hơn là cá nhân, nhưng rõ ràng nó không phải là một sự hướng dẫn mang tính đạo đức.

Trong Thi Thiên 139, Đa-vít biểu lộ sự lạ lùng rằng Đức Chúa Trời biết ông tất cả (câu 1-6) và Đức Chúa Trời hằng ở với ông (câu 7-12). Không có câu nào trong Thi Thiên này Đa-vít nói về các vấn đề đạo đức, nhưng đơn giản chỉ nói về cuộc sống hằng ngày. Sau đó ông nói, dù cho ông có đi đâu trong vũ trụ này, “tại đó tay Chúa cũng sẽ dẫn dắt con” (câu 10). Tiếp theo ông cho phân đoạn Kinh Thánh then chốt sau đây liên hệ với mục đích tể trị của Đức Chúa Trời dành cho đời sống hằng ngày của một cá nhân:

Vì chính Chúa nắn nên tâm can con,

Dệt thành con trong lòng mẹ con.

Con cảm tạ Chúa vì con được dựng nên một cách đáng sợ và lạ lùng...

... Số các ngày định cho con,

Đã biên vào sổ Chúa

Khi chưa có một ngày nào trong các ngày ấy.

Lạy Đức Chúa Trời, các tư tưởng Chúa quý báu cho con biết bao!

Các tư tưởng ấy thật vĩ đại!

Nếu con muốn đếm các tư tưởng ấy thì nhiều hơn cát. (Thi Thiên 139:13-14, 16-18)



Đa-vít tuyên bố một cách rõ ràng rằng Đức Chúa Trời quan tâm mọi khía cạnh của cuộc đời ông và Đức Chúa Trời đã lập một kế hoạch cho ông thậm chí trước khi ông được sinh ra.

Có lẽ sự trình bày rõ ràng nhất về sự hướng dẫn cá nhân được nêu lên bởi người khôn ngoan nhất, Sa-lô-môn con trai của Đa-vít:

Hãy hết lòng tin cậy Đức Giê-hô-va,

Đừng nương cậy nơi sự thông sáng của con.

Hãy nhận biết Ngài trong mọi đường lối của con,

Chính Ngài sẽ chỉ dẫn các nẻo của con. (Châm Ngôn 3:5-6)

Không chỉ những nhà thơ và các vị vua biết chắc ý muốn hướng dẫn của Đức Chúa Trời, các tiên tri cũng cầu xin điều đó.

Ê-sai cảnh cáo dân sự không nên tìm kiếm sự hướng dẫn từ kẻ đồng bóng và những kẻ thông linh, nhưng nên tìm kiếm điều đó từ Đức Chúa Trời của họ (Ê-sai 8:19). Dân sự hiếm khi tham vấn kẻ đồng bóng để được sự hướng dẫn! Chính tiên tri Ê-sai cũng đưa ra lời hứa rất đẹp về sự hướng dẫn cho tất cả những ai hội đủ các điều kiện (tin cậy và vâng lời), thường các điều kiện này đi trước lời hứa: “Đức Giê-hô-va sẽ cứ dắt đưa ngươi” (Ê-sai 58:11). Sự hướng dẫn này rõ ràng là sự hướng dẫn phổ quát vì nó được đưa ra trong bối cảnh có nhiều lời hứa không mang tính đạo đức dành cho những ai từ bỏ sự gian ác và giúp đỡ người bị áp bức.

Một trong những lời dạy dỗ liên quan đến sự hướng dẫn là hình ảnh ví sánh đẹp đẽ, phổ biến trong cả Cựu Ước và Tân Ước, người chăn chiên và những con chiên của người chăn. Người chăn chiên bảo vệ chiên và chu cấp cho chúng, và người chăn chiên cũng hướng dẫn từng con chiên để nó có thể kinh nghiệm một sự sống dư dật trong sự bước đi mỗi ngày (chẳng hạn Thi Thiên 23; 77:20; 78:52; Giảng 10).

Gia-cơ nêu ra một lời hứa dễ hiểu về sự khôn ngoan dành cho những ai nhận biết rằng họ thiếu nó và cầu xin nó trong đức tin (Gia-cơ 1:5-6). Sự khôn ngoan này, trong văn cảnh, dành cho câu hỏi rất thực tế làm thế nào để đáp ứng với những tình huống khó khăn.

Bốn dòng của lời dạy Kinh Thánh này củng cố sự xác quyết rằng Đức Chúa Trời có một kế hoạch cho mỗi con cái của Ngài: tinh thần chung của Kinh Thánh được nhìn thấy trong cuộc đời của các nhân vật Kinh Thánh, lời dạy toả khắp rằng Đức Chúa Trời có một mục đích tể trị cho tất cả mọi điều, bản chất của sự cầu nguyện, vai trò của Đức Thánh Linh, và lời dạy trực tiếp của Kinh Thánh.

Mặc cho một người nhìn thấy câu hỏi về sự hướng dẫn thiên thượng theo cách nào, nếu người đó phục dưới uy quyền Kinh Thánh anh ta hoặc cô ta sẽ nhận ra những phương cách theo Kinh Thánh và không theo Kinh Thánh có thể cho cái thường được gọi là “có những sự

lựa chọn khôn ngoan” hoặc cho cái mà một người có thể mô tả nó như là “sự khám ý muốn của Đức Chúa Trời.” Chúng ta hãy xem xét những nguyên tắc này.

## NHỮNG NGUYÊN TẮC GIÚP LÀM HÀI LÒNG ĐỨC CHÚA TRỜI

**Đời Sống Được Hướng Dẫn.** Làm thế nào một người có thể đến chỗ nhận biết ý muốn của Đức Chúa Trời trong những vấn đề không được mặc khải? Có lẽ Châm Ngôn 3:5-6 là phân đoạn Kinh Thánh rõ ràng nhất liên quan đến sự hướng dẫn. Không phải bất cứ ai, nhưng chỉ một số người có thể nhận được sự hướng dẫn. Thực ra, lời hứa ở đây không phải Đức Chúa Trời sẽ gửi đến những bảng hướng dẫn. Ngài hứa *hướng dẫn* các nẻo của chúng ta (hãy xem thêm Châm 16:9). Nói một cách khác, nếu chúng ta đáp ứng đủ các điều kiện, chúng ta sẽ thực sự làm theo ý theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Hướng dẫn là trách nhiệm của Đức Chúa Trời!

Phẩm chất tối thượng để kinh nghiệm sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời đó là đức tin: “Hãy hết lòng tin cậy Đức Giê-hô-va, chớ nương cậy nơi sự thông sáng của con.” Câu Kinh Thánh không nói rằng chúng ta không nên sử dụng sự hiểu biết của chính chúng ta, nhưng nói rằng chúng ta không nên “đặt nặng” nó quá, và chúng ta không nên nương dựa vào nó như những người thế gian vẫn làm. Đúng hơn, chúng ta nên hoàn toàn nương dựa vào Chúa.

Về thứ hai, “Phàm trong các việc làm của con, khá nhận biết Ngài” không phải là một điều kiện thêm vào, nhưng là sự củng cố cho điều kiện tiên khởi về sự tin cậy. Từ được dịch “nhận biết” thường được dịch là “biết” trong Cựu Ước. Đây là một từ Hê-bơ-ơ rất thâm thúy có ý nghĩa vượt xa hơn sự hiểu biết về lý trí; nó có nghĩa là kinh nghiệm một cách cá nhân. Khi nó được sử dụng nói về mối quan hệ của con người với Đức Chúa Trời, cũng giống như mối quan hệ của một người nam với vợ của mình, nó liên quan đến một cuộc sống thuộc về nhau, chia sẻ và yêu thương một cách thân mật. Nói một cách khác, lời hứa về sự hướng dẫn chỉ dành cho những ai yêu mến Đức Chúa Trời và bước đi với Ngài hằng ngày, duy trì một mối quan hệ với tất cả con người chúng ta với Ngài trong sự mật thiết, sở hữu lẫn nhau và hoàn toàn tin tưởng.

Mối quan hệ này là nền tảng cho việc kinh nghiệm mục đích của Đức Chúa Trời cho đời sống. Dường như từ phân đoạn Kinh Thánh then chốt này chúng ta có thể thường xuyên xuyên kinh nghiệm ý muốn của Đức Chúa Trời không cần nó phải được bày tỏ ra trong cách sự hiểu biết có thể nhận thức được. Nhưng đối với những người không đáp ứng đủ những điều kiện, thì không nhận được lời hứa đó.

Tại sao khái tượng của chúng ta bị mù mờ? Tại sao thực tại không được rõ nét? Tại sao có sự nhầm lẫn liên quan đến những vấn đề quan trọng nhưng những tiêu chuẩn dành cho đời sống Cơ Đốc Nhân? Tại sao có sự không chắc chắn về những mục đích của Đức Chúa Trời trong thế gian này, có sự nghi ngờ về sự cung ứng những nguồn tài nguyên để chúng ta sống và hoàn thành những mục đích của Ngài? Đơn giản bởi vì chúng ta không đáp ứng đủ điều kiện: “Ai có các điều răn của Ta và vâng giữ... Ta cũng sẽ yêu thương người, và bày tỏ chính Ta cho người” (Giăng 14:21). Chỉ những ai bày tỏ đức tin theo Kinh Thánh qua sự vâng lời sẽ được Đức Chúa Trời bày tỏ trong sự đầy trọn của Ngài.

Tin cậy Đức Chúa Trời không chỉ phó thác đời sống của chúng ta cho Ngài mà còn tin rằng Ngài sẽ hướng dẫn. Đức tin không phải chỉ thụ động; nó là một sự vâng lời tích cực, tích cực tìm kiếm ý muốn của Ngài. Bước đầu tiên trong việc nhận biết ý muốn Đức Chúa Trời là sự kết ước vô điều kiện làm theo ý muốn của Ngài và hành động tích cực để tìm kiếm nó. Đức Chúa Trời không dẫn dắt những người không kết ước, không quan tâm, hoặc không biết. Nói một cách khác, trong tất cả các mối quan hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời, thái độ là điều trên hết. Và trong trường hợp này, nếu thái độ là đúng, lời hứa đó còn hơn là một sự đảm bảo rằng sự chỉ dẫn đúng chính xác chắc chắn sẽ đến. Nếu đó là sự thật, thì tôi có thể là một người ngu ngốc, hiểu sai, hoặc lẫn lộn sự hướng dẫn. Nhưng nếu tấm lòng tôi đúng, thì Đức Chúa Trời sẽ thật sự hướng dẫn đời sống tôi.

Lời hứa này không chỉ dành cho “những việc to tát,” hoặc cho những quyết định quan trọng trong đời sống, chẳng hạn như hôn nhân hay nghề nghiệp. Ngài chỉ định rõ cả những đường phố lớn đồng thời những lối nhỏ, vì chỉ có Đức Chúa Trời mới biết quyết định nào là quan trọng dẫn đến những biến cố quyết định cuộc đời một cách không lay chuyển.

Dĩ nhiên, bình thường Ngài không ban cho chúng ta một bản đồ với con đường được đánh dấu cho một chuyến đi dài, Ngài luôn luôn dẫn dắt từng bước, ban ánh sáng đủ để thấy bước tiếp theo. Sự sắp xếp này giữ cho chúng ta phụ thuộc vào Đấng Hướng Dẫn để những bước đi của chúng ta là những bước đi bởi đức tin hơn là bước đi bởi mắt thấy. Hơn nữa, sự hướng dẫn từng bước mang lại lợi ích để sự khó khăn trong tương lai ở trong sự mù mịt cho tới khi chúng ta tăng trưởng thêm trong sự khôn ngoan và sức mạnh đủ để đương đầu với nó.

Đức Chúa Trời chắc chắn sẽ dẫn dắt chúng ta. Phải chăng điều này có nghĩa rằng chúng ta chỉ chuyển động khi Đức Chúa Trời ban cho chúng ta một sự mặc khải rõ ràng mang tính cá nhân về ý muốn của Ngài? Không phải như vậy. Nếu chúng ta bước đi với Đức Chúa Trời, dầm thấm tâm trí chúng ta trong ý muốn của Ngài đã được bày tỏ trong Kinh Thánh, chúng ta có thể đơn giản quyết định; và bất cứ điều gì chúng ta làm sẽ là ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho chúng ta. Nếu không phải như vậy, Ngài đảm đương trách nhiệm (tái) dẫn dắt

chúng ta. Có phải Ngài ra lệnh hoàn cảnh để buộc chúng ta trở lại với con đường đúng, hay Ngài đi theo bất cứ con đường nào chúng ta đi và hành động với con đường đó cho mục đích của Ngài? Tôi không tin câu hỏi khó này có thể được trả lời một cách đầy uy quyền trong Kinh Thánh. Có lẽ cả hai yếu tố đều được bao gồm. Tuy nhiên, chúng ta cần phải hành động với sự chắc chắn rằng Đức Chúa Trời đang giữ lời hứa của Ngài chỉ dẫn các nẻo của chúng ta.

Nhưng phải chăng Ngài cũng không *gửi đi* sự chỉ dẫn? Vì tâm trí của chúng ta tạo nên đại lộ chính về mối quan hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời, phải chăng chúng ta không thể mong đợi Đức Chúa Trời bày tỏ ý muốn của Ngài để chúng ta có thể hiểu được nó và có một sự chọn khôn ngoan để hành động? Ngoài ra, câu hỏi làm thế nào Ngài “chỉ dẫn các nẻo của chúng ta” (một điều còn nằm trong sự bí ẩn đối với chúng ta), làm sao Ngài “gửi đi sự chỉ dẫn”?

### **Nhận Sự Chỉ Dẫn: Hiểu Ý Muốn Của Đức Chúa Trời.**

*Kinh Thánh.* Bước đầu tiên là tích cực tìm kiếm Chúa để hiểu ý muốn của Ngài qua Kinh Thánh. “Con đường của sự khôn ngoan” theo Kinh Thánh đồng nghĩa với sự ngay thẳng, gắn liền với luật đạo đức đã được bày tỏ của Đức Chúa Trời. Sự khôn ngoan đó được tìm thấy trong Lời Đức Chúa Trời, phân trước hết và quan trọng *nhất* của sự hướng dẫn thiên thượng. Sự khôn ngoan thánh từ Kinh Thánh không phải chỉ chỉ nhờ vào những điều răn trực tiếp. Những nguyên tắc của Kinh Thánh liên quan đến đời sống và những gì Đức Chúa Trời đang quyết định cho thế giới này là một bình diện rộng trong hàm ý về sự hướng dẫn trong sự khôn ngoan thánh.

*Cầu Nguyện.* Nguyên tắc thứ hai là tích cực tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời qua sự cầu nguyện. “Nếu người nào trong anh em thiếu sự khôn ngoan, hãy cầu xin Đức Chúa Trời thì Ngài sẽ ban cho, vì Đức Chúa Trời là Đấng ban cho mọi người cách rộng rãi” (Gia-cơ 1:5). Hãy cầu xin Đức Chúa Trời vì ý muốn của Ngài trong bất kỳ sự lựa chọn (khôn ngoan) không có nghĩa chúng ta cầu xin Ngài một lần rồi sau đó để mặc nó đến với mình. Lời dạy Kinh Thánh rõ ràng đó là chúng ta phải tiếp tục cầu xin (Ma-thi-ơ 7:7) nếu chúng ta thật sự mong đợi được nhận câu trả lời. Đây chính là điều mà Phao-lô đã làm khi ông tìm kiếm Chúa để được chữa lành trong ba cơ hội. Trong trường hợp này, ý muốn của Đức Chúa Trời, điều mà cuối cùng đã được bày tỏ cho ông, đó là ông không nên được chữa lành (2 Cô-rinh-tô 12:8-9).

Không chỉ cầu nguyện để có sự khôn ngoan để đưa ra quyết định tốt nhất; cầu nguyện để có sức mạnh để làm theo ý muốn Đức Chúa Trời cũng là điều đặc biệt cần thiết. Thường nan đề của chúng ta không phải ở chỗ chúng ta biết quá nhiều điều mà Đức Chúa Trời muốn, nhưng ở chỗ sẵn sàng làm điều đó. Cho tới khi chúng ta muốn làm, Ngài dường như không còn ban ánh sáng nữa. Trong bất cứ tình huống nào, chúng ta cũng không thể hiểu hết được điều Ngài làm. Đấng Christ ở trong vườn Ghết-sê-ma-nê đã biết ý muốn của Cha, nhưng sự cầu nguyện thống thiết của Ngài đã đưa Ngài đến chỗ cuối cùng vâng phục ý muốn Đức Chúa Trời mà Ngài đã biết qua những lời cầu nguyện lặp đi lặp lại xin sự giải cứu của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 26:37-44).

Hầu hết mọi người nghĩ rằng cầu nguyện là cần thiết chỉ để xin Đức Chúa Trời bày tỏ ý muốn của Ngài. Cầu nguyện rất quan trọng trong khía cạnh này, nhưng thường mục đích quan trọng hơn của sự cầu nguyện để được sự hướng dẫn là nhằm gia tăng thêm sự ham muốn làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Cho nên sự cầu nguyện để được hướng dẫn phải tập trung cầu nguyện để có những điều sau đây:

1. *Đức tin* tin rằng Đức Chúa Trời sẽ giữ lời hứa của Ngài và hướng dẫn đời sống của tôi để hoàn thành mục đích của Ngài.
2. Sức mạnh để *vâng theo* ý muốn của Ngài dù mình phải chịu trả giá.
3. *Sự khôn ngoan* để hiểu lời dạy Kinh Thánh và hoàn cảnh của đời sống liên quan đến quyết định.

Nếu có những điều mâu thuẫn trong sự hướng dẫn, cũng có những điều mâu thuẫn hơn trong sự cầu nguyện, và như chúng ta đã thấy, hai việc này có mối quan hệ mật thiết với nhau. Elisabeth Elliot, một giáo sĩ đã được kêu gọi để kinh nghiệm những điều mâu thuẫn của sự hướng dẫn nhiều hơn chúng ta, đã nói như sau:

Khi Chúa Jêsus dạy các môn đồ cầu nguyện, Ngài đã không giải thích những điều mâu thuẫn mà chúng ta thấy loáng thoáng ở đó – ví dụ, tại sao một môn đồ cần cầu nguyện danh Đức Chúa Trời được thánh và nước Đức Chúa Trời được đến (phải chăng danh Ngài không thánh, nước Đức Chúa Trời không đến cho đến khi chúng ta cầu nguyện cho nó?), hay sự cầu nguyện ảnh hưởng thế nào đến sự chu cấp đồ ăn hằng ngày, hay sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời. Ngài không giải thích lý do tại sao. Ngài đơn giản chỉ bảo họ những điều cần nói. Đây không phải là chỗ để học tất cả những sự cầu xin mà Ngài đã dạy họ, nhưng thật cần thiết để lưu ý hai điều đó, “Xin ý Cha được nên,” và “Xin chớ để chúng con bị cám dỗ,” đặc biệt liên quan đến vấn đề chúng ta đang thảo luận. Sự thật rằng lời nguyện

ngắn gọn mà Chúa Jêsus đã ban cho các môn đồ bao gồm vấn đề về sự hướng dẫn đảm bảo chúng ta rằng cầu nguyện được sự hướng dẫn là một lời cầu xin hoàn toàn hợp lý.<sup>7</sup>

*Hội thánh.* Một yếu tố quan trọng nhất trong việc tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời, một yếu tố bị bỏ bê trong đời sống xã hội Mỹ thế kỷ hai mươi, đó là lời của Hội thánh. Đặc biệt trong những quyết định liên quan đến sự phục vụ Chúa, đây là một trong những yếu tố quan trọng nhất về sự hướng dẫn. Ý tưởng về một chuyến bay đơn độc mà trong đó chúng ta xem sự hướng dẫn như chủ yếu là vấn đề cá nhân dường như không phải hoàn toàn toàn phù hợp với Kinh Thánh.

Phương cách tìm kiếm ý muốn của Thánh Linh theo Kinh Thánh là tìm kiếm nó một cách hiệp một (Công 13:2-3; 15:22, 28; 16:10). Dĩ nhiên, chúng ta không thể từ bỏ trách nhiệm đối với Hội thánh bởi vì mỗi người đều phải chịu trách nhiệm về những sự chọn lựa của mình. Phao-lô nêu lên một cách rõ ràng trong thư tín gửi cho các Cơ Đốc Nhân tại Ga-la-ti rằng ông cần phải tuân giữ quyết định của hội đồng Hội thánh được chép trong Công Vụ 15 chỉ vì ông cảm thấy điều đó là đúng. Thậm chí Phao-lô một vị sứ đồ vĩ đại cũng đã trước sau như một tuân theo những gì Đức Chúa Trời đã phán với Hội thánh.

Tim kiếm lời khuyên từ những tín hữu khác có thể là một phần của tiến trình “tham vấn ý kiến Hội thánh,” nhưng không hoàn toàn giống như vậy, do đó chúng ta không nên xem hai việc này có giá trị tương đương. “Tiếng nói của Hội thánh” cần được nghe khi những người có trách nhiệm hiệp lòng với nhau cầu nguyện và tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời.

Tuy nhiên, “nhờ có nhiều cố vấn, kế hoạch sẽ thành công” (Châm 15:22; cũng hãy xem 11:14; 12:15; 19:20; 20:5, 18; 24:6). Khi xin lời khuyên từ người khác, cũng có những nguyên tắc cần phải tuân theo. Một Cơ Đốc Nhân trưởng thành thuộc linh là người duy nhất có thể cho những lời khuyên đáng tin cậy liên quan đến những vấn đề thuộc linh. Nếu lời khuyên liên quan đến những vấn đề về kỹ thuật, thì người có chuyên môn giỏi nhất mới có thể cho lời khuyên tốt, cho dù anh ta có phải là Cơ Đốc Nhân hay không. Chỉ là một Cơ Đốc Nhân lâu năm hoặc nổi tiếng chưa chắc lời khuyên của người đó đúng. Người cho lời khuyên nên là một người có kiến thức về Lời Chúa và những công việc của con người, và bày tỏ sự khôn ngoan trong việc đưa ra những nhận xét đúng.

Để có một sự đánh giá khách quan, người tư vấn nên vô tư, một người không dính líu đến nan đề. Đặc biệt, chúng ta không nên tìm đến những người được cho “mềm mại” và những

---

<sup>7</sup> *Ellioc, A Certain Light, 44.*

người có thể được mong đợi đồng ý với chúng ta về giải pháp dễ dàng mà chúng ta muốn. Một số người tìm kiếm “sự tư vấn lòng vòng” cho đến khi họ tìm được câu trả lời họ muốn.

Một người sau khi học Kinh Thánh để tìm ra những nguyên tắc liên quan đến vấn đề, cầu nguyện một cách chân thành, và tham vấn ý kiến Hội thánh (đối với những vấn đề cần ý kiến của Hội thánh), nhưng anh ta vẫn không có một dấu hiệu rõ ràng về ý muốn của Đức Chúa Trời, thì điều tiếp theo cần làm là gì?

*Lý Do.* Nếu đó là một quyết định không thể chờ đợi, hãy lựa chọn một cách thông minh và hành động. Hành động trong đức tin. Hành động trong đức tin tin rằng Đức Chúa Trời, Đấng đã hứa sẽ chỉ dẫn, sẽ làm như vậy. “Sự chỉ dẫn” đã được hứa cho dù “sự chỉ dẫn” có đến một cách rõ ràng hay không. Đức Chúa Trời sẽ sáp nhập quyết định này trong mục đích Ngài dành cho chúng ta, hoặc Ngài sẽ làm chệch hướng để chúng ta đi vào một quỹ đạo hành động khác.

Một tín hữu dầm thấm tâm trí của mình vào lời dạy Kinh Thánh càng lâu năm và cùng đồng hành một cách thân mật với Đấng Hướng Dẫn càng lâu năm, thì sự xét đoán về thuộc linh của anh ta càng đáng tin cậy. Cha mẹ cần phải hướng dẫn con trẻ của mình từ bước về mặt thể xác, nhưng sự hướng dẫn dần dần thay đổi cho đến khi nó trở thành thiếu niên cần được hướng dẫn nhiều hơn bằng những nguyên tắc thấm nhuần và sự tư vấn cần thiết; cha mẹ chỉ can thiệp trong những tình huống khẩn cấp. Trong thời kỳ đầu khi Đức Thánh Linh chưa ngự vào những tín đồ bình thường và Kinh Thánh chưa hoàn thiện, hoặc để cứu một tín hữu chưa trưởng thành trong thời của chúng ta ngày hôm nay khỏi sự sai lầm nghiêm trọng trong việc phán xét, hoặc để gìn giữ mục đích tuyệt vời của Ngài, Đức Chúa Trời có thể ép buộc bằng sự bày tỏ sức mạnh phi thường hoặc thúc ép bằng hoàn cảnh dai dẳng. Ngày có thể vẫn “vây bắt” một Lót của thế kỷ hai mươi và kéo ông ta đến chỗ an toàn mặc dù ông ta sai lầm và nổi loạn (Sáng 19:16). Và dĩ nhiên, Đức Chúa Trời cũng có thể ban một kinh nghiệm đặc biệt cho những thánh đồ trưởng thành nhất. Nhưng thường chúng ta phải chịu trách nhiệm đưa ra những quyết định chọn lựa cho cuộc đời của chúng ta theo sự phân xử tốt nhất của chúng ta. Sự phân xử đó có thể được gọi, theo ngôn từ Kinh Thánh, là sự khôn ngoan.

Tâm trí con người không nên được đối xử như một thứ đáng nghi ngờ liên quan đến sự hướng dẫn. Nó chính là món quà tốt lành của Đức Chúa Trời nhằm giúp chúng ta có những xét đoán khôn ngoan. Xét về tầm quan trọng, tôi đã liệt kê tâm trí vào hạng thứ tư, nhưng thật ra, việc sử dụng Kinh Thánh, cầu nguyện, và đánh giá những góp ý từ Hội thánh tất cả đều là những hoạt động tâm trí. Không cái nào trong những cái này được sử dụng mà không cần những cái khác. Tâm trí của chúng ta là đầu trường mà trong đó tất cả các yếu tố kết hợp với nhau và sự lựa chọn được quyết định.

Thêm vào việc sử dụng tâm trí của chúng ta trong việc học Kinh Thánh, chúng ta cũng dựa vào sự đoán xét của tâm trí để đánh giá hoàn cảnh của chúng ta. Hoàn cảnh này bao gồm những gì người khác nói, nhất là những người lãnh đạo trong đời sống và trong vòng họ, đặc biệt là Hội thánh. Nhưng “hoàn cảnh” cũng bao gồm những ân tứ thuộc linh đã được minh chứng và những khả năng bẩm sinh của chúng ta, những kinh nghiệm trong quá khứ và những cơ hội hiện tại, cá tính của chúng ta, thậm chí những quan tâm và sở thích của chúng ta nữa. Những thí nghiệm, những bảng kê, và những chuyên gia đang sẵn có để giúp đỡ trong việc đánh giá “hoàn cảnh,” và việc sử dụng những điều đó, dù mang tính chọn lựa, hoàn toàn thích hợp với cách của Kinh Thánh khi quyết định chọn lựa theo ý muốn của Đức Chúa Trời.

Trong ánh sáng của phương cách phổ biến của Tân Ước trong việc nương dựa vào sự đoán xét thánh, có lẽ thích hợp hơn nói về “sự lựa chọn tốt” hay “sự lựa chọn tốt nhất” hơn là “con đường đúng.” Vậy nếu sự quyết định tỏ ra ít khôn ngoan, nhưng không ai cảm thấy bối rối – bạn đã mong đợi điều gì nơi một tội nhân hữu hạn? – và, quan trọng hơn, Đức Chúa Trời không bị đổ lỗi. Những kế hoạch được viết ra cho những sự kiện thường ngày trong đời sống mà không có dấu hiệu rõ ràng về sự hướng dẫn thiên thượng nên được viết bằng bút chì thôi! Tuy nhiên, chúng ta có thể quyết định với sự tự tin bởi vì Đức Chúa Trời đã hứa rằng Ngài sẽ hướng dẫn và cũng sẽ “điều hướng.”

*Sự Xác Quyết Bên Trong.* Sau khi đã quyết định trong ánh sáng của lời dạy Kinh Thánh, suy tính trong tinh thần cầu nguyện, tham vấn những lãnh đạo thuộc linh có trách nhiệm, xem xét cẩn thận hoàn cảnh, về những vấn đề quan trọng đối với Đức Chúa Trời chúng ta có thể hy vọng Ngài sẽ ban cho một sự xác quyết im lặng làm đẹp lòng Ngài. Một số người nói rằng trực giác nội tâm này không phải là một phần của sự hướng dẫn.

Lý luận này dường như xa lạ đối với tôi. Chúng ta có thể tìm chỗ nào trong Kinh Thánh một lời giải thích về cách mà các trước giả được sự linh cảm để viết ra Kinh Thánh? Chúng ta được dạy rằng các trước giả Kinh Thánh đã “chịu sự cảm động bởi Đức Thánh Linh (2 Phi-e-rơ 1:21), và có lẽ đó là một gợi ý tốt cho chúng ta biết làm thế nào Đức Thánh Linh hành động trong chúng ta để hoàn thành mục đích của Ngài. Làm thế nào Ngài kích hoạt lương tâm (Giăng 16:8-11)? Há chẳng phải Ngài đã kêu gọi tội nhân đi theo sự thôi thúc bên trong? Chúng ta không được dạy cách nào Đức Chúa Trời hành động trong tín hữu, nhưng chúng ta có sự biết chắc từ Kinh Thánh rằng Ngài ngự bên trong, an ủi, lay động lương tâm của chúng ta, và khai sáng tâm trí của chúng ta để chúng ta hiểu lẽ thật Kinh Thánh. Phải chăng thật vô lý khi cho rằng tiến trình của sự hướng dẫn mà Ngài đã hứa đều tương tự như nhau?

Tuy nhiên, chúng ta có nhiều bằng chứng hơn sự suy luận mạnh mẽ dựa trên sự màu nhiệm không giải thích được về sự linh cảm và sự so sánh tương đồng với những kiểu ảnh



hưởng thiêng thượng bên trong khác. Thường trong Cựu Ước và Tân Ước Đức Chúa Trời hứa ban sự bình an nội tâm cho những ai làm đẹp lòng Ngài (chẳng hạn, Giăng 14:27, chỗ mà sự bình an được hứa trong cùng phân đoạn Kinh Thánh hứa ban sự hướng dẫn bởi Đức Thánh Linh.) Ít nhất một lần Phao-lô đã mô tả điều này như là nền tảng cho việc đưa ra quyết định.

Khi tôi đến thành Trô-ách để rao giảng Tin Lành của Đấng Christ, dù Chúa đã mở cửa cho tôi tại đó, nhưng tôi chẳng an tâm vì không gặp được Tít, người anh em của tôi. Vậy, tôi đã từ giã những người ở đó để qua Ma-xê-đô-ni-a. (2 Cô-rinh-tô 2:12-13)

Thậm chí hoàn cảnh có sự đáp ứng tốt đối với chức vụ của Phao-lô do Chúa hành động cũng không đủ làm cho tâm trí của ông được dễ chịu. Ông có thể mắc sai lầm trong sự xem xét của mình, nhưng ông đối xử với sự đáp ứng bên trong chính ông không cần có sự suy luận nào hết nhưng là một điều phải, điều bình thường cần phải làm.

Một trong những phương pháp truyền thông trực tiếp của Đức Chúa Trời với người đồng hành yêu dấu là sự giám sát thiên thượng những cảm xúc của người đó. Phương pháp này chắc chắn không hoạt động một cách độc lập với những phương tiện hướng dẫn thiên thượng mang tính khách quan hơn; bình an hoặc thiếu bình an không nên được dùng như là phương pháp tối thượng liên quan đến sự hướng dẫn. Và chắc chắn nó không nên được xem như là tiếng nói không thể sai lầm của Đức Chúa Trời, vì sự thôi thúc bên trong thường là bằng chứng của những sở thích của chính chúng ta hơn là ý muốn của Đức Chúa Trời. Nhưng, nếu được tham vấn cùng với những phương pháp quan trọng hơn về sự hướng dẫn, sự xác quyết bên trong chắc chắn sẽ góp một phần giá trị trong việc quyết định chương trình hành động làm hài lòng Đức Chúa Trời nhất.

Bình thường, sự bình an sẽ theo sau khi chúng ta có sự chọn lựa đúng. Điều này không có nghĩa rằng chúng ta cảm thấy hài lòng về nó; có thể chúng ta cảm thấy thật tội tệ nếu sự lựa chọn đi ngược lại với những ước muốn tự nhiên của chúng ta. Điều đó không có nghĩa rằng chúng ta sẽ có sự tự tin tràn đầy về sự quyết định của chúng ta ngay lập tức. Bình thường, sự xác quyết rằng chúng ta đã có quyết định đúng là sự xác quyết càng ngày càng vững mạnh và gia tăng do nó được khẳng định bởi những dấu hiệu theo sau.” Chính hoàn cảnh sẽ đem đến bằng chứng rằng người đó đã có sự chọn lựa theo ý muốn của Đức Chúa Trời.

Nếu sự đảm bảo không theo sau hoặc nếu hoàn cảnh thách thức quyết định ban đầu, chúng ta cần phải xem lại, như Phao-lô và đội của ông đã làm khi đi qua Tiểu Á (Công Vụ 16:6-10). Không ai không thể sai lầm trong việc khám phá ý muốn của Đức Chúa Trời; một khía cạnh của đức tin là sự khiêm nhường. Đức tin bao gồm (1) thành thật nhìn nhận rằng

chúng ta có thể bỏ lỡ những cơ hội tốt nhất và (2) im lặng tin tưởng rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến chúng ta bất an trong lòng cho đến khi chúng ta có một sự chọn lựa tốt nhất; hoặc (3) Ngài sẽ thiết kế hoàn cảnh để đưa chúng ta trở lại với hành động đúng.

Làm thế nào một người có thể phân biệt giữa sự cảnh báo của Đức Thánh Linh với cảm xúc của chính mình? Vì Kinh Thánh không trả lời câu hỏi này, tôi cho rằng thật không quan trọng với việc phân biệt. Đến thời điểm phải hành động, đơn giản hãy hành động trong đức tin trong ánh sáng của sự hiểu biết về hoàn cảnh của mình và giao kết quả cho Đức Chúa Trời.

Vì có nhiều sự lựa chọn thường tình trong cuộc sống, chúng ta nên cứ tiến tới và làm những gì chúng ta cần phải làm (1 Cô-rinh-tô 10:27). Nói một cách khác, Đức Chúa Trời mong đợi chúng ta làm những gì chúng ta thích trong hầu hết các trường hợp.

Tóm lại, có lẽ một lời chứng cá nhân sẽ là điều thích hợp. Trong những sự chọn lựa bình thường cần phải chọn mỗi ngày, tôi cứ “chọn điều gì đến kế tiếp.” Khi sự quyết định rõ ràng quan trọng đối với chương trình tương lai của đời sống tôi, của người khác, hoặc của công việc Chúa, tôi luôn luôn dừng lại để cầu nguyện, hoặc khi liên quan đến những người khác, tôi mời họ cầu nguyện với tôi. Thường trong buổi họp uỷ ban bị bế tắc, khi tôi dừng lại để cầu nguyện, sự việc trở nên rõ ràng. Phần lớn tôi đơn giản sử dụng sự đoán xét của tôi, cố gắng đưa vào những nguyên tắc Kinh Thánh liên quan đến vấn đề, quyết định và hành động.

Với những quyết định quan trọng trong đời sống hoặc khi hoàn cảnh trở nên rắc rối phức tạp, tôi luôn luôn đi xa một vài ngày để kiêng ăn và cầu nguyện. Mục tiêu chính yếu là thông công với Đức Chúa Trời, và thời gian không bao giờ thất bại trong việc đưa đến một kinh nghiệm không thể nào quên. Tôi có thể nhớ lại một cách rõ ràng những kinh nghiệm trên đỉnh núi đó, thậm chí sau vài thập kỷ. Nhưng thời gian cũng rất thực tế, chứ không chỉ mang lại những kinh nghiệm màu nhiệm không thể giải thích được. Tôi đọc Kinh Thánh thật nhiều, suy gẫm trong sự cầu nguyện về những hàm ý của nó dành cho tôi và xác nhận sự mong muốn vâng lời của tôi. Tôi đánh giá tất cả hoàn cảnh của cuộc đời tôi, bao gồm cái nhìn tươi mới về những điểm mạnh và điểm yếu, những thất bại và những thành công trong quá khứ, những hy vọng tương lai và những giấc mơ, những cơ hội và những ngăn trở. Tôi viết ra “dòng suối ý thức của tôi,” sự đoán xét của tôi liên quan đến từng khía cạnh của hoàn cảnh tôi và nó thích hợp với nhau hoặc không thích hợp như thế nào, đặc biệt với những gì Đức Chúa Trời đang nói trong Kinh Thánh. Dần dần, sự việc bắt đầu liên kết lại với nhau, một tia sáng bắt đầu chiếu rọi vào sự mù mờ và sự lộn xộn trong suy nghĩ của tôi, và một sự xét đoán rõ ràng liên quan đến bước kế tiếp bắt đầu lộ ra. Cuối cùng tôi có thể bước đi với cảm giác tự

tin rằng Đức Chúa Trời đã làm điều đó một lần nữa. Ngài sẽ mở đường trước cho tôi và sẽ giữ lời hứa chỉ dẫn tôi trong con đường làm đẹp lòng Ngài.

## NHỮNG ĐIỀU NGUY HIỂM CẦN PHẢI TRÁNH

**Thuyết Trực Giác.** Chúng ta đã thấy từ Kinh Thánh rằng sự giám sát nội tâm những tư tưởng và cảm xúc của chúng ta là một phần của sự cung cấp của Đức Chúa Trời trong việc hướng dẫn chúng ta đến với với những quyết định đúng. Sự khó khăn nằm ở chỗ phân biệt giữa sự thôi thúc của Thánh Linh và sự đáp ứng của cảm xúc của chúng ta điều phản ảnh những sở thích, sự mệt mỏi, sự bệnh tật, hay những dạng ảnh hưởng khác. Sự thôi thúc bên trong của một người chính nó không phải là một nền tảng giá trị cho việc đưa ra quyết định.

G. Allen Fleece, cựu chủ tịch của Đại Học Quốc tế Columbia, một lần đã nói rằng, “Ngay cả những kẻ đánh bạc của có linh cảm. Khi bạn đến với tôi và nói rằng ‘Tôi cảm thấy được dẫn dắt...,’ tôi đáp lại, ‘Những kẻ đánh bạc cũng thế.’” Một người bạn của tôi cộng tác với những Hội Chúng Anh Em, hội chúng thường yêu cầu những người trưởng lão đến thăm viếng chia sẻ, đã báo cáo lại rằng một hội chúng tại Daytona Beach, Florida, đã nhận mười tám lá thư từ những anh em cùng hệ phái ở miền Bắc lạnh lẽo nói rằng, “Chúa đã ban cho tôi một sứ điệp dành cho anh” – tất cả các lá thư đến vào cùng một ngày Chúa Nhật tháng Hai!

Một thanh niên mới đến với đức tin trong Đấng Christ sau khi lia bỏ vợ con đến với tôi để được tư vấn. Anh ta đã dừng việc đi nhóm ở nhà thờ bởi vì Chúa ban cho anh ta tất cả sự khôn ngoan mà anh cần qua Đức Thánh Linh và sự thông công với một người bạn. Anh ta ăn ở với một người bạn gái không tin Chúa, sau khi sống với cô ta một khoảng thời gian, hỏi Chúa ý muốn của Ngài là gì. Anh ta được biết qua sự tiên tri rằng anh ta phải ở với cô gái đó, và họ phải trở thành những người bạn đời của nhau. Đến khi cô gái có thai cô vẫn chưa chịu tiếp nhận lời mời của anh để “tin Chúa Jêsus.” Sống trong sự vi phạm trực tiếp một số sự chỉ dẫn rõ ràng trong Kinh Thánh, anh “đã nhận biết” ý muốn của Đức Chúa Trời không cần Hội thánh, không cần Kinh Thánh, không cần cầu nguyện nhiều – chỉ có “sự mặc khải.”

Chủ nghĩa chủ quan và thuyết trực giác là những điều sai trật. Cảm xúc và trực giác không có gì sai, nhưng chúng trở nên sai khi cho chúng một thẩm quyền tối thượng trong đời sống. Chúng cứ khẳng định chủ quan chỉ để khẳng định, chứ không mang tính quyết định cách độc lập.

Một anh bạn phi công nói với tôi rằng khi anh ở trong một đám mây, không thể nhìn thấy, điều tồi tệ nhất đối với anh chính là tin cậy vào bản năng của chính mình. Anh ta có thể bay vào một trụ mây dựng đứng tưởng rằng mình đang bay ở trên cao. Thật cần thiết rằng anh

phải tin tưởng vào những trang thiết bị của anh và chỉ bay với chúng mặc dù anh cảm thấy rất khó chịu về điều đó. Cho nên trong những lúc tối tăm, không có gì chắc chắn chúng ta phải nương dựa vào trang thiết bị của chúng ta, Lời Đức Chúa Trời. Trong sự tối tăm vào bão tố, chúng ta không được nương dựa nơi cảm xúc của chúng ta, bèn chẳng vậy chúng ta sẽ bị mất phương hướng và rớt xuống.

**Chủ Nghĩa Duy Lý.** Sự nguy hiểm đối kháng với sự nương dựa hoàn toàn (hoặc thậm chí nương dựa quá mức) vào cảm xúc đó là nương dựa hoàn toàn vào sự hiểu biết riêng của chúng ta. Cơ Đốc Nhân không nên phi lý. Tuy nhiên, lý lẽ phải luôn luôn được điều khiển bởi Lời Đức Chúa Trời và Thánh Linh. Khi một tín hữu đi đến với một quyết định với cùng một thái độ và nguồn sức lực giống như một người không tin Chúa – một ý thức phổ biến không có sự trợ giúp – tức là tín hữu đó không chịu đầu phục sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Chủ nghĩa duy lý là một phương pháp thiếu hụt bởi vì nó chỉ nương dựa vào sự lý luận của một người cũng giống như chủ nghĩa trực giác chỉ nương dựa vào cảm giác.

**Phép Thuật.** Tôi dùng chữ “phép thuật” để mô tả một quan điểm về sự hướng dẫn mà trong đó một người chỉ hành động khi có sự bày tỏ siêu nhiên cho thấy ý muốn của Đức Chúa Trời. Chắc chắn Đức Chúa Trời can thiệp một cách siêu nhiên; nhưng đó không phải là phương tiện chính để hướng dẫn, và sự hướng dẫn như thế thường cũng không nên tin nếu không có những sự khẳng định khác.

Nhiều người sử dụng Kinh Thánh theo cách này. Một vài người mở Kinh Thánh và chọn một câu một cách ngẫu nhiên để biết sự mặc khải thiên thượng, một số người vẫn theo phương pháp phép thuật này, một việc làm khó có thể phân biệt với việc đọc thiếu hệ thống.

Những người sử dụng “phương pháp ngẫu nhiên” có thể giảm bớt về số lượng, nhưng nhiều người hy vọng những dấu hiệu ý muốn của Chúa trong việc đọc Kinh Thánh hằng ngày. Thực tế, một số người từ chối đưa ra những quyết định quan trọng mà không có sự “khẳng định từ Kinh Thánh,” bởi đó họ nói rằng có một câu Kinh Thánh phán trực tiếp với tình huống mà họ đang cầu nguyện. ““Các người đi lòng vòng núi này đã lâu rồi” được sử dụng như là mạng lệnh của Đức Chúa Trời để rời khỏi chức vụ hiện tại ở các vùng núi. “Lời đến từ Đức Chúa Trời” này không liên quan gì đến ý định của tác giả Kinh Thánh. Đức Chúa Trời có thể thỉnh thoảng thính ứng với sự yếu đuối của con người và cho phép một tín hữu chưa trưởng thành tìm thấy sự hướng dẫn theo cách này, nhưng đó không phải là mục đích Kinh Thánh được ban cho.

Nếu có một yếu tố hướng dẫn siêu nhiên rất phù hợp với hoàn cảnh hiện tại của một người và lời trong một phân đoạn Kinh Thánh (không liên quan gì đến ý nghĩa mà trước giả Kinh Thánh muốn nói), thì người ta cũng có thể công bố sự can thiệp của Đức Chúa Trời giống như vậy nếu họ khám phá ra một đoạn văn tương tự trong một cuốn tiểu thuyết hoặc một bài báo nào đó. Nói một cách khác, phép lạ (nếu đó là một phép lạ) ở trong tình huống bất ngờ và bất thường, chứ không phải ở trong sự kiện rằng Cuốn Sách được sử dụng là thánh. Sự thánh khiết của phép lạ không liên hệ gì đến sự sử dụng sách truyền, liên hệ đến cái mà nó được chép.

Những dạng sự kiện đáng để ý khác có thể được tìm kiếm và tiếp nhận như là có nguồn gốc thiên thượng, là một dấu hiệu rõ ràng về ý muốn của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời hành động qua hoàn cảnh được thấy rất rõ trong Kinh Thánh, và những hoàn cảnh không thể giải thích được có thể là bằng chứng của sự can thiệp của chính Đức Chúa Trời. Nhưng “đòi một dấu hiệu lạ” – cầu xin Đức Chúa Trời thực hiện một phép lạ cụ thể nào đó để bày tỏ ý muốn của Ngài – có thể là đang thử Đức Chúa Trời, như Đấng Christ đã nói với Sa-tan khi hắn đề nghị “một dấu hiệu lạ.”

Một đôi nam nữ, cả hai đều đến từ một tình huống gia đình đầy bi kịch, đang ở trong thời kỳ tán tỉnh rất sôi động. Sự chưa trưởng thành và bất ổn về mặt cảm xúc của họ đã sôi trào ra trước sự hiện diện của tôi khi họ đến nhờ tư vấn về việc họ có nên cưới nhau hay không. Anh ta mong đợi sự vâng phục dứt khoát ngay cả trong tình trạng hứa hôn, và cô ta vẫn còn yêu một chàng trai khác người mà cô ta đã cùng ở chung một khoảng thời gian. Tôi đã khuyên cần phải thận trọng, nhưng một tuần sau họ đến với một lời thông báo Đức Chúa Trời đã bày tỏ rằng họ nên kết hôn. “Chúng tôi đã cầu xin Chúa bày tỏ cho chúng tôi những lý do từ Kinh Thánh tại sao chúng tôi không nên kết hôn với nhau trong tuần này, và nếu Ngài không bày tỏ, thì chúng tôi biết rằng ý muốn của Ngài là chúng tôi phải kết hôn với nhau.”

Không có giới hạn cho những phép thử mà một người có thể sử dụng với Đức Chúa Trời trong những phương cách tinh vi để đạt được những gì mình muốn, với một sự chuẩn thuận thiên thượng rõ ràng. Nếu đạt được sự can thiệp lạ lùng của Đức Chúa Trời, người đó không còn phải chịu gánh lấy trách nhiệm về kết quả của sự quyết định.

Những người khác cho rằng “một cánh cửa mở” – một cơ hội hay một sự thành công rõ ràng trong công việc hiện tại – là một dấu hiệu rõ ràng về ý muốn của Đức Chúa Trời. Nhưng khi bước vào cánh cửa mở đó rồi chẳng còn sự phân biệt gì hơn một con vật đang thăm dò một mê cung. Ai đã mở cánh cửa đó? Cánh cửa đó dẫn đến đâu? Và khó hiểu nhất, điều gì xảy ra nếu có hơn một “cánh cửa mở”?

Sự can thiệp thiên thượng đôi khi có thể góp phần vào sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời, nhưng chúng ta không nên đòi phải có điều này như là phương cách quy chuẩn cho việc hiểu con đường mà mình nên chọn, cũng đừng cho rằng sự kiện bất thường đó tự nó đủ để có thể biết ý muốn của Đức Chúa Trời cho vấn đề.

Cho dù hầu hết hoàn cảnh không đưa đến kết luận về ý muốn của Đức Chúa Trời, nhưng một số có thể. Thiếu cơ hội là dấu hiệu chắc chắn rằng sự lựa chọn không thuộc về Đức Chúa Trời, ít nhất vào lúc này. Nếu một cô gái hạ nhục bạn, người chủ sa thải bạn, Hội thánh không mời bạn, đó là những dấu hiệu rõ ràng rằng đó không phải là người để cưới, không phải là nơi để làm việc. Hoàn cảnh tích cực có thể cho biết ý muốn của Đức Chúa Trời: Sự chữa lành hoặc sự giải cứu lạ lùng từ cái chết tai nạn chắc chắn cho thấy rằng trong tâm trí của Đức Chúa Trời vẫn còn có điều gì đó để bạn làm. Nhưng phần lớn, chỉ có hoàn cảnh thôi, dù “lạ lùng” hay bình thường, không nên *quyết định* sự lựa chọn, dù cho, như chúng ta đã thấy, chúng góp phần một cách hợp lý cho sự lựa chọn.

**Tính Không Thể Sai Lầm.** Khi một người tin rằng anh ta luôn luôn có thể đạt được sự chắc chắn tuyệt đối trong sự đoán xét của mình về chương trình hành động mà anh ta nên đi theo, anh ta đang nộp mình cho sự thất bại ê chề. Anh ta đang bị tóm lấy dù cho sự lựa chọn tỏ ra đúng hay sai. Nếu sự lựa chọn tỏ ra tốt lành, anh ta sẽ được củng cố trong sự ngạo mạn về sự không thể sai lầm của chính mình, và nếu anh ta chọn lựa sai, anh ta phải mang lấy tội quên Đức Chúa Trời.

Nhưng Đức Chúa Trời không bao giờ muốn dùng con cái của Ngài chia sẻ đặc tính không thể sai lầm của Ngài. Ngay cả sứ đồ Phao-lô, dù được ảnh hưởng bởi Đức Thánh Linh đến nỗi ông có thể viết ra Kinh Thánh không thể sai lầm, cũng không công bố ông là người không thể sai lầm trong những quyết định bình thường trong cuộc sống.

Một lợi ích phụ thêm của việc nhận biết rằng sự đoán xét của tôi và những quyết định của tôi có thể sai lầm không chỉ giải phóng tôi khỏi sự ngạo mạn hoặc tội lỗi, nhưng cũng đem lại sự tự do để có những quyết định chính xác. Cha của tôi đã nói rằng:

*Ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho tôi luôn luôn ở trong hiện tại.* Đức Chúa Trời không chỉ hướng dẫn tùy theo sức mạnh và sự giới hạn của tôi, mà Ngài còn hướng dẫn tôi trong chỗ của tôi lúc này. Ngài không hướng dẫn theo những điều mà lẽ tôi phải làm một cách khác biệt trong quá khứ. Ý muốn của Ngài dành cho tôi là một ý muốn hiện tại, trong cái nhìn về tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ. Ô chúng ta có thể học bí quyết chuyển giao quá khứ cho Ngài, và không cản trở ý muốn hiện tại đầy vinh hiển của Ngài dành cho

chúng ta bằng những hối tiếc vô nghĩa về những thất bại trong quá khứ. Có một người đàn ông tin rằng anh ta đã phạm sai lầm lớn trong hôn nhân. Anh ta là một Cơ Đốc Nhân và muốn làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời, nhưng anh không có hy vọng về sự bình an và sự chiến thắng bởi vì sự sai lầm trong quá khứ đó. Nhưng anh là người đã kết hôn, và ý muốn hoàn hảo của Đức Chúa Trời dành cho anh ta bây giờ là đang ở trong tình trạng hiện tại của anh ta. Chỉ như vậy anh ta mới có thể tìm thấy sự bình an vượt quá sự hiểu biết, cho dù bất cứ nan đề có thể là gì đi nữa. Nếu anh ta không tìm thấy được sự bình an đó, lý do không phải ở chỗ quyết định sai trong quá khứ nhưng thái độ sai trật hiện tại của anh ta. Ý muốn Đức Chúa Trời dành cho tôi là tốt lành... Đức Chúa Trời không có “ý muốn tốt nhì” dành cho tôi. Ý của Ngài trong giây phút hiện tại là ý muốn duy nhất của Ngài, và ý muốn đó là tốt lành.<sup>8</sup>

**Sự Tâm Thường Hoá.** Một cách khác sử dụng sai món quà tuyệt vời về sự hướng dẫn đó là tâm thường hoá nó. Điều này có thể đi theo hai hướng. Mỗi sự lựa chọn nhỏ trong đời sống có thể được tôn lên thành một quyết định đúng theo ý-muốn-của Đức Chúa Trời, hoặc theo hướng ngược lại, không có sự lựa chọn nào được xem là ý muốn của Đức Chúa Trời đối với vấn đề. Chúng ta đã xem xét cách thứ hai tâm thường hoá mục đích tể trị của Đức Chúa Trời trong một đoạn dài, nhưng tại đây chúng ta nên đề ý rằng, trong sự nhận biết rằng Ngài sắp đặt tất cả mọi điều theo ý Ngài, thật không hề tôn cao Đức Chúa Trời khi đòi hỏi phải khám phá ra “một ý muốn duy nhất của Đức Chúa Trời” trong từng sự lựa chọn tình cờ trong đời sống.

Mục sư Peter Letchford kể về một buổi nhóm thanh niên mà người diễn giả không đến kịp. Cuối buổi nhóm, người diễn giả trong chương trình đến, và Peter Letchford hỏi ông ta có phải ông bị lỡ xe buýt không.

“Không,” người diễn giả đó trả lời.

“Gặp nan đề gì khác à?”

“Không... ông không hiểu. Tôi bận cầu nguyện.”

“Cho việc gì?”

“Cho việc có nên mặc bộ đồ áo vét mà xanh hay màu đà.”

Nhiều con cái chân thành của Đức Chúa Trời hoàn toàn bị bất động bởi sự méo mó tồi tệ về cách hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Tôi ước gì tất cả những người đó có thể lắng nghe Elisabeth Elliot:

---

<sup>8</sup> Robertson C. McQuilkin, *Good News about Guidance* (Columbia, S.C.: Columbia Bible College, nd.), 5-6.

“Nếu một người ngoại mời bạn đến dự một bữa tiệc,” một thánh đồ giữ kỷ luật rất nghiêm khắc, Phao-lô, viết, “và bạn muốn đi, thì cứ tự do ăn bất cứ thứ gì được dọn ra trước mặt bạn.” Hãy tưởng tượng! “Nếu bạn muốn, nếu bạn cảm thấy muốn đi, hãy đi.” Điều đó gây sốc cho tôi lúc ban đầu. Một lời mời đến dự bữa tiệc ngoại giáo có lẽ là một điều mà tôi không muốn chấp nhận nếu không có sự cầu nguyện lâu và một cách chân thành. Đức Chúa Trời có thể muốn tôi đi, đúng vậy, nhưng không – xin Chúa đừng cho – bởi vì đó có thể là sự vui chơi. Ngài có thể muốn tôi đi vì một lý do cao quý nào đó chẳng hạn như để “làm chứng” cho những người tham dự (điều mà – xin Chúa giúp con – không phải là sự vui chơi). Cho nên tôi cần phải xem xét rất cẩn thận để phân biệt ước muốn riêng của tôi và ý muốn của Ngài. Phao-lô đã xem việc đó rất bình thường. Nó có thể xảy ra vào bất cứ ngày nào, giống như việc băng qua đường, nó có thể nguy hiểm. Nhưng Phao-lô đang viết cho Cơ Đốc Nhân, và ông nghĩ rằng nếu họ đi, họ sẽ đi với Đức Chúa Trời. Không có gì phải cầu nguyện kiêng ăn cho điều đó.”

Việc xem mỗi lựa chọn như là một điều cần phải có sự hướng dẫn tích cực có lẽ tỏ vẻ làm nổi bật vai trò của Đức Chúa Trời, nhưng thực ra nó làm tầm thường hoá vai trò của Đức Chúa Trời và không phù hợp với sự chỉ dạy của Kinh Thánh, cũng không phù hợp với sự ứng xử của các nhân vật trong Kinh Thánh.

**Nghe Theo Người Khác Một Cách Thiếu Trách Nhiệm.** Có thể lắm tìm kiếm sự hướng dẫn để cố gắng trốn tránh trách nhiệm cho sự lựa chọn của mình. Dù những người có khả năng có thể bị cám dỗ để chạy trước kế hoạch được bày tỏ của Đức Chúa Trời, mạo hiểm với tội suy đoán kiêu căng hoặc sự tự tin ngạo mạn, những người ít tự tin có thể bị cám dỗ để giao trách nhiệm chọn lựa cho những người khác, hoặc trong sự vô tín, trì hoãn mục đích ngày càng tiến lên của Đức Chúa Trời. Sự vô tín sẽ khoá rương châu báu về sự hướng dẫn thiên thượng lại cũng giống như sự bất tuân.

Vào khoảng thập niên 60 hoặc 70, một Hội thánh nọ bắt đầu phổ biến việc quá nhấn mạnh vai trò của các trưởng lão hoặc mục sư đến nỗi tất cả những sự lựa chọn quan trọng đều được quyết định bởi “người chẵn bày.”

Khái niệm không đến từ Kinh Thánh “có quyền trên bày chiên” có thể bày tỏ sự kỷ luật thuộc linh, nhưng nó thực sự chiếm đoạt uy quyền thuộc về chỉ một mình Đức Chúa Trời. Dù tín hữu có thể thoái thác trách nhiệm chọn nghề nghiệp cho mình, nơi làm việc cho mình, thậm chí người bạn đời cho mình, Đức Chúa Trời vẫn buộc người đó chịu trách nhiệm cho những sự lựa chọn đó. Một ngày kia Ngài sẽ tính sổ với những kết quả của sự đầu tư cuộc đời của người đó (1 Cô-rinh-tô 3:10-15).



**Sự Tư Hữu Hoá.** Sự lạm dụng ngược lại, phù hợp với sự nhấn mạnh về quyền tự do cá nhân và chủ nghĩa cá nhân trong thế kỷ hai mươi, đó là tư hữu hoá việc đưa ra quyết định – quyết định của tôi là việc của cá nhân tôi.

Chúng ta đã xem xét vai trò cần thiết của Hội thánh và sự tư vấn của những người khác trong việc đưa ra quyết định. Tại đây, có lẽ nên thêm vào một nguyên tắc nữa về khía cạnh tập thể của sự hướng dẫn thiên thượng. Châm Ngôn, sách đặt sự nhấn mạnh vào yếu tố tập thể của việc đưa ra quyết định, nhấn mạnh một cách mạnh mẽ vai trò của cha mẹ. Nếu chúng ta bỏ qua khía cạnh này của sự hướng dẫn, chúng ta cũng làm như vậy với sự mất mát của mình về sự khôn ngoan và những sự lựa chọn tốt lành. Không biết bao nhiêu cuộc hôn nhân bi đát có thể được ngăn chặn nếu lời khuyên đơn giản này của Sa-lô-môn được để ý thường xuyên hơn! Dĩ nhiên, sự quân bình là điều cần thiết. Người lớn có thể không thoái thác trách nhiệm cá nhân của mình đối với cha hoặc mẹ của mình.

Trên đây là bảy mối nguy hiểm liên quan đến việc đưa ra quyết định trong ý muốn của Đức Chúa Trời, mỗi mối nguy hiểm đó chủ yếu đến từ việc nhất mạnh một yếu tố hợp lẽ của sự hướng dẫn trong khi bỏ qua những yếu tố khác. Để kết luận, tôi cần phải nhấn mạnh một lần nữa về những lẽ thật vô giá của đời sống Cơ Đốc Nhân – Đức Chúa Trời có một mục đích cụ thể cho mỗi con cái của Ngài, và Ngài đảm bảo rằng mục đích đó sẽ đến với những người có tấm lòng biết vâng lời và tin cậy.

Khi tôi nghiên cứu những gì các học giả và các thánh đồ đã nói về sự hướng dẫn thiên thượng, sự tóm tắt của một thánh đồ của một thời đã qua vượt trội hơn sự tóm tắt của những người khác. George Muller nổi tiếng về việc khám phá ý muốn của Đức Chúa Trời một cách kiên định và đáng để ý trong một khoảng thời gian dài nhiều năm trong chức vụ phi thường tại trại trẻ mồ côi ở Bristol, Anh Quốc, và trong việc tham gia truyền giáo khắp thế giới. Có lẽ những lời sau đây liên quan đến ý muốn của Đức Chúa Trời vẫn còn giúp ích:

#### *Làm Thế Nào Tôi Có Thể Biết Chắc Được Ý Muốn Của Đức Chúa Trời*

1. *Đầu phục ý riêng của mình.* Trước tiên tôi tìm cách đưa tấm lòng của tôi vào một trạng thái mà không còn có ý muốn riêng nào liên quan đến vấn đề. Chín mươi phần trăm số nan đề đến với người ta là ở tại điểm này. Chín mươi phần trăm những sự khó khăn được vượt qua khi tấm lòng của chúng ta sẵn sàng làm theo ý muốn của Chúa, mặc cho ý muốn đó là gì. Khi một người thật sự ở trong trạng thái này, luôn luôn có một lối nhỏ dẫn đến sự hiểu biết ý muốn của Ngài là gì.

2. *Đừng nương dựa trên những cảm xúc.* Khi làm điều này, tôi không giao phó kết quả cho cảm xúc và sự ấn tượng đơn giản. Nếu tôi làm như vậy, tôi khiến chính tôi tin vào những ảo giác.

3. *Tìm kiếm ý muốn của Thánh Linh qua Lời Đức Chúa Trời.* Tôi tìm kiếm ý muốn của Thánh Linh Đức Chúa Trời qua, hoặc trong sự kết nối với, Lời của Đức Chúa Trời. Thánh Linh và Lời Đức Chúa Trời phải được kết hợp với nhau. Nếu tôi chỉ nhìn vào Thánh Linh thôi mà không có Lời, tôi cũng đưa tôi đến chỗ mở cửa cho những ảo giác. Nếu Đức Thánh Linh hướng dẫn tôi, Ngài sẽ hướng dẫn theo như Kinh Thánh và không bao giờ trái lại với Kinh Thánh.

4. *Hãy để ý đến hoàn cảnh do Chúa đưa đến.* Tiếp theo, tôi xem xét hoàn cảnh do Chúa đưa đến. Hoàn cảnh liên kết với Lời Chúa và Thánh Linh thường cho biết ý muốn của Đức Chúa Trời một cách rõ ràng.

5. *Cầu nguyện.* Tôi cầu xin Đức Chúa Trời bày tỏ ý muốn của Ngài cho tôi.

6. *Chờ đợi.* Qua sự cầu nguyện với Đức Chúa Trời, nghiên cứu Lời Chúa, và suy gẫm, tôi đến với sự xem xét cẩn thận với tất cả khả năng và sự hiểu biết của tôi, và nếu tâm trí của tôi thấy bình an, và tiếp tục như vậy sau hai hoặc ba lần cầu nguyện, tôi cứ tiến lên.

Với những vấn đề tâm thường, và với những công việc liên quan đến những vấn đề quan trọng, tôi nhận thấy phương pháp này luôn hữu hiệu.

Trong chương cuối cùng này chúng ta đã chuyển từ một đề tài tuyệt vời về ý muốn mặc khải của Đức Chúa Trời dành cho con cái của Ngài để trở nên giống như Ngài, đến đề tài khó khăn và bí ẩn về “những sự lựa chọn có thể sai lầm.” Nhưng dù cho những sự lựa chọn này bị sai lầm, chúng ta cũng tìm thấy một tin tức tốt lành ở đây. Chúng ta có thể sống bình an với những người khác với chúng ta, chúng ta có thể bước đi qua những sự lựa chọn tạo nên cuộc đời với sự tin tưởng rằng “Đức Chúa Trời này là Đức Chúa Trời của chúng ta, và Ngài sẽ hướng dẫn chúng ta cho đến khi chúng ta qua đời.”

## TÀI LIỆU ĐỌC THÊM

Để biết sự thảo luận sâu hơn về những đề tài và thủ tục liên quan khi Cơ Đốc Nhân khác nhau về những vấn đề đạo đức, hãy tham khảo lời giải nghĩa Rô-ma 14. Hai cuốn sách này có thể giúp ích.

Kreider, Robert S., and Rachel Waitner Goossen. *When Good People Quarrel: Studies of Conflict Resolution*. Scottsdale, Pa: Herald, 1989.

Mouw, Richard J. *Uncommon Decency: Christian Civility in an Uncivil World*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1992.

Những cuốn sách về đề tài sự hướng dẫn cá nhân dường như không có nhiều, và hầu hết cũng cấp những lời khuyên Kinh Thánh rất có ích. Một cuốn sách mà tôi đã tìm thấy đặc biệt theo Kinh Thánh, quân bình, và ngắn gọn đó là: *Knowing God's Will: Biblical Principles of Guidance* by M. Blaine Smith (Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1979).

## LỜI KẾT

Chúng tôi đã cố gắng với một công việc không thể - để xem xét tất cả những chủ đề lớn về những tiêu chuẩn được bày tỏ của Đức Chúa Trời cho hành vi của con người. Chúng tôi dự định xem xét những chủ đề này theo phương diện Kinh Thánh hơn là theo phương diện triết học, và làm xem xét ở cấp độ giới thiệu hơn là cố gắng để có một sự nghiên cứu thấu đáo, nhắm đến việc bao phủ rộng khắp hết tất cả các khía cạnh về sự mặc khải thiên thượng về những vấn đề đạo đức. Cuối cùng, chúng tôi đã cố gắng để đưa ra sự áp dụng đáng tin cậy những lời dạy Kinh Thánh cho hoàn cảnh xã hội của chính chúng ta ngày hôm nay. Dù chúng tôi đôi khi chuyển sang những vấn đề cụ thể mang tính tranh cãi và kết luận với các vấn đề về những sự lựa chọn có thể sai lầm. Tôi đã không tránh né thảo luận những vấn đề có tính tranh cãi; việc đó không công bằng với Kinh Thánh, cũng không công bằng với độc giả. Nhưng sự thảo luận như thế có thể làm bối rối, đặc biệt khi chúng ta không khám phá ra được giải pháp Kinh Thánh rõ ràng cho vấn đề. Tuy nhiên, tôi đã cố gắng hết sức khách quan và không công bố “Chúa phán như vậy” khi tôi không thể khám phá ra sự chắc chắn từ dữ kiện Kinh Thánh. Điều này làm bối rối những người muốn có một câu trả lời đáng tin cậy cho từng câu hỏi. Mặt khác, khi tôi thấy trong Kinh Thánh một lời rõ ràng nói về đề tài, mặc cho nó không phổ biến, tôi phải khẳng định nó nếu không lương tâm tôi bị áy náy. Không nghi ngờ gì điều này làm bối rối những người có quan điểm khác biệt. Nhưng hãy để tôi hỏi họ điều gì tôi đã cung cấp cho họ, một khoảng trống cho một lương tâm mở rộng.

Phải chăng có những ngụ ý dành cho đời sống cá nhân tỏ ra quá mạnh, quá nhiều? Đối với một số người có lẽ như vậy. Một sinh viên cao học một lần đã nói với tôi rằng, “Thật như thể tôi vào bệnh viện để rút ra một móng chân chỉ để khám phá ra tôi có một khối u ở giai đoạn cuối.” Hoàn toàn không phải vậy. Khối u, đúng, nhưng không phải giai đoạn cuối! Suốt thời gian học những điều này nhiều người đã khóc về sự bướng bỉnh của con người nằm sâu bên trong, và về công việc dường như vô vọng nhằm đạt được một cấp độ nào đó có thể nhận ra được về sự thánh khiết. Luôn luôn có sự nhận thức bị che giấu, có một sự thánh khiết mà nếu không có thánh khiết đó chẳng ai thấy được Chúa (Hê-bơ-rơ 12:14). “Khốn nạn cho tôi! Ai sẽ giải cứu tôi khỏi thân thể hay chết này? ... Cảm tạ Đức Chúa Trời, nhờ Đức Chúa Jêsus Christ, là Chúa chúng ta!” (Rô-ma 7:24).

Phân đoạn Kinh Thánh này không vươn đến sự khám phá những nguồn tài nguyên lớn lao của Đức Chúa Trời cho sự tăng trưởng thuộc linh và sự biến đổi trở giống như Đấng Christ. Nhưng vì ngại rằng chúng ta chệch khỏi con đường bởi sự bận tâm về những tiêu của Đức Chúa Trời cho đời sống thánh khiết, chủ đề của phân đoạn Kinh Thánh này, tôi xin tóm tắt

ngắn gọn đó là kế hoạch của Đức Chúa Trời dành cho Cơ Đốc Nhân giúp tăng trưởng hướng đến làm thoả mãn những tiêu chuẩn đó.

Chính Đức Chúa Trời là nguồn sức lực để chúng ta sống đời sống thánh khiết. Việc ngự vào của Đức Thánh Linh không chỉ để đồng hành với chúng ta một cách cá nhân, Ngài cũng cung cấp một phương tiện kỳ diệu cho sự tăng trưởng và sự chiến thắng mà chúng ta có thể nhìn thấy, đụng chạm và sử dụng – Kinh Thánh, cầu nguyện, Hội thánh.

Nhưng những nguồn tài nguyên này không hoạt động một cách tự động. Chúng ta phải có một sự đáp ứng cụ thể để phóng thích tính hiệu lực của chúng trong đời sống của chúng ta. Sự đáp ứng đó không khó để hiểu, không dành riêng cho một số ít những người cao cấp, thánh thiện. Nó cũng giống như sự đáp ứng đơn giản đem lại sự cứu rỗi – đức tin.

Dĩ nhiên, đức tin theo Kinh Thánh có hai cực, cực dương và cực âm. Nếu một cực nào đó không được kết nối vào, dòng điện ban cho sự sống sẽ không chạy được. Phía cực âm, đức tin có nghĩa là đầu phục một cách vô điều kiện để nhận biết ý muốn của Đức Chúa Trời, và về phía cực dương, nó có nghĩa là tin cậy Ngài và nguồn tài nguyên của Ngài hơn là của chính mình. “Tin cậy và vâng lời nào nhờ cách gì trong đời” để sống đời sống Cơ Đốc Nhân thành công.

Cho nên bí quyết để sống một đời sống làm đẹp lòng Đức Chúa Trời thánh khiết không phải là sự thành đạt dựa trên sự thông minh cá nhân hoặc hành vi có kỷ luật, nhưng thái độ. Dĩ nhiên, thái độ của đức tin không phải thụ động. Đức tin thật rất năng động, tìm kiếm sự thánh khiết với sự quyết đoán tích cực. Sự tăng trưởng thành công hướng đến mục tiêu giống Đấng Christ phụ thuộc vào mối quan hệ cá nhân, và giống như một người bước vào mối quan hệ mang lại sự cứu rỗi bằng đức tin, mối quan hệ đó được duy trì bằng thái độ của đức tin.

Chúng ta hãy kết thúc với sự tin tưởng cao độ vào Đấng đã biến đổi chúng ta, đang biến đổi chúng ta, và sẽ biến đổi chúng ta trở nên giống như Con yêu dấu của Ngài. Ngài là Đấng sẽ khiến chúng ta mang lại sự vinh hiển cho Ngài vào ngày tuyệt vời khi chúng ta đứng trước mặt Ngài và “Chẳng loài thọ tạo nào có thể che giấu được trước mặt Chúa, nhưng tất cả đều trần trụi và phơi bày trước mắt Đấng mà chúng ta phải khai trình” (Hê-bơ-rơ 4:13).

## TÀI LIỆU ĐỌC THÊM

### NHỮNG SÁCH TỔNG QUAN VỀ ĐẠO ĐỨC

Boulton, Wayne G., Thomas D. Kennedy, and Allen Verhey. *From Christ to the World: Introductory Readings in Christian Ethics*. Grand Rapids: Eerdmans, 1994.

Carman, John, and Mark Juergensmeyer. *A Bibliographic Guide to the Comparative Study of Ethics*. Cambridge: Cambridge University, 1991.

- Clark, David K., and Robert V. Rakestraw, eds. *Readings in Christian Ethics, Vol. 1, Theory and Method*. Grand Rapids: Baker, 1994.
- Davis, John Jefferson. *Evangelical Ethics: Issues Facing the Church Today*. Phillipsburg, N.J.: Presbyterian and Reformed, 1985.
- Geisler, Norman L. *Christian Ethics: Options and Issues*. Grand Rapids: Baker, 1989.
- Hauerwas, Stanley. *A Peaceable Kingdom*. South Bend, Ind.: Notre Dame, 1983. Phác hoạ về những giả định thần học ủng hộ phương cách tiếp cận của tiếng nói có ảnh hưởng trong đạo đức Cơ Đốc.
- Henry, Carl F. H. *Christian Personal Ethics*. Grand Rapids: Eerdmans, 1957.
- Jones, David Clyde. *Biblical Christian Ethics*. Grand Rapids: Baker, 1994.
- Kaiser, Walter C. *Toward Old Testament Ethics*. Grand Rapids: Zondervan, 1983.
- O'Donovan, Oliver. *Resurrection and Moral Order: An Outline for Evangelical Ethics*. Rev. ed. Grand Rapids: Eerdmans, 1994.
- Roth, John K. *Ethics: An Annotated Bibliography*. Pasadena, Calif.: Salem, 1991.
- Verhey, Men. *The Great Reversal: Ethics and the New Testament*. Grand Rapids: Eerdmans, 1984.
- Wright, Christopher J. H. *An Eye for an Eye: The Place of Old Testament Ethics Today*. Downers Grove, Ill.: InterVarsity Press, 1983.